

**ĐỊA TẠNG BỒ TÁT
BỒN NGUYÊN KINH
GIẢNG KÝ
QUYỂN THƯỢNG**

**地藏菩薩本願經
講記
卷上**

Chủ giảng: Hòa thượng Tịnh Không
Giảng tại: Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba
淨空老法師講於新加坡淨宗學會
越南譯本

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ

Hòa thượng Tịnh Không giảng tại Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba, bắt đầu từ ngày 28/5/1998, tổng cộng gồm năm mươi một tập (buổi giảng).

Đệ tử Nhan Thụy Thành đem những tư liệu liên quan đến những buổi giảng này từ Trang Nhà www.amtb.org.tw, chỉnh lý thành sách cúng dường độc giả, cùng nhau chia sẻ pháp nhũ.

Đôi lời bày tỏ,

Hồi nhỏ đi chùa Giác Sanh ở Phú Thọ để cúng thất cho ông bác, chúng tôi nhớ đã có dịp tụng kinh Địa Tạng. Đã tụng khá nhiều lần rồi nhưng không hiểu gì cả, chỉ nhớ mang máng là trong kinh có nói về các cảnh tượng khủng khiếp ở địa ngục, nào là núi đao, rừng kiếm, vạc dầu. Hồi đó chẳng hiểu, cứ tưởng những chuyện này là lời khuyên thiện, cứ tưởng người xưa lấy cảnh địa ngục để dọa người, nhằm khuyên người làm lành mà thôi.

Gần đây, có dịp nghe được băng giảng Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Đại Ý do bác Thanh Trí chuyển ngữ và đọc bài Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Thiển Thích của Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng nên mới hiểu thêm đôi chút về kinh này (bài này được ban phiên dịch chùa Vạn Phật Thánh Thành dịch sang Việt ngữ). Sau đó, khi đến Tịnh Tông Học Hội Los Angeles, chúng tôi thỉnh được hai cuốn sách dày cộm ghi lại bài giảng kinh Địa Tạng Bổn Nguyện của Hòa Thượng Tịnh Không, nghĩ cũng hơi nản chí, không biết đến lúc nào mới đọc hết được!

Tuy kinh Địa Tạng khá phổ biến, có lẽ mức độ phổ biến của kinh này chỉ kém kinh Di Đà và Phổ Môn. Điều đáng buồn là những sách chú giải kinh này khá ít. Theo chỗ thấy biết nông cạn của chúng tôi, trước nay chỉ có mỗi một tác phẩm chú giải kinh này bằng tiếng Việt là sách Địa Tạng Mật Nghĩa của cụ Mai Thọ Truyền. Tuy trong Đại Tạng Kinh có ít nhất năm tác phẩm chú giải kinh này, nhưng tiếc là văn phong cổ kính, văn tắt, chú trọng nhiều vào lối khoa phán, nên nếu có dịch ra cũng không thể giúp ích nhiều cho trình độ của những liên hữu sơ cơ như chúng tôi. Theo thiển kiến của chúng tôi, lời giảng của Hòa Thượng Tịnh Không rất thân thiết, có những kiến giải rất đặc biệt, lại kèm thêm

những kinh nghiệm hữu dụng không riêng gì cho hành nhân Tịnh nghiệp mà còn có thể áp dụng rộng rãi cho mọi người Phật tử nói riêng và cả nhân loại nói chung. Những lời giảng của Hòa Thượng đã đặc biệt nhấn mạnh đến hiểu đạo, cơ sở của Phật đạo, chỗ lập cước căn bản của mọi pháp môn thế gian hay xuất thế gian.

Chúng tôi có cơ duyên may mắn gặp được pháp môn Tịnh Độ, vận may này còn hơn người nghèo “trúng số độc đắc”, đúng như bài Khai Kinh Kệ có nói: “Trăm ngàn muôn kiếp khó gặp được”. Chúng tôi phát tâm học hỏi và muốn chia sẻ cho nhiều người cùng biết. Do vậy, nhằm thỏa tâm nguyện phổ biến hoằng dương Tịnh Tông, cộng thêm một vài duyên hảo hợp khác đẩy đưa nên dù sức học kém cỏi, chúng tôi vẫn gượng chuyển ngữ bài giảng này sang tiếng Việt hòng chia sẻ pháp nhũ, pháp lạc cùng mọi người. Chắc chắn trong quá trình chuyển ngữ không thể tránh khỏi những sai lầm không nên phạm phải, cách dùng chữ, diễn đạt còn thô vụng, dài dòng, chúng tôi vẫn tin rằng với tấm lòng ngu thành, không đến nỗi diễn dịch sai lệch hoàn toàn tâm ý hoằng truyền kinh này của Hòa Thượng. Do đây là lời ghi chép trực tiếp bài giảng của Hòa Thượng, có nhiều ý được Ngài lập đi lập lại, nhưng khi chuyển ngữ chúng tôi vẫn giữ nguyên để người đọc có thể tưởng tượng như đang trực tiếp tham dự pháp hội giảng kinh của Ngài. Trong quá trình chuyển ngữ chúng tôi cũng đã tham khảo bản dịch kinh Địa Tạng của Hòa Thượng Trí Tịnh.

Nếu việc chuyển ngữ này có chút công đức gì thì chúng tôi xin hồi hướng đến ân sư, các bậc sư trưởng, phụ mẫu hiện đời cùng quá khứ, thân bằng quyến thuộc, các liên hữu, và hết thảy chúng sanh, nhất là oan gia trái chủ của mọi người, nguyện tất cả đều được viên thành chí nguyện, cùng vãng sanh về Cực Lạc.

Nhóm Diệu Âm kính ghi, 4 tháng 9, 2005

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỐN NGUYÊN KINH GIẢNG KÝ QUYỂN THƯỢNG

地藏菩薩本願經講記卷上

Chủ giảng: Hòa thượng Tịnh Không

Chuyên ngữ: Nhóm Diệu Âm

A. DUYÊN KHỞI

Tập 01 (Số 14-12-01)¹

Chư vị đồng học,

Trong những năm qua, khi đạo tràng vừa xây dựng xong, bộ kinh đầu tiên tôi giảng nhất định sẽ là Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh. Tại sao phải giảng bộ kinh này? Xây dựng Phật pháp chẳng thể xa lìa cơ sở vật chất, dùng cách nói hiện nay thì nhất định phải có đất đai, phải có phòng ốc, phải có kiến trúc. Có cơ sở xong thì chúng ta mới có nơi chốn để tu đạo. Nhưng tu đạo phải y cứ vào những gì? Chúng ta phải biết. Tu đạo nhất định phải y cứ vào tâm địa, kinh Địa Tạng chính là khóa học đầu tiên của chúng ta. Có cơ sở vật chất rồi, cơ sở tinh thần quan trọng nhất là Tâm Địa pháp môn. Thế nên bộ kinh đầu tiên chúng ta nhất định phải giảng là Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh để làm cơ sở cho sự tu học Đại Thừa. Nếu chẳng hiểu Tâm Địa pháp môn, không biết phải bắt đầu tu từ tâm địa thì nhất định sẽ chẳng thành công. Nói cách khác, bất luận bạn có dụng công, có nỗ lực như thế nào, có phần đầu mạnh mẽ, có tinh tấn như thế nào đi nữa thì bạn cũng vẫn y như cũ, chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi được, những gì bạn tu cũng chỉ là phước báo hữu lậu mà thôi. Sự tiêu biểu của pháp Đại Thừa ở Trung Quốc là dùng Tứ Đại Bồ Tát, vị thứ nhất chính là Địa Tạng Bồ Tát. Từ Địa Tạng Bồ Tát phát triển rộng ra là Quán Thế Âm Bồ Tát, [Quán Âm tiêu biểu] Đại Từ Đại Bi. Địa Tạng [tiêu biểu] Hiếu Kính².

¹ Số 14-12 là “số tài liệu” của trang nhà www.amtb.org.tw.

² Vị thứ ba là Văn Thù Bồ Tát tiêu biểu Trí Huệ, vị thứ tư là Phổ Hiền Bồ Tát tiêu biểu “Lạc Thực” (Biến Thành Hiện Thực)

Ngày nay tại sao Phật pháp lại suy thoái đến như vậy? Tại sao người tu hành chẳng thể thành tựu rạng rỡ như người đời xưa? Vì mọi người đều quên mất cội gốc, chẳng hiểu, chẳng kính. Lúc trước thầy Lý thường gọi cách tu học này là giỡn chơi với Phật pháp, họ chẳng tu học Phật pháp, cũng chẳng phải hoằng dương Phật pháp, mà là giỡn chơi với Phật pháp, tiêu khiển Phật pháp, chẳng có gì làm nên phải tiêu khiển giải trí, lấy Phật pháp để tiêu khiển! Đích thật là như vậy, lời thầy Lý chẳng quá đáng tí nào. Chúng ta hãy suy nghĩ có phải chính mình cũng đang tiêu khiển Phật pháp hay chẳng? Có đang giỡn chơi với Phật pháp hay không? Chỉ tu một chút phước hữu lậu mà thôi. Vả nữa, chút phước này sẽ chẳng thể hưởng ở nhân gian, mà hưởng ở đâu? Hưởng ở cõi súc sanh, cõi ngạ quỷ. Tại sao không thể hưởng ở cõi người? Tư cách làm người của bạn mất rồi nên những phước đã tu được chẳng thể hưởng ở cõi người, chúng ta phải hiểu rõ ràng. Làm người thì phải biết “*Hiếu thân, Tôn sư*”, phước thứ nhất của Tam Phước nói trong Quán Kinh là “*Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết hại, tu thập thiện nghiệp*”, được vậy thì bạn mới được thân người, những phước báo bạn tu được mới có thể hưởng ở cõi người, cõi trời. Nếu chẳng làm nổi bốn điều này thì phước bạn tu được nhất định sẽ hưởng nơi ác đạo, ác đạo cũng có phước báo rất lớn. Những Lý và Sự này chúng ta đều hiểu rõ, nhưng chúng ta chẳng thể chuyển đổi trở lại, nói cách khác thì đã hiểu rõ nhưng làm không nổi. Tại sao làm không nổi? Nói thật ra là vì chẳng thấu triệt những Sự - Lý này. Nếu thực sự thấu triệt thì có thể sám trừ nghiệp chướng, quay đầu là bến bờ. Thế nên khi đạo tràng mới thành lập, kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên nhất định không thể thiếu, nhất định phải giảng kinh này.

Chư vị đồng tu đến đây tham học, hôm nay chúng tôi sắp khóa học này vào khóa trình chủ yếu, thời gian tuy không nhiều nhưng chúng tôi nhất định phải giảng tường tận những điểm chính yếu. Ngoài ra, những phần cổ đức đã chú giải tường tận, pháp sư Thánh Nhất đã giảng giải bằng ngôn ngữ thông tục, quý vị có thể dùng đó làm tham khảo. Tương lai quý vị hoằng dương Phật pháp trong nước và ngoài nước, mỗi khi đến một đạo tràng mới [thành lập] trước hết nên giảng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên, sau đó mới giảng kinh Vô Lượng Thọ, khuyên họ niệm Phật vãng sanh, đây là quy củ nhất định.

Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Khoa Chú là do pháp sư Linh Kiệt soạn vào đầu đời nhà Thanh, Ngài là người thời vua Khang Hy, đầu đời nhà Thanh, chú giải rất hay. Chúng ta đọc chú giải của Ngài, phải

lắng lòng thể hội, phải dùng ngôn ngữ hiện đại để diễn đạt, dùng quan niệm của người hiện nay để thuyết minh thì mọi người mới tiếp nhận dễ dàng. Chú giải này bao gồm năm phần:

-Phần thứ nhất là Luân Quán, tức là trước lúc giảng kinh, nói đại ý của toàn bộ kinh để giới thiệu một cách khái lược. Trong Luân Quán bao gồm năm thứ huyền nghĩa, đây là phần thứ nhất.

-Phần thứ nhì là dạy chúng ta phương pháp quán như thế nào, cũng tức là dạy chúng ta học tập bộ kinh này làm thế nào thay đổi quan niệm trở lại.

-Phần thứ ba là giới thiệu đại ý của toàn bộ kinh, Luân Quán của Ngài viết rất dài, phần này quan trọng phi thường. Phần huyền nghĩa hoàn toàn y theo phương cách của Tông Thiên Thai, thuyết minh giải thích Đề kinh. Biện [định] Thể, Thể là chỗ y cứ của lý luận, đức Phật căn cứ vào những gì mà giảng bộ kinh này. Sau khi chúng ta hiểu rõ thì mới có thể sanh khởi lòng tin kiên định đối với bộ kinh này và đối với lời thuyết pháp của đức Phật. Sau đó phần thứ ba là Minh Tông, Minh Tông là giảng về tu hành, nói cách khác là làm thế nào đem những đạo lý, lý luận này biến thành hiện thực trong đời sống của chúng ta.

-Phần thứ tư là Luận Dụng, chúng ta y theo phương pháp này tu học đạt được công đức, lợi ích gì.

-Cuối cùng là phần thứ năm, nói về Giáo Tướng tức là nói phương thức và nghi quy giáo học của Thế Tôn.

Trong năm khoa mục này pháp sư đều dùng ba chữ “*bất tư nghị*” (chẳng thể nghĩ bàn). Đề kinh là dùng Người chẳng thể nghĩ bàn, Pháp chẳng thể nghĩ bàn để lập danh, “*Địa Tạng Bồ Tát*” chẳng thể nghĩ bàn, “*Bốn Nguyên*” chẳng thể nghĩ bàn; Địa Tạng Bồ Tát là Người, Bốn Nguyên là Pháp. Trong phần Biện Thể, Ngài nói Tánh Thức chẳng thể nghĩ bàn làm Thể, Tánh tức là chân như bốn tánh, sở chứng của chư Phật Như Lai; Thức là chỗ dụng tâm của chín pháp giới phàm phu, chín pháp giới phàm phu còn trong mê, lúc mê chẳng gọi là Tánh, mà gọi là Thức; Tánh là chân tâm, Thức là vọng tâm. Nói cách khác, Ngài nói về tâm địa chân thật và vọng tâm của chín pháp giới chúng sanh, dùng làm cơ sở lập luận, như vậy quá hoàn hảo! Phật giảng bộ kinh này, y cứ vào cái gì? Y cứ vào chân tâm của chư Phật Như Lai, lại y cứ vọng tâm của chín pháp giới chúng sanh, vì chúng ta giảng bộ kinh này, y cứ của lập luận kinh này có thể nói là vô cùng chân thật. Tánh Địa chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta nói Địa Tạng, Tánh Địa là chân tâm chẳng thể nghĩ bàn, vọng tâm của chín pháp giới chúng sanh cũng chẳng thể nghĩ bàn. Lại dùng

phương tiện chẳng thể nghĩ bàn làm Dụng, việc này có thể nhìn thấy rất rõ ràng trong toàn bộ kinh điển, dạy chúng ta biết cách học tập như thế nào. Cuối cùng là dùng Khai Hiển Vô Thượng Bồ Đề chẳng thể nghĩ bàn làm Giáo Tướng. Nếu dùng năm thí dụ này của cổ đức để thí dụ Giáo Tướng, dùng sữa, sữa chua, kem, bơ, và pho mát để tiêu biểu cho năm giai đoạn của Phật pháp. Địa Tạng Bốn Nguyên là đại pháp vô thượng, cơ sở là đại pháp vô thượng, đương nhiên thành tựu sẽ là Phật quả vô thượng. Đây là tổng cương lĩnh của huyền nghĩa.

Hôm nay chúng ta ở đây giảng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên có hai dụng ý: Thứ nhất là đáp lời mời của lão pháp sư Nhân Đức ở Cửu Hoa Sơn, tôi đồng ý với Ngài sẽ giới thiệu đại ý của Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên trước ngày thánh đàn Địa Tạng Bồ Tát. Chúng tôi dự định ngày một tháng chín bắt đầu giảng, ngày hai mươi tháng chín hoàn tất; ngày hai mươi tây chính là ngày ba mươi tháng bảy âm lịch, thánh đàn Địa Tạng Bồ Tát. Ý nghĩa thứ hai là [từ khi] đạo tràng Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba xây dựng xong chúng ta chưa chánh thức giảng một kinh nào tại đây, hôm nay vì đạo tràng mới xây dựng nên khai giảng Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh, cũng phù hợp với truyền thống giảng kinh của chúng ta bấy lâu nay tại đạo tràng mới thành lập. Thế nên đây là hai ý nghĩa quan trọng, trước hết phải giảng cho chư vị đồng tu một bộ kinh lớn ở Báo Ân Đường của Tịnh Tông Học Hội.

B. GIỚI THIỆU ĐỀ KINH

Trong phần huyền nghĩa đương nhiên quan trọng nhất là phải giới thiệu Đề kinh trước: Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh.

Trong bảy chữ này, sáu chữ đầu là Biệt Đề, chữ Kinh là Thông Đề, hết thảy những pháp do Phật thuyết đều xưng là Kinh. Trong Biệt Đề lại chia thành Nhân, Pháp, bảy thứ Lập Đề chúng ta đều lược bớt, pháp sư Thánh Nhất nói rất rõ ràng trong giảng ký, chư vị có thể tham khảo.

a. BIỆT ĐỀ

Địa Tạng Bồ Tát là Nhân (người), Bốn Nguyên là Pháp, đề kinh này do chính đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói ra. Trong kinh, Phật nói kinh này có thể dùng ba Đề Kinh, ba Đề Kinh này đều là do Phật nói.

Thứ nhất là Địa Tạng Bốn Nguyên, trong pháp hội này Thế Tôn vì

chúng ta tuyên thuyết Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên. Cũng có thể gọi là Địa Tạng Bồ Tát Bốn Hạnh, Hạnh và Nguyên giống nhau, có Nguyên nhất định sẽ có Hạnh. Dùng cách nói hiện nay thì ý nghĩa của Hạnh là sinh hoạt, tu trì, xử sự, đãi người, tiếp vật của Địa Tạng Bồ Tát, những thứ này đều là Bốn Hạnh của Ngài. Còn gọi là Địa Tạng Bồ Tát Bốn Thế Lực Kinh, Lực là hiện thị năng lực thù thắng của Ngài. Hiện nay chúng ta xem Đề Kinh Địa Tạng Bốn Nguyên là do người phiên dịch chọn ra từ ba Đề Kinh nói trên, vì trong Bốn Nguyên bao gồm cả Bốn Hạnh, và Bốn Thế Lực, ý tứ đều gói gọn trong đó.

Trên mặt Sự thì chữ Địa trong chữ Địa Tạng là đại địa. Đại địa là nơi vạn vật dựa vào để sinh tồn, bất cứ một vật gì tách lìa khỏi đại địa đều không thể sinh tồn, thế nên ở Trung Quốc rất coi trọng Thiên và Địa. Trong Bát Quái thì Tượng của Địa là thuộc quẻ Khôn, Đức của Địa là Mẫu (mẹ), Kinh Dịch nói: “*Chí tai Khôn nguyên*” (Quẻ Khôn lớn lao thay), chí là đến cùng cực. Đây là hình dung đại địa vạn vật tư sanh, hết thấy vạn vật đều sanh từ đại địa, thế nên ý nghĩa của Địa là năng trì (nâng giữ), năng dục (nuôi nấng), năng tải (chở), năng sanh. Phật dùng chữ này để thí dụ cho tâm địa của chúng ta, tâm địa của chúng ta đích thật đầy đủ các ý nghĩa này. Dùng cách nói của Phật pháp, [tâm có những ý nghĩa] trụ trì, sanh trưởng, đảm đương. Trụ là hết thấy vạn pháp nương chân tánh mà trụ, hết thấy vạn pháp đều sanh từ chân tánh, kinh Hoa Nghiêm nói “*Duy tâm hiện, duy thức biến*”. Chư Phật Như Lai trụ ở Nhất Chân pháp giới, chín giới chúng sanh trụ ở Thập pháp giới, y báo, chánh báo trang nghiêm đều biến hiện từ Tánh Địa ra. Tánh là Năng biến (chủ thể biến), vạn pháp là Sở biến (những vật được biến). Trong tự tánh vốn đầy đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, hết thấy vô lượng vốn đều đầy đủ.

Mục đích của nền giáo học Phật pháp là dạy chúng ta minh tâm kiến tánh, tại sao lấy việc này làm mục đích? Sau khi minh tâm kiến tánh, vấn đề gì cũng tự nhiên được giải quyết hết. Và nữa, chuyện này nhất định có thể xảy ra, nhất định có thể làm được. Tại sao lại khẳng định như vậy? Vì mỗi người đều có chân tánh, chân tánh chẳng phải đến từ bên ngoài; những gì đến từ bên ngoài chưa chắc có thể làm được, tự tánh vốn có đủ, đâu có lý nào làm chẳng được? Vấn đề là chỉ cần chúng ta có thể khôi phục tự tánh. Thật ra tự tánh đâu cần phải khôi phục, hôm nay tánh đức của chúng ta có chương ngại, chỉ cần dẹp trừ chương ngại này, tự tánh tự nhiên sẽ hiện tiền, cũng như mây bay sương tan, ánh sáng mặt trời sẽ chiếu rọi khắp nơi. Ánh sáng mặt trời ví như tánh đức của

chúng ta, mây mù ví như chướng ngại, chướng ngại là giả, ánh mặt trời là thật. Lìa khỏi Vọng thì Chân sẽ hiện tiền, thế nên chân tánh chẳng cần phải tìm cầu; [những gì] bạn cầu đều là hư vọng, chẳng cần phải cầu, lìa khỏi Vọng tức là Chân.

Phật dạy chúng ta trong chân tâm có đầy đủ tam đức. Pháp thân là chân thân của chúng ta, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng đến chẳng đi, chẳng cầu (đor) chẳng tịnh, trong Thiên tông gọi “*mặt mũi vốn sẵn có lúc cha mẹ chưa sanh ra*”³ chính là cái này. Đáng tiếc là chúng ta từ vô thủy đến nay khi khởi tâm động niệm, vọng tưởng, chấp trước, chướng ngại mất quang minh và đức dụng của tự tánh, tác dụng hiện tiền này chịu tổn thất lớn lao. Trong một trăm phần tác dụng, những gì hiện nay chúng ta có thể cảm thọ được chẳng đến một phần trăm, chín mươi chín phần trăm tác dụng chẳng thể hiện tiền, bạn nói việc này có đáng tiếc hay chẳng! Tại sao lại có hiện tượng này? Vì mê mất rồi, chẳng biết tự mình vốn có đầy đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng; mê mất rồi, mê quá lâu, mê quá sâu đậm, mê quá rộng lớn. Phật thấy chúng ta như vậy nên sanh tâm thương xót, giúp chúng ta giác ngộ, giúp chúng ta khôi phục. Việc này cần phải có tu hành. “*Nhân tu vạn hạnh, quả viên vạn đức*”, phương pháp tu hành vô lượng vô biên. Trong vô lượng vô biên phương pháp thì có pháp phýõng tiện, cũng có pháp chẳng phýõng tiện, hết thảy đức Phật đều nói cả rồi. Thế nên Phật vì chúng sanh diễn thuyết vô lượng pháp môn, trong tứ hoằng thệ nguyện nói đến “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”. Tại sao đức Phật phải dạy vô lượng pháp môn? Vì căn tánh chúng sanh chẳng giống nhau, căn tánh của chúng sanh cũng là vô lượng vô biên. Giáo học thuận theo căn tánh chúng sanh thì học tập sẽ dễ thành tựu; nếu chẳng thuận theo căn tánh chúng sanh thì sự tu học của họ sẽ khó khăn. Vả nữa, trong hết thảy pháp môn, pháp phương tiện nhất, ổn đáng nhất, dễ dàng nhất thì chẳng gì hơn pháp môn Niệm Phật. Trong kinh này đức Phật dạy chúng ta niệm Phật, chí tâm xưng danh, và trong kinh Vô Lượng Thọ dạy “*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, [cả hai đều] cùng chung một đạo lý, chung một sự việc. Nếu chúng ta không thể tiếp nhận pháp môn này, nghi hoặc pháp môn này, Phật lại mở ra pháp môn phương tiện khác cho bạn, đây chính là Phật dạy người pháp môn hạng nhất.

Tại sao nói pháp môn này là pháp môn hạng nhất? Nếu chúng ta quán sát kỹ càng trong kinh đức Phật dạy cho chúng ta biết nguyên lý,

³ Nguyên văn: Phụ mẫu vị sanh tiền bản lai diện mục.

nguyên tắc căn bản thì chúng ta liền nghĩ ra, liền thể hội được. Phật dạy: Chư pháp, hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian đều “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, tám chữ này là căn bản; đạo lý của hết thấy vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều bao trùm hết cả. Lại nói rõ thêm rằng “*hết thấy pháp từ tâm tưởng sanh*”, tức là giải thích “*duy thức hiện*”. Tâm có thể hiện tướng, tướng khởi biến hóa là do tác dụng của tâm; tâm này tức là Thức, Thức Tâm, chúng ta gọi là “niệm đầu”. Chúng ta hiểu được nguyên tắc này, Phật nói niệm Phật, thì chúng ta liền hiểu, chúng ta liền gặt đầu. Tại sao? Niệm Phật thì làm Phật, vô cùng trực tiếp, ổn đáng. Tại sao niệm A La Hán thì chứng A La Hán, niệm Bồ Tát thì thành Bồ Tát, sau cùng niệm Phật thì thành Phật, như vậy không phải dài dòng sao? Đi vòng vo. Tại sao bạn không trực tiếp niệm Phật? Trong sự niệm Phật, câu này là do đức Thế Tôn trong kinh luận nói với chúng ta, A Di Đà Phật “*tôn quý nhất trong các thứ ánh sáng, vua trong chư Phật*”⁴, A Di Đà Phật là hạng nhất. Niệm A Di Đà Phật thì sẽ làm A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật thì sẽ thành A Di Đà Phật, vậy tại sao phải niệm Phật khác. Những Phật khác sánh với A Di Đà Phật đều thấp một bậc, thế thì tại sao lại chẳng trực tiếp niệm A Di Đà Phật viên mãn, rốt ráo! Chúng ta phải thông qua những đạo lý này mới khẳng định A Di Đà Phật là đệ nhất. Thực sự minh bạch, hiểu rõ, thì niệm niệm trong tâm đều là A Di Đà Phật, đó mới là người niệm Phật chân chánh. Con đường của pháp môn niệm Phật là Đạo cộng Giới, hết thấy giới luật đều viên mãn đầy đủ. Bạn chẳng phạm giới, chẳng phá giới là Đạo cộng Giới. Đắc thiên định là Định cộng Giới. Định cộng Giới chẳng bằng Đạo cộng Giới, Đạo cộng Giới chẳng bằng “*Niệm Phật cụ túc viên mãn giới luật*”, thanh tịnh giới luật. Đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với A Di Đà Phật thì mới thực sự đại viên mãn.

Thế nên trong pháp môn này, Phật dạy chúng ta “*chí tâm xưng danh, niệm tụng*”; niệm tụng tức là đọc tụng Đại Thừa. Trong sự đọc tụng kinh điển Đại Thừa thì kinh Vô Lượng Thọ là hạng nhất, lúc giảng giải tôi đã phân tích rõ cho mọi người rồi. Chúng tôi không có khả năng phân tích như vậy, mà chính là cổ đại đức thời Tùy, Đường nói cho chúng ta biết “*Hết thấy kinh đến sau cùng đều quy về kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm quy về kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ quy về bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện quy về nguyện thứ mười tám*”. Hiện nay có người đề xướng Bốn Nguyên Niệm Phật, trong Bốn

⁴ Nguyên văn: Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương.

Nguyên đặc biệt chú trọng nguyên thứ mười tám. Hoàn toàn y theo nguyên thứ mười tám niệm Phật, có thể vãng sanh hay không? Nếu thực sự y theo thì nhất định sẽ được sanh! Nếu chỉ đề xướng lâm chung mười niệm, một niệm đều có thể vãng sanh, lúc bình thường có thể khỏi giữ giới luật, có thể làm chuyện hồ đồ sai trái, có thể tạo tác tội nghiệp, đến lúc lâm chung niệm Phật cũng có thể vãng sanh thì lời này nói chẳng sai, nhưng lúc lâm chung bạn có nắm chắc có thể niệm Phật được hay không? Bạn hãy quan sát kỹ phần đông những người lâm chung có đầu óc tỉnh táo hay chẳng? Nếu lúc lâm chung hồ đồ, mê man, người khác giúp họ niệm thì họ cũng chẳng chịu nghe. Lúc lâm chung nghiệp chướng hiện tiền, Phật hiệu nghe chẳng lọt vào tai, thậm chí nghe Phật hiệu liền sanh phiền não. Tôi đã đích thân chứng kiến hạng người này, niệm Phật suốt cả đời nhưng đến lúc lâm chung chẳng chịu niệm, tham sống sợ chết, không thể buông xuống. Bốn nguyên như đã nói đó không sai, nhưng trên phương diện sự tướng thì rất khó, khó vô cùng! Đó là thiện căn phước đức nhân duyên như thế nào, chúng ta phải hiểu rõ ràng. Cổ đại đức đúng là từ bi đến cùng cực, phân tách cho chúng ta rất rõ ràng, rất tường tận, khuyên chúng ta đừng giữ tâm niệm cầu may, nhất định phải “chân đạp thật địa”, hết lòng nỗ lực tu học, lúc lâm chung mới nắm chắc. Người cầu may đến sau cùng nhất định sẽ thất vọng. Thế nên đề xướng Bốn Nguyên, xả bỏ giới hạnh là đi con đường nguy hiểm. Những luận điệu này bề ngoài hình như cũng có đạo lý, trong kinh Phật có nói như vậy, nhưng nếu bạn phân tách cặn kẽ thì không có đạo lý, đều là giải thích sai ý nghĩa của Phật, giải méo mó rồi, do đó “*nguyên giải Như Lai chân thật nghĩa*” đâu có dễ dàng như vậy ư!

Năm xưa lúc Thế Tôn còn tại thế, kinh Vô Lượng Thọ khẳng định là đã được giảng nhiều lần, mỗi lần tuyên giảng pháp môn này thì thính chúng đều khác nhau. Trong kinh ghi Thường Tùy Chúng là bao nhiêu đó người, trừ những vị Thường Tùy Chúng ra, phần đông những người còn lại [trong mỗi lần giảng đều] chẳng giống nhau. Thế nên đức Phật đối với sự giới thiệu Tịnh Tông, giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới có giản lược, tường tận khác nhau, nên sau này kết tập kinh điển, nội dung kinh điển khác biệt rất lớn. Rõ ràng nhất là bốn mươi tám nguyên trong năm bản dịch gốc, có kinh thì ghi hai mươi bốn nguyên, có kinh thì ghi bốn mươi tám nguyên, có kinh thì ghi ba mươi sáu nguyên, đây là sự khác biệt rõ ràng nhất. Nếu đức Phật chỉ giảng một lần, bất luận người dịch kinh là ai, con số này nhất định phải giống nhau, không thể nào khác biệt nhiều như vậy, từ chỗ này có thể chứng minh là Phật đã

giảng kinh này nhiều lần. Chúng ta muốn nhận thức Tây Phương Cực Lạc thế giới, hiểu rõ viên mãn thì phải đọc hết những lần Phật giới thiệu [ghi trong những bản kinh gốc này].

Kinh điển thời xưa đều được chép bằng tay, số lượng lưu thông rất ít, một người trong đời có cơ hội đọc hết năm bản dịch gốc này là người có phước báo to lớn, nhân duyên thù thắng. Phước báo của cư sĩ Vương Long Thư triều Tống rất lớn, đương nhiên cũng được Phật lực gia trì, trong năm bản dịch gốc ông chỉ đọc được bốn bản và chẳng có dịp coi bản kinh Đại Bảo Tích dịch đời Đường. Cho nên trong bản dịch Vô Lượng Thọ Hội trong kinh Đại Bảo Tích có một số đoạn rất quan trọng mà bốn bản dịch gốc kia chẳng có. Cư sĩ Vương Long Thư cũng thực sự vô cùng tài giỏi, biết phần đông người ta rất ít cơ hội xem được nhiều bản kinh như vậy nên ông bắt đầu hội tập. Hội tập tức là tập hợp những bản dịch gốc, hội tập những lời nói của Phật trong mỗi bản dịch gốc lại, đọc bản hội tập này giống như đọc bốn bản dịch gốc kia vậy, đây là một chuyện tốt, đại từ đại bi.

Bản này được ghi vào Đại Tạng Kinh, được nhập tạng nghĩa là được những đại đức trong nhà Phật thời xưa nhìn nhận, khẳng định cách làm này chính xác, chẳng sai. Vì vậy bản hội tập của Vương Long Thư được lưu truyền đến đời sau, những lời trích dẫn kinh Vô Lượng Thọ ghi trong cuốn Di Đà Kinh Sớ Sao của đại sư Liên Trì phần đông đều lấy từ bản hội tập của ông Vương, như vậy nghĩa là bản này được sự khẳng định của đại sư Liên Trì. Về sau có bản tiết hiệu của Bành Tế Thanh, bản hội tập của Ngụy Mặc Thâm. Bản của ông Vương và ông Ngụy đều có khuyết điểm, khuyết điểm này chính là “lấy bỏ”(chọn lựa chữ) chẳng hoàn thiện, chẳng xứng; họ đã sửa đổi văn tự của bản dịch gốc. Đối với họ mà nói thì sự sửa đổi này chẳng có vấn đề, đích thật còn hay hơn văn tự của bản dịch gốc. Đại sư Ấn Quang chẳng tán thành, Ngài có đạo lý là vì sợ người đời sau tùy tiện sửa đổi lời kinh. Họ đã sửa đổi kinh văn và mở ra một tiền lệ, làm cho người đời sau noi theo đó mà sửa đổi kinh văn, kinh này truyền đến các đời sau thì sẽ thay đổi mất hết, tuyệt đối chẳng thể mở ra thói quen này. Ấn Tổ phản đối có hai điểm, một là chỗ lấy bỏ không thỏa đáng, hai là sửa đổi nguyên văn, chứ chẳng nói rằng không được hội tập.

Đến những năm đầu thời Dân Quốc, bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư ra đời, bản hội tập này thực sự rất hoàn thiện. Nhưng có một số người chấp trước thành kiến, phản đối bản hội tập này, muốn đề xướng đọc năm bản dịch gốc. Nếu phản đối bản hội tập, đề xướng một trong

năm bản dịch gốc, thì trong bốn bản còn lại vẫn còn một số kinh văn quan trọng sẽ chẳng đọc đến. Mục đích của việc đọc tụng Đại Thừa là để phá nghi sanh tín, là để xây dựng lòng tin. Đây đều là thiên lậu chấp, thiên kiến, thiên kiến, hiểu biết nông cạn, những chấp trước này đều sai lầm. Lại nói cụ Hạ là cư sĩ, cư sĩ chẳng có tư cách để hội tập kinh tạng. Vương Long Thụ là cư sĩ, Bành Tế Thanh cũng là cư sĩ, Ngụy Nguyên cũng là cư sĩ; đại sư Liên Trì là người xuất gia, là Tổ sư Tịnh Độ Tông. Đại sư Liên Trì có thể dùng bản của ông Vương, đại sư Liên Trì chẳng nói “Vương Long Thụ là cư sĩ, chẳng có tư cách hội tập”, chẳng nói như vậy. Nếu nói người tại gia không thể làm chuyện này, nhất định phải là người xuất gia mới làm được, thế thì Phật pháp đã mất bình đẳng, nói cách khác, quyết định chẳng thể vãng sanh Tịnh Độ. Tịnh Độ là pháp bình đẳng, trong đề kinh có ghi “*Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác*”, tâm của bạn chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng, một ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu cũng chẳng thể vãng sanh. Tâm tịnh thì cõi nước tịnh, tâm bình thì cõi nước bình, Tây Phương Cực Lạc thế giới là cõi nước thanh tịnh, bình đẳng, chư vị nhất định phải hiểu rõ đạo lý này.

Cụ Hạ chẳng phải người thường, sau khi bản hội tập của cụ ra đời, rất tiếc là đại sư Ấn Quang đã vãng sanh, Ấn Tổ chẳng xem qua bản này, tôi tin tưởng nếu Ấn Tổ xem bản này nhất định sẽ tán thán, sẽ tán thành. Tại sao vậy? Những lỗi lầm của các bản hội tập trước kia bản này đều chẳng có, bản hội tập này chẳng sửa đổi một chữ nào trong các bản dịch gốc, lại chọn lựa chữ vô cùng hợp lý, đương thời lão hòa thượng Huệ Minh khẳng định, đương thời đại đức bên Luật Tông là lão hòa thượng Từ Châu cũng khẳng định. Lão hòa thượng Từ Châu dùng bản hội tập này giảng tại Tế Nam, đại đức tại gia là lão cư sĩ Mai Quang Hy dùng bản hội tập này giảng trên đài phát thanh Trung Ương. Ngày nay bản hội tập này đã lưu thông khắp thế giới, phù hợp với lời tiên tri của lão cư sĩ lúc lâm chung, Ngài nói với học trò rằng tương lai bản hội tập này sẽ từ hải ngoại truyền trở về Trung Quốc, lời này đã thành sự thật. Lúc bấy giờ mọi người đều hoài nghi, ngày nay đã khẳng định rồi, quả thật là như vậy. Ngài lại nói kinh này sẽ truyền khắp thế giới, bản hội tập của cụ Hạ hoàn toàn tương ứng với lời tiên tri của cụ. Chúng ta nhất định phải có lòng tin kiên định, nhất định chẳng hoài nghi, y giáo phụng hành, phải thường đọc tụng. Những gì trong kinh Phật dạy chúng ta làm thì chúng ta phải hết lòng nỗ lực làm theo; những gì Phật dạy chúng ta không được làm, chúng ta nhất định phải tuân thủ. Niệm Phật như vậy phát nguyện vãng sanh thì đời này chúng ta mới thành tựu, chúng ta phải tin tưởng lời

Phật dạy.

Mỗi chữ mỗi câu trong bản hội tập của cụ Hạ đều là nguyên văn từ năm bản dịch gốc, nếu có nghi hoặc thì chư vị có thể lấy năm bản dịch gốc ra để đối chiếu, lúc trước tôi đã in, tên cuốn này là Tịnh Độ Ngũ Kinh Độc Bản. Trong đó có năm bản dịch gốc, bốn bản hội hiệu, tổng cộng chín bản của kinh Vô Lượng Thọ đều nằm trong cuốn này, mọi người có thể đối chiếu. Ba bản dịch của kinh Di Đà, ba bản này là: Bản dịch của đại sư La Thập, bản dịch của đại sư Huyền Trang, bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, cả ba đều in chung. Mục đích in cuốn này là để xây dựng lòng tin vững chắc cho chư vị đồng tu, đừng để người ta lung lạc dễ dàng, làm hỏng đại sự nhân duyên của chúng ta trong đời này, như vậy thì rất đáng tiếc.

Chúng ta nhất định phải biết đọc tụng Đại Thừa, quy y kinh Vô Lượng Thọ, cung kính A Di Đà Phật, biết hết lòng tu pháp cúng dường. Trong những buổi giảng chúng tôi đã báo cáo tường tận cho chư vị, làm sao cúng dường? *“Cúng dường Như Lai, cúng dường chúng sanh, như giáo tu hành cúng dường”*, đây là chân cúng dường, cúng dường như vậy tức là chân chánh cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Chúng ta tổng kết ý tứ trong kinh này, nếu chúng ta có thể thực sự chí tâm xưng danh, đọc tụng Đại Thừa, quy y cung kính cúng dường, công đức của người này chẳng thể đo lường nổi. Người ấy nhất định sẽ được chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát gia trì, chẳng phải chỉ có Địa Tạng Bồ Tát mà thôi; oai thần của những đại Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền gia trì, tất nhiên sẽ được quả báo chẳng thể nghĩ bàn.

Trong kinh này Phật nói với chúng ta, Địa Tạng Bồ Tát trong vô lượng kiếp qua, dùng vô lượng vô biên hóa thân phóng quang thuyết pháp, phổ độ chúng sanh, thường trụ trong thế giới U Minh. U Minh pháp giới là như thế nào? Chúng ta làm sao học tập? Chúng ta phải chui vào địa ngục chẳng? Nhất định phải hiểu nghĩa thú, tiêu biểu pháp của từng câu từng chữ trong kinh văn. Ý nghĩa của U Minh pháp giới là dạy chúng ta phải hạ thấp tư thế, làm việc thiện chẳng cần phải để cho người ta biết, chẳng cần phải biểu dương, đây tức là U Minh pháp giới. Làm một cách âm thầm, hết lòng nỗ lực làm, xả bỏ hết thầy danh văn lợi dưỡng tức là ở trong U Minh pháp giới, thành tựu công đức chân thật của mình, niệm niệm đều làm lợi ích cho chúng sanh trong lục đạo. Kinh này dạy chúng ta biết quan hệ của chúng ta với chư Phật Bồ Tát, quan hệ của chúng ta với lục đạo chúng sanh, phạm phu vô tri thật đúng như câu mạnh ăn hiếp yếu, tàn hại hết thầy chúng sanh. Những chúng sanh này

cũng là phạm phu, cũng đều mê hoặc điên đảo. Mê hoặc điên đảo thì tâm báo phục sẽ chẳng tiêu mất, bạn làm tổn hại chúng nó, tâm oán hận của chúng nó sẽ vĩnh viễn ẩn chứa trong A Lại Da Thức, khi gặp cơ hội làm sao chúng nó không báo thù cho được! Sự báo thù này chính là tai nạn hiện nay trên thế giới, tai nạn to lớn! Trong kinh Phật nói về đao binh kiếp. Đao binh kiếp trở về sau tức là chiến tranh nguyên tử.

Nguyên nhân của kiếp đao binh là gì? Là ăn thịt chúng sanh. Đức Phật nói rất rõ ràng, muốn miễn trừ kiếp đao binh trên thế giới, trừ phi chúng sanh không ăn thịt thì đao binh kiếp này mới có thể hóa giải. Lúc trẻ tuổi vô tri, không ăn thịt nó thì cũng sát hại nó. [Thí dụ như loài] kiến, chúng tôi thấy rất nhiều người đã từng tạo tội nghiệp này. Kiến bò vào nhà, bực mình quá, nấu một nồi nước sôi luộc cho chúng chết hết! Chúng tôi thấy rất nhiều người làm như vậy, chúng tôi cũng đã từng làm, mặc sức gây tổn hại cho những động vật nhỏ nhoi này. Lúc trước chẳng biết, bây giờ mới biết mình đã phạm tội lỗi nặng nề. Phật dạy chúng ta “*phát lồ sám hối*”, hôm nay chúng ta biết rồi, biết mình đã làm sai quấy, hết lòng tu hành, hết thấy những công đức mỗi ngày đọc tụng, cúng dường, tu học đều hồi hướng cho những oán gia chủ nợ này. Chúng ta không dám hưởng công đức ấy, chỉ hy vọng hóa giải hết những oan kết này, được vậy thì trên con đường Bồ Đề chúng ta mới được thuận buồm xuôi gió, không bị chướng ngại. Nếu không thì thường nói đến nghiệp chướng hiện tiền, nghiệp chướng làm sao mới không hiện tiền? Làm sao những chúng sanh bị bạn hại có thể tha thứ cho bạn dễ dàng như vậy? Không thể nào!

Chúng ta phải học theo Địa Tạng Bồ Tát, dùng tâm chân thành giúp đỡ cho họ phá mê khai ngộ, giúp họ lìa khổ được vui. Tâm như đại địa, hết thấy pháp và chúng sanh nương nhờ vào đó để trụ trì, sanh trưởng, đâm đưng. Bởi vậy nên trong kinh nói: “*Tâm như đại địa, có thể an hết thấy*”. Đây là dùng đại địa ví như Tâm, ví như Thức. Ngày nay chúng ta nhìn thấy đại địa, chân đạp trên mặt đất, phải biết hồi quang phản chiếu. Địa là tâm địa của chúng ta, tâm địa bình đẳng, gánh vác chư pháp, gánh đội cho hết thấy chúng sanh. Người bạn ưa thích, thương mến cư trú trên mặt đất này, người bạn chán ghét, oán hận cũng cư trú trên mặt đất này, đại địa chẳng phân biệt thân, oán, chẳng có tốt, ác, chúng ta phải học [bốn tánh này của] đại địa. Tâm địa của chúng ta vốn cũng giống như đại địa, hiện nay thì trong ấy khởi tâm động niệm, phân biệt tốt ác, phân biệt đẹp xấu, đó là sai lầm. Mặt đất chẳng phân biệt, nói cách khác, chân tâm chẳng phân biệt, vọng tâm ư phân biệt,

vọng tâm là sai lầm. Biết được vọng tâm đang phân biệt thì biết tâm chúng sanh; biết đại địa chẳng phân biệt, thì biết chân tâm. Thế nên lập luận của kinh này là chân tâm và vọng tâm. Đây là nói về chữ Địa.

Chữ thứ hai là Tạng, Tạng nghĩa là chứa, hàm chứa, người thế gian chúng ta gọi là kho chứa, kho báu. Trân bảo của người thế gian đều phải cất giữ đằng hoàng, những của cải này có thể bảo đảm an toàn cho đời sống của họ. Nếu mất đi tiền tài, của báu, thì họ sẽ cảm thấy lo sợ, đời sống chẳng được bảo đảm, thế nên người thế gian ai cũng hy vọng cất dấu những trân bảo, tiền tài này. Phật dùng việc này để tỷ dụ, trong tự tánh chúng ta có kho báu, đó là *“Tam Đức Bí Tạng”* trong chân tâm tự tánh của chúng ta. “Pháp thân” là chân thân, Tông Môn gọi là *“mặt mũi vốn sẵn có khi cha mẹ chưa sanh ra”*. Bỏ lại diện mục là Pháp thân, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng đến chẳng đi, chẳng dơ chẳng sạch. Thứ hai là Bát Nhã, Bát Nhã là trí huệ, trí huệ cứu cánh viên mãn trong tự tánh vốn sẵn có đầy đủ, chẳng phải đến từ bên ngoài. Vô lượng vô biên trí huệ, thế giới ấy, phương kia, quá khứ, vị lai không có gì chẳng biết, đó là *“sở tri”* (những gì mình biết). Sở tri hiện tại chẳng biết, chẳng biết thì trở thành chướng ngại. Sở tri là vốn sẵn có, hiện nay có một cái chướng, che lấp sở tri của mình, đó gọi là Sở Tri chướng. Dụng ý của tên gọi Sở Tri chướng và Phiền Não chướng khác nhau; phiền não chính là chướng ngại, sở tri chẳng phải chướng ngại, cái chướng gây chướng ngại cho sở tri gọi là Sở Tri chướng.

Nếu chúng ta dùng danh tướng trong Phật pháp để nói về vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì chấp trước là phiền não chướng, hoàn toàn là phiền não; trong phân biệt có một phần là phiền não, một phần là sở tri chướng; trong vọng tưởng hoàn toàn là sở tri chướng. Có người hỏi vô minh từ đâu đến? Vô minh làm sao đến? Thực ra đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong hội Lăng Nghiêm đã giảng rất rõ ràng, rất thấu triệt, người đọc kinh Lăng Nghiêm đều *“nuốt trọn cả trái táo”*, đều hàm hồ lướt qua. Phật giảng rất rõ ràng: *“Từ nơi tri kiến lập ra cái hiểu biết, đó chính là cái gốc của vô minh”*⁵. Cái gì gọi là tri kiến? Tri kiến chính là Sở tri, Sở tri chính là trí huệ Bát Nhã. Trong cái Sở tri bạn còn muốn lập ra một cái Tri, vậy là sai rồi, trên đầu lại gắn thêm cái đầu, đó chính là căn bản của vô minh. Bạn đừng lập một cái Tri trên cái Sở Tri thì trí huệ của bạn sẽ hiện tiền; nếu bạn cứ muốn lập một cái Tri thì chẳng còn cách gì khác nữa! Chúng ta nêu một thí dụ; [Hòa thượng cầm cuốn sách dơ lên] các

⁵ Nguyên văn: Tri kiến lập tri, thị vô minh bản.

bạn hãy coi rõ cái này, chúng ta dùng cái này để thí dụ, mọi người nhìn thấy rõ ràng, minh liễu, đây là sở tri, đây là tri kiến. Nhưng cứ nói: Trên tay pháp sư cầm một cuốn sách, như vậy là xong rồi, Lập tức liền rơi vào vô minh. Vật này gọi là sách hay sao? Vật này gọi là tay hay sao? Tay là do bạn kiến lập nên, Sách là do bạn kiến lập nên; bạn muốn kiến lập cái này gọi là Sách, cái này gọi là Tay, vậy thì bạn sai rồi, đây là vô minh. Lúc Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc cũng rất thông minh, Lão Tử đã biết: *“Tên mà có thể gọi được thì không phải là tên thường hằng, đạo mà có thể nói được thì không phải là cái đạo thường hằng”*⁶. Một khi bạn nói ra cái tên thì đã sai rồi, đó là ý tứ riêng của bạn, chẳng phải là chân tướng sự thật. Thế nên bạn lập Tri trên tri kiến thì bạn sẽ堕 vào vô minh, bạn đã khởi vọng tưởng, trong vọng tưởng lại có phân biệt, lại có chấp trước, cả đồng chuyện phiền phức cùng đến, đều đến một lượt.

Phật thuyết pháp cho chúng ta, Phật nói: “Ngã”, nhưng chẳng chấp trước Ngã, việc này rất cao minh. Lục Tổ hỏi Vĩnh Gia: Ông còn có phân biệt hay không? Vĩnh Gia đáp rất hay: Phân biệt cũng chẳng phải ý. Tôi phân biệt tức là chẳng có phân biệt, trong tâm thực sự chẳng có phân biệt, sạch sẽ. Phân biệt cái gì? Vì đại chúng phân biệt. Cho nên *“nói tức là không nói, không nói tức là nói”*, bạn muốn nói là *“nói”*, bạn chẳng hiểu ý của *“không nói”* (vô thuyết), bạn cũng chẳng hiểu ý của Phật. Nếu *“nói”* và *“không nói”* phân cắt thành hai, *“nói”* cũng sai, *“không nói”* cũng sai.

Nói là gì? Phân biệt, chấp trước; Không nói là vô minh, đều lọt vào hai bên. Phải biết Nói và Không nói là một, chẳng phải hai, *“nói tức là không nói, nghe tức là không nghe”*, bạn thông rồi, chương ngại đều chẳng còn. Nếu bạn thể hội được chuyện này thì chân tướng của vũ trụ nhân sinh sẽ rõ ràng, bạn sẽ chân chánh nhập vào pháp môn bất nhị. Người thế gian đáng thương sống trong *“tương đối”*, tương đối tức là hai, đối lập. Nói Lớn đối lại với Nhỏ, nói Vô thì bên kia có Hữu, đều ở trong tương đối; nói Tôi thì đối diện sẽ có Người. Đến lúc nào bạn có thể giác ngộ đến *“tôi và người chẳng hai”*, *“không và có chẳng hai”*, *“tánh và tướng chẳng hai”*, *“lý và sự chẳng hai”*, *“sự và sự cũng chẳng hai”*, thì bạn mới nhập vào Phật pháp, thì bạn mới hiểu Phật pháp. Cho nên Phật pháp khó, khó ở chỗ nào? Tức là khó ở chỗ này. Khó cái gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước vĩnh viễn chẳng buông xuống nổi, chỉ cần

⁶ Nguyên văn: Danh khả danh, phi thường danh. Đạo khả đạo phi thường đạo.

không buông nổi thì bạn sẽ chẳng nhập vào cánh cửa Đại Thừa được, Đại Thừa và bạn chẳng có phần. Bạn tu học Đại Thừa chỉ là tu học một thứ thường thức ngoài da mà thôi, Đại Thừa chân chánh ra sao thì bạn chẳng thể hội nổi. Đây là nói với các bạn về Bát Nhã.

Vẫn còn một cái “*Bí Tạng*”, Bí là bí mật, Tạng là hàm chứa trong tự tánh. Giải thoát chính là đại tự tại, tức là “*Sự sự vô ngại*” nói trong Hoa Nghiêm, đều là vốn sẵn có trong tự tánh, vốn có sẵn đầy đủ. Đây là ý nghĩa của Tạng, đây gọi là Tam Đức, tam đức trong tự tánh. Tại sao gọi là Bí Tạng? Bí là giống như bí mật, phần đông phàm phu chẳng thể cảm giác, lục căn tiếp xúc chẳng đến; chẳng thể cảm giác thì hình như rất “bí [mật]”, cũng giống như chất chứa ở một chỗ nào đó; Tạng chẳng bị người phát giác. Nói cách khác tức là chúng sanh chẳng thể minh liễu, chẳng thể lý giải, nên được gọi là Bí Tạng. Trong tâm tánh đích thật bao gồm vô lượng vô biên hết thảy pháp, trong bốn tánh vốn sẵn có đầy đủ, dùng chẳng hết, đó là ý của Tạng. Cũng giống như mỏ vàng ở thế gian chúng ta, trong mỏ này hàm chứa rất nhiều vàng, bạn lấy, bạn dùng, lấy chẳng hết, dùng chẳng hết. Nhưng mỏ vàng ở đâu bạn chẳng biết, bạn chẳng hiểu, như vậy nên biến thành “bí tạng”. Phật dùng cái này để thí dụ bảo tàng trong tâm địa chúng ta. Hàm tàng của đại địa so với hàm tàng của tâm địa thì chẳng ra gì cả, bảo tạng hàm chứa trong tâm tánh chúng ta là tận hư không, trọn khắp pháp giới, Phật pháp của hết thảy chư Phật, vô lượng thế giới của hết thảy chúng sanh đều hàm chứa ở trong ấy. Chỉ cần bạn khai phá bảo tàng trong tâm địa, nói cho các bạn biết toàn bộ pháp thế gian, xuất thế gian đều thông đạt, hết thảy đều chẳng có chướng ngại.

Giáo học của Phật pháp là khai phá bảo tạng của tự tánh. Phải dùng cái gì để khai mở bảo tạng của tự tánh? Công cụ ấy nhất định phải xứng tánh, công cụ chẳng xứng tánh thì không thể khai mở bảo tạng của tự tánh. Công cụ xứng tánh là gì? Đó chính là Hiếu và Kính, cho nên Địa Tạng xưng là Hiếu kinh của nhà Phật. Dùng ngôn ngữ hiện nay để nói thì Kinh Địa Tạng chính là “*Hiếu đạo*” và “*Sự đạo*”, “*Hiếu thân tôn sư*” có thể khai phá bảo tạng trong tự tánh. Nếu bạn chẳng thể hiếu thuận cha mẹ, chẳng thể tôn trọng thầy giáo, bạn vĩnh viễn sẽ ở ngoài cửa Phật pháp, nói cách khác bạn học Tiểu Thừa có lẽ đạt được một chút thành tựu, nhưng học Đại Thừa thì chẳng có phần; Đại Thừa là khai phá tự tánh, chẳng giống với Tiểu Thừa. Tiểu Thừa là ở trên Sự Tướng, nói cách khác, vẫn còn là thế pháp. Pháp xuất thế trong Tiểu Thừa bạn cũng không đạt được, nói cách khác tuy bạn học Tiểu Thừa bạn chỉ có thể

dùng ở Sơ Quả, còn cảnh giới của Nhị Quả, Tứ Quả sẽ chẳng chứng nổi. Muốn chứng Tiểu Thừa Tứ Quả, quả vị cao nhất của Tiểu Thừa thì cũng phải hiểu thân tôn sư. Đây là chân lý, mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai cũng chẳng ngoại lệ.

Trong Quán Kinh đức Phật giảng về Tam Phước, ba tịnh nghiệp này là “*Chánh nhân Tịnh Nghiệp của ba đời chư Phật*”. Lời này vô cùng rõ ràng, minh bạch, khi chúng ta nhắc tới chư vị đồng tu đều nhớ, cũng có thể giảng nói, nhưng chẳng chịu làm, vậy thì không còn cách gì khác. Nếu một ngày nói cả ngàn lần, cả vạn lần cũng chẳng có ích gì cả, “*nói đồ ăn, đếm của báu*” có ích lợi gì? Nhất định phải tự mình làm hết lòng, làm cho bằng được! Mở rộng tâm hiếu thuận cha mẹ đến hiếu thuận hết thầy chúng sanh, chư Phật Như Lai đích thật là tu như vậy. Hết thầy chúng sanh chính là cha mẹ mình, chẳng phải là người ngoài, hết thầy chúng sanh đều là thầy của mình, đọc xong Hoa Nghiêm đáng lý bạn phải tin tưởng chứ. Không những hết thầy người là thầy giáo, hôm qua chúng ta đã nói cây, lá, hoa, cỏ, không có gì chẳng là thầy giáo cả? Khi lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, thực sự là khi chúng ta sờ mó, nhìn thấy một hạt bụi, một lỗ chân lông bèn có thể tỉnh ngộ, đó chính là thầy giáo. Hôm qua nhìn thấy cây, hột giống là tín tâm, rễ là từ bi, thân là trí huệ, cành nhánh là năm độ, nhìn thấy chỗ nào thì trong tâm đều khai trí huệ. Đúng như Huệ Năng nói với Ngũ Tổ: Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ. Ngài làm sao không thường sanh trí huệ? Lục căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài đều khai ngộ, đây tức là thường sanh trí huệ. Ngày nay lục căn chúng ta tiếp xúc cảnh giới lục trần bên ngoài đều sanh phiền não, nếu thuận theo ý tứ của mình thì sanh tham ái, tham ái là phiền não; không hợp với ý tứ của mình thì chán ghét, chán ghét sanh phiền não. Người ta lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần thì sanh trí huệ, chẳng sanh phiền não, đây chính là chỗ khác nhau giữa phàm và thánh, chỗ khởi tu chẳng tương đồng.

Trong kinh đức Phật nói, khẳng định tự tánh chúng ta vốn có sẵn vạn pháp, đầy đủ hết thầy pháp, đây là của báu! Giống như dưới lòng đất hàm chứa những khoáng vật quý báu, kho báu chứa dưới đất dùng còn hết, còn kho báu chứa trong tâm tánh chúng ta dùng chẳng hết, tại sao không biết khai phát! Bốn đại Bồ Tát chính là bốn pháp môn để khai phát kho báu trong tự tánh. Bốn pháp môn này phải dùng cùng lúc, “*Hiếu Kính*” của Địa Tạng Bồ Tát, “*Từ Bi*” của Quán Âm Bồ Tát, “*Trí Huệ*” của Văn Thù Bồ Tát, “*Biến Thành Hiện Thực*” của Phổ Hiền Bồ Tát, bốn Bồ Tát dạy chúng ta khai phá kho báu trong tự tánh. Bốn pháp

môn này thiếu một cũng chẳng được, giống như cái bàn có bốn chân, thiếu một sẽ ngã, sẽ chẳng đứng vững, nhất định phải hiểu đạo lý này. Những gì đức Phật đã nói trong hết thầy kinh điển Đại Thừa, ngàn kinh muôn luận đều chẳng ngoài việc này. Chư Phật Bồ Tát hiểu rõ rồi, đã thực hiện rồi, các Ngài đạt được thọ dụng, đạt được đại tự tại, đại viên mãn. Chúng sanh chúng ta mê hoặc điên đảo, mê mất tự tánh, làm sai làm quấy, cho nên trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi, sanh tử lưu chuyển, chẳng có ngày thoát nổi.

Nhưng tánh đức của chúng ta bất luận là đang giác hay đang mê, đều chẳng thay đổi; lúc ngộ chẳng tăng thêm một mảy tơ, lúc mê thì cũng chẳng giảm bớt một tí nào. Tại sao Phật tôn kính hết thầy chúng sanh? Ngay cả muỗi mòng, kiến đều tôn trọng. Tại sao Ngài lại tôn trọng? Muỗi mòng, kiến cũng là chúng sanh, tánh đức của nó đều viên mãn, cùng chư Phật Như Lai không hai không khác; chỉ vì nó mê nên biến thành như vậy, nó chẳng hiểu sự việc, làm sai làm quấy, biến thành ra nông nổi này. Tuy ra nông nổi này, tánh đức của nó cũng viên mãn như cũ, chẳng có giảm bớt mảy may, thế nên chư Phật Như Lai đối với chúng nó bình đẳng tôn trọng, bình đẳng lễ kính, và bình đẳng cúng dường. Trong thập đại nguyên vương, Phật đối với nó chẳng tán thán, nhưng cung kính, cúng dường thì nhất định đều bình đẳng, từ bi hết thầy!

Chúng ta phải nhận thức tâm địa, khẳng định bảo tàng. Biết chân tâm của chúng ta, từ Bát Nhã mà nói thì tâm này chính là Đại Bồ Đề, nói từ Pháp Thân thì chính là Đại Niết Bàn. Đại Niết Bàn cũng thường được gọi là “*đại diệt độ*”, Niết Bàn là tiếng Phạn, dịch nghĩa là “*diệt độ*”. Nếu dùng ba chữ này để nói: Đại, Diệt, Độ, “*Đại*” có nghĩa là Pháp thân, “*Diệt*” là diệt phiền não, diệt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ được đại tự tại, đại tự tại là giải thoát; “*Độ*” là minh liễu, là giác ngộ, chính là trí huệ Bát Nhã. Bồ Tát tu Lục Độ, sáu thứ này là trí huệ, các Ngài sống đời sống trí huệ cao độ, trí huệ cứu cánh viên mãn. [Ngược lại] chúng ta ngày nay sống cuộc đời đau khổ, phiền não.

Tam Đức “*Pháp thân, Bát Nhã, Giải thoát*”, đây là tam đức tự tánh vốn sẵn có, mỗi mỗi đều đầy đủ Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Thế nên chúng ta gọi Thường - Lạc - Ngã - Tịnh là Tứ Tịnh Đức. Thường là vĩnh hằng chẳng biến. Lạc là lìa hết thầy khổ, người thế gian chúng ta nói về khổ lạc, khổ lạc là tương đối, hết thầy những thứ khổ lạc tương đối đều mất hết, đều đoạn dứt hết. Ngã có nghĩa là chủ thể, tự tại, chân chánh có thể làm chủ, thực sự được đại tự tại. Tịnh là thanh tịnh, mảy

trần chẳng nhiễm, tâm địa không tịch. Trong chân tâm không thể có một vật, đại sư Huệ Năng nói rất hay: Vốn là chẳng có một vật, phải biết vốn chẳng có một vật, trong đó bạn lại thêm một vật thì sai rồi. Một niệm đầu (tâm niệm) là một vật, chẳng thể thêm vô. Do đó người tham thiền niệm một tiếng Phật hiệu là bị nhiễm ô rồi, phải súc miệng ba ngày. Trước giờ vốn chẳng có một vật thì làm sao có một chữ “Phật” lọt vô được! Phật cũng chẳng có. Phật cũng chẳng có nữa, chúng ta phải niệm Phật hay không? Vẫn phải niệm. Niệm như thế nào? “*Niệm mà không niệm, không niệm mà niệm*” thì mới chính xác. Nếu bạn “*có niệm*” thì bạn có một vật, vậy là sai rồi. Bạn “*không niệm*” thì cũng có một vật, có vật gì? Có một cái “*không niệm*”, cũng sai luôn. Nói cách khác, niệm thì sai, không niệm cũng sai.

Làm sao mới không sai? “*Niệm mà không niệm, không niệm mà niệm*” thì mới không sai; cả hai bên đều chẳng trụ, trung đạo không còn. “*Làm mà không làm, không làm mà làm*”, giống như chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong chín pháp giới, thị hiện nhiều thân, làm nhiều sự nghiệp, các Ngài không có niệm, không sanh. Không niệm, họ chẳng ly niệm, vô sanh nhưng họ cũng chẳng ly sanh. Các Ngài trong lục đạo xả thân thọ sanh, cùng chúng sanh thị hiện như nhau, họ là “*ly tức đồng thời*”, những tướng hiện ra chẳng có tự kỷ, hiện ra tướng là “*từ bi ứng hiện*”, để giác ngộ chúng sanh. Tuy là giác ngộ chúng sanh, nhưng chẳng có cái tâm niệm “*giác ngộ chúng sanh*”, giống như kinh Kim Cang có nói tuy độ hết thấy chúng sanh nhưng thực sự chẳng có chúng sanh được độ; trong Phật pháp gọi là vô tác, vô vi. Không làm nhưng chẳng có gì không làm, không tác mà chẳng có gì không tác, như vậy mới tương ứng với Thể, Tướng, Dụng của tự tánh, tương ứng với Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát của tự tánh, tương ứng với “*Đại Phương Quảng*”, đây là hạnh Bồ

Tát, đây là tâm Bồ Tát.

Ngày nay chúng ta trong địa vị phàm phu, chúng ta có mê hoặc trầm trọng, chúng ta có nghiệp chướng nặng nề, chúng ta cũng rất muốn khế nhập vào cảnh giới Bồ Tát. Bắt đầu từ đâu? Nhất định phải bắt đầu từ đoạn dứt tham-sân-si, Phật pháp và thế pháp cũng chẳng tham nhiễm. Thuận cảnh chẳng tham, nghịch cảnh chẳng sân giận, bắt đầu làm từ chỗ này, hạ thủ ở đây; cảnh thuận, cảnh nghịch rõ ràng, minh bạch, chẳng si [mê]. Không tham, không sân, không si gọi là “*Tam thiện căn*”. Đoạn ác tu thiện, đoạn ác gì? Đoạn tham-sân-si; tu thiện gì? Tu chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Bắt đầu từ chỗ này, khôi phục kho báu trong tự tánh

chúng ta, vì tham-sân-si là chướng ngại nặng nề, nghiêm trọng nhất; nặng nề nhất thì phải hạ thủ trước, ngày nay chúng ta chẳng thể thành tựu là vì không thể đoạn tham-sân-si. Bất luận bạn tu học như thế nào đi nữa, bạn chẳng thể bước vào cửa, làm cả đời cũng chỉ được phước báo hữu lậu. Nếu bạn chẳng tu hiếu kính, thì phước hữu lậu này sẽ chẳng hưởng ở cõi người, mà sẽ hưởng ở cõi ngạ quỷ, súc sanh, đây đều là chân tướng sự thật, chúng ta không thể không rõ ràng, không thể không minh bạch.

Chữ “*Bồ Tát*” là tiếng Ấn Độ, ý nghĩa của nó thì người xưa có hai cách dịch: Thứ nhất là “*Đại đạo tâm chúng sanh*”, đây là dịch theo lối xưa; sau này đại sư Huyền Trang dịch là “*Giác Hữu Tình*”, chúng sanh hữu tình giác ngộ; hai cách dịch này đều tốt. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật nói với chúng ta, kinh Hoa Nghiêm phải nên truyền trao cho người nào? Truyền cho “*đại tâm phàm phu*” (phàm phu có tâm rộng lớn). Chư vị nên biết đại tâm phàm phu chính là đại đạo tâm phàm phu, tuy chẳng gọi bạn là Bồ Tát, chỉ cần bạn phát tâm rộng lớn thì bạn chính là Bồ Tát. Nếu gọi bạn là Bồ Tát thì bạn sẽ sợ: Tôi không phải Bồ Tát đâu, tôi không dám nhận! Nếu gọi bạn là “*đại tâm phàm phu*” thì được Tôi là phàm phu, tôi phát tâm rộng lớn được!, nào biết đại tâm phàm phu chính là Bồ Tát. Giác Hữu Tình cũng được, chúng ta là chúng sanh có cảm tình, cảm tình tức là phiền não, Hữu Tình tức là có phiền não; tuy có phiền não, nhưng đã giác ngộ rồi, như vậy cũng được. Giác ngộ rồi nghĩa là như tôi thường nói [bạn] đã chọn phương hướng chính xác rồi. Tuy chưa nhập cảnh giới Phật, nhưng tâm, hạnh, phương hướng này của bạn đích thật là phương hướng dẫn đến thành Phật, góc độ chẳng sai; giống như hàng hải, hàng không vậy, la bàn chúng ta đặt đúng hướng rồi, tuy chưa nhìn thấy bờ bên kia, nhưng biết chắc nhất định sẽ tới bờ bên kia. Đó là ý nghĩa của “*Bồ Tát*”.

Bồ Tát là người, muôn vàn xin đừng hiểu lầm, Bồ Tát chẳng phải Thần, chẳng phải Tiên, Bồ Tát là Người. Nếu nói dễ hiểu hơn một chút, Bồ Tát là một người minh bạch, phàm phu là một người hồ đồ, như vậy thì mọi người đều dễ hiểu. Đối với hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật đều rõ ràng, minh bạch, biết nghiệp nhân quả báo của nó, chúng ta thường gọi là nhân duyên quả báo, như vậy thì bạn được xưng là Bồ Tát. Nếu bạn chẳng hiểu, đối người, đối sự, đối vật đều chẳng hiểu rõ, chẳng hiểu là việc gì, như vậy thì gọi là phàm phu. Danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát chúng ta giới thiệu đơn giản đến đây thôi.

Phía sau còn hai chữ Bốn Nguyên. Bốn là căn bản, nghĩa ở đây là

nói nguyện này của Ngài chẳng phải đời này mới phát. Chúng ta biết rằng hết thấy chúng sanh đều có đời quá khứ và cũng có đời vị lai, thế nên gọi là ba đời. Địa Tạng Bồ Tát đã phát nguyện này trong đời trước, trước quá khứ còn có quá khứ, quá khứ vô thủy, vô thủy kiếp đến nay đời kiếp kiếp đều phát nguyện này, chúng ta gọi nguyện này là Bản Nguyên. Thế nên nguyện này là có căn bản, chẳng phải chỉ phát trong đời này mà thôi. Nguyện là một thứ hy vọng, hy cầu; hy vọng, hy cầu này có thể được thỏa mãn thì gọi là Nguyện. Nếu nói sâu thêm, Bản chính là chân như bốn tánh, còn Nguyên là từ bốn tánh phát sanh ra, đây mới là ý nghĩa chân chánh của Bản Nguyên trong pháp Đại Thừa.

Bồ Tát như trong kinh Hoa Nghiêm gọi là Pháp Thân đại sĩ, đã đoạn dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đã đoạn dứt hết rồi. Có câu phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đích thật khế nhập vào cảnh giới của quả vị Như Lai, tuy chẳng khế nhập sâu vào, nhưng cũng đã vào, đã minh tâm kiến tánh, nguyện lúc ấy phát ra từ tự tánh. Người chưa kiến tánh xây dựng tâm nguyện này từ trong Thức. Chúng ta nói có đời quá khứ, trong đời quá khứ còn đời quá khứ trước, nhiều đời nhiều kiếp đều phát nguyện này, đây là nói từ Thức Tâm; sau khi minh tâm kiến tánh thì là từ Bốn tánh, hai nghĩa này đều có thể gọi là Bản Nguyên, ý nghĩa của Bản Nguyên có sâu cạn khác nhau.

Nhưng trong Tướng Dụng còn gần hơn. Trên Sự Tướng vô lượng kiếp qua đời đời kiếp kiếp đều có nguyện này, nguyện lực này rất mạnh, chẳng bị cảnh giới bên ngoài di động. Cho dù bị cảnh giới lay động, nó xoay về rất nhanh, nó sẽ giác ngộ, sẽ quay về, sẽ sám hối. Nếu nguyện mới phát trong đời này, hoặc trong đời trước, hai đời trước, sức mạnh của nó rất yếu, rất dễ bị ngoại cảnh mê hoặc; sau khi mê chẳng dễ quay về, chẳng biết sám hối, thế nên chúng ta biết sức mạnh của nguyện này chẳng lớn, chẳng có “bốn”, nếu có bốn thì nhất định sẽ chịu quay về. Trong Quán Kinh chúng ta thấy vua A Xà Thế tạo ra nhiều tội nghiệp, đến khi nhận chịu quả báo, bệnh khổ hiện tiền, tướng địa ngục hiện ra, ông có thể hối lỗi, có thể sửa đổi, như vậy nghĩa là đời quá khứ, nhiều đời kiếp trước tu hành có sức mạnh, nguyện lực của ông rất mạnh, tuy có một lúc hồ đồ, một lúc mê mất, nhưng đến lúc nguy ngập, cấp bách ông còn có thể giác ngộ. Đây là xét trên Sự Tướng.

Nguyện của Pháp Thân Bồ Tát phát từ trong tự tánh, đó mới là bốn nguyện chân thật, nhất định sẽ chẳng bị cảnh giới bên ngoài lay động. Cho dù ở thời đại hiện nay, trong kinh Phật nói: “*Tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng*”, họ cũng sẽ như như chẳng động, chẳng bị ảnh

hưởng. Đây là một ý của Bốn Nguyên.

Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi chỉ nói đến đây.

Tập 02 (Số 14-12-02)

Hôm qua giảng đến Đề Kinh, giới thiệu xong “*Địa Tạng Bồ Tát*”, hôm nay chúng ta giới thiệu “*Bốn Nguyên*” tiếp. Đề Mục đối với sự tu học của chúng ta quan hệ rất lớn, nhất định phải lý giải rõ ràng. Rất nhiều đồng học chẳng thể nói họ chẳng dụng công, chẳng thể nói họ không tinh tấn, tại sao không thể thành tựu? Thực sự là vì đối với kho báu tâm địa chẳng chân chánh nhận thức rõ ràng. Người thế gian thời xưa bất luận là làm nghề gì, đặc biệt là người đọc sách (có học thức), Phật pháp cũng chẳng ngoại lệ; trong thế pháp chú trọng sự Lập Chí, nếu một người chẳng có chí hướng, cả đời phấn đấu nỗ lực nhưng chẳng có mục tiêu, đương nhiên sẽ chẳng có kết quả. Phật pháp nói về phát nguyện, ý nghĩa của phát nguyện giống như sự lập chí của người thế gian, nhất định phải phát thệ nguyện rộng lớn. Tại sao chúng ta phát nguyện chẳng nổi? Đạo lý này chẳng khó hiểu. Trong kinh Phật thường ra tỷ dụ, thí dụ như thực vật, tại sao hạt giống chẳng thể nảy mầm, chẳng thể sanh trưởng? Vì hạt giống này chẳng được gieo vào đất. Chúng ta để hạt giống trên bàn, trong tách trà, thì nó vĩnh viễn sẽ chẳng nảy mầm, chẳng lớn lên. Thế nên nguyện nhất định phải có chỗ nương tựa, nương tựa cái gì? Nương tựa đại địa, nương vào tâm địa. Tâm địa chẳng sáng tỏ, nguyện làm sao có thể sanh ra? Nhất định có đạo lý. Cây cối nhất định phải nương vào đại địa mới có thể mọc rễ, mập mạp, ra hoa kết trái.

Đại nguyện của chư Phật, Bồ Tát đều xây dựng từ tâm địa, thế nên hai chữ *Địa Tạng* rất quan trọng. Tại sao nói tu học Đại Thừa phải bắt đầu từ “*Địa Tạng*”? Tâm nguyện của bạn được kiến lập từ *Địa Tạng*, “*Hạnh*” của bạn cũng kiến lập từ *Địa Tạng*. Trong tâm địa hàm chứa vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, thì bạn mới phát huy được. Nếu chẳng rõ tâm địa vốn sẵn đủ kho báu đức năng, dù cho bạn khổ tu như thế nào cũng chẳng thành tựu. Nguyện ở đây là hạt giống. Kinh Hoa Nghiêm ví tín tâm như hạt giống, rất có đạo lý. Bạn chẳng tin thì nguyện của bạn sanh từ đâu?

Nguyện xưng là Bốn Nguyên, hôm trước có nói sơ lược với quý vị. Bốn có hai nghĩa: Trên Sự thì vô lượng kiếp vừa qua, đời nào cũng đã từng phát nguyện như vậy, phát nguyện rồi tại sao vẫn chẳng thành

từ? Nguyên đã phát rồi, nhưng chẳng phát từ tâm địa, chẳng phát từ chân tâm bốn tánh. Phát từ đâu? Phát từ tâm ý thức, phát từ vọng tâm; vọng tâm là tâm sanh diệt nên nguyên ấy của bạn sẽ diệt. Nếu phát từ chân tâm thì nguyên ấy sẽ chẳng diệt, chân tâm chẳng sanh chẳng diệt, nguyên này phát xong sẽ chẳng thoái chuyển; phát từ vọng tâm sẽ thoái chuyển. Duyên tiêu mất thì nguyên sẽ mất luôn, đời này lại sanh đến cõi người, lại gặp được Phật pháp, lôi kéo nguyên lúc trước trở lại, là chuyện như vậy, thế nên mới gọi là Bốn Nguyên, ý này cạn cợt.

Ý tứ sâu thêm một tầng, Bốn chính là chân như bốn tánh, từ chân như bốn tánh phát đại nguyên thì gọi là Bốn Nguyên. Chư vị nên biết nếu thực sự là phát đại nguyên từ chân như bốn tánh, bạn sẽ chẳng là phạm phu, mà là Pháp Thân đại sĩ như nói trong kinh Hoa Nghiêm. Vì bạn biết dùng chân tâm, dùng vọng tâm là phạm phu, dùng chân tâm là Bồ Tát. Các bạn đều đã học Bách Pháp Minh Môn, một khóa học trong Pháp Tướng Duy Thức nhập môn. Trong Bách Pháp Minh Môn nói đến: “*Đồng Sanh Tánh, Dị Sanh Tánh*”, hai thứ này đều là ý nghĩa của chữ Bốn này. Dị Sanh Tánh tức là dùng vọng tâm, Dị tức là chẳng giống nhau, chẳng giống Phật, Bồ Tát, dùng tâm chẳng giống; Phật, Bồ Tát dùng chân tâm, bạn dùng vọng tâm, bạn khác với Phật, Bồ Tát nên gọi là Dị Sanh Tánh. Ai là Dị Sanh Tánh? Thập pháp giới đều là Dị Sanh Tánh. Đừng nói lục đạo phạm phu, [ngay cả] Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật trong thập pháp giới, Tạng Giáo Phật và Thông Giáo Phật nói trong tông Thiên Thai đều là Dị Sanh Tánh.

Ai là Đồng Sanh Tánh? “*Đồng Sanh Tánh*” dùng tâm giống chư Phật Như Lai. Nếu dùng lời của Tướng Tông để nói thì: “*Chuyển Tám Thức thành Bốn Trí*”, đây tức là dùng chân tâm, đó chính là Đồng Sanh Tánh. Đồng là tương đồng với chư Phật, Như Lai, dùng tâm giống với tâm Phật, dùng chân tâm. Tâm Phật ví như trăng ngày rằm, nếu bạn biết dùng Đồng Sanh Tánh thì bạn cũng ví như trăng khuyết ngày mùng hai, mùng ba. Ánh sáng trăng khuyết tuy chẳng giống như ánh trăng tròn, nhưng đều là chân thật, đều là ánh trăng thực sự, chẳng phải giả. “*Dị Sanh Tánh*”, người xưa ví như ánh trăng trong mặt nước, có bóng dáng của mặt trăng, đó gọi là Dị Sanh Tánh, nó chẳng giống, chẳng phải thật. Tuy là trăng khuyết, như Sơ Trụ Bồ Tát, Thập Trụ Bồ Tát đúng là giống như trăng khuyết, đến Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, dần dần tăng thêm ánh sáng, đến quả địa Như Lai thì là trăng tròn, tất cả đều dùng chân tâm. Xây dựng lòng tin từ chân tâm, từ chân tâm phát ra đại nguyên, đó chính là Bốn Nguyên. Người xưa nói nguyên lực như vậy

vượt qua được khảo nghiệm, mưa to gió lớn gì họ cũng chẳng bị lay động; bất luận cảnh thuận, cảnh nghịch gì họ nhất định đều chẳng bị cảnh giới lay động. Tại sao vậy? Nguyên của họ từ chân tâm phát ra, họ nương dựa vào chân tâm. Nếu chẳng dựa vào chân tâm, mà là nguyên phát từ vọng tâm, nguyên lực ấy chẳng mạnh, rất yếu, rất dễ bị cảnh giới lay chuyển, rất dễ mê mất phương hướng, việc này chúng ta nhất định phải biết.

Chân tâm cũng giống như đại địa, trí huệ đức năng vốn sẵn có đầy đủ trong chân tâm ví như căn (rễ), lập nguyên tức là bản (gốc). Sau đó sự hành trì của bạn, chúng ta gọi là khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác ví như cành cây, nhánh cây, hoa lá, quả trái, tự nhiên sẽ sum xuê, thế nên nguyên phải phát từ chân tâm. Chân tâm tuyệt đối phải khẳng định kho báu tâm địa của mình, cùng thập phương chư Phật Như Lai không hai không khác, bạn phải khẳng định. Từ chỗ này kiến lập lòng tin, từ chỗ này phát ra đại nguyện. Tuy chúng ta từ kinh giáo biết được chuyện này, nhưng trong đời sống vọng tâm vẫn làm chủ như thường, một vọng thì hết thấy đều vọng, không thể nói tâm tôi phát, nguyện tôi phát là chân thật, những thứ khác trong sinh hoạt là vọng, chẳng có đạo lý này, một chân thì hết thấy đều chân, một vọng thì hết thấy đều vọng. Do đó có thể biết chúng ta trong đời sống hằng ngày phải sửa đổi những tập khí hư vọng, nếu không dụng công ở những chỗ này thì chẳng gọi là tu hành, đó là giả, tu giả chẳng phải chân tu. Chân tu chẳng phải chỉ có Tông Môn mới chú trọng đề xướng tu từ căn bản, cho nên Thiền Tông thành tựu nhanh chóng, căn bản là tâm địa, Giáo Hạ đâu có lý nào ngoại lệ, Tịnh Tông cũng chẳng ngoại lệ. Trong Tịnh Tông nếu dùng chân tâm tu, vắng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sanh đến Thật Bảo Trang Nghiêm Độ, sẽ chẳng sanh Phương Tiện Hữu Dư Độ, Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Nhưng Tịnh Tông đích thực là một pháp môn phương tiện, bất cứ tông phái khác, bất cứ pháp môn khác nếu chẳng dùng chân tâm thì nhất định chẳng thể thành tựu. Nhưng lợi điểm của Tịnh Tông là ở chỗ này, vọng tâm cũng có thể sanh Phàm Thánh Đồng Cư Độ, việc này cho chúng ta tiện lợi rất lớn. Nếu những người chưa đoạn dứt phiền não tập khí có thể y chiếu đạo lý phương pháp nói trong kinh điển của Tịnh Tông mà tu học cũng có thể thành công, cũng có thể vắng sanh, đây là điểm vô cùng thù thắng của Tịnh Tông.

Thế nên phát nguyện, bạn căn cứ vào gì để phát, bạn phát từ đâu? Chúng ta không thể không biết. Chúng ta phải thực hiện trong Sự Tướng, trong Sự Tướng có thông, có biệt. Thông nghĩa là cộng đồng,

chung, đại nguyện chung của hết thầy Bồ Tát, hết thầy chư Phật, đây chính là Tứ Hoàng Thệ Nguyên, Tứ Hoàng Thệ Nguyên là Thông Nguyên (nguyện chung). Nguyên này xây dựng từ đâu? Phát sanh từ đâu? Từ Bát Nhã và Từ Bi trong tự tánh, nếu bạn chẳng có trí huệ bạn chẳng phát nổi, chẳng có từ bi cũng phát không nổi. Vì có trí huệ, có từ bi, khi nhìn thấy chúng sanh khổ, đặc biệt là chúng sanh trong lục đạo, đọa lạc trong sáu nẻo lưu chuyển từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng có cách chi thoát ly. Phật, Bồ Tát nhìn thấy nên phát nguyện “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, nguyện này là phát từ chỗ này.

Trong Tứ Đế thì y theo Khổ Đế mà phát, chúng ta phát nguyện có phát từ đây không? Chúng sanh thời nay khổ hơn thời xưa không biết là gấp bao nhiêu lần. Những người chẳng giác ngộ, tâm tư của họ ngu muội, quán sát thế pháp đều hàm hồ lộn xộn, đều nhìn không rõ. Khoa học kỹ thuật chỉ đem lại một số tiện nghi trong sinh hoạt chúng ta, mọi phương tiện âm thanh, ánh sáng, hóa chất, điện khí ngày nay, thời xưa chẳng có, nhưng bạn có nghĩ đến những tiện nghi mà chúng ta hưởng được từ khoa học kỹ thuật, chúng ta phải trả giá bao lớn! Nếu bạn tư duy kỹ càng thì giống như lời người xưa nói: Cái được chẳng bù nổi cái mất. Chúng ta đạt được sự thọ dụng rất ít, thời gian rất ngắn ngủi, chúng ta phải trả với giá rất đắt, chẳng sánh bằng được. Nói cách khác, chúng ta nói rõ hơn, kéo dài thời gian chúng ta chịu khổ trong lục đạo, tăng thêm đau khổ trong lục đạo, bạn nói có đáng hay không? Tại sao lại có hiện tượng này? Đời sống văn minh vật chất này tăng trưởng tham-sân-si-mạn của chúng ta, chẳng sánh bằng thời xưa; sinh hoạt thời xưa thì ý niệm tham-sân-si-mạn của phần đông người ta cũng có nhưng ít hơn hiện nay. Nói cách khác, thời gian luân hồi của họ có thể rút ngắn, chịu khổ trong lục đạo có thể giảm nhẹ, ngày nay chúng ta chẳng vậy. Không cần nói chi xa, chỉ nửa thế kỷ về trước đâu có nghe người ta nói địa cầu bị bệnh, hoàn cảnh sinh thái chẳng cân bằng, chẳng nghe nói chuyện này; không khí ô nhiễm, hoàn cảnh ô nhiễm cũng chẳng nghe đến. Năm mươi năm trước, một trăm năm trước chẳng có! Đâu có những danh từ này.

Hiện nay khoa học kỹ thuật có thể nói là mỗi ngày, mỗi tháng đều tiến bộ hơn trước, nhưng đem lại tai hại chẳng tưởng tượng nổi. Nếu những khoa học gia này tự nhiên giác ngộ tai hại này quá lớn, tôi nghĩ họ sẽ chấm dứt những khoa học kỹ thuật này, chẳng phát triển nữa, chẳng làm nữa. Một người đầu óc sáng suốt, bình tĩnh mới có thể quán sát ra những điều này. Thế nên chúng sanh khổ, văn minh vật chất tuy là tiến

bộ, đời sống chúng sanh còn khổ hơn lúc trước. Trên phương diện hưởng thụ vật chất có một chút tiện nghi, nhưng đau khổ trên tinh thần ai cũng chẳng tránh khỏi. Trong xã hội ngày nay, quý vị có rất nhiều của cải, có địa vị rất cao vẫn không thể tránh khỏi [đau khổ về mặt tinh thần]; đâu được sống nhàn nhã tự tại như người thời cổ! Chúng ta đọc trong cổ văn rất nhiều, những người làm quan thời xưa, làm thủ trưởng địa phương, công việc của người lãnh đạo chẳng bận lắm, mỗi ngày làm một hai giờ thì xong công việc, thời gian còn lại đọc sách, viết văn, hội họa, đi chơi đó đây, sống cuộc đời tình thơ ý họa. Đâu như con người ngày nay phải tranh thủ từng giây từng phút, đời sống này thái quá, quá khắt trương, quá đau khổ. Hiểu rõ chân tướng sự thật thì còn chịu đau thai đến nhân gian hay không? Họ sẽ chẳng chịu đến. Người giác ngộ chỉ có Phật và Bồ Tát đến, đến để cứu độ những chúng sanh khổ nạn này, nói thật ra, nguyện này trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện mới gọi là Bốn Nguyên.

Muôn phát nguyện độ chúng sanh, tự mình nhất định phải làm gương mẫu, làm mô phạm cho chúng sanh, đó là đức hạnh. Tại sao chúng sanh thọ khổ? Vì phiền não chẳng đoạn, Kiến Tư phiền não ngày càng gia tăng, ngày càng nhiều thêm, quả báo của việc này sẽ chẳng thể nghĩ tưởng nổi. Thế nên Phật, Bồ Tát phải làm một gương tốt, đoạn phiền não. Người thế gian phạm lỗi lầm, chẳng biết chân tướng của vũ trụ nhân sinh, tăng trưởng tham-sân-si-mạn, không từ chối bất cứ thủ đoạn gì để làm chuyện hại người lợi mình, chẳng biết định luật nhân quả. Người thế gian thường nói “hại người lợi mình”, thật ra câu này sai lầm, vẫn chưa hiểu chân tướng sự thật; nếu hiểu chân tướng sự thật thì chúng ta phải biết chẳng có đạo lý này. Hại người nhất định sẽ chẳng lợi mình, chỉ có lợi người thì mới lợi mình, đó mới là đạo lý nhất định, làm tổn hại cho người làm sao lợi mình được? Nhưng họ mê hoặc điên đảo, cứ tưởng lợi ích của mình nhất định phải xây dựng trên sự tổn thất của người khác thì mình mới được lợi, đây là vọng tưởng, tạo tội nghiệp cực nặng. Thế nên chúng ta phải phổ biến Liễu Phàm Tứ Huấn cho họ đọc, cho họ biết mỗi chúng sanh “một miếng ăn một hớp nước đều đã định sẵn”, nếu bạn dùng thủ đoạn chẳng chính đáng để đoạt được thì đó là trong số mạng của bạn đã có sẵn. Nếu trong số mạng của bạn chẳng có, bạn đi giết người ta thử coi giết được hay không? Nếu trong mạng của bạn chẳng có thì chưa ra tay đã bị cảnh sát bắt rồi. Nói cách khác tất cả những gì bạn có thể trộm được, cướp được, hoặc chiếm được đều đã có sẵn trong số mạng, chẳng cần những thủ đoạn này cũng có được, đâu cần phải cực khổ làm như vậy! Thế nên người sáng suốt thường nói “*Quân*

tử vui làm người quân tử, tiểu nhân oán trách làm tiểu nhân”, câu này nói phước báo cả đời là do đời trước tu được, trong số mạng của bạn có phước báo này, bất cứ sức mạnh nào cũng chẳng ngăn được, bạn nhất định sẽ được, sẽ chẳng mất, đâu cần làm những thủ đoạn không chính đáng này, làm vậy là sai rồi!

Chư Phật, Bồ Tát làm gương tốt nhất cho chúng sanh trong thế gian, bạn dùng thủ đoạn chẳng chính đáng để đạt được, các Ngài dùng phương pháp chính đáng cũng được vậy. Tại sao phải làm những chuyện hại mình hại người này! Tại sao không làm thêm những chuyện lợi mình lợi người! Phật, Bồ Tát làm như vậy nên mới có nguyện thứ hai: *“Phiền não vô tận thế nguyện đoạn”*. Quan trọng nhất là đoạn cho người khác thấy, nhất định phải làm một gương tốt cho xã hội đại chúng, kiến lập đức hạnh của mình mới được quảng đại quần chúng kính ngưỡng. Bạn có đạo đức thì họ mới chịu học theo bạn, khi bạn khuyên răn thì họ mới nghe; nếu đức hạnh của mình có khiếm khuyết thì dù lời của bạn có hay, có tốt cách mấy, người ta nghe xong cũng sẽ hoài nghi, chẳng thể tin tưởng, chẳng thể tiếp nhận. Thế nên chưa độ chúng sanh trước hết phải thị hiện đức tướng.

Tiêu chuẩn của đức hạnh chẳng nhất định, phải coi hoàn cảnh hiện tiền, thời đại ngày nay, phần đông chúng sanh trong khu vực này phạm những lỗi lầm gì? Dựa trên những vấn đề này mà hạ thủ thì mới có thể đạt được hiệu quả. Hiện nay chúng sanh tâm tham nặng, ham muốn danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, Bồ Tát thị hiện thì đầu tiên phải buông bỏ danh văn lợi dưỡng, xả bỏ ngũ dục lục trần, phải bắt đầu từ chỗ này, đó gọi là tự lợi và lợi tha, thành tựu cho mình, cảm hóa chúng sanh. Nếu chỉ giảng kinh thuyết pháp, tự mình không thể thực hành, người ta nghe xong sẽ có nghi hoặc: Bạn nói giỏi như vậy nhưng tại sao không làm? Nói cách khác thì bạn sẽ chẳng đạt được hiệu quả độ chúng sanh. Thế nên phải tự mình làm được, phải làm trước khi nói thì lúc bạn nói, người ta mới không dị nghị. Thấp hơn thì nói trước rồi sau đó mới làm, phải thực hiện.

Hiện nay chúng sanh phiền não nặng, mất gốc, nhà Nho cũng hiểu *“Gốc được lập, đạo sẽ sanh”*⁷, quên mất bản, như vậy làm sao được? Bản là gì? Địa Tạng Bồ Nguyên, Bản là *“hiếu thuận cha mẹ, phụng sự sư trưởng”*, đó là Bản. Thế nên chúng ta phải đề xướng Hiếu đạo, phải đề xướng *“Tri ân báo ân”*, chẳng phải chỉ nói nơi miệng mà thôi, chúng

⁷ Nguyên văn: Bản lập nhi đạo sanh.

ta phải làm được. Quan hệ giữa người với người hiện đại chỉ nhìn thấy lợi hại, hôm nay đối với tôi có lợi thì chúng ta là bạn bè, tôi cung kính bạn, nịnh hót bạn, ngày mai hết lợi rồi thì biến thành người xa lạ, chẳng quen biết. Nếu có xung đột quyền lợi thì sẽ là người thù địch, đây là xã hội gì vậy? Nếu muốn xã hội này không loạn, không thể nào được!

Đề xướng hiếu đạo, đề xướng kỷ niệm tổ tiên, hiện nay trong Phật môn còn làm, Thanh Minh cúng tổ tiên, Trung Nguyên, Đông Chí cúng tổ tiên, một năm có ba ngày cúng tế tổ tiên, đề xướng Hiếu đạo. Cả đời tôi phước mỏng, đời trước chẳng tu phước, như nhà Phật nói “*tu huệ chẳng tu phước*”, nhưng tôi cũng chưa đến nỗi “*La Hán trì bình bát trống không*”, tôi chưa đến nỗi này, vẫn còn miễn cưỡng có thể duy trì no ấm. Nếu tôi có phước báo to lớn, nói cho chur vị biết tôi sẽ chẳng xây chùa chiền, tôi sẽ xây Từ Đường đề xướng Hiếu đạo. Tôi nói lời này đã mấy chục năm, hy vọng xây Từ Đường, xây Tông Từ trăm họ, mỗi năm vào ba ngày lễ này cử hành tế lễ long trọng, trong đó tuyên dương Hiếu Thân. Hiện nay tế lễ hoàn toàn trở thành hình thức, rất đáng tiếc. Thí dụ vào dịp Thanh Minh, Trung Nguyên, Đông Chí chúng ta cúng tổ tiên, đáng lý phải kéo dài bảy ngày. Vài ngày đầu là để giảng giải Hiếu đạo, biểu dương Hiếu đạo, ngày cuối mới cử hành nghi lễ, như vậy mới có ý nghĩa. Nếu chỉ làm trên hình thức đầy đủ, còn Hiếu là gì? Ý nghĩa của Hiếu ở đâu? Không biết, như vậy rất khó đạt được hiệu quả.

Quốc gia chúng ta chọn ngày khánh đản của Khổng Tử làm lễ Giáo Sư, đây là để kỷ niệm thầy giáo, mỗi năm một ngày. Phàm là tế lễ đều phải bảy ngày, để nói rõ tại sao phải tu hiếu đạo? Tại sao phải coi trọng sư đạo? Nói rõ cho đại chúng biết thì buổi tế lễ này mới có ý nghĩa, mới chẳng đến nỗi chỉ là hình thức mà thôi. Cho đến những nghi thức bình thường trong nhà Phật chúng ta, thí dụ Tịnh Tông Học Hội thành lập xong, Quán Trưởng đề xướng Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự, nên chúng ta giảng kỹ về Tam Thời Hệ Niệm. Trước khi cử hành Tam Thời Hệ Niệm nhất định phải giảng rõ Tam Thời Hệ Niệm. Muốn lay Lương Hoàng Sám nhất định phải giảng Lương Hoàng Sám rõ ràng từ đầu đến cuối, minh bạch, rõ ràng; sau đó khi mọi người bái sám thì cái tâm ấy mới tương ứng, mới có thể đạt được hiệu quả. Nếu đối với Lý, Sự, cảnh giới trong ấy cái gì cũng không biết, chỉ y theo mô thức ấy mà làm thì sẽ chẳng đạt được hiệu quả. Thế nên pháp sám hối này của người xưa đích thật là có công dụng chẳng thể nghĩ bàn; người hiện đại chúng ta tu pháp sám hối này chẳng được hiệu quả là vì lý do này. Nếu ai cũng hiểu rõ những lý luận, cảnh giới này thì không cần phải giảng giải, chỉ

làm nghi thức này thôi cũng được! Người hiện đại ai nấy đều không biết, đối với những nghi thức này đều chẳng hiểu vì vậy nhất định phải lên lớp học trước.

Pháp thế gian và xuất thế gian đều xây dựng trên cơ sở của Hiếu đạo, nhà Nho Trung Quốc dùng Hiếu đạo làm cơ sở, Lục Kinh là cước chú của Hiếu Kinh. Cùng một đạo lý, Đại Thừa Phật pháp cũng được xây dựng trên cơ sở của Hiếu đạo, có thể nói hết thấy pháp của Thế Tôn giảng suốt bốn mươi chín năm đều là chú giải cho kinh Địa Tạng. Nếu chư vị thực sự có thể thâm nhập thì sẽ thể hội được ý nghĩa này.

Hai nguyên này kiến lập từ quán sát Tứ Đế. Có thể quán sát Tứ Đế là Trí Huệ, có thể phát khởi nguyên này là Từ Bi; Trí Huệ và Từ Bi đều xứng tánh, xây dựng từ tánh địa, đây gọi là Bốn Nguyên. Cũng giống như Bồ Tát, Bồ Tát dùng cái gì để giáo hóa chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh lìa khổ được vui? Bồ Tát dùng Đạo, dùng Diệt. Đạo này, chư Phật Như Lai quá khứ cũng là phạm phu, các Ngài đều từ phạm phu tu tập thành công; chư Phật Như Lai từ phạm phu tu thành Phật đạo, con đường này, đạo lộ này là con đường thành Phật (Thành Phật chi đạo). Các Ngài làm thế nào để tu thành công? Dem kinh nghiệm của họ, phương pháp của họ truyền trao cho những phạm phu còn chưa phát tâm, phạm phu còn mê hoặc điên đảo này, thế nên “*Pháp môn vô lượng thế nguyên học*”. Trước hết Bồ Tát phải làm gương tu học cho mọi người xem, nói với mọi người đây là con đường chánh, đây là chân lý, đây là hướng thụ cao nhất của đời người, bạn phải làm cho họ giác ngộ, làm cho họ cùng bạn học tập.

Bắt đầu học từ đâu? Từ Hiếu thân Tôn sư, pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng ngoại lệ. Thế gian hiện nay Hiếu đạo chẳng được đề xướng, từ từ sẽ bị tiêu diệt, sẽ bị quên mất. Sư đạo xây dựng trên cơ sở của Hiếu đạo, họ chẳng biết Hiếu đạo thì làm sao biết đến Sư đạo? Đây là chuyện không thể xảy ra. Thế nên ngày nay chúng ta thấy học sinh không tôn trọng thầy giáo cũng chẳng lạ lùng gì, nếu bạn trách mắng các em thì bạn sai rồi. Xem việc chẳng hiếu cha mẹ, chẳng kính sư trưởng như một hiện tượng bình thường, hiện đại là thời đại như vậy. Nếu thấy một người biết Hiếu thân Tôn sư thì đó là chẳng bình thường, nói cách khác thì đó chẳng phải là người phạm. Ai dạy người ấy? Chẳng có người dạy, người đó tự biết, đó không phải là người tái lai thì là người gì? Người ấy chẳng phải phạm phu, nói cách khác đây là Phật, Bồ Tát tái lai ứng hóa đến, phạm phu nhất định sẽ chẳng làm nổi. Phạm phu khi bạn dạy họ, họ còn không thể tiếp nhận thì làm sao tự động làm nổi!

Ngày nay chư Phật, Bồ Tát ứng hóa đến thế gian này là vì lòng đại từ mẫn, không những bạn không kính trọng họ, mà còn hủy báng, chà đạp, sỉ nhục họ, đây đều là [hoàn cảnh] sóng to gió lớn, Phật, Bồ Tát ứng hóa trong đó vẫn như như chẳng động, tại sao vậy? Bốn Nguyên của các Ngài là từ chân tâm bốn tánh kiến lập nên. Bất luận bạn chà đạp như thế nào, Phật, Bồ Tát thị hiện đến cuối cùng, sẽ có một ngày bạn giác ngộ, bạn sẽ hối lỗi, việc này phải dùng thời gian dài để cảm hóa chúng sanh. Phật, Bồ Tát biết hết thấy chúng sanh nhất định sẽ được cảm hóa, nhưng vì nghiệp chướng, tập khí của họ quá nặng, chẳng thể trong thời gian ngắn giác ngộ được, cần phải có một thời gian dài, cần được dạy dỗ liên tục không ngừng, thì họ mới cảm động, mới chịu quay về. Sau đó mới hết lòng nỗ lực học tập, đạt đến mức có thể tiếp nối huệ mạng của Phật, giúp đỡ chúng sanh, thành tựu mục tiêu giáo học của chúng sanh.

Bốn chữ “*Hiếu Thân Tôn Sư*” là tánh đức, đức hạnh vốn sẵn có trong tự tánh. Nếu bạn minh tâm kiến tánh, bạn nhất định sẽ làm được viên mãn; nếu bạn làm không được là vì bạn chưa kiến tánh, bạn còn mê hoặc điên đảo. Duy chỉ có tánh đức mới có thể khai phát tự tánh, làm thế nào mới có thể minh tâm kiến tánh? Nhất định phải tánh tu mới có thể kiến tánh, người hiện đại tu học đến kiến tánh rất khó. Lão pháp sư Đàm Hư trong cuốn *Niệm Phật Luận* nói cả đời Ngài chưa từng thấy người minh tâm kiến tánh, không những chưa thấy qua mà cũng chưa hề nghe đến. Ngài nói Ngài đã gặp những người tham thiền đạt được thiền định. Tham thiền đạt được thiền định thì quả báo sẽ sanh đến Tứ Thiên thiên, việc này đã là siêu lắm rồi nhưng vẫn chưa xuất tam giới. Tham thiền phải minh tâm kiến tánh mới xuất tam giới nổi. Nếu chẳng minh tâm kiến tánh, thì chẳng thể xuất tam giới. Đây là lời của Ngài nói, trong thời đại chúng ta hiện nay tham thiền chẳng bằng niệm Phật, niệm Phật có thể đối nghiệp vãng sanh, vãng sanh là thoát khỏi tam giới; không những thoát tam giới, mà còn thoát khỏi thập pháp giới. Ngài là Tổ sư tông Thiên Thai, Ngài niệm Phật vãng sanh, lúc vãng sanh ngồi mà ra đi, rất hiếm có. Lịch đại tổ sư tông Thiên Thai niệm Phật vãng sanh rất nhiều, đại khái là chịu ảnh hưởng của đại sư Trí Giả, đại sư Trí Giả niệm Phật vãng sanh. Những tổ sư về sau đều niệm Phật, tuy tu Chỉ Quán nhưng chẳng xả niệm Phật, thực sự đặc lực vẫn là niệm Phật. Nhưng tu học Chỉ Quán có thể nâng cao phẩm vị vãng sanh, đây là sự thật. Người xưa thường nói “*Thiền Tịnh song tu*”, tông Thiên Thai đích thật là như vậy, thật là Thiền Tịnh song tu.

Thế nên Hiếu đạo rất trọng yếu, rất quan trọng! Lúc trước trong

các buổi giảng chúng ta thường nói chữ Hiếu này, cái phù hiệu này đại biểu cho chân tâm bốn tánh của chúng ta. Chỗ hoàn mỹ của chữ Trung Quốc trên thế giới rất hiếm thấy, hình tướng của chữ này là hội ý, để cho bạn nhìn thấy chữ liền thể hội được ý nghĩa trong ấy, ý nghĩa của phù hiệu này. Trong chữ Hiếu phía trên là chữ Lão, phía dưới là chữ Tử (con), hai chữ này gộp lại thành chữ Hiếu; thuyết minh đời trước và đời sau cùng một thể, bốn ý của chữ Hiếu là ở chỗ này. Trên đời trước còn có đời trước nữa, quá khứ vô thủy; sau đời sau còn có đời sau nữa, vị lai vô chung; vô thủy vô chung là một thể, đây là nói theo chiều dọc. Có chiều dọc thì đương nhiên có chiều ngang, thế nên phù hiệu này trên thực tế tiêu biểu cho cái gì? Trong Phật pháp có câu: *“Dọc cùng khắp ba đời, ngang trọn khắp thập phương”*⁸. Thập phương, tam tế là một chẳng phải hai, nói cách khác, thập phương tam tế là chính mình, đây chẳng phải là Pháp Thân nói trong Phật pháp hay sao! Pháp thân tức là thập phương, tam tế đều là một, chẳng là hai.

Chữ Hiếu này trong Phật pháp tức là Pháp Thân Lý Thể, thể và xuất thể gian hết thấy các pháp đều từ cái thể tánh này, đều là từ hiếu sanh ra, nếu không hiếu thì làm sao được! Hiếu tức là nhất tâm, hiếu tức là nhất chân, hiếu tức là pháp giới, chúng ta là người tu học Đại Thừa không thể không hiểu vấn đề này. Thế nên tu học dùng nó làm căn bản, làm cơ sở, từ đó sanh ra đại từ, đại bi, tức là pháp môn Quán Âm. Mọi người biết Quán Âm thiên thủ thiên nhãn, ngàn tay ngàn mắt này tiêu biểu cho cái gì? Tiêu biểu cho *“mắt tới, thì tay tới”*. Nhìn thấy chúng sanh có khổ thì lập tức giúp đỡ họ, thiên thủ thiên nhãn tiêu biểu cho ý nghĩa này. Quán Thế Âm Bồ Tát thiên thủ thiên nhãn, Văn Thù Bồ Tát có thiên thủ thiên nhãn hay không? Phổ Hiền Bồ Tát có thiên thủ thiên nhãn hay không? Ở hai bên Phật đường của chúng ta cúng Văn Thù, Phổ Hiền đều là thiên thủ thiên nhãn, Địa Tạng Bồ Tát cũng thiên thủ thiên nhãn, bất cứ một tôn Phật, Bồ Tát nào đều là thiên thủ thiên nhãn. Thiên thủ thiên nhãn tiêu biểu cho *“mắt tới thì tay tới”*, tiêu biểu cho ý nghĩa này, chẳng phải là một ngàn cái tay, một ngàn mắt, thật ra chính là người thế gian chúng ta thường nói hai tay vạn năng, quán sát nhập vi hai tay vạn năng, tiêu biểu cho ý nghĩa này. Đây là để cho chúng ta trong đời sống sinh hoạt phải nên học theo.

Đối với chúng sanh, mục tiêu chung cực của sự giúp đỡ chúng sanh, phần đông nói mục tiêu có ba thứ. Mục tiêu thấp nhất là giải quyết

⁸ Nguyên văn: Thụ cùng tam tế, hoành biến thập phương.

khó khăn trước mắt của chúng sanh, giúp họ đời này có thể sống cuộc đời hạnh phúc mỹ mãn, đây là mục tiêu gần, bậc thấp nhất. Mục tiêu tầng giữa là giúp cho họ đời sau vẫn còn được phước, không thể nói đời này hưởng phước, đời sau đọa tam ác đạo, như vậy là rất đáng thương, rất sai lầm. Đời này hưởng phước, đời sau tiếp tục vẫn phải hưởng phước, càng hy vọng đời sau phước báo lớn hơn đời này một chút, thù thắng hơn một chút, đây là mục tiêu tầng giữa. Mục tiêu cao nhất của việc độ chúng sanh là giúp cho họ chứng được Vô Thượng Bồ Đề viên mãn, nói cách khác, giúp họ thành Phật, mục tiêu này mới thực sự đạt đến viên mãn. Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, tại sao đặc biệt tán thán pháp môn Tịnh Độ, ba mục tiêu nói trên đều hàm nhiếp trong pháp môn Tịnh Độ, thật ra phải nói đây là đại viên mãn. Thế nên hết thầy chư Phật tán thán A Di Đà Phật, tôn Ngài là “*Ánh sáng tôn quý nhất, vua trong các vị Phật*”, tức là Ngài giáo hóa chúng sanh, độ chúng sanh, ba mục tiêu đều viên mãn. Và lại đích thật Tịnh Tông dạy người kiến lập trên cơ sở của hiếu kính.

Tịnh Nghiệp Tam Phước dạy trong Quán Kinh, vừa mở đầu liền dạy chúng ta “*Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng*”. Người thời xưa hiểu được cho nên làm cha mẹ dạy con cái thì việc nào quan trọng nhất? Tôn sư trọng đạo, chẳng dạy gì khác. Thầy giáo dạy học sinh bài học quan trọng nhất là “*Hiếu thuận cha mẹ*”. Thế nên một đứa trẻ từ nhỏ tiếp thu sự giáo dục như vậy, tập từ nhỏ thì sẽ thành thói quen⁹, tưới tẩm, dạy dỗ từ nhỏ, trong tâm địa của nó, trong A Lại Da Thức của nó mọc gốc rễ vững chắc, vĩnh viễn chẳng thay đổi, nó có thể tận hiếu. Hiếu bao gồm hết thầy pháp thế gian và xuất thế gian, ở đây chẳng thể nói kỹ. Ở nhà có thể hiếu cha mẹ, thương yêu anh em, đây là “*Đễ*”, có thể báo ân quốc gia tức là “*Trung*”. Thế nên tám đức: “*Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Si*”, Hiếu là căn bản, bảy đức còn lại đều là Hiếu biểu hiện trên các Sự Tướng khác nhau rồi lập nên danh tướng, chứ thật ra chỉ là một chữ Hiếu mà thôi.

Tam Học, Tứ Nhiếp, Lục Độ trong Phật pháp, vô lượng vô biên pháp môn chỉ là một chữ Hiếu, chánh pháp thế gian và xuất thế gian nhất định được xây dựng trên cơ sở của Hiếu đạo. Khi xây dựng một đạo tràng, đại chúng cùng nhau tu tập, tại sao bộ kinh đầu tiên phải giảng là kinh Địa Tạng? Cơ sở vật chất của đạo tràng tức là phòng ốc, thiết bị đã xây xong, cơ sở vật chất xây xong thì phải xây cơ sở tinh thần, tức là xây

⁹ Nguyên văn: Thiếu thành nhược thiên tánh.

dựng tâm lý. Tâm chánh thì hạnh chánh, sẽ tương ứng với đạo, tương ứng với tâm tánh, với chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

Chỗ đặc biệt thù thắng của Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh, Hiếu đạo bắt đầu làm từ chỗ độ mẫu thân, trong thế gian người thân mật nhất là mẹ, người cha còn kém một chút. Một đứa bé ra đời từng giờ từng phút không rời lòng mẹ. Trong kinh này chúng ta thấy Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát tức là người tu học pháp môn Địa Tạng này, Địa Tạng Bồ Tát chẳng phải chỉ có một vị mà thôi. Phàm những ai tu học Hiếu Thân Tôn Sư đều là Địa Tạng Bồ Tát, phàm những ai tu học Từ Bi cứu độ hết thấy chúng sanh khổ nạn đều là Quán Thế Âm Bồ Tát. Chúng ta phải hiểu ý nghĩa này. Chúng ta phải một đời đầy đủ hết thấy [hạnh] Bồ Tát thì mới viên thành Phật đạo, đây tức là ý nghĩa chân chánh của “*Pháp môn vô lượng thế nguyên học*”. Chúng ta phải học sự “*Hiếu Kính*” của Địa Tạng, học “*Từ Bi*” của Quán Âm, học “*Trí Huệ*” của Văn Thù, ngày nay chúng ta nói đến lý trí, phải học “*Lạc Thực*” (biến thành hiện thực) của Phổ Hiền Bồ Tát, đây không phải là một thân đầy đủ bốn đại Bồ Tát ư. Tứ Đại Bồ Tát nếu phân tích kỹ nữa tức là vô lượng vô biên hết thấy Bồ Tát, đây tức là Pháp môn vô lượng thế nguyên học.

Từ chỗ này chư vị chắc cũng thể hội được kinh Hoa Nghiêm, kinh điển Tịnh Tông hay nói “*một tức là hết thấy*”, một pháp môn nhất định hàm nhiếp hết thấy pháp môn. Địa Tạng hiếu kính, trong hiếu kính đương nhiên có từ bi, trong hiếu kính có lý trí, hiếu kính lạc thực, một Địa Tạng tức là đầy đủ Quán Âm, Văn Thù, Phổ Hiền, không phải đều đầy đủ hết ư! Phổ Hiền Bồ Tát thực tiễn, trong thực tiễn nhất định phải có hiếu hạnh, nhất định phải có từ bi, nhất định có trí huệ, có phải là một Bồ Tát đầy đủ hết thấy Bồ Tát chẳng! Thế nên mới nói “*một là hết thấy, hết thấy là một*”, pháp pháp viên dung, pháp pháp vô ngại, như vậy bạn mới biết Phật pháp thật chẳng thể nghĩ bàn. Thế nên chúng ta ở đây thấy Ngài vì mẫu thân phát tâm, việc này thân thiết hơn bất cứ việc gì khác. Dạy cho chúng ta làm sao sanh khởi tâm hiếu thuận? Độ mẹ. Mẹ đối với chúng ta có ân đức lớn lao như vậy, bất luận chúng ta ở phương diện nào, ở lúc nào, niệm niệm chẳng quên. Niệm niệm chẳng quên trong tâm vì muôn báo ân mẹ không những chúng ta không thể làm việc sai quấy, ngay cả một tâm niệm ác cũng chẳng thể sanh lên, tại sao vậy? Có lỗi với mẹ, đó chẳng phải là kỳ vọng của mẹ đối với con. Mỗi năm cử hành một buổi tế lễ, đó là đền xướng Hiếu đạo, phát triển Hiếu đạo, dụng ý là ở chỗ này, là để làm lợi lạc cho người khác. “*Niệm niệm đều đoạn*

ác, niệm niệm đều tu thiện”, đây là vì cái tâm hiếu đối với mẹ ràng buộc chúng ta nhất định phải làm như vậy. Bạn xem sức mạnh của chữ Hiếu này bao lớn! Thúc đẩy chúng ta trên đường Bồ Đề luôn luôn tinh tấn, chẳng giải đãi.

Từ chỗ hiếu đối với mẹ liên tưởng đến vị thầy dạy dỗ chúng ta, chẳng có thầy thì làm sao chúng ta hiểu được hiểu đạo, thế nên ân đức của thầy giáo chẳng thể quên. Cụ Phác viết bốn chữ “*Tri ân báo ân*”, Thế Tôn nói bốn chữ này trong kinh Đại Bát Nhã, là pháp môn tu học của Nhị Địa Bồ Tát. Trong kinh Đại Bát Nhã, Nhị Địa Bồ Tát có tám khoa mục tu học chính, “*Tri ân báo ân*” là một trong tám khoa mục này. Trong thời đại ngày nay đặc biệt đáng được đề xướng, xã hội hiện nay người vong ân bội nghĩa rất nhiều, vong ân bội nghĩa là tội hạnh, là lỗi lầm, khổ báo; tri ân báo ân là chánh hạnh, Bồ Tát hạnh, quả báo là lạc báo (quả báo vui sướng), chẳng giống nhau. Ngày nay xã hội đại chúng phạm những lỗi lầm gì, chúng ta phải lấy những lỗi này để tìm cách chỉ dạy, giúp đỡ họ, như vậy mới đúng. Vì mẹ mà phát nguyện, như vậy rất thân thiết, cách giáo học này làm cho chúng ta thể hội được trí huệ cao độ của Thế Tôn, viên mãn trí huệ, thiện xảo phương tiện đạt đến mức cùng cực, làm cho chúng ta nghe đến, tiếp xúc đến, chẳng thể chẳng tin, không thể không học. Hết thấy những thiện pháp, những thiện hạnh đều từ hiếu thuận mẫu thân, cứu độ mẫu thân mà nảy sanh, đây thật là căn bản. Chánh hạnh của chúng ta trên đường Bồ Đề, thành tựu càng thù thắng thì sự hiếu kính mẫu thân càng viên mãn. Thế nên tôi thường nói chỉ có một người đạt đến mức hiểu đạo viên mãn, thành Phật; Phật quả trong Viên giáo, đạt đến cứu cánh viên mãn. Đẳng Giác Bồ Tát còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, hiểu đạo còn khiếm khuyết một phần.

Tại sao chúng ta phát tâm độ chúng sanh? Tại sao phát tâm đoạn phiền não? Tại sao phát tâm học pháp môn, thành Phật đạo? Vì báo ân mẹ. Nếu chúng ta chẳng làm vậy thì có lỗi đối với cha mẹ, đặc biệt là đối với mẹ. Chánh giáo đại pháp của Như Lai kiến lập trên cơ sở này, thế nên “*tứ hoằng thệ nguyện*” là nguyện chung, bốn nguyện của hết thấy chư Phật Như Lai. Địa Tạng Bồ Tát đặc biệt dùng “*bi tâm vô cùng*” hướng về khổ nạn chúng sanh, chúng sanh chịu khổ nạn càng nhiều, thì bi tâm của Bồ Tát càng nặng, thế nên trong kinh xưng Ngài là “*Vĩnh viễn làm U Minh giáo chủ*”. U Minh là địa ngục, thệ nguyện của Bồ Tát “*Địa ngục chưa trống không, thể chẳng thành Phật*”, bi tâm đạt đến cùng cực. Chỗ khổ nạn ở Địa Ngục này, những người thông thường

chẳng chịu đến, người ta không chịu đến nhưng Ngài đến; người khác chẳng chịu thọ nhận khổ nạn nhưng Ngài chịu nhận. Vào địa ngục thì trước hết phải hiện thân đồng loại với họ, nếu chẳng hiện thân đồng loại thì làm sao có thể dạy dỗ chúng sanh! Phải tu hạnh đồng loại, chúng sanh trong địa ngục chịu những sự khổ đó, Bồ Tát trong đó cũng phải thị hiện chịu đựng những sự khổ ấy, chẳng được đặc thù, chẳng thể ngoại lệ, như vậy mới có thể cảm hóa chúng sanh trong địa ngục [để họ có thể] giác ngộ, sám hối, quay về. Thế nên nhẫn chịu khổ, chịu nạn, đại từ đại bi, đây là Bốn Nguyên của Địa Tạng Bồ Tát, người tu học Đại Thừa sơ phát tâm như chúng ta phải học Địa Tạng Bồ Tát. Hôm qua tôi nhắc chư vị chữ U Minh còn có một nghĩa khác là *“hạ mình thấp xuống”*, vĩnh viễn ở vị trí thấp hơn người khác, hết lòng nỗ lực tu học giáo hóa chúng sanh, danh văn lợi dưỡng hết thấy hưởng thụ đều dâng hiến cho người khác, tự mình vĩnh viễn ở nơi thấp kém, đây là ý nghĩa của U Minh. Biệt đề của Đề Kinh giới thiệu đến đây chấm dứt.

b. THÔNG ĐỀ

Phía sau có chữ Kinh, Kinh là Thông Đề. Hết thấy pháp của chư Phật Như Lai nói, chúng ta đều tôn xưng là Kinh. Cách xưng hô này là thuận theo tập quán của người Trung Quốc, lúc Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc đối với lời giáo huấn của cổ thánh tiên hiền đều xưng là *“Kinh”*. Như nhà Nho có *“Thập Tam Kinh”*, Đạo gia Lão Tử tôn xưng *“Đạo Đức Kinh”*, Trang Tử tôn xưng *“Nam Hoa Kinh”*, đối với lời dạy của cổ thánh tiên hiền đều xưng hô như vậy. Sau khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc tôn kính Phật pháp, nên cũng xưng là kinh điển. Căn cứ vào sự giải thích trong kinh điển, nguyên văn của Phạn văn gọi là *“tu-đa-la”*. Nghĩa của tu-đa-la vốn là sợi chỉ, vì thời xưa kinh Phật được viết trên lá Bối, viết xong khoét lỗ ở hai đầu rồi dùng dây xỏ lại, thế nên mới gọi là tuyến (chỉ). Người Trung Quốc chẳng tôn kính chữ Tuyến này mà tôn xưng là Kinh.

Chữ *“tu-đa-la”* thông thường có năm nghĩa.

Ý nghĩa thứ nhất là *“Dũng Tuyến”*, giống như nước suối từ mặt đất vọt ra, đây là lấy cái ý: Nghĩa thú của Phật nói ra không cùng tận; chúng ta hiện nay gọi là *“rất có sức nhiếp thọ”* (lôi cuốn), càng đọc càng có mùi vị. Chẳng giống như văn tự của thế gian, nếu chư vị coi báo, tạp chí, coi một lần thì không muốn coi thêm lần thứ hai, tại sao? Coi xong một lần thì mùi vị hết rồi, chẳng còn nữa, mùi vị rất lợt lạt,

chẳng nồng. Những tác phẩm văn học hay, mọi người đều thích xem, thích đọc, nhưng đọc đến mười lần, hai mươi lần, ba mươi lần thì chẳng muốn đọc nữa, mùi vị của những cuốn này nồng hơn báo chí, tạp chí rất nhiều, nồng đến mức bạn có thể coi mười mấy lần, mấy chục lần. Nhưng kinh điển thì không như vậy, mùi vị của kinh điển vĩnh viễn chẳng bao giờ phai nhạt, chúng ta có thể so sánh. Những tác phẩm văn học trứ danh ở Trung Quốc, bốn tiểu thuyết lớn: Tây Du Ký, Thủy Hử Truyện, Tam Quốc Diễn Nghĩa, Hồng Lâu Mộng, đây là bốn tiểu thuyết văn nghệ trứ danh của Trung Quốc, bạn có thể coi mấy lần? Coi mười lần, hai mươi lần thì sẽ chẳng muốn coi nữa. Nói cho chur vị biết tôi coi qua mười lần, hai mươi lần, đó là lúc tôi còn đi học. Cuốn sách dày như vậy tôi nói với các bạn đồng học, cuốn sách này tôi coi từ đầu đến cuối lâu lắm là một tuần. Từ lớp bốn tiểu học tôi bắt đầu coi tiểu thuyết văn nghệ cổ điển Trung Quốc, tôi coi đến lớp một sơ trung (nghĩa là lớp sáu ngày nay) thì không coi nữa, những thứ này hết mùi vị rồi. Nhưng Tứ Thư, Ngũ Kinh, Cổ Văn bạn coi từ tiểu học đến lúc râu tóc bạc phơ vẫn còn mùi vị, vẫn còn hấp dẫn, chẳng giống tiểu thuyết, ý vị vô cùng tận. Mùi vị của kinh Phật còn nồng hơn nhiều, nếu chur vị có thể khế nhập vào kinh điển Đại Thừa của Phật, thì sẽ chẳng coi điển tịch thế gian nữa. Trước kia lúc mới học, đối với Tâm Lý Học rất hứng thú, tôi tìm được rất nhiều tác phẩm trứ danh của

Trung Quốc, ngoại quốc, nhưng chưa coi hết. Sau này tiếp xúc đến Phật pháp, tiếp xúc đến Pháp Tướng Duy Thức trong Phật pháp, coi xong rồi so sánh hết thấy Tâm Lý Học trên thế giới với Pháp Tướng Duy Thức, thua xa. Mùi vị của Phật pháp nồng hậu, giống như nước suối vọt ra từ lòng đất.

Ý nghĩa thứ hai là “*Xuất Sanh*”, có thể sanh hết thấy thiện pháp vi diệu. Thế nên đọc kinh Phật xong, tâm của bạn sẽ thiện, hạnh của bạn sẽ thiện, tự nhiên sẽ thiện, dẫn dắt tánh đức của bạn hiển lộ, cái thiện này chẳng phải học mới có.

Ý nghĩa thứ ba là “*Thắng Mặc*”, thắng mặc dùng lời nói hiện nay là tiêu chuẩn, là tiêu chuẩn quyết định giữa chân - vọng, tà - chánh, thị - phi, thiện - ác, lợi - hại. Thắng mặc là thí dụ, đại khái ở Trung Quốc hiện nay vẫn còn, thợ mộc lúc cưa cây dùng một sợi dây đen có phết mực gạch lần, sau đó cưa theo lần mực này; hiện nay người Âu Tây chẳng dùng vật dụng này, ý nghĩa của nó là tiêu chuẩn.

Ý nghĩa thứ tư là “*Hiển Thị*”, có thể hiển thị chân lý.

Ý nghĩa thứ năm là “*Kết Man*”, kết man nghĩa là thông suốt (quán

xuyên) chư pháp, dùng cách nói của chúng ta hiện nay tức là khoa phán, cách học chương cú; tổ chức văn tự của nó từ thí đến chung một mạch tiếp nối, mạch lạc có thứ tự, là ý nghĩa này. Văn tự kết cấu nghiêm chỉnh, tư tưởng thể hệ rất rõ ràng. Tu-đa-la có năm ý nghĩa trên đây.

Còn có nhiều ý nghĩa, như đại sư Thanh Lương trong kinh Hoa Nghiêm đã nói hết mười ý nghĩa, Hoa Nghiêm dùng số mười tượng trưng cho viên mãn. Chúng ta thường giải thích ý nghĩa của kinh hơn phân nửa đều dùng bốn chữ “*Quán - Nhiếp - Thường - Pháp*” để giải thích, phổ biến cũng giảng được rất hoàn hảo. “*Quán*” tức là quán xuyên, có nghĩa như kết man, cách thuyết pháp của Phật rất điều lý, thứ tự, mạch lạc, đây là cách học khoa phán. Giới học thuật ở Trung Quốc thời kỳ sau này có môn học chương cú, thật ra cách học chương cú tức là cách học khoa phán biến đổi từ kinh Phật, Phật pháp ảnh hưởng rất sâu đậm đối với giới học thuật Trung Quốc. Cách phiên âm (phiên âm) cũng học từ chữ cái trong kinh Hoa Nghiêm. Đây là ý nghĩa của chữ Quán.

“*Nhiếp*” nghĩa là nhiếp thọ, tức là ý nghĩa “*dùng tuyên*” nói ở phía trước, trong đó mùi vị vô cùng tận, có thể nhiếp thọ nhân tâm, làm cho bạn tiếp xúc đến, đọc đến muốn bỏ xuống cũng không được, bạn sẽ hoan hỷ phi thường, nó có sức mạnh như vậy. Vả lại pháp vị này vĩnh viễn chẳng suy thoái, càng thâm nhập thì càng nồng hậu, đây là điều mà bất cứ sách vở nào trong thế gian đều chẳng làm được, kinh có sức nhiếp thọ vô cùng nồng hậu như vậy. “*Thường*” nghĩa là lý luận và phương pháp nói trong kinh vĩnh viễn chẳng thay đổi, siêu việt thời gian và không gian. Ba ngàn năm trước tuân theo lý luận và phương pháp này tu học có thể thành tựu, hiện nay ba ngàn năm sau, người hiện đại dùng những phương pháp, lý luận này cũng có thể thành tựu, siêu việt thời gian. Thời xưa người Ấn Độ dùng phương pháp này có thể thành tựu, hiện nay người Trung Quốc dùng phương pháp này cũng có thể thành tựu, siêu việt không gian. Những tác phẩm siêu việt thời gian và không gian là chân lý. “*Pháp*” tức là pháp tắc, quy củ, y chiếu theo phương pháp tu hành, thì bạn nhất định thành công. Kinh điển đầy đủ bốn ý nghĩa “*Quán-Nhiếp-Thường-Pháp*”. Chúng ta giới thiệu Đề Kinh đến đây chấm dứt, đề mục của kinh này nói gộp lại là Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh.

Chúng ta y theo lý luận và phương pháp trong kinh này tu học, thành tựu pháp môn Địa Tạng cho mình. Dùng cái này làm cơ sở mới có thể xây dựng hết thấy Phật pháp Đại Thừa, xây dựng phương pháp của Tịnh Tông; lìa khỏi cơ sở này, nói cho chư vị biết bất luận Phật pháp gì

cũng chẳng thể xây dựng. Hết thầy pháp Đại Thừa, pháp môn Tịnh Độ được kiến lập trên cơ sở này, rời khỏi cơ sở này thì chẳng có Phật pháp, điểm này quan trọng hơn bất cứ gì khác. Thế nên chân chánh học Phật, hy vọng mình có thể thành tựu trong đời này thì chẳng thể chẳng coi trọng pháp môn này, không thể không hết lòng tu học. Cổ đức trước khi giảng kinh còn phần Huyền Nghĩa, lý luận trong đó cũng mỹ mãn phi thường, vì thời gian có hạn nên chúng ta phải lược bớt phần này, hình như trước kia tôi cũng có giảng qua. Có lưu lại bằng thân âm hay không tôi cũng không nhớ rõ, để lại rất nhiều tài liệu, nếu có thì chur vị có thể tìm để tham khảo.

c. NHÂN ĐỀ

Kế tiếp chúng ta xem Nhân Đề, tức là người phiên dịch kinh này.

Đời Đường, người nước Vu Điền, Tam Tạng Sa Môn Thật Xoa Nan Đà (Siksananda, 652-710) dịch.

Trong kinh Phật, người phiên dịch rất quan trọng, [ghi rõ tên người dịch] là để cho chúng ta sanh khởi tín tâm. Kinh Phật được dịch từ Phạn văn của Ấn Độ, là những lời của đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói lúc Ngài còn tại thế. Nói rõ kinh chẳng phải ngụy tạo, chẳng phải do “*giá cơ phù loan*”, chẳng phải thần tiên giáng xuống [nói ra], những thứ này không thể làm cho người ta tin được. Chuyện phù loan này, lúc tôi còn nhỏ hình như lúc học tiểu học, ở Phước Kiến, tôi thấy ở Phước Kiến phong tục phù loan rất thịnh, thấy cách làm của họ tôi có thể tin. Vì người phù loan, phù loan trên cát, cũng rất cầu kỳ. Loan bút, cũng gọi là phù cơ, gọi là cơ bút; họ khắc một đầu rồng, lúc lưỡi của rồng hạ xuống tức là cán bút. Dùng một cái nĩa (cái sàng) xúc nhỏ, trang hoàng rất đẹp. Người phù loan hơn phân nửa là những người ngoài đường gánh nước, bán củi, lúc đó vào trước thời kỳ kháng chiến, phần đông nhà người ta không có nước máy [từ ống dẫn nước đến từng nhà], phải mua nước, có người chuyên môn gánh nước đi bán, những người này không biết chữ; ẹn có những người bán củi nữa. Họ không có học, mù chữ, cứ tùy tiện tìm những người này ngoài đường, nhờ họ đến để phù loan. Cho nên chúng ta đứng kế bên đều nhận ra được những chữ viết trên mặt cát, họ viết rất ngay ngắn, chẳng viết tháo tí nào, từng nét từng nét viết ra, đại khái từ nửa giờ đến một giờ có thể viết ra mấy chục chữ, xong rồi người ta chép những chữ này lại. Tôi rất tin chuyện này, vì bản thân họ chẳng biết chữ, đặc biệt là chẳng phải người cố định, tùy tiện tìm đến, tôi rất

tin. Còn ở Đài Loan nhìn thấy những sự phù loan ấy thì tôi chẳng tin. Tại sao? Người phù loan là một người cố định, vả lại bản cơ này vừa chuyển động thì những chữ trong ấy chúng tôi coi một chữ cũng không nhận ra. Còn trong vòng nửa giờ miệng họ đọc ra cả một, hai ngàn chữ, thế nên thấy [họ làm] như vậy tôi không tin. Đại khái đó là nguy tạo, chẳng phải thật. Kinh Phật chẳng phải những loan bút của quỷ thần viết ra, đích thật là từ Phạm văn Ấn Độ phiên dịch thành. Thế nên có ghi năm phiên dịch, có nơi chốn phiên dịch, có người phiên dịch, đủ để chứng minh tánh chất chân thật của kinh.

Trong đề này, “*người dịch*”, triều đại là đại biểu cho thời gian, đây là đời Đường, thời đại đời Đường. Pháp sư phiên dịch chúng ta cũng phải biết. Thời xưa công việc dịch kinh chẳng do một người làm, Dịch Trường là cơ cấu, nơi chốn dịch kinh, do quốc gia xây dựng. Người tham gia công tác phiên dịch này rất nhiều, công việc phân phối rất kỹ càng. Người dịch là người chịu trách nhiệm ở Dịch Trường, giống như viện trưởng Viện Dịch Kinh, hết thầy kinh dịch ra đều dùng tên của người này, người này chịu trách nhiệm; giống như vị trưởng quan trong một cơ quan, những người làm công tác [phiên dịch] có thể là người dưới quyền của vị này. Trong ấy có rất nhiều pháp sư, cư sĩ tham gia công tác dịch kinh; khi kinh được dịch xong, dùng tên của người này vì họ chịu trách nhiệm. Cũng như tổ chức trong chánh phủ, trưởng quan trong chánh phủ, một người thị trưởng ký những văn kiện, thông cáo, những thứ này đều do thư ký, nhân viên, khoa trưởng soạn ra bản thảo, ông thị trưởng này coi xong, chấp thuận, đóng dấu, ghi tên của ông ta, ông chịu trách nhiệm. Chúng ta phải hiểu việc này, không nhất định là do ông ta phiên dịch.

Vị pháp sư này là người nước Vu Điền (Khotan), Vu Điền hiện nay là Tân Cương, vào đời Đường là một nước nhỏ ở Tây Vực. Chỗ này nói rõ quê quán của pháp sư, ông là người nước đó, ông xuất hiện vào thời nào; Đường là đại biểu cho thời đại, Vu Điền là quê quán của ông. “*Tam Tạng Sa Môn*” là đại biểu cho trình độ học vấn của pháp sư. Thông thường được gọi là Tam Tạng Pháp Sư, lão nhân gia khách khí chẳng dám xưng pháp sư, chỉ xưng là Sa Môn. Sa môn là một danh từ xưng hô rất khiêm tốn, dùng ngôn ngữ hiện nay tức là “*học sinh*”, vẫn còn đang học tập, chẳng dám xưng là Sư (thầy), chỉ xưng là học sinh, địa vị bình đẳng với mọi người, mọi người đều là đồng học. “*Tam Tạng*” chữ này nhất định phải ghi ra, nếu chẳng thông đạt Tam Tạng thì không có tư cách dịch kinh, pháp sư dịch kinh nhất định phải thông đạt Tam

Tạng thì mới có tư cách dịch kinh; người này đều phải thông suốt Tam Tạng Kinh, Luật, Luận. Sa Môn là Phạn ngữ, ở Ấn Độ phàm là người xuất gia đều xưng là Sa Môn, không nhất định phải là Phật giáo. Những người xuất gia tu hành trong những tôn giáo khác như Bà La Môn giáo, Du Già, Số Luận, đều xưng là Sa Môn. Sau khi danh xưng Sa Môn được truyền đến Trung Quốc thì biến thành danh xưng chuyên dùng của những người xuất gia trong nhà Phật, ý nghĩa của chữ này là “*Siêng tu giới-định-huệ, tiêu diệt tham-sân-si*”, như vậy thì xưng là Sa Môn. Đây là cách xưng hô khiêm tốn của pháp sư.

“*Thật Xoa Nan Đà*” cũng là Phạn văn dịch âm, có nghĩa là “*Hỷ học*”, hoan hỷ học tập. “*Dịch*” là phiên dịch, chữ này không nói nhiều nữa, là Thật Xoa Nan Đà đại sư dịch ra bộ kinh này. Ở Trung Quốc pháp sư còn dịch một bộ hiện nay mọi người đều đọc tụng, đó tức là Bát Thập Hoa Nghiêm, tám chục quyển Hoa Nghiêm cũng là do lão nhân gia phiên dịch, thế nên Ngài có công hiến rất lớn đối với Phật Giáo Trung Quốc. Ở nơi đây chúng ta đọc kinh, đối với đại ân đại đức của người truyền pháp này, chúng ta cũng không thể quên ân, nếu không có Ngài phiên dịch thì chúng ta sẽ chẳng đọc được bộ kinh này. Chẳng có tổ sư đại đức truyền qua nhiều đời thì chúng ta cũng chẳng có duyên gặp được kinh này, thế nên đối với lịch đại tổ sư chúng ta phải dùng tâm biết ơn để đối đãi. Cảm ơn nhất định phải báo ân, báo ân tức là phải hết lòng nỗ lực học tập, đây mới là chân thật “*trên đền bốn ân nặng*”; có thể báo ân, nhất định có thể “*dưới cứu độ ba đường khổ*”, thế nên báo ân, độ khổ là một sự việc. Hạnh báo ân này của bạn làm cho người khác nhìn thấy, có thể sanh khởi cảm phát, có thể giác ngộ, quay về, sửa sai đổi mới, thì sẽ đạt được hiệu quả chân thật của sự độ hóa chúng sanh.

Kinh văn của kinh này tổng cộng có mười ba phẩm, thứ nhất là phẩm Tựa, nhưng tên của phẩm này gọi là “*Đạo Lợi Thiên Cung Thần Thông Phẩm*”. Trong phẩm kinh này đức Phật nói rõ cho chúng ta, Thích Ca Mâu Ni Phật biểu diễn cho chúng ta xem, Ngài ở thế gian này thị hiện tu học, thành đạo, dạy học, đó gọi là chuyển pháp luân, độ chúng sanh. Duyên phận giáo hóa chúng sanh gần đến chung kết thì đức Phật phải thị hiện diệt độ, trước lúc ấy đặc biệt vì chúng ta thị hiện báo ân mẹ. Chúng ta thấy trong kinh, sau khi đức Thế Tôn ra đời, mẹ của Ngài liền qua đời và sanh lên cõi trời Đạo Lợi, nên Ngài phải lên cung trời Đạo Lợi thuyết pháp cho mẹ nghe. Trụ trên trời Đạo Lợi hết ba tháng, thuyết pháp cho mẫu thân, tức là thuyết bộ Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh này. Pháp hội trên trời Đạo Lợi kỳ này vô cùng thù thắng! Thế Tôn vì

chúng ta nói ra nhân địa đời quá khứ của Địa Tạng Bồ Tát, những công án, nhân duyên của Ngài độ mẫu thân, đây là như người ta thường gọi “*cổ sự*”. Hy vọng chúng ta nghe xong có thể cảm phát, học tập theo Địa Tạng Bồ Tát, đặt nền móng vững chắc cho cơ sở tu học Đại Thừa, đây là nghĩa thú của phẩm kinh này.

C. PHÂN TỰA

PHẨM THỨ NHẤT: THẦN THÔNG TRÊN CUNG TRỜI ĐAO LỢI

忉利天宮神通品第一

Bây giờ chúng ta coi kinh văn. Đoạn mở đầu kinh văn:

Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Đao Lợi thiên, vị mẫu thuyết pháp.

如是我聞。一時佛在忉利天。為母說法。

(Tôi nghe như vậy, một thuở nọ đức Phật tại cung trời Đao Lợi vì mẹ thuyết pháp.)

Đoạn mở đầu ở đây khác với những kinh khác. “*Như thị ngã văn*”, bốn chữ này nói một cách đơn giản là do người kết tập kinh nói ra, do tôn giả A Nan nói ra. “*Như thị*” bộ kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên này là do “*Ngã*”, Ngã (tôi) tức là tôn giả A Nan tự xưng, đích thân nghe Phật nói, chẳng phải là nghe người khác nói lại. Giống như Lý Trường Giả¹⁰ trong [cuốn chú giải] kinh Hoa Nghiêm nói tôn giả A Nan vì chúng ta lập lại bộ kinh này, mỗi chữ mỗi câu đều giống như Phật đã nói, là Phật đã nói, nhất định chẳng dám xen một tí tư tưởng của mình vào trong ấy, đó là ý nghĩa của bốn chữ “*Như thị ngã văn*”. “*Nhất thời*” thật ra thời gian này rõ ràng phi thường, ba tháng trước khi đức Phật diệt độ. Nhưng vẫn dùng chữ “*nhất thời*” tốt, “*nhất thời*” lúc có cảm ứng đạo giao, lúc thầy trò tâm đồng, chí hợp, thế nên ý nghĩa của chữ “*nhất thời*” vô cùng sâu đậm, vô cùng viên mãn! Nếu ghi chép năm, tháng, ngày, giờ thì pháp môn này được kể là đã qua rồi, sẽ chẳng trở lại; “*nhất thời*” là một chữ sống động, chẳng chết cứng. Giống như đại sư Thiên

¹⁰ Lý Trường Giả ở đây là ngài Táo Bá Lý Thông Huyền (635-730). Tác phẩm chú giải kinh Hoa Nghiêm của ông gọi là Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận.

Thái Trí Giả, lão nhân gia đọc kinh Pháp Hoa, trong lúc không hay không biết thì Ngài nhập định, trong định Ngài nhìn thấy đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở núi Linh Thứu giảng kinh Pháp Hoa, Ngài còn ngồi nơi đó, nghe một chốc lát. Sau khi xuất định nói với người khác, pháp hội giảng kinh Pháp Hoa của Thế Tôn ở núi Linh Thứu còn chưa giải tán. Thật đó, cũng giống như Thế Tôn trong kinh Pháp Hoa nói: “*Thế gian tướng thường trụ*”.

Thời cận đại, Ái Nhân Tư Thản (Einstein) cũng nói quá khứ, hiện tại, vị lai tồn tại cùng lúc. Hiện nay vấn đề ở chỗ nào? Làm sao đột phá thời gian quá khứ, hiện tại, và vị lai? Hiện nay khoa học gia biết quá khứ, hiện tại, vị lai tồn tại cùng lúc, nhưng chẳng có phương pháp gì để đột phá. Nếu đột phá được thì bạn có thể trở về quá khứ, và cũng có thể đi vào tương lai, nói cách khác chuyện gì trong quá khứ, vị lai bạn đều biết rõ ràng. Họ chẳng biết dùng phương pháp gì đột phá, muốn dùng máy móc khoa học [nhưng không được]. Trên thực tế Phật pháp dùng công phu thiền định, định lực của bạn càng sâu, thì bạn đột phá càng rộng. Chúng ta thể hội đến định lực của đại sư Trí Giả có thể đột phá hai ngàn năm, thời đại của Ngài đại khái cách đời chúng ta hiện nay khoảng một ngàn bốn trăm năm, cách đức Phật Thích Ca Mâu Ni khoảng gần hai ngàn năm, cỡ một ngàn bảy, tám trăm năm. Ngài có thể đột phá một đoạn thời gian dài như vậy, có thể nhìn thấy Thế Tôn còn đang thuyết pháp ở núi Linh Thứu, hiện nay người ta nói đi ngược thời gian, Ngài có thể đi về quá khứ, việc này chứng minh “*nhất thời*” có đạo vị. “*Nhất thời*” là lúc nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn tức là thiền định.

Hiện nay tại sao chúng ta không thể trở về quá khứ? Chẳng thể đi vào tương lai? Tâm của chúng ta tạp loạn, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước quá nhiều, cho nên khả năng này đã mất. Chư vị phải biết khả năng này là bản năng đáng lý có sẵn; bản năng đáng lý có sẵn hiện nay chẳng còn nữa, bị mất. Thế nên Phật dạy chúng ta tu thiền định, pháp môn Tịnh Tông dạy chúng ta niệm Phật, nhất tâm bất loạn. Khi bạn đạt được nhất tâm bất loạn, nói chính xác hơn là bạn được Sự Nhất Tâm Bất Loạn thì ba ngàn năm trước và ba ngàn năm sau chẳng thành vấn đề, bạn nhất định sẽ biết. Nếu đạt được Lý Nhất Tâm Bất Loạn, tận hư không trọn khắp pháp giới, chuyện quá khứ vị lai bạn đều biết hết, khả năng của bạn sẽ tương đương với chư Phật Như Lai. Thế nên “*nhất thời*” là chính xác, chữ này đáng được chúng ta tán thán.

Được rồi, hôm nay chúng ta giảng đến đây thôi.

Tập 03 (Số 14-12-03)

Xin mở kinh trang số một:

Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Đao Lợi thiên, vì mẫu thuyết pháp.

如是我聞。一時佛在忉利天。為母說法。

(Tôi nghe như vậy, một thuở nọ đức Phật tại cung trời Đao Lợi vì mẹ thuyết pháp.)

Trong đoạn này chúng ta giảng đến “*nhất thời*”, ý nghĩa của “*nhất thời*” cần phải bổ sung một chút. Trong Phật pháp, thời gian có hai cách nói: Một là “*Sát Na Tế*”, Phật nói đây là “*thật thời*”, tức là chân thật, là chân tướng của thời gian. Ngoài ra còn có một danh từ gọi là “*Tam Ma Da*”, có nghĩa là “*trường thời*”, ngày nay chúng ta gọi là: Tướng tiếp nối. Trong kinh Kim Cang có nói: “*Như lộ, diệt như điện*”, lộ là sương, chúng ta biết thời gian rất ngắn, buổi sáng có sương, khi mặt trời mọc thì sương tan. Dùng việc này để ví cho “*trường thời*”, ví cho tướng tương tục; điện (ánh chớp) ví cho thời gian chân thật. Thời gian chân thật trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thập Định gọi là “*sát-na-tế*”¹¹ (trong khoảng một sát-na), đó mới là thật.

¹¹ Sát na (khana hoặc ksana), dịch nghĩa là Tu Du (trong khoảnh khắc), Niệm Khoảnh (trong khoảng một niệm), tức là khoảng thời gian để một niệm dấy lên và mất đi, rất ngắn ngủi. Có nhiều cách giải thích chữ này:

1. Theo Câu Xá Luận, quyển 12: Một trăm hai mươi sát na gọi là một Đát Sát Na (tat-ksana), sáu mươi Đát Sát Na là một Lạp Phục (lava), ba mươi Lạp Phục là một Mâu Hô Lật Đà (muhūrta). Ba mươi Mâu Hô Lật Đà là một ngày đêm. Như vậy, Sát Na tương đương khoảng 0.013 giây.

2. Theo Ma Ha Tăng Kỳ Luật, quyển 17, Sát Na còn gọi là Niệm, cứ 20 Niệm là một Thuần, hai mươi Thuần là một Đàn Chi (khảy ngón tay), 20 Đàn Chi là một La Dự (Lạp Phục), hai mươi La Dự là một Tu Du, ba mươi Tu Du là một ngày đêm. Như vậy, một Niệm tương đương với 0.018 giây.

3. Theo Đại Trí Độ Luận, quyển 83, sáu mươi niệm là một Đàn Chi.

4. Có thuyết lại cho Niệm là đơn vị lớn hơn Sát Na, như trong Nhân Vương Kinh nói thì chín mươi sát na là một niệm, còn Vãng Sanh Luận lại nói sáu mươi sát na là một niệm.

5. Cũng theo Nhân Vương Kinh (bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập) thì một sát na gồm chín trăm lần sanh diệt, còn Vãng Sanh Luận chú lại cho rằng một sát na có một trăm lẻ một lần sanh diệt.

Chúng ta rất khó cảm nhận được quan niệm “*sát-na-tế*”. Hiện nay khoa học tiên bộ, dùng máy móc khoa học để quan sát chúng ta mới cảm nhận được chút ít. Nhưng thật ra “*sát-na-tế*” chính là như trong kinh thường nói: “*Sanh diệt đồng thời*”, vì thời gian sanh diệt của nó quá ngắn ngủi, lực căn chúng ta chẳng thể cảm nhận được. Những gì lực căn của chúng ta có thể cảm nhận, nói cách khác, phải là thời gian tương đối dài. Vừa mới kích thích liền phản ứng tức thời, tuy là nói “*lập tức*” nhưng cũng phải trải qua thời gian rất dài. Nếu nói là “*sát-na-tế sanh diệt*” thì chúng ta hoàn toàn cảm nhận không được. Không những phàm phu lục đạo chúng ta, người cõi trời thông minh hơn con người, cảm ứng linh mẫn hơn nhiều nhưng cũng chẳng cảm nhận tới, thậm chí Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát [cũng không được]. Trong kinh Phật nói với chúng ta Bát Địa Bồ Tát mới có thể nhìn thấy A Lại Da, A Lại Da thuộc về “*sát-na-tế*”, phải có công phu định lực sâu như Bát Địa Bồ Tát mới cảm nhận đến “*sát-na-tế*”. Sát-na sanh diệt, trong kinh Phật thường dùng “*chẳng sanh chẳng diệt*” để hình dung. Nếu không có sanh diệt thì nói “*chẳng sanh chẳng diệt*” là thừa, chẳng có ý nghĩa gì hết; thật ra chẳng sanh chẳng diệt nghĩa là đích thật có sanh, có diệt, nhưng vừa sanh đã diệt mất rồi, hầu như sanh diệt đồng thời, cho nên mới gọi là “*chẳng sanh chẳng diệt*”; lời nói này mới có ý nghĩa, sanh diệt đồng thời, thời gian ngắn ngủi đến cùng cực. Nói thật ra khoa học kỹ thuật hiện nay tuyệt chẳng thể đo lường thời gian ngắn ngủi này được, thời gian máy móc có thể đo lường được đã rất dài rồi.

Đây là chữ “*nhất thời*” nói trong kinh, chữ này hoàn toàn là chân thật, chúng ta phải lắng lòng thể hội. Nếu hiểu được “*nhất thời*” thì bạn sẽ hiểu được “*hết thấy pháp chẳng sanh chẳng diệt*”, được vậy thì chẳng lo sợ sanh tử nữa, bạn hiểu được “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”. Tướng hư vọng chẳng sanh chẳng diệt, đó mới là chân tướng, nhưng chúng ta chẳng thấy được, Bát Địa Bồ Tát trở lên mới nhìn thấy. “*Nhất thời*” ở đây nếu muốn nói trên sự tướng thì chính là lúc cơ duyên đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thành thực, đó gọi là “*nhất thời*”. Cách nói này cũng viên mãn phi thường, hết thấy kinh đều dùng chữ này, nhân duyên Phật giảng bộ kinh này đã thành thực rồi.

Nhân duyên lần này vô cùng đặc biệt, thù thắng, chỗ giảng kinh cũng rất hy hữu, Phật ở tại cung trời Đao Lợi chứ chẳng phải ở chỗ khác. “*Phật*” là chủ thành tựu, người chủ giảng trong pháp hội này, Bốn Sư

Còn nhiều thuyết khác nữa, nhưng đều cùng chia sẻ chung một đặc tính: Sát na cực ngắn ngủi, không thể cảm nhận được bằng giác quan thông thường.

Thích Ca Mâu Ni Phật. Chữ “*tại*” rất hoàn hảo, đặc biệt là nói trên sự tương. Nói “*tại*” cũng là lời chân thật! Người thế gian chúng ta có rất nhiều sự hiểu lầm, [nhiều khi có] một quan niệm sai lầm cả đời cũng chẳng biết. Chúng ta cử ra vài thí dụ đơn giản, buổi sáng thức dậy rửa mặt, mặt cần phải rửa hay không? Các bạn nói mặt cần phải rửa không? Nói rửa mặt là sai rồi, rửa những chất dơ trên mặt chứ chẳng phải rửa mặt. [Cũng như nói] giặt quần áo, quần áo cần giặt không? Chỉ giặt những bụi bặm trên quần áo. Các bạn nghĩ xem chúng ta có bao nhiêu quan niệm sai lầm. Chùi bảng đen trong phòng học, bảng đen cần phải chùi hay không? Chùi là chùi bụi phấn chứ đâu phải là chùi bảng đen, bảng đen chùi một cái thì sơn đen tróc mất, đâu còn gọi là bảng đen nữa. Thế mới biết trong đời sống hằng ngày bạn nghĩ xem có bao nhiêu quan niệm sai lầm, sai quá chừng, ai cũng sai nhưng cứ nghĩ như vậy là đúng. Đến lúc đức Phật nói sự thật ra, mình nghe xong cảm thấy kỳ lạ.

Chữ “*tại*” là lời nói chân thật, nếu nói bạn “*trụ*” là không đúng, bạn làm sao trụ? Hôm nay dọn lại đây, ngày mai dọn tới chỗ kia, đâu có trụ, chỉ nói thân thể lúc bấy giờ ở tại đâu, nói như vậy mới đúng. Thế nên mới nói “*Phật tại*”. Thật ra chúng ta cũng “*tại*”, hôm nay tại Tân Gia Ba, hiện nay tại Tịnh Tông Học Hội, tối nay tại Cư Sĩ Lâm, đều là “*tại*”. “*Trụ*” là ở đó chẳng động; thường di động thì gọi là “*tại*”. Chữ “*trụ*” trong Phật pháp là gì? Tâm an trụ. Bạn trụ trong cung điện lâu các, Phật ở nơi đây gọi cung điện lâu các là từ bi, tâm an trụ trong từ bi, tâm an trụ trong chánh giác, đó gọi là “*trụ*”, vĩnh viễn chẳng rời khỏi thì gọi là “*trụ*”. Thân luôn luôn di động thì gọi là “*tại*”, cho nên trên sự tương thì gọi là “*tại*”.

Lần này Phật ở đâu? Tại “*Đao Lợi thiên*”, tầng trời thứ hai trong Dục Giới. Người thế gian biết có thiên, biết có thiên thần, rất cung kính thiên thần, xưng Ngài là Thượng Đế, người Trung Quốc xưng Ngài là Ngọc Hoàng Đại Đế, đại khái đều là Đao Lợi thiên chủ. Họ không biết bên ngoài cõi trời còn cõi trời khác. Phật nói với chúng ta thế giới Sa Bà có hai mươi tám tầng trời, số lượng trong mỗi tầng cũng vô lượng vô biên, từ dưới lên trên có hai mươi tám tầng chia thành Tam Giới: Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Dục Giới là cõi còn dục vọng, ăn uống, nam nữ, vẫn chưa đoạn dứt nhưng càng lên cao thì càng mỏng dần. Đến Sắc Giới thì dục vọng này chẳng còn nữa, chúng ta thường nói người ở cõi trời Sắc Giới chẳng còn những thứ: Tiền tài, sắc đẹp, tiếng tăm, ăn uống, ngủ nghỉ này nữa. Người cõi Sắc Giới chẳng cần ăn uống, cũng chẳng cần ngủ nghỉ, vĩnh viễn tỉnh thức; chẳng cần ăn uống, dùng thiên

duyet làm thức ăn nhưng họ còn sắc thân, có sắc tướng. Đến Vô Sắc Giới là cõi phàm phu cao cấp nhất trong lục đạo, ngay cả thân thể này họ cũng chẳng cần nữa. Trước khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, đời cổ Trung Quốc xuất hiện một người có đại trí huệ, Lão Tử. Lão Tử nói: *“Tôi có niềm ưu tư to lớn vì tôi có cái thân này”*¹². Tôi có âu lo lớn lao, đó là gì? Vì có thân này là một sự phiền lụy, phiền phức. Ngài có sự giác ngộ như vậy, có lẽ Lão Tử đã sanh lên cõi Vô Sắc Giới, vì Ngài chán ghét thân thể, sắc tướng này. Ở cõi Vô Sắc Giới thì sắc tướng chẳng còn nữa. Một số người chúng ta thường nói đến *“Linh Giới”* chắc là nói về Vô Sắc Giới thiên, trong cõi ấy rất tự tại vì chẳng có sắc tướng. Trên đây là cách phân loại, phân chia thành tam giới, hai mươi tám tầng trời, đây là một phạm vi trong sự giáo hóa của đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có sanh tử hay không? Nói cho chư vị biết, chẳng có. Chỉ là ứng hóa, Ngài xuất hiện ở thế gian này, là dùng ứng thân xuất hiện. Chúng ta nhìn thấy Ngài có sanh, có diệt, thực sự Ngài diệt xong là đến tinh cầu khác, đến chỗ khác lại xuất hiện giáo hóa chúng sanh, đây là hiển thị sự đại tự tại. Phật có rất nhiều cách giải thích cho chữ *“Thân”*, kinh Hoa Nghiêm nói có mười Thân, thông thường thì chúng ta nói ba Thân; ba thứ nói kỹ thì chia thành mười thứ, mười thứ quy nạp lại thì thành ba. Thứ nhất là *“Pháp Thân”*, là chân thân, hết thấy thân đều sanh từ thân này. Do đó pháp thân là thân căn bản nhất, có thể sanh hết thấy vạn pháp, có thể hiện thân tướng của chúng ta, có thể hiện tướng cõi nước, sơn hà đại địa, tất cả thân tướng đều từ pháp thân biến hiện thành. Thứ hai là *“Trí Thân”*, cũng gọi là *“Báo Thân”*, là thân trí huệ, nghĩa là trí huệ của Ngài đã khai mở, trí huệ đã hiện tiền, đối với hết thấy vạn sự vạn vật trong vũ trụ nhân sinh chẳng gì không biết, chẳng gì không thể. Thứ ba là *“Ứng Hóa Thân”*, có hai ý nghĩa. Ứng Thân là tùy loại hiện thân, nên dùng thân gì để được độ thì Ngài liền hiện thân ấy. Thế nên Phật đến nhân gian, đến cõi nào, Ngài chẳng có chướng ngại, vô cùng tự tại, muốn đến thì đến, muốn đi thì đi, đến đi tự do.

Chẳng giống phàm phu chúng ta, chúng ta mang Nghiệp Báo Thân, chẳng tự do tí nào, hoàn toàn chịu sự chi phối của nghiệp lực. Nói chịu nghiệp lực không chế thì mọi người khó hiểu, chúng ta nói cách khác, chịu vận mạng không chế, chịu vận mạng chi phối thì mọi người dễ hiểu, thế nên: *“Tất cả đều là vận mạng, nửa điểm cũng chẳng do*

¹² Nguyên văn: Ngô hữu đại hoạn, vi ngô hữu thân.

người”, bạn nói như vậy có khổ không? Mạng là gì? Mạng chính là nghiệp, nghiệp báo. Trước kia tạo thiện nghiệp, đời này được thiện báo, quá khứ tạo ác nghiệp, đời này chịu quả báo chẳng thiện, thế nên những thọ dụng cả đời này, ngạn ngữ có câu: “*Một miếng ăn, miếng uống, chẳng gì là không định sẵn*”¹³, tức là đạo lý này, đúng là nửa điểm - một tí gì cũng chẳng do người.

Nhưng Phật, Bồ Tát đến thế gian này, quý Ngài đến đầu thai và cũng thị hiện chết đi, quý Ngài sanh tử tự tại, không phải do nghiệp lực mà là nguyện lực. Ở thế gian này muốn sống cuộc đời như thế nào thì sống như thế ấy, muốn ở bao nhiêu năm thì ở bấy nhiêu, sanh tử tự tại. Lúc nào muốn ra đi, đi đến đâu, quý Ngài hiểu rõ ràng, minh bạch, đến đi tự do, đó gọi là nguyện lực thọ thân, là nguyện lực chứ chẳng phải nghiệp lực. Chúng ta phải hiểu những đạo lý này rồi sau đó mới biết nên học Phật như thế nào, làm thế nào chuyển nghiệp lực của chúng ta thành nguyện lực, bản lãnh của chư Phật, Bồ Tát là ở chỗ này. Các Ngài có thể chuyển, chúng ta cũng có thể chuyển, bắt đầu chuyển từ đâu? Phải bắt đầu chuyển từ tâm, sau khi tâm chuyển thì thân sẽ chuyển; nếu nói chuyển từ thân, thân chẳng chuyển thì không được, chuyển như thế nào cũng chẳng giống, nhất định phải chuyển từ tâm.

Tâm thì phải “*trụ*” chứ chẳng phải “*tại*”. Trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát có Thập Trụ, đó là nói về trụ, là “*tâm trụ*” chứ không phải “*thân trụ*”. Bồ Tát trụ chỗ của Phật trụ, như vậy mới đúng. Trong kinh Phật nói với chúng ta có bốn chỗ trụ, bốn chỗ này đều chính xác. Hai thứ đầu vẫn còn ở trong lục đạo, chưa ra khỏi lục đạo. “*Thiên trụ*” tức là đời sau nhất định có thể sanh đến trời Dục Giới. Trời Dục giới có sáu tầng, sau này sẽ giới thiệu cho chư vị biết. Thiên trụ tức là tâm an trụ tại thập thiện nghiệp đạo, bổ thí, trì giới, tu thập thiện nghiệp đạo thì đời sau bạn nhất định sẽ sanh lên trời, phước báo lớn hơn nhân gian chúng ta rất nhiều, hưởng phước trời. Thứ hai là “*Phạm Trụ*”, Phạm Trụ tức là tu thiện định, tu tâm thanh tịnh, hết thấy dục niệm đam bạc, đối với ngũ dục lục trần coi rất lợt lạt, trong tâm tràn đầy “*từ - bi - hỷ - xả*”. “*Từ*” là vui với người, đem khoái lạc cho người, giúp người khoái lạc; “*Bi*” là làm cho người bớt khổ, chúng sanh có khổ, giúp họ giải quyết khổ nạn; “*Hỷ*” là nhìn thấy người khác được phước, được chuyện tốt, nhất định chẳng có tâm đố kỵ, chỉ sanh tâm hoan hỷ; “*Xả*” là có thể buông xuống vạn duyên. Tâm thường an trú tại từ - bi - hỷ - xả, sanh đến trời Sắc

¹³ Nguyên văn: Nhất ẩm nhất trác, mạc phi tiền định.

Giới, hai cái “trụ” trong Tam Giới này kê ra còn chính đáng. Nhưng người chúng ta hiện nay không như vậy, hiện nay tâm người an trụ ở đâu? An trụ ở tham-sân-si-mạn, như vậy thì không xong rồi! An trụ tại tham-sân-si-mạn; an trụ tại giết hại, trộm cắp, dâm dục, nói dối thì quả báo sẽ ở ba đường ác. Thế nên họ chẳng phải “*Thiên trụ*”, chẳng phải “*Phạm Trụ*”, mà là “*Quỷ trụ, Địa ngục trụ, Súc sanh trụ*”, họ làm những thứ này. Chúng ta đối với những Lý, Sự này rõ ràng, minh bạch, phải biết tâm an trụ ở đâu, sau này sanh ra hậu quả gì, vô cùng dễ sợ.

Thứ ba là “*Thánh trụ*” tức là trụ ở tâm Bồ Đề. Thánh giả là Tiểu Thừa: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát tuy chẳng đồng nhưng họ có một điểm giống nhau, tức là tâm nhất định trụ tại Tam Tam Muội¹⁴, đây là điểm tương đồng. Thứ tư là “*Phật trụ*”, trụ ở chỗ Phật trụ, nếu nhập vào cảnh giới này thì bạn sẽ là quả vị Thập Trụ Bồ Tát. Chân chánh học Phật nhất định phải an tại chỗ Phật trụ, Phật trụ ở đâu? “*Đại Tam Không Tam Muội*”: Không, Vô Tướng, Vô Nguyên; Vô Nguyên cũng gọi là Vô Tác. Nếu thực hiện trong Tịnh Tông thì an trụ ở “*Niệm Phật Tam Muội*”, đối với những cảnh giới khác sâu rộng vô cùng, chúng ta rất khó cảm nhận, không bằng y theo lời dạy của Phật, chúng ta để tâm an trụ tại “*Niệm Phật Tam Muội*”, chuyện này tương đối dễ học tập. “*Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả*”, việc này thực sự là hiếm có, thù thắng khôn sánh. Trên đây nói về ý nghĩa của hai chữ “*tại và trụ*”.

Hôm nay “*Phật tại Đạo Lợi thiên*”, ở Đạo Lợi thiên làm gì? “*Vị mầu thuyết pháp*”. Phải y theo cách nói trong Tăng Nhất A Hàm, pháp hội kỳ này là do Đế Thích thiên vương, tức là Đạo Lợi thiên chủ khai thỉnh. Đạo Lợi thiên chủ rất thông minh, rất có trí huệ, Ngài nói quá khứ hết thấy chư Phật đều đã đến Đạo Lợi thiên thuyết pháp cho mẹ, báo ân sanh dưỡng của mẹ, Thế Tôn thành Phật rồi, đương nhiên cũng chẳng

¹⁴ Tam Tam Muội có nhiều cách hiểu:

1. Theo kinh Tăng Nhất A Hàm, quyển 16, là Không tam-muội, Vô Tướng tam-muội, và Vô Nguyên tam-muội.
2. Theo Câu Xá Luận, quyển 28 thì là Hữu Tầm Hữu Tư tam-muội, Vô Tầm Duy Tư tam-muội, và Vô Tầm Vô Tư tam-muội.
3. Theo Thành Thập Luận, quyển 12 thì là Nhất Phận Tu tam-muội (tu Định không tu Huệ, hoặc tu Huệ không tu Định), Cộng Phận Tu tam-muội (tu cả Định lẫn Huệ), Thánh Chánh tam-muội (tức nhập thánh vị, chứng Diệt Đế).
4. Theo Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa, quyển 4, thì là Chân Đế tam-muội, Tục Đế tam-muội, Trung Đạo tam-muội.

Thông thường, tam tam-muội được hiểu theo cách giải thích thứ nhất.

ngoại lệ. Thế Tôn nhận lời mời của Đạo Lợi thiên chủ, đến Đạo Lợi thiên mở ra pháp hội này. Nhân duyên này rất sâu, câu chuyện cũng rất dài, kể chuyện thì sẽ ngưng trệ việc giảng kinh, cho nên chúng ta lược bớt câu chuyện này, nhưng cũng không thể không biết.

Mẫu thân của Phật là Ma Gia phu nhân, nói thật ra cũng là đại quyền thị hiện, đều là Phật, Bồ Tát tái lai. Mỗi người lúc tu nhân, phát nguyện chẳng giống nhau, Ngài phát nguyện đời đời kiếp kiếp làm người nữ để làm mẹ của Phật, Ngài phát nguyện này. Thế nên con của Ngài là Phật, phước báo của mẹ sẽ rất lớn, đây là biểu diễn cho chúng ta xem. Phước báo lớn nhất, hoàn toàn dựa vào phước thì chỉ có thể sanh đến cõi trời Đạo Lợi, từ trời Dạ Ma trở lên thì không thể. Chư vị xem trong nhà Phật nói đến Phật sự siêu độ Lương Hoàng Sám vô cùng thù thắng. Lương Hoàng tức là Lương Võ Đế, Lương Võ Đế khai thỉnh Bảo Chí Công làm Phật sự siêu độ cho phu nhân cho nên gọi là Lương Hoàng Sám. Lúc phi tử của vua còn sống, bà tạo nhiều ác nghiệp nên堕 vào ác đạo. Bảo Chí Công là một cao tăng đặc đạo, Bảo Chí Công là ai? Là Quán Thế Âm Bồ Tát hóa thân đến, bạn xem như vậy còn nói gì nữa! Quán Thế Âm Bồ Tát đích thân đến chủ trì pháp hội này, chủ trì pháp sự siêu độ này, cũng chỉ có thể siêu độ phi tử của vua đến cõi trời Đạo Lợi. Chư vị phải biết, chư Phật Như Lai siêu độ thì chỉ siêu độ đến trời Đạo Lợi, muốn lên trên nữa thì tự mình phải có công phu tu hành, nếu chẳng có công phu tu hành thì không được. Thế nên hiểu được chân tướng sự thật này, thời gian chúng ta còn sống phải hết lòng tu hành, nếu chẳng tu hành mà chỉ nhờ người khác siêu độ, bản lãnh có cao tới đâu thì chỉ có thể đến trời Đạo Lợi mà thôi. Nếu siêu độ Phật sự là do phàm phu chủ trì thì hiệu quả sẽ rất yếu ớt, chỉ có thể nói là làm vẫn tốt hơn không làm. Có hiệu quả gì rất khó nói. Ngày nay bạn đi đâu tìm được cao tăng chân chánh đặc đạo, Phật, Bồ Tát hay người tái lai. Thế nên phải hiểu đạo lý này rồi sau đó tự chúng ta mới thực sự nắm chắc lấy thời gian, một tác quang âm là một tác mạng quang, phải hết lòng nỗ lực.

Phước báo lớn như người mẹ của Phật thì cũng chỉ sanh đến trời Đạo Lợi. Lên trên nữa cần phải có công phu định lực, cần có tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh thành tựu công đức chân thật. Công đức ít, kém cỏi, chưa đoạn Dục, chưa đoạn tâm niệm ham muốn thì sanh đến tầng trời thứ tư của cõi Dục Giới, nhà Phật gọi là “*Vị Đáo Định*”, bạn tu định chưa đủ trình độ nhưng cũng có tu. Thí dụ Tứ Thiên, cõi Tứ Thiên cần công phu thiền định một trăm điểm thì mới đến Tứ Thiên; cõi Tam Thiên cần chín chục điểm, Nhị Thiên cần tám chục điểm, Sơ Thiên cần

bảy chục điểm. Nếu công phu của bạn dưới sáu chục điểm thì chẳng đến Sắc Giới nổi. Nhưng bạn cũng có công phu, công phu thiện định của bạn có khoảng sáu mươi điểm, năm mươi điểm, bốn mươi điểm, bạn cũng có công phu, chẳng phải là không điểm. Nếu bạn chẳng tu, chỉ chuyên tu phước, tu thập thiện nghiệp đạo, tu bố thí, trì giới, chẳng có công phu định lực, chẳng xả bỏ tâm niệm tình dục, thì chỗ bạn sanh đến sẽ là Tứ Vương thiên và Đạo Lợi thiên. Có một chút công phu định lực, tâm địa có một ít thanh tịnh mới có thể sanh đến cõi trời Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại. Càng lên trên thì phước báo của mỗi tầng càng lớn hơn, thọ mạng càng dài hơn, chân chánh là hưởng phước vô tận. Nhưng thọ mạng có dài hơn thì cũng có lúc hết quả báo, tức là có lúc sẽ hưởng hết; sau khi hưởng hết thì cũng phải lưu chuyển theo nghiệp. Thế nên sanh lên trời chẳng phải là pháp cứu cánh, chẳng bằng niệm Phật cầu sanh Cực Lạc thế giới, sanh đến Cực Lạc thế giới là vô lượng thọ, nói cách khác vĩnh viễn chẳng sanh, chẳng tử. Không những trời Dục Giới chẳng sánh bằng, trời Sắc Giới, Vô Sắc Giới đều chẳng thể sánh bằng. Thế nên hết thầy chư Phật tán thán A Di Đà Phật, tán thán Cực Lạc thế giới, đạo lý là ở chỗ này.

Câu kinh “*vị mẫu thuyết pháp*”, tuy pháp hội này là do Đề Thích thiên chủ khai thỉnh, nhưng ý nghĩa rất sâu. Thứ nhất là vì tránh miễn cho một số người hiểu lầm Phật pháp. Học Phật, đặc biệt là phát tâm cạo đầu xuất gia, hình như là từ đó trở đi chẳng còn lo cho cha mẹ nữa, người thế gian cho vậy là chẳng có hiếu. Đặc biệt là người Trung Quốc thường nói: “*Có ba chuyện bất hiếu, chẳng có con nói dối là lớn nhất*”. Cha mẹ mong bạn nói dối giòng họ, một khi bạn xuất gia thì việc nói dối tông đường sẽ đoạn mất, làm sao chẳng có lỗi với cha mẹ, tổ tiên! Người đời chẳng biết xuất gia là đại hiếu, đây là ý nghĩa thứ nhất. Ý nghĩa thứ hai là làm gương mẫu cho tứ chúng đệ tử học Phật: Tứ chúng gồm xuất gia, tại gia, nam chúng, nữ chúng, khơi gợi tư tưởng hiếu kính của họ, làm cho họ chân chánh thể hội điều thứ nhất “*Hiếu dưỡng cha mẹ*” trong Tam Phước. Trong nhà Phật dù xuất gia thì cũng không thể không lo cho cha mẹ, chẳng có đạo lý này. Nhưng hình thức hiếu dưỡng chẳng giống nhau, hết lòng tu trì, phụng hành theo lời Phật dạy, dùng công đức ấy hồi hướng cho cha mẹ; cha mẹ có thể được chư Phật hộ niệm, thiện thần bảo hộ, đây mới là chân hiếu. Người thế gian hiếu thuận cha mẹ, mướn vài người giúp việc để chăm sóc cho đời sống, còn đệ tử Phật nhờ thiên long thiện thần chăm sóc cho cha mẹ còn châu đáo hơn những người giúp việc. Nếu bạn chẳng có tu trì thì thiên long

thiện thần chẳng bảo hựu bạn, sẽ khinh chê bạn. Nếu bạn chân chánh tu hành, có đạo có đức cảm động đến thiên thần, họ tự nhiên đến chiếu cố; bạn chẳng cần phải cầu họ, cũng chẳng phải thông báo cho họ, [họ cũng] tự nhiên chiếu cố. Tại sao vậy? Vì tôn kính bạn, tôn kính cha mẹ bạn, thế nên có ý nghĩa này.

CHỨNG TÍN TỰ

Lại xem đoạn kinh tiếp theo:

Nhĩ thời thập phương vô lượng thế giới bất khả thuyết bất khả thuyết nhất thiết chư Phật, cập Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, giai lai tập hội.

爾時十方無量世界不可說不可說一切諸佛。及大菩薩摩訶薩。皆來集會。

(Lúc đó hết thấy chư Phật và Đại Bồ Tát Ma Ha Tát bất khả thuyết bất khả thuyết từ mười phương vô lượng thế giới đều đến tham dự pháp hội.)

Đoạn kinh trên là Phát Khởi Tự của kinh này. Kinh này tổng cộng gồm mười ba phẩm, phẩm thứ nhất là phẩm Tựa, nhưng chẳng gọi là phẩm Tựa mà gọi là Phẩm Đạo Lợi Thiên Cung, trên thực tế phẩm này là phẩm Tựa. Ý nghĩa trong phần tựa vô cùng châu toàn viên mãn, phía trước có sáu thứ thành tựu, đây là Chứng Tín Tự; từ đoạn kinh này về sau là Phát Khởi Tự. Đoạn Phát Khởi Tự nói với chúng ta vô cùng rõ ràng, hàm nhiếp cả “*Giáo, Lý, Hạnh, Quả*”; trong Khoa Chú đoạn này được gọi là “*Quả Nhân Tập Tán*” (Cùng khen ngợi quả và nhân). Chúng ta phải đặc biệt chú ý những chỗ như vậy, phải biết học tập như thế nào, khi Phật thuyết pháp thì trước hết phơi bày quả báo ra cho mọi người thấy, từ quả báo này sanh khởi lòng tin. Sau đó mới giải thích quả báo hình thành như thế nào, giảng về nhân cho bạn thì bạn sẽ hết lòng để nghe, bạn rất muốn biết tại sao. Đây là thiện xảo phương tiện của việc thuyết pháp, chúng ta phải biết. Thế nên mới nói “*Quả Nhân*” chứ chẳng nói “*Nhân Quả*”.

Vừa mở đầu thì hiện lên cái gì? Dạy bạn xem những nhân vật tham gia đại hội này, đây là “*Quả*”. Đây là người, người là “*quả người*”, do quả đức của Ngài cảm động nhiều người như vậy đến tham gia pháp hội. Trước khi Phật giảng kinh thì hiện tướng lành, hiện các thứ hào quang, những tướng lành này là “*Lý*”. Văn Thủ Bồ Tát nhìn thấy

hiện tượng này nên sanh khởi nghi hoặc, đây là tiêu biểu “*Hạnh*”. Thế Tôn và Bồ Tát một người hỏi, một người đáp, Văn Thù hỏi, Thế Tôn trả lời, đây là “*Giáo*”. Cho nên trong phần Tựa chúng ta thấy “*Giáo, Lý, Hạnh, Quả*”, lần tụ hội này là quả báo. Giống như trong kinh Hoa Nghiêm vừa mở đầu trước lúc giảng kinh thì nói về y báo, chánh báo trang nghiêm của Tỳ Lô Giá Na Phật, bày quả báo ra cho bạn thấy.

Chỗ này hiện ra sự chẳng thể nghĩ bàn, chư vị có thấy kinh văn như vậy trong kinh nào không? “*Nhĩ thời*”, lúc Phật lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp cho mẹ, “*mười phương vô lượng thế giới, bất khả thuyết bất khả thuyết hết thảy chư Phật*”, chư vị có từng thấy trong kinh nào ghi lúc Phật giảng kinh, hết thảy chư Phật đều đến nghe? Chưa từng thấy bao giờ. Quang cảnh này làm sao tưởng tượng được nổi! Kinh Hoa Nghiêm cũng chẳng có trường hợp này, kinh Vô Lượng Thọ cũng chẳng có, vô cùng hy hữu! Không thể hàm hồ, lơ là lướt qua. Thường thường chúng ta nói câu: “*Một Phật ra đời, ngàn Phật ủng hộ*”, đó là chư Phật hóa hiện thành Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát tới để giúp đỡ Phật hoằng hóa; còn chỗ này không phải vậy, chư Phật dùng thân phận của Phật đến. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hôm nay giảng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên, hết thảy chư Phật đều đến tham dự nghe giảng, số người đến là “*vô lượng thế giới, nói không xuể, kể không xiết hết thảy chư Phật và Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*”; Đại Bồ Tát Ma Ha Tát này theo Phật cùng đến, tháp tùng theo chư Phật. Số chư Phật đã nói không xuể, kể không xiết, vậy thì số Bồ Tát còn nhiều hơn nữa, tất cả đều đến dự hội. Đoạn kinh này tuyệt đối không thể hàm hồ, lơ là lướt qua, bạn phải nghĩ kỹ Thế Tôn suốt đời giảng kinh bốn mươi chín năm, giảng hơn ba trăm hội, không có hội nào thù thắng như vậy. Đây là những người tham dự pháp hội, là “*Quả*”, một phần trong Giáo, Lý, Hạnh, Quả của kinh.

Vì sao họ đều đến? Chẳng có một vị Phật nào không báo ân mẹ, hôm nay đức Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng giảng pháp nào khác, mà giảng pháp Địa Tạng. Thuyết minh hết thảy chư pháp đều nương vào đại địa để sanh khởi, đây là căn bản. Địa Tạng tiêu biểu cho cái gì? Tiêu biểu “*Hiếu Thân Tôn Sư*”, thế nên khi giảng pháp “*Hiếu Thân Tôn Sư*” thì hết thảy chư Phật nhất định đích thân đến tham gia, chư Phật đến để làm “*ảnh hưởng chúng*”. Đao Lợi thiên vương trong hội này làm công đức chủ, phước báo của Ngài đã tu quả thật rất lớn: Thịnh Phật đến cung trời Đao Lợi giảng kinh Địa Tạng, phước báo này rất lớn. Thế nên hết thảy chư Phật Như Lai đều đến đầy đủ, một vị cũng không sót, là một nhân duyên vô cùng hy hữu! Đến để làm gì? Đề xướng Hiếu đạo. Vừa

gặp mặt liên tán thán đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ý tán thán đó cũng viên mãn đến cùng cực.

PHÁT KHỞI TỰ

Tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật, năng ư ngũ trước ác thế, hiện bất khả tư nghị đại trí huệ thân thông chỉ lực, điều phục cương cường chúng sanh tri khổ lạc pháp.

讚歎釋迦牟尼佛。能於五濁惡世。現不可思議大智慧神通之力。調伏剛強眾生知苦樂法。

(Tán thán đức Phật Thích Ca Mâu Ni có thể ở trong đời ác ngũ trước hiện sức đại trí huệ thân thông không thể nghĩ bàn, điều phục chúng sanh ương ngạnh, biết được pháp khổ pháp vui.)

Nói ra lời này chẳng dễ, nếu không phải là chư Phật Như Lai đích thân tuyên thuyết, nói cho chư vị biết, Bồ Tát cũng chẳng nói được. Tại sao vậy? Các Ngài còn chưa vào cảnh giới này thì làm sao nói ra được! Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện vào thời đại gì? Ngũ trước ác thế. Đến xã hội hiện nay của chúng ta có thể nói là ngũ trước ác, hầu như phàm phu ngu muội vô tri nhất cũng đã cảm biết được. Năm mươi năm, một trăm năm về trước, phải là người có trí huệ cao độ mới có thể cảm biết hiện tượng ngũ trước ác thế này, phần đông người thường không cảm giác được; [họ nghĩ] thế gian chẳng tệ, rất tốt, sinh sống rất vui vẻ; họ chẳng cảm giác được sự trước ác này, “*Trước*” nghĩa là ô nhiễm. Nửa thế kỷ trước chúng ta chưa từng nghe danh từ hoàn bảo (bảo hộ môi trường, hoàn cảnh) ở đâu cả, nói cách khác sự ô nhiễm của môi trường còn có thể chịu đựng được. Đợi đến lúc phát động bảo hộ môi trường có nghĩa là ô nhiễm môi trường đã đến mức làm cho người ta chịu không nổi, chánh phủ địa phương trên toàn thế giới đều bắt đầu đề xướng. Nói cách khác, mức độ trước ác này đã đến mức khá nghiêm trọng nên mới có danh từ này xuất hiện.

“*Ngũ*” là năm loại lớn, năm loại ô nhiễm nghiêm trọng, trong kinh Phật gọi là “*Ngũ Trước Ác thế*”. Trong Ngũ trước, thứ nhất là “*Kiếp Trước*”, Kiếp là nói về thời gian, ngày nay chúng ta gọi là thời đại (tạm dịch cho chữ “niên đầu”) chẳng tốt, là nói về thời tiết nhân duyên. Nói thật ra, thời gian có ô nhiễm gì đâu! Đây là một thời đại ô nhiễm trầm trọng, chính là nghĩa này. Nói thật ra, thời đại ô nhiễm là bốn thứ ô nhiễm kể sau đây. Thứ hai là “*Kiến Trước*”, Kiến là kiến giải, tư tưởng,

kiến giải sai lầm, nhà Phật gọi là tà tri tà kiến, có cái nhìn sai lầm về chân tướng của vũ trụ nhân sinh, đó là ô nhiễm trên kiến giải. Kế đó là “*Phiền Nã Trược*”, dùng cách nói hiện nay nghĩa là ô nhiễm tư tưởng. Hai thứ này hợp lại chính là ô nhiễm tâm lý, ô nhiễm tinh thần, việc này rất nghiêm trọng! Từ ô nhiễm tâm lý, ô nhiễm tinh thần nhất định sẽ dẫn đến sinh lý và hoàn cảnh sinh hoạt ô nhiễm, đó gọi là “*Chúng Sanh Trược*”, nói theo ngôn ngữ hiện nay thì đó chính là hoàn cảnh sinh hoạt ô nhiễm. Ngày nay sinh thái của địa cầu mất quân bình, khí hậu bất bình thường, tai nạn dồn dập, đều thuộc về “*Chúng Sanh Trược*”. Sau cùng là “*Mạng Trược*”, dùng ngôn ngữ hiện đại để nói tức là sinh lý ô nhiễm. Dùng ngôn ngữ hiện đại để giải thích Ngũ Trược thì hai thứ đầu là kiến giải ô nhiễm, tư tưởng ô nhiễm, hợp lại chính là tâm lý ô nhiễm, tinh thần ô nhiễm; chúng sanh trược chính là hoàn cảnh sinh hoạt ô nhiễm, mạng trược là sinh lý ô nhiễm, tất cả đều gọi là “*Trược*”.

“*Ác*” là thập ác, hết thấy chúng sanh chẳng làm việc thiện. Thân tạo “*sát sanh, trộm cắp, tà dâm*”; miệng tạo “*vọng ngữ*” tức là không nói thật, lừa gạt người khác, “*lừa thiệt*” tức là ly gián thị phi, “*ác khẩu*” tức là nói lời độc ác, “*ỷ ngữ*” tức là nói lời bóng gió, lường gạt chúng sanh, tạo ra những khẩu nghiệp này; còn ý nghiệp, trong tâm có “*tham, sân, si, mạn*”, những thứ này là Ác. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện trong thời đại Trược, Ác này.

“*Hiện*” là thị hiện, thị hiện đại trí huệ chẳng thể nghĩ bàn. Câu này nói Phật xuất hiện ở thế gian này, làm ra một hình dáng cho chúng sanh coi, hình dáng gì? Hình dáng đại trí huệ. Hiện nay chúng ta gọi là “*làm thầy, làm mô phạm*”, làm người dẫn đầu cho xã hội đại chúng, làm gương, làm mô phạm cho xã hội đại chúng. Ngài có thể thị hiện trong đời ác ngũ trược này, hết thấy chư Phật đều tán thán, tán thán Phật trong đời trược ác làm ra một gương tốt cho những chúng sanh khổ nạn này.

“*Thần thông chi lực*” bốn chữ này nói về biểu hiện bên ngoài của Ngài. “*Bất khả tư nghị đại trí huệ*” là nói về biểu hiện bên trong. Biểu hiện bên ngoài chính là giúp đỡ xã hội, hết thấy chúng sanh, nói về khả năng của Ngài mạnh mẽ. “*Thông*” là thông đạt, chẳng có gì Ngài chẳng biết. Hết thấy sự vật, đạo lý, nhân quả, hiện tượng, biến hóa trong thế gian, chẳng có gì là không biết, chẳng có gì là không thể, đó gọi là “*thần thông*”. “*Thần*” nghĩa là thần kỳ, khó trắc lường nổi, vượt quá tri thức của phàm phu. Thần thông này chẳng phải là bảy mươi hai phép biến hóa của Tôn Ngộ Không, không phải ý này, nếu nghĩ vậy thì bạn hoàn toàn hiểu lầm. Sự việc gì Phật đều thông suốt, nói cách khác, các thứ

ngghi nan tạp chứng trong xã hội chúng ta ngày nay Phật chẳng có gì không biết, Ngài có khả năng giúp đỡ chúng ta giải quyết những khó khăn này.

“*Điều phục cương cường chúng sanh*”. Cư sĩ Duy Ma đã từng nói: “*Chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề cương cường, khó giáo hóa*”. “*Cương cường*” là tánh ương ngạnh, chấp trước cứng chắc, rất khó tiếp nhận lời dạy dỗ của Phật. Chúng ta có thể nhìn thấy việc này trong xã hội hiện thực, họ bài xích Phật pháp, gây chướng ngại cho sự giáo học Phật pháp, hiển thị tánh ương ngạnh. Họ không chịu nghiên cứu Phật pháp, Phật pháp rốt cuộc là gì? Họ cũng chẳng biết; ghép vô một chữ mê tín, tiêu cực, lạc hậu thì liền bỏ xó qua một bên, chẳng biết đây là của báu, thực sự có thể giải quyết vấn đề của ngũ trược ác thế.

Bốn chữ sau cùng này rất tài tình: “*Tri khổ lạc pháp*”, nói ra bốn chữ này chẳng dễ. Chúng sanh khổ, tại sao khổ? Chúng sanh mong cầu sự vui, tại sao không đạt được sự vui? Có người nào trên cả thế giới không chịu khổ! Có ai không mong cầu khoái lạc! Khổ từ đâu đến? Lạc từ đâu đến? Chẳng ai biết. Làm sao lìa khổ? Làm sao được vui? Những lý luận và phương pháp này chẳng có ai biết. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni biết được, trong kinh đức Phật dạy rất rõ ràng, rất minh bạch, nếu chúng ta muốn lìa khổ, được vui, kinh điển Đại Thừa chỉ dẫn hoàn hảo nhất, chỉ đạo, hướng dẫn chúng ta, mục tiêu của sự giáo học Phật pháp chính là dạy chúng ta lìa khổ, được vui. Chư Phật tán thán đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng để “*Quả*” ở phía trước, làm cho người ta chú ý. Hai đoạn kinh này không có câu nào chẳng làm lông tóc dựng đứng, vô cùng hy hữu! Có người nào mở pháp hội có thể làm cho hết thấy chư Phật Như Lai đều đến nghe, người nào có thể nhìn được chư Phật Như Lai, được sự tán thán chẳng thể nghĩ bàn như vậy. Chư Phật tán thán đức Phật Thích Ca, tức là chư Phật hỗ tương tán thán, chúng ta phải hiểu đạo lý này, Phật Phật đạo đồng. Nói cách khác, chỉ có chư Phật Như Lai mới chịu thị hiện trong ngũ trược ác thế, đây chính là tinh thần của Địa Tạng Bồ Tát, “*Tôi không vào địa ngục, ai vào địa ngục!*”, địa ngục là chỗ khổ nhất. Những chúng sanh khổ nạn này, tôi không giúp họ thì ai giúp họ! Chỗ càng nhiều khổ nạn, bi tâm của Phật, Bồ Tát càng nặng, càng muốn đến đó để dạy dỗ, giúp đỡ mọi người, chỉ cần những chúng sanh khổ nạn này chịu tiếp nhận, Phật, Bồ Tát liền tới; nếu không chịu tiếp nhận, Phật, Bồ Tát muốn giúp đỡ cũng chẳng có cách gì. Có thể tin, có thể giải, có thể học thì Phật, Bồ Tát nhất định sẽ xuất hiện trong thế gian này.

Ngày nay tại sao lại đến Tân Gia Ba giảng hội kinh này? Tại sao

không giảng ở chỗ khác? Chúng ta chẳng thiên vị, chẳng có tâm riêng tư, và cũng chẳng tham ái địa phương này. Hoàn toàn là do duyên ở địa phương này thành thực. Duyên gì? Người ở địa phương này có thể tin, có thể giải, có thể hành; địa phương này đầy đủ bốn điều kiện Tín, Giải, Hạnh, Chứng. Trong mười mấy năm nay chúng ta ở địa phương này hoằng dương Tịnh Độ, khuyên mọi người niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong những năm này, ở Tân Gia Ba, Mã Lai Á, lúc nào cũng có thể nghe đến người niệm Phật vãng sanh, thường luôn nghe đến. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên vô cùng nhiệt tâm, lúc lâm chung các đồng tu niệm Phật hơn phân nửa đều mời cư sĩ Lý Mộc Nguyên trợ niệm, lo hậu sự cho họ, ông đã thấy được tướng lành quá nhiều, quá nhiều! Ngày nay Lý cư sĩ phát tâm như vậy là do ông ta đã nhìn tận mắt, nghe tận tai, niệm Phật vãng sanh bất thoái thành Phật là thật, chẳng phải giả. Bởi vậy nên ông ta làm thật hết lòng, rất nhiệt tâm như vậy, tín nguyện của ông chẳng phải phát suông đâu, là đã nhìn thấy sự thật nên mới phát khởi đấy.

Chỉ có Phật mới thấu triệt pháp khổ vui trong lục đạo tam đồ, biết được triệt đề, được rốt ráo, cho nên Phật có khả năng giúp đỡ chúng ta giải quyết vấn đề, giúp chúng ta lìa khổ được vui. Tuyệt đối không thể xem thường hai đoạn kinh này, đây là vô thượng diệu pháp của chư Phật Như Lai khác miệng đồng âm tuyên thuyết, chúng ta có thể coi như tổng cương lĩnh của đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện trong thế gian giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Phật xuất hiện trong thế gian để làm gì? Để làm việc này.

Sau khi tán thán, chư vị hãy xem tiếp kinh văn:

Các khiến thị giả vấn tấn Thế Tôn.

各遣侍者問訊世尊。

(Mỗi vị đều sai thị giả đến vấn an Thế Tôn.)

Đây là lễ mao, Phật phái thị giả đến vấn an đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Lễ tiết, đây cũng làm một hình dáng cho người ta coi, “*Lễ*” này chẳng thể bỏ. Người chẳng có lễ thì sẽ chẳng ở yên trong thế gian được, nhưng hiện nay người ta đều coi thường lễ tiết. Nếu coi thường lễ tiết thì nói thật ra dù tu học Phật pháp có giỏi cách mấy, quả báo sẽ ở đâu? Quả báo sẽ chẳng ở cõi người, hơn phân nửa là ở cõi quỷ. Đến đoạn nói về quỷ vương ở phía sau, nói rõ nhân của những quỷ vương này thì quý vị sẽ hiểu. Tu hành Phật pháp giỏi vô cùng, nhưng công cao ngã mạn,

chẳng có lẽ tiết, quả báo sau này sẽ đến quỷ đạo làm quỷ vương. Trong kinh Hoa Nghiêm giảng về những vị làm thể chủ, khí thể gian chủ, thần núi, thần cây, thần hoa, thần nước, những vị này sẽ có khuynh hướng như vậy. Phật pháp được xây dựng trên cơ sở “*Hiếu Kính*”, khuyên chư vị đồng tu phải giác ngộ, có “*Hiếu Thân Tôn Sư*” thì chúng ta mới có thể hướng về Phật đạo, đi về Cực Lạc thế giới, nếu chẳng có ý niệm này thì tuy tu học Phật pháp nhưng sẽ đến quỷ đạo làm quỷ vương. Nếu tốt hơn nữa thì bạn có thể đến thiên đạo; thiên đạo thì có trời Dục Giới, trời Sắc Giới không được, nhất định phải biết. Ở đây là dạy Lễ, dạy Kính.

Thị thời Như Lai hàm tiếu, phóng bách thiên vạn ức đại quang minh vân.

是時如來含笑。放百千萬億大光明雲。

(Bấy giờ, Như Lai mỉm cười, phóng ra trăm ngàn muôn ức vàng mây sáng rỡ lớn.)

Chỗ này nói về Phật hiện tướng lành. Trong “*quang minh vân*” (vàng mây sáng) hiển lý, phóng quang. Chúng sanh lợi căn nhìn thấy hào quang đều hiểu hết những lời dạy của Phật, chẳng cần phải dùng lời nói, “*quang minh*” tiêu biểu cho trí huệ, “*trăm ngàn muôn ức vàng mây sáng rỡ lớn*” chính là vô lượng vô biên trí huệ, trong vòng sát-na-tế toàn bộ đều hiện ra, chẳng cần thời gian dài, trong vòng sát-na liền phơi bày vô lượng vô biên trí huệ trước mặt hết thảy đại chúng. “*Thị thời*” tức là lúc chư Phật Như Lai tán thán, phái thị giả đến vấn an đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Thế Tôn mỉm cười. Phóng quang là tiêu biểu pháp, hào quang này từ đâu ra? Trong Chân Như bốn tánh vốn có đầy đủ Bát Nhã quang minh, Phật vì chúng sanh thuyết pháp căn cứ vào chỗ này. Phật thuyết hết thảy pháp bắt đầu từ đâu? Từ trong tự tánh vốn sẵn đủ Bát Nhã thể hiện ra, hôm nay nói chỗ y cứ của hết thảy pháp, biểu hiện ra một lượt cho mọi người coi.

“*Bách thiên vạn ức*” nói chẳng hết, cho nên sau đó lược nêu ra vài điều, nếu nói kỹ thì nói không hết, giản lược nêu ra mười điều. Tuy là giản lược nêu ra, chư vị phải biết cũng giống như cách tiêu biểu pháp trong kinh Hoa Nghiêm, bất cứ câu nào cũng đầy đủ trăm ngàn muôn ức quang minh vân, một tức là hết thảy, hết thảy tức là một. Thế nên khi chúng ta nghe kinh, nghe pháp, nếu người giảng dùng tâm chân thành, tâm cung kính, thì liền cùng quang minh của Phật khởi tác dụng cảm ứng, Phật quang sẽ soi rọi đạo tràng đó cũng giống như đại quang minh

vân chiếu soi trên không trung của đạo tràng [tại cung trời Đao Lợi] này. Phía dưới người nói, người nghe sanh vô lượng hoan hỷ, chẳng phải do người ấy giảng hay, nói khéo, chẳng phải vậy, người hiện nay gọi đó là từ trường chẳng giống nhau, đây là sự gia trì của Phật, từ bi gia trì, quang minh nhiếp thọ.

Nói về câu đầu tiên:

Sở vị Đại Viên Mãn Quang Minh Vân.

所謂大圓滿光明雲。

(Đó là vàng mây sáng Đại Viên Mãn.)

“Đại Viên Mãn”, đây là điểm giống nhau trong những vàng mây khác nhau. Viên mãn tức là một chút khiếm khuyết đều chẳng có, chính là toàn thể tánh đức tỏ lộ. Tại sao hết thấy chúng sanh có thể khởi cảm ứng đạo giao? Tâm chúng sanh và tâm Phật không hai không khác. Sai khác ở đâu? Chúng sanh còn mê, Phật đã giác. Khi giác là tâm tánh, khi mê cũng là tâm tánh, tâm tánh chẳng có giác, mê. Trong hết thấy chúng sanh, thường nói đến hữu tình chúng sanh, chúng ta ngày nay gọi là động vật, chúng sanh hữu tình trong chín pháp giới; ngoài hữu tình chúng sanh còn có vô tình chúng sanh, ngày nay chúng ta gọi là thực vật, khoáng vật, đều từ trong tự tánh biến hiện ra. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Hữu Tình và Vô Tình cùng viên mãn Chung Trí*”¹⁵. Viên là viên mãn, đồng viên chung trí tức là đồng thời thành Phật, là ý như vậy. Tại sao? Cùng một pháp thân, cùng một thể tánh. [Đối với] người giác ngộ, núi sông đại địa đều là tự thân, cùng mình là một thể, thể nên sẽ quan hoài vô điều kiện, yêu thương, bảo vệ vô điều kiện, đó gọi là đại từ đại bi, thể nên câu tiếp sẽ là “*Đại Từ Bi Quang Minh Vân*”. Phải biết Phật như vậy, chúng ta cũng như vậy. Hôm nay Phật hiển hiện chẳng thể nghĩ bàn, vô lượng vô biên tự tánh quang minh; hôm nay chúng ta hiện ra vô lượng vô biên phiền não vô minh, chúng ta biến thành nông nổi này, hoàn toàn phản nghịch với tánh đức, biến thành một chúng sanh đáng thương xót. Thế nên tự mình phải giác ngộ, phải quay về, phải thọ trì đọc tụng, y giáo phụng hành, người như vậy mới thực sự quay về. Vừa quay về thì cùng đại quang minh vân của Phật khởi tác dụng cảm ứng đạo giao.

¹⁵ Nguyên văn: Tình dữ vô tình đồng viên chung trí.

Đại Từ Bi Quang Minh Vân.

大慈悲光明雲。

(Vàng mây sáng Đại Từ Bi.)

“Từ Bi” là chỗ nương dựa cho sự phát tâm của chúng ta. Tứ Hoảng thế nguyện “*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*” nương dựa vào cái gì mà phát tâm? Nương dựa vào tâm từ bi. Quang Minh Vân ở đây tiêu biểu cho đức năng viên mãn của chân tâm tự tánh, Bát Nhã trí huệ vốn có. Chư Phật, Bồ Tát, Bồ Tát ở đây là chỉ cho Pháp Thân đại sĩ; khi chưa chứng Pháp thân thì tánh đức chưa hiển lộ, chẳng có quang minh vân; các Ngài có đại từ bi, chẳng thể thêm quang minh vân. Thêm quang minh vân thì tối thiểu phải là Pháp Thân đại sĩ, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, thực sự cùng tâm cùng nguyện, cùng đức cùng hạnh với Phật, thì trong đoạn này hiển lộ chẳng sót, đây là sự tương. Tứ hoảng thế nguyện phát khởi từ chỗ này. Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện này viên mãn, rốt ráo, “*địa ngục chẳng không, thế chẳng thành Phật*”, từ bi đến cùng cực! Chúng sanh khổ nạn trong địa ngục Ngài đều độ, hướng chỉ là những chúng sanh khác, đây gọi là phổ độ chín giới chúng sanh.

Khoảng thời gian sau khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ và trước khi Di Lặc Bồ Tát giáng sanh quá dài. Trong thời gian dài như vậy chẳng có Phật ra đời, cái khổ của chúng sanh chúng ta không thể nào tưởng tượng nổi. Phật, Bồ Tát chẳng có tâm từ bi sao? Có chứ, phải làm sao? Trong thời gian này Phật giao phó sự nghiệp giáo hóa chúng sanh cho Địa Tạng Bồ Tát. Lúc Phật chẳng ở thế gian thì Địa Tạng Bồ Tát đại diện cho Phật Thích Ca, Thế Tôn chẳng nhờ Bồ Tát khác, mà nhờ Địa Tạng Bồ Tát. Do đó có thể biết sau khi đức Phật diệt độ, khi Bồ Tát Di Lặc chưa xuất thế, dùng phương pháp gì để giáo hóa hết thảy chúng sanh? Dùng Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh, đây là lời phó chúc của Thế Tôn. Địa Tạng Bồ Tát nhận sự ủy thác của Thế Tôn, chẳng cô phụ đức Phật Thích Ca, Ngài đích thật đảm đương trách nhiệm này, từ bi đến cùng cực! Chúng ta phải dùng “*Đại Từ Bi Quang Minh Vân*” phát tâm Bồ Đề, thượng cầu hạ hóa, độ mình, độ chúng sanh. Câu thứ ba:

Đại Trí huệ Quang Minh Vân.

大智慧光明雲。

(Vàng mây sáng Đại Trí huệ.)

Đây là chỗ y cứ cho sự tu hành của chúng ta. Bất luận tu học pháp môn nào, không có trí huệ thì không thể thành tựu, nhất định phải nương vào trí huệ, trí huệ từ đâu có? Nói cho chư vị biết, trí huệ nhất định chẳng do sự học hỏi, ghi nhớ mà có. Tôi nghe rất nhiều, đọc nhiều, nhớ nhiều, đó là thông minh của thế gian, trong kinh Phật gọi là Thế Trí Biện Thông. Trong Phật đạo, “*thế trí biện thông*” là một trong tám nạn, nếu bạn gặp phải thì rất khó, tại sao? Kẹt vào Sở tri chướng, những gì bạn biết trở thành chướng ngại, chướng ngại bạn minh tâm kiến tánh, chướng ngại bạn đạt được định, chướng ngại bạn khai trí huệ. Trí huệ từ đâu đến? Trí huệ nhất định phải được từ thiền định, thiền định từ đâu đến? Thiền định nhất định được từ Trì giới. Đây gọi là Tam Vô Lậu Học. Tuy Đại thừa pháp môn chẳng coi trọng giới luật trên hình thức, Đại thừa nói đến Tâm Địa Giới pháp, còn thù thắng hơn hình thức, phải làm thực sự! Thiền định là tâm thanh tịnh, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, “*ngoài không trước tướng, trong không động tâm*”, đó gọi là thiền định, đó là chân chánh tu thiền định. Nếu lục căn chúng ta tiếp xúc với cảnh giới lục trần, vẫn còn bị cảnh giới bên ngoài thu hút, vẫn còn khởi tâm động niệm, vậy là hồng bát rồi!

Công phu chân chánh, tu hành chân chánh ở đâu? Chính là dụng công ở chỗ sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chúng ta dùng công phu niệm Phật, phương pháp này rất tốt. “*Niệm đầu*”¹⁶ vừa động, thì dùng A Di Đà Phật chuyển liền, chuyển thành A Di Đà Phật, trong đó Tam học: Giới, Định, Huệ đầy đủ cùng lúc. Nếu bạn có thể chuyển thì bạn tuân thủ pháp, đây là Trì giới. Nhìn thấy cảnh giới bên ngoài thuận tâm thì khởi tham ái, tâm tham vừa động thì A Di Đà Phật chuyển trở lại, đó là Trì giới. Thấy hoàn cảnh không vừa ý, trong tâm không ưa thích thì liền A Di Đà Phật chuyển lại. Nếu bạn có thể chuyển trở lại, tiếp nhận sự giáo huấn của Phật, Phật dạy chúng ta làm như vậy, chúng ta làm như vậy, đó là Trì giới. Sau khi chuyển trở lại, đối với hết thấy cảnh giới đều không để ý nữa, quay về niệm Phật, đó là tu Định. Nhất tâm xưng niệm A Di Đà Phật, Huệ ở trong đó. Thế nên [nhiều người] chẳng biết sự tu học của Tịnh Tông thù thắng, hoàn thành Giới - Định - Huệ tam học ngay trong một niệm, viên mãn đầy đủ. Sau đó xử sự, đãi người, tiếp vật, thiện ý tự nhiên sẽ sanh ra, thế nên công phu tu hành của bạn sâu cạn chẳng có tơ hào ẩn dấu được, đều bộc lộ trên gương mặt, âm thanh, từng cử chỉ, từng động tác của bạn, công phu tu hành của bạn làm sao ẩn dấu được? Trong

¹⁶ Niệm đầu có nghĩa là một niệm, hoặc nói theo hòa thượng Trí Tịnh là “móng ý” (ý vừa dấy khởi lên).

ngoài như nhau. Ấn dấu là đối với người ngu mà nói, người ngu chẳng nhìn thấy nên mới bị bạn gạt, người chân chánh có trí huệ thì không dấu nổi, vừa tiếp xúc liền hiểu rõ. Thế nên “đại trí huệ” là chỗ nương dựa của sự tu hành của chúng ta. Câu thứ tư:

Đại Bát Nhã Quang Minh Vân.

大般若光明雲。

(Vàng mây sáng Đại Bát Nhã.)

Ý nghĩa của Bát Nhã và trí huệ có khi giống nhau, nhưng hai chữ này gộp chung một chỗ thì ý nghĩa đương nhiên có sai khác. Bát Nhã như trong kinh Bát Nhã nói: “*Thật Tướng Bát Nhã, Quán Chiếu Bát Nhã, Văn Tự Bát Nhã*”. Đại trí huệ ở phía trước chúng ta giải nghĩa là Huệ trong Giới - Định - Huệ; nhưng Định nhất định phải có Giới, “*Định cộng Giới*”, người có Định sẽ chẳng phạm lỗi. Người có Huệ gọi là “*Đạo cộng Giới*”, Trì giới ở trong đó còn cao minh hơn nữa. Do đó Huệ giống như ba tầng lầu, tầng thứ ba nhất định bao gồm hai tầng dưới, tầng dưới chẳng bao gồm tầng trên, Giới chẳng bao gồm Định, Định chẳng bao gồm Huệ; Định nhất định sẽ bao gồm Giới; Huệ nhất định sẽ bao gồm Giới và Định. Bát Nhã, ở đây chúng ta y theo cách nói của kinh Bát Nhã, Thật Tướng Bát Nhã là Thể. Thật tướng vô tướng, cũng tức là chẳng có Phân biệt trí, Thật trí, đối với hết thảy pháp rõ ràng, minh bạch nhưng trong đó chẳng có phân biệt. Phân biệt còn không có, thì đâu có chấp trước! Thế nên được gọi là Thật Tướng Bát Nhã. Thật tướng tức là chân tướng, người đó hiểu rõ chân tướng, chúng ta thường gọi là hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh rốt ráo triệt để, trí huệ này được gọi là “*Thật Tướng Bát Nhã*”.

Thật Tướng Bát Nhã khởi tác dụng gồm có hai loại: Một là “*Tự thọ dụng*”, hai là “*Tha thọ dụng*”. Tự thọ dụng là “*Quán Chiếu Bát Nhã*”, dùng cách nói hiện nay tức là sống một đời sống có trí huệ cao tốt, hoặc giống như những Pháp Thân đại sĩ đã chứng quả, các Ngài sống đời sống viên mãn trí huệ, tương ứng với quang minh vân. Phạm phu chúng ta có thể sống đời sống cao đẳng trí huệ, đó là rất hiếm có, như vậy bạn mới hiểu được Quán Chiếu. Tổng cương lĩnh của Quán Chiếu, trong kinh Kim Cang, Phật dạy: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”. Thế nên đối với hết thảy pháp tướng, họ có thể không phân biệt, không chấp trước, có thể tùy duyên mà không phan duyên, cái gì cũng được, cái gì cũng tự tại, mỗi ngày sinh hoạt thanh tịnh, khoái lạc vô

cùng! Tùy cảnh ngộ đều an lạc, phú quý có sự khoái lạc của phú quý, nghèo hèn có sự khoái lạc của nghèo hèn; phú quý, nghèo hèn lí sự tướng, khoái lạc đều bằng nhau, đều bình đẳng, đều sinh hoạt rất viên mãn, đều được khoái lạc. Đây là Quán Chiếu Bát Nhã, sự thọ dụng của chính mình. “*Văn Tự Bát Nhã*” tức là lợi tha, Tha thọ dụng, giúp đỡ người khác. Trong Văn Tự bao gồm diễn nói, nói cách khác Quán Chiếu bao gồm sự tướng, tức là làm ra hình dáng cho người ta coi, ngày nay chúng ta gọi là “*thân giáo*”, Văn Tự Bát Nhã là “*ngôn giáo*”. Do đó có thể biết Thật Tướng Bát Nhã là “*ý giáo*”. Thân, ngữ, ý đều giáo hóa hết thấy chúng sanh, đều giúp đỡ hết thấy chúng sanh. Trong Thật Tướng tuy nói là ý giáo, nhưng chẳng có niệm đầu của Ý; nếu có niệm đầu của Ý thì không phải là Thật Tướng Bát Nhã trí huệ. Bát Nhã là “*tức tướng ly tướng, ly tức đồng thời*” (chính ngay nơi tướng mà lìa tướng, cùng một lúc vừa là “*lìa*”, vừa là “*chính là*”), như vậy mới có thể phá trừ hết thấy mê hoặc. Câu thứ năm:

Đại Tam Muội Quang Minh Vân.

大三昧光明雲。

(Vàng mây sáng Đại Tam Muội.)

“*Tam Muội*” là Phạn ngữ, là dịch âm từ tiếng Ấn Độ, nghĩa là Chánh Thọ, hưởng thụ chánh thường (hưởng thụ một cách chánh đáng, đúng mực, hợp lý). Phật nói sự hưởng thụ của lục đạo chúng sanh chẳng chánh thường. Các thứ hưởng thụ được quy nạp thành năm loại lớn, thân có hai loại: Khổ thọ và Lạc thọ. Khổ thì vô lượng vô biên, Lạc cũng vô lượng vô biên, dùng hai loại này bao gồm hết cả. Tâm lý, chúng ta gọi là Tinh thần. Thân thể bằng xương thịt có hai loại “*Khổ*” và “*Lạc*” này. Tâm lý có hai loại: “*Buồn*” và “*Vui*”. Đó là bốn loại: Khổ và Lạc là tương đối, Buồn và Vui cũng tương đối. Sau cùng còn một loại lớn, thân chẳng có khổ và lạc, tâm lý chẳng có buồn và vui, như vậy rất tốt, trạng thái này gọi là Xả thọ, tổng cộng là năm loại này. Xả thọ rất tốt, nhưng thời gian rất ngắn, không kéo dài được, tạm thời thân xả bỏ khổ, lạc, tâm xả bỏ buồn, vui, chỉ là tạm thời. Nếu Xả Thọ này có thể duy trì mãi thì gọi là Tam Muội, tức là Chánh Thọ, thế nên Tam Muội cũng được dịch là Thiên định, chư Phật Như Lai vĩnh viễn trong Xả Thọ. Tây Phương gọi là Cực Lạc thế giới, chúng ta cứ dùng cách suy nghĩ sai lầm của chúng ta để hạn cuộc cái lạc của Tây Phương, cứ tưởng cái lạc này là lạc trong khổ - lạc, như vậy là sai rồi! Chẳng phải lạc trong khổ - lạc; khổ,

lạc hai bên đều xả bỏ hết, đó là chân lạc! Thế nên tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, năm thứ Thọ: Khổ, lạc, buồn, vui, xả này đều chẳng có, đó mới gọi là Cực Lạc thế giới. Chúng ta phải hiểu ý nghĩa này.

“Đại Tam Muội” có thể phá hết thấy chương ngại. Khoa học gia hiện đại biết thế gian này có rất nhiều chương ngại, thí dụ họ phát hiện không gian ba chiều, chúng ta hiện nay đang sống trong không gian ba chiều này, họ biết có không gian bốn chiều, năm chiều. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói ông đã coi báo cáo khoa học, ông nói khoa học gia đã khẳng định tối thiểu có mười một chiều không gian tồn tại. Nếu y theo cách nói của Phật pháp thì không hẳn như vậy thôi đâu, chúng ta làm sao biết được? Chúng ta biết những không gian nhiều chiều khác nhau này hình thành như thế nào, chúng ta hiểu được đạo lý này. Phật nói những không gian này là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước biến hiện ra, chúng ta biết hết thấy chúng sanh có vô lượng vô biên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cho nên thời gian, không gian sẽ có vô lượng vô biên chiều, đâu thể chỉ có mười một chiều, hai chục chiều thôi đâu! Đây là thật, chẳng phải giả. Cho dù trong không gian ba chiều, hoàn cảnh sinh sống hiện nay của chúng ta, trong đó vẫn còn rất nhiều chương ngại. Nói ba chiều, bốn chiều là nói theo cách phân chia đại khái, cũng giống như cách nói mười pháp giới trong nhà Phật. Chúng ta gọi mỗi pháp giới là một chiều thì đó là mười chiều không gian, cộng thêm Nhất chân pháp giới thì là mười một chiều. Nhưng mỗi pháp giới lại có rất nhiều [pháp giới nhỏ ở trong ấy], đếm chẳng hết. Nếu bạn thực sự đạt được Tam Muội, an trú trong Tam Muội, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều dứt hết thì sẽ phá được tất cả giới hạn này. Công phu thiền Định cạn sâu chẳng đồng, Định cạn thì đột phá một tầng, hai tầng, Định sâu hơn thì có thể đột phá nhiều tầng hơn, chúng ta biết những tình hình này rất rõ ràng.

Trong thế gian có một số người tu Định, có một cụ kể cho tôi nghe vào thời thế chiến thứ nhì vừa qua, trong thời gian chiến tranh ấy cụ ở Giang Tây, ở đó có một vị đạo sĩ, đạo sĩ này có thần thông, nói thật ra là có công phu định lực. Nhà cụ ở hơi thấp, đạo sĩ này kêu cụ dọn nhà và nói chỗ đó vài ngày nữa sẽ bị ngập nước. Đạo sĩ cũng ở vùng gần đó, cụ bèn sai người dò xem đạo sĩ này có dọn hay không? Cụ thấy đạo sĩ dọn nhà nên cụ cũng dọn theo. Quả đúng như vậy, hoàn toàn phù hợp với thời gian đạo sĩ này đã nói. Một dấu hiệu báo trước gì cũng chẳng có, kết quả là núi lở, chỗ ấy bị ngập, từ đó cụ mới biết vị đạo sĩ này có thần thông. Sau đó không lâu vị đạo sĩ nói ông ấy nhìn thấy chỗ nào đó xảy ra

chiến tranh, nói ra phương hướng, đại khái là cách bao xa, ông đã nhìn thấy được. Cụ này là một người lính, là một quan lính cao cấp, cụ nói vị đạo sĩ này nói không đúng, cụ chẳng nghe tin này. Kết quả là ba tháng sau, người Nhật bất thành linh tấn công Trân Châu Cảng (Pearl Harbor, Hawaii), cùng với phương vị, tình huống, khoảng cách, ba tháng trước ông đã nhìn thấy rồi. Do đó có thể biết thời gian quá khứ, hiện tại, tương lai đều tồn tại đồng thời. Đó là công phu định lực nhỏ, chẳng phải đại định, có thể đột phá thời gian ba tháng, sự việc ba tháng sau ông có thể thấy. Ông ở một căn nhà nhỏ trong núi sâu, ông có thể nhìn thấy Hạ Uy Di, Trân Châu Cảng ở cách đó mấy ngàn dặm, đây là công phu định lực nhỏ thôi. Hiện nay ngoài thị thành có lưu thông “*Thánh kinh mật mã*”¹⁷, ông ta có thể nhìn thấy ba ngàn năm sau, công phu định lực của ông này còn sâu hơn vị đạo sĩ kể ở trên. Đạo sĩ này chỉ có thể nhìn thấy cảnh giới vài tháng, vài năm, vài ngàn dặm thôi. Tam Muội chẳng thể nghĩ bàn, có thể đột phá hết thấy chương ngại.

Như Lai đã đoạn dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên năng lực của Ngài viên mãn, tận hư không trọn khắp pháp giới chẳng có gì không biết, chẳng có gì không thể, chúng ta hiểu được đạo lý này; từ đó chúng ta mới tin tưởng lời Phật nói, lời Ngài nói là thật chẳng phải giả, Ngài đích thật có năng lực này. Ngài có năng lực này, chúng ta cũng có. Ngày nay chúng ta mất hết năng lực này là vì chúng ta không có Định, trong tâm mỗi ngày vọng tưởng, phân biệt, chấp trước cả đồng, thiết thòi là ở chỗ này, chúng ta nhất định phải giác ngộ, phải hiểu rõ.

Được rồi, hôm nay chúng tôi giảng đến đây thôi.

Tập 04 (Số 14-12-04)

Xin mở kinh. Hôm qua giảng đến đoạn Thế Tôn phóng quang hiện tướng lành, trong mười thứ quang minh vân này chúng ta giảng đến “*Đại Tam Muội Quang Minh Vân*” thứ năm. Bây giờ chúng ta bắt đầu từ quang minh vân thứ sáu:

Đại Cát Tường Quang Minh Vân.

大吉祥光明雲。

(Vàng mây sáng Đại Cát Tường.)

¹⁷ Thánh Kinh mật mã là một giả thuyết chủ trương mỗi một chữ trong Thánh Kinh Thiên Chúa Giáo nếu được sắp xếp theo một trình tự nào đó sẽ nói lên những sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai.

“Cát Tường” ở thời cổ Trung Quốc là một chữ thông dụng trong việc hỏi thăm, chúc tụng. Cát tường là gì? Cổ đức nói đây là một từ “nghĩa lợi”, tức là chúng ta đáng được, đều có thể đạt được một cách viên mãn. Còn những gì không đáng được, nếu bạn muốn đạt được thì đó là tai họa, đó gọi là bất nghĩa. Chúng ta dùng tài vật để thí dụ, những đồ vật bất nghĩa trong Phật pháp là đồ trộm cắp, bạn chẳng nên có, bất luận là dùng thủ đoạn gì, nếu bạn đạt được thì tội lỗi rất nặng. Thế nên “Cát tường” là đáng được, bạn có thể đạt được viên mãn, đây là nghĩa lợi, nghĩa tức là đáng được.

Câu này nói rõ đây là “đức” đáng được. Trong Phật pháp, Đại Bồ Đề, Đại Niết Bàn là những gì chúng ta muốn đạt được, trí huệ đức năng vốn sẵn có trong tự tánh là những gì chúng ta muốn đạt được, cùng với trí huệ và công đức của quả địa chư Phật chẳng hai, chẳng khác, chúng ta hiểu được ý nghĩa này. Dù là chính mình, chúng ta lấy phàm phu để nói, tánh đức của chúng ta chẳng khai mở, trong thế gian này chẳng phải chỉ một đời này thôi, mà đời đời kiếp kiếp phước báo của chúng ta có thể nói đều là tu được (nhờ tu mới được), chẳng xứng tánh. Khi kiến tánh thì trong tự tánh của bạn có trí huệ, phước báo mới có thể hiện tiền, phước báo đó mới là chân thật, giống như nước suối tuôn trào, lấy hoài chẳng hết, dùng hoài chẳng cạn, đó là phước báo xứng tánh. Trước lúc kiến tánh thì phước đức này là do tu mà được, tu được thì sẽ dùng hết, ở đây chúng ta nêu một thí dụ cho mọi người dễ hiểu. Tánh đức ví như tài sản của bạn, có gia nghiệp, trong nhà có mỏ vàng, trong mỏ vàng trữ vô cùng phong phú, đời đời kiếp kiếp đều dùng chẳng hết. Nhưng hiện nay cái mỏ vàng này bị đá bít kín, chẳng thể sử dụng, một đồng cũng chẳng có, muốn có cơm ăn phải đi làm công, bạn kiếm chút ít tiền để sống qua ngày, trong nhà tuy có tài sản ứ đọng nhưng bạn chẳng sử dụng được.

Bát Nhã, trí huệ, công đức, của cải trong tự tánh chúng ta cũng giống như mỏ vàng này vậy, chưa được khai thác, cho nên hiện nay phải cực khổ đi làm chuyện vặt để kiếm chút tiền, phước báo này hưởng chẳng hết. Vả nữa, phải đi làm một cách đúng lý đúng pháp, nếu đầu cơ cầu may, làm chuyện phi pháp thì bạn sẽ phạm tội. Khi phạm tội thì những gì bạn đáng có nhưng không có được, lại còn bị pháp luật trừng phạt, đạo lý này cũng giống vậy. Thế nên chúng ta ở thế gian này phải hiểu rõ, những gì chúng ta chẳng đáng được thì nhất định không thể lấy. Chữ “đạo tặc” trong nhà Phật, ý của chữ đạo là không cho mà lấy, bất luận là dùng thủ đoạn gì, bạn chiếm được những tài vật chẳng hợp pháp là họa chứ chẳng phải là phước, nhất định phải hiểu điểm này. Cho dù

những của cải trong số mạng có sẵn chúng ta cũng phải giác ngộ, sự thọ dụng trong sinh hoạt đời này nói thật ra rất ít. Chúng ta đừng nghĩ đến cả đời, nghĩ đến cả đời thì dễ phạm nhiều lỗi lầm. Người chân chánh giác ngộ sẽ nghĩ như thế nào? Một ngày, sự thọ dụng của tôi ngày hôm nay, tuyệt đối không nghĩ về ngày mai, nghĩ về ngày mai thì bạn sẽ có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì bạn sẽ sai lầm, chỉ tưởng ngày hôm nay, chẳng có ngày mai. Những gì cần dùng hôm nay còn dư lại đều bố thí cho người khác, có phước cùng hưởng với hết thảy chúng sanh. Nếu bạn hỏi ngày mai phải tính sao? Ngày mai sẽ có nhiều hơn. Tại sao lại càng nhiều hơn? Người này đang trồng phước, khi trồng phước thì phước báo sẽ vĩnh viễn tăng trưởng thêm, nó sẽ chẳng tiêu mất. Chúng ta thấy người thế gian, ở khắp nơi trên thế giới có thể thấy những người có tiền cầm cúi tích trữ, liều mạng để gia tăng của cải của mình, đối với sự nghiệp phước lợi của xã hội, nhìn thấy người nghèo khổ một cách cũng không chịu cho. Nhưng trải qua vài năm thì họ xảy ra sai sót, nhà tan cửa nát, tài sản của họ đều tiêu hao mất hết. Hiện tượng này cổ kim trung ngoại đều có, chỉ cần lưu ý một chút thì thế gian hiện nay ngày càng rõ ràng. Tại sao không đem số còn dư đi tu phước? Đây chính là mê hoặc điên đảo. Chúng ta nói đến “*Cát tường*” nhất định phải hiểu ý nghĩa này. Tánh đức thì chúng ta tạm thời không bàn, trên tu đức biết mình tu như thế nào, làm sao tu mới được phước lợi to lớn, kinh này dạy cho chúng ta biết. Phía dưới thứ bảy là:

Đại Phước Đức Quang Minh Vân.

大福德光明雲。

(Vàng mây sáng Đại Phước Đức.)

Thêm vào ba chữ Quang Minh Vân đều là xứng tánh. Phước Đức là trợ đạo, trong Bồ Tát Hạnh từ Bồ Thí đến Thiên Định đều thuộc về trợ đạo. Do trợ duyên của Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiên định mới thành tựu trí huệ vô lậu. Thí dụ không có năm thứ đầu, cho dù có trí huệ, trí huệ này là hữu lậu, trí huệ hữu lậu trong Phật pháp gọi là thế trí biện thông, chẳng phải trí huệ Bát Nhã. Tại sao đức Phật đặc biệt chú trọng tu phước? Lúc chúng ta thọ Tam Quy, “*Quy y Phật, Nhị Túc Tôn*”, chữ Nhị ở đây là Phước và Huệ; Túc là viên mãn. Sau khi thành Phật, cả hai phước đức và trí huệ đều viên mãn, trong phước đức chẳng ai sánh bằng cho nên xưng là tôn quý nhất. Do đó có thể biết đức Phật tuyệt chẳng phản đối người ta tu phước, mà còn khuyến khích người ta

tu phước, tại sao vậy? Tu đạo là một công việc tương đối chẳng dễ dàng, nhân duyên chướng đạo rất nhiều, lúc bạn tu học chướng ngại cho việc chứng đạo rất nhiều; phước đức có thể bảo hộ chánh pháp, có thể chân chánh hộ trì bạn. Chúng ta nói thiên long quỷ thần hộ pháp đến để hộ cho pháp của bạn, họ dựa vào cái gì để hộ pháp của bạn? [Là vì] thấy bạn có phước, có đức, nếu bạn chẳng có phước đức, không tu phước đức, mỗi ngày khấu đầu chấp tay, người ta chẳng đếm xỉa đến bạn thì dựa vào gì để hộ pháp cho bạn! Nếu bạn chịu tu bố thí, người ta khâm phục bạn, tán thán bạn; bạn chịu trì giới, người ta tôn kính bạn. Cho nên chúng ta yêu cầu chư Phật hộ niệm, long thiên ủng hộ, chẳng phải mỗi ngày khấu đầu, mỗi ngày cầu họ, cầu kết với họ, nịnh hót họ, không thể được! Chỉ cần mình hết lòng y theo lời Phật dạy mà làm, chẳng cần phải cầu Ngài, chẳng cần đề ý, tự nhiên sẽ được hộ trì. Tại sao vậy? Ngài tôn kính bạn, bạn nổi bật trong đại chúng, người ta tạo nghiệp, bạn tu phước, là đạo lý như vậy, chúng ta phải hiểu rõ.

Trên hình thức thì chúng ta làm theo nghi thức, thật ra đây là làm cho đại chúng xem, dùng phương thức này khơi gợi đại chúng, làm cho những chúng sanh mê hoặc điên đảo này giác ngộ, hồi đầu, thế nên những nghi thức này nên làm trang nghiêm, long trọng, đạo lý là như vậy. Tuy xã hội đại chúng chẳng nhìn thấy, nhưng chúng ta làm nghi thức này trang nghiêm, long trọng thì quỷ thần nhìn thấy. Do đó có thể biết tất cả hình thức đều là để phổ độ hết thấy chúng sanh, đó chỉ là bên ngoài; có bề ngoài thì phải có nội dung bên trong, bên trong là chân tu. Nội tâm thanh tịnh, bình đẳng, giác, biểu hiện ở bên ngoài là lục độ vạn hạnh, thành tựu phước báo chân thật rộng lớn. Phước báo có thể trừ chướng ngại, có thể giúp chúng ta khai trí huệ, ngàn ngữ thế gian thường nói: “*Phước chí tâm linh*”, phước báo của người này đến thì họ vô cùng thông minh. Lúc bình thường coi họ ngu khờ, nhưng khi phước báo hiện tiền thì họ sẽ đột nhiên thông minh, lời này có đạo lý. Tu định là nguyên nhân chủ yếu để khai huệ, tu phước là trợ duyên, giúp đỡ bạn khai huệ, thế nên phải phước huệ song tu. Câu kệ là:

Đại Công Đức Quang Minh Vân.

大功德光明雲。

(Vàng mây sáng Đại Công Đức.)

“*Công đức*” khác với phước đức. Chúng ta thường gọi phước đức là phước báo, phước báo có thể cùng hưởng với người khác, công đức

thì không thể. Công đức là gì? “*Công*” là sự tu học của bạn có công phu, khi tu học có công phu thì bạn nhất định có thâm hoạch; chữ “*đức*” này cùng nghĩa với chữ “*được*” (đắc), bạn nhất định có được thâm hoạch. Thí dụ trì giới có công, tu giới được rất tốt, có công; thiền định là đức, nhờ Giới được Định. Giữ Giới có tốt cách mấy nhưng không thể đắc Định, công phu cứ thiếu một chút. Giữ Giới được rất tốt, tại sao không được Định? Cổ đức nói rất hay, tự mình tu hành rất tốt, nói theo cách nói hiện nay: Rất đáng kiêu ngạo, như vậy là hỏng rồi! Bạn nghiên cứu kinh điển, nghiên cứu rất hay, rất đáng kiêu ngạo; giảng kinh trên giảng đài, giảng rất hay, rất đáng tự hào, một khi vừa ngạo mạn thì hỏng rồi, công đức liền mất hết. Ngạo là gì? Phiền não, trì giới đến sau cùng phiền não hiện tiền. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư Huệ Năng dạy rất hay: “*Nếu là người chân chánh tu đạo chẳng nhìn thấy lỗi người thế gian*”, bạn trì giới phải trì đến lúc chẳng thấy lỗi người khác thì sẽ được Định, bạn trì giới sẽ biến thành công đức. Trì giới được Định là công đức; trì giới chẳng được Định là phước đức. Thế nên trì giới có hai loại, một là công đức, hai là phước đức. Nhờ trì giới mà được Định.

Tu Định cũng vậy, tu Định có thể khai trí huệ thì Định này biến thành công đức, như vậy thì có công. Tu Định mà chẳng thể khai trí huệ, thì Định này là thiền định thế gian, tu được tốt cách mấy, Tứ Thiền Bát Định. Chư vị phải biết Tứ Thiền Bát Định đều chưa khai trí huệ, không xuất nổi Tam Giới, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Người tu hành rất dễ khởi Tăng Thượng Mạn, đó tức là như người hiện nay nói “*đáng được kiêu ngạo*”, người ta chẳng biết tôi, tôi cao hơn người ta một bậc. Chỉ cần có tâm niệm này thì công đức của bạn hoàn toàn mất hết. Đại công đức có thể diệt tội, có thể diệt ác, có thể sanh thiện, công đức có thể diệt ác, sanh thiện. Nếu tu học mà Ác còn tăng trưởng, Thiện chẳng thể sanh, vậy là hoàn toàn sai lầm, điều này chúng ta không thể không biết.

Cương lãnh, nguyên tắc tu hành của nhà Phật chú trọng ở “*tu quán*”. Nhà Thiên Thai nói: “*Tam Chỉ Tam Quán*”, chúng ta niệm Phật cũng chẳng tách lìa nguyên tắc tu quán. Quán là gì? Quan niệm. Tu quán tức là sửa đổi những quan niệm sai lầm lúc trước của chúng ta trở lại, đó gọi là tu quán. Nói chung, tu học có ba giai đoạn, trong Tông Môn thường nói. Thứ nhất là “*Quán Chiếu*”, quán chiếu là gì? Thường thường nhắc nhở những quan niệm giác ngộ, thời thời khắc khắc nhắc nhở, đó là quán chiếu. Công phu quán chiếu đắc lực rồi, trong Tịnh Độ Tông chúng ta tức là “*công phu thành phiền*”, có công phu này nhất

định được sanh Tịnh Độ. Tại sao vậy? Niệm niệm có thể chẳng mê, niệm niệm đều đề khởi quán chiếu, trong Tịnh Độ Tông chúng ta tức là một câu Phật hiệu, khi tâm địa vừa động niệm, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, trong tâm khởi lên một tâm niệm. Tâm niệm chẳng ra ngoài thiện - ác, thuận theo ý tứ của mình thì khởi tâm tham, chẳng hợp ý tứ mình thì khởi sân khuê, sẽ động tâm niệm này, khi chẳng nghịch chẳng thuận thì khởi niệm vô ký, như vậy đều chẳng tốt. Thế nên khi lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, tánh cảnh giác rất cao, ý niệm vừa khởi thì liền A Di Đà Phật, liền chuyển thành A Di Đà Phật lập tức, trong Tông Môn gọi đó là công phu quán chiếu. Cổ đức có nói: *“Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”*. Tâm niệm vừa khởi lên, không sao hết, phải cảnh giác cho nhanh, lập tức đề khởi Phật hiệu, thay đổi tâm niệm này, đây là công phu quán chiếu. Lúc công phu quán chiếu sâu thì tự nhiên vọng tưởng, tâm niệm sẽ chẳng khởi, công phu thật có thể không chể, sẽ chẳng khởi nữa, đây tức là Sự Nhất Tâm Bất Loạn, trong Tông Môn gọi là *“Chiếu Trụ”*, là được Định, thiền định hiện tiền.

Đến công phu thượng tầng là *“Chiếu Kiến”*, chúng ta đọc Tâm Kinh: *“Quán Tự Tại Bồ Tát chiếu kiến ngũ uẩn giai không”*, Chiếu Kiến, kiến là trí huệ khai mở, từ Định khai Huệ, trong Tịnh Tông chúng ta tức là Lý Nhất Tâm Bất Loạn, tức là chiếu kiến. *“Chiếu kiến ngũ uẩn giai không”*, ngũ uẩn giai không tức là chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sinh, nhìn thấy hết thấy pháp trong vũ trụ, chân tướng là *“vô sở hữu, bất khả đắc”*. Đức Phật nói hai câu này trong kinh Đại Bát Nhã lập đi lập lại mấy trăm lần, thế nên bạn xem sáu trăm quyển kinh Đại Bát Nhã xong, không nhớ những thứ khác, đều quên hết nhưng ấn tượng [của sáu chữ này] rất sâu đậm! Chỉ cần bạn nhớ sáu chữ này thì bạn đã tìm được tinh túy của sáu trăm quyển kinh Đại Bát Nhã. Thế Tôn thuyết pháp đích thật có sự khéo léo (xảo diệu) của Ngài, sẽ làm cho bạn ghi nhớ những điểm chính yếu. Tại sao vô sở hữu, bất khả đắc? Kinh Kim Cang nói: *“Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*. *“Tất cả pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*. Phẩm Thập Định trong kinh Hoa Nghiêm nói càng thấu triệt hơn, chân tướng sự thật là gì? Sát-na-tế, đây mới là chân tướng sự thật. Sát-na-tế tức là chẳng sanh chẳng diệt, nếu bạn thực sự thấu triệt, minh bạch, khế nhập cảnh giới này, thì xin chúc mừng bạn, bạn thật là tài giỏi. Tại sao vậy? Bạn chứng được quả vị Vô Sanh Pháp Nhẫn, Vô Sanh Pháp Nhẫn tức là hiểu rõ sát-na-tế, hết thấy pháp chẳng sanh chẳng diệt, sanh diệt đồng thời. Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Ngay nơi đó*

hiện ra, cũng từ nơi đó diệt hết”¹⁸, tức là sát-na-tế, thế nên mới vô sở hữu, thế nên mới bất khả đắc, đây là chân tướng sự thật. Nếu bạn tưởng là có sở hữu, tưởng là có sở đắc thì đó là vọng tưởng. Chúng sanh trong thập pháp giới, đừng nói lục đạo, đều chẳng tách lìa vọng tưởng. Thế mới biết cửa ải vọng tưởng này rất khó phá, phá được cửa ải vọng tưởng này thì bạn sẽ vượt thoát thập pháp giới, bạn sẽ nhập vào Nhất Chân pháp giới. Thế nên công đức nhất định phải tu, phước đức cũng phải tu. Phước đức chú trọng trên sự tướng, công đức chú trọng trên tâm địa.

Xem tiếp câu thứ chín:

Đại Quy Y Quang Minh Vân, Đại Tán Thán Quang Minh Vân.
大歸依光明雲。大讚歎光明雲。

(Vàng mây sáng Đại Quy Y, vàng mây sáng Đại Tán Thán.)

Quy y nói ở đây tức là quay về tự tánh, đó gọi là “*Đại Quy Y*”, Quy y Tam Bảo, nói thật ra nhà Phật nói quy y Tam Bảo, lý luận là y cứ trên câu này. Trong Tam Bảo, thứ nhất là Phật Bảo, Phật Bảo là Tự Tánh Giác, Tự Tánh biến trọn khắp pháp giới, thế nên ở đây dùng “*Quang Minh Vân*” để hiển thị. Phàm phu mê mất Tự Tánh, chiêu cảm vô lượng vô biên tai nạn. Chúng ta dùng một thí dụ để nói, viên mãn Tánh - Tướng, Tánh tuy chẳng có Tướng nhưng có thể hiện hết thấy Tướng, những Tướng được hiện là Tướng phần của Tự Tánh, Tánh - Tướng là một, nhất định chẳng phải hai. Chúng ta lấy Tự Tánh hiện Tướng ví như một thân thể, như vậy thì chư vị dễ hiểu; trong thân thể có một bộ phận giác ngộ, nhưng có một bộ phận mê hoặc. Bộ phận nào đang mê hoặc? Không nhất định. Một chỗ nào trên thân thể sanh ghẻ, có mủ, loét ra, sưng lên giống như một bộ phận chúng sanh đang mê hoặc. Cánh tay này sanh ghẻ, lở loét, còn cánh tay kia mau mau giúp đỡ, cánh tay kia là Phật, Bồ Tát, cánh tay này là chúng sanh, [cả hai] đều là một thể. Chúng sanh không biết tận hư không, trọn khắp pháp giới đều là chính mình; vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chính là bệnh độc, một chỗ trên thân mình sanh ghẻ, lở loét, chính mình chịu khổ. Thế nên chúng sanh thọ khổ thì Phật thọ khổ; chúng sanh được vui thì Phật được vui; đều là một thể cả.

A Di Đà Phật là ai? Tự tánh Di Đà. Tỳ Lô Giá Na là ai? Tự tánh Tỳ Lô Giá Na, chẳng phải ai khác, đều là chính mình. Ai biết được? Thế

¹⁸ Nguyên văn: Đương xứ xuất sanh, đương xứ diệt tận.

nên nói thật cho bạn biết, bạn sợ quá chừng, đều không tin, còn hủy báng Phật, còn tạo tội nghiệp nặng hơn. Thế nên có rất nhiều lời chân thật đức Phật chẳng nói, nói ra bạn sẽ sợ, bạn sẽ chẳng tin, không thể tiếp nhận. Nếu chúng ta quả nhiên tỉnh ngộ, hư không pháp giới đều là chính mình, lòng đại từ đại bi của bạn đối với bất cứ người nào, bất cứ chuyện gì, bất cứ vật gì đều thương mến, lòng thương ấy, lòng quan tâm chăm sóc ấy, lòng giúp đỡ ấy tự nhiên sẽ sanh lên, còn phân chia ta - người nữa sao! Bạn cung kính tôi, tán thán tôi, tôi thương mến bạn, giúp đỡ bạn; bạn hủy báng tôi, chà đạp tôi, sỉ nhục tôi, tôi vẫn thương mến bạn, vẫn giúp đỡ bạn. Tại sao vậy? Bạn mê, tôi chẳng mê. Người chẳng mê thì biết là một thể, người mê thì chia ra thành tôi, chia ra thành họ, cũng giống như trên thân thể bị bệnh, bị ghẻ vậy, những tế bào này mê hoặc điên đảo, chẳng thể điều hòa cùng với cả thân thể, chẳng hòa với mọi người; hòa thì khỏe mạnh, không hòa thì sẽ sanh bệnh.

Chư Phật Như Lai tán thán đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện trong Ngũ Trược Ác thế, dạy dỗ chúng sanh ương ngạnh, khó dạy, ý nghĩa của câu này vô cùng sâu rộng! Nhóm chúng sanh ương ngạnh, khó dạy này cũng giống như một bộ phận trên thân thể bị sung mủ vậy, cùng với mọi người chẳng hòa, họ ở đây phân chia ta và người, chính họ đang chịu khổ chịu nạn, đọa địa ngục, biến thành ngạ quỷ, phải chịu những tội khổ này. Vốn là chẳng có, vốn là chẳng đáng có, họ nhất định phải tạo tác, nhất định phải thọ chịu, đâu có cách chi nữa! Chẳng có biện pháp. Những gì Phật có thể giúp đỡ là dạy dỗ, giảng dạy, nói rõ chân tướng sự thật, chúng ta tự mình phải giác ngộ, nhất định phải quay về, quay lại là bến bờ. Quy chính là quay về, Y chính là nương tựa, phải nương tựa tánh đức, ở đây dùng “*Quang Minh Vân*” để tượng trưng, trong kinh Hoa Nghiêm dùng “*Đại Phương Quảng*” để tượng trưng. Đại Phương Quảng trong kinh Hoa Nghiêm chính là Quang Minh Vân nói trong kinh này. Chư vị phải hiểu đoạn này, mười câu này, Quang Minh Vân này hàm nhiếp toàn bộ kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm hàm nhiếp toàn bộ Phật pháp. Vô lượng vô biên pháp môn do mười phương ba đời hết thảy tất cả chư Phật giảng đều bao hàm trong mười thứ Quang Minh Vân này, một pháp cũng chẳng sót, chúng ta phải thể hội ý nghĩa này.

Quy y Pháp, Pháp là Tự Tánh Chánh, Tự Tánh Chánh là gì? Tự tánh vốn có sẵn trí huệ Bát Nhã. Tự Tánh Giác là “*Căn Bản Trí*”, Tự Tánh Chánh là “*Hậu Đắc Trí*”, chúng ta gọi là “*Quyền Trí*”. Khi xử sự, đối người, tiếp vật chúng ta phải từ chỗ này cảm nhận, khế nhập, sau đó

thực hiện trong đời sống, công việc, trong khi xử sự, đối người, tiếp vật, chúng ta sẽ khế nhập cảnh giới Phật. Nhập cảnh giới Phật thì tự nhiên sẽ siêu việt thập pháp giới, lục đạo luân hồi thì khỏi nói vì đã siêu việt thập pháp giới rồi. Chúng ta khởi tâm động niệm, những gì mình làm, mình tạo cùng Pháp Thân đại sĩ chẳng hai chẳng khác, chúng ta tuy chưa chứng Pháp Thân nhưng cùng Pháp Thân đại sĩ thực sự giống nhau, đây chính là “*đại tâm phàm phu*” nói trong kinh Hoa Nghiêm. Đại tâm phàm phu niệm Phật vãng sanh, nói cho chư vị biết, nhất định sẽ sanh Thật Báo Trang Nghiêm Độ, bốn cõi, ba bậc, chín phẩm chúng ta đều có phần. Đại sư Thiện Đạo dạy rất hay, cổ đức trước thời đại sư Thiện Đạo thường nói bốn phẩm thượng: Thượng Thượng phẩm, Thượng Trung phẩm, Thượng Hạ phẩm, Trung Thượng phẩm, họ nói bốn phẩm thượng này đều là Bồ Tát vãng sanh, phàm phu không có phần. Đại sư Thiện Đạo là A Di Đà Phật tái lai, Ngài dạy chúng ta: “*Chín phẩm vãng sanh đều ở tại duyên, gặp duyên chẳng giống nhau*”, lời này nói rất hay! Chúng ta là phàm phu, gặp duyên thù thắng thì chúng ta sẽ sanh phẩm Thượng Thượng, Bồ Tát nếu chẳng gặp duyên này thì họ vãng sanh có thể chỉ được phẩm Trung Hạ, là do gặp duyên chẳng đồng, chẳng phải do chuyện khác. Như vậy mới là pháp bình đẳng, phù hợp với giáo nghĩa của đề kinh: Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác, thế nên chúng ta đọc kinh, nghiên giáo sẽ không uổng phí.

Hiện nay thời gian của tôi hơi ít một chút, phải giảng bốn bộ kinh cùng lúc, ở đây ba bộ, tại Hương Cảng giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm. Tôi nói tuy lạc thật (biến thành hiện thật) trong đời sống hiện tại, nhưng tôi coi những chú sớ của cổ đại đức, tôi coi rất hết lòng, tôi sẽ không nhất định nói theo họ, nhưng những gì tôi giảng nhất định khế hợp với ý tứ của họ. Nếu giảng theo chú sớ của người xưa, người hiện nay nghe không hiểu, chẳng thể tiếp nhận, cũng làm chẳng nổi. Chúng ta phải chân chánh hiểu nghĩa kinh, sách của người xưa có thể cung cấp cho chúng ta tham khảo, coi họ nói như thế nào. Sau đó coi hiện nay là thế giới như thế nào, chúng sanh hiện nay có căn cơ gì, bệnh của họ ở tại đâu? Họ cần những gì? Chúng ta có được sự khai thị của kinh điển, chú sớ của cổ đại đức, suy cũ ra mới, chúng ta giúp đỡ chúng sanh khổ nạn hiện nay.

Ngày nay giải quyết vấn đề xã hội, giải quyết vô lượng vô biên tai nạn do người tạo ra cũng vậy, tai nạn tự nhiên cũng vậy, đều phải làm một sự chuyển biến to lớn từ trong tâm, đó là nhất định phải thương yêu người đời, mở rộng tâm thương yêu mình để thương yêu hết thảy chúng

sanh, được vậy thì hết thấy tai nạn đều tiêu trừ. Chỉ biết mình, chẳng biết người khác, thậm chí làm những chuyện tổn người lợi mình, đây là lời người thế gian nói, người mê hoặc điên đảo nói. Người chân chánh minh bạch nhìn thấy cái gì? Tổn hại người nhất định sẽ chẳng lợi mình, chuyện tổn hại người sẽ tổn hại mình, chư vị phải biết như vậy. Cái gì mới thực sự là lợi mình? Lợi người mới thực sự là lợi mình, lợi ích xã hội mới thực sự lợi ích gia tộc của bạn. Người thế gian mê hoặc điên đảo chẳng biết đạo lý này, chẳng biết chân tướng sự thật, tại sao vậy? Vì cả xã hội, cả thế giới là những tế bào trong thân thể của mình, chỉ lo cho bộ phận này, không lo cho bộ phận kia thì bộ phận kia sẽ sanh bệnh. Bạn phải lo cho hết thấy, ăn uống, nơi chốn, cư trú, hấp thụ dinh dưỡng, mỗi bộ phận trong thân thể đều phải đạt đến. Cung cấp thức ăn không đồng đều thì sẽ sanh bệnh, có bộ phận hấp thụ dinh dưỡng rồi, còn bộ phận khác thiếu thì tứ đại sẽ chẳng điều hòa. Dùng thí dụ này để nói cả thế giới cũng vậy, chỉ lo cho quốc gia của mình, chẳng màng đến quốc gia khác, kết quả khi quốc gia khác bị nạn, chúng ta cũng chịu liên lụy. Hiện nay mọi người từ từ thấy được sự thật này, nhưng vẫn chưa biết quay về, chưa biết nguyên nhân căn bản ở chỗ nào! Thế nên Phật pháp trước tiên mở rộng tâm lượng của chúng ta, *“tâm bao trùm hư không, lượng gồm thấu các cõi nhiều như cát”*, như vậy mới thực sự quy y Chánh; tự tánh vốn sẵn có chánh tri chánh kiến, y cứ cho hết thấy xử sự, đãi người, tiếp vật trong đời sống.

Thứ ba là Quy Y Tăng, Tăng có nghĩa là Tịnh. Nói theo cách hiện nay là xã đoàn, đoàn thể. Phật pháp xưng bốn người là *“chúng”*, dùng cách nói hiện nay tức là một đoàn thể nhỏ. Bốn người trở lên cùng chung sinh hoạt, làm việc, thì đây là một đoàn thể nhỏ. Người trong đoàn thể này đều tu Lục Hòa Kính thì được gọi là Tăng Đoàn, gọi là Tăng Chúng. Ai cũng tu Lục Hòa Kính, ai cũng có tâm địa thanh tịnh viên mãn, đây là Tăng Đoàn đáng được người tôn kính trong hết thấy đoàn thể ở cõi trời, cõi người. Tại sao vậy? Họ hòa hợp, hòa mục, người Trung Quốc thời xưa cũng nói *“Hòa vi quý”*. Luận Ngữ nói: *“Lễ chi dụng, hòa vi quý”*, Hòa là tôn quý nhất, *“Chúng trung tôn”*, tôn nghĩa là đáng được người ta tôn kính, là một đoàn thể rất tôn quý. Đoàn thể này càng lớn, số người càng nhiều, ý kiến bất hòa thì chẳng là Tăng Đoàn, chẳng là đoàn thể được mọi người tôn kính. Ý kiến từ đâu tới? Ý kiến đều là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chư vị nghĩ thử coi đúng không? Chẳng phải chân thật, trong tự tánh vốn chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Ý nghĩa của mười câu này rất sâu, bắt đầu bằng *“Đại Viên Mãn”*,

kết thúc bằng “Đại Tán Thán”, đúng là viên mãn đến cùng cực. Tám câu ở giữa thì “Tỳ Bi” là chỗ chúng ta phát tâm nương tựa, “Trí Huệ” là chỗ y chiếu cho chúng ta tu hành, “Bát Nhã” phá hết thấy mê hoặc điên đảo, “Tam Muội” trừ hết thấy chướng ngại, “Cát Tường” là đức đáng được, “Phước Đức” là đức trợ đạo, “Công Đức” là diệt ác sanh thiện, “Tam Bảo” là chỗ quy y chân thật, đây là đại cương của tánh đức viên mãn, sau cùng tổng kết bằng “Tán Thán”. Ai tán thán? Những người đối với Sự Lý này chẳng hiểu, chẳng rõ ràng, thì làm sao tán thán nổi! Có năng lực tán thán, có tư cách tán thán là chư Phật Như Lai, các Ngài hiểu rõ triệt để, thế nên chư Phật Như Lai tán thán thành tựu của bạn, tán thán bạn đã thực sự quay về. Ở đây chúng ta nhất định phải biết chúng sanh và Phật vốn chẳng hai, thế nên chư Phật Như Lai lễ kính chúng sanh, chỉ có chúng sanh coi thường Phật, Bồ Tát, chẳng kính trọng. Hủy báng Phật, Bồ Tát, chẳng tin Phật, Bồ Tát, vu khống Phật, Bồ Tát, [nhưng] Phật, Bồ Tát tuyệt chẳng vì vậy mà xa lìa chúng sanh, sẽ vĩnh viễn ở nơi đó quan hoài, vĩnh viễn thương mến. Phật chẳng xa lìa chúng sanh, chúng sanh quay lưng xa lìa Phật, Bồ Tát, đây là chân tướng sự thật. Ngày nay chúng ta học Phật, phải học Phật, Bồ Tát, phải học cách dụng tâm, học cách hành trì của Phật, Bồ Tát, chẳng thể học theo chúng sanh, nếu học chúng sanh thì chúng ta cũng sẽ luân hồi lục đạo, đã luân hồi vô lượng kiếp rồi, khổ chẳng thể tả, vẫn còn muốn tiếp tục nữa sao? Trước kia chẳng gặp kinh Đại Thừa là chướng nạn, chẳng có duyên để giác ngộ, chẳng có duyên để quay về. Ngày nay gặp được, đích thật là nhân duyên hiếm hoi từ vô lượng kiếp. Đã gặp rồi thì phải quý tiếc, phải từ đó quay về, chẳng tiếp tục tạo nghiệp luân hồi nữa, buông xuống hết thấy thân tâm thế giới, y giáo phụng hành, thật thà niệm Phật, như vậy mới tốt. Đoạn phía dưới:

Phóng như thị đẳng bất khả thuyết quang minh vân dĩ.

放如是等不可說光明雲已。

(Phóng ra những vàng mây sáng chẳng thể nghĩ bàn như vậy xong.)

Câu này là tổng kết. Đoạn trước Thế Tôn phóng quang, hiển thị Lý Thể sở chứng của mình, tức là hiển thị tánh đức viên mãn; Phật có, chúng sanh cũng có. Phóng quang hiện tướng lành, nói thật ra chỉ có Pháp Thân đại sĩ mới hiểu rõ, vừa nhìn thấy pháp luân viên mãn do Thế Tôn, mười phương hết thấy chư Phật Như Lai nói xong, liền tức khắc

tiếp nhận viên mãn, [chuyện này chỉ có] Pháp Thân đại sĩ mới làm được! Thập pháp giới chúng sanh nhìn thấy, cảm thấy hy hữu, hoan hỷ tán thán, nhưng chẳng biết át giáp gì cả, chẳng biết rốt cuộc là có ý nghĩa gì? Họ đều chẳng hiểu, vậy thì phải làm sao? Ngài thuyết pháp, không nói thì chúng ta làm sao hiểu! Thế nên:

Hựu xuất chủng chủng vi diệu chi âm.

又出種種微妙之音。

(Lại phát ra những âm thanh vi diệu.)

Do đó có thể biết phóng quang hiện tướng lãnh độ người thượng thượng căn, phát âm thanh vi diệu là để độ người trung hạ căn. Người trung hạ căn nhìn thấy hào quang chẳng hiểu được hàm ý trong đó, nhất định phải yêu cầu đức Phật thuyết pháp. Chỗ này nói: “*Phát ra những âm thanh vi diệu*”, chữ vị phải ghi nhớ, đây là nói với chúng sanh trong thế giới Sa Bà, thế giới chúng ta đúng như lời của Văn Thù Bồ Tát: “*Chân giáo thể của chỗ đó, thanh tịnh ở tại âm thanh và lắng nghe*”¹⁹. Trong hội kinh Lăng Nghiêm, Thế Tôn để Văn Thù Bồ Tát tuyển chọn pháp Viên Thông cho chúng ta, tức là tuyển chọn pháp môn nào thích hợp nhất cho căn tánh của chúng sanh ở thế gian này. Văn Thù Bồ Tát tuyển chọn “*Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông Chương*”, nói rõ chúng sanh thế giới Sa Bà nhĩ căn (căn tai) lãnh lợi nhất. Bạn cho họ coi, đọc kinh, bạn cho họ coi kinh chẳng dễ khai ngộ, bạn kêu họ nghe kinh thì dễ khai ngộ hơn, công đức của nhĩ căn mạnh hơn nhãn căn. Thế nhưng căn tánh của chúng sanh ở khắp nơi trong mười phương thế giới chẳng giống nhau, giống trong kinh nói người nước Hương Tích thì nhĩ căn chẳng tốt, bạn để họ coi, họ chẳng khai ngộ, nghe thì họ cũng chẳng hiểu; mời họ ăn cơm, vừa ăn thì họ liền khai ngộ, chuyện này tuyệt diệu, thế nên họ dùng cơm thơm tho (hương phạn) để làm Phật sự. Tại sao vậy? Thiết căn (căn nếm mùi vị) lãnh lợi. Thế nên hết thấy chúng sanh, căn tánh nào lãnh lợi chẳng nhất định. Nếu Thế Tôn giảng kinh Địa Tạng ở nước Hương Tích, đoạn sau này nhất định sẽ “*lại dùng các thứ cơm vi diệu thơm tho*”, phải vậy chăng? Chính là sự việc như vậy. Sẽ chẳng “*phát ra những âm thanh vi diệu*”, đây là chuyên dùng để nói với chúng ta ở thế gian này, thế nên chỗ này phải hiểu, Phật thuyết pháp nhất định phải khéo lý, khéo cơ. Phía trước phóng Quang Minh Vân là khéo lý,

¹⁹ Nguyên văn: Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn.

chỗ này là nói khế cơ, đều đáng để chúng ta dụng tâm học tập. Phật phóng quang, chúng ta cũng phải phóng quang, chúng ta chẳng thể rõ ràng như Phật, chúng ta phải phóng quang như thế nào? Tâm địa của bạn có từ bi chân thật thì tự nhiên sẽ hiển lộ tướng từ bi quang, người ta vừa nhìn thấy bạn [liền cảm thấy] người này rất từ bi; tâm địa rất thanh tịnh thì [họ cảm thấy] người này rất thanh tịnh, đó là phóng quang. Trong tâm bạn thực sự chứa đựng những gì trong kinh nói thì tự nhiên sẽ từ mặt, từ thân thể bạn phóng quang, không những phóng quang mà còn phát hương thơm nữa, “*hương quang trang nghiêm*”. Hương vị của phẩm phu rất khó ngửi, tâm địa của người tu hành thanh tịnh quang minh, hương vị trên thân của họ rất thơm, chúng ta rất ít thấy.

Trước kia tôi ở Hương Cảng nghe các bạn đồng tu nói, nghe nói lão hòa thượng Hư Vân một năm tắm một lần, cạo đầu một lần. Y phục mùa đông hay mùa hè cũng chỉ có một bộ, hờm (ghét) trên cổ áo đóng rất dày nhưng lại có mùi thơm, chẳng khó ngửi, đây là lời một số đồng tu ở Hương Cảng nói với tôi. Đó là mùi hương gì? Chúng ta thường gọi là Ngũ Phần Giới Hương, Ngũ Phần Pháp Thân Hương là: Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến. Chúng ta xét từ điểm này thì ý tứ liền rất viên mãn, chân thành, thanh tịnh, từ bi. Có thể thấy tánh đức tỏ lộ, chẳng có chỗ nào chẳng đến, không những thân phóng quang, toát hương thơm, ngay cả hoàn cảnh chỗ Ngài cư trú cũng toát hương thơm, hiện nay một số người chúng ta gọi là từ trường chẳng đồng. Hoàn cảnh chỗ Ngài cư trú khi chúng ta đi vào sẽ cảm thấy rất thư thái, cảm thấy rất tự tại, đó là vì hoàn cảnh chỗ Ngài cư trú có quang minh, tuy mắt thịt chúng ta chẳng thấy được làn sóng quang minh của Ngài nhưng chúng ta có thể cảm nhận được. Đoạn này là nói về âm thanh thuyết pháp. Xin coi kinh văn:

Sở vị Đàn Ba La Mật âm, Thi Ba La Mật âm, Sằn Đề Ba La Mật âm, Tỳ Ly Da Ba La Mật âm, Thiền Ba La Mật âm, Bát Nhã Ba La Mật âm.²⁰

²⁰ Đàn là Đàn-na, dịch âm tiếng Phạn (Dana), nghĩa là Bỏ thí.

Thi hay Thi La, dịch âm tiếng Phạn (Sila), nghĩa là Giới.

Sằn Đề dịch âm tiếng Phạn (Ksanti); nghĩa là Nhẫn nhục.

Tỳ Ly Da dịch âm tiếng Phạn (Vīrya), nghĩa là Tinh tấn

Thiền hay Thiền Na, dịch âm tiếng Phạn (Dhyana), nghĩa là tư duy, tịnh lự

Bát Nhã, dịch âm tiếng Phạn (Prajna), nghĩa là trí huệ.

所謂檀波羅蜜音。尸波羅蜜音。羼提波羅蜜音。毘離耶波羅蜜音。禪波羅蜜音。般若波羅蜜音。

(Như là tiếng Đàn Ba La Mật, tiếng Thi Ba La Mật, tiếng Sằn Đề Ba La Mật, tiếng Tỳ Ly Da Ba La Mật, tiếng Thiên Ba La Mật, tiếng Bát Nhã Ba La Mật.)

Chúng ta nói trước sáu câu này, sáu câu này nói về Lục Độ. Thứ nhất “Đàn Na” là tiếng Phạn, dịch nghĩa là Bồ Thí. Chư Phật, Bồ Tát, nói thật ra tức là Pháp Thân. Pháp Thân là gì? Họ khẳng định tận hư không, trọn khắp pháp giới đều là chính mình. Họ nhất định chẳng cho rằng thân này là mình, tận hư không trọn khắp pháp giới mới là chính mình, thế nên họ chứng được vô lượng thọ. Hư không pháp giới chẳng diệt, thân này của chúng ta có sanh diệt, ví giống như cái gì? Tế bào trong thân chúng ta, tế bào có lớp mới thay lớp cũ, có sanh diệt. Nhưng thân này phải trụ mấy mươi năm, thời gian của tế bào rất ngắn. Y Học hiện đại nói thân thể người ta cứ bảy năm là một chu kỳ, hết thảy tế bào có một lần thay đổi. Thế nên trước bảy năm những tế bào cũ đã mất đi, những tế bào hiện nay đều là mới hết, vĩnh viễn lớp mới thay lớp cũ. Tre già măng mọc, tại sao chúng ta chẳng đổi một cái mới, đổi cái tốt, mới hoàn toàn? Thí dụ một cái máy, linh kiện (bộ phận) trong máy hư rồi, tìm một linh kiện tương tự như cái này rồi gắn vào thì cũng có thể dùng được, đó là đồ cũ chẳng phải mới. Tại sao không lựa một linh kiện mới hoàn toàn gắn vô, thế thì thân thể này của bạn vĩnh viễn khỏe mạnh, sống lâu, người một trăm tuổi còn giống như người trẻ tuổi vậy, tại sao? Bạn thay tế bào này bằng tế bào mới, thanh tịnh, chẳng ô nhiễm. Nhưng khi chúng ta thay đổi đều đổi tế bào ô nhiễm. Ô nhiễm như thế nào? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của bạn đã ô nhiễm, những gì đổi được đều chẳng tốt đẹp! Bạn xem con nít cũng vậy, con nít bảy tuổi, mười tuổi, đã đổi hai chu kỳ rồi, tại sao vẫn còn tốt như vậy? Vọng tưởng ít, vọng niệm ít. Nếu nói một câu khó nghe thì tâm niệm hại người, hại mình ít, thế nên những tế bào họ đổi vẫn còn mới. Tuổi càng lớn thì tâm niệm hại người hại mình càng nhiều, càng mạnh, càng đổi thì càng tệ, là đạo lý như vậy.

Chúng ta nhìn xem thế giới của Phật, Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng vậy, tại sao thể chất của người ta vĩnh viễn không thay đổi?

Ba La Mật là dịch âm tiếng Phạn (Paramita), nghĩa là Đền Bờ Kia (Đảo Bì Ngạn), viên mãn

Hình như ngưng tụ tại nơi ấy, trên thực tế có phải là ngưng tụ không? Không phải, hay là đời đời chẳng trụ. Tức là trong sự thay cũ đổi mới của họ hoàn toàn chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nghĩa là linh kiện mới vừa đổi này là hoàn toàn mới, vĩnh viễn sẽ mới hoài. Trong máy này thay mười lần, thay hai mươi lần đều là thay đồ mới, là đạo lý như vậy. Sự thiệt thòi của chúng ta ở tại đâu? Tự mình hại mình, tự tư tự lợi, chuyện này chẳng phải là tự lợi mà là tự tư tự hại, danh từ dùng sai rồi, đâu có chuyện tự lợi? Là tự hại. Lợi tha mới là tự lợi, ai biết việc lợi tha? Phật, Bồ Tát biết lợi tha, người giác ngộ biết lợi tha. Người mê hoặc điên đảo chỉ biết tự lợi, tự lợi là tự hại, chẳng phải là tự lợi. Nói đến lợi không đúng. Chẳng nói gì khác, chỉ nói về tình trạng sức khỏe thì bạn sẽ hiểu, tự mình hại chính mình. Tại sao tế bào thay cũ đổi mới này chẳng thể đổi thành mới hoàn toàn, chẳng thể đổi thành khỏe mạnh? Phải biết tham, sân, si, mạn là độc tố bệnh hoạn nặng nhất, trong tâm của bạn có tham, sân, si, mạn thì đổi tế bào đều là tế bào bị bệnh, đều mang độc tố bệnh hoạn nghiêm trọng, bạn không có lợi gì hết! Dù con nít cũng có tâm tham, sân, si, mạn, nhưng rất yếu ớt, chẳng mạnh, những độc tố trong các tế bào thay đổi của nó rất ít, người lớn tuổi mang theo độc tố bệnh hoạn rất nhiều. Nếu chúng ta chẳng thâm nhập kinh tạng, chẳng hiểu đạo lý Đại Thừa, chúng ta làm sao biết nổi những chân tướng sự thật này! Khoa học gia tìm tòi đến ngày nay vẫn chưa phát hiện ra, cũng chẳng tìm hiểu. Thế nên vừa mở đầu thì dùng Sáu Ba La Mật để trước mặt, hết thầy chư Phật, Bồ Tát giảng kinh thuyết pháp cho chúng sanh, dạy chúng sanh tu hành chứng quả đều chẳng ra ngoài sáu cương lĩnh này.

Bồ Thí gồm có “*Bồ Thí tài vật, bồ thí pháp, bồ thí vô úy*”, khi Thế Tôn giảng kinh, thuyết pháp cho hết thầy chúng sanh thì cả ba thứ bồ thí này đều trọn đủ. Giảng kinh thuyết pháp có “*bồ thí tài vật*”, tài vật gì? Nội tài, nội tài là trí huệ, thể lực, đây là bồ thí nội tài. Những gì nói ra là quan niệm và phương pháp, đây là “*pháp bồ thí*”. Chúng sanh được pháp này, hiểu rõ pháp này, có thể lìa khỏi hết thầy âu lo, buồn rầu, khổ não, biết được con đường thoát ly luân hồi, đây là “*vô úy bồ thí*”. Chư Phật, Bồ Tát làm ba thứ bồ thí này. Bản thân các Ngài trì giới, Trì giới tức là đúng như pháp, đời sống của Ngài có quy củ, Ngài thuyết pháp có lý luận, có thứ tự, chẳng có gì không đúng như pháp, như pháp chính là trì giới. Nhấn nhục là có tâm nhấn nài, sanh nhấn, pháp nhấn, hết thầy chúng sanh chống lại, Phật, Bồ Tát có thể nhấn, chẳng nề hà, chẳng giữ trong tâm. Ngày nay chúng ta nói những tai biến tự nhiên này cũng có

thể nhẫn. Tu học Phật pháp cần phải có thời gian rất dài, phần cuối kinh Hoa Nghiêm có đoạn Thiện Tài đồng tử năm mươi ba lần tham vấn, tham học cũng rất cực nhọc, chẳng có một việc gì không thể nhẫn. Nói cách khác, Ngài có tâm nhẫn nại rất lớn nên Ngài có thành tựu to lớn. Thành tựu lớn nhỏ, nói thật ra là hoàn toàn tỷ lệ thuận theo tâm nhẫn nại, bạn có tâm nhẫn nại bao lớn thì bạn sẽ có thành tựu lớn bấy nhiêu, nếu bạn chẳng có tâm nhẫn nại thì thành tựu của bạn sẽ chẳng thể tiến triển thêm. Thế nên Nhẫn nhục xong thì mới có Tinh tấn.

“*Tỳ Ly Da*” là tinh tấn. Tấn là tiến bộ, tinh là tinh thuần; tinh hoàn toàn là nói về vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; vọng tưởng, phân biệt, chấp trước ngày càng ít, đây là “*Tinh*”. Trí huệ, đức năng ngày càng sáng tỏ, càng nhiều, đây là tiến bộ. Thiền định là trong tâm có chủ tể, chẳng bị lay động bởi hết thảy. Hiện nay đồng tu học Phật, chúng ta được Phật pháp thực sự chẳng dễ, pháp môn vô thượng hy hữu, đặc lực ở chỗ Tổ Tổ truyền thừa, chúng ta gặp được thiện tri thức mới biết được, mới hiểu được. Chẳng gặp chân thiện tri thức thì pháp môn này bày trước mặt bạn, bạn chẳng biết quý, gặp rồi mà bỏ lỡ, bạn nói như vậy đáng tiếc biết bao. Trong hết thảy pháp môn, pháp môn Tịnh Độ thù thắng bậc nhất, có bao nhiêu người biết được? Bao nhiêu người có thể hiểu rõ triệt để? Chỉ có hiểu rõ thực sự thì mới có thể sanh khởi lòng tin, cứu độ chúng sanh thời Mạt Pháp. Thời Mạt Pháp còn chín ngàn năm, phương pháp gì có thể độ những chúng sanh khổ nạn này? Chỉ có pháp môn Niệm Phật, pháp môn Niệm Phật y cứ vào kinh thứ nhất là kinh Vô Lượng Thọ.

Kinh Vô Lượng Thọ được dịch tổng cộng mười hai lần tại Trung Quốc, có mười hai bản dịch gốc. Lúc Thế Tôn còn tại thế đã giảng nhiều lần nên nguyên văn có rất nhiều bản khác nhau. Chúng ta phải coi hết những bản kinh này mới có thể nhận thức Tây Phương Cực Lạc thế giới rõ ràng, mới có thể kiên định tín nguyện, việc này rất quan trọng! Nhưng muốn gộp chung những bản dịch gốc này lại để xem thì thời đại hiện nay chẳng dễ, huống gì là thời xưa! Thế nên việc hội tập rất cần thiết. Người hội tập lần đầu tiên là cư sĩ Vương Long Thư, là một vị tại gia, bản hội tập của Ngài được ghi vào Đại Tạng Kinh. Chư vị phải biết những tác giả, tác phẩm có thể ghi vào Đại Tạng đều được sự thừa nhận của bốn chúng đệ tử trong Phật môn, khẳng định chẳng có sai lầm mới được ghi vào Đại Tạng. Chẳng phải những trứ tác thông thường đều có thể ghi vào Đại Tạng Kinh, phải được sự tiến cử của cao tăng đại đức đương thời, gởi cho nhà vua coi, hoàng đế phê chuẩn xong mới có thể ghi vào

Tạng kinh, chứng minh thứ tác này chẳng có sai lầm.

Tổ Liên Trì của Tịnh Độ Tông chú giải Di Đà Kinh Sớ Sao, những đoạn trích dẫn kinh Vô Lượng Thọ có hai phần ba là dùng bản Đại A Di Đà Kinh của cư sĩ Long Thư, tức là bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ, như vậy là đại sư Liên Trì thừa nhận và khẳng định. Bồ Tát Long Thư tự mình đích thật niệm Phật đứng mà vãng sanh, nếu Ngài hội tập chẳng đúng, tạo tội lỗi thì Ngài làm sao có thể đứng vãng sanh? Việc này nói rõ công đức của Ngài vô lượng vô biên. Nhưng bản hội tập của cư sĩ Long Thư chỉ bao gồm bốn bản dịch gốc. Hội Kinh Vô Lượng Thọ trong kinh Đại Bảo Tích đời Đường, cư sĩ Long Thư chẳng xem qua nên bản hội tập của Ngài cũng chưa viên mãn. Nhiều người trong các đời sau chú ý đến vấn đề này, Bành Tế Thanh đầu đời Thanh đã làm một bản tiết hiệu²¹, chẳng phải hội tập. Năm Hàm Phong, cư sĩ Ngụy Nguyên hội tập thành một bản nhưng những chỗ lấy - bỏ đều chẳng thích hợp, đại sư Ấn Quang có lời phê bình bản này. Thế nên đến những năm đầu Dân Quốc, cư sĩ Hạ Liên Cư phải làm một bản hội tập viên mãn nhất. Hạ lão cư sĩ là người tái lai, chẳng phải người thường. Có người nói với tôi từ bức ảnh của Ngài nhìn thấy thân thể Ngài trong suốt, [việc này] nói cho tôi biết Ngài chẳng phải người thường, là người tái lai, là Phật, Bồ Tát tái lai, đến để cứu độ chúng sanh thời Mạt Pháp.

Tương lai kinh điển Tịnh Tông đến thời Phật pháp diệt tận, kinh Vô Lượng Thọ còn được lưu lại trên thế gian một trăm năm. Những đại đức đương thời như lão pháp sư Huệ Minh, lão pháp sư Từ Châu bên Luật Tông, lão cư sĩ Mai Quang Hy đều khẳng định tương lai bản kinh cuối cùng được lưu truyền một trăm năm chính là bản hội tập này. Bản này là bản hội tập những bản in gốc của kinh Vô Lượng Thọ hợp thành, nếu chư vị không tin thì có thể lấy năm bản dịch gốc ra đối chiếu, đừng hủy báng nữa, đừng kỳ thị nữa, tạo nên tội nghiệp vô lượng vô biên. Nếu bạn nói lão cư sĩ Hạ Liên Cư là một cư sĩ, cư sĩ chẳng có khả năng để hội tập, thế thì bạn hãy xuất gia, bạn hãy hội tập xem. Vương Long Thư là cư sĩ, Ngụy Mặc Thâm cũng là cư sĩ, những công tác hội tập từ đời Tống đến Dân Quốc đều do cư sĩ tại gia làm, đại sư Liên Trì là Tổ sư, là người xuất gia, đã khẳng định, thừa nhận. [Những lời hủy báng bản hội tập này] đều là thiên kiến của cá nhân, thật rất đáng tiếc!

²¹ Tiết hiệu là phân chia thành chương mục, hiệu đính. Bản tiết hiệu này dựa trên bản dịch đời Tào Ngụy của ngài Khang Tăng Khải, lược bớt những chỗ phiền phức, lại căn cứ theo bản của ngài Vân Thê, thêm vào số thứ tự trước sau của bốn mươi tám nguyện, đặt tên là Vô Lượng Thọ Kinh.

Hiện nay ở Tân Gia Ba chúng tôi phát tâm giảng rõ bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hạ Liên Cư thêm một lần, [nội dung] giảng lần này phải rõ hơn những lần giảng trước gấp nhiều lần. Nếu chúng ta không hiểu rõ triết đề Lý Sự, nhân quả của Tịnh Tông, trong tâm chẳng có chủ ý, niệm Phật được vài năm, gặp một người lại nói những câu bóng gió như vậy: “Tôi nghe nói chẳng cần phải niệm Phật nhiều như vậy, cũng chẳng cần phải trì giới, chẳng cần phải ăn chay, chỉ cần phát nguyện vãng sanh thì cũng được!”. Câu này đề xướng việc gì? Đề xướng Bốn Nguyên Niệm Phật, như vậy là hại chết người ta! Họ chiếu theo nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện [của đức Phật A Di Đà ghi trong] kinh Vô Lượng Thọ, lúc lâm chung một niệm, mười niệm cũng có thể vãng sanh. Lúc bình thường chuyện xấu xa gì đều làm cũng chẳng sao, đến lúc lâm chung niệm mười niệm, A Di Đà Phật liền đến tiếp dẫn thì được vãng sanh. Lời này nói chẳng sai [nhưng] lúc lâm chung đầu óc của bạn có tỉnh táo, rõ ràng không? Nếu lúc lâm chung bạn bất tỉnh nhân sự, mê man ngớ ngẩn, dù cao tăng đại đức đến hộ niệm thì bạn cũng chẳng thể vãng sanh. Người hiện nay chẳng có công phu định lực, nghe lời gạt gẫm chứ chẳng nghe lời khuyên lơn, nhận đồ giả chứ chẳng nhận đồ thật. Kinh Lăng Nghiêm nói rất rõ, thời đại hiện nay của chúng ta “*Tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng*”. Bạn đừng nghe theo những người đến từ bên ngoài, “hòa thượng bên ngoài biết niệm kinh”, coi thường người bản xứ, mê theo, tin theo người đến từ nơi khác, bạn sẽ bị lầm, sai lầm quá đổi! Hy vọng đồng tu niệm Phật phải quay lại, y theo lời dạy của lão pháp sư Ấn Quang: “*Tận lực giữ trọn luân thường, Làm tròn bổn phận, Ngăn ngừa tà ác, Giữ tâm tánh chân thành, Tín nguyện niệm Phật, Cầu sanh Tịnh Độ*”²², được vậy thì đời này của chúng ta mới được độ. Thế nên Thiền định là trong tâm có chủ tử, chẳng nghe lời đồn đãi.

Trì Giới Niệm Phật nhất định là chính xác, chẳng ăn thịt chúng sanh là tâm từ bi, bạn xem cách tiêu biểu pháp ở phía trước, mười vãng mây sáng, tiếp theo sau Đại Viên Mãn là Đại Từ Bi, Phật pháp lấy “*từ bi làm gốc*”, bạn làm sao xả bỏ căn bản được! Quên mất căn bản thì làm sao vãng sanh được! Niệm câu A Di Đà Phật này, như thế nào gọi là niệm? Rất ít người hiểu việc này, bạn chỉ biết niệm trong miệng, chẳng dùng được. Người xưa nói một ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, có miệng niệm chứ không có tâm niệm, hết bể cổ họng cũng uống công.

²² Nguyên văn: Đôn Luân Tận Phận, Nhân Tà Tồn Thành, Tín Nguyên Niệm Phật, Cầu Sanh Tịnh Độ

Bạn có thể vãng sanh không? Hai chữ Bốn Nguyên giảng không sai, họ chẳng giảng rõ ràng, tâm của bạn, nguyện của bạn, hạnh của bạn phải hoàn toàn giống đức Phật A Di Đà, sau đó niệm một câu thì một câu tương ứng, niệm mười tiếng thì mười tiếng tương ứng. Nếu tâm bạn, nguyện của bạn hoàn toàn trái nghịch với Phật, bạn niệm mười vạn tiếng cũng chẳng tương ứng. Tín - Nguyện - Giải - Hạnh của A Di Đà Phật ở đâu? Trong kinh Vô Lượng Thọ.

Tôi giảng kinh, nói chín phẩm vãng sanh, cách nói của tôi cùng với cách nói của đại đức thời xưa có chỗ khác nhau, nhưng ý nghĩa chẳng khác, [nghe] cách nói của tôi thì mọi người dễ hiểu hơn. Pháp môn Tịnh Tông cũng chẳng trái nghịch giáo lý Tín - Giải - Hành - Chứng. Pháp môn khác phải Giải (hiểu rõ lý luận) xong rồi mới Hành, pháp môn Tịnh Độ phương tiện, tức là bạn có thể Hành trước, vừa Hành vừa Giải, chẳng phải dạy bạn chỉ có Hành chẳng có Giải; là dạy bạn vừa Hành, vừa cầu Giải. Chỉ có Hành chứ không Giải cũng được, chúng ta thấy rất nhiều cụ già chẳng hiểu kinh giáo, cũng chẳng nghe kinh, một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng, lúc vãng sanh đứng, ngồi mà vãng sanh, chúng ta đều đã thấy được. Họ là hạng người như thế nào? Họ là những người thật thà. Thật thà là như thế nào? Bạn nói với họ bất cứ chuyện gì, họ đều nghe lời, họ chắc thật niệm câu A Di Đà Phật, họ là hạng người thật thà. Người thật thà rất ít, quá ít quá ít, trong một vạn người may ra có một, hai người thật thà như vậy. Cả ngày từ sáng đến tối luôn khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là chẳng thật thà, người chẳng thật thà nhất định phải cầu Giải. Rõ ràng lý luận rồi, hiểu rõ phương pháp rồi thì niệm câu Phật hiệu này mới đợc tợng ứng. Cứ nhẹ dạ, cứ nghe lời đồn đãi, tà thuyết là không thật thà; đến cuối cùng đánh mất nhân duyên vãng sanh thù thắng ngay trong đời này của chúng ta, bạn nói như vậy có đáng tiếc không! Nhất định đừng nghe lời đồn đãi, trong tâm phải có chủ ý, như vậy là “*Thiền Ba La Mật*”.

“*Bát Nhã Ba La Mật*” là trí huệ, tức là đối với hết thảy Lý, Sự đều rõ ràng minh bạch. Tuy rõ ràng, minh bạch nhưng tuyệt đối không chấp trước, tuyệt chẳng phân biệt, đó là chân trí huệ. Đây là tổng cương lãnh tự hành hóa tha của hết thảy chư Phật Như Lai. Vì người diễn nói, biểu diễn là biểu diễn những thứ này, khuyến đạo hết thảy chúng sanh đều là những cương lãnh này. Xem tiếp:

Từ Bi âm, Hỷ Xả âm.

慈悲音。喜捨音。

(Tiếng Từ Bi, tiếng Hỷ Xả.)

“*Từ, Bi, Hỷ, Xả*” gọi là “*Tứ Vô Lượng Tâm*”, đây là khoa mục tu chính yếu của người ở trời Tứ Thiên, cõi Sắc Giới. Tham thiên mà chẳng có Từ, Bi, Hỷ, Xả thì chẳng thể sanh lên cõi trời Tứ Thiên. Công phu thiên định có giỏi cách mấy cũng chỉ có thể sanh đến trời Dục Giới, chẳng thể sanh đến Tứ Thiên, thế nên nhất định phải tu Từ, Bi, Hỷ, Xả. “*Từ*” nghĩa là gì? Chúng ta hiện nay chẳng có, nhất định phải học tập. Từ là vui, vui vẻ giúp đỡ người khác. “*Bi*” là nhìn thấy người ta khổ, giúp họ lìa khổ, như vậy gọi là Bi. Giúp đỡ người ta được vui thì gọi là Từ. “*Hỷ*” là tâm hoan hỷ, nhìn thấy người khác lìa khổ được vui thì sanh tâm hoan hỷ, đó là “*Tùy hỷ công đức*”. Một số người mê hoặc điên đảo trong thế gian thấy người khác có được điều tốt lại sanh tâm đố kỵ, như vậy là sai. Đố kỵ sẽ chịu tổn hại to lớn, hại chính mình, thế nên Hỷ là chuyển tâm đố kỵ trở lại, chẳng có tâm đố kỵ, chỉ có tâm tùy hỷ. “*Xả*” là buông xuống hết thảy, không chấp trước hết thảy.

Giải Thoát âm.

解脫音。

(Tiếng Giải Thoát.)

Giúp đỡ hết thảy chúng sanh đoạn phiền não, thoát khỏi Tam Giới, đây là tiếng Giải thoát.

Vô Lậu âm.

無漏音。

(Tiếng Vô Lậu.)

Tức là Thanh Tịnh âm. Lậu là danh từ thay thế cho phiền não, “*Vô Lậu*” là phiền não đoạn dứt, phiền não chẳng sanh.

Trí Huệ âm, Đại Trí Huệ âm.

智慧音。大智慧音。

(Tiếng Trí Huệ, tiếng Đại Trí Huệ.)

Đây là hai trí Quyền, Thật. Phật pháp dùng Trí huệ làm mục tiêu chung cực cho sự giáo học, trong Tam Học: Nhờ Giới được Định, nhờ

Định được khai Trí Huệ. Trong kinh đức Phật dạy chúng ta: “*Bát Nhã có thể sanh trí huệ*”, Bát Nhã chính là Thật Tướng Trí Huệ. Còn Trí Huệ chính là hai trí Quyền, Thật. Chư Phật, Bồ Tát dùng hai thứ trí huệ này giúp đỡ hết thảy chúng sanh, và giúp chúng sanh đều khai mở hai trí huệ này.

Sư Tử Hống âm, Đại Sư Tử Hống âm.

師子吼音。大師子吼音。

(Tiếng Sư Tử Hống, tiếng Đại Sư Tử Hống.)

Đây là thí dụ, thí dụ oai đức của Phật, Bồ Tát thuyết pháp, dạy học giống như tiếng Sư tử hống, dùng Sư tử ví Bồ Tát, dùng Đại Sư tử ví Phật. Bồ Tát có thể dạy người Tam Thừa; Phật có thể dạy hết thảy chúng sanh, kể cả Đẳng Giác Bồ Tát, thế nên xưng là Đại Sư tử.

Vân Lô âm, Đại Vân Lô âm.

雲雷音。大雲雷音。

(Tiếng Mây Sấm, tiếng Mây Sấm Lớn.)

Đây là thí dụ. Vân có thể trút mưa, trút là đổ. Lô là sấm chớp, có thể chấn động tâm người, thí dụ oai lực, thí dụ sức chấn động của nó. Phật, Bồ Tát thuyết pháp có thể chấn động hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng sanh; pháp của Phật nói ví như mưa pháp, trút xuống đồng đều khắp nơi, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Giống như trong kinh Pháp Hoa nói lúc mưa rơi xuống, cây lớn hấp thụ nước nhiều, cọng cỏ hấp thụ nước ít, mưa chẳng có phân biệt cho người này nhiều một chút, cho người kia ít một chút, là do căn tánh của con người khác nhau. Thế nên hết thảy chúng sanh nghe Phật thuyết pháp, người căn tánh nhỏ được lợi ích nhỏ, người căn tánh lớn đạt được lợi ích lớn. Người thiện căn sâu dày ngộ nhập sâu, người thiện căn cạn cợt ngộ nhập cạn, chẳng phải Phật có phân biệt, chúng sanh căn tánh chẳng giống nhau nên mới có các hiện tượng sai khác. Đây là dùng “*vân lô*” để thí dụ, thí dụ Phật thuyết pháp đều phổ biến, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, thí dụ oai đức của Phật thuyết pháp có thể làm cho hết thảy chúng sanh giác ngộ. Lại xem phần kinh văn tiếp theo:

Xuất như thị đẳng bất khả thuyết bất khả thuyết âm dĩ.

出如是等不可說不可說音已。

(Nói ra những âm thanh bất khả thuyết bất khả thuyết như vậy xong.)

Câu này tổng kết âm thanh thuyết pháp.

Sa Bà thế giới cập tha phương quốc độ, hữu vô lượng ức thiên long quỷ thần, diệc tập đáo Đào Lợi thiên cung.

娑婆世界及他方國土。有無量億天龍鬼神。亦集到忉利天宮。

(Thế giới Sa Bà và những cõi nước ở phương khác có vô lượng ức trời, rồng, quỷ, thần đều tụ đến Đào Lợi thiên cung.)

Âm thanh thuyết pháp của Phật quả nhiên có hiệu quả, chấn động cả hư không pháp giới, chẳng phải chỉ có thế giới Sa Bà chúng ta. Sa Bà thế giới là khu vực giáo hóa của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đây là một đại thiên thế giới. “*Tha phương quốc độ*” là những cõi nước ở ngoài Sa Bà, hết thảy cõi nước chư Phật đều bị chấn động. Những chúng sanh có duyên ở mười phương thế giới, có duyên với ai? Có duyên với đức Phật Thích Ca Mâu Ni, với Địa Tạng Bồ Tát. Vì pháp hội lần này muốn tuyên dương Địa Tạng Bồ Tát tu nhân chứng quả, các thứ công đức độ hóa chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn. Đặc biệt là đối với những chúng sanh có duyên với Địa Tạng Bồ Tát trong mười phương vô lượng vô biên cõi nước, thiên long quỷ thần cũng đến Đào Lợi thiên cung để tham dự pháp hội này. Thế nên pháp hội lần này có Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác. Kinh văn phía sau nói với chúng ta thiên long, thần chúng, quỷ vương toàn bộ đều đến, pháp hội này thiết là vô cùng thù thắng, chúng ta xem đoạn kinh tiếp theo:

Sở vị Tứ Thiên Vương thiên, Đào Lợi thiên, Tu Diệm Ma thiên, Đâu Suất Đà thiên, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên.

所謂四天王天。忉利天。須焰摩天。兜率陀天。化樂天。他化自在天。

(Đó là cõi trời Tứ Thiên Vương, cõi trời Đào Lợi, cõi trời Tu Diệm Ma, cõi trời Đâu Suất Đà, cõi trời Hóa Lạc, cõi trời Tha Hóa Tự Tại.)

Đoạn này nói về cõi Trời Dục Giới. Dục Giới có sáu tầng, vì thời gian có hạn chúng ta chẳng thể nói kỹ về đoạn này. Pháp sư Thánh Nhất lần trước đã giảng kinh Địa Tạng ở Cửu Hoa Sơn, Ngài có giảng ký, giảng ký này đơn giản rõ ràng, đều có giới thiệu sơ lược. Ở đây tôi chỉ giới thiệu cõi trời Tứ Thiên Vương, giới thiệu cho quý vị một cõi. Tứ đại thiên vương, dân gian Trung Quốc tục gọi là Tứ Đại Kim Cang, khi đến chùa miếu xem, [tượng của các Ngài thường được đặt ngay] cửa cổng chính giống như bảo vệ vậy, đây là thần hộ pháp, thật ra là “*Tứ Thiên Vương thiên*”, Tứ đại thiên vương đích thực trong nhà Phật đại biểu cho hộ pháp. Trong Thiên Vương điện có cung phụng Tứ đại thiên vương, đồng thời cũng cung phụng Di Lặc Bồ Tát; Di Lặc Bồ Tát ở cõi trời Đâu Suất, là Hậu Bồ Phật của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Tại sao cúng Di Lặc Bồ Tát ở điện Thiên Vương? Vả nữa, tượng của Di Lặc Bồ Tát chẳng giống với tượng Bồ Tát truyền thống của Ấn Độ, mà tạo hình giống hòa thượng Bồ Đại đời Tống ở Trung Quốc. Thời Nam Tống, hòa thượng Bồ Đại xuất hiện ở Phụng Hóa, Chiết Giang, Ngài mập mập, cả ngày cười toe toét, luôn vác một bao vải trên lưng. Hòa thượng Bồ Đại từ nơi nào đến? Chẳng ai biết, và cũng chẳng ai biết Ngài tên gì, họ gì, cả ngày từ sáng đến tối Ngài luôn vác bao vải nên cái bao này trở thành dấu hiệu tượng trưng của Ngài, khi người ta nhìn thấy liền xưng Ngài là hòa thượng Bồ Đại, do đó hòa thượng Bồ Đại bèn nổi danh. Lúc viên tịch Ngài nói với mọi người rằng Ngài chính là hóa thân của Di Lặc Bồ Tát, vừa nói xong thì Ngài liền ngồi yên, thị tịch. Từ đó người Trung Quốc tạo tượng Di Lặc Bồ Tát giống như hình dáng của hòa thượng Bồ Đại.

Ngài biểu thị cái hình tướng này, nói thật ra trong kinh thường nói đệ tử Phật hóa hiện trên thế gian này đối với Phật pháp thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói; diễn là biểu diễn, Ngài hoàn toàn biểu diễn cho người ta xem, làm một gương tốt cho xã hội đại chúng, để cho người khác nhìn thấy có thể sanh tâm giác ngộ. Bụng to tượng trưng cho tánh đức bao dung, thị hiện bao dung; tâm lượng người thế gian quá nhỏ, chẳng thể bao dung người khác. Di Lặc Bồ Tát đại từ đại bi, Di Lặc là Từ Thị, đại biểu từ bi, thế nên thị hiện hình tướng này là có thể bao dung, Ngài có thể bao dung. Cái túi vải cũng có ý nghĩa bao dung, khi đến đâu người ta cúng dường cái gì Ngài đều bỏ vào túi vải này, chẳng phân biệt sang hèn, chẳng phân biệt tốt xấu, hết thấy đều bình đẳng bỏ vào túi.

Có người hỏi: Kính thưa hòa thượng Bồ Đại, Phật pháp là gì? Ngài bèn buông túi vải xuống đất. Như vậy có ý nghĩa gì? “*Buông*

xuống”; ai nhìn thấy cũng hiểu là buông xuống. Sau khi buông xuống rồi thì sao? Ngài vác túi vải lên và đi mất. Sau khi buông xuống, thì “nhắc lên”. Buông xuống nghĩa là trong tâm hoàn toàn chẳng có vương mắc; nhắc lên cái gì? Vì xã hội đại chúng phục vụ. Chẳng có tâm riêng tư, hoàn toàn hiến dâng. Buông xuống nổi, nhắc lên được, là tượng trưng cho ý nghĩa này. Mặt luôn nở nụ cười tươi, chúng ta để hình tượng cười tươi của Ngài ở chỗ dễ nhìn thấy nhất, vừa bước vào cửa liền thấy Ngài, học theo Ngài phải buông xuống, nhắc lên nổi, phải học tánh đại từ đại bi của Ngài, luôn cười tươi, thường sanh tâm hoan hỷ, hoan hỷ tiếp dẫn hết thấy đại chúng, thế nên mới đặt hình tượng của Ngài ở Thiên Vương điện, như vậy chứa đựng ý nghĩa gì? Hộ pháp. Hộ cho ai? Hộ cái gì? Tiêu biểu cho ý nghĩa “Hộ từ bi tâm”. Bảo hộ tâm từ bi của mình, phải buông xuống, nhắc lên, đừng quên ý nghĩa này! Giữ cho mình thường sanh tâm hoan hỷ, tươi cười tiếp đón người ta. Hòa thượng Bồ Đại biểu hiện tánh đức của chúng ta, phải hộ trì từ chỗ này. Bạn xem ý nghĩa này sâu sắc không, như vậy mới có tư cách vào cửa Phật. Bước vào cửa Phật cần phải có điều kiện gì? Phải có điều kiện này, thực sự buông xuống nổi, tâm địa thanh tịnh vô vi, chân chánh có thể nhắc lên, dùng Lục Độ giáo hóa hết thấy chúng sanh, tượng trưng cho ý nghĩa như vậy.

Tứ Thiên Vương: Đông Phương Trì Quốc Thiên Vương tượng trưng “*Làm tròn trách nhiệm*”; Nam Phương Tăng Trưởng Thiên Vương tượng trưng cho “*Cầu tiến bộ*”, luôn cầu tiến, tuyệt chẳng lạc hậu; Tây Phương Quảng Mục Thiên Vương, Bắc Phương Đa Văn Thiên Vương tượng trưng “*Học rộng nghe nhiều*”. Người Trung Quốc có câu: “*Đọc vạn quyển sách, đi vạn dặm đường*”, thành tựu cho học vấn, đức năng chân thật của mình, sau đó bạn mới có thể phục vụ xã hội, quốc gia, và hết thấy chúng sanh. Nếu bạn chẳng có trí huệ, đức năng thì bạn lấy gì để phục vụ! Là tượng trưng cho ý nghĩa này. Ý nghĩa vô cùng viên mãn, đây là ý nghĩa tượng trưng của Tứ Thiên Vương.

Trong kinh Phật nói cho chúng ta biết, thọ mạng của Thiên nhân là năm trăm tuổi. Một ngày trên cõi Tứ Vương Thiên bằng năm mươi năm ở cõi người chúng ta, một năm cũng có ba trăm sáu mươi ngày, năm mươi năm ở nhân gian bằng một ngày của họ nên thọ mạng của họ rất dài. Càng lên cao thì tăng gấp bội, thế nên thiên phước rất lớn.

Được rồi! Hôm nay chúng tôi giảng đến đây.

Tập 05 (Số 14-12-05)

Chư vị pháp sư, chư vị đại đức, đồng học: Vì chúng ta dùng nhiều bản in khác nhau nên không thể nêu lên số trang, số hàng mỗi lần, hy vọng mọi người nghe giảng đến đâu tự ghi nhớ lấy, lần sau nhất định sẽ nối tiếp ở chỗ đó, đây là chuyện bất đắc dĩ, xin mọi người chịu khó. Xin mở kinh. Lần trước giảng đến trời Dục Giới:

Sở vị Tứ Thiên Vương thiên, Dao Lợi thiên, Tu Diệm Ma thiên, Đâu Suất Đà thiên, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên.

所謂四天王天。忉利天。須焰摩天。兜率陀天。化樂天。他化自在天。

(Đó là cõi trời Tứ Thiên Vương, cõi trời Dao Lợi, cõi trời Tu Diệm Ma, cõi trời Đâu Suất Đà, cõi trời Hóa Lạc, cõi trời Tha Hóa Tự Tại.)

Đến đoạn này, chúng ta đã giảng về Tứ Thiên Vương, điểm quan trọng là phải hiểu sự tiêu biểu pháp của Tứ Vương Thiên mới có thể được thọ dụng chân chánh. Nói một cách đơn giản, Đông Phương Trì Quốc Thiên Vương, xem tên biết ý nghĩa, vị Thiên Vương này dạy chúng ta làm thế nào bảo vệ quốc gia của mình vĩnh viễn được hưng vượng, chẳng suy thoái. Từ đó dẫn đến làm thế nào giữ vững nhà mình, bảo hộ thân mình, đời này chúng ta lập nghiệp, khỏe mạnh, vang danh bốn biển, đức lưu đến đời sau, đây là sự thành tựu chân thật trong đời của chúng ta, thế nên ý nghĩa này rất sâu, rất rộng.

Nam Phương Thiên Vương dạy chúng ta phải mong cầu tiến bộ, thời đại vĩnh viễn luôn tiến bộ, chúng ta thường nói người nào đó chẳng theo kịp thời đại, ý nghĩa là như vậy. Thời đại biến đổi, tiến tới hằng ngày; chữ Tiến ở đây có thể hướng về mặt thiện, cũng có thể hướng về mặt ác, đây là việc chúng ta không thể không phân biệt. Nếu tinh tấn về thiện pháp thì đây là mặt chánh, quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa; nếu tiến về hướng ác như tham, sân, si, mạn thì nhất định sẽ đem lại động loạn trong xã hội, thiên tai nhân họa, mọi người phải chịu khổ, nhất định phải nhận thức việc này rõ ràng. Phía trước đã nói đến việc chư Phật tán thán Thế Tôn “*biết pháp khổ vui*”, câu này rất phi thường! Niềm vui chân chánh không phải chỉ là niềm vui trong đời này, đời sau vĩnh viễn hưởng lạc, như vậy mới là niềm vui chân chánh. Nếu nói đời này chúng ta hưởng lạc, nhưng đời sau chịu khổ, như vậy là sai rồi, sai quá rồi! Những người đời này hưởng lạc, đời sau chịu khổ không biết là bao nhiêu, đây là việc chúng ta không thể không cảnh giác. Trong lúc

hưởng lạc lại tạo nghiệp, khi phước báo hưởng hết, ác nghiệp hiện tiền thì bạn sẽ thọ báo trong ba đường ác, như vậy là sai lầm to lớn. Nam Phương Thiên vương tượng trưng cho sự tinh tấn có trí huệ, có lý tánh, chẳng si mê, chẳng phải cảm tình.

Tây Phương Thiên Vương là Quảng Mục Thiên Vương, dạy chúng ta xem nhiều, tức là học tập nhiều. Bắc Phương Thiên Vương là Đa Văn Thiên Vương, nhìn nhiều, nghe nhiều, vĩnh viễn giữ vai trò của một người [tìm tòi] học hỏi, tức là vĩnh viễn làm một học sinh. Chỉ khi chứng được Phật quả viên mãn, cứu cánh thì mới ở tại vị trí người thầy, đạo sư chân chánh; Đẳng Giác Bồ Tát còn là học sinh, huống chi là những hạng khác. Mình vĩnh viễn phải giữ tại địa vị học sinh. Người Trung Quốc thời xưa nói: “*Sống đến già, học đến già, học chẳng hết*” chính là ý nghĩa này, cả đời đến già còn hiểu học. Trong nhà Phật gọi là “*Học Nhân*”, Học Nhân tức là học sinh, học tập làm người, vĩnh viễn học làm người. Ai có thể làm người tốt, làm được viên mãn, một mảy tơ cũng chẳng thiếu sót? Thành Phật, chỉ có Phật mới là một người hoàn toàn, chúng ta phải hiểu đạo lý này, phải hết lòng học tập.

Dùng cách nói hiện nay thì những vật trên tay Tứ Thiên Vương gọi là “*đạo cụ*”. Nói vậy thì mọi người dễ hiểu; đạo là tiêu biểu pháp, làm cho bạn nhìn thấy, tiếp xúc đến thì bạn liền biết đại đạo lý của vũ trụ nhân sinh, tức là phải nắm chắc nguyên tắc này để học tập. Trên tay Đông Phương Thiên Vương cầm đàn tỳ bà, nhạc khí, không có nghĩa là ông ta thích ca hát, khiêu vũ, cách nghĩ như vậy là sai. Ngài dùng cái này để tiêu biểu làm thế nào hộ trì quốc gia của bạn, hộ quốc quan trọng nhất là hành “trung đạo”. Nhà Nho nói “*Trung Dung*”, đạo trung dung, nhà Phật nói “*Trung đạo đệ nhất nghĩa đế*”, Ngài dùng sợi dây đàn này để tiêu biểu pháp. Khi chỉnh dây đàn, vặn quá chặt thì nó sẽ đứt, quá chùng thì âm thanh chẳng kêu, nhất định phải vặn đến vừa đúng, tiêu biểu cho ý nghĩa này. Vừa đúng, chẳng căng, chẳng chùng, như vậy gọi là Trung Đạo, tiêu biểu ý như vậy. Chỗ cao minh của thánh nhân là biết giữ ở mức chính giữa, chẳng lệch về hai bên. Do đó đây là đạo cụ. Tay của Nam Phương Thiên Vương cầm kiếm, kiếm tượng trưng cho trí huệ, huệ kiếm, tiêu biểu cho ý này. Tay Tây Phương Thiên Vương cầm rồng hoặc rắn, ở Ấn Độ và Trung Quốc đều cho rằng rồng và rắn biết biến hóa, tiêu biểu cho hết thấy người, sự, vật trong xã hội thiên biến vạn hóa, bạn phải nhìn rõ ràng. Tay phải cầm hạt châu, châu tiêu biểu chẳng biến đổi, trong hết thấy sự thay đổi bạn nắm được nguyên tắc chẳng biến đổi. Bất biến tức là Định Huệ, tức là Thành Kính, nắm vững nguyên tắc này để xử sự,

đối người, tiếp vật, bất luận xã hội biến hóa như thế nào, chỉ cần bạn nắm vững nguyên tắc thì có thể ứng phó như ý, giáo hóa tự tại.

Tay Bắc Phương Thiên Vương cầm lọng (hay dù), lọng che. Lọng tượng trưng cho ngăn ngừa ô nhiễm; lúc chẳng có ô nhiễm thì xếp lọng lại, khi có ô nhiễm thì giương lọng ra. Xã hội hiện nay của chúng ta ai cũng ý thức đến mức ô nhiễm trầm trọng, tâm lý ô nhiễm, tinh thần ô nhiễm, tư tưởng kiến giải ô nhiễm, sinh lý ô nhiễm, hoàn cảnh bên ngoài ô nhiễm. Hiện nay chúng ta tạo tượng của Tứ Thiên Vương, lọng của Bắc Phương Thiên Vương phải giương ra chứ không thể xếp lại, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Ý nghĩa giáo dục vô cùng sâu xa, chúng ta không thể xem như thần minh, nếu xem như vậy là sai, là mê tín.

Trời Dao Lợi, người Trung Quốc gọi thiên chủ trời này là Ngọc Hoàng Đại Đế, đại khái rất nhiều tôn giáo ngoại quốc xưng là Thượng Đế, Thiên Chúa chính là Ngài. Có rất nhiều cõi trời, mỗi tầng trời đều có thiên chủ, đều có một nhân vật lãnh đạo, tại sao chúng ta khẳng định là Dao Lợi thiên chủ, chẳng phải thiên chủ ở những cõi trời khác? Xem kinh điển của họ, lý luận của họ, phương pháp tu hành rất giống với trời Dao Lợi. Tu thập thiện nghiệp đạo thì có thể vãng sanh về cõi trời Dao Lợi. Chúng ta coi kinh điển của Cơ Đốc Giáo, Moses có mười điều răn, mười điều răn này rất tương tự với thập thiện nghiệp đạo. Chúng ta nhất định phải hiểu, chẳng phải chỉ tin Thượng Đế bèn được cứu, chẳng có việc này. Phải tu pháp của Thượng Đế dạy, trong kinh điển Thượng Đế dạy bạn làm thế nào thì bạn phải làm theo như vậy mới được. Nếu bạn làm chẳng được thì không thể sanh lên trời, Ngài có điều kiện, như vậy mới hợp tình, hợp lý, hợp pháp.

Chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ cũng có điều kiện, không phải nói tôi tin thì có thể vãng sanh, không được đâu. Hiện nay có một số người đề xướng Bốn Nguyên Niệm Phật, [nói rằng] tôi phát nguyện vãng sanh thì quyết định được sanh, đâu có chuyện đơn giản như vậy! Trong “*Nguyện*” có “*Hạnh*” thì nguyện này mới gọi là nguyện chân thật, trong kinh không biết Phật đã nói bao nhiêu lần. Nguyện mà không có hạnh thì gọi là nguyện suông, nguyện đó hư giả, chẳng thể biến thành hiện thực. Bạn phải hiểu ý nghĩa này, Phật chẳng lừa gạt người, tự mình gạt mình thì sẽ bị thiệt thòi to lớn. Dùng hạnh để thực hiện nguyện, biến nguyện vọng của bạn thành thực tiễn. Vì sao chúng ta coi trọng Tam Phước, Lục Hòa, đây là pháp căn bản do Phật dạy trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, ba đời chư Phật đều tu ba điều này, đó chính là Tịnh Nghiệp Chánh Nhân. Chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới

tu Tịnh Nghiệp, chúng ta tin A Di Đà Phật, tin Tây Phương Tịnh Độ, nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ, điều kiện thấp nhất là phải làm được Tam Phước, nếu chẳng làm được Tam Phước thì không thể vãng sanh. Mỗi ngày niệm Phật, niệm mười vạn tiếng Phật hiệu, người xưa nói: *“Hét bể cổ họng cũng uống công”*, lời này là lời chân thật, chẳng giả dối.

Trong Tam Phước tối thiểu phải làm được một điều thì bạn mới có thể vãng sanh. Nếu bạn có thể làm được điều thứ nhất *“Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng sát hại sanh vật, tu thập thiện nghiệp”*, phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thì bạn có thể vãng sanh Hạ Phẩm. Bạn có thể làm được điều thứ hai, điều thứ hai đương nhiên bao gồm điều thứ nhất, tức là cộng thêm: *“Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi”* thì bạn vãng sanh Trung Phẩm. Đây là ba bậc vãng sanh nói trong kinh Vô Lượng Thọ. Nâng cao thêm, nếu bạn có thể *“Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả”* thì sẽ vãng sanh Thượng phẩm. Đây là pháp căn bản, đâu có nói phát nguyện suông, chẳng cần tu hành mà có thể vãng sanh, Phật chẳng nói như vậy. Muôn vàn xin đừng hiểu lầm, chẳng thể bỏ uống nhân duyên hiếm có trong đời này. Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên kinh là pháp căn bản, cả bộ kinh này nói về cái gì? Chính là nói về Phước thứ nhất: *“Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng sát hại, tu thập thiện nghiệp”*, cả bộ kinh nói về việc này. Bạn sẽ hỏi bốn câu trong phước thứ nhất này phải nói như thế nào? Cả bộ Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên kinh này là chú giải [cho bốn câu này]. Tu học đúng như lý, như pháp, đại sư Thiệu Đạo nói: *“Vạn tu vạn người về”*, ai cũng không bỏ sót. Nếu bạn tu không đúng như pháp thì sẽ chẳng vãng sanh nổi, Phật chẳng nói sai, là bạn đã hiểu sai ý tứ trong ấy. Trong kinh Vô Lượng Thọ, Phật dạy chúng ta *“Đương hiếu u Phật”*, dạy chúng ta tôn sư trọng đạo, đây là giáo nghĩa của kinh Địa Tạng, nhất định phải hiểu những đạo lý này.

Tu Diệm Ma thiên cũng gọi là Dạ Ma thiên, tên của cõi trời này đúng ra phải là Tu Diệm Ma thiên. Gọi là Dạ Ma thiên vì thiên chủ cõi ấy tên là Dạ Ma. Tu Diệm Ma dịch nghĩa là Diệm Thiện, hiện nay lão hòa thượng ở Phổ Đà Sơn của chúng ta cũng có tên là Diệm Thiện. Cõi trời này rất khoái lạc, rất hoan hỷ, ngoài việc tu thập thiện nghiệp ra còn phải tu Định, phải thêm công phu định lực mới có thể sanh về. Chỉ tu thập thiện nghiệp thì không được, chẳng thể vãng sanh, chỉ có thể sanh đến trời Đạo Lợi mà thôi, muốn lên trên phải thêm công phu định lực.

Nói thật ra còn phải tu Từ, Bi, Hỷ, Xả, đây là khoa mục chánh của cõi trời Sắc Giới, họ cũng tu nhưng công phu đương nhiên chẳng sâu bằng người cõi trời Sắc Giới; nhưng vẫn có tu. Càng lên cao thì ở mỗi tầng công phu định lực, thiện lợi, chúng ta gọi là tích công lũy đức, tăng lên gấp bội, cứ lên mỗi tầng thì tăng thêm gấp bội, thật chẳng đơn giản! Mọi người hãy suy nghĩ sanh lên trời đã chẳng dễ rồi huống chi là vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm Phật! Chuyện này chúng ta không thể coi thường, không thể coi như quá dễ; nhưng cũng không thể coi như quá khó, nếu quá khó thì bạn sẽ không dám tu. Coi quá dễ thì sẽ lơ là, khinh thường, nhất định sẽ làm hỏng việc. Người ở Trời Dục giới tu thượng phẩm thập thiện, trong đó còn thêm một số “*Vị đạo định*”, nghĩa là họ tu Định, công phu tu Định này vẫn chưa đạt được tới trình độ nhất định. Trình độ nhất định nghĩa là hoàn toàn đè nén, che phủ dục, chúng ta gọi là dục vọng, đức Phật quy nạp thành năm thứ: Tiền tài, sắc đẹp, tiếng tăm, ăn uống, ngủ nghỉ (Tài, Sắc, Danh, Thực, Thùy) gọi là Ngũ Dục. Họ đã đè phục được năm thứ dục này, tuy chưa đoạn nhưng nhất định chẳng khởi hiện hành thì mới có thể sanh đến trời Sắc Giới. Họ đè phục được ngũ dục, nhưng chẳng thể đoạn, cũng có thể nói sáu tầng trời này càng lên cao thì dục niệm của họ càng lọt lạt. Nếu hoàn toàn đè phục hết dục niệm, bày ngay trước mặt họ đích thật chẳng động tâm, chẳng khởi ý niệm, thì họ sẽ lên cõi Sắc Giới. Công phu định lực này kể là đã thành tựu, họ có thể sanh đến cõi trời Sơ Thiên ở Sắc Giới. Sắc Giới có mười tám tầng trời. Chúng ta xem tiếp kinh văn:

Phạm Chúng thiên, Phạm Phụ thiên, Đại Phạm thiên.

梵眾天。梵輔天。大梵天。

(Trời Phạm Chúng, trời Phạm Phụ, trời Đại Phạm.)

Đây là cõi Sơ Thiên. Ba cõi trời Sơ Thiên này, chúng ta gọi là ba tầng, nhưng trên thực tế chỉ là một tầng, phước báo hưởng thụ chẳng giống nhau. “*Phạm Chúng*” ví như nhân dân, người dân thường; “*Phạm Phụ*” ví như đại thần, quan cao, quan lớn, sự hưởng thụ đương nhiên cao hơn dân thường; “*Đại Phạm*” ví như thiên vương, phước báo càng lớn hơn. Cùng một tầng trời có ba hạng hưởng thụ khác nhau. Tuy cõi Sơ Thiên ở Sắc Giới có hưởng thụ, chư vị phải biết họ chẳng có ý niệm, tâm địa thanh tịnh. “*Phạm*” là tiếng cổ Ấn Độ, dịch nghĩa là thanh tịnh. Sơ Thiên tâm địa đã thanh tịnh rồi, lên cao hơn thì chẳng cần nói nữa, càng lên cao càng thanh tịnh. Nhị Thiên gọi là “*Quang thiên*”.

Thiếu Quang thiên, Vô Lượng Quang thiên, Quang Âm thiên.

少光天。無量光天。光音天。

(Trời Thiếu Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Quang Âm.)

Cổ đức nói: Đại khái, Sơ Thiên vẫn còn tổ chức giống xã hội nhân gian, có nhân dân, có quan liêu, có quốc vương; Nhị Thiên trở lên chẳng còn nữa, thế giới bình đẳng, chân chánh cộng hòa, chẳng có quốc vương, đại thần gì hết, mọi người đều bình đẳng. Tuy bình đẳng nhưng phước báo vẫn còn sai khác, sai khác do đâu mà có? Công phu tu hành mỗi cá nhân chẳng giống nhau. Thí dụ chúng ta học trong trường, cùng một lớp thì mọi người đều giống nhau, lúc thi cử thì có hạng nhất, hạng nhì, vẫn còn xếp hạng, vậy thì có chỗ chẳng bằng nhau, trong chỗ đồng có chỗ không đồng. Lúc chưa thành Phật thì hiện tượng này vẫn tồn tại. Cùng là Đẳng Giác Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát cùng nhau thi cử cũng có hạng nhất, hạng nhì, hạng ba. Chỉ đến quả địa Như Lai thì mới hoàn toàn bình đẳng, một chút sai khác cũng chẳng có, những đạo lý và sự việc này chẳng khó hiểu. “Trời Thiếu Quang” có ánh sáng nhưng ít hơn so với cõi khác; “Trời Vô Lượng Quang” thì ánh sáng nhiều hơn. Ánh sáng này từ đâu đến? Nói cho chư vị biết tâm thanh tịnh sẽ phóng quang, tâm địa thanh tịnh sẽ phóng ánh sáng.

Thật ra hết thảy vạn vật đều phóng quang. Hôm trước sư Ngô Toàn đem hình cho tôi xem, Sư nói ở ngoài đời có một dụng cụ có thể chụp “quang” của người. Sư đi chụp rồi lấy tấm hình cho tôi xem; tôi nói muôn vàn đừng bị gạt, đừng bị người ta gạt. Đích thật con người có quang, vật cũng có quang, ngay cả cỏ cây cũng có quang, đây là sự thật. Quang của mỗi người có màu sắc khác nhau, lớn nhỏ khác nhau, một số người luyện Khí Công có thể nhìn thấy, người có công phu định lực thì chẳng cần nói nữa. Nhìn thấy quang trên thân người của bạn, người luyện khí công gọi đó là khí, họ gọi bằng danh từ “khí”, người tu thiên định gọi đó là “quang”. Từ màu sắc và cường độ lớn nhỏ của quang có thể biết tâm hạnh của người này là thiện hay ác. Tâm địa thiện lương từ bi, tâm thiện, hạnh thiện phóng ra quang màu vàng kim, đây là thù thắng nhất, tốt nhất. Kế đó là màu vàng, màu kém hơn một chút. Tại sao quý thần nhìn thấy người tu hành thì tôn kính? Họ nhìn thấy quang, năng lực này của họ là [nhờ quả] báo [mà có] được, quý thần có quả báo được Ngũ Thông. Họ nhìn thấy người tâm địa hiền lương, từ bi, hạnh thiện, chẳng phải là người tu hành, nhưng quang của những người này cũng tốt, quý thần nhìn thấy đều tôn kính, chẳng dám làm tổn hại.

“*Trời Quang Âm*” có thể dùng quang để diễn đạt âm thanh. Ở cõi Nhị Thiên, người ta trao đổi ý kiến chẳng cần nói chuyện, nói chuyện rất mệt, nói nhiều thì hao hơi, mệt thân thể. Họ trao đổi bằng cách phóng quang, người khác nhìn thấy quang ấy đều hiểu ý nghĩa chứa đựng trong đó. Ngôn ngữ rất có hạn, ngôn ngữ rất vụng về, từ Nhị Thiên trở lên chẳng dùng ngôn ngữ, dùng phóng quang để thay thế. Cõi Tam Thiên còn cao hơn nữa, tâm địa thanh tịnh hơn, Tam Thiên gọi là “*Tịnh thiên*”.

Thiếu Tịnh thiên, Vô Lượng Tịnh thiên, Biến Tịnh thiên.

少淨天。無量淨天。遍淨天。

(*Trời Thiếu Tịnh, Trời Vô Lượng Tịnh, Trời Biến Tịnh.*)

Cũng là dựa trên sự sai khác của tâm thanh tịnh mà nói, đây là ba cõi trời: “*Tam Thiên, Tam Quang, Tam Tịnh*” đều là công hạnh cao thấp. Tứ Thiên rất đặc biệt, tất cả có chín thứ chẳng giống nhau, có chín cõi trời.

Phước Sanh thiên, Phước Ái thiên, Quảng Quả thiên.

福生天。福愛天。廣果天。

(*Trời Phước Sanh, trời Phước Ái, trời Quảng Quả.*)

Đây là cõi trời thông thường ở cõi Tứ Thiên, giống với cõi Tam Thiên kể trên. “*Phước Sanh, Phước Ái, Quảng Quả*” gọi là Phước thiên. Phước báo lớn nhất thì không có tam tai. Ở đó không có tam tai, tam tai là Hỏa tai, Thủy tai, Phong tai. Hỏa tai có thể thiêu đến cõi Sơ Thiên. Sơ Thiên có cả ba Hỏa, Thủy, Phong tai, chẳng thể tránh. Nhị Thiên thì bị Thủy tai, nước có thể tràn ngập đến trời Nhị Thiên. Nhị Thiên không có Hỏa tai, nhưng có Thủy tai, Phong tai. Ở cõi trời Tam Thiên tâm địa thanh tịnh, chẳng có Thủy và Hỏa tai, nhưng lại có Phong tai. Đến cõi Tứ Thiên thì phước báo lớn hơn, cả ba Thủy, Hỏa, Phong tai đều chẳng có. “*Thủy, Hỏa, Phong*” được gọi là “*Đại Tam Tai*” trong kinh Phật. Tiểu Tam Tai là “*kiếp đao binh, ôn dịch, cơ cấn*”, cơ cấn nghĩa là đói khát. Chúng ta rất khó hiểu được ý nghĩa của Đại Tam Tai, Tiểu Tam Tai. Lúc trước đọc kinh cũng lơ là đọc lướt qua, khi giảng kinh thì y chiếu chú giải của người xưa cũng lướt qua.

Mấy năm trước tôi đến Nhật Bản phỏng vấn, đến Quảng Đảo (Hiroshima) và Trường Kỳ (Nagasaki), đến tham quan tận nơi những chỗ bị dội bom nguyên tử, mới tự nhiên hiểu được Tiểu Tam Tai nói

trong kinh Phật chính là chiến tranh nguyên tử. Chỗ bị nổ bom nguyên tử là nơi bị đao binh kiếp. Chiến tranh tám năm giữa Trung Quốc và Nhật chưa kể là Tiểu Tam Tai, chiến tranh nguyên tử mới là Tiểu Tam Tai. Trong kinh Phật nói kiếp đao binh kéo dài bao lâu? Bảy ngày bảy đêm. Chiến tranh kéo dài bảy ngày bảy đêm là kiếp đao binh. Chiến tranh tám năm giữa Trung Quốc và Nhật chẳng phải là kiếp đao binh, thế chiến thứ nhất, thế chiến thứ nhì cũng chưa phải là kiếp đao binh. Chiến tranh nguyên tử, bom nguyên tử nổ xong, [sau khi đến Nhật Bản] chúng tôi mới bỗng nhiên hiểu được chuyện Phật nói chính là chuyện này. Sau khi nổ xong, phóng xạ tồn tại bảy tháng bảy ngày. Sau bảy tháng bảy ngày này bạn chưa chết, mạng của bạn còn giữ được. Có nhiều người bị nổ bom chẳng chết liền, nhưng trong bảy tháng bảy ngày bị phóng xạ, họ sống nổi hay không thì sau bảy tháng mới có thể xác định. Phật gọi đây là ôn dịch, ôn dịch chính là việc này, là nạn bị phóng xạ. Người Nhật nói với chúng tôi, chỗ bị nổ bom đến năm thứ tám sau khi bom nổ mới mọc cỏ, nghe xong chúng tôi mới hiểu được lời Phật nói, cơ cấn (nạn đói) kéo dài bảy năm bảy tháng và bảy ngày, sau đó đất mới mọc cây cỏ được, nếu cây cỏ chẳng mọc nổi thì người ta đương nhiên sẽ bị đói. Chúng ta hãy suy nghĩ xem, sức mạnh của vũ khí nguyên tử hiện nay so với trái bom nổ ở Quảng Đảo không biết là mạnh gấp bao nhiêu lần. Ở Quảng Đảo, Trường Kỳ bị nổ bom vì bị bụi phóng xạ nghiêm trọng nên tám năm sau cây cỏ mới mọc nổi. Thế nên đại chiến thế giới lần thứ ba xảy ra tức là Tiểu Tam Tai mà Phật đã nói. Đại Tam Tai là sự hủy diệt của tinh cầu, ngày nay chúng ta nhìn thấy hỏa tai, những tinh cầu phát ra ánh sáng đỏ chính là hỏa, toàn thể là một biển lửa, mặt trời chính là biển lửa. Chúng ta rất khó hiểu rõ trạng thái của Đại Tam Tai, hiện nay tình hình của Tiểu Tam Tai đại khái thì chúng ta có thể hiểu được đôi chút, thiệt đáng sợ vô cùng! Cõi trời Tứ Thiên mới là cõi trời đủ phước báo, chẳng bị Tam Tai.

Trong Đại Trí Độ Luận, Phật nói người ở trời Sắc Giới chủ yếu là tu thiên định, nếu chỉ tu thiên định mà không tu phước thì đâu có phước báo lớn như vậy! Thế nên họ phải tu Tứ Vô Lượng Tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả, đây là chỗ tồn tâm của thiên nhân trên trời Sắc Giới. Họ bố thí, trì giới, tu bố thí thì tâm được vui, bố thí nhiều thì khoái lạc càng nhiều. Thế nên họ có thể xả, chịu thí, nhờ vậy mới có thể dùng công phu định lực của họ sanh đến cõi trời Tứ Thiên. Sự khác biệt ở cõi Tứ Thiên cũng do công phu định lực sâu hay cạn, phước tu được ít hay nhiều, từ đó mới sanh ra những tướng trạng khác biệt.

Vô Tướng thiên.

無想天。

(Trời Vô Tướng.)

Cõi Tứ Thiên còn một tầng đặc biệt, “trời Vô Tướng”. Trong kinh Phật nói đây là trời ngoại đạo, hơn phân nửa đều là học Phật, giải sai ý tứ của Phật. Tu Định, trong Định, ý niệm gì cũng chẳng khởi lên, một niệm chẳng sanh, vô tướng, tu thành công thì vãng sanh về cõi này. Chỉ có Định, chẳng có Huệ là sai lầm; ý nghĩa của thiên định là trong Định có Huệ. “*Thiên Na*” là Phạn ngữ, dịch nghĩa là “*Tịnh Lự*”, “*Tịnh*” là Định, “*Lự*” là có công phu Quán Chiếu, cũng có nghĩa là họ hiểu rõ, họ chẳng Định đến nỗi không biết gì cả. Một niệm chẳng sanh, nhưng mọi việc đều rõ ràng, chuyện gì cũng minh liễu, như vậy mới gọi là thiên định. Nếu chỉ là một niệm chẳng sanh, việc gì bên ngoài cũng chẳng biết, như vậy là không được, là có Định chẳng có Huệ, tu như vậy thành công thì tương lai sẽ vãng sanh về cõi trời Vô Tướng. Sự tu hành trong Phật pháp là “*Định Huệ đẳng trì*” gọi là thiên định. Sa Ma Tha, Tỳ Bà Xá Na, “*Sa Ma Tha*” dịch nghĩa là Chỉ Tức, “*Tỳ Bà Xá Na*” dịch là Quán Tưởng, hoặc Quán Kiến, Quán Sát, có những nghĩa như vậy. Chỉ tu một thứ thì sẽ lệch về một bên, đều chẳng thể thành tựu. Người chỉ tu Định thì dễ hôn trầm, tu thành công thì sanh về cõi Trời Vô Tướng. Người chỉ tu Huệ thì không thể được Định, tâm nhảy loạn xạ, vọng tưởng rất nhiều. Tại sao chú trọng tại thiên định? Thiên là Định - Huệ đều bằng nhau, Định - Huệ đẳng trì, công phu này mới chính xác.

Năm thứ sáu này là chỗ thánh nhân tu hành:

Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên, Thiện Kiến thiên, Thiện Hiện thiên, Sắc Cứu Cánh thiên.

無煩天。無熱天。善見天。善現天。色究竟天。

(Trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện, trời Sắc Cứu Cánh.)

Thông thường còn xưng là “*Ngũ Bát Hoàn thiên*”, ai trụ ở đó? Tiểu Thừa Tam Quả, cũng được gọi là “*Tịnh Cư thiên*”, thế nên Tứ Thiên là Phạm Thánh Đồng Cư độ. Trời của phạm phu là trời Phước Sanh, Phước Ái, Quảng Quả và Vô Tướng, thiên nhân ở bốn cõi trời này chẳng nhìn thấy thiên nhân ở trời Tịnh Cư, biết là họ ở nơi đó tu hành nhưng không nhìn thấy họ. Giống như ở thế gian này, địa cầu chúng ta

cũng là Phàm Thánh Đồng Cư độ, có Phật, Bồ Tát, A La Hán trụ ở địa phương này, loài người chúng ta chẳng nhìn thấy họ. Quý vị tụng Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, trong ấy nói đạo tràng của tôn giả Ca Nặc Ca ở Tứ Xuyên, người thường đến đó thì thấy toàn là núi hoang vu, chẳng nhìn thấy gì hết, lúc quốc sư Ngô Đạt đến đó nhìn thấy đạo tràng trang nghiêm. Phải có duyên mới nhìn thấy cõi Phàm Thánh Đồng Cư độ, không có duyên thì chẳng thấy. Trong kinh nói tôn giả Ca Diếp còn chưa nhập Niết Bàn, còn ở núi Kê Túc, Ngài cũng thường ra ngoài đời, lúc ra thì chúng ta cũng chẳng nhận biết được, Ngài biết biến hóa. Ngài phải đợi Phật Di Lặc ra đời, truyền y bát của đức Phật Thích Ca Mâu Ni cho Phật Di Lặc. Phật Di Lặc xuất thế, trong kinh nói năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, tôn giả Ca Diếp phải đợi thời gian dài như vậy. Tâm người được thanh tịnh, thọ mạng được tự tại, muốn trụ bao lâu thì trụ bấy lâu, chẳng trở ngại.

Thế nên tôi khuyên mọi người phải phát nguyện, nguyện lực phải mạnh hơn nghiệp lực thì bạn mới chuyển, mới được tự tại. Nếu bạn không chịu phát nguyện, đời này bạn nhất định sẽ chịu vận mạng chi phối, bạn sẽ chẳng thoát nổi vận mạng. Nhất định phải phát đại nguyện xả mình vì người, thì bạn mới được tự tại, đời sống tự tại, thọ mạng tự tại, trụ thế tự tại, giáo hóa tự tại, hết thấy sự nghiệp chẳng có gì là không tự tại, nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn! Tại sao không chịu phát nguyện! Đời Đường, đại sư Pháp Chiếu, tổ thứ tư tông Tịnh Độ, Ngài nhìn thấy Đại Thánh Trúc Lâm Tự của Văn Thù Bồ Tát trên núi Ngũ Đài, đây là người có duyên. Ngài nhìn thấy Văn Thù, Phổ Hiền, nhìn thấy pháp hội hơn một vạn người tụ hội, Văn Thù Bồ Tát đang giảng kinh thuyết pháp, Ngài còn ở đó nghe một buổi, còn thỉnh giáo Văn Thù Bồ Tát: “*Phật pháp đã đi đến đời Mạt Pháp, căn tánh người đời Mạt Pháp độn, tu pháp môn gì để thành tựu?*”. Văn Thù Bồ Tát dạy Ngài tu pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Pháp Chiếu vốn là tham thiền, nghe xong lời dạy của Văn Thù Bồ Tát, phát nguyện chuyên tâm niệm Phật. Ngài còn thỉnh giáo: “*Làm thế nào niệm Phật?*”. Văn Thù Bồ Tát dạy phương pháp niệm Phật cho Ngài. Sau đó Ngài rời khỏi Ngũ Đài Sơn, trên đường về đi đến đâu Ngài cũng đều ghi dấu hiệu, sợ lạc đường, muốn lần sau trở lại. Kết quả là làm dấu được vài chỗ rồi quay trở lại, chùa chẳng còn nữa, chỉ còn một cảnh núi hoang vu, thế mới biết là chẳng thể nghĩ bàn, đạo tràng đã biến mất. Phàm phu chẳng nhìn thấy Phàm Thánh Đồng Cư độ, chẳng có duyên ấy thì chẳng nhìn thấy cảnh giới của thánh nhân.

Trong kinh nói Phạm Thánh Đồng Cư độ có ba chỗ: Một là thế giới Sa Bà của chúng ta, thứ hai là trời Đâu Suất tức là tầng trời thứ tư trên cõi Dục Giới, Đâu Suất nội viện là đạo tràng của Di Lặc Bồ Tát, thiên nhân trời Đâu Suất chẳng nhìn thấy, chỉ nghe nói, chẳng biết ở đâu. Thứ ba là trời Tịnh Cư ở cõi trời Tứ Thiên tức là Ngũ Bất Hoàn thiên, ba chỗ này là Phạm Thánh Đồng Cư độ. Họ ở chỗ này tu hành, tuy đều là thánh nhân Tam Quả, tại sao gọi là Bất Hoàn? Chẳng còn đến Dục Giới nữa, họ sẽ thành tựu ở chỗ đó. Trong kinh nói người lợi căn sẽ trụ ở Ngũ Bất Hoàn thiên, trực tiếp ở đó chứng quả A La Hán và siêu việt tam giới, siêu việt sáu nẻo luân hồi, đây là A La Hán lợi căn. Nếu kém hơn, họ còn phải thông qua Tứ Không thiên mới có thể xuất tam giới; người lợi căn chẳng cần thông qua Tứ Không thiên, trực tiếp chứng quả A La Hán, liền xuất tam giới, đây là thiên nhân cõi trời Tịnh Cư. Chúng ta không cần phải giới thiệu thêm về Ngũ Bất Hoàn thiên. Kiến Tư phiền não trong tam giới gọi là Kiến Tư Hoặc, tam giới tám mươi một phẩm; tam giới chia thành chín cõi, mỗi cõi có chín phẩm, chín nhân chín thành tám mươi một phẩm Tư Hoặc, đến Ngũ Bất Hoàn thiên mới đoạn hết, đoạn hết mới chứng quả A La Hán.

Năm xưa đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện trên thế gian này, thị hiện thành Phật dưới cây Bồ Đề, sau khi thành Phật giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh cần có người khai thỉnh, nếu không ai mời thì Phật chẳng thể dạy. Người thế gian tuy biết đức Phật nhưng ai biết được đây là một người có đại trí huệ, đại đạo sư cho trời và người, ai biết được? Người thế gian chẳng có người thỉnh thì Phật phải nhập Niết Bàn, phải thị hiện diệt độ. Thiên nhân ở trời Tịnh Cư nhìn thấy, họ thấy đức Phật Thích Ca thị hiện nên mau mau xuống để thỉnh cầu, thiên nhân cõi trời Tịnh Cư thay thế chúng ta thỉnh cầu nên đức Phật mới trụ thế tám mươi năm, giảng kinh thuyết pháp cho chúng ta trên ba trăm hội, chúng ta phải cảm kích người cõi trời Tịnh Cư. Nếu họ không thỉnh pháp thì thế gian này của chúng ta chẳng nghe được Phật pháp, họ cũng rất từ bi, thương xót hết thấy chúng sanh khổ nạn, khuyến thỉnh Như Lai thuyết pháp. Cõi cuối cùng:

Ma Hê Thủ La thiên.

摩醯首羅天。

(Trời Ma Hê Thủ La.)

Có một số kinh nói Ma Hê Thủ La tức là Sắc Cứu Cánh thiên. Ở

đây tại sao phải liệt kê tên này riêng ra? Trong kinh cũng có nói, Ma Hê Thủ La là thượng thủ của thiên nhân cõi Tịnh Cư, ý nghĩa này cũng hay. Tịnh Cư thiên tức là Ngũ Bất Hoàn thiên, vị đại đức được tôn kính nhất xưng là Ma Hê Thủ La. Đây là do thiên định được đại tự tại nên Ma Hê Thủ La cũng có thể xưng là Đại Tự Tại thiên. Đây là mười tám tầng trời Sắc Giới, giới thiệu đơn giản đến đây. Câu tiếp theo:

Nãi chí Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ thiên.

乃至非想非非想處天。

(Cho đến trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ.)

Chữ nãi chí ở đây ngụ ý đã lược bớt. Đã lược bớt Tứ Không thiên, Vô Sắc Giới thiên. Thiên nhân ở trời Vô Sắc Giới thực sự là phàm phu rất thông minh, rất có trí huệ. Ở Trung Quốc cổ đại, Lão Tử xuất hiện vào triều nhà Châu, thời đại Xuân Thu (722 trước công nguyên đến 481 trước công nguyên), cùng thời với Khổng Tử, lớn tuổi hơn Khổng Tử. Người này rất thông minh, Ngài nói: “Tôi có một mối lo lớn vì tôi có thân này”. Ngài nói tôi có một mối lo lớn, vì sao? Vì tôi có cái thân này. Thân là gốc khổ, nếu không có thân thể thì tốt biết mấy, tự tại biết mấy; Ngài là phàm phu bậc cao nên mới biết thân là gốc khổ. Làm sao xả bỏ thân, không cần nữa? Ngài chán ghét sắc thân, cộng thêm công phu định lực của Ngài, đích thật có thể xả bỏ sắc thân này, lìa khỏi, thăng lên cõi trên, phần nhiều chúng ta gọi là “*linh giới*”; y theo Phật pháp thì chỉ có thần thức chẳng có sắc thân, hạng này chúng ta xưng là Vô Sắc Giới. Người cõi trời Sắc Giới đã xả bỏ dục, đã xả bỏ ngũ dục lục trần, phiền não nghiêm trọng này, thoát ra khỏi Dục Giới đến cõi Sắc Giới. Sắc Giới vẫn còn sắc tướng, thân thể, hoàn cảnh cư trú, những thứ này còn phiền phức, còn chưa rốt ráo, xả bỏ những thứ này thì lên đến Tứ Không thiên. Tứ Không thiên vẫn còn trong phạm vi của lục đạo, chưa thoát ra khỏi lục đạo.

Cõi thứ nhất ở Tứ Không thiên là Không Xứ thiên, sau khi lìa khỏi Sắc Giới thì vào Không Xứ, tâm duyên hư không chẳng có sắc tướng, định này gọi là “*hư không định*”. Thứ nhì gọi là Thức Xứ thiên, Không cũng xả bỏ, Không và Sắc là hiển hiện tương đối cho nên hư không chẳng chân thật. Họ xả bỏ luôn Không, xả Không rồi vẫn còn Thức tồn tại, chỗ họ duyên vào được đặt tên là Thức Xứ. Thật ra xả Không là chẳng chấp vào Không, chứ không phải thực sự xả bỏ Không. Chẳng còn chấp trước tướng Không, ý niệm Không và Sắc đối lập nhau trong

tâm chẳng còn nữa, lúc đó còn Thức, nên gọi là Thức Xứ. Người tu hành đến mức này nếu phát hiện Thức vẫn còn là một chuyện phiền phức, vẫn chưa rốt ráo, Thức chính là Phân Biệt, Phân Biệt cũng xả luôn thì sẽ vào Vô Sở Hữu Xứ thiên, tầng thứ ba ở Vô Sắc Giới. Lúc tu Định này thì buông xả hết thấy cảnh giới Trong - Ngoài, cảnh giới hai bên Trong - Ngoài đều buông xả, xả bỏ hết nên gọi là Vô Sở Hữu. Đến tầng cao nhất “*Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ thiên*”, vì ngay cả Thức cũng chẳng duyên vào nên gọi là Phi Tướng; chỗ chẳng khởi tác dụng cũng chẳng duyên vào nên gọi là Phi Phi Tướng. Phi Tướng Phi Phi Tướng là cảnh giới cao nhất trong tam giới. Cách giải thích Phi Tướng Phi Phi Tướng rất nhiều, [chư vị] có thể tham khảo cách giải thích trong kinh luận, kinh Lăng Nghiêm nói rất rõ ràng, một số Phật Học Đại Tự Điển cũng có giải thích rõ, trên đây đã giải thích về Vô Sắc Giới thiên.

Phản đông những Học Nhân đến cảnh giới này cho rằng đó là đại Niết Bàn trên quả vị của Như Lai, họ chẳng biết đây là Phi Tướng Phi Phi Tướng thiên, cứ tưởng nhập vào cảnh giới này thì vĩnh viễn chẳng sanh chẳng diệt. Đâu biết họ còn thọ mạng, thọ mạng của họ chính là công phu định lực, công phu định lực của họ có thể duy trì được bao lâu? Trong kinh nói tám vạn đại kiếp, con số này rất lớn. Tám vạn đại kiếp là gì? Thế giới này trải qua một lần Thành, Trụ, Hoại, Không gọi là một đại kiếp. Trong đại kiếp này có bốn trung kiếp tức là Thành, Trụ, Hoại, Không. Thế giới Sa Bà chúng ta hiện nay đang ở kiếp Trụ. Tám vạn đại kiếp tức là thế giới này Thành, Trụ, Hoại, Không tám vạn lần, họ có công phu định lực sâu như vậy, thọ mạng dài như vậy. Sau tám vạn lần thế giới Thành, Trụ, Hoại, Không thì họ vẫn phải đọa lạc, chẳng thể nâng cao thêm nữa, chỉ có thể đọa xuống. Đọa lần này thì đọa rất thâm! Người ta thường nói trèo cao, té nặng. Kinh Lăng Nghiêm nói người trời Tứ Không đọa xuống, hơn phân nửa là đọa vào địa ngục A Tỳ. Từ nơi cao nhất rơi xuống chỗ thấp nhất, tại sao? Vì báng Phật, báng Pháp, báng Tăng; vì lỗi hủy báng Tam Bảo nên phải đọa địa ngục A Tỳ. Tại sao họ có ý niệm hủy báng Tam Bảo? Họ tưởng mình đã thành Phật, chứng được đại Niết Bàn, tại sao ngày nay vẫn còn đọa lạc? Trong tâm liên hoài nghi rằng lời chư Phật Như Lai là giả, chẳng phải thật, thế nên đọa lạc. Vì họ hiểu sai, nhận lầm, đó chẳng phải cảnh giới Niết Bàn của Như Lai. Không những chẳng phải quả địa Như Lai, mà cũng chẳng phải là quả địa Tiểu Thừa, hoàn toàn hiểu lầm.

Thế nên khi càng tu lên trên, trong cảnh giới ấy tà - chánh rất khó phân biệt, đây là lý do tại sao trong kinh Lăng Nghiêm đức Thế Tôn

giảng Năm Mươi Âm Ma cho chúng ta. Khi ma cảnh hiện tiền mà chúng ta cho đó là cảnh giới Phật thì sẽ bị lầm to. Thế nên người sơ học chúng ta muốn tránh ma cảnh thì phương pháp duy nhất là phải y giáo phụng hành, tuyệt đối thuận theo những gì Phật dạy trong kinh; tuyệt đối chẳng thể nương dựa những gì người khác nói, chẳng giống lời Phật dạy trong kinh, như vậy mới có thể tránh rơi vào ma đạo. Quan trọng nhất là chúng ta phải tin Phật, chúng ta học theo Phật, chúng ta thân cận một thiện tri thức, những gì vị thiện tri thức này nói phù hợp với lời trong kinh thì chúng ta mới tin; trong kinh chẳng nói như vậy thì chúng ta không tin, chẳng thể học theo họ. Phật nói vô lượng pháp môn, nói là vì ứng theo cơ duyên lúc đó nên mới nói, cơ duyên khác nhau thì Phật nói pháp khác nhau, vì thế chúng ta muốn học pháp môn nào, y theo kinh điển nào, điểm này vô cùng quan trọng, được vậy mới chẳng đến nỗi giải sai chân thật nghĩa của Như Lai. Thí dụ Phật nói với chúng ta Tây Phương Cực Lạc thế giới tuyệt đối là có thật, chúng ta tu Tịnh Độ thì chỉ noi theo kinh điển Tịnh Độ. Trong kinh điển khác Phật nói vạn pháp đều không, nếu bạn nói trong kinh đức Phật nói hết thảy pháp đều không, nên Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng không, thế thì trật lất, bạn tin như vậy thì chẳng phải bạn đã bỏ uổng cơ hội này hay sao. *“Học pháp môn nào thì chỉ tu học noi theo kinh điển của pháp môn đó mà thôi”*, những kinh điển nói khác với kinh này thì tuyệt đối chẳng thể y theo kinh đó.

Thật ra đạo lý này rất cạn cợt, chẳng sâu lắm, chẳng khó hiểu. Giống như học trong trường đại học hiện nay, bạn học khoa hệ nào, nhất định phải học theo khóa trình của khoa hệ đó, bạn chẳng thể học khoa khác; nếu bạn học lớp của khoa hệ khác, chẳng giống với khoa mục của bạn, không những không trợ giúp mà ngược lại có thể phá hoại, đây không phải là đạo lý này sao! Trong kinh Phật thường dùng Y Vương để thí dụ, thí dụ này càng rõ hơn nữa. Thầy thuốc bắt mạch cho bệnh nhân rồi kê toa thuốc, người khác không dám uống theo toa thuốc của bạn, vì bệnh của họ không giống bệnh này. Nếu uống thuốc này, uống vô rồi thì xong ngay, người khác uống thuốc này thì chết liền. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, tám vạn bốn ngàn toa thuốc khác nhau, chữa cho tám vạn bốn ngàn người bệnh khác nhau, làm sao uống bừa bãi được! Thế nên chúng ta tu pháp môn vãng sanh, nhất định phải noi theo *“kinh Vãng Sanh”*. Trong Đại Tạng kinh thì tam kinh nhất luận gọi là kinh vãng sanh, đó là kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ, Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm, Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương là sau này mới thêm vào, thêm rất

đúng, cũng có thể noi theo, tuyệt đối sẽ không tạo thành vấn đề, hiện nay xưng là “*Ngũ Kinh Nhất Luận*”. Chúng ta niệm Phật cầu vãng sanh phải nương nhờ những kinh điển này, như vậy là không sai, chẳng thể nương vào những kinh khác. Nếu những gì nói trong kinh điển khác tương ứng, phù hợp với lý luận, phương pháp, cảnh giới nói trong “*ngũ kinh nhất luận*” này thì chúng ta có thể tham khảo, nếu không tương ứng thì chúng ta tuyệt đối không thể đọc, nhất định đừng xem, được vậy thì công phu của chúng ta mới có thể nắm vững, mới có thể thành tựu.

Nếu kinh gì bạn cũng xem, kinh gì cũng học, vậy thì bạn bị phiền phức lớn lắm, không những bạn tự tu học chẳng thể thành tựu mà cũng chẳng thể giáo hóa chúng sanh. Khi bạn giáo hóa chúng sanh, lấy một chút ở chỗ này, lấy một ít ở chỗ kia, sẽ làm cho chúng sanh loạn đến mê hoặc điên đảo. Ngày nay học Phật vô cùng khó khăn, tại sao tôi không dạy trong Phật Học Viện, đạo lý là như vậy. Phật Học Viện mở ra rất nhiều lớp học, mời rất nhiều pháp sư, giảng cho học sinh ngày ngày đều điên đảo, như say, như cuồng, chẳng đạt được hiệu quả. Bản thân tôi học Phật đạt được một chút lợi ích vì may mắn, gặp được thiện tri thức, do một người dạy, chỉ tiếp nhận lời của một nhà, đi theo một con đường, nên rất đơn thuần, chẳng phức tạp, chẳng có nghi hoặc, điểm này rất quan trọng, vô cùng quan trọng! Sau này chúng tôi mới hiểu cái mà nhà Nho, nhà Phật gọi là Sư Thừa chính là ý nghĩa này. Tôi chỉ học theo một thầy, nghe lời của một thầy mà thôi, vị thầy này đối với tôi phải chịu trách nhiệm. Nếu tôi còn muốn học theo người khác thì người thầy này chẳng có cách gì để dạy. Thực sự thân cận thiện tri thức, noi theo Sư Thừa của người xưa, bạn theo sát vị thầy này, nhất định chẳng thể học theo người thứ hai, chẳng thể nghe lời dạy của người thứ hai, được vậy thì bạn mới thành tựu. Vị thầy này phải chịu trách nhiệm nhân quả đối với bạn, trách nhiệm này rất nặng, nếu chỉ sai đường cho bạn, dẫn đi lầm đường thì vị thầy này phải thọ ác báo. Nếu bạn chẳng chịu tiếp nhận, bạn cứ đi khắp nơi nghe người khác, vẫn còn xem bài của người khác, vậy thì người thầy này sẽ chẳng chịu trách nhiệm cho bạn.

Hiện nay trở về sau có lẽ Sư Thừa sẽ chẳng còn nữa, chẳng thể còn nữa, cho nên có thể thành tựu được hay không hoàn toàn ở tại mỗi cá nhân. Nói cách khác chẳng có vị thầy hết lòng phụ trách dạy bạn, nói thật ra thầy giáo muốn tìm học sinh như vậy cũng tìm không ra, hoàn toàn nhờ giác ngộ của mình. Muốn chân chánh giác ngộ, chân chánh thành tựu thì cũng phải đi theo đường cũ, học theo một vị thầy.

Tôi khuyên mọi người, ngày nay chúng ta học theo ai?

Học theo A Di Đà Phật.

A Di Đà Phật ở nơi đâu?

Kinh Vô Lượng Thọ chính là A Di Đà Phật.

Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, tiếp nhận lời dạy của A Di Đà Phật, những gì A Di Đà Phật dạy chúng ta làm thì chúng ta làm hết lòng; những gì A Di Đà Phật chẳng dạy chúng ta làm, chúng ta nhất định không làm, chúng ta chỉ nghe lời dạy của A Di Đà Phật, chẳng nghe bất người nào, được vậy thì đời này bạn nhất định sẽ vãng sanh!

Ngoài ra còn một vị đại đức có thể giúp chúng ta là đại sư Ấn Quang, mỗi câu mỗi chữ trong Ấn Quang Đại Sư Văn Sao đều tương ứng với kinh vãng sanh, nên thường thường đọc Văn Sao của Ấn Tổ, làm bạn với Ấn Tổ, nghe lời dạy của Ngài, làm theo lời dạy của Ngài, đoạn ác tu thiện, giữ trọn luân thường, làm tròn bốn phận, tin sâu nhân quả, chắc thật niệm Phật, nhất định sẽ được vãng sanh Tịnh Độ. Đây là con đường cầu vãng sanh, xuất ly tam giới lục đạo duy nhất trong đời này của chúng ta, ngoài đường này ra thì chẳng còn con đường thứ hai nào khác. Xem đoạn kinh tiếp theo:

Nhất thiết Thiên chúng, Long chúng, Quỷ Thần đẳng chúng tất lai tập hội.

一切天眾。龍眾。鬼神等眾悉來集會。

(Hết thấy chúng Trời, chúng Rồng, và các chúng Quỷ Thần đều đến tụ hội.)

Đoạn này nói về những chúng thiên long bát bộ. Chúng ta đọc tiếp, đoạn kinh văn sau đây nói về các chúng thần.

Hựu hữu tha phương quốc độ cập Sa Bà thế giới.

復有他方國土及娑婆世界。

(Còn những cõi nước ở phương khác và thế giới Sa Bà.)

Sa Bà thế giới là cõi của chúng ta, và còn những thế giới ở phương khác.

Hải thần, Giang thần, Hà thần.

海神。江神。河神。

(Thần Biển, thần Sông lớn, thần Sông nhỏ.)

Đây là thủy thần, thủy có lớn nhỏ, người Trung Quốc gọi là Long Vương.

Thọ thần, Sơn thần, Địa thần, Xuyên Trạch thần, Miêu Giá thần, Trú thần, Dạ thần, Không thần, Thiên thần, Âm Thực thần, Thảo Mộc thần, như thị đẳng thần giai lai tập hội.

樹神。山神。地神。川澤神。苗稼神。晝神。夜神。空神。天神。飲食神。草木神。如是等神皆來集會。

(Thần Cây, thần Núi, thần Đất, thần Suối và Ao Đầm, thần Mùa Màng, thần Ngày, thần Đêm, thần Hư Không, thần Trên Trời, thần Ăn Uống, thần Cỏ Cây, những vị thần như vậy đều đến tụ hội.)

Chúng ta gộp hai đoạn này nói chung. Hai đoạn này nói về Bát Bộ và những chúng Thần. Trước kia pháp sư Thánh Nhất ở Cửu Hoa Sơn giảng Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh, đối với những chúng thần này đều có giới thiệu, thần cũng đến tham gia đại hội này, lần tập hội này chẳng phải là ngẫu nhiên, đều có nhân duyên sâu đậm với Địa Tạng Bồ Tát lúc trước. Nếu không có duyên, đức Phật Thích Ca Mâu Ni mở pháp hội lần này tại cung trời Đao Lợi, họ có tư cách gì để tham gia! Chúng ta thấy đại chúng tham dự không thể có nghi hoặc, không những có các chúng Trời, chúng Thần, phía sau còn có chúng Quỷ. Chúng ta xem tiếp kinh văn:

Phục hữu tha phương quốc độ cập Sa Bà thế giới chư đại quỷ vương, sở vị Ác Mục quỷ vương, Đạm Huyết quỷ vương, Đạm Tinh Khí quỷ vương, Đạm Thai Noãn quỷ vương, Hành Bệnh quỷ vương, Nhiếp Độc quỷ vương, Từ Tâm quỷ vương, Phước Lợi quỷ vương, Đại Ái Kính quỷ vương²³, như thị đẳng quỷ vương giai lai tập hội.

復有他方國土及娑婆世界諸大鬼王。所謂惡目鬼王。噉血鬼王。噉精氣鬼王。噉胎卵鬼王。行病鬼王。攝毒鬼王。慈心鬼王。福利鬼王。大愛敬鬼王。如是等鬼王皆來

²³ Ác Mục quỷ vương: Chúa quỷ Mắt Ác, Đạm Huyết quỷ vương: Chúa quỷ Uống Máu, Đạm Tinh Khí quỷ vương: Chúa quỷ Hút Tinh Khí, Đạm Thai Noãn quỷ vương: Chúa quỷ Ăn Thai Noãn, Hành Bệnh quỷ vương: Chúa quỷ Gây Bệnh, Nhiếp Độc quỷ vương: Chúa quỷ Hút Khí Độc, Từ Tâm quỷ vương: Chúa quỷ Có Lòng Nhân Từ, Phước Lợi quỷ vương: Chúa quỷ Làm Phước Lợi, Đại Ái Kính quỷ vương: Chúa quỷ Đại Ái Kính

集會。

(Lại có những đại quý vương ở các cõi nước phương khác và thế giới Sa Bà, như Ác Mục quý vương, Đạm Huyết quý vương, Đạm Tinh Khí quý vương, Đạm Thai Noãn quý vương, Hành Bệnh quý vương, Nhiếp Độc quý vương, Từ Tâm quý vương, Phước Lợi quý vương, Đại Ai Kính quý vương, các quý vương như vậy đều đến tụ hội.)

Liệt kê ra mười hạng quý vương. Quý đạo cũng tương đối phức tạp, những vị có phước đức trong quý đạo thì được xưng là quý vương. Chúng ta ở nhân gian tu phước, phước chẳng uổng phí, phước báo là chân thật, những phước bạn tu, tương lai nhất định sẽ được phước báo. Nhưng đến nơi nào để hưởng phước báo? Không nhất định. Phải coi bạn đến cõi nào, nếu bạn có phước thì bất luận ở cõi nào cũng hưởng phước, đến quý đạo cũng sẽ hưởng phước. Nói cho chung vị biết chỉ có cõi địa ngục thì chẳng có cách chi; nếu bạn ở cõi người, cõi trời, cõi súc sanh, cõi quỷ, ai có phước đều sẽ hưởng phước, trong cõi quỷ thì làm quý vương. Những người, những chúng sanh này đều có duyên với Phật, đặc biệt là duyên với Địa Tạng Bồ Tát rất sâu, chúng ta từ kinh này thấy chúng sanh mười pháp giới đều tụ hội nơi đây, chẳng thể nghĩ bàn, trong hết thấy pháp hội chúng ta chưa từng thấy. Kinh Hoa Nghiêm cũng có mười pháp giới chúng sanh cũng đến dự hội nhưng sánh chẳng bằng kinh Địa Tạng. Tại sao? Hội kinh Địa Tạng này, phía trước chúng ta thấy hết thấy chư Phật, mười phương ba đời hết thấy chư Phật Như Lai một vị cũng không sót, hết thấy đều đến đầy đủ, trong kinh Hoa Nghiêm chẳng thấy được việc này. Từ chư Phật Như Lai đến chúng sanh địa ngục, đến những quý vương, có rất nhiều quý vương coi quản địa ngục, hết thấy đều đến dự hội, vô cùng hiếm có!

Chúng ta đọc đoạn kinh này xong, nhất định không thể coi thường, biết pháp hội này thù thắng khôn sánh. Nguyên nhân là gì? Những người này, chư Phật Như Lai này đều là học trò của Địa Tạng Bồ Tát, hôm nay thầy giáo có công chuyện, học sinh đâu dám chẳng đến! Địa Tạng Bồ Tát có oai đức lớn như vậy sao? Đúng vậy! Địa Tạng là gì? Tâm địa, chẳng phải nói một người. Phía trước vừa mở đầu đã giảng cho bạn, Địa là tâm địa, chân tâm bốn tánh, Tạng là vô lượng trí huệ đức năng có sẵn trong bốn tánh, hết thấy chúng sanh đều y theo cái này để tu hành thành Phật. Ngày nay giảng Địa Tạng pháp môn, hết thấy chư Phật Như Lai đều ủng hộ, hết thấy chúng sanh phải nương nhờ, dựa vào, thế nên pháp hội này thù thắng hạng nhất, Hoa Nghiêm không thể sánh

bằng, Hoa Nghiêm cũng phải nương theo nó để khơi dậy, nó là chỗ nương dựa căn bản. Thế nên chư vị phải hiểu tánh trọng yếu của vấn đề này, chỗ nương dựa căn bản chính là phước thứ nhất nói trong Quán Kinh. Nói cho chư vị biết nếu ngày nay chúng ta bỏ qua “hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết hại, tu mười nghiệp thiện” thì tu pháp môn gì cũng chẳng thể thành tựu ngay trong đời này. Tại sao? Vì bạn không có căn bản cho nên học Phật phải trải qua vô lượng kiếp. Chúng ta học Phật tuyệt chẳng phải chỉ học đời này thôi đâu, trong kinh Vô Lượng Thọ chúng ta thấy nhóm người cùng vua A Xà Thế, nói thật ra chính là nói chúng ta, nhiều đời quá khứ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật, đến nay vẫn còn là phàm phu, vẫn luân chuyển trong sáu nẻo. Cúng dường bốn trăm ức Phật, tu hành, nghe pháp chẳng ít, tại sao vẫn không thể thoát khỏi tam giới? Tại sao chẳng thể vắng sanh? Đây là như lúc trước thầy Lý thường nói “trong một vạn người niệm Phật khó có được hai, ba người vắng sanh”. Đạo lý gì? Vì bạn chẳng tu từ căn bản.

Bạn đừng coi những người vắng sanh, vắng sanh có tướng lành, có thể họ nghe kinh rất ít, nghe pháp chẳng nhiều, nhưng họ thực sự đã vắng sanh. Bạn lại hỏi thăm kỹ, người này nhất định hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng, tâm địa rất từ bi. Bạn hỏi thăm xem trong đời sống hằng ngày xử sự, đối người, tiếp vật, họ tuyệt đối phù hợp điều thứ nhất trong tam phước, có ai dạy họ không? Chẳng có ai dạy họ. Họ vốn là như vậy, họ làm người rất từ bi, rất kính trọng người, họ thực sự làm được. Chúng ta chẳng bằng họ, tại sao vậy? [Chúng ta mới] đọc được một ít sách vở, học được một ít Phật pháp bèn cống cao ngã mạn, cảm thấy mình rất giỏi, người ta chẳng bằng mình. Họ có thể vắng sanh, chúng ta ngược lại bị lọt tuốt phía sau, còn phải luân hồi, tại sao? Họ chưa từng đọc sách, chẳng biết chữ, rất khiêm tốn, rất nhún nhường, luôn cảm thấy mình chẳng bằng người, nhưng họ đã vắng sanh được. Thế nên càng học nhiều, lúc trước thầy Lý nói lúc chưa học thì còn biết hiếu thuận cha mẹ, học cao rồi, cha mẹ chẳng có học, học vấn cấp bằng của họ cao hơn cha mẹ nhiều, học càng cao thì con mắt càng chạy lên trên đỉnh đầu, ngay cả cha mẹ cũng chẳng coi ra gì, vậy thì làm sao có thể tôn kính sư trưởng! Người như vậy, một ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu cũng chẳng thể vắng sanh. Thế nên chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này, y giáo phụng hành mới chẳng đến nỗi lãng phí đời này. Bộ kinh Địa Tạng, đức Phật Thích Ca mở pháp hội tại cung trời Đao Lợi là để giảng pháp căn bản, cho nên chúng sanh trong mười pháp giới đều

đến tham gia pháp hội này, phi thường chẳng thể nghĩ bàn!

Tên những thiên thần, quỷ thần này chẳng khó hiểu, mọi người có thể xem tên hiểu nghĩa, ở đây tôi lược bớt. Nếu các bạn muốn biết thì có thể tham khảo giảng ký của pháp sư Thánh Nhất. Giảng ký này phổ biến rất rộng, Ngài giảng rất hay, đơn giản, rõ ràng. Xin xem kinh văn:

Nhĩ thời Thích Ca Mâu Ni Phật cáo Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát Ma Ha Tát: “Nhữ quán thị nhất thiết chư Phật Bồ Tát, cập thiên long quỷ thần, thử thế giới, tha thế giới, thử quốc độ, tha quốc độ, như thị kim lai tập hội đáo Đạo Lợi thiên giả, nhữ tri số phủ?”.

爾時釋迦牟尼佛告文殊師利法王子菩薩摩訶薩。汝觀是一切諸佛菩薩。及天龍鬼神。此世界。他世界。此國土。他國土。如是今來集會到忉利天者。汝知數不。

(Bấy giờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói với Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: “Ông xem hết thấy chư Phật, Bồ Tát và thiên long quỷ thần ở thế giới này và thế giới khác, cõi nước này và cõi nước khác đều đến tụ hội tại cung trời Đạo Lợi như vậy, ông biết số lượng bao nhiêu chăng?”.)

Chữ “bát” này phải đọc là “phủ”, như chữ “khả phủ”(có được hay chăng? Có nên chăng?). Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát là vị trí huệ hạng nhất trong các Bồ Tát, Phật chẳng kêu ai khác, chỉ kêu Ngài. Nếu Ngài không biết thì những vị khác chẳng cần hỏi nữa. Phật hỏi Ngài, ông xem thử những đại chúng đến dự hội “*Nhất thiết chư Phật Bồ Tát, cập thiên long quỷ thần*”, câu này nói về chánh báo, nói về những người đến dự. Họ từ đâu đến? “*Thử thế giới, tha thế giới, thử quốc độ, tha quốc độ*” bao gồm tận hư không, trọn khắp pháp giới, đây là y báo; chúng ta nói đến từ bốn phương tám hướng, đến từ hết thấy pháp giới, cõi nước chư Phật. Nhiều người như vậy, ông biết số lượng là bao nhiêu chăng? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong hội kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy đại chúng là hai vạn người, đại chúng tham dự trong pháp hội này thật là chẳng thể nghĩ bàn, nhìn thấy pháp hội thù thắng thì biết được tánh trọng yếu của pháp môn. Chúng ta hãy coi Văn Thù Bồ Tát trả lời ra sao.

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn, nhược dĩ ngã thần lực thiên kiếp trăm độ bất năng đắc tri”.

文殊師利白佛言。世尊若以我神力千劫測度不能得知

(*Văn Thù Sư Lợi bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, nếu dùng thần lực của con tính đếm trải qua ngàn kiếp cũng chẳng thể biết được”.*)

Lời này là thật, chẳng phải giả. Văn Thù là vị trí huệ hạng nhất trong các Bồ Tát, Ngài nói dùng khả năng của Ngài quan sát, đo lường; chữ “độ” tức là độ lường (đo lường), dùng thời gian bao lâu? “Ngàn kiếp”, thời gian dài như vậy, dùng khả năng của Ngài để tính đếm, tính chẳng nổi. Số người dự hội là bao nhiêu? Quá nhiều!

Phật cáo Văn Thù Sư Lợi: “Ngô dĩ Phật nhãn quán cố, do bất tận số”.

佛告文殊師利。吾以佛眼觀故猶不盡數。

(*Phật nói với Văn Thù Sư Lợi: “Ta dùng Phật nhãn để tính cũng chẳng tính nổi”.*)

Phật nhãn chẳng có gì không biết, chẳng có gì không thấy, Phật ở đây nói câu này là lời khiêm tốn, lời khách sáo. “*Nói với Văn Thù Sư Lợi, nếu Phật dùng Phật nhãn cũng chẳng tính nổi, huống chi là ông!*” Ráng sức hình dung số người tham gia pháp hội đông đảo tức là nói rõ sự thù thắng trang nghiêm của pháp hội. Hàm ý chứa đựng ở trong ấy là sự quan trọng của pháp hội, vô cùng quan trọng, giảng hết thầy kinh cũng chẳng quan trọng bằng giảng kinh Địa Tạng. Việc này cũng giống như việc Tân Gia Ba không ngừng xây dựng, chúng ta thấy khắp đường phố chỗ nào cũng đang xây cất, xây lầu cao, bất luận là xây lầu gì, trước hết phải đắp nền móng vững chắc, Địa Tạng pháp môn chính là nền móng, bạn xem có quan trọng không! Bất luận xây lầu cao bao nhiêu, bất luận hình thức như thế nào, nền móng đều giống nhau, phải vững chắc, phải kiên cố. Nói rõ Phật pháp sâu rộng, pháp môn vô tận, vô lượng pháp môn đều xây dựng trên một nền móng này, chẳng có cơ sở, chẳng có nền móng này thì bất cứ pháp môn nào cũng không thể thành tựu, do đó bạn mới hiểu được tánh quan trọng của pháp môn này. Nhiều người đến tham dự như vậy tượng trưng cho pháp môn vô lượng, vô lượng pháp môn đều quy về một cơ sở này. Hết thầy chư Phật tu hành thành Phật, chẳng phải chỉ noi theo một pháp môn thành tựu, môn nào cũng có thể viên thành Phật đạo. Nhưng hết thầy đều xây dựng trên cơ sở, trên căn bản này, phé bỏ cơ sở thì nhất định chẳng thể thành tựu. Chúng ta trong nhiều đời trước, nhiều đời nhiều kiếp coi thường cơ sở

này nên chẳng thể thành tựu. Nếu cũng coi thường như cũ, thì đời này niệm Phật chỉ là kết một chút duyên với A Di Đà Phật mà thôi, vẫn chẳng thể vãng sanh. Bạn hỏi đến khi nào mới có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới? Khi bạn làm tròn điều thứ nhất trong Tam Phước, tức là pháp môn Địa Tạng này, thì bạn có thể vãng sanh.

Tôi đã nói với các bạn rồi, nếu bạn làm được điều thứ nhất, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới Hạ Phẩm; nếu làm được điều thứ hai, có thể làm được hai điều thì vãng sanh Trung Phẩm; làm được cả ba điều thì vãng sanh Thượng Phẩm, đây là sự thật. Nếu nói điều thứ nhất bạn làm không được, nhưng bạn làm được điều thứ hai, thứ ba, chẳng có việc như vậy, đó là giả. Giống như xây nhà lầu, tôi không cần nền móng, cũng chẳng cần tầng thứ nhất, tôi chỉ xây tầng hai, tầng lầu ba mà thôi, đâu có đạo lý như vậy! Đoạn kế tiếp Thế Tôn nói nguyên nhân vì sao như vậy.

Thử giai thị Địa Tạng Bồ Tát cửu viễn kiếp lai, dĩ độ, đương độ, vị độ, dĩ thành tựu, đương thành tựu, vị thành tựu.

此皆是地藏菩薩久遠劫來。已度。當度。未度。已成就。當成就。未成就。

(Đó đều là do Địa Tạng Bồ Tát từ kiếp lâu xa đến nay, đã độ, đang độ, chưa độ, đã thành tựu, đang thành tựu, chưa thành tựu.)

Ý nghĩa tiêu biểu pháp sâu. Vô lượng kiếp đến nay, vô lượng pháp môn, hết thảy thành tựu đều nương dựa trên cơ sở này, tượng trưng cho ý nghĩa này. Mười phương chư Phật “*đã được độ, đã thành tựu*”, “*đang độ, đang thành tựu*” là hết thảy Bồ Tát, “*chưa độ, chưa thành tựu*” đều có duyên phận sâu đậm với Địa Tạng Bồ Tát. Phàm những người học Phật đều có duyên phận, nhưng hiện nay bạn vẫn chưa được độ; đang độ chính là thiên long, quỷ thần đại chúng, bao gồm những người như chúng ta thuộc về chưa độ, chưa thành tựu. Chúng ta chưa được độ, chưa thành tựu làm sao có thể đi đến đã độ, đã thành tựu? Dựa vào sự nỗ lực của mình, chúng ta trong đời này thực sự chịu làm, thực sự chịu y giáo phụng hành, thì chúng ta chưa được độ, chưa thành tựu sẽ từ từ đi đến đã độ, đã thành tựu, ngay trong đời này sẽ thành tựu.

Chư vị đồng tu nhất định phải ghi nhớ, chúng ta treo bốn chữ do cụ Phác ²⁴ viết: “*Tri ân báo ân*”, báo ơn cha mẹ, báo ơn sư trưởng, báo

²⁴ Cụ Phác ở đây là cụ Triệu Phác Sơ, Hội Trưởng hội Phật giáo Trung Quốc.

ơn Phật, báo ơn chúng sanh. Những người này có ơn gì đối với chúng ta, mình phải biết rõ thì mới tri ân, mới biết báo ân. Tại sao người thế gian không biết báo ân? Vì họ chẳng biết ân. Ngay cả chữ tri trong tri ân họ cũng không biết thì làm sao có ý niệm báo ân! Họ chẳng thể khởi lên ý niệm này. Có thể có tâm báo ân tức là hiếu kính, bạn đã làm được “*hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng*”. Trong đời sống hằng ngày “*đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện*”, tại sao vậy? Vì báo ân. Nếu bạn chẳng đoạn ác tu thiện, không sửa sai đổi mới thì bạn có lỗi với cha mẹ, với sư trưởng, đó là bất hiếu. Trong xã hội, ngày nay chúng ta phát tâm xuất gia, chẳng thể làm thầy, chẳng thể làm mô phạm là bất hiếu, đây là đại bất kính. “*Làm thầy*” là làm người dẫn đầu, người nêu gương cho xã hội đại chúng, làm mô phạm cho xã hội, chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, hãy nghĩ coi mình có thể làm gương cho xã hội đại chúng không? Nếu không tức là chẳng có hiếu, chẳng kính, thì bạn chẳng làm nổi. Tại sao chẳng nổi? Phải tìm ra nguyên nhân ấy, phải dẹp trừ nguyên nhân ấy, sửa sai đổi mới, chúng ta mới có thể từ “*chưa độ*” đạt đến “*đã độ*”, từ “*chưa thành tựu*” đạt đến “*đã thành tựu*”, phải làm thực sự! Chuyện này là chuyện của chính mình, chẳng phải là chuyện của người khác, người khác giúp không nổi, nhất định phải tự mình giác ngộ, tự độ chính mình, sửa lỗi lầm, sửa tập khí, sửa tâm lý, đọc tụng Đại Thừa, y giáo phụng hành như vậy mới có thể thành tựu.

Nếu đời này chẳng thể khắc phục chương nạn của mình, khắc phục tập khí tật xấu của mình, vẫn cứ theo thói cầu thả, chúng ta đời này cũng giống như những đời trước, chỉ kết duyên cùng đức Phật A Di Đà, cùng đức Phật Thích Ca Mâu Ni, và Địa Tạng Bồ Tát, đời này vẫn chẳng thể thành tựu. Duyên đã kết rất sâu, kinh Di Đà nói: “*Chẳng thể dùng ít thiện căn, phước đức, nhân duyên được sanh cõi ấy*”, duyên này đã kết từ nhiều đời nhiều kiếp, vô lượng kiếp qua đã kết duyên sâu đậm này, nhưng duyên vẫn chẳng thể thành tựu, vẫn còn thiếu một đoạn, tức là chẳng thể khắc phục phiền não tập khí của mình, đọc kinh nghe pháp chẳng thể thâm giải nghĩa thú; hình như đã hiểu rồi, nhưng thực sự chưa hiểu, làm sao biết bạn chưa hiểu? Vì bạn chưa làm được. Nếu bạn đã hiểu rồi thì nhất định sẽ làm được. Tại sao? Biết [giá trị của món] hàng, đã nhận thức rồi. Trên hai bàn, một bên thì để nắm đất, một bên thì để vàng ròng, nếu tặng cho bạn một thứ, chỉ có thể lấy một thứ thì bạn lấy cái nào? Bạn nhất định sẽ lấy vàng. Tại sao? Vì bạn biết giá trị của nó. Trong kinh điển Phật dạy chúng ta “*thâm giải nghĩa thú*” (hiểu sâu ý nghĩa), giải khó, hành dễ, tại sao bạn làm không được? Vì bạn chẳng

hiểu, bạn chẳng liễu giải, Phật pháp đích thật là “*biết thì khó, làm thì dễ*”. Bởi vậy đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm là vì: “*Biết thì khó, hành chỉ trong vòng một niệm*”. Một ý niệm chuyển đổi trở lại thì liền siêu phàm nhập thánh, ý niệm chẳng chuyển là vì giải chẳng thấu suốt, chẳng thâm nhập.

Hạnh Môn của chúng ta nói thật ra nương dựa vào Giải Môn, nếu bạn giải được càng sâu, thì hạnh của bạn càng chu đáo; có thể giải mà chẳng thể làm, nói thật ra chính là vì vẫn chưa hiểu (giải) sâu nên chẳng thể làm nổi. Giảng được nhất định sẽ làm được, nguyên nhân giảng được nhưng làm không được là gì? Chỉ noi theo chú giải của người khác, dựa trên lời văn mà giải nghĩa, chính mình cũng chẳng hiểu. Tôi nghe nói còn có một số người giảng kinh Phật, niệm một đoạn kinh xong thì kể một câu chuyện, không biết tìm ở đâu ra những câu chuyện này, nghe nói những câu chuyện này chẳng dính dáng gì đến đoạn kinh trên, họ cũng gọi là giảng kinh, như vậy thì làm sao “*có thể hành*” được! Y theo chú giải của người xưa thì miễn cưỡng còn có thể được. Nói thật ra cần phải tự mình thấu triệt ý nghĩa trong kinh, tự mình làm được rồi nói ra mới chính xác, chẳng có may mắn nghi hoặc gì cả. Tại sao vậy? Đã làm được, tự mình thể nghiệm được hiệu quả, tự mình đạt được rồi. Chúng ta xem tiếp đoạn kế:

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn, ngã dĩ quá khứ cửu tu thiện căn chứng Vô Ngại Trí, văn Phật sở ngôn tức đương tín thọ”.

文殊師利白佛言。世尊我已過去久修善根證無礙智。聞佛所言即當信受。

(*Văn Thù Sư Lợi bạch Phật: “Thế Tôn, con đã tu thiện căn từ lâu trong quá khứ chứng Vô Ngại Trí, vừa nghe Phật dạy thì liền tin nhận”.*)

Văn Thù Bồ Tát nói Ngài có thể tin những gì Phật dạy. Phật nói đại chúng nhiều như trên đều là do Bồ Tát Địa Tạng từ kiếp lâu xa đến nay đã độ, đang độ, chưa độ đều tham dự pháp hội, đã thành tựu, đang thành tựu, chưa thành tựu đều đến cả, Văn Thù Bồ Tát tin được việc này, chẳng nghi ngờ. Nhưng Văn Thù Bồ Tát lại đề ra:

Tiểu quả Thanh Văn thiên long bát bộ, cập vị lai thế chư chúng sanh đẳng, tuy văn Như Lai thành thật chỉ ngữ tất hoài nghi hoặc, thiết sử đĩnh thọ vị miễn hưng báo.

小果聲聞天龍八部。及未來世諸眾生等。雖聞如來誠實之語必懷疑惑。設使頂受未免興謗。

(Tiểu quả Thanh Văn, thiên long bát bộ và những chúng sanh đời vị lai tuy nghe lời thành thật của Như Lai, nhưng chắc sẽ hoài nghi, dù có lạy vâng cũng không khỏi hủy báng.)

Những lời này của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát rất hay. Chưa khai mở trí huệ, công phu chưa thành tựu, nghe xong lời này của Phật, không khỏi hoài nghi. Địa Tạng Bồ Tát làm sao có thần thông đạo lực lớn như vậy! Hết thấy chư Phật mười phương ba đời đều do Ngài độ, lời này chúng ta có thể tin tưởng hay không? Văn Thù Bồ Tát tin tưởng, chẳng hoài nghi, phần đông người ta nghe xong sẽ hoài nghi nên chúng ta phải giải thích rõ ràng đạo lý này. Địa là tâm địa, chân tâm, bổn tánh, Địa Tạng Bồ Tát tiêu biểu cho pháp này, không thể chấp cứng vào mỗi câu văn, nếu vậy thì sai rồi, nhất định sẽ hoài nghi. Nếu bạn cho rằng Địa Tạng Bồ Tát đại khái là Kim Địa Tạng²⁵ ở Cửu Hoa Sơn thì sai rồi, Kim Địa Tạng là một phân thân, hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát, hóa thân của Ngài vô lượng vô biên. Thế nên phải hiểu rõ Lý chân thật, Sự chân thật ở

²⁵ Tương truyền hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát là ngài Kim Kiều Giác. Kim Kiều Giác (630-729) là thái tử nước Tân La (vùng đông bắc Triều Tiên, nay là Đại Hàn). Năm 24 tuổi, Ngài từ bỏ ngôi vị và xuất gia, pháp danh là Địa Tạng. Ở Trung Quốc lúc bấy giờ nhằm đời Đường, Phật giáo rất phát triển và có nhiều vị sư từ nhiều nước đến đó du học. Ngài Kim Kiều Giác vượt biển đến Trung Quốc, trụ tại núi Cửu Hoa, huyện Thanh Dương, phủ Trì Châu, tỉnh An Huy. Ngài dựng một túp lều tranh trên núi tu hành và nguyện chép bốn bộ kinh Đại Thừa. Sau đó dân làng Thanh Dương lên núi và thấy Ngài tu hành rất nghiêm cẩn nên phát tâm xây một ngôi chùa cho Ngài hoằng pháp. Núi Cửu Hoa lúc bấy giờ thuộc quyền của ông Mẫn Nhượng Hòa, một phật tử thuần thành, ông Hòa mời Ngài dùng cơm và cúng dường một miếng đất cho Ngài cất chùa. Ông Hòa hỏi Ngài cần miếng đất bao lớn? Ngài nói: “Tôi tung chiếc áo cà sa này lên, tôi muốn khoanh đất lớn bằng cái bóng của chiếc áo cà sa này. Ông chịu không?”. Ông Hòa đồng ý. Lúc Ngài mở áo cà sa ra phóng lên hư không, bóng của chiếc áo cà sa bèn lớn bao trùm cả vùng núi Cửu Hoa, ông Mẫn vô cùng kinh ngạc và bội phục nên ông vui lòng cúng dường cả vùng núi Cửu Hoa cho Ngài. Ông còn xây một ngôi chùa và cho con ông xuất gia theo Ngài, pháp danh là Đạo Minh. Sau này ông cũng xuất gia theo. Từ đó núi Cửu Hoa trở thành một trung tâm nghiên cứu Phật giáo nổi tiếng. Ngày 30 tháng 7 năm 729, Ngài ban lời giáo huấn cuối cùng và cáo biệt đồ chúng, ngôi kiết già an nhiên thị tịch, thọ 99 tuổi. Ba năm sau, nhục thân của Ngài chẳng hư hoại, tay chân mềm mại như lúc còn sống. Dựa trên hành trạng lúc Ngài còn sống, mọi người đều nhận định Ngài chính là Địa Tạng Bồ Tát thị hiện.

bên trong, như vậy chúng ta sẽ chẳng hoài nghi, nếu không thì chúng ta sẽ có nghi hoặc, từ nghi hoặc này đi đến báng pháp, tội lỗi rất nặng. Mục đích Văn Thù Bồ Tát nêu lên nghi vấn này là thỉnh cầu Thế Tôn thuyết minh tường tận những sự tu nhân chứng quả, rộng độ chúng sanh của Địa Tạng Bồ Tát cho đại chúng biết. Đây là việc trong đoạn kinh kế tiếp.

Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây thôi.

Tập 06 (Số 14-12-06)

Xin mở kinh, xem đoạn kinh tiếp theo.

Duy nguyện Thế Tôn, quảng thuyết Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, nhân địa tác hà hạnh lập hà nguyện, nhi năng thành tựu bất tư nghị sự.

唯願世尊廣說地藏菩薩摩訶薩。因地作何行立何願。而能成就不思議事。

(Xin nguyện Thế Tôn nói rõ Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát lúc còn tu nhân đã làm hạnh gì, lập nguyện gì mà thành tựu được sự không thể nghĩ bàn như vậy.)

Văn Thù Bồ Tát thấy trong đại hội này đại chúng hy hữu, đông đảo, đương nhiên Ngài biết rất rõ ràng, rất minh bạch, nhưng còn người, trời, phàm phu, Nhị Thừa, cho đến Quyền Giáo Bồ Tát nhìn thấy tình trạng thù thắng này sẽ tránh không khởi nghi hoặc, thậm chí còn có ý niệm hủy báng. Tổ sư đại đức y theo kinh luận nói với chúng ta: Nghi hoặc, báng pháp nhất định sẽ đọa địa ngục A Tỳ. Những lời giống như vậy chúng ta thường chẳng dám nói, tại sao? Nói ra người ta càng nghi hoặc, càng hủy báng, họ nghe xong sẽ nói: Ông lấy chuyện này ra để dọa người ta, đâu có tội nặng như vậy? Làm gì có địa ngục? Họ chẳng thể tiếp nhận, chẳng thể tin tưởng. Thế nên những lời nói như vậy, chúng ta tin tưởng thì tự mình sẽ có cảnh giác cao độ: Còn đối với đại chúng trừ phi đọc đến đoạn kinh này thì chẳng thể không nói, nếu không đọc đến đoạn kinh này thì chúng ta sẽ chẳng nói. Phải biết tại sao chẳng nói? Nói xong không những không có lợi mà còn giúp cho người ta tạo tội nghiệp, vậy thì nói ra làm chi! Người ta đã đọa lạc rất thảm rồi, chẳng nên làm cho họ đọa nặng thêm, đây chính là đại từ đại bi. Thế nên trong thời trước ác, Phật, Bồ Tát chẳng dùng thân tướng của Phật xuất hiện trong thế gian là để giảm bớt sự nghi hoặc, hủy báng của chúng sanh. Văn Thù

Bồ Tát vô cùng từ bi, giúp Thế Tôn giáo hóa chúng sanh. Giống như hai Ngài đang biểu diễn trên sân khấu vậy, một người hỏi, một người đáp. Địa Tạng Bồ Tát làm sao có phước đức nhân duyên lớn lao như thế? Triệu tập tận hư không trọn khắp pháp giới hết thảy chư Phật, Bồ Tát, chúng sanh có duyên trong lục đạo đến tham dự đại hội này, đây là chuyện chẳng thể nghĩ bàn. Xin xem đoạn kinh sau đây:

Phật cáo Văn Thù Sư Lợi: “Thí như tam thiên đại thiên thế giới, sở hữu thảo mộc tòng lâm đạo ma trúc vi, sơn thạch vi trần nhất vật nhất số, tác nhất Hằng hà, nhất Hằng hà sa nhất sa chi giới, nhất giới chi nội nhất trần nhất kiếp, nhất kiếp chi nội sở tích trần số, tận sung vi kiếp.

佛告文殊師利。譬如三千大千世界。所有草木叢林稻麻竹葦。山石微塵一物一數。作一恒河。一恒河沙一沙之界。一界之內一塵一劫。一劫之內所積塵數。盡充為劫。

(Phật bảo Văn Thù Sư Lợi thí dụ như trong tam thiên đại thiên thế giới hết thảy cây, cỏ, lùm, rừng, lúa, đay²⁶, trúc, lau, núi, đá, hạt bụi, mỗi vật tính thành một số, mỗi số là một sông Hằng, số cát trong mỗi sông Hằng cứ một hạt cát là một thế giới, trong mỗi thế giới tính mỗi hạt bụi là một kiếp, số bụi tích chứa trong mỗi kiếp đều tính thành kiếp.)

Trong đoạn này, Thế Tôn vì Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói ra nhân duyên sự tích độ hóa chúng sanh của Địa Tạng Bồ Tát trước kia. Nói với Văn Thù Bồ Tát tức là nói với chúng ta, Văn Thù Bồ Tát ở đây đại diện cho chúng ta. Đoạn này trước hết số lượng chẳng thể nghĩ bàn; thí dụ này chúng ta chẳng cần giải thích từng câu, giảng ký của pháp sư Thánh Nhất có thuyết minh, ở đây chúng ta lược bớt. Con số này chẳng có cách chi tính nổi, người trong thế gian không thể tính, hiện nay máy móc, kỹ thuật điện toán tối tân nhất cũng tính không nổi.

Địa Tạng Bồ Tát chứng Thập Địa quả vị dĩ lai, thiên bội đa u thượng dụ.

地藏菩薩證十地果位已來。千倍多於上喻。

(Địa Tạng Bồ Tát chứng quả vị Thập Địa đến nay còn lâu gấp

²⁶ Đay (hemp) chính là cây gai, ta thường lấy sợi nó để dệt bao bố, hoặc làm những sợi dọc để kết những sợi cỏi (người miền Nam thường gọi là Lác) thành chiếu.

Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Giảng Ký - Quyển Thượng
ngàn lần thí dụ trên.)

Con số trong thí dụ trên, đây là nói về lúc Địa Tạng Bồ Tát chứng quả vị Thập Địa đến nay, từ lúc chứng Sơ Địa đến Thập Địa; nói cách khác thời gian lúc trước quả Thập Địa đều không tính, nếu tính thì càng nhiều hơn nữa, đếm chẳng nổi.

Hà hướng Địa Tạng Bồ Tát tại Thanh Văn, Bích Chi Phật địa.

何況地藏菩薩在聲聞。辟支佛地。

(Hướng gì lúc Địa Tạng Bồ Tát còn là Thanh Văn, Bích Chi Phật.)

Chẳng tính thời gian trước đó, chỉ tính từ lúc chứng được Địa Thượng²⁷ Bồ Tát trở đi đến nay, con số Hằng hà sa kiếp chẳng sánh vào đâu? Thí dụ này nói thật ra cũng chỉ có Phật mới nói được, nếu chúng ta dùng ngôn ngữ văn tự để hình dung con số này cũng hình dung không nổi.

Văn Thù Sư Lợi, thử Bồ Tát oai thần thế nguyện bất khả tư nghị.

文殊師利。此菩薩威神誓願不可思議。

(Văn Thù Sư Lợi, oai thần thế nguyện của Bồ Tát đó chẳng thể nghĩ bàn.)

Đây là lời tán thán Địa Tạng Bồ Tát, oai đức, thần thông, hoằng nguyện của Ngài chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng chư vị nhất định phải ghi nhớ bốn nguyện của Địa Tạng Bồ Tát tức là bốn nguyện của tự tánh chúng ta; nói cách khác nếu chẳng có bốn nguyện của Địa Tạng Bồ Tát, chúng ta nhất định chẳng thể chứng được Phật quả viên mãn. Bạn sẽ hỏi tại sao? Trong tánh đức có thiếu khuyết thì bạn làm sao được viên mãn! Địa Tạng pháp môn là khóa học thứ nhất của Phật pháp Đại Thừa, phải chiếu theo thứ tự này để nói, đây là học trình của lớp đầu tiên, khóa trình cơ sở, khóa trình cần thiết phải học. Tại sao phát nguyện này: “*Địa ngục chẳng không, thế chẳng thành Phật*”? Địa ngục là do tự tánh chúng ta biến hiện thành, chẳng từ bên ngoài đến, y báo, chánh báo trang nghiêm trong thập pháp giới đều do tâm địa biến hiện ra. Trong tâm bạn còn hiện lên hiện tượng địa ngục, còn hiện ra hiện tượng lục đạo luân hồi, thì bạn

²⁷ từ Sơ Địa Bồ Tát trở đi mới được gọi là Địa Thượng.

làm sao chúng được viên mãn Bồ Đề! Đây là đạo lý nhất định. Phật pháp nói Lý với bạn, Lý chân thật, Sự chân thật, chẳng phát nguyện này được không? Chúng sanh khổ nạn trong địa ngục đều phải độ thoát vô điều kiện, những người đang chịu khổ nạn trước mắt ta có thể không giúp đỡ, không dang cánh tay ra trợ giúp sao? Chúng ta nhìn thấy nhiều chuyện và nhiều người chẳng như ý, còn sân giận, phải biết đây chẳng phải là lỗi lầm của cảnh giới bên ngoài, mà là lỗi lầm của chính chúng ta. Tại sao họ làm chuyện ác, làm những việc chẳng đúng như pháp? Vì chính mình chẳng tu hoàn hảo, chẳng làm gương tốt cho người ta, là tội nghiệp của mình, phải tu từ chỗ này. Bạn còn đập bàn nạt người ta, trừng mắt nhìn người ta, thì tội bạn tăng thêm nữa, bạn chẳng biết chúng sanh từ đâu đến sao? Chúng sanh tạo tội nghiệp từ chỗ nào? Phật, Bồ Tát biết, Phật, Bồ Tát đối với hết thảy chúng sanh đều từ bi.

Chúng ta học Phật phải bắt đầu từ đâu? Phải giác ngộ từ những chỗ này, chân chánh giác ngộ! Người ác đối với chúng ta, chúng ta phải dùng thiện ý giúp đỡ họ, nếu họ chẳng tiếp nhận thì không sao cả. Kinh Địa Tạng nói rất rõ, căn cơ của chúng sanh có bốn thứ chẳng thể chấp nhận, càng hiện rõ tội nghiệp của chúng ta sâu nặng, chúng ta phải sám hối từ chỗ này, tự độ rồi sau đó mới độ người, đây là đạo lý nhất định. Phật, Bồ Tát tiếp dẫn chúng sanh cũng chẳng có pháp nhất định, có lúc cũng nổi giận, cũng trừng mắt nhìn, nhưng bạn phải biết lúc họ nổi giận [có thể làm cho] chúng sanh giác ngộ, sửa sai, quay đầu hướng thiện; còn chúng ta nổi giận thì chúng sanh khởi tâm oán hận, tâm báo thù, như vậy thì bạn sai rồi. Chúng ta ngu si, Bồ Tát có trí huệ, chúng ta phải hiểu làm cách nào xử sự, đãi người, tiếp vật, cho nên đặc biệt đề ra việc “*làm thầy, làm mô phạm*”. Phật, Bồ Tát là thầy của trời, người, khi chúng ta xuất gia, người ta gặp mặt liền xưng Pháp sư, đều xưng bạn là thầy; thầy tức là “*biểu suất*” (có nghĩa là nêu gương, dẫn đầu), mô phạm, chúng ta khởi tâm động niệm, cử chỉ hành động có thể làm mô phạm cho người ta không?

Hôm qua cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói ra, tôi mới biết. Cả đời tôi đối với chuyện của bất cứ ai, trước giờ đều chẳng nghe, chẳng hỏi đến. Ông nói với tôi sau khi những đồng tu khóa trước rời khỏi nơi đây, họ phải dọn dẹp phòng, nhìn thấy những đồ chẳng cần đều bỏ bừa bãi trong phòng, còn nhìn thấy trái táo mới cắn một miếng xong rồi bỏ. Họ nhìn thấy rất buồn, cách làm như vậy có thể làm gương tốt cho người thế gian không? Chúng tôi nghe xong rất buồn, chúng tôi không trách các bạn đồng học, chỉ trách mình, tự chúng tôi làm không tốt, nhưng chúng tôi sẽ

nỗ lực sửa đổi, những đạo lý này đều phải biết. Đồ vật của thường trú chúng ta đều phải trân trọng, quý tiếc từng ly từng tí. Cả đời tôi chẳng xin ai một đồng nào, tại sao? Người ta kiếm tiền chẳng dễ, phải hiểu giùm cho người ta. Mỗi khi chúng ta dùng tiền đều phải tiết kiệm, chúng ta tiết kiệm một phần tiền tức là đối với thường trú, đối với Phật pháp bỏ thí một phần tiền, chúng ta tu phước. Nếu bạn chẳng tu phước, thì phước của bạn từ đâu đến? Ngày nay bạn chẳng thể đoạn vô minh, tánh đức của bạn chẳng thể lưu lộ, thì phước báo của bạn đều do tu mà có, nhất định chẳng dám lãng phí. Cổ đại đức đều làm được, quy củ của tông lâm mỗi cây kim mỗi sợi chỉ, mỗi cọng cỏ mỗi khúc cây, tuy rất nhỏ nhoi, chẳng có gì không quý tiếc, đó là tích phước! Tích phước tức là tu phước. Hiện nay nguyên nhân căn bản của hết thấy lỗi lầm của con người chính là vì từ nhỏ chẳng có người dạy, lớn lên tập thành thói quen này, dưỡng thành tập khí rồi thì rất khó sửa, thế nên chúng ta phải đề cao cảnh giác từng giờ từng phút. Tại sao phải đọc kinh mỗi ngày? Đọc kinh chính là kiểm điểm mình, phản tỉnh, y theo lời dạy trong kinh sửa đổi, tự tân, được vậy chúng ta mới được cứu. Xử thế phải nhẫn nhường, phải nghĩ cho người khác, phải nghĩ cho sự an toàn của cả xã hội; đừng nghĩ cho cá nhân mình, nghĩ cho cá nhân chẳng có gì không là tội, không là nghiệp. Tự mình mỗi ngày đều tạo tội nghiệp nhưng không biết, còn tưởng mình tu công đức. Trên đây đã nói xen vào chuyện khác nhưng cũng rất quan trọng.

Chúng ta xem tiếp kinh văn. Phật nói oai thần thệ nguyện của Địa Tạng Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta phải hiểu hàm ý sâu xa trong câu này là gì? Chúng ta phải học tập từ chỗ nào? Xem tiếp đoạn kinh kệ:

Nhược vị lai thế hữu thiện nam tử thiện nữ nhân, văn thị Bồ Tát danh tự, hoặc tán thán hoặc chiêm lễ, hoặc xưng danh hoặc cúng dường, nãi chí thái họa khắc lữ tổ tất hình tượng, thị nhân đương đắc bách phần sanh ư tam thập tam thiên vĩnh bất đọa ác đạo.

若未來世有善男子善女人。聞是菩薩名字。或讚歎或瞻禮。或稱名或供養。乃至彩畫刻鏤塑漆形像。是人當得百返生於三十三天永不墮惡道。

(Nếu đời vị lai có người thiện nam, người thiện nữ nào nghe được danh hiệu Bồ Tát đó rồi khen ngợi, hoặc chiêm lễ, hoặc xưng niệm danh hiệu, hoặc cúng dường, cho đến tô vẽ, khắc chạm, tạc đúc, sơn thếp hình tượng, người ấy sẽ được sanh một trăm lần vào cõi trời thứ ba mươi ba,

vĩnh viễn chẳng đọa ác đạo.)

Lời Phật nói là thật, chẳng phải giả, Phật chẳng nói dối. Có rất nhiều người đọc đến kinh này, cứ tưởng là tạo một chút tội nghiệp chẳng sao, [Họ nói chỉ cần] chúng tôi cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, tương lai còn được sanh một trăm lần đến trời Tam Thập Tam, vĩnh viễn chẳng đọa ác đạo [kia mà]. Hiểu lầm lời kinh, sau đó bị đọa vào ác đạo nên hủy báng: Lời đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong kinh chẳng đáng tin, đều là giả, lừa gạt chúng tôi. Báng Phật, báng Pháp, báng Tăng lại đọa địa ngục A Tỳ, họ chẳng hiểu ý nghĩa của Phật trong đoạn này.

“*Văn thị Bồ Tát danh tự*”, trong chữ Văn này bao gồm Tư, Tu, ba Huệ của Bồ Tát. Bạn nghe đến danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát, ý nghĩa của danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát là gì? Bạn phải chân chánh hiểu rõ mới gọi là “*văn danh*” (nghe tên), nếu hoàn toàn chẳng hiểu rõ ý nghĩa trong danh hiệu thì chẳng gọi là văn. Nếu chân chánh hiểu được, nghe được danh hiệu này, thì kho báu trong tâm địa của mình sẽ tương ứng, như vậy gọi là văn danh. “*Xưng tán*” nghĩa là gì? Xưng tán tức là giảng giải Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh, đó là xưng tán. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xưng tán tại cung trời Đao Lợi, khuyến khích mình, và đại chúng học theo Địa Tạng Bồ Tát, vậy gọi là xưng tán. Chiêm lễ, xưng danh, cúng dường phía sau tức là chân chánh tu hành. “*Chiêm lễ*” nghĩa là chiêm ngưỡng lễ kính, biểu hiện ở đâu? Biểu hiện trên sự đối đãi cha mẹ, đối đãi sư trưởng. Tinh thần của Địa Tạng Bồ Tát tức là “*hiếu thân tôn sư*”, sau đó khuếch đại tâm hiếu thân tôn sư này đến hiếu kính hết thấy chúng sanh, đây là Địa Tạng bốn nguyên, như vậy thì mới chiêm lễ đến viên mãn. Còn tâm khinh mạn bất kỳ chúng sanh nào thì chẳng phải tu hạnh Địa Tạng. Nói đến chiêm lễ cứ tưởng là cúng một tượng Địa Tạng Bồ Tát, mỗi ngày khấu đầu lạy Ngai, đâu phải là đơn giản như vậy! Đó là hoàn toàn giải sai ý nghĩa chân thật của Như Lai, Phật nói chẳng sai mà bạn đã hiểu sai rồi.

Đây là chỗ trong hết thấy kinh, Phật đã nhiều lần khuyến khích chúng ta phải thâm giải nghĩa thú, bạn giải càng sâu, hiểu càng thấu triệt, thì làm mới được viên mãn. Chỉ hiểu trên mặt ngoài của danh tự thì hoàn toàn sai lầm. Cổ đức thường nói: “*Noi theo văn giải nghĩa, ba đời Phật phải kêu oan*”²⁸, chư Phật ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai đều kêu oan uổng vì bạn giải sai lời của Phật, hiểu sai rồi. Ngày nay có bao nhiêu

²⁸ Nguyên văn: Y văn giải nghĩa, tam thế Phật oan.

người hiểu sai! Bạn phải hỏi tại sao họ hiểu sai? Vì họ chẳng làm được, chỉ đến khi làm được mới có thể [thấu suốt], thể hội rõ ràng, mới thể hội đến những chỗ cao siêu, nếu bạn không làm thì sao được? Bạn có thể làm được một phần thì bạn sẽ thể hội được một phần; thể hội được một phần thì bạn lại làm được một phần, giải lẫn hạnh bổ sung và thành tựu cho nhau, giải giúp cho hạnh, hạnh giúp cho giải, cứ luân chuyển thâm nhập như vậy mới nhập đến chỗ sâu rộng.

“*Xưng danh*” tức là xưng danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Trong đó có hai thứ công đức, tự lợi là nhắc nhở chính mình, niệm niệm đều chẳng rời pháp môn Địa Tạng, cũng nghĩa là niệm niệm chẳng rời tâm địa pháp môn, đây là “*tự lợi đức*”. “*Lợi tha đức*” là niệm niệm thức tỉnh những chúng sanh có duyên. Nói thật ra ngày nay chúng sanh có duyên ít, quá ít, có bao nhiêu người nghe đến danh hiệu này liền giác ngộ? Ai chẳng giác ngộ cũng để cho họ nghe được, trong A Lại Da Thức trồng hạt giống của danh hiệu, một phen lọt vào tai thì vĩnh viễn làm hạt giống đạo; nếu đời này không được lợi ích, có thể nhiều đời nhiều kiếp về sau gặp được duyên, hạt giống này sẽ nảy mầm, đây là làm lợi ích lâu xa cho hết thấy chúng sanh, lợi ích ở tương lai. Chúng sanh có căn cơ chín muồi sẽ được lợi ích ngay trong hiện tại, vừa nghe xong họ liền biết tu học như thế nào.

“*Cúng dường*”, chư vị nhất định phải biết, trong các sự cúng dường, quan trọng nhất là “*y giáo tu hành cúng dường*”. Phổ Hiền Hạnh Nguyên dạy chúng ta rất rõ ràng, hết thấy cúng dường của cái đều chẳng bằng pháp cúng dường, trong Hạnh Nguyên Phẩm nêu ra bảy loại pháp cúng dường. Thứ nhất là “*như giáo tu hành cúng dường*”. Nếu chúng ta không thể tu hành theo lời dạy thì sự cúng dường này là giả. Chẳng phải cúng dường một chút hương hoa, trái cây tức là mỗi ngày đều cúng dường Phật, nghĩ như vậy là sai rồi. Chúng ta xem những vị tổ sư đại đức chân chánh tu hành, trong Phật đường của họ chẳng có vật gì cả, hương hoa, trái cây đều chẳng có, họ cúng bằng cái gì? Chúng ta thấy Phật đường của họ chỉ có một ly nước, đốt một ngọn đèn dầu, ngoài ra chẳng có gì hết, họ thực sự cúng dường, y giáo tu hành cúng dường.

Phía sau là cúng dường mở rộng ra, nghĩa rộng của sự cúng dường, tức là tạo hình tượng của Bồ Tát. Vẽ hình cũng được, điêu khắc cũng được, “*khắc lữ*” tức là khắc gỗ, “*tổ tất*” tức là tạc đức, đức xi măng cũng được, đúc bằng kim loại cũng được, đây là cúng dường mở rộng ra. Làm cho hết thấy chúng sanh có cơ duyên nghe đến danh hiệu của Bồ Tát, nhìn thấy hình tượng của Bồ Tát, cho họ trông thiện căn. Tự

mình hành Bồ Tát đạo, Bồ Tát làm sao thì mình làm vậy, đó gọi là hành Bồ Tát đạo. Khuyến hóa hết thấy chúng sanh, phước đức như vậy mới là “*một trăm lần sanh về cõi trời Ba Mươi Ba vĩnh viễn chẳng đọa ác đạo*”. Bạn nghĩ coi tại sao họ chẳng đọa ác đạo? Chẳng tạo ác nghiệp, người tu hạnh Địa Tạng Bồ Tát thì làm sao tạo ác nghiệp cho được! Những hạt giống ác nghiệp tạo đời trước tuy vẫn còn, ác duyên đời này đều đoạn dứt. Họ học theo Bồ Tát, niệm Bồ Tát, có tâm Bồ Tát, có hạnh Bồ Tát, nói lời của Bồ Tát, trong mười pháp giới thì duyên của lục đạo đều cắt đứt, họ làm sao đọa ác đạo cho được! Đây là lý đương nhiên, chúng ta nhất định phải hiểu rõ đạo lý này. Lại xem tiếp đoạn đức Thế Tôn nói về nhân duyên đời trước của Địa Tạng Bồ Tát, ý nghĩa này rất sâu.

Văn Thù Sư Lợi,

文殊師利。

(Này Văn Thù Sư Lợi,)

Trong kinh Phật, phạm những chỗ mở đầu có nêu tên người đương cơ thì đoạn kinh văn tiếp theo sau vô cùng quan trọng. Kêu tên tức là nhắc họ, tiếp theo sau sẽ có lời giảng quan trọng, kêu họ chú ý.

Thị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, u quá khứ cửu viễn bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp tiền.

是地藏菩薩摩訶薩。於過去久遠不可說不可說劫前。

(Trong thời quá khứ số kiếp bất khả thuyết bất khả thuyết lâu xa về trước, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.)

Câu này chấm dứt ở đây vừa đúng chỗ. Bất khả thuyết, bất khả thuyết kiếp, thời gian này quá dài, quá dài, nói không hết.

Thân vi đại Trưởng Giả Tử.

身為大長者子。

(Làm một vị đại Trưởng Giả.)

Người xưa có ý này, thân phận của Ngài lúc trước là một người đại trưởng giả tử. “*Đại Trưởng Giả Tử*”, rất nhiều người đọc sai chỗ này rồi hiểu thành con trai của đại Trưởng Giả. Nhưng trên thực tế chữ “*Tử*” là một cách tôn xưng của người Trung Quốc thời xưa, cũng như Khổng

Tử, Mạnh Tử, Lão Tử, cách dùng chữ Tử này là tôn xưng. Đại Trưởng Giả Tử, chữ Tử này chính là chữ Tử trong tên của Khổng Tử, Mạnh Tử, là lời xưng hô tôn kính. Dùng ngôn ngữ hiện nay để nói thì Tử là tôn kính, tôn kính đại Trưởng Giả, thêm chữ tôn kính này vào phía trước, hồi xưa thì chữ tôn kính này được đặt phía sau.

Thời thế hữu Phật.

時世有佛。

(Đời lúc bấy giờ có Phật.)

Lúc bấy giờ, thế gian này có một tôn Phật.

Hiệu viết Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai.

號曰師子奮迅具足萬行如來。

(Hiệu là Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai.)

“*Sư Tử Phấn Tấn*” là thí dụ, sư tử là vua trong các loài thú. “*Cụ Túc Vạn Hạnh*” là nói Bồ Tát tu hành công đức viên mãn, chứng được Phật quả vô thượng. Đây là ý nghĩa đơn giản của Phật hiệu.

Thời Trưởng Giả Tử kiến Phật tướng hảo thiên phước trang nghiêm, nhân vấn bử Phật, tác hà hạnh nguyện nhi đắc thử tướng.

時長者子見佛相好千福莊嚴。因問彼佛。作何行願而得此相。

(Lúc đó Trưởng Giả Tử thấy đức Phật tướng mạo tốt đẹp, ngàn phước trang nghiêm nên hỏi Đức Phật đó tu hạnh nguyện gì mà được tướng như vậy.)

Đây là chỗ chúng ta học tập. Lúc bấy giờ Trưởng Giả tôn kính này thấy Sư Tử Phấn Tấn Như Lai “*tướng hảo*” quang minh nên sanh tâm hoan hỷ; thỉnh giáo đức Phật: Tu như thế nào mới có được tướng tốt của Ngài? Tướng hảo quan trọng, làm đệ tử Phật trong xã hội này nếu chúng ta chẳng có hình tướng tốt thì chúng ta sẽ diệt Phật pháp. Xuất gia đâu phải dễ, cổ đức thường nói: “*Trước cửa Địa ngục nhiều Tăng đạo*”, phần đông người thường trong xã hội tạo nghiệp địa ngục chẳng dễ, người xuất gia tạo nghiệp địa ngục quá dễ, tại sao vậy? Chẳng có hình tướng tốt thì bạn sẽ diệt Phật pháp, tội nghiệp này của bạn sẽ [là nhân]

đọa địa ngục A Tỳ. Tại sao? Dạy cho xã hội đại chúng hủy báng Phật pháp, người ta vừa nhìn hình dáng của bạn như vậy, khinh chê bạn, khinh thường bạn, hủy báng bạn, liền có thể hủy báng trọn hết cả Phật pháp, tội nghiệp này của bạn dễ sợ lắm! Chư Phật, Bồ Tát là mô phạm, hình tướng tốt nhất của chín pháp giới. Trưởng Giả Tử được xưng là Tử, mọi người tôn kính, là người có học thức, có đức hạnh, hình tướng của Phật có thể làm cho ông ta nhìn thấy Phật bèn khởi tâm cung kính, muốn đến học tập, bạn nói hình tượng này hoàn hảo biết mấy. Chúng ta ngày nay trong xã hội này chẳng xuất gia thì không sao, một khi bạn xuất gia rồi thì bạn nhất định phải học hình tướng của Phật, phải đầy đủ hình tướng của Bồ Tát. Nếu không thì tại gia học Phật cũng được, tạo tội làm chi! Tại sao phải làm chuyện báng Phật, báng Pháp, báng Tăng này! Việc này rất quan trọng.

Chúng tôi ngày nay giảng kinh Hoa Nghiêm rất dài, đến đoạn “*năm mươi ba lần tham vấn*” sau cùng không những yêu cầu người xuất gia, người tại gia học Phật cũng giống người xuất gia, đều phải làm hình tướng tốt nhất cho xã hội đại chúng. Nếu bạn làm không nổi, thì bạn chẳng phải là đệ tử Phật, là đệ tử mạo danh, Phật tử giả mạo, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, quả báo ở ba đường ác đáng sợ vô cùng, chúng ta không thể không biết việc này. Đã học Phật rồi thì tâm địa phải thanh tịnh, bình đẳng, giác, phải diệt trừ tham-sân-si. Nếu còn tranh quyền lợi với người, còn muốn cái này tốt, cái kia chẳng tốt, đó là tâm luân hồi, tạo nghiệp luân hồi. Nghĩ đến tâm Phật thanh tịnh bao nhiêu, mấy trần chẳng nhiễm, thường suy niệm về chân tướng của vũ trụ nhân sinh, chân tướng là tam tâm chẳng thể được, chư pháp vô sở hữu, thế nên ở trong và ngoài đều có thể đạt được thanh tịnh; bên trong một niệm chẳng sanh, bên ngoài mấy trần chẳng nhiễm, như vậy là Phật, Bồ Tát. Như vậy mới có thể sống đời sống chân chánh, chúng ta thường gọi là đời sống chân, thiện, mỹ, huệ thực sự, đời sống hạnh phúc mỹ mãn thực sự, một tí cũng chẳng giả, chư Phật, Bồ Tát sống đời sống như vậy. Chúng ta sống cuộc sống như thế nào? Bên trong khởi tâm động niệm, bên ngoài luôn luôn phan duyên, chúng ta sống đời sống đầy dẫy phiền não, nghiệp chướng, đời luân hồi, nói lời chẳng dễ nghe thì chính là đời sống của ác đạo. Chúng ta đọc đến câu này, Phật sắp vào phần thứ nhất trong nghiệp nhân của Địa Tạng Bồ Tát, dụng ý rất sâu! Chư vị bất luận là tại gia học Phật, hay xuất gia học Phật, nhất định phải làm một gương mẫu tốt cho xã hội, nhất định phải làm hình tướng tốt đẹp.

“*Thiên phước trang nghiêm*”, chẳng phải chỉ có ba mươi hai

tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Chúng ta không nói đến ngàn phước trang nghiêm, chỉ nói ba mươi hai tướng tốt, ba mươi hai tướng tốt từ đâu đến? Ba mươi hai tướng là tướng phước đức, bạn chẳng tu phước thì không được tướng hảo này. Thiện gồm có hữu lậu và vô lậu. Thiện vô lậu thì chúng ta làm không nổi, việc này quá cao, phiền não tập khí chúng ta chưa đoạn, phải học từ đâu? Bắt đầu từ thiện hữu lậu, nhất định phải đoạn ác tu thiện. Nếu chúng ta làm được tiêu chuẩn của thế gian pháp thì chúng ta là người thiện trong thế gian, là gương tốt cho thế gian. Tướng lười rộng dài của Phật thành tựu do công đức chẳng nói dối. Tư Mã Quang ở thời cổ Trung Quốc, đại khái phần đông người ta đều biết, biệt hiệu của Tư Mã Quang là Quân Thật, “*Quân tử thành thật*”, ông thực sự đã làm được. Lúc về già ông tự phản tỉnh, cả đời chẳng nói dối, ông nói những chuyện ông đã làm suốt cả đời đều là “Chẳng có chuyện gì không thể nói cho người ta biết”, cả đời chẳng làm một chuyện gì mờ ám, không làm một việc gì chẳng thể nói cho người ta biết. Ông cũng quy y Tam Bảo, là hình tướng tốt của người tại gia. Ngày nay chúng ta nói lời thành thật, đã học Phật được những gì! Mỗi ngày đọc tụng Đại Thừa, mỗi ngày phải hết lòng phản tỉnh, hết lòng kiểm điểm, chẳng kể kinh luận tụng được nhiều ít, cả đời làm được một câu, hai câu thì cả đời thọ dụng chẳng cùng tận.

Phật giảng cho chúng ta căn bản của sự tu hành, nói thật ra chính là “*tịnh nghiệp tam phước*”, tịnh nghiệp tam phước mở rộng ra chính là hết thấy Phật pháp; vô lượng vô biên Phật pháp cô đọng lại chính là mười một câu này, tuyệt đối chẳng thể xem thường. Mười một câu này cô đọng thêm nữa chính là một câu: “*Hiếu dưỡng cha mẹ*”. Ngàn kinh vạn luận, vô lượng vô biên pháp môn của chư Phật Như Lai đã tuyên nói đều chẳng vượt ra ngoài bốn chữ này. Chúng ta giảng Tam Học, Lục Hòa, Lục Độ, Thập Nguyên, các phương pháp tu hành đều biến thành hiện thực trên sự hiếu kính, trong đời sống hằng ngày của chúng ta, trên cách xử sự, đối người, tiếp vật, đây là học Phật thực sự. Học Phật thực sự phải thay đổi hình dáng, sửa đổi tâm niệm, hành vi, như vậy gọi là học Phật chân thật. Mỗi ngày đều đọc kinh, thậm chí mỗi ngày giảng kinh thuyết pháp, nhưng tâm vẫn chẳng sửa đổi, vẫn là tâm thế tục, vẫn là tâm luân hồi, vẫn là tâm tham-sân-si-mạn, như vậy thì làm sao được! Đó là giả, chẳng phải thật. Thực sự xả niệm, thanh tịnh, niệm niệm vì lợi ích cho chúng sanh, chẳng vì mình. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta đọc thấy, nếu vì mình thì Ngài trụ trong đại Niết Bàn, vậy thì tự tại biết mấy; nếu vì chúng sanh thì phải tùy loại hóa thân, chẳng màng khổ nhọc.

Đây là quan niệm của người thế tục chúng ta; Phật, Bồ Tát chẳng có khổ nhọc, tại sao chẳng có khổ nhọc? Vì các Ngài chẳng có Ta (vô ngã), có Ta mới có khổ nhọc, chẳng có Ta thì ai khổ nhọc? Chúng ta đọc đến câu này cảm khái muôn vàn, chúng ta làm thế nào để học giống hình tướng của Phật, Bồ Tát? Nếu chẳng hết lòng y giáo phụng hành thì làm sao được! Hãy xem đoạn kinh tiếp theo:

Thời Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai: “Cáo Trưởng Giả Tử, dục chứng thử thân đương tu cửu viễn độ thoát nhất thiết thọ khổ chúng sanh”.

時師子奮迅具足萬行如來。告長者子。欲證此身當須久遠度脫一切受苦眾生。

(Lúc đó Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai nói với: “Trưởng Giả Tử nếu muốn chứng được thân tướng này thì phải tu lâu đời hạnh độ thoát hết thấy chúng sanh thọ khổ”.)

Đây là nguyên do của Địa Tạng Bồ Tát bốn nguyên. Chư vị nhất định phải ghi nhớ, hiện nay đạo tràng xây dựng chẳng giống như lúc trước, lúc trước đúng như pháp, hết thấy tất cả chùa được xây đều phù hợp với nghĩa thú tiêu biểu pháp, hiện nay chẳng đủ điều kiện. Đạo tràng chính quy (theo đúng truyền thống) vừa bước vào cửa là điện Thiên Vương, nhìn thấy Di Lặc Bồ Tát trước nhất, Di Lặc Bồ Tát dạy bạn cái gì? “*Sanh tâm bình đẳng, hiện tướng vui vẻ*”²⁹. Phật pháp lấy việc từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa; Di Lặc Bồ Tát tượng trưng cho từ bi làm gốc, Tứ Đại Thiên Vương tượng trưng cho phương tiện, phương tiện làm cửa, điện Thiên Vương dạy chúng ta việc này. Bạn ở đạo tràng mỗi ngày đều phải đi qua cửa này, mỗi ngày tiếp nhận sự un đúc này, làm cho bạn từ từ thay đổi tâm ý. Ngày nay chúng ta có ai hiểu được? Ai có tâm từ bi? Ai có cửa phương tiện? Phương tiện chẳng phải là dạy chúng ta có đủ phương tiện, nghĩ vậy là sai rồi. Mà là tạo phương tiện cho hết thấy chúng sanh, tạo cho họ có được phương tiện, còn mình phải từ bi, hai việc này chẳng thể đảo lộn. Nếu nói họ từ bi còn mình được phương tiện, vậy thì bạn đã lộn ngược rồi. Do đó nhất định phải phát tâm, tâm này chính là Tâm Đại Bồ Đề, “*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”, đặc biệt là hết thấy chúng sanh đang chịu khổ nạn, chúng sanh chịu khổ nạn nghĩa là gì? Tức là lục đạo, đặc biệt chỉ ba đường ác. Chư vị phải biết,

²⁹ Nguyên văn: Sanh bình đẳng tâm, trình hỷ duyệt tướng.

chúng sanh trong ba đường ác ở đâu? Tức là ở xung quanh chúng ta, thậm chí bao gồm chính mình, tâm tham là cội ác quỷ, sân khuể là cội địa ngục, ngu si là cội súc sanh, tâm chúng ta là tham-sân-si, lời nói tham-sân-si, tất cả tạo tác đều chẳng lìa tham-sân-si, chúng ta đang tạo nghiệp tam ác đạo đấy.

Địa Tạng Bồ Tát có năng lực hóa thân đến ba đường ác độ thoát chúng sanh, ngày nay chúng ta chẳng có khả năng này; chúng ta không có khả năng ấy nên phải độ những chúng sanh còn chưa vào ba đường ác nhưng đang tạo nghiệp nhân của ba đường ác, chúng ta phải độ những người này. Phải biết những người này là chúng sanh khổ nạn, đừng cho rằng hiện nay trong số những người này có người giàu sang phú quý, người thế gian nghĩ rằng họ rất sang trọng, trong mắt Phật thì họ là chúng sanh trong ba đường ác. Chúng ta làm sao độ họ? Trước hết phải tự mình xả bỏ tham-sân-si, nếu chỉ nói suông thì không được, phải làm ra hình dáng cho họ coi. Tôi xả bỏ tham-sân-si, chẳng còn tham-sân-si, tôi sinh sống cũng rất tự tại, cũng không tệ gì, làm cho họ phản tỉnh từ những chỗ này, giác ngộ từ những chỗ này. Phía trước Phật nói phải tạo dựng hình tượng, bạn hãy xem sự tiêu biểu pháp trong đoạn đầu của kinh Hoa Nghiêm, thứ nhất là nói đến đại địa, tâm địa. Thứ hai là giảng về cây báu, ý nghĩa của cây báu là gì? Cây lập nên gương tốt nhất. Hết thấy chúng sanh ở cõi này, ở thế giới tha phương chẳng có ai không thích cây cối, hoa cỏ, Phật bèn dùng phương pháp này để thí dụ, chúng ta muốn một cây thật tốt đẹp, làm cho người ta tiếp xúc đến đều hoan hỷ. Hãy xem đoạn kinh tiếp theo:

Văn Thù Sư Lợi, thời Trưởng Giả Tử nhân phát nguyện ngôn: “Ngã kim tận vị lai tế bất khả kế kiếp, vị thị tội khổ lục đạo chúng sanh quảng thiết phương tiện tận linh giải thoát, nhi ngã tự thân phương thành Phật đạo”.

文殊師利。時長者子因發願言。我今盡未來際不可計劫。為是罪苦六道眾生廣設方便盡令解脫。而我自身方成佛道。

(Này Văn Thù Sư Lợi, lúc bấy giờ Trưởng Giả Tử nhân đó bèn phát nguyện rằng: “Từ nay cho đến vô tận kiếp chẳng thể tính ở đời vị lai, tôi sẽ vì chúng sanh đang chịu tội khổ trong lục đạo lập ra nhiều phương tiện, làm cho họ được giải thoát hết rồi tôi mới thành Phật đạo”.)

Trong đoạn kinh này chúng ta lại thấy đức Phật Thích Ca Mâu Ni kêu tên ngài Văn Thù Sư Lợi, không thể coi thường đoạn kinh văn này, chẳng thể sơ ý. Trưởng Giả làm gương tốt, làm mô phạm cho chúng ta, khuyên chúng ta phát tâm, ông nghe Phật dạy xong liền giác ngộ, quay về, và phát đại nguyện. “*Ngã kim tận vi lai tế, bất khả kế kiếp*”, đây là một thời gian dài, chẳng phải thời gian ngắn, những kiếp tận đời vị lai, nói cách khác thời gian vĩnh hằng, vô cùng vô tận. “*Vị thị tội khổ lục đạo chúng sanh*”, hoàn toàn tiếp nhận lời dạy của Phật vì chúng sanh khổ nạn, hết thấy chúng sanh tạo tác nhiều nhân khổ nhưng họ không biết, lúc quả khổ hiện tiền thì hối hận không kịp, đến lúc đó thì trở tay không còn kịp nữa. Trưởng Giả Tử phát tâm này, chính là Địa Tạng Bồ Tát. Ngày nay chúng ta đọc đến đoạn kinh này, có thể phát tâm này không? Nếu có thể phát tâm này thì chúng ta sẽ đạt được lợi ích chân thật nơi kinh Địa Tạng. Đời sống của chúng ta khổ, phải nghĩ đến những người khác trên thế gian này còn khổ hơn mình, chúng ta không sợ khổ, vì có khổ nên chúng ta mới thể hội đến hết thấy chúng sanh khổ. Nếu chúng ta sống trong hoàn cảnh rất giàu sang, khi người ta nói khổ thì mình chẳng thể hội được, chỉ khi mình đã từng trải qua sự khổ này rồi mới biết khổ là gì, tâm giúp đỡ khổ nạn chúng sanh mới thiết tha. Nếu chưa từng trải qua khổ nạn, bạn muốn vì khổ nạn chúng sanh nhưng chẳng thể nào thể hội được cái tâm ấy.

Thế nên Phật dạy chúng đệ tử: Một là “*dùng Giới làm thầy*”, hai là “*dùng Khổ làm thầy*”, đặc biệt là người xuất gia, sinh sống cực khổ tốt hơn, luôn thường ở trong tâm cảnh giác, một khi hưởng thụ thì không thể nào chẳng mê hoặc điên đảo được. Do đó nhất định phải hiểu, có phước, người xuất gia tu hành chân chánh nhất định sẽ có phước báo, phước báo đến thì đừng hưởng, nếu hưởng thì sẽ mê muội; khi phước báo đến thì phải chia sẻ cho hết thấy tội khổ chúng sanh trong lục đạo hưởng, được vậy thì bạn thực sự độ khổ. Mấy bữa nay chúng ta giảng kinh Hoa Nghiêm đến đoạn đức Phật Tỳ Lô Giá Na xây dựng Hoa Tạng thế giới chẳng để tự hưởng thụ, mà cho hết thấy những Bồ Tát phá một phẩm Vô Minh, chúng một phần Pháp Thân ở mười phương sát độ có chỗ an thân lập mạng, có một đạo tràng tốt để tu hành, cung ứng cho họ hưởng dụng, Phật chẳng hưởng thụ. Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật xây dựng Cực Lạc Tịnh độ cũng chẳng phải cho Ngài hưởng thụ, mà để cung ứng cho hết thấy người niệm Phật ở mười phương thế giới vãng sanh về đó tu hành hưởng dụng, đâu có để cho mình hưởng thụ? Đây đều làm ra hình tượng tốt nhất cho chúng ta thấy. Thế nên

những tổ sư đại đức có phước báo to lớn xây dựng đạo tràng xong tự mình có hưởng thụ không? Chẳng có, tự mình ở trong phòng “phương trượng”³⁰, chỉ là một căn phòng nhỏ, phước báo dành cho hết thầy thanh chúng (đại chúng thanh tịnh) hưởng thụ, đây là tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh. Chỉ cần là người chân chánh tu hành, nếu họ không có chỗ ở, khi họ đến nơi ấy chẳng bao giờ bị từ chối, chẳng khi nào không được tiếp đãi, thế nên mới gọi là thập phương thường trụ, thập phương đạo tràng, đâu có phải là vì danh văn lợi dưỡng của cá nhân. Phật dạy chúng ta, tự Ngài thị hiện làm gương cho chúng ta, một tí gì cũng chẳng giả dối, chúng ta nhìn thấy Ngài phát tâm, chẳng sợ thời gian dài, chẳng sợ công việc giáo học gian khổ.

“*Lập ra nhiều phương tiện, làm cho họ được giải thoát hết rồi tôi mới thành Phật đạo*”, đây tức là nói: “*Chúng sanh chẳng thành Phật, tôi chẳng thành Phật*”, cho nên Địa Tạng Bồ Tát vĩnh viễn thị hiện ở quả vị Bồ Tát. Ngày nay chúng ta thấy lời nói trong kinh này, mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai đều tham dự đạo tràng này, đều là do Địa Tạng Bồ Tát độ hóa, đã độ, đang độ. Đã độ, đã thành tựu là chư Phật, Ngài còn ở quả địa Bồ Tát. Học trò đều đã thành Phật, thầy giáo còn là Bồ Tát, các chư Phật này đối với thầy không ai chẳng đội ơn. Ngày nay đức Phật Thích Ca Mâu Ni muốn tuyên dương pháp môn Địa Tạng, họ đến dự hội tức là báo ơn, đền làm ảnh hưởng chúng. Có pháp hội nào tất cả chư Phật đều đến tham gia? Chẳng có đạo lý như vậy. Trong pháp hội này hết thầy chư Phật đều đến đầy đủ, làm trang nghiêm đạo tràng, trang nghiêm pháp hội, trang nghiêm pháp môn này, làm cho hết thầy chúng sanh cảnh giác đến pháp môn này thù thắng khôn sánh, không học pháp môn này thì không được, là cơ sở của hết thầy chư Phật thành Phật, là căn bản của việc thành Phật. Nếu bạn muốn xả bỏ pháp môn này thì bạn chắc chắn sẽ không thành tựu. Niệm Phật, nói thật ra chắc chắn cũng chẳng thể vãng sanh. Cả đời hể gặp đạo tràng vừa xây dựng xong mời tôi giảng kinh, bộ kinh đầu tiên tôi nhất định phải giảng là kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên. Có đất, chúng ta có mảnh đất, có đạo tràng là xây dựng cơ sở vật chất, Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên kinh là xây dựng tâm địa, như vậy mới tương ứng. Khi đạo tràng được xây dựng, được khôi phục thì bộ kinh đầu tiên phải giảng là gì? Nhất định phải là Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh.

³⁰ nghĩa là một trượng vuông = 10.89 m²

Dĩ thị ư bỉ Phật tiền lập tư đại nguyên, ư kim bách thiên vạn ức na-do-tha bất khả thuyết kiếp thượng vi Bồ Tát.

以是於彼佛前立斯大願。于今百千萬億那由他不可說劫尚為菩薩。

(Đã ở trước đức Phật đó mà lập đại nguyên như vậy nên đến nay đã ngàn vạn ức na-do-tha kiếp chẳng thể tính đếm mà vẫn còn làm Bồ Tát.)

Đây là việc chúng ta nên học tập. Thế Tôn nói ra nhân duyên của công án này, chúng ta phải thể hội dụng ý của Ngài sâu rộng vô hạn, việc giáo học của Ngài từ bi vô tận. Chúng ta biết rồi mới có thể làm theo, mới có thể nói đến việc báo ân, tri ân báo ân; nếu bạn lơ là niệm lướt qua, đoạn kinh này chẳng dài, sơ ý đọc qua thì chẳng có ích lợi. Hãy xem tiếp đoạn kế, đây là công án thứ nhì:

Hựu ư quá khứ bất khả tư nghị a-tăng-kỳ kiếp.

又於過去不可思議阿僧祇劫。

(Lại số chẳng thể nghĩ bàn a-tăng-kỳ kiếp về trước.)

Lúc này là sau lúc đại Trưởng Giả Tử, đại Trưởng Giả Tử là người thứ nhất, người đầu tiên.

Thời thế hữu Phật.

時世有佛。

(Lúc đó có Phật.)

Trong thế gian có một vị Phật.

Hiệu viết Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, bỉ Phật thọ mạng tứ bách thiên vạn ức a-tăng-kỳ kiếp.

號曰覺華定自在王如來。彼佛壽命四百千萬億阿僧祇劫。

(Hiệu là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, đức Phật đó thọ mạng bốn trăm ngàn ức a-tăng-kỳ kiếp.)

Từ thọ mạng của Phật có thể thấy phước báo của chúng sanh thời

đó rất lớn, thọ mạng là một trong những phước báo.

Tượng pháp chi trung hữu nhất Bà La Môn nữ, túc phước thâm hậu chúng sở khâm kính, hành trụ tọa ngọa chư thiên vệ hộ.

像法之中有一婆羅門女。宿福深厚眾所欽敬。行住坐臥諸天衛護。

(Vào thời tượng pháp có một cô gái dòng Bà La Môn, nhiều đời tích phước sâu dày, được mọi người kính nể, đi đứng nằm ngồi đều được chư thiên vệ hộ.)

Thọ mạng của Phật rất dài, nhưng duyên trụ thế giáo hóa chúng sanh đã hết, đức Phật bèn thị hiện diệt độ. Sau khi diệt độ giống như Thế Tôn của chúng ta vậy, sau khi Phật diệt độ thì pháp vận còn ba thời kỳ: Chánh Pháp, Tượng Pháp, Mạt Pháp. Thời Chánh Pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni dài một ngàn năm, sau khi Phật diệt độ một ngàn năm đầu tiên, Tượng Pháp là thời gian một ngàn năm sau đó, Mạt Pháp một vạn năm kế tiếp. Không cần biết là theo cách nói của người Trung Quốc hay cách của người ngoại quốc, hiện nay là thời Mạt Pháp, hai ngàn năm sau khi Phật diệt độ, đây là thời Mạt Pháp. Lúc Phật pháp truyền đến Trung Quốc nhằm thời Tượng Pháp. Trong kinh Phật có lời dự đoán, Phật nói thời Chánh Pháp thì Giới Luật thành tựu, tu học noi theo giới luật có thể chứng quả. Thời Tượng Pháp thì Thiền Định thành tựu, thế nên Thiền Tông của Phật giáo Trung Quốc vô cùng hưng thịnh. Vì nguyên nhân gì? Truyền đến nhằm thời kỳ Tượng Pháp, phù hợp với lời dự đoán của Thế Tôn, Thiền Định thành tựu. Thời Mạt Pháp thì Tịnh Độ thành tựu, căn tánh của con người chẳng bằng đời trước, tu Thiền chẳng những không thể khai ngộ, ngay cả đắc Định cũng không thể, chỉ có tu Tịnh Độ đời nghiệp vãng sanh mới có thể thành tựu. Trong kinh nói đây là Giác Hoa Định Như Lai, vào thời Tượng Pháp của Ngài có một cô gái dòng Bà La Môn, cô này cũng quy y Phật pháp, là người học Phật. “*Túc phước thâm hậu*”, chúng ta gọi là thiện căn sâu dày, nhiều đời quá khứ đã vun bồi phước, thiện căn rất sâu. “*Chúng sở khâm kính*”, khâm nghĩa là bội phục, đối với cô rất cung kính, đại chúng gặp cô, đoạn trước có nói hình tượng thù thắng, được phần lớn xã hội đại chúng tôn kính. “*Hành trụ tọa ngọa*”, đây là tứ oai nghi, đều đủ để làm gương tốt cho xã hội đại chúng, thế nên ngay cả thần trên trời cũng tôn kính cô. “*Chư thiên vệ hộ*”, ngày nay chúng ta gọi là thiên thần bảo hộ, giờ phút nào cũng chẳng lìa khỏi cô thì gọi là hộ vệ. Chư vị đồng tu phải biết xã hội

hiện nay người tạo ác nhiều, người làm việc thiện ít, thí dụ có một, hai người làm việc thiện, thiên thần hộ vệ sẽ đặc biệt nhiều; trước kia người thiện nhiều, thiên thần chia nhau hộ trì người hành thiện, số thiên thần hộ trì [cho mỗi người] sẽ không nhiều; hiện nay người ta đều làm ác, chỉ có một, hai người thiện, tất cả những thiên thần đều đến hộ vệ bạn (người thiện này). Thật đó, chẳng phải giả, [vậy thì] tại sao lại không tu thiện? Tại sao lại tạo ác? Chúng ta dứt ác tu thiện, không cầu Bồ Tát, không cầu Phật, cũng không cầu thiên thần, chư Phật tự nhiên hộ niệm, thiên thần tự nhiên hộ vệ, đâu cần chúng ta cầu họ! Chỗ này nói tin Phật quá khó, hiện nay người thế gian học Phật chẳng tin Phật, tại sao chẳng tin Phật? Đặc biệt là người xuất gia, Phật dạy chúng ta vạn duyên buông xuống, tất cả đều phải xả bỏ thì ngày mai làm sao sinh sống? [Nếu hỏi như vậy thì chính là] không tin Phật. Nếu bạn là người xuất gia chân chánh, tâm địa thanh tịnh, chẳng có một chút tâm mong cầu, đối với hết thầy pháp trong thế gian này chẳng phan duyên, nếu bạn bị đói chết, lạnh chết, nói cho chư vị biết tất cả thân hộ pháp đều phải bị cách chức và bị tra hỏi, đó là thật chẳng phải giả đâu. Nhưng mọi người chẳng tin tưởng, tự mình vẫn muốn phan duyên, tự mình làm, thân hộ pháp nhìn thấy bèn rất thích thú vì được tự tại, [họ nói:] Được lắm, tôi chẳng cần lo nữa, họ rất nhàn hạ, tự tại.

Có một năm tôi tại Cơ Long (Kuala Lumpur) Thập Phương Đại Giác Tự, lão hòa thượng thỉnh tôi giảng kinh Lăng Nghiêm nhằm lúc an cư mùa hạ. Giảng đường ở kế bên điện Vi Đà, tôi nói với mọi người, quý vị phải tin tưởng, đừng phan duyên, cứ ở trong chùa tu hành đàng hoàng, đừng làm kinh sám Phật sự, cũng đừng làm pháp hội, [nếu quý vị] đói chết, Bồ Tát Vi Đà sẽ bị cách chức và bị tra hỏi. Đâu có đạo lý ấy! Thế nên nói cả người xuất gia cũng chẳng tin Phật, thì bạn làm sao dạy cho đại chúng tin Phật! Chẳng có đạo lý này. Nếu chúng ta thực sự tin tưởng thì không sợ, Phật, Bồ Tát bảo hộ [lo lắng], thân hộ pháp hộ vệ, có thể đói một, hai bữa cũng chẳng sao, tuyệt đối sẽ chẳng bao giờ chết đói; chịu lạnh một chút, sẽ chẳng lạnh chết, Ngài (thân hộ pháp) nhất định sẽ đến. Nhất định phải có lòng tin, như vậy mới gọi là học Phật, mới gọi là chân chánh tin Phật; những gì bạn cần, khi nhân duyên chín muồi những gì mong cầu đều nhất định sẽ đến. Đạo lý này là do đại sư Chương Gia truyền dạy cho tôi, tôi có lòng tin đối với Ngài, Ngài chẳng lừa gạt tôi. Lúc đó đời sống của tôi vô cùng gian khổ, chẳng có tiền để cúng dường đại sư Chương Gia, tôi chẳng có khả năng ấy; Ngài biết, chẳng trách tôi, đối với tôi rất tốt, vô cùng từ bi, lo lắng. Mỗi tuần tôi gặp Ngài một lần,

lúc đó tôi phải đi làm, mỗi ngày Chủ Nhật gặp Ngài, xin Ngài chỉ dạy. Ngài cho tôi hai giờ đồng hồ mỗi tuần, lúc nào bận thì cho một giờ. Nếu một tuần, hai tuần tôi chẳng đến gặp, Ngài đều phái người kiếm tôi hoặc gọi điện thoại hỏi tôi: Tại sao không đến? Có bị bệnh gì không?, vô cùng quan tâm, chăm sóc, lòng thương mến đó làm cho tôi không thể không đi.

Đây là lời Ngài dạy tôi: “*Trong nhà Phật, có cầu ắt ứng*”, nếu bạn cầu không được là vì bạn có nghiệp chướng, khi nghiệp chướng tiêu trừ hết thì sẽ chẳng bao giờ không có cảm ứng. Nhưng nhất định phải cầu đúng như lý, như pháp, nếu bạn dùng tham-sân-si để cầu thì Phật, Bồ Tát sẽ chẳng giúp bạn tăng thêm tham-sân-si, sẽ chẳng giúp bạn tạo ác nghiệp. Nếu bạn thực sự làm việc thiện, vì chúng sanh, Phật, Bồ Tát cảm ứng đạo giao; nếu vì mình thì không được, nhất định sẽ chẳng có cảm ứng. Nếu vì mình mà có cảm ứng thì đó là Tà Ma; Ma thúc đẩy dục vọng của bạn, giúp bạn làm việc xấu. Phật, Bồ Tát sẽ chẳng giúp người đi làm chuyện ác, chỉ cho bạn thiện duyên chứ chẳng cho bạn ác duyên. Do đó có thể biết phạm những gì tăng trưởng dục vọng của chúng ta, tăng trưởng tham-sân-si, tự mình phải có cảnh giác cao độ, đó là ác duyên chứ chẳng phải thiện duyên. Nhưng khi người gặp được duyên này, chẳng bao giờ không ưa thích, không đọa lạc, không bị ma quỷ gạt, lọt vào vòng tay của ma, chúng ta phải có tâm cảnh giác cao độ về chuyện này. Thế nên lúc trẻ tuổi thân cận thiện tri thức rất tốt, gốc rễ đã được vun bồi, khi xử sự, đãi người, tiếp vật cả đời đều có tâm cảnh giác cao độ. Chúng ta muốn được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần hộ vệ thì phải học từ chỗ này. Hãy xem tiếp đoạn kinh phía sau:

Kỳ mẫu tin tà.

其母信邪。

(Mẹ cô tin tà đạo.)

Mẫu thân là ngoại đạo.

Thường khinh Tam Bảo.

常輕三寶。

(Thường khinh chê ngoi Tam Bảo.)

Tội nghiệp này rất nặng.

Thị thời Thánh Nữ quảng thiết phương tiện, khuyến dụ kỳ mẫu linh sanh chánh kiến, nhi thử nữ mẫu vị toàn sanh tín, bất cứu mạng chung, hồn thần đọa tại Vô Gián địa ngục.

是時聖女廣說方便。勸誘其母令生正見。而此女母未全生信。不久命終。魂神墮在無間地獄。

(Lúc đó Thánh Nữ lập nhiều phương tiện để khuyên nhủ mẹ, hầu làm cho bà sanh chánh kiến, nhưng bà chưa tin hoàn toàn, chẳng bao lâu thì bà mạng chung, thần hồn bị đọa vào địa ngục Vô Gián.)

Tri kiến của mẹ cô chẳng ngay thẳng, phiền não tập khí rất nặng. Đại khái thì cũng ít thấy hình tướng của người học Phật, Phật pháp trong thời Tượng Pháp suy thoái, hình tướng tốt của tứ chúng đệ tử trong thời Chánh Pháp còn nhiều, hình tướng tốt thời Tượng Pháp ít hơn. Thời Mạt Pháp lại càng ít nữa, càng hiếm hoi. Thế nên thời Mạt Pháp nếu chúng ta có thể chân chánh tu hành đúng như pháp thì chư Phật hoan hỷ gấp bội hơn thời Tượng Pháp, long thiên thiên thần hộ vệ cũng tăng gấp bội, hiếm có khó gặp. Chúng ta gặp được duyên thù thắng như vậy thì tại sao tự mình lại chà đạp mình? Như vậy thật là đáng tiếc, tạo tội nghiệp thì nhất định sẽ bị đọa lạc.

Tại sao bà khinh chê Tam Bảo, hủy báng Tam Bảo? Nói thật ra thì hình tướng của người xuất gia chúng ta không tốt. Tại sao thời Phật còn tại thế, đệ tử Phật được người trong xã hội từ quốc vương, đại thần, đến hết thảy đại chúng tôn kính. Nguyên nhân gì? Chúng ta phải nghĩ kỹ. Thời Mạt Pháp người xuất gia đi ra ngoài, người ta chẳng kính trọng bạn, kính chê bạn, ở một bên chỉ chỗ, chê cười bạn, như vậy là vì nguyên nhân gì? Chúng ta có thể trách người ta chẳng? Trách người là hoàn toàn sai lầm, hãy quay lại trách chính mình, tín hạnh của chúng ta, hình tướng của chúng ta chẳng đáng để xã hội đại chúng tôn kính. Bên trong còn tham-sân-si-mạn, bên ngoài chỗ nào cũng phan duyên, biểu hiện ra thực sự như mê tín, dẫn dắt xã hội đại chúng mê tín, vậy thì làm sao đáng để người ta tôn kính? Người ta dựa vào gì để tôn kính bạn? Người ta có tôn kính bạn thì đó cũng là mê tín, mê phù hợp với mê; giác tuyệt đối sẽ chẳng tương ứng với mê. Nhưng sự tạo tội nghiệp bất luận là bạn cốt ý hay vô ý, chắc chắn đều có quả báo. Không thể nói vô ý tạo thì không có quả báo, chẳng có việc này. Bạn hiểu pháp luật mà còn phạm pháp, không biết pháp luật mà phạm pháp thì cả hai đều phải chịu hình phạt, vẫn là có tội; không thể nói vì tôi không hiểu pháp luật nên tuy phạm pháp nhưng tôi không có tội; chẳng có chuyện như vậy, chẳng hợp lý.

Thế nên mẹ của cô Bà La Môn đọa địa ngục Vô Gián.

Thời Bà La Môn nữ tri mẫu tại thế bất tín nhân quả, kế đương đọa nghiệp tất sanh ác thú.

時婆羅門女知母在世不信因果。計當隨業必生惡趣。

(Lúc đó cô Bà La Môn biết mẹ cô khi còn sống chẳng tin nhân quả, nghĩ ắt phải theo nghiệp mà sanh vào đường ác.)

Con bà là người con hiếu, cô học Phật hiểu đạo lý, biết mẹ cô lúc còn sanh tiền chẳng tin nhân quả báo ứng. “Kế” là trong tâm suy nghĩ, trong tâm đang tính toán. Cô nghĩ cả đời mẹ tạo nghiệp, tương lai quả báo sẽ đi về đâu? Thiện nghiệp nhất định được thiện quả, ác nghiệp nhất định có ác báo, cô nghĩ mẹ cô tạo nghiệp nặng nề; hủy báng Tam Bảo, nghiệp này rất nặng.

Toại mại gia trạch quảng cầu hương hoa cập chư cúng cụ, ư tiên Phật tháp tự đại hưng cúng dường.

遂賣家宅廣求香華及諸供具。於先佛塔寺大興供養。

(Bèn bán nhà, đất, sắm nhiều hương hoa và những vật lễ cúng, rồi đem đến chùa tháp thờ Phật làm lễ đại cúng dường.)

Cô tu phước cho mẹ. “Ư tiên Phật tháp tự”, “tháp” là chỗ cất giữ xá-lợi của Phật, chỗ cúng dường xá-lợi Phật gọi là tháp. “Tự” là nơi giáo hóa chúng sanh. Bỏn ý của Tự, ý nghĩa của Tự được ghi trong Khoa Chú rất tường tận, làm sao giải thích ý nghĩa của chữ Tự ở đây? Nghĩa là tiếp nối, phần đông chúng ta gọi là hậu duệ, kéo dài, sự nghiệp này phải kéo dài vĩnh viễn về sau. Nơi này là nơi tiếp nối huệ mạng của Phật nên được gọi là Tự. Hiện nay người ta không hiểu ý nghĩa này. Hồi xưa những cơ quan dưới quyền nhà vua đều gọi là Tự, ý nghĩa là muốn cơ nghiệp đế vương được truyền mãi đến đời sau. Ý nghĩa này rất hay và cũng rất rộng, sự nghiệp giáo huấn chúng sanh của Phật là nhằm giúp đỡ hết thảy chúng sanh tu hành chứng quả, sự nghiệp này phải được vĩnh viễn liên tục chẳng dứt, nơi đây là để làm công việc này, nên được gọi là Tự.

Cúng Phật, phải ghi nhớ chỉ dùng tài vật của mình, nếu dùng tài vật của người khác để tu phước thì sai, tự mình chẳng được phước gì hết; nhất định phải dùng vật của mình, không thể dùng vật của người khác. Cô Bà La Môn chẳng có tài lực nên phải bán nhà rồi dùng tiền ấy

“sắm nhiều hương hoa và những vật lễ cúng” đem vào chùa cúng dường. Cách cúng dường này là hình thức, hình thức này chúng ta ngày nay rất nhiều, ai cũng biết. Hình thức cúng dường có hiệu quả hay chẳng? Phải coi cách dụng tâm bên trong và ngoài có tương ứng hay không? Nếu trong và ngoài tương ứng thì có công đức, nếu không tương ứng thì chẳng có công đức. Còn có nhiều người cúng dường nhưng lại tạo tội nghiệp, không những chẳng có phước mà lại là họa. Cúng dường như thế nào? Đến trước mặt Phật, Bồ Tát tu cúng dường to lớn, cầu phát tài, cầu thăng quan, trước bàn thờ Phật, Bồ Tát khăn vái khi được thăng quan, được phát tài thì sẽ trở lại cúng thêm nhiều nữa. Đặt điều kiện, hối lộ với Phật, Bồ Tát, coi Phật, Bồ Tát như tham quan, ô lại, cách cúng dường như vậy không những chẳng có phước mà lại tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp. Nếu Ngài phò hộ cho con được phát tài, con kiếm được một triệu thì nhất định sẽ đem một vạn đến cúng dường cho Ngài; Phật, Bồ Tát đâu có khờ như vậy, cho người này lời chín mươi chín vạn, đâu có đạo lý như vậy! Bạn xem Phật, Bồ Tát là hạng người nào? Thế nên cách cúng dường như vậy sẽ tạo nên vô lượng vô biên tội nghiệp, sẽ堕 vào tam ác đạo. Đừng thấy người ta đến tu cúng dường rồi cho là việc tốt, chưa chắc như vậy đâu, bạn phải biết động cơ của họ là gì rồi mới biết họ tạo phước hay họa. Cúng dường như vậy xong nhưng không được thăng quan, không phát tài nên quay lại trách móc, nói Phật, Bồ Tát này không linh, [họ nói:] Tôi cúng dường nhưng Ngài không phò hộ cho tôi phát tài, tôi oán hận, hủy báng Tam Bảo, tội nghiệp ấy càng tạo càng nặng. Chúng ta hãy xem đoạn kinh tiếp theo:

Kiến Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai kỳ hình tượng tại nhất tự trung, tổ họa oai dung đoan nghiêm tất bị.

見覺華定自在王如來其形像在一寺中。塑畫威容端嚴畢備。

(Thấy hình tượng của đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai trong một ngôi chùa đắp vẽ oai dung, đầy đủ đoan nghiêm.)

Đây là nói về cô Bà La Môn đến chùa miếu cúng dường, cúng Phật. Phật chẳng còn tại thế, lúc đó thuộc về thời Tượng Pháp nên trong các tự viện chỉ có hình tượng của Phật, tượng Phật đúc hoặc khắc; cúng dường trước tượng Phật, tượng Phật tạo rất trang nghiêm.

Thời Bà La Môn nữ chiêm lễ tôn dung, bội sanh kính ngưỡng.

時婆羅門女瞻禮尊容。倍生敬仰。

(Lúc đó cô gái Bà La Môn chiêm lễ tôn dung, bội phần kính ngưỡng.)

Đây là chân thành, những phẩm vật lễ cúng là vật bên ngoài, bên trong có tâm chân thành, hiển thị trong - ngoài nhý nhau. Cúng dường một chút phẩm vật giống nhý khi chúng ta gặp một ngýời nào đó, bất luận là ngýời thân hay ngýời lạ, lâu quá chẳng gặp thì khi gặp lại phải có một chút lễ vật, lễ vật chẳng quý ở chỗ nhiều hay ít chỉ dùng để biểu lộ ý cung kính. Biểu lộ chúng ta đối với người này chẳng quên, thường ghi nhớ trong tâm, biểu lộ lòng kính ngưỡng. Cúng Phật, và còn vì mẹ tu phước, thế nên tâm này càng chân thành, càng khẩn thiết; lòng chí thành có thể cảm, Phật bèn ứng, liền phát sanh cảm ứng đạo giao.

Tự niệm ngôn, Phật danh Đại Giác cụ nhất thiết trí, nhược tại thế thời ngã mẫu tử hậu, thăng lai vấn Phật tất trí xứ sở.

私自念言。佛名大覺具一切智。若在世時我母死後。儻來問佛必知處所。

(Thăm nghĩ rằng đức Phật là đáng Đại Giác đầy đủ hết thấy trí, nếu Phật còn tại thế thì sau khi mẹ tôi mất, nếu như tôi đến hỏi Phật ắt sẽ biết được nơi mẹ tôi thác sanh.)

Hận mình phước báo không đủ, chẳng sanh vào lúc Phật còn tại thế, mà sanh vào thời Tượng Pháp, Phật đã không còn tại thế. Nếu Phật còn tại thế thì Phật có đại trí huệ, đại thần thông, mình đến hỏi Phật sau khi mẹ mất rồi sanh đến cõi nào, Phật chắc chắn sẽ nói cho mình biết, tiếc là Phật chẳng còn. Trong tâm có “lời nói thăm”, không nhất định phải nói ra, trong tâm có ý niệm này, cho thấy cô có lòng hiếu thảo, muốn giúp mẹ thoát ly khổ nạn.

Thời Bà La Môn nữ thùỵ khắp lương cửu, chiêm luyến Như Lai.

時婆羅門女垂泣良久。瞻戀如來。

(Lúc ấy cô Bà La Môn cúi đầu khóc thăm rất lâu, chiêm ngưỡng quuyến luyến tôn tượng của Như Lai.)

Câu này hình dung lúc cô Bà La Môn trong tự viện, lòng ân cần,

nguyện vọng chí thành, khẩn thiết, từ câu này chúng ta có thể cảm thấy lòng thành của cô, khẩn thiết kỳ vọng, lòng thành như vậy có thể cảm.

Hốt văn không trung thanh viết: “Khập giả thánh nữ vật chí bi ai, ngã kim thị nhữ mẫu chi khứ xứ”.

忽聞空中聲曰。泣者聖女勿至悲哀。我今示汝母之去處

(Bỗng nghe trên không trung có tiếng nói: “Này thánh nữ đang khóc kia, thôi đừng bi ai quá, nay ta sẽ nói cho cô biết chỗ thác sanh của mẹ cô”.)

Chí thành thì sẽ linh, cảm động Phật đến chỉ dẫn cô.

Bà La Môn nữ hiệp chưởng hướng không nhi bạch không viết: “Thị hà thân đức khoan ngã ưu lự, ngã tự thất mẫu dĩ lai trú dạ ức luyến, vô xứ khả vấn tri mẫu sanh giới”.

婆羅門女合掌向空而白空曰。是何神德寬我憂慮。我自失母已來晝夜憶戀。無處可問知母生界。

(Thánh nữ chấp tay hướng lên hư không mà bạch rằng: “Chẳng hay thân đức nào đã giải bớt lòng âu lo của con như vậy? Từ khi mẹ con mất đến nay, ngày đêm thương nhớ, không có chỗ có thể hỏi mẹ con thác sanh về cõi nào”.)

Chữ “giới” tức là thế giới nào? Cõi nào trong thập pháp giới? Nẻo nào trong sáu nẻo? Cô vô cùng cảm kích sự cảm ứng này, cô chẳng biết tiếng nói này từ đâu phát ra? Cũng chẳng biết ai nói? Cho nên cô chỉ biết hướng lên không trung, âm thanh phát ra từ không trung, chẳng nhìn thấy hình tướng, chỉ nghe âm thanh. “Là vị thân đức nào?”.

Thời không trung hữu thanh tái báo nữ viết: “Ngã thị nhữ sở chiêm lễ giả, quá khứ Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Kiến nhữ ức mẫu bội ư thường tình chúng sanh chi phần, cố lai cáo thị”.

時空中有聲再報女曰。我是汝所瞻禮者。過去覺華定自在王如來。見汝憶母倍於常情眾生之分。故來告示。

(Lúc ấy trên không trung lại có tiếng nói cho cô biết: “Ta là người cô đang chiêm lễ, là quá khứ Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai,

thấy cô nhớ mẹ, nhiều hơn thường tình của chúng sanh nên Ta đến cho cô biết”.)

Chỗ này nói rõ nguyên nhân có thể cảm [đến chư Phật], đây thực sự là một người con gái có hiếu, chí thành có thể cảm đến Phật, người Trung Quốc thời xưa thường nói: “Hiếu cảm thiên địa”, cho nên cảm động Phật đến chỉ thị cho cô, làm cho cô mãn nguyện.

Bà La Môn nữ văn thử thanh dĩ, cử thân tự phác chi tiết giai tôn, tả hữu phù trì lương cứu phương tô, nhi bạch không viết: “Nguyện Phật từ mẫn tốc thuyết ngã mẫu sanh giới, ngã kim thân tâm tương tử bất cửu”.

婆羅門女聞此聲已。舉身自撲支節皆損。左右扶侍良久方穌。而白空曰。願佛慈愍速說我母生界。我今身心將死不久。

(Thánh nữ Bà La Môn nghe nói xong liền đứng dậy đập đầu lay xuống, khớp tay chân đều bị thương, được người bên cạnh đỡ dậy. Một lát sau cô mới tỉnh lại rồi bạch lên hư không: “Cúi xin đức Phật từ bi thương xót, mau cho con biết mẹ con sanh về chốn nào, nay thân tâm con đau xót đến cùng cực”.)

Biết âm thanh này là âm thanh của Phật, cảm động đến lễ lạy năm vóc sát đất, cách lễ này dùng toàn thân tiếp lễ, cho nên lạy xuống xong khớp tay chân đều bị thương; lạy vô cùng mãnh liệt, người thế gian thường nói là khấu đầu vang thành tiếng, cảm động đến cùng cực. Thế nên lúc lạy ngã xuống đất thì mê man bất tỉnh. Một lát sau mới tỉnh lại, vừa tỉnh lại liền cầu xin đức Phật nói cho biết chỗ mẹ thác sanh. Cô đau xót đến cùng cực, “tương tử bất cửu” là đau xót đến cùng cực.

Thời Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai cáo Thánh nữ viết: “Nhữ cúng dường tất đản tảo phẩn xá, đoan tọa tư duy ngã chi danh hiệu, tức đương tri mẫu sở sanh khứ xứ”.

時覺華定自在王如來告聖女曰。汝供養畢但早返舍。端坐思惟吾之名號。即當知母所生去處。

(Lúc ấy đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai bảo Thánh nữ: “Cô đã cúng dường xong, nên sớm về nhà, ngồi ngay ngắn nghĩ tưởng về danh hiệu của Ta, sẽ biết chỗ mẹ cô thác sanh”.)

Đức Phật chẳng trực tiếp nói cho cô biết mẹ cô hiện nay đang ở chỗ nào, mà dạy cô một phương pháp, làm theo phương pháp này thì cô nhất định sẽ biết.

Phương pháp gì?

Phương pháp niệm Phật.

Dạy cô, cô đã cúng dường xong hãy mau về nhà, về nhà xong nhất tâm chấp trì danh hiệu, cô hãy niệm Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, nhất tâm xưng niệm “*đoan tọa tư duy*”. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta: “*Nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền tương lai, nhất định thấy Phật*”. Tư duy tức là ức niệm, chẳng nói là miệng niệm, dùng chữ “*tư duy*”, ý nghĩa này sâu. Phần đông chúng ta niệm Phật là miệng niệm nhưng tâm không niệm, như vậy thì hết bể cổ họng cũng uổng công. Niệm Phật quan trọng nhất là trong tâm có Phật, tư duy mới là chân thật niệm Phật, trong tâm đích thật có Phật.

Thời Bà La Môn nữ tâm lễ Phật dĩ tức quy kỳ xá.

時婆羅門女尋禮佛已即歸其舍。

(Lúc ấy Thánh nữ Bà La Môn lễ Phật xong liền trở về nhà.)

Nghe Phật nói hãy mau về nhà, làm xong nghi thức cúng dường, hãy mau về nhà.

Dĩ ức mẫu cố đoan tọa niệm Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Kinh nhất nhật nhất dạ.

以憶母故端坐念覺華定自在王如來。經一日一夜。

(Vì nhớ mẹ nên cô ngồi ngay thẳng niệm Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Trải qua một ngày một đêm.)

Cô về nhà chân thật niệm, y giáo phụng hành, dùng tâm chân thành nhất tâm trì danh bèn có hiệu quả. “*Trải qua một ngày một đêm*”, đoạn thời gian này chẳng dài.

Hốt kiến tự thân, đáo nhất hải biên kỳ thủy dũng phát, đa chư ác thú tận phục thiết thân, phi tửu hải thượng đông tây trì trụ, kiến chư nam tử nữ nhân bách thiên vạn số xuất một hải trung, bị chư ác thú tranh thủ thực đạm.

忽見自身。到一海邊其水涌沸。多諸惡獸盡復鐵身。

飛走海上東西馳逐。見諸男子女人百千萬數出沒海中。被諸惡獸爭取食噉。

(Bỗng thấy thân mình đến một bờ biển, nước biển sôi sùng sục, có nhiều thú dữ toàn thân bằng sắt bay nhảy trên biển, chạy qua chạy lại đuổi nhau, lại thấy nhiều người trai và gái, số nhiều đến trăm ngàn muôn, thoạt chìm thoạt nổi trong biển, bị các thú dữ tranh giành ăn nuốt.)

Đây là cảnh giới trong định. Chư vị nên biết, vì sao Phật dạy cô làm cách này? Tại sao không trực tiếp nói cho cô biết rằng mẹ cô đang ở địa ngục? Nói cho chư vị biết [nếu Phật] trực tiếp nói cho cô ta chẳng có ích lợi gì hết, chẳng cứu nổi mẹ cô. Làm sao mới cứu nổi mẹ cô? Tự cô nhất định phải tu tập công đức thì cô mới có thể cứu mẹ. Một ngày một đêm, cô chuyên tinh, tâm địa chí thành, một ngày một đêm liền được nhất tâm bất loạn, trong hết thảy phương pháp tu hành, phương pháp này mau nhất. Tu pháp môn khác muốn đạt được công phu này rất khó. Pháp môn Niệm Phật dễ dàng, một ngày một đêm. Kinh Di Đà dạy “*nếu một ngày, nếu hai ngày, ... đến bảy ngày*”, cô niệm suốt một ngày một đêm được nhất tâm bất loạn, đạt được nhất tâm bất loạn nghĩa là chúng được Niệm Phật Tam Muội. Chư vị nên biết Niệm Phật Tam Muội có mức cạn sâu chẳng đồng, Hạ phẩm Niệm Phật Tam Muội là Công Phu Thành Phiến, Trung phẩm là Sự Nhất Tâm Bất Loạn, Thượng phẩm là Lý Nhất Tâm Bất Loạn, cô đạt được Sự Nhất Tâm Bất Loạn. Đến Sự Nhất Tâm Bất Loạn thì cô thành Bồ Tát, mẹ cô đương nhiên sẽ được độ. Tại sao chỉ một ngày công phu mà cô có thể chúng Nhất Tâm Bất Loạn? Nhờ duyên của mẹ, nếu mẹ cô chẳng đọa ác đạo thì cô sẽ chẳng tinh tấn như vậy, thế nên mẹ cô mới có phước. Mẹ cô giúp cô dụng công tinh tấn, tức khắc liền chứng đến quả vị Bồ Tát, mẹ cô được sanh lên trời là vì đạo lý này.

Nếu Phật chẳng dạy cô cách này mà [trực tiếp] nói cho cô biết mẹ cô đang ở cõi nào, cô khóc đến chết cũng vô ích. Phật chẳng thể độ mẹ cô, nếu Phật có thể độ thì chúng ta cần gì phải tu hành? Chẳng cần tu hành nữa, tất cả đều được Phật độ, nếu vậy thì Phật mới là đại từ đại bi, [nhưng] Phật chẳng thể độ. Chính cô mới có thể độ cho mẹ cô, nhờ mẹ tạo ra nhân duyên này nên cô mới hết lòng tu hành, chỉ trong một ngày có thể đạt đến nhất tâm bất loạn. Tại sao cô chân thành như vậy? Tinh tấn như vậy? Là vì tâm cứu mẹ của cô thiết tha đến cùng cực, nhờ sức mạnh này thúc đẩy, đạo lý là như vậy, từ đây bạn mới hiểu nguyên lý

của sự siêu độ trong nhà Phật là ở chỗ này. Trong sự siêu độ, nếu tâm của người làm việc siêu độ chẳng thật khẩn thiết, tự mình chẳng thể nâng cao cảnh giới của mình, chẳng thể tu hành chứng quả, thì người siêu độ (người quá vãng) này sẽ chẳng thu được lợi ích gì hết. Cô tu thành Bồ Tát, mẹ cô là mẹ của Bồ Tát, hơn nữa người mẹ này có công rất lớn, giúp cho cô tu thành Bồ Tát, thì mẹ cô đương nhiên sẽ từ địa ngục sanh lên trời, đây là đạo lý tự nhiên.

Thế nên việc siêu độ trong nhà Phật có lý luận của nó. Nếu không hiểu lý luận, cứ tưởng là niệm vài cuốn kinh thì có thể siêu độ, đâu có chuyện dễ dàng như vậy! Có nhiều người tạo tội nghiệp trong thế gian, đến phút cuối tự mình cũng lo sợ, đi kiếm vài vị pháp sư đến tụng kinh, tiêu tai, cầu siêu. Siêu độ chẳng nổi! Chẳng có hiệu quả. Nhưng nói chung có làm vẫn tốt hơn không làm, vẫn còn biết kiếm vài vị sư tụng kinh, hồi hướng, vẫn còn biết mình có tội. Nhưng phải biết hiệu lực của cách làm [trên hình thức] như vậy này rất kém, chẳng giúp gì được, chỉ có thể nói là trồng một chút thiện căn mà thôi, không có hiệu quả, phải làm như cô Thánh Nữ này mới có hiệu quả. Do đó nếu người con hiếu muốn siêu độ cho cha mẹ quá khứ hoặc thân bằng quyến thuộc thì phải hiểu đạo lý này. Thỉnh pháp sư tụng kinh siêu độ thì chính mình phải tham dự [vào buổi tụng kinh], tại sao vậy? Vì mình không quen thuộc nghi thức, không biết tụng, nên phải tụng theo pháp sư. Ai siêu độ? Tự mình siêu độ, pháp sư chỉ là người trợ duyên, hướng dẫn bạn làm việc này, tự bạn phải chân tâm sám hối, phải khế nhập cảnh giới, được vậy thì người mà bạn muốn siêu độ mới được độ, thực sự có phước. Nếu hoàn toàn giao việc siêu độ này cho các vị pháp sư, còn mình thì ở đó xem như chẳng có chuyện gì xảy ra, như vậy chẳng có tác dụng gì hết, chẳng có cảm ứng gì cả.

Thậm chí lúc tôi vừa mới học Phật, chưa xuất gia, cũng chưa quy y, chỉ vừa tiếp xúc đến Phật pháp, có một hôm đi chơi, đến chùa chơi, ngay lúc ấy trong chùa đang làm Phật sự, đại khái là siêu độ cho cha mẹ của một ông nọ. Pháp sư ở bên ngoài tụng kinh, người nhà ở phía trong cười giỡn, vui vẻ đánh bài tứ sắc, tôi nhìn thấy thật chẳng ra gì. Giống cái gì? Giống như cha mẹ chết đi rất tốt, cả nhà rất vui vẻ, cả nhà chẳng có tâm niệm bi thương gì cả. Đến lúc kêu ra lạy, pháp sư kêu: “Đến đây! Các vị ra lạy một cái đi!” Người nhà nói: “Dạ, mau mau đi ra lạy”. Lạy xong vừa trở vô bèn ngồi ngay vào bàn đánh bài tiếp, thật chẳng ra giống gì, người hiện nay chẳng hiểu lễ nghĩa gì cả, chẳng hiểu chân tướng sự thật, vô cùng đáng thương, thật đúng như trong kinh Phật gọi họ là

những người đáng thương xót, chúng ta phải thể hội ý nghĩa của câu này.
Đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây thôi.

Tập 07 (Số 14-12-07)

Xin mở kinh. Lần trước giảng tới đoạn đức Phật dạy cô Bà La Môn dùng pháp môn Niệm Phật sẽ biết được mẹ mình sau khi chết thân hồn thác sanh vào cõi nào. Chúng ta biết Phật pháp Đại Thừa, Tiểu Thừa, pháp môn vô lượng vô biên, môn nào cũng có thể thành Vô Thượng Đạo. Tại sao Phật chẳng dạy cô dùng phương pháp Tham Thiền, Trì Giới, Trì Chú? Tại sao không dạy những pháp môn này mà lại đặc biệt dạy pháp môn Niệm Phật, chúng ta nhất định phải hiểu hàm ý ở đây. Bất cứ pháp môn nào cũng có thể đạt được Định, đều có thể khai Huệ, tổng cương lĩnh của việc tu học Phật pháp tức là Định, Huệ, chư vị nhất định phải hiểu việc này. Cho nên vô lượng pháp môn đều là phương pháp tu Định, Huệ, đều là cánh cửa để khai trí huệ, phương pháp và cửa vào chẳng giống nhau, nhưng mục tiêu đạt được hoàn toàn giống nhau. Trong ấy đích thật có sự sai khác dựa trên căn tánh khó hay dễ, duy chỉ có pháp môn Niệm Phật là bao trùm cả ba căn, bất luận là lợi căn [hay] độn căn, hơn nữa thành tựu nhanh chóng, ổn thỏa, thích đáng, dễ dàng, thế nên Phật dùng pháp môn này để dạy cô. Cô quả thật rất giỏi, nếu nói theo pháp môn của chúng ta, cô thuộc về người hạng căn tánh thượng đẳng; vì cô chỉ niệm một ngày một đêm liền đạt được nhất tâm bất loạn, được Định. Trong Định, cảnh giới hiện tiền, chỉ có cô mới có thể nhìn thấy. Nếu Phật nói cho cô biết mẹ cô đã sanh lên trời Đao Lợi được ba ngày rồi, chưa chắc cô có thể tin tưởng, vì chẳng chắc thật. Cô nghĩ có lẽ Phật thấy cô rất đáng thương nên an ủi mình, chưa chắc đã là thật. Nhưng Phật chẳng nói dối, nhất định phải là thật. Lòng tin này chẳng chắc thật. Cô đích thân đến địa ngục để xem, thế thì chẳng nói lời nào được nữa.

Hơn nữa mẹ cô làm sao có thể sanh lên trời? Nhất định chẳng do Phật lực, hôm qua [tôi] đã nói với chư vị. Nhờ tăng thượng duyên của mẹ giúp cho cô dừng mãnh tinh tấn, nội trong một ngày có thể thành tựu Niệm Phật Tam Muội, mẹ cô nhờ công đức này nên được sanh lên trời. Nếu cô chẳng thể dừng mãnh tinh tấn, chẳng đạt được Niệm Phật Tam Muội, thì mẹ cô chẳng được phước lớn như vậy. Phước của mẹ cô lớn hay nhỏ là dựa trên công phu tu trì của cô sâu hay cạn. Lý luận này mới hợp tình, hợp lý, hợp pháp. Thế nên thời xưa khi con cháu đỗ đạt vinh

hiển, cha mẹ và tổ tiên của người ấy đều được triều đình phong thưởng; tại sao triều đình phải phong thưởng cha mẹ, tổ tiên? Chúng ta thấy trong lịch sử khi triều đình phong quan, tước cha mẹ của người ấy chẳng còn tại thế, đã qua đời, đều phong tước vị cho cha mẹ bằng với tước vị của người ấy. Tại sao? Người ấy là hiếu tử, thành tựu của ông ấy là nhờ cha mẹ dạy dỗ, ông ấy vì muốn báo ân cha mẹ nên mới dùng mãnh tinh tấn; cha mẹ, ông bà đối với ông ấy đều là tăng thượng duyên thiện, là đạo lý như vậy nên triều đình mới phong thưởng. Đi khắp nơi trong các cõi nước của chư Phật, hư không pháp giới, đạo lý này đều được hết thảy chúng sanh khẳng định, chân lý vĩnh hằng chẳng thay đổi chính là ở chỗ này. Đọc kinh này xong chúng ta mới biết làm sao siêu độ, siêu độ sẽ được lợi ích gì, đây là thật chẳng giả.

Kinh Địa Tạng là kinh căn bản của Đại Thừa Phật pháp, thật ra phải giảng kỹ nhưng thời gian có hạn, chúng tôi chỉ giảng hai mươi buổi, bốn mươi giờ, chẳng thể nói kỹ. Tương lai chúng tôi nhất định sẽ tìm thời gian giảng kỹ hơn, đây là pháp căn bản cho sự tu học của chúng ta, nhất định không được coi thường. Chúng ta xem tiếp kinh văn:

Thời Bà La Môn nữ tâm lễ Phật dĩ tức quy kỳ xá, dĩ ức mẫu cố.
時婆羅門女尋禮佛已即歸其舍。以憶母故。

(Lúc đó Thánh Nữ Bà La Môn lễ Phật xong liền trở về nhà. Vì nhớ mẹ.)

Câu này quan trọng. Tại sao có thể y giáo phụng hành? Tại sao có thể “ngồi ngay ngắn niệm”, ngồi ngay ngắn tức là dùng tâm chân thành, nhất tâm niệm Phật. “*Vì nhớ mẹ*” tức là phát tâm Bồ Đề, tương ứng với nguyên tắc của kinh Vô Lượng Thọ: “*Phát Bồ Đề Tâm, Nhất hướng chuyên niệm*”.

Đoan tọa niệm Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Kinh nhất nhật nhất dạ.

端坐念覺華定自在王如來。經一日一夜。

(Ngồi ngay thẳng niệm Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Trải qua một ngày một đêm.)

Cô không ngủ, không nghỉ! Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chúng ta thấy pháp sư Oánh Kha đời Tống, truyện ký ghi vị tỷ-kheo phá giới này đã làm rất nhiều ác nghiệp. Ưu điểm của ông là tự mình biết đã

tạo ác quá nhiều nên tương lai nhất định sẽ đọa địa ngục. Đã biết rồi tại sao còn tạo nghiệp? Vì tập khí quá nặng, khi gặp ác duyên chẳng thể tự kiềm chế. Nhưng ông biết tương lai đọa địa ngục rất dễ sợ, nghĩ đến quả báo này nên ông rất sợ. Ông hỏi những đồng tham đạo hữu, họ cho ông một cuốn Vãng Sanh Truyện. Coi xong ông rất cảm động, đóng cửa lại niệm Phật, không ngủ, không ăn, cũng không uống nước, niệm suốt ba ngày ba đêm, A Di Đà Phật đến. Kinh Di Đà nói nếu [niệm] một ngày, nếu hai ngày, nếu ba ngày đến bảy ngày, chúng ta thấy được, đây là thật chẳng giả. Chúng ta niệm Phật hết bảy ngày, niệm hết bảy lần bảy ngày nhưng cũng không thấy Phật, đó là vì chẳng đúng như pháp, vừa niệm vừa khởi vọng tưởng, tạp niệm, cho nên chẳng có cảm ứng. Niệm Phật đúng cách thì một tạp niệm cũng chẳng có. Giống pháp sư Oánh Kha vì sợ đọa địa ngục, cứu mạng khẩn cấp nên chẳng khởi một tạp niệm, đây là người có căn tánh hạng trung bình. Thánh Nữ Bà La Môn là người thượng căn, một ngày một đêm liền thành tựu, pháp sư Oánh Kha ba ngày ba đêm thành tựu, chí thành khẩn thiết cảm động Phật đến ứng. Đây là một ngày một đêm đạt được Niệm Phật Tam Muội, được Sự Nhất Tâm Bất Loạn.

Hốt kiến tự thân, đáo nhất hải biên kỳ thủy dũng phát, đa chư ác thú tận phục thiết thân, phi tảo hải thượng đông tây trì trục. Kiến chư nam tử nữ nhân bá thiên vạn số xuất một hải trung, bị chư ác thú tranh thủ thực dạm.

忽見自身。到一海邊其水涌沸。多諸惡獸盡復鐵身。飛走海上東西馳逐。見諸男子女人百千萬數出沒海中。被諸惡獸爭取食噉。

(Bỗng thấy thân mình đến một bờ biển, nước biển sôi sùng sục, có nhiều thú dữ toàn thân bằng sắt bay nhảy trên biển, chạy qua chạy lại đuổi nhau, lại thấy nhiều người trai và gái, số nhiều đến trăm ngàn muôn, thoạt chìm thoạt nổi trong biển, bị các thú dữ tranh giành ăn nuốt.)

Đây là cảnh giới trong Định, cô thấy được hiện tượng địa ngục, thấy những người này đang thọ tội, chúng ta xem đoạn kinh tiếp theo:

Hựu kiến Dạ Xoa.

又見夜叉。

(Lại thấy Dạ Xoa.)

Dạ Xoa là ác quỷ trong địa ngục.

Kỳ hình các dị.

其形各異。

(Hình dáng khác nhau.)

Hình dáng kỳ quái.

Hoặc đa thủ đa nhãn đa túc đa đầu, khẩu nha ngoại xuất lợi nhận như kiếm.

或多手多眼多足多頭。口牙外出利刃如劍。

(Hoặc nhiều tay nhiều mắt, nhiều chân nhiều đầu, răng mọc chìa ra ngoài, bén nhọn như gươm.)

“Lợi nhận như kiếm” [ý] nói răng của họ bén nhọn.

Khu chư tội nhân sử cận ác thú.

驅諸罪人使近惡獸。

(Lùa những tội nhân đến gần thú dữ.)

Thú dữ trong địa ngục rất nhiều, đều đang ăn thịt tội nhân. Đương nhiên tội nhân nhìn thấy thú dữ thì chạy! Những quỷ Dạ Xoa xua đuổi, bắt những tội nhân này lại cho thú dữ ăn thịt, không phải chỉ xua đuổi mà thôi.

Phục tự bác quặc.

復自搏攫。

(Lại tự chụp bắt.)

“Bác quặc” là đánh bằng roi, lôi kéo rồi liệng.

Đầu túc tương tựu, kỳ hình vạn loại bất cảm cửu thị.

頭足相就。其形萬類不敢久視。

(Túm quắp đầu và chân lại, hình trạng muôn thứ, chẳng dám nhìn lâu.)

“*Chẳng dám nhìn lâu*”, không nhẫn tâm nhìn thấy cảnh ấy, nhìn thấy trong lòng tê tái. Đây là cảnh tượng những người tạo ác nghiệp trong thế gian này, đọa địa ngục chịu khổ. Thánh Nữ Bà La Môn đích thân nhìn thấy. Đoạn kinh kể tiếp:

Thời Bà La Môn nữ dĩ niệm Phật lực cố tự nhiên vô cù.

時婆羅門女以念佛力故自然無懼。

(Lúc ấy Thánh nữ Bà La Môn nhờ sức niệm Phật nên tự nhiên không sợ hãi.)

Cô nhìn thấy hiện tượng địa ngục, nhờ sức Niệm Phật Tam Muội giúp cô nhìn cảnh tượng này mà chẳng sợ hãi. Nhưng khởi lòng thương xót, chẳng nhẫn tâm nhìn thấy trạng thái bi thảm này. Vào đến địa ngục, trong ấy cũng có người đến tiếp chuyện với cô.

Hữu nhất quỷ vương danh viết Vô Độc, khể thủ lai nghinh bạch Thánh Nữ viết: “Thiện Tai Bồ Tát! Hà duyên lai thử”.

有一鬼王名曰無毒。稽首來迎白聖女曰。善哉菩薩何緣來此。

(Có một quỷ vương tên là Vô Độc, cúi đầu nghinh đón, hỏi Thánh Nữ rằng: “Lành thay, Bồ Tát! Duyên gì đến đây?”.)

Cảnh giới địa ngục chỉ có hai hạng người thấy được: Một là tội nhân đến đó để chịu tội; hai là Bồ Tát đến đó độ hóa chúng sanh, chỉ có hai hạng người này. Trừ hai hạng này ra, địa ngục ở ngay trước mặt bạn cũng chẳng nhìn thấy. Lúc trước lão cư sĩ Châu Kính Trụ kể cho tôi nghe một câu chuyện, chuyện này có thật, cụ viết trong sách của cụ. Nhân vật chính trong câu chuyện này là cha vợ của cụ, tức là ông Chương Thái Viêm. Lúc ông Chương còn sống đã từng làm chức phán quan cho Đông Nhạc đại đế, dùng cách nói hiện nay tức là Bí Thư trưởng, địa vị rất cao ở Trung Quốc. Địa vị của ông Chương chỉ thấp hơn Diêm La vương, Diêm La vương cũng giống như ông vua cai trị toàn quốc, còn ông giống như một Chư Hầu, cai trị một vùng, lớn hơn một tỉnh và trong đó có năm ngục, năm ngục này có đại quỷ vương, quản trị năm sáu tỉnh. Ông Chương là một người học Phật, biết hình phạt trong địa ngục rất thâm, vô cùng tàn khốc. Ông có tâm nhân từ, một ngày nọ đề nghị với đại đế Đông Nhạc xin phế trừ hình phạt Bào Lạc

trong địa ngục; Bào Lạc là gì? Đốt cột sắt cho nóng đỏ lên rồi bắt tội nhân ôm cột, vô cùng tàn khốc, chúng ta gọi là hình phạt chẳng nhân đạo, hy vọng đại đế Đông Nhạc có lòng nhân từ, phế bỏ hình phạt tàn khốc này. Đại đế Đông Nhạc chẳng nói gì hết chỉ sai hai tiểu quỷ dẫn ông Chương đi đến chỗ xử phạt để xem. Ông Chương liền đi theo hai tiểu quỷ này, đại khái là đi hết một đoạn đường rồi hai tiểu quỷ này nói với ông: “Tới rồi, chỗ xử phạt ở đó kìa”. Ông nhìn về phía ấy nhưng không thấy gì cả, lúc đó ông mới vỡ lẽ, tự nhiên hiểu được. Kinh Phật nói đây là cảnh giới do nghiệp lực biến hiện ra, chẳng phải do Diêm La vương thiết lập, Diêm La vương chẳng có cách gì phế trừ, là do nghiệp lực biến hiện ra, từ đây mới hiểu đạo lý giảng trong kinh Phật.

Những cảnh giới trong địa ngục này, những dụng cụ tra tấn, dũa xoa, ác quỷ đều là hình tướng do ác nghiệp của mình biến hiện tạo nên, cũng như nằm mộng vậy; Tướng có nhưng Thể không, Sự có nhưng Lý không, cảnh tượng sai khác muôn vàn, đều là do ý niệm vọng tưởng biến hiện ra. Thế nên Phật dạy rất hay: “*Hết thấy pháp từ tâm tướng sanh*”, tam ác đạo cũng từ tâm tướng sanh, tại sao trong tâm có ác niệm! Chúng ta hiểu được đạo lý này rồi mới biết. Nếu chẳng muốn nhìn thấy tam ác đạo thì nhất định phải dứt trừ những ác niệm trong tâm, không những không thể nói lời ác, thân không thể tạo ác nghiệp, ý niệm cũng không được khởi lên. Hết thấy pháp từ tâm tướng sanh, hết thấy cảnh giới đều là pháp, chẳng có một chuyện gì chẳng từ tâm tướng sanh.

Người có định lực nhìn thấy, Thánh nữ Bà La Môn vừa chứng Niệm Phật Tam Muội vì cô nhớ mẹ nên cảnh giới này liền hiện ra. Quỷ vương Vô Độc đến tiếp đón cô. Khễ thủ là lễ bái, tiếp đón cô rất lễ phép. Hỏi cô: “*Lành thay Bồ Tát*”, “*thiện tai*” là xưng tán, hiếm có dịp được Bồ Tát quang lâm đến địa ngục, “*chẳng biết vì nguyên nhân gì mà Ngài đến đây?*”. Xin xem tiếp kinh văn:

Thời Bà La Môn nữ vấn quỷ vương viết: “Thử thị hà xứ? Vô Độc đáp viết: “Thử thị Đại Thiết Vi sơn Tây diện đệ nhất trùng hải”.

時婆羅門女問鬼王曰。此是何處。無毒答曰。此是大鐵圍山西面第一重海。

(Lúc đó Thánh nữ Bà La Môn hỏi quỷ vương: “*Đây này là nơi nào?*” Vô Độc trả lời: “*Đây là tầng biển thứ nhất ở phía Tây núi Đại Thiết Vi*”).

Đây là cảnh giới cô nhìn thấy. “*Núi Đại Thiết Vi*” rốt cuộc là ở

chỗ nào? Trong kinh Phật nói ở chính giữa Tứ Đại Bộ Châu là núi Tu Di, núi Tu Di rốt cuộc là ở đâu? Bảy tầng núi, tám tầng biển, bảy tầng núi ở đâu? Trong kinh nói biển nước mặn, chúng ta hiện nay thấy nước biển có vị mặn. Cảnh Phật nói chẳng phải cảnh giới của phàm phu chúng ta, phàm phu chúng ta chẳng nhìn thấy. Chuyện này có thật không? Chắc chắn là thật. Tại sao chúng ta chẳng nhìn thấy? Chúng ta chẳng có khả năng đột phá các tầng lớp không gian, nếu chúng ta có công phu định lực, có thể nhìn thấy không gian bốn chiều, năm chiều, sáu chiều, thì những chân tướng sự thật này sẽ phơi bày trước mắt. Địa ngục này, tầng biển thứ nhất ở phía Tây của núi Thiết Vi, Thánh nữ có thể nhìn thấy trong Định, giới hạn trong Định đã bị đột phá. Chúng ta biết ở Trung Quốc vào đời Đường, đại sư Trí Giả đọc kinh Pháp Hoa nhập Định, trong Định, Ngài nhìn thấy núi Linh Thứu, thấy đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh Pháp Hoa ở núi Linh Thứu, Ngài còn ở lại nghe một buổi. Đây là nói trong lúc nhập Định, Ngài đã siêu việt thời gian. Đại sư Trí Giả cách Phật Thích Ca khoảng một ngàn bảy trăm năm, đây là nói Ngài có thể quay trở về quá khứ; tự mình ở núi Thiên Thai, ngồi ở đó như như chẳng động, Ngài có thể nhìn thấy núi Linh Thứu ở Ấn Độ, đây là siêu việt không gian. Do đó chỉ cần có công phu định lực, trong Định chẳng còn phân biệt, chấp trước nữa thì có thể đột phá thời gian và không gian. Thời quá khứ và hiện nay, có nhiều người tu Định đều có khả năng này, đây là việc chúng ta có thể tin được. Huống chi là Thánh nữ Bà La Môn chân thành, khẩn thiết, dũng mãnh tinh tấn, đạt được Niệm Phật Tam Muội, thế nên cô nhìn thấy cảnh giới địa ngục. Hãy xem đoạn kinh tiếp theo:

Thánh nữ vấn viết: “Ngã văn Thiết Vi chi nội, địa ngục tại trung thị sự thật phủ?”.

聖女問曰。我聞鐵圍之內。地獄在中是事實不。

(Thánh nữ hỏi: “Tôi nghe trong núi Thiết Vi có địa ngục, việc ấy có thật không?”.)

“Tôi nghe” nghĩa là lúc trước thường đọc kinh, nghe kinh, nghe trong kinh Phật nói biển lớn trong núi Thiết Vi có đại địa ngục. Hỏi rằng “Đó phải là sự thật hay chẳng?” Từ đây có thể thấy tuy thường nghe kinh, thường đọc kinh, cũng tin tưởng lời Phật giảng, nhưng vẫn đánh dấu hỏi như thường. Nếu không hoài nghi, đến chỗ này còn hỏi quở vương làm gì! Chẳng cần hỏi họ. Do đó mới biết khó xây dựng lòng tin

dường nào, trong kinh điển Đại Thừa, đại kinh đại luận như Hoa Nghiêm, Đại Trí Độ Luận, đức Phật nhiều lần nói rõ lòng tin rất khó được, “lòng tin là mẹ của công đức, cội nguồn của đạo”³¹. Cội nguồn của Bồ Tát tu hành chứng đạo là ở tại lòng tin, lòng tin chân chánh được xây dựng, chẳng lay động thì tu hành chứng quả đâu cần ba đại a-tăng-kỳ kiếp? Chẳng cần lâu như vậy. Lòng tin của phàm phu chúng ta được gọi là “đạo tâm như sương móc” (lộ thủy đạo tâm), rất dễ bị lay động, một cơn gió thổi nhẹ thì lòng tin bay mất tiêu rồi, vậy thì còn thành tựu gì nữa! Trong kinh chúng ta đọc được rất nhiều, chúng ta cũng thấy rất nhiều, từ xưa đến nay thế pháp, Phật pháp, bất hiếu cha mẹ, bội sự phản đạo, nếu có thành tựu thì đều lọt vào Ma đạo, sau này chẳng thành tựu trong Phật đạo, mà là [thành tựu trong] Ma đạo, chúng ta tin hay không? Những thứ này đều do Phật nói trong kinh, là do Ma nhiếp trì. Chánh pháp nhất định là từ hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, y theo lời dạy mà tu học đúng như lý, như pháp thì mới thành tựu. Đây là chuyện chúng ta không thể không hiểu khi đọc kinh luận Đại Thừa, không thể không lắng lòng thể hội. Hãy xem tiếp câu trả lời của Vô Độc:

Vô Độc đáp viết: “Thật hữu địa ngục”.

無毒答曰。實有地獄。

(Vô Độc trả lời: “Địa ngục có thật”.)

Trả lời một cách vô cùng khẳng định, đích thật là có địa ngục. Nói thật ra trong sáu nẻo, những nẻo khác tạo ác ít, cơ hội tạo ác ít, còn trong thế gian này cơ hội tạo ác quá nhiều. Thiên nhân thì hiếu thiện hiếu đức, chỉ có A Tu La tập khí chưa đoạn vẫn còn tiếp tục tạo ác. Chúng sanh trong ác đạo, chúng ta gọi là cồi súc sanh, cồi ngạ quỷ, cồi địa ngục chỉ có thọ tội, hoàn toàn không có cơ hội tạo ác. Cơ hội tạo ác trong cồi ngạ quỷ và cồi súc sanh đều ít, rắn độc thú dữ tâm ác độc nhưng nó cũng sát hại chúng sanh khác loại, sự sát hại rất hạn chế, trong một đời nó có thể sát hại bao nhiêu sanh mạng? Chúng ta coi những thú dữ như sư tử, hổ, khi chúng nó ăn no rồi, những con thú nhỏ ở kề bên đi tới đi lui, hình như nó không nhìn thấy vậy. Chúng ta xem thấy trong chương trình “Động vật kỳ quan” trên TV, cả đời nó sát sanh cũng ít, đâu có bằng con người! Con người giết hại sanh mạng không nhất định là vì miếng ăn, thế nên rất dễ tạo nghiệp. Người giết người không phải vì muốn ăn thịt

³¹ Nguyên văn: Tín vi đạo nguyên công đức mẫu.

người, ngày nay những vũ khí nguyên tử, một trái bom nguyên tử dội xuống có thể giết hại mấy trăm ngàn người, mấy triệu người, bạn nói tội nghiệp này nặng bao nhiêu! Họ làm sao không dọa địa ngục cho được! Địa ngục từ đâu đến? Từ ác nghiệp biến hiện nên, tuyệt chẳng phải do Phật tạo ra, cũng chẳng phải do quỷ thần tạo ra, mà do nghiệp lực của mình biến hiện ra. Chúng ta xem kinh văn:

Thánh nữ vấn viết: “Ngã kim vân hà đắc đáo ngục sở?”.

聖女問曰。我今云何得到獄所。

(Thánh nữ hỏi: “Tôi làm thế nào đến được địa ngục này?”.)

Thánh nữ hỏi Vô Độc quỷ vương: “Tại sao tôi lại đến chỗ này?” Chính cô cũng cảm thấy rất kinh ngạc.

Vô Độc đáp viết: “Nhược phi oai thần tức tu nghiệp lực, phi thử nhĩ sự chung bất năng đáo”.

無毒答曰。若非威神即須業力。非此二事終不能到。

(Vô Độc trả lời: “Nếu không phải oai thần thì phải là nghiệp lực. Ngoài hai sức này ra thì trọn chẳng thể đến được”.)

Vậy là đã nói rõ, giống như lúc nãy chúng ta nói về chuyện của ông Chương Thái Viêm, ông Chương chẳng tạo nghiệp địa ngục và cũng chẳng phải Bồ Tát nên địa ngục ngay trước mặt nhưng ông không nhìn thấy. Nếu chẳng phải hai nguyên nhân này, đi vô địa ngục cũng chẳng thấy gì hết. Nhất định phải có hai điều kiện: Thứ nhất là oai thần, đó là Bồ Tát đến địa ngục để độ hóa chúng sanh, họ có thể thấy; thứ hai là nghiệp lực, tức là tội nghiệp dọa địa ngục, quá báo hiện ra.

Thánh nữ hựu vấn: “Thử thủy hà duyên nhi nãi dũng phát, đa chư tội nhân cập dĩ ác thú?”.

聖女又問。此水何緣而乃涌沸。多諸罪人及以惡獸。

(Thánh nữ lại hỏi: “Do duyên gì mà nước biển sôi sùng sục, lại có nhiều tội nhân và thú dữ như vậy?”.)

Cô hỏi Vô Độc tại sao nước ấy lại sôi như vậy? “Dũng phát” là như nước sôi vậy, nước này rất nóng, chẳng lạnh, tình trạng biển này như vậy. Nhiều tội nhân và thú dữ trong nước này, do duyên có gì?

Kinh Lăng Nghiêm nói về tình hình này vô cùng tường tận, nói rõ hiện tượng và đạo lý cho chúng ta, đó là “*tạo Thập Tập Nhân*³², *thọ Lục Giao Báo*³³“, tập tức là tập khí, bạn tạo mười thứ tập khí chẳng thiện, tức là

³² Thập Tập Nhân là mười thói quen, tập quán bất thiện chiêu cảm đến quả báo đau khổ. Mười tập nhân gồm có: Tập quán đắm dục giao tiếp, tập quán tham lam so đo, tập quán ngã mạn lấn lướt, tập quán nóng giận xung đột, tập quán giả dối dụ dỗ, tập quán lừa gạt lừa dối, tập quán thù oán hiềm khích, tập quán ác kiến tranh cãi, tập quán vu vạ vu báng, tập quán thừa kiện cãi vã; lược trích từ kinh Lăng Nghiêm, quyển tám.

³³ Lục Giao Báo là sáu thứ khổ báo, kết quả của ác nghiệp do lục căn và lục thức của con người tạo nên. Lục Giao Báo gồm có:

a. Kiến Báo chiêu cảm ác quả. Khi kiến nghiệp giao báo thì lúc lâm chung, trước hết thấy lửa hồng cháy khắp mười phương, thần thức người chết bay rơi theo khói, vào ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là thấy sáng, khắp thấy mọi thứ hung dữ, sanh khiếp sợ vô cùng. Hai là thấy tối, mịt mù chẳng thấy gì, sanh hoảng hốt vô cùng. Như vậy, thấy lửa đốt thính giác thì thành chảo dầu sôi, nước đồng chảy; đốt khứu giác thì thành khói đen, lửa đỏ; đốt vị giác thì thành viên sắt cháy; đốt xúc giác thì thành tro nóng, lò than; đốt ý thức thì thành hoa lửa rưới khắp, rung động cả hư không.

b. Văn Báo chiêu cảm ác quả. Khi văn nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung trước hết thấy sóng cuộn chìm ngập trời đất, thần thức người chết theo dòng nước trôi vào ngục A-Tỳ, phát minh hai tướng: Một là nghe rõ các tiếng ồn ào, tinh thần rối loạn. Hai là điếc hẳn, lặng lẽ chẳng nghe gì, thần thức chìm lìm. Như vậy, nghe sóng chảy vào thính giác, thì thành sự trách hỏi, chảy vào thị giác thì thành sấm sét và khí độc; chảy vào khứu giác thì thành mưa và sương mù, rưới sâu độc vào đầy khắp cơ thể; chảy vào vị giác thì thành mủ, huyết và các thứ nhơ nhớp; chảy vào xúc giác thì thành súc sinh, ma quỷ và đại tiểu tiện; chảy vào ý thức thì thành điện chớp, mưa đá, đập nát tâm phách.

c. Khứu Báo chiêu cảm ác quả. Khi khứu nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết, thấy hơi độc đầy đầy xa gần, thần thức người chết từ dưới đất trào lên, vào ngục A-Tỳ, phát minh hai tướng: Một là ngửi thông bị các hơi độc xông vào, nhiễu loạn tâm thần. Hai là nghẹt thở, hơi thở chẳng thông, làm chết giấc dưới đất. Như vậy, ngửi khí xông vào khứu giác thì thành thông, nghẽn; xông vào thị giác thì thành lửa, đốt; xông vào thính giác thì thành chìm đắm, nước sôi; xông vào vị giác thì thành mùi thiu, thúi; xông vào xúc giác thì thành nứt, nát, thành núi thối lớn có trăm ngàn mắt, hút ăn không cùng; xông vào ý thức thì thành tro, chướng khí và cát đá bay, đập nát thân thể.

d. Vị Báo chiêu cảm ác quả. Khi vị nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy lưới sắt phát lửa bùng cháy, che khắp thế giới; thần thức người chết sa đọa mắc lưới, treo ngược đầu xuống, vào ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là hít hơi vào, kết thành băng giá, làm nứt nẻ thân thể. Hai là thở hơi ra, bay thành lửa hồng đốt cháy xương tủy. Như vậy, nếm mùi qua vị giác thì thành nhận chịu; qua thị giác thì thành kim thạch nung đỏ; qua thính giác thì thành binh khí sắc bén; qua khứu giác thì

tập khí của mười ác nghiệp, thượng phẩm thập ác thì bạn sẽ cảm thọ lục giao báo trong địa ngục.

Vô Độc đáp viết: “Thử thị Diêm Phù Đề tạo ác chúng sanh tân tử chi giả”.

無毒答曰。此是閻浮提造惡眾生新死之者。

(Vô Độc trả lời: “Đó là những chúng sanh tạo ác trong Diêm Phù Đề vừa chết”.)

Đây là tình huống mà Thánh nữ thấy, “Diêm Phù Đề” tức là địa cầu chúng ta, chẳng phải là chỗ khác, là bốn địa chúng ta. Những người này vừa chết.

thành lòng sắt lớn, che khắp quốc độ; qua xúc giác thì thành cung, tên, nỏ, súng; qua ý thức thì thành sắt nóng, bay từ trên không rưới xuống như mưa.

e. Xúc Báo chiêu cảm ác quả. Khi xúc nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy núi lớn từ bốn phía hợp lại, chẳng còn đường ra; thần thức người chết thấy Thành Sắt lớn, rắn lửa, cọp, sói, sư tử, ngục tốt (người gác ngục) đầu trâu, La Sát, đầu ngựa, tay cầm thương, xóc, lừa vào cửa thành, hướng về ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là hợp xúc, núi hợp lại ép thân, xương thịt tuôn máu. Hai là lia xúc, dao guom đâm chém, tim gan bị cắt xẻ. Như vậy, hợp xúc qua xúc giác thì thành con đường địa ngục, gặp Diêm La Vương xử án; qua thị giác thì thành đốt cháy, nung đỏ; qua thính giác thì thành đánh, đập, đâm bắn; qua khứu giác thì thành tóm, đưng, khảo, trói; qua vị giác thì thành cày, kìm, chém, chặt; qua ý thức thì thành rơi, bay, nấu nướng.

f. Tưởng Báo chiêu cảm ác quả. Khi tưởng nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy gió bão thổi nát quốc độ; thần thức người chết bị thổi lên hư không, xoay rơi theo gió, đọa ngục A-Tỳ, phát minh hai tướng: Một là chẳng giác, mê muội vô cùng, bỏ chạy không thôi. Hai là chẳng mê, hay biết các khổ, bị đốt cháy không cùng, đau đớn khổ sở. Như vậy, tà tưởng kết vào ý thức thì thành phương sở; kết vào thị giác thì thành gương soi, bằng chứng; kết vào thính giác thì thành đại hợp băng giá, sương mù, đất bùn; kết vào khứu giác thì thành xe lửa, thuyền lửa, củi lửa; kết vào vị giác thì thành tiếng la hét, than khóc; kết vào xúc giác thì thành lớn nhỏ, nghiêng ngửa, muôn lần sống đi chết lại trong một ngày.

A Nan! Thập tập nhân và lục giao báo của địa ngục kể trên, đều do chúng sanh mê vọng tạo ra. Nếu chúng sanh lục căn đồng tạo ác nghiệp thì vào ngục A Tỳ, trải qua vô số kiếp, chịu khổ vô cùng; nếu lục căn mỗi mỗi tạo riêng, với nghiệp sở tạo, gồm cả căn trần, thì người ấy vào khu 8 ngục A-Tỳ; nếu cả thân, khẩu, ý, tạo nghiệp sát, đạo, dâm, thì người ấy đọa vào khu 18 địa ngục; nếu không gồm cả ba nghiệp, hoặc trong ấy chỉ tạo nghiệp sát hay nghiệp đạo (trộm cắp), thì người ấy vào khu 36 địa ngục; nếu chỉ có một căn riêng tạo một nghiệp, thì người ấy vào khu 108 địa ngục. Trích từ kinh Lăng Nghiêm, quyển tám, dịch giả: Hòa thượng Thích Duy Lực.

Kinh tứ thập cứu nhật hậu, vô nhân kế tự vì tác công đức cứu bạt khổ nạn, sanh thời hựu vô thiện nhân đương cứu bốn nghiệp sở cảm địa ngục, tự nhiên tiên độ thử hải.

經四十九日後。無人繼嗣為作功德救拔苦難。生時又無善因當據本業所感地獄。自然先渡此海。

(Quá bốn mươi chín ngày không có người kế tự làm công đức để cứu vớt khổ nạn, lúc sanh tiền lại chẳng làm việc thiện, nên cứ theo bốn nghiệp mà chiêu cảm quả địa ngục, tự nhiên phải đến biển này trước.)

Chúng ta đọc câu này: “Tạo ác chúng sanh”, đọc đến những câu kinh này lông tóc dựng đứng, đây chẳng phải nói người khác mà là nói đến chính chúng ta. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, giống như kinh Địa Tạng có nói: “*Chẳng có gì không phải tội*”. Hiện nay mỗi ngày đều tạo, mỗi tâm niệm đều tạo, tạo không ngừng, khi hơi thở này không trở lại được nữa thì làm sao đây? Đúng như trong Phật pháp có nói: “*Chúng sanh sợ quả, Bồ Tát sợ nhân*”, Bồ Tát có tâm cảnh giác, chúng sanh ngu si, ngu muội, lúc quả báo chưa hiện tiền thì không màng đến, không tin tưởng, đến lúc quả báo xảy ra thì hối hận không kịp, thế nên [đức Phật] mới dạy chúng ta dứt ác, tu thiện. Cái gì là thiện? Phật dạy cho chúng ta pháp căn bản, ba thứ tịnh nghiệp tam phước nói trong Quán kinh. Phật dạy rõ ràng, minh bạch như vậy, ba thứ này là “*chánh nhân Tịnh nghiệp của ba đời chư Phật*”, đó chính là thiện. Trái ngược với thiện tức là ác. Trong một đời chúng ta, những gì mình làm tương ứng với thiện hay tương phản với thiện, tương phản tức là ác; nếu tương ứng với thiện thì sẽ được phước báo trong cõi trời, người, nếu tương ứng với ác thì sẽ chịu quả báo trong ba đường ác, trong địa ngục.

Trong “*Tịnh Nghiệp Tam Phước*”³⁴, điều thứ nhất là phước nhân thiên, nếu bạn làm được thì đời sau sẽ sanh đến cõi người, cõi trời hưởng phước; nếu làm không được thì coi tội nghiệp của bạn nặng hay nhẹ mà đi thọ báo trong ba đường ác. Ba đường ác là: Ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục, coi bạn tạo ác nhẹ hay nặng.

Điều thứ hai là phước Tiểu Thừa, nếu bạn làm được tương ứng, y

³⁴ Tịnh Nghiệp Tam Phước:

1. Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng sát hại sanh vật, tu thập thiện nghiệp.

2. Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi.

3. Phát Bồ Đề tâm, đọc tụng Đại thừa, tin sâu nhân quả, khuyến tấn hành giả.

giáo phụng hành, quả báo nhất định sẽ ở cõi trời, hưởng phước trời. Nếu tu hành có công phu, chứng đến Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả thì sẽ sanh đến Ngũ Bất Hoàn thiên cõi trời Tịnh Cư để hưởng phước. Nếu trái ngược thì nhất định sẽ sanh vào địa ngục, ác quỷ thọ báo, chẳng có sức sanh. Trong cõi người có sức sanh, quả báo của sức sanh thì nhẹ hơn, còn địa ngục và ngạ quỷ thì quả báo nặng hơn, tại sao vậy? Phước của điều thứ hai lớn hơn phước của điều thứ nhất, cho nên nếu bạn tu được thì phước sẽ lớn, nếu trái ngược thì đọa lạc cũng khổ hơn, cùng một đạo lý.

Điều thứ ba là phước báo Đại Thừa, nếu bạn y giáo phụng hành thì bạn sẽ làm Bồ Tát, siêu phàm nhập thánh; nếu trái ngược thì nhất định sẽ đọa địa ngục, chẳng đọa ngạ quỷ, súc sanh, nhất định đọa địa ngục. Chúng ta phải hiểu rõ ràng, minh bạch, hiểu cả Lý lẫn Sự, rồi sau đó mình mới tin sâu chẳng nghi. Trong đời sống hằng ngày phải luyện công phu ở nơi nào? Nơi khởi tâm động niệm, niệm niệm đều tương ứng với Phật, niệm niệm đều tương ứng với Đạo, Đạo là gì? Đạo là Chân Như Tự Tánh, tương ứng với tánh đức, đời này chúng ta hy vọng vãng sanh mới có thể đạt được, làm sao có thể làm ác hoài được! Đời người ngắn ngủi, đau khổ, đặc biệt là thời đại ngày nay, cả thế giới động loạn, tai biến vô thường, nhất định phải giác ngộ hết thảy sự việc trên thế gian đều như mộng, như huyễn, một thứ gì cũng chẳng đạt được, đây là sự thật.

Gần đây chúng ta thấy kinh tế Đông Nam Á suy thoái, bao nhiêu người có tiền có của, lúc bình thường đều là những người hiền hách ghê gớm, [một thời gian sau thì] nghe người ta nói họ tự sát rồi. Tại sao lại tự sát? Bị phá sản? Trong kinh Phật dạy: “*Tài là vật chung của năm nhà*”³⁵, chúng ta hiểu rồi, không tiêm nhiễm mấy may, một lòng hướng về đạo, được vậy thì chúng ta mới được cứu. Trong kinh Phật nói tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ là ngũ dục, là năm cội gốc của địa ngục; nếu bạn tham luyện chẳng xả, thì bạn sẽ có phần tham dự vào cảnh giới địa ngục giảng trong kinh Địa Tạng này. Những cảnh giới mà Thánh nữ thấy ở đó là những chúng sanh tạo ác nghiệp trên địa cầu của chúng ta, bạn hãy xem chúng sanh tạo ác nghiệp nhiều hay ít! Ở đây chẳng nói người tin Phật mới đọa địa ngục, người không tin Phật thì sẽ chẳng đọa địa ngục, chẳng có việc này. Nếu nói người không tin Phật sẽ

³⁵ Nguyên văn: Tài vi ngũ gia cộng hữu. Ý nói tài vật thế gian là tài sản chung của năm nhà: Vua, giặc cướp, lửa, nước, con cháu ngỗ nghịch. Gọi là “vật chung của năm nhà” vì năm loại trên sẽ cướp mất tài sản này bất cứ lúc nào.

không đọa địa ngục, vậy thì chúng ta đừng tin Phật nữa; người không tin Phật vẫn đọa địa ngục như thường, bất luận là bạn tin hay không tin. Bạn tu thiện thì nhất định sẽ sanh lên trời, tạo ác thì nhất định sẽ đọa lạc, đây là đạo lý nhất định, bất kể là bạn tin hay không tin.

“*Những người mới chết, sau bốn mươi chín ngày*”, chẳng có con cháu vun bồi phước cho họ. Đạo lý và phương pháp cúng thất cho người mất đều phát xuất từ kinh Địa Tạng. Trong kinh Phật đã nói lúc người ta chết rồi nhưng chưa đi đầu thai, đây là thân Trung Âm. Thân Trung Âm mỗi bảy ngày phải trải qua một lần “*biến dịch*” sanh tử, họ rất khổ, cho nên mỗi bảy ngày nên làm một lễ siêu độ nhằm giảm bớt nỗi đau khổ của họ, tu phước cho họ. “*Lúc còn sanh tiền chẳng trồng thiện nhân*”, chẳng làm việc thiện gì cả. “*Nên cứ theo bốn nghiệp mà chiêu cảm quả địa ngục, tự nhiên phải đến biển này trước*”. “*Tự nhiên*” nghĩa là không có bất cứ ai cưỡng bức họ. Địa ngục chẳng do người ta tạo dựng, cũng chẳng do Diêm La vương thiết lập, tự nhiên khi nghiệp lực hiện tiền thì mới có hiện tượng này. Chúng ta xem tiếp đoạn kinh tiếp theo:

Hải Đông thập vạn do-tuần hựu hữu nhất hải kỳ khổ bội thử, bỉ hải chi Đông hựu hữu nhất hải kỳ khổ phục bội.

海東十萬由旬又有一海其苦倍此。彼海之東又有一海其苦復倍。

(*Phía Đông mười vạn do-tuần của biển này còn có một biển, những sự khổ ở đó gấp bội biển này. Phía Đông của biển đó lại có một biển, sự khổ ở đó lại gấp bội lên.*)

Càng vô trong thì tội nghiệp càng nặng thêm, sự khổ gia tăng gấp mấy lần những gì bạn thấy ở đây. Hiện nay những cảnh bạn nhìn thấy là tầng biển thứ nhất, tội nghiệp còn nhẹ, tội cực nặng bạn chưa thấy.

Tam nghiệp ác nhân chi sở chiêu cảm, cộng hiệu nghiệp hải kỳ xứ thị dã.

三業惡因之所招感。共號業海其處是也。

(*Do ác nhân của ba nghiệp chiêu cảm nên, gọi chung là biển nghiệp, chính là chỗ này.*)

Cảnh bạn nhìn thấy trong kinh Phật gọi là “*biển nghiệp*”, biển

nghiệp là biển khổ. Ba nghiệp là thân, ngữ, ý tạo tác ác nghiệp nên bị những quả báo này. Địa ngục là như vậy, mười pháp giới cũng như vậy, hiện tượng này đều do tự tâm biến hiện. Kinh Hoa Nghiêm nói về một nguyên tắc chung, cương lĩnh chung là “*duy tâm hiện, duy thức biến*”, duy tâm hiện trong ấy chẳng có thức, chẳng có thức nghĩa là chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chư vị nên biết vọng tưởng là A Lại Da, chấp trước là Mạt Na, phân biệt là ý thức thứ sáu. Nếu chẳng dùng tám thức, năm mươi một tâm sở thì đó chính là duy tâm hiện, cảnh giới duy tâm hiện, trong kinh Phật gọi đó là Nhất Chân pháp giới. Nếu bạn rơi vào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì sẽ khởi biến hóa trong Nhất Chân pháp giới, duy thức biến, tùy theo nghiệp lực của bạn. Nghiệp lực chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, biến hiện ra thập pháp giới. Thập chẳng phải là một con số, chư vị phải hiểu, thập tiêu biểu cho vô lượng. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của mỗi người chẳng giống nhau, pháp giới biến hiện của mỗi người chẳng giống nhau, thế nên pháp giới vô lượng vô biên. Nếu rơi vào tham-sân-si-mạn thì những cảnh giới biến hiện ra chính là biển nghiệp nói ở đây, Thánh nữ Bà La Môn đích thân nhìn thấy biển nghiệp này. Xin xem tiếp kinh văn:

Thánh nữ hựu vấn quỷ vương Vô Độc viết: “Địa ngục hà tại?”.

聖女又問鬼王無毒曰。地獄何在。

(Thánh nữ lại hỏi quỷ vương Vô Độc: “Địa ngục ở đâu?”.)

Cô hỏi: “Địa ngục ở đâu?”.

Vô Độc đáp viết: “Tam hải chi nội thị đại địa ngục”.

無毒答曰。三海之內是大地獄。

(Vô Độc trả lời: “Trong ba biển đều là đại địa ngục”.)

Biển nghiệp mà bạn nhìn thấy hôm nay chính là địa ngục.

Kỳ số bách thiên các các sai biệt.

其數百千各各差別。

(Số nhiều trăm ngàn, mỗi ngục đều khác nhau.)

Có địa ngục lớn, lại còn địa ngục nhỏ phụ thuộc.

Sở vị đại giả cụ hữu thập bát.

所謂大者具有十八。

(Những địa ngục lớn, tổng cộng có mười tám.)

Đây là như người thế gian chúng ta nói đến mười tám tầng địa ngục. “Mười tám” địa ngục là nói đến những địa ngục lớn.

Thứ hữu ngũ bách khổ độc vô lượng. Thứ hữu thiên bách diệt vô lượng khổ.

次有五百苦毒無量。次有千百亦無量苦。

(Bậc kể đó có năm trăm, vô lượng sự khổ độc. Bậc kể nữa có đến trăm ngàn, cũng có vô lượng sự khổ.)

Đại địa ngục trong kinh nói có tám ngục lạnh, tám ngục nóng. Trong kinh Phật nói đại địa ngục đều ở phía dưới núi Thiết Vi. Chúng ta coi kinh tiếp:

Thánh nữ hựu vấn đại quỷ vương viết: “Ngã mẫu tử lai vị cử, bất tri hồn thần đương chí hà thú?”.

聖女又問大鬼王曰。我母死來未久。不知魂神當至何趣。

(Thánh nữ lại hỏi đại quỷ vương: “Mẹ tôi mới chết chưa lâu, không biết thần hồn của bà đã đi đến cõi nào?”.)

Cô đến hỏi thăm chuyện của mình. Cô nói với quỷ vương Vô Độc rằng mẹ cô vừa mất không lâu, không biết hiện nay thần hồn của bà ở nơi đâu? Người thế gian chúng ta gọi [thần hồn] là “linh hồn”.

Quỷ vương vấn thánh nữ viết: “Bồ Tát chi mẫu tại sanh tập hà hành nghiệp?”.

鬼王問聖女曰。菩薩之母在生習何行業。

(Quỷ vương hỏi Thánh nữ: “Mẹ của Bồ Tát lúc còn sống thường làm những nghiệp gì?”.)

Hỏi cô: “Mẹ cô lúc còn sống làm nghề gì?” Hỏi làm nghề gì thì biết nghiệp của bà tạo là gì, thiện hay chẳng thiện, đại khái có thể phán đoán sau khi chết đi thì bà sẽ sanh đến cõi nào.

Thánh nữ đáp viết: “Ngã mẫu tà kiến cơ hủy Tam Bảo”.

聖女答曰。我母邪見譏毀三寶。

(Thánh nữ trả lời: “Mẹ tôi tà kiến, khinh chê hủy báng Tam Bảo”.)

Tri kiến chẳng chánh, đây là chánh và tà. Chánh tri chánh kiến là gì? Chúng ta phải rõ ràng, minh bạch. Nói thật ra, tri kiến của lục đạo phàm phu đều chẳng chánh, đây là điều chúng ta phải biết. Nếu chúng ta có chánh tri chánh kiến thì làm sao lại sanh đến lục đạo! Ngoài lục đạo là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật; Thanh Văn là Chánh giác, Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác. Quý vương hỏi Thánh nữ, xưng cô là Bồ Tát, rằng: “Mẹ của Bồ Tát, lúc còn sống làm nghề gì?” Thánh nữ nói mẹ cô “tà kiến”. Tà và chánh đều có tiêu chuẩn, trong Phật pháp thì tri kiến của A La Hán mới được kể là chánh tri chánh kiến, thế nên trong kinh Phật nhắc chúng ta lúc còn chưa chứng quả vị A La Hán thì không thể tin tri kiến của mình, nếu bạn cho rằng tri kiến của bạn là chính xác thì sẽ có vấn đề. Tại sao nói tri kiến của A La Hán mới là chánh tri chánh kiến? A La Hán đã đoạn dứt Kiến Tư phiền não, cũng nghĩa là coi việc gì cũng khách quan, nói như vậy thì quý vị dễ hiểu hơn. Tại sao? Ngài không có “Ngã” (Tôi), vô ngã, đã đoạn dứt ngã chấp rồi.

Lục đạo phàm phu khởi tâm động niệm đều có Tôi, có Tôi thì sẽ có thành kiến, có quan niệm chủ quan, tự nhiên bạn sẽ nhìn sự việc sai lầm; tôi tưởng là đúng, tôi tưởng là chính xác, có một cái nhìn của tôi, như vậy là hỏng mất rồi. Thế nên đoạn dứt Kiến Tư phiền não thì tri kiến mới được kể là chánh, tiêu chuẩn là ở chỗ này. Chưa đoạn Kiến Tư phiền não thì chánh tri chánh kiến ở đâu ra! Hiện nay chúng ta phải làm sao? Chúng ta mới bắt đầu học Phật, một phẩm Kiến Tư phiền não cũng chưa đoạn, biện pháp duy nhất là nương nhờ vào Phật, thế nên phải nói đến tầm quan trọng của Tam Quy Y, “*y pháp chứ không y người*”. Học pháp nhất định phải có thầy chỉ đạo, nếu không có thầy chỉ dẫn thì bạn chẳng có biện pháp nương dựa trong Phật pháp. Kinh luận Phật nói quá nhiều, nếu bạn nương dựa vào tất cả kinh luận, thì bạn chẳng có trí huệ, trong kinh này Phật nói Không, trong kinh kia lại nói Có, rốt cuộc là Không hay là Có? Bạn sẽ trở nên mờ mịt, lộn xộn, bạn sẽ chẳng có cách gì để nương dựa. Lúc tôi mới học Phật, đại học Đài Loan có một giáo sư rất nổi danh, hiện nay đã qua đời.

Ông nói với tôi: Có lúc kinh Phật nói có lý, có lúc thì chẳng có lý.

Tôi nói: Chỗ nào chẳng có lý?

Ông nói: Tôi đã coi kinh Kim Cang.

Tôi hỏi: Kinh Kim Cang nói như thế nào?

Ông nói: Giống như hai thùng nước, đổ qua đổ lại, có khi thì nói Có, [xong rồi] có chỗ lại nói Không, rốt cuộc là Không hay là Có? Làm cho người hiểu đôi đàng đều được.

Thế nên Phật nói: “*Phật pháp nếu không có ai giảng thì dù có trí cũng chẳng hiểu được*”, đừng thấy là giáo sư đại học nổi tiếng [mà tưởng là ông ta thông suốt], không đúng đâu! Do đó mới biết chánh tri chánh kiến khó lắm! Nếu chẳng có chánh tri chánh kiến, nếu là người tà kiến còn “*khinh chê Tam Bảo*”. Sợ là chúng ta tuy đã xuất gia nhưng cũng phạm lỗi này, chẳng biết chẳng giác lại tạo ra những tội nghiệp này, chính mình cũng chẳng biết; cứ tưởng là mình tài giỏi lắm, chẳng có sai lầm, luôn nhìn thấy lỗi của kẻ khác.

Thiết hoặc tạm tín toàn hựu bất kính.

設或暫信旋又不敬。

(Hoặc là tạm tin, nhưng liền chẳng kính.)

Bốn câu này của cô, chúng ta nghĩ kỹ một chút, quan sát thế gian này rồi tự phản tỉnh, chắc mình cũng đều phạm. Lòng tin của chúng ta là đạo tâm sương móc, khi có khi không, chẳng vượt nổi thử thách, khi gặp một chút sóng gió, đạo tâm chúng ta liền mất hết. Chữ “*kính*” này càng không dễ, “*kính*” phát sanh từ lòng tin, nếu không tin thì làm sao có tâm kính trọng? Đối với Phật, Bồ Tát, đối với cha mẹ còn không cung kính, thì làm sao có thể kính người, kính sự, kính vật? Làm không được, từ đó bạn mới biết việc này rất khó! Đọc xong bốn câu này chúng ta phải nhắc nhở chính mình, thường lấy bốn câu này để trước mặt làm “*bài minh*”³⁶.

Tử tuy nhật thiểu vị tri sanh xứ.

死雖日淺未知生處。

(Tuy mới chết chưa lâu, mà chưa biết thác sanh về đâu.)

“*Nhật thiểu*” nghĩa là chết chẳng lâu, chẳng biết hiện giờ bà sanh vào chốn nào? Câu này nói quý vương đại khái đã biết bà sanh vào cõi

³⁶ Bài minh nguyên gốc là một loại văn xuôi thường khắc trên các đồ vật bằng đồng, bằng đá với ngụ ý tán dương hay đề tự răn nhắc. Ở đây chữ minh thường được dùng theo nghĩa thứ hai.

nào.

Vô Độc vẫn viết: “Bồ Tát chi mẫu tánh thị hà đẳng?”.

無毒問曰。菩薩之母姓氏何等。

(Vô Độc hỏi: “Mẹ của Bồ Tát tên họ là gì?”.)

Hỏi thêm một lần: “Tên của mẹ cô là gì?”.

Thánh nữ đáp viết: “Ngã phụ ngã mẫu câu Bà La Môn chủng”.

聖女答曰。我父我母俱婆羅門種。

(Thánh nữ trả lời: “Cha mẹ tôi đều thuộc dòng Bà La Môn”.)

Ở Ấn Độ họ được kể là quý tộc, từ thời xưa đến nay bốn dòng họ giai cấp rất nghiêm, tôn quý nhất là Bà La Môn.

Phụ hiệu Thi La Thiện Kiến, mẫu hiệu Duyệt Đế Lợi.

父號尸羅善現。母號悅帝利。

(Cha tôi tên Thi La Thiện Kiến, mẹ tên Duyệt Đế Lợi.)

Nói tên cha mẹ ra, tên này rất tốt, đều là tên tốt. Tuy tên tốt nhưng việc làm chẳng tốt, Danh chẳng phù hợp với Thật.

Vô Độc hiệp chưởng khải Bồ Tát viết: “Nguyện Thánh giả khước phản bốn xứ, vô chí ưu ức bi luyến”.

無毒合掌啟菩薩曰。願聖者却返本處。無至憂憶悲戀

(Vô Độc chấp tay thưa với Bồ Tát: “Xin Thánh giả hãy trở về bốn xứ, đừng quá thương nhớ buồn rầu nữa”.)

Vô Độc nghe xong, “khải” nghĩa là rất cung kính, rất cung kính báo cáo với Thánh nữ. “Khải” nói theo ngôn ngữ hiện nay nghĩa là “báo cáo”, nói một cách cung kính: “Xin Ngài trở về, đừng lo nhớ nữa”. Tại sao?

Duyệt Đế Lợi tội nữ.

悅帝利罪女。

(Tội nhân Duyệt Đế Lợi.)

Đích thật bà đã đến địa ngục rồi, đã đến thọ khổ, không sai, chuyện của bà mọi người đều biết.

Sanh thiên dĩ lai kinh kim tam nhật.

生天以來經今三日。

(Sanh lên trời đến nay đã ba ngày rồi.)

Hiện nay bà chẳng ở nơi này nữa, bà đã ở đây thọ tội, nhưng bà đã được sanh lên trời, sanh lên trời Đạo Lợi.

Vân thừa hiếu thuận chi tử vị mẫu thiết cúng tu phước, bố thí Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai tháp tự.

云承孝順之子為母設供修福。布施覺華定自在王如來塔寺。

(Nghe nói nhờ con bà hiếu thảo, vì mẹ thiết cúng, tu phước bố thí chùa tháp thờ đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai.)

Nghe nói bà có con gái hiếu thuận, tu phước cho bà. Cô tu phước, cúng Phật bố thí, đây là lòng hiếu cảm đến thiên địa, tâm hiếu chân thành, cảm động thiên địa quỷ thần. Trong kinh giảng cho chúng ta hiếu dưỡng phụ mẫu gồm dưỡng thân cha mẹ, dưỡng tâm cha mẹ, dưỡng chí cha mẹ; người thế gian thường trông mong con trai thành rồng, con gái thành phượng, đó là “chí” của cha mẹ; nghĩa là hy vọng con cái tương lai có thành tựu chân chánh, tài ba xuất chúng. Nhưng rất nhiều bậc cha mẹ trong thế gian có tà kiến, cứ tưởng đạt được công danh phú quý trong thế gian tức là tài giỏi hơn người, quan niệm này sai lầm. Như thế nào mới gọi là tài ba xuất chúng? Siêu phàm nhập thánh, thành Phật, thành Bồ Tát mới thực sự là “tài ba xuất chúng”, hết thảy thành tựu trong thế gian chẳng thể so sánh nổi. Thành tựu tới đâu trong thế gian cũng chẳng thoát ra khỏi lục đạo luân hồi, chỉ có thành Phật thành Bồ Tát không những siêu việt lục đạo, mà còn siêu việt thập pháp giới, đó mới là thành tựu chân chánh. Người làm cha mẹ nhưng chưa học Phật chẳng biết đạo lý này, chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật, chúng ta đã tiếp xúc Phật pháp nên hiểu rõ, chúng ta phải làm cho bằng được; không thể nói cha mẹ không biết thì chúng ta không làm. Chuyện tốt, chuyện thiện tuy cha mẹ chẳng biết, đợi đến khi chúng ta làm được rồi, cha mẹ sẽ đạt được lợi ích lớn lao. Mẹ của Bồ Tát đâu phải là người thường!

Cúng Phật, bồ thí ba hạnh này đều có. Ở đây nói “*thiết cúng*”, chúng ta đã đọc phía trước, Thánh nữ Bà La Môn cúng dường hình tượng của Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, vì vào thời Tượng Pháp [chỉ có thể cúng dường hình tượng của Phật], cảm động Phật đến dạy cô phương pháp tu hành, sau đó cô về nhà dùng mãnh tinh tấn y giáo phụng hành, đó là tu phước, bồ thí. Tu phước, bồ thí cho ai? Cho mẹ mới mất của cô. Thế nên sự bồ thí của cô làm là bồ thí pháp, đó chẳng phải là bồ thí tài vật. Trong sự cúng dường có pháp cúng dường, Y giáo phụng hành cúng dường, phước này lớn lắm! Thế nên quý vương nói:

Phi duy Bồ Tát chi mẫu đắc thoát địa ngục.

非唯菩薩之母得脫地獄。

(Không phải chỉ có mẹ của Bồ Tát được thoát địa ngục.)

Không phải chỉ có mẹ của Bồ Tát được thoát địa ngục, thoát ly khổ hải.

Ứng thị Vô Gian tội nhân thử nhật tất đắc thọ lạc câu đồng sanh ngật.

應是無間罪人此日悉得受樂俱同生訖。

(Những tội nhân trong ngục Vô Gian hôm đó đều được an lạc, đều được thác sanh hết.)

Mẹ Bồ Tát được người con hiếu, được phước của bà nên sanh lên trời, những người cùng chịu tội ở địa ngục đều được hưởng ké, đều nhờ phước đó mà cùng sanh lên trời; không phải chỉ có mẹ Bồ Tát được sanh lên trời, những người trong địa ngục cùng chịu tội với bà lúc đó đều được sanh lên trời. Từ đó bạn mới biết phước báo của sự bồ thí thật chẳng thể nghĩ bàn! Công đức y giáo tu hành của Thánh nữ Bà La Môn chẳng thể nghĩ bàn! Đây là sự thật, chẳng phải kể chuyện đời xưa, không phải lấy chuyện này để khuyến thiện. Chư vị phải biết, đây là chuyện thật một trăm phần trăm, khi bạn tu hành thành tựu sẽ độ được biết bao nhiêu người. Thế nên trong Phật pháp thường nói chẳng thể nghĩ bàn, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, từ chỗ này chúng ta cũng có thể hiểu được vài phần.

Quý vương ngôn tất hiệp chương nhi thoái.

鬼王言畢合掌而退。

(Quỷ vương nói xong, chấp tay cáo lui.)

Quỷ vương báo cáo chuyện này xong rồi cáo lui.

Bà La Môn nữ tâm như mộng quy.

婆羅門女尋如夢歸。

(Thánh nữ Bà La môn dường như nằm mộng tỉnh dậy.)

Cũng như nằm mộng vậy, thật ra cô chẳng phải trong mộng, mà là trong Định. Từ trong Định xuất Định.

Ngộ thử sự dĩ.

悟此事已。

(Biết chuyện này xong.)

Cô giác ngộ rồi, biết rõ hoàn toàn chuyện này, hoàn toàn minh bạch.

Tiên ư Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai tháp tượng chi tiền lập hồng thệ nguyện: “*Nguyện ngã tận vị lai kiếp, ứng hữu tội khổ chúng sanh quảng thiết phương tiện sử linh giải thoát*”.

便於覺華定自在王如來塔像之前立弘誓願。願我盡未來劫。應有罪苦眾生廣設方便使令解脫。

(Bên trước tháp tượng của Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai lập hồng thệ nguyện: “Tôi nguyện từ nay đến tận kiếp vị lai sẽ vì chúng sanh mắc phải tội khổ mà rộng lập phương tiện làm cho họ được giải thoát”.)

Đây là lần phát nguyện đầu tiên trong khi tu nhân của Địa Tạng Bồ Tát. Lần thứ nhất phát tâm học Phật là đại Trưởng Giả, nhìn thấy hình tượng của Phật rồi phát tâm. Phía trước tôi đã nhắc nhở các bạn đồng học: Hình tượng phải hoàn hảo, thường thường nghĩ đến chúng ta là đệ tử Như Lai, đặc biệt là đệ tử Di Đà. Di Đà là “ánh sáng tôn quý nhất, vua trong các vị Phật”, làm sao chúng ta có thể làm mất mặt A Di Đà Phật được! Nếu tâm niệm chúng ta khởi lên một niệm chẳng thiện thì sẽ có lỗi với đức Phật A Di Đà, khi chúng ta làm một việc chẳng thiện

thì chúng ta sẽ chịu tội nghiệp rất nặng, làm sao xứng đáng là học trò của A Di Đà Phật! Học trò của A Di Đà Phật là như thế này ư? Chân chánh làm một học trò tốt của A Di Đà Phật nhất định phải y giáo phụng hành. Tại sao dạy bạn mỗi ngày phải đọc tụng Đại Thừa? Chính là để ghi nhớ lời dạy của A Di Đà Phật, *những gì Phật dạy chúng ta làm, chúng ta làm được hay chưa? Những gì Phật dạy chúng ta chớ nên làm, chúng ta còn làm không?* Chân chánh làm học trò của A Di Đà Phật đúng như ý nghĩa của nó thì trong đời này bạn nhất định sẽ được vãng sanh Tịnh Độ. Trong đời hiện tại, nếu người ta không tôn kính bạn cũng chẳng có gì lạ! Người ta là phàm phu, phàm phu mất thịt, ngay cả Phật họ cũng chẳng tôn kính thì làm sao họ tôn kính bạn! Nhưng bạn phải biết chư Phật hộ niệm, tán thán, long thiên quý thần, Bồ Tát tôn trọng bạn, tại sao vậy? Những người này có Tha Tâm Thông, có Thiên Nhân Thông, họ có thể nhìn thấy tâm thiện của bạn, họ biết bạn khởi tâm động niệm [gì]; phàm phu chẳng biết, phàm phu ngu si.

Địa Tạng Bồ Tát ở đây dạy chúng ta phát nguyện, làm ra gương mẫu cho chúng ta coi, nguyện này tức là Tứ Hoảng Thệ Nguyện. “*Nguyện tôi tận cùng kiếp vị lai*”, trên thời gian chẳng có chấm dứt, vĩnh hằng. Chẳng phải nói chuyện này tôi phải làm trong vòng bao lâu, nói tôi phải làm trong một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, không phải vậy. Mà là tận cùng kiếp vị lai. Đối tượng giúp đỡ là những chúng sanh tội khổ này, cũng chẳng nói nhất định; “*chúng sanh mắc phải tội khổ*”, chẳng chọn oán hay thân, chỉ cần nhìn thấy có chúng sanh chịu khổ nạn thì liền “*rộng lập phương tiện làm cho họ độ thoát*”. Rộng lập phương tiện gì? Đoạn phiền não, học pháp môn, thành Phật đạo, đây đều là rộng lập phương tiện. Chúng ta chẳng đoạn phiền não, chẳng học pháp môn thì dùng phương pháp gì để độ chúng sanh? Do đó mới biết Bồ Tát đoạn phiền não, đoạn tập khí, học pháp môn chẳng vì mình mà là vì hết thảy khổ nạn chúng sanh, chúng ta phải có tâm nguyện này, hết thảy những việc tu học của mình hôm nay đều vì họ, chẳng vì mình; nếu vì mình thì có thể qua loa sơ sài, có thể tùy tiện. Nhưng nhìn thấy vô số chúng sanh đang tạo tội nghiệp cực nặng, một tí tâm giải đãi hàm hồ chúng ta đều không thể khởi được, vì sao? Vì phải dạy dỗ những chúng sanh khổ nạn này, việc gì cũng phải hết lòng, phải dùng mãnh tinh tấn.

Nếu vậy bạn hỏi: Tự tôi tu hành thành tựu, được không? Có thể độ chúng sanh không? Kinh này bày ra đây, cô Bà La Môn một người tu hành, một người thành tựu, không những mẹ cô được độ, những người cùng chịu khổ với mẹ cô, những chúng sanh cùng đọa địa ngục với mẹ

cô đều được sanh lên trời, không phải sự thật bày ra ngay chỗ này sao? Chúng ta còn nghi hoặc gì nữa? Một người thành tựu có thể độ được vô lượng vô biên chúng sanh. Chỉ sợ là cá nhân bạn không thể thành tựu, giả bộ làm như thật thì không được, giả dối thì giúp đỡ người khác được sao? Nhất định phải làm thực sự từ bản thân của mình. Dùng lời nói của thế gian chúng ta đề ra Bốn Điều Tốt: “Giữ tâm tốt, làm việc tốt, nói lời tốt, làm người tốt”, những năm gần đây chúng tôi đề xướng việc này ở khắp nơi trên thế giới, làm một gương tốt cho xã hội đại chúng, làm cho đại chúng nhìn thấy hình tượng này. Đoạn đầu trong kinh nói về Trưởng Giả Tử, hình tượng của Phật thị hiện làm cho xã hội đại chúng tiếp xúc đến hình tượng này có được cảm ngộ, có thể cảm động, như vậy là đã độ chúng sanh. Họ giác ngộ, quay về, học theo bạn, học theo Phật, người như vậy sẽ được độ. Người được độ dần dần thêm nhiều, một người giác ngộ sẽ dạy những người xung quanh, thân bằng quyến thuộc của họ, hàng xóm láng giềng, bạn xem sức ảnh hưởng này bao lớn? Nhất định đừng cho rằng cá nhân tôi một người tu hành có ích gì đâu, trong kinh dạy chúng ta, một người tu hành sanh ra hiệu quả chẳng thể nghĩ bàn. Điểm quan trọng nhất trong phẩm kinh này là đoạn sau cùng Địa Tạng Bồ Tát làm ra gương tốt dạy chúng ta phát tâm.

Phật cáo Văn Thù Sư Lợi: “Thời quỷ vương Vô Độc giả đương kim Tài Thủ Bồ Tát thị, Bà La Môn nữ giả tức Địa Tạng Bồ Tát thị”.

佛告文殊師利。時鬼王無毒者當今財首菩薩是。婆羅門女者即地藏菩薩是。

(Phật nói với Văn Thù Sư Lợi: “Quỷ vương Vô Độc lúc trước bây giờ là Tài Thủ Bồ Tát, còn Thánh nữ Bà La Môn đó chính là Địa Tạng Bồ Tát”.)

Đây là chuyện vô lượng kiếp về trước, hiện nay đều đã thành tựu. Vô Độc quỷ vương ngày trước bây giờ là Tài Thủ Bồ Tát, Thánh nữ Bà La Môn ngày trước bây giờ là Địa Tạng Bồ Tát. Đây là chuyện lúc còn tu nhân vô lượng kiếp về trước. Xin xem tiếp kinh văn:

D. PHẦN CHÁNH TÔNG

PHẨM THỨ NHÌ: PHÂN THÂN TẬP HỘI

分身集會品第二

Nhĩ thời bách thiên vạn ức bất khả tư, bất khả nghị, bất khả lượng, bất khả thuyết, vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, sở hữu địa ngục xứ, phân thân Địa Tạng Bồ Tát, câu lai tập tại Dao Lợi thiên cung.

爾時百千萬億不可思。不可議。不可量。不可說。無量阿僧祇世界。所有地獄處分身地藏菩薩。俱來集在忉利天宮。

(Lúc đó phân thân của Địa Tạng Bồ Tát từ những chỗ có địa ngục ở số trăm ngàn vạn ức chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn, chẳng thể tính, chẳng thể nói vô lượng a-tăng-kỳ thế giới đều đến tụ hội tại cung trời Dao Lợi.)

Chư vị có thấy ý hướng thực sự của đoạn kinh văn này ở đâu không? “*Nhĩ thời*” là lúc đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở cung trời Dao Lợi, lúc mở pháp hội này; lúc chư Phật Như Lai, Bồ Tát từ mười phương thế giới, đại chúng vân tập; Thế Tôn cùng Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát một người hỏi, một người đáp ở cuối đoạn này. Con số nêu ở đây thật là một con số thiên văn, chẳng có biện pháp chi tính nổi. “*Trăm ngàn vạn ức chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn, chẳng thể tính, chẳng thể nói*”, sau đó là “*vô lượng a-tăng-kỳ thế giới*”; thế giới vô biên, chúng sanh vô tận. “*Những chỗ có địa ngục, phân thân Địa Tạng*”, Kim Địa Tạng ở Cửu Hoa Sơn của chúng ta cũng là một trong những phân thân của Ngài, vô lượng vô biên phân thân, “*đều đến tụ hội ở cung trời Dao Lợi*”. Chư vị phải biết đây là để nói rõ những người tạo tội nghiệp đọa địa ngục nhiều như vậy nên Địa Tạng Bồ Tát mới phân thân, phân ra nhiều thân như vậy, [từ việc này] bạn mới biết có bao nhiêu địa ngục! Thế gian này có bao nhiêu người tạo tội nghiệp địa ngục! Ý tứ chính là ở chỗ này. Thế nên nhìn thấy hiện tượng này thật đáng sợ vô cùng! Tại sao chúng sanh tạo tội nghiệp? Vì chẳng có người dạy, hết thấy chúng sanh đều có thiện căn, đều có tâm hướng thiện, tiếc là chẳng có người hướng dẫn, chẳng có người giúp đỡ. Trong kinh này dụng ý chân chánh của Phật chính là dạy chúng ta phải học theo Địa Tạng Bồ Tát, phải làm phân thân của Địa Tạng Bồ Tát. Chúng ta có thể phát nguyện, có thể tự làm gương mẫu, hướng dẫn, luôn luôn khuyên hết thấy chúng sanh đoạn ác tu thiện, đây là tâm của Địa Tạng Bồ Tát, nguyện của Địa Tạng Bồ Tát, hạnh của Địa Tạng Bồ Tát.

Tứ chúng đồng tu phải nhớ làm gương cho đại chúng ở mọi nơi, ở nhà thì làm gương cho gia đình, ở đạo tràng này thì làm gương cho tứ

chúng đồng tu ở đây. Đừng nói người kia không làm thì tại sao tôi phải làm? Nói vậy là bạn sai rồi. Người đó dọa địa ngục, tại sao tôi không dọa địa ngục? Không phải là ý nghĩa này sao? Ông đó dọa địa ngục, tôi phải cứu ông đó, làm sao tôi cứu ông được? Tôi làm gương mẫu cho ông thấy, như vậy mới đúng. Ông tham tiền tài, tại sao tôi không tham? Ông tranh đoạt quyền lợi, tại sao tôi không tranh? Đây là làm một hình tượng địa ngục, kéo hết mọi người vô địa ngục, như vậy là sai rồi. Chúng ta nhìn thấy người ta dọa địa ngục, chúng ta phải nêu gương tốt “làm thế nào thoát ly địa ngục, siêu việt biển khổ”, như vậy mới đúng. Người khác tham tài, tranh đoạt lợi lộc, rất nhiều người làm, tất cả người trên thế giới đều làm nhưng tôi, cá nhân tôi không làm. Người làm thì mê hoặc điên đảo, người chẳng làm thì giác ngộ, quay về, phải hiểu đạo lý này. Ở thế giới này dùng miệng để khuyên người rất khó! Bạn khuyên người ta làm, nhưng tại sao bạn không làm? Làm sao người ta tin được? Nhất định tự mình phải làm được thì mới có thể khơi gợi được lòng tin của người khác, mới có thể dẫn dắt người ta hướng thiện, nhất định phải đích thân thực hành. Phật dạy Thánh nữ Bà La Môn như vậy, cũng tức là dạy chúng ta, nhất định phải hết lòng, quay về, đừng mãi tinh tấn. Xem đoạn kinh kế tiếp:

Đĩ Như Lai thần lực cố, các đĩ phương diện dữ chư đắc giải thoát tòng nghiệp đạo xuất giả, diệt các hữu thiên vạn ức na-do-tha số, cộng trì hương hoa lai cúng dường Phật.

以如來神力故。各以方面與諸得解脫從業道出者。亦各有千萬億那由他數。共持香華來供養佛。

(Do nhờ thần lực của Như Lai, phân thân từ mỗi phương cùng những chúng đã được giải thoát khỏi chốn nghiệp đạo đông đến số ngàn muôn ức na-do-tha cùng cầm hương hoa đến cúng dường Phật.)

Đoạn văn này nói đại chúng cùng đến với Địa Tạng Bồ Tát, đại chúng này thật ra là những vị tiếp nhận sự giáo hóa của Địa Tạng Bồ Tát và đã giác ngộ rồi, trong kinh Hoa Nghiêm gọi họ là “đại tâm phạm phu”. Hôm nay phân thân của Địa Tạng Bồ Tát đều tụ hội đến Đạo Lợi thiên cung, những đại tâm phạm phu này thoát thân từ địa ngục cũng theo Địa Tạng Bồ Tát đến cung trời Đạo Lợi để yết kiến đức Phật. Đại hội ở Đạo Lợi thiên cung hôm ấy vô cùng thù thắng, vì sao? Hết thấy chư Phật Như Lai đều ở chỗ đó, sự cúng Phật này vô cùng viên mãn. Đại chúng ở Cực Lạc thế giới, vãng sanh về Cực Lạc thế giới phải phân thân

đến các cõi nước chư Phật ở khắp hư không pháp giới để cúng dường, nghe pháp. Hôm nay chư Phật Như Lai đều tụ tập ở giảng đường này, họ chẳng cần phân thân đến các cõi nước, những đại tâm phàm phu này đến cùng Địa Tạng Bồ Tát có phước báo to lớn, ở một nơi cùng lúc có thể cúng dường hết thấy chư Phật Như Lai, việc này thù thắng biết bao! Còn thù thắng hơn Cực Lạc thế giới nữa! Từ chỗ này chúng ta mới thể hội được sự thù thắng của Địa Tạng pháp môn, tu học Địa Tạng thù thắng, chỗ nào cũng hiển thị hạng nhất, siêu việt Cực Lạc thế giới, đây là đại căn đại bản của hết thấy pháp môn. Họ đều cầm hương hoa đến cúng dường Phật, “*hương hoa*” là tiêu biểu pháp, “*hương*” tiêu biểu cho lòng tin thanh tịnh, “*hoa*” tiêu biểu cho y giáo phụng hành, hoa tượng trưng cho nhân, tu nhân chứng quả, đây là tiêu biểu “*như giáo tu hành cúng dường*”, như vậy mới là chân chánh cúng dường. Xin xem tiếp kinh văn:

Bỉ chư đồng lai đẳng bối, giai nhân Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa, vĩnh bất thoái chuyển u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

彼諸同來等輩。皆因地藏菩薩教化。永不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

(Những chúng cùng đến ấy đều nhờ Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa, làm cho vĩnh viễn chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.)

Ở đây Phật dạy chúng ta, nói với chúng ta, những đại chúng cùng đến với Địa Tạng Bồ Tát có thể tham dự hội kinh ở cung trời Đao Lợi, đều tiếp nhận sự giáo hóa của Địa Tạng Bồ Tát được sanh Tín Căn, chúng ta gọi là Ngũ Căn, Ngũ Lực: “*Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ*”. Họ có căn, cái này rất quý, có căn mới vĩnh viễn chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề. Tín căn của những người này thành tựu xong, niệm niệm đều hướng về Vô Thượng Bồ Đề, hết thấy pháp trong thế gian và xuất thế gian đều chẳng lưu luyến, chỉ tìm cầu Vô Thượng Bồ Đề.

Thị chư chúng đẳng cửu viễn kiếp lai, lưu lãnh sanh tử lục đạo thọ khổ tạm vô hưu tức.

是諸眾等久遠劫來。流浪生死六道受苦暫無休息。

(Những chúng sanh này từ nhiều kiếp lâu xa đến nay, trôi lăn trong sanh tử, chịu khổ trong sáu đường, chưa từng tạm ngưng.)

Nói những phàm phu này, những đại tâm phàm phu này, kể lại lúc trước trong sáu nẻo luân hồi, nói thật ra chính là nhóm người chúng ta, một mỗi sanh tử chưa từng nghỉ ngơi qua.

Dĩ Địa Tạng Bồ Tát quảng đại từ bi thâm thệ nguyện cố, các hộ quả chứng.

以地藏菩薩廣大慈悲深誓願故。各獲果證。

(Nhờ lòng từ bi quảng đại và thệ nguyện sâu dày của Địa Tạng Bồ Tát, nên tất cả đều chứng được quả vị.)

Câu này nói về nhân duyên được độ. Nương nhờ lời dạy từ bi và các thứ phương tiện của Địa Tạng Bồ Tát, hiển thị câu “*từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa*” thường nói đến trong Phật pháp, Địa Tạng Bồ Tát là tâm đại từ bi. Chúng chúng phương tiện là nói sự khéo léo của Ngài, vì chúng sanh làm ra nhiều thị hiện; nói cách khác: Vì chúng sanh làm ra những hình tượng khác nhau. Làm cho hết thấy chúng sanh thấy sắc, nghe âm thanh, tiếp xúc những hình tượng này có thể cảm nhận và tỉnh ngộ, biết quay về, đây chính là thiện xảo phương tiện của Bồ Tát. Thế nên Bồ Tát vì chúng sanh làm thầy, làm mô phạm, hướng dẫn, sau khi họ tiếp xúc liền tỉnh ngộ và quay về tu hành chứng quả. Tuy quả vị này chẳng giống những quả vị thường nói như Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, mà là quả vị Đại Tâm Phàm Phu, việc này vô cùng quý báu. Bồ Đề tâm được sanh khởi, phiền não chưa đoạn thì gọi là đại tâm phàm phu.

Ký chí Đạo Lợi, tâm hoài dũng được chiêm ngưỡng Như Lai, mục bất tạm xả.

既至忉利。心懷踊躍瞻仰如來。目不暫捨。

(Khi đến cung trời Đạo Lợi, lòng họ vui mừng hơn hờ chiêm ngưỡng đức Như Lai, mắt nhìn mãi không rời.)

Hình dung nhóm người này, khi đến cung trời Đạo Lợi vui mừng hơn hờ, hoàn toàn biểu lộ ra ngoài, hiển lộ lòng cảm ân. Cảm kích sự giáo huấn của Địa Tạng Bồ Tát, cảm kích ân đức của chư Phật nhiếp thọ, hoàn toàn hiển lộ chẳng giữ lại. Hãy xem tiếp kinh văn:

Nhĩ thời Thế Tôn thư kim sắc tỷ, ma bách thiên vạn ức bất khả tư, bất khả nghị, bất khả lượng, bất khả thuyết vô lượng a-tăng-kỳ thế giới chư phân thân Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát đảnh.

爾時世尊舒金色臂。摩百千萬億不可思。不可議。不可量。不可說無量阿僧祇世界諸分身地藏菩薩摩訶薩頂。

(Lúc bấy giờ đức Thế Tôn đưa cánh tay sắc vàng xoa đánh các phân thân của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát trong trăm ngàn vạn ức chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn, chẳng thể tính, chẳng thể nói vô lượng a-tăng-kỳ thế giới.)

Ý nghĩa này, nói nhiều con số này, ý tứ vô cùng sâu dày! Hiện thị chúng sanh ở mười phương thế giới tạo vô lượng vô biên ác nghiệp, ý nghĩa chân chánh là ở chỗ này. Cho nên Địa Tạng phải phân nhiều thân như vậy để giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn ấy. Địa Tạng Bồ Tát phân thân càng nhiều, chúng ta mới biết địa ngục càng nhiều; biết địa ngục càng nhiều thì biết số người tạo tội nghiệp địa ngục, chịu khổ báo địa ngục càng nhiều. Ở Đạo Lợi thiên cung, Thế Tôn an ủi Địa Tạng Bồ Tát, xoa đánh xong.

Nhi tác thị ngôn:

而作是言。

(Rồi nói rằng:)

Xoa đánh là an ủi. Phật nói:

Ngô ư ngũ trược ác thế, giáo hóa như thị cang cường chúng sanh, lĩnh tâm điều phục xả tà quy chánh. Thập hữu nhất nhị thượng ác tập tại.

吾於五濁惡世。教化如是剛強眾生。令心調伏捨邪歸正。十有一二尚惡習在。

(Ta ở trong đời ác Ngũ Trược giáo hóa những chúng sanh ương ngạnh như vậy, làm cho tâm họ điều phục, bỏ tà về chánh. Trong mười phần còn một, hai phần vẫn theo thói ác.)

Đây là lúc đức Phật Thích Ca Mâu Ni phó chúc Địa Tạng Bồ Tát ở thiên cung, trách nhiệm của Địa Tạng Bồ Tát nặng hơn bất cứ người nào. Lúc Phật không còn tại thế, sứ mạng giáo hóa chúng sanh phải ủy thác cho Địa Tạng Bồ Tát. Chư vị phải biết đạo lý này ở đâu? Tại sao đức Phật Thích Ca chẳng giao chuyện độ hóa chúng sanh cho Quán Thế Âm Bồ Tát? Tại sao không giao cho Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát?

Đều là đại Bồ Tát hết, tại sao không giao cho các Ngài mà phải nhờ Địa Tạng Bồ Tát? Nói thật ra những Bồ Tát đó độ không nổi, chẳng có cách gì độ được, chỉ có Địa Tạng Bồ Tát có thể độ mà thôi. Mọi người hiểu ý nghĩa này không? Địa Tạng Bồ Tát dạy việc gì? Hiếu thân tôn sư. Nếu người này không hiếu kính cha mẹ, không tôn kính sư trưởng, thì Bồ Tát, Phật nào đến cũng độ chẳng nổi. Sự dạy học của Địa Tạng Bồ Tát là xây dựng nền móng, dạy lớp Một tiểu học, Quán Thế Âm Bồ Tát dạy lớp Hai, Văn Thù Bồ Tát dạy lớp Ba, Phổ Hiền Bồ Tát dạy lớp Bốn; lớp Một còn chưa dạy hoàn hảo thì những lớp phía trên không thể dạy nổi. Thế nên chư vị phải hiểu thành Phật bắt đầu từ chỗ nào? Hiếu thân tôn sư. Lớp Địa Tạng Bồ Tát dạy chính là lớp hiếu thân tôn sư, nếu lớp này học không được, thì khỏi cần nói những lớp khác. Hiếu thân tôn sư được hoàn hảo rồi, Quán Thế Âm Bồ Tát mới ra sức được, mới dạy đại từ đại bi được, mở rộng hiếu thân tôn sư ra, đó là việc Quán Thế Âm Bồ Tát dạy, đạo lý là như vậy. Thế nên lúc Phật chẳng còn tại thế, nhất định phải để Địa Tạng Bồ Tát thay thế Phật. Cho dù không thể đề cao cảnh giới này, bạn chân chánh làm được hiếu thân tôn sư thì sẽ không đọa ba đường ác; tuy không ra khỏi Tam giới, nhưng cũng chẳng đọa ba đường ác, bởi vậy nên đây là căn bản của Phật pháp.

Nếu chúng ta không thể xây dựng pháp căn bản thì nói thật ra học Phật chỉ là một [trồng một] nhân lâu xa mà thôi. Trong kinh Hoa Nghiêm có nói đến mười loại căn cơ, đây là viễn cơ, tức là đời này không đạt được lợi ích, trong Phật pháp bạn chỉ un đúc một chút hạt giống vào A Lại Da thức của bạn, phải đợi đời sau, đời sau nữa, nhiều đời nhiều kiếp sau, đến khi nào nhân duyên chín muồi mới làm tiếp tục, giúp chúng sanh trồng nhân cho kiếp lâu xa, trong đời này nhất định sẽ chẳng thấu hoạch được hiệu quả. Nếu trong pháp môn Địa Tạng này vun bồi cơ sở rồi, cũng nghĩa là làm được phước thứ nhất trong Tam Phước, chư vị phải biết, cả bộ kinh Địa Tạng giảng về điều gì? Chính là “*Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không sát hại, tu mười nghiệp thiện*”, chính là bốn câu này. Năm xưa tôi ở các thành thị miền đông nước Mỹ giảng Đại Ý kinh Địa Tạng, có nhiều người cảm thấy kỳ lạ: Tịnh Không pháp sư chuyên tu Tịnh Độ, chuyên hoằng Tịnh Độ, tại sao lại giảng kinh Địa Tạng?, có người hỏi tôi như vậy. Tôi nói: Quý vị không hiểu, những gì tôi giảng chính là phước thứ nhất trong “Tịnh Nghiệp Tam Phước”, vẫn chuyên tu chuyên hoằng, chẳng lìa khỏi Tịnh Tông.. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy phu nhân Vi Đề Hy, Vi Đề Hy phu nhân muốn cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, thỉnh đức Phật Thích Ca

dạy phương pháp vãng sanh cho bà. Trước khi truyền dạy phương pháp Niệm Phật, Ngài dạy bà tu Tịnh Nghiệp Tam Phước, dạy bà đây là cơ sở, ba đời chư Phật đều nhờ cơ sở này mới thành tựu. Giống như xây nhà vậy, dạy bạn làm sao xây nhà? Phải dạy bạn đắp nền móng, đắp nền móng xong rồi mới dạy bạn làm sao xây tiếp, bạn coi chuyện này quan trọng biết bao. Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên này chính là phước thứ nhất trong Tam Phước. Bạn nói quan trọng hay không!

Tại sao ở đạo tràng mới xây dựng tôi nhất định phải giảng kinh Địa Tạng mà chẳng giảng kinh khác? Không có tâm hiếu thuận cha mẹ, tôn sư trọng đạo thì không cần nói chuyện gì hết, bạn làm sao xây dựng Phật pháp? Phật pháp là giáo học, giáo dục, đạo thầy trò (Sư đạo), Sư đạo xây dựng trên cơ sở Hiếu đạo. Nếu chẳng có Hiếu đạo thì chẳng có Sư đạo, vậy còn phải nói gì nữa? Thế nên việc này rất quan trọng. Trong hai mươi mấy năm nay tôi vẫn chẳng quên đề xướng việc xây Từ đường, Từ đường là một trung tâm để dạy đạo Hiếu từ xưa đến nay ở Trung Quốc. Theo chánh sách hiện nay của chánh phủ, Từ đường của mỗi nhà chẳng còn nữa, đã bị phế bỏ rồi, âu cũng là một việc tốt. Sau khi phế bỏ thì phải xây cái mới, cái mới này nên xây như thế nào? Nên xây Từ đường cộng đồng, đừng xây cho từng nhà. Mỗi một huyện chỉ xây một Từ đường, Từ đường cho trăm họ. Trước kia là cho từng họ: Từ đường họ Trương, Từ đường họ Lý, cái mới của chúng ta phù hợp với chánh sách của quốc gia, xây Từ đường cộng đồng, tốt lắm! Người cả nước đoàn kết thành nhất tâm, mỗi năm mùa xuân, thu làm lễ cúng tế tổ tiên, do Huyện trưởng đứng ra cúng tế, như vậy hay lắm! Mỗi huyện có Từ đường chung của huyện, tốt lắm, chúng ta đề xướng Hiếu đạo; đừng xây cho từng họ từng họ nữa, làm cho các họ, tông tộc từng họ trong cả nước có thể đoàn kết lại. Phế bỏ một cái [tức từ đường cho riêng từng họ], kiến thiết một cái mới, tiến bộ hơn trước, thù thắng hơn trước. Như vậy là rất đúng. Tôi đề xướng xây dựng Tông Từ cho trăm họ, không những mỗi huyện nên xây một cái, những nơi ở hải ngoại có kiều bào đều nên xây dựng giống vậy.

Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây.

Tập 08 (Số 14-12-08)

Xin mở kinh, phẩm thứ hai: Phân Thân Tập Hội, bắt đầu từ đoạn thứ hai.

Nhĩ thời Thế Tôn thư kim sắc tỷ, ma bách thiên vạn ức bất khả tư, bất khả nghị, bất khả lượng, bất khả thuyết vô lượng a-tăng-kỳ thế giới chư phân thân Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát đảnh.

爾時世尊舒金色臂。摩百千萬億不可思。不可議。不可量。不可說無量阿僧祇世界諸分身地藏菩薩摩訶薩頂。

(Lúc bấy giờ đức Thế Tôn đưa cánh tay sắc vàng xoa đảnh các phân thân của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát trong trăm ngàn vạn ức chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn, chẳng thể tính, chẳng thể nói vô lượng a-tăng-kỳ thế giới.)

Lần trước giảng đến chỗ này, ý tứ trong đó rất sâu. Từ đoạn khai thị này của Thế Tôn chúng ta biết phân thân của Địa Tạng Bồ Tát thật là vô lượng vô biên. Tại sao Bồ Tát phải dùng nhiều phân thân như vậy? Chúng ta phải nghĩ đến vấn đề này, nhất định là vì chúng sanh tạo ác nghiệp ở mười phương thế giới quá nhiều, nên Địa Tạng Bồ Tát cần phải phân thân đi độ hóa. Đây là hiển thị ý nghĩa này, người tạo ác nghiệp nhiều vô lượng vô biên. Thế Tôn nói tiếp:

Nhi tác thị ngôn:

而作是言。

(Rồi nói rằng:)

Đây là lời Phật Thích Ca nói:

Ngô u ngũ trược ác thế, giáo hóa như thị cang cường chúng sanh, lịnh tâm điều phục xả tà quy chánh. Thập hữu nhất nhị thượng ác tập tại.

吾於五濁惡世。教化如是剛強眾生。令心調伏捨邪歸正。十有一二尚惡習在。

(Ta ở trong đời ác Ngũ Trược giáo hóa những chúng sanh ương ngạnh như vậy, làm cho tâm họ điều phục, bỏ tà về chánh. Trong mười phần còn một, hai phần vẫn theo thói ác.)

Đức Phật an ủi Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát từ bi đến cùng cực. Cùng một đạo lý, đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng từ bi đến cùng cực, Bồ Tát phân thân vô lượng vô biên, Phật có khác gì đâu? Trong kinh Phạm Võng chúng ta thấy trăm ngàn ức hóa thân Thích Ca Mâu Ni

Phật. Địa Tạng và Thế Tôn như vậy, chúng ta liên liên tưởng đến hết thấy chư Phật Bồ Tát chẳng có vị nào không như vậy. Thế nên việc này nói cho chúng ta biết Phật, Bồ Tát còn nhiều hơn số người tạo tội nghiệp, lòng đại từ đại bi này chúng ta chẳng tìm đủ ngôn từ để tán thán. Nhưng chúng sanh đích thật ương ngạnh khó giáo hóa, tập khí quá nặng. Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, dạy cho họ cải tà quy chánh, ở đây nói “*trong mười người có một, hai vẫn còn tập khí ác*”, nói cách khác, bảy tám người trong mười người đã được Phật, Bồ Tát độ thoát rồi, như vậy số người được độ thoát không phải rất nhiều sao? Chư vị nên biết số người nói ở đây là chỉ những chúng sanh căn cơ chín muồi, không nói đến những chúng sanh căn cơ chưa chín muồi. Cũng có nghĩa là thiện căn, phước đức của họ đã thành thực rồi, Phật, Bồ Tát đến tạo duyên phụ giúp họ, là ý tứ như vậy. Đa số những người này đều có thể tiếp nhận Phật pháp, y giáo phụng hành, nhưng vẫn còn thiếu số một, hai trong mười người, vẫn còn tập khí ác. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy có mười loại chúng, liệt kê ra mười loại đến nghe kinh trong những đoàn thể nhỏ, chúng ta có thể nhận biết được. Trên thực tế thì trong đạo tràng của chúng ta cũng có thể nhận biết. Nếu họ chẳng có thiện căn phước đức, chúng ta giảng kinh ở đây họ đời nào chịu đến nghe! Cũng rất chăm chú nghe, hình như cũng rất gắng sức tu hành, nhưng một lát thôi rồi tập khí tật xấu gì cũng khởi lên lại, đây là thuộc về “*một, hai trong mười*” này. Hạng này được độ trong đời này không? Không thể được, chỉ trồng thiện căn mà thôi. Cho nên Phật giao những chúng sanh này cho Địa Tạng Bồ Tát, Phật chưa độ hết những người căn tánh chưa chín muồi này, nhờ Địa Tạng Bồ Tát độ tiếp, mãi cho đến khi Phật Di Lặc ra đời. Chúng ta xem tiếp kinh văn:

Ngô diệc phân thân thiên bách ức, quảng thiết phương tiện.

吾亦分身千百億。廣設方便。

(Ta cũng phân thân ngàn trăm ức, rộng bày phương tiện.)

Ở đây đức Phật Thích Ca nói ra, phía trước là nói sơ lược, ở đây nói kỹ hơn, chia căn tánh của chúng sanh thành bốn loại, ba loại trong đó đều được độ, loại chót chính là “*một, hai trong mười*”, cụ thể nói rõ ra.

Hoặc hữu lợi căn văn tức tín thọ.

或有利根聞即信受。

(Hoặc có kẻ lợi căn, vừa nghe liền tin nhận.)

Đây là người thượng thượng căn, vừa tiếp xúc Phật pháp liền tin tưởng, liền tiếp nhận, y giáo phụng hành, họ liền được độ, đây là [chúng sanh] được độ vào thời Chánh Pháp. Hạng thứ hai:

Hoặc hữu thiện quả cần khuyến thành tựu.

或有善果勤勸成就。

(Hoặc kẻ có thiện quả, phải ân cần khuyến bảo mới thành tựu.)

Thiện căn, phước đức cũng khá sâu dày, nhưng thua hạng người kể trên. Nếu chúng ta xếp vào ba thời kỳ trong pháp vận của Phật, đây là [chúng sanh] được độ trong thời Tượng Pháp, còn thuộc hàng lợi căn, tốt hơn chúng ta bây giờ.

Hoặc hữu ám độn cửu hóa phương quy.

或有暗鈍久化方歸。

(Hoặc có kẻ ám độn, giáo hóa thật lâu mới có thể quay về.)

Đây là hạng căn tánh ám độn. “Ám” là không có trí huệ, “độn” là căn tánh không lanh lợi. Đối với chúng sanh hạng này, Phật cũng chẳng bỏ rơi. “Cửu hóa” nghĩa là phải dùng thời gian rất dài để giúp đỡ họ. Chúng ta thường nói “đi sâu vào một môn, huân tu trong thời gian dài”, họ từ từ cũng sẽ giác ngộ. Đây là những chúng sanh thời Mạt Pháp.

Hoặc hữu nghiệp trọng bất sanh kính ngưỡng.

或有業重不生敬仰。

(Hoặc có kẻ nghiệp nặng, chẳng sanh lòng kính ngưỡng.)

Đây không phải là những người bên ngoài, là chỉ bốn chúng đệ tử trong nhà Phật, thậm chí cũng đã xuất gia, thọ giới, làm pháp sư, làm trụ trì, đối với Phật pháp chẳng sanh kính ngưỡng. Tuy nhìn thấy tượng Phật cũng đánh lễ, lạy, tuyệt chẳng y giáo phụng hành, như vậy là không có lòng kính ngưỡng; nếu có lòng kính ngưỡng thì nhất định sẽ y giáo phụng hành. Họ chẳng chịu làm, Phật dạy chúng ta không tham, [nhưng họ] cứ tham, chẳng bỏ lỡ, Phật dạy chúng ta không si, họ vẫn si mê như cũ, hạng người này chính là “không sanh lòng kính ngưỡng”. Tại sao không sanh kính ngưỡng? Nghiệp chướng nặng, tuy họ nghe lời Phật giảng, cũng biết nói, nhưng lại hoài nghi. Coi trọng lợi ích trước mắt, họ

chẳng chịu xả bỏ, chẳng chịu buông xuống, cùng người thế gian tranh danh đoạt lợi, sai lầm ở chỗ này. Hạng chúng sanh này tức là loại “*một, hai trong mười*” nói ở trên. Họ tiếp xúc Phật pháp, trông thiện căn trong ấy nhưng đời này không thể thành tựu. Đây là sau khi pháp của Thế Tôn đã diệt, vị Phật kế đó, Di Lặc Bồ Tát thành Phật, khi nào mới đến? Trong kinh Di Lặc Hạ Sanh nói năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, Phật Di Lặc mới hạ sanh. Thời gian này được tính như thế nào? Trên thực tế chư vị tính thử xem, không khó, có thể tính ra. Di Lặc Bồ Tát hiện nay đang ở trời Đâu Suất, một ngày ở trời Đâu Suất bằng bốn trăm năm ở nhân gian, thọ mạng người cõi trời Đâu Suất rất dài, cũng tính một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày, y theo cách tính này; Tứ Vương thiên thọ mạng năm trăm tuổi, Đạo Lợi thiên thọ mạng một ngàn tuổi, Dạ Ma thiên thọ mạng hai ngàn tuổi, Đâu Suất thiên thọ mạng bốn ngàn tuổi. Cách tính bốn ngàn tuổi là một ngày của họ bằng bốn trăm năm ở cõi người, cứ như vậy tính ra, đại khái tức là năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, con số này là do người đời trước tính ra. Chính xác hay không chẳng quan hệ, bạn có thể tự tính được.

Sau thời gian dài như vậy, Phật Di Lặc mới xuất hiện ở nhân gian. Thời gian không có Phật trước đó thật là dài, quá dài, trong thời gian này Thế Tôn nhờ Địa Tạng Bồ Tát thay thế Phật độ hóa những chúng sanh khổ nạn. Cho nên lúc Phật không trụ thế, Địa Tạng Bồ Tát là người đại diện cho Phật. Do đó trong pháp hội chúng ta thấy Văn Thù, Phổ Hiền Bồ Tát rất cung kính Địa Tạng Bồ Tát, vì Địa Tạng Bồ Tát là người đại diện cho Phật. Trong những kinh điển khác chúng ta thấy lễ tiết, ngôn từ không giống nhau, rất là cung kính.

Như thị đẳng bối chúng sanh, các các sai biệt phân thân độ thoát.

如是等輩眾生。各各差別分身度脫。

(Những hạng chúng sanh sai khác như vậy, Ta đều phân ra nhiều thân khác nhau để độ thoát cho từng hạng.)

Ân đức lớn lao của chư Phật, Bồ Tát đối với chúng sanh trên thế gian này chẳng có gì bằng, ai có thể sánh bằng? Trong mỗi niệm không hề xả bỏ chúng sanh, căn chín muối cũng độ, căn chưa chín muối cũng độ. Căn chưa chín thì giúp cho họ trở thành chín; đã chín rồi thì nhất định sẽ được độ. Thời Mạt Pháp chúng sanh có căn cơ chín muối chính là Tịnh Độ, người có thể chân chánh tin tưởng lời dạy trong Tịnh Độ,

chắc thật niệm Phật cầu nguyện vãng sanh. Người có căn chín muôi trong thời Mật Pháp sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới bất thoái thành Phật, đó là căn chín muôi. Chúng sanh căn tánh chưa chín muôi trong thời Mật Pháp là những ai? [Là những người] chẳng thể tiếp nhận giáo pháp Tịnh Độ. Ngày nay chúng ta thấy những người học Thiền, học Mật, học những pháp môn khác, chúng ta rất rõ ràng, tại sao vậy? Trong đời này họ nhất định chẳng có khả năng tự mình đoạn phiền não, những pháp môn thông thường chẳng ngoại lệ. Khi Kiến Tư phiền não đoạn dứt mới có thể vượt thoát khỏi sáu nẻo luân hồi, tuy thoát khỏi sáu nẻo luân hồi nhưng vẫn còn trong mười pháp giới, mười pháp giới vẫn còn là một vòng quanh quẩn to lớn, vẫn còn giới hạn. Còn phải đoạn Trần Sa phiền não, rồi tiến lên phá một phẩm vô minh mới siêu việt mười pháp giới, chứng được Pháp Thân, vãng sanh về Nhất Chân pháp giới.

Nhất Chân pháp giới nói trong kinh Hoa Nghiêm hơn phân nửa là Hoa Tạng thế giới. Khó lắm! Chuyện này quá khó, khó vô cùng! Đừng nói đoạn hết [tất cả] Kiến Tư phiền não, một phẩm Kiến Tư cũng chẳng dễ, có bao nhiêu người có thể phá Thân Kiến của mình, có thể không nghĩ về sự hưởng thụ của thân này? Cửa ải này phá xong thì mới phá một phần của Kiến Tư, mới phá một phẩm của tám mươi tám phẩm. Tuyệt chẳng khởi tâm động niệm muốn cho thân này hưởng thụ thì mới phá được một phẩm Thân Kiến; tám mươi tám phẩm mới phá được một phẩm thì chẳng dùng được. Từ chỗ này chúng ta mới biết tu học những pháp môn khác thực sự cần phải có lợi căn, thiện quả như Phật nói mới được. Lợi căn, thiện quả gì chúng ta cũng không có, chỉ có một chút thiện căn, phước đức, nhân duyên này, nghe được giáo pháp Tịnh Độ, hết lòng chắc thật niệm Phật, như vậy mới có được một chút thành tựu.

Đoạn kinh văn phía sau giảng về phổ hiện sắc thân, như kinh Lăng Nghiêm nói nên dùng thân gì để độ hóa thì Phật, Bồ Tát dùng thân đó. Phật, Bồ Tát ở thế gian, chúng ta phàm phu mắt thịt nhìn không ra, nói thật ra trong thế gian có rất nhiều, rất nhiều, trong những người buôn bán, người giúp việc cũng có Phật, Bồ Tát. Chúng ta không có cảnh giác cao nên thường mắc lỗi, khinh mạn, khinh dễ Phật, Bồ Tát, tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp, tự mình không biết, Phật, Bồ Tát tuyệt đối chẳng trách mắng bạn. Những người hiểu rõ sự thật này nhất định sẽ chẳng dám khởi tâm khinh mạn đối với hết thảy chúng sanh. Ý nghĩa quan trọng của chư Phật, Bồ Tát thị hiện như vậy là để dạy chúng ta tu Phổ Hiền Hạnh “*lễ kính chư Phật*”, đối với hết thảy người, sự, vật đều phải chân thành cung kính, đoạn dứt phiền não cống cao ngã mạn của

mình. Mọi người đều biết trong lịch sử, hai vị Hàn Sơn, Thập Đắc ở chùa Quốc Thanh là hóa thân của Văn Thù và Phổ Hiền. Các Ngài làm gì trong chùa? Làm công việc lật vật, chẻ củi, gánh nước trong nhà bếp. Có ai kính trọng các Ngài! Phong Can là A Di Đà Phật tái lai, Ngài làm gì trong chùa? Giã gạo, làm công việc nặng nhọc trong nhà bếp, phục vụ đại chúng, trong chùa không có một ai kính trọng Ngài. Sau này người ta biết được, mới biết Phật, Bồ Tát vốn đang chăm sóc cho chúng ta, chúng ta mỗi ngày mắc lỗi với các Ngài, có hối hận cũng không kịp. Đạo tràng của chúng ta không lẽ chẳng có Phật, Bồ Tát hay sao? Có thể Phật, Bồ Tát đang làm việc trong nhà bếp mà các bạn không biết, mỗi ngày đều dèm chê họ. Thế nên phải biết hóa thân của chư Phật, Bồ Tát thực sự đều ở xung quanh chúng ta. Ở đây nêu ra vài thí dụ để nói rõ thêm:

Hoặc hiện nam tử thân, hoặc hiện nữ nhân thân, hoặc hiện thiên long thân, hoặc hiện thần quỷ thân.

或現男子身。或現女人身。或現天龍身。或現神鬼身

(Hoặc hiện thân người nam, hoặc hiện thân người nữ, hoặc hiện thân trời, rồng, hoặc hiện thân quỷ, thần.)

Mắt thịt chúng ta nhìn chẳng thấy những vị này, họ thấy chúng ta, họ ở xung quanh chúng ta, có thể ảnh hưởng chúng ta. Lúc trước lão cư sĩ Châu Kính Trụ kể cho tôi nghe nhân duyên dẫn cụ học Phật, ban đêm cụ nhìn thấy quỷ nên mới tin tưởng. Cụ là người học khoa học, cũng làm quan khá lớn, cứ cho rằng những chuyện này là mê tín, chẳng bao giờ chịu tin. Cụ tiếp xúc được rất nhiều, nhưng thấy người khác, nghe người khác kể đều coi như nghe kể chuyện cổ tích, bán tín bán nghi. Cụ làm sao sanh khởi lòng tin chân chánh được? Cụ kể cho tôi nghe, trong thời kháng chiến cụ đang ở Trùng Khánh, ban đêm đánh bài “mà chược” đến một, hai giờ khuya mới về nhà. Lúc đó chẳng có xe, phải đi bộ, cách rất xa mới có một cột đèn, đại khái cỡ chừng hai mươi nến, trên đường tối đen như mực. Trên đường đi về nhà, khoảng đường khá dài, cũng chẳng có cảm giác gì khác lạ. Cụ thấy có một người đang đi trước cụ chẳng xa, là một người đàn bà, cụ cứ đi như vậy cũng chẳng để ý. Sau khi đi được một lúc cụ bỗng nhiên giật mình, [đặt câu hỏi] tại sao bà này đi lang thang một mình trong đêm tối? Nghĩ như vậy nên cụ nổi da gà, nhìn kỹ lại mới thấy bà này chỉ có phân nửa thân phía trên, chẳng thấy thân phía dưới, lúc bấy giờ cụ mới thực sự khiếp sợ. Nhờ gặp chuyện này nên cụ mới bắt đầu học Phật. Sau khi học Phật, cụ nói chắc là hóa thân của

Quán Thế Âm Bồ Tát “*hoặc hiện thân quý thân*”, nếu chẳng thấy tận mắt, bất kỳ ai nói, cụ cũng sẽ bán tín bán nghi, coi như nghe chuyện cổ tích, nhờ [cụ nhìn thấy bà này nên] mới bước vào cửa Phật. Phía dưới:

Hoặc hiện sơn lâm xuyên nguyên, hà trì tuyên tỉnh, lợi cập u nhân, tất giai độ thoát.

或現山林川原。河池泉井。利及於人。悉皆度脫。

(*Hoặc hiện núi rừng, nguồn sông, đồng bằng, sông hồ, suối giếng để làm lợi ích cho con người, làm cho tất cả đều được độ thoát.*)

Đây là hiện “*thân vô tình*”. Hiện nay mọi nơi đều đề xướng du lịch ngắm cảnh, lúc bạn đi du lịch, đi chơi nhìn thấy những cây cối, hoa cỏ, những cảnh núi sông này, sau khi nhìn thấy bèn có cảm nhận giác ngộ, [những cảnh tượng này] đều là chư Phật, Bồ Tát biến hiện. Tại sao người khác nhìn thấy không khai ngộ mà bạn nhìn lại khai ngộ? Cho nên một ngýời khai ngộ không nhất định phải là nhân duyên gì, phạm những gì giúp đỡ bạn khai ngộ, bất luận là người, sự, vật đều là Phật, Bồ Tát gia trì. Từ đó bạn mới biết, không những Phật, Bồ Tát thị hiện làm chúng sanh hữu tình mà còn thị hiện chúng sanh vô tình ở xung quanh bạn nữa. Chúng ta không biết ngôn ngữ, thân thể tạo tác, khởi tâm động niệm [của chúng ta], thậm chí tự mình không biết mình ngu si ám độn, nhưng Phật, Bồ Tát biết rõ ràng, minh bạch. Người Trung Quốc thời xưa có câu: “*Trên đầu ba thước có thần minh*”, lời này chẳng giả. Số quý thần nhiều, số Phật, Bồ Tát còn nhiều hơn, đều là đại từ đại bi, niệm niệm không gì chẳng là cảm hóa chúng ta, làm cho chúng ta quay về, sớm một ngày thoát khỏi lục đạo luân hồi, không tạo ác nghiệp nữa. Thế nên phạm những gì có lợi cho chúng sanh, đặc biệt là có lợi cho chúng sanh khai ngộ, giải thoát, chúng ta biết đều là Phật, Bồ Tát gia trì, chẳng có nơi nào Phật, Bồ Tát không hiện thân.

Hoặc hiện Thiên Đế thân, hoặc hiện Phạm Vương thân.

或現天帝身。或現梵王身。

(*Hoặc hiện thân Thiên Đế, hoặc hiện thân Phạm Vương.*)

Chúng ta đọc đến đây thì đừng coi thường những tín đồ tôn giáo khác. Đối với hết thảy tín đồ tôn giáo khác chúng ta phải cung kính, tâm và thái độ cung kính họ cùng tâm và thái độ đối với Phật, Bồ Tát chẳng khác. Tại sao vậy? Những hạng chúng sanh nào Phật độ không được, họ

tin Thượng Đế, thì Phật, Bồ Tát hiện thân Thượng Đế để độ họ, như vậy không phải là cùng một chuyện hay sao? Chẳng có gì khác nhau hết. Chẳng qua là Ngài chỉ quẹo qua một ngõ khác mà thôi, phải sanh lên trời rồi sau đó mới học Phật. Hiện nay chúng ta đang học Phật thì thù thắng hơn họ rất nhiều, họ phải đi đường vòng quanh. Họ chẳng cung kính chúng ta là đương nhiên rồi, họ chẳng hiểu, có thành kiến, có chấp trước, bài xích. Chúng ta đối với họ chẳng thể không cung kính, chúng ta biết Phật, Bồ Tát hóa thân trên trời và nhân gian vô lượng vô biên. “*Thiên Đế*” là danh xưng của người Trung Quốc gọi Ngọc Hoàng đại đế, là vị được Đạo Giáo sùng bái. Thượng Đế của một số tôn giáo Tây phương đại khái là Đạo Lợi thiên chủ. “*Phạm Vương*” là Đại Phạm thiên vương, có một số tôn giáo ở Ấn Độ sùng bái Đại Phạm thiên.

Hoặc hiện Chuyển Luân Vương thân.

或現轉輪王身。

(Hoặc hiện thân Chuyển Luân Vương.)

Chuyển Luân Vương là người có phước báo lớn nhất trong cõi người. Những báo cáo về khoa học cận đại thường đăng tin có những vật phi hành chẳng rõ từ đâu ngoài không gian xuất hiện trên trái đất. Những báo cáo này rất nhiều, thậm chí còn nói có người ngoài không gian. Luân Bảo của Luân Vương nói thật ra rất giống với đĩa bay, đây là công cụ giao thông và cũng là vũ khí của Ngài. Cho dù những người này lái đĩa bay đến đây, có phải họ là Chuyển Luân Vương không? Không chắc, Chuyển Luân Vương sai người đến đây khảo sát tình hình, nhất định chẳng phải Chuyển Luân Vương. Làm sao biết được? Chuyển Luân Vương từ bi, đối với hết thảy chúng sanh tuyệt đối chẳng gây tổn hại. Thế nên chúng ta có thể nói nếu là công cụ giao thông của Luân Vương thì họ nhất định là sứ giả của Luân Vương. Cũng giống như ngày nay chúng ta phái người đi thám hiểm ngoài không gian, phi hành gia Mỹ đã đi, phi hành gia Nga cũng đi rồi, tuyệt đối chẳng phải tổng thống Mỹ, tổng thống Nga, là họ phái người đi, đây là chuyện chúng ta có thể tưởng tượng được. Hiện thân Chuyển Luân Vương.

Hoặc hiện cư sĩ thân.

或現居士身。

(Hoặc hiện thân cư sĩ.)

Người tại gia học Phật.

Hoặc hiện Quốc Vương thân, hoặc hiện Tể phụ thân.

或現國王身。或現宰輔身。

(Hoặc hiện thân Quốc Vương, hoặc hiện thân Tể phụ.)

Tể phụ là quan, chúng ta gọi là quan lớn, hiện nay những chức Tổng lý, Thủ tướng, Bộ trưởng đều là [chức] Tể phụ.

Hoặc hiện quan thuộc thân.

或現官屬身。

(Hoặc hiện thân các quan thuộc.)

Đây là những quan viên trong chính phủ, là thân phận người tại gia.

Hoặc hiện Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thân.

或現比丘・比丘尼・優婆塞・優婆夷身。

(Hoặc hiện thân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.)

Đây là thị hiện thân phận của người học Phật. Vì ở đây có ghi Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, phía trước ghi cư sĩ, giữa hai hạng này có chỗ khác nhau. Cư sĩ không nhất định là người học Phật, là những người tại gia có học thức, có đạo đức, chẳng làm quan. Ở đây có chút sai khác như vậy.

Nãi chí Thanh Văn, La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát đẳng thân, nhi dĩ hóa độ, phi dẫn Phật thân độc hiện kỳ tiền.

乃至聲聞・羅漢・辟支佛・菩薩等身。而以化度。非但佛身獨現其前。

(Cho đến thân Thanh Văn, La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, v.v... để hóa độ, chứ chẳng phải chỉ có thân Phật hiện ra trước chúng thôi đâu.)

Đức Phật Thích Ca thị hiện lần này là dùng thân Phật thị hiện. Ngoại trừ dùng thân Phật ra, Ngài còn dùng những thân khác thị hiện, trăm ngàn vạn ức Ứng hóa thân đều ở trong thế gian chúng ta. Nếu chúng ta hỏi đức Phật Thích Ca hiện nay có ở đây không? Đương nhiên

là có, chẳng dùng thân Phật để xuất hiện. Phàm phu chúng ta cứ cho rằng đức Phật Thích Ca đã diệt độ rồi, là thân tướng của Phật diệt độ. Nếu Ngài thị hiện thân người nam, người nữ, thiên long, quỷ thần, cư sĩ, tể quan, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni thì chúng ta làm sao nhận ra? Lúc nào cũng có, nơi nào cũng có. Trên lịch sử chúng ta chỉ biết đại sư Trí Giả là đức Phật Thích Ca Mâu Ni tái lai, Ngài hiện thân tỳ-kheo. Đây là thân phận lộ ra mọi người mới biết được, thân phận khác chưa lộ ra quá nhiều, quá nhiều! Thân phận lộ ra chỉ là một phần vạn, hai phần vạn mà thôi, đại đa số thân phận chẳng lộ ra. Nếu thân phận thường thường lộ ra thì có ảnh hưởng phụ đôi với sự hoằng truyền Phật giáo, chẳng có lợi cho việc giáo hóa chúng sanh, chỉ lâu lâu mới lộ một lần, việc này chúng ta nhất định phải biết. Thế nên đối với hết thảy mọi người phải giữ lòng cung kính, thái độ của chúng ta phải thường giữ tâm hoan hỷ, phải hiểu đạo lý này, chư Phật, Bồ Tát không ai là chẳng vậy. Xem tiếp đoạn kinh kể:

Nhữ quán: Ngô lũy kiếp căn khổ, độ thoát như thị đẳng nan hóa cang cường tội khổ chúng sanh.

汝觀吾累劫勤苦。度脫如是等難化剛強罪苦眾生。

(Ông xem: Ta trải qua bao số kiếp căn cù khổ nhọc độ thoát những chúng sanh ương ngạnh, đầy tội khổ, khó khai hóa như thế.)

Đức Phật Thích Ca thị hiện làm gương mẫu cho Bồ Tát, dạy Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân thì sẽ có khả năng biến hóa trăm ngàn vạn ức hóa thân. Đáng nên học Phật, quảng độ chúng sanh. Viên Giáo Sư Trụ Bồ Tát, Biệt Giáo Sư Địa Bồ Tát có thể tùy loại hóa thân. Trong kinh Lăng Nghiêm chúng ta thấy Quán Thế Âm Bồ Tát, chư vị nhất định phải biết Quán Thế Âm Bồ Tát trong kinh Lăng Nghiêm là Sơ Trụ Bồ Tát, chẳng phải là Đẳng Giác Bồ Tát. Ngài thuật lại quá trình tu hành của mình, lý luận và phương pháp tu hành, báo cáo cho đại chúng biết. Công phu của Ngài là “*xoay trở vào trong nghe Tự Tánh, Tánh thành Vô Thượng Đạo*”. Phá một phẩm vô minh, kiến tánh xong thì Ngài có năng lực ba mươi hai Ứng. Thế nên trong hội Lăng Nghiêm chúng ta biết Quán Âm là Sơ Trụ Bồ Tát, Phát Tâm Trụ, Bồ Đề tâm vừa mới phát bèn có năng lực lớn như vậy. Quán Âm Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm, sau này sẽ giảng đến năm mươi ba lần tham vấn của Thiện Tài đồng tử, tham vấn Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát này đại biểu quả vị Thất Hồi Hướng, Thất Hồi Hướng Bồ Tát. Trong kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn là Đẳng Giác Quán Thế Âm Bồ Tát. Bồ

Tát giống như Phổ Hiền trong kinh Hoa Nghiêm vậy, có “đạo tiền”, có “đạo vị”, đạo tiền là trước lúc chứng Đăng Giác, có thể nói là từ quả vị Sơ Tín đến Pháp Vân Địa gọi là đạo tiền; Đăng Giác là đạo vị. Sau khi thành Phật, thả chiếc bè Từ, lại dùng thân Bồ Tát độ hóa chúng sanh, cùng việc Thế Tôn nói ở đây chẳng nhất định phải hiện thân gì, Ngài có khả năng tận hư không, trọn khắp pháp giới cùng hết thấy chúng sanh cảm ứng đạo giao, chúng sanh có cảm, Ngài liền có ứng. Cảm của chúng sanh có hiển, có ẩn, hiển là gì? Có tâm cầu Phật, Bồ Tát. Ẩn là gì? Tâm niệm cầu Phật, Bồ Tát tự mình cũng chẳng biết, việc này rất kỳ lạ. Tại sao mình cầu Phật, Bồ Tát đến giúp đỡ mà tự mình chẳng biết? Nói thật ra là vì thiện căn phước đức của mình đã chín muồi, tự mình chẳng biết. Nhưng mức chín muồi này của bạn cảm động đến Phật, Bồ Tát, chư Phật, Bồ Tát nhất định sẽ ứng hóa đến tạo cho bạn tăng thượng duyên, để giúp đỡ bạn, thành tựu cho bạn. Bạn chẳng tìm Ngài, Ngài đến tìm bạn, trong kinh Vô Lượng Thọ có nói: “*Làm người bạn chẳng thỉnh của hết thấy chúng sanh*”, bạn chẳng mời họ, họ tự động tới. Phía sau là đoạn Thế Tôn nhờ Ngài:

Kỳ hữu vị điều phục giả tùy nghiệp báo ứng, nhược đạo ác thú thọ đại khổ thời, như đương ức niệm, ngộ tại Đạo Lợi thiên cung ân cần phó chúc, lĩnh Sa Bà thế giới chí Di Lặc xuất thế dĩ lai chúng sanh, tất sử giải thoát vĩnh ly chư khổ ngộ Phật thọ ký.

其有未調伏者隨業報應。若墮惡趣受大苦時。汝當憶念。吾在忉利天宮殷勤付囑。令娑婆世界至彌勒出世已來眾生。悉使解脫永離諸苦遇佛授記。

(Còn những kẻ chưa được điều phục thì theo nghiệp mà chịu báo ứng. Nếu họ đạo vào đường dữ và chịu nhiều sự đau khổ thì ông nên nhớ Ta ở cung trời Đạo Lợi đã ân cần phó chúc [ông] làm cho chúng sanh ở thế giới Sa Bà đến lúc đức Phật Di Lặc xuất thế đều được độ thoát, vĩnh viễn xa lìa các sự khổ, được gặp Phật và được thọ ký.)

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tại cung trời Đạo Lợi ân cần ủy thác công việc giáo hóa chúng sanh cho Địa Tạng Bồ Tát, vô cùng rõ ràng, minh bạch. [Những người] đã từng trong thời gian giáo hóa của Thế Tôn, kể cả thời Mật Pháp, cũng có nghĩa là trong pháp vận mười hai ngàn năm của đức Phật Thích Ca, những người đã được nghe danh hiệu Phật, nhìn thấy tượng Phật, lúc Phật còn tại thế đã thấy Phật, lúc Phật

chẳng còn tại thế đã nhìn qua hình tượng của Phật, hoặc là tượng điêu khắc, hoặc là tranh vẽ. Hoặc nghe đến danh hiệu của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nhìn qua hình tượng của Tam Bảo, bất luận Tam Bảo này là thật hay giả, có tu hoặc chẳng có tu, đều không quan trọng vì chỉ cần họ có dịp tiếp xúc thì đều được trồng thiện căn. Tuy đã trồng thiện căn nhưng ác nghiệp tập khí của họ quá nặng. Có thiện căn dày thì sanh một chút cung kính, không chịu y giáo phụng hành; thiện căn mỏng thì không những chẳng sanh tâm cung kính, ngược lại còn hủy báng. Thế nên chư vị phải biết, lúc mới học Phật chúng ta bị một chút hủy báng chẳng đáng kể gì hết. Chư Phật Như Lai ứng hóa nơi thế gian này, bị hủy báng quá nhiều, quá nhiều rồi, Phật chẳng giữ trong tâm, đây là việc chúng ta nên học các Ngài. Bị những sự sỉ nhục, hủy báng này, chúng ta nhìn chúng sanh tạo tội nghiệp phải nên khởi tâm thương xót, làm sao chúng ta có thể phiền họ được? Làm sao có thể trách họ được? Nếu còn sanh khởi tâm muốn trả đũa thì bạn hoàn toàn sai mất rồi. Bạn phải biết họ ngu si, họ chẳng có trí huệ, phiền não tập khí của họ quá nặng nên họ mới tạo tác ác nghiệp, thương xót họ còn không kịp thì có lý nào trách móc họ! Đây là chư Phật, Bồ Tát thị hiện cho chúng ta xem, dạy chúng ta làm sao học tập. Người tạo ác nghiệp thì nhất định phải đọa địa ngục, “*nếu đọa vào đường dữ và lúc chịu nhiều đau khổ*”, đây là đọa địa ngục, tạo tội nghiệp trong Phật pháp.

Sau đó là lời Thế Tôn phó chúc, “*nhữ đương ưc niệm*”, “*nhữ*” là chỉ Địa Tạng Bồ Tát, lời này là nói với Địa Tạng Bồ Tát: Ông nên nghĩ đến. “*Ngô*” là đức Phật Thích Ca tự xưng, Thế Tôn “*tại Đạo Lợi thiên cung*”, hôm nay “*ân cần phó chúc*”, nhờ ông làm việc này. “*Lịnh Sa Bà thế giới, chí Di Lặc xuất thế dĩ lai chúng sanh*”, đây chẳng phải là chúng sanh thông thường, đều đã gặp được Phật pháp, những chúng sanh tạo tội nghiệp nơi Tam Bảo, chúng ta phải hiểu rõ việc này. Cũng như phía trước có nói: “*Một, hai trong mười người*”, số lượng trong đó rất nhiều. Mỗi đến lúc Phật Di Lặc xuất thế, thời gian này dài năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, là người xưa nói như vậy.

“*Tất sử giải thoát, vĩnh ly chư khổ, ngộ Phật thọ ký*”, Địa Tạng Bồ Tát dùng pháp môn gì? Nói cho quý vị biết Ngài dùng pháp môn Niệm Phật. Nghiệp chướng, tập khí của chúng sanh đời Mạt Pháp rất nặng, những pháp môn khác nhất định không thể thành tựu. Tuy nói pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp, nhưng căn tánh chúng sanh chẳng đồng, tập nhiễm chẳng đồng, tu học những pháp môn khác khó khăn, pháp môn Niệm Phật dễ hơn. Phía trước chúng ta thấy cô Bà La

Môn, sau đó là cô Quang Mục, cả hai đều dùng pháp môn Niệm Phật. Chỉ có pháp môn Niệm Phật, vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mới được thực sự giải thoát, vĩnh viễn xa lìa các sự khổ, gặp Phật A Di Đà được Ngài thọ ký, đây đều là sự thật.

Nhĩ thời chư thế giới phân thân Địa Tạng Bồ Tát, cộng phục nhất hình thể lệ ai luyến.

爾時諸世界分身地藏菩薩。共復一形涕淚哀戀。

(Bấy giờ các phân thân của Địa Tạng Bồ Tát ở các thế giới hợp lại thành một hình, rơi lệ ai luyến.)

Đây là Địa Tạng Bồ Tát tiếp nhận lời phó thác của đức Phật Thích Ca, lúc đó Ngài rất cảm động. Vô lượng phân thân có thể hợp thành một thân.

Bạch kỳ Phật ngôn: “Ngã tùng cứu viễn kiếp lai mộng Phật tiếp dẫn, sử hoạch bất khả tư nghị thần lực cụ đại trí huệ”.

白其佛言。我從久遠劫來蒙佛接引。使獲不可思議神力具大智慧。

(Bạch Phật rằng: “Từ số kiếp lâu xa đến nay, con nhờ đức Phật tiếp độ dẫn dắt, khiến cho con có thần lực chẳng thể nghĩ bàn, đầy đủ trí huệ rộng lớn”.)

Đây là những lời cảm ơn, chúng ta phải thể hội ý tứ này, tri ân báo ân. Địa Tạng Bồ Tát có thành tựu như vậy, Ngài nghĩ lúc ban đầu cũng là phàm phu tu học thành tựu. Được sự giúp đỡ của chư Phật, Bồ Tát nên Ngài mới có thành tựu như vậy. Luôn luôn chẳng quên cội nguồn, đoạn kinh này dạy chúng ta phải tri ân. Thân chúng ta có được từ cha mẹ, cha mẹ sanh mình, nuôi mình. Khi mình khôn lớn thành người rồi, có bao nhiêu người có thể nghĩ đến ân đức của cha mẹ? Cầu học, học thành tài rồi, có được bằng cấp, có bao nhiêu người nghĩ đến ân đức của thầy giáo? Trong kinh Đại Bát Nhã, Phật nói Nhị Địa Bồ Tát có tám môn cần phải học, một môn trong đó chính là tri ân báo ân. Chư vị phải biết, Nhị Địa Bồ Tát là tiêu biểu pháp, Nhị Địa tri ân báo ân, vậy thì Sơ Địa, Thập Hồi Hướng, Thập Hạnh, Thập Trụ, Thập Tín có cần tu không? Tất cả đều phải tu. Hoa Nghiêm nói lời chân thật cho chúng ta, một vị thứ tức là hết thấy vị, hết thấy vị tức là một vị. Thế nên chúng ta có thể học được

đại pháp từ trong kinh Hoa Nghiêm. Những gì mỗi vị Bồ Tát tiêu biểu, phía sau chúng ta sẽ thấy, ba mươi mấy loại Thần chúng này, họ đều là Bồ Tát. Lúc này có nói, nên dùng thân quý thân thì họ liền hiện thân quý thân, đồng nam, đồng nữ, một trăm bảy mươi mấy chúng đều là Phật, Bồ Tát hóa thân, đều triển hiện vạn đức vạn năng trong tự tánh của chúng ta. Phổ Hiền tiêu biểu cho Tổng Tướng (tướng Chung), những chúng này tiêu biểu cho Sai Biệt Tướng, trong tổng có biệt, trong biệt có tổng: Tổng là một, Biệt là nhiều, một là nhiều, nhiều là một, một và nhiều chẳng hai.

Phía trước chúng ta thấy hai mươi vị Bồ Tát tiêu biểu pháp, mười vị Bồ Tát trước cùng tên, mười vị sau khác tên, dụng ý ở đâu? Là nói với chúng ta Đồng là “*Đồng trong những cái Dị*”, Dị là “*Dị trong những cái Đồng*”, Đồng và Dị chẳng hai. Hiện thị ra tâm tánh vạn đức vạn năng của chúng ta, chữ “*vạn*” này chẳng phải là con số, trí huệ đức năng trong tâm tánh là vô lượng vô biên. Từ đó bạn mới biết toàn bộ kinh Hoa Nghiêm nói về cái gì? Nói về Thể, Tướng, Tác Dụng của tự tánh mình, chẳng nói gì khác. Toàn bộ kinh Hoa Nghiêm vốn là nói về chính mình, ngàn kinh vạn luận ngoài kinh Hoa Nghiêm nói về sai biệt; tóm lại Hoa Nghiêm là Tổng, hết thấy kinh luận là Biệt, Biệt là Biệt của Tổng, Tổng là Tổng của Biệt, là một chẳng phải hai. Từ cơ sở này, bạn nghĩ đến tận hư không, trọn khắp pháp giới đều là tự mình, như vậy bạn mới có thể Giải được viên mãn. Giải viên mãn rồi thì bạn phải Tu viên mãn, phải Chứng viên mãn, đây là mục tiêu chung cực của Phật giáo. Tiên sinh Phương Đông Mỹ nói về: “*Sự hưởng thụ tối cao của con người*”, một tí gì cũng chẳng giả. Tôi có được một chút thọ dụng, nên tôi luôn luôn nhớ đến ân đức của thầy. Phật pháp thù thắng vô cùng, vi diệu hạng nhất trong thế gian và xuất thế gian, nếu chẳng có cao nhân chỉ điểm, bạn làm sao nhận biết được?

Cả đời tôi học Phật chẳng có ý mong cầu, cảm ứng này là cảm ứng tiềm tàng. Tôi chẳng có tâm mong cầu, chắc là thiện căn quá khứ chín muồi nên tôi gặp được những vị thầy này, chư Phật, Bồ Tát hóa hiện. Phương pháp họ dạy cho tôi khác với phương pháp dạy người khác. Tôi theo Tiên sinh học Triết Học, ông giới thiệu Phật pháp cho tôi, dạy cho tôi biết Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong Triết học thế giới, Ngài dùng phương pháp này giới thiệu cho tôi. Ông dạy học trong trường, chẳng dạy việc này cho những học sinh khác. Sau khi tiếp xúc đến Phật pháp, tôi có duyên gặp đại sư Chương Gia, căn cơ của tôi là nhờ đại sư Chương Gia xây dựng. Đại sư viên tịch cũng là vì

tôi, tôi biết rất rõ; vì nếu Ngài không viên tịch thì tâm học Phật của tôi sẽ chẳng khăn thiết như vậy; khi Ngài ra đi rồi, tôi mất chỗ nương dựa. Tôi cùng Cam Châu Hoạt Phật dừng lều nơi lò thiêu của Ngài, tôi ở đó ba ngày ba đêm, hết sức thành thật và suy tư trong ba năm tôi theo Ngài học, Ngài đã dạy tôi những gì. Mọi móc trí nhớ, sắp xếp lại những lời dạy trong ba năm nay, tôi rất cảm kích Ngài, gốc đã được Ngài chôn sâu, rễ được vun bồi vững vàng. Sau đó theo học thầy Lý mười năm mới có được một ít thành tựu. Người theo học thầy Lý rất nhiều, quá nhiều, tại sao không thể thành tựu? Vì chẳng có gốc rễ. Trong ba năm ấy gốc rễ của tôi đã được vun bồi. Tôi học Phật, học Phật pháp theo hai vị thầy, học Thế pháp theo một vị thầy, rất đơn thuần. Tôi có thái độ của một người học trò, y giáo phụng hành, chẳng trái nghịch lời dạy của thầy giáo, tuân thủ lời dạy của thầy, trong Phật pháp gọi là “*sư tư đạo hiệp*”.

Chúng ta giảng kinh dạy học, nhất định phải cúng dường thầy giáo ở một bên, hiện trường này của chúng ta có thầy giáo hiện diện. Thầy giáo dạy chúng ta, nếu chẳng có hộ pháp đắc lực thì cũng chẳng thể thành tựu. Hàn Quán Trưởng hộ trì ba mươi năm, chúng ta treo ảnh của bà ở đối diện, mỗi lớp bà đều có tham dự và nhìn thấy, tinh thần của bà đích thật tồn tại trong đạo tràng này, trong lớp học chúng ta, chư Phật, Bồ Tát đều hiện diện. Chúng ta dùng tâm niệm gì để học tập? Cảm ân đội đức. Chúng ta biết đời này nhất định thành tựu, chư Phật hộ niệm, long thiên ủng hộ, đâu có lý nào không thành tựu được? Hàn Quán Trưởng có huệ nhãn, chẳng phải là người thường, lần trước pháp sư Hàn Quốc đến đây, nhìn thấy tấm ảnh này, [bảo Hàn Quán Trưởng là] Quán Âm Bồ Tát tái lai. Bà giao phó công tác hộ pháp cho cư sĩ Lý Mộc Nguyên, ông Lý chẳng phụ lời ủy thác này. Lần đầu tiên Lý cư sĩ đến thư viện ở Đài Bắc, Hàn Quán Trưởng tặng cho ông một bộ Tây Phương Tam Thánh, giao Pháp Bảo cho ông. Đến lần thứ hai tặng ông một bộ Đại Tạng Kinh, giao Pháp Bảo cho ông. Sau khi vãng sanh, chúng ta đều đến đây, cũng giao Tăng Bảo cho ông rồi. Ông phải phụ trách hộ pháp nên mới có nhân duyên thù thắng này. Chúng ta trong thời đại ngày nay có nhiều tai nhiều nạn, có thể ở đây giảng kinh Hoa Nghiêm chẳng dễ, bạn phải biết khai giảng kinh này, người ở địa phương này có phước báo bao lớn, thiện căn bao lớn. Nếu thiện căn, phước đức, nhân duyên chẳng đầy đủ thì pháp hội này nhất định sẽ chẳng mở nổi. Pháp hội này có thể xây dựng ở đây, là do hết thảy chư Phật Như Lai hộ niệm, long thiên thiện thần thủ hộ, trong tâm chúng ta biết rất rõ, rất minh bạch.

Ân cha mẹ, ân sư trưởng không thể quên, Phật dạy chúng ta “*Trên*

đền bốn ân nặng”. Bốn ân này là “Ân cha mẹ”, “Ân sư trưởng”; Tam Bảo thuộc phạm vi của sư trưởng, Tam Bảo là thầy của chúng ta, “Ân quốc gia”, “Ân chúng sanh”. Quốc gia bảo vệ chúng ta, làm cho chúng ta an cư lạc nghiệp; chúng sanh, chúng ta không thể xa lìa xã hội, tách rời đại chúng và sinh tồn riêng rẽ. Âm thực y phục của chúng ta đều phải nhờ rất nhiều người canh tác, trồng trọt tạo thành, phải thường thường suy nghĩ. Làm sao báo ân? Phải hết lòng học tập, thực sự đoạn phiền não, khai trí huệ, làm Phật, làm Bồ Tát, giống Địa Tạng Bồ Tát vậy, được vậy thì mới là “Trên đền bốn ân nặng, Dưới độ ba đường khổ”. Địa Tạng Bồ Tát làm gương tốt nhất cho chúng ta, chúng ta phải học tập. Địa Tạng học theo Phật, học rất giống, bạn coi phía dưới Ngài nói:

Ngũ sở phân thân biến mãn bách thiên vạn ức Hằng hà sa thế giới, mỗi nhất thế giới hóa bách thiên vạn ức thân, mỗi nhất thân độ bách thiên vạn ức nhân, lĩnh quy kính Tam Bảo, vĩnh ly sanh tử, chí Niết Bàn lạc.

我所分身遍滿百千萬億恒河沙世界。每一世界化百千萬億身。每一身度百千萬億人。令歸敬三寶。永離生死。至涅槃樂。

(Các phân thân của con thị hiện ở khắp trăm ngàn vạn ức Hằng hà sa thế giới, trong mỗi thế giới hóa hiện trăm ngàn vạn ức thân, mỗi thân độ trăm ngàn vạn ức người, khiến họ quy kính Tam Bảo, vĩnh viễn xa lìa sanh tử, đến được Niết Bàn an lạc.)

Phật độ hóa chúng sanh cũng phân thân như vậy, độ thoát như vậy, Địa Tạng Bồ Tát biểu diễn rất hoàn hảo, chân chánh là học trò giỏi của Phật. Ngài cũng giống như Phật, phân thân đến thế giới nhiều như số cát sông Hằng, chẳng nề cực nhọc, độ thoát vô lượng vô biên chúng sanh. Ba câu cuối này nói về thành tích độ thoát chúng sanh của Ngài. Thứ nhất là nhất định phải giúp chúng sanh quy y Tam Bảo, kính ngưỡng Tam Bảo, giai đoạn thứ nhất này tiếp dẫn quảng đại chúng sanh. Quy y Tam Bảo chưa hẳn có thể liễu thoát sanh tử, thoát ly tam giới, sự thật này mọi người đều rất rõ ràng. Có bao nhiêu người quy y nhưng chẳng sửa đổi tập khí, tật xấu, chẳng chịu hết lòng tu học. Giai đoạn thứ nhất, đó là nghiệp chướng nặng nề, họ còn chưa nghĩ đến liễu sanh tử, còn cho rằng sáu nẻo luân hồi cũng khá tốt, chẳng chịu xa lìa sáu nẻo luân hồi, ngu ám. Những người lợi căn đều biết rõ sáu nẻo là khổ, tam

giới đều là khổ; “*Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ*”, họ biết tam giới đều khổ, hạ quyết tâm phải thoát ly biển khổ, như vậy gọi là xuất tam giới, vĩnh viễn thoát ly sanh tử. Trong sanh tử có hai loại, người biết được cũng chẳng nhiều: Một là Phần Đoạn Sanh Tử, thân này của chúng ta, còn một loại gọi là Biến Dịch Sanh Tử, rất ít người biết đến. Đoạn dứt sanh tử của thân chúng ta, thì siêu việt sáu nẻo luân hồi được, A La Hán và Bích Chi Phật đều làm được. Biến Dịch Sanh Tử thì hơi phiền phức, mãi cho đến Viên Giác Đăng Giác Bồ Tát vẫn chưa đoạn nổi Biến Dịch Sanh Tử, khi đoạn tận rồi thì mới chứng được Phật quả Viên Giác. Địa Tạng Bồ Tát giúp đến cùng, chẳng phải chỉ giúp bạn một giai đoạn, chẳng thoái tâm giữa đường, một mạch giúp đến cùng.

Ngày nay chúng ta đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên nơi đây, có duyên với Địa Tạng Bồ Tát, ở đây có một mật nghĩa. Mật nghĩa là gì? Dạy chúng ta phải phát tâm học theo Địa Tạng Bồ Tát, phải phát tâm làm Địa Tạng Bồ Tát; cô Bà La Môn, cô Quang Mục đều là gương tốt của chúng ta. Nếu chúng ta đọc kinh này xong, rất cảm động, thực sự cũng phát nguyện này: Chúng ta đến tận cùng kiếp vị lai, độ thoát hết thấy chúng sanh khổ nạn, chúng sanh chưa thành Phật, chúng ta sẽ không thành Phật, như vậy thì hiện tại bạn là Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát được gọi là đại nguyện, bạn phát đại nguyện này thì bạn sẽ được chư Phật hộ niệm, hết thấy Bồ Tát cung kính vây quanh, chúng ta phải học tập ở chỗ này. “*Chí Niết Bàn lạc*”, lìa khổ được vui. “*Vĩnh ly sanh tử*” là giúp đỡ chúng sanh lìa khổ, sau đó được vui. Niết Bàn là niềm vui cứu cánh viên mãn thanh tịnh. Xin xem đoạn kệ:

Đản ư Phật pháp trung sở vi thiện sự, nhất mao nhất đế³⁷, nhất sa nhất trần, hoặc hào phát hứa, ngã tiệm độ thoát sử hoặc đại lợi.

但於佛法中所為善事。一毛一滯。一沙一塵。或毫髮許。我漸度脫使獲大利。

(Những chúng sanh nào ở trong Phật pháp dù làm việc thiện chỉ bằng một sợi lông, một giọt nước, một hạt cát, một hạt bụi, hoặc một mảy lông tóc, con đều độ thoát dần, làm cho họ được lợi ích lớn.)

Người xưa thường khuyên chúng ta: “*Đừng chê việc thiện nhỏ rồi chẳng làm*”. Việc này là việc thiện nhỏ nhoi, tôi làm để làm gì? Đây là

³⁷ Trong những bản kinh Địa Tạng được lưu hành, chữ này thường được sửa thành chữ Trích 滴 (cùng một nghĩa).

quan niệm sai lầm của chúng ta. “*Đừng nói việc ác nhỏ rồi cứ làm*”, đây là việc ác nhỏ, chẳng sao cả, có hại gì đâu, có thể làm, [nghĩ vậy thì] sai rồi. Chư vị nên biết việc thiện nhỏ bằng mấy tơ cũng trọn khắp hư không pháp giới, ngược lại việc ác bằng mấy tơ cũng trọn khắp hư không pháp giới. Đừng nói những báo ứng khác, [việc ác này] nhất định sẽ chướng ngại tánh đức của bạn, đó là phiền phức, bạn sẽ chẳng thể minh tâm kiến tánh. Bạn xem Phật, Bồ Tát có từ bi không, bạn chỉ có một chút thiện liền có thể cảm động các Ngài đến bảo hộ cho bạn, giúp đỡ bạn. Do đó có thể biết thiện không thể không tu, ác chẳng thể chẳng đoạn.

Hội này của chúng ta là giảng cho Cửu Hoa Sơn, đạo tràng của Địa Tạng Bồ Tát. Nhưng bằng thân hình của chúng ta được lưu thông toàn thể giới, số người tham dự hội giảng kinh này của chúng ta chẳng thể nghĩ bàn. Những người mắt thịt chúng ta nhìn thấy, còn chúng Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, và quỷ thần trong sáu nẻo thì mắt thịt nhìn không thấy. Trong kinh này chúng ta thấy việc còn thù thắng hơn nữa, đó là mười phương hết thấy chư Phật Như Lai đều tham gia. Hội giảng kinh này của chúng ta có thù thắng bằng hội ở cung trời Đao Lợi không? Nói cho chư vị biết tuyệt đối chẳng khác. Chúng ta không có phước báo, người thường nhìn thấy giảng đường này quá nhỏ, quá xấu tệ, người cõi trời nhìn thấy đạo tràng này xây bằng bảy báu, đây là ghế Sư Tử, vô cùng trang nghiêm, tướng tùy tâm chuyển, một tí gì cũng chẳng giả. Thế nên chỉ cần hiểu rõ những đạo lý, chân tướng sự thật này xong, giống như đã nói trong buổi giảng kinh Hoa Nghiêm ngày hôm qua, chúng ta mới biết tự ái, tự trọng thực sự. Chỉ có người mê mất tự tánh mới chẳng tự ái, chẳng tự trọng, chà đạp chính mình. Từ chỗ này chúng ta cũng hiểu được “*giải*” vô cùng quan trọng, “*giải*” giúp cho bạn phá mê khai ngộ, ngộ xong mới khởi tu, công phu tu hành sẽ đắc lực, thọ dụng sẽ rất rõ ràng. Phải ghi nhớ câu kinh văn này.

***Duy nguyện Thế Tôn bất dĩ hậu thế ác nghiệp chúng sanh vi lự.
Như thị tam bách Phật ngôn: “Duy nguyện Thế Tôn, bất dĩ hậu thế ác
nghiệp chúng sanh vi lự”.***

**唯願世尊不以後世惡業眾生為慮。如是三白佛言。唯
願世尊。不以後世惡業眾生為慮。**

(Cúi mong Thế Tôn đừng vì chúng sanh đời sau tạo ác nghiệp mà lo lắng. [Ngài] bạch đức Phật ba lần, nguyện đức Thế Tôn đừng vì ác nghiệp chúng sanh đời sau mà lo lắng.)

Thế Tôn xoa đánh Địa Tạng Bồ Tát, xoa đánh an ủi Ngài, giao sứ mạng độ hóa chúng sanh cho Ngài. Địa Tạng Bồ Tát chẳng phụ sự ủy thác của Thế Tôn, ở chỗ này chúng ta thấy Ngài cũng an ủi Thế Tôn, xin Thế Tôn đừng lo âu, đừng vương bận, việc Thế Tôn giao cho Ngài, Ngài nhất định sẽ làm. Chữ “tam bạch” nghĩa là nói ba lần, cẩn trọng, chân thành nhất định sẽ y giáo phụng hành.

Nhĩ thời Phật tán Địa Tạng Bồ Tát ngôn: “Thiện tai, thiện tai, ngô trợ nhữ hỷ, nhữ năng thành tựu cứu viễn kiếp lai phát hoằng thệ nguyện, quảng độ tương tất tức chứng Bồ Đề”.

爾時佛讚地藏菩薩言。善哉善哉吾助汝喜。汝能成就久遠劫來發弘誓願。廣度將畢即證菩提。

(Lúc ấy đức Phật khen ngợi Bồ Tát Địa Tạng: “Lành thay, lành thay, Ta hộ trợ cho điều ông muốn, để ông thành tựu các hoằng thệ đã lập từ những kiếp lâu xa đến nay. Khi quảng độ xong ông liền chứng Bồ Đề”).

Bồ Tát an ủi Thế Tôn, Thế Tôn cũng tán thán Bồ Tát. “Thiện tai, thiện tai” hai lần, dùng cách nói hiện nay của chúng ta thì là “Tốt quá, tốt quá”! Ý nghĩa trong đó là Ngài hiểu được tâm ý của Phật, y giáo phụng hành, ghi nhớ và tuân thủ lời dạy của Phật, đây là thiện tai, thiện tai. Còn có thể phân vô lượng thân, giáo hóa hết thấy chúng sanh ương ngạnh, khó giáo hóa. Chúng sanh tuy chỉ tu việc thiện nhỏ như sợi tóc, phước nhỏ như cọng lông, Bồ Tát nhìn thấy đều sanh tâm hoan hỷ, việc thiện nhỏ xiu cũng có thể cảm động đến chư Phật, Bồ Tát. Việc thiện nhỏ còn không xả bỏ, huống chi là việc thiện lớn. Chư vị nên biết tự bản tu thiện, trong Phật pháp có câu nói: “Một người con thành Phật, chín họ sanh lên trời”, lời này là thật, chẳng giả. Tổ tiên của bạn tuy đã qua đời, đọa trong ác đạo cũng sẽ được siêu thoát, không khác gì việc nói trong kinh Địa Tạng.

Hôm trước cư sĩ Hồ gọi điện thoại nói với tôi, bà ở Đài Trung gặp một người có khả năng siêu thường (đặc dị công năng), người này vừa gặp bà liền nói: “Nhờ phước bà đã tu bố thí, cha bà đã được sanh lên trời Đạo Lợi rồi”. Bà gọi điện thoại hỏi tôi có thể nào được vậy không? Tôi nói: “Có thể”. Nhất định là việc thật, chẳng phải giả. Người con thành tâm, thành ý tu phước, những gia quyến đã qua đời đều được lợi ích. Chúng ta muốn độ oán gia chủ nợ, nhất định phải hết lòng nỗ lực tu học, chỉ khi tự mình có thành tựu chân chánh thì mới có thể độ nổi những oan

gia chủ nợ nhiều đời; nếu bạn chẳng tu trì chân chánh thì không được. Đó là giả, chẳng thật. Bồ thí, bồ thí một cách thanh tịnh thì phước báo lớn nhất. Bồ thí còn muốn danh văn lợi dưỡng, phước báo đó rất nhỏ. Tuy nhỏ nhưng Bồ Tát cũng hoan hỷ, việc thiện tí xiu Ngài cũng chẳng bỏ, chúng ta thấy được việc này trong kinh. Việc thiện nhỏ còn không xả huống hồ là việc thiện to lớn khi bồ thí thanh tịnh. Những chuyện này, nhân duyên quả báo, chỉ cần chúng ta lắng lòng quan sát cận kề trong xã hội này rất nhiều, nơi nào cũng có, nhưng vì chúng ta quá sơ ý nên không thấy đó thôi. Đặc biệt là thời đại hiện nay, thiện nhân thiện quả, ác nhân ác báo vô cùng rõ ràng, hoàn toàn phù hợp với lời dạy trong kinh Địa Tạng, tơ hào chẳng sai. Chúng ta nên đọc thuộc kinh này, suy nghĩ cận kề, y giáo phụng hành thì mới có thể đạt được lợi ích chân thật. Xin xem đoạn kinh kế tiếp:

PHẨM THỨ BA: QUÁN NGHIỆP DUYÊN CHÚNG SANH **觀眾生業緣品第三**

Đây là đoạn lớn thứ hai trong kinh này. Đoạn lớn thứ nhất là hai phẩm trước, Thế Tôn giới thiệu Địa Tạng Bồ Tát cho chúng ta nhận biết vị thiện tri thức, vị thầy này. Ba phẩm sau này thuyết minh những chúng sanh được Địa Tạng Bồ Tát độ, cũng chính là những chúng sanh được Ngài giáo hóa, ở đây đức Phật nói rất rõ với chúng ta. Xin xem kinh văn:

Nhĩ thời Phật mẫu Ma Gia phu nhân, cung kính hiệp chưởng vãn Địa Tạng Bồ Tát ngôn: “Thánh giả, Diêm Phù chúng sanh tạo nghiệp sai biệt, sở thọ báo ứng kỳ sự vân hà?”.

爾時佛母摩耶夫人。恭敬合掌問地藏菩薩言。聖者。閻浮眾生造業差別。所受報應其事云何。

(Lúc đó Phật Mẫu Ma Gia phu nhân cung kính chấp tay hỏi Địa Tạng Bồ Tát rằng: “Thánh giả, chúng sanh trong cõi Diêm Phù tạo nghiệp sai khác, cảm thọ báo ứng như thế nào?”.)

Đây là mẫu thân của đức Phật Thích Ca, Ma Gia phu nhân. Ma Gia phu nhân sanh đức Phật xong, phước báo này quá lớn nên vãng sanh đến trời Đao Lợi, hưởng phước trời. Còn ở nhân gian chúng ta thì chuyện này không phải là một chuyện tốt, tại sao sanh Phật xong qua mấy ngày sau thì mẹ qua đời. [Lúc nhỏ] đức Phật được Di Mẫu (dì) nuôi

dưỡng đến lớn, mẫu thân sanh Ngài đã lên trời Đạo Lợi hưởng phước trời. Hiểu được chân tướng sự thật mới biết phước báo của mẹ Ngài lớn. Mất thịt phạm phu chúng ta nhìn thấy đều nghĩ rằng đây là việc xui xẻo, cách suy nghĩ hoàn toàn khác biệt. Một đời giáo hóa của đức Thế Tôn đến lúc phải tạm ngưng, những người có thể tiếp nhận sự giáo hóa của Ngài, phía trước nói có bảy tám phần đều đã được độ, một hai phần còn lại nghiệp chướng, tập khí quá nặng, khi Phật còn tại thế không được độ. Sau khi Phật diệt độ làm cho những người này nâng cao cảnh giác, sau đó những người này được đệ tử của Phật độ hóa, nhân duyên được độ của mỗi người chẳng giống nhau. Sau khi Phật giáo hóa chúng sanh đến lúc tạm ngưng, tiếp nhận lời mời của Đạo Lợi thiên chủ, mời Ngài đến cung trời Đạo Lợi thuyết pháp cho mẫu thân. Chuyện này đức Phật Thích Ca không thể từ chối, tại sao? Hết thấy chư Phật giáo hóa chúng sanh đến cuối cùng nhất định phải báo đáp ân đức của mẫu thân, đến cung trời Đạo Lợi giảng kinh Địa Tạng Bốn Nguyên, có lẽ đây là một quy củ nên Phật lên cung trời Đạo Lợi thuyết pháp cho mẫu thân.

Ma Gia phu nhân cũng trong hội này gặp Địa Tạng Bồ Tát, do bà khai thỉnh. Nói thật ra, Ma Gia phu nhân cũng là Phật, Bồ Tát hóa thân, chẳng phải là người thường. “*Vấn Địa Tạng Bồ Tát ngôn: Thánh giả*”, Địa Tạng Bồ Tát là đại thánh, Đẳng Giác Bồ Tát. “*Diêm Phù chúng sanh*”, Ma Gia phu nhân là người ở cõi Diêm Phù Đề, tức là thế giới chúng ta, từ thế giới chúng ta sanh lên cung trời Đạo Lợi. Ở trời Đạo Lợi chẳng quên quê cũ, ân tình này rất nặng, rất sâu, đặc biệt quan tâm đến những chúng sanh tạo tội nghiệp ở quê cũ. “*Tạo nghiệp sai biệt, sở thọ báo ứng*” những việc này ra sao? Xin Địa Tạng Bồ Tát khai thị.

Địa Tạng đáp ngôn: “Thiên vạn thế giới nãi cập quốc độ, hoặc hữu địa ngục, hoặc vô địa ngục, hoặc hữu nữ nhân, hoặc vô nữ nhân, hoặc hữu Phật pháp, hoặc vô Phật pháp, nãi chí Thanh Văn, Bích Chi Phật diệt phục như thị, phi dẫn địa ngục tội báo nhất đẳng”.

地藏答言。千萬世界乃及國土。或有地獄。或無地獄。
。或有女人。或無女人。或有佛法。或無佛法。乃至聲聞。
。辟支佛亦復如是。非但地獄罪報一等。

(Địa Tạng trả lời: “Trong ngàn vạn thế giới cho đến các quốc độ, nơi có địa ngục hoặc không có địa ngục, nơi có người nữ hoặc không có người nữ, nơi có Phật pháp hoặc không có Phật pháp, cho đến Thanh Văn và Bích Chi Phật đều như vậy, chứ chẳng riêng gì tội báo nơi địa

Địa Tạng Bồ Tát trả lời, hình như câu trả lời chẳng đáp đúng câu hỏi, tại sao? Ma Gia phu nhân hỏi phạm vi quá nhỏ, chỉ hỏi Diêm Phù Đề, chúng sanh ở ngoài cõi Diêm Phù Đề rất nhiều, thế giới vô biên. Ở đây có một ý ngầm, ngầm chỉ tâm lượng chúng ta phải lớn, phải bằng hư không pháp giới, mới có thể dứt trừ hết thảy chương nạn, tâm lượng nhỏ nhất định tạo nên chương ngại. Người thế gian tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, bạn nghĩ xem là vì nguyên nhân gì? Đều vì chính mình, vì cá nhân, vì gia đình, vì đoàn thể nhỏ của mình mà tạo tội nghiệp; vì một quốc gia, quốc gia này xung đột với quốc gia kia, phải đánh nhau, nếu tâm lượng chúng ta mở rộng một chút, vì toàn thể giới, thì sự tranh chấp giữa các quốc gia sẽ bị tiêu trừ, liền được hóa giải. Nhưng chúng ta vì toàn thể giới, sau này tinh cầu của chúng ta cùng tinh cầu khác có chiến tranh, cũng sẽ phiền phức nữa, lại chẳng an toàn. Tâm lượng được mở rộng, chúng ta bao gồm những hành tinh khác, vậy thì chiến tranh giữa các tinh cầu sẽ được tiêu trừ. Hàm ý của kinh văn, nếu có thể làm đến tâm bao trùm hư không, lượng gồm khắp các cõi nhiều như cát giống tâm chư Phật, Bồ Tát, thì hết thảy hiểu lầm, ngăn cách đều bị tiêu trừ, hết thảy chúng sanh mới có thể hưởng được hòa bình vĩnh viễn. Nếu hết thảy chúng sanh, chúng sanh trong mười pháp giới đều có thể hỗ trợ hợp tác, sống chung hòa mục, đây mới là biện pháp căn bản để giải quyết vấn đề. Do đó mới biết tâm lượng nhỏ bé là căn nguyên của hết thảy họa hại, nhất định phải mở rộng tâm lượng. Bao trùm thái không, gồm thâu các cõi là tâm lượng vốn sẵn có, vốn đã vậy. Tâm lượng biến thành nhỏ nhoi là vì mê hoặc, vô tri, chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật tạo nên. Tâm lượng nhỏ vốn chẳng có, tâm lượng lớn vốn sẵn có, đạo lý là ở chỗ này. Một người hỏi, một người đáp hiển thị lên ý nghĩa này, Địa Tạng Bồ Tát ám chỉ Ma Gia phu nhân tâm lượng phải mở rộng, đừng chỉ quan tâm đến Diêm Phù Đề thôi, nên quan tâm đến hết thảy chúng sanh khổ nạn ở tận hư không, trọn pháp giới. Chuyện này chẳng phải Ma Gia phu nhân không biết, chỉ giả bộ thôi. Nói chung cảm tình người thế gian rất nặng, rất sâu, rất khó buông xuống.

Ma Gia phu nhân trùng bạch Bồ Tát: “Thả nguyện văn ư Diêm Phù Đề tội báo sở cảm ác thú”.

摩耶夫人重白菩薩。且願聞於閻浮罪報所感惡趣。

(Ma Gia phu nhân bạch lại với Bồ Tát: “Tôi muốn nghe về tội báo

Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh Giảng Ký - Quyển Thượng
trong cõi Diêm Phù chiêu cảm ác đạo”.)

Bà vẫn muốn hỏi về chuyện ở quê hương. Hiện thị cái gì? Hiện thị cảm tình sâu nặng đối với nơi mình ở, đặc biệt từ bi. Ma Gia phu nhân và Địa Tạng mỗi người hiện thị một bên đều tốt, đều rất sôi nổi, đặc biệt thương xót chúng ta, những chúng sanh tạo tội hiện nay.

Địa Tạng đáp ngôn: “Thánh Mẫu, duy nguyện thỉnh thọ, ngã thô thuyết chi”.

地藏答言。聖母。唯願聽受。我粗說之。

(Địa Tạng trả lời: “Thánh Mẫu, xin Ngài lắng nghe nhận lấy, tôi sẽ lược nói việc đó”.)

Nếu Ma Gia phu nhân không hỏi thêm lần nữa, Địa Tạng Bồ Tát chỉ nói tổng quát, không nói chi tiết. Cứ hỏi mấy lần nên Địa Tạng Bồ Tát đương nhiên phải mãn nguyện Ma Gia phu nhân. Nói thật ra là mãn nguyện cho chúng ta, những chúng sanh hiện nay, Ma Gia phu nhân thay mặt chúng ta thỉnh pháp. Địa Tạng nói: “*Ngã thô thuyết chi*”, “*thô thuyết*” là lời nói chẳng dễ nghe. Lời nghe hay gọi là “*tế ngữ*”, lời nói ngon ngọt. Thô ngôn tức là lời chẳng dễ nghe, tại sao? Đều nói về tội lỗi, về tội báo, những lời này gọi là “*thô ngữ*”. Ý nghĩa của Thô và Tế là như vậy.

Phật mẫu bạch ngôn: “Nguyện Thánh giả thuyết”.

佛母白言。願聖者說。

(Phật mẫu bạch rằng: “Xin Thánh giả nói cho”.)

Đây là lời thỉnh cầu chánh thức. Tôi muốn nghe lời nói “*thô ngữ*” của ông, muốn nghe chuyện này.

Nhĩ thời Địa Tạng Bồ Tát bạch Thánh Mẫu ngôn: “Nam Diêm Phù Đề tội báo danh hiệu như thị”.

爾時地藏菩薩白聖母言。南閻浮提罪報名號如是。

(Lúc ấy Địa Tạng Bồ Tát nói với Thánh Mẫu rằng: “Danh hiệu của những tội báo trong cõi Nam Diêm Phù Đề là như vậy”.)

Từ những danh hiệu này, chúng ta phải hiểu ý nghĩa của nó.

Nhược hữu chúng sanh bất hiếu phụ mẫu, hoặc chí sát hại, đương đọa Vô Gián địa ngục, thiên vạn ức kiếp, cầu xuất vô kỳ.

若有眾生不孝父母。或至殺害。當墮無間地獄。千萬億劫。求出無期。

(Nếu có chúng sanh chẳng hiếu thuận cha mẹ, thậm chí giết hại cha mẹ, thì phải đọa địa ngục Vô Gián trong ngàn vạn ức kiếp, không bao giờ mong ra khỏi được.)

Địa Tạng Bồ Tát nói tội nặng hạng nhất chính là “bất hiếu cha mẹ”. Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh hiển thị cho chúng ta về hiếu đạo, Địa Tạng Bồ Tát đời đời kiếp kiếp thị hiện, phát thệ nguyện sâu nặng đều vì muốn báo ân cha mẹ, đều vì làm tròn hiếu mới phát hoằng nguyện, thế nên bất hiếu là tội hạng nhất. Ý nghĩa của Hiếu vô cùng sâu. Pháp sư Thanh Liên là người trước tác Địa Tạng Kinh Khoa Chú, Ngài là người đời Thanh trước kia, triều vua Khang Hy. Ngài trích dẫn rất nhiều kinh luận để viết chú giải này, là một chú giải hay nhất cho kinh Địa Tạng. Chúng ta muốn báo ân thì phải lưu thông chú giải này, tốt nhất là làm bản in mới cho chú giải này, vì bản cũ đã in nhiều lần, chữ đã bị mờ đi nhiều. Tuy tôi giảng Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh chẳng hoàn toàn y theo chú giải của Ngài, nhưng tôi đọc rất kỹ chú giải này, tôi đọc rất hết lòng.

Ở chỗ này Ngài nêu ra trong phần “Chánh pháp niệm kinh”, Phật giảng bốn thứ ân, bốn ân khó báo. Ân thứ nhất là “ân mẹ”, thứ nhì là “ân cha”, thứ ba là “ân Như Lai”, thứ tư là “ân thuyết pháp sư”, pháp sư giảng kinh thuyết pháp, bốn ân này khó báo. Bốn ân này đều rất lớn, cha mẹ, nhục thân chúng ta có được từ cha mẹ, Pháp thân huệ mạng của chúng ta có từ Như Lai. Như Lai chẳng còn tại thế, chúng ta làm sao có được?

Chúng ta có được từ pháp sư thuyết pháp, trường dưỡng pháp thân huệ mạng. Trong kinh, Phật nói cúng dường bốn hạng người này được vô lượng phước, hiện tiền nhất định được người tán thán, tương lai có thể được Vô Thượng Bồ Đề. Làm sao có thể quên ơn bội nghĩa được! Thế nên học Phật phải học từ đâu? Từ hiếu thuận cha mẹ, tôn kính thầy giáo. Từ cơ sở hiếu thân tôn sư, mở rộng ra có thể hiếu thuận hết thầy chúng sanh, tôn kính xã hội đại chúng. Bạn có thể thương cha mẹ, thương sư trưởng, tự nhiên sẽ có thể thương quốc gia, thương chúng sanh, đây là đạo lý nhất định. Thế nên “bất hiếu cha mẹ” là tội nặng nhất trong những tội nghiệp, đương nhiên phải đọa “Vô Gián địa ngục”.

Phía sau sẽ giới thiệu về Vô Gian Địa ngục. Tội nặng thứ hai chính là “bất kính Tam Bảo”. Điều đầu tiên là hiếu đạo, điều thứ hai là sư đạo.

Nhược hữu chúng sanh xuất Phật thân huyết, hủy báng Tam Bảo, bất kính tôn kinh, diệc đương đọa u Vô Gian địa ngục, thiên vạn ức kiếp, cầu xuất vô kỳ.

若有眾生出佛身血。毀謗三寶。不敬尊經。亦當墮於無間地獄。千萬億劫。求出無期。

(Nếu có chúng sanh làm thân Phật chảy máu, hủy báng Tam Bảo, chẳng kính tôn kinh, cũng sẽ phải đọa vào địa ngục Vô Gian trong ngàn vạn ức kiếp, không bao giờ mong ra khỏi được.)

Chư vị nên ghi nhớ thời gian ấy rất dài, “thiên vạn ức kiếp”. Tạo tội nghiệp nói thật ra vô cùng dễ dàng, thời gian tạo tội nghiệp vô cùng ngắn ngủi, nhưng tương lai thọ khổ báo sẽ dễ sợ vô cùng. Địa Tạng Bồ Tát rất lòng mẫn nói chân tướng sự thật ra cho chúng ta biết, mấy ai tin nổi? Một số người đọc kinh này cứ tưởng là gì? Tưởng đây là Phật giáo khuyên người hướng thiện, nói những lời này để dọa người, khuyên người đừng làm chuyện xấu, chẳng nghĩ có thật như vậy, chẳng cho rằng đây là chuyện thật. Là như trong kinh này nói: “*Chúng sanh ương ngạnh khó dạy*”, cứ cho là mình đúng, đâu biết rằng đây là chân tướng sự thật! “*Xuất Phật thân huyết*”, công án này từ Đề Bà Đạt Đa mà ra, lúc Phật còn tại thế. Phật đã nêu nhiều gương tốt cho chúng ta, người học Phật đời sau noi theo, chúng ta phải ghi nhớ, phải học tập. Đề Bà Đạt Đa là học trò của Phật, phản bội sư đạo; tương lai chư vị tự mình làm pháp sư, cũng sẽ có học trò, khi học trò phản bội chư vị, có gì là tài giỏi đâu? Học trò của đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng đã phản bội Ngài rồi mà? Đây là thị hiện cho chúng ta xem. Trong số học sinh có học sinh ngoan, nghe lời, có học sinh chẳng ngoan, phản bội thầy giáo, Phật cũng làm ra gương tốt cho chúng ta xem, chúng ta phải rõ ràng, phải minh bạch. Học sinh tốt chúng ta phải lo lắng cho họ, học sinh phản nghịch tuyệt đối chẳng trách mắng họ, tuyệt đối chẳng thể có tư hào oán hận trong tâm. Họ phản nghịch mình, hủy báng mình, thậm chí còn hãm hại mình, cũng đừng ghi nhớ trong lòng, coi như chẳng có chuyện gì, ai cũng có nhân duyên riêng của người ấy, vĩnh viễn giữ gìn tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, như vậy mới gọi là học Phật. Phật dùng tâm niệm, thái độ gì đối xử với Đề Bà Đạt Đa, chúng ta phải học theo. Nhất định không được oán hận trong lòng, đó là sai lầm, vậy thì bạn là phạm phu, vậy thì bạn

chẳng bình đẳng rồi, chẳng phải là Phật, Bồ Tát; Phật, Bồ Tát đối với hết thảy chúng sanh, oán hay thân gì cũng bình đẳng.

Đề Bà Đạt Đa muốn hại Phật, lúc đó dùng những phương pháp như sau. Biết đức Phật mỗi ngày vào thành Xá Vệ khất thực, trên đường phải đi qua một vách núi, Phật đi phía dưới chân núi. Đề Bà Đạt Đa liền ở phía trên vách núi chuẩn bị đá lớn, khi đức Phật đi ngang, ông đẩy đá xuống để mưu hại Phật, khởi ác tâm này, làm chuyện này. Phước báo của Phật rất lớn, chẳng ai có thể hại nổi, Phật có thần Kim Cang hộ pháp. Khi đá bị đẩy xuống, thần Kim Cang lấy chùy Giáng Ma đánh tan hòn đá. Đánh tan xong, mảnh nhỏ văng trúng chân Phật chảy máu, “*xuất Phật thân huyết*”, đây là cốt ý hại Phật. Ông ta xúi giục vương tử A Xà Thế, dùng cách nói hiện nay là khuyên vương tử soán ngôi, hại vua cha, đề lên làm vua. Đề Bà Đạt Đa muốn hại chết đức Phật để ông ta làm Phật. Họ thương lượng với nhau: “Ông thì làm vua mới, còn tôi thì làm Phật mới, chúng ta cùng nhau giáo hóa chúng sanh, thống lý đại chúng”. Tạo tác tội nghiệp này, Đề Bà Đạt Đa nhiều đời phải đọa lạc vào địa ngục. Đây chính là không kính Tam Bảo, lấy thí dụ này để nói dụng ý rất sâu, dạy cho chúng ta đối với những người cốt ý hoặc vô ý hại mình đều phải học theo Phật, vẫn phải từ bi thương xót, chẳng có một chút oán hận gì, được vậy thì chúng ta mới đạt được sự thọ dụng chân thật của Phật pháp.

“*Hủy báng Tam Bảo*”, Tam Bảo là Phật, Pháp, Tăng. Bịa chuyện, kiếm chuyện, hủy báng. “*Chẳng kính tôn kính*”, đây là kinh điển, đặc biệt nêu ra Pháp Bảo này, chẳng tôn kính, chẳng coi trọng kinh điển. Tại sao hiện nay chúng ta in kinh phải in thật đẹp? Bất luận là trên sự ấn loát, giấy hay bao bì đều vô cùng đẹp đẽ, đây là tôn kính Pháp Bảo, làm cho hết thảy chúng sanh nhìn thấy cuốn sách này bèn sanh tâm quý tiếc, chẳng đến nỗi làm hư, làm rách. Nếu rất bình thường, in rất xấu tệ, mọi người nhìn thấy chẳng sanh tâm tôn kính, thường tùy tiện bỏ bừa bãi, chà đạp kinh điển, đó không phải là chúng ta dạy cho mọi người tạo tác ác nghiệp hay sao, tạo ra cơ hội cho họ, đây là sai lầm. Thế nên phải in cho đẹp, hoàn mỹ, đừng để người ta có cơ hội tạo tội nghiệp, tâm này chính là tâm từ bi. Đây là nói về chẳng kính Tam Bảo, chẳng biết tôn trọng đạo, làm vậy phải đọa địa ngục.

Đặc biệt là thời đại bây giờ, người biết báo ân đã quá ít rồi, chúng ta phải đề xướng. Đề xướng nhất định phải làm ra gương mẫu cho mọi người nhìn thấy, chỉ lấy miệng nói thì không được, chẳng có sức khuyến hóa. Tôi báo ân thầy giáo, tôi xây thư viện ở Đại Lục, quê tiên sinh

Phương Đông Mỹ ở huyện Đồng Thành, tỉnh An Huy. Tôi xây một Thư Viện Đông Mỹ Tiên Sinh ở Đồng Thành để kỷ niệm thầy. Tôi đã thành lập một Thư Viện Hoa Tạng ở quê tôi để kỷ niệm Hàn Quán Trưởng. Tương lai nếu có cơ hội, tôi cũng sẽ xây một Thư Viện Hoa Tạng ở quê của Hàn Quán Trưởng. Tôi trú ở Thư Viện Từ Quang, do thầy Lý xây dựng, hết mười năm; hiện nay đang liên lạc với người ở Tế Nam, Sơn Đông để xây một Thư Viện Từ Quang. Phải làm thực sự, không làm không được.

Có một vị đồng tu hỏi: “Vây đại sư Chương Gia thì sao?”. Đúng, mọi người đều nghĩ đến, tôi sẽ xây một Thư Viện Chương Gia Đại Sư. Tôi nghĩ đến phải xây ở đâu? Đại học Nội Mong Cổ, xây một Chương Gia Đại Sư Đồ Thư Quán ở đại học Nội Mong Cổ. Tôi nhất định sẽ làm được, phải dùng hành động cụ thể để thức tỉnh mọi người, phải tri ân báo ân. Nếu mỗi người đều có tâm báo ân, xã hội của chúng ta sẽ tương hòa, có lợi ích rất lớn đối với xã hội quốc gia, công đức lợi ích chân chánh. Nếu không tri ân, vong ân phụ nghĩa, thì xã hội này sẽ thành ra như thế nào! Dễ sợ vô cùng. Nhất định phải làm từ chính bản thân mình, đây mới là hoằng pháp lợi sanh, như vậy mới gọi là chân chánh học Phật.

Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây thôi.

Tập 09 (Số 14-12-09)

Xin mở kinh. Phẩm thứ ba: Quán nghiệp duyên chúng sanh. Lần trước nói đến đoạn bất kính Tam Bảo, chúng ta xem tiếp:

Nhược hữu chúng sanh xâm tổn thường trụ, điểm ô tăng ni, hoặc già lam nội tứ hành dâm dục, hoặc sát hoặc hại, như thị đẳng bối, đương đọa Vô Gian địa ngục, thiên vạn ức kiếp cầu xuất vô kỳ.

若有眾生侵損常住。玷污僧尼。或伽藍內恣行淫欲。或殺或害。如是等輩。當墮無間地獄。千萬億劫求出無期

(Nếu có chúng sanh xâm tổn của thường trụ, làm như nhục Tăng Ni, hoặc tứ tình hành dâm trong chốn Già Lam, hoặc giết hoặc hại, hạng người như thế phải đọa vào địa ngục Vô Gian trong ngàn vạn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được.)

Đây là ba thứ tội nghiệp cực nặng. Chúng ta nhất định phải ghi nhớ: Thứ nhất là chẳng hiếu thuận cha mẹ, thứ hai là chẳng kính Tam Bảo, thứ ba là “xâm tổn thường trụ”, xâm là xâm phạm, tổn là tổn hoại,

tội xâm tổn thường trụ rất nặng, là thuộc về giới trộm cắp, đây là việc chư vị phải biết. Nhiều người coi thường việc này, cứ tưởng đây là chuyện nhỏ, chẳng ăn nhằm gì, không biết đã phạm tội nặng nề. Trong kinh, Phật nói rất rõ ràng, chúng ta nhất định phải thấu hiểu cặn kẽ, thường trụ có bốn loại:

- Thứ nhất gọi là Thường Trụ Thường Trụ, đây là những bất động sản, đất đai, ruộng đất, nhà cửa trong tự viện, am đường, đạo tràng, được gọi là Thường trụ thường trụ. Chỉ có thể sử dụng, tuyệt đối không thể trao đổi, mua bán, đây là vật của thường trụ, tội này cực nặng.

- Thứ nhì là Thập Phương Thường Trụ, chúng ta thường gọi là Tứ Sự Cúng dường: Thức ăn, y phục, ngọa cụ, y dược. Đây là phẩm vật của tín đồ mười phương cúng dường người xuất gia, không dành riêng cho một người nào cả, hết thấy những người xuất gia trong đạo tràng này đều có phần. Nếu bạn xâm phạm, lấy làm của mình thì là trộm cắp.

- Thứ ba là Hiện Tiền Hiện Tiền, đây là những gì tín đồ bố thí cho chúng ta. Phạm vi bố thí này tương đối nhỏ, chỉ thuộc về những người xuất gia hiện đang có mặt (hiện tiền). Không giống như mười phương nói ở phía trước, mười phương là hết thấy người xuất gia đều có phần. Thời xưa người xuất gia chẳng có nhà, bất cứ là đạo tràng nào cũng có thể xin cư ngụ (quả đơn), đều có thể thọ dụng, đều có thể tiếp nhận được. Vì sự cúng dường này là cúng dường mười phương nên hết thấy người xuất gia đều có phần.

- Thứ tư gọi là Thập Phương Hiện Tiền, những vật hiện tiền, thí dụ lúc người xuất gia vãng sanh rồi, những vật mà họ để lại thì gọi là Thập Phương Hiện Tiền. Tuy là Hiện Tiền, nhưng những vật này mười phương đều có phần. Thế nên khi kết tội là kết từ những chỗ này.

Thí dụ như việc trộm cắp trong thế gian, bạn trộm đồ của một người thì bạn thiếu nợ một người. Chư vị đồng tu nhất định phải biết, nếu bạn hiểu rõ đạo lý này, thông đạt chân tướng sự thật, thì trong thế gian tuyệt đối chẳng thể nói một kẻ nào đó lợi dụng người khác, lời này chẳng đúng. Cũng chẳng có việc người nào đó bị gạt, bị lợi dụng. Tại sao vậy? Đời này bạn giựt của người ta thì đời sau bạn phải trả nợ cho họ, đây là đạo lý nhất định, nhân quả báo ứng. Chúng ta giựt đồ, tương lai đời sau gặp duyên này thì tài vật của chúng ta cũng sẽ bị người ta giựt mất. Nếu chúng ta xâm chiếm người khác thì tương lai người ta cũng xâm chiếm chúng ta. Thế nên Phật nói giữa người với người có bốn thứ duyên: Báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ. Đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn chẳng dứt, đều là làm những việc này. Chúng ta đến thế gian này để làm

gì? Là để báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ mà thôi. Sau khi hiểu rõ đạo lý này xong, ân thì phải báo còn oán thì kể như huê đi, đừng tiếp tục nữa, xóa mất oan trái này, chúng ta thiếu người ta thì phải trả, người ta thiếu mình thì bỏ qua đi. Món oan trái này kết thúc trong đời này, chấm dứt hết, được vậy thì mới có thể niệm Phật, mới có thể vãng sanh Tịnh Độ. Nếu bạn cứ thường ghi nhớ những ân oán, nợ nần này trong tâm, đến lúc Phật đến tiếp dẫn muốn kéo nhưng kéo bạn không nổi, chuyện ở thế gian này bạn còn chưa dứt hết, những chuyện này không bao giờ dứt.

Thế nên bạn thiếu nợ một người thì bạn chỉ trả nợ cho một người, chuyện này dễ làm. Nếu là chánh phủ địa phương, thí dụ một thành phố, nếu bạn trộm cắp những thiết bị công cộng ở đây thì phiền phức sẽ lớn lắm. Tại sao vậy? Bạn phải biết sự kết tội này, thiết bị công cộng là do những người ở địa phương này đóng thuế tạo dựng nên. Nếu bạn trộm cắp thì những người trong thành phố này đều là chủ nợ của bạn, bạn phải trả cho từng người, bạn phải trả đến bao giờ mới trả dứt? Chư vị nhất định phải biết, nhất định không thể trộm cắp những thiết bị công cộng, tội nặng lắm. Nếu thiết bị này là của quốc gia thì phiền phức còn lớn hơn nữa, tương lai khi kết tội thì người cả nước đều là chủ nợ của bạn. Hiện nay nhiều người không biết tội này nặng, mặc sức tùy tiện phá hoại thiết bị công cộng, tội này rất nặng, nặng vô cùng, phải kết tội dựa trên người cả nước. Tự viện, am đường gọi là đồ vật của Tam Bảo, tội này còn nặng hơn tội trộm cắp tài vật của quốc gia, tại sao vậy? Nó thông mười phương, tận hư không, trọn pháp giới hết thấy những người xuất gia đều có phần, sự luận tội này phải dựa trên tận hư không, trọn pháp giới, vậy thì phiền phức còn lớn hơn nữa. Thế nên trộm cắp đồ vật của Tam Bảo, trộm một cây kim, một sợi chỉ, một cọng cỏ, một khúc cây đều phải đọa địa ngục A Tỳ. Có người nói việc này hình như chẳng hợp lý tí nào, một cọng cỏ, một khúc cây, một cây kim, sợi chỉ chẳng đáng gì hết, tại sao tội nặng như vậy? Bạn nghĩ xem, chủ nhân của nó là ai? Bạn sẽ rõ, chủ nhân của nó là tận hư không, trọn khắp pháp giới hết thấy người xuất gia, bạn phải luận tội trên số người này.

Phạm vi của chữ “đạo” (trộm cắp) vô cùng rộng lớn, chẳng hạn chế ở chỗ trộm cắp. Trong kinh Phật, chữ đạo được giải thích là chẳng cho mà lấy. Người quản lý trong thường trụ phải cân nhắc: Bạn muốn những vật ấy có nên đưa cho bạn hay không; nếu nên đưa nhưng họ không cho thì họ phạm giới, họ cũng phạm giới trộm cắp, họ dành lấy làm của riêng, cố ý làm khó dễ không cho bạn. Nếu không nên cho nhưng họ cho bạn thì cũng phạm giới, thế nên [quản lý đồ thường trụ]

chẳng dễ đâu. Quản lý đồ vật của Tam Bảo, nếu không để ý thì liền tạo nên quả báo nghiêm trọng, đạo lý này chúng ta nhất định phải hiểu. Nếu chúng ta lãng phí đồ vật của Tam Bảo, cũng là giới điều này. Chúng ta tiết kiệm một phần tiền cho Tam Bảo, tiết kiệm được một đồng là phước báo của bạn, phước báo này rất lớn. Tại sao? Bạn cho hết thầy người xuất gia ở mười phương, bạn tu phước vì họ. Nói cách khác, nếu bạn lãng phí, tổn hại thì tội này sẽ rất nặng. Ngày nay càng ngày càng ít người hiểu được đạo lý này. Người xuất gia cũng chẳng nói, hiện nay những pháp sư giảng kinh có ai giảng Giới Luật đâu? Nếu giảng Giới Luật thì người ta sẽ mắng bạn. [Họ sẽ nói:] Ông giảng Giới Luật, mở kinh ra thì mỗi ngày đều mắng chửi chúng tôi, còn ai chịu nghe lời chửi mắng? Nếu bạn giảng Giới Luật thì một thánh chúng cũng không có, nhưng đó là lời chân thật. Thế nên chúng sanh cõi Diêm Phù Đề, Địa Tạng Bồ Tát nói: “*Khởi tâm động niệm, không gì là chẳng phải tội*”, lời này là thật, chẳng quá đáng tí nào. Niệm niệm đều đang tạo nghiệp, niệm Phật vãng sanh đâu dễ vậy sao, đây là việc chúng ta nhất định phải biết, phải cảnh giác, phải biết sự nghiêm trọng của quả báo.

Đoạn kế tiếp “*điểm ô tăng ni*”, đây là phạm tội dâm dục. Tăng là chúng xuất gia Nam, Ni là chúng xuất gia Nữ. Người thế gian vô tri, dâm ô Tăng Ni. “*Hoặc trong chốn già lam*”. Phía sau là gì? Phía sau chẳng phải là người xuất gia, thậm chí vợ chồng tham gia pháp hội trong tự viện, có khi pháp hội kéo dài nhiều ngày, thí dụ pháp hội Thủy Lục, hoặc là Lương Hoàng Sám, đều kéo dài khoảng bảy ngày trở lên, pháp hội truyền giới còn dài hơn nữa. Có rất nhiều cư sĩ trong thời gian này tham gia pháp hội, ở lại trong chùa, tuy là vợ chồng, nếu có hành vi dâm dục trong chùa thì cũng liệt vào tội này. Nếu không phải là vợ chồng thì tội còn nặng hơn, đó là tà dâm. Chư vị nên biết đây đều là tội dọa địa ngục Vô Gián, người hiện nay làm sao biết được bị những quả báo nặng nề như vậy? “*Hoặc sát hoặc hại*”, phần nhiều đây đều là cưỡng dâm, sau khi dâm ô xong rồi giết họ để thủ tiêu tang chứng, tội này càng nặng hơn. Tạo những tội này đều phải “*đọa vào địa ngục Vô Gián trong ngàn vạn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được*”. Xem tiếp đoạn thứ tư:

Nhược hữu chúng sanh, ngụy tác sa môn, tâm phi sa môn, phá dụng thường trụ, khi cưỡng bách y, vi bội giới luật chủng chủng tạo ác, như thị đẳng bối, đương đọa Vô Gián địa ngục, thiên vạn ức kiếp, cầu xuất vô kỳ.

若有眾生偽作沙門。心非沙門。破用常住。欺誑白衣

。違背戒律種種造惡。如是等輩。當墮無間地獄。千萬億劫。求出無期。

(Nếu có chúng sanh giả làm Sa Môn, tâm chẳng phải Sa Môn, phá hoại lạm dụng của thường trụ, gạt gẫm hàng bạch y, trái phạm Giới Luật, tạo vô số tội ác, những người như vậy phải đọa địa ngục Vô Gian trong ngàn vạn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được.)

Hai câu đầu là “cử tội”. “Sa môn” là người tu hành, chẳng phải chỉ Tăng Ni, Tăng Ni càng thù thắng hơn Sa Môn. Cư sĩ tại gia cũng có thể xưng là Sa Môn, hai chữ này là Phạn ngữ dịch âm, ý nghĩa của nó là “siêng tu Giới Định Huệ, diệt hết Tham Sân Si”, thế nên xuất gia hay tại gia đều có thể xưng là Sa Môn. Chỉ cần bạn hết lòng tu hành, tu hành đúng như lý như pháp đều có thể xưng là Sa Môn. Ở Ấn Độ danh từ Sa Môn này là danh xưng phổ biến, chẳng nhất định là Phật giáo, hết thảy những tín đồ tôn giáo chỉ cần hết lòng học tập, đoạn ác tu thiện thông thường đều xưng là Sa Môn. Sau khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, Sa Môn biến thành danh từ chung của những người xuất gia trong Phật giáo, nhưng chư vị nên biết nó cũng bao gồm người tại gia, xưng Sa Môn là một cách xưng hô khiêm tốn. Nếu họ giả vờ như Sa Môn nhưng chẳng tu hành chân chánh, giả vờ tu hành nhất định nhằm mục đích lừa gạt chúng sanh. Đoạn kinh văn này, pháp sư Thanh Liên trong cuốn Khoa Phán gộp vào “phá giới gạt người”, “cuống” [trong câu “khi cuống bạch y”] là lừa gạt, dối người.

Phía dưới đây nói về tội trạng của họ, “phá dụng thường trụ”. Nếu bạn chẳng phải là người chân chánh tu đạo, mười phương cúng dường là cúng dường người tu đạo, nếu bạn tu đạo chân thật thì họ sẽ có phước. Họ cúng dường cho bạn tu hành, bạn tu hành rất tốt, tối thiểu là đời sau bạn còn được làm người, sanh lên trời hưởng phước trời, thì họ hưởng được phước lây. Nếu bạn đọa vào ba đường ác, bạn đã phụ lòng họ, sẽ thiếu nợ họ, như thường nói:

“Một hạt gạo thí chủ, lớn như núi Tu-di,
Đời này chẳng liêu đạo, mang lông đội sừng đền”

Phải trả nợ. Nếu trong đời này bạn tu hành chân thật, vãng sanh Cực Lạc thế giới làm Phật, thì phước của họ còn lớn hơn nữa, phước điền này họ đã thực sự trồng được đúng chỗ. Do đó có thể biết, chén cơm của người xuất gia này rất khó nuốt. Trong các buổi giảng tôi

thường nhắc nhở các vị đồng tu, chén cơm này khó nuốt hơn những người đi khát thực nhiều. Người ăn xin, người ta bố thí cho người xin ăn, nhất định chẳng nghĩ đến phải trồng phước, chẳng muốn được báo đền, cho nên chén cơm của người ăn xin dễ nuốt hơn nhiều. Người xuất gia tiếp nhận bố thí cúng dường, khó nuốt lắm, đời này chẳng liễu đạo thì phải mang lông, đội sừng mà đền trả. Nghề nghiệp trong thế gian rất nhiều, tại sao bạn chọn đi xuất gia? Chọn xuất gia, nói thật ra, nếu không thể vãng sanh Cực Lạc thế giới thì bạn sẽ chọn đi đến địa ngục A Tỳ. Tại sao phải làm chuyện cực khổ này? Chúng ta phải cảnh giác cao độ, đây chẳng phải chuyện giỡn chơi, nghiêm túc phi thường.

Chúng ta nhìn thấy người xuất gia hiện nay, nói thật ra là vì đọc kinh quá ít, chẳng có mấy người hiểu được đạo lý này, hiểu chân tướng sự thật này. Vả lại phân đông người trong xã hội nghĩ như thế nào? Nghề xuất gia này rất dễ kiếm tiền, chẳng cần đóng thuế, chẳng cần phải làm ăn cực khổ. Làm bất cứ ngành nghề gì trong thế gian đều phải đi học cực khổ, học kỹ thuật. Người xuất gia nếu cần học Kinh Sám Phất Sự, tối đa ba tháng là rất rành rồi, thì có thể bắt đầu kiếm tiền. Nếu bạn có thể giảng thiện đạo thì kiếm tiền còn dễ hơn nữa, chẳng cần mấy năm thì bạn sẽ có thể kiếm mấy triệu bạc, mấy chục triệu bạc. Thế nhưng phải biết sau này quả báo sẽ ở tại địa ngục A Tỳ, thọ tội ở địa ngục A Tỳ xong còn phải trải qua thời gian rất dài để trả nợ. Tuyệt đối không thể nói thiếu nợ chẳng cần trả, không có đạo lý này, nhân quả thông ba đời, chúng ta phải biết. Cách làm này là “*phá dụng thường trụ*”. “*Khi cuống bạch y*”, “*Bạch y*”³⁸ là tín đồ tại gia, bạn lừa gạt họ, phản nghịch giáo giới của đức Phật. “*Chúng chúng tạo ác*”, tạo ác nghĩa là tham-sân-si-mạn; tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp. Đây là loại thứ tư đọa địa ngục A Tỳ, A Tỳ nghĩa là Vô Gián, là hạng người thứ tư. Loại cuối cùng là trộm cắp vật của thường trụ, đây là dùng tâm trộm cắp để trộm cắp, so với “*xâm tổn*” nói ở phía trước còn nặng hơn.

Nhược hữu chúng sanh thâm thiết thường trụ tài vật cốc mễ, ẩm thực y phục, nãi chí nhất vật bất dĩ thủ giả, đương đọa Vô Gián địa ngục, thiên vạn ức kiếp, cầu xuất vô kỳ.

³⁸ Bạch y (avadata-vasana): Nghĩa là áo quần màu trắng. Do cổ Ấn Độ coi màu trắng là đáng quý nhất nên người tại gia trừ khi quá nghèo khổ thường thích mặc y phục sắc trắng. Vì thế, chữ “bạch y” về sau được dùng như một từ ngữ thông dụng chỉ người tại gia, trái với “truy y” (áo thâm) là người xuất gia.

若有眾生偷竊常住。財物穀米。飲食衣服。乃至一物
不與取者。當墮無間地獄。千萬億劫。求出無期。

(Nếu có chúng sanh trộm cắp tài vật, lúa gạo, đồ ăn thức uống, y phục của thường trụ, cho đến một vật không cho mà lấy; kẻ đó phải đọa địa ngục Vô Gián trong ngàn vạn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được.)

Hai câu sau cùng là quả báo phải có của họ. Thường trụ phía trước đã nói rồi, [có] bốn thứ thường trụ. Nếu bạn dùng tâm trộm cắp, tâm thâm đạo để đi trộm cắp, hoặc để tự mình dùng, trộm về để tự mình hưởng thụ, hoặc cho người thân, quyền thuộc dùng đều phạm tội này, tội này rất nặng. Kinh Quán Phật Tam Muội nói trộm cắp đồ vật của Tam Bảo, tội ấy lớn hơn tội giết tám vạn bốn ngàn cha mẹ, sát hại cha mẹ phía trước có nói là tội nghiệp đọa địa ngục A Tỳ. Trộm cắp đồ vật của Tam Bảo còn nặng hơn tội giết cha mẹ. Nặng hơn bao nhiêu, chúng ta không cách gì tưởng tượng được nổi. Trong kinh Phật thí dụ còn nặng hơn tội giết hại tám vạn bốn ngàn cha mẹ. Hoa Tụ Bồ Tát trong kinh nói: “Ngũ nghịch bốn trọng tội tôi còn có thể cứu, trộm Tăng vật thì tôi không thể cứu”. Hoa Tụ Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát, ngang hàng với Quán Âm, Thế Chí, Địa Tạng Bồ Tát, lời các Ngài nói là lời chân thật, chẳng giả.

Hiện nay địa phương này của chúng ta, đạo tràng này là đạo tràng cư sĩ, đạo tràng cư sĩ hoằng hộ chánh pháp, nhân quả của nó tương đồng với tự viện, am đường. Những việc này chúng ta phải nhận thức rõ ràng, nếu chúng ta cần thì có thể nói rõ cho thường trụ biết, thường trụ cũng đừng, vậy là chính xác. Nhất định không được dấu thường trụ mà tự mình trộm lấy, vậy là sai lầm. Vật thường trụ để phạm nhất là: Giấy, bao thư, giấy viết thư, chúng ta tùy tiện lấy để viết thư riêng, chuyện này là chuyện rất nhỏ, người chẳng học Phật đâu biết? Thông thường trong xã hội, trong cơ quan chánh phủ cũng vậy, công ty tư nhân cũng vậy, những vật dụng của chủ như những vật này, nếu cứ tùy tiện lấy xài, chẳng hiểu Phật lý. Ở Đài Trung tôi theo học thầy Lý mười năm, thầy Lý làm việc trong văn phòng của giám đốc Sở Quản Trị Tế Tự Khổng Miếu, cụ làm Chánh Thư Ký cho vị đứng đầu cơ quan ấy. Thầy nói với chúng tôi, mỗi lần đi lấy giấy viết thư, bao thư, nhất định phải nói cho giám đốc Sở Quản Trị Tế Tự Khổng Miếu biết: “Tôi lấy những giấy, bao thư này, có khi viết thư cá nhân cũng dùng”. Ông giám đốc này nói thầy Lý lắm nhãi, “Có ai không làm như vậy đâu? Tại sao mỗi lần lấy ông đều phải nói

mấy câu này chi vậy?”. Thầy Lý nói: “Tôi nói mấy câu này, ông chịu cho thì tôi không phạm giới; nếu tôi không được ông đồng ý chấp thuận, tôi dùng giấy của công để viết thư riêng thì tôi phạm giới trộm cắp”. Đây là người hiểu lý, một tờ giấy, một bao thư thầy cũng cẩn thận như vậy, vậy thì có thể suy ra những việc khác. Thế nên một giới nhỏ cũng phải cẩn thận, không thể coi thường, cứ cho rằng đây là chuyện rất nhỏ không có tội, chẳng nghiêm trọng, đó là chúng ta nghĩ sai, nhìn sai rồi.

Tôi đã từng kể với chư vị đồng tu, hồi trước lúc tôi học trung học có một vị hiệu trưởng tên là Châu Bang Đạo, người Giang Tây, sau này ông cũng đến Đài Loan. Trước kia ở Trung Quốc đại lục, ông ta từng làm giám đốc Sở Giáo Dục tỉnh Giang Tây, sau khi kháng chiến thắng lợi, ở Đài Loan ông làm thứ trưởng bộ Giáo Dục đặc trách công tác thi cử, chức này ở Trung Quốc tức là phó bộ trưởng thứ nhất. Chánh phủ cấp xe cho ông dùng, khi đi công tác thì ông dùng xe chánh phủ, khi nào đi làm chuyện riêng thì đi xe bus. Tại sao vậy? Không dám lãng phí xăng dầu của chánh phủ, không xâm tổn tài vật của quốc gia. Trong thời đại ngày nay vẫn còn quan viên như vậy, đây là gương tốt đáng cho chúng ta học tập. Đều là cư sĩ tại gia, mỗi ngày đều đọc kinh, hiểu rõ đạo lý, hiểu rõ chân tướng sự thật, họ làm gương cho chúng ta xem. Trong nhà có điện thoại do chánh phủ cấp, nếu không phải là việc công thì không dùng điện thoại này, con nít trong nhà cũng không cho dùng điện thoại. Niệm niệm đều vì quốc gia, giúp quốc gia tiết kiệm một phần tiền đều là việc tốt, chẳng dám lãng phí chút nào. Ngày nay chúng ta dùng điện thoại gọi đến nước khác, không biết nói vắn tắt, cứ lải nhải nói hoài, [đó là] “*xâm tổn thường trụ*”. Chuyện quan trọng trong vòng vài câu nói có thể giải quyết vấn đề, một khi cầm điện thoại lên cứ nói chuyện đầu không, hỏi tới hỏi lui, tiền điện thoại này là do thường trụ trả, xâm tổn thường trụ, mọi người chẳng biết chuyện này lợi hại ra sao.

Thế nên tôi khuyến khích mọi người, hiện nay chúng ta có một số chuyện cần phải biết, cách truyền đạt tin tức tốt nhất là dùng máy truyền chân (fax), dùng fax có thể tiết kiệm thời gian. Năm phút có thể truyền đi mười mấy trang giấy, trong mười mấy trang giấy này nội dung bạn viết quá đầy đủ rồi, cách làm như vậy rất tốt. Hơn nữa khi người nhận coi lần đầu không rõ thì có thể coi lần thứ hai. Gọi điện thoại nói nửa tiếng đồng hồ chẳng có hiệu quả bằng năm phút dùng fax, phí tổn dùng máy fax giống như dùng điện thoại, bạn tiết kiệm được bao nhiêu! Chẳng biết tạo tác tội nghiệp đọa địa ngục A Tỳ, tự mình không biết. Tương lai đọa địa ngục A Tỳ rồi mới kêu oan uổng, Diêm La vương đem

những chuyện này bày trước mặt cho bạn coi, bạn ghen ngào chẳng thốt nên lời, chúng cứ đều có sẵn trước mặt. Trong Giới Kinh có nói rõ, ở đây chỉ nêu lên những điểm chính và nói sơ lược mà thôi.

Hiện nay chúng ta phải thể hội đến sự khó khăn về vật lực, hết thấy những chúng sanh này, chúng sanh trên toàn thế giới, chẳng hay chẳng biết tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp. Tuy là hưởng phước, rất mau thì sẽ hưởng hết phước này. Hưởng hết phước thì tai nạn sẽ đến, tai nạn này trong Phật pháp gọi là hoa báo, quả báo sẽ ở địa ngục, hoa báo là điềm báo trước của quả báo, chúng ta làm sao không cảnh giác cho được! Tại sao trong đời này, trong vòng mấy mươi năm ngắn ngủi, không cần chặt rằng học theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni sống một cuộc sống đơn giản nhất, thuần phật nhất. Ngoài việc hoằng pháp lợi sanh ra, làm lợi ích cho đại chúng, chúng ta phải nên làm. Những nhu cầu cá nhân trong đời sống nhất định phải tiết kiệm đến mức thấp nhất. Nếu những người xuất gia chúng ta, trên thân một đồng cũng chẳng có, hãy nên thực sự giữ đúng như pháp. Khi ra ngoài cần dùng tiền thì thường trụ cung ứng, khi ra ngoài cũng phải tiết kiệm, khi trở về nếu còn dư thì giao trả cho thường trụ. Nếu chúng ta có thể làm như vậy, nhất định sẽ được hết thấy chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần chăm sóc, bảo vệ. Ngày nay chúng ta khởi tâm động niệm, những chuyện mình làm chẳng đúng như lý, như pháp, nói thật ra chư Phật không hộ niệm cho bạn, long thiên thiện thần khinh dễ bạn. Ai ở xung quanh bạn? Yêu ma quỷ quái. Yêu ma quỷ quái thừa dịp [khuấy nhiễu], thế nên bạn thường có bệnh khổ, thường bị tai ương, trừng phạt, tự mình còn không tự giác.

Người không học Phật thì thực sự chẳng biết, người học Phật hiểu rồi, đời này chúng ta đến thế gian này để làm gì? Chỉ có hai việc: “*Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh*”. Trên cầu Phật đạo thì nhất định phải niệm Phật cầu sanh Cực Lạc thế giới, vậy tức là thượng cầu, trong đời này nhất định có thể làm được. Hạ hóa chúng sanh là làm gương tốt cho hết thấy chúng sanh, vậy thì bạn sẽ làm được việc “*hạ hóa*” này rất viên mãn. Ngày nay người thế gian tham tiền tài, tham danh, tham lợi, chúng ta làm gương tốt, phải xả bỏ tài, danh, lợi sạch sành sanh, như vậy là “*hạ hóa*”. Chẳng cần phải nói, cũng chẳng cần người ta biết, khi bạn chịu làm, có một, hai người biết thì họ sẽ tuyên dương, sẽ nói cho người ta biết. [Họ sẽ nói:] “Những người xuất gia ở nơi ấy làm như vậy, những người xuất gia ấy thân tâm thanh tịnh, được đại tự tại, trí huệ sung mãn”, làm cho người thế gian ngưỡng mộ, mong mỏi, đến để học theo bạn, vậy thì mới đạt đến hiệu quả thực sự làm lợi

ích cho chúng sanh.

Tại nạn thế gian từ đâu đến? Người thế gian cho rằng những chuyện xảy ra trong thiên nhiên chẳng liên quan đến chúng ta, thế nên đều gán những tai nạn này thành tai nạn thiên nhiên, chẳng do sức lực con người có thể làm nên, đều đẩy trách nhiệm hết. Chỉ có người chân chánh học Phật biết được, y báo và chánh báo là một thể, y báo và chánh báo chẳng hai. Đặc biệt là kinh Hoa Nghiêm, giảng những đạo lý, chân tướng sự thật này rất thấu triệt, minh bạch. Chúng ta khởi tâm động niệm, những gì mình làm, nhỏ như sợi lông tơ, như hạt bụi, chẳng đáng gì hết, nhưng đều ảnh hưởng đến tận hư không, trọn khắp pháp giới. Thế nên Phật nói cho chúng ta “*cảm từ cộng nghiệp*”, chúng ta nghe xong lời này nhất định sẽ không có nghi hoặc gì cả. Thời xưa, hàng vua chúa bao gồm cả những phần tử trí thức, phần tử trí thức ở Trung Quốc chẳng ai không đọc sách Phật cả, họ đều hiểu đạo lý này. Khi gặp tai họa thiên nhiên, họ đều hết lòng phản tỉnh, sám hối, sửa sai đổi mới, để cứu vãn kiếp vận, họ hiểu được đạo lý này. Hiện nay người học khoa học không thừa nhận sự thật này, cho rằng đây là vọng tưởng, ảo tưởng, chẳng phù hợp với nguyên tắc khoa học, [đây là] mê tín vào khoa học. Những gì khoa học nghiên cứu chỉ là một bộ phận trong cả vũ trụ nhân sinh, Phật pháp nói về toàn thể, nếu chấp trước một bộ phận nào đó thì trước sau gì cũng sẽ tổn hại đến toàn thể. Chỉ có quan tâm đến cả toàn thể thì mới giải quyết vấn đề, đây là điều chúng ta không thể không biết. Trong kinh điển Đại Thừa, Phật thường dạy chúng ta hiểu rõ ý nghĩa đường hướng, chúng ta hiểu cạn cợt thì không được, phải hiểu cho sâu, nhất định phải đích thân ra sức mà làm. Xem tiếp đoạn kế:

Địa Tạng bạch ngôn: “Thánh Mẫu, nhược hữu chúng sanh tác như thị tội, đương đọa Ngũ Vô Gián địa ngục, cầu tàm đình khổ nhất niệm bất đắc”.

地藏白言。聖母。若有眾生作如是罪。當墮五無間地獄。求暫停苦一念不得。

(Ngài Địa Tạng thưa rằng: “Thánh Mẫu, nếu có chúng sanh phạm những tội như vậy thì phải đọa Ngũ Vô Gián địa ngục, cầu tàm đình khổ nhất niệm bất đắc”.)

Vô Gián tức là địa ngục A Tỳ, có lúc trong kinh nói hai loại, có lúc gộp cả hai lại nói, rốt cuộc là một hay là hai không nói tách bạch, nhưng chúng ta có thể xem như là một. Địa Tạng Bồ Tát sơ lược nêu lên

năm tội nặng ở đoạn trước, đều nhất định sẽ đọa địa ngục Vô Gián. “*Nhược hữu chúng sanh tác như thị tội*”, “*như thị*” là chỉ năm loại tội lớn. Năm loại này đều là thập ác nghiêm trọng, sau khi thọ báo ở địa ngục xong ra khỏi địa ngục vẫn còn dư báo, dư báo ở tại ngạ quỷ, súc sanh, chẳng biết đến lúc nào mới có thể có được thân người trở lại, thế nên được thân người tương đối chẳng dễ. Thời gian trong ba đường ác đều rất dài, địa ngục thì chẳng cần phải nói nữa. Còn cõi ngạ quỷ, trong kinh Phật nói, một ngày ở cõi ngạ quỷ bằng một tháng ở nhân gian, ở nhân gian khi cúng tế quỷ thần thì cúng ngày mùng một, mười lăm, cũng như mời họ ăn cơm, vừa đúng lúc! Một ngày của họ bằng một tháng của chúng ta, ngày mùng một, ngày rằm vừa đúng lúc chúng ta mời họ ăn cơm trưa, ăn cơm tối, đó là một ngày của họ. Thọ mạng ngắn ở cõi ngạ quỷ là một ngàn tuổi, cũng tính một năm có ba trăm sáu mươi ngày, chiếu theo cách tính này thì thọ mạng ở cõi ngạ quỷ cũng quá dài, quá dài. Lúc trước ông Chương Thái Viêm từng làm chức phán quan cho đại đế Đông Nhạc, mỗi ngày ông đều làm việc ở cõi quỷ, còn gặp những quỷ thời triều Hán, ông là người đọc sách, triều Hán, hay triều Tấn, Tùy, Đường, ông đều gặp những người ở triều đại này, những tình hình như vậy chúng ta đều phải biết.

Có một số trong cõi súc sanh thọ mạng rất ngắn, nhưng súc sanh ngu si, vô cùng chấp trước thân hình của chúng nên rất khó thoát ly cõi súc sanh. Trong kinh, đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói với chúng ta lúc Ngài ở vườn Kỳ Thụ Cấp Cô Độc một thời gian, giảng kinh thuyết pháp ở đó. Kỳ Viên tinh xá có một số công trình đang xây dựng, đại khái là xây nhà cửa, dưới đất có một ổ kiến, Phật nhìn thấy rồi cười. Các đệ tử nhìn thấy Phật cười nên hỏi tại sao? Phật nói ổ kiến này, đã trải qua bảy tôn Phật rồi chúng nó vẫn còn làm kiến. Thọ mạng của chúng chẳng phải dài như vậy, chúng nó chấp trước thân hình ấy là chính mình, chết đi đầu thai cũng vẫn làm kiến, đời đời kiếp kiếp làm kiến, chẳng biết thoát ly, súc sanh ngu si. Bạn hiểu rõ chân tướng sự thật xong mới biết ba đường ác rất đáng sợ. Làm sao sanh vào ba đường ác? Là do tạo mười ác nghiệp, phá giới, tạo mười ác nghiệp đọa ba đường ác. Xin xem tiếp:

Ma Gia phu nhân trùng bạch Địa Tạng Bồ Tát ngôn: “Vân hà danh vi Vô Gián địa ngục?”.

摩耶夫人重白地藏菩薩言。云何名為無間地獄。

(Ma Gia phu nhân lại hỏi Địa Tạng Bồ Tát: “Tại sao tên là địa ngục Vô Gián?”.)

Đây là lúc Ma Gia phu nhân nghe Địa Tạng Bồ Tát nói “*địa ngục Vô Gián*” nghiêm trọng như vậy, đọa vào địa ngục Vô Gián, ngàn vạn ức kiếp cầu thoát khỏi chẳng được, dễ sợ quá. Cái gì gọi là địa ngục Vô Gián? Ma Gia phu nhân hỏi giùm chúng ta.

Địa Tạng bạch ngôn: “Thánh Mẫu, chư hữu địa ngục tại Đại Thiết Vi sơn chi nội, kỳ đại địa ngục hữu nhất thập bát sở”.

地藏白言。聖母。諸有地獄在大鐵圍山之內。其大地獄有一十八所。

(Ngài Địa Tạng thưa rằng: “Thánh Mẫu, tất cả địa ngục đều ở trong núi Đại Thiết Vi. Địa ngục lớn có mười tám chỗ”.)

Chúng ta thường nói đến mười tám tầng địa ngục, chính là ý nghĩa này. Mười tám tầng địa ngục là mười tám “*địa ngục lớn*”.

Thứ hữu ngũ bách danh hiệu các biệt; thứ hữu thiên bách danh hiệu diệc biệt.

次有五百名號各別。次有千百名字亦別。

(Thứ kể có năm trăm chỗ, danh hiệu đều khác nhau; kể nữa lại có đến ngàn trăm, danh hiệu cũng đều khác nhau.)

Hết thầy chúng sanh lúc còn ở thế gian tạo tác tội nghiệp có nặng nhẹ sai khác, cho nên đọa lạc địa ngục, chịu tội ở địa ngục cũng có nặng nhẹ khác nhau. Lúc trước thầy Lý giảng kinh có nhắc qua, trong kinh Phật giảng kỹ về địa ngục có đến bảy mươi mấy loại, kinh Địa Tạng chỉ nói sơ lược mà thôi. Chúng ta nghĩ coi, bảy mươi mấy loại đương nhiên cũng là đã nói tóm gọn rồi, [sự thật thì] chủng loại nhiều đến nỗi chẳng có cách gì tính đếm, Phật thường dùng phương pháp quy nạp. Giống như phiền não vô lượng vô biên, Phật quy nạp thành một trăm lẻ tám loại lớn, dùng phương pháp quy nạp. Thế nên bảy mươi mấy loại này cũng là dùng pháp quy nạp, khổ nhất chính là địa ngục Vô Gián. Trong kinh đức Phật nói những việc thiện ác do chúng sanh tạo đều có nhân quả báo ứng, nhất định sẽ không mất đi đâu hết. Tâm thiện, hạnh thiện nhất định cảm lấy quả thiện; niệm ác, hạnh ác nhất định cảm lấy ác báo, chỉ cần tạo tác tội nghiệp thì nhất định sẽ có địa ngục, địa ngục là chỗ khổ cùng cực.

Chúng ta xem tiếp đoạn kinh kể tiếp, Địa Tạng Bồ Tát nói:

Vô Gián ngục giả kỳ ngục thành.

無間獄者其獄城。

(Ngục Vô Gián có ngục thành.)

Phía ngoài địa ngục có tường thành, có tường bao bọc, tường bao bọc giống như thành lũy vậy.

Châu táp bát vạn dư lý, kỳ thành thuần thiết cao nhất vạn lý. Thành thượng hỏa tụ thiểu hữu không khuyết. Kỳ ngục thành trung chư ngục tương liên, danh hiệu các biệt, độc hữu nhất ngục danh viết Vô Gián.

周匝八萬餘里。其城純鐵高一萬里。城上火聚少有空缺。其獄城中諸獄相連。名號各別。獨有一獄名曰無間。

(Giáp vòng hơn tám vạn dặm, thành đó thuần bằng sắt cao một vạn dặm. Trên thành có lửa tụ không có chỗ hở trống. Trong ngục thành đó, các nhà ngục nối tiếp nhau, danh hiệu đều sai khác, chỉ có một ngục tên là Vô Gián.)

Kinh nói những chuyện này, địa ngục bao lớn rất khó tưởng tượng nổi. “Hơn tám vạn dặm” còn lớn hơn quả địa cầu chúng ta, địa cầu chúng ta còn chẳng lớn như vậy. Tường thành cao một vạn dặm, phi cơ hiện nay của chúng ta còn chưa bay cao như vậy. Hiện nay chúng ta ngồi máy bay lớn nhất, chư vị thường đi du lịch, ngồi máy bay Boeing 747 có thể bay đến Đồng Ôn Tầng³⁹, cỡ chừng ba vạn bộ (ft), ba vạn bộ bằng khoảng chừng hơn một vạn mét, nghĩa là độ cao khoảng mười kí lô mét mà thôi. Một vạn dặm, chắc bằng từ địa cầu lên tới cung trăng. Trong kinh Phật nói những lời này chúng ta phải tin, kinh Kim Cang nói với chúng ta: “Nhu Lai là người nói lời chân, lời thật, lời đúng như vậy”⁴⁰. “Nhu” nghĩa là hoàn toàn đúng như sự việc đó, chẳng có chút phóng đại, sự thật ra sao thì Phật nói y như vậy, chẳng tăng chẳng giảm thì gọi là “Nhu ngữ”. Địa ngục được tạo nên từ sự biến hóa, là hóa hiện, là do nghiệp lực của chúng sanh tạo tội nghiệp biến hiện ra. Nếu không là người tạo tội nghiệp nặng nề như vậy thì dù địa ngục ở ngay trước mặt, người ấy cũng chẳng nhìn thấy. Giống như cư sĩ Chương Thái Viêm,

³⁹ Stratosphere: Tầng Bình Lưu, tầng thứ nhì trong khí quyển, từ 7-17 Km đến 50 Km, nhiệt độ tăng theo cùng với độ cao.

⁴⁰ Nhu Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả.

ông yêu cầu đại đế Đông Nhạc phế bỏ hình phạt Bào Lạc, Bào Lạc là một hình phạt trong địa ngục, ngày nay chúng ta gọi hình phạt này chẳng nhân đạo, dựa trên lập trường nhân đạo, chết thì để họ chết, đừng cho họ đau khổ như vậy, đừng hành hạ họ như vậy. Đại đế Đông Nhạc phái tiêu quỷ dẫn ông ta đi đến chỗ hành hình xem thử, [tới ngay nơi ấy nhưng] ông nhìn chẳng thấy gì cả, từ đó ông mới vỡ lẽ, hiểu được lời Phật nói trong kinh. Những hình phạt này chẳng phải do Diêm La vương bày ra, mà là do nghiệp lực của chính tội nhân biến hiện nên, chẳng phải do người khác tạo thành, vậy thì chẳng có biện pháp gì hết. Nếu là do người khác tạo dựng, dựa trên nhân đạo thì đương nhiên có thể phế trừ, nếu là do nghiệp lực của chính mình biến hiện thì chẳng có cách gì cả. Hiện tượng trong địa ngục là một màn lửa, biển lửa, chúng ta phải tin chuyện này. Kinh Phật nói địa ngục có trạng huống như vậy, những tôn giáo khác cũng nói như vậy. Tuy Cơ Đốc Giáo chẳng nói đến lục đạo, ít nhất thì họ cũng nói đến tam đạo, họ nói về Thiên đạo, Nhân đạo, Địa Ngục đạo. Tướng địa ngục mà họ nói cũng là một màn lửa. Từ đây có thể biết, hiện tượng địa ngục nếu là người có mức thiền định sâu như phía trước chúng ta thấy cô Bà La Môn, cô niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, Sự nhất tâm bất loạn bèn có khả năng này, có thể tham quan địa ngục; cô có khả năng đích thân nhìn thấy những trạng huống này. Thế nên đối với lời Phật dạy chúng ta không thể hoài nghi. Kế tiếp:

Kỳ ngục châu tấp vạn bát thiên lý, ngục tường cao nhất thiên lý, tất thị thiết vi. Thượng hỏa triệt hạ, hạ hỏa triệt thượng, thiết xà, thiết cầu thổ hỏa trì trục, ngục tường chỉ thượng đông tây nhi tẩu.

其獄周匝萬八千里。獄牆高一千里。悉是鐵為。上火徹下。下火徹上。鐵蛇。鐵狗吐火馳逐。獄牆之上東西而走。

(Ngục này chu vi một vạn tám ngàn dặm, tường ngục cao một ngàn dặm, toàn bằng sắt, ở trên lửa cháy phụt xuống, ở dưới lửa cháy bốc lên. Trên tường ngục có rắn sắt, chó sắt phun lửa đuổi bắt nhau chạy qua chạy lại.)

Đây là lời diễn tả cảnh tượng trong địa ngục Vô Gián. Địa ngục Vô Gián ở trong địa ngục lớn, là một phạm vi khổ nhất. Gọi là Vô Gián, phía sau sẽ nói rõ cho chúng ta, thọ khổ vô gián, chẳng gián đoạn. Do đó có thể biết những địa ngục khác tuy chịu khổ nhưng còn có lúc tạm

ngung. Nói cách khác, còn cho bạn có dịp nghỉ mệt, nhưng địa ngục Vô Gián thì không được.

Ngục trung hữu sàng biến mãn vạn lý, nhất nhân thọ tội tự kiến kỳ thân biến ngoại mãn sàng, thiên vạn người thọ tội diệc các tự kiến thân mãn sàng thượng.

獄中有床遍滿萬里。一人受罪自見其身遍臥滿床。千萬人受罪亦各自見身滿床上。

(Trong ngục có giường rộng khắp vạn dặm, một người thọ tội thì tự thấy thân mình nằm chật cả giường, ngàn vạn người thọ tội thì mỗi người cũng tự thấy thân mình đầy chật cả giường.)

Giường là nơi xử phạt tội nhân, giống như một cái “đài”. Cái đài này rất lớn, người thọ tội tự cảm thấy thân thể họ biến lớn lên, hết thấy những hình phạt đều thọ cùng lúc, chịu đựng ngàn vạn loại dụng cụ tra tấn cùng lúc. Chẳng phải chịu hình phạt này xong rồi mới nhận đến hình phạt kế tiếp, nếu vậy thì còn có khoảng trống, đó chẳng phải là địa ngục Vô Gián. Vô Gián địa ngục tức là chịu hết thấy tất cả những hình cụ cùng lúc, như núi đao, cây kiếm, vạc dầu cùng chịu một lượt, chẳng phải chịu từng thứ riêng rẽ, tuyệt chẳng có xen hở. Rất nhiều người tạo tội nghiệp này, mỗi người cảm thấy thân của chính mình nằm chật cả giường, đầy cả địa ngục này, đây là hóa thân. Cũng như kinh Hoa Nghiêm gọi là “*vô chướng ngại pháp giới*”, người thọ tội và những người thọ tội khác chẳng có chướng ngại, chịu tội cùng lúc, cùng lúc cảm thấy thân thể mình trải đầy địa ngục. Phía dưới tổng kết lại:

Chúng nghiệp sở cảm hoạch báo như thị.

眾業所感獲報如是。

(Đó là do các nghiệp chiêu cảm mà gặt lấy quả báo như vậy.)

Trong Địa Tạng Thập Luân Kinh nói cho chúng ta về tội ngũ nghịch. Trong kinh, Phật giảng rất rõ ràng, tội ngũ nghịch đọa A Tỳ địa ngục, tức là địa ngục Ngũ Vô Gián. Ngũ nghịch là đại nghịch bất đạo.

Thứ nhất là “*giết cha mẹ*”. Cha mẹ có ân đức to lớn đối với mình, chẳng biết tri ân báo ân, ngược lại còn giết hại cha mẹ, tạo tội đọa địa ngục Vô Gián. Thứ hai là “*giết A La Hán*”. A La Hán là người tu hành đắc đạo, Ngài trụ ở địa phương này là phước điền cho những người ở đó,

người ở đó có phước, tiếp nhận sự giáo hóa của Ngài. A La Hán hiện nay chẳng còn, đi đâu tìm A La Hán? Nếu nói giết hại thiện tri thức, vị thiện tri thức này có thể giáo hóa cả vùng đó, bạn giết họ, thì tội này bằng tội giết A La Hán. Câu đầu là giết cha mẹ, đây là phụ mẫu thân, giết A La Hán là lão sư (thầy giáo), ân đức của hết thầy chúng sanh nặng nhất chẳng vượt qua “cha mẹ, thầy giáo” thế nên hết thầy thiện hạnh chẳng vượt qua hiếu đạo, hiếu thân tôn sư là thiện hạnh hạng nhất. Thứ ba là “phá hòa hợp Tăng”. Phá hoại Tăng đoàn, cũng có nghĩa là phá hoại nơi chôn giáo học, phá hoại đại chúng giáo học, tội này rất nặng. Sau cùng là ác tâm “làm thân Phật chảy máu”. Sanh lòng sân hận hoặc tâm đố kỵ, phước báo của Phật rất lớn, chẳng có ai có thể sát hại Phật, Phật có rất nhiều thần hộ pháp bảo vệ, chẳng có người nào có thể làm hại. Làm thân Phật ra máu là chuyện Đề Bà Đạt Đa muốn hại Phật, từ trên vách núi đẩy hòn đá lớn muốn hại tánh mạng của Phật. Thần Kim Cang đập tan hòn đá này trên không trung, hòn đá này bị bể tan, mảnh vụn rớt trúng chân Phật, Ngài bị thương chảy máu. Đây là tội “làm thân Phật ra máu”, tội này cũng đọa địa ngục Vô Gián. Nói cách khác tức là phá hoại chánh pháp, làm cho cơ hội nghe pháp của xã hội đại chúng bị cắt đứt, thế nên tội này sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián.

Hựu chư tội nhân bị thọ chúng khổ.

又諸罪人備受眾苦。

(Lại nữa các tội nhân còn phải chịu đủ sự khổ sở.)

Câu này là nói chung, phía sau cũng nói sơ lược thêm.

Thiên bách Dạ xoa cập dĩ ác quỷ.

千百夜叉及以惡鬼。

(Ngàn trăm Dạ xoa cùng các ác quỷ.)

Đây là những ác quỷ, Dạ xoa ác quỷ trong địa ngục biến hiện ra để chấp hành hình phạt, kinh Địa Ngục gọi họ là ác thú, đầu trâu mặt ngựa, họ chẳng có hình tướng như người, có hình tướng của ác thú, dễ sợ vô cùng, đáng kinh hãi vô cùng.

Khẩu nha như kiếm, nhãn như điện quang, thủ phục đồng trảo tha duệ tội nhân.

口牙如劍。眼如電光。手復銅爪拖拽罪人。

(Răng như kiếm, mắt như ánh điện chớp, tay có móng đồng, lời kéo tội nhân.)

Người thọ tội nhìn thấy hình tướng của địa ngục ai cũng muốn tránh né. Trốn tránh ở nơi nào? Bốn bên đều là lửa, trên dưới cũng là lửa. Bạn muốn tránh né, những ác quỷ này chụp lấy bạn đây vô đồng lửa.

Phục hữu Dạ xoa chấp đại thiết kích trúng tội nhân thân, hoặc trúng khẩu tị, hoặc trúng phúc bối, phao không phiên tiếp, hoặc trí sàng thượng.

復有夜叉執大鐵戟中罪人身。或中口鼻。或中腹背。拋空翻接。或置床上。

(Lại có quỷ Dạ xoa cầm cây kích sắt lớn đâm vào mình tội nhân, hoặc đâm trúng miệng mũi, hoặc đâm trúng bụng lưng, rồi hất tung lên trên không và hứng lấy, hoặc để lại trên giường.)

Đây là những việc ác quỷ hành hạ tội nhân. Thời cổ binh khí chỉ có những loại này. Chúng ta có thể suy tưởng được hiện nay nếu trong địa ngục nhất định sẽ có các thứ như hơi độc, gas, súng đại liên, có đạn của súng đại bác, thậm chí bom nguyên tử bùng nổ, hết thấy đều có. Lúc trước trong tâm người ta chẳng có những hiện tượng này, chẳng biến ra những thứ này, chỉ biến ra những dụng cụ hành hình tra khảo mà họ biết. Người hiện đại rất dễ sợ, rất đáng thương, tại sao? Coi phim ảnh, coi truyền hình, coi những chuyện khủng khiếp này, hết thấy đều chất chứa trong A Lại Da Thức, khi đến địa ngục A Tỳ thì hiện ra toàn bộ, tất cả đều phải thọ chịu. Thế nên ít coi những phim ảnh khủng bố, khoa học giả tưởng này thì tốt hơn, tuy có dọa địa ngục, bớt đi không ít hình phạt, lời tôi nói là thật đấy! Nếu quý vị thích coi những phim ảnh này, trong A Lại Da Thức chất chứa những hạt giống này, tương lai dọa địa ngục sẽ tăng thêm nhiều hình phạt hơn những người thường, đạo lý nhất định mà. Cho nên một người chân chánh biết cách tu học thì mắt không xem cảnh ác, tai không nghe âm thanh ác, hết thấy những cảnh giới ác liệt này chúng ta đừng tiếp xúc, đừng tiêm nhiễm là tốt nhất! Nhất định sẽ có lợi ích to lớn cho chính mình. Đây là nói về ác quỷ Dạ xoa. Ngoài việc này ra thì đây là chuyện tiểu thuyết khoa học giả tưởng thường nói:

Phục hữu thiết ưng đạm tội nhân mục, phục hữu thiết xà giáo

tội nhân cảnh, bá chi tiết nội tất hạ trường đình, bạt thiết canh lê trù trường tỏa trăm, dương đồng quán khẩu nhiệt thiết triển thân, vạn tử thiên sanh nghiệp cảm như thị.

復有鐵鷹啗罪人目。復有鐵蛇絞罪人頸。百肢節內悉下長釘。拔舌耕犁抽腸剉斬。烱銅灌口熱鐵纏身。萬死千生業感如是。

(Lại có chim ưng sắt [mỏ] ăn mắt tội nhân, lại có rắn sắt quán cổ tội nhân, các khớp xương và lóng đốt [của tội nhân] đều bị đóng đinh sắt dài, kéo lưỡi cày bừa, móc ruột bằm chém, rót nước đồng sôi vào miệng, quán sắt nóng quanh thân, muôn lần chết đi sống lại, nghiệp cảm như thế.)

Mỗi hình phạt đều tiêu biểu cho vô lượng sự thọ khổ, mỗi thứ đều có nghiệp nhân, trong kinh Phật đã nói rõ, nói chung đều chẳng lìa tham-sân-si, ba thứ phiền não căn bản này. Người ta trong một đời nói thật ra, chịu hại bởi ngu si nặng nhất. Ngu si là chẳng hiểu rõ sự lý, dựa vào tà tri tà kiến của mình mà hủy báng đạo đức, tự mình tâm hạnh bất chánh, còn dẫn dắt người khác tà tri tà kiến, cùng tạo ác nghiệp. Đức Phật khuyên chúng ta bố thí, trong thời Mật Pháp, ẩn tượng phụ sanh ra từ sự bố thí không thể nói là không có, phía trước có nói “giả làm Sa môn, tâm chẳng phải Sa Môn”, người lường gạt chúng sanh thật có, chẳng phải là không có. Đặc biệt là thời kỳ Mật Pháp, Phật nói: “Tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng”, những tà sư này từ đâu tới? Là con cháu của Ma Vương. Năm xưa lúc đức Thế Tôn còn tại thế, Ma Vương Ba Tuần muốn phá hoại Phật pháp, trí huệ, đạo đức, oai thần của Phật quá lớn, Ma Vương không có cách chi, tạm thời chẳng thể phá hoại, cũng học theo Phật, cũng đến nghe kinh nghe pháp. Nhưng ý niệm phá hoại Phật pháp chẳng tiêu mất, Ma Vương nói với Phật: “Có một ngày tôi sẽ phá hoại Phật pháp”. Phật nói: “Pháp của Ta là chánh pháp, chẳng thể phá hoại”. Ma Vương đáp: “Đợi đến khi pháp vận của ông suy thoái, thời kỳ Mật Pháp, tôi sai ma con, ma cháu của tôi đều xuất gia, đắp lên ca sa của ông để phá Phật pháp của ông”. Nghe xong đức Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng nói một lời, rơi lệ, ấy là ví như trùng trên thân sư tử rủa thịt sư tử”. Cho nên những người xuất gia này chẳng phải là đệ tử Phật, mà là đệ tử Ma, chuyên môn đến phá hoại Phật pháp.

Chúng sanh nhìn thấy những người này, chẳng chịu bố thí. “Ông coi bố thí cho họ hưởng thụ, chúng ta bị họ gạt”, hủy báng bố thí, nói bố

thí chẳng có quả báo, nói người ta bồ thí gặt được ác báo. Khuyên người ta tích lũy tiền tài, tự mình hưởng thụ, trái ngược lời dạy của Phật, nói tu thiện không được thiện quả, tạo ác cũng chẳng bị ác báo, dùng những tà tri tà kiến này mê hoặc chúng sanh, làm chúng sanh tạo vô lượng vô biên tội nghiệp. Phía sau những người này có Ma Vương gia trì, có yêu ma quỷ quái ở kề bên giúp đỡ. Chúng ta nhìn thấy trong thời đại hiện nay có những tà sư thế lực rất lớn, đồ chúng rất đông, dưới tay họ có nhân tài, có tiền bạc. Người tu học chánh pháp rất đáng thương, trong thế gian này chẳng có lối thoát, chẳng có người nhận thức chánh pháp, đâu phải họ không muốn hộ trì chánh pháp? Nhưng không nhận thức rõ, coi tà như chánh, lấy chánh coi như tà, thế nên chẳng có người quan tâm hoằng dương chánh pháp. Nhưng chúng ta rất rõ, tuy chẳng có người quan tâm, thiện báo sẽ ở tương lai, đây là đạo lý nhất định. Nhất định không thể vì người ta mê hoặc, chúng ta cũng bắt chước mê hoặc điên đảo theo, vậy thì sai lầm quá rồi! Họ mê, tôi chẳng mê; họ tạo tội nghiệp, tôi không tạo tội nghiệp.

Năm xưa lúc Thế Tôn còn tại thế đã làm tấm gương tốt nhất cho chúng ta, ngày nay chúng ta than khổ thì phải so sánh với thời đức Phật Thích Ca, đời sống của ta sướng hơn Ngài quá nhiều. Ban đêm Ngài ngồi dưới gốc cây nghỉ ngơi, ăn cơm phải đi ra ngoài khát thực, tối thiểu thì chúng ta khỏi phải đi khát thực, vẫn còn nhà cửa để trú ngụ. Y phục của chúng ta nhiều hơn đức Phật quá nhiều, đi du lịch còn có hành lý, năm xưa lúc đức Phật đi du lịch chẳng có hành lý, ba Y đều mặc trong người, tay cầm bình bát, ngoài ra một vật gì cũng chẳng có. Nếu chúng ta không hết lòng hoằng đạo thì làm sao chẳng có lỗi với đức Phật! Lúc Thế Tôn còn tại thế, tuy có rất nhiều vua chúa đại thần, trưởng giả giàu có hộ trì, đức Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng tiếp nhận, thí dụ: “Ông xây cho tôi một đạo tràng lớn,.... chùa lớn”, chẳng bao giờ có! Hết thấy những đạo tràng này đều là mượn dùng. Quyền sở hữu của Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên là của thái tử Kỳ Đà, và trưởng giả Cấp Cô Độc, chỉ là tiếp nhận sự cúng dường của họ, chúng ta thường nói Phật chỉ có quyền sử dụng, chẳng có quyền sở hữu. Quyền sở hữu vẫn là của họ, chỉ mượn dùng tạm thời. Ngài đã nghĩ rất chu đáo, rất viên mãn, biết chúng ta trong thời Mạt Pháp, phải đương đầu với rất nhiều khổ nạn, nghĩ đến Tăng đoàn của đức Phật năm xưa thì tâm chúng ta sẽ lắng xuống. Xin xem tiếp đoạn kinh kể tiếp:

Động kinh ức kiếp cầu xuất vô kỳ.

動經億劫求出無期。

(Trải qua ức kiếp không lúc nào mong ra khỏi được.)

Người tạo tội nghiệp địa ngục đọa vào địa ngục, đặc biệt là địa ngục Vô Gián, thời gian phải dùng ức kiếp để tính. “*Cầu xuất vô kỳ*”, nhưng chúng ta biết, thế giới mà Phật nói, thế giới có thành, trụ, hoại, không. [Một chu kỳ] thành - trụ - hoại - không là một đại kiếp. Chữ kiếp trong “*ức kiếp*” là đại kiếp, trong mỗi đại kiếp thì thế giới trải qua [bốn giai đoạn] thành, trụ, hoại, không. Thế giới này hoại rồi, những kẻ đọa địa ngục phải đi đâu thọ tội? Thế giới hoại thì địa ngục cũng hoại theo, không phải là họ có thể thoát ra sao? Ở đây Địa Tạng Bồ Tát nói:

Thử giới hoại thời ký sanh tha giới.

此界壞時寄生他界。

(Lúc thế giới này hư hoại thì sanh nhờ qua thế giới khác.)

Thế giới này của chúng ta hư hoại rồi, thế giới khác còn chưa hư thì họ bèn chuyển qua địa ngục Vô Gián ở thế giới khác, vẫn phải vào địa ngục Vô Gián.

Tha giới thử hoại chuyển ký tha phương, tha phương hoại thời triển chuyển tương ký, thử giới thành hậu hoàn phục nhi lai.

他界次壞轉寄他方。他方壞時輾轉相寄。此界成後還復而來。

(Thế giới khác đó hư hoại thì chuyển sang phương khác, lúc phương khác đó hư hoại thì lại lần lượt chuyển đi nữa, đến khi nào thế giới này thành thì trở về lại.)

Chuyện này phiền phức lớn lắm, do đó mới nói “*ức kiếp cầu xuất vô kỳ*”. Chúng ta tạo nghiệp nói thật ra quá dễ, chẳng hay chẳng biết bèn tạo tội nghiệp địa ngục, đâu biết rằng tương lai chịu khổ đến mức thâm như vậy, kéo dài như vậy, có ai biết được? Khi đọc kinh này muôn vàn xin đừng hiểu lầm mà cho rằng: “*Đây là Phật dọa chúng ta, chẳng phải thật, chỉ nhằm khuyên chúng ta đừng làm chuyện ác*”. Nếu chúng ta nghĩ như vậy thì là sai lầm quá rồi! Đến lúc quả báo hiện tiền thì hối hận không còn kịp nữa. Phật làm sao gạt người cho được? Phương pháp Phật giáo hóa chúng sanh rất nhiều, chẳng cần phải dùng phương pháp lừa gạt

chúng sanh. Nói thật ra một người quân tử chân chánh trong thế gian còn không chịu lừa gạt chúng sanh huống chi là Phật, Bồ Tát. Chư vị phải biết vì lừa gạt chúng sanh, gạt được một lần, rồi sau đó người ta sẽ vĩnh viễn chẳng tin tưởng bạn nữa, thế nên một người quân tử chân chánh sẽ không dùng thủ đoạn này, giữ gìn chữ Tín của mình, việc này rất quan trọng. Người thế gian còn vậy huống chi là chư Phật, Bồ Tát. Các Ngài có trí huệ viên mãn, thiện xảo phương tiện rất ráo, thì làm sao có thể dùng phương pháp dờ ẹt như vậy! Nếu chúng ta hiểu rõ đạo lý này thì mới tin mỗi chữ mỗi câu trong kinh Phật đều là chân thật, nhất định không có một câu nào giả dối. Nếu chúng ta có thể tiếp nhận, tin tưởng, làm theo là chúng ta có phước, người có phước mới có thể tu phước, người không có phước muốn tu phước cũng không được. Đức Phật trong kinh thường nhắc chúng ta, người tu phước đều là người có trí huệ, có phước đức.

Vô Gian tội báo kỳ sự như thị.

無間罪報其事如是。

(Tội báo trong ngục Vô Gian là như vậy.)

Đây là mô tả trạng huống trong địa ngục Vô Gian một cách đơn giản cho Ma Gia phu nhân.

Hựu ngũ sự nghiệp cảm cố xưng Vô Gian.

又五事業感故稱無間。

(Lại có năm sự nghiệp cảm nên gọi là Vô Gian.)

Địa Tạng Bồ Tát vô cùng từ bi nói rõ thêm cho chúng ta tại sao địa ngục này có tên là Vô Gian? Vì có năm sự việc, năm thứ nghiệp cảm ứng thành khổ báo này nên gọi là Vô Gian. Năm sự việc này chẳng có xen hở.

Hà đẳng vi ngũ? Nhất giả nhật dạ thọ tội dĩ chí kiếp số, vô thời gián tuyệt cố xưng vô gián.

何等為五。一者日夜受罪以至劫數。無時間絕故稱無間。

(Những gì là năm? Một là ngày đêm thọ tội cho đến bao kiếp không lúc nào dứt nên gọi là vô gián.)

Đây là nói thời gian chịu hình phạt chẳng gián đoạn, từ ngày vô địa ngục phải trải qua ức kiếp mới có thể ra khỏi, trong thời gian này bị tra tấn, xử phạt ngày đêm không gián đoạn, chẳng có xen hở, đó là “vô thời gián”.

Nhị giả nhất nhân diệc mãn, đa nhân diệc mãn cố xưng vô gián.

二者一人亦滿。多人亦滿故稱無間。

(Thứ hai là một người cũng đầy chật, nhiều người cũng đầy chật nên gọi là vô gián.)

Thứ hai là “hình vô gián”. Thân thể của mình luôn có cảm giác là thân này lớn chật địa ngục, địa ngục bao lớn thì thân bạn sẽ lớn như vậy, đây chính là “hình vô gián”. Trong địa ngục có hàng ngàn người chịu tội, mỗi người đều cảm giác thân mình lớn bằng địa ngục, địa ngục này là hóa thân. Giống như ánh đèn trong giảng đường này vậy, ánh sáng của mỗi ngọn đèn đều chiếu soi khắp giảng đường, mấy chục ngọn đèn thì mỗi ngọn đèn đều chiếu soi khắp giảng đường, chẳng bị chướng ngại, thân hình trong địa ngục cũng giống như vậy. Thứ ba là “thọ khổ vô gián”:

Tam giả tội khí.

三者罪器。

(Thứ ba khí cụ hành hình tội nhân.)

Ngày nay chúng ta gọi là hình cụ.

Xoa bổng.

叉棒。

(Cái chĩa, gậy.)

Đây là vật thường dùng để hành hình thời cổ.

Ưng, xà, lang, khuyển.

鷹。蛇。狼。犬。

(Chim ưng, rắn, chó sói, chó.)

Đều bằng sắt, phía trước chúng ta đã thấy, ưng sắt, rắn sắt, chó sói

sắt, chó sắt, la sắt, dạ xoa, ác quỷ vô cùng hung ác; hiện ra hiện tượng này.

Đôi ma, cứ tạc.

碓磨。鋸鑿。

(Chày cối, cưa đục.)

Chày cối, trong Địa Ngục Biến Tướng Đồ chúng ta thấy cảnh đem người đi xay trong cối. Người ta bị cưa ra từng đoạn.

Tỏa chước, hoạch thang.

判斫。鑊湯。

(Chém chặt, vạc dầu sôi.)

“Hoạch thang” tức là vạc dầu. “Tỏa chước” tỏa là dùng dao chém. Trong đời đã từng tạo những tội nghiệp này, A Lại Da Thức chứa đựng những hạt giống này, khi vào địa ngục thì hoàn toàn hiện ra. Những người ăn thịt, thường ngày chẳng ăn chay, trong nhà bếp xắt thịt ra từng cục, từng cục, là những cảnh tượng này. Đến lúc vào địa ngục thì những cảnh tượng này hiện lên, giống y như vậy, ác quỷ chém vào thân thể của họ, chém thành từng cục, từng cục. Thế nên đây là hóa hiện, chắc chắn không thể tránh khỏi.

Thiết võng, thiết thăng, thiết lư, thiết mã.

鐵網。鐵繩。鐵驢。鐵馬。

(Lưới sắt, dây sắt, lừa sắt, ngựa sắt.)

Đây là đầu trâu mặt ngựa, ác quỷ vô cùng hung dữ.

Sanh cách lạc thủ, nhiệt thiết kiều thân.

生革絡首。熱鐵澆身。

(Da sống niềng đầu, sắt nóng rưới thân.)

Trạng thái khổ sở khi bị gia hình, sắt nóng đến chảy lỏng rồi, nhiệt độ đó cao bao nhiêu, rưới lên thân mình, thân thể lập tức biết thành than khét lẹt.

Cơ thôn thiết hoàn.

飢吞鐵丸。

(Khi đói thì nuốt viên sắt.)

Khi bạn đói thì muốn ăn, mở miệng ra thì ác quỷ nhét viên sắt vào miệng bạn, viên sắt này đốt nóng đỏ rực, chẳng phải sắt lạnh, mà là viên sắt nóng!

Khát ẩm thiết tráp, từng niên cánh kiếp số na-do-tha, khổ sở tương liên cánh vô gián đoạn cố xưng vô gián.

渴飲鐵汁。從年竟劫數那由他。苦楚相連更無間斷故稱無間。

(Khát thì uống nước sắt, quanh năm suốt kiếp, số đến na-do-tha kiếp, khổ sở triền miên, không hề gián đoạn, nên gọi là vô gián.)

Ở đây cũng nói sơ lược vài thứ, nói kỹ thì vô tận. Ngày nay khi chúng ta khởi tâm động niệm, hết thấy tạo tác đâu có thể nói là chẳng có quả báo? Nói không có quả báo, lời nói này thực sự là tự dối mình, dối người. Nhất định sẽ có quả báo. Thế nên đòi người mấy chục năm gần gũi, tại sao không học làm một người tốt? Đại thánh đại hiền thế gian, xuất thế gian dạy chúng ta phải tiết kiệm, phải nhẫn nhịn. Trong Luận Ngữ có ghi đức hạnh của Khổng Phu Tử có năm thứ: Ôn Hòa, Lương Thiện, Cung Kính, Tiết Kiệm, Nhường Nhịn (Ôn, lương, cung, kiệm, nhượng). Phu tử xử sự, đối người, tiếp vật đều ôn hòa, lương thiện, cung kính; đối với hết thảy người, sự, vật đều cung kính, tiết kiệm, nhẫn nhịn. Lão nhân gia làm ra hình dáng cho chúng ta thấy, chúng ta phải biết học theo. Thích Ca Mâu Ni Phật biểu hiện còn viên mãn hơn, rõ ràng và triệt để hơn nữa, vậy thì tại sao không học thánh nhân? Tại sao không học Bồ Tát? Học những chúng sanh tạo nghiệp này thì khổ quá đi thôi.

Thế Tôn tại Đạo Lợi thiên cung trong hội kinh này ủy thác chúng sanh đòi Mạt cho Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa, có đạo lý. Tam độc tham-sân-si của chúng sanh thời Mạt Pháp tăng trưởng, chẳng biết sám hối, hướng thiện, chẳng biết hiếu thân tôn sư, chẳng hiểu thiện nhân thiện quả, phải nhờ Địa Tạng Bồ Tát giáo huấn. Nói cách khác, đòi Mạt Pháp chân chánh có thể giáo huấn hết thảy chúng sanh, bộ kinh này là khóa trình nhất định phải học, phải thường giảng giải, tuyên dương. Phật giao phó [trách nhiệm] hoằng dương kinh này cho hết thảy Bồ Tát tham dự

hội, nghe xong chúng ta phải phát tâm gánh vác. Lời nhắn nhủ của Phật tôi cũng làm theo, cũng noi gương Địa Tạng Bồ Tát, y chiếu lời dạy trong kinh điển mà tu hành, đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện, chẳng lo đến sanh mạng của mình, hưởng chỉ là khổ nạn của sự sinh hoạt. Nhất định phải làm theo giáo giới của Phật cho bằng được, quả báo sau này nhất định sẽ giống như kinh nói, chúng ta phát nguyện vãng sanh nhất định sẽ được sanh Tịnh Độ. Thứ tư là “*quả vô gián*”.

Tứ giả bất vấn nam tử nữ nhân Khương Hồ Di Địch, lão ấu quý tiện, hoặc long hoặc thần, hoặc thiên hoặc quỷ, tội hạnh nghiệp hoặc tất đồng thọ chi, cố xưng vô gián.

四者不問男子女人羗胡夷狄。老幼貴賤。或龍或神。或天或鬼。罪行業感悉同受之。故稱無間。

(Thứ tư là bất luận kẻ nam người nữ, Khương Hồ Di Địch⁴¹, già trẻ, sang hèn, hoặc rồng hoặc thần, hoặc trời hoặc quỷ, tội hạnh nghiệp hoặc đều đồng chịu như nhau, nên gọi là vô gián.)

Những chúng sanh thọ tội trong địa ngục Vô Gián này rất phức tạp, có người nam, nữ, có người Trung Quốc, người ngoại quốc. “*Khương Hồ Di Địch*” ngày nay chúng ta gọi là những người khác chủng tộc. “*Già trẻ sang hèn*” đây là nói về cõi người. Ngoài cõi người ra còn những cõi khác, cõi trời, A Tu La, súc sanh, ngạ quỷ, nếu chúng sanh ở những cõi này tạo những tội nghiệp nói trên đều phải đọa địa ngục A Tỳ để thọ quả báo. “*Long*” đại diện cho cõi súc sanh, “*Thần*” trong kinh Lăng Nghiêm có nói đến cõi Tiên. “*Thiên*” bao gồm cõi trời Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. “*Quỷ*” là cõi ngạ quỷ. Nói cách khác, năm cõi ngoài cõi địa ngục tạo tác tội nghiệp đều là “*tội hạnh nghiệp cảm, đều đồng chịu như nhau*”, thế nên gọi là vô gián. Chúng sanh trong địa ngục Vô Gián vô cùng phức tạp.

Trong kinh Phật chúng ta thấy Tứ Thiên thiên, Tứ Không thiên, ở cõi Tứ Không thiên khi thọ mạng hết thì hơn phân nửa đều đọa vào địa ngục Vô Gián. Người ta thường nói “*trèo cao té đau*”. Tại sao họ phải

⁴¹ Khương là những sắc dân phi Hán tộc sống trong vùng Tứ Xuyên, Tây Tạng. Những người không phải Hán tộc, đến từ phía Tây Trung Quốc nhất loạt được gọi là Hồ nhân (hoặc Phiên nhân) dù họ là người Ả Rập, Ba Tư, A Phú Hãn hay Ấn Độ v.v... Di là những sắc dân không thuộc Hán tộc ở phía Đông Trung Hoa (như Nhật, Đại Hàn), Địch là những sắc dân du mục ở phía Bắc Trung Quốc (như Mông Cổ, Mãn Châu, Inut...).

đọa địa ngục Vô Gián? Họ cho rằng mình sanh đến trời Tứ Thiên, Tứ Không là đã chứng đại Niết Bàn. Khi thọ mạng chấm dứt thì họ hối hận nên hủy báng Tam Bảo, [họ nói] “Chư Phật Như Lai, Bồ Tát nói đại Niết Bàn đều là giả, tôi đã chứng rồi, khi thọ mạng hết vẫn còn đọa lạc”. Thế nên họ báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, trong sát-na cuối cùng hủy báng Tam Bảo, tội này đọa địa ngục A Tỳ. Họ chẳng biết cảnh giới này đều là hư vọng, ngộ nhận là cảnh giới Niết Bàn, cho nên mới tạo tội nghiệp cực nặng. Thứ năm nói về “mạng vô gián”.

Ngũ giả nhược đọa địa ngục, từng sơ nhập thời chí bách thiên kiếp, nhất nhật nhất dạ vạn tử vạn sanh, cầu nhất niệm gián tạm trụ bất đắc, trừ phi nghiệp tận phương đắc thọ sanh, dĩ thử liên miên cố xưng vô gián.

五者若墮此獄。從初入時至百千劫。一日一夜萬死萬生。求一念間暫住不得。除非業盡方得受生。以此連綿故稱無間。

(Thứ năm là nếu đọa địa ngục này thì từ lúc mới vào đến trăm ngàn kiếp, mỗi ngày mỗi đêm đều vạn lần chết đi vạn lần sống lại, cầu xin tạm ngưng dù chừng một niệm cũng không được, trừ phi nghiệp tội tiêu hết mới được thọ sanh, vì cứ liên miên như vậy nên gọi là vô gián.)

Nếu trong địa ngục chịu hình phạt xong rồi chết mất, vậy thì phải chúc mừng cho họ, đó là chuyện vui rất lớn. Nếu trong địa ngục chết mất thì bất luận sanh đến cõi nào cũng là siêu sanh, khổ nạn cũng đều giảm nhẹ, là chuyện vui to lớn. Nhưng chẳng chết được, vừa chết đi rồi bị gió thổi một cái liền sống lại, tiếp tục thọ báo, thế nên “một ngày một đêm, muôn lần chết đi muôn lần sống lại”. “Vạn” là hình dung, chẳng phải là con số, [thật ra thì] còn nhiều hơn con số vạn này nữa. Chết đi sống lại, xong rồi chết nữa, cứ làm vậy hoài không gián đoạn, tạm thời nghỉ một lát cũng không được. “Trừ phi nghiệp tiêu mất”, nghiệp bạn tạo thọ khổ báo trong địa ngục hết rồi thì mới chết đi, siêu sanh. Nếu tội nghiệp chưa hết, thì chẳng có cách chi thoát ly, đạo lý này chúng ta phải hiểu.

Hủy báng Tam Bảo, chúng ta nêu thí dụ này để nói. Nếu bạn dùng miệng hủy báng, nhất định phải đợi ảnh hưởng của sự hủy báng này trên nhân gian tiêu mất thì mới được thoát ra; nếu ảnh hưởng này vẫn còn thì chẳng có cách gì thoát khỏi địa ngục được. Thời gian của ảnh hưởng trên ngôn luận chẳng dài, thí dụ hủy báng Tam Bảo, có người nghe bạn nói

cũng hủy báng theo; nhưng sau khoảng chừng ba mươi năm, năm mươi năm dần dần thì mọi người cũng quên mất, sức ảnh hưởng mất hết. Nếu như băng thâu âm hiện nay thì phiền phức lớn lắm, ảnh hưởng của việc này quá lớn, thời gian sẽ rất dài. Nếu có người giữ lại những băng thâu âm, thâu hình của bạn hủy báng Tam Bảo, thế thì phiền phức sẽ rất lớn. Nếu họ gởi vô bảo tàng viện giữ như đồ cổ, họ giữ chừng một vạn năm thì bạn sẽ ở trong địa ngục một vạn năm chẳng thể thoát khỏi, đây là một việc rắc rối. Nếu viết lời hủy báng, in thành sách thì còn phiền phức lớn hơn nữa. Trên thế giới này còn một cuốn sách thì bạn chẳng thoát ra khỏi địa ngục A Tỳ. Nhất định phải đợi đến khi cuốn sách này chẳng còn tồn tại trên thế gian này nữa, đều bị hư hoại mất hết thì bạn mới thoát ra khỏi địa ngục.

Cùng một đạo lý, chúng ta nói ngược lại nếu bạn tán thán Tam Bảo, tán thán việc thiện, chỉ cần sức ảnh hưởng còn tồn tại thì phước báo của bạn sẽ được hưởng hoài. Một bên ngược một bên thuận, chúng ta phải tìm hiểu cặn kẽ, rõ ràng, minh bạch. Thế nên tại sao không giữ tâm tốt, làm việc tốt, nói lời tốt, làm người tốt vậy? Phước báo vô biên, ngược lại nếu tạo tội nghiệp khổ báo cũng vô biên, chỉ ở trên một niệm mà thôi. Chư Phật, Bồ Tát khuyên dạy chúng ta giữ tâm tốt, làm việc tốt, nói lời tốt, làm người tốt, tiêu chuẩn của tốt này ở đâu? Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh chính là tiêu chuẩn tốt nhất. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác tương ứng với lời nói trong kinh điển thì đúng, nhất định sẽ được phước; phước báo này sẽ kéo dài nhiều đời nhiều kiếp, vĩnh viễn hưởng không hết. Muôn vàn chẳng thể làm trái ngược kinh giáo, tạo những việc ác, chỉ nhằm một chút lợi ích nhỏ nhoi trước mắt, sau này phải chịu khổ báo vô cùng, vậy thì cái được chẳng bù nổi cái mất. Xem tiếp kinh văn:

Địa Tạng Bồ Tát bạch Thánh Mẫu ngôn: “Vô Gian địa ngục thô thuyết như thị, nhược quảng thuyết địa ngục tội khí đẳng danh cập chư khổ sự, nhất kiếp chi trung câu thuyết bất tận”.

地藏菩薩白聖母言。無間地獄粗說如是。若廣說地獄罪器等名及諸苦事。一劫之中求說不盡。

(Địa Tạng Bồ Tát nói với Thánh Mẫu rằng: “Nói sơ lược về địa ngục Vô Gian là như vậy. Nếu nói rộng thêm về tên của những khí cụ hành tội cùng những sự khổ sở trong đó thì suốt một kiếp cũng không nói hết”.)

Trong kinh này chỉ báo cáo sơ lược đơn giản mà thôi, nếu nói tường tận, đây là lời chân thật, nói một kiếp cũng chẳng hết. Một kiếp nói về cái gì? Nói về danh xưng của địa ngục, những hình phạt trong địa ngục, tên của dụng cụ hành hình, và những sự khổ của nó, nói một kiếp cũng chẳng hết. Chẳng nói đến địa ngục khác, chỉ nói về địa ngục Vô Gián, nói một kiếp cũng chẳng hết. Nếu nói hết về mười tám địa ngục thì hai kiếp, ba kiếp, bốn kiếp cũng sợ là chẳng nói hết, chúng ta nhất định phải hiểu sự thật này.

Ma Gia phu nhân văn dĩ, sầu ưu hiệp chưởng đánh lễ nhi thoái.
摩耶夫人聞已。愁憂合掌頂禮而退。

(Ma Gia phu nhân nghe xong, buồn rầu chấp tay đánh lễ rồi lui ra.)

Ma Gia phu nhân thay mặt chúng ta khái thỉnh, nghe xong rất buồn rầu. Buồn rầu có hai nguyên nhân, một là buồn cho chúng sanh ở Diêm Phù Đề, Ma Gia phu nhân vô cùng quan tâm thế gian này của chúng ta. Chúng sanh ở thế gian chúng ta vẫn tiếp tục tạo ác nghiệp không dứt, đây là chỗ Ma Gia phu nhân buồn rầu. Tự mình muốn cứu vớt, tâm có dư nhưng sức chẳng đủ, đây cũng là việc phu nhân buồn rầu. “Đánh lễ rồi lui ra” là tôn trọng Địa Tạng Bồ Tát, lễ mạo vô cùng chu đáo, đều là biểu diễn cho chúng ta xem, dạy chúng ta.

Được rồi, đã hết giờ.

Tập 10 (Số 14-12-10)

Xin mở kinh văn:

PHẨM THỨ TƯ: NGHIỆP CẢM CỦA CHÚNG SANH Ở CÔI DIÊM PHÙ

閻浮眾生業感品第四

Phẩm thứ tư. Từ tên của phẩm này chúng ta thấy rất rõ những chuyện nói trong kinh đều thuộc về thế giới này, trong kinh Phật gọi là Nam Diêm Phù Đề Châu, là chỉ địa cầu của chúng ta. Phật nói tu học Phật pháp lấy kinh điển làm chính, đây là “*Tứ Y*”, dạy cho chúng ta “*Y pháp chứ chẳng y người, y nghĩa chứ chẳng y ngữ*”, đây là nguyên tắc vĩnh hằng không thay đổi. Chúng ta thấy có một số chú giải của cổ đức,

hình như chẳng phù hợp với những gì khoa học hiện đại quan sát, những chỗ này chúng ta có thể tồn nghi, không thể nói những gì khoa học hiện nay nói đều chính xác, những gì trong kinh nói đều là mê tín, nếu chúng ta dùng phương pháp này để quan sát thì sẽ sai lầm quá đỗi. Vì rất nhiều cảnh giới mắt thịt chúng ta chẳng nhìn thấy, chúng ta tin tưởng lời Phật nói trong kinh. Tổ sư đại đức chẳng nhập vào cảnh giới này, nên những gì họ nói không nhất định hoàn toàn tương ứng, chúng ta có thể lấy làm tham khảo, cũng chẳng cần phủ định, chỉ biết có cách nói như vậy là được rồi. Nếu chư vị coi chú giải, thí dụ nói trong Trường A Hàm, tại sao mặt trăng có bóng? Bóng này là bóng của cây ở cõi Diêm Phù Đề. Hiện nay những người tiếp nhận giáo dục khoa học hiện đại tuyệt đối sẽ phủ nhận, như những chỗ như vậy chúng ta không cần phải tranh luận. Nếu không thể hiểu rõ triệt để thì cứ tồn nghi cũng được. Xin xem kinh văn:

Nhĩ thời Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã thừa Phật Như Lai oai thần lực cố, biến bách thiên vạn ức thế giới, phân thị thân hình cứu bạt nhất thiết nghiệp báo chúng sanh, nhược phi Như Lai đại từ lực cố, tức bất năng tác như thị biến hóa.

爾時地藏菩薩摩訶薩白佛言。世尊。我承佛如來威神力故。遍百千萬億世界。分是身形救拔一切業報眾生。若非如來大慈力故。即不能作如是變化。

(Lúc đó Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch đức Phật: “Bạch Thế Tôn! Con nương nhờ sức oai thần của Phật Như Lai nên chia được thân hình này đến khắp trăm ngàn vạn ức thế giới để cứu vớt hết thảy chúng sanh bị nghiệp báo, nếu không nhờ sức đại từ của Như Lai thì chẳng thể biến hóa được như thế.)

Phật, Bồ Tát độ chúng sanh, có câu là “*Phương tiện có nhiều cửa, đường về nguồn chẳng hai*”, đây là do trí huệ viên mãn, khéo léo cao độ biểu hiện ra. Có rất nhiều sự sắp đặt mà tâm tư, quan niệm của phàm phu chúng ta chẳng thể đạt đến được. Phàm phu nhất định không thể nhìn trước mắt, trước mắt chỉ là thủ đoạn, nhất định phải nhìn mục đích. Nếu mục đích là thuần chánh thì thủ đoạn phi pháp cũng là thuần chánh, việc này rất cao minh; nếu mục đích là tà ác, dù thủ đoạn có thiện đến đâu cũng là tà ác. Như lúc trước cha mẹ, thầy giáo dạy học trò vậy, có khi mắng chúng, đánh chúng, trách mắng chúng, nhưng đều có ý tốt, đều hy

vọng chúng hướng đến chỗ tốt, sau này sẽ được kết quả tốt. Nếu mỗi ngày đều cung chịu, hết thầy đều thuận theo ý thích của học trò, tập cho chúng nhiều tánh xấu, đến khi chúng lớn lên làm điều tà vạy, thế thì cha mẹ, thầy giáo đều có lỗi. Phương pháp của Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh còn cao minh hơn, đặc biệt hơn. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy Thắng Nhị Bà La Môn, Cam Lộ Hỏa Vương, Phật Tô Mật Đa Nữ, dùng phương pháp tham-sân-si, hình như đều hoàn toàn phản nghịch với đạo, nhưng sau cùng xem kết quả của họ đều là thanh lương tự tại, đều có thể xa lìa tham-sân-si, chứng được công đức viên mãn của tự tánh, thế nên đó đều thuộc về thiện xảo phương tiện.

Trong kinh Địa Tạng chúng ta nhìn thấy hiện tượng này, còn thù thắng hơn sự biểu diễn của ba vị Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm, đều dùng địa ngục, những quỷ vương ác độc này, quỷ vương đều là Bồ Tát hóa thân, chẳng phải quỷ vương thực sự. Quỷ vương thật làm sao có thể tham dự pháp hội của đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở cung trời Đao Lợi được? Cõi người còn cao hơn cõi quỷ, cao hơn nhiều, nhưng Người cũng không tham dự pháp hội của Thế Tôn thì làm sao Quỷ, Súc Sanh có thể tham dự? Trong hàng quỷ vương có vị thị hiện thân súc sanh, họ đều là đại Bồ Tát, đều là những nhân vật giống Địa Tạng Bồ Tát; nói cách khác tất cả đều là Địa Tạng Bồ Tát. Ngày nay chúng ta có thể lý giải được cách dạy học của Phật, chân chánh có thể phát tâm, y theo lý luận và phương pháp của kinh này để tu học, cũng phát tâm “*Địa ngục chẳng không, thế chẳng thành Phật*”, vậy thì chúng ta cũng gia nhập vào câu lạc bộ của Địa Tạng Bồ Tát, cũng là nhân vật hàng đầu như Địa Tạng Bồ Tát. Địa ngục tiêu biểu cho cái gì? Khổ nạn. Tất cả những khổ nạn chúng sanh trong thế gian, họ còn chưa thoát khổ, còn chưa thể phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, Bồ Tát chịu ở lại thế gian vĩnh viễn giáo hóa chúng sanh, chẳng thành Phật đạo. Thật ra “*chẳng thành Phật đạo*” là hình thức, chẳng phải thật; Địa Tạng Bồ Tát từ kiếp lâu xa đã sớm thành Phật rồi. Học trò của Ngài thành Phật nhiều như vậy, thì đâu có lý nào thầy giáo không thành Phật cho được? Chỉ là chẳng ở ngôi vị Phật mà thôi. Phật cũng giống như hiệu trưởng, Ngài không làm hiệu trưởng, vĩnh viễn làm người giáo viên; học trò đã làm hiệu trưởng rồi, thầy giáo còn làm giáo viên trong trường, là ý nghĩa như vậy, chúng ta nhất định phải hiểu.

Địa Tạng Bồ Tát tôn trọng Phật là biểu diễn cho chúng ta xem. Tuy là thầy của Phật, Phật là học trò của Ngài, nhưng hôm nay thầy vẫn còn ở địa vị Bồ Tát, học trò là địa vị Phật, nhất định phải biểu thị tôn sư

trọng đạo, điểm này chúng ta phải học theo. Trong bất cứ trường hợp nào, chúng ta phải thường ghi nhớ, làm gương tốt cho chúng sanh; xã hội đại chúng hiện nay có bao nhiêu người biết hiếu thuận cha mẹ? Bao nhiêu người biết tôn trọng sư trưởng? Sư là thầy giáo, Trưởng là trưởng bối. Chúng ta phải đề xướng, nếu chúng ta không làm thì đợi ai làm? Ở nơi đây có một số lão pháp sư đến thăm viếng, hoặc chúng ta đi thăm viếng những lão pháp sư ở nơi khác, chúng ta phải biết, tuổi của họ cao hơn chúng ta, thời gian họ xuất gia lâu hơn chúng ta, giới lạp⁴² cao hơn chúng ta, nhất định phải mời họ ngồi ở phía trên. Tuy chúng ta là khách, là thượng khách của họ, chúng ta cũng phải nhường ghế thượng khách cho họ. Tại sao phải làm như vậy? Tôn sư trọng đạo. Khi họ nhường cho chúng ta thì muôn vàn đừng ngồi chễm chệ lên ghế ấy; việc này cũng có thể làm, chẳng phải không thể làm. Tại sao? Bạn hôm nay là khách, là khách chính, thì có thể như vậy. Nhưng khi chúng ta mời họ ngồi lên ghế thượng tọa, thì càng có lợi cho việc giáo hóa chúng sanh hơn nữa, phải hiểu đạo lý này. Niệm niệm vì Phật pháp, niệm niệm vì chúng sanh, như vậy mới đúng. Hiện nay hết thầy chúng sanh, phần đông người trên toàn thế giới càng ngày càng tăng thêm tham, sân, si, tam độc tăng trưởng sẽ đem đến tai nạn khắp thế giới. Hóa giải tai nạn phải bắt đầu từ đâu? Từ tâm con người, Địa Tạng Bồ Tát làm gương mẫu cho chúng ta. Pháp hội tại Đạo Lợi thiên cung ngày hôm nay, Đạo Lợi thiên chủ là chủ nhân, Thích Ca Mâu Ni Phật và Địa Tạng Bồ Tát đều là khách quý, Phật xưng tán Bồ Tát, Bồ Tát cung kính Thế Tôn, cung kính lẫn nhau. Tại sao? Vì hết thầy chúng sanh, chúng ta phải hiểu ý nghĩa này, tinh thần, hình tượng chúng ta đều phải học tập.

“*Bồ Tát bạch Phật ngôn*”, “*bạch*” là lời người nhỏ nói với người lớn, là lời kính trọng; nói rất khiêm hư, rất cung kính. “*Con nương nhờ sức oai thần của chư Phật Như Lai*”, Ngài chẳng nói mình có khả năng. Ngày nay tôi có khả năng này, phân thân độ hóa chúng sanh ở vô lượng vô biên thế giới, là nhờ Phật lực gia trì. Thật ra không nương Phật gia trì Ngài cũng làm được, đây là lời khiêm nhường, cung kính, làm gương mẫu cho hàng hậu học chúng ta, chúng ta có khả năng làm được, cũng cảm kích lực lượng của đại chúng gia trì. Chúng ta hôm nay cử hành

⁴² Có hai cách hiểu chữ Giới Lạp:

1. Giới Lạp chính là Pháp Lạp, tức thời gian sau khi xuống tóc xuất gia, tính từ lúc thọ giới Sa Di.
2. Giới Lạp khác Pháp Lạp, chỉ tính thời gian từ lúc chính thức được thọ Cụ Túc Giới.

pháp hội tại đây, bất luận pháp hội lớn hay nhỏ, đều phải nhờ sức mạnh của đại chúng, trước khán đài, phía sau khán đài, trong và ngoài đạo tràng, xã hội đại chúng xuất lực xuất tiền, thiện ý tán dương đều là thần lực gia trì. Bồ Tát hiểu rõ nên có tâm chân thành cảm ân, phàm phu mê hoặc chẳng biết. Tuy Phật dạy chúng ta, luôn nhắc nhở nhưng chúng ta không giác ngộ. Từ sáng đến tối bất luận là lúc nào chúng ta hồi hướng “*Thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ*”, niệm hai câu này đến thuộc lòng rồi, có hiểu ý nghĩa trong ấy không? Thực sự là không hiểu. Nếu bạn hiểu thật thì hết thấy chúng sanh đối với mình đều có ân đức. Người hộ trì, người tán thán, cúng dường có ân đức, nói thêm với quý vị, người hủy báng, người phá hoại cũng có ân đức, người hãm hại cũng có ân đức.

Những việc trái nghịch này công đức ở chỗ nào? Công đức là làm cho chúng ta phản tỉnh, cảnh giác. Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, một người thì từ mặt chánh, một người thì từ mặt trái, mặt chánh khuyên thiện, mặt trái giúp bạn cảnh giác, đoạn dứt ác. Giúp bạn nhìn đến mặt trái này, bạn sẽ nghĩ như vậy chẳng tốt, mình phải đoạn dứt nhân ác, thì hiện đủ thứ quả báo ác để nhắc nhở bạn, làm cho bạn giác ngộ. Nếu chẳng có những nghịch duyên này, những tăng thượng duyên nghịch này, thì người ta sẽ mê hoặc trong thuận cảnh, chẳng biết giác ngộ. Thế nên mỗi khi nghịch cảnh xảy ra, người ta có thể giác ngộ, lập tức quay về, đó chẳng phải là ân đức hay sao! Trong kinh Địa Tạng, những việc giống như vậy rất nhiều, chúng ta phải xem xét kỹ.

“*Cứu vớt hết thấy những chúng sanh bị nghiệp báo*”, những chúng sanh khổ nạn tạo nghiệp thọ báo này, đặc biệt là ở địa ngục, trong địa ngục tạo tội nghiệp nặng nhất, thọ khổ cùng cực. Địa Tạng Bồ Tát dùng đại nguyện lực để giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn này, nên dùng thân gì để được độ thì Ngài bèn hiện thân đó, nên dùng phương pháp gì để giáo hóa thì Ngài bèn dùng phương pháp đó, thiện xảo phương tiện vô cùng. Cuối cùng nói nếu chẳng phải đại từ lực của Như Lai gia trì, “*thì sẽ chẳng thể biến hóa được như thế*”, những dụng ý, cách làm này, trong nhà Phật chúng ta gọi là “*hành pháp*” phương pháp tu hành, đều nhắc nhở chúng ta, đều đau lòng rất miệng thì hiện ở đây để dạy chúng ta. Xin xem đoạn kinh tiếp theo, câu kinh kế tiếp quan trọng phi thường.

Ngũ kim hựu mộng Phật phó chúc, chí A Dật Đa thành Phật dĩ lai, lực đạo chúng sanh khiến lịnh độ thoát.

我今又蒙佛付囑。至阿逸多成佛已來。六道眾生遣令度脫。

(Con nay lại được đức Phật phó chúc [từ nay] đến khi Ngài A Dật Đa thành Phật, phải làm cho chúng sanh trong lục đạo đều được độ thoát.)

Phía trước chúng ta đã đọc qua, trong đoạn thời gian rất dài sau khi Ngài nhập diệt, đức Phật giao phó việc độ thoát, giáo hóa chúng sanh khổ nạn cho Địa Tạng Bồ Tát và hết thấy chư đại Bồ Tát tham dự hội kinh này, nhưng Địa Tạng Bồ Tát nắm phần chính yếu. Những câu này là Địa Tạng Bồ Tát nhận lời phó chúc của Thế Tôn, Ngài y giáo phụng hành. Nói cách khác, khi Phật không còn tại thế, ai sẽ thay thế Phật? Địa Tạng Bồ Tát thay thế Phật mãi cho đến khi đức Phật kế tiếp ra đời. Từ đây có thể biết, chúng ta thấy trong bộ kinh này, cũng như ở hết thủy cội nước chư Phật trong hư không pháp giới, hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát tận hư không, trọn khắp pháp giới, khi thế giới nào không có Phật trụ thế, người đại diện cho Phật đều là Địa Tạng Bồ Tát. Không phải Ngài chỉ đại diện sau khi Thế Tôn diệt độ và trước khi Phật Di Lặc ra đời, mà ở hết thủy các cội nước chư Phật, trong đoạn thời gian sau khi đức Phật trước diệt độ và trước khi đức Phật kế tiếp ra đời, người thay mặt đức Phật độ hóa chúng sanh đều là Địa Tạng Bồ Tát.

Địa Tạng Bồ Tát đáng cho người ta tôn kính, hoằng nguyện của Địa Tạng, chư Phật, Bồ Tát không thể không tán thán, không khâm phục. Tại sao vậy? Ngài độ những chúng sanh khó độ nhất, những chúng sanh do Phật độ phần nhiều đều có căn cơ chín muồi rồi, Phật mới xuất hiện đến độ họ. Địa Tạng Bồ Tát độ những chúng sanh căn tánh chưa chín muồi, vẫn đang tạo tội nghiệp như cũ, khó độ nhất. Do đó chúng ta phải đọc kỹ bộ kinh này, phải suy nghĩ, phải hiểu nghĩa thú, sau đó mới biết kinh này trong hết thủy kinh điển cũng thuộc về pháp luân căn bản. Đặc biệt là trong thế giới của chúng ta, chúng sanh ở Diêm Phù Đề, đây là pháp tu học căn bản của chúng ta. Hiểu rõ đạo lý này, đích thật có thể diệt hết thủy tội, có thể tu hết thủy thiện, tại sao vậy? Muốn có thể hiểu rõ chân-vọng, tà-chánh, thị-phi, thiện-ác, chẳng dễ! Nếu chẳng có trí huệ cao độ thì làm không nổi. Câu sau còn hay hơn nữa:

Duy nhiên, Thế Tôn nguyện bất hữu lự.

唯然。世尊願不有慮。

(Con xin vâng, xin Thế Tôn chớ lo âu.)

An ủi Thế Tôn, xin Ngài chớ lo lắng. Trong thời Mật Pháp, pháp diệt lâu dài này, các tội khổ chúng sanh đều do Bồ Tát một vai gánh vác, Bồ Tát gánh vác trách nhiệm giáo hóa chúng sanh. Xin xem kinh văn:

Nhĩ thời Phật cáo Địa Tạng Bồ Tát: “Nhất thiết chúng sanh vị giải thoát giả, tánh thức vô định, ác tập kết nghiệp thiện tập kết quả, vi thiện vi ác trực cảnh nhi sanh, luân chuyển ngũ đạo tàm vô hưu tức, động kinh trần kiếp mê hoặc chướng nạn.

爾時佛告地藏菩薩。一切眾生未解脫者。性識無定。惡習結業善習結果。為善為惡逐境而生。輪轉五道暫無休息。動經塵劫迷惑障難。

(Bấy giờ Phật nói với Địa Tạng Bồ Tát: “Hết thấy chúng sanh chưa được giải thoát thì tánh thức không định, quen làm điều ác thì kết thành nghiệp, quen làm điều thiện thì kết thành quả; làm thiện làm ác đều theo cảnh mà sanh, luân chuyển trong Năm Đường, chưa từng ngưng nghỉ, trải qua trần kiếp, mê hoặc chướng nạn.)

Đây là lời đức Phật nói với Địa Tạng Bồ Tát, theo thói quen thì chúng ta gọi là khai thị cho Địa Tạng Bồ Tát. Nói thật ra, Bồ Tát ở đây là thay mặt cho chúng ta, Thế Tôn khai thị cho Bồ Tát, nhưng thực tế là khai thị cho chúng ta. Hiện nay chúng ta đang ở trong trạng thái gì, ở đây đức Phật nói rõ. Chúng ta tự mình nói không được, tự mình mê hoặc điên đảo, đức Phật hiểu rõ, nhắc nhở chúng ta.

“Hết thấy những chúng sanh chưa giải thoát”, chúng ta phải hiểu hai chữ “giải thoát”, giải là nói về phiền não, phiền não chẳng giải trừ, thuật ngữ ngày nay gọi là giải phóng, phiền não chưa được giải phóng. Thoát là nói về sanh tử, sáu nẻo luân hồi, bạn chưa thể thoát khỏi sáu nẻo luân hồi. Tám chữ này chỉ chúng sanh trong sáu nẻo. Nếu chỉ nói hết thấy chúng sanh, Tứ Thánh pháp giới ngoài sáu nẻo cũng là chúng sanh, cũng thuộc về chúng sanh hữu tình; nhưng khi thêm chữ “chưa giải thoát” bèn chuyên chỉ chúng sanh trong sáu nẻo. Chúng sanh trong sáu nẻo có trạng thái như thế nào? “Tánh thức vô định”, Tánh là tâm tánh, Thức là phân biệt, chấp trước; chẳng định, biến đổi quá lớn, niệm trước vừa diệt, niệm sau liền sanh, chẳng nhất định tiếp nối, thường thường thay đổi chủ ý, như vậy gọi là “tánh thức vô định”. Đừng nói chúng ta

đối với hết thảy người, hết thảy sự, chúng ta chẳng có chủ ý nhất định, đối với mình cũng chẳng khẳng định. Chuyện nghĩ hồi sáng, đến tối bèn thay đổi, đây là sự thật. Trong hết thảy ý niệm, Phật quy nạp thành ba loại lớn: “*Thiện, ác, vô ký*”, là ba loại này. Thiện và ác là tạo nghiệp, vô ký là vô minh, cũng chẳng phải là việc tốt, chúng ta hiểu vô ký cũng tạo nghiệp. Vô ký tạo nghiệp gì? Nghiệp hồ đồ, vô minh hồ đồ, chẳng có trí huệ.

“*Ác tập kết nghiệp*”, đã tạo ác nghiệp thì tương lai phải thọ ác báo. Một ác niệm phải thọ một ác báo, cái gì gọi là một ác niệm? Một ý niệm [dài cỡ] một sát-na, một sát-na cũng quá dài rồi. Kinh Nhân Vương nói với chúng ta: Một khảy móng tay có chín trăm sanh diệt, cũng tức là có chín trăm ý niệm. Khởi một ý niệm thì phải thọ một lần quả báo, trong cuộc đời mấy chục năm của chúng ta tạo ra bao nhiêu nghiệp, làm sao không thọ báo cho được? Quả báo đi theo sự thiện ác của ý niệm, tùy theo cái nhẹ, nặng, lớn, nhỏ, lệch, viên mà quả báo sẽ khác nhau.

“*Thiện tập kết quả*”, quả là nói về thiện báo, phước báo nhân thiện, nhà Phật gọi là tiểu quả. Câu “*Vi thiện vi ác, trược cảnh nhi sanh*” là nói một người tại sao lại tạo thiện, tại sao tạo ác? Gặp duyên khởi hiện hành. Thiện, ác là hạt giống chất chứa trong A Lại Da Thức, hạt giống tập khí vĩnh viễn sẽ không tiêu mất, một khi gặp duyên nó sẽ khởi lên. Gặp ác duyên liền moi tập khí ác đem ra, gặp thiện duyên thì hạt giống thiện sẽ khởi lên, tự mình chẳng thể làm chủ, chẳng thể không chế, thường gọi là chẳng có định lực, chẳng có trí huệ. Trí huệ là quán sát minh liễu, định lực là chẳng bị dụ dỗ, mê hoặc, phải đến cảnh giới này thì con người mới không tạo nghiệp. Nếu chẳng tới cảnh giới này, những sự thị-phi, thiện-ác ở cảnh giới bên ngoài bạn chẳng thể phân biệt rõ ràng, bạn chẳng biết. Chúng ta là phàm phu chúng ta cũng chẳng biết, Phật dạy chúng ta một nguyên tắc rất tốt, đó là dùng tâm thuần thiện để xem người, xem sự, xem vật, cách này rất tốt, tuyệt đối sẽ được lợi ích. Khi gặp người thiện, việc tốt, thì đây là Phật, Bồ Tát thị hiện chánh diện để dạy chúng ta, khi gặp người ác, chuyện ác thì đây là Phật, Bồ Tát thị hiện nhắc nhở chúng ta; xem hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật đều là Phật, Bồ Tát thị hiện thì tâm chân thành, tâm cung kính của chúng ta mới có thể sanh khởi.

Trong hội kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử cũng dạy chúng ta giống vậy, năm mươi ba vị Phật, Bồ Tát thị hiện nam nữ, già trẻ, các ngành các nghề chính là xã hội hiện thực của chúng ta. Nếu chúng ta muốn thành tựu ngay trong đời này thì chỉ có học theo cách này mà thôi.

Cách học này, nói cho chư vị biết, nhất định chẳng phải miễn cưỡng mình, chẳng phải ép mình nhất định phải có cách nhìn như vậy. Vốn là như vậy, chẳng có tư hào miễn cưỡng. Trong kinh chúng ta nghe chư Phật, Bồ Tát giảng đơn giản, vắn tắt những nguyên lý, nguyên tắc này. Kinh Hoa Nghiêm nói hết thấy pháp thể, xuất thể gian đều “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Nếu chúng ta chân chánh có thể lãnh hội được ý nghĩa của tám chữ này, có thể ngộ được những gì nói trong kinh Hoa Nghiêm là thật, chẳng giả, chẳng phải dạy chúng ta giả dụ dùng cách nhìn này, mà là chân tướng sự thật. Đích thật ngoài mình ra, hết thấy người, hết thấy sự, hết thấy vật đều là chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, đại quyền thị hiện, thành tựu cho phàm phu như mình. Chứ [kinh Hoa Nghiêm] không nói: Anh cứ thử làm theo cách giả dụ như vậy xem sao! Nếu [nói vậy] thì không được rồi, không có ý nghĩa như vậy! Có [thực sự thị hiện đại từ đại bi] như vậy thì chúng ta mới tiếp nhận được giáo huấn chân thật của Như Lai.

Cho nên khi chúng ta thấy chuyện thiện, chuyện tốt, người tốt thì phải khích lệ mình, khi thấy người ác, chuyện ác thì phải tự cảnh giác; những người, sự, vật này không có gì chẳng phải là thiện tri thức, không có ai chẳng là Phật, Bồ Tát, được vậy thì chúng ta trong cảnh giới này, cả đời này mới có thể viên thành Phật đạo. Sau khi mình học thành công rồi cũng phải thị hiện cho người khác thấy, cũng nêu gương tốt cho người khác. Chữ tốt ở đây chẳng phải là chữ tốt trong tốt - xấu, tốt trong tốt - xấu là tương đối, chữ tốt ở đây đã buông bỏ hoàn toàn cả hai bên tốt - xấu, là tốt chân thật. Thế nên bạn có thể thị hiện trên mặt chánh, cũng có thể thị hiện trên mặt trái, đều có chung một mục đích làm cho chúng sanh giác ngộ, làm cho chúng sanh quay về, như vậy gọi là nêu gương tốt. Thế nên phải nhớ “*vi thiện vi ác, trực cảnh nhi sanh*” (làm thiện làm ác đều theo cảnh mà sanh), cảnh giới là duyên, chỗ khác nhau lớn nhất giữa người giác ngộ và người mê hoặc là quán sát cảnh duyên không giống nhau, vận dụng cảnh duyên để trợ tu chẳng tương đồng. Người giác ngộ thì khéo quán sát cảnh duyên, lợi dụng cảnh duyên để tăng trưởng đạo nghiệp của mình, người mê hoặc thì mê trong cảnh duyên và tạo nghiệp. Ở chỗ này nói “*kẻ chưa giải thoát*” là những chúng sanh mê hoặc điên đảo, những chuyện thiện, chuyện ác của họ đều là tương đối. “*Thiện*” là thiện pháp trong thế gian, chỉ có thể đạt được thiện quả ở cõi trời và người, chẳng thể thoát khỏi Tam giới. “*Ác*” thì nhất định dọa tam ác đạo, tam ác đạo thì địa ngục là chính, ngạ quỷ và súc sanh đều là phụ thuộc.

“*Luân chuyển ngũ đạo*”, “*luân chuyển*” là luân hồi, “*ngũ đạo*” là chẳng kể A Tu La, chỉ nói Trời, Người, Quỷ, Súc sanh, Địa ngục, nói năm đường này. Tại sao không kể A Tu La? Kinh Lăng Nghiêm nói với chúng ta trừ cõi địa ngục ra, bốn cõi kia đều có A Tu La. Quả báo A Tu La lớn nhất là A Tu La ở cõi trời, kể đó là nhân gian A Tu La, trong cõi quỷ cũng có A Tu La, quỷ vương A Tu La ác độc, trong súc sanh cũng có A Tu La, thế nên A Tu La có thể không xếp riêng ra. Nếu xếp riêng ra một cõi A Tu La thì là A Tu La ở cõi Trời. Nếu chẳng xếp riêng thì A Tu La ở cõi Trời gộp chung vô Thiên Đạo. Thế nên nói ngũ đạo, lục đạo đều giống nhau. “*Luân chuyển ngũ đạo, tạm vô hưu tức*” là nói sanh tử luân hồi, trong kinh Đại Thừa đức Phật thường nói “*sanh tử mạt mỗi chẳng ngưng nghỉ*”, ở cõi này chết đi bèn đến cõi khác đầu thai, sanh đến cõi ấy; sanh tử xong rồi lại tử sanh, vĩnh viễn chẳng ngưng nghỉ, thế nên ví như bánh xe xoay vần - luân chuyển, khổ chẳng thể tả. “*Động kinh trần kiếp*”, trải qua trần diêm kiếp.

“*Mê hoặc chướng nạn*”. “*Mê*” là vô minh phiền não, trong lục đạo gọi là Kiến Tư phiền não, đây là mê, mê hoặc. “*Chướng*” thường nói về Nhị chướng, Tam chướng. Tam chướng “*Hoặc, Nghiệp, Khổ*”, mê hoặc, tạo nghiệp, thọ báo. Tại sao là chướng? Chướng ngại sự minh tâm kiến tánh của bạn. “*Nạn*” là bát nạn (tám nạn), chúng ta thường nói về “*tam đồ, bát nạn*”, nạn là bạn gặp nạn. Trong tám nạn đặc biệt phải đề ý thế trí biện thông là một trong tám nạn, một số người cứ cho rằng thế trí biện thông là chuyện tốt. Trường Thọ thiên là một trong tám nạn, Trường Thọ thiên ở đâu? Tứ Không thiên. Tại sao nói Tứ Không thiên là bị nạn? Trong Tứ Không thiên chẳng có Phật, Bồ Tát giảng kinh thuyết pháp. Nói nạn, tám thứ nhân duyên, mù điếc câm tám thứ nhân duyên chướng ngại cơ duyên nghe pháp của bạn, làm cho bạn chẳng dễ tiếp xúc đến Phật pháp, chẳng có cơ hội học Phật, như vậy gọi là gặp nạn, chẳng phải nạn thường, chẳng có cơ hội học Phật chính là gặp nạn. Trường Thọ thiên, sanh đến cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng, thọ mạng tám vạn đại kiếp, trong thời gian dài tám vạn đại kiếp này chẳng được tiếp xúc đến Phật pháp, bạn nói xem: Như vậy thì đáng tiếc dường nào!

Trong kinh này, Phật, Bồ Tát tán thán người ở cõi Diêm Phù Đề chúng ta. Người ở Diêm Phù Đề tuy rất dễ tạo tội nghiệp, nhưng cũng có chỗ tốt, [tức là] cũng rất dễ [giác ngộ và biết] quay về cho nên Phật, Bồ Tát tán thán. Địa Tạng Bồ Tát nói khi chúng ta làm việc thiện, việc thiện rất nhỏ, “*như sợi lông, như một giọt*” chuyện thiện nhỏ nhoi như vậy Phật, Bồ Tát nhìn thấy cũng hoan hỷ, đều vui lòng đến giúp đỡ. Đây là

nói chúng sanh ở địa phương này tuy tạo nghiệp nhưng dễ quay về. Còn cõi trời, càng lên cao càng khó quay về. Trong kinh Phật có nói đến hai mươi thứ học Phật khó. “*Giàu sang học Phật khó*”, người cõi trời giàu sang, mỗi ngày hưởng phước, hưởng được rất tự tại, học Phật gian khổ như vậy nên họ chẳng chịu học, họ chẳng biết khổ. “*Bần cùng học đạo khó*”, một ngày ba bữa ăn không no, mỗi ngày đều chịu đói, trong trạng thái đói meo như vậy thì còn có lòng dạ gì nữa để học Phật! Ví trên trời là giàu sang, tam ác đạo ví là bần cùng, cả hai đều khó khăn. Thế nên, người nào trong nhà tương đối đủ ăn, cũng không giàu có lắm, cũng chẳng bị chết đói, hạng người này dễ giác ngộ, họ biết khổ, dễ giác ngộ. Thế nên Nhị chương, Tam chương, Bát nạn chẳng dễ thoát ly. Phía dưới Thế Tôn lại dùng thí dụ để nói:

Như ngư du võng tương thị trường lưu, thoát nhập tạm xuất hựu phục tạo võng.

如魚遊網將是長流。脫入暫出又復遭網。

(Như cá bơi trong lưới theo dòng nước chảy, tạm thoát ra được rồi lại mắc vào lưới.)

“*Ngư*” ví chúng sanh, chúng sanh trong lục đạo. “*Võng*” ví như lục đạo, tam giới lục đạo. “*Trường lưu*” ví như tạo nghiệp, luôn tạo vĩnh viễn chẳng dứt. “*Thoát nhập*” ví như sanh tử luân hồi. Ví như chúng sanh trong lục đạo “*tánh thức vô định*”, giống như cá bơi đi khắp nơi, chẳng có phương hướng, mục tiêu nhất định, thường bơi vào trong lưới. Võng là la võng (lưới rập), [tức là] lưới rập của Ma, Ma là gì? Ma là chiết ma [tức là] dày vò, thân tâm của bạn vĩnh viễn bị dày vò, phá hoại, khổ chẳng nói nổi. Nguyên nhân căn bản là như câu nói trong Phật pháp: “*Ái chẳng nặng chẳng sanh Sa Bà, Niệm chẳng nhất chẳng sanh Tịnh Độ*”. Thuyết minh nguyên nhân căn bản của lục đạo luân hồi là gì? Tình chấp, đây chẳng phải là chuyện tốt. Tình là cái gì? Nói cho chư vị biết tình cũng tức là trí huệ, khi giác ngộ thì nó là trí huệ, khi mê thì nó là tình. Trong kinh Phật thường nói: “*Phiền não tức Bồ Đề*”, lúc giác ngộ thì phiền não là Bồ Đề, lúc mê thì Bồ Đề là phiền não. Chư vị nhất định phải biết trí huệ vô lượng vô biên, phiền não cũng vô lượng vô biên, một mê thì hết thấy đều mê, đem trí huệ vô lượng vô biên trong tự tánh đều biến thành phiền não, tình chấp. Một khi giác ngộ rồi thì tất cả hết thấy vô lượng vô biên phiền não khôi phục trở thành vô lượng vô biên trí huệ, đều ở trong một niệm. Nhất định phải giác! Nhất định phải

minh bạch, hết thủy tình, ái của lục đạo chúng sanh phía trước đều có một nguyên tắc cơ bản tồn tại: Tánh thức vô định; nói cách khác tình của họ vô định, ái của họ vô định. Ngày nay ái, ngày mai không ái, hôm nay có tình, ngày mai vô tình, đều chẳng định.

Thế nên bạn nhất định phải biết, người thế gian bất luận nói tình, nói ý, nói ái với bạn, trong lòng bạn nhất định phải hiểu rõ ràng, minh bạch, giác ngộ, đó là gì? Đều là tình ý giả dối, đừng cho là thật. Nếu bạn cho là thật thì bạn sẽ mắc lầm. Lầm cái gì? Cái lầm của sanh tử luân hồi, chẳng phải thật. Nói cho chưa vị biết chỉ có Phật, Bồ Tát mới có chân ái chân tình, vĩnh viễn chẳng biến. Vì tánh thức của Phật, Bồ Tát là định, còn tánh thức của phàm phu chúng sanh là bất định. Cho nên cái tình của Phật, Bồ Tát thực sự là chân tình chân ái, họ chẳng dùng danh từ tình và ái, các Ngài dùng từ, dùng bi, từ bi chính là chân tình chân ái, vĩnh viễn chẳng biến đổi, việc này chúng ta phải hiểu rõ. Chúng ta phải học theo Phật, Bồ Tát, đối với hết thủy chúng sanh thực sự có tình, thực sự thương yêu, vĩnh viễn chẳng thay đổi, trong kinh thường gọi là “*vô duyên đại từ, đồng thể đại bi*”.

Ở đây chúng ta có thể nói thêm vài câu, trong hết thủy kinh điển trong bốn mươi chín năm Phật thường nói, chẳng biết là đã nói bao nhiêu lần, mục đích đều là để nhắc nhở chúng ta. Năm xưa lúc Phật giảng kinh thuyết pháp, mỗi ngày đều có thánh chúng mới đến, Phật rất từ bi, “*trong nhà Phật chẳng xả [bỏ] một ai*”, có một người mới lại chưa nghe những khai thị quan trọng thì Phật đều lập lại thêm lần nữa. Mê mất tự tánh, tâm tánh chẳng định, tình và ái sanh khởi từ đây đều là tạm thời ngắn ngủi, rất dễ thay đổi, nhất định chẳng phải thật. Chúng ta phải học Phật, tình và ái của Phật đều là chân thật, vĩnh hằng chẳng thay đổi. Vả lại tình và ái này đều thanh tịnh, mảy trần chẳng nhiễm và bình đẳng, chẳng phải là đối với người này thì thương, đối với người kia thì ghét, là tận hư không, trọn khắp pháp giới. Đối với Phật, Bồ Tát kính ái, đối với địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh cũng kính ái, sự kính ái này đều bình đẳng. Chẳng phải đối với Phật, Bồ Tát thì thêm một phần, đối với súc sanh thì kém một phần, tuyệt chẳng có hiện tượng này. Tại sao? Đại ái của các Ngài lưu lộ từ tự tánh, là đức năng vốn sẵn có trong chân tâm.

Đề của kinh Vô Lượng Thọ có ghi Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác, lòng từ bi, thương yêu rộng lớn của Ngài tuyệt đối tương ứng với thanh tịnh, bình đẳng, giác. Nếu chẳng tương ứng với thanh tịnh, bình đẳng, giác thì đó là tình thức vô định. Tại sao vậy? Tâm ý thức làm chủ. Phàm phu chúng ta dùng tâm ý thức, tâm ý thức chẳng định, chúng ta nhất định

phải nhận thức rõ ràng. Cho nên hết thấy lục đạo chúng sanh chẳng thể thoát ra khỏi sanh tử luân hồi, nguyên nhân chủ yếu là ở chỗ này. Do đó có thể biết đời này chúng ta niệm Phật muốn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, [chúng ta] thường nói phải nhìn thấu suốt, phải buông xuống. Đây là việc thứ nhất phải buông xuống, phải buông xuống tình ý giả dối của thế gian, buông xuống triệt để. Sau khi buông xuống thì nhắc lên, nhắc lên “*vô duyên đại từ, đồng thể đại bi*” của Phật, Bồ Tát. Buông xuống được, nhắc lên nổi. Phát khởi lòng thương rộng lớn của Phật, Bồ Tát, bạn có thể xả mình vì người, cái gì cũng có thể hy sinh, cái gì cũng có thể buông xả để làm lợi ích cho hết thấy chúng sanh, đó chính là học theo Địa Tạng Bồ Tát. Xin xem tiếp kinh văn:

Dĩ thị đẳng bối ngô đương ưu niệm.

以是等輩吾當憂念。

(Vì những kẻ đó mà Ta phải lo nghĩ.)

Thế Tôn đang ưu niệm chính là việc này. Thế Tôn chẳng lo việc khác, lo nghĩ hết thấy tội khổ chúng sanh trong tận hư không, trọn khắp pháp giới, Ngài chẳng vì một người nào đó. Phía trước chúng ta thấy, Ma Gia phu nhân hình như có một chút tình chấp, đặc biệt lưu luyến Diêm Phù Đề chúng sanh, lúc Địa Tạng Bồ Tát nói pháp cho bà thì tâm lượng ấy rộng lớn hơn nhiều, đều là làm khuôn mẫu cho chúng ta xem. Ma Gia phu nhân làm đúng hay sai? Đúng. Đúng như thế nào? Chúng ta giúp đỡ chúng sanh thì bắt đầu từ chỗ gần nhất, không thể nói chẳng lo chỗ gần, đi lo những chỗ ở xa, chẳng có lý này, chẳng hợp lý, chẳng hợp pháp. Giúp đỡ người nhất định phải bắt đầu từ chỗ gần rồi tới chỗ xa. Chỗ nào là gần? Người nhà của bạn là gần nhất, muốn độ chúng sanh hãy độ người nhà trước. Tại sao độ người nhà không được? Vì chính mình chẳng làm được hoàn hảo, làm chẳng đúng như pháp, người nhà của bạn chẳng tin tưởng. Nếu bạn làm đúng như pháp, người nhà sanh tâm cung kính, khâm phục bạn, chịu học theo bạn, chịu nghe lời của bạn. Thế nên bạn phải làm đúng như pháp, tự mình phải làm ra một hình dáng tốt đẹp cho người ta thấy. Sau đó làm ra cho thân thích bạn bè, và những người quen biết thấy, dần dần mở rộng phạm vi này. Ma Gia phu nhân dạy chúng ta cách khéo léo độ chúng sanh, còn Phật, Bồ Tát dạy chúng ta một cách toàn diện: Tất cả đều là thiện tri thức, đều vì dạy chúng ta nên mới làm ra những sự thị hiện này, họ biểu diễn cho chúng ta coi. Nói thật ra, làm thế nào mới có thể phát triển Phật pháp, làm cho hết thấy

chúng sanh hoan hỷ tiếp nhận? Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên này là kịch bản tốt nhất, có thể đem nó lên sân khấu, đem nó diễn thành phim truyện, thành phim điện ảnh, chẳng có ai không thích, không ưa, thiện xảo phương tiện làm lợi ích cho chúng sanh.

Nhưng muốn làm việc này, nói thật ra phải nên hướng về phía này mà phát triển, những người biên kịch, đạo diễn, diễn viên nên đến giảng đường học trước, chúng ta giảng kinh này rõ ràng từ đầu đến cuối, mọi người đều phát tâm làm Địa Tạng Bồ Tát, mọi người đều phát tâm tạo dựng sự nghiệp Địa Tạng, sau đó phim này chắc chắn sẽ diễn thành công. Hiện nay cũng có một số phim điện ảnh, phim kịch về Phật Giáo, tôi xem thử [thì thấy] cũng không lý tưởng cho lắm. Nguyên nhân là gì? Đạo diễn, diễn viên chẳng hiểu Phật pháp nên hiệu quả đương nhiên còn rất kém. Diễn viên, đạo diễn phải thực sự hiểu giáo nghĩa, thâm giải ý thú thì kịch bản của họ, kỹ thuật diễn kịch mới có thể thể hiện rộng lớn trí huệ cao độ, mới có thể đạt đến mức thiện xảo phương tiện. Chúng ta có tâm này, nguyện này, nhưng duyên chưa đủ. Ngày nay chẳng có những diễn viên, đạo diễn điện ảnh, truyền hình cùng chúng ta học Phật nên hiện nay chúng ta làm chuyện này không đở được. Nếu có một nhóm người nhý vậy, nhân duyên thành thực rồi thì chúng sanh có phước báo to lớn, chúng sanh toàn thể giới sẽ có phước báo to lớn, toàn bộ kinh Hoa Nghiêm cũng có thể đem lên sân khấu. Tuy chúng ta chẳng giảng kinh Hoa Nghiêm được bao nhiêu, mới giảng được một chút, các bạn nghe [giảng] cũng được hưởng đạo vị, đều có thể mang lên sân khấu. Trong đời sống hằng ngày mỗi thứ chúng ta đều có thể làm gương mẫu trong sinh hoạt. Thế nên học Phật, Bồ Tát tức là học biểu diễn, chúng ta chẳng diễn trên sân khấu của nghệ sĩ, hiện nay chúng ta diễn trên sân khấu của xã hội. Phải biết làm thế nào diễn vở kịch này cho hoàn hảo, làm cho những chúng sanh chưa giải thoát xem đến vở kịch này có thể cảm ngộ, có thể cảm động, có thể giác ngộ thì có thể đạt đến mục đích hoằng pháp lợi sanh vậy.

Chúng ta xem thử Phật lo nghĩ những gì? Ngày nay chúng ta lo nghĩ những gì? Những gì chúng ta lo âu đều sai, đều là giả. Chúng ta lo âu cái thân của mình, tánh mạng tài sản, đều là giả chẳng thật. Thân là vô thường, vật ngoài thân càng chẳng thể được, nhất định phải hiểu đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật. Hết thấy của chư Phật, Bồ Tát đều chân thật, chúng ta phải tin sâu, hết lòng học tập, y giáo phụng hành.

Xem tiếp câu sau:

Nhữ ký tất thị vãng nguyên, lũy kiếp trọng thệ quảng độ tội bôi, ngô phục hà lự”.

汝既畢是往願。累劫重誓廣度罪輩。吾復何慮。

(Đời trước ông đã phát nguyện, nhiều kiếp lập trọng thệ, quảng độ những kẻ có tội, thì Ta còn lo gì nữa”.)

Thế Tôn nghe Địa Tạng Bồ Tát báo cáo cũng vô cùng hoan hỷ, nói ông đã “*tất thị vãng nguyên*”, Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện độ chúng sanh chẳng phải ở ngày hôm nay, vô lượng kiếp trước Ngài đã phát nguyện này, nhiều đời kiếp thực tiễn nguyện vọng này của Ngài, vả lại đã phát nhiều lần. Giống như chúng ta mỗi ngày đều niệm Tứ Hoằng Thệ Nguyện “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô lượng thệ nguyện đoạn*”, mỗi ngày chúng ta đều niệm tứ hoằng thệ nguyện, chứ chẳng phát tứ hoằng thệ nguyện, nếu thực sự phát được thì còn phải nói nữa ư! Nếu quả thật đã phát nguyện này thì bạn sẽ chẳng là phạm phu nữa. Không là phạm phu thì là gì? Bạn sẽ là Phát Tâm Trụ Bồ Tát. Chúng ta coi kinh Hoa Nghiêm nói Phát Tâm Trụ Bồ Tát là địa vị gì? Địa vị Sơ Trụ trong Viên Giác, bạn đã siêu việt lục đạo, siêu việt thập pháp giới, tứ hoằng thệ nguyện đã phát thực sự bèn siêu việt. Không những chẳng còn trong lục đạo, bạn cũng chẳng còn trong thập pháp giới, vừa phát liền siêu việt. Mỗi ngày đều niệm thì không được, niệm thì không thể siêu việt, phải chân thật phát. Chúng ta quan sát cận kề, tứ hoằng thệ nguyện có phải là Địa Tạng Bốn Nguyên hay không? Phải, chẳng sai khác gì cả. Hôm nay tại cung trời Đao Lợi, Địa Tạng Bồ Tát cũng phát nguyện nữa, tiếp nhận lời phó chúc của Thế Tôn giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn này. Thế Tôn ở nơi đây nói lời này là tán thán Ngài. “*Lũy kiếp trùng thệ*”, chữ này đọc [như âm của chữ] “trọng” cũng được, đọc âm chữ “trùng” cũng được, đều được hết. “*Trọng*” là lời nguyện của Ngài rất nặng. “*Trùng*” là Ngài đã phát nguyện nhiều lần rồi, hai cách đọc chữ này, hai ý nghĩa này đều hợp lý. Phật thấy họ sốt sắng gánh vác thì cũng rất an ủi, chẳng phải âu lo nữa, chẳng phải bận tâm nữa.

Thật ra hoàn toàn là biểu diễn cho chúng ta coi, chư vị phải hiểu, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng hóa thân làm Địa Tạng Bồ Tát. Tại sao không dùng thân Phật để xuất hiện trong thế gian này, tiếp tục thuyết pháp cho chúng ta? Không thể được, những chúng sanh này tâm thức chẳng định. Chư vị phải hiểu, nếu thấy Phật trụ thế lâu dài, chúng sanh sẽ giải đãi, làm biếng: “Không sao đâu, hôm nay không nghe kinh, ngày

mai Ngài cũng sẽ giảng nữa, năm nay không học, hai năm sau học cũng chẳng trễ, lúc nào Ngài cũng giảng mà!”. Nếu nói Phật sẽ lập tức diệt độ thì họ sẽ khẩn trương: “Phải học mau lên, không học thì sẽ chẳng còn cơ hội nữa”, họ sẽ khẩn trương lên. Thế nên Phật thị hiện diệt độ, thị hiện trụ tại thế gian đều là thiện xảo phương tiện, chúng ta phải hiểu ý nghĩa này. Việc cầu học không phải cũng vậy hay sao. Lúc trước tôi học ở Đài Trung, trong một thời gian ngắn, tôi đạt được lợi ích nhiều hơn phần đông những bạn học khác. Vì nguyên nhân gì? Chúng tôi là người ở phương xa đến, đến Đài Loan làm khách, thời gian rất ngắn, phải học mau mau, học hết lòng, không thôi thì đến một ngày nào đó sẽ mất cơ hội. Những người cư trú ở thị xã Đài Trung chẳng có quan niệm này, thầy Lý thường trú ở thị xã Đài Trung, năm nay không thành thì vẫn còn năm tới, năm tới không thành thì cũng còn năm tới nữa. Có tâm ấy thì vĩnh viễn sẽ làm biếng, mãi đến lúc thầy Lý vãng sanh cũng vẫn chưa học thành tựu. Thầy Lý cư trú ở Đài Trung suốt ba mươi tám năm, tâm lý này chẳng giống nhau. Chúng tôi đến làm khách, tâm trạng này rất khẩn trương, phải nắm chắc lấy cơ hội này, biết rằng một khi mất cơ hội thì chẳng dễ gì kiếm lại được. Phật, Bồ Tát xuất hiện ở thế gian này, dùng thân phận của Phật để xuất hiện cũng là ý nghĩa này, chẳng thể trụ lâu dài. Thị hiện trụ thế lâu dài thì chúng sanh trở về sau sẽ lười biếng, lời giáo học của Phật sẽ chẳng linh nữa, thế nên không thể thị hiện trụ lâu dài. Xin xem tiếp đoạn kinh văn kế tiếp, Thế Tôn và Địa Tạng Bồ Tát một bên hỏi, một bên trả lời, kế bên lại thêm một vị Bồ Tát vào.

Thuyết thị ngữ thời, hội trung hữu nhất Bồ Tát Ma Ha Tát.

說是語時。會中有一菩薩摩訶薩。

(Nói đến đây, trong hội có một vị Bồ Tát Ma Ha Tát.)

Những Bồ Tát này đều là Đẳng Giác Bồ Tát, đều chẳng phải là Bồ Tát thường.

Danh Định Tự Tại Vương.

名定自在王。

(Hiệu là Định Tự Tại Vương.)

Từ danh hiệu này của Ngài chúng ta liền biết, Ngài được đại tự tại trong thiên định. Trong Phật pháp thường nói: “*Na Già thường tại định,*

vô hữu bất định thời”⁴³.

Bạch Phật ngôn: “Thế Tôn, Địa Tạng Bồ Tát, lũy kiếp dĩ lai các phát hà nguyện, kim môn Thế Tôn ân cần tán thán, duy nguyện Thế Tôn lược nhi thuyết chi”.

白佛言。世尊。地藏菩薩。累劫已來各發何願。今蒙世尊殷勤讚歎。唯願世尊略而說之。

(Bạch đức Phật: “Bạch Thế Tôn, Địa Tạng Bồ Tát từ nhiều kiếp đến nay đã phát nguyện gì mà nay được Thế Tôn ân cần khen ngợi như thế? Cúi mong đức Thế Tôn lược nói cho”.)

Trong đại hội, Thế Tôn tán thán Địa Tạng Bồ Tát, Định Tự Tại Vương Bồ Tát đều phải là không biết, đã biết rõ nhưng vẫn hỏi. Vì Ngài biết hội kinh này khi kết tập kinh tạng nhất định sẽ truyền lâu xa, những người chẳng tham gia hội này thấy thái độ đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát, chắc không khỏi hoài nghi. Bồ Tát rốt cuộc có những nguyện gì, có đức hạnh gì mà được Thế Tôn tán thán như vậy? Nhưng những người không tham gia pháp hội phải đi đâu hỏi? Sau này dù cho có những câu hỏi này nhưng cũng chẳng có chỗ để hỏi. Định Tự Tại Vương Bồ Tát từ bi, Ngài biết được, thay thế chúng ta đặt câu hỏi để Thế Tôn nói rõ cho chúng ta biết, đoạn trừ nghi hoặc của chúng ta. Thế nên cách đặt câu hỏi này trong kinh Phật gọi là “*câu hỏi đem lại lợi lạc cho hữu tình*”, đáng để chúng ta học tập. Có khi chúng ta chẳng có nghi hoặc nhưng nghĩ đến người khác có thể nghi hoặc thì cũng phải đặt câu hỏi. Đặc biệt là ngày nay chúng ta lợi dụng phương pháp khoa học, giảng kinh, diễn giảng gì cũng thâm hình, thâm âm rồi phổ biến lưu thông, cho nên nghe kinh không nhất định phải ở hiện trường, có thể phía ngoài hiện trường người nghe càng nhiều hơn, chẳng thể thống kê. Nếu họ có nghi hoặc thì đi đâu để hỏi? Thế nên đặt những câu hỏi nhằm đem lại lợi ích cho hữu tình, chúng ta nên học theo. Xin xem kinh:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Định Tự Tại Vương Bồ Tát: “Đế thánh đế

⁴³ Na Già là dịch âm tiếng Phạn chữ nāga, có nghĩa là rồng, voi, vô tội, bất lai. Đây là thuật ngữ để xưng tụng Phật hoặc bậc A La Hán. Sách Huyền Ứng Âm Nghĩa chép: “Kinh Khổng Tước gọi Phật là Na Già, do Phật chẳng còn sanh tử”. Đại Trí Độ Luận quyển ba chép: “Ma Ha là lớn, Na là Vô, Già là Tội. A La Hán đã đoạn các phiền não, nên gọi là Đại Vô Tội”. Thiền Định của đức Phật cũng gọi là Na Già.

thính thiện tư niệm chi, Ngô đương vị nhữ phân biệt giải thuyết”.

爾時世尊告定自在王菩薩。諦聽諦聽善思念之。吾當為汝分別解說。

(Bấy giờ Thế Tôn bảo Định Tự Tại Vương Bồ Tát: “Lắng nghe, lắng nghe, hãy khéo suy xét, Ta sẽ vì ông mà giải bày rõ ràng”.)

Bồ Tát đặt câu hỏi, Thế Tôn nhất định sẽ giải đáp, và lại Thế Tôn biết câu trả lời này có thể đem lại lợi ích cho rất nhiều, vô lượng vô biên đại chúng chẳng có mặt lúc ấy. Trước lúc khai thị, những câu này giới khuyến Bồ Tát, nói thật ra chính là giới khuyến đại chúng hiện tiền chúng ta, phải “lắng nghe, lắng nghe, hãy khéo suy xét”, tám chữ này rất quan trọng. Chúng ta nghe có hiểu ý của Phật không then chốt ở tám chữ này. Trong bài khai kinh kệ nói: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”, nếu chẳng có tám chữ này thì bạn sẽ rất khó giải nghĩa chân thật của Như Lai. “*Đế*” là gì? Đế là chân thành, dùng tâm chân thành để nghe. Chân thành là gì? Rời khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì gọi là “*đế thính*”; nói cách khác, lúc nghe pháp trong tâm chẳng được phép có vọng tưởng, được vậy thì gọi là lắng nghe. “*Thiện tư niệm chi*”, thiện tư tức là chỗ ngộ, sau khi nghe xong sẽ có chỗ ngộ, nhà Phật chúng ta gọi là khai ngộ, nghe pháp khai ngộ. Lắng nghe mới có thể khai ngộ, ngộ xong phải “*niệm chi*”, niệm là hạnh, “*niệm tư tại tư*” (niệm ở đâu thì chú tâm ở đó). Trong tám chữ này đều bao gồm cả tín, nguyện, hạnh, đều gói gọn trong ấy. Đây là tâm niệm, thái độ nhất định phải có khi nghe pháp, nếu chẳng có tâm này, chẳng có thái độ này thì giống như câu: “*Nghe mà cũng như chưa nghe, nghe mà cũng như chẳng nghe*”. Nghe pháp như vậy cũng giống như chẳng nghe gì cả, vậy thì uổng lắm.

Nãi vãng quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ na-do-tha, bất khả thuyết kiếp.

乃往過去無量阿僧祇那由他。不可說劫。

(Vào thuở quá khứ, vô lượng a-tăng-kỳ na-do-tha số kiếp chẳng thể nghĩ bàn.)

Đây là nói về chuyện xưa của Địa Tạng Bồ Tát. Giới thiệu vị Bồ Tát này cho chúng ta, cho chúng ta nhận biết, hiểu rõ Địa Tạng Bồ Tát, sau đó chúng ta mới tin tưởng Ngài, mới chịu học theo Ngài. Phải nói rõ nhân duyên tu học đời quá khứ của Địa Tạng Bồ Tát, sự tích của Địa

Tạng Bồ Tát trong vô lượng kiếp vĩnh viễn nói chẳng hết, chỉ có thể nêu ra vài chuyện trong những sự tích này. Đây là do Thích Ca Mâu Ni Phật nói cho chúng ta, một chuyện lúc Địa Tạng Bồ Tát vừa phát tâm, thời gian lúc ấy quá lâu rồi, chúng ta thường nói đây là con số thiên văn.

Nhĩ thời hữu Phật.

爾時有佛。

(Lúc đó có đức Phật.)

Ở thời đại đó, trong những kiếp xa xôi, thời đó có một vị Phật.

Hiệu Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

號一切智成就如來。應供。正遍知。明行足。善逝。

世間解。無上士。調御丈夫。天人師。佛。世尊。

(Hiệu là Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.)

Mười hiệu này trong nhà Phật là thông hiệu của chư Phật, mười hiệu này hiển thị trí huệ đức năng trên quả địa Phật. Khi thành Phật, chứng quả thì trí huệ, đức năng vô lượng vô biên, và xưng tán, tuyên thuyết chẳng hết. Phật đem vô lượng vô biên trí huệ, đức năng trên quả địa quy nạp thành mười loại, rồi dùng mười đức hiệu này để biểu thị. Mười đức hiệu này chúng ta nói sơ lược qua:

“*Nhất Thiết Trí Thành Tựu*” là biệt hiệu của Phật, hết thấy trí huệ thành tựu rồi. Từ “*Như Lai*” trở về sau cả mười hiệu này là thông hiệu, mỗi vị Phật đều có mười danh hiệu này, đây là việc chư vị đồng tu phải ghi nhớ, phải hiểu, đừng hiểu lầm. Vì có nhiều người nói [và hỏi] các vị Phật, vị Phật nào lớn nhất? Như Lai Phật lớn nhất. Đây là một quan niệm sai lầm, coi tiểu thuyết nhiều quá rồi, Tôn Ngộ Không chẳng nhảy ra khỏi bàn tay của Như Lai Phật. Mỗi vị Phật đều xưng là Như Lai, cho nên Như Lai là thông hiệu. Như Lai phải giải thích làm sao? Một cách nói đơn giản nhất, Phật hiện nay giống như cổ Phật tái lai nên gọi là Như Lai. Phật Phật đạo đồng, khi thành Phật rồi thì cái gì cũng bình đẳng, hoàn toàn tương đồng. Bồ Tát không thể giống Bồ Tát, chẳng hoàn toàn

giống nhau, Phật cùng Phật là hoàn toàn giống nhau, thế nên mới nói Phật ngày nay giống như cổ Phật tái lai. Nếu nói ý nghĩa đó sâu thêm, trong kinh Kim Cang có một cách giải thích “*Như Lai giả, chư pháp như nghĩa*”, cách giải thích này rất hay. “*Chư pháp như nghĩa*”, chữ như này là gì? Như chính là chân như bốn tánh. Tất cả hết thảy chư pháp và chân như bốn tánh đều tương ứng, đó gọi là Như Lai, ý nghĩa này nói vô cùng viên mãn, nếu từ mặt Lý mà nói. Nói như cổ Phật tái lai là nói từ mặt Sự. Còn rất nhiều ý nghĩa khác, chúng ta lược bớt.

“*Ứng Cúng*”, cúng là cúng dường, trong hết thảy mọi người, Phật là người thiện chân thật cứu cánh viên mãn, người có đại trí huệ cứu cánh viên mãn, đức năng to lớn, là gương tốt cho chúng ta, thầy tốt của chúng ta, đáng được chúng ta cúng dường; chúng ta cúng dường Ngài sẽ có phước báo. Thế nên mới gọi là Ứng Cúng, đáng được người, trời cúng dường.

Thông hiệu thứ ba “*Chánh Biến Tri*”, Tri là chẳng có gì không biết. Biến là phổ biến, chẳng có gì Ngài chẳng biết. Không những biến tri mà còn thực sự biến tri, những gì Ngài biết chẳng có gì sai lầm. Hết thảy kinh pháp do Phật nói đâu thế nào có sai lầm! Nếu có sai lầm đại khái đều vì người sau này dùng ý tứ riêng của mình sửa đổi nên mới sanh ra sai lầm. Thế nên kinh điển lưu thông đến ngày hôm nay, được phiên dịch trải qua mấy ngàn năm, thời cổ những bản viết tay khó tránh khỏi có chữ sai, bỏ sót câu văn, ngày nay chúng ta làm những việc này đều biết, là một chuyện rất khó khăn. Dù phát hiện có chữ nào đó trong kinh có thể chẳng đúng lắm, là chữ sai, chỗ nào đó có vấn đề, cũng tuyệt đối không thể sửa đổi. Nếu bạn phát hiện ra, có thể ghi chú ở kế bên, dùng cách ghi chú ở ven bìa, nguyên văn không thể sửa đổi. Đây là vì đạo lý gì? Tôi cảm thấy chỗ này không đúng nên tôi sửa một chút, bạn cảm thấy chỗ kia không đúng nên sửa một chút, vậy thì thôi rồi, thêm vài chục năm nữa cuốn kinh này hoàn toàn bị sửa đổi mất hết, chẳng thể đọc tụng được nữa. Thế nên cho dù có sai lầm cũng không thể sửa đổi, chỉ có thể chú thích thêm. Những đại đức từ xưa đến nay đã làm được rất hoàn hảo, họ phát hiện có chữ sai, chữ đó có thể là chữ gì hoặc chữ đó đáng lý phải là chữ gì, họ chú thích ở kế bên, chẳng sửa đổi nguyên văn, giữ bộ mặt sẵn có lúc ban đầu vĩnh viễn được lưu truyền mãi mãi, làm lợi ích cho hàng hậu học. Đây là một cách làm có trách nhiệm đối với lịch sử, đối với chúng sanh, chúng ta phải học theo, đây là Chánh Biến Tri.

Một số tín đồ tôn giáo khen ngợi Thượng Đế là toàn năng, toàn tri, Chánh Biến Tri chính là toàn năng, toàn tri. Nói thật ra, Thượng Đế thật

chẳng phải toàn năng, toàn tri, Phật mới toàn năng toàn tri. Phật là ai? Phật là chân tâm bổn tánh của chúng ta, chân tâm bổn tánh của chúng ta mới thực sự là toàn năng, toàn tri. Vì tận hư không, trọn khắp pháp giới đều là tâm tánh biến hiện mà ra, tâm tánh làm gì không biết được, làm gì không nổi? Thế nên đây là một cách nói rất hợp lý. Nếu tâm tánh của chúng ta hoàn toàn thấu lộ ra rồi, hoàn toàn hiển thị ra, đối với quá khứ, vị lai của cả vũ trụ đích thật đều là chánh biến tri, đây chẳng phải giả.

“*Minh Hạnh Túc*”, tức là viên mãn, minh tượng trưng trí huệ, hạnh tượng trưng cho tu học, hai thứ đều viên mãn, đây là dùng danh từ Phật pháp để nói, tánh tu viên mãn. Minh là Bát Nhã trí huệ của tự tánh, là tánh đức; Hạnh là tu đức. Lúc còn chưa viên mãn thì gọi là Bồ Tát, đã viên mãn thì gọi là Phật. Cũng có thể xem như Giải Hạnh viên mãn, Minh là giải, Hạnh là tu hành, Giải Hạnh viên mãn.

“*Thiện Thệ*”, trong Đại Thừa kinh điển thường gọi là “*Vô Trụ Niết Bàn*”. Vô Trụ Niết Bàn đích thật là Thiện Thệ, tại sao? Thiện này chẳng trụ sanh tử, chẳng trụ Niết Bàn, vậy mới gọi là Thiện. Phàm phu trụ sanh tử, chẳng thiện, chết rồi lại đầu thai, chẳng thiện. Nhị Thừa trụ Niết Bàn cũng chẳng thiện, dọa cái hổ Vô Vi, chẳng khởi tác dụng. Phật cùng đại Bồ Tát là thiện vì sanh tử, Niết Bàn hai bên đều chẳng trụ, như vậy mới thực sự là Thiện Thệ. Chẳng trụ Niết Bàn nên Ngài tùy loại hóa thân, nên dùng thân gì để độ thì Ngài hiện thân ấy. Chẳng trụ sanh tử, tuy độ chúng sanh, tuy hóa hiện nhiều thân độ hết thấy chúng sanh, mảy trần chẳng nhiễm, trong tâm sạch sẽ, làm mà không làm, không làm mà làm. Cũng nói không những chẳng chấp trước trên sự tướng, trong tâm cũng chẳng lưu dấu vết, đây tức là chẳng trụ sanh tử. Chư vị phải biết, chẳng trụ sanh tử chính là trụ Niết Bàn, chẳng trụ Niết Bàn chính là trụ sanh tử. Ngài cả hai bên đều chẳng trụ, hai bên viên dung, chân chánh gọi là đại Niết Bàn, đây là đại Niết Bàn trên quả địa Như Lai; Đại Niết Bàn là cả hai bên sanh tử và Niết Bàn đều chẳng trụ.

“*Thế Gian Giải*”, “*Thế Gian*” quy mô nhỏ là lục đạo, mở rộng ra là thập pháp giới, mở rộng thêm nữa thế và xuất thế gian là tận hư không, trọn khắp pháp giới, Phật đều biết, chẳng có một việc gì Ngài chẳng hiểu, thế nên Ngài được xưng là Thế Gian Giải.

“*Vô Thượng Sĩ*”, “*Sĩ*” người hiện nay gọi là phần tử trí thức, thời xưa gọi là người đọc sách, đọc sách hiểu lý. Trong số người đọc sách, Ngài cao nhất, trên nhất, chẳng có ai cao hơn, trên Ngài; ngày nay nói trong số phần tử trí thức, Ngài đạt đến đỉnh chót vót, chẳng có ai cao hơn Ngài.

“*Điều Ngự Trượng Phu*”, danh hiệu này được kiến lập từ sự thiện xảo phương tiện trong việc giáo hóa chúng sanh của Ngài. Phật có trí huệ, có năng lực, có sự khéo léo, có thể điều phục tâm chúng sanh, có thể giúp chúng sanh đoạn ác tu thiện, đây là giống như giá ngự (cầm cương điều khiển). “*Trượng phu*” là đại trượng phu, cùng nghĩa với anh hùng, hoàn toàn tương đồng. Những gì người khác làm không nổi, Ngài có thể làm được, như vậy xưng là đại trượng phu. Ngài là Điều Ngự Trượng Phu có thể điều phục chúng sanh trong chín pháp giới, giúp họ giác ngộ, giúp họ đoạn phiền não, liễu sanh tử, xuất tam giới, thành Phật, làm Tồ; Phật có năng lực này. Đây là được kiến lập trên đức năng.

“*Thiên Nhân Sư*”, “*Sư*” là sư phạm (làm bậc thầy, làm gương mẫu). Hết thầy chư thiên, lấy một chữ Thiên, một chữ Nhân nghĩa là bao gồm hết cả lục đạo. Ngài là mô phạm, biểu suất (có nghĩa là nêu gương, dẫn đầu) cho hết thầy chúng sanh trong lục đạo, hết thầy chúng hữu tình trong thập pháp giới.

“*Phật*”, chữ này mọi người đều hiểu rõ, đều minh bạch, là chữ dịch âm từ Phạn văn Ấn Độ. Ý nghĩa là giác ngộ, hàm ý tự giác, giác tha. Tự mình giác ngộ, giúp người khác giác ngộ, giác hạnh viên mãn. Nếu chỉ cầu tự giác, chẳng giúp người khác là Tiểu Thừa, A La Hán. Tự mình giác ngộ và giúp người khác giác ngộ là Bồ Tát. Nếu tự giác, giác tha đều viên mãn thì được gọi là Phật, đây chính là ý nghĩa của chữ Phật. Làm thế nào mới kể là viên mãn? Bồ Tát tự giác có thể viên mãn rồi, giác tha thì vẫn còn rất nhiều chúng sanh chưa được độ, vậy thì làm sao viên mãn? Chư vị phải biết, sự viên mãn này, Bồ Tát giác tha vẫn là giúp cho chính mình giác ngộ. Chúng ta thường nói thầy giáo dạy học trò, giáo học giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Đến lúc nào mới viên mãn? Trong quá trình giáo học, tuy thời gian chúng ta tự tu học chẳng dài, trong vòng mười mấy năm, mấy mươi năm, nhất định có sự thể hội. Chúng ta được một số học sinh, một số đến cấp vắn, giúp đỡ cho chúng ta rất nhiều. Có một số vấn đề trọng đại, người ta không hỏi thì tự mình chẳng bao giờ nghĩ đến; một khi họ vừa hỏi, chúng ta mới nghĩ đến. Coi tự mình có trí huệ hay không? Có trí huệ có thể trả lời, không có trí huệ thì phải mau đi tìm tài liệu, đi thỉnh giáo người khác, đây là giúp đỡ chính mình, do đó giáo học đích thật giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

Bồ Tát phải đoạn Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, phải phá căn bản Vô minh, nếu chẳng nhờ hết thầy chúng sanh giúp đỡ, họ cũng chẳng có biện pháp chi. Do đó trong quá trình dạy học, hết thầy chúng sanh giúp họ khai mở trí huệ, đoạn phiền não, thì họ mới chứng được Vô

Thượng Bồ Đề, như vậy gọi là viên mãn. Họ viên mãn xong thì mới có thể viên mãn độ hết thấy chúng sanh. Chúng sanh được độ phải nhờ duyên phận, Phật chẳng độ người vô duyên. Viên mãn trên sự độ chúng sanh, họ có khả năng độ Đẳng Giác chúng sanh thì gọi là viên mãn, họ thành Phật rồi. Bồ Tát chẳng thể gọi là viên mãn, tại sao? Đẳng Giác Bồ Tát có thể độ Thập Địa trở xuống, chẳng thể độ Đẳng Giác, vậy thì độ chúng sanh chẳng viên mãn, hóa tha chẳng viên mãn. Sau khi thành Phật, Ngài có năng lực dạy hết thấy chúng sanh, như vậy mới gọi là viên mãn, “*giác hạnh viên mãn*” là có ý nghĩa này. Có khả năng độ Đẳng Giác chúng sanh thì chẳng có gì không thể độ, độ chúng sanh viên mãn là như vậy.

“*Thế Tôn*”, đầy đủ mười đức hiệu kể trên thì được xưng là Thế Tôn. Người trong thế gian, xuất thế gian đều tôn trọng Ngài, tôn kính Ngài, Ngài có trí huệ và đức năng này nên được xưng là Thế Tôn. Giống như ngày nay chúng ta xưng người ta một cách khách sáo: Vị tôn kính. Tôn nghĩa là tôn kính, thêm chữ Thế Tôn tức là hết thấy chúng sanh đều tôn kính, ý này rất rộng, rất sâu.

Kỳ Phật thọ mạng lục vạn kiếp.

其佛壽命六萬劫。

(Thọ mạng của đức Phật đó là sáu vạn kiếp.)

Trong thời đại đó, thọ mạng của Phật dài, thọ mạng của người ta cũng dài, thọ mạng của Phật thị hiện nhất định giống đại chúng. Như Thích Ca Mâu Ni Phật ba ngàn năm trước xuất hiện ở thế gian này của chúng ta, lão nhân gia thị hiện bảy mươi chín tuổi viên tịch, chúng ta quen nói Phật trụ thế tám mươi năm, trên thực tế là bảy mươi chín tuổi. Nói đến tám mươi tuổi thì người Trung Quốc gọi là hư tuế⁴⁴, tám mươi năm! Phật trụ thế tám mươi năm, giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm. Đây là đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện, rất giống với thọ mạng của con người ở thế gian này. Do đó có thể biết Nhất Thiết Trí Thành

⁴⁴ Hư tuế là phương pháp tính tuổi truyền thống ở Trung Quốc: lúc trẻ con vừa sanh ra bèn tính một tuổi, sau đó mỗi tiết xuân lại thêm một tuổi. Cho nên cách tính này luôn luôn nhiều hơn cách tính thông thường 1 hoặc 2 tuổi (cách tính thông thường là giáp năm mới tăng 1 tuổi) Trẻ con vừa sanh ra bèn tính 1 tuổi vì tính luôn thời gian em bé nằm trong thai mẹ gần tròn một năm. Khi trẻ sanh ra vào khoảng tháng Chạp âm lịch, đến tiết xuân năm sau bèn tính thành 2 tuổi, do đó hư tuế sẽ lớn hơn cách tính thông thường đến 2 tuổi.

Tự Như Lai, phước báo của chúng sanh thời đó lớn, thọ mạng dài. Từ đây có thể thấy được phước báo của chúng sanh ở địa phương đó, thời đại đó rất lớn.

Vị xuất gia thời vi tiểu quốc vương, dữ nhất lân quốc vương vi hữu, đồng hành thập thiện nhiều ích chúng sanh.

未出家時為小國王。與一鄰國王為友。同行十善饒益眾生。

(Khi chưa xuất gia, Ngài là vua một nước nhỏ và kết bạn với vua một nước lân cận, cùng thực hành thập thiện, làm lợi ích cho chúng sanh.)

Đây là kể chuyện của Nhất Thiết Trí Thành Tự Như Lai, lúc Ngài chưa xuất gia, thời gian này quá lâu xưa rồi. Ngài đã thành Phật, thành Phật phần lớn gọi là tu hành, từ phàm phu tu thành Phật trải qua một thời gian rất dài. Đây là nói về chuyện nhiều kiếp trước lúc Ngài còn tu nhân, Ngài là vua một nước nhỏ, làm bạn với vua nước lân cận, hai vị vua nước lân cận này vô cùng hiếm có, đều là vua rất tốt. “*Đồng hành thập thiện, nhiều ích chúng sanh*”, họ dùng phương pháp gì để trị quốc? Dùng “*thập thiện nghiệp đạo*” để trị quốc, đây là việc vô cùng hiếm có. “*Nhiều ích*”, ích là lợi ích. Vua luôn hy vọng nhân dân có đời sống tốt đẹp, nhân dân chân thật được lợi ích, hạnh phúc, mỹ mãn. Nhiều nghĩa là phong nhiêu, không những đem lại lợi ích mà còn đạt đến rất phong phú, bất luận là trên đời sống vật chất, đời sống tinh thần, đều đạt đến mức đầy đủ, vậy mới gọi là nhiều ích. Có thể thấy tâm của vua thiện phi thường.

Kỳ lân quốc nội sở hữu nhân dân đa tạo chúng ác.

其鄰國內所有人民多造眾惡。

(Nhân dân trong nước lân cận đa số tạo nhiều việc ác.)

Lân quốc là những quốc gia cùng ranh giới với họ, nhân dân những nước đó tạo tác ác nghiệp. Hai nước của họ thì tốt hơn, hai vùng đất đó tốt, vua dạy dân rất đàng hoàng. Quốc vương đời xưa, theo tiêu chuẩn của nhà Nho có ba điều: “*Tác chi quân*”, quân là quân chủ, là người lãnh đạo quốc gia. “*Tác chi thân*”, người lãnh đạo là cha mẹ của dân chúng, phải dùng tâm cha mẹ thương yêu con cái để đối đãi với dân

chúng trong nước, thương dân như con, phải bảo hộ họ, dưỡng dục họ. Còn phải: “*Tác chi sư*”, là thầy giáo của nhân dân, gương tốt của nhân dân, khuôn mẫu của nhân dân. Vậy mới là một người lãnh đạo tốt nhất, làm cho nhân dân toàn quốc thực sự hưởng được phước báo. Hưởng phước của ai? Phước của người lãnh đạo, họ dạy được tốt. Cũng là nói về sư phạm, lúc trước chỗ vua ở gọi là Kinh Sư; Kinh nghĩa là lớn, Sư là sư phạm, thành thị mô phạm. Thành thị cả nước lấy Kinh Sư làm gương mẫu, mô phạm nên gọi là Sư. Danh xưng thật tốt, dụng ý thật hay, thế nên chúng ta đừng coi thường việc chuyên chế của đế vương đời xưa, nếu bạn coi thường thì là sai lầm. Ngày nay chúng ta đến hoàng cung ở Bắc Kinh coi thử, chỗ làm việc trong hoàng cung gọi là đại điện, là nơi vua hội họp, tập hội làm việc, gọi là gì? Thái Hòa Điện. Phía sau Thái Hòa Điện là Trung Hòa Điện, sau đó là Bảo Hòa Điện, ba ngôi kiến trúc chính này: Thái Hòa, Trung Hòa, Bảo Hòa. Họ dùng tâm gì? Dùng tâm thái gì để đối với nhân dân toàn nước? Dùng “*Hòa*”, trên dưới hòa mục, cả nước một luồng hòa khí, vậy thì quốc gia này đâu có lý nào chẳng hưng vượng được? Nhà Phật chúng ta nói về Lục Hòa, họ nói về Tam Hòa. Thánh nhân thế gian và xuất thế gian đều dạy “*hòa là quý nhất*”, chúng ta phải hiểu ý này, thế nên đây thực sự là thánh chủ, hiền vương. Nếu người nối ngôi, con cháu đời sau, đều tuân thủ theo nguyên tắc này thì triều đại này sẽ vĩnh viễn truyền mãi đến đời sau, đâu thể diệt vong được? Người đời sau không tuân thủ, làm xằng làm bậy, quốc gia này bèn diệt vong, chánh quyền bị lật đổ, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Hai vị vua này tốt nên quốc gia của họ cũng tốt. Nhưng những quốc gia lân cận thì không vậy, nhân dân tạo ác, tạo tội thì đương nhiên phải chịu quả báo.

Hôm nay đã hết giờ, chúng ta tạm ngưng ở đây.

Tập 11 (Số 14-12-11)

Lần trước giảng đến đoạn Định Tự Tại Vương Bồ Tát thưa hỏi Thế Tôn, Địa Tạng Bồ Tát nhiều kiếp đến nay đã phát nguyện gì mà được Thế Tôn ân cần tán thán, thỉnh Phật vì đại chúng khai thị. Thế Tôn nói với Định Tự Tại Vương Bồ Tát, trên thực tế thì Bồ Tát hỏi thay chúng ta, đức Phật bảo Định Tự Tại Vương Bồ Tát phải “*lắng nghe*” tức là dạy chúng ta phải dụng tâm nghe pháp, lắng lòng lãnh hội. Phật nói nhiều kiếp xa xưa về trước có một vị Phật hiệu là Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai, thọ mạng của đức Phật là sáu vạn kiếp, từ đây có thể biết

chúng sanh trong thời đại đó nhất định phải tu thiện đoạn ác nên mới cảm được quả báo thù thắng như vậy. Lúc Phật chưa xuất gia, Ngài là vua một nước nhỏ, cùng với vua một nước láng giềng là bạn thân, cả hai vị vua này đều dùng thập thiện để cai trị quốc gia, dạy dân chúng cả nước đoạn thập ác, tu thập thiện. Đương nhiên hai nước này đều quốc thái dân an, nhân dân đều rất hạnh phúc. Nhưng trừ hai nước này ra, những nơi khác không được như vậy, chúng sanh tạo ác nghiệp rất nhiều. Lúc hai vị vua nhìn thấy cục diện của cả thế giới, họ bèn bàn tính làm thế nào để giúp đỡ nhân dân của các quốc gia ấy. Chúng ta giảng đến chỗ này. Xin xem tiếp:

Kỳ lân quốc nội sở hữu nhân dân đa tạo chúng ác, nhị vương nghị kế quảng thiết phương tiện.

其鄰國內所有人民多造眾惡。二王議計廣設方便。

(Nhân dân trong nước lân cận đó đa số tạo nhiều việc ác, hai vua bèn bàn tính lập nhiều phương tiện.)

Làm thế nào để cứu vãn thế vận, hai vị quốc vương này họp lại thương lượng.

Nhất vương phát nguyện tảo thành Phật đạo, đương độ thị bối linh sử vô dư.

一王發願早成佛道。當度是輩令使無餘。

(Một vị vua phát nguyện sớm thành Phật đạo, để độ hết những kẻ ấy, không bỏ sót một ai.)

Một vua phát nguyện, duy chỉ có thành Phật mới có khả năng rộng độ chúng sanh. Nếu chẳng thành Phật, tuy có nguyện này, nguyện này trái ngược với tâm, chúng ta thường nói: “*Tâm có dư nhưng sức chẳng đủ*”, vẫn chẳng có cách gì. Nên phát tâm cầu đạo muốn thành Phật.

Nhất vương phát nguyện nhược bất tiên độ tội khổ, linh thị an lạc đắc chí Bồ Đề, ngã chung vị nguyện thành Phật.

一王發願若不先度罪苦。令是安樂得至菩提。我終未願成佛。

(Một vua thì nguyện nếu tôi chẳng độ những kẻ tội khổ trước, làm cho họ được an vui, cho đến đắc quả Bồ Đề, thì tôi nguyện chưa thành

Phật.)

Hai vị vua này phát nguyện chẳng giống nhau. Vị vua này phát nguyện chưa độ mình, độ chúng sanh trước. Đây là Bồ Tát phát tâm, chẳng vì mình, vì kẻ khác. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa chân thật của đoạn kinh này, chúng ta có thể phát nguyện chẳng độ mình, mà độ chúng sanh trước hay không? Nếu thực sự phát nguyện này, hết thấy đều vì chúng sanh, hết thấy vì Phật pháp, đích thật chẳng có Ta, “Ta và cái của Ta” (ngã và ngã sở) đều đoạn dứt hết, như vậy thì được, vậy thì không có vấn đề. Nếu vẫn còn nhân-ngã, thị-phi, được-mất, vậy thì không được. Nói cách khác, bạn sẽ chẳng thoát ra khỏi lục đạo. Phàm là con người mà nếu chưa thể thoát ly lục đạo thì nhất định phải giác ngộ. Từ vô thủy kiếp đến nay, chúng ta tích lũy bao nhiêu tội nghiệp, đây là sự thật! Tội nghiệp chẳng phải chỉ tạo trong đời này mà thôi, tội nghiệp còn tích lũy từ nhiều đời nhiều kiếp đến nay, lẽ đâu chẳng đọa ác đạo cho được! Bạn nhất định sẽ đọa lạc. Lúc đọa lạc trong tam ác đạo, bạn lấy gì để độ chúng sanh? Thế nên chư vị phải biết, nhất định phải chúng được quả A La Hán trở lên mới có thể nói “Tôi độ chúng sanh trước, chúng sanh chẳng thành Phật thì tôi không thành Phật”. Mức tối thiểu là quả A La Hán, thoát ly lục đạo luân hồi. Vào trong lục đạo chỉ là thị hiện, giúp đỡ chúng sanh. Cho đến khi mình thành Phật vẫn còn một thời gian dài, mình cứ thông thả độ chúng sanh trước, như vậy thì được. Tự mình phải có bản lãnh mới được, nếu chẳng có bản lãnh mà phát nguyện này thì cũng như không nguyện. Thế nên ở chỗ này chúng ta phải đặc biệt lưu ý, muôn vàn xin đừng hiểu lầm.

Phương pháp thù thắng nhất đối với chúng ta, [do vì] nghiệp chướng tập khí của chúng ta quá nặng, ngay cả một phẩm phiền não chúng ta cũng chẳng có năng lực đoạn được, [cho nên] phương pháp hay nhất là phát tâm cầu sanh Tịnh Độ. Nói thật ra nếu chúng ta muốn tự mình tu hành chứng được quả A La Hán không đơn giản đâu, làm chẳng nổi, nhưng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì người người đều có thể làm được. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới có phải là liền thành Phật không? Không phải, một phẩm phiền não còn chưa đoạn, người vãng sanh đến Phàm Thánh Đồng Cư Độ phiền não chưa đoạn, nhưng được bốn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì, cộng thêm thiện lực của mình, tự mình phải có nguyện tâm, có một chút thiện lực, cùng chư Phật, Bồ Tát cảm ứng đạo giao, đến lúc ấy thì được. Tôi chẳng cần thành Phật gấp, [do] tôi nóng lòng muốn độ chúng sanh trước nên học theo Địa

Tạng Bồ Tát. Đó là vốn liếng của bạn, bạn được bốn nguyên oai thần của A Di Đà Phật gia trì thì có thể đến mười phương thế giới, nên dùng thân gì độ hóa thì thị hiện thân ấy. Địa Tạng Bồ Tát cũng vậy. Tôi đã kể chuyện vợ ông Châu Bang Đạo gặp Địa Tạng Bồ Tát mang hình tướng tỳ-kheo xuất gia, nên dùng thân gì để độ bèn thị hiện thân đó. Cần dùng thân Phật để độ, Địa Tạng Bồ Tát cũng có thể thị hiện tám tướng thành đạo, cũng có thể thị hiện dùng thân Phật. Cho nên điểm này chúng ta phải tìm hiểu rõ ràng, muôn vàn xin đừng hiểu lầm.

Ở Đài Loan chúng tôi đã từng thấy một số pháp sư phát tâm, phát tâm rất lớn, nguyện chẳng thành Phật, nguyện đời đời kiếp kiếp ở thế gian này làm pháp sư độ chúng sanh. Tướng trạng của họ lúc mất chẳng được tốt, nói thật ra chẳng sánh bằng một người cư sĩ tại gia niệm Phật, người niệm Phật. Đã nhiều năm nay những tướng lành của cư sĩ tại gia niệm Phật vắng sanh, có người chẳng mang bệnh, biết trước thời giờ ra đi, đứng mà vắng sanh, ngồi mà vắng sanh, quá nhiều. Trong số pháp sư xuất gia một người cũng chẳng được. Việc này bạn không thể hiểu lầm, họ đích thật có năng lực, lúc còn làm vua, đây chỉ là thị hiện. Họ vốn là thân phận gì thì chúng ta không biết. Phật kể lại chuyện của hai vị vua này.

Phật cáo Định Tự Tại Vương: “Nhất vương phát nguyện tảo thành Phật giả, tức Nhất Thiết Trí Thành Tự Như Lai thị. Nhất vương phát nguyện vĩnh độ tội khổ chúng sanh, vị nguyện thành Phật giả tức Địa Tạng Bồ Tát thị”.

佛告定自在王菩薩。一王發願早成佛者。即一切智成就如來是。一王發願永度罪苦眾生。未願成佛者即地藏菩薩是。

(Phật bảo Định Tự Tại Vương Bồ Tát rằng: “Vị vua phát nguyện sớm thành Phật ấy chính là đức Nhất Thiết Trí Thành Tự Như Lai, vị vua phát nguyện vĩnh viễn cứu độ chúng sanh tội khổ, nguyện chưa thành Phật chính là Địa Tạng Bồ Tát”.)

Địa Tạng Bồ Tát từ lũy kiếp đến nay luôn luôn phát nguyện, nguyện tâm ấy vĩnh viễn chẳng thoái thất, rất đáng cho chúng ta noi gương. Thế nên chúng ta thực sự muốn phát tâm thì phải học theo Địa Tạng Bồ Tát. Những Bồ Tát khác chẳng thể sánh bằng công đức thù thắng của Địa Tạng Bồ Tát. Trong kinh này Phật nói trừ Văn Thù, Phổ

Hiền, Quán Âm Bồ Tát, những Bồ Tát khác đều chẳng thể sánh bằng. Cho dù xét trên tâm nguyện thì Địa Tạng Bồ Tát hơn hẳn những đại Bồ Tát như Quán Âm, Văn Thù, Phổ Hiền, nhưng trong Đại Thừa Phật pháp, như chúng ta được tiếp xúc đã lâu rồi thì biết hết thấy nguyện tâm của Bồ Tát chính là trí huệ đức năng trong tự tánh của chính mình. Nguyện tâm của mình giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn này đặc biệt mạnh mẽ, nói rõ pháp môn Địa Tạng thù thắng nhất trong hết thấy Bồ Tát pháp, đạo lý là ở chỗ này.

Đặc biệt là hiện nay chúng ta thấy thế giới trước mắt, chúng sanh khổ nạn vô biên, vẫn không ngừng tạo tội nặng như cũ, chẳng biết quay về, mê mất tự tánh, khởi tâm động niệm không gì chẳng là tội, đều vì mình, vì lợi ích cá nhân, chẳng màng đến sự an toàn của xã hội. Cho dù học Phật, nhưng chẳng đoạn nổi tập khí tự tư tự lợi, chẳng chống nổi sự dụ hoặc của cảnh giới bên ngoài; bên ngoài vừa dụ hoặc thì bên trong phiền não lập tức khởi lên, Phật pháp gì cũng quên ráo trọi. Người học Phật còn như vậy huống hồ là người chẳng học Phật. Thế nên thật ra ngày nay chúng ta nói nhất định phải noi gương Địa Tạng Bồ Tát, nên tuyên dương pháp môn Địa Tạng Bồ Tát. Nhất định phải bắt đầu từ bản thân mình, đoạn hết thấy điều ác, tu hết thấy điều thiện, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu tâm nguyện của chúng ta khẩn thiết, trước lúc sanh Tịnh Độ cũng được A Di Đà Phật, và hết thấy chư Phật Như Lai gia trì, làm cho chúng ta tiêu tai chướng, diệt tội, tăng trưởng trí huệ, tăng trưởng khả năng, có thể giảng kinh này được hoàn hảo, làm cho đại chúng thích nghe, sanh tâm hoan hỷ, hoan hỷ y giáo phụng hành. Trí huệ năng lực này chẳng phải của mình, mà do Phật lực gia trì, phàm phu nghiệp chướng sâu dày như chúng ta làm sao có khả năng này! Cho dù được chư Phật Như Lai gia trì, long thiên thiện thần ủng hộ, tự mình càng phải hân hạnh hơn, hết lòng nỗ lực hơn, đừng phụ lòng chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, phải làm cho hoàn hảo, đúng như pháp và viên mãn hơn nữa. Chúng ta học theo những phương hướng này thì sẽ không sai. Sau đây Thế Tôn lại kể thêm một chuyện lúc Địa Tạng Bồ Tát còn tu nhân, xin xem kinh:

Phục ư quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp.

復於過去無量阿僧祇劫。

(Lại trong đời quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp về trước.)

Thời gian này càng nói càng xa.

Hữu Phật xuất thế danh Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, kỳ Phật thọ mạng tứ thập kiếp.

有佛出世名清淨蓮華目如來。其佛壽命四十劫。

(Có một đức Phật ra đời hiệu là Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, đức Phật đó thọ bốn mươi kiếp.)

Chúng ta xét từ thọ mạng liền biết người thời ấy thực sự là chẳng thể nghĩ bàn. Phía trước chúng ta thấy thọ mạng sáu vạn kiếp, chỗ này thì bốn mươi kiếp, đều tính bằng kiếp. Quay lại thử nghĩ về nhân gian chúng ta hiện nay, tuổi người trường thọ chẳng vượt hơn một trăm tuổi, số người chưa đến năm mươi tuổi bèn mất rất nhiều, quá nhiều. Nếu mỗi ngày chư vị xem những cáo phó đăng trên báo chí, người chưa đến năm mươi tuổi đã mất chẳng phải chỉ là phân nửa thôi đâu. Người xưa nói: “*Nhân sinh thất thập cổ lai hy*”, [người sống đến bảy mươi tuổi] đã là rất ít rồi. Hết thấy phước báo dùng thọ mạng để hiển thị, bạn thấy thọ mạng của chúng sanh dài, thọ mạng của Phật cũng giống như thọ mạng của chúng sanh, Ngài thị hiện nhất định phải thọ bằng người thời đó, chẳng đặc biệt hơn, bèn biết thời đại ấy, trí huệ đức hạnh của chúng sanh thời ấy cảm được phước báo [bao lớn]. Trong kinh điển Đại Thừa chúng ta có thể lãnh hội điều này rất sâu sắc, y báo chánh báo trang nghiêm từ tâm tánh biến hiện nên, tâm địa lương thiện hiện ra cảnh giới tốt, cảnh giới thiện, thù thắng. Tâm tánh chúng sanh chẳng thiện, tạo tác ác nghiệp thì hoàn cảnh y báo của chúng ta sẽ suy thoái, làm cho chúng ta cảm thấy thế gian này chẳng đáng lưu luyến, chẳng có nơi nào có thể làm cho người ta sanh tâm hoan hỷ. Truy tìm nguyên nhân căn bản tức là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, tự làm tự chịu, làm sao có thể trách người khác được! Xin xem kinh văn:

Tượng pháp chi trung hữu nhất La Hán phước độ chúng sanh.

像法之中有一羅漢福度眾生。

(Trong thời Tượng Pháp có một vị La Hán phước đức cứu độ chúng sanh.)

Trong thời Tượng Pháp của đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, nghĩa là đức Phật đã nhập Niết Bàn, chẳng còn trụ trên thế gian nữa. Pháp vận của hết thấy chư Phật đều có ba thời kỳ: Chánh Pháp, Tượng Pháp, Mạt Pháp, thọ mạng của Phật dài, đương nhiên pháp vận của Ngài

cũng dài. Thời Tượng Pháp là thời đại “*tháp tự kiên cố*”.⁴⁵

Nhân thứ giáo hóa, ngộ nhất nữ nhân tự viết Quang Mục, thiết thực cúng dường.

因次教化。遇一女人字曰光目。設食供養。

(*Nhân đi tuần tự giáo hóa, gặp một người nữ tên là Quang Mục, bày vật thực cúng dường.*)

Trong thời Tượng Pháp, trong chùa chỉ khắc tạo hình tượng của Phật, hình tượng của Phật có thể giáo hóa hết thấy chúng sanh, cho nên công đức của việc tạo tượng rất lớn. Tuy có những cơ sở vật chất này nhưng nếu chẳng có thiện tri thức giảng kinh thuyết pháp, một số người nhìn thấy chùa, tháp, hình tượng Phật, Bồ Tát tuy đã trồng thiện căn nhưng thiện căn chẳng thể thành thực ngay trong đời này. Mắt của bạn nhìn thấy tượng Phật, tai nghe được danh hiệu của Phật, Bồ Tát, một phen lọt vào tai thì vĩnh viễn sẽ là hạt giống đạo. Trong đời này họ chẳng biết tu hành, tâm nguyện và lòng tin chẳng phát nổi nhưng hạt giống này đã được trồng xuống, hạt giống Kim Cang vĩnh viễn sẽ chẳng hư hoại. Nếu muốn hạt giống này thành thực sớm hơn thì phải có thiện tri thức giảng kinh thuyết pháp. Họ thấy tượng, biết ý nghĩa của tượng, nghe danh hiệu biết được ý nghĩa của danh hiệu, khởi lên lòng tin chân thật, thanh tịnh, phát lên nguyện hạnh giống Phật thì đời này họ sẽ thành tựu, công đức sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chẳng gặp thiện tri thức, chỉ nghe danh hiệu, nhìn thấy tượng, chẳng hiểu nghĩa kinh, chẳng thể phát tâm tu hành, lợi ích họ đạt được sẽ rất có hạn. Tuy có hạn, nói thật ra cũng chẳng thể nghĩ bàn. Cô Quang Mục bày phẩm vật cúng trước tượng Phật trong chùa.

La Hán vấn chi: “Dục nguyện hà đẳng?”.

⁴⁵ Trong thời Tượng Pháp, mọi người đều thích xây cất chùa tháp, con người chỉ muốn cầu phước chứ không cầu trí huệ giải thoát. Ở cõi Sa Bà chúng ta, năm trăm năm đầu tiên sau khi Phật diệt độ là thời kỳ “giải thoát kiên cố”, lúc đó người tu hành chứng quả rất nhiều. Năm trăm năm thứ nhì là thời kỳ “thiền định kiên cố”. Năm trăm năm thứ ba là thời kỳ “đa văn kiên cố”. Đa văn nghĩa là chỉ chú trọng vào việc nghiên cứu, thảo luận kinh giáo, giảng kinh thuyết pháp mà chẳng chú trọng vào việc tu hành. Năm trăm năm thứ tư là thời kỳ “tháp tự kiên cố”. Lúc đó chẳng còn tinh thần để thảo luận về Phật học, mọi người đều bận rộn công việc xây dựng chùa miếu. Năm trăm năm thứ năm là thời kỳ “đấu tranh kiên cố”.

羅漢問之。欲願何等。

(Vị La Hán bèn hỏi: “Cô muốn cầu điều chi?”.)

Trong thời Tượng Pháp có một vị La Hán, La Hán là một người xuất gia. Đây là một thiện tri thức trụ trong chùa độ hóa chúng sanh. Cô Quang Mục là một tín đồ trong chùa, hôm nay cô đến cúng Phật. La Hán hỏi cô: “Hôm nay cô đến thiết trai cúng dường, muốn cầu việc gì?”.

Quang Mục đáp ngôn: “Ngã dĩ mẫu vong chi nhật tư phước cứu bát, vị tri ngã mẫu sanh xứ hà thú?”.

光目答言。我以母亡之日資福救拔。未知我母生處何趣。

(Quang Mục thưa rằng: “Ngày mẹ con mất, con có làm việc phước thiện hầu cứu vớt bà, nhưng chưa rõ mẹ con thác sanh về đâu?”.)

Quả thật cô đến là có mục đích, đúng như ngạn ngữ có câu: “Vô sự chẳng đến điện Tam Bảo”, cô đến chùa lạy Phật chắc chắn là trong tâm có mong cầu. Việc cô mong cầu cũng rất tốt, mẹ cô đã qua đời nên cô thiết trai để siêu độ. Pháp sư hỏi: “Trong tâm cô rất muốn biết mẹ cô đang ở đâu? Hiện nay thác sanh vào chôn nào?”. “Hà thú” tức là cõi nào trong lục đạo. Do đó người làm con sau khi cha mẹ mất đi thường lo nghĩ về việc này, niệm niệm chẳng quên, đây là hiếu thảo. Thường có tâm nguyện làm thế nào để giúp đỡ người thân đã mất.

La Hán miễn chi vi nhập định quán, kiến Quang Mục nữ mẫu đọa tại ác thú thọ cực đại khổ.

羅漢愍之為入定觀。見光目女母墮在惡趣受極大苦。

(Vị La Hán cảm thương bèn nhập định quán sát thì thấy mẹ cô Quang Mục bị đọa vào đường ác, vô cùng khổ sở.)

Mẹ cô đọa vào địa ngục. Chư vị ở đây nghĩ coi, La Hán vẫn phải nhập định mới có thể thấy, nếu không nhập định thì chẳng thể thấy, đây là người có công phu định lực còn thấp. Người có công phu định lực cao chẳng cần nhập định, bạn vừa nói thì họ liền biết, liền thấy. Sau khi xuất định nói với cô cảnh giới Ngài thấy trong định. Chư vị phải biết tại sao lúc chưa nhập định thì chẳng thấy? Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Lúc chưa nhập định thì tâm tán loạn, tâm của La Hán thanh tịnh hơn tâm

chúng ta rất nhiều, chúng ta làm sao có thể sánh bằng! Công phu định lực của Ngài là Định bậc thứ chín, Tứ Thiền Bát Định thăng lên mức kế là Định bậc thứ chín, công phu định lực sâu như vậy mà không nhập định cũng không được, vẫn phải nhập định mới có thể nhìn thấy cảnh giới. Do đó mới biết tâm phàm phu chúng ta là tâm tạp loạn, tạp là xen tạp, loạn là chẳng định, tâm như vậy sẽ tạo thành rất nhiều chướng ngại.

Chướng ngại này là gì? Ngày nay khoa học gia gọi là “*thời không*” (thời gian không gian nhiều chiều), không gian ba chiều, không gian bốn chiều, năm chiều cho đến vô số chiều. Thời không vốn chỉ có một, một này nhà Phật gọi là Nhất Chân pháp giới, tại sao Nhất Chân pháp giới biến thành vô lượng pháp giới? Trong nhà Phật chúng ta gọi là Pháp Giới, tức là cái mà khoa học gia gọi là thời không nhiều chiều (nhiều duy thứ khác nhau), không gian ba chiều là một giới hạn, không gian bốn chiều là một giới hạn, năm chiều, sáu chiều, mỗi cái có một giới hạn khác nhau, gây chướng ngại. Ngày nay chúng ta chỉ có thể nhìn thấy, tiếp xúc đến không gian ba chiều, còn bốn chiều, năm chiều chúng ta không thể tiếp xúc tới. Vô lượng vô biên pháp giới chúng ta chỉ có thể tiếp xúc đến pháp giới người. Chúng ta thấy một phần trong pháp giới súc sanh, còn một phần thì vẫn chẳng thấy, chúng ta chỉ thấy một bộ phận nhỏ, tại sao? Bộ phận súc sanh này cũng cư trú trong không gian ba chiều, chúng ta có thể nhìn thấy. Nếu nó trụ ở không gian bốn chiều, năm chiều thì chúng ta sẽ chẳng thấy, là đạo lý như vậy. Còn nhập định, định là tâm thanh tịnh, tạm thời đè nén tâm tán loạn, sau khi đè nén thì không gian của họ sẽ được mở rộng, sẽ đột phá, định lực càng sâu thì không gian đột phá càng lớn. Định mức cạn có thể đột phá ba chiều, nhìn thấy bốn chiều, chúng ta nói người này có thần thông, có công năng khác thường. Công phu định lực cao hơn nữa thì có thể đột phá thêm một chiều, có thể nhìn thấy không gian năm chiều, là đạo lý như vậy.

Hiện nay người Tây phương có một cuốn sách bán rất chạy, nói về những lời tiên đoán, gọi là Thánh Kinh Mật Mã, có lẽ quý vị có người đã xem. Người viết cuốn sách này rất khách quan, ông ta nói lời tiên đoán này, lời tiên đoán chính xác như vậy, và lại sách này là do người ba ngàn năm trước viết. Ông ta (tức tác giả cuốn khảo luận về Thánh Kinh Mật Mã) khẳng định rằng [tác giả Thánh Kinh Mật Mã] chẳng phải là Thượng Đế. Ông ta nói: Nếu [tác giả] là Thượng Đế thì đáng lý phải có thể giải quyết vấn đề này, nhưng Thượng Đế không thể giải quyết vấn đề này, chỉ có thể nhắc nhở chúng ta rằng tai nạn này sẽ xảy ra. Do đó, có thể biết tác giả chẳng phải là Thượng Đế. Vì thế, ông ta suy đoán rằng

cuốn sách ấy chắc chắn do một người rất có trí huệ, có tâm từ bi viết ra. Cách nói này rất chính xác, đầu óc của ông ta rất sáng suốt, chẳng mê tín. Có người hỏi tôi, tại sao có thể nói chuyện ba ngàn năm sau rõ ràng, minh bạch như vậy được?

Cổ đức từng nói với chúng ta lời tiên đoán có hai căn cứ, Trung Quốc cũng có không ít lời tiên đoán này. Trước kia lúc lão cư sĩ Lý Bình Nam còn tại thế, chúng tôi cũng đã từng hỏi thầy, thầy cũng nói giống như vậy. Thầy nói loại thứ nhất là Số Học, phần lớn là căn cứ vào Lý Số để suy đoán. Trung Quốc có rất nhiều lời tiên đoán là do Số Học suy đoán, căn nguyên của nó là Kinh Dịch. Kinh Dịch là Số Học cao sâu, Số Học là mẹ của Khoa học. Ở Trung Quốc rất thịnh hành những thứ coi bói, xem tướng, đều căn cứ trên Kinh Dịch, căn cứ trên Lý Số. Nhưng Lý Số là gián tiếp, chẳng phải là trực tiếp; nếu có một chút gì suy đoán chẳng đúng thì kết quả sẽ khác nhau. Nói cách khác, mức độ chính xác của nó có thể đạt đến năm chục, sáu chục, bảy chục phần trăm, chẳng hoàn toàn đúng. Tùy thuộc vào trình độ của người suy đoán mà sai khác như vậy. Nhưng nếu quán sát từ trong Định thì hoàn toàn khác hẳn, công phu định lực là cảnh giới Hiện Lượng, là họ đích thân nhìn thấy. Suy đoán thuộc về Tỷ Lượng⁴⁶, công phu định lực không thuộc về Tỷ Lượng.

Cho nên người viết Thánh Kinh Mật Mã này dùng công phu định lực, trong thiền định nhìn thấy. Trong thiền định có thể nhìn thấy chuyện ba ngàn năm trước, sau, không có gì kỳ lạ cả, chẳng có gì lạ lùng. Một ngày trên trời Đạo Lợi bằng một trăm năm ở cõi người chúng ta, một tháng trên trời Đạo Lợi bằng ba ngàn năm ở nhân gian chúng ta. Nếu cứ lên trên nữa thì càng dễ hơn. Một ngày ở cõi trời Dạ Ma bằng hai trăm năm ở cõi người, ba ngàn năm chỉ là mười lăm ngày. Lên cõi trời Đâu Suất, một ngày ở trời Đâu Suất bằng nhân gian bốn trăm năm. Do đó có

⁴⁶ Tỷ Lượng (anumāna-pramāṇa): Là một thuật ngữ trong Nhân Minh Học, có nghĩa là sự hiểu biết do so sánh suy lường. Tỷ Lượng là dùng sự hiểu biết của chính mình để so sánh, cân nhắc cái mình chưa biết hòng sanh chánh trí quyết định. Tỷ Lượng được chia thành hai loại:

1. Tự Tỷ Lượng: Hạn cuộc trong lãnh vực tư duy, dùng sự hiểu biết của chính mình để nhận biết, cân nhắc, phán đoán sự vật. Nếu căn cứ vào hình tướng thì gọi là Tướng Tỷ Lượng, nếu căn cứ vào ngôn ngữ thì gọi là Ngôn Tỷ Lượng. Chẳng hạn như “thấy khói” liền nghĩ “chắc là do lửa đốt” đó là Tướng Tỷ Lượng; nghe người ta nói “đất nứt nẻ hết” liền suy nghĩ “nguyên nhân là vì trời hạn hán”, đây là Ngôn Tỷ Lượng.

2. Tha Tỷ Lượng: Sự hiểu biết, phán đoán do người khác dùng lời lẽ giúp cho mình thấu hiểu.

thể biết, nếu muốn đến cõi trời thứ sáu ở Dục Giới thì ba ngàn năm chẳng bằng một ngày của họ, chuyển một ngày thì làm sao họ không biết rõ ràng được? Dĩ nhiên là sẽ rõ ràng. Cho nên người viết sách này theo sự quan sát trong nhà Phật của chúng ta thì ông ta có công phu định lực.

Công phu định lực có thể đột phá giới hạn của thời không, khoa học gia hiện nay hiểu được đạo lý này, họ thừa nhận, khẳng định. Nhưng hiện nay họ còn chưa tìm ra phương pháp làm thế nào có thể đi vào “đường hầm thời gian” của họ, làm thế nào có thể đi vào tương lai, hoặc đi về quá khứ. Họ hiểu trên lý luận có thể làm được nhưng hiện nay vẫn chưa tìm được kỹ thuật. Họ chẳng biết trong Phật pháp cổ xưa, thiền định chính là kỹ thuật này. Khi bạn nhập vào thiền định rất sâu thì có thể đi trở về quá khứ, và cũng có thể đi vào tương lai. Thánh Kinh Mật Mã là như vậy, cho nên mức chính xác của nó là một trăm phần trăm. Cục thế này có thể thay đổi hay không? Có thể. Cách nói này của ông ta rất trung thực, khẳng định tai nạn có thể hóa giải, dùng phương pháp gì để hóa giải? Dùng tâm con người. Nhân tâm có thể hướng thiện thì tai nạn này sẽ hóa giải. Có thể thấy ông ta cũng nhận định tâm hạnh thiện ác chính là mấu chốt để thay đổi hết thảy kiết hung, họa phước trên thế gian, cách nói này rất chính xác. Hiện nay cuốn sách này lưu hành rất rộng trên thế giới, có rất nhiều bản dịch dùng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Chúng tôi cũng thấy bản dịch chữ Trung Hoa tại Đài Loan, rất đáng để chúng ta cảnh giác. Chúng ta muốn cứu mình, cứu xã hội, cứu hết thảy chúng sanh, nhất định phải biết đoạn ác tu thiện. Và lại, giáo học đoạn ác tu thiện chẳng gì hơn Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên.

Cho nên Thế Tôn ở hội giảng kinh tại cung trời Đao Lợi này trao trọng trách giáo hóa chúng sanh trong đoạn thời gian dài đằng đằng sau thời Mật Pháp cho đến lúc Phật Di Lặc ra đời cho Địa Tạng Bồ Tát là chính xác vậy, chúng ta có thể hoàn toàn khẳng định. Địa Tạng Bồ Tát chủ trì việc giáo hóa, Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc sẽ hộ trợ Địa Tạng Bồ Tát. Giống như trong việc dạy học, Địa Tạng Bồ Tát là hiệu trưởng, lúc Phật chẳng tại thế thì Ngài đại diện cho Phật, hết thảy các Bồ Tát đến hỗ trợ Địa Tạng Bồ Tát, giúp đỡ Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa chúng sanh khổ nạn.

La Hán nhập định, trong định đột phá giới hạn của không gian và thời gian, Ngài đã thấy địa ngục, thấy mẹ của cô Quang Mục đang thọ khổ trong địa ngục, chịu khổ cùng cực, sau khi xuất định [bèn]:

La Hán vấn Quang Mục ngôn: “Nhữ mẫu tại sanh tác hà hành

ngiệp, kim tại ác thú thọ cực đại khổ?”.

羅漢問光目言。汝母在生作何行業。今在惡趣受極大苦。

(La Hán hỏi cô Quang Mục: “Mẹ cô lúc còn sanh tiền làm hạnh nghiệp gì mà hiện nay đang ở trong đường ác, thọ khổ cùng cực?”)

Hỏi cô Quang Mục: “Lúc mẹ cô còn sống làm nghề gì? Hiện nay bà đang đọa địa ngục, rất khổ”.

Quang Mục đáp ngôn.

光目答言。

(Cô Quang Mục trả lời.)

Cô Quang Mục thành thật trả lời, nói rõ ra.

Ngã mẫu sở tập.

我母所習。

(Tánh thân mẫu con.)

“Tập” là tập tánh, điều ưa thích.

Duy hảo thực đạm ngư miết chi thuộc.

唯好食啖魚鰲之屬。

(Chỉ thích ăn những loài cá, ba ba.)

Ngày nay gọi là hải sản, bà ta rất thích ăn đồ biển.

Sở thực ngư miết đa thực kỳ tử.

所食魚鰲多食其子。

(Ăn những loài cá, ba ba này, phần nhiều là ăn trứng và con của các loài ấy.)

Đặc biệt thích ăn những thứ này.

Hoặc sao, hoặc chữ, tứ tình thực đạm, kế kỳ mạng số thiên vạn phục bội. Tôn giả từ mẫn như hà ai cứu?

或炒。或煮。恣情食噉。計其命數千萬復倍。尊者慈愍如何哀救。

(Hoặc chiên hoặc nấu, tha hồ mà ăn, nếu tính đếm số sanh mạng đó thì đến hơn ngàn vạn. Xin tôn giả từ bi thương xót! Con phải làm thế nào để cứu mẫu thân?)

Ngày nay trong sự ăn uống chúng ta nói ăn thịt chẳng có tội, nói vậy có lý không? Nhất định phải giác ngộ! Thế nên đọc kinh này xong, hiểu rõ chân tướng sự thật thì làm sao dám ăn thịt chúng sanh. Đặc biệt là thích ăn trứng cá, thích ăn cá con, một chén thông thường như vậy có bao nhiêu sanh mạng, bạn nói sát nghiệp này nặng bao nhiêu, oán thù những chúng sanh bị giết hại này sâu dày bao nhiêu, chúng nó tình nguyện để cho bạn ăn sao? Nếu nói là [chúng nó] cam tâm tình nguyện lấy thịt này cúng dường cho bạn, thì nó là Bồ Tát, nó giác ngộ rồi, chẳng còn là chúng sanh nữa. Nếu là chúng sanh thì lúc bạn đi bắt nó, bạn thử quan sát kỹ xem, nó vùng vẫy, chẳng cam tâm để bạn bắt. Lúc bạn muốn làm thịt heo, bạn kêu con heo lại nói muốn làm thịt nó để ăn coi con heo có ngoan ngoãn cho bạn làm thịt không? Vừa nhìn thấy con dao là nó sợ hết hồn, mau mau chạy trốn rồi, nó biết bạn muốn làm thịt nó. Nó bị bạn bắt, bị bạn giết là vì nó chẳng có sức phản kháng, bạn biết lòng căm hận này sâu lắm hay không, kết oán thành thù. Người ta chẳng phải chỉ có đời này mà thôi, còn đời sau nữa, súc sanh cũng có đời sau, khi cơ duyên thành thực thì có lý nào không báo thù cho được! Chiến tranh trên thế gian từ đâu mà có? Phật dạy đều là từ sát sanh ăn thịt mà ra.

Đức Phật đã từng nói: *Muốn thế gian này vĩnh viễn không còn kiếp đao binh, chẳng có chiến tranh thì trừ phi chúng sanh không ăn thịt*. Nếu chúng sanh không ăn thịt thì chiến tranh và tai nạn trên thế gian này sẽ chẳng còn nữa. Nói cách khác, chúng sanh trên thế gian còn ăn thịt thì kiếp đao binh tuyệt chẳng thể tránh khỏi. Tại sao hiện nay mỗi lần chiến tranh xảy ra đều tàn khốc hơn trước? Oán nghiệp tích lũy quá sâu dày. Chỉ nói theo trí nhớ của chúng ta thì cảnh tượng người tử vong trong thế chiến lần thứ nhất và lần thứ nhì thảm khốc lắm, thế chiến thứ nhất còn nhẹ, lần thứ nhì nặng hơn rất nhiều, chiến tranh nguyên tử thứ ba sẽ thê thảm hơn nữa. Lời Phật dạy rất có lý. Ngày nay chúng ta tạo tội nghiệp cũng giống như mẹ cô Quang Mục vậy, “tử tình thực đạm”, mặc sức phóng túng, mạnh ăn hiếp yếu, chịu sao nổi! Cho nên “kế kỳ mạng số, thiên vạn phục bội”, cả đời bà giết [loài vật] ăn thịt, nào phải chỉ một ngàn, một vạn sanh mạng thôi đâu, còn gấp nhiều lần như vậy,

đây là tội nghiệp bà đã tạo.

Hai câu sau là mong cầu pháp sư làm sao cứu giúp bà. “*Tôn giả từ mẫu*”, tôn giả tức là ngày nay chúng ta thường gọi là tôn kính. Pháp sư tôn kính, La Hán tôn kính, xin Ngài giúp đỡ, xin Ngài tìm cách cứu mẹ cô.

La Hán mẫu chi vi tác phương tiện.

羅漢愍之為作方便。

(La Hán thương xót bèn lập phương tiện.)

La Hán thấy cô là người con có hiếu, rất thương xót, dạy cô.

Khuyến Quang Mục ngôn: “Nhữ khả chí thành niệm Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, kiêm tố họa hình tượng tôn vong hoạch báo”.

勸光目言。汝可志誠念清淨蓮華目如來。兼塑畫形像存亡獲報。

(Khuyến Quang Mục rằng: “Cô phải chí thành niệm đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai và vẽ đắp hình tượng, thì kẻ còn cùng người mất đều được phước báo”.)

Câu này quan trọng ở ba chữ “*chí thành niệm*”, dùng tâm chân thành để niệm Phật. Trong kinh này chúng ta thấy cách tiêu trừ tội nghiệp cực nặng, độ tội báo khổ nhất đều dạy pháp môn niệm Phật, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Tại sao trong kinh chẳng dạy cô niệm A Di Đà Phật? Lời Phật thuyết pháp đều là chân ngữ, thật ngữ, lời đúng như thật. Ở đây chúng ta có thể thấy đây là vô lượng kiếp về trước, đức Phật xuất hiện ở thế gian đó là Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai là bổn sư của họ. La Hán khuyên cô niệm đức bổn sư, tạo hình tượng của Phật thì phước này sẽ lớn lắm. “*Tôn vong hoạch báo*”, tôn là [kẻ còn sống, chỉ] cô Quang Mục, cô còn sống cô tu phước, cô sẽ được phước báo; vong là [kẻ đã mất, chỉ] mẹ cô, mẹ cô cũng được phước báo. Dạy cô làm việc này. Đương nhiên La Hán giảng kinh thuyết pháp cho cô, nói rõ những đạo lý và chân tướng sự thật này, văn tự trong kinh điển được giản lược, chúng ta nhất định phải hiểu rõ.

Quang Mục văn dĩ tức xả sở ái, tầm họa Phật tượng nhi cúng

đường chi, phục cung kính tâm bi khắp chiêm lễ.

光目聞已即捨所愛。尋畫佛像而供養之。復恭敬心悲泣瞻禮。

(Quang Mục nghe xong liền từ bỏ những vật yêu thích, rồi tô vẽ hình tượng Phật để thờ cúng, và lại đem lòng cung kính khóc thương chiêm lễ.)

Cô Quang Mục y giáo phụng hành. “Xả sở ái”, sở ái là tài vật [mình ưa thích], phải dùng tài sản của chính cô để tạo tượng. Hiện nay tạo tượng dễ dàng hơn thời xưa rất nhiều, thời xưa tạo tượng chư vị phải biết hoàn toàn là đồ thủ công nghệ, làm rất chậm, điêu khắc phải dùng thời gian rất dài mới có thể làm thành một tượng hoàn hảo. Ngay cả việc vẽ tượng cũng chẳng dễ, vẽ một tượng Phật cũng cần rất nhiều ngày, đây là việc chúng ta đều biết. Hiện nay khoa học kỹ thuật phát đạt, tạo tượng Phật, điêu khắc tượng Phật có thể làm mô hình trước, ngày nay gọi là sản xuất hàng loạt, có thể cung cấp cho nhiều người thỉnh về cúng dường, phước này càng lớn hơn nữa. Vẽ tượng hiện nay có thể dùng ấn loát, có thể vẽ một bức hình Phật, Bồ Tát thật trang nghiêm, sau đó in cả vạn tấm, mấy trăm ngàn, mấy triệu tấm, thậm chí mấy chục triệu tấm, cho đại chúng cúng dường, thế nên người hiện đại tu phước dễ dàng hơn người xưa nhiều. Người hiện nay tạo nghiệp cũng dễ hơn thời xưa, nhưng tu phước cũng dễ hơn, đây là lời kinh Địa Tạng nói. Chúng sanh ở Diêm Phù Đề tuy tạo tội nghiệp rất dễ nhưng họ cũng dễ quay về. Thực sự có người khuyên họ, nói rõ cho họ nghe, họ quay về rất nhanh.

Trong hết thầy chúng Bồ Tát, chẳng có ai thù thắng hơn Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát ứng hóa ở thế gian chúng ta tại Cửu Hoa Sơn, Quán Thế Âm Bồ Tát ứng hóa tại Phổ Đà Sơn, đối với người Trung Quốc chúng ta có duyên phần đặc biệt. Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Khoa Chú của pháp sư Thanh Liên thời vua Khang Hy vô cùng hoàn hảo, tuy văn tự sâu một chút, đối với người hiện nay mà nói, thật ra cũng rất tiện lợi cho chúng ta học quốc văn. Chúng ta xem chú giải kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên này như sách học quốc văn, vậy thì không tốt sao? Nếu sau này chúng ta có duyên phần kiếm được thời gian, giảng tường tận cuốn chú giải này một lần giống như giảng quốc văn vậy, làm cho chúng ta đối với văn tự, văn học Trung Quốc có thể nâng cao trình độ thêm. Đối với nội dung của kinh này có thể đi sâu thêm, nhận thức thấu triệt hơn, đối với đời sống, việc làm, đối sự, đối người, tiếp vật chắc

chấn sẽ có lợi ích lớn hơn nữa, như lời nói trong kinh là công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

Hiện nay trong thời đại này, phần đông xã hội đại chúng đều xem giáo học Phật pháp thành tôn giáo, làm cho đồng tu học Phật chúng ta mất đi phương hướng, đây là việc vô cùng bất hạnh. Có cơ duyên tiếp xúc đến chánh pháp thì phải có trách nhiệm đem mặt mũi vốn sẵn có của Phật pháp giải thích cho xã hội đại chúng, làm cho mọi người hiểu rõ Phật pháp chẳng phải tôn giáo, chẳng phải triết học. Mà là gì? Là giáo dục đời sống, giáo học phá mê khai ngộ, là khổ được vui. Chúng ta nhận thức thuần chánh thì mới được lợi ích chân thật. Đoạn này kể cô Quang Mục tiếp nhận lời dạy của La Hán xong, y giáo phụng hành. “*Xả sở ái*” là đoạn tham, tham là phiền não căn bản, hết thấy phiền não đều sanh từ “tham”, cho nên đây là đoạn hết thấy ác. Tô vẽ hình tượng của Phật, Bồ Tát, chiêm lễ và cúng dường là tu hết thấy thiện. Chiêm lễ, cúng dường, xưng danh nhất định phải y giáo tu hành. “*Tu hành*” là sửa đổi hết thấy hành vi sai lầm của chúng ta trong đời sống, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, như vậy gọi là tu hành. Cô làm theo cách này, quả nhiên có cảm ứng.

Hốt ư dạ hậu mộng kiến Phật thân, kim sắc hoảng diệu như Tu Di sơn, phóng đại quang minh.

忽於夜後夢見佛身。金色晃耀如須彌山。放大光明。

(Bỗng đến giữa khuya thì mộng thấy thân Phật sắc vàng sáng chói như núi Tu Di phóng ánh sáng lớn.)

Trong mộng cô có được cảm ứng. Nhìn từ kinh văn thì cô vẽ tượng Phật, cúng dường tượng Phật vẽ. Vị Phật vẽ trong tranh này là Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, cung kính cúng dường, thì cô cảm được Phật xuất hiện trong mộng, tâm hiểu khẩn thiết cảm động Phật đến gia trì.

Nhi cáo Quang Mục: “Nhữ mẫu bất cửu đương sanh nhữ gia, tài giác cơ hàn tức đương ngôn thuyết”.

而告光目。汝母不久當生汝家。纔覺飢寒即當言說。

(Mà bảo Quang Mục rằng: “*Chẳng bao lâu nữa thân mẫu cô sẽ sanh vào nhà của cô, khi vừa biết đói lạnh thì liền biết nói*”.)

Và nói với cô: “*Chẳng bao lâu nữa mẹ cô sẽ thoát ly ác đạo và*

sinh đến nhân gian”. Vì công đức của cô xuất tiền tạo tượng, cung kính cúng dường nên mẹ cô được thoát khỏi địa ngục, tội nặng đã tiêu mất, vẫn còn tội dư lại nên chẳng bao lâu sau sẽ sinh vào nhà của cô. Đứa bé này rất đặc biệt, vừa ra đời liền biết nói, thế gian chúng ta cũng có, vừa sanh ra liền biết nói, nhớ được chuyện đời trước, việc này trong nhà Phật gọi là “*đoạt thai*”. Chuyện này nói ra cũng khá dài dòng, lúc người mẹ có thai, thai ấy là một người khác, người này có duyên rất ít với người mẹ, đến để làm gì? Để đòi nợ, là quý đòi nợ, thiếu chẳng nhiều nên chỉ làm cho người mẹ khó chịu trong vòng mười tháng, cho bà cực khổ, đứa bé này vừa ra đời liền chết đi. Mẹ của cô Quang Mục bèn mượn thân của đứa bé ấy nên gọi là *đoạt thai*. Thần hồn của đứa bé lìa khỏi thì thần hồn của mẹ cô bèn nhập vào, *đoạt thai* là như vậy. Bà chẳng trải qua nỗi khổ của mười tháng hoài thai nên bà nhớ chuyện của mình rõ ràng, là đạo lý như vậy. Người ta phần đông trụ trong thai mười tháng, gọi là “*khổ trong thai ngục*”, mười tháng trong thai cũng giống như trong địa ngục vậy, chịu khổ cực nên quên hết những chuyện đời trước, chúng ta có thể hiểu được những chuyện như vậy. Chúng tôi đã từng thấy một số trẻ em lúc hai, ba tuổi vô cùng thông minh, lanh lợi, đến bốn, năm tuổi bị bệnh nặng, sốt nóng rồi trở thành khờ khạo, đần độn, chuyện gì cũng chẳng nhớ nổi. Chư vị nghĩ thử xem một trận bệnh nặng có thể làm trí nhớ của nó mất hết, huống chi là mười tháng trong thai ngục. Đây là việc chúng ta có thể lý giải, quên mất hết chuyện đời trước. Chỉ khi đến bằng cách *đoạt thai* thì người đó nhớ rất rõ ràng vì chẳng thọ khổ này. Nhà cô quả thật đã xảy ra chuyện như vậy.

Kỳ hậu gia nội tỳ sanh nhất tử, vị mãn tam nhật nhi nữ ngôn thuyết, khê thủ bi khắp cáo ư Quang Mục.

其後家內婢生一子。未滿三日而乃言說。稽首悲泣告於光目。

(Sau đó người tỳ nữ trong nhà sanh một bé trai, chưa đầy ba ngày đã biết nói. Đứa bé đó cúi đầu, buồn khóc mà nói với Quang Mục.)

Người giúp việc trong nhà sanh một đứa bé, đứa bé này chính là mẹ cô Quang Mục đến đầu thai, hoàn toàn phù hợp với việc đức Phật nói với cô trong giấc mộng. Ngày thứ ba sau khi chào đời, đứa bé này nhìn thấy Quang Mục bèn “*khê thủ*”, *khê thủ* tức là gật đầu. Đứa bé mới ba ngày, chúng ta biết nó cử động chẳng linh hoạt, nhưng đứa bé này biết cúi đầu, lễ kính, biểu lộ rất đau thương. Nói với cô Quang Mục:

Sanh tử nghiệp duyên quả báo tự thọ. Ngô thị nhữ mẫu, cửu xử ám minh, tự biệt nhữ lai, lụy đọa đại địa ngục.

生死業緣果報自受。吾是汝母。久處暗冥。自別汝來。
。累墮大地獄。

(*Nghiệp duyên sanh tử, quả báo tự thọ. Tôi là mẹ của cô, lâu nay ở chốn tối tăm. Từ khi vĩnh biệt cô, tôi phải đọa vào đại địa ngục.*)

Đây là nói bà tuy vừa chết chẳng lâu nhưng trong địa ngục chịu tội khổ, những sự khổ này như chúng ta thường nói “sống một ngày cũng như cả năm”. Điều này cũng cho thấy thời gian chẳng chân thật, chẳng phải thật pháp, thời gian là khái niệm trừu tượng của chúng ta. Giống tiểu thuyết bút ký thời cổ Trung Quốc, bút ký tiểu thuyết đời Đường có ghi chuyện Hoàng Lương Mộng, thời gian trong mộng rất ngắn ngủi, hoàng lương là hạt kê, nấu cháo hạt kê, hạt kê rất dễ nấu, nấu nhanh hơn những gạo khác, cháo còn chưa nấu chín, ông ta ở kề bên ngủ gục và nằm mộng, khi mộng tỉnh dậy thì cháo còn chưa chín, bạn nói thời gian này ngắn không, chỉ là vài phút. Nhưng trong mộng ông ta đã trải qua mấy chục năm, nói lên sự chênh lệch thời gian rất lớn. Ở cõi người chẳng bao lâu, ngày tháng chẳng lâu, còn bà trong địa ngục thì hình như đã trải qua mấy kiếp rồi, cảm thọ của bà rất chân thật, thật là một thời gian dài đằng đằng.

“*Cửu xử ám minh*”, đây là như vừa nói, cảm thọ về thời gian và không gian chẳng tương đồng, trong địa ngục cảm thấy thời gian thật là dài. Giống như người cõi trời nhìn chúng ta vậy, nếu từ trời Đâu Suất nhìn chúng ta, nhân gian chúng ta một trăm năm, sống một trăm năm thật lâu thì ở trời Đâu Suất chỉ là vài giờ. Nếu dùng hai mươi bốn giờ để tính, một phần tư của một ngày là sáu giờ, một trăm năm ở cõi người bằng sáu giờ đồng hồ ở trời Đâu Suất. Người cõi trời Đâu Suất cảm thấy rất nhanh, chỉ trong chốc lát nhưng ở cõi người đã là một trăm năm rồi. Thế nên mấy mươi ngày ở nhân gian thì trong địa ngục đã trải qua mấy đại kiếp rồi. Bà đọa đại địa ngục, chẳng phải địa ngục thường, tạo tội quá sâu nặng.

Lúc còn trẻ tôi chưa học Phật cũng ưa ăn thịt. Nghiệp tôi tạo nặng hơn rất nhiều người, vào thời kháng chiến [chống Nhật] tôi thường đi săn bắn, sau khi đọc kinh Địa Tạng tôi rất sợ hãi, thực sự lo sợ nên bắt đầu ăn chay trường, chẳng dám ăn thịt nữa, tự biết tội mình đã tạo rất nặng. Lúc nhỏ vô tri, cha tôi ưa thích săn bắn nên chúng tôi thường theo ông lên núi săn bắn, mỗi ngày đều đem những con vật bắn được về nhà.

Tôi đã săn bắn ba năm, mười sáu tuổi bắt đầu săn bắn, mười bảy, mười tám, mười chín tuổi. Cho nên tôi bắn súng hầu như là trúng một trăm phần trăm, chẳng cần phải nhắm, tôi có bản lãnh này. Mỗi ngày tôi thiếu là bắn hai mươi viên đạn, lúc chẳng đi săn thì cũng luyện tập bắn súng. Cha tôi là một người lính, lúc đó nhằm thời chiến tranh với Nhật, ông ta quản lý về khí giới, quản lý những súng ống này, thế nên ở nhà tôi có rất nhiều súng. Cơ hội tạo nghiệp, mỗi ngày đều luyện tập, con nít có đứa nào không thích chơi với súng ống? Chúng tôi chơi súng thật. Bắn súng rất chính xác là do mỗi ngày luyện tập nên, bạn không luyện đâu có được, phải luyện chứ. Chuyện gì cũng là một môn thâm nhập, tập luyện trong một thời gian dài, cho nên tài bắn súng của tôi rất giỏi. Nhưng nghiệp tạo cũng rất nặng, lúc đó còn chưa hiểu biết.

Sau này học Phật, đọc kinh Địa Tạng, đọc đến lông tóc dựng đứng. Nhìn thấy cảnh tượng lúc cha tôi chết giống y như kinh đã nói. Lúc cha tôi chết, ông phát bệnh điên cuồng, nhìn thấy núi bèn chạy lên núi, nhìn thấy sông bèn nhảy xuống sông, hoàn toàn giống y như lời nói trong kinh, đây là cảnh tôi đích thân nhìn thấy. Chúng tôi lên núi để săn bắn thú rừng, chúng tôi dùng thuốc nổ màu vàng⁴⁷ để giết cá trong sông, mỗi lần nổ như vậy là cả ngàn, cả vạn con cá đều bị nổ chết trôi lên mặt nước, bạn nói tội nghiệp này nặng bao nhiêu? Săn bắn, săn thú thì còn ít, chứ dùng thuốc nổ để giết cá thì quá nhiều. Chúng tôi thường làm những chuyện này, biết được tội nghiệp này nặng vô cùng. Quả báo của sự sát sanh là đoản mạng, cha tôi mới bốn mươi lăm tuổi thì qua đời.

Sau này tôi học Phật, người ta coi bói cho tôi, nói mạng tôi sống chẳng qua bốn mươi lăm tuổi, tôi rất tin. Thế nên tôi học Phật rất tinh tấn vì mạng sống đã được định tới bốn mươi lăm tuổi thôi. Đến năm bốn mươi lăm tuổi tôi bị bệnh nặng, bệnh hơn một tháng, tôi chẳng đi coi bác sĩ, chẳng uống thuốc vì trong tâm nghĩ rằng mạng sắp hết rồi, bác sĩ có thể chữa bệnh chứ chẳng thể chữa mạng. Bởi vậy nên trong suốt cả tháng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, niệm được một tháng thì bệnh tự nhiên hết. Sau này có một năm nọ, tại pháp hội Nhân Vương ở Đài Loan, tôi gặp Phật Sống⁴⁸ Cam Châu, ông là một người bạn cũ của tôi.

⁴⁷ Đây là chất TNT (Trinitrotoluene, TNT, trinitromethylbenzene)

⁴⁸ Phật sống (Hoạt Phật): Tiếng Tây Tạng là hpbrulsku, người Mông Cổ gọi là Khutuktu hay khutukutu (thường phiên âm là Hô Đồ Khắc Đồ, nghĩa là tự tại chuyển sanh). Chữ hpbrulsku (thường được viết theo cách phát âm là tulku) có nghĩa là hóa thân, chuyển sanh, là một cơ cấu truyền thừa riêng của Phật Giáo Tây tạng, nhằm giữ vững ngôi vị lãnh đạo và thích ứng với tình trạng độc thân của người đứng đầu một

Gặp tôi xong, ông rất hoan hỷ và nói: “Mấy năm nay thầy giảng kinh thuyết pháp công đức rất lớn, thầy vốn chẳng có phước báo mà còn đoán mạng, bây giờ không những thầy có phước báo mà còn sống lâu nữa, đều là nhờ hoàng pháp lợi sanh nên phước báo hiện tiền”.

Tôi chẳng cầu sống lâu, vì hiểu rõ, giác ngộ rồi, chẳng vì mình nữa, hết thầy đều vì Phật pháp, vì chúng sanh nên có được cảm ứng. Đối với bản thân tôi, tôi bất cứ lúc nào cũng muốn ra đi, tôi chẳng lưu luyến gì với thế gian này. Thân thể lưu lại thế gian này là phước của chúng sanh, chúng sanh cần, Phật pháp cần nên lưu lại thêm vài ngày; khi nào chúng sanh không cần nữa, Phật pháp cũng không cần nữa thì tôi sẽ ra đi lập tức, chẳng lưu luyến gì. Đây là tâm trạng và thái độ hiện nay của tôi, tôi rất hoan hỷ sớm một ngày đến Cực Lạc thế giới thân cận A Di Đà Phật. Đây là kể chuyện tạo nghiệp thọ báo, nếu tôi chẳng học Phật thì chắc chắn cũng thọ báo trong địa ngục, chẳng có lời gì để nói, nghiệp duyên của mình ở nơi đó, “*sanh tử nghiệp duyên, quả báo tự thọ*”, việc này làm sao chạy trốn nổi! Mẹ của cô Quang Mục chỉ vì ham ăn, chúng tôi không những ham ăn, còn tạo nghiệp, sát sanh, sát hại quá nhiều. Phía sau là lời [mẹ cô] cảm ơn:

Mông nhữ phước lực phương đắc thọ sanh, vì hạ tiện nhân hựu phục đoản mạng, thọ niên thập tam, cánh lạc ác đạo. Nhữ hữu hà kế linh ngô thoát miễn?

蒙汝福力方得受生。為下賤人又復短命。壽年十三更落惡道。汝有何計令吾脫免。

(Nhờ phước lực của cô nên mới được thọ sanh làm kẻ hạ tiện, lại thêm thọ mạng ngắn ngủi, đến năm mười ba tuổi lại phải đọa vào ác đạo. Cô có phương kế gì khiến tôi được thoát miễn chẳng?)

Đây là lời nói với con bà, nhờ cô tạo tượng, cúng dường, tu phước

dòng tu. Theo đó, một vị lạt-ma cao cấp chết đi, sẽ tái sanh trở lại trong nhân gian hầu tiếp tục tu hành, thống lãnh dòng tu và thực hiện bi nguyện cứu độ chúng sanh. Trước khi chết, người ấy thường để lại di ngôn hay sấm ngữ bí hiểm để các môn đệ đi tìm xem người ấy thác sanh vào chỗ nào, rước về nuôi dạy, đào tạo trở thành người lãnh đạo tông phái. Những vị Tăng trưởng quản một phái tu, một dòng tu, thậm chí một tu viện Tây Tạng thường tự xưng là hóa thân của Phật, Bồ Tát hay Tổ Sư nào đó, chẳng hạn Đại Lai Lạt Ma là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, Ban Thiền Lạt Ma là hóa thân của A Di Đà Phật, trưởng dòng tu Sakyapa là hóa thân của Văn Thù Bồ Tát. Có lẽ vì thế người Tàu gọi họ bằng danh xưng Hoạt Phật.

nên có thể thoát khỏi địa ngục, mới được thân người. Được thân người, làm người hạ tiện, là con của người nô tỳ trong nhà. Và sẽ đoản mạng, chỉ sống đến mười ba tuổi, sau đó lại phải đọa ác đạo. Nói cho cô biết việc này: “*Cô có biện pháp gì để cứu tôi không?*”.

Quang Mục văn thuyết tri mẫu vô nghi, ngạnh yết bi đề nhi bạch tỳ tử: “Ký thị ngã mẫu hiệp tri bốn tội, tác hà hành nghiệp đọa u ác đạo?”

光目聞說知母無疑。哽咽悲啼而白婢子。既是我母合知本罪。作何行業墮於惡道。

(Quang Mục nghe nói biết là mẹ mình chẳng sai, nên nghẹn ngào thương khóc mà nói với con kẻ tỳ nữ rằng: “*Đã là mẹ tôi, tất biết bốn tội, do làm hạnh nghiệp gì mà phải đọa vào ác đạo như thế?*”.)

Cô Quang Mục nghe đến chuyện này, trong giấc mộng Phật đã nói trước với cô, chuyện này hoàn toàn trở thành sự thật. Biết thực sự là mẹ cô đến đầu thai ở nhân gian. Nghe bà nói những chuyện này, thọ mạng chỉ có mười ba tuổi, cảm thấy bà rất đáng thương. Nên hỏi bà: “*Bà là mẹ trở lại đây, mẹ nên biết mình đã tạo tội gì nên mới đọa vào ác đạo*”.

Tỳ tử đáp ngôn: “Dĩ sát hại hủy mạ nhị nghiệp thọ báo. Nhược phi môn phước cứu bạt ngô nạn, dĩ thị nghiệp cố vị hiệp giải thoát”.

婢子答言。以殺害毀罵二業受報。若非蒙福救拔吾難。以是業故未合解脫。

(Con kẻ tỳ nữ đáp: “*Do hai nghiệp là sát hại và hủy mạ mà phải thọ báo. Nếu không nhờ phước đức của cô cứu cho, cứ theo những nghiệp đó thì tôi vẫn chưa được giải thoát*”.)

[Con người tỳ nữ] nói rõ với cô, lúc còn sống sát sanh hại mạng, thích ăn thịt, đặc biệt ưa ăn đồ biển, đã nói phía trước. Sát sanh, hại mạng quá nhiều rồi, những oan nghiệp này còn chưa đền trả. Đọa địa ngục là tánh tội, trong năm giới do Phật chế định: Sát sanh, trộm cắp, dâm dục, vọng ngữ là tánh tội, chẳng thọ giới mà tạo cũng có tội, chẳng thể nói là không có tội, đây là bốn tội nặng. Bất kể là có Phật pháp hay không, bất kể là có học Phật hay không, hễ bạn phạm thì là tội nghiệp cực nặng. Khi tạo tội này, xem bạn dùng tâm gì để coi nghiệp của bạn tạo sâu rộng bao nhiêu, luận tội chẳng giống nhau. Nghiệp bà tạo là cốt

ý, bừa bãi phóng túng, thì tội này sẽ rất nặng, sát sanh hại mạng. “*Hủy ma*” phần lớn là nói: Đối với người thiện, việc thiện, Phật pháp chẳng tin tưởng, người khác khuyên họ thì không những chẳng thể tiếp nhận mà còn hủy báng, mắng chửi. Nếu chúng ta nói chuyện trong kinh Địa Tạng cho họ nghe, họ lắc đầu không tin và nói đây là chuyện gạt người. Đây chính là báng Phật, báng pháp, tội này càng nặng hơn nữa. Tạo hai tội nghiệp này sẽ thọ khổ báo địa ngục.

“*Nhược phi mông phước, cứu bạt ngô nạn*”, nếu chẳng nhờ người con tu phước cho bà thì bà sẽ chẳng có cách chi giải thoát nỗi, bà sẽ tiếp tục chịu khổ báo của địa ngục. Tội báo ở địa ngục thọ xong còn phải đọa ngã quỷ, súc sanh để hoàn trả. Nợ mạng này vô cùng dễ sợ, những chúng sanh do bạn sát hại đều muốn đền trả, thiếu tiền phải trả tiền, thiếu nợ mạng thì phải đền mạng. Thời quá khứ, đại sư An Sĩ Cao đã phải trả nợ mạng hai lần ở Trung Quốc, trong truyện ký có ghi chép, hai món nợ này là do đời trước Ngài giết lầm, chẳng phải cốt ý giết, ngộ sát cũng phải đền nợ. Hai lần này đều bị người ta ngộ sát, nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai, chúng ta phải giác ngộ. Nếu chẳng thể vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng thoát nỗi lục đạo luân hồi, nói cách khác chúng ta phải biết, hết thấy những oan nghiệp mà mình đã kết với chúng sanh đều phải hoàn trả, như vậy thì làm sao chịu nổi. Đến đời kiếp nào mới trả cho hết, chúng ta không thể không giác ngộ. Bất luận là bạn có học Phật hay không, đây là sự thật, ai cũng không thể tránh khỏi, ai cũng chẳng thể thoát khỏi. Chúng ta hiểu những chân tướng sự thật này, chỉ có một phương pháp duy nhất có thể cứu mình, có thể độ chúng sanh, có thể hóa giải hết thấy oan nghiệp từ vô lượng kiếp đến nay, đó chính là cầu sanh Tịnh Độ. Sau khi sanh về Tịnh Độ, chúng ta có khả năng mỗi ngày trên thì cúng dường chư Phật, dưới thì độ hóa chúng sanh, đem hết thấy công đức tích lũy được hồi hướng cho tất cả oan gia trái chủ từ vô lượng kiếp đến nay, giúp cho họ phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui thì mới giải trừ, hóa giải được hết những oan nghiệp ấy. Ngoài phương pháp này ra tuyệt chẳng tìm ra phương pháp thứ hai nào khác. Cho nên chư Phật Như Lai khuyên dạy chúng ta nên phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tịnh Độ, chính là đạo lý này. Xem tiếp kinh văn:

Quang Mục vấn ngôn: “Địa ngục tội báo kỳ sự vân hà?”

光目問言。地獄罪報其事云何。

(Quang Mục hỏi: “Những tội báo trong địa ngục ra sao?”)

Quang Mục cũng muốn hỏi thăm, trong địa ngục thực sự là như thế nào.

Tỳ tử đáp ngôn: “Tội khổ chỉ sự bất nhẫn xưng thuyết, bách thiên tuế trung tốt bạch nan cánh”.

婢子答言。罪苦之事不忍稱說。百千歲中卒白難竟。

(Con kẻ tỳ nữ đáp: “Những việc tội khổ nói ra càng bất nhẫn, suốt cả trăm ngàn năm cũng khó mà kể hết được”.)

Đương nhiên mẹ cô cũng nói sơ lược cho cô nghe, có thể nói hết không? Nói không hết, quá khổ, khổ đến mức chẳng nhẫn tâm nói ra, một trăm năm, một ngàn năm cũng chẳng nói hết. Đây là việc mẹ cô dọa địa ngục đích thân cảm thọ.

Quang Mục văn dĩ đề lệ hào khắp, nhi bạch không giới.

光目聞已啼淚號泣。而白空界。

(Quang Mục nghe xong rơi lệ gào khóc, bạch cùng hư không rằng:)

Ngước mặt lên hư không phát nguyện:

Nguyện ngã chi mẫu vĩnh thoát địa ngục, tất thập tam tuế cánh vô trọng tội cập lịch ác đạo.

願我之母永脫地獄。畢十三歲更無重罪及歷惡道。

(Nguyện cho thân mẫu con vĩnh viễn thoát khỏi địa ngục, khi mãn mười ba tuổi sẽ không còn trọng tội, cũng chẳng phải trải qua các ác đạo nữa.)

Đây là cô Quang Mục vì mẫu thân phát đại thệ nguyện. Trước hết cầu nguyện cho mẹ cô vĩnh viễn lìa khỏi ác đạo, mẹ cô vốn phải堕 vào ác đạo sau khi sống đến mười ba tuổi, vẫn phải chịu khổ tiếp tục. Cô hướng lên không trung cầu nguyện.

Thập phương chư Phật từ ai mẫu ngã, thỉnh ngã vị mẫu sở phát quảng đại thệ nguyện: “Nhược đắc ngã mẫu vĩnh ly tam đồ cập tứ hạ

tiện, nữ chí nữ nhân chi thân vĩnh kiếp bất thọ giả. Nguyên ngã tự kim nhật hậu, đối Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai tượng tiền, khước hậu bách thiên vạn ức kiếp trung, ứng hữu thế giới sở hữu địa ngục, cập tam ác đạo chư tội khổ chúng sanh, thế nguyện cứu bạt lệnh ly địa ngục ác thú súc sanh ngạ quỷ đàng, như thị tội báo đàng nhân tận thành Phật cánh, ngã nhiên hậu phương thành Chánh Giác”.

十方諸佛慈哀愍我。聽我為母所發廣大誓願。若得我母永離三塗及斯下賤。乃至女人之身永劫不受者。願我自今日後。對清淨蓮華目如來像前。却後百千萬億劫中。應有世界所有地獄。及三惡道諸罪苦眾生。誓願救拔令離地獄惡趣畜生餓鬼等。如是罪報等人盡成佛竟。我然後方成正覺。

(Cúi xin thập phương chư Phật từ bi thương xót lắng nghe con nay vì mẹ mà phát lời thế nguyện rộng lớn rằng: “Như thân mẫu con được vĩnh viễn là khỏi chốn tam đồ và hàng hạ tiện, cho đến cùng kiếp không phải thọ thân người nữ nữa, con xin đối trước tượng của đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai mà phát nguyện kể từ nay cho đến trăm ngàn muôn ức kiếp về sau, hễ nơi nào có thế giới còn các chúng sanh chịu tội khổ nơi địa ngục cùng tam ác đạo, con nguyện cứu vớt và làm cho tất cả đều xa là các nẻo ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, ...Những kẻ mắc tội báo ấy thành Phật cả rồi thì sau đó con mới thành Chánh Giác”.)

Cô Quang Mục là tiền thân của Địa Tạng Bồ Tát, mẹ cô đích thật vĩnh viễn thoát ly ác đạo, tại sao? Nếu mẫu thân chẳng dọa địa ngục chịu khổ như vậy thì làm sao cô phát tâm nổi? Công đức của mẹ cô là từ chỗ này mà ra. Vì bà dọa địa ngục chịu khổ nhiều như vậy, thúc đẩy người con hiếu phát tâm rộng lớn, cô có thể phát hoàng nguyện này, nhân duyên hy hữu này có được là do mẹ cô dọa ác đạo mà ra. Nếu chẳng có việc này thì cô chắc chắn sẽ chẳng phát tâm, cô cũng chẳng sắp bày lễ vật cúng dường, cũng chẳng bỏ của cải để đắp tạo tượng Phật, mẹ cô đã cho cô tăng thượng duyên nghịch này. Cho nên người sống, kẻ mất cả hai cõi đều được lợi ích, lợi ích to lớn, chẳng thể nghĩ bàn. Nói cho chư vị biết nguyện này vừa phát thì mẹ cô vĩnh viễn thoát ly tam ác đạo. Chúng ta phải hiểu đạo lý này và phải ghi nhớ tâm nguyện của cô, nếu chúng ta có thể dùng nguyện của Địa Tạng Bồ Tát đã phát làm bản

nguyện của mình, mình cũng phát nguyện giống vậy thì mình sẽ là hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát, công đức này chẳng thể nghĩ bàn. Không những cha mẹ quyến thuộc quá khứ vĩnh viễn được thoát ác đạo, nhà Phật thường nói: “*Một người con thành Phật, chín đời tổ tiên sanh thiên*”, chín đời tổ tiên về trước đều có thể thoát khỏi ác đạo, sanh lên trời hưởng phước cõi trời, lời này là thật chẳng giả, chúng ta từ đoạn kinh này thấu hiểu được một cách sâu sắc. Cô phát nguyện trước tượng Phật, trăm ngàn vạn ức kiếp từ nay trở về sau, sức mạnh của nguyện lực này chẳng phải nhất thời, chẳng ở trong thời gian ngắn, cũng chẳng ở một nơi, mà là “*ứng hữu thế giới, sở hữu địa ngục, cập tam ác đạo*”, nguyện hạnh này lớn biết mấy? Không gian lớn biết mấy? Thời gian vô tận, không gian tận hư không, trọn cả pháp giới, nơi nào có địa ngục và ba đường ác, hết thảy những chúng sanh chịu khổ nơi ấy, cô phát đại thệ nguyện đều cứu vớt họ. Giúp cho những người này vĩnh viễn “*xa lìa địa ngục ác thú, súc sanh, ngạ quỷ*”, nguyện những người thọ tội này, những người chịu khổ nạn giống mẹ cô, họ đều thành Phật xong rồi cô mới thành Phật, đây chính là “*địa ngục chẳng không, thề chẳng thành Phật*”. Địa Ngục trở thành trống không rồi, thì ngạ quỷ, súc sanh đương nhiên cũng sẽ trống không, đây là đạo lý nhất định.

Phát thệ nguyện dĩ, cụ văn Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, nhi cáo chi viết: “Quang Mục, nhữ đại từ mẫu thiện năng vì mẫu phát như thị đại nguyện.

**發誓願已。具聞清淨蓮華目如來。而告之曰。光目。
汝大慈愍善能為母發如是大願。**

(*Phát thệ nguyện xong liền nghe rõ tiếng của đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai nói: “Quang Mục, cô do lòng đại từ mẫu khéo vì mẹ mà phát đại nguyện như vậy.*)

Đây là lòng Hiếu cảm đến chư Phật. Vừa phát nguyện xong bèn nghe tiếng, chẳng nhìn thấy tướng của Phật, chỉ nghe tiếng của Phật, cảm ứng vô cùng rõ ràng, hiển cảm hiển ứng⁴⁹. Cô phát nguyện trước tượng Phật, đây là cảm, cảm rõ ràng, lập tức được ứng rõ ràng của Phật. Cô nghe tiếng của Phật bảo rằng: “*Quang Mục, lòng đại từ mẫu của*

⁴⁹ “*Hiển cảm hiển ứng*” là ngay trong đời này dốc lòng thành, cạn lòng kính lễ niệm cúng dường thì sẽ được gia bị, gặp điều hung trở thành điều lành, gặp nạn thành may, và nghiệp tiêu, chướng tận, phước tăng, huệ rạng v.v...

cô”. Đây chính là đại từ đại bi phổ độ chúng sanh của Như Lai. “*Thiện năng vi mẫu*”, nguyện tâm, đại từ mẫu tâm này của cô là do nhân duyên mẹ cô đọa ác đạo nên cô mới phát được.

Ngô quán nhữ mẫu thập tam tuế tất xả thử báo dĩ, sanh vi Phạm Chí thọ niên bách tuế.

吾觀汝母十三歲畢捨此報已。生為梵志壽年百歲。

(Ta quán sát thấy mẹ cô lúc mãn mười ba tuổi, khi xả báo thân này rồi thọ sanh làm người Phạm Chí sống lâu trăm tuổi.)

Phật nói với cô: Nghiệp báo của mẹ cô đã chuyển rồi, nguyện vừa phát liền chuyển. Mẹ cô mười ba tuổi chết đi, vẫn được thân người lại rất thù thắng, sanh làm người Phạm Chí, là người tu hành trong đạo Bà La Môn, sống lâu đến một trăm tuổi.

Quá thị báo hậu đương sanh Vô Ưu quốc độ.

過是報後當生無憂國土。

(Sau khi hết báo thân ấy sẽ được sanh về cõi nước Vô Ưu.)

“*Vô Ưu quốc độ*” tức là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong khi bà tu đạo có được nhân duyên thù thắng nghe đến Phật pháp, bà phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Thọ mạng bất khả kế kiếp.

壽命不可計劫。

(Thọ mạng chẳng thể tính đếm nổi.)

Vô lượng thọ giống như đức Phật A Di Đà.

Hậu thành Phật quả.

後成佛果。

(Sau đó sẽ thành Phật.)

Ở Tây Phương Cực Lạc thế giới chắc chắn một đời thành Phật, cho nên pháp môn này gọi là pháp môn thành tựu ngay trong đời này. Sau khi thành Phật:

Quảng độ nhân thiên số như Hằng hà sa”.

廣度人天數如恒河沙。

(Độ rộng khắp nhân thiên số nhiều như cát sông Hằng”.)

Đây là lời đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai nói với Quang Mục: Những thiện báo của mẹ cô sau này. Đây là câu chuyện của cô Quang Mục, Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện khi còn tu nhân. Sau khi Phật nói xong, nói với Định Tự Tại Vương. Xin xem tiếp:

Phật cáo Định Tự Tại Vương: “Nhĩ thời La Hán phước độ Quang Mục giả tức Vô Tận Ý Bồ Tát thị.

佛告定自在王。爾時羅漢福度光目者即無盡意菩薩是

(Phật bảo Định Tự Tại Vương: “Vị La Hán phước lành độ Quang Mục thuở đó chính là Vô Tận Ý Bồ Tát.)

Vị La Hán lúc đó, người dạy Quang Mục độ mẫu thân, chính là Vô Tận Ý Bồ Tát hiện nay, đây là vị Đăng Giác Bồ Tát. Thuở đó là La Hán, La Hán chẳng nhất định là Tứ Quả, chư vị nên biết Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả đều gọi là La Hán, hiện nay là Đăng Giác Bồ Tát.

Quang Mục mẫu giả tức Giải Thoát Bồ Tát thị.

光目母者即解脫菩薩是。

(Mẹ của cô Quang Mục tức là Giải Thoát Bồ Tát.)

Hiện nay cũng là Đăng Giác Bồ Tát.

Quang Mục nữ giả tức Địa Tạng Bồ Tát thị.

光目女者即地藏菩薩是。

(Cô Quang Mục chính là Địa Tạng Bồ Tát.)

Nói rõ bốn tích nhân duyên của cô ra, đây là việc chúng ta nên học tập, xin xem tiếp kinh văn:

Quá khứ cửu viễn kiếp trung như thị từ mãn, phát Hằng hà sa nguyện quảng độ chúng sanh”.

過去久遠劫中如是慈愍。發恒河沙願廣度眾生。

(Trong nhiều kiếp lâu xa ở quá khứ, Bồ Tát đã có lòng từ mãn như

vậy lập thế nguyện nhiều như cát sông Hằng rộng độ chúng sanh”).)

Ở đây đức Phật khuyên và khích lệ chúng ta thêm lần nữa, phải hiểu chân tướng của sự tích này. Nhiều kiếp lâu xa trong quá khứ, Địa Tạng Bồ Tát nhiều đời nhiều kiếp gặp những duyên khổ này, kích phát bi nguyện của Ngài, nhiều đời nhiều kiếp đều phát nguyện. “*Phát Hằng hà sa số nguyện*”, số nguyện phát ra nhiều như vậy cho nên nguyện tâm của Ngài mạnh mẽ, nguyện lực rộng lớn như vậy, đối tượng đều là chúng sanh khổ nạn trong tận hư không, trọn khắp pháp giới. Xin xem tiếp đoạn kinh sau đây:

Vị lai thế trung.

未來世中。

(Trong đời vị lai.)

“*Vị lai thế*” là chỉ đời hiện nay của chúng ta. Theo cách người Tây phương nói, hiện tại chúng ta cách thời đức Phật còn tại thế hơn hai ngàn năm trăm năm, nhưng nếu theo cách tính như trong lịch sử Trung Quốc ghi chép thì là hơn ba ngàn năm. Cho nên “*vị lai thế trung*” tức là chỉ chúng ta hiện nay.

Nhược hữu nam tử nữ nhân.

若有男子女人。

(Nếu có kẻ nam, người nữ.)

“*Nam tử nữ nhân*” chẳng có thêm chữ thiện, nói cách khác tức là kẻ nam, người nữ tạo nghiệp. Phía sau nói:

Bất hành thiện giả, hành ác giả, nãi chí bất tín nhân quả giả, tà dâm vọng ngữ giả, lưỡng thiệt ác khẩu giả, hủy báng Đại Thừa giả, như thị chư nghiệp chúng sanh tất đọa ác thú.

**不行善者。行惡者。乃至不信因果者。邪婬妄語者。
兩舌惡口者。毀謗大乘者。如是諸業眾生必墮惡趣。**

(Không làm lành mà làm ác, cho đến kẻ chẳng tin nhân quả, kẻ tà dâm nói dối, kẻ nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác, kẻ hủy báng Đại Thừa, những chúng sanh có các nghiệp như thế tất phải đọa vào đường ác.)

Đây là nói về đời hiện nay, tạo những nghiệp này trong xã hội ngày nay quá phổ biến, bất cứ lúc nào ở đâu chúng ta cũng đều thấy được. Nếu họ tạo tiếp tục, chẳng biết quay về, nhất định sẽ đọa ác đạo. “*Ác thú*” tức là tam ác đạo. Vả lại, người ta [sống] trên đời này vô cùng ngắn ngủi, trong thời gian ngắn rất dễ tạo ác nghiệp, tạo ác nghiệp cực nặng, chớp mắt liền thấy họ phải thọ khổ báo.

Nhược ngộ thiện tri thức, khuyến lệnh nhất đàn chỉ gian, quy y Địa Tạng Bồ Tát, thị chư chúng sanh tức đắc giải thoát tam ác đạo báo.

若遇善知識。勸令一彈指間。歸依地藏菩薩。是諸眾生即得解脫三惡道報。

(Nếu gặp được thiện tri thức, khuyến bảo khiến trong chùng khảy móng tay liền quy y Địa Tạng Bồ Tát, những chúng sanh đó lập tức được thoát khỏi quả báo của tam ác đạo.)

Có bao nhiêu người gặp được thiện tri thức chân chánh? Có thể nghe theo lời răn dạy của thiện tri thức? Thiện tri thức chân chánh hiểu rõ đạo lý nhân duyên quả báo và chân tướng sự thật của nhân duyên quả báo, lời khuyên cáo của họ chân thành, từ bi, thân thiết, chúng ta nghe xong sẽ cảm động. “*Nhất đàn chỉ gian*” nói về thời gian ngắn, rất ngắn. Bạn có thể “*quy y Địa Tạng Bồ Tát*”, quy là quay về, lúc trước tạo hết thảy tội nghiệp hôm nay quay lại chẳng tạo nữa; y là nương dựa, nương theo lời dạy của Địa Tạng Bồ Tát để tu hành. Lời dạy của Địa Tạng Bồ Tát ở đâu? Tức là bộ kinh này. Kinh này chẳng dài, chẳng khó thọ trì, mỗi ngày chúng ta có thể đọc tụng, giải nghĩa, y giáo phụng hành, như vậy thì gọi là “*quy y Địa Tạng Bồ Tát*”. Chư vị nhất định phải hiểu rõ đạo lý này, trong kinh đức Phật thường dạy chúng ta “*thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói*”, như vậy gọi là quy y. Chứ không phải mỗi ngày đọc kinh này một lần thì xong, như vậy không được. Niệm một lần là tăng trưởng hạt giống thiện trong A Lại Da thức của bạn, nếu hành vi của bạn chẳng sửa đổi, chẳng thể sửa sai đổi mới, chẳng thể quay về thì vẫn phải thọ ác báo. Nhưng ác báo này sẽ nhẹ một chút, thời gian thoát ly ác đạo sẽ nhanh hơn một chút, nhất định sẽ như vậy. Nhưng nếu muốn không đọa ác đạo thì đó là chuyện không thể xảy ra, nếu vậy thì lý luận nhân duyên quả báo sẽ bị lật đổ. Vì thường đọc tụng, [tuy] bạn chẳng làm, [mà] hạt giống kinh Địa Tạng trong A Lại Da thức có nhiều, dễ khởi lên, dễ giác ngộ, có lợi ích như vậy. Khi nào trong ác đạo giác ngộ, quay về

thì bạn lập tức lìa khỏi ác đạo. Nếu trong A Lại Da thức chẳng khắc sâu ấn tượng, khi gặp những khổ báo này họ chẳng giác ngộ, chẳng quay lại thì phải tiếp tục thọ nỗi khổ này mãi mãi.

Nếu bạn đọc tụng và còn có thể giải nghĩa, như vậy phải cần có thiện tri thức. Duyên của thiện tri thức có cạn sâu chẳng đồng. Cạn thì khuyên bạn quy y trong chừng một khoảnh khắc; sâu thì giảng rõ ràng sự thật cho bạn, sau đó khuyên bạn tu hành như thế nào, duyên của thiện tri thức này sẽ rất sâu. Khi bạn hiểu rõ ràng, minh bạch rồi, thực sự quay về, quay về cứu chính mình chứ chẳng phải cứu người khác. Nếu chẳng quay về, chẳng cứu mình thì nhất định sẽ đọa ác đạo. Giống mẹ cô Quang Mục đã nói, cảnh khổ trong địa ngục nói chẳng hết, chẳng nhẫn tâm nói ra. Quả nhiên quay về, y giáo phụng hành, tuân thủ lời dạy của Phật, mỗi ngày thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói, thì người này *“lập tức được thoát khỏi quả báo của tam ác đạo”*, nhất định sẽ chẳng tạo nghiệp tam ác đạo, và cũng chẳng thọ quả báo tam ác đạo. Đây là nguyên nhân gì? Duyên đã chuyển rồi.

Chư vị nên biết Phật pháp giảng về Lý, những hạt giống của nghiệp bạn đã tạo trong quá khứ vĩnh viễn tồn tại, chẳng thể nói hôm nay bạn tu thiện thì việc thiện này có thể đền bù tội lỗi, chẳng thể đền bù được. Thiện có thiện quả, ác có ác báo, vĩnh viễn chẳng thể đền bù. Nhưng tội nghiệp sâu nặng, tội báo này nhất định phải có, ngày nay tôi tạm thời không muốn thọ ác báo này, tôi muốn làm cho quả báo thiện hiện ra trước, như vậy thì được, việc này có thể làm. Đạo lý ở chỗ nào? Ở tại duyên. Từ hôm nay trở đi tôi đoạn dứt hết thấy việc ác, tôi đoạn dứt ác duyên, tuy hạt giống ác nghiệp vẫn còn, nhưng không có duyên thì nó sẽ chẳng hiện ra. Tuy [hạt giống] thiện của tôi ít, tôi gia tăng duyên thiện mạnh thêm, để cho thiện ra hoa trước, kết quả trước. Việc này có thể làm được, việc này hợp lý, thực sự hợp tình, hợp pháp, hợp lý. Thế nên chúng ta từ hôm nay trở đi nhất định phải đoạn dứt tất cả điều ác, tu hết thấy điều thiện. *“Đoạn hết thấy ác”* tức là chấm dứt duyên ác, trước kia tuy đã tạo nhân ác cực nặng, chẳng có duyên ác thì nhân ác chẳng thể kết quả. Thiện tuy rất yếu ớt, làm việc thiện ít, một chút thiện nhỏ cũng được, từ nay trở đi làm cho nó lớn mạnh lên, làm cho thiện duyên tăng trưởng, thiện quả sẽ hiện ra trước, như vậy mới tốt. Sau đây đức Phật dạy chúng ta, dạy chúng ta làm thế nào chuyển biến quả báo, đoạn khai thị này rất quan trọng.

Nhược năng chí tâm quy kính.

若能志心歸敬。

(Nếu có thể chí tâm quy kính.)

Đây là câu thứ nhất, đây là căn bản. “Quy” là quy y, chư vị ghi nhớ nhất định phải y giáo phụng hành thì mới gọi là quy y. Nếu chẳng thể làm đến y giáo phụng hành thì chẳng gọi là quy y, bạn chẳng quay về, quy là quay về. Chân chánh quay về nhất định phải có kính, thành kính. Đại sư Ấn Quang dạy: “Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”. Có người thỉnh giáo Ấn Tổ: “Tu học Phật pháp, nhập Phật môn có bí quyết gì?” Đại sư trả lời: “Có, thành kính là bí quyết vào cửa Phật”. Cho nên mới nói một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích, thành kính có thể cảm động chư Phật gia trì. Chúng ta thấy cô Bà La Môn, cô Quang Mục, coi những câu chuyện này, họ làm sao được gia trì rõ ràng như vậy? Thành kính. Đây là nói tổng quát, phía sau là nói vào chi tiết. Thành kính biểu hiện ở đâu?

Cập chiêm lễ tán thán.

及瞻禮讚歎。

(Và chiêm lễ, tán thán.)

“Tán thán” tức là vì người thuyết pháp, vì người diễn nói. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng bộ kinh này tức là tán thán Địa Tạng Bồ Tát, đức Phật Thích Ca giảng kinh Vô Lượng Thọ tức là tán thán A Di Đà Phật, đây là việc giảng kinh thuyết pháp. Phía sau là những việc lặt vặt nhất, hương hoa y phục, các thứ trân bảo, ẩm thực, đây là phẩm vật cúng dường, đều là biểu diễn cho người ta coi.

Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây, ý nghĩa của đoạn này chưa giảng hết, lần sau chúng ta tiếp tục.

Tập 12 (Số 14-12-12)

Xin mở kinh. Hôm qua nói đến đoạn Thế Tôn bảo Định Tự Tại Vương Bồ Tát, đã nói hết đoạn công án của cô Quang Mục. Tiếp theo đó Phật nói với chúng ta về lợi ích của sự nghe danh cúng dường, thuật lại trong kiếp quá khứ xa xưa Địa Tạng Bồ Tát từ mẫn như vậy, lũy kiếp phát nguyện giúp đỡ hết thấy chúng sanh khổ nạn.

Vị lai thế trung nhược hữu nam tử nữ nhân.

未來世中若有男子女人。

(Trong đời vị lai. Nếu có kẻ nam, người nữ.)

Kẻ nam, người nữ, phía trước chẳng thêm chữ thiện, đây là chỉ phần đông một số người thường.

Bất hành thiện giả, hành ác giả.

不行善者。行惡者。

(Không làm lành mà làm ác.)

Những kẻ nam, người nữ này chẳng làm lành mà làm ác.

Nãi chí bất tín nhân quả giả, tà dâm vọng ngữ giả, lưỡng thiệt ác khẩu giả, hủy báng Đại Thừa giả, như thị chư nghiệp chúng sanh tất đọa ác thú.

乃至不信因果者。邪婬妄語者。兩舌惡口者。毀謗大乘者。如是諸業眾生必墮惡趣。

(Cho đến kẻ chẳng tin nhân quả, kẻ tà dâm nói dối, kẻ nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác, kẻ hủy báng Đại Thừa, những chúng sanh có các nghiệp như thế tất phải đọa vào đường ác.)

Đây là lời dạy rất khẳng định, trong các ác nghiệp, bốn thứ này là tội nghiệp nặng nhất. Chẳng tin nhân quả nên họ mặc sức làm xằng, làm bậy, họ chẳng tin có báo ứng. Trong thế gian này họ hống hách, chẳng chịu dung thứ kẻ khác, họ chẳng biết quả báo sau này chẳng thể tưởng tượng nổi. “Tà dâm, nói dối”, “nói lưỡi hai chiều, nói lời thô ác”. Tà dâm, trong kinh đức Phật giảng về việc này rất nhiều, trong pháp thế gian cũng có nói “Dâm là đầu mối của vạn chuyện ác”, hầu như tất cả tội nghiệp đều phát sanh từ đây. Chúng ta coi xã hội ngày nay tại sao có động loạn to lớn như vậy? Phật nói về bốn nguyên nhân này, chúng ta vừa nhìn liền hiểu ngay. Ngày nay người đời có được mấy người tin nhân duyên quả báo? Bao nhiêu người biết tà dâm, nói dối, nói lưỡi hai chiều, nói lời thô ác là căn nguyên của hết thảy tai họa trong xã hội, ai biết được? Đặc biệt là Phật pháp Đại Thừa, đối với Phật pháp Đại Thừa, đừng nói chi Đại Thừa, [chỉ nói đến] Tiểu Thừa thôi, những Phật pháp thông thường [có người] cũng chẳng hiểu biết rõ ràng, bèn nói đó là mê

tín, nói vậy tức là hủy báng [Phật pháp]. Gán vào hai chữ mê tín liền làm cho rất nhiều chúng sanh đoạn tuyệt cơ duyên nghe pháp, hưởng chỉ là những chuyện quá đáng hơn nữa! Người tạo những tội nghiệp này rất nhiều, quả báo còn chưa hiện thì hoa báo đã hiện ra, hoa báo tức là xã hội động loạn ngày nay, tai nạn dồn dập, thiên tai nhân họa, khổ chẳng nói nổi. Tạo tội nặng cùng cực này, ở đây đức Phật nói “*nhất định đoạn ác thú*”, ác thú là địa ngục, địa ngục A Tỳ, khổ chẳng gián đoạn, khổ cùng cực. Phía sau nói rõ:

Nhược ngộ thiện tri thức.

若遇善知識。

(Nếu gặp được thiện tri thức khuyên bảo.)

Chữ “*thiện tri*” chỉ rõ tri chẳng phải là cảm tình, tri là lý tánh, thực sự có trí huệ, thực sự thông đạt hết thảy đạo lý, vạn sự vạn pháp trong vũ trụ, nhận thức hiện tượng và tác dụng rõ ràng, như vậy thì gọi là thiện tri thức. Gặp thiện tri thức giảng giải cho bạn, sau khi nghe xong bạn hiểu rõ, giác ngộ.

Khuyến lệnh nhất đàn chỉ gian.

勸令一彈指間。

(Khiến trong chừng khảy móng tay.)

Một “*khảy móng tay*” hình dung thời gian rất ngắn.

Quy y Địa Tạng Bồ Tát.

歸依地藏菩薩。

(Quy y Địa Tạng Bồ Tát.)

Hai chữ “*Quy y*” quan trọng vô cùng, chẳng phải là quy y trên hình thức, quy y trên hình thức chẳng có lợi ích gì, chỉ có hình thức nhưng chẳng thành tâm thì đâu có ích gì! Tại sao có hình thức mà chẳng có thành ý, chẳng phát tâm nổi? Vì chẳng thấu triệt, hiểu rõ Sự Lý. Đương nhiên đây là vấn đề của thiện tri thức, tri thức vẫn chưa đủ, phải là thiện tri thức, phải giảng rõ ràng, giải thích cặn kẽ về sự tướng, công đức lợi ích chân thật của sự Quy Y. Quy là quay về, Y là nương dựa, nương dựa ai? Nương dựa Địa Tạng Bồ Tát. Địa là ai? Là tánh, “*Tâm*

Tánh”. Địa là gì? Vô tận trí huệ, công đức, đức tướng trong tự tánh, đó là Địa Tạng. Nếu bạn nhìn thấy hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát, bạn cứ cho là bạn quy y hình tượng ấy, đó là như trong nhà Phật thường nói: “*Bồ Tát bằng đất qua sông còn khó bảo toàn thân mình*”. Đó là hình tượng, giúp cho bạn khi nhìn thấy hình tượng này có thể khai phát, biết được đó là Kho Báu Tâm Địa, chúng ta phải nương dựa vào cái này, nương dựa tánh đức, như vậy thì bạn mới quy y chân chánh. Kho Báu Tâm Địa trong tâm tánh đầy đủ viên mãn công đức, chúng ta chẳng biết, nó ở đâu? Ở trong bộ Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên kinh này, Thế Tôn khai hiển kho báu tự tánh cho chúng ta, chúng ta mới có được nơi nương dựa chân chánh. Quy y Địa Tạng Bồ Tát tức là tu học y theo lý luận, phương pháp, cảnh giới ghi trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên, như vậy mới gọi là quy y. Lúc trước quan niệm, ngôn ngữ, hành vi của chúng ta trái nghịch với những lời dạy trong kinh này thì chúng ta hãy mau quay đầu lại, noi theo lời dạy của kinh điển mà sửa đổi trở lại chính là Y, từ chỗ sai lầm quay trở lại tức là Quy, y theo kinh điển sửa đổi từng việc sai lầm trở lại thì gọi là Y. Quy y tức là tu hành chân chánh. Có thể làm được như vậy, đức Phật nói:

Thị chư chúng sanh tức đắc giải thoát tam ác đạo báo.

是諸眾生即得解脫三惡道報。

(Những chúng sanh đó lập tức được thoát khỏi quả báo của tam ác đạo.)

Tại sao vậy? Những chúng sanh này đã tạo vô lượng vô biên tội nghiệp trong quá khứ, tại sao hiện nay họ được lìa khỏi khổ báo của tam ác đạo? Cách nói này có mâu thuẫn nhân quả hay không? Tạo ác tại sao không thọ ác báo? Nhất định chẳng mâu thuẫn nhân quả. Tại sao họ chẳng thọ ác báo? Vì hôm nay họ đã đoạn dứt ác duyên. Chư vị phải biết, nhân muốn kết thành quả thì trong ấy phải có duyên; nếu chẳng có duyên, tuy có nhân thì quả báo cũng chẳng thể hiện ra. Thí dụ hạt dưa là hạt giống, tương lai có thể kết thành dưa, nhưng nó cần phải có duyên, nó cần đất đai, phân bón, ánh sáng và nước, có điều kiện đầy đủ thì hạt giống mới nảy mầm, trưởng thành, tương lai ra hoa kết trái. Nếu đoạn dứt duyên của hạt giống này, bỏ hạt giống vô tách trà, để cả năm thì nó cũng chẳng kết trái nổi. Đây tức là nói những tội nghiệp A Tỳ địa ngục mà bạn đã tạo trong quá khứ nhất định phải đi đến A Tỳ địa ngục để thọ báo.

Hôm nay Phật, Bồ Tát dạy bạn đoạn dứt những ác duyên này, tuy bạn có nghiệp nhân này nhưng hiện nay có thể không thọ quả báo, nói như vậy rất hợp đạo lý, là đoạn dứt duyên. Từ nay trở về sau tin sâu nhân quả, chẳng dâm dục, chẳng nói dối, chẳng nói lười dối chiêu, chẳng nói lời hung ác, tán thán Đại Thừa thì duyên lập tức sẽ lật ngược lại. Tội trong đời quá khứ còn không? Vẫn còn, hạt giống vẫn còn trong A Lại Da thức, cũng như bỏ hạt giống đó vào tách trà, hạt giống sẽ chẳng tiêu mất. Chư vị nên biết những hạt giống thiện ác này vĩnh viễn chẳng tiêu diệt, khi nào gặp duyên thì nó sẽ khởi dậy, nếu không gặp duyên thì vĩnh viễn sẽ nằm trong A Lại Da thức, A Lại Da thức là một cái kho, cất chứa ở trong đó. Bạn có hạt giống địa ngục A Tỳ, tương lai bạn có thể đến địa ngục A Tỳ độ chúng sanh, nếu A Lại Da thức của bạn chẳng có hạt giống địa ngục A Tỳ thì địa ngục bạn chẳng có phần, bạn sẽ chẳng nhìn thấy địa ngục. Thế nên tất cả những nghiệp nhân đã tạo trong quá khứ khi thành Phật thì đều khởi tác dụng, phổ độ hết thấy thiện ác chúng sanh trong chín pháp giới. Vì lúc đó bạn sẽ hiểu rõ, chẳng mê hoặc nữa. Đọa địa ngục là đọa như thế nào? Là độ chúng sanh. Nói thật ra trong địa ngục sẽ chẳng thọ khổ, chỉ là thị hiện. Thế nên nếu bạn chẳng có duyên nga quỷ thì làm sao độ nga quỷ được? Bạn chẳng có duyên súc sanh thì không thể độ súc sanh. Chúng ta thấy chư Phật, Bồ Tát hiện thân trong ba đường ác, là vì họ đã tạo nghiệp của ba đường ác lúc họ còn tu nhân trước kia, đến lúc đó có thể lấy nghiệp của ba đường ác đem ra dùng. Họ dùng chứ chẳng thọ báo, để độ chúng sanh. Thế nên chúng ta đối với hết thấy tội nghiệp đã tạo trước kia cũng không cần phải hối hận, biết được sau khi thành Phật sẽ dùng nó. Nếu không thành Phật thì khỏi nói nữa, nếu hiện nay bạn còn tạo thêm ác duyên thì chắc chắn sẽ vào tam ác đạo thọ khổ báo. Cho nên sau khi giác ngộ thì có tác dụng của giác ngộ, tức là vào tam ác đạo để giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, đây là việc chúng ta nhất định phải hiểu. Xem tiếp đoạn sau đây:

Nhược năng chí tâm quy kính.

若能志心歸敬。

(Nếu có thể chí tâm quy kính.)

“Quy” là quy y, “kính” là tôn kính. Trong đoạn văn này chữ quan trọng là “chí tâm”, chí tâm là tâm chân thành, chẳng có một tơ hào hư vọng. Tâm chân thành y giáo phụng hành, những gì Phật dạy chúng ta, chúng ta phải ghi nhớ kỹ càng, phải làm theo mỗi ngày, “thọ trì đọc

tụng, vì người diễn nói”, đây tức là chí tâm quy y, đây tức là phải y giáo phụng hành. Thọ là gì? Đạo lý Phật dạy trong kinh điển chúng ta đều tiếp nhận, chẳng hoài nghi; phương pháp tu hành do đức Phật dạy chúng ta, chúng ta đều tiếp nhận, hoàn toàn làm theo. Cảnh giới nói trong kinh chúng ta khế nhập. Khế nhập tức là “*chứng được*”, như vậy mới gọi là “*chí tâm quy kính*”. Sau đây nêu lên vài sự tướng, nói thật ra trong đời sống hằng ngày những phương diện tu học rất rộng, rất sâu. Dưới đây nêu ra vài việc. Thứ nhất:

Cập chiêm lễ tán thán.

及瞻禮讚歎。

(Và chiêm lễ, tán thán.)

Đây hoàn toàn là vì người diễn nói. Cúng dường hình tượng của Phật, Bồ Tát, mỗi ngày phải cúng dường, lễ bái đúng như pháp. Xưng danh tức là tán thán, đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên là tán thán Địa Tạng Bồ Tát, xưng niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát cũng là tán thán Địa Tạng Bồ Tát. Giống như hiện nay Niệm Phật Đường ở lầu bốn của Cư Sĩ Lâm, trước khi giảng kinh các bạn đều đi niệm Phật, niệm Phật tức là “*chiêm lễ, tán thán*”. Làm cho ai coi? Cho hết thấy chúng sanh coi. Trong hết thấy chúng sanh, con người chỉ là số ít, người ta đến lầu bốn Cư Sĩ Lâm nhìn thấy các bạn nên sanh tâm hoan hỷ, trông thiện căn trong A Lại Da thức, trông hạt giống của Phật, một phen lọt vào tai vĩnh viễn thành hạt giống đạo, do vậy các bạn đã độ họ. Càng thù thắng hơn là thiên long quỷ thần, bạn nên biết bao nhiêu thần hộ pháp ở đạo tràng này, chư thiên quỷ thần đều ở đó. Các bạn niệm Phật, giảng kinh, mắt thịt chúng ta không nhìn thấy, bốn phía đều có vô số thần hộ pháp, không những chỉ là bốn phía, còn phía trên phía dưới, trên không, dưới đất đều có thần hộ pháp. Nếu tâm bạn thật thanh tịnh thì bạn có thể cảm nhận được, bạn sẽ cảm nhận được họ đang ở đó, và lại số lượng chẳng thể nghĩ bàn. Tại sao những thần hộ pháp này đến? Trong lúc tu nhân họ đã phát nguyện chỉ cần là đạo tràng chánh pháp thì họ nhất định sẽ đến ủng hộ, nếu họ không ủng hộ thì sẽ phản nghịch với lời thề của họ, vậy thì làm sao chẳng có lỗi với chư Phật Như Lai? Họ đã phát nguyện trước mặt Phật. Chúng ta ngày nay hoàn toàn hoằng dương chánh pháp, trong chánh pháp tuyệt đối chẳng có một tơ hào ý niệm tự tư, tự lợi trong ấy, nếu có xen vào một ý niệm này thì thần hộ pháp có thể không đến, thì Phật, Bồ Tát không thể trách họ được. Phật, Bồ Tát hỏi: “Tại sao quý vị

không hộ pháp?”, họ có thể nói: “Người nào đó có tâm riêng tư”. Họ có thể không đến, Phật, Bồ Tát chẳng thể trách họ. Nếu những người tu học trong đạo tràng này đều chẳng có tâm riêng tư, người giảng kinh chẳng có tâm riêng tư, mà thân hộ pháp không đến thì họ có lỗi. Chúng ta phải hiểu những Sự, Lý này, chúng ta phải chân thành, chí tâm, quy kính chiêm lễ, phải lễ bái, phải tán thán.

Hương hoa y phục.

香華衣服。

(Hương hoa y phục.)

Đây là những vật dụng cúng dường, nhất định phải đốt hương. Hương tượng trưng rất nhiều ý nghĩa, phía trước có nói hương tiêu biểu Tín, Giới, Định, Ngũ Phần Pháp Thân Hương, tiêu biểu cho những ý nghĩa này. Hoa tiêu biểu cho nhân hạnh, thế nên nhất định phải cúng hoa. Cúng hoa là để nhắc nhở đại chúng trong đạo tràng phải tu nhân, nhân thù thắng thì tương lai quả báo chắc chắn sẽ thù thắng, cho nên phải cúng hoa tươi tốt. Thời xưa chẳng có hoa giả, đều cúng hoa tươi, phải thay mỗi ngày. Chư vị nên biết hoa là tiêu biểu pháp. Thời xưa nếu không có hoa tươi thì làm sao? Người xưa cũng có phương pháp, họ dùng “*bảo hoa*”, họ lấy vàng bạc, lưu ly làm thành hoa, những hoa này thì chẳng cần thay đổi. Thời xưa dùng những vật cúng dường này, dùng hoa quả làm bằng vàng bạc thất bảo, dùng những thứ này để cúng Phật, dùng bảo vật để tiêu biểu cho ý tôn kính của mình. Nếu chúng ta không có khả năng, hiện nay công việc làm ăn lại bận rộn, mỗi ngày phải mua hoa cũng rất phiền phức. Phật rất thông hiểu nhân tình, chẳng muốn bạn phải bị phiền toái, nếu có những hoa giả thật tốt cũng có thể dùng để cúng dường, tuyệt đối chẳng phải là chẳng kính trọng Phật. Kính hay không kính là ở trong tâm của bạn, nếu tâm bạn “*chí tâm quy kính*” thì cúng cái gì cũng có thể biểu đạt được ý kính của bạn; nếu tâm bạn chẳng kính thì dù bạn cúng hoa bằng bảy báu cũng chẳng ăn nhằm gì, cũng là chẳng kính. Đây là một thứ hình tượng, tượng trưng cho tâm ý của mình, và cũng chứa đựng ý nghĩa “*tự hành hóa tha*”. Nói chung thì phải cúng hương, cúng hoa.

“*Y phục*”, cúng y. Y là gì? Chẳng phải là áo chúng ta may mặc hiện nay, chẳng phải là loại áo này. Bạn phải nghĩ Phật pháp từ Ấn Độ truyền đến ba ngàn năm trước, ba ngàn năm trước họ mặc Y gì? Cái gì gọi là Y? Y tức là cả khúc vải. Ở Tân Gia Ba rất thuận tiện, chúng ta

thường thấy người Ấn Độ đi ngoài đường, người Ấn Độ mặc y phục là dùng nguyên miếng vải quấn trên người, chữ Y ở đây là chỉ miếng vải này; chẳng phải là cái áo có cổ áo, có tay áo như áo của chúng ta, Y như vậy chẳng đẹp. Y là cả miếng vải, ngày nay chúng ta đắp ca-sa chính là Y này. Người thế gian có phước báo, áo của họ mặc là cả miếng vải như vậy.

Tăng đoàn của Phật năm xưa có chế độ khát thực, mỗi ngày ăn một bữa, đi ra ngoài đường trì bình, rất dễ xin được một bữa ăn, còn một manh áo thì vô cùng khó khăn, chẳng dễ xin được. Ngày xưa đều là dùng tay dệt vải, rất tốn công, có được một cái áo chẳng dễ. Nói thật ra xin được một bát cơm cũng chẳng dễ, có khi phải đi xin nhiều nhà mới được một bát, chỗ này cho bạn một chút, chỗ kia cho bạn một chút, phải đi xin sáu, bảy nhà mới được một bát. Thời xưa vật dụng, tài nguyên chẳng phong phú như ngày nay, đời sống rất gian khổ, cho nên cái áo người xuất gia mặc này phải tìm ở đâu? Áo cũ của người ta mặc xong, bỏ đi không dùng nữa, gọi là “*phấn tảo y*”, liệng bỏ, rách chẳng dùng nữa được. Người xuất gia lược những áo này, kiểm những chỗ vải còn chưa rách, cắt ra những mảnh vải này xong rồi may lại thành chiếc Y. Vì lược những miếng vải như vậy, chất liệu, màu sắc đều chẳng giống nhau, may thành áo rất khó coi cho nên phải nhuộm màu, ý nghĩa của Y nhuộm màu là như vậy. Ngày nay cúng Y của chúng ta là cúng ca-sa, cúng cái Y này. Y này tiêu biểu cho cái gì? Tiêu biểu cho nhẫn nhục. Y là dùng để che thân thể, che dấu thẹn thùng, tiêu biểu nhẫn nhục. Đây là nói về “*y phục*”.

Chủng chủng trân bảo.

種種珍寶。

(Các thứ trân bảo.)

Đây là nói về sự cúng dường Phật, Bồ Tát, dùng trân bảo để cúng dường. Hình tướng, chủng loại của trân bảo rất nhiều, hết thấy đều để biểu lộ lòng thành kính của mình. Trân bảo cũng tiêu biểu pháp, đây là vật người thế gian ưa thích, coi trọng, ai có trân bảo thì đời sống của người ấy được bảo đảm. Trân bảo tiêu biểu “*pháp bảo*”, Tam Bảo là Phật, Pháp, Tăng, cúng dường trân bảo là tiêu biểu cho ý nghĩa này. Làm cho người ta nhìn thấy trân bảo liền liên tưởng đến Tam Bảo. Trân bảo thế gian chỉ có thể giải quyết sự khổ, bản cùng của chúng ta, chẳng thể giúp chúng ta thoát ra cái khổ trong lục đạo, tam giới, chẳng có cách chi.

Phật, Pháp, Tăng có thể giúp chúng ta thoát ly lục đạo, thoát ly biển khổ luân hồi, đó mới là trân bảo thật, trân bảo trong thế gian tuyệt chẳng thể sánh bằng. Ý nghĩa của sự cúng dường trân bảo là ở chỗ này.

Hoặc phục ẩm thực.

或復飲食。

(Hoặc cúng đồ ăn, thức uống.)

Ẩm thực là vật liệu để nuôi sống người trong thế gian, nếu chẳng có ẩm thực thì chẳng sống được. Người xuất gia cũng chẳng ngoại lệ, cũng phải mỗi ngày ăn một bữa, phải đi trì bát. Ý nghĩa quan trọng trong việc cúng dường đồ ăn thức uống là để chúng ta từ việc này, nghĩ đến người tu đạo thì phải biết “*tứ sự cúng dường*” để cho họ an tâm tu đạo. Người tu đạo chẳng có dục vọng gì cả, họ có thể sống đời sống rất đơn giản, họ có đạo tâm, thực sự làm tâm gương tốt nhất cho người đời. Giúp người thế gian đoạn dứt tham-sân-si-mạn; bốn thứ phiền não này làm cho người thế gian tạo nên vô lượng vô biên tội nghiệp, chúng ta làm sao khuyên họ? Phải hiện thân thuyết pháp, bạn phải làm ra hình dáng tốt. Nếu bạn chỉ nói, chỉ khuyên họ, tự mình chẳng chịu làm, người ta nhìn thấy [sẽ nói] “Đó là giả, bạn xem bản thân họ chẳng chịu làm, họ dạy mình xả bỏ của cải, còn của cải của họ càng ngày càng nhiều”, như vậy thì người ta làm sao tin tưởng được? Không những không tin tưởng, họ sẽ báng pháp, sẽ tạo tội nghiệp. Thế nên nhất định phải hiểu rõ, nhất định phải làm hết lòng. Người tu đạo tiếp nhận cúng dường gồm có bốn thứ: Đồ ăn thức uống, quần áo, vật dụng để nằm nghỉ, thuốc men, gọi là tứ sự cúng dường. Đây là một người sinh sống trong thế gian này, đời sống giảm đến mức thấp nhất, bốn thứ này không thể thiếu. Có đủ bốn thứ cúng dường này thì có thể yên tâm, yên tâm làm việc đạo. Yên tâm một ngày thì làm việc đạo một ngày, đừng nghĩ về ngày mai, ngày mai còn chưa đến. Nếu nghĩ về ngày mai, nghĩ tới năm sau thì là vọng tưởng. Nếu tâm chúng ta thực sự ở tại đạo, nếu ngày mai có thiếu thốn chúng ta tin tưởng sâu xa chư Phật, Bồ Tát sẽ đến cúng dường. Người ta không đến cúng dường thì chư Phật, Bồ Tát sẽ đến cúng dường. Bạn tin không? Có sự thật xảy ra như vậy.

Tôi tin rất nhiều đồng tu đã coi cuốn “*Hư Vân lão hòa thượng niên phổ*”, trong ấy ghi lại chuyện thật, chẳng giả. Lão hòa thượng phát tâm đi triều bái Ngũ Đài Sơn, đi ba bước lạy một lạy, đoạn đường rất dài, lạy ba năm mới xong. Thời gian ba năm dài như vậy, trải qua ba

mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, đâu có lý nào không sanh bệnh nổi! Sanh bệnh dọc đường, giữa núi rừng hoang vắng, chẳng có dấu chân người, Ngài đi theo những con đường hoang vắng này. Rất ít người đi trên những đường này, Ngài mắc bệnh rồi làm sao? Ai đến cứu Ngài? Ai giúp Ngài? Văn Thù Bồ Tát giúp Ngài. Lúc Ngài đến núi Ngũ Đài, Văn Thù Bồ Tát giúp Ngài rất nhiều lần, chăm sóc cho Ngài. Lần lâu nhất là khoảng một tuần bảy ngày, vì thân thể Ngài lúc đó rất suy nhược, [Văn Thù Bồ Tát] nấu canh gừng, nấu cháo cho Ngài, tìm thuốc cho Ngài. Văn Thù Bồ Tát hóa thân làm người ăn xin, cả mấy lần gặp khó khăn, tai nạn đều gặp người này, rất là kỳ lạ. Lão hòa thượng vô cùng cảm kích nên mới hỏi người ấy. Văn Thù Bồ Tát bèn nói với lão hòa thượng ông ta tên là Văn Cát, họ Văn, tên là Cát, chữ Cát trong chữ Cát Tường. Ông ấy nói: “Nhà tôi ở dưới núi Ngũ Đài, lúc ông đến núi Ngũ Đài hỏi, họ đều biết tôi”. Đây là Phật, Bồ Tát đến cúng dường. Lúc lão hòa thượng đến núi Ngũ Đài, lễ bái Văn Thù Bồ Tát xong rồi hỏi thăm về Văn Cát, kết quả là người ta nói cho Ngài biết đó chính là Văn Thù Bồ Tát hóa thân, Ngài mới bỗng nhiên hiểu rõ. Nếu bạn thực sự có đạo tâm, chí tâm quý kính, đâu có lý nào Phật, Bồ Tát không chăm sóc cho được. Nếu bạn chẳng có đạo tâm thì đương nhiên Phật, Bồ Tát sẽ chẳng lo cho bạn, thần hộ pháp cũng chẳng lo cho bạn. Thực sự có đạo tâm thì Phật, Bồ Tát, thần hộ pháp thường thường đi theo ở hai bên, chẳng xa lìa. Đến lúc bạn thực sự gặp nạn, chẳng có người giúp đỡ thì quý Ngài sẽ đến, họ sẽ hóa thân đến. Tại sao chẳng có người đến giúp lão hòa thượng? Người chẳng có phước lớn như vậy. Cúng dường người tu hành, chăm sóc cho người tu hành phước đức vô lượng vô biên, phải có phước đức to lớn mới gặp được cơ hội này, mới trồng được phước điền này, nếu chẳng có phước báo thì gặp được cũng bỏ lỡ. Nếu chúng ta chẳng thâm nhập kinh tạng thì làm sao hiểu được những đạo lý này! Đây là chỉ nêu lên vài sự tích, mỗi sự tích này đều có nghĩa thú tiêu biểu pháp rất sâu rộng, từ đó chúng ta mới hiểu được phải làm như thế nào.

Như thị phụng sự giả, vị lai bách thiên vạn ức kiếp trung, thường tại chư thiên thọ thắng diệu lạc.

如是奉事者。未來百千萬億劫中。常在諸天受勝妙樂
(Cúng phụng như vậy thì trong trăm ngàn muôn ức kiếp về sau thường được ở cõi Trời, hưởng thụ sự vui thù thắng vi diệu.)

Chúng ta có thể trong đời sống sinh hoạt thường ngày, tu học như

vậy, biểu diễn cho người ta coi. “*Như thị*” cúng dường Phật, cúng dường Bồ Tát, rồi quay lại cúng dường hết thầy chúng sanh, có thể làm cho hết thầy chúng sanh tâm hoan hỷ, làm cho hết thầy chúng sanh quay về, giác ngộ, họ đạt được phước báo lớn như vậy. Việc này không những là phước báo, nói cho chư vị biết đây đã trở thành công đức, từ phước đức biến thành công đức. Niệm niệm của họ đều vì lợi ích chúng sanh, chẳng phải lợi ích cho mình, niệm niệm đều vì chúng sanh do đó trở thành công đức. Quả báo của họ thường ở cõi trời, trời Dục Giới, Sắc Giới. “*Thọ thắng diệu lạc*” là hưởng phước cõi trời.

Nhược thiên phước tận hạ sanh nhân gian, do bách thiên kiếp thường vi đế vương.

若天福盡下生人間。猶百千劫常為帝王。

(Nếu phước trời hết, sanh xuống nhân gian thì vẫn còn trăm ngàn kiếp thường làm đế vương.)

Hưởng phước báo nhân gian, phước trời đã hết nhưng họ vẫn còn phước dư lại, sanh đến cõi người làm vua chúa, đây là nói người có phước lớn nhất ở nhân gian. Câu sau này quan trọng:

Năng ức túc mạng nhân quả bổn mạt.

能憶宿命因果本末。

(Lại nhớ được túc mạng cùng cội ngành nhân quả.)

Câu này vô cùng quan trọng! Nếu chẳng có câu này thì một khi hưởng phước sẽ lại mê muội. Một khi mê muội thì hưởng phước báo chẳng khi nào không tạo nghiệp, lúc tạo tội nghiệp thì quả báo lại chẳng thể suy tưởng nổi. Họ có thể biết được túc mạng, biết quả báo là từ chỗ này mà có, biết lúc trước tu thiện nhân gì cho nên họ hưởng phước vẫn tiếp tục tu phước, phước báo của họ sẽ hưởng chẳng hết. Truy tìm căn nguyên của họ chính là công đức chí tâm quy kính Địa Tạng Bồ Tát. Nói Địa Tạng Bồ Tát nhất định phải hiểu đức năng vốn sẵn có trong tâm địa, như vậy mới là chân chánh quy y Địa Tạng Bồ Tát. Hết thầy chư Phật Như Lai đều chí tâm quy kính Địa Tạng Bồ Tát nên mới tu hành thành công, chứng Vô Thượng Bồ Đề. Nếu chẳng y theo pháp môn Địa Tạng thì nhất định sẽ chẳng thành Phật nổi. Không những không thành Phật được, nói thật ra thành A La Hán cũng chẳng nổi, đây là sự thật, chẳng phải giả. Hết thầy pháp thế gian, xuất thế gian đều xây dựng noi theo

tâm địa pháp môn. Có thể thuận theo tánh đức, thành tựu hết thấy thiện quả, nếu trái nghịch tánh đức thì sẽ biến thành lục đạo tam đồ, biến thành cảnh giới ác. Thế nên cảnh giới thiện ác gì cũng do tự tánh biến hiện thành, chỉ dựa trên một niệm này của chúng ta là thuận tánh đức hay nghịch tánh đức, quả báo cảnh giới hiện ra chẳng tương đồng. Họ còn có thể nhớ được “*túc mạng nhân quả bốn mặt*”, đây là oai thần của Bồ Tát gia trì, đây là cảm ứng đạo giao. Chúng sanh có cảm, Phật liền có ứng, nhất định phải dùng tâm chân thành, thanh tịnh mới có thể cảm. Tại sao phần đông người ta chẳng có cảm ứng cùng Phật, Bồ Tát? Vì tâm chẳng thành, tâm chẳng thanh tịnh, thì làm sao có cảm ứng cho được! Nếu tâm có sự suy tưởng tà vạy, giống như tạo thập ác nghiệp nói ở phía trước, những gì bạn cảm được đều là các ác quỷ ác thần, đều tạo ác hết. Tạo ác tương cảm cùng người tạo ác, tu thiện tương cảm cùng người tu thiện, đây là đạo lý nhất định. Trong kinh Dịch, Khổng Phu Tử có nói: *Những vật cùng loại tụ họp với nhau, người chia ra thành đoàn*”⁵⁰. Người thiện đều ưa thích ở gần người thiện, người ác nhất định đi cùng đường với người ác. Nếu tâm chúng ta thiện thì sẽ ở gần với Phật, Bồ Tát, thiện thân; nếu tâm ác thì sẽ ở gần ác quỷ, ác thần, đây là nguyên lý cảm ứng đạo giao. Xem tiếp kinh văn:

Định Tự Tại Vương.

定自在王。

(Định Tự Tại Vương.)

Đây là lời Thế Tôn gọi tên vị Bồ Tát [đương cơ].

Như thị Địa Tạng Bồ Tát, hữu như thử bất khả tư nghị đại oai thần lực quảng lợi chúng sanh, như đẳng chư Bồ Tát đương ký thị kinh, quảng tuyên lưu bố.

**如是地藏菩薩。有如此不可思議大威神力廣利眾生。
汝等諸菩薩當記是經廣宣流布。**

(Bồ Tát Địa Tạng có đại oai thần lực chẳng thể nghĩ bàn, làm lợi ích rộng lớn cho chúng sanh như thế. Những bậc Bồ Tát quý vị phải ghi nhớ kinh này và tuyên truyền lưu bố rộng ra.)

Đức Phật ở nơi đó dùng cơ hội giáo dục. Hôm nay, những Bồ Tát

⁵⁰ Vật dĩ loại tụ, nhân dĩ quần phân.

tham dự hội này quá nhiều, đức Phật Thích Ca muốn sau khi Ngài viên tịch, giao phó sứ mạng giáo hóa chúng sanh cho Địa Tạng Bồ Tát, đồng thời cũng yêu cầu những đại Bồ Tát này cùng chung trợ giúp. Mời Địa Tạng Bồ Tát dẫn đầu, hết thảy chư Bồ Tát phải giúp đỡ Ngài, nên làm cho Ngài hiểu rõ sự việc này. Công việc này là việc làm lợi ích rộng lớn cho chúng sanh, hết thảy chư Phật, Bồ Tát đều có nguyện vọng này, nên bất cứ người nào dẫn đầu đều được cả. Ngài dẫn đầu, chúng ta ở kế bên trợ giúp, dốc toàn tâm toàn lực để ủng hộ, công đức hoàn toàn là bình đẳng. Chỉ là duyên của mỗi cá nhân chẳng giống nhau, trừ duyên ra thì hết thảy đều bình đẳng.

Khi hiểu thấu lý này rồi thì bạn mới vui vẻ tu tập “*Tùy hỷ công đức*”. Và lại nói cho chư vị biết, công đức tùy hỷ đều viên mãn. [Thí dụ] Công đức của một người làm việc suốt mấy mươi năm, chúng ta đến chỗ đó nhìn thấy liền tùy hỷ, sanh tâm hoan hỷ thì công đức mấy mươi năm của người đó mình hoàn toàn đạt được. Tại sao vậy? Trong chân tâm không có giới hạn, nó bình đẳng, một được thì hết thảy đều được. Tại sao phần đông người ta không đạt được? Vì trong tâm họ có giới hạn, [họ nghĩ] ông ấy làm chẳng phải tôi làm, tôi chẳng có làm. Thế nên cái được này của họ rất có hạn. Tự mình vạch rõ ranh giới, thì đâu còn cách gì nữa? Tự giới hạn mình, thế thì hư hết. Phía trước có nói đến tâm chí thành, một niệm chí thành, trong tâm ấy không có giới hạn, trong tâm ấy thanh tịnh, bình đẳng. Dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng mà tùy hỷ thì công đức bạn đạt được sẽ viên mãn. Chúng ta ngày nay nếu thực sự dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng để tùy hỷ thì công đức của Địa Tạng Bồ Tát tu được từ vô lượng kiếp chúng ta đều đạt được rất viên mãn, vậy thì làm sao chúng ta không cảm kích cho được! Ngài đã tu hành nhiều đời nhiều kiếp, tu hành vô lượng kiếp, chúng ta hoàn toàn chẳng phí công phu liền đạt được.

Nếu hỏi tại sao bạn có thể đạt được hoàn toàn? Vì tâm chúng ta cùng tâm của Địa Tạng Bồ Tát là một tâm, một tánh, chẳng phải hai. Mười phương ba đời chư Phật cùng chung một pháp thân, pháp thân tức là tự tánh, tự tánh vốn sẵn đủ. Không những công đức của Địa Tạng Bồ Tát tu được, mười phương ba đời hết thảy chư Phật, Bồ Tát tu được cũng chính là mình tu được. Vấn đề là bạn dám đảm đương hay không? Bạn dám tiếp nhận hay chẳng? Chân chánh thông suốt, hiểu rõ đạo lý này, hết thảy chư Phật là tự tánh chư Phật, hết thảy Bồ Tát là tự tánh Bồ Tát, hết thảy cõi nước Phật là tự tánh Tịnh Độ. Không phải trong kinh đã nói rõ ràng với bạn rồi hay sao? “*Duy tâm tịnh độ, tự tánh Di Đà*”, Di Đà là

tự tánh, có một vị Phật Như Lai nào chẳng phải tự tánh biến hiện nên? Có vị Bồ Tát nào chẳng phải tự tánh hiện nên? Tự tánh hiện, tự tánh tu, tự tánh thành tựu, hết thảy đều quy về tự tánh, nếu bạn nhìn thấy tự tánh thì hết thảy đều đạt được, nguyên lý là như vậy. Khi chúng ta thực sự rõ ràng, thực sự minh bạch rồi thì lòng tin của chúng ta mới có thể xây dựng, chân tâm thuần thiện, tâm ấy chẳng có mảy may ác niệm, sẽ hiện tiền. Phần đông người ta tu học, trong kinh nói chí tánh vô định. Đó là gì? Chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật, lòng tự tin của họ chẳng có cách chi xây dựng được. Thế nên đức Phật trong kinh này nói phải gặp thiện tri thức, thiện tri thức giảng giải, nói rõ sự việc này ra thì lòng tự tin của bạn mới có thể xây dựng, “lòng tin là cội nguồn của đạo, là mẹ của các công đức”, đây là một việc khó nhất.

Thế nên đức Phật phó chúc những đại Bồ Tát này phải làm thiện tri thức cho chúng sanh, “*nhữ đẳng chư Bồ Tát*”, Định Tự Tại Vương Bồ Tát trong hội này là Đăng Giác Bồ Tát. “*Đương ký thị kinh, quảng tuyên lưu bố*”, quý vị phải ghi nhớ bộ kinh này, phải tuyên nói rộng rãi cho hết thảy chúng sanh, lưu thông rộng rãi. “*Bố*” là ban bố, ban cơ duyên này cho hết thảy chúng sanh. Thế Tôn ở Đạo Lợi thiên cung phó chúc, chúng ta tin tưởng sâu xa, vô lượng vô biên Bồ Tát tham dự trong hội này nhất định sẽ y giáo phụng hành. Họ chẳng phải là người thường, đều là đại Bồ Tát, đều là Ma Ha Tát trong các vị Pháp Thân đại sĩ, đâu phải là người phàm! Đâu có lý nào không hoằng dương, tuyên giảng kinh Địa Tạng! Công đức của kinh Địa Tạng có thể làm cho hết thảy những chúng sanh tạo tội cực nặng đều quay về, chẳng đoạ ba đường ác, hưởng phước báo nhân thiên lâu dài, đây là công đức lợi ích của kinh này, nghiêng về phương diện này. Kinh Vãng Sanh⁵¹ là đề độ cho chúng sanh có căn tánh chín muồi, kinh Địa Tạng là đề độ chúng sanh căn tánh chưa chín muồi. Những chúng sanh này chưa muốn thoát ly tam giới, còn chưa muốn làm Phật, Bồ Tát, niệm niệm chỉ nghĩ đến phước báo nhân thiên, số người như vậy chiếm đại đa số. Nếu bạn chẳng tin thì hãy ra đường đi thăm dò, bạn hãy hỏi nguyện vọng của người ta là gì? Người nào cũng nghĩ đến phước báo nhân thiên. Thế nên trong kinh Địa Tạng đặc biệt nói rất nhiều về phước báo nhân thiên, chúng ta biết dụng ý của kinh ở chỗ nào. Lại xem tiếp đoạn sau, Bồ Tát quả thật đảm nhận sứ mạng.

⁵¹ Kinh Vãng Sanh tức là năm kinh Tịnh Độ: Kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương trong kinh Lăng Nghiêm.

Định Tự Tại Vương bạch Phật ngôn: “Thế Tôn nguyện bất hữu lự”.

定自在王白佛言。世尊願不有慮。

(Ngài Định Tự Tại Vương bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, xin Ngài chớ lo nghĩ”.)

Xin lão nhân gia yên tâm, chẳng cần lo nghĩ.

Ngã đẳng thiên vạn ức Bồ Tát Ma Ha Tát.

我等千萬億菩薩摩訶薩。

(Ngàn vạn ức Bồ Tát Ma Ha Tát chúng con.)

Số lượng Bồ Tát chúng trong hội dùng “thiên vạn ức” để hình dung. “Bồ Tát” là Bồ Tát quả vị Tam Hiền, “Ma Ha Tát” là Bồ Tát quả vị Thập Thánh, Tam Hiền Thập Thánh.

Tất năng thừa Phật oai thần quảng diễn thị kinh, ư Diêm Phù Đề lợi ích chúng sanh.

必能承佛威神廣演是經。於閻浮提利益眾生。

(Đều có thể nương oai thần của Phật mà tuyên diễn rộng rãi kinh này nơi cõi Diêm Phù Đề để lợi ích cho chúng sanh.)

Nơi đây chúng ta phải đặc biệt chú ý đến “Diêm Phù Đề”, mười phương vô lượng vô biên thế giới, đặc biệt thiên về Diêm Phù Đề. Định Tự Tại Vương Bồ Tát thay mặt vô lượng Bồ Tát đại chúng trong hội, trước mặt Thế Tôn tiếp nhận lời phó thác của đức Phật Thích Ca. “Tất năng thừa Phật oai thần”, câu này rất quan trọng, chúng ta không thể xem thường, đây là biểu hiện cho sự khiêm hạ. Bồ Tát giáo hóa chúng sanh chắc chắn sẽ được Phật lực gia trì, chẳng phải tự mình có năng lực làm, mà được Phật lực gia trì. Nói thật ra đây đều là Đẳng Giác Bồ Tát, các Ngài đương nhiên có thể giảng kinh, có thể thuyết pháp, có thể độ chúng sanh khổ nạn, cách làm như vậy đều là làm cho chúng ta xem, dạy chúng ta nhún nhường, lễ kính, khiêm nhường và cung kính là tánh đức chân thật. “Quảng diễn thị kinh ư Diêm Phù Đề, lợi ích chúng sanh”, nói thật ra phạm vi lợi ích hoằng dương kinh này là tận hư không trọn khắp pháp giới, tại sao lại hạn cuộc trong Diêm Phù Đề? Diêm Phù Đề là chỉ địa cầu của chúng ta ngày nay, tại sao phạm vi nhỏ như vậy! Nên biết

lần này đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện tại Diêm Phù Đề, nói Diêm Phù Đề tức là nói tận hư không trọn khắp pháp giới, quan hoài yêu mến giúp đỡ chúng sanh ở Diêm Phù Đề cùng hết thấy chúng sanh ở mười phương thế giới chẳng có sai khác, đều bình đẳng giống nhau, là ý nghĩa này chứ chẳng phải là thiên vị chỉ yêu mến Diêm Phù Đề không thôi, nghĩ vậy là sai. Nói đến đây cũng như đại sư Thiện Đạo đã nói: “*Gặp duyên chẳng giống nhau*”. Hôm nay vận may của chúng sanh ở Diêm Phù Đề thật là rất tốt, rất may mắn gặp được duyên này. Tuyệt đối chẳng phải Phật, Bồ Tát thiên vị, ở địa phương này duyên chín muồi, duyên chín muồi thì được độ trước.

Pháp duyên của chúng ta cũng vậy, mấy chục năm nay có thể nói từ khi tôi vừa xuất gia liền đặc biệt ưa thích Hoa Nghiêm, bộ kinh sách tôi thỉnh đầu tiên chính là Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao, là một vị lão cư sĩ cúng dường cho tôi. Lúc đó thực sự chẳng đơn giản, bộ sách này giá rất cao, từ pháp sư Trí Khai ở Hương Cảng, Hương Cảng Phật Kinh Lưu Thông Xứ thỉnh về một bộ, hiện nay đã in lại rồi quý vị đều có hết. Nguyên bản hồi đó là bốn mươi cuốn đóng theo cách xỏ chỉ, tôi giữ bản này đã hơn ba mươi mấy năm rồi. Tôi đã giao nguyên bản của bộ này cho Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội cho họ làm bản gốc. In lần này rất rõ, rất tốt, nhưng không đẹp lắm; tôi chẳng ở Đài Loan, họ in bìa giấy thường, nếu tôi ở Đài Loan thì nhất định sẽ kêu họ in bìa giấy cứng. Nhưng như vậy cũng khá lắm rồi, có bản in tốt đẹp như vậy. [Tôi] ưa thích Hoa Nghiêm, thích đọc Hoa Nghiêm, thích tương lai có cơ duyên giảng Hoa Nghiêm, nhưng duyên này chưa chín muồi. Ở Đài Loan đã giảng một thời gian nhưng bị gián đoạn hoài, vì thường nhận lời mời từ nước ngoài, ra ngoại quốc giảng kinh thì phải gián đoạn, nên kinh này đã giảng rồi ngưng, ngưng rồi giảng ở Đài Loan hết mười bảy năm, mới giảng được phân nửa. Chẳng ngờ ở nơi đây nhân duyên chín muồi, thật là chẳng ngờ. Nơi đây duyên chín muồi rồi chúng ta ở đây phải làm hết lòng, cho nên Phật pháp cũng là nhân duyên sanh. Tâm chúng ta thanh tịnh, bình đẳng, ở bất kỳ nơi nào trên thế giới duyên chín muồi thì chúng ta đều làm như vậy, tuyệt chẳng nói là thiên vị một nơi nào cả. Lòng nhiệt thành của chúng ta bình đẳng, từ bi, bác ái, yêu mến nơi này, đối với những nơi khác duyên chưa chín muồi thì chúng ta cũng yêu mến, nhiệt thành giống nhau, tuyệt đối chẳng nói chỗ này hơn một chút, chỗ kia ít một chút, chắc chắn là không như vậy.

Chư vị đồng tu tương lai tu học cũng vậy, nhất định phải xây dựng trên cơ sở của thanh tịnh, bình đẳng, giác để quảng diễn đại kinh. Nói

thật ra ngày nay chân chánh có thể cứu thế gian này [chỉ có] kinh Vô Lượng Thọ và kinh Địa Tạng. Duyên của Hoa Nghiêm vô cùng hy hữu, vô cùng khó được, chúng ta có thể học tập. Tương lai sau này Phật pháp hưng vượng, quốc gia hưng vượng thì Phật pháp chắc chắn sẽ hưng vượng. Khi Phật pháp hưng vượng chúng ta tin tưởng sẽ có rất nhiều cơ duyên, tới lúc đó phải có người giảng. Ở đây chúng tôi giảng Hoa Nghiêm một lần cho chư vị tham khảo, làm một cơ sở để sau này từ cơ sở này chư vị có thể phát huy rộng ra, lợi ích hết thảy chúng sanh. Thế Tôn phó chúc những đại Bồ Tát này, chúng ta phải mạnh dạn đảm nhận, chúng ta cũng phải nhập vào pháp hội của họ, trở thành một phần tử của đại hội, như vậy sẽ có vô lượng công đức. Muôn vàn xin đừng cho mình là một người ngoài, chẳng liên can gì với đại hội, vậy thì chúng ta sai rồi. Một phần công đức lợi ích thù thắng trong ấy bạn cũng chẳng đạt được, phải khẳng định mình là một phần tử trong đại hội. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phó chúc những đại Bồ Tát này, cũng là phó chúc chính mình, mình cũng là một trong chư đại Bồ Tát. Như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói, Đại Tâm chúng sanh tuy chưa đoạn phiền não nhưng chính là bậc đương cơ của [pháp hội] Hoa Nghiêm. Hội kinh Địa Tạng cũng vậy, nếu chúng ta là Đại Tâm Phạm Phu thì chúng ta cũng có thể thân cận Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng có thể gia nhập đoàn thể của họ.

Định Tụ Tại Vương Bồ Tát bạch Thế Tôn dĩ, hiệp chưởng cung kính tác lễ nhi thoái.

定自在王菩薩白世尊已。合掌恭敬作禮而退。

(Định Tụ Tại Vương Bồ Tát bạch Thế Tôn xong, bèn cung kính chấp tay làm lễ mà lui ra.)

Định Tụ Tại Vương Bồ Tát thỉnh giáo đức Phật Thích Ca Mâu Ni đến chỗ này đã viên mãn và cáo lui, trở về chỗ ngồi của mình. Xem tiếp kinh văn:

Nhĩ thời tứ phương Thiên Vương câu tùng tòa khởi, hiệp chưởng cung kính.

爾時四方天王俱從座起。合掌恭敬。

(Lúc bấy giờ bốn vị Thiên Vương ở bốn phương đều từ chỗ ngồi đứng dậy cung kính chấp tay.)

Định Tụ Tại Vương thỉnh giáo xong trở về chỗ ngồi, Tứ Đại

Thiên Vương tiếp theo. Tứ Đại Thiên Vương là một đoàn thể nhỏ, từ chỗ ngồi đứng dậy “*hiệp chưởng cung kính*” hướng về Phật hỏi pháp, trước hết phải cúi chào Phật. Người Trung Quốc chúng ta thường gọi Tứ Đại Thiên Vương là Tứ Đại Kim Cang. Giống như đạo tràng ở Cửu Hoa Sơn, vừa bước vào cửa thì là Điện Thiên Vương, đây là ngôi kiến trúc đầu tiên, trong ấy cúng dường Tứ Đại Thiên Vương. Chính giữa điện Thiên Vương cúng dường một tượng Di Lặc Bồ Tát. Tượng Di Lặc Bồ Tát hiện nay theo thói quen đều tạo theo hình tượng của hòa thượng Bồ Đại. Hòa thượng Bồ Đại là người triều Tống, người thời Nam Tống vừa bắt đầu. Trong lịch sử đời Nam Tống có một anh hùng dân tộc là Nhạc Phi, người Trung Quốc hầu như nhắc đến Nhạc Phi thì ai cũng biết. Hòa thượng Bồ Đại và Nhạc Phi là người cùng thời, xuất hiện ở Phụng Hóa, Triết Giang. Vị này rất đặc biệt, chẳng ai biết tên của Ngài là gì, từ đâu đến, chẳng ai biết cả. Ngài du hóa ở địa phương Phụng Hóa này. Ngài mập mạp, mỗi ngày đều vác một túi vải đi khắp nơi hóa duyên, bất kể người ta cho Ngài cái gì, Ngài đều bỏ vào túi vải, xong rồi Ngài vác lên lưng đi, thế nên mọi người đều gọi Ngài là hòa thượng Bồ Đại, từ đó hòa thượng Bồ Đại bèn nổi danh. Lúc Ngài viên tịch tự mình nói ra thân phận, Ngài là Di Lặc Bồ Tát tái lai, nói xong Ngài bèn thị tịch, chẳng bệnh mà mất, chẳng phải nói xong thân phận rồi còn chưa thị tịch. Hiện nay có rất nhiều người nói họ là Bồ Tát, Phật gì đó tái lai, nói rồi nhưng không thị tịch, hòa thượng Bồ Đại nói xong bèn thị tịch. Cho nên chúng ta mới biết Ngài là Di Lặc Bồ Tát hóa thân, từ đó Trung Quốc tạo tượng Di Lặc Bồ Tát đều tạo theo hình tượng của hòa thượng Bồ Đại.

Hòa thượng Bồ Đại thường nở nụ cười tươi, Ngài dạy chúng ta thường sanh tâm hoan hỷ, dạy chúng ta được đại hoan hỷ. Hình tượng của Ngài chính là “*vì người diễn nói*”, biểu diễn cho người ta coi, biểu hiện rõ ràng nhất chính là thường sanh tâm hoan hỷ, cho nên có người xưng Ngài là Phật Hoan Hỷ. Ngài biểu hiện tướng: “*Sanh tâm bình đẳng, hiện tướng hoan hỷ*”⁵². Thấy tâm bình đẳng ở đâu? Bất cứ đồ gì người ta cúng dường cho Ngài, chẳng kể là sang hèn hết thấy đều bình đẳng, đều bỏ vào túi vải. Túi vải chứa đồ này hiển thị bình đẳng, chẳng có phân biệt. Hiện tướng hoan hỷ là hình tướng của Ngài, khi gặp người thiện thì hoan hỷ, khi gặp người ác cũng hoan hỷ, gặp chuyện tốt thì hoan hỷ, gặp chuyện xấu cũng hoan hỷ, thị hiện thanh tịnh, bình đẳng cho chúng ta xem. Trong truyện ký có ghi, một lần nọ có một người gặp

⁵² “*Sanh bình đẳng tâm, hiện hỷ duyệt tướng*”

Ngài trên đường hỏi Ngài làm thế nào tu hành? Ngài đem túi vải đeo trên lưng buông xuống, hai tay xòe ra, chỉ biểu lộ như vậy mà chẳng nói lời nào. Người ta nhìn thấy bèn hiểu. Đó là gì? Buông xuống. Hiểu được buông xuống, buông xuống xong thì làm sao? Ngài xách túi lên vai bèn đi khỏi, chẳng nói lời nào. Buông xuống rồi thì nhắc lên và đi. Cho nên “*buông xuống được, nhắc lên được*”. Buông xuống là gì? Buông xuống hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nhắc lên là gì? Trên cầu Phật pháp, dưới giáo hóa chúng sanh. Di Lặc Bồ Tát dạy chúng ta việc này.

Hai bên trong Thiên Vương Điện cúng dường Tứ Đại Thiên Vương, Tứ Đại Thiên Vương trong kinh điển đều có danh hiệu. Đông Phương Trì Quốc Thiên Vương, Trì là bảo trì, trì quốc là bảo vệ quốc gia. Ngày nay chúng ta gọi là yêu nước, yêu nhà, yêu quê hương, Đông Phương Thiên Vương tượng trưng cho ý nghĩa này. Hộ quốc phải bắt đầu từ hộ bản thân mình, chúng ta ngày nay nói tự ái tự trọng là hộ mình. Có thể tự hộ thì bạn mới hộ trì nhà, có thể hộ trì nhà thì bạn mới có thể hộ trì xã hội, có thể hộ trì xã hội thì bạn mới có thể hộ trì quốc gia, có thể hộ trì quốc gia thì bạn mới có thể hộ trì thế giới hòa bình, Ngài tượng trưng cho ý nghĩa này. Thị hiện tinh thần làm tròn trách nhiệm, phụ trách hết bốn phận, là dạy chúng ta việc này. Nếu bạn không làm tròn trách nhiệm, chẳng thể làm tròn chức phận của bạn, những chuyện thuộc trách nhiệm của bạn, nếu không làm thì bạn làm sao hộ quốc được! Nếu ai nấy đều làm tròn trách nhiệm mình, công việc của tôi là gì, tôi phải làm công việc này cho hoàn hảo, phải làm tròn trách nhiệm, phải nỗ lực làm hết lòng tức là hộ quốc. Trên tay Ngài cầm đạo cụ⁵³, chúng ta ngày nay gọi là đạo cụ, Ngài cầm đàn tỳ bà, đàn cũng tiêu biểu pháp. Chẳng phải Thiên Vương này ưa thích ca hát, nghĩ vậy là sai. Tỳ bà tiêu biểu Trung Đạo, người Trung Quốc gọi là Trung Dung. Tỳ Bà thuộc loại đàn dây, dây chùng quá thì không kêu, căng quá thì dễ đứt, nhất định phải chỉnh cho thích hợp thì âm thanh mới hay. Nghĩa là bất

⁵³ Đạo cụ chỉ vật dụng cần thiết cho việc tu hành Phật đạo, thông thường là “tam y thập vật” (ba áo ca sa, mười vật), hoặc mười tám vật, một trăm lẻ một vật v...tức là những vật dụng tùy thân của Tăng Ni. Theo Thích Danh Nghĩa Tập, quyển 10, 18 vật gồm kiền chùy (hiệu theo nghĩa hẹp là chuông mõ), thẻ gỗ, tích trượng, gậy chống, bình quân trì (bình để đựng/mức nước rửa ráy), dây lọc nước, xâu chuỗi, bình bát, bát nhỏ...Sau này, tất cả những vật dụng được dùng trong nghi lễ đều liệt kê vào đạo cụ, như linh, Kim Cang xử, kim Cang bàn (khay đựng linh, xử), kính (melong), luân v.v... Sau này không rõ vì sao các dụng cụ để biểu diễn trên sân khấu đều nhất loạt gọi là “đạo cụ”.

luyện đối người, đối sự, đối vật đều phải đi theo trung đạo, phải làm đến mức vừa phải, chẳng quá đáng, cũng chẳng thiếu kém, đó gọi là trung đạo. Cũng như việc khảy đàn vậy, dây đàn chẳng thể quá căng mà cũng không thể quá chùng, phải vừa vặn, tiêu biểu cho ý này. Nhà Nho gọi là đạo Trung Dung, nhà Phật gọi là “Trung Đạo đệ nhất nghĩa đế”.

Nam Vương Thiên Vương gọi là Tăng Trưởng Thiên Vương, tên Tăng Trưởng có ý nghĩa gì? Tiến Bộ. Trí huệ của chúng ta phải tăng lên, đức hạnh phải tăng trưởng, đời sống mỗi ngày phải nâng cao tiêu chuẩn, hết thầy đều phải cầu tiến bộ. Bạn phải biết Phật pháp cầu tinh tấn, họ thì cầu tiến bộ, chẳng thoái lui. Có người từng nói với tôi Phật pháp chúng ta phải theo kịp thời đại, lời này nói sai rồi. Đáng lý là thời đại phải theo kịp Phật pháp, Phật pháp dẫn đầu thời đại, như vậy mới chính xác. Nhưng ngày nay thì sao? Ngày nay Phật pháp lọt phía sau thời đại, còn ra thể thống gì nữa. Nó vốn là dẫn đầu bây giờ trở thành nối theo đuôi, lộn ngược hết! Phật pháp phải lãnh đạo thời đại, hướng dẫn nhân sinh, nhân sinh muốn được hạnh phúc, gia đình được mỹ mãn, sự nghiệp được thuận lợi, thành công, xã hội cát tường hòa hài, quốc gia phú cường, thế giới hòa bình, Phật pháp ở vị trí lãnh đạo. Có thể y theo nguyên lý nguyên tắc của Phật pháp thì chắc chắn có thể đạt đến mục tiêu này. Chúng ta đừng quên những năm đầu đời Thanh, thời Khang Hy, Ung Chánh, Càn Long, Trung Quốc là nước mạnh nhất trên thế giới. Những vị vua này dùng cái gì để hướng dẫn đại chúng? Dùng kinh Vô Lượng Thọ. Những vị vua nhà Thanh này thật rất tài giỏi! Họ dùng kinh Vô Lượng Thọ để đoàn kết quân dân toàn quốc. Nếu phương pháp này của họ được tiếp nối mãi thì nhà Thanh đã chẳng mất nước. Nguyên nhân mất nước đương nhiên rất nhiều nhưng phé bỏ kinh điển này, chúng tôi tin tưởng đây là một nhân tố rất lớn. Ai phé bỏ? Từ Hy thái hậu. Có lẽ Từ Hy thái hậu nghe kinh Vô Lượng Thọ, trong đó nói toàn là tật xấu của bà, nghe xong bà chẳng vui thích nên phé trừ, chẳng đọc nữa. Việc này có ảnh hưởng, không thể nói không có ảnh hưởng. Thời đại hưng thịnh nhất của triều Thanh dùng Phật pháp để trị nước, trên dưới tương hòa, hòa mục, đây là điều chúng ta phải hiểu.

Phật pháp vĩnh viễn đều cầu tiến bộ, nhà Nho cũng vậy. Giáo học nhà Nho nói: *“Mỗi ngày phải mới, hằng ngày phải đổi mới hơn, càng ngày càng mới hơn”*⁵⁴, mỗi ngày đều cầu tiến bộ. Trong Phật pháp, Lục Ba La Mật có Tinh Tấn Ba La Mật, đâu có chuyện lọt phía sau người ta,

⁵⁴ Cầu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân

đâu có đạo lý này! Nam Phương Thiên Vương tượng trưng cho tiền thủ, hăng hái, dũng mãnh, tượng trưng ý nghĩa này. Trên tay Ngài cầm kiếm, kiếm tượng trưng trí huệ, người Trung Quốc tục gọi “*đao nhanh chém gai loạn*”, lấy ý nghĩa này. Chẳng phải là Ngài thích múa kiếm, kiếm tượng trưng trí huệ. Chỉ có trí huệ cao độ mới có thể thúc đẩy tiến bộ, chỉ có trí huệ cao độ mới thúc đẩy hạnh phúc chân chánh mỹ mãn. Đây là Nam Phương Thiên Vương.

Tây Phương Thiên Vương tên là Quảng Mục, danh xưng tiếng Phạn của Ngài còn được dịch là Tập Ngữ (nhiều ngôn ngữ khác nhau). Tây Phương Thiên Vương rất thạo nói chuyện, có thể nói nhiều ngôn ngữ, ngày nay chúng ta gọi là thiên tài về ngôn ngữ. Bắc Phương Thiên Vương gọi là Đa Văn, hai thiên vương này tiêu biểu cho cái gì? Tiêu biểu phương pháp. Hai vị đầu tiêu biểu mục tiêu, mục tiêu của chúng ta phải hộ trì quốc gia, phải có trí huệ cao độ, mỗi ngày đều cầu tiến bộ. Tây Phương Thiên Vương, trên phương pháp làm sao có thể đạt được hai mục tiêu trên? Phải xem nhiều, học nhiều, ngày nay chúng ta gọi là tham quan khảo sát, Tây Phương Thiên Vương dẫn đầu, Ngài dạy chúng ta xem nhiều, Bắc Phương Thiên Vương dạy chúng ta nghe nhiều, nhìn người ta, nghe người ta. Trong đó hấp thụ kinh nghiệm giáo huấn, bỏ cái xấu của người, học cái hay của người, để xây dựng quốc gia mình, được vậy thì không phải chúng ta trở thành hạng nhất rồi sao? Kỹ thuật hiện nay, tôi nghe nói VCD ở Trung Quốc rất phổ biến, ở ngoại quốc thì lúc vừa phát minh chẳng phổ biến, ở Trung Quốc thì phổ biến. Đạo lý là gì? Tức là ý nghĩa của những Thiên Vương, chúng ta phải rượt theo cho bằng. Ngày nay chúng ta học những kỹ thuật khoa học này, nhất định phải học những gì tiến bộ nhất, không học những đồ cũ. Ngày nay chúng ta muốn làm một chiếc máy bay, nhất định phải làm tốt nhất, xem sản phẩm của người ta, khuyết điểm của người ta xong mình sửa đổi thì những gì mình làm ra sẽ tốt hơn. Nhất định sẽ không đi làm những máy bay vừa mới phát minh một trăm năm trước, nếu bắt đầu từ đó thì không phải là ngu si sao? Đó là người ngu. Thế nên phải bắt đầu từ chỗ người ta đã thành tựu, sau đó cải tiến thêm, sửa khuyết điểm của người ta thì mình sẽ tiến bộ hơn, tốt hơn người ta. Đó là dạy bạn xem nhiều, Quảng Mục tức là xem nhiều.

Trên tay Thiên Vương cầm rồng hoặc rắn. Rồng và rắn tiêu biểu cho ý nghĩa gì? Tiêu biểu biến hóa. Ngày nay khoa học tiến bộ từng ngày, từng tháng; rồng và rắn đều giỏi biến hóa, ý nghĩa là dạy bạn xã hội này rất phức tạp, biến hóa khôn cùng, bạn phải quan sát kỹ càng.

Trong sự biến hóa bạn có thể nắm vững đến chỗ bất biến thì bạn sẽ thành công. Một tay [kia của Tây Phương Thiên Vương] cầm hạt châu, châu chẳng biến. Rồng biến đổi, châu chẳng biến đổi. Trong vô lượng sự biến đổi, nắm vững những nguyên lý, nguyên tắc chẳng biến đổi, Tây Phương Thiên Vương dạy chúng ta việc này. Có thiên tài về ngôn ngữ, biết nhiều ngôn ngữ thì có thể cùng với mỗi quốc gia, mỗi chủng tộc trao đổi văn hóa, kỹ thuật, như vậy mới làm đến mức viên mãn.

Quảng Mục Thiên Vương dạy chúng ta đi tham vấn, đi khắp nơi xem xét, học tập. Bắc Phương Thiên Vương đa văn, là theo chiều dọc. Chúng ta thường nói “*Đọc vạn quyển sách, đi vạn dặm đường*”, đi vạn dặm là theo chiều ngang, đọc vạn quyển sách là theo chiều dọc. Chúng ta phải thâm nhận bài học lịch sử, tiếp nhận kinh nghiệm trí huệ của cô nhân, dựa trên cơ sở này rồi phát triển rộng ra. Tứ Đại Thiên Vương dạy chúng ta, chúng ta không thể coi các Ngài là thần thánh, vậy là sai rồi. Phải tiếp nhận sự giáo huấn, giáo hối của Tứ Đại Thiên Vương. Trên tay Ngài cầm lọng (dù), lọng tiêu biểu ý gì? Phòng ngừa ô nhiễm. Thời xưa, ô nhiễm còn chưa nghiêm trọng, cái lọng thời đó được xếp lại. Ngày nay tạo tượng Tứ Đại Thiên Vương, lọng của Đa Văn Thiên Vương nhất định phải giương ra, hiện nay ô nhiễm quá trầm trọng nên phải giương ra để ngăn ngừa ô nhiễm. Trong xã hội phức tạp này, Ngài biết ô nhiễm chắc chắn không thể nào tránh khỏi. Ô nhiễm về tư tưởng, kiến giải, tinh thần, tâm lý, sinh lý, quá trầm trọng, mấy ngàn năm trước kinh Phật đã đề xướng việc ngày nay chúng ta gọi là Hoàn Bảo (bảo vệ hoàn cảnh môi trường), tức là ngăn ngừa ô nhiễm. Chư vị nghĩ xem sự giáo học trong Phật pháp cao minh hay không, mấy ngàn năm trước Phật pháp đã vận dụng nghệ thuật để biểu đạt giáo nghĩa, vô cùng đáng tiếc là gần đây [người ta] xem nó là tôn giáo, xem những nghĩa thú tiêu biểu pháp này thành ra thần thánh. Chỉ biết thấp nhang, lễ lạy, cầu nguyện, khóc lóc, chẳng có tác dụng gì hết. Bạn cầu Phật, Bồ Tát bảo hộ thì Phật, Bồ Tát thật bảo hộ bạn sao? Đâu có đạo lý này! Phật, Bồ Tát bảo hộ bằng cách dạy dỗ bạn, khi bạn hiểu rõ, tiếp nhận rồi thì đó mới là thực sự được các Ngài bảo hộ. Sự bảo hộ của các Ngài là bằng cách dạy học, chẳng phải gì khác, chúng ta không thể hiểu sai.

Đây là Tứ Đại Thiên Vương, ở đây giới thiệu đơn giản cho quý vị. Chúng ta phải nhận thức họ, chúng ta phải hiểu họ, chúng ta nghe đến danh hiệu, nhìn thấy hình tượng của họ mới có được lợi ích thực sự. Thế nên Thiên Vương Điện phải giải thích như vậy, để cho chúng ta hiểu những đạo lý này, biết được trong đời sống hằng ngày tự mình phải làm

thế nào, làm cho cá nhân mình có hạnh phúc, gia đình được mỹ mãn, sự nghiệp có thể thành công, xã hội an định, phồn vinh, quốc gia phú cường, thiên hạ thái bình. Tứ Đại Thiên Vương dạy chúng ta những đại đạo lý và phương pháp hoàn hảo này, nhất định chẳng mê tín. Xin xem tiếp kinh văn:

Bạch Phật ngôn:

白佛言。

(Bạch Phật rằng:)

Ngài cúi chào trước, cúi chào xong nêu lên câu hỏi.

Thế Tôn! Địa Tạng Bồ Tát u cứu viễn kiếp lai, phát như thị đại nguyện, vân hà chí kim do độ vị tuyệt, cánh phát quảng đại thệ ngôn, duy nguyện Thế Tôn vị ngã đẳng thuyết.

世尊。地藏菩薩於久遠劫來。發如是大願。云何至今猶度未絕。更發廣大誓言。唯願世尊為我等說。

(Bạch Thế Tôn! Địa Tạng Bồ Tát từ kiếp lâu xa đến nay đã phát đại nguyện như thế, vì sao đến nay vẫn độ chưa hết, lại còn phát đại thệ nguyện nữa. Cúi xin Thế Tôn dạy cho chúng con rõ.)

Họ đề ra câu hỏi, câu hỏi này cũng là câu hỏi chung của mọi người chúng ta. Địa Tạng Bồ Tát đích thật chẳng thể nghĩ bàn, “*cứu viễn kiếp*” chẳng có cách chi tính đếm, ai cũng không thể tính nổi, chư Phật Như Lai cùng nhau tính cũng tính không ra. Tại sao? Vì nó là đức năng vốn sẵn có trong tự tánh, tự tánh vốn có, vô thi vô chung, đâu có chỗ bắt đầu hay chấm dứt? Vô thi vô chung mới là ý nghĩa chân thật của “*cứu viễn kiếp lai*”. Lập lại thệ nguyện không gián đoạn, đây là dạy chúng ta. Tại sao? Trong kinh Phật nói rất hay: “*Tánh Thức của chúng sanh trong Diêm Phù Đề chẳng định*”, rất dễ quên. Hôm nay phát nguyện, buổi sáng phát nguyện xong, buổi tối liền quên mất, nhanh quá chừng. Thậm chí phát nguyện trước mặt Phật, Bồ Tát, sau khi khom mình ba cái, vừa bước ra khỏi chánh điện thì quên mất tiêu rồi, đây tức là tánh thức vô định. Tham-sân-si-mạn thì chẳng quên, tại sao chẳng quên? Mỗi ngày đều khởi, lúc nào cũng khởi, cho nên không thể quên, gốc rễ quá vững chắc. Địa Tạng Bồ Tát thị hiện cho chúng ta xem làm thế nào biến đổi tham-sân-si thành Tam Đức. Muốn vậy thì phải gia tăng huân tập, không

ngừng phát nguyện tức là hun đúc, mỗi ngày đều phát nguyện, mỗi sáng, mỗi tối đều phát nguyện, dưỡng thành một tập quán, khởi tâm động niệm là nguyện lực, chẳng tạo tội nghiệp nữa. Đối trị bệnh khổ của chúng sanh ở Diêm Phù Đề, đây là một toa thuốc có công hiệu vô cùng, chúng ta phải hiểu ý nghĩa này. Chúng ta phải học Địa Tạng Bồ Tát, mỗi ngày phải phát nguyện.

Mỗi ngày chúng ta phát nguyện nào? Mỗi ngày phát nguyện: “*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”, không phải vừa ra khỏi chánh điện liền quên mất rồi sao? Tại sao lại như vậy? Có miệng, không có tâm, phiền não un đúc quá lâu rồi. Đúng là vô lượng kiếp đến nay chúng ta chịu sự un đúc của phiền não, ngày nay chỉ nghe được Phật pháp trong chốc lát, cho dù đời quá khứ có túc căn, nhưng chẳng đủ duyên, vẫn là duyên ác nhiều hơn. Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần bên ngoài toàn là ác duyên, ác duyên dẫn tới tham-sân-si-mạn; chẳng có thiện duyên dẫn dắt tứ hoằng thế nguyện của bạn ra. Thế nên trong đời sống tùy thuận phiền não, quên ráo trôi “*phiền não vô tận thế nguyện đoạn*”. Học kinh giáo thì làm biếng, giải đãi, chẳng thể tinh tấn, cũng quên sạch sành sanh “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”. Không học biện pháp này của Địa Tạng Bồ Tát thì làm sao có thể thành tựu được! Chúng ta hiểu được đạo lý này xong mới biết tầm quan trọng của sự phát nguyện không ngừng, ý nghĩa của sự phát nguyện không gián đoạn. Vì Tứ Thiên Vương có nghi, có câu hỏi, thì Phật nhất định có lời khai thị. Xin xem tiếp:

Phật cáo Tứ Thiên Vương: “Thiện tai, thiện tai”.

佛告四天王。善哉善哉。

(Phật bảo Tứ vị Thiên Vương rằng: “Lành thay, lành thay”).

Đây là hai câu tán thán, từng câu từng chữ của lời Phật thuyết pháp đều hàm nghĩa sâu xa. Chữ “*thiện tai*” thứ nhất là tán thán họ hỏi rất hay, câu hỏi lợi lạc hữu tình. “*Thiện tai*” thứ nhì, họ là thần hộ pháp hộ thế, bất luận người đời học Phật, không học Phật, bất luận họ là người thiện, người ác, làm việc thiện hoặc tạo ác thì các Ngài đều hộ trì. Người tạo ác là vì ngu muội, vô tri, nếu chẳng được sự hộ trì của những thần hộ pháp này thì họ đọa lạc càng khổ nữa, ác báo của họ chịu chẳng phải là trạng huống trước mắt này. Nói cách khác thần hộ pháp đã giúp họ giảm bớt hình phạt rồi. Người thế gian chẳng biết, cũng chẳng biết cảm ơn, còn nói ngược lại là họ mê tín. Nhưng thần hộ pháp không vì vậy mà

trách móc, tại sao? Bạn ngu si, bạn chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật. Nếu bạn hiểu rõ chân tướng sự thật thì chắc chắn bạn sẽ chẳng nói như thế, các Ngài biết vậy. Nếu thần hộ pháp nói những người ngu si này hủy báng các Ngài, sỉ nhục các Ngài, hại Ngài, phá hoại hình tượng các Ngài, các Ngài cũng chẳng trách. Nếu các Ngài trách thì các Ngài là phạm phu, có kiến thức giống những phạm phu thông thường. Các Ngài có trí huệ, đều là Bồ Tát thị hiện, thị hiện thân phận Thiên Vương. Trong kinh này nói rất nhiều, có rất nhiều Phật, Bồ Tát thị hiện thân quý thần, trong quỹ đạo, trong cõi địa ngục độ chúng sanh. Chúng sanh càng khổ não, chư Phật, Bồ Tát đối với họ càng từ bi, càng tìm cách giúp họ. Có tâm nhẫn nại chờ họ quay về, đợi họ giác ngộ; lúc chưa quay về, chưa giác ngộ thì tạo nhiều tầng thương duyên để dẫn dắt họ, khai phát họ. Bất luận là trực tiếp hoặc gián tiếp, là rõ ràng hay âm thầm, đều thấy được lòng từ bi chân chánh, đây là tâm đại từ bi của họ. Do đó hai lời tán thán này có ý nghĩa rất sâu.

Ngô kim vị nhữ.

吾今為汝。

(Ta nay sẽ vì sự lợi ích rộng lớn của quý vị.)

Phật nói: Hôm nay Ta nói cho quý vị.

Cập vị lai hiện tại thiên nhân chúng đẳng quảng lợi ích cố.

及未來現在天人眾等廣利益故。

(Cùng các chúng trời người hiện tại và vị lai.)

Hôm nay quý vị khai thỉnh, đến hỏi, nói cho quý vị biết và cũng vì thiên nhân đại chúng hiện nay và tương lai. Vị lai, hiện tại, thiên, nhân đại chúng đều hàm chứa tận hư không, trọn khắp pháp giới, tất cả hết thảy cõi nước chư Phật, lục đạo chúng sanh đều gói gọn trong ấy, chẳng phải chỉ có Sa Bà thế giới mà thôi. “*Quảng lợi ích cố*” nghĩa là lợi ích rộng lớn, đây chẳng phải là lợi ích nhỏ nhoi, mà là lợi ích to lớn.

***Thuyết Địa Tạng Bồ Tát ư Sa Bà thế giới Diêm Phù Đề nội
sanh tử đạo trung, từ ai cứu bạt độ thoát nhất thiết tội khổ chúng sanh
phương tiện chi sự.***

說地藏菩薩於娑婆世界閻浮提內生死道中。慈哀救拔

度脫一切罪苦眾生方便之事。

(Mà nói việc Địa Tạng Bồ Tát ở thế giới Sa Bà, trong đường sanh tử nơi cõi Diêm Phù Đề, từ mẫn cứu vớt, phương tiện độ thoát tất cả chúng sanh tội khổ.)

Bạn hỏi, tôi nói cho bạn nghe, nói thì làm sao nói cho hết được? Nói hoài chẳng hết. Chuyện Địa Tạng Bồ Tát độ chúng sanh nói hoài chẳng hết, Phật chỉ đơn giản thuật lại vài chuyện mà thôi, hy vọng chúng ta từ những chuyện này, suy nghĩ cẩn kỹ. Từ đó có thể hiểu được nguyện lực độ chúng sanh của Bồ Tát, phương tiện khéo léo độ chúng sanh của Bồ Tát, thực sự chẳng thể nghĩ bàn. Bạn nghĩ càng nhiều, càng rõ ràng, thấu suốt thì bạn càng tăng thêm lòng cung kính đối với Bồ tát, tâm nguyện noi gương theo Bồ Tát càng thêm chân thiết. Nếu bạn không hiểu thì lòng cung kính của bạn làm sao khơi dậy nổi? Chẳng thể nào. Chỉ khi nào bạn nhận biết Ngài, hiểu rõ Ngài, lòng cung kính của bạn sẽ khơi dậy từ tận đáy lòng.

Phàm phu làm không nổi, nói thật ra phàm phu đối với người ta ngay cả bề ngoài cũng nhìn chẳng rõ thì làm sao có thể lý giải? Phàm phu chỉ có mắt thịt, rất kém. Bồ Tát có thiên nhãn nên cao siêu hơn chúng ta rất nhiều. Thiên nhãn có thể nhìn thấy sự khởi tâm động niệm; chúng ta chẳng nhìn thấy sự khởi tâm động niệm của phàm phu. Giống những vị đại quyền thị hiện này thì càng thù thắng nữa. Họ có đầy đủ ngũ nhãn, thập nhãn, họ có huệ nhãn, có trí nhãn, nhìn thấy rõ ràng, minh bạch, thế nên tâm chân thành cung kính tự nhiên sanh khởi. Chúng ta học Phật khế nhập vào cảnh giới này, người thế gian coi chẳng ra gì, chẳng có gì kỳ lạ, chẳng thể so đo. Ai tôn trọng bạn? Chư Phật Như Lai, Bồ Tát, những thiện thần này, họ cung kính bạn, họ hiểu rõ.

Bạn có một thiện tâm chân chánh cũng chẳng cần rao truyền khắp nơi, tâm bạn chân, thiện, hoàn hảo như thế nào đi nữa, bạn nói cách mấy thì người ta nghe xong cũng nghĩ là giả. Ai tin bạn được? Ai biết được bạn có tâm niệm gì? Phật, Bồ Tát, thiên long quỷ thần biết. Người thế gian không biết, sỉ nhục bạn, hủy báng bạn thì cũng thường thôi, chẳng có gì lạ. Họ là phàm phu, trong kinh gọi họ là người đáng thương xót, làm sao bạn có thể so đo với họ được! Bạn so đo với họ thì bạn chẳng có một chút từ bi nào cả. Thế nên chúng ta hiểu được đạo lý này, biết được chân tướng sự thật, tự mình phải hết lòng tu học cho đàng hoàng. Người thế gian khen ngợi bạn thì cũng tốt, hủy báng bạn thì cũng được, hết thấy đều là giả, chẳng có gì chân thật, họ chẳng nhìn thấy đức năng chân thật

trong nội tâm của bạn thì lời khen tặng đó chẳng đáng tin. Khi họ hủy báng bạn cũng chẳng thấy được tạo tác trong nội tâm của bạn, sự hủy báng đó cũng là giả dối.

Sự tán thán của chư Phật Như Lai là thật, một tí gì cũng chẳng giả. Như Thế Tôn trong kinh này tán thán Địa Tạng Bồ Tát, đó là thật, chẳng giả. Ngài làm *“lợi ích rộng lớn”*. Địa Tạng Bồ Tát tại thế giới Sa Bà, trong cõi Diêm Phù Đề đặc biệt chỉ khu vực này của chúng ta. Ngài trong cõi này, *“trong đường sanh tử”*, sanh tử đạo tức là lục đạo luân hồi. Trong lục đạo luân hồi ở thế giới Sa Bà, Ngài dùng tâm gì, Ngài làm việc gì. *“Từ ai cứu bạt”*, từ là đại từ bi, đây là tâm của Ngài. Từ tâm thanh tịnh, bình đẳng khởi lên đại từ bi, đại từ bi này gọi là từ bi thanh tịnh, từ bi bình đẳng. *“Cứu bạt”* là sự nghiệp của Ngài, Ngài làm gì ở đây? Ngài làm sự nghiệp cứu tế, ngày nay chúng ta gọi là sự nghiệp từ thiện phước lợi, Ngài làm việc này. *“Bạt”* nghĩa là giải trừ hết thảy tai nạn của chúng sanh, đau khổ của chúng sanh. Tâm từ bi là động lực, Bồ Tát làm việc này chẳng cần báo đáp, người thế gian làm việc nếu không vì danh thì cũng vì lợi. Ngài chẳng cần báo đền, chẳng vì lợi, chẳng có người nào tán thán Ngài, chẳng có ai khen thưởng Ngài, chẳng vì danh. Phật tán thán Ngài ở cung trời Đao Lợi, ngoài Phật ra có ai tán thán Ngài? Vì sao không có người tán thán? Chẳng có ai biết được tâm của Ngài, hạnh của Ngài. Chư Phật Như Lai biết được, chư Phật Như Lai tôn kính, tán thán; tán thán sự phát tâm, sự nghiệp của Ngài.

Câu tiếp theo: *“Độ thoát nhất thiết tội khổ chúng sanh phương tiện chi sự”*, ở đây nêu lên vài việc để nói. Ngài làm việc cứu bạt chúng sanh gì? Chúng ta phải hiểu ý nghĩa của hai chữ độ thoát này. Nhà Phật thường nói độ chúng sanh, người hiện đại đối với chữ độ rất lơ mờ, độ nghĩa là gì? Nói theo kiểu bây giờ thì độ nghĩa là giúp đỡ hết thảy chúng sanh, chăm sóc chúng sanh, yêu mến bảo bọc chúng sanh, dốc toàn tâm toàn lực giúp đỡ họ, giải trừ khó khăn của họ. Hết thảy những chúng sanh chịu khổ chịu tội này, đây gọi là thọ báo, quả báo từ nơi nào đến? Phải giải trừ cái *“nhân”* ấy, chư vị phải biết trên *“quả”* thì chẳng làm gì được, phải hạ thủ từ nhân. Tội khổ đều do ác nhân tạo thành, muốn thoát ly đau khổ thì nhất định phải tu thiện nhân; tâm hạnh thiện rồi thì tự nhiên sẽ thoát ly ác đạo. Bồ Tát độ chúng sanh cũng chỉ là giáo học, chúng sanh nghe xong có thể giác ngộ, chịu tiếp nhận, chịu quay về, thì họ sẽ thoát ra khỏi lục đạo. Nếu họ nghe xong còn hoài nghi, không chấp nhận, họ nói lời này chưa đáng tin, chưa chắc là sự thật, nếu vậy thì họ vẫn phải chịu khổ tiếp tục. Một ngày nào đó họ tiếp nhận, hiểu rõ thì họ

mới thực sự thoát khổ. Thế nên Địa Tạng Bồ Tát cũng giống như Phật, đều làm công tác giáo dục xã hội thiện nguyện.

Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây thôi.

Tập 13 (Số 14-12-13)

Kính thưa hai lão hòa thượng, chư vị pháp sư, chư vị đồng học:

Xin mở kinh, Khoa Chú của pháp sư Thanh Liên, ở Đài Loan gần đây chúng tôi phát tâm in hai vạn bộ, tương lai mọi người đều có thể có bản in hoàn hảo. Kinh Địa Tạng vô cùng quan trọng, từ kinh điển chúng ta thấy được Thế Tôn giao phó sứ mạng giáo hóa chúng sanh trong thời Mạt Pháp chín ngàn năm này cho Địa Tạng Bồ Tát, thế nên Địa Tạng Bồ Tát chính là đại biểu của đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong thời Mạt Pháp, địa vị của Ngài vô cùng đặc biệt, Ngài thay thế Phật. Chúng ta thấy trong kinh này, hết thấy Bồ Tát nhận lời phó chúc đều ủng hộ Địa Tạng Bồ Tát. Trước giảng đài chúng ta thờ Địa Tạng Bồ Tát, mọi người đều nhìn thấy, chúng ta nhất định phải y giáo phụng hành.

Hôm nay giảng đoạn kinh nói về Tứ Đại Thiên Vương đặt ra câu hỏi. Nói thật ra, nghi vấn của họ chính là nghi vấn chung của chúng ta. Tại sao Địa Tạng Bồ Tát nhiều kiếp lâu xa đến nay thường phát đại nguyện phải độ tận chúng sanh, nhưng mãi cho đến nay chúng ta thấy hình như chúng sanh chẳng được độ, tạo tác tội nghiệp ngày càng nặng, nguyên nhân rốt cuộc là ở chỗ nào? Hy vọng Thế Tôn có thể khai thị cho mọi người. Đoạn khai thị phía sau đều là những lời trong kinh Phật. Người học giảng kinh chúng ta khi gặp những đoạn kinh văn này phải đặc biệt lưu ý, lúc đối diện thính chúng đông đảo, trong thính chúng có người đã từng gặp phải những nạn ấy, nếu chúng ta giảng không khéo thì họ rất khó chấp nhận, khó chịu, thậm chí sẽ thốt lời trách móc, khởi tâm oán trách, như vậy thì không tốt. Thế nên khi gặp kinh văn như vậy thì phải dùng cách khéo léo, phải khơi gợi mà không làm tổn thương lòng tự ái của người ta. Điểm này vô cùng quan trọng. Trong Nội Điển Giảng Tọa các bạn đã học qua rồi, tuyệt đối không thể gây tổn thương đến lòng tự ái của người ta, thí dụ trong kinh văn, ngày nay chúng ta muốn nói về tàn tật, nói quá nhiều về những việc này. Nếu bạn nói cặn kẽ như vậy thì họ nghe xong sẽ rất buồn bực, chỉ nên nói sơ lược, phớt qua thôi; còn những chỗ liên quan đến nhân quả báo ứng thì có thể nói sâu thêm một chút, làm cho họ cảnh giác.

Ngoài ra nhất định phải biết ngày nay chúng ta giảng kinh chẳng phải chỉ có những thánh chúng [hiện diện] trước mắt này mà thôi, bằng thân hình được phát hình toàn thể giới, thánh chúng coi bằng này qua máy truyền hình không biết là bao nhiêu mà tính, cũng không biết họ là người như thế nào, chúng ta phải dự liệu, không thể làm mịch lòng họ. Phải làm cho họ nghe xong có thể sanh tâm hoan hỷ, tâm cung kính, có thể quay về, sửa đổi lỗi lầm. Được vậy thì sự giáo học Phật pháp của chúng ta mới thành tựu viên mãn. Chẳng giống lúc trước, lúc trước chỉ có thánh chúng có mặt tại buổi giảng, nếu chẳng hiện diện nơi ấy thì chẳng nghe được; hiện nay truyền hình, truyền thanh, người trên cả toàn thể giới đều nghe được. Vả lại bằng thân hình, thân thanh có thể lập lại nhiều lần, bạn suy xét coi thử thánh chúng sẽ là bao nhiêu? Đây là việc chúng ta phải dự liệu, không thể sơ sót.

Bây giờ xin xem kinh văn. Tương lai chúng ta in xong cuốn Khoa Chú, lưu thông với số lượng nhiều, đặc biệt là đạo tràng Địa Tạng Bồ Tát ở Cửa Hoa Sơn, chỗ của Bản Tôn, chúng ta nhất định phải dốc toàn tâm toàn lực để ủng hộ. Ngày nay thế giới động loạn, chư vị đều cảm nhận tình cảnh động loạn này rất rõ ràng, hơn nữa, tai biến nhiều phi thường, bất luận ở quốc gia nào trên thế giới, ở địa khu nào, có nhiều tai biến to lớn, ngày nay tin tức, thông tin đều chẳng tường trình nữa. Tại sao không tường trình nữa? Chúng ta suy đoán có thể là vì sợ mọi người biết được sẽ cảm thấy khủng hoảng. Vì muốn an định cục diện xã hội trước mắt nên rất nhiều tai nạn lớn đều không tường trình nữa, đây là điều chúng ta có thể lý giải được. Nhưng những tai nạn này xảy ra như thế nào? Người đời chẳng hiểu nguyên nhân, đều gán cho nó là tai họa tự nhiên, đẩy trách nhiệm cho thiên nhiên, hình như chẳng liên quan gì đến con người chúng ta, đây là sự sai lầm to lớn. Có quan niệm và tâm thái này không những tai biến không thể chấm dứt mà càng ngày càng nghiêm trọng, chúng ta sẽ còn phải chịu khổ nạn lớn hơn. Chúng ta có trách nhiệm, có sứ mạng làm thế nào giúp đỡ xã hội, hóa giải, giảm nhẹ, đình trệ những tai nạn này, đó chính là hết lòng học Phật, hết lòng tu hành.

Phật dạy chúng ta tận hư không trọn cả pháp giới và chúng ta cùng một thể, đây là thật, chẳng giả, cả bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh chính là giảng về một việc này. Thế giới này hình thành như thế nào? Trong kinh Phật giảng rất rõ ràng, có tình có tướng thì sẽ biến hiện ra thế gian hữu tình, chín pháp giới thế gian hữu tình; vô tình

vô tướng thì sẽ biến thành khí thể gian⁵⁵, Pháp Tướng Duy Thức giảng rất tường tận, thấu triệt. Hữu tình thể gian là Kiến Phần trong A Lại Da thức biến hiện ra, Vô tình thể giới là Tướng Phần⁵⁶ trong A Lại Da Thức biến hiện ra, Kiến và Tướng đều cùng một nguồn gốc, cùng thuộc một Tự Chứng Phần⁵⁷, làm sao có thể nói không có liên quan được? Trong kinh Đại Thừa, Phật nói: *“Tình và Vô Tình cùng tròn đầy chủng trí”*, như vậy cả hai Tình và Vô Tình mới cùng được. Nếu cả hai chẳng có liên quan như vậy thì làm sao cùng được?

Đức Phật lại nói với chúng ta: *“Hết thấy pháp từ tâm tướng sanh”*, hết thấy pháp thể gian và xuất thể gian đều từ tâm tướng sanh. Vì từ tâm tướng sanh nên cái tâm tướng này là chủ thể. Trong hội giảng kinh Lăng Nghiêm, Phật nói rõ ràng, minh bạch hơn: *“Nếu chuyển được cảnh thì cũng giống như Như Lai”*, đây tức là nói *“ý báo chuyển theo chánh báo”*. Chánh báo là gì? Chánh báo là tâm, là ý niệm (niệm đầu). Chúng ta thường nói: *“Dung mạo của chúng ta chuyển theo ý niệm, thể chất của chúng ta chuyển theo ý niệm, hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta cũng chuyển theo ý niệm”*. Tâm của bạn tốt thì tướng mạo của bạn đương nhiên sẽ tốt, thân thể của bạn sẽ tốt, hoàn cảnh cư trú cũng tốt, là do tâm chuyển cảnh giới, chẳng phải cảnh giới chuyển tâm. [Khi nói về thời đại] hiện nay, Phật trong kinh thường nói đến chữ *“điên đảo”*, cái gì điên đảo? Người thể gian đều bị hoàn cảnh chuyển, tâm người thể gian bị hoàn cảnh chuyển. Hiện nay tai nạn [gì xảy ra, người ta] đều đổ thừa cho là tai họa tự nhiên, chẳng liên can gì đến con người, đây tức là tâm bị cảnh chuyển, đây là sự sai lầm to lớn.

Chúng ta xem thời cổ, bạn coi lịch sử, thời xưa nếu trong xã hội xảy ra tai biến trọng đại thì những đế vương, đại thần, quan viên địa

⁵⁵ Khí thể gian tức là cảnh giới bên ngoài, bao gồm cõi nước, thể giới v.v... tức Y Báo.

⁵⁶ Kiến Phần: Còn gọi là Năng Thủ Phần, chính là tác dụng của Thức, là chủ thể để nhận biết sự vật. Kiến có nghĩa là soi thấy, tác dụng thấu hiểu rõ ràng của tâm tánh, chiếu soi hết thấy các pháp, thấu hiểu nghĩa lý của hết thấy các pháp giống như gương hiện bóng.

Tướng Phần: Còn gọi là Sở Thủ Phần, chính là cảnh tượng của mọi sự vật thuộc thể giới bên ngoài hiện bóng trong tâm. Nói cách khác, Tướng Phần chính là hình ảnh, ấn tượng của thể giới bên ngoài được lưu giữ trong tâm thức, là đối tượng nhận biết của Kiến Phần.

⁵⁷ Tự Chứng Phần: Còn gọi là Tự Thể Phần, Tự có nghĩa là Tự Thể, Chứng là chứng biết. Như vậy, Tự Chứng Phần là tác dụng nhận biết của tự tâm. Kiến Phần và Tướng Phần chỉ là những khía cạnh khác nhau của Tự Chứng Phần nếu xét về bản thể.

phương giống như thị trưởng, quận trưởng hiện nay, [tức là] những bậc lãnh đạo ở địa phương, họ đều trai giới, tắm rửa, giảm thiện (giảm phần ăn). Lúc bình thường ăn cơm, như lúc vua ăn cơm, có lẽ quý vị có người cũng không biết, trên bàn ăn của vua nhất định phải có một trăm món ăn, chẳng kể là vua ăn hay không, đều không thể thiếu. Giảm thiện là gì? Giảm phân nửa. Thực sự phản tỉnh, suy nghĩ lỗi lầm, đại xá thiên hạ, làm thêm chuyện tốt, hy vọng có thể chuyển đổi ý trời. Chuyển đổi ý trời trên thực tế chính là hy vọng tâm địa hiền lành có thể biến đổi hoàn cảnh, chấm dứt kiếp nạn. Người thời trước biết làm như vậy, người hiện nay không biết, người hiện nay cho rằng [tai nạn] chẳng liên can gì với mình, người thời trước biết. Nhà Nho, Đạo giáo, nhà Phật đều biết. Chúng ta biết, phải bắt đầu làm từ bản thân mình.

Thế nên nhất định phải biết, ai có trách nhiệm đối với kiếp nạn thế gian? Mình có trách nhiệm, mình chẳng tu hoàn hảo, mình chẳng làm tốt đẹp. Ngày nay Phật giáo bị xã hội đại chúng hiểu lầm, chúng ta có thể trách người ta không? Không thể trách họ. Tại sao không thể trách người ta? Người xuất gia chúng ta chẳng làm gương tốt. Người trong thế gian chịu khổ lớn lao như vậy, gặp nạn lớn như vậy, là do ai tạo thành? Do mình tạo thành. Mình chẳng thiện, tâm mình chẳng thiện, hạnh của mình chẳng thiện, lời nói chẳng thiện nên gây nhiều khổ nạn cho con người. Ngày nay nhìn thấy kiếp nạn này, tôi phải phản tỉnh, tôi có lỗi lầm to lớn, tội nặng, tôi phải sám hối. Nếu người học Phật chúng ta ai nấy đều có giác ngộ như vậy thì Phật giáo làm sao không hưng vượng cho được, xã hội đại chúng làm sao không tiếp nhận được! Con người ai nấy đều có thể giữ tâm tốt, làm chuyện thiện, thì kiếp nạn sẽ được hóa giải. Kiếp này là tâm kiếp, căn nguyên là từ tâm, chẳng phải chi khác. Thế nên ngày nay chúng ta đọc đoạn kinh này thì phải phản tỉnh sâu xa, đức Phật trong kinh đã giảng rõ nhân và quả. Ngôn ngữ tuy chẳng nhiều, đúng là lời vắn tắt nhưng chứa đầy đủ ý nghĩa, bất luận là đối sự, đối lý, đều nói được viên mãn, rất ráo rỏi thường.

Xin chư vị mở kinh, Khoa Chú trang một trăm sáu mươi, đếm ngược hàng thứ ba [từ phía dưới lên], xem kinh văn:

Phật cáo Tứ Thiên Vương: “Thiện tai, thiện tai. Ngộ kim vị như cập vị lai hiện tại thiên nhân chúng đẳng quảng lợi ích cố, thuyết Địa Tạng Bồ Tát u Sa Bà thế giới Diêm Phù Đề nội sanh tử đạo trung, từ ai cứu bạt độ thoát nhất thiết tội khổ chúng sanh phương tiện chi sự”.

佛告四天王。善哉善哉。吾今為汝及未來現在天人眾

等廣利益故。說地藏菩薩於娑婆世界閻浮提內生死道中。慈悲救拔度脫一切罪苦眾生方便之事。

(Phật bảo Tứ vị Thiên Vương rằng: “Lành thay, lành thay. Ta nay sẽ vì sự lợi ích rộng lớn của quý vị cùng các chúng trời người hiện tại và vị lai, mà nói việc Địa Tạng Bồ Tát ở thế giới Sa Bà, trong đường sanh tử nơi cõi Diêm Phù Đề, từ mãi cứu vớt, phương tiện độ thoát tất cả chúng sanh tội khổ”.)

Bồ Tát nhận lời phó chúc của Phật, tiếp nhận sự ủy thác của Phật, đặc biệt là chúng sanh đời Mạt Pháp ương ngành khó giáo hóa, lão nhân gia dùng vô tận từ bi, vô lượng trí huệ và phương tiện, hóa thân ở thế gian này. Hóa thân của Ngài, nam nữ già trẻ trong xã hội, các ngành các nghề thấy đều có, nếu chẳng là người minh nhãn (người mắt sáng) thì chẳng nhìn thấy, người minh nhãn thấy rõ ràng, thấy minh bạch, ở đó tạo ra phương tiện vô tận. Không nhất định là thị hiện thân phận người xuất gia, hiện nay mọi người chẳng hiểu Phật pháp, đều cho rằng Phật pháp là mê tín, có chướng ngại nghiêm trọng. Thị hiện người xuất gia giáo hóa chúng sanh có thể sẽ có nhiều chỗ không thuận tiện, Bồ Tát thị hiện thân phận tại gia rất nhiều, đều khuyến thiện, sửa lỗi.

Hôm qua có đồng tu từ Đài Loan đến và đem những băng âm hình, trẻ em đọc kinh. Tôi nghe qua vài đoạn và rất cảm khái, những đại đạo lý của cổ thánh tiên hiền chẳng phải là học thuyết của cá nhân họ. Có phải những gì Khổng Tử nói là học thuyết của Ngài không? Lời Lão Tử nói là học thuyết của Ngài không? Lời đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy có phải là học thuyết của Ngài không? Đều chẳng phải, đó là gì? Học thuyết xứng tánh, là bản tánh của hết thảy chúng sanh, chân tâm của hết thảy chúng sanh, pháp vốn đầy đủ trí huệ đức năng của hết thảy chúng sanh, các Ngài nói đều là những thứ này. Nếu bạn nói đó là [học thuyết] của mỗi cá nhân họ thì bạn đã hiểu sai rồi. Là trí huệ đức năng vốn sẵn có trong tự tánh chúng ta, thuận thiện chẳng tạp. Nếu có thể phát huy được thì sẽ chân chánh đạt được “*thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*”, những đại đạo lý này chẳng liên quan đến một cá nhân nào cả. Tâm địa của họ thanh tịnh, từ bi, bác ái, họ đã nhìn thấy, Phật pháp gọi là minh tâm kiến tánh, họ đã nhìn thấy, chứng được. Chúng ta mê hoặc điên đảo, chẳng nhìn thấy, chẳng chứng được. Nếu chúng ta chứng được thì chẳng khác gì họ. Phải làm sao mới có thể chứng được? Phải phá ngã chấp, phá pháp chấp. Làm cách nào để phá? Niệm niệm vì chúng sanh, đừng nghĩ cho mình nữa; niệm niệm vì Phật

pháp, sự nghiệp của chúng ta chính là Phật pháp. Phật pháp là gì? Phật là giác ngộ, pháp là phương pháp, phương pháp làm cho hết thấy chúng sanh giác ngộ thì gọi là Phật pháp. Giúp cho hết thấy chúng sanh giác ngộ thì bạn đã hoằng dương Phật pháp. Ngày nay chúng ta ở tại thế gian này, làm công việc này, công việc ngành nghề này nói theo cách nói hiện nay tức là người làm công tác giáo dục xã hội, nói như vậy thì mọi người dễ hiểu.

Năm xưa lúc đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, Ngài làm công việc gì? Giáo dục xã hội, và lại còn là thiện nguyện, chẳng thu học trò một đồng xu các bậc nào cả, hoàn toàn là nghĩa vụ, Ngài là một người làm công tác giáo dục xã hội thiện nguyện. Chúng ta là học trò của Phật thì phải nối tiếp huệ mạng của Phật. Phật làm suốt cả đời, chúng ta là đệ tử học Phật nhiều đời kiếp sau, hết lòng làm theo, tiếp tục chẳng gián đoạn, nhất định phải làm cho hoàn hảo công tác giáo dục xã hội này. Đối tượng của giáo dục xã hội là hết thấy chúng sanh, chẳng phân biệt nam nữ, già trẻ, chẳng phân biệt sang hèn, giàu nghèo, cũng chẳng phân cõi trời cõi người, chín pháp giới chúng sanh đều đối đãi bình đẳng. Chúng ta phải học “*tác sư tác phạm*” (làm thầy, làm mô phạm), sư là gương mẫu của xã hội đại chúng, phạm là mô phạm. Nếu chúng ta làm không được thì phải sanh tâm hổ thẹn. Chúng ta giữ tâm [niệm như thế nào], tâm chúng ta có thể làm gương cho xã hội đại chúng không? Ngôn hạnh của chúng ta có thể làm gương cho xã hội đại chúng không? Phải thường suy nghĩ như vậy. Phàm những gì không thể làm gương tốt cho xã hội đại chúng, tuyệt đối không được làm. Những tâm niệm chẳng thể làm gương tốt cho xã hội đại chúng thì tuyệt đối chẳng thể khởi. Như vậy mới có thể được chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, chư Phật, Bồ Tát gia trì, long thiên thiện thần ủng hộ. Chúng ta đề cao giáo dục xã hội, Tân Gia Ba có thể làm nên một chút thành tích này [là vì] cư sĩ Lý Mộc Nguyên, các vị đồng tu, những nhân viên cán sự dưới quyền ông ta, tứ chúng đồng tu chúng ta chẳng có tâm riêng tư. Tại sao những chỗ khác làm không thành công? Phật chẳng có tâm phân biệt, chẳng có yêu thích; đại sư Thiện Đạo nói rất hay, đều là “*gặp duyên chẳng đồng*”. Đại chúng ở địa phương này, một lòng một dạ xả mình vì người, mỗi ngày đều nghĩ vì Phật pháp, vì chúng sanh, chẳng vì mình, cho nên được cảm ứng vô cùng thù thắng. Ở đây chúng ta có thể cảm nhận cảm ứng này rất

rõ ràng, hiển cảm hiển ứng⁵⁸, chẳng thể nghĩ bàn.

Chúng ta ở đây làm một gương tốt, người xuất gia làm người xuất gia gương mẫu, đạo tràng làm đạo tràng gương mẫu, hy vọng [những người] đến đây tham học chỉ đạo, sau đó xây dựng những gương mẫu này ở khắp mọi nơi trên thế giới. Hy vọng [đạo tràng] họ xây dựng tốt hơn ở đây, ngàn ngữ thường nói: *Đến sau về trước*⁵⁹, câu này rất có đạo lý. Tại sao đến sau vượt trội hơn trước? Xây sau chắc chắn tốt hơn trước, đợt trước có khuyết điểm, thiếu sót thì xây sau có thể sửa đổi cho tốt hơn. Cho nên càng về sau thì càng thù thắng, tốt hơn, được vậy mới có thể phổ độ chúng sanh, mới có thể hóa giải kiếp nạn của thế gian này. Chúng tôi không hy vọng mọi người đến đây học xong chẳng muốn về, ở lại đây, như vậy không tốt. Học xong cách làm việc của Cư Sĩ Lâm rồi trở về địa phương của mình tự làm lấy. Xây dựng đạo tràng chánh pháp ở khắp nơi, được vậy thì thế gian này mới được cứu, các bạn thực sự học được, thực sự hiểu được ý nghĩa của Phật, “nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”.

Giới thiệu Tứ Thiên Vương cho quý vị xong. Thế Tôn nói với Tứ Thiên Vương, “*cáo*” là lời người trên nói với dưới, những cách dùng chữ này chúng ta đều phải biết. Hai chữ “*thiện tai, thiện tai*” có hai ý nghĩa, thứ nhất là khen họ hỏi rất đúng, rất hay, hỏi để đem lợi ích cho hữu tình. Những Thiên Vương, Thiên Thần, chư vị nên biết, phần nhiều đều là Phật, Bồ Tát hóa thân, họ chẳng phải là quỷ thần. Nếu thực sự là phàm phu thì chẳng hỏi những câu như vậy nổi. Người có thể hỏi như vậy đều là Phật, Bồ Tát hóa thân thị hiện, đều chẳng phải là người thường. Chữ “*thiện tai*” thứ hai là khen ngợi họ, họ thiện hộ thế gian. Hộ thế gian quan trọng là thiện hộ, chữ này rất hy hữu, họ có phương tiện khéo léo. Hộ trì thế gian, làm cho người thế gian giác ngộ, làm cho người thế gian đoạn ác tu thiện, như vậy mới gọi là thiện hộ. Phật thuyết pháp ở nơi đó, chúng ta coi những gì nói trong kinh văn rất giống với tài liệu giảng thuyết của tôi.

“*Ngô kim vị nhữ cập vị lai hiện tại thiên nhân đẳng chúng*”, thiên, nhân đẳng chúng tức là chúng sanh trong lục đạo, nói thiên và nhân, những cõi khác lược bớt, “*đẳng*” tức là lục đạo, đặc biệt thương xót chúng sanh trong lục đạo. Bạn nghĩ xem Ngài ở hội giảng kinh tại cung

⁵⁸ “*Hiển cảm hiển ứng*” là ngay trong đời này dốc lòng thành, cạn lòng kính lễ niệm cúng dường thì sẽ được gia bị, gặp điều hung trở thành điều lành, gặp nạn thành may, và nghiệp tiêu, chướng tận, phước tăng, huệ rạng v.v...

⁵⁹ Hậu lai cư thượng.

trời Đao Lợi, ý nghĩa của Phật vô cùng rõ ràng, chẳng phải chỉ đại chúng hiện diện tại cung trời Đao Lợi lúc đó, pháp hội này lưu truyền về sau, những thánh chúng chẳng hiện diện lúc đó không biết bao nhiêu mà kể? Giống như hiện nay chúng ta đối diện trước máy thâu hình vậy, được truyền hình trên hệ thống vệ tinh, truyền đi khắp thế giới trên mạng lưới điện toán. Hiện nay người nghe chúng ta giảng kinh, tương lai chúng ta vãng sanh, chẳng còn ở đây, băng thâu hình này vẫn được giữ lại, người đời sau vẫn còn nghe được. Tôi nghe nói hiện nay kỹ thuật chế tạo những băng này rất cao, có thể giữ được hai trăm năm. Chúng ta chẳng có thọ mạng dài như vậy, hai trăm năm sau người ta còn nghe được băng của chúng ta, còn nhìn thấy được màn ảnh này. Thế nên chúng ta ở nơi đây giảng kinh thuyết pháp, mỗi cử chỉ hành động trong đời sống chúng ta, mỗi lời nói mỗi hành vi tối thiểu cũng phải giữ tròn trách nhiệm đối với thánh chúng hai trăm năm sau. Trong lời nói này của Thế Tôn đã hàm chứa những ý nghĩa như vậy.

“*Quảng lợi ích cố*”, lợi ích rộng lớn khi giảng Địa Tạng pháp môn, tuyên dương Địa Tạng pháp môn, duy chỉ có Địa Tạng pháp môn mới có thể độ thoát chúng sanh trong chín ngàn năm Mạt Pháp. Đạo lý của Nho gia, Đạo giáo, Phật giáo Đại Thừa rất tốt nhưng hiện nay chẳng có người chịu nghe, chịu tiếp nhận. Có thể niệm kinh một lần cũng kể là hay lắm rồi, có thể làm theo kinh thì chẳng có một ai. Địa Tạng pháp môn là pháp môn căn bản, do đó nhiều năm trước tôi đi giảng ở những thành phố lớn dọc miền đông nước Mỹ, giảng đại ý kinh Địa Tạng. Vì thời gian ngắn, mỗi nơi chỉ có bảy ngày, chẳng có cách chi giảng kinh, chỉ có thể giảng đại ý. Có một số đồng tu hỏi tôi: “Pháp sư chuyên hoằng Tịnh Độ thì tại sao lại giảng kinh Địa Tạng? Không phải đã xen tạp môn khác rồi sao?”. Họ hỏi rất đúng. Tôi nói: “Thiện tai, thiện tai, hỏi hay lắm. Tôi vẫn đang giảng Tịnh Độ, vẫn chuyên tu chuyên hoằng”. Họ nói “Kinh Địa Tạng là gì?”. Tôi nói: “Kinh Địa Tạng là câu đầu tiên trong Tịnh Độ Tông”. Họ hỏi: “Câu nào?”. Kinh Quán Vô Lượng Thọ giảng về Tam Phước, mọi người đều biết, là cơ sở của sự tu hành trong Tịnh Tông. Trong Hạnh Môn chúng ta đề xướng: “Tam Phước, Lục Hòa, Tam Học, Lục Độ, Phổ Hiền Thập Nguyên”, mọi người đều biết cả. Bộ kinh Địa Tạng này chính là phước thứ nhất trong Tam Phước: “*Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu mười nghiệp thiện*”. Các bạn nghĩ xem kinh Địa Tạng có giảng về việc này không? Tôi vẫn giảng về Tịnh Độ, chẳng tách lìa, vẫn chuyên tu, chuyên hoằng. Nói vậy nên mọi người đều hiểu, bộ kinh này giảng kỹ về bốn câu trên.

Từ chỗ này chư vị cũng có thể thấu hiểu đến nghĩa thú của kinh Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm nói “*một tức là hết thấy, hết thấy tức là một*”, nói cho chư vị biết, bất kỳ một kinh nào cũng bao hàm hết thấy kinh, hết thấy kinh đều có thể nhập vào một kinh. Không những có thể nhập vào một bộ kinh, nói cho chư vị biết, có thể nhập vào u của một câu. Thí dụ nói chỗ này, Phật bảo Thiên Vương “*thiện tai, thiện tai*”. Hết thấy kinh Phật trong bốn mươi chín năm có thể nhập vào thiện tai, thiện tai bao hàm hết thấy kinh, bao hàm hết thấy y cứ (căn cứ). Hai câu “*thiện tai, thiện tai*” cũng có thể nhập vào hết thấy kinh, hết thấy kinh cũng có thể nhập vào hai chữ này. Pháp viên dung, tại sao? Xứng tánh. Nếu bạn có thể thấu hiểu tánh đức, tức là “*một và nhiều chẳng hai*”, lý sự viên dung, đâu có chỗ nào chướng ngại? Phía sau nêu ra vài thí dụ. Sau cùng:

Tứ Đại Thiên Vương ngôn: “Dụy nhiên Thế Tôn nguyện nhạo dục văn”.

四天王言。唯然世尊願樂欲聞。

(Tứ Đại Thiên Vương bạch rằng: “Vâng! Bạch đức Thế Tôn, chúng con xin muốn được nghe”.)

Thế Tôn khen ngợi họ, họ đáp “*dụy nhiên*”. Dụy nhiên là lời đáp vô cùng cung kính, thái độ khai thỉnh đảm đương này đáng cho chúng ta học tập. “*Nguyện nhạo dục văn*” thì mới có được thọ dụng, chữ “*nhạo*” này phải chân tâm tình nguyện, vui vẻ tiếp nhận, tiếp nhận thì phải y giáo phụng hành. Nếu chẳng thể làm được thì bốn chữ “*nguyện nhạo dục văn*” trở thành trống không, nhất định phải làm cho bằng được. Xin xem tiếp:

Phật cáo Tứ Thiên Vương: “Địa Tạng Bồ Tát cứu viễn kiếp lai, ngật chỉ u kim độ thoát chúng sanh do vị tất nguyện, từ mãn thử thế tội khổ chúng sanh, phục quán vị lai vô lượng kiếp trung nhân mạn bất đoạn, dĩ thị chi cố hựu phát trọng nguyện”.

佛告四天王。地藏菩薩久遠劫來。迄至于今度脫眾生猶未畢願。慈愍此世罪苦眾生。復觀未來無量劫中因蔓不斷。以是之故又發重願。

(Đức Phật bảo bốn vị Thiên Vương rằng: “Bồ Tát Địa Tạng từ bao kiếp lâu xa đến nay, độ thoát chúng sanh vẫn chưa mãn nguyện, từ

bi thương xót chúng sanh tội khổ ở đời này, lại quán thấy vô lượng kiếp về sau, nghiệp nhân cứ dây dưa chẳng dứt, vì lẽ đó nên lại phát trọng nguyện.)

Trên thực tế Địa Tạng Bồ Tát ở đây hiện thân thuyết pháp dạy chúng ta, dạy chúng ta việc gì? Dạy chúng ta phải không ngừng phát nguyện, thế nên trong khóa lễ sáng tối chúng ta đều phát nguyện. Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ Tát, trong Ngũ Niệm Pháp Môn có phát nguyện. Phải thường phát nguyện, tại sao vậy? Nếu ba ngày không phát nguyện thì quên ráo trôi. Phàm phu nghiệp chướng tập khí quá nặng, bên trong có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bên ngoài có dụ hoặc của ngũ dục lục trần, chúng ta sinh sống trong hoàn cảnh này nếu không đọc kinh mỗi ngày, phát nguyện mỗi ngày thì chẳng giữ vững nổi, chúng ta sẽ bị những làn sóng này nuốt mất. Nói cách khác, chúng ta nhất định sẽ sanh tử luân hồi y như cũ, chắc chắn sẽ đọa tam ác đạo, chúng ta phải cảnh giác từng giờ từng phút. Trong những đợt sóng chập chùng này, trong những ngọn sóng mạnh mẽ này, chân chúng ta phải đứng cho vững, vừa sợ ý một chút liền bị cuốn trôi đi mất. Làm thế nào chân mới có thể đứng vững chắc được? Chính là Địa Tạng pháp môn. Thế nên từ trước đến giờ, khi mỗi đạo tràng mới thành lập thì nhất định phải giảng kinh Địa Tạng trước hết, để chúng ta có một mảnh đất. Đạo tràng này đã xây xong mà chưa giảng kinh này, nhân duyên kỳ này quá tốt, được lệnh của lão hòa thượng Nhân Đức, Ngài là đại biểu cho Địa Tạng Bồ Tát của chúng ta hôm nay, Chúa Cứu Thế của chúng sanh đời Mạt Pháp, chúng ta đi theo lão hòa thượng. Chúng ta phải hoằng dương, phát triển rộng rãi pháp môn này, đạo tràng này mới xây, có thể ở đây giảng một bộ kinh Địa Tạng, phù hợp với bốn nguyện của chúng ta, vô cùng hy hữu. Bộ băng thâu hình này sẽ được lưu thông rất rộng, giúp cho những đạo tràng mới xây dựng, chúng tôi chẳng có cách chi phân thân, chẳng thể [trực tiếp] đến đó giảng kinh thì dùng bộ băng thâu hình này.

Chúng ta phải thể hội đến Bồ Tát từ nhiều kiếp lâu xa mãi cho đến nay, tại sao độ thoát cho những chúng sanh này nhưng vẫn chưa viên mãn đại nguyện của Ngài, chính là như trong kinh nói: “*Chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề ương ngạnh khó giáo hóa*”. Trong lục đạo, tình hình mỗi đạo đều giống nhau, Thiên Thai đại sư khai diễn Pháp Hoa, giảng “*trăm giới ngàn như*” cho chúng ta, đó là chân tướng sự thật, trong mỗi pháp giới đều có mười pháp giới. Trong tâm chân thành của chúng ta khởi một niệm A Di Đà Phật thì đó là pháp giới Phật, khởi một niệm Địa

Tạng Bồ Tát thì là pháp giới Bồ Tát, vừa khởi một niệm tham-sân-si thì đó là pháp giới tam ác đạo: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nghiệp nhân quả báo của thập pháp giới chuyển biến trong từng một niệm, đây là hiện tượng luân hồi, đây là nghiệp nhân căn bản của luân hồi. Chúng ta tiếp nhận di giáo của Phật, có duyên đọc tụng kinh điển Đại Thừa, đây tức là Địa Tạng Bồ Tát độ chúng ta, kéo chúng ta ra khỏi tam ác đạo đến cõi nhân thiên, độ đến pháp giới Phật, Bồ Tát. Tánh thức của chúng ta ương ngạnh, khó giáo hóa, vừa rời khỏi giảng đường, xếp cuốn kinh lại thì đọa lạc ngay, lại đọa lạc đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, không phải chúng ta mỗi ngày đều làm việc này hay sao? Thế nên nhọc sức Địa Tạng Bồ Tát nhiều kiếp lâu xa đến nay, mỗi ngày đều phải phát nguyện, thương xót những chúng sanh tội khổ chúng ta. Giác căn của chúng ta không vững, nguyện lực của chúng ta yếu ớt, lòng tin rất yếu mềm, chẳng chống chọi nổi phiền não tập khí. Bồ Tát nhìn thấy vô cùng rõ ràng, “*vô lượng kiếp trung, nhân mạn bất đoan*”, “*nhân mạn*” là thí dụ, giống như cỏ bò lan dưới đất, nghiệp nhân của cỏ bò lan rất khó diệt tận. Ví như phiền não tập khí của chúng ta, tạo nghiệp thọ báo, luân hồi vô tận, dùng bốn chữ này hình dung quá đúng. Nhưng Bồ Tát vẫn chẳng nản chí, chẳng lùi bước, vẫn dốc hết tâm, hết sức giúp đỡ chúng sanh. Nên Thế Tôn nói tiếp:

Như thị Bồ Tát u Sa Bà thế giới Diêm Phù Đề trung, bách thiên vạn ức phương tiện nhi vi giáo hóa.

如是菩薩於娑婆世界閻浮提中。百千萬億方便而為教化。

(Bồ Tát ở thế giới Sa Bà, trong cõi Diêm Phù Đề, dùng trăm ngàn vạn ức phương tiện để giáo hóa.)

Thế giới Sa Bà đặc biệt chỉ cõi Diêm Phù Đề, Diêm Phù Đề là địa cầu, Ngài có duyên sâu đậm với chúng sanh trên quả địa cầu chúng ta. Ba nghiệp của Bồ Tát, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, chỉ có một mục đích là lợi ích hết thảy chúng sanh. Trong các kinh điển đức Phật thường nói, thực sự đã nói ngàn lần, vạn lần, chúng ta vẫn chẳng nhớ y như cũ. Phật dạy chúng ta “*Thọ trì đọc tụng, vì người diễn nói*”, chư vị thử nghĩ coi trong kinh, đức Phật đã nói câu này hết bao nhiêu lần? Đã nói vô cùng khẩn thiết. Trong kinh đức Phật giảng về những đạo lý, phương pháp, cảnh giới ấy, chúng ta phải thọ trì. Trì là bảo trì, sau khi tiếp nhận xong thì phải bảo trì, chẳng đánh mất. Làm sao tiếp nhận đạo

lý mà Phật đã giảng? Biến nó thành tư tưởng, kiến giải của mình trong sinh hoạt thường ngày, như vậy là chúng ta tiếp nhận rồi. Cách suy nghĩ, cách nhìn của chúng ta giống như cách nói trong kinh Phật, chẳng trái nghịch, như vậy là chúng ta tiếp nhận ý tưởng, quan điểm của Phật. Những phương pháp mà Phật giảng trong kinh biến thành hành vi trong đời sống của chúng ta, chúng ta phải làm cho bằng được. Cảnh giới Phật giảng trong kinh biến thành sự hưởng thụ của chính mình ngay hiện tiền, nhập cảnh giới Phật. Như vậy thì tự tại, khoái lạc biết mấy, đây là tự thọ dụng, tự thọ dụng chính là tha thọ dụng. Biểu hiện trong cuộc sống của chúng ta là nêu gương cho người khác tức là diễn, nghĩa là biểu diễn cho người khác coi. Nói được thì phải làm được, làm ra cho người ta xem, đích thật là gương mẫu của xã hội đại chúng, là mô phạm của xã hội đại chúng.

Trong hai năm gần đây chúng ta giảng kinh hoàng pháp ở mọi nơi, chúng ta có một đề mục chung “*Học vi nhân sư, hành vi thế phạm*”⁶⁰, chúng ta dùng tám chữ này làm đề mục chung. Mọi người vừa nhìn đề mục này không đến nỗi hiểu lầm chúng ta là mê tín, hiểu lầm là chúng ta đang làm việc tôn giáo⁶¹. Chúng ta làm sao có thể đem Phật giáo trở về làm giáo dục xã hội, bốn chúng đệ tử trong nhà Phật là người làm công tác giáo dục xã hội, Phật pháp mới có thể phổ biến lợi ích hết thảy chúng sanh. Lời này là như thế nào? Các tôn giáo tín ngưỡng khác nhau đều cùng đến học Phật, các văn hóa chủng tộc khác nhau cũng ưa thích học Phật thì Phật pháp mới có thể đem lại lợi ích cho hết thảy chúng sanh. Nếu nói Phật giáo là tôn giáo thì các tôn giáo chẳng thể dung nạp, tiếp nhận. Nhưng Phật pháp là giáo dục xã hội, chúng ta xóa bỏ giới hạn của tôn giáo thì bất kỳ tín đồ tôn giáo nào cũng có thể học Phật, đều có thể làm đệ tử của Phật, đều chẳng mâu thuẫn với tín ngưỡng của tôn giáo họ.

Giống như sự thị hiện trong kinh Hoa Nghiêm, Bà La Môn, Bà La Môn giáo chẳng phải Phật giáo. Biến Hành ngoại đạo cũng là tôn giáo khác, cũng chẳng phải Phật giáo, đều là Bồ Tát. Bồ Tát thị hiện trong những hành nghiệp của họ, giáo hóa những hạng chúng sanh ấy, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Thế nên chúng ta gặp Cơ Đốc Giáo phải tán

⁶⁰ Học làm thầy người, hành làm khuôn mẫu cho đời.

⁶¹ Ở đây, hòa thượng dùng chữ tôn giáo theo định nghĩa chữ religion trong triết học Tây phương, tức là một chủ thuyết công nhận có một đấng chủ tể sanh ra vũ trụ, con người phải tuân phục vị đó, tin tưởng vô điều kiện. Nói cách khác là thần quyền, con người không có năng lực tự làm chủ vận mạng của chính mình. Do vậy, triết gia Bergson từng nói Phật giáo không phải là một tôn giáo là dựa theo ý nghĩa này.

thán, chúng ta gặp Mục Sư cũng chấp tay kính chào Mục Sư Bồ Tát, gặp người đạo Hồi chúng ta chấp tay cung kính A Hoanh⁶² Bồ Tát, họ đều là Bồ Tát cả.

Họ hỏi tôi: “Ông xưng tôi là Bồ Tát là có ý nghĩa gì?”.

“Bồ Tát là một người có trí huệ, người giác ngộ thì gọi là Bồ Tát. Bạn có trí huệ hay không, giác ngộ không?”. Họ gật đầu.

“Vậy thì bạn là Bồ Tát”.

Thân phận của bạn là A Hoanh, thì bạn là A Hoanh Bồ Tát; thân phận hiện nay của bạn là Mục Sư thì bạn là Mục Sư Bồ Tát. Trong kinh Phật, thân phận của bạn là đồng nam, đồng nữ thì bạn là đồng tử Bồ Tát, đồng nữ Bồ Tát; thân phận của bạn là Tể Quan thì bạn là Tể Quan Bồ Tát. Phàm là người có trí huệ, giác ngộ rồi đều xưng là Bồ Tát. Bồ Tát nhất định chẳng phải khắc, chạm tro bằng gỗ, bằng đất nặn, cúng ở trong chùa để cho người ta lạy, cách suy nghĩ và cách nhìn như vậy là sai lầm. Đó đều là tiêu biểu pháp, Bồ Tát là sống chứ chẳng chết. Người người đều làm Bồ Tát thì thiên hạ sẽ thái bình, tai nạn sẽ hóa giải hết. Vì thế, giáo dục của đức Phật là một nền giáo dục xã hội viên mãn nên được phổ cập trên thế gian này, mục đích rốt ráo của nó là chuyển phàm thành thánh, đó là mục tiêu của nền giáo dục này. Hết thấy mọi người đều thành Bồ Tát, mọi ngành mọi nghề đều là Bồ Tát thì xã hội làm sao có tai nạn được? Cảnh tùy tâm chuyển, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Chư Phật, Bồ Tát dùng vô lượng pháp môn, phương tiện giúp đỡ chúng sanh đang chịu khổ nạn.

Phải biết cách tùy cơ thuyết pháp, những Bồ Tát nói trong kinh, chư Phật, Bồ Tát nên dùng thân gì để độ được thì hiện thân ấy. Được độ là như thế nào? Dùng cách nói hiện nay nghĩa là nên dùng thân phận gì để giúp đỡ họ thì bạn thì hiện thân phận ấy, độ nói theo cách nói hiện nay tức là giúp đỡ. Nên nói cho họ pháp môn gì thì bạn nói pháp môn ấy cho họ, thế nên xem xét căn cơ rất quan trọng. Kinh Dịch của cổ nhân Trung Quốc nói: “*Quán sát thiên văn để biết thời thế biến đổi*”⁶³. Thiên văn là gì? Mỗi đêm ngược nhìn sao trên trời gọi là Thiên Văn. Lời thánh nhân sâu rộng vô cùng, nhiều người chẳng biết, họ nhìn thiên văn? Mỗi đêm họ đều quan sát bầu trời coi những ngôi sao có biến hóa gì chẳng. Đó là gì? Chẳng hiểu ý của thánh nhân. “*Thiên*” là thiên nhiên, tức là tự nhiên. “*Văn*” là văn chương. Chữ văn trong bộ “Thuyết Văn Giải Tự”

⁶² A Hoanh là danh xưng của thầy tể (Hồi giáo), người Trung Quốc đọc trại chữ Imam của đạo Hồi.

⁶³ “Quán hồ thiên văn, dĩ sát thời biến”.

⁶⁴, ý của chữ văn này là gì? Về một nét gọi là văn. Nghĩa là bạn quán sát hiện tượng của thế gian, Thiên Văn tức là hiện tượng xã hội, từ các hiện tượng trong xã hội bạn có thể cảm nhận được thế giới này có thay đổi gì? Phía trước tôi đã giới thiệu cho các bạn về Tứ Đại Thiên Vương, Tây Phương Quảng Mục thiên vương tiêu biểu cho ý nghĩa này. Ngài biết nhìn, biết quán, biết xem xét, rành quán sát. Trên tay Ngài cầm rồng, rắn, rồng rắn tiêu biểu cho biến hóa. Tay kia cầm hạt châu, hạt châu tượng trưng cho sự chẳng thay đổi trong biến hóa. Nắm vững được nguyên tắc chẳng biến đổi thì có thể ứng phó được sự thay đổi này, Kinh Dịch cũng nói như vậy.

Chúng ta biết nhìn không? Chúng ta thường ngồi xe, rất ít đi tản bộ, đi ngắm cảnh, đi du lịch. Ngồi xe, đi bộ trên đường phố, bạn nhìn thấy hiện tượng gì? Bạn thấy hiện nay những quảng cáo, xem những hình ảnh vẽ trên xe hơi hay xe bus công cộng, xem quần áo của người trẻ tuổi, [những thứ] như vậy là thiên văn. Trong tâm chúng ta hiểu rõ rồi, hiểu rõ cái gì? Trong kinh Phật nói, trong kinh Lăng Nghiêm nói: “*Tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng*”, [các quảng cáo, hình ảnh] đó tức là tà sư. Làm cho [những cảnh giới] được tiếp xúc bởi sáu căn của người thế gian đều là cảnh giới yêu ma quỷ quái. Làm cho người thế gian khi lục căn tiếp xúc đến đều là cảnh giới yêu ma quỷ quái. Họ sống cuộc đời như thế nào? Đời sống của yêu ma quỷ quái. Bồ Tát nhìn thấy những hiện tượng này, lòng thương xót bèn sanh khởi. Làm thế nào để cứu độ họ? Chúng ta làm những áo thun, những áo các bạn mặc, trên đó in chữ A Di Đà Phật, in danh hiệu của Phật, Bồ Tát, in chữ Tri Ân Báo Ân; số lượng của chúng ta ít, số lượng của họ quá nhiều. Chúng tôi nghĩ ra một cách, nhờ những người hiểu biết, những người thực sự phát tâm Bồ Đề, chúng ta phải dùng những phương pháp này, tuyên truyền rộng rãi. Chúng ta diễn giảng với quy mô lớn và tặng quần áo, tặng cho những người trẻ tuổi ai cũng mặc, cả đường phố đều [nhìn thấy hàng chữ] A Di Đà Phật, đều thấy Quán Thế Âm Bồ Tát, như vậy rất tốt.

Cổ đức có câu: “*Người biết rõ vận mạng chẳng oán trời, người biết rõ về mình chẳng trách người*”⁶⁵, do đó có thể biết trong xã hội hiện nay rất nhiều người oán trời trách người, người oán trời trách người quá nhiều, ai cũng cảm thấy mình chẳng có lỗi lầm, [họ nghĩ] đều là lỗi lầm của kẻ khác. Không những không biết vận mạng, ngay cả chính mình

⁶⁴ Thuyết Văn Giải Tự là một bộ sách của Hứa Thận, được coi là một từ điển về tu từ học cổ nhất của Trung Hoa.

⁶⁵ Tri mạng giả bất oán thiên, tri kỷ giả bất oán nhân.

cũng chẳng biết. Thế nên giáo học Phật pháp, Phật dạy những gì? Chân tướng sự thật của nhân sinh. Vũ trụ là hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta, nhân sinh tức là chính mình, giáo học của Phật giáo chẳng có gì khác ngoài việc dạy bạn chân chánh biết rõ về mình, nhận thức mình, hiểu rõ hoàn cảnh sinh hoạt của mình. Có thể hiểu rõ chân tướng này rồi thì bạn sẽ là Bồ Tát, bạn sẽ là Phật; Phật, Bồ Tát chỉ là người hiểu mình bạch mà thôi. Trước kia lão pháp sư Đàm Hư cũng thường nói một người mình bạch nhất định không oán trời, chẳng trách người, người ấy mới có thể tiếp nhận lời dạy của đức Phật, mới vui vẻ y giáo phụng hành. Trong nghịch cảnh gặp khổ nạn cùng cực, họ vẫn muốn nêu gương tốt, trong mỗi niệm đều có thể xả thân vì người khác. Nhìn thấy lỗi lầm của phần đông xã hội đại chúng ở đâu? Xã hội đại chúng tham tiền thì Bồ Tát thị hiện xả tiền; xã hội đại chúng tranh danh đoạt lợi thì Bồ Tát thị hiện buông bỏ danh lợi. Tại sao phải làm như vậy? Cách làm này tức là giáo học. Vì người diễn nói, biểu diễn cho họ thấy. Bồ Tát sống trong thế gian này chẳng vì mình, mà vì chúng sanh, là đến để diễn kịch. Hy vọng tuồng kịch này có thể làm cho người xem giác ngộ, hiểu rõ, làm cho họ quay về, không bao giờ vì mình? Biểu diễn cho người khác. Đây là đại từ đại bi, đây là tinh thần của Địa Tạng Bồ Tát.

Hôm nay chúng ta xem tiếp kinh văn:

Tứ Thiên Vương.

四天王。

(Tứ thiên vương.)

Đây là lời Phật kêu tên của họ. Kêu tên, lời khai thị sau đó vô cùng quan trọng, kêu tên là để nhắc họ.

Địa Tạng Bồ Tát nhược ngộ sát sanh giả, thuyết túc ương đoản mạng báo.

地藏菩薩若遇殺生者。說宿殃短命報。

(Địa Tạng Bồ Tát nếu gặp kẻ sát sanh thì dạy rõ quả báo vì tai ương đời trước mà phải chết yểu.)

Sau đây nêu ra vài trường hợp. Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa chúng sanh dùng phương tiện khéo léo, chúng ta phải học. “Ương” là tai ương, tai nạn trong đời rất nhiều, thường gặp quả báo chuyện gì cũng không vừa ý, bệnh khổ, chết yểu. Vì nguyên nhân gì? Sát sanh, sát nghiệp quá

nặng. Tự chúng ta cũng cảm thấy trong đời này chúng ta bị bệnh nhiều, thường thường bị bệnh đau, phải biết nguyên nhân là gì? Sát nghiệp. Đời này tuy chẳng tạo sát nghiệp, nhưng đời trước đã tạo. Trong kinh đức Phật nói, nói sự thật. “*Muốn biết nhân đời trước thì những gì phải gánh chịu trong đời này chính là kết quả của những nhân ấy*”, những gì mình chịu trong đời này đều là do nhân tạo đời trước. Bạn phải hiểu rõ sự thật, ngày nay bất luận chúng ta chịu tai nạn gì thì cũng nên tiếp nhận một cách vui vẻ, đời trước tạo nhân chẳng tốt thì bây giờ phải chịu quả báo. Hứng chịu quả báo chẳng oán trời, chẳng trách người thì khi thọ hết, khóa sổ kết thúc. Nếu bạn chịu quả báo mà còn oán trời trách người thì phiền phức lớn lắm. Đời này chịu quả báo lại tạo thêm ác nghiệp, đời sau vẫn phải tiếp tục chịu, dây dưa chẳng dứt. Cho nên khi bạn hiểu rõ rồi, những gì chúng ta nhận chịu đến đời này chấm dứt, sổ nợ trả dứt, báo hết. Đời này nỗ lực tu thiện, nhất định không sát sanh. Không những không sát sanh, mà còn không làm việc nào hại chúng sanh. Không những không thể làm, phải không có ý niệm này, được vậy thì quả báo tương lai của chúng ta sẽ thù thắng. Đời này thời gian rất ngắn, cho dù sống đến một trăm tuổi thì một khảy ngón tay bèn trôi qua, thời gian đi qua rất mau, đọc đến câu này, nhất định không thể sát sanh, chúng ta nhìn thấy những người thọ báo trong thế gian liền biết được. “*Muốn biết quả báo đời sau, những gì mình làm đời này chính là nó*”, chúng ta khởi tâm động niệm, hết thấy tạo tác là quả báo đời sau, nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai.

Nhược ngộ thiết đạo giả, thuyết bản cùng khổ sở báo.

若遇竊盜者。說貧窮苦楚報。

(Nếu gặp kẻ trộm cắp thì dạy rõ quả báo bản cùng khổ sở.)

Hiện nay có nhiều chỗ lạc hậu như Phi Châu, chúng ta thường xem báo cáo người bên đó chịu nỗi khổ đói lạnh, đó là cộng nghiệp, họ chẳng biết quả báo chắc chắn phải có nhân. Nhân của sự đói lạnh, bản cùng, khổ sở là trộm cắp. Phạm vi của trộm cắp vô cùng rộng lớn, định nghĩa trong Phật pháp là không cho mà lấy, đồ đạc của cải có chủ, chủ chẳng cho bạn, bạn bèn lấy đi thì gọi là trộm cắp. Còn phương thức trộm cắp rất nhiều; có một số người đem vật cho nhưng chẳng phải cam tâm tình nguyện mà bị ép bức nên phải đem cho; bạn có quyền uy, thế lực nên không thể không nịnh hót bạn, dâng bók bạn, đó cũng là trộm cắp. Hễ dùng những thủ đoạn, tâm lý không chánh đáng, những gì bạn đạt

được đều gọi là trộm cắp. Phạm vi này rất rộng, Giới Kinh nói rất tường tận, [trộm cắp sẽ] bị quả báo này.

Nhược ngộ tà dâm giả, thuyết tước cáp uyên ương báo.

若遇邪淫者。說雀鴿鴛鴦報。

(Nếu gặp kẻ tà dâm thì nói rõ quả báo làm khổng tước, bồ câu, uyên ương.)

Chữ “tước” ở đây, trong chú giải của pháp sư Thanh Liên đặc biệt ghi rõ là khổng tước (chim công). Nói cách khác, quả báo của tà dâm là sanh vào cõi súc sanh. Bạn muốn sanh vào cõi súc sanh không? Nếu không muốn sanh vào cõi súc sanh thì nhất định đừng trông nhân ấy. Thế nên Bồ Tát ở phía trước nói về mười cõi ác, trong Tam Phước dạy chúng ta tu mười nghiệp thiện, khi tu mười nghiệp thiện thì những quả báo chẳng thiện sẽ không còn nữa. Nếu bạn không tu mười nghiệp thiện, lại còn tạo mười nghiệp ác thì chắc chắn sẽ không tránh khỏi quả báo ác.

Nhược ngộ ác khẩu giả, thuyết quyền thuộc đấu tranh báo.

若遇惡口者。說眷屬鬭諍報。

(Nếu gặp kẻ nói lời thô ác, thì dạy rõ quả báo quyền thuộc kinh chống nhau.)

Chúng ta cũng thường thấy người trong cùng một nhà cãi lộn, [đúng là] chẳng phải oan gia thì chẳng gặp nhau. Tại sao người trong một nhà thường chẳng hòa hợp? Đây là quả báo đời trước nói lời thô ác. Nếu trong đời này vẫn không sửa đổi thì còn phiền phức hơn nữa, nhà người ấy làm sao hòa hợp được? Ngạn ngữ thường nói: “Nhà hòa hợp thì vạn sự hưng vượng”, nhà chẳng hòa thì chắc chắn sẽ suy bại.

Nhược ngộ hủy báng giả, thuyết vô thiệt, sang khẩu báo.

若遇毀謗者。說無舌。瘡口報。

(Nếu gặp kẻ hủy báng, thì nói rõ quả báo không lưỡi, miệng lở.)

Khẩu nghiệp có bốn loại, đặc biệt nêu lên “nói lời thô ác”. Phía sau “hủy báng” bao gồm “nói dối, nói lưỡi hai chiều, nói thêu dệt” trong ấy. Hủy báng, đặc biệt là hủy báng Phật pháp, nhưng chư vị nên biết hiện nay hơn phân nửa xã hội cho rằng Phật giáo là tôn giáo, tôn

giáo là mê tín, trong hết thấy tôn giáo thì Phật giáo là mê tín nhất, thuộc về hạng thấp nhất. Tại sao vậy? Tôn giáo hạng cao chỉ có một vị Thần, duy nhất chỉ có một Chân Thần, [họ cho rằng] Phật giáo là Đa Thần Giáo, đạo nhiều thần, cái gì cũng lạy, nên cho rằng là tôn giáo hạng thấp, chẳng ai coi trọng. Do đó làm cho quảng đại quần chúng trong xã hội hủy báng, họ tạo nghiệp này dễ sợ lắm. Họ hủy báng như vậy, chúng ta có thể trách họ chăng? Chẳng thể, phải trách chúng ta, chúng ta chẳng giải thích rõ ràng, chẳng giảng minh bạch, làm cho họ hiểu lầm. Thế nên khi chúng ta gặp người hủy báng Phật pháp thì phải quay lại trách chính mình, chẳng thể trách họ. Họ chẳng tìm hiểu rõ, chẳng hiểu chân tướng sự thật, chúng ta có trách nhiệm. Nhưng sự hủy báng của họ chắc chắn sẽ có quả báo, chúng ta phải giúp họ sám hối, nhận thức Phật giáo, nhận thức Đại Thừa. Như trong lịch sử có ghi Thiên Thân Bồ Tát lúc bắt đầu học Tiểu Thừa, hủy báng Đại Thừa, sau này anh của Ngài là Vô Trước Bồ Tát giảng giải cho Ngài hiểu rõ, Ngài bèn sám hối, phát nguyện cắt lưỡi của mình. Anh Ngài nói: *“Không cần, trước kia em dùng lưỡi này hủy báng Đại Thừa, bây giờ hãy dùng lưỡi này để tán thán Đại Thừa, như vậy có phải tốt hơn không!”*. Cho nên kể từ đó Ngài bèn tán thán Đại Thừa, tuyên dương Đại Thừa, đây là pháp môn sám hối, sửa đổi thành mới nên Ngài được độ. Chúng ta phải cứu độ những chúng sanh tạo khẩu nghiệp này, chẳng có chi khác ngoài việc dốc hết tâm lực để tuyên dương Đại Thừa, giúp cho họ nhận thức rõ ràng bộ mặt [ý nghĩa] chân chánh của Phật pháp, làm cho họ quay trở lại, không những không hủy báng mà còn tán thán.

Tôi giảng kinh thuyết pháp trên giảng đài này hết bốn mươi năm. Năm ba mươi ba tuổi tôi bắt đầu giảng kinh, năm nay đã bảy mươi hai tuổi, nếu tính hư tuế thì đã bốn mươi năm rồi. Vẫn còn rất nhiều người hủy báng, tôi đều tiếp nhận hết, tại sao? Vì đã tạo khẩu nghiệp quá sâu đậm. Lúc chưa học Phật đã hủy báng Phật pháp, tôi đã nói Phật pháp là mê tín. [Lúc đó] tôi chỉ tin Cơ Đốc Giáo, tin Hồi Giáo, tôi đã trải qua hai năm trong Cơ Đốc Giáo, một năm trong Hồi Giáo, ấn tượng của tôi đối với cả hai đạo ấy rất tốt, cả hai đều có thể nói ra một số đạo lý. Trong Phật pháp thì tôi chẳng [có cơ hội] tiếp xúc với pháp sư, chẳng có người giảng cho tôi, nói rõ đạo lý của Phật pháp nên tôi chẳng biết. Tôi cũng cho rằng Phật pháp là mê tín, phải phá trừ mê tín. Tôi tạo ra nghiệp rất nặng, làm thân Phật ra máu là tội nghiệp đọa địa ngục Vô Gián. Lúc nhỏ tuổi vô tri, thời kháng chiến [chống Nhật] trường học rất ít, trường học lúc ấy ở đâu? Ở trong chùa miếu. Chánh phủ tịch thu chùa miếu để làm

trường học, đem chánh điện làm lễ đường, điện nhỏ kê bên thì làm phòng học. Họ đem tượng Phật, tượng Bồ Tát gom lại bỏ trong một gian phòng, bên ngoài dán giấy phong kín lại, như vậy kê cũng còn tốt. Con nít chúng tôi nghe nói trong ấy có rất nhiều Phật, Bồ Tát, có thể lấy đồ chơi đùa, bèn đục lỗ trên cửa sổ chui vào, lấy tượng Phật làm đồ chơi, chơi đã xong rồi vứt bỏ, phá hoại hết. Do hiếu kỳ nên chẻ tượng Phật bằng gỗ ra coi trong ấy có gì hay không, trong bụng [tượng Phật] có sợi tơ gì hay không, chơi rất nhiều trò, còn chơi bùa chú nữa. Chúng tôi tạo những tội nghiệp này, lúc đó còn nhỏ chẳng biết. Thầy giáo cũng chẳng dạy, nói thật ra, nếu nói thì chúng tôi chưa chắc sẽ nghe theo, cứ tiếp tục tạo tội nghiệp hủy báng Phật pháp. Sau này học Phật rồi mới biết, đây là tạo tội nghiệp đọa địa ngục Vô Gián. Ngày nay tôi giảng kinh thuyết pháp được bốn mươi năm, vẫn còn bị người ta hủy báng, sỉ nhục, như vậy là đáng lắm, là tội nặng nhưng chỉ bị quả báo nhẹ mà thôi.

Lúc nhỏ tôi đi học rất ngộ nghich, thầy giáo rất thích tôi, nhưng thầy cũng rất khó dạy dỗ tôi. Sức nhớ dai của tôi rất tốt, sách đọc qua một lần bèn thuộc lòng thế nên chẳng đọc tiếp nữa, chỉ đọc để thi cử mà thôi. Mười phút trước giờ thi nếu tôi coi bài, ôn qua một lượt thì chắc chắn sẽ thi đậu. Vả lại, tôi thi cử gì cũng chỉ muốn được sáu mươi điểm, thêm một điểm cũng chẳng được. Tôi chẳng tranh danh, chẳng đoạt lợi, luôn luôn đem bài nộp trước nhất. Thầy giáo coi xong đều lắc đầu, có thể lấy được điểm tốt nhưng đều không chịu lấy, tại sao? Vì ham chơi. Chỉ cần cho tôi mỗi năm được lên lớp là tốt rồi, như vậy là đã đạt được mục đích, yêu cầu của các bạn không phải cũng chỉ là như vậy sao? Thầy giáo yêu cầu gia trưởng, tôi đều làm cho họ mãn nguyện. Nhưng tôi thích làm những việc tôi ưa thích. Tôi đọc rất nhiều sách, nhiều hơn các bạn đồng học. [Từ] thư viện trong trường, tôi đọc những sách tôi ưa thích nên kiến thức phổ thông của tôi phong phú hơn người thường. Từ lớp Ba cấp Tiểu Học tôi bắt đầu đọc những tiểu thuyết xưa của Trung Quốc, đọc đến năm thứ nhất của bậc Trung Học bèn thôi, chẳng đọc tiếp nữa. Những tiểu thuyết hay hầu như tôi đều đọc qua bốn, năm lần, thí dụ bốn tiểu thuyết lớn như Tây Du Ký, Tam Quốc Diễn Nghĩa, Thủy Hử Truyện, Hồng Lâu Mộng đại khái mỗi bộ đều đọc hết năm, sáu lần. Hơn nữa những sách dày như vậy, tôi đọc nhanh lắm, chẳng tới một tuần là tôi đọc hết tron. Tiểu thuyết cổ điển đọc hết rồi, đến năm thứ nhất của bậc Trung Học bèn chẳng đọc nữa. Ban ngày đọc tiểu thuyết, ban đêm đi coi kịch. Đời học sinh của tôi thật là thú vị, các thầy của chúng tôi đều biết, hiệu trưởng cũng biết. Tôi nói với hiệu trưởng, trường học hiện nay

chẳng qua là chỗ để kiểm văn bằng, kiểm học vị mà thôi, những gì học xong chẳng dùng được, tôi học những thứ này tương lai có dùng được gì không? Thầy tôi cũng chịu tôi hết nổi, tạo nghiệp quá nhiều. Nhưng kể ra cũng có một chút thiện căn là chẳng hại người khác, chẳng gây hại cho xã hội.

Sau khi tiếp xúc Phật pháp mới biết, mới hiểu được đạo lý này nên nỗ lực đoạn ác tu thiện. Lúc tôi chưa học Phật nhiều người coi bói đều nói tôi chẳng sống hơn bốn mươi lăm tuổi, tự mình tôi cũng tin, chẳng nghi ngờ gì cả. Tại sao? Đã tạo những nghiệp lúc trước làm sao có thể sống lâu được? Thế nên năm bốn mươi lăm tuổi, tôi mắc bệnh cũng chẳng đi khám bác sĩ, cũng chẳng uống thuốc, giống như ông Lý Mộc Nguyên vậy, thọ mạng đã đến, bác sĩ chỉ có thể trị bệnh, chẳng thể trị mệnh, chỉ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Niệm được một tháng thì hết bệnh, khỏe trở lại. Chúng tôi hồi tâm chuyển ý, đem một chút trí huệ, khả năng, thân thể này hoàn toàn hiến dâng cho Phật, Bồ Tát, làm việc cho Phật, Bồ Tát, chẳng vì mình nữa. Nhà Phật thường nói *“nuơng theo nguyện trở lại”* (thừa nguyện tái lai), chúng tôi chuyển biến nghiệp lực thành nguyện lực, chẳng cần đợi đến lúc vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi quay trở lại, chẳng cần nữa. Hiện nay thay đổi nghiệp lực thành nguyện lực thì xong ngay, thì sẽ thừa nguyện tái lai. Tôi thay đổi được hiệu quả rất tốt, Lý Mộc Nguyên thay đổi cũng rất có hiệu quả, đều là biểu diễn cho các bạn xem. Hai người chúng tôi làm được thì các bạn đều có thể làm được, chỉ coi bạn chịu hay không chịu mà thôi. Vừa thay đổi thì ý niệm liền thay đổi, khởi tâm động niệm đều vì Phật pháp, vì chúng sanh, tuyệt chẳng có một tâm niệm vì mình. Tôi vì Phật pháp, vì chúng sanh nhưng tôi còn vì mình được không? Không được. Nhất định phải một trăm phần trăm vì Phật pháp, một trăm phần trăm vì chúng sanh, nhất định chẳng thể có một tơ hào vì mình thì bạn có thể chuyển đổi trở lại, và lại sẽ chuyển rất nhanh chóng. Chúng ta tham gia câu lạc bộ của Phật, Bồ Tát, tham gia hạnh nghiệp này của Phật, Bồ Tát thì đâu có lý nào chẳng thể chuyển đổi được? Còn phải học giảng kinh thuyết pháp không? Chẳng cần học. Học ư? Có học cũng chẳng được. Tâm của bạn giống như tâm Phật thì tự nhiên sẽ tỏ lộ. Chẳng phải do bạn chuẩn bị sưu tập tài liệu thì bạn mới biết giảng, chẳng có chuyện ấy. *“Pháp vốn là như vậy”*⁶⁶, từ trong tự tánh thể hiện ra, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Trong *“Nội Điển”*⁶⁷ chư vị bất quá là học một số phương pháp căn bản.

⁶⁶ (Pháp nhĩ như thị).

⁶⁷ Nội Điển ở đây là khóa học Nội Điển Giảng Tọa của hòa thượng.

Chúng ta là người sơ học chưa nhập cảnh giới của Phật nhất định phải dùng cách nói của Tổ sư đại đức để nói, chẳng nói sai những lời của họ. Nhưng tự mình chân chánh phát tâm hoằng pháp lợi sanh nhất định phải nhập cảnh giới. Chẳng nhập cảnh giới thì chỉ là “*nói đồ ăn, đếm của báu*”, hoàn toàn là đồ của người khác, chẳng liên quan gì đến mình cả. Muốn nhập cảnh giới thì phải triệt để buông xuống, buông xuống thì tự nhiên sẽ nhìn thấu. Nhìn thấu là gì? Hiểu rõ rồi. Tánh - Tướng, Lý - Sự, Nhân - Duyên, Quả - Báo đều rõ ràng, minh bạch, đó gọi là nhìn thấu, là sự việc như thế. Xem tiếp đoạn kinh phía sau:

Nhược ngộ sân khuê giả, thuyết xú lậu lung tàn báo.

若遇瞋患者。說醜陋癡殘報。

(Nếu gặp kẻ nóng giận, thì nói rõ quả báo xấu xí, tàn tật.)

Quả báo của “*sân khuê*” là ở địa ngục, những hiện tượng trong địa ngục, chúng ta xem Địa Ngục Biến Tướng Đồ nói trong Phật pháp, sau đó coi những tôn giáo khác cũng có nói về Địa Ngục Biến Tướng Đồ. Tuy các tôn giáo khác chẳng nói về lục đạo, ít nhất họ cũng nói về tam đạo, họ nói về thiên đường, cõi người, và địa ngục. Tranh vẽ hình tượng trong địa ngục chẳng có thứ nào đẹp đẽ, hình trạng đều vô cùng kinh khủng, “*xú lậu lung tàn*”, đây là việc chúng ta phải nên cảnh giác. “*Một tâm niệm sân giận khởi lên, trăm vạn cánh cửa chương ngại mở ra*”. Xấu xí, tàn tật là hoa báo, địa ngục là quả báo, chẳng thể không biết. Nếu tướng mạo chúng ta là xấu xí, tàn tật thì biết tâm sân giận nặng, tâm đồ kỵ nặng. Nếu chúng ta có thể sửa đổi trở lại, phát tâm từ bi, có thể thương xót hết thấy chúng sanh, yêu mến bảo vệ hết thấy chúng sanh, lo lắng cho hết thấy chúng sanh, giúp đỡ hết thấy chúng sanh thì tướng mạo sẽ thay đổi. Thế nên bạn tu hành có công phu hay chẳng, chẳng xem gì khác chỉ xem tướng mạo của bạn. Coi tướng mạo, thể chất của bạn ba năm trước và ba năm sau, tướng tùy tâm chuyển. Tâm địa của bạn thanh tịnh thì sẽ có tướng thanh tịnh; tâm địa từ bi thì sẽ có tướng từ bi; tâm địa trí huệ thì sẽ có tướng trí huệ; tâm địa ác độc thì sẽ có tướng ác độc, làm sao có thể gạt người được? Giả vờ cũng chẳng thể giả vờ được. Người đời ưa thích đẹp phải đi sửa sắc đẹp, càng sửa thì càng xấu. Tôi đã thấy rất nhiều người sửa sắc đẹp, chưa sửa thì còn được, sau khi sửa rồi thì tướng mạo biến thành kỳ lạ, chẳng dễ nhìn tí nào. Tướng đó là gì? Là tướng giả, tâm chẳng chuyển. Thế nên phải biết tướng làm sao tạo nên, tạo được đẹp cách mấy, nếu tâm chẳng tốt thì

tướng tốt đẹp cũng biến thành tướng xấu xí. Hiểu được đạo lý này thì hà tất phải đi sửa sắc đẹp để tốn tiền lãng nhách? Phải sửa đổi tâm, tâm đổi rồi thì tướng sẽ đổi theo.

Thân thể cũng chẳng cần tìm thuốc men, tắm rửa gì cả, chẳng cần, tâm tốt rồi thì thân thể tự nhiên khỏe mạnh. Tôi chưa từng tìm ai đến đây giúp thân thể khỏe mạnh, trị liệu gì hết, chẳng bao giờ. Chưa từng ăn đồ tắm rửa, người ta tặng cho tôi những thứ nhân sâm, sâm Cao Ly, vừa đến tay tôi liền chuyển đem cúng dường người khác, tôi chẳng dùng những thứ ấy, chẳng tiêm nhiễm bao giờ. Phải ra sức từ trong tâm, chẳng cần chú trọng đến thân thể. Luôn luôn phải lo đến thân thể khỏe mạnh thì chư vị nghĩ coi, thân kiến của bạn chẳng thể phá, tâm niệm tự tư tự lợi của bạn chẳng dứt bỏ, bạn chấp trước thân tướng. Kinh Kim Cang dạy chúng ta một nguyên tắc căn bản của sự tu hành: *“Chẳng có tướng Ta, chẳng có tướng Người, chẳng có tướng Chúng Sanh, chẳng có tướng Thọ Giả”*. Bạn có đầy đủ bốn tướng này, bạn còn chấp trước thì thân tâm của bạn làm sao thanh tịnh cho được? Thân tâm chẳng thanh tịnh thì thân thể của bạn làm sao khỏe mạnh? Chư vị nên biết khỏe mạnh nhất là phải trở về với tự nhiên, đại tự nhiên, vô tư, vô ngã. Thế nên kinh Kim Cang dạy phá Bốn Tướng này tức là trở về tự nhiên, tự nhiên thì khỏe mạnh nhất, tự nhiên thực sự là thân Kim Cang chẳng hư hoại. Trong kinh nói đến thân kim sắc, ngày nay chúng ta đúc tượng đều thếp vàng, bạn nghĩ coi đẹp không? Nếu một người gương mặt có màu vàng khè như thếp vàng, người ấy sẽ là người quái gở, tôi nghĩ sẽ chẳng ai thích người ấy. Vàng là đề tiêu biểu pháp, trong hết thấy vật chất, tại sao vàng được người ta cho rằng quý báu như vậy? Vì vàng chẳng đổi màu sắc. Bởi vậy nên vàng tượng trưng cho sự bất biến, chẳng biến đổi thì là thật, biến đổi là giả. Chân tâm là niệm, đó gọi là vàng, màu vàng, kim sắc. Sự tiêu biểu pháp trong kinh Hoa Nghiêm, chư vị đều đã xem qua, nói thế giới kim sắc sẽ chẳng biến đổi. Vọng tâm sẽ biến đổi, là giả. Thế nên vàng tượng trưng cho chẳng biến đổi, chẳng biến đổi là chân tâm, chẳng biến là nhất tâm, nhị tâm thì biến rồi.

Chúng ta nhất định phải hiểu ý nghĩa tiêu biểu pháp, không thể kẹt cứng trong văn tự, nếu kẹt như vậy thì sai lầm. Khi bạn muốn khuyên một người học Phật, họ nói: “Tôi chẳng muốn học Phật, học Phật rồi trên thân mình vàng khè, rất khó coi”, nhất định phải hiểu rõ nghĩa thú nói trong kinh, thực sự thì kinh Phật rất khó hiểu, khó ở chỗ *“ý ở ngoài ngôn từ”*, thế nên bạn phải biết cách nghe. Kinh văn cũng vậy, ý ở ngoài văn tự chứ chẳng ở trong văn tự. Văn tự là để dẫn đường, trong Thiền Tông

gọi là “*chỉ mặt trăng*”, rất có đạo lý. Đó là chỉ, bạn phải thuận theo hướng [ngón tay] chỉ này thì mới nhìn thấy chân tướng. Thế nên ý chẳng ở trong văn tự, chẳng ở trong ngôn từ, ý chẳng lìa văn tự, cũng chẳng lìa ngôn thuyết, được vậy thì bạn mới thể hội đến ý nghĩa chân thật. Chân thật nghĩa là tự tánh, tự tánh vốn có đủ trí huệ, tự tánh vốn có đủ đức năng, đây là chân thật nghĩa mà Như Lai đã nói. Thế nên chân thật nghĩa cũng chẳng phải chân thật nghĩa của đức Phật Thích Ca, phải nói là Như Lai chân thật nghĩa, “*Như Lai*” là tự tánh, là tên gọi của tánh đức, một trong mười hiệu của Phật, chẳng phải là một người.

Nhược ngộ xan lận giả, thuyết sở cầu vi nguyện báo.

若遇慳吝者。說所求違願報。

(Nếu gặp kẻ bôn xén thì nói rõ quả báo sở cầu không được toại nguyện.)

Đây tức là khổ khi cầu chẳng được trong “*Tám Khổ*”. Tại sao họ cầu chẳng được? Bôn xén, chẳng chịu thí xả, cầu gì cũng chẳng được. Năm tôi hai mươi sáu tuổi học Phật, lúc đó tôi tiếc là được nghe Phật pháp quá trễ, Phật pháp hoàn hảo như vậy, tại sao chẳng biết sớm hơn nữa? Nói thật ra muốn làm cho tôi sanh lòng tin đối với Phật pháp là một việc quá khó, quá khó! Tôi đã kể cho quý vị rồi, lúc tôi còn trẻ cũng có chút thông minh, chút trí huệ, cũng có chút ít biện tài. Ai muốn thuyết phục tôi thực sự chẳng dễ, thời gian tôi còn đi học trong trường chưa từng gặp đối thủ. Chuyện chết tôi có thể nói nó trở thành sống, tôi nói rất giỏi, chuyên môn tranh cãi, chuyên môn chống đối người ta, tôi sẽ nói ra một số lập luận. Thế nên có thể dạy cho tôi tin Phật, thuyết phục tôi đâu phải dễ! Tôi gặp được tiên sinh Phương Đông Mỹ, ông thuyết phục tôi được. Đây là triết học gia đương thời của Trung Quốc, nổi tiếng khắp thế giới, chẳng thuộc hạng của quốc gia, là đại triết học gia cấp thế giới. Ngài giới thiệu Phật pháp cho tôi, tôi mới tin và có thể quay ngược thái độ của mình đối với Phật giáo một trăm tám mươi độ, [sau đó] vào chùa để tìm kinh coi. Cũng nhờ có duyên sâu đậm, tôi tiếp xúc kinh Phật được cỡ một tháng thì quen biết đại sư Chương Gia, những nghi vấn khó hiểu gì trong kinh điển tôi đều nhờ Ngài giải đáp cho. Ngài vô cùng từ bi, mỗi tuần cho tôi hai giờ đồng hồ, tôi học hỏi theo Ngài hết ba năm, căn cơ Phật pháp của tôi được Ngài xây dựng. Ngài dạy tôi [ba điều vô cùng quan trọng:] Nhìn Thấu, Buông Xả, Bỏ Thí. Thế nên học Phật phải học theo ai? Học theo người thầy mà trong tâm bạn kính phục nhất. Người

này nói gì thì bạn đều phục tùng theo một trăm phần trăm, làm được một trăm phần trăm. Nếu bạn đối với thầy giáo chẳng tin tưởng, dù thầy giáo có giỏi hơn nữa, có đức độ lớn lao, có khả năng, có trí huệ lớn lao, nếu bạn theo họ thì cũng là luống công. [Vi] bạn chẳng tin tưởng họ, bạn chẳng thể làm theo những gì họ dạy. Thế nên “*sư tư đạo hiệp*” (thầy trò đạo hợp) vô cùng quan trọng, thầy giáo thương mến học trò, học trò tôn kính thầy giáo, thầy giáo thực sự chịu dạy, học trò thực sự chịu học.

[Những vị thầy tôi] gặp trong đời đều do duyên tốt đã kết đời trước, thầy Phương dạy một mình tôi. Lần này tôi đến giảng kinh tại Hương Cảng, đôi lúc tôi cũng nhắc đến chuyện này. Viện trưởng thư viện Tân Á ở Hương Cảng lúc trước, ông Đường Quân Nghị, đây là một triết học gia cận đại và cũng là học trò của thầy Phương Đông Mỹ, chúng tôi là học trò cùng thầy nhưng khác thế hệ, ông có thành tựu kiệt xuất trong Triết Học, ông đã mất rồi. Đường Quân Nghị có lẽ lớn hơn tôi mười tuổi. Gặp những người này, trên con đường Bồ Đề chúng tôi mới được thuận buồm xuôi gió. Khi gặp tôi, đại sư Chương Gia yêu mến, chăm sóc tôi rất tận tình, mỗi tuần cho tôi hai giờ, tôi muốn làm biếng cũng không được. Làm biếng không đi một lần, Ngài bèn gọi điện thoại, sai người đi kiểm coi tôi có bị bệnh không, có sao chẳng lại? Bạn xem sự nhiệt tình như vậy làm cho tôi không thể không đi, Ngài thực sự là chịu dạy. Thế nên tôi đối với ân đức của thầy giáo không bao giờ quên. Sau khi hai Ngài mất, tôi theo học với lão cư sĩ Lý Bình Nam, tôi theo Ngài mười năm, thầy Lý vô cùng quan tâm, thương mến tôi. “*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*” là lời đại sư Chương Gia dạy tôi. Ngài dạy lúc bạn cầu mà không được là vì bạn có chướng ngại, có nghiệp chướng. Tôi hỏi: Vậy thì phải làm sao? Sám hối, tiêu nghiệp chướng. Nghiệp chướng tiêu trừ thì những gì bạn mong cầu đều sẽ hiện ra. Tôi cầu Thôn Di Đà, đã cầu suốt mười sáu năm, có nghiệp chướng chẳng thể hiện tiền, chắc là hiện nay nghiệp chướng đã tiêu hết rồi nên Thôn Di Đà bèn thành tựu, đã được thành tựu rồi. Bạn có nghiệp chướng thì không được, nhất định phải tiêu nghiệp chướng. Muốn tiêu nghiệp chướng thì phải làm thực sự, tâm hạnh của mình phải nhập cảnh giới Phật.

Chúng tôi biểu diễn trên giảng đài, chư vị đồng tu cần phải lắng nghe kỹ càng, các bạn sẽ có thể nghe ra được. Tôi đã giảng kinh Vô Lượng Thọ hết mười lần, lần này là lần thứ mười, đại khái đều có lưu lại bằng thâu âm. Các bạn hãy nghe thử, lần nào cũng chẳng giống nhau. Chẳng phải là tôi có tài liệu chẳng chịu giảng, phải để dành đến lần sau mới giảng, chẳng phải vậy. Cảnh giới mỗi năm đều khác nhau, việc này

nói rõ nghiệp chướng mỗi năm đều tiêu bớt đi một ít. Nếu nghiệp chướng chẳng tiêu bớt thì cảnh giới chẳng thể hiện ra. Tôi chẳng phải là một người lợi căn, chỉ là một người căn tánh trung hạ, nghiệp chướng đang tiêu bớt từ từ, mỗi năm đều đang tiêu bớt nên cảnh giới mỗi năm đều chẳng giống nhau. Tự mình tôi biết được, người thường nghe tôi giảng cũng biết, họ có thể nghe biết được. Tôi giảng kinh chẳng có bút ký, chẳng ghi chép bài giảng. Tài liệu của cổ đức tôi có xem qua, tôi dành ra một số thời gian để xem kỹ càng, họ cung cấp cho tôi một số tài liệu tham khảo. Nhưng lúc giảng, tôi chẳng giảng y theo lời văn của họ. Nếu y theo chú giải của họ để giảng thì sẽ chẳng khế cơ. Họ là người ở thời đại xa xưa, đối diện với thính chúng, quán chúng thời đó, còn tâm con người, xã hội hiện đại hoàn toàn khác biệt với lúc trước. Thế nên chúng ta đọc tài liệu của người xưa là nhằm khai phát trí huệ của mình, chỉ có thể tham khảo. Chúng ta phải có khả năng quán sát căn cơ của đại chúng hiện nay, sau đó mới có thể làm được việc thuyết pháp ứng cơ, thực sự có thể giúp đỡ, đem lại thọ dụng thực sự cho họ. Hóa giải kiếp nạn, làm được xã hội hòa mục, an định, phồn vinh, người ta ai nấy đều có thể sống cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn, đây là mục đích của sự học Phật hiện nay. Trong nhà Phật đích thật là có cầu ắt ứng, cầu làm Phật còn được hưởng chi những thứ khác. Làm Phật là khó nhất, làm Phật cũng có thể cầu được thì những thứ vinh hoa phú quý trong thế gian đều là việc nhỏ nhoi như lông gà, vỏ tỏi, đâu có lý nào mà cầu chẳng được! Chúng ta phải có lòng tin. Nếu bạn muốn có cầu ắt ứng thì chẳng có gì khác ngoài việc tiêu nghiệp chướng. Lời dạy này của đại sư Chương Gia, tôi ghi nhớ suốt đời, y giáo phụng hành.

Nhược ngộ ẩm thực vô độ giả, thuyết cơ khát yết bệnh báo.

若遇飲食無度者。說飢渴咽病報。

(Nếu gặp kẻ ăn uống vô độ, thì dạy quả báo đói, khát, cổ họng đau đớn.)

Câu này dễ hiểu, tham ăn. Hiện nay có rất nhiều bệnh quái gở trong xã hội lúc trước chưa từng nghe qua, bệnh từ đâu đến vậy? Ngạn ngữ nói rất hay: “*Bệnh từ miệng vào, họa từ miệng ra*”. Khẩu nghiệp kể phía trước, sẽ tạo ra họa hại, tai họa đều phát sanh từ khẩu nghiệp mà ra. Tất bệnh đều từ việc ăn uống, bệnh từ miệng vào. Lần này tôi ở Hương Cảng, có một đồng tu nói với tôi, ông nói đây là chuyện có thật ở Hương Cảng. Đây là tin tức trong xã hội, mọi người đều biết. Mấy năm trước có

hai mẹ con người đó rất thích ăn đồ biển, mỗi ngày đến eo biển đều mua đồ sống, chẳng phải là họ tự mình bắt, họ mua đồ sống về tự nấu ăn. Đến già thì người mẹ này bị một bệnh [kỳ lạ], khi phát bệnh thì nói: “Nước rất lớn, đi đến đâu cũng là cát bùn, cứ bò tới bò lui trong phòng, giống như đang trôi lên bờ”, giống như những loại hải sản vậy. Sau này lở loét trên khắp thân mình xong rồi chết đi. Sau khi người mẹ chết, người con gái cũng bị bệnh giống vậy, qua một thời gian chẳng có cách chi chữa khỏi nên đi khắp nơi cầu thần, coi bói, và gặp một vị pháp sư. Pháp sư nói với cô: “Đây là quả báo cả đời cô sát sanh, ăn đồ biển sống”, phải mau sám hối, dạy cho cô phóng sanh, ăn chay. Lúc đó cô bèn làm theo nhưng chẳng kịp nữa, vẫn phải chết. Bạn bè thân quyến của cô thấy vậy nên đều ăn chay trường, chẳng dám ăn những đồ biển này nữa. Đây là chuyện có thật, lúc chết giống như hình tướng những hải sản dưới biển vậy, quả báo rành rành hiện trước mắt cho bạn coi. Tuy là một tin tức trong xã hội, tôi thấy những tiệm bán hải sản ở Hương Cảng vẫn ngồi đầy khách, thật đúng là “*ương ngạnh khó giáo hóa*”. Bồ Tát gặp những chuyện như vậy, hiện nay nên đem nó đóng thành phim điện ảnh, cho chiếu khắp nơi. Nên dán vài tấm nói rõ những quả báo này trong tiệm bán đồ biển, để cho mọi người xem, thật rất đáng sợ! Kiếp đao binh trong thế gian từ đâu đến? Chính là từ việc ăn thịt của chúng sanh đấy.

Hiện nay mọi người ai nấy đều chú trọng thân thể khỏe mạnh, muốn thân thể được khỏe mạnh thì tốt nhất là ăn chay, trong việc ăn chay tốt nhất là ăn rau cải sống. Hiện nay tôi ăn rau cải sống, đã ăn cả hai tháng nay nên mọi người thấy tôi rất ốm, đã ốm bớt đi. Tôi nói với họ thân thể chẳng khỏe, công việc giao tiếp quá nhiều, tốt nhất đừng kiếm chuyện gặp tôi. Nhưng trên thực tế là đang thay đổi đời sống, lần thứ nhất tôi thay đổi là lúc bắt đầu ăn chay trường, lúc đó thân thể ốm, đại khái hai ba năm sau đó thì thân thể khôi phục lại bình thường. Bây giờ làm một sự thay đổi lần thứ nhì, ăn rau cải sống, cả hơn hai tháng tôi chẳng ăn cơm, toàn ăn rau cải. Buổi sáng ăn một chén cháo, ăn hai cuộn rau, một chén canh. Hôm nay chúng ta có làm [món này] không? Nếu có làm, hãy mang vài cuộn, chúng ta đem đến phòng ăn mời lão hòa thượng dùng. Chẳng có dầu, chẳng có muối, hoàn toàn là rau cải sống. Tôi thường nghĩ, bạn coi bò, dê ăn cỏ, thân thể của nó cường tráng như vậy, chúng nó chẳng ăn dầu, muối, càng nghĩ càng có lý. Các bạn đồng tu giới thiệu cho tôi, sau khi ăn hơn hai tháng, ăn rất ngon lành, dễ chịu, đích thật có ích lợi.

Chúng ta phải chú ý việc ăn uống, đặc biệt là việc ăn uống hiện

đại. Tâm người hiện đại chẳng tốt, những địa phương khác thì tôi không biết còn tình hình ở Đài Loan thì tôi biết, đồ ăn nuôi heo toàn là thuốc hóa học, thúc giục rút ngắn thời gian sanh trưởng của heo, làm cho heo lớn lên nhanh chóng, sau sáu tháng bèn giết lấy thịt. Cho nên trong thịt heo đều là các độc tố, chẳng bình thường. Nói thêm, hồi trước gia súc đều được nuôi bên ngoài, lúc chưa làm thịt thì đời sống của nó rất tự do, tự tại, tâm tình của chúng nó rất thoải mái vui vẻ. Hiện nay những loài súc sanh này, vừa sanh ra liền bị nhốt trong lồng, cũng giống như ở tù vậy, bị tù chung thân mãi cho đến khi bị giết làm thịt. Bạn nói tâm tình của chúng nó như thế nào? Trong thịt của nó tràn đầy chất độc, người ta ăn vào làm sao không sanh bệnh cho được? Sanh ra những bệnh kỳ quái. Hiện nay ăn chay cũng phiền phức, rau cải cũng có thuốc, nghe nói gạo cũng có chất hóa học gì trong đó nên hạt gạo trông rất đẹp đẽ, đều có độc tố, đúng như trong kinh có nói: “*Uống khổ, ăn độc*”, ngày nay chúng ta sống cuộc đời như thế đó. Nhà nông chúng ta ở Đài Loan, họ ăn rau cải tự mình trồng, tách rời với những rau cải dành để bán; họ nói rau cải dành để bán không ăn được, có chất độc, họ biết nên rau cải có chất độc thì bán cho người ta ăn. Gạo cũng vậy, gạo của họ ăn là gạo trồng riêng ra, còn gạo để bán là loại trồng riêng, đều tách rời ra. Họ bán những thức có độc này cho người khác, bản thân của họ cũng sẽ chẳng tránh khỏi bị chất độc làm hại, vì tâm họ chẳng thiện.

Ngày nay chúng ta cũng phải nói là có duyên, gặp được đồng tu giới thiệu mới biết xú dưỡng⁶⁸ có thể hóa giải thuốc trừ sâu. Nên những rau cải chúng ta ăn hiện nay đều được xử lý bằng xú dưỡng, phân giải những chất có độc trong rau cải, cho nên đồ ăn sạch sẽ hơn đồ ở ngoài. Việc này có thể đẩy mạnh rộng rãi, tôi muốn tìm công xưởng chế tạo máy móc này, hy vọng nó có thể sản xuất hàng loạt, chúng ta tìm cách để giúp họ truyền bá, giới thiệu. Có thức ăn khang kiện, tâm lý thanh tịnh, tâm lý từ bi, thân tâm khỏe mạnh, chẳng có một pháp nào không phải là Phật pháp, pháp nào cũng đều là Phật pháp.

Tốt lắm, hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây.

Tập 14 (Số 14-12-14)

Xin mở kinh, Khoa Chú quyển thượng, trang một trăm sáu mươi bảy, xin xem kinh văn:

⁶⁸ Xú dưỡng là khí ozon, ozone, O₃

Nhược ngộ điền lập tứ tình giả, thuyết kinh cuồng táng mạng báo.

若遇畋獵恣情者。說驚狂喪命報。

(Nếu gặp kẻ săn bắn buông lung thì dạy rõ quả báo kinh cuồng, mất mạng.)

Câu kinh này, hồi trước, khi tôi đọc kinh này có cảm xúc rất sâu. “*Điền lập*” tức là săn bắn, “*tứ tình*” là buông lung, mặc sức giết hại hết thảy chúng sanh. Phạm vi bao gồm vô cùng rộng rãi, chẳng kể dùng cách thức gì, có thể nói là phương pháp rất nhiều, mục đích đều nhằm để bắt dã thú. Săn bắn hoặc dùng lưới, thời xưa dùng cung tên, ngày nay thì dùng súng, số lượng chúng sanh bị giết hại cũng còn có hạn. Nhưng chúng tôi đi bắt cá, phần lớn người ta bắt cá dùng lưới, một mẻ lưới phóng ra cũng vẫn có hạn. Ngày xưa chúng tôi làm việc này bằng cách quá độc ác, chúng tôi dùng thuốc nổ TNT để bắt cá, sau khi thuốc nổ xong, cá chết cả ngàn, cả vạn con, chúng chẳng phải bị nổ chết mà vì chấn động chết. Tôi đi theo cha tôi săn bắn hết ba năm, tôi nhớ năm đó tôi mười sáu, mười bảy, mười tám tuổi. Đọc đoạn kinh này xong [nhớ lại] báo ứng của cha tôi chính là như vậy. Ông mất năm bốn mươi lăm tuổi, lúc mất là kinh cuồng mất mạng, tôi nhìn thấy tận mắt, đó là quả báo ngay trong đời này. Lúc ông phát bệnh lên thì trở thành điên cuồng, người ôm nhóm đến da bọc xương, [nhưng] sức lực rất mạnh mẽ, mạnh đến mấy người cũng cản không nổi. Khi gặp chỗ có nước thì lao đầu xuống nước, khi gặp núi thì cầm đầu chạy lên núi, do vậy tôi cho rằng đây là quả báo của việc săn bắn.

Tôi đọc đoạn kinh này xong bèn phát tâm ăn chay, biết được sát nghiệp quá nặng, đích thân trải qua nên cảm xúc vô cùng sâu đậm. Sau đó thấy những gì nói trong Phật pháp, hết thảy chúng sanh vô thi kiếp đến nay nhân quả tuần hoàn, trong kinh nói “*nhân mạn bất đoạn*” (dây dưa không đứt), nhiều đời nhiều kiếp báo đền lẫn nhau dây dưa mãi chẳng đứt. Tuy là tạo tội nghiệp vì vô tri, chẳng biết, nhưng không thể nói vì chẳng biết thì không có quả báo, chẳng biết vẫn có quả báo như thường. Nếu sau khi học Phật, đã hiểu những đạo lý này xong mà vẫn tạo tác thì phạm hai tội, tức là thêm tội phá giới. Giới luật căn bản trong năm giới có cấm sát sanh, đây là giới sát sanh, lại thêm một tội phá giới nữa. Chẳng học Phật, chẳng nghe đến Phật pháp, sát sanh là “*tánh tội*”, chẳng kể là bạn có thọ giới hay không đều là có tội. Chúng ta biết được quả báo đáng sợ thì nhất định sẽ chẳng dám làm những việc này. Tôi học

Phật và biết được đạo lý này xong bèn ăn chay trường, phóng sanh. Cả đời này tôi làm những chuyện thường gọi là tu phước, tôi chỉ làm ba việc: Phóng sanh, in kinh, giúp đỡ bệnh khổ. Tôi chẳng có phước báo, khả năng tiền bạc vô cùng có hạn, có một chút [tiền] cúng dường, tôi làm những chuyện gì? Phóng sanh, quyên tặng cho bệnh viện, làm tiền thuốc men cho người nghèo, thứ ba là in kinh bồ thí. Những chuyện khác tôi đều chẳng làm. Tự mình tôi không chủ trương xây đạo tràng, thế nên cũng có quả báo, chẳng có chỗ ở, cả đời ở nhờ đạo tràng của người khác, cũng rất tốt, tự mình chẳng có đạo tràng. Nguyên nhân thực tế là phước báo của mình quá nhỏ, làm chuyện tốt nhỏ, làm công đức ít, xây một đạo tràng cần phải có phước báo lớn, tôi chẳng có phước báo lớn như vậy. Lúc chưa học Phật, tạo tội nghiệp quá nặng, thời còn làm học sinh [đã phạm tội] làm thân Phật ra máu, tôi đã kể cho các bạn rồi, đã tạo tội nghiệp đọa địa ngục A Tỳ; săn bắn cũng là tội báo địa ngục A Tỳ. Thế nên lúc trước người ta nói tôi đoản mạng, ngay cả Phật Sống Cam Châu cũng nói tôi đoản mạng, chẳng có phước báo; người thì rất thông minh, có một chút trí huệ nhỏ, nhưng đáng tiếc là chẳng có phước báo, đoản mạng. Ngài nói với tôi, tôi nhìn nhận, tôi tin tưởng, lúc trước tạo tội nghiệp nên phải chịu những quả báo này, đáng phải nhận số mạng như vậy, còn nói gì được nữa? Thế nên tôi cũng chẳng oán trời, chẳng trách người. Phật Sống Cam Châu nói với tôi, Ngài nói: “Những năm gần đây ông giảng kinh thuyết pháp, công đức ấy rất lớn!”. Ngài nói: “Không những ông có phước báo mà còn rất trường thọ”. Ngài Cam Châu nói những lời này với tôi, năm sau thì Ngài vãng sanh. Ngài là bạn cũ, là bạn đồng tu cũ của tôi.

Nhược ngộ bội nghịch phụ mẫu giả, thuyết thiên địa tai sát báo.

若遇悖逆父母者。說天地災殺報。

(Nếu gặp kẻ ngộ nghịch với cha mẹ thì dạy rõ quả báo trời đất đánh chết.)

Việc này là chẳng hiếu cha mẹ, không những không hiếu thuận mà còn phản nghịch cha mẹ, làm thương tổn cha mẹ bằng lời nói và hành động. Thời xưa cũng có nhưng còn ít; hiện nay thì rất nhiều. Lúc trước khi tôi còn đi học ở Đài Trung, thầy Lý kể cho chúng tôi một câu chuyện, đây là chuyện thật đời Thanh. Lúc nói cách nay cũng lâu, lúc đó Ngài nói ra địa danh bây giờ tôi chẳng nhớ rõ. Đời Thanh trước kia có một đứa con giết cha, đây là [tội] bội nghịch cha mẹ. Lúc ấy triều đình

nhà Thanh hạ lệnh, tri huyện ở địa phương ấy tức là huyện trưởng bị cách chức, còn phải ngồi tù, phán tội phải ở tù. Tại sao? Quan địa phương chẳng dạy dân chúng đàng hoàng, đây là vì họ chẳng làm tròn trách nhiệm, thế nên người đứng đầu ở địa phương ấy phải bị cách chức, tra hỏi. Tuần Phủ, tức là chức tương đương như tỉnh trưởng bây giờ, ghi chép tội trạng, xử phạt thật nặng. Quư vị là quan viên địa phương, quan địa phương được gọi là Phụ Mẫu Quan, quý vị làm sao dạy người ta làm như vậy? Xử phạt như vậy còn chưa đủ, còn phạt thêm nữa, thành quách khi trước đều có tường bọc xung quanh thành, vạt bớt một góc thành để nói địa phương ấy có một người đại bất hiếu như vậy, đó là sự sỉ nhục của toàn địa phương ấy, là vạt bớt một góc thành. Nói “trước kia hoàng đế chuyên chế”, hoàng đế thực sự chịu trách nhiệm, chứ không phải là không chịu trách nhiệm. Ông ta giao trách nhiệm cho quan viên địa phương, thị trưởng thay thế ông ta lãnh trách nhiệm giữ gìn phong tục tốt lành, phải giáo hóa, thực hiện cho tốt. Hiện nay tin tức trên báo chí thường đăng tải ai chịu trách nhiệm? Chẳng có người chịu trách nhiệm. Dân chủ, mọi người đều làm chủ, mọi người làm chủ [nhưng] mọi người chẳng chịu trách nhiệm, cứ đẩy trách nhiệm cho người khác thì xã hội này làm sao tốt được?

Lúc trước pháp sư Diễn Bồi có một lần lại đây, Ngài hỏi tôi: “Pháp sư Tịnh Không, ông rốt cuộc là tán thành quân chủ hay là dân chủ?”. Tôi nói: “Tôi tán thành quân chủ”. Ngài nói đùa: “Ông lạc hậu rồi”. Tôi nói: “Tôi đâu có lạc hậu. Nếu so sánh kỹ quân chủ và dân chủ, quân chủ có nhiều điểm tốt hơn dân chủ. Quân chủ chịu trách nhiệm, còn dân chủ không chịu trách nhiệm”. Tôi nói lời này chẳng quá đáng, sự thật bày trước mắt. Ông vua muốn quyền lực của mình tiếp nối mãi tới đời sau nên ông ấy nhất định phải làm cho hoàn hảo; người tiếp ngôi của ông, thái tử kế vị, vua phải kiểm ông thầy ưu tú nhất để dạy dỗ, uốn nắn để cho thái tử nhận được sự giáo dục hoàn hảo nhất; biết thương yêu quốc gia, thương yêu nhân dân, biết cách đem lại phước lợi cho nhân dân thì chánh quyền của họ mới có thể duy trì, mới có thể truyền cho con cháu. Nếu ông vua làm không hoàn hảo thì chánh quyền của ông sẽ bị người khác đoạt mất, thế nên ông phải làm một cách kiên trì, thận trọng. Dân chủ [thì ông tổng thống] được bầu lên làm bốn năm, bốn năm sau giao cho người khác nên ông ta chẳng suy tính kế sách lâu dài. Thời đại quân chủ, họ nghĩ đến kế lớn trăm năm, họ có thể nghĩ đến một trăm năm thì họ có thể duy trì một trăm năm, nếu họ nghĩ đến hai trăm năm thì họ có thể hưởng đến hai trăm năm. Họ không thể chỉ nghĩ đến vài

năm mà thôi, nếu chỉ nghĩ đến vài năm thì chánh quyền của họ không khỏi bị lật đổ. Chúng ta phải quan sát sự thật một cách khách quan.

Ông Tôn Trung Sơn lật đổ chế độ chuyên chế, xây dựng cộng hòa, lý tưởng của ông thật là vô cùng tốt đẹp, tiếc là thọ mạng quá ngắn, ý tưởng và quan điểm của ông ta tuyên dương chẳng đủ. Ông xây dựng một chánh đảng, dùng chánh đảng này để thay thế cho một gia tộc, lý tưởng và quan niệm của ông là như vậy. Tập hợp ưu điểm của quân chủ và dân chủ, tránh được khuyết điểm của quân chủ và dân chủ, tôi rất kính ngưỡng, khâm phục ông Tôn. Ông lập một đảng chuyên chánh, trong đảng đó đều do dân chủ tuyển chọn ra, nhưng chuyên chánh có cái hay của quân chủ. Ông chọn những ưu điểm trong nước và ngoài nước, xưa và nay, lược bỏ khuyết điểm, dùng phương pháp này để trị quốc. Đế vương đời xưa [có hình thức] là gia tộc, một gia tộc này xúm lại cai trị quốc gia; hiện nay xây dựng một chánh đảng, là muốn những nhân tài có trí huệ trên toàn quốc hợp lại với nhau để cai trị một quốc gia, dùng phương pháp này để thay thế một gia tộc. Cách suy nghĩ này rất hay, chẳng phải là chánh trị nhiều đảng. Cách suy nghĩ rất tốt, đáng tiếc là chẳng làm nổi, người hiểu rõ lý tưởng và quan niệm này chẳng nhiều. Tại sao chẳng thể phát huy rộng rãi lý tưởng và quan niệm này? Truy tìm đến nguồn gốc vẫn là một câu: Chẳng đọc sách thánh hiền. Nếu có thể dùng tinh thần giáo dục truyền thống sẵn có của Trung Quốc, lý tưởng và quan niệm này của ông có thể xây dựng được gốc rễ vững chắc, đó thật là điều may mắn của quốc gia, dân tộc. Thế nên chúng ta xem xét vấn đề phải nhìn sâu, nhìn xa, phải có nhãn quan của lịch sử. Người Trung Quốc nói “*sự thật*” (sự thật rút tĩa từ lịch sử), kinh luận là học vấn, lịch sử là kiến thức, thì bạn mới có thể hiểu đại khái chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sinh, mới có thể tránh khỏi rất nhiều sai lầm, thực sự vì nhân dân, vì quốc gia, vì chúng sanh tìm cầu hạnh phúc, như vậy mới là người có trí, có nhân từ.

Kinh điển Phật giáo có thể nói là điển tịch trí huệ rất ráo viên mãn, người có thể hiểu rõ càng ít hơn. Tại sao chẳng thể lý giải? Nhất định phải đào thải sạch sẽ những thói hư tật xấu, tham-sân-si-mạn, thì mới có thể lý giải, việc này quá khó đi thôi! Có phạm phu nào chẳng có tham-sân-si? Nhà Nho hiểu rõ đạo lý này, hy vọng bạn có thể khắc phục, đè nén thì được rồi, họ chẳng kêu bạn đoạn dứt. Mục đích Phật pháp là dạy cho bạn siêu việt tam giới, muốn siêu việt tam giới nếu không đoạn dứt thì không làm nổi. Nhà Nho chẳng siêu việt tam giới, nói cách khác, chỉ giảng đến nhân, thiên. Thiên vẫn là cõi trời Dục Giới,

còn chưa tới cõi Sắc Giới, còn chưa đoạn dứt Dục, chỉ dạy bạn không chế Dục, chẳng để cho Dục tăng trưởng. Có bao nhiêu đó thôi, đừng để cho nó tăng thêm, họ dạy như vậy. Mục đích của Phật pháp là phải siêu việt tam giới, muốn siêu việt tam giới thì nhất định phải đoạn dứt. Chúng ta hiểu rõ duy chỉ có đoạn dứt phiền não thì trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh mới có thể hiện tiền, nếu chẳng đoạn dứt phiền não thì chắc chắn [trí huệ] chẳng thể hiện tiền. Phật nói: *“Hết thấy chúng sanh đều có đủ trí huệ đức tướng của Như Lai”*, cho nên hết thấy chúng sanh cùng chư Phật Như lai chẳng khác nhau. Tại sao hiện nay trên hình thức lại có sai khác lớn lao như vậy? Trí huệ đức tướng của chúng ta có chướng ngại, Phật chẳng có chướng ngại. Chướng ngại là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ba chướng ngại to lớn này. Thế nên chúng ta vốn có sẵn trí huệ cứu cánh viên mãn, [bây giờ] trí huệ chẳng còn nữa, trí huệ biến thành phiền não; vốn là chẳng sanh chẳng diệt, cảnh giới đại Niết Bàn, đại Niết Bàn biến thành sanh tử luân hồi, bạn nói có oan uổng hay không! Vốn có sẵn phước đức viên mãn, hiện nay phước đức biến thành nghiệp chướng, sống những ngày tháng đau khổ đều do chẳng thể đào thải những lớp chướng ngại này.

Thế nên lời đức Phật dạy chúng ta là lời tốt, lời thật, dạy chúng ta *“Diệt hết Tham Sân Si, siêng tu Giới Định Huệ”*, đây là một con đường sống sót, là một con đường thoát ly lục đạo luân hồi, con đường rộng lớn thoát lìa khổ hải. Những thứ nhân quả này, chúng ta đọc xong phải hiểu rõ, nhân gì sẽ tạo ra quả báo gì. *“Thiên địa tai sát”*, bội nghịch cha mẹ, chịu những sự trừng phạt của pháp luật thế gian này là hoa báo, quả báo là ở địa ngục. Những bút ký của Trung Quốc ngày xưa ghi những chuyện này rất nhiều, trong Chánh Sử cũng có ghi chép, đều là sự thật, chẳng giả. Hiện nay người bội nghịch cha mẹ rất nhiều, hình như chẳng có quả báo, chưa vị còn trẻ tuổi, hãy đợi thêm vài năm nữa coi, coi có quả báo hiện ra không? Đã tạo ra nhân thì chẳng thể nào không có quả báo. Câu phía sau này, chúng tôi đọc lên càng có cảm nhận sâu hơn.

Nhược ngộ thiêu sơn lâm mộc giả, thuyết cuồng mê thủ tử báo.

若遇燒山林木者。說狂迷取死報。

(Nếu gặp kẻ đốt núi rừng, cây cối thì dạy rõ quả báo cuồng mê đến chết.)

Lúc trước Tân Gia Ba bị nạn khói mù bao phủ, nghe nói Mã Lai Á, Indonesia, khắp nơi đều thiêu đốt rừng núi. Phải biết, trong hết thấy

tạo tác tội nghiệp, đốt rừng núi là tội nghiệp nặng nhất. Bạn nghĩ xem, một ngọn lửa đốt lên có bao nhiêu sanh linh phải mất mạng! Còn nhiều hơn săn bắn không biết gấp bao nhiêu lần. Chúng ta dùng phương pháp gì để săn bắn cũng chẳng hại nhiều chúng sanh bằng thiêu đốt rừng núi. Khi thiêu khu rừng này, số chúng sanh bị sát hại phải tính đến số triệu, trăm triệu, những động vật nhỏ này một con cũng chẳng chạy thoát. Thật ra tạo hết thấy tội nghiệp cũng chẳng nặng bằng việc này, đây là trọng giới sát sanh.

“*Cuồng mê thủ tử*”, quả báo hiện đời là hoa báo, quả báo chắc chắn ở tại địa ngục A Tỳ. Thọ tội ở địa ngục A Tỳ, trong kinh nói là vô số kiếp. Vô số kiếp xong được thoát ra, tương lai phải đền mạng hết thấy những chúng sanh bị giết hại, không thể nói giết rồi thì xong chuyện, đọa địa ngục, thọ tội địa ngục xong thì hết chuyện, vậy thì quá tiện nghi cho bạn. Thiếu tiền phải trả tiền, thiếu mạng thì phải đền mạng, bạn nói nhân quả này đáng sợ bao nhiêu. Bạn giết một chúng sanh tương lai phải đền một mạng, giết hai thì phải đền hai mạng, bạn giết bao nhiêu thì tương lai phải đền bấy nhiêu mạng. Tu hành chứng quả cũng không tránh được, không thể nói tu hành chứng quả rồi thì hết chuyện, thì có thể thiếu nợ khỏi trả tiền, thiếu nợ mạng khỏi đền mạng, nếu vậy thì chẳng phải Phật pháp đã phá hoại định luật nhân quả rồi sao? Chư vị nên biết, đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật rồi vẫn còn phải chịu quả báo ba tháng ăn mã mạch (lúa mạch dành cho ngựa ăn). Bạn nghĩ xem nhân quả báo ứng, thành Phật rồi cũng chẳng thể tránh khỏi. Trong Cao Tăng Truyện các bạn thấy An Thế Cao, Ngài phải trả hai món nợ mạng ở Trung Quốc, đời trước ngộ sát người nên đời này cũng bị người ta ngộ sát, giết chết; chứng minh cho chúng ta nhân quả báo ứng tơ hào chẳng sai. Ngài là người đã chứng quả, người chứng quả tự mình rõ ràng, cam tâm tình nguyện trở lại để đền mạng, chịu cho người ta giết, chịu trả một cách rất vui vẻ vì nợ được thanh toán, đã trả dứt.

Ngày nay nếu chúng ta nói bị người ta ăn cắp đồ, bị người ta giật, bị người hại, trong kinh đức Phật dạy “*hãy nghĩ như mình trả nợ*”. Vì chúng ta không có trí huệ, chẳng có thần thông, chẳng biết chuyện quá khứ, trong tâm nghĩ trả nợ, vui vẻ chẳng có một tí gì oán hận. Bị người ta gạt, bị người ta hãm hại, phải nghĩ là mình trả nợ, món nợ này đến đây kết thúc. Nói thật ra chẳng phải là mình thiếu họ thì là họ thiếu mình, không phải là chuyện như vậy hay sao? Tôi thiếu họ, tốt lắm, tôi trả hết. Họ thiếu tôi, không cần nữa, đời sau đừng đòi nợ nữa, cứ đòi tới đòi lui, dây dưa chẳng dứt! Thiếu người ta thì trả họ, người ta thiếu thì không

cần đòi, đỡ mắc công, như vậy mới là cách làm có trí huệ, thông minh. Câu này không những chúng ta phải ghi nhớ, nên thường nói cho người khác nghe, giết hại sanh mạng chắc chắn là phải đền mạng. Bạn mỗi bữa thiêu trụi rừng núi, bạn có biết bạn đã giết hại biết bao nhiêu sanh linh hay chăng? Có bao nhiêu con kiến, động vật ở dưới đất? Tương lai đọa vào cõi súc sanh để đền mạng chẳng bao giờ dứt. Trong một đời, những tội nghiệp tạo tác trong mấy chục năm ngắn ngủi, vô lượng kiếp cũng trả chẳng hết, đáng sợ vô cùng. Trong đời này nếu chúng ta thực sự giác ngộ, thực sự có trí huệ, đời sống có gian khổ cách mấy cũng không sao cả, tuyệt đối chẳng được lợi dụng người ta mảy may. Nhất định phải giữ tâm tốt, làm việc tốt, tích đức tu thiện, đời này hết rồi, đời sau sanh đến chỗ tốt, đời sau nhất định sẽ không đọa vào tam ác đạo, đọa vào tam ác đạo thì dễ sợ lắm.

Có thể có bạn đồng tu sẽ nói tôi đã tạo những tội nghiệp này thì phải làm sao? Bản thân tôi là một thí dụ rất tốt. Lúc nhỏ trẻ tuổi háo ăn, ăn thịt chúng sanh, thịt của gia súc nuôi trong nhà ăn không ngon, ăn thịt rừng ngon hơn nên ngày nào cũng đi săn bắn. Thế nên chiêu cảm báo ứng, quả báo đoản mạng; đoản mạng là quả báo hiện đời, quả báo tương lai là đọa địa ngục A Tỳ. Sau khi ra khỏi địa ngục A Tỳ thì phải trả từng món nợ một, bạn đã tạo ra nhân thì đâu có lý nào khỏi phải chịu quả báo? Nhưng Phật nói với chúng ta chỉ cần bạn còn một hơi thở thì bạn vẫn còn cơ hội được cứu. Tuy đã tạo tội nghiệp đọa địa ngục A Tỳ, Phật cũng còn cách cứu. Vấn đề là bạn có chịu tin hay không? Nếu bạn không tin thì bạn không có cách gì cứu được; nếu bạn chịu tin thì bạn vẫn được cứu. Phật dạy: “*Sám trừ nghiệp chướng*”, trong kinh chúng ta đọc đến vua A Xà Thế tạo tội ngũ nghịch, giết cha, giết mẹ, kết cấu với Đề Bà Đạt Đa phá hoại tăng đoàn, phá hòa hợp tăng, Đề Bà Đạt Đa làm thân Phật chảy máu, hai người ác này. Đến lúc lâm chung vua A Xà Thế mới giác ngộ biết được lúc trước đã tạo ra tội lỗi, biết sai rồi, hướng về Phật cầu sám hối. Phật dạy ông ta niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, ông dùng tâm chí thành, chân thành sám hối, sức mạnh của việc sám hối vượt hơn nghiệp lực, ông vãng sanh về Cực Lạc thế giới. Vả lại phẩm vị vãng sanh rất cao, Phật nói ông ta vãng sanh Thượng phẩm Trung sanh. Người học Phật chúng ta coi đến chỗ này không phục, tạo tội nặng như vậy thì Hạ Hạ phẩm vãng sanh đã là tốt quá rồi, làm sao có thể Thượng phẩm Trung sanh? Thế mới biết sức mạnh của việc sám hối chẳng thể nghĩ bàn. Một niệm quay trở lại thì người ấy là người chí thiện, thực sự là người thiện, ngàn ngữ chúng ta thường nói: “*Lãng tử quay về, vàng*

cũng chẳng chịu đời”, ông ta thực sự đã quay về, được vậy thì siêu phàm nhập thánh.

Siêu phàm nhập thánh, nói cho chư vị biết, thì sẽ chẳng thọ tội nghiệp ở địa ngục nữa, có thể tránh khỏi. Nợ có phải trả không? Vẫn phải trả. Làm thế nào trả? Bồ Tát thuyết pháp độ chúng sanh là trả nợ. Trong khi độ chúng sanh cũng gặp rất nhiều sự việc chẳng vừa ý, tất cả đều là để trả nợ. Giống như đức Phật Thích Ca, ở vào địa vị Như Lai độ chúng sanh, nhưng trong đồ chúng xuất gia của Ngài vẫn có Lục Quân tỳ-kheo, Đề Bà Đạt Đa, mỗi ngày đều nhiều loạn, mỗi ngày đều gây rắc rối cho Ngài, đây là trả nợ, oán thân chủ nợ đời quá khứ. Thế nên năm xưa lúc đức Thế Tôn còn tại thế đã biểu diễn, làm gương cho chúng ta thấy, lão nhân gia Ngài đều chẳng tránh khỏi, chúng ta là pháp sư xuất gia hậu thế bị một số người phao tin đồn, kiếm chuyện, hủy báng, hãm hại, đây là chuyện thường thôi. Đời Minh, đại sư Hám Sơn còn phải ngồi tù mấy năm. Đại sư Thiên Tông Lục Tổ Huệ Năng phải lẩn trốn trong nhóm thợ săn hết mười lăm năm, Ngài chân chánh là Bồ Tát minh tâm kiến tánh, chẳng phải là người thường. Làm người thấp kém, người làm công trong nhóm thợ săn; nấu cơm, giặt quần áo, chăm sóc những người thợ săn này, thời gian chẳng ngắn, mười lăm năm. Chịu đựng sự oan khuất nhục nhã lớn dường ấy, đây là tội nghiệp đời trước, oán gia chủ nợ, bạn chẳng thể nào không trả nợ được. Từ những chỗ này chúng ta tưởng tượng đến đức Phật trong kinh dạy những chân tướng sự thật này, nghiệp nhân quả báo tơ hào chẳng sai, đúng như lời nói *“chẳng phải là không báo, mà là thời giờ chưa đến”*. Thời tiết nhân duyên cũng là nhân duyên quả báo thật phức tạp, một ngày nào đó sẽ gặp phải duyên này, có một ngày bạn phải thọ quả báo. Câu sau:

Nhược ngộ tiền hậu phụ mẫu ác độc giả, thuyết phản sanh tiền thát hiện thọ báo.

若遇前後父母惡毒者。說返生鞭撻現受報。

(Nếu gặp kẻ làm cha mẹ trước hoặc cha mẹ sau mà độc ác, thì dạy rõ quả báo sanh trở lại hiện đời bị roi vọt.)

Đây là trong thế gian chúng ta gọi là cha trước, mẹ kế, vì con cái chẳng phải con ruột nên thường ngược đãi. Hiện nay nó còn nhỏ, bạn ngược đãi nó, nó sẽ ghi hận trong lòng, tương lai khi bạn già, nó lớn lên rồi, thì sẽ báo thù, báo ứng hiện đời. Thế nên Phật dạy chúng ta một nguyên tắc chung, cương lĩnh chung, chúng ta phải ghi nhớ đừng kết oán

thù với hết thầy chúng sanh, đây là nguyên tắc cương lĩnh chung. Thà chịu bị người ta sỉ nhục, hãm hại, chúng ta nhất định không thể có một ý tưởng báo thù, đời này chúng ta mới có thể siêu việt Tam giới. Nếu có một ý niệm oán trời trách người, có một ý niệm oán hận, nói cách khác, thì bạn vẫn phải trôi lăn trong lục đạo y như cũ. Quan hệ của bạn đối với những oán thân chủ nợ này chẳng có cách gì thoát khỏi, cứ báo đền lẫn nhau từng đời từng kiếp, mỗi lần càng tàn khốc hơn lần trước, bạn tạo nên những tội nghiệp cực nặng này vô cùng dễ sợ. Nếu chư vị đọc nhiều kinh Đại Thừa thì lông tóc sẽ dựng đứng [vì sợ hãi]. Những tội nghiệp chúng ta đã tạo trong quá khứ chẳng những đời này, đời này chúng ta tự biết được, còn có đời quá khứ, những tội nghiệp tích lũy từ quá khứ vô thì còn kinh khủng nữa! Càng nghĩ càng dễ sợ, càng nghĩ mới biết sự việc này quan trọng, dễ sợ lắm! Bạn phải trôi lăn trong lục đạo, oán thân chủ nợ vô lượng vô biên, làm sao có ngày tháng sinh sống thoải mái được?

Do đó chúng ta bình tĩnh quan sát thế gian này có người nào không đau khổ? Bất kể bạn ở trong thế gian này hưởng giàu sang đến mức nào, tuy bạn hưởng giàu sang, oán thân chủ nợ của bạn cũng vẫn vây quanh bạn, quan sát kỹ lưỡng thì thấy ngày tháng của họ chẳng thoải mái tí nào, chúng ta phải rõ ràng, phải minh bạch. Chúng ta gặp được Phật pháp nên mới tìm ra một con đường sống sót, một lối thoát, thoát khỏi sanh tử luân hồi, tạm thời thoát khỏi những oán thân chủ nợ này, chẳng phải là thoát khỏi vĩnh viễn, chỉ là tạm thời thoát khỏi. Sau khi thoát khỏi, chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đến đó làm Bồ Tát, làm Phật, rồi mới quay trở lại để trả nợ. Trong kinh đức Phật nói rất rõ ràng “*Phật chẳng độ người không có duyên*”, oán thân chủ nợ đối với tôi đều có duyên, tương lai tôi sẽ độ họ. Từ đây có thể biết oán thân chủ nợ nhiều cũng không phải là không tốt, cũng tốt, tương lai độ chúng sanh nhiều; quay trở lại giúp họ thành Phật, giúp họ cũng có thể thoát khỏi biển khổ, câu sau cùng:

Nhược ngộ võng bồ sanh sở giả, thuyết cốt nhục phân ly báo.

若遇網捕生離者。說骨肉分離報。

(Nếu gặp kẻ đặt lưới, giăng bẫy để bắt các sinh vật còn non yếu thì dạy rõ quả báo cốt nhục chia lìa.)

Đây cũng là việc tôi đích thân từng trải, tôi đã làm chuyện này, chịu báo ứng này. Trong đời tôi, người thân không thể đoàn tụ. Lúc mở

quyển kinh này ra, tôi tạo cái nhân này, chịu quả báo này, vô cùng rõ ràng, thật là minh bạch, đích thân trải qua nên cảm thọ vô cùng sâu đậm. Xem tiếp đoạn sau:

Nhược ngộ hủy báng Tam Bảo giả, thuyết minh lung âm á báo.

若遇毀謗三寶者。說盲聾瘖啞報。

(Nếu gặp kẻ hủy báng Tam Bảo thì dạy rõ quả báo đui, điếc, câm, ngọng.)

Những lời này đức Phật nói trong kinh đều là nói về hoa báo, quả báo là ở địa ngục. Chúng ta gộp câu dưới đây xem một lượt:

Ngược ngộ khinh pháp mạn giáo giả, thuyết vĩnh xử ác đạo báo.

若遇輕法慢教者。說永處惡道報。

(Nếu gặp kẻ khinh chê giáo pháp thì dạy rõ quả báo ở mãi trong ác đạo.)

Chúng ta gộp hai câu này để giảng. Coi thường Phật pháp, chèn mỏng việc hoằng pháp, “Giáo” là hoằng pháp lợi sanh, dùng tâm khinh mạn đối với những chuyện này; nói cách khác, chẳng coi trọng. Tại sao lại có quả báo nặng nề như vậy? Từ Phật pháp chúng ta cũng có thể liên tưởng đến thế pháp, trong thế pháp thì giáo dục là căn bản, căn bản của hạnh phúc cá nhân, căn bản của gia đình mỹ mãn, căn bản của xã hội an định, căn bản của hòa bình thế giới; nếu bạn phá hủy căn bản thì thế gian này làm sao chẳng loạn cho được? Sự giáo học của nhà Nho nói thật ra, chánh sách, phương hướng, mục tiêu của giáo dục Trung Quốc là do Hán Võ Đế chế định. Quốc gia lấy chuyện này làm tông chỉ giáo học, mãi cho đến Mãn Thanh, triều đại không ngừng biến đổi nhưng chánh sách giáo học của Trung Quốc chẳng có thay đổi, suốt cả hai ngàn năm không thay đổi. Vào một lúc nào đó nếu quốc gia thực sự chấp hành, có thể làm thêm vài phần thì quốc thái dân an; nếu chẳng coi trọng thì thiên hạ đại loạn, có thể thấy chứng cứ rất rõ ràng trong lịch sử. Trong Học Ký có nói “Xây dựng đất nước, cai trị nhân dân, giáo học đứng hàng đầu”, chẳng sai tí nào. Xây dựng một quốc gia, một chánh quyền, lãnh đạo nhân dân toàn quốc thì việc gì quan trọng nhất? Giáo dục, giáo học đứng đầu. Nếu khinh thường giáo, [khinh] mạn pháp thì vấn đề sẽ rất nghiêm trọng.

Từ xưa đến nay Trung Quốc chẳng dùng pháp để trị quốc, người Tây phương hiện nay nói về pháp trị, người Trung Quốc chúng ta cao

minh hơn họ, người Trung Quốc dùng lễ trị. Từ xưa đến nay Trung Quốc nói về Đạo, Đức, Nhân, Nghĩa, Lễ, dùng năm thứ này để trị thiên hạ, trị quốc. “*Lễ chi dụng, hòa vi quý*”, Phật pháp chúng ta nói về Lục Hòa kính, họ tuy không nói đến Lục Hòa, ít nhất thì họ cũng nói về Tam Hòa. Ngày nay chúng ta đến Bắc Kinh thăm viếng Cố Cung của triều nhà Thanh, cố cung này trải qua ba triều Nguyên, Minh, Thanh, hoàng đế của ba triều đại này đều ở nơi ấy, hơn bảy trăm năm. Ngõ kiến trúc chánh của cố cung, nhân gian chúng ta gọi là Kim Loan Điện, thật ra chẳng gọi là Kim Loan Điện, mà gọi là Thái Hòa Điện, nói đến Hòa. Phía sau Điện Thái Hòa là Điện Trung Hòa, sau nữa là Điện Bảo Hòa. Bạn nghĩ xem có ý nghĩa gì? Đế vương có trí huệ, thông minh, dùng Hạ để trị thiên hạ. Ý nghĩa này sâu rộng vô cùng, cho nên họ có thể kéo dài hai trăm sáu mươi mấy năm, chẳng phải là không có đạo lý. Nếu những hoàng đế cuối triều Thanh như Từ Hy còn giữ nguyên lý nguyên tắc của tổ tiên thì ngày nay [có lẽ] vẫn còn là thiên hạ của triều nhà Thanh, vẫn còn đại Thanh quốc, làm sao có thể mất nước được? Vô cùng đáng tiếc, con cháu cuối đời đều quên hết giáo huấn của tổ tông, mặc tình phóng túng nên mới mất nước.

Cho nên căn cứ trên nguyên lý và nguyên tắc của giáo dục Trung Quốc thì một triều đình xây dựng có thể kéo dài ngàn năm, muôn đời, chỉ cần bạn làm theo thì người dân ai nấy đều hưởng phước, chẳng nghĩ đến phải lật đổ chánh quyền. Tại sao? Chánh quyền quá tốt, chánh phủ quá tốt, được dân cả nước ủng hộ. Nếu bạn làm không được thỏa mãn, trái nghịch nhân tâm thì người dân mới tạo phản. Nếu bạn có thể thuận theo nhân tâm, có thể hết thấy đều yêu dân như con, hết thấy đều chiếu cố rất chu đáo, yêu mến họ, lo lắng cho họ, dốc hết tâm lực để chiếu cố đời sống của họ, làm sao không được nhân dân ủng hộ? Chánh quyền như vậy sẽ [duy trì] ngàn năm, muôn đời, là lẽ đương nhiên. Nếu bạn chẳng yêu nhân dân, bạn chà đạp nhân dân, chẳng bảo hộ nhân dân, chẳng lo cho sự sống còn của nhân dân thì nhân dân đương nhiên sẽ tạo phản. Lịch sử là một tấm gương sáng rõ ràng, kinh luận là học vấn, lịch sử là giám sử⁶⁹, là chứng minh cho chúng ta.

Giáo dục của nhà Phật đối với ảnh hưởng trị loạn trong xã hội Trung Quốc cũng vô cùng rõ ràng. Các triều đại Trung Quốc, triều đại nào hưng vượng nhất thì Phật pháp hưng thịnh, triều đại nào suy bại nhất thì Phật pháp cũng suy bại, trong ấy có nhân quả liên đới lẫn nhau. Tại

⁶⁹ lịch sử là tấm gương để soi vào hầu học hỏi kinh nghiệm của tiền nhân nên gọi là “giám sử”.

sao lại có hiện tượng này? Phật pháp dạy người việc thiện. Phật pháp hưng vượng, nhân tâm lương thiện; Phật pháp suy bại, nói cách khác, người tin Phật ít, người thiện ít, tâm thiện ít thì người ác sẽ nhiều. Thế nên sau khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, những vua chúa các triều đại Trung Quốc chẳng có một ai không hết lòng nỗ lực để học tập, phát triển hoằng dương Phật pháp, giáo dục nhà Phật phổ biến đến nhân gian, tạo nên phong khí tốt đẹp trong xã hội. Người người đều biết nhân quả báo ứng thì khởi tâm động niệm tự nhiên biết thân liêm, chẳng cần pháp luật. Đây tuyệt đối không phải là chánh sách ngu dân; tuyệt đối chẳng phải lường gạt lão bá tánh, trong ấy có chân lý, chân tướng sự thật. Câu kế tiếp:

Nhược ngộ phá dụng Thường Trụ giả, thuyết ức kiếp luân hồi địa ngục báo.

若遇破用常住者。說億劫輪迴地獄報。

(Nếu gặp kẻ phá hoại của Thường Trụ thì dạy rõ quả báo ức kiếp luân hồi nơi địa ngục.)

“Phá dụng Thường Trụ”, phía trước đã nói đây là thuộc về giới trộm cắp. Trộm vật thường trụ, trong kinh đức Phật nói tạo tội nặng gì Phật, Bồ Tát cũng có thể cứu, chỉ có trộm đồ thường trụ thì Phật không thể cứu. Nếu chúng ta phạm tội này thì phải làm sao? Tội này rất dễ phạm. Chúng ta trộm cắp, trộm vật của một người thì kết tội nhẹ, tương lai trả nợ thì chỉ trả một người. Nếu trộm đồ của quốc gia thì rất phiền phức, tương lai trả nợ thì phải trả hết những người trong nước đó, họ đều là chủ nợ. Tài vật của quốc gia từ đâu đến? Đến từ tiền thuế nhân dân đóng thuế. Thế nên người nào cũng là chủ nhân, tương lai trả nợ thì bạn trả cho từng người. Trung Quốc có mười ba ức người, mười ba ức người này đều là chủ nợ của bạn, bạn phải trả nợ mệt nghỉ. Thường trụ trong nhà Phật càng ghê gớm hơn nữa, nhưng chư vị phải biết hiện nay sự thật chẳng phải vậy.

Lúc trước tôi giảng kinh ở Đài Loan có một lão cư sĩ, cụ đã qua đời, vãng sanh nhiều năm rồi. Có một lần cụ đặc biệt mời tôi ăn cơm, chỉ mời một mình tôi, chỉ có hai người chúng tôi vào tiệm ăn. Tôi nói: Lão cư sĩ hôm nay mời tôi có chuyện gì không? Cụ nói: Tôi có một vấn đề rất nhức đầu muốn hỏi pháp sư. Tôi nói: Vấn đề gì? Cụ nói: Phá hòa hợp Tăng, ăn cắp đồ của Thường Trụ phải đọa địa ngục A Tỳ, vĩnh viễn chẳng thể thoát thân, phải làm sao đây? Nghe xong tôi cười và nói: Cụ ở

chỗ nào nhìn thấy phá hòa hợp Tăng, cụ thấy ở đâu? Tôi vừa hỏi như vậy, cụ suy nghĩ một lát rồi cũngờ người ra. Tôi nói: Cả đời tôi đi giảng kinh thuyết pháp ở nhiều nơi, tôi chưa từng gặp Tăng Đoàn hòa hợp. Tại sao vậy? Người xuất gia đều ở đó cãi lộn, đấu tranh. Tôi nói: Cụ ở đâu tìm được một Tăng Đoàn hòa hợp? Vật thường trụ hiện nay là vật thường trụ gì? Chùa miếu đó là nhà của người đó, đó không phải là thập phương thường trụ, chúng ta đến nơi đó quải đơn⁷⁰ cũng không được, họ chẳng cho phép, vậy thì đâu phải là vật thường trụ? Đó là nhà của người đó. Tôi vừa nói xong thì cụ ấy mới vỡ lẽ. Tôi nói: Việc phá hòa hợp Tăng đó chẳng phải là phá hòa hợp Tăng [theo đúng ý nghĩa], mà là phá nhà của người đó; trộm vật thường trụ là trộm vật trong nhà người đó, tội đó chẳng có nặng cho lắm. Có ba người, năm người trú trong chùa ấy thì tương lai trả nợ cho ba, năm người. Tôi nói: Cả đời tôi chưa từng gặp Tăng đoàn hòa hợp, chưa gặp đạo tràng thập phương thường trụ, chưa từng gặp. Lại nói Nếu cụ gặp thì nói cho tôi biết. Sau đó cụ suy nghĩ một lát cũng nói chưa từng gặp qua. Tôi nói: Vậy thì được rồi, chúng ta hãy dùng cơm.

Thế nên hiện nay miếu gọi là miếu của con cháu, miếu nhỏ, đã biến chất rồi, chẳng phải thập phương thường trụ. Tương lai Cư Sĩ Lâm ở đây, Làng Di Đà xây xong, đó là thập phương thường trụ. Nếu trộm cắp đồ vật ở trong ấy thì kết tội cũng giống như đã nói trong kinh. Đạo tràng Cư Sĩ Lâm ở Tân Gia Ba tuy là do cư sĩ tại gia tạo dựng, nhưng đạo tràng này là thập phương thường trụ, bốn chúng đệ tử trong nhà Phật đều có thể quải đơn, đều sẽ không từ chối. Sau khi Làng Di Đà xây dựng xong thì còn thù thắng hơn nữa. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói với tôi, bất cứ người niệm Phật ở quốc gia, địa phương nào, người xuất gia cũng vậy, tại gia cũng vậy, chỉ cần xin được quyền cư trú hợp pháp ở Tân Gia Ba thì đạo tràng này đều sẽ cung ứng [chiếu cố]. Bạn ở đây thật thà niệm Phật, tứ sự cúng dường [đều đầy đủ], cúng dường cho đến khi bạn vãng sanh, đây là thường trụ, chân chánh là thập phương thường trụ. Cư Sĩ Lâm, các bạn xem trai đường ở tầng dưới, mỗi ngày ba bữa cung ứng theo lối ăn tiệc Lưu Thủy⁷¹, ăn cơm khỏi phải trả tiền, chẳng kể bạn tin Phật hay không tin Phật, bạn đến thì đều có cơm ăn. Thậm chí nếu bạn

⁷⁰ còn gọi là Quải Tích, Quải Bát, nghĩa là một vị Tăng du phương hành cước, ôm y bát, hành lý vào xin ở nhờ trong Tăng Đường một tự viện nào đó.

⁷¹ Lưu Thủy là ông trưởng giả tiền thân của Phật Thích Ca trong kinh Kim Quang Minh, ông đãi khách rất thịnh soạn với tâm bình đẳng, ai tới cũng được đãi ăn như nhau, không phân biệt địa vị tôn quý hay sang hèn, thân hay sơ.

báng Phật, hủy báng Phật pháp, khi bạn bước vào cửa thì cũng để cho bạn dùng cơm, tuyệt đối chẳng từ chối. Chúng tôi thấy ở Cư Sĩ Lâm có rất nhiều người theo đạo khác, đạo Cơ Đốc, đạo Thiên Chúa, người ở gần đây đều tới dùng cơm, đều cúng dường tất cả, cúng dường một cách bình đẳng, đây là thập phương thường trụ. Thế nên ở nơi đó mỗi ngày có [cung ứng] ba bữa ăn, bạn hãy ăn tự nhiên, nhưng bạn không thể lén lút lấy gạo, đồ ăn ở đó đem về nhà, như vậy thì rắc rối ghê lắm, sự kết tội ấy là thập phương thường trụ kết tội, chẳng thể được. Người ta mở tiệm ăn chay, quán chay, bạn vào trong đó ăn cắp thì tội đó rất nhỏ, chẳng sao cả. Cư Sĩ Lâm là thập phương thường trụ, sự kết tội ở đó sẽ rất nặng.

Thế nên ngày nay chúng ta gặp được thập phương thường trụ thì thật chỉ có Cư Sĩ Lâm mà thôi. Họ chỉ có một điều kiện, bạn chân tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì bạn có thể thường trú ở đạo tràng ấy. Nhưng người hiện nay không thật thà, vì mục đích ngăn ngừa tệ đoan, có một số người giả vờ đến đó niệm Phật, tiếp nhận cúng dường thì chúng ta đã bị gạt, bị lừa rồi sao? Thế nên luật lệ ở đó là khi bạn đến Niệm Phật Đường để niệm Phật, những người cư trú ở đó phải điểm danh, liên tiếp ba lần không có mặt thì sẽ mời bạn rời khỏi, mời bạn đi khỏi, ở đó chẳng nhận cho bạn cư trú nữa. Bạn phải đến Niệm Phật Đường, một khóa cũng không thiếu thì thường trú ở đó sẽ hoan nghinh, cúng dường bạn; bạn thực sự vì sanh tử, thực sự muốn thoát ra khỏi Tam giới, thực sự muốn cầu sanh Tịnh Độ, họ hoan hỷ cúng dường cho bạn, thế nên duyên này vô cùng thù thắng. Lúc chúng tôi giảng kinh Hoa Nghiêm đã có nói với chư vị, Tỳ Lô Giá Na Phật xây dựng Hoa Tạng thế giới, cúng dường và thành tựu cho những người tu hành; A Di Đà Phật xây dựng Cực Lạc thế giới giúp cho những người niệm Phật, thành tựu cho họ làm Phật. Ngày nay Cư Sĩ Lâm thành lập đạo tràng này để thành tựu cho những người niệm Phật ở mọi địa phương trên thế giới, giúp cho họ vãng sanh Tịnh Độ, chẳng thể nghĩ bàn. Đây thực sự là đạo tràng hy hữu khó gặp trên thế giới. Thế nên vật thường trụ chúng ta phải hiểu rõ, nhân quả trong ấy chẳng thể nghĩ bàn.

Nhược ngộ ô phạm vu tăng giả, thuyết vĩnh tại súc sanh báo.

若遇汚梵誣僧者。說永在畜生報。

(Nếu gặp kẻ ô nhục phạm hạnh và vu báng Tăng Già thì dạy rõ quả báo ở mãi trong loài súc sanh.)

“Ô” là ô nhiễm, trong Phật pháp là phạm tội dâm dục. “Vu” là

hủy báng, hủy báng người xuất gia, đây là vĩnh tại súc sanh báo. “*Vĩnh tại súc sanh báo*” cũng là sau khi chịu báo trong địa ngục xong rồi thọ súc sanh báo, quả báo này chắc chắn là trong địa ngục. Pháp sư Thanh Liên trong đoạn văn này dẫn ra một đoạn trong Thắng Thiên Tử kinh nói đến việc phước chúc chúng ta lưu thông bộ kinh này, nếu có pháp sư lưu thông kinh này, lưu thông nghĩa là như thế nào? Có phải là chúng ta in ra nhiều một chút rồi đem tặng cho người ta thì gọi là lưu thông? Chẳng phải, phạm vi đó quá nhỏ hẹp. Y giáo phụng hành mới gọi là lưu thông, chúng ta phải làm gương cho người ta coi, đó gọi là lưu thông, vậy mới hữu dụng, mới thực sự có lợi ích cho chúng sanh. Đây là việc mà trong kinh thường nói đến: Thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói. Diễn là biểu diễn, làm ra cho người ta coi, chân chánh là y giáo phụng hành, triệt để y giáo phụng hành. Chỗ có pháp sư, có kinh điển, có đạo tràng chính là chỗ có chư Phật Như Lai, công đức lợi ích này Phật, Bồ Tát cũng nói chẳng hết, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Xem tiếp kinh văn:

Nhược ngộ thang hỏa trăm chước thương sanh giả, thuyết luân hồi đệ thưởng báo.

若遇湯火斬斫傷生者。說輪迴遞償報。

(Nếu gặp kẻ nấu, nướng, chém, chặt, hoặc đả thương sanh vật, thì dạy rõ quả báo phải luân hồi đền trả lẫn nhau.)

Phía dưới nói về tạp nghiệp báo, phía trên [những gì] chúng ta nhìn thấy đều là ác nghiệp. Đọc xong chúng ta cảm khái muôn vàn, đều đã từng tạo. “*Thang hỏa*” là gì? Lấy thịt chúng sanh đem nấu. Lúc xắt thịt thì dùng dao khứa từng miếng, “*trăm chước*”. Ngày nay chúng ta sát hại chúng sanh, ăn thịt chúng sanh, trong kinh đức Phật nói “*Người chết làm dê, dê chết làm người*”, tương lai chúng ta chết đi đọa vào nẻo súc sanh, chúng nó sanh làm người thì cũng sẽ chặt, chém chúng ta ra từng miếng mà ăn, “*quả báo luân hồi đền trả lẫn nhau*”. Ngày nay chúng ta ăn thịt nó, tương lai nó ăn thịt chúng ta, cứ đền trả lẫn nhau dây dưa chẳng dứt. Hiện nay tai nạn trên thế gian nhiều như vậy là vì nguyên nhân gì? Sát nghiệp quá nặng. Không những các chúng sanh này ăn thịt, mà còn ăn sống nữa, bạn nói vậy thì làm sao được! Hiện nay tại sao tai nạn xảy ra nhiều gấp mấy lần lúc trước? Chúng ta bình tĩnh nghĩ thử xem, năm chục năm, sáu chục năm về trước, lúc kháng chiến và thời gian trước đó, đây là việc tôi đích thân trải qua. Lúc đó đời sống nhân dân rất khổ, ở thôn quê khoảng một tháng mới bán thịt một lần, đâu phải

ngày nào cũng có thịt mà ăn? Là việc chẳng thể nào có được. Cả mấy làng một tháng mới họp lại làm thịt một con heo. Lúc làm thịt heo thì tìm một cây cao, trên cây để một cành tre, trên cành tre treo một miếng giấy vàng, mọi người nhìn thấy thì biết ngày hôm ấy có bán thịt ở đó, mới đi đến đó mua nửa cân, một cân thịt, mỗi tháng mới ăn thịt một lần. Chỉ có vào dịp tết thì mới có thịt ăn mỗi ngày, do đó con nít đều mong cho đến tết. Hiện nay thì mỗi ngày đều là tết, mỗi ngày đều ăn thịt, mỗi ngày đều sát sanh, tai nạn quả báo bèn lập tức hiện tiền. Chúng ta phải bình tĩnh mà quan sát, mà suy tư, thì sẽ tìm ra nguyên nhân thực sự. Thiên tai nhân họa xảy ra dồn dập không dứt, nhìn thấy mà ghê sợ, chẳng biết nguyên nhân, như vậy là ngu muội, vô tri.

Không tin lời thánh nhân thế gian, xuất thế gian nói, chẳng đọc sách thánh hiền, chẳng tin lời thánh hiền nói, cho rằng tự mình thông minh trí huệ hơn người xưa, người xưa lạc hậu rồi. Trí huệ, thông minh của người hiện nay vượt trội hơn người xưa quá nhiều, người xưa đốt đèn dầu đâu có sáng bằng đèn điện hiện nay? Người hiện nay thông minh hơn người xưa, họ nói rất hùng hồn, nghe rất có đạo lý, nhưng thật ra chẳng có đạo lý. Trí huệ thông minh của người xưa có thể phát triển kỹ thuật khoa học như ngày nay hay chẳng? Họ có khả năng này, có trí huệ này. Tại sao không làm? Họ có đại đạo lý của họ. Nếu hai ngàn năm trước đã bắt đầu làm thì thế giới này đã sớm hủy diệt từ lâu rồi. Thế nên họ chẳng chịu phát triển, hy vọng người đời trụ ở thế gian lâu dài, an ổn, sống đời sống chân chánh của con người. Người hiện nay chẳng sống cuộc đời con người, mà là sống làm nô lệ cho cơ giới, khoa học, kỹ thuật, chứ đâu phải là sống đời con người? Ý vị tình người chẳng còn nữa, ngay cả năm mộng bạn cũng chẳng nghĩ ra. Chúng ta đọc sách cổ xưa, bạn hãy coi văn chương, tác phẩm văn học của người xưa, người thuở xưa sống trong tình thơ ý họa, đẹp để biết bao! Đời sống của con người hiện nay, sinh sống ở đâu? Trong yêu ma quỷ quái. Tôi chẳng tiếp xúc, lâu lâu nhìn thấy những hình ảnh ca vũ trên TV, đó là gì? Yêu ma quỷ quái. Âm thanh ấy giống như quỷ khóc, sói tru, [họ] sống cuộc đời như vậy. Họ đâu có hưởng thụ gì đâu, chúng tôi nhìn thấy rất tội nghiệp cho họ, hoàn toàn là điên cuồng, giống như hút ma túy, chích morphine nên trở thành như vậy, đâu có phải là hình dáng của con người nữa? Chẳng bình thường tí nào. Thế nên chúng ta nhất định phải cảnh giác, cảnh giác một cách cao độ.

Chúng ta làm việc trong nhà bếp, đọc tới câu này có thể nào chẳng kinh hồn hoảng vía ư? Đọc qua đoạn này trong kinh Địa Tạng thì nhất

định sẽ chẳng dám ăn thịt nữa, chẳng dám sát sanh nữa. Chúng ta học Phật, tuy là mình hiểu được đạo lý này, người nhà chẳng tin, họ vẫn còn muốn ăn thịt; mỗi ngày đều phải cắt xẻ cho họ, vẫn còn chặt thịt, vẫn phải nấu nướng cho họ thì phải làm sao? Tôi khuyên bạn, tốt nhất mỗi ngày niệm một cuốn kinh Địa Tạng hồi hướng cho người nhà. Bạn có tâm chân thành, Tam Bảo gia trì, tương lai tâm niệm của họ sẽ từ từ chuyển đổi trở lại, chân thành có thể cảm động con người. Dùng tâm chân thành thay thế cả nhà, cả nhà đều là oán thân chủ nợ, tôi chẳng ăn nhưng phải làm thay cho họ, như vậy không phải là oán thân chủ nợ ư? Thế nên bạn phải thay họ hồi hướng, sám hối, một ngày nào đó họ sẽ cảm động, họ sẽ quay lại. Nếu họ không thể quay lại, chẳng cảm động, đó là vì tâm chân thành của chúng ta chẳng đủ, sức lực của chúng ta chưa đạt đến mức, phải tự trách mình. Nhất định phải tìm thời gian để sám hối thay họ, lạy Địa Tạng Bồ Tát nhiều thêm, có thể lạy ba trăm lạy mỗi ngày, một ngàn lạy mỗi ngày, dùng tâm chí thành cầu sám hối thì mới tiêu nghiệp chướng. Hồi hướng công đức bạn tu được cho những chúng sanh ấy, hồi hướng gia trì cho họ, hy vọng họ sớm được sanh đến cõi lành. Việc hồi hướng thứ nhì hy vọng người nhà có thể tiêu trừ nghiệp chướng, khai trí huệ, dứt ác, tu thiện, vĩnh viễn chẳng ăn thịt chúng sanh. Như vậy bạn hành hạnh Bồ Tát ngay trong gia đình bạn, gia đình chính là đạo tràng của bạn. Độ chúng sanh thì độ người nhà trước, sau đó độ thân quyến, bạn bè, hàng xóm, bạn phải làm ra cho người ta thấy. Thế nên học Phật mà người nhà không được độ thì bạn chẳng có thành tựu gì hết, bạn thành tựu rất có hạn. Nếu bạn có thể cảm động người nhà của bạn thì sự học Phật của bạn mới kể là có một chút thành tựu, có một chút thành tích. Nếu người nhà của bạn không thể cảm động thì bạn chẳng có thành tích gì đáng nói.

Nhược ngộ phá giới phạm trai giả, thuyết cảm thú cơ ngộ báo.

若遇破戒犯齋者。說禽獸飢餓報。

(Nếu gặp kẻ phá giới phạm trai thì dạy rõ quả báo làm thân cảm thú đời khát.)

Việc phá giới thì mọi người đều biết. “*Phạm trai*”, cái gì gọi là trai? Hiện nay một số người cứ tưởng ăn chay nghĩa là “*trai*”, ăn chay, thật ra là hiểu sai rồi. Trai, trong nhà Phật chúng ta gọi là quá trung bất thực (không ăn quá giữa ngày), chẳng phải là quá Ngọ (quá mười hai giờ trưa), quá Ngọ cũng sai. Hiện nay một số người gọi là trì Ngọ, nói như

vậy không đúng, quá trung bất thực, quá trung [nghĩa là quá giữa ngày]. Nếu dùng chữ ngộ, giờ ngộ là từ mười một giờ tới một giờ trưa, giờ ngộ dài hai tiếng đồng hồ. [Phải nói là] không ăn quá giữa ngày. Thế nên người trì trai hiện nay tốt nhất là phải dùng lịch thiên văn, vì thời điểm giữa ngày đều khác nhau, thời điểm này đều có xê xích từng ngày, lịch thiên văn là chính xác nhất. Thời điểm giữa ngày vào lúc mấy giờ, mấy phút, mấy giây, sau giữa ngày bạn không thể ăn thì mới thực sự là trì trai. Lúc trì trai mà phạm trai (tức là ăn quá giữa ngày) thì có tội. Phật, Bồ Tát trì trai là để cho chúng sanh học theo, người thế gian chẳng ai không tham ăn, mỗi ngày ăn ba bữa, còn phải ăn điểm tâm, ăn buổi tối, đây đều là lỗi. Trong vấn đề ăn uống, không hay không biết lại tạo ra rất nhiều tội nghiệp, họ chẳng biết. Thế nên người xuất gia thì hiện làm gương cho họ coi, quý vị một ngày ăn nhiều như vậy, đòi hỏi dinh dưỡng nhiều như vậy mà thân thể cũng không khỏe gì cả; chúng tôi một ngày ăn một bữa cũng chẳng thua kém gì thân thể quý vị. Làm cho họ từ điểm này phản tỉnh và giác ngộ, thực sự hiểu được đạo dưỡng sinh. Người hiện nay [tưởng rằng] dưỡng sinh là phải hấp thụ thật nhiều dinh dưỡng, người Trung Quốc chúng ta hồi đó tới giờ chưa từng nói đến dinh dưỡng. Ở Trung Quốc đại lục có một số nơi còn lạc hậu nghèo nàn, họ làm sao hiểu được dinh dưỡng là gì? Nhưng thật kỳ lạ, họ đều sống rất lâu, thọ mạng con người ở thôn quê rất dài, người sống trên một trăm tuổi rất nhiều.

Lúc trước tôi cư trú ở Mỹ, hình như lúc đó Đại Lục vừa mới mở rộng⁷², vừa mới mở rộng chẳng lâu. Mỹ đã từng phái một số người đến Trung Quốc Đại lục để tìm hiểu, nghiên cứu tại sao mức vệ sinh của người Trung Quốc tệ như vậy mà họ có thể sống lâu? Người Mỹ chuyện gì cũng đòi hỏi [tốt nhất] nhưng lại không sống lâu, họ muốn nghiên cứu về đạo lý này [nhưng] chẳng tìm được nguyên do. Coi đời sống ăn uống của họ (người Trung Quốc) so với tiêu chuẩn của Mỹ thì thua quá xa, nhưng người Trung Quốc lại sống lâu. Dùng phương pháp khoa học gì để nghiên cứu cũng tìm chẳng ra, họ chẳng hiểu nổi. Nguyên nhân của sự sống lâu ở đâu? Tâm địa thanh tịnh, vọng niệm ít, phiền não thực sự [là nguyên nhân] đoạt mất mạng sống con người. Phiền não của người Mỹ rất nặng, quá nặng, người Mỹ trẻ tuổi khoảng dưới hai mươi lăm tuổi coi còn được, vóc dáng còn rất đẹp, trên ba mươi tuổi thì thôi khỏi nói. Vết nhăn trên mặt hiện ra từng đường, rất nhiều vết nhăn, người

⁷² mở cửa tiếp xúc với thế giới bên ngoài chứ không bế quan tỏa cảng nữa.

Trung Quốc chúng ta, quý vị coi thử đâu có vết nhăn [gì đâu]. Tại sao lại có nhiều vết nhăn như vậy? Phiền não quá nhiều đấy mà. Nhiều ở chỗ nào? Áp lực đời sống.

Bạn phải biết đời sống của người Mỹ [bề ngoài] hình như rất tốt đẹp, [nhưng] đều là do trả nợ mà có đấy. Mua nhà phải vay mượn, mua nhà phải trả bao nhiêu? Chẳng đến một phần mười. Thí dụ căn nhà mười vạn đồng, chỉ cần trả [trước] năm ngàn là được. Sau đó từ từ trả dứt trong vòng hai mươi năm, ba mươi năm, mỗi tháng trả góp và trả tiền lãi, phải mượn tiền ngân hàng. Những đồ vật dùng trong nhà của họ như xe hơi, tủ lạnh, thậm chí tôi nói cho các bạn biết khi họ mua đồ ăn cũng mua thiếu chịu. Khi bạn mua đồ ăn, mua rau cải, mua gạo, v. v..., thì dùng thẻ tín dụng (credit card); thẻ tín dụng là do ngân hàng cấp cho bạn, ngân hàng cho mua chịu. Bạn vất vả đi làm, mỗi ngày làm việc là nhằm để trả tiền mượn ngân hàng, trả tiền bảo hiểm. Cả đời họ làm việc, làm việc hằng ngày là để trả nợ, bạn hãy nghĩ xem áp lực đời sống của họ bao lớn. Thế nên họ phải hết lòng nỗ lực để làm việc, họ chẳng dám giải đãi, chẳng dám làm biếng. Tại sao vậy? Vừa mới làm biếng, vừa mới giải đãi thì công ty đuổi bạn lập tức. Thế thì bạn rồi đời, tất cả đồ đạc trong nhà bạn sẽ bị ngân hàng tịch thu đem bán đấu giá để trả nợ. Đời sống của họ rất cực khổ, rất đáng thương, bạn chẳng cư trú ở ngoại quốc thì không hiểu tình huống của họ, thật là rất khổ.

Lần đầu tiên tôi về thăm tổ quốc, đi cùng với Hàn Quán Trưởng về quê của bà ở Đại Liên, ở đó có không ít bạn bè, thân thích ra tiếp đón, mời chúng tôi dùng cơm. Họ biết chúng tôi từ Mỹ đến, họ vô cùng ngưỡng mộ. Tôi nói với họ, tôi nói đời sống của người Mỹ chẳng bằng họ, họ chẳng tin, họ nói tôi gạt họ, an ủi họ. Tôi quay lại hỏi họ, lúc đó có khoảng ba mươi mấy người ngồi ở đó, tôi nói: Quý vị ba mươi mấy người [ở đây], tôi hỏi quý vị có ai sinh sống phải trả nợ không? Họ nhìn lẫn nhau, chẳng có ai cả. Người Mỹ làm sao sánh bằng quý vị! Người Mỹ từ lúc sanh ra liền phải trả nợ, đến chết còn trả chưa hết nợ. Đời sống của họ là như thế nào? Đời sống của quý vị là như thế nào? Tuy bề ngoài đời sống của quý vị hình như nghèo hơn họ, quý vị chẳng có nhà lầu, chẳng có xe hơi, nhưng sau khi quý vị đi làm về, vài người bạn tụ lại với nhau, ăn vài hạt đậu phộng, nhâm nhi ly rượu, nói chuyện rất là thoải mái, người ngoại quốc có nhân nhã, hưởng thú thanh nhàn như vậy không? Chẳng có. Cả đời cũng chẳng thể sống một ngày như vậy, đầu óc từ sáng tới tối luôn luôn khẩn trương, thế nên người ngoại quốc rất dễ suy lão, nguyên nhân là ở chỗ này.

Chúng ta hiểu được bối cảnh văn hóa của họ, nói thật ra họ ngưỡng mộ người Đông phương. Chúng ta còn có tiền dành dụm, còn có thể gom góp được một chút tiền, họ không có. Trong gia đình người Mỹ có thể tìm được hai chục đồng tiền mặt là rất hiếm có, [ít] có nhà nào có nhiều tiền mặt như vậy. Tôi nói lời chân thật với mọi người, tôi ở Mỹ hết mười lăm năm, đã đi đến nhiều thành thị. Cả thế giới choáng váng vì cơn bão kinh tế, nhưng người Trung Quốc bị ảnh hưởng tương đối ít. Tại sao? Người Trung Quốc ít mượn nợ, ít mượn tiền ngân hàng, chẳng mượn tiền, chẳng bị áp lực. Nguyên lý kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa trên toàn thế giới ngày nay là gì? Tức là điều mà người Trung Quốc gọi là cho mượn với tiền lời cao. Bạn mượn tiền họ, cuối cùng bị họ ép chết, họ để cho bạn có dịp sung sướng nhất thời, sau cùng mới đoạt mạng của bạn. Chúng ta bình tĩnh khách quan xem xét rất rõ ràng, minh bạch.

Người Trung Quốc có phước, tự mình phải biết, phải hiểu, phải tự ái. Ngày nay Trung Quốc còn chưa thể đạt được an định, đó là vì nguyên nhân khác. Nếu trên phương diện nhân lực, tài nguyên có thể vận dụng được thích đáng, hết thấy những tai hại tự nhiên hoặc do người tạo đều có thể tránh khỏi, có thể làm được một quốc gia tốt nhất trên thế giới, làm mô phạm, làm gương mẫu cho hết thấy các quốc gia trên thế giới. Mục đích cuối cùng là thế giới hòa bình, thế giới đại đồng, đây là sự cống hiến lớn nhất của người Trung Quốc đối với toàn thế giới, [đó là] ý nghĩa chân thật nhất. Chúng ta phải nỗ lực làm, người xuất gia làm cho tròn bổn phận của người xuất gia là được rồi. Đại sư Ấn Quang dạy: “Giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận. Tránh lòng Tà, giữ lòng Thành, Tin sâu nhân quả”⁷³, thiên hạ sẽ thái bình. Những câu nói này của lão nhân gia đích thật có thể cứu hết thấy chúng sanh trong chín ngàn năm đời Mạt pháp. Kinh văn phía sau nói:

Nhược ngô phi lý hủy dụng giả, thuyết sở cầu khuyết tuyệt báo.

若遇非理毀用者。說所求闕絕報。

(Nếu gặp kẻ phá hủy vật dụng một cách phi lý, thì dạy rõ quả báo mọi sở cầu đều thiếu hụt.)

Đây thường được người ta gọi là cầu bất đắc khổ trong “bát khổ”. Bạn mong cầu, tại sao cầu không được? Có nguyên nhân. “Phi lý” tức là

⁷³ Đôn luân tận phận, nhàn tà tồn thành, thâm tín nhân quả.

ngày nay chúng ta chúng ta thường nói bất hợp pháp, không hợp lý, hủy dụng một cách chẳng hợp tình hợp lý. Hủy là gì? Hủy hoại, dụng là sự hưởng dùng mà bạn có được, sự hưởng thụ của bạn. Hết thấy sự hưởng thụ của bạn ngày nay, chẳng kể là hưởng thụ vật chất hay tinh thần, sự hưởng thụ này chẳng hợp lý, chẳng hợp pháp, chẳng hợp tình, quả báo của bạn sau này sẽ là chẳng như ý, “cầu bất đắc”.

Nhược ngô ngô ngã cống cao giả, thuyết ty sử hạ tiện báo.

若遇吾我貢高者。說卑使下賤報。

(Nếu gặp kẻ kiêu mạn cống cao thì dạy rõ quả báo làm nô dịch hèn hạ.)

Cống cao ngã mạn sẽ có quả báo là hạ tiện, trong xã hội hiện nay rất rõ ràng; lúc mình có quyền, có địa vị thì ngạo mạn, ý quyền thế hiếp đáp người. Vừa chớp mắt người ấy mất hết địa vị, phải đi tìm một công việc thấp hèn để sinh sống. Phút chốc địa vị bị mất hết, bị kẻ khác sai bảo, quả báo ở ngay trong đời này chẳng cần phải đợi đến đời sau. Ngày nay chúng ta thấy rất nhiều [người] thật rất vất vả mới leo lên một tầng lớp cao trong xã hội, vừa gặp một cơn bão táp kinh tế [suy thoái] lập tức công ty liền giảm nhân viên, công ăn việc làm mất hết, phải tìm công việc vất vả để sinh sống, phải bị người ta sai bảo. Hiện nay tại các nơi trên thế giới chỉ cần bạn quan sát kỹ lưỡng sẽ thấy rất nhiều kẻ chẳng biết khiêm tốn, tôn trọng người khác. Người ở chức vị cao cũng phải tôn trọng những viên chức thấp, không thể mặc tình sai khiến, sau này phải bị quả báo không tốt.

Nhược ngô lưỡng thiệt đấu loạn giả, thuyết vô thiệt bách thiệt báo.

若遇兩舌鬥亂者。說無舌百舌報。

(Nếu gặp kẻ nói hai lưỡi gây xích mích thì dạy rõ quả báo không lưỡi hoặc trăm lưỡi.)

“*Lưỡng thiệt*” là khêu chọc người khác, gây xích mích, làm cho hai bên chẳng hòa hợp, tạo tội nghiệp như vậy. Người tạo tội nghiệp này nhiều, mục đích là muốn kiếm lợi, khêu khích hai bên, khêu khích thị phi. Phía trước đã nói quả báo này, đây là thuộc về khẩu nghiệp; ác khẩu, nói lưỡi đôi chiều đều đọa địa ngục tên là địa ngục Kéo Lưỡi. Quả

báo ở địa ngục trả xong lại đọa súc sanh, trong loài súc sanh có loài chẳng có lưỡi, có loài trăm lưỡi, vẫn còn chịu quả báo này.

Nhược ngộ tà kiến giả, thuyết biên địa thọ sanh báo.

若遇邪見者。說邊地受生報。

(Nếu gặp kẻ tà kiến thì dạy rõ quả báo thọ sanh ở vùng biên địa.)

Tà tri tà kiến, tà tri kiến cũng phải coi họ tạo nghiệp cạn hay sâu, rộng hay hẹp. Nếu nghiệp ấy ảnh hưởng người khác ít thì quả báo của họ sẽ nhẹ; nếu tà tri tà kiến này ảnh hưởng nhiều người, thời gian ảnh hưởng lâu dài thì quả báo của họ sẽ nặng. Có người hỏi tôi, những bài do người có tà tri tà kiến viết ra, sách của họ viết ra, hướng dẫn lầm lạc chúng sanh, tương lai họ phải đọa địa ngục đến khi nào mới có thể thoát ra? Tôi nói với họ, tôi nói căn cứ vào kinh Phật. Những cuốn sách mà họ viết ra trên thế gian này một cuốn cũng tìm chẳng ra thì họ mới thoát khỏi địa ngục. Nếu có một thư viện nào đó còn giữ một cuốn thì họ còn rắc rối, họ sẽ chẳng thể thoát khỏi. Do đó có thể biết, sách họ in càng nhiều thì càng phiền phức, tội của họ sẽ càng nặng, họ ảnh hưởng đến nhiều người, thời gian ảnh hưởng dài, cái tội này nặng lắm. Thế nên chúng ta nói chuyện cũng phải cẩn thận, nếu có thâm âm lại thì cũng giống như sách vậy, đến khi nào bằng thâm âm này hoàn toàn bị hủy diệt trên thế gian này, hoàn toàn mất hết, thì bạn mới thoát ra khỏi địa ngục. Nếu còn một bộ được người ta giữ lại thì hỏng rồi, bạn sẽ chẳng thoát ra khỏi địa ngục. Người xưa thường nói: “*Bệnh từ miệng vào, họa từ miệng ra*”, một tí cũng chẳng sai. Thế nên Bồ Tát dạy chúng ta “*nói ít một câu, niệm thêm một câu Phật*”. Khi người ta nói chuyện mình nghe không rõ là tốt nhất, không cần biết họ nói cái gì, [mình cứ niệm] A Di Đà Phật, niệm một câu này tốt hơn bất cứ cái gì. Tại sao? Chẳng cần phải nghe, đều chẳng có ý nghĩa, ngoài A Di Đà Phật ra tất cả đều chẳng có ý nghĩa, bạn nghe những thứ ấy làm gì! Thật thà niệm Phật nhất định sẽ được sanh Tịnh Độ, nghe những thứ thị phi này, những lời nói bá láp này, nhất định sẽ tạo lục đạo luân hồi, tăng thêm tội nghiệp của mình, chẳng đáng chút nào.

“*Biên địa thọ sanh*”, biên địa là những chỗ mà ngày nay được gọi là văn hóa lạc hậu. Trong đời này người sanh ở những chỗ văn hóa lạc hậu thì sẽ chẳng có cơ hội được giáo dục, họ làm sao không ngu si cho được? Ngu si thì chắc chắn sẽ tạo tội nghiệp, thế nên quả báo này rất dễ sợ. Xin xem tiếp đoạn kinh sau đây, Bồ Tát ở đây làm một kết luận cho

chúng ta.

Như thị đẳng.

如是等。

(Những chuyện này.)

Đây là chỉ những việc nói phía trên. “Đẳng” là nhiều quá, nói không hết.

Diêm Phù Đề chúng sanh, thân khẩu ý nghiệp ác tập kết quả, bách thiên báo ứng kim thô lược thuyết.

閻浮提眾生。身口意業惡習結果。百千報應今粗略說

(Trăm ngàn sự báo ứng kết quả bởi tập khí xấu ác từ thân, khẩu, ý nghiệp của chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề, nay chỉ nói sơ lược đó thôi.)

“Lược thuyết” là báo cáo một cách sơ lược, đoạn này nói hết thấy chúng sanh hiện nay trên thế gian chúng ta, tạo nghiệp nhân ác. Ngày ngày thân, khẩu, ý luôn tạo tác, thân tạo giết, trộm, dâm; [nếu bạn nói] tôi chẳng có giết, mỗi ngày bạn ăn thịt tức là sát sanh. Tôi chẳng có sát sanh, chỉ là ăn thịt mà thôi; nếu bạn không ăn thịt thì người ta sát sanh làm chi? Có lẽ người hiện đại không tin nhân quả, mặc tình giết hại, mặc tình ăn nuốt. Lúc trước chúng tôi ở dưới quê, tôi không phải đã kể cho các bạn nghe rồi sao, mỗi tháng làm thịt một con heo, lúc giết heo người đồ tể đều có niệm chú cho heo, nói với heo rằng:

Heo ơi, heo ơi, mày đừng giận tao.

Mày là một món ăn của người ta,

Người ta không ăn thì tao không chém mày,

Mày hãy tìm người ăn thịt mà đòi nợ.

Ông ta rất thông minh, người đồ tể này đồ hết tội báo cho người ăn thịt, kêu con heo đi kiếm người ăn thịt mà đòi nợ. Do vì bạn ăn thịt thì ông ta mới sát sanh, nếu bạn không ăn thịt thì ông ta sẽ không sát sanh, ăn thịt là sát sanh gián tiếp, vẫn là tạo sát nghiệp mỗi ngày. Nghiệp trộm cắp, nghiệp dâm dục chẳng có cách chi tránh khỏi. Khẩu có bốn thứ nghiệp: Vọng ngữ, nói lười hai chiều, nói lời ác độc, nói lời thù dật, có ai không tạo? Trong ý nghiệp tràn đầy tham-sân-si. Thế nên ngày nay

chúng ta quan sát thế giới này, thân - ngữ - ý của hết thầy chúng sanh gia tăng từng năm, như vậy chịu sao nổi! Đây là nhân, rất đáng sợ! Muốn ngưng cũng không ngưng được. Đừng nói tiêu nghiệp chướng, làm sao tiêu nổi? Mỗi ngày luôn tăng thêm. Làm sao không có quả báo cho được? “*Ác tập kết quả*”, thân - ngữ - ý tạo mười loại ác nghiệp, tập khí ác nghiệp tích lũy thì quả báo bèn hiện tiền. Đây là quả báo thiên tai, nhân họa, tam đồ bát nạn; tam đồ bát nạn là do vậy mà có. “*Bách thiên báo ứng*”, bách thiên chẳng phải là con số, là tượng trưng cho vô lượng vô biên báo ứng, phía trước chỉ nói sơ lược mà thôi.

Ngày nay trong đời này nếu chúng ta thực sự muốn thoát ly tam giới, phải bắt đầu thay đổi từ chỗ nào? Bắt đầu thay đổi từ tâm địa. Phải làm cho tâm đạt đến mức thuần thiện, trong tâm chẳng có ác niệm, cái gì là ác? Thập ác, đây là đơn giản nhất, chẳng có ý niệm ác này. Ý chẳng có tư tưởng tà vạy, đây là tâm địa pháp môn. Niệm niệm đều y giáo phụng hành. Trong kinh Phật dạy những gì chúng ta nên làm thì chúng ta hết lòng nỗ lực đi làm. Những gì Phật nói không thể làm thì chúng ta ngay cả móng ý cũng chẳng khởi, [được vậy thì] chính mình mới có thể tự độ, mới thực sự nắm vững. Cho dù đời này chẳng vãng sanh Tịnh Độ, chẳng cầu sanh Tịnh Độ, đời sau chắc chắn sẽ được phước báo nhân thiện, sẽ chẳngọa tam ác đạo. Cho dù ngày nay thân, khẩu của chúng ta chẳng có ác hạnh, nhưng ý vẫn còn ác niệm, vẫn còn tư tưởng tà vạy, nói cho chư vị biết vẫn [tạo nghiệp] tam đồ, lục đạo y như cũ. Do đó Tổ sư, đại đức thời xưa dạy chúng ta tu từ căn bản, căn bản là gì? Niệm đầu là căn bản. Nếu bạn thích đọa tam ác đạo, chịu khổ nạn vô số kiếp thì cũng được, bạn cứ tiếp tục giữ những ác niệm và tư tưởng tà vạy đi. Nếu bạn cảm thấy cái khổ tam đồ trong vô số kiếp, bạn nhìn thấy rất sợ, sợ hãi, chẳng cam chịu nhận lãnh, bạn phải sửa đổi tâm niệm từ ngày hôm nay.

Tiêu chuẩn Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh là một tiêu chuẩn rất tốt. Các bạn đồng học Tịnh Tông ngày nay tại sao khóa tối chúng ta chọn kinh Vô Lượng Thọ phẩm ba mươi hai đến ba mươi bảy, những gì nói trong ấy hoàn toàn giống kinh Địa Tạng, đó là tiêu chuẩn thiện ác, không thể không biết. Ác, nhất định phải đoạn dứt, đoạn không được cũng phải đoạn, không đoạn không được! Nếu bạn không đoạn thì bạn nhất định sẽ đọa địa ngục, tự bạn dứt khoát phải hiểu rõ, nếu không đoạn thì chắc chắn sẽ đọa địa ngục, chẳng có con đường thứ hai nào khác dễ đi hơn. Sau khi từ địa ngục thoát ra, giống những quả báo nói trong kinh bạn đều phải hứng chịu. Nếu bạn muốn mình không đọa địa ngục, đời này có thể liễu sanh tử, thoát khỏi tam giới, vãng sanh Tịnh Độ thì bạn

nhất định phải làm, không làm không được. Người khác làm hay không chẳng liên quan gì đến mình, trên con đường tu hành này, Phật Tổ đã nói rất rõ ràng, giảng rất minh bạch: *Sanh tử của ai thì người đó liễu, ai cũng chẳng thay thế cho người khác, “ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, không tu thì không đắc”*. Tu cái gì? Cải tâm (sửa đổi tâm), đó là chân tu. Tâm của bạn sửa đổi rồi thì đương nhiên hành động của bạn cũng sẽ thay đổi. Nếu hành vi làm giống như vậy nhưng trong tâm chẳng có sửa đổi thì không được, luận tội đều luận từ trong tâm, nhất định phải hiểu đạo lý này.

Xem tiếp đoạn cuối:

Như thị đẳng Diêm Phù Đề chúng sanh nghiệp hoặc sai biệt, Địa Tạng Bồ Tát bách thiên phương tiện nhi giáo hóa chi.

如是等閻浮提眾生業感差別。地藏菩薩百千方便而教化之。

(Những chúng sanh ở Diêm Phù Đề này có nghiệp hoặc sai khác, Địa Tạng Bồ Tát cũng có trăm ngàn phương tiện để dạy dỗ.)

Phía trước nói về tạo nghiệp, đoạn trước này. Đúng là “*chúng sanh ở Diêm Phù Đề ương ngành khó dạy dỗ*”. Địa Tạng Bồ Tát hiểu rõ, chúng ta đọc thấy trong kinh, Bồ Tát hiểu rõ, hôm nay chúng ta cũng hiểu rõ, chúng ta phải học theo Địa Tạng Bồ Tát, phải học tập Địa Tạng Bồ Tát. Giống như Bồ Tát vậy, dùng mọi thứ thiện xảo phương tiện giáo hóa chúng sanh. Hóa là gì? Chúng sanh tiếp nhận sự dạy dỗ bền có thể quay về, đoạn dứt ác, hướng thiện, [vậy là đã chuyển] hóa rồi. Hóa là kết quả của sự dạy dỗ, giáo là nhân, hóa là quả. Hóa ác niệm thành thiện niệm, hóa phiền não thành Bồ Đề, hóa phàm phu thành Bồ Tát, vậy thì sự giáo học của bạn đã đạt được mục đích, thực sự có được thành quả. Đây là việc chúng ta nhất định phải học tập. Xem tiếp đoạn kinh văn phía sau:

Thị chư chúng sanh tiên thọ như thị đẳng báo, hậu đọa địa ngục động kinh kiếp số vô hữu xuất kỳ.

是諸眾生先受如是等報。後墮地獄動經劫數無有出期

(Những chúng sanh này trước hết phải thọ lãnh những quả báo như thế, sau đó lại đọa vào địa ngục trải qua nhiều kiếp không có kỳ hạn thoát ra.)

Ở đây, đức Phật nói lời chân thật, trong kinh nói đến báo ứng là quả báo trong đời này, gọi là hoa báo. Sau khi chết rồi chắc chắn phải đọa địa ngục. Đến lúc nào mới được thoát khỏi? “*Động kinh kiếp số*”, phía trước nói với chúng ta vô lượng kiếp, “*vô hữu xuất kỳ*”. Xuất kỳ (kỳ hạn thoát ra) chắc chắn là có, tại sao lại nói “*vô hữu*”? Quá dài, bạn chẳng thể thoát khỏi trong thời gian ngắn.

Thị cố nhữ đẳng.

是故汝等。

(Thế nên các ông.)

Do vì duyên cố này, Phật khuyên dạy Tứ Đại Thiên Vương. Tứ Đại Thiên Vương phát tâm hộ trì, hộ thế. Nhóm những người các ông,

Hộ nhân hộ quốc, vô lệnh thị chư chúng nghiệp mê hoặc chúng sanh.

護人護國。無令是諸眾業迷惑眾生。

(Hộ nhân hộ quốc, chớ để những nghiệp chướng đó làm mê hoặc chúng sanh.)

Trong bản chú giải của pháp sư Thanh Liên có viết một câu, đương nhiên Ngài cũng dựa theo lời Phật nói trong kinh, tức là kinh Cự Táp Thí Dụ. Theo kinh ấy, đức Phật Thích Ca nói sáu mươi vạn ức năm ở thế gian bằng một ngày ở địa ngục. Lúc trước lão cư sĩ Lý Bình Nam trong Đại Chuyên Phật Học Giảng Tòa đã nói với học sinh các trường đại học chuyên khoa, nói đến địa ngục, một ngày ở địa ngục bằng hai ngàn bảy trăm năm ở thế gian, nói như vậy là có căn cứ. Hai ngàn bảy trăm năm đại khái là địa ngục nhỏ, nói nhiều quá sẽ làm người ta sợ điếng người. Trong kinh này Phật nói một ngày trong địa ngục bằng sáu mươi vạn ức năm ở cõi người. Thời cổ Ấn Độ chữ “*ức*” này có ba loại: Mười vạn cũng gọi là ức, trăm vạn cũng gọi là ức, vạn vạn cũng gọi là ức. Chúng ta dùng số nhỏ nhất, mười vạn tính là một ức. Sáu mươi vạn ức tuổi, sáu mươi rồi nhân thêm mười, một ngày trong thế gian chúng ta, thế nên địa ngục có nên đi vào không? Đây là nói địa ngục lớn Vô Gián, dài lắm. Chúng ta tạo tội nghiệp địa ngục rất dễ dàng, hiện nay bạn tạo, quả báo khổ trong tương lai bạn làm sao chịu nổi?

Trong kinh này, đức Phật phước chúc Tứ Đại Thiên Vương phải hộ quốc, hộ người, đừng để các thứ nghiệp tội thế gian mê hoặc chúng sanh.

Chúng ta nghe xong lời này, trước hết phải tự phản tỉnh, nói cho chư vị biết mỗi ngày đều phải phản tỉnh. Trong nhà Phật định ra công khóa sáng tối, tôi đã nói với mọi người, khóa sáng là để nhắc nhở chính mình, khóa tối là để phản tỉnh. Lúc lễ tụng kinh văn trong khóa tối phải hết lòng phản tỉnh. Những gì trong kinh dạy chúng ta phải làm, chúng ta đã làm được chưa? Dạy chúng ta đừng làm, chúng ta có vi phạm hay không? Đây là cách bạn chân chánh làm công khóa sáng tối. Khóa tụng sáng tối chẳng phải đem kinh ra tụng một lần cho Phật, Bồ Tát nghe, như vậy là hoàn toàn sai lầm, Phật, Bồ Tát đâu có muốn nghe những thứ này? Muốn độ chúng sanh thì phải độ mình trước, tự mình không tạo ác nghiệp, chính mình nhất quyết không đọa tam ác đạo thì bạn mới có khả năng giúp đỡ người khác. Nếu nói thân mình còn giữ không nổi mà đi giúp người khác, chẳng có chuyện này. Bởi vậy chúng ta nhất định phải đặt chân mình đứng thật vững vàng, nhất quyết chẳng đọa tam đồ. Hơn nữa, tự mình có lòng tin kiên định, quyết định được sanh Tịnh Độ. Hơn nữa nhất định có thể tự tại vãng sanh, tại sao lại nắm chắc như vậy? Nghiệp chướng đã tiêu hết, làm sao tiêu? Trong tâm chẳng có một tâm niệm ác, trong ý chẳng có một tư tưởng tà vạy thì bạn có thể nắm chắc. Vãng sanh chẳng có bệnh khổ, hiện tiền chẳng có đau bệnh; chẳng có đau bệnh là hoa báo, vãng sanh chẳng có bệnh khổ là quả báo. Tại sao người ta có thể làm được, chúng ta làm không được? Lý do người ta có thể làm được, chẳng có gì khác, tức là trong tâm chẳng có ác niệm, trong ý chẳng có tư tưởng tà vạy, là nhờ vào điểm này.

Tứ thiên vương văn dĩ, thế lệ bi thán hiệp chưởng nhi thoái.

四天王聞已。涕淚悲歎合掌而退。

(Tứ thiên vương nghe xong, rơi lệ than thở, chắp tay lễ Phật mà lui ra.)

Thế Tôn khai thị cho họ xong, Tứ Đại Thiên Vương nghe xong rơi lệ, bi thán. “*Bi thán*” có hai nghĩa, một là than thở nghiệp tập chúng sanh quá nặng, quá nặng, ý thứ hai là tự mình trách nhiệm quá nặng. Chúng ta muốn giúp đỡ chúng sanh, trước tiên phải giúp đỡ chính mình.

Được rồi, hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây thôi.

Tập 15 (Số 14-12-15)

Xin mở kinh bốn, quyển trung, Phẩm thứ năm: Danh hiệu của địa

ngục, xin xem kinh văn:

PHẨM THỨ NĂM: DANH HIỆU CỦA ĐỊA NGỤC

地獄名號品第五

Nhĩ thời Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Địa Tạng Bồ Tát ngôn: “Nhân giả, nguyện vì thiên long tứ chúng cập vị lai hiện tại nhất thiết chúng sanh, thuyết Sa Bà thế giới cập Diêm Phù Đề tội khổ chúng sanh sở thọ báo xứ địa ngục danh hiệu, cập ác báo đẳng sự. Sử vị lai thế mạt pháp chúng sanh tri thị quả báo”.

爾時普賢菩薩摩訶薩白地藏菩薩言。仁者。願為天龍四眾及未來現在一切眾生。說娑婆世界及閻浮提罪苦眾生所受報處地獄名號。及惡報等事。使未來世末法眾生知是果報。

(Lúc đó Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát nói với Địa Tạng Bồ Tát rằng: “Thưa Nhân giả, xin Ngài hãy vì trời, rồng, tứ chúng và tất cả chúng sanh ở hiện tại cùng vị lai mà nói rõ danh hiệu của các địa ngục, nơi thọ báo của các chúng sanh tội khổ ở thế giới Sa Bà và cõi Diêm Phù Đề, cùng những sự ác báo để cho chúng sanh trong thời Mạt pháp ở đời sau biết rõ những quả báo đó”.)

Đến đây là một đoạn. Đoạn này là do Phổ Hiền thỉnh nói, phía trước đã giới thiệu qua “*ngiệp duyên, nghiệp hoặc*”, sau hai phẩm này, đối với những khổ báo của hết thảy chúng sanh tạo ác nghiệp trên thế gian cảm được thì chúng ta cũng đã hiểu một phần rồi. Trong đoạn kinh này, Phổ Hiền Bồ Tát đại từ đại bi thay chúng ta thỉnh pháp, thỉnh cầu Địa Tạng Bồ Tát nói đại khái, sơ lược những tội báo này cho chúng ta biết. Không chỉ chúng ta hy vọng hiểu rõ, mà lục đạo chúng sanh trong thế giới Sa Bà bao gồm chư thiên, bát bộ quỷ thần [đều hy vọng hiểu rõ]. Vì những chúng sanh này trước mắt là hưởng thụ phước báo, phước báo của thiên nhân, nhưng phước cõi trời hưởng hết rồi thì phải làm sao đây. Mỗi chúng sanh hoặc là [chỉ] nói về mỗi con người, không phải chỉ có sanh mạng trong một giai đoạn này mà thôi, chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này. Chúng ta có đời quá khứ, quá khứ vô thủy, chúng ta còn có đời vị lai, vị lai vô chung, những năm tháng vô thủy vô chung này chẳng có cách chi tính đếm nổi. Ngày nay chúng ta nói về con số thiên văn, con số thiên văn so với vô thủy vô chung cũng còn khác xa vời vợi, tội nghiệp

tích lũy từ vô lượng kiếp đến nay cũng là vô lượng vô biên. Quả báo ở giai đoạn này là hạnh nghiệp của chúng ta đã tạo từ vô lượng kiếp, nghiệp nhân nào gặp được duyên thì sẽ hiện ra, [nói chung] là sự việc như vậy.

Người không học Phật chẳng hiểu rõ, chẳng thấu hiểu những chân tướng sự thật này; Phật đã nói với chúng ta thật rõ ràng, lời Phật nói có đáng tin không? Lời Phật nói là thật hay không? Chỗ thù thắng, cao minh nhất trong giáo học của Phật là Ngài dạy chúng ta chứng thật, Ngài nói với chúng ta chuyện như vậy, kêu chúng ta tự mình đi chứng minh, như vậy thì không giả rồi. Phật chẳng có nói: “Những gì ta nói là thật thì nhất định phải là thật”, Phật chẳng nói như vậy. Phật nói xong, bạn có thể tự mình chứng thật. Dùng phương pháp gì để chứng thật? Phật dạy phương pháp cho bạn, bạn tự cầu chứng. Lục đạo, thập pháp giới đều là thật, Nhất Chân pháp giới cũng là thật, bạn có thể chứng thật. Khởi phải nói đến những tội nghiệp đã tạo trong đời này, những tội nghiệp đã tạo trong nhiều đời nhiều kiếp về trước [cũng quá nhiều rồi], cho nên đến lúc phước cõi trời hưởng hết, tội nghiệp tích lũy từ những đời quá khứ vẫn còn thì đâu có lý nào chẳng đọa lạc được? Trong các cảm ứng trong mười pháp giới thì cảm ứng ác nhiều hơn, cũng tức là ác duyên nhiều, thiện duyên ít. Nếu bạn không tin lời này thì cũng chẳng khó chứng thật; bạn hãy suy tư, trắc lượng kỹ càng. Trong đời sống hiện tiền của chúng ta, từ sáng đến tối những người, sự, vật mà chúng ta gặp gỡ đều là duyên, trong đó thiện duyên nhiều hay ác duyên nhiều? Ngoài duyên bên ngoài khơi lên ý niệm trong tâm của chúng ta, lục căn chúng ta tiếp xúc cảnh giới lục trần bên ngoài, chúng ta khởi tâm động niệm là ác niệm nhiều hay là thiện niệm nhiều? Bạn bình tĩnh suy tư thì sẽ hiểu rõ. Nếu từ sáng đến tối, ác niệm của chúng ta nhiều hơn thiện niệm, thì đời sau bạn sẽ sanh đến đâu? Đó không phải là sẽ đi vào tam ác đạo hay sao, đâu cần phải hỏi người khác! Chẳng cần phải hỏi ai khác, chẳng cần hỏi Phật, Bồ Tát, tự mình biết rõ ràng, minh bạch.

Trong một ngày, từ sáng đến tối nếu chúng ta có thể giữ được thiện niệm nhiều hơn ác niệm thì chúng ta mới nắm chắc không đọa tam ác đạo. Sự nắm chắc này cũng không hoàn toàn hết mười phần, tại sao? Lúc lâm chung bạn có thể nắm chắc hay không? Lúc bình thường có thể nắm chắc, nhưng lúc lâm chung nắm không chắc thì vẫn phải đọa lạc. Do đó mới biết chuyện này thật là khó, lúc bình thường phải tập luyện, tại sao? Lúc bình thường rèn luyện thì đến lúc lâm chung mức độ có thể nắm chắc nhiều hơn; nếu lúc bình thường không chịu rèn luyện thì đến

lúc lâm chung mức độ nắm chắc sẽ rất ít, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Cổ đức có thí dụ, đó là *“luyện binh ngàn ngày chỉ để dùng trong một chốc mà thôi”*, lúc bình thường phải rèn luyện, đến phút cuối cùng có thể đánh thắng hay không thì chưa chắc. Nhưng nhất định phải rèn luyện thì khi đánh trận mới có cơ hội thắng trận. Nếu lúc bình thường không rèn luyện thì lúc ra trận chắc chắn sẽ bị đánh bại. Lúc bình thường rèn luyện, trong các buổi giảng chúng ta đã nói rất nhiều. Đặc biệt là thời gian gần đây, hoàn cảnh sinh sống của chúng ta trên trái đất này, địa cầu là đại hoàn cảnh sinh sống của chúng ta xảy ra nhiều tai biến khác thường, thiên tai nhân họa rất nhiều, số lượng mỗi năm càng tăng, mỗi lần xảy ra càng nghiêm trọng hơn trước; chúng ta nghe báo cáo ở nhiều địa phương đích thật làm cho thân tâm con người đều chẳng yên, sinh hoạt trong lo sợ.

Ngày nay mọi người đều hỏi chúng ta đi đâu để tránh nạn? Chẳng có một nơi nào trên thế giới này an toàn hết, bạn đi đâu được? Đi đâu cũng vậy. Một ngày trước lúc lão cư sĩ Lý Bình Nam vãng sanh, hay là hai ngày trước, Ngài nói với học trò: *Tai nạn đã đến, Phật, Bồ Tát, thần tiên cũng cứu chẳng nổi, chỉ có một con đường sống sót duy nhất là chắc thật niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ*. Lời dặn dò lúc lâm chung của Ngài khuyên nhắc học sinh chúng ta, chẳng có đường nào thoát được, chẳng có chỗ nào có thể trốn được. Tai nạn hình thành như thế nào? Do cộng nghiệp của chúng sanh cảm đến, chẳng giác ngộ; đức Phật đã nói rõ ràng, minh bạch, chẳng có người tin, chẳng có người chịu tiếp nhận, cho rằng lời Phật nói là mê tín. Người hiện đại đều tin khoa học, tin vào y cứ trong khoa học, nếu lỡ khoa học nói sai một câu thì làm sao đây? Sự thiệt hại sẽ chẳng nhỏ. Chúng ta biết được trí huệ của đức Phật có được từ trong thiên định, điều này chẳng phải giả.

Phật nói với chúng ta mỗi người đều có trí huệ, năng lực này, *“nhưng vì vọng tưởng chấp trước nên chẳng thể chứng được”*, cho nên mục đích của lời Phật dạy là muốn chúng ta chứng được. Phật nhìn thấy, bạn cũng có khả năng nhìn thấy, đức Phật hiểu rõ, bạn cũng có khả năng hiểu rõ, ngày nay tại sao bạn không hiểu rõ? Tại sao nhìn chẳng thấy? Phật nói vì bạn có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước. Chỉ cần xả bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, xả hết sạch sành sanh thì bạn sẽ nhìn thấy thấu suốt diện mục chân thật của hư không pháp giới, vậy thì còn phải nghe người khác nói nữa ư? Đến lúc đó những gì bạn nhìn thấy, bạn tiếp xúc đến chẳng khác những gì chư Phật Như Lai đã nói. Thế nên

Phật là “*người nói lời chân thật, lời thực sự, lời đúng như vậy*”⁷⁴. “*Như ngữ giả*” nghĩa là sự thật ra sao thì nói như vậy, tuyệt chẳng thêm càn, thêm lá, và cũng chẳng nói giảm bớt một chút, lời nói hoàn toàn phù hợp với chân tướng, sự thật, như vậy gọi là như ngữ. Chẳng có nói dối, chẳng có lừa dối, câu nào cũng đều chân thật, thành thật.

Thế nên chư thiên cũng muốn nghe, phước báo của thiên nhân tuy lớn nhưng nên nghĩ đến lúc phước báo hưởng hết thì phải làm sao? Họ phải hiểu rõ đạo lý này, họ có thể tu phước tiếp tục mãi mãi, làm cho phước báo của họ kéo dài, chẳng đến nỗi phước hưởng hết rồi phải đọa lạc. Nhưng chúng ta biết, đây là lời đức Phật nói trong kinh, người hưởng hết phước trời đọa lạc rất nhiều, người có thể tu phước tiếp tục chẳng đọa lạc thì rất ít; nói thật ra cũng giống như cõi người chúng ta. Người thực sự tin Phật pháp, thiện căn sâu dày, có trí huệ, tuy hưởng phước báo nhân thiên, vẫn tu phước, tích phước không ngừng nên phước của họ có thể hưởng nhiều đời, hưởng phước nhiều đời nhiều kiếp. Trong kinh đức Phật dạy chúng ta phước báo của việc bố thí cúng dường. Thí dụ trong kinh Phật nói có người cúng dường Bích Chi Phật một chén cơm, phước của họ được là quả báo chín mươi ức kiếp chẳng chịu bần cùng. Cúng dường một chén cơm là một chuyện rất nhỏ thì làm sao có thể được phước báo to lớn như vậy? Phước lớn hay nhỏ là do nơi tâm lượng cúng dường. Nếu lúc cúng dường này có tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chân thành thì phước báo sẽ rất lớn, chẳng có giới hạn. Nhưng chư vị phải ghi nhớ chín mươi ức kiếp so với vô lượng kiếp là một con số rất nhỏ, chín mươi ức kiếp trở về sau thì như thế nào? Có nghĩ đến hay không? Đây là nói rõ bố thí tài vật chẳng bằng bố thí pháp. Phước báo của bố thí tài vật chẳng thể sánh kịp với bố thí pháp, trong kinh Hoa Nghiêm phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên nói rất rõ, phước của sự bố thí pháp thật là vô lượng vô biên. Thế nên kinh Phật không thể không đọc, đạo lý mà Phật đã giảng không thể không thâm nhập, nó có thể giúp cho chúng ta thật nhiều, thật nhiều. Thế nên thiên nhân cũng muốn hiểu chân tướng sự thật này, hưởng chi là chúng ta.

Phổ Hiền Bồ Tát nói rất hay “*cập vị lai hiện tại nhất thiết chúng sanh*”. “*Hiện tại*” là đương lúc tham gia pháp hội, những người nghe Phật, nghe Địa Tạng Bồ Tát thuyết pháp. “*Vị lai*” tức là bao gồm chúng ta trong đó. Phổ Hiền Bồ Tát vì chúng ta khái thỉnh, chúng ta ở đây nghe Địa Tạng Bồ Tát báo cáo, vì chúng ta mà nói. “*Diêm Phù Đề*” tức là thế

⁷⁴ “chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả”.

giới này của chúng ta, “*Sa Bà thế giới*” là đại thiên thế giới, Diêm Phù Đề là địa cầu của chúng ta, đây là nơi chúng ta quan tâm nhiều nhất. “*Tội khổ chúng sanh*”, hãy xem nhân số năm mươi mấy ức người ở trên thế gian chúng ta có phải đang sinh sống trong tội khổ không? Những gì chúng ta tạo tác đều là tội, những gì chúng ta thọ nhận đều là khổ. Bất kể là giàu sang phú quý trên thế gian này, có ai sinh sống chẳng khổ? Mỗi người có cái khổ riêng. Trong nhà Phật những gì hiện nay đang thọ nhận từ những tạo tác tội nghiệp được gọi là hoa báo, sau khi hoa báo thì có quả báo, quả báo ở đời sau. Sau khi bạn chết đi cảm nhận quả báo, quả báo nghiêm trọng hơn hoa báo rất nhiều. Ở đây nói về quả báo.

“*Sở thọ báo xứ, địa ngục danh hiệu*”, đây là việc chúng ta rất muốn biết. Phổ Hiền Bồ Tát khai thỉnh là dựa trên trí huệ chân thật, đại từ đại bi, nếu chẳng có trí huệ, chẳng có tâm đại từ đại bi, thì chẳng thể nêu lên câu hỏi này. Khai thỉnh, nói ra mục đích là hy vọng hết thảy chúng sanh nghe xong có thể hiểu được trạng huống chân thật trong địa ngục hoàn toàn là do tự tâm biến hiện nên, cùng y báo, chánh báo trang nghiêm ở Nhất Chân pháp giới của chư Phật Như Lai đều là sự việc sanh từ một niệm. Ở đây chúng ta phải thực sự chú ý: “*Một niệm*”, một niệm tức là sát-na-tế nói trong kinh Hoa Nghiêm, các bạn đồng học hỏi về sanh tướng vô minh. Sanh tướng vô minh tức là nhất niệm, tức là sát-na-tế. Hiện tượng phát sanh từ một niệm, sau khi phát sanh thì sẽ niệm niệm tiếp nối, thời gian tiếp nối dài hay ngắn hoàn toàn dựa trên nghiệp lực. Thế nên hiểu được đạo lý này xong, chúng ta mới biết được sức mạnh của sự sám hối chẳng thể nghĩ bàn, cho dù là tạo tội cực nặng, một niệm sám hối là sửa đổi tâm niệm trở lại. Chư vị phải biết hết thảy “*niệm đầu*” đều là vọng niệm, sửa vọng niệm thành chánh niệm. Chánh niệm là gì? Những gì tương ứng với tánh đức thì gọi là chánh niệm, chẳng tương ứng với tánh đức là vọng niệm, tà niệm. Niệm thị-phi, nhân-ngã, niệm tham-sân-si-mạn đều là tà niệm. Niệm chư Phật, Bồ Tát là chánh niệm, giống như đức Phật trong kinh thường nói: “*Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”, cao minh tốt cùng. Nếu thường niệm bồ thí, thường niệm trì giới, nhẫn nhục thì đã thành Bồ Tát cả rồi. Làm Phật, làm Bồ Tát, làm chúng sanh đều ở tại một niệm, một niệm tham mà không chán thì đã đi vào cõi ngạ quỷ rồi.

Chư vị phải biết, tham thế pháp đọa cõi ngạ quỷ, tham Phật pháp cũng đọa cõi ngạ quỷ, tại sao vậy? Tâm tham đọa ngạ quỷ, chẳng nói đối tượng tham là gì. Nhưng đến cõi ngạ quỷ cũng có phước báo lớn nhỏ khác nhau, tham thế pháp thì biến thành ngạ quỷ chẳng phước đức, tham

Phật pháp thì đọa vào ngạ quỷ hưởng phước. Trong kinh nói đến đa tài quý, thiếu tài quý⁷⁵, tham Phật pháp thì thành đa tài quý, tham tiếng tăm lợi dưỡng trong thế gian thì thành thiếu tài quý. Phật dạy chúng ta đoạn tâm tham thì duyên đến cõi ngạ quỷ đã dứt, tuy trong A Lại Da thức chúng ta có nghiệp nhân ngạ quỷ, nhưng duyên chẳng còn, có nhân nhưng không có duyên thì chẳng kết thành quả, tạm thời bạn sẽ chẳng đọa cõi ngạ quỷ.

Đồ kỵ, sân khuê đọa địa ngục, chẳng luận thế pháp, Phật pháp đều rất khổ, cho nên trong địa ngục chỉ có thọ khổ chứ chẳng hưởng phước, trong cõi ngạ quỷ còn hưởng phước chứ địa ngục thì không hưởng được. Thế nên chúng ta trong đời sống hằng ngày, đối người, đối sự, đối vật đừng nên khởi tâm sân khuê, chẳng nên khởi tâm đồ kỵ, nhất định phải biết khởi những tâm này, đối với mình chắc chắn không có ích lợi gì hết. Cảnh giới bên ngoài thường làm cho mình sanh phiền não, làm cho mình chẳng như ý, đều phải nghĩ đây là nghiệp chướng trong mạng mình, mình phải chịu đựng, tự làm tự chịu, đời trước tạo nhân chẳng tốt, hiện nay gặp quả báo chẳng tốt, tâm bình tĩnh trở lại, chẳng oán trời, chẳng

⁷⁵ Trong Phật Thuyết Vu Lan Bồ Tát Kinh Giảng Ký, pháp sư Văn Châu giảng như sau: Có ba loại “đa tài quý”:

a. Quý được đồ vứt bỏ: Họ thường được những thức ăn vứt bỏ khi người ta cúng tế, vì phước ít tội nhiều, ít chịu bố thí, thường bỏn xẻn, khi nào đồ vật bỏ đi mới chịu đem cho kẻ khác nên bị quả báo như vậy.

b. Quý được đồ mất: Họ hưởng được đồ ăn bị bỏ mất, bỏ sót ở bên đường. Nhân là vì trước kia họ có của cải, thường tham lam chấp trước, sợ bị mất nên mới chịu thí bỏ, thế nên bị quả báo như vậy.

c. Quý có thể lực: Như Dạ Xoa, La Sát, Tỳ Xá Già, những cảm thọ giàu có, vui vẻ giống như cõi người, cõi trời. Họ trú trên cây cối, hang núi, hoặc ở tại linh miếu, trên hư không, hình tướng đứng thẳng, biến hóa khôn cùng, nhưng vẫn thuộc nẻo quỷ; Nhân của họ là tội phước đều tạo, nhân khổ vui lẫn lộn tạo thành

Lại có người nói: Ngạ quỷ có ba loại:

a. Ngoại chướng: Lúc nhìn thấy nước, giống như bị dao chắn ngang cổ không uống được.

b. Nội chướng: Miệng có đước lửa, cổ họng như lỗ kim, không thể ăn uống.

c. Vô chướng: Nhìn thấy nước sông cũng như lửa lớn, hoặc ăn phần ấu, hoặc tự cắt thịt trên thân mình mà ăn.

Theo cách giảng trên, chữ “tài” ở đây có nghĩa là “ăn uống no đủ”, “nhiều tài” nghĩa là ăn uống được no đủ, “ít tài” nghĩa là ăn uống không no, ăn uống bị chướng ngại. (Quý ở đây hiểu theo nghĩa rộng, quý thân đều bị gộp vào ngạ quỷ đọa, do họ tham chuộng ăn uống không chán đủ, tức là tâm tham không bao giờ thỏa mãn nên luôn cảm thấy đói khát)

trách người, thế thì chúng ta đoạn dứt duyên địa ngục này. Tuy có nghiệp nhân địa ngục nhưng sẽ chẳng chịu quả báo địa ngục. Đây là nói về tam đồ (ba đường ác).

Nghiệp nhân của cõi súc sanh là ngu si, ngu si là gì? Không có khả năng phân biệt chân-vọng, tà-chánh, thị-phi, cứ thường đảo lộn những chân tướng sự thật này, vậy là chẳng có trí huệ, vậy là ngu si. Trong thế gian hiện nay đến đâu cũng có thể thấy hiện tượng ngu si. Quan trọng nhất là coi mình có ngu si hay không? Người khác ngu là chuyện của người ta, chẳng có liên quan gì tới mình. Nếu mình ngu thì chuyện rắc rối này lớn lắm, ngu si sẽ đọa súc sanh. Làm sao tránh ngu si? Phải đọc kinh nhiều, nghe giảng nhiều. Duyên của mỗi người chẳng giống nhau. Trong kinh Phật dạy chúng ta, vừa mở kinh A Nan Vấn Sự Phật Kiết Hung, câu đầu tiên Phật liền dạy chúng ta “*theo minh sư học đạo*”. Dạy chúng ta phải thân cận thiện tri thức thì chúng ta mới có trí huệ. Ở đây, trong kinh Địa Tạng, ý này được lập lại mấy chục lần để nhắc nhở mọi người.

Ai là thiện tri thức? Phật là thiện tri thức, chúng ta phải học theo Phật. [Hiện nay] Phật chẳng còn tại thế, phải noi theo ai? Phải noi theo kinh điển, đây là lời Phật dạy “*Y pháp chắng y người*”. Thế nhưng bạn phải hiểu được nguyên tắc, những kinh Phật nói trong suốt cả đời rất nhiều, bạn chỉ có thể học theo một loại chứ không thể học nhiều được. Ý tứ này cũng giống như thầy thuốc chữa trị cho bệnh nhân vậy, thầy thuốc chẩn đoán cho bạn, ra vài thứ thuốc cho bạn uống, uống xong thì bệnh sẽ khỏi. Tuyệt chẳng có nói lấy hết thầy các thứ thuốc cất trong tiệm thuốc đem về uống hết, bất luận bạn bị bệnh gì cũng uống những thuốc này, vậy thì chắc chắn phải chết không nghi gì cả, đâu có đạo lý như vậy! Tam tạng mười hai bộ kinh trong Đại Tạng Kinh là do đức Phật giảng trong suốt cả đời, cũng giống như tất cả thuốc trong tiệm thuốc, nếu bạn uống hết thầy những thuốc này thì sẽ chết liền, bạn còn được cứu hay sao? Thế nên chư vị phải biết thuốc có thể hại người, Phật pháp cũng có thể hại người, hại pháp thân huệ mạng, hại chết người. Hồi trước lúc tôi còn học theo thầy Lý, cùng bạn học thảo luận đến vấn đề này tôi đã nói như vậy, các bạn đồng học nghe xong chẳng phục nên đi hỏi thầy, thầy nói: Đúng vậy, không sai.

Pháp phải khế cơ, chúng ta chỉ có thể học theo một môn. Trong kinh Phật giảng, giảng kinh thuyết pháp đều có “người đương cơ”, người khai thỉnh, người ấy vừa nghe xong liền khai ngộ. Chúng ta phải hiểu đạo lý này, Phật giảng hết thầy kinh chẳng phải giảng cho riêng mình mà

là giảng cho rất nhiều người căn tánh chẳng giống nhau vào thời đó. Căn tánh của mình là gì? Trong hết thầy kinh này phải chọn loại nào? Cũng giống như thầy thuốc đã trị bệnh cho rất nhiều người, toa thuốc rất nhiều chất đồng ở đó. Hiện nay thầy thuốc chẳng còn nữa, chúng ta sanh bệnh, phải làm sao? Phải tìm trong những toa thuốc này, quan sát loại nào thích hợp với mình. Nếu uống lầm thì không những chẳng có ích gì cho mình mà còn có hại nữa, làm sao có thể tùy tiện uống thuốc được?

Ngày nay là thời Mạt Pháp, ai là thiện tri thức? Ai có thể thay thế chúng ta tuyên chọn pháp môn, làm con mắt chọn lựa pháp cho chúng sanh thời Mạt pháp? Chẳng tìm ra hạng người này. Khi chúng ta tiếp xúc với thiện tri thức, thực sự là chúng ta đánh rất nhiều dấu hỏi. Thế nên thân cận một vị thầy, qua vài ngày bèn đổi ý, [cứ nghĩ còn] có người cao minh hơn họ, họ chẳng đúng lắm. Cả đời đều do dự, nghi hoặc, thì làm sao thành tựu được? Thế Tôn đại từ đại bi sớm biết được tình trạng của chúng sanh trong thời Mạt pháp, gặp những khó khăn như vậy nên trong kinh Đại Tập, Ngài đã khai thị rõ ràng cho chúng ta, chỉ dẫn cho chúng ta một phương hướng, một nguyên tắc, Ngài nói: *Thời Chánh Pháp thì Giới Luật thành tựu, thời Tượng Pháp thì Thiền Định thành tựu, thời Mạt Pháp thì Tịnh Độ thành tựu*, đây là một đại phương châm, đại phương hướng cho chúng ta.

Ngày nay chúng ta sanh vào thời Mạt Pháp, chúng ta tuân theo lời dạy của Phật, chuyên tu pháp môn Tịnh Độ, vậy là chẳng sai. Kinh luận của Tịnh Tông ít hơn so với bất kỳ tông phái nào, số lượng kinh điển chúng ta y cứ rất ít. Ít thì dễ thọ trì. Nhưng chúng ta biết bộ kinh thứ nhất trong Tịnh Tông là kinh Vô Lượng Thọ, năm xưa lúc đức Phật còn tại thế đã giảng kinh này nhiều lần, đây là một pháp môn rất đặc biệt. Trong đời đức Phật Thích Ca chẳng giảng kinh nào nhiều lần ngoài kinh Vô Lượng Thọ. Căn cứ vào tư liệu còn được lưu lại có thể chứng minh tôi thiếu Ngài đã giảng hết ba lần, có thể nhiều hơn, giảng nhiều lần nghĩa là pháp môn này đặc biệt quan trọng lắm. Cho nên kết tập kinh tạng cũng nhiều lần kết tập, truyền đến Trung Quốc có đến mười hai lần phiên dịch, rất đáng tiếc là những bản dịch này trong mười hai bản đã mất hết bảy bản, hiện nay chúng ta chỉ có thể coi năm bản giữ trong Đại Tạng Kinh. Nội dung của năm bản này đại đồng tiểu dị, những chỗ khác nhau này cũng rất quan trọng, giúp cho chúng ta đoạn trừ nghi hoặc, sanh lòng tin.

Bởi vậy chúng ta phải hiểu rõ mục đích của đức Phật giảng những kinh điển này. Chúng ta không thể không biết nghĩa thú của ba cuốn

kinh trong Tịnh Tông. Kinh Vô Lượng Thọ là đức Phật Thích Ca giới thiệu Tây Phương Tịnh Độ cho chúng ta, là sách thuyết minh. Giải thích duyên khởi của Tây Phương [Cực Lạc] thế giới hình thành như thế nào? Lịch sử của Tây Phương thế giới, lý luận, cơ sở và chân tướng sự thật của đức Phật A Di Đà xây dựng Tây Phương thế giới, mục đích của A Di Đà Phật xây dựng cõi Tịnh độ này, và thành tựu của Ngài, giới thiệu và giải thích một cách đầy đủ. Làm cho người nghe sanh khởi lòng ngưỡng mộ, ưa thích, phát nguyện cầu sanh, [được vậy] thì mục đích của Ngài đã đạt được. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là thuyết minh bổ túc cho kinh Vô Lượng Thọ, trong đó có ba điểm quan trọng nhất cần bổ túc.

Thứ nhất là bổ túc trên lý luận, Quán kinh nói “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” (Tâm này là Phật, tâm này làm Phật), đây là bổ túc trên lý luận.

Sự bổ túc thứ nhì là thuyết minh thêm chi tiết về phẩm vị [vãng sanh], kinh Vô Lượng Thọ chỉ nói đơn giản về ba bậc vãng sanh, Quán kinh nói rõ hơn về chín phẩm vãng sanh.

Thứ ba là bổ túc về phần phương pháp, kinh Vô Lượng Thọ giảng về phương pháp chỉ nói “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, ngoài ra dạy chúng ta tu phước, nói một cách đơn giản. Quán Kinh giảng về mười sáu pháp quán, đây là phương pháp: Quán tưởng niệm Phật, Quán tượng niệm Phật, Trì danh niệm Phật, nói một cách tường tận. Trì danh là pháp quán thứ mười sáu, để ở sau cùng, sau cùng là quan trọng nhất, đây là một thói quen của Phật khi nói kinh, màn hấp dẫn để đến sau cùng, đến màn chót. Khế hợp nhất với cơ nghi của hết thảy chúng sanh. Trì danh Niệm Phật là pháp quán thứ mười sáu, phổ độ hết thảy chúng sanh, chân chánh làm được “*Thích hợp khắp ba hạng căn tánh, thâm nhiếp cả lợi căn và độn căn*”⁷⁶, trên độ đến Đẳng Giác Bồ Tát, dưới độ đến chúng sanh trong địa ngục, công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn, thế nên đây là thuyết minh bổ sung. Tiểu bản Phật Thuyết A Di Đà Kinh hoàn toàn là khuyên chúng ta phát nguyện vãng sanh. Kinh này chẳng dài, trong đó Thế Tôn đã khuyên hết bốn lần, đúng là đau lòng rất miêng. Cho nên chúng ta phải nhận thức tánh chất của ba cuốn kinh này, ba kinh đều có chung một đường lối hành động.

Hiện nay có một số đồng tu hoài nghi bản hội tập, đây là một sự sai lầm. Phật pháp được xây dựng trên lòng tin thanh tịnh, có nghi hoặc

⁷⁶ “tam căn phổ bị, lợi độn toàn thâm”.

tức là chương ngại to lớn. Kinh này là để giới thiệu, mục đích là giúp cho bạn khởi lòng tin, phát nguyện, [được vậy thì] mục đích đã đạt đến. Nếu chẳng có bản hội tập thì cần phải đọc năm bản dịch gốc, đúng vậy, nhưng muốn đọc hết năm bản dịch gốc thì chẳng dễ! Nếu bạn cảm thấy đọc năm bản dịch gốc quá phiền, quá phức tạp, cổ đại đức đã giúp chúng ta làm việc hội tập. Người đầu tiên hội tập là cư sĩ Vương Long Thư, bản này được ghi trong Đại Tạng Kinh, có thể nhập vào Đại Tạng Kinh tức là được tổ sư, đại đức thời xưa công nhận chẳng có sai lầm mới có thể nhập được. Chẳng giống hiện nay, rất tùy tiện bèn đem kinh nhập vào Tạng, hồi xưa thì không được. Hồi xưa phải có nhà vua phê chuẩn mới được để kinh vào Đại Tạng, nhà vua căn cứ vào đâu để phê chuẩn? Căn cứ vào sự tiến cử của cao tăng đại đức đương thời, họ đều công nhận, như vậy mới được nhập vào Tạng, chẳng phải là một chuyện dễ dàng. Đây là nói hội tập chẳng có sai lầm, hội tập là một chuyện nên làm, bản hội tập viên mãn hay không thì là một chuyện khác, tức là nói rõ có thể hội tập. Cũng giống như chúng ta giới thiệu Tây Phương Tịnh Độ, chúng ta không có bản hội tập, chúng ta có thể mở ra hết năm bản dịch gốc, trong bản này rút ra một đoạn, từ bản kia rút ra một đoạn để nói với mọi người cũng được, không phải là không được. Tôi chỉ cần nói cho nhất quán, nói rất mạch lạc, làm cho người nghe rất rõ ràng, minh bạch, sanh khởi lòng tin, sanh khởi lòng ưa thích, vậy thì thành công rồi.

Nói đến phương pháp tu hành của Tịnh Độ, đó là “phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”. Chúng ta hiểu được đạo lý này, sau đó đối với bản hội tập này mới có thể sanh khởi lòng tin, tuyệt chẳng có hoài nghi. Hoài nghi thì chúng ta đánh mất lợi ích này. Nếu bạn thực sự có hoài nghi thì cũng không sao, bạn đừng đọc bản hội tập, thậm chí cũng đừng đọc kinh Vô Lượng Thọ, bạn chỉ y theo kinh A Di Đà mà tu học, nhất định cũng vãng sanh. Chúng ta có cần phủ định bản hội tập, bài xích bản hội tập hay không? Chúng ta chẳng có cái gan này. Giả như người hội tập, giả sử lão cư sĩ Hạ Liên Cư là Quán Thế Âm Bồ Tát tái lai, A Di Đà Phật tái lai, chúng ta có phải đã tạo nên tội lỗi to lớn hay không! Thế nên có thái độ học hỏi, thái độ đọc sách thì có thể tồn nghi chứ đừng phủ định, không thể quyết đoán, chúng ta chỉ đánh một dấu hỏi rồi để qua một bên, tạm thời không cần phải cầu chứng, có thể như vậy. Chúng ta xả bỏ pháp môn này [nghĩa là xả bỏ bản hội tập này], chúng ta vẫn còn kinh A Di Đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, chẳng thể báng pháp. Ngài thực sự có thân phận gì, thị hiện ở thế gian này, chúng ta chẳng biết. Tu học y chiếu bản hội tập này, rất nhiều người khởi lên lòng

tin từ bản hội tập này, đích thật bản này tiện lợi hơn các bản dịch gốc, dễ đọc, dễ hiểu, từ chỗ này sanh khởi lòng tin. Từ đây có thể biết nếu người hủy báng, phủ định [bản hội tập] này không phải ngu si thì cũng có dụng tâm gì khác.

Thế nên phải biết Sư Thừa rất quan trọng, tôi học theo vị thầy nào, thầy này phải hoàn toàn chịu trách nhiệm cho tôi. Tôi tu học có sai lầm, tương lai không thành tựu thì thầy đọa địa ngục A Tỳ, thế nên quan hệ Sư Thừa rất lớn. Thầy tôi chỉ thị cho tôi pháp môn này, người khác nói pháp môn này không đúng, tôi học theo ai? Đây là mấu chốt. Bạn có phải đã phủ định thầy của bạn không, đổi thầy, theo học thầy khác, vậy cũng được. Hiện nay Sư Thừa chẳng còn nữa, sự khó khăn bèn đến, thời trước chuyện như vậy rất ít xảy ra. Chúng ta cả đời theo chắc một vị thầy, tôi có đủ lòng tin đối với thầy, thầy chịu trách nhiệm cho tôi, tôi chỉ nghe theo thầy ấy, thì lòng tin này sẽ chẳng lay chuyển. Trước khi học sinh chưa khai ngộ thì nhất định không thể nghe người khác nói, tại sao vậy? Sợ lòng tin bị lay chuyển, sau khi khai ngộ thì chẳng sao cả. Sau khi khai ngộ thì bạn có khả năng phân biệt chân vọng, tà chánh, thị phi; đến lúc ấy thì thầy sẽ để cho bạn đi ra ngoài tham học. [Cũng như] Thiện Tài đồng tử năm mươi ba lần tham vấn, cái gì bạn cũng có thể nghe, cái gì cũng có thể tiếp xúc. Bạn có định lực, trí huệ; nếu không có khả năng phân biệt thì thầy sẽ kiểm soát rất nghiêm cẩn, chẳng để bạn tiếp xúc, một khi đã tiếp xúc thì sẽ hại bạn. Do đó thế nào là một học sinh tốt? Người có thể tiếp nhận lời dạy của thầy giáo là học sinh tốt. Đối với thầy giáo bề ngoài thì nghe lời còn bên trong thì cãi lại⁷⁷, vậy thì thầy giáo làm sao dạy cho được? Thế nên chẳng cho bạn nghe nhiều, xem nhiều, đó là bảo vệ tâm thanh tịnh của bạn, thành tựu giới, định, huệ của bạn, chẳng có [mục đích] gì khác, hiện nay người làm học trò chẳng thấu hiểu được sự khổ tâm như vậy. Hiện nay người trẻ tuổi tiếp nhận sự un đúc tà tri tà kiến, tôi thường nói hai câu đầu của Tứ Hoàng Thệ Nguyên chẳng cần nữa, bắt đầu học từ đâu? Học rộng nghe nhiều, “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”, hai câu đầu chẳng cần nữa, họ làm sao thành tựu cho được? Những gì học được đều là tà tri tà kiến, tâm địa, tinh thần, tư tưởng, kiến giải đều bị ô nhiễm, Phật, Bồ Tát có đến cũng chẳng có cách gì rửa sạch cho bạn.

Nếu chúng ta thấu hiểu kinh điển Đại Thừa một cách sâu sắc [thì sẽ thấy] chư Phật, Bồ Tát đối với hết thảy, đặc biệt là những chúng sanh

⁷⁷ Dương phụng âm vi.

khô nạn, sự quan tâm, thương mến này thực sự đã đạt đến cùng cực, có bao nhiêu chúng sanh thấu hiểu được, có thể hiểu nổi? Tuy chúng sanh không thể thấu hiểu, có khi còn vu oan, hủy báng Phật, Bồ Tát; tâm từ bi của Phật, Bồ Tát chẳng có giảm chút nào, thật là phi thường! Vẫn thương yêu như thường, vẫn dùng những phương tiện khéo léo để giúp đỡ chúng sanh, dìu dắt chúng sanh. Vì như kinh này đã nói chúng sanh ương ngạnh, khó dạy, tà tri tà kiến, chẳng biết quay về, sửa sai. Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong ấy uyển chuyển, thuận theo để dẫn dắt; trong mắt phàm phu chúng ta: Dùng tận tâm tư, ân đức này chẳng có gì so sánh nổi. Bất luận là trên đạo lý, trên phương pháp, trên cảnh giới đều là cực kỳ thiện xảo phương tiện, chúng ta mở kinh ra đọc những đoạn kinh này phải thể hội được.

Trong bộ kinh này hiển thị Địa Tạng Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm đều là thiện tri thức chân thật. Đặc biệt là pháp hội này dạy cho kẻ sơ học, nói cho chúng ta biết những chuyện tội khổ, tình huống của quả báo, mục đích là dạy cho chúng ta tin tưởng nhân quả, tin thiện nhân được thiện quả, ác nhân ắt có ác báo. Chúng ta trải qua lời nhắc nhở này, sau đó bình tĩnh quan sát xã hội hiện thực của chúng ta, có thể nhìn thấy quả báo vốn là ở trước mắt. Bạn nhìn xem bạn bè thân thích của bạn, những người mình quen thuộc, quá rõ ràng, vả lại vô cùng nhanh chóng, mỗi năm đều ở nơi đó biến hóa, chuyển biến. Nếu bạn quan sát sự chuyển biến này kỹ càng, đó vốn là nhân quả. Người trồng thiện nhân có tâm thiện, hạnh thiện thì mỗi năm cũng còn tốt, hoàn cảnh sinh hoạt ngày càng tốt đẹp. Người tâm ác, hạnh ác thì mỗi năm không bằng năm trước. Coi hiện nay so với lúc trước, tốc độ nhanh hơn rất nhiều, hồi trước quả báo xảy ra còn không nhanh như vậy, hiện nay thì thay đổi mỗi năm. Thậm chí nếu bạn có khả năng, có trí huệ quan sát, mỗi tháng đều thay đổi, quả báo thật quá nhanh. Chỉ có hiểu rõ đạo lý nhân quả này mới có thể bước vào cửa Phật, bạn mới tin tưởng lời Phật nói, mới có thể tiếp nhận, y giáo phụng hành. Mục đích chung cực là ở chỗ này, giúp đỡ hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Phật, Bồ Tát chẳng tiếp nhận bất kỳ sự báo đền nào cả, tuyệt đối chẳng có danh văn, lợi dưỡng, chúng ta cung kính các Ngài chỉ là biểu hiện một chút lòng cảm kích của chúng ta, Phật, Bồ Tát chẳng yêu cầu chúng ta cung kính các Ngài, chẳng có ý niệm này. Xin xem tiếp đoạn kinh sau đây:

Địa Tạng đáp ngôn: “Nhân giả, ngã kim thừa Phật oai thần cập

đại sĩ chi lực, lược thuyết địa ngục danh hiệu cấp tội báo ác báo chi sự”.

地藏答言。仁者。我今承佛威神及大士之力。略說地獄名號及罪報惡報之事。

(Ngài Địa Tạng đáp rằng: “Thưa Nhân Giả, nay tôi nương oai thần của đức Phật cùng oai lực của đại sĩ mà lược nói danh hiệu của các địa ngục, cùng những sự tội báo và ác báo”.)

Ở đây chúng ta phải học tập, người hiện nay hơn phân nửa đều cuồng vọng tự đại, sau khi học được của người khác cũng không chịu thừa nhận, còn mắng người ta: “Đây là của tôi, chẳng phải của họ”. Vậy thì sẽ có tội. Bạn hãy xem Địa Tạng Bồ Tát là nhân vật như thế nào! Chúng ta xem pháp hội này, phía trước mọi người đều thấy, mười phương chư Phật đều đến tham dự pháp hội này. Chư Phật là người như thế nào? Đều là học trò của Địa Tạng Bồ Tát trong những đời quá khứ, học trò ai cũng thành Phật cả rồi, thầy còn làm Bồ Tát, thật là phi thường. Ngài chưa chịu thành Phật, muốn thành Phật thì quá đơn giản, đáng lý là đã thành Phật lâu rồi. Ngài ứng theo lời nguyện “*Địa ngục chẳng không, tôi sẽ chẳng thành Phật*”. Thế nên chúng ta phải hỏi Địa Tạng Bồ Tát có cơ hội làm Phật không? Chẳng có. Địa ngục vẫn còn người thì Ngài phát tâm chưa thành Phật, Ngài phải làm Bồ Tát để giúp đỡ những chúng sanh trong địa ngục. Bạn xem đây là thân phận gì? Ngài nói chuyện rất khiêm nhường, rất khách sáo.

“*Nhân giả*” là tôn xưng đối với Bồ Tát, nghĩa là người nhân từ. Ngài chẳng nói Ngài có khả năng để trả lời, “*Ngã kim thừa Phật oai thần*”, nhờ Phật gia trì. Không những nhờ Phật gia trì mà còn mong nhờ sự gia trì của Phổ Hiền Bồ Tát. “*Cấp đại sĩ chi lực*”, chữ đại sĩ này chỉ Phổ Hiền Bồ Tát, trí huệ và đạo lực của Phổ Hiền Bồ Tát cũng chẳng thể nghĩ bàn. Chư Phật gia trì, Phổ Hiền Bồ Tát cũng gia trì, “*lược thuyết địa ngục danh hiệu*” sau đó báo cáo cho đại chúng về việc này. Chúng ta phải khiêm nhường, người hiện nay thật rất thích xa vời, viễn vông, tất cả đều muốn sáng tạo, làm mới. Nói chư vị thánh nhân thế gian và xuất thế gian đều chẳng có sáng kiến, chẳng có sáng tạo. Không Lão Phu Tử nói cả đời Ngài giảng học thuật mà không sáng tác (thuật nhi bất tác), Ngài chẳng có sáng tác, những gì Ngài nói đều là lời dạy của cổ thánh tiên hiền, Ngài chẳng có sáng tác gì mới mẻ. Đức Phật Thích Ca nói với chúng ta, cả đời Ngài, hết thầy pháp Ngài giảng trong bốn mươi chín năm đều chẳng phải lời của riêng Ngài, tự mình Ngài chẳng sáng tác ra

mà nói, đều là thuật lại lời của cổ Phật. Thế nên Ngài nói rằng Ngài chưa từng nói một câu pháp, hết thảy đều là lời của cổ Phật đã nói, chẳng có câu nào là ý riêng của Ngài cả. Khổng Lão Phu Tử chỉ thuật lại chứ không sáng tác, đức Phật Thích Ca cũng thuật mà không tác. Chúng ta là lớp người đời sau, người đời sau có sáng tác! Thật là phi thường. Thế nên những điển tịch của đức Phật Thích Ca chẳng có bản quyền, đều là của người khác, chẳng phải của mình, Ngài làm sao có bản quyền cho được? Người đời nay thật là phi thường, tự mình có sáng tác, có bản quyền. Chúng ta phải học tập, học cho chắc thật; thái độ học tập của Thế Tôn và Khổng Lão Phu Tử rất đúng đắn, như vậy mới tương ứng với tâm tánh, tương ứng với tánh đức, cho nên quý Ngài xử sự, đãi người, tiếp vật đều vô cùng khiêm nhường. Khổng Tử biểu hiện tự ty và tôn trọng người khác, chúng ta đọc trong sách thấy Khổng Tử đối với kẻ bần cùng hạ tiện cũng rất tôn kính, chẳng dám khinh mạn. Đâu có bao giờ nói tự mình cảm thấy cao quý tự đại, coi thường kẻ khác, chúng ta chẳng thấy trong cả đời hành nghị của Khổng Tử. Đức Phật thì chẳng cần phải nói nữa.

Cống cao ngã mạn là đại phiền não, chỉ cần có tâm niệm này thì Phật pháp một phần cũng chẳng thâm nhập được; đó là chướng ngại, tự mình chướng ngại cho mình. Tham-sân-si-mạn-nghi, sau đó là ác kiến, tức là “*thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến*”⁷⁸, hợp lại gọi là ác kiến, sáu phiền não căn bản tức là những thứ này. Sáu thứ phiền não căn bản là chướng ngại lớn nhất, tại sao chúng ta học Phật không thể khế nhập? Chúng ta đọc kinh tại sao không thể khai ngộ? Chẳng biết tự mình có sáu thứ chướng ngại này, chẳng biết. Trong sáu

⁷⁸ a. Thân Kiến: Chấp trước thân là ta, tham sống sợ chết, tự tư tự lợi.

b. Biên Kiến là kiến giải lầm lạc. Cố chấp một cách ngoan cố vào những hiểu biết lệch lạc của chính mình, tin mù quáng vào những học thuyết như Nhất Nguyên Luận, Nhị Nguyên Luận, Hữu Thần Luận, Vô Thần Luận, Nhất Thần Luận, Đa Thần Luận v.v... Do chấp chặt vào một bên, vào một khía cạnh của sự việc, nên gọi là Biên Kiến

c. Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến. Hai loại này thường được gọi là Thành Kiến như hay nói: “Người đó có thành kiến rất sâu”. Thành Kiến có hai loại: Thành kiến nơi nhân và thành kiến nơi quả. Pháp thế gian hay xuất thế gian chẳng lìa nhân quả. Kiến Thủ Kiến là thành kiến nơi Quả. Giới Thủ Kiến là thành kiến nơi Nhân, chấp trì kiến cố tạo thành chướng ngại.

d. Tà Kiến nghĩa là gì? Chẳng thuộc vào bốn loại trên, tất cả hết thảy kiến giải sai lầm đều quy nạp vào Tà Kiến. Dùng tà tâm để lãnh ngộ chân lý, điên đảo thị phi, chẳng tin nhân quả, đoạn diệt các thiện căn gọi là Tà Kiến.

thứ chướng ngại này mà bạn có một thứ thì bạn chẳng thể thấy đạo, đừng nói là chứng đạo, thấy cũng thấy không được. Diệt trừ hết sáu chướng ngại này thì bạn mới thấy đạo vị. Thế nên chúng ta muốn đạt được lợi ích chân thật của Phật pháp, không đoạn trừ sáu chướng ngại này thì làm sao được? Thực sự đoạn trừ, trong Niệm Phật Đường, vị đường chủ thường thường nhắc đại chúng “*buông xuống hết thấy thân tâm thế giới*”, [buông xuống được tức là] sáu thứ này cũng xả bỏ hết, sáu thứ này chính là thân tâm thế giới, không buông xuống thì không được! Nhất định phải buông xuống, xin xem tiếp kinh văn:

Nhân Giả, Diêm Phù Đề đông phương hữu sơn hiệu viết Thiết Vi, kỳ sơn hắc thủy vô nhật nguyệt quang.

仁者。閻浮提東方有山號曰鐵圍。其山黑邃無日月光

(Thưa Nhân Giả, phương Đông của cõi Diêm Phù Đề có núi tên là Thiết Vi, núi đó tối đen, không có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng.)

Những việc này nói trong kinh Địa Tạng, không thể lấy nhãn quan khoa học hiện đại để khảo chứng, tại sao vậy? Khoa học ngày nay của chúng ta, nói thật ra còn tương đối ấu trĩ. Chân tướng của vũ trụ trước mắt chúng ta, có mấy ai biết được? Đừng cho rằng chính mắt mình đã thấy mới là thật, không đáng tin đâu. Những gì chính mắt bạn nhìn thấy, công năng của mắt bạn rốt ráo là được bao lớn. Bạn chẳng biết. [Nói] chính mắt tôi nhìn thấy, hai mươi mấy người trong giảng đường của chúng ta, chính mắt tôi nhìn thấy, trong giảng đường này còn có Bồ Tát, có Thanh Văn, có Duyên Giác, có thiên long quỷ thần, bạn có thấy những vị này không? Chẳng thấy, vậy thì làm sao bạn có thể nói chính mắt bạn nhìn thấy? Bạn làm sao khẳng định như vậy? Tại sao bạn chẳng nhìn thấy? Vì công năng của mắt bạn rất có hạn. Chúng ta biết mắt thấy được là nhờ có ánh sáng, lúc tối bạn chẳng nhìn thấy, bạn phải nhờ ánh sáng mới thấy được. Sóng của ánh sáng chẳng giống nhau, những gì chúng ta nhìn thấy được đều thuộc về một số ánh sáng có sóng rất ngắn, làn sóng thấy được của chúng ta đều nằm trong một đoạn ngắn này, [những vật có sóng ánh sáng nằm] trong đoạn này chúng ta thấy rất rõ ràng, những vật có sóng ánh sáng dài hơn thì chúng ta chẳng thấy, ngắn hơn cũng chẳng thấy. Sóng ánh sáng dài hơn [đoạn này] chẳng biết là có bao nhiêu, ngắn hơn cũng chẳng biết là bao nhiêu. Nếu một ngày nào đó chướng ngại đến công năng của mắt bạn biến mất, hết thấy làn sóng ánh sáng bạn đều chẳng bị chướng ngại, thế giới mà bạn nhìn thấy sẽ lập tức

thay đổi, chẳng giống như trước nữa. Vậy thì làm sao bạn có thể tin những gì bạn thấy được đều là thật hết cả? Mắt nhìn thấy sắc, tai nghe tiếng đều có trạng huống như vậy, đây là nói về chân tướng cho bạn nghe.

Hiện nay nói về những việc này thì bạn khá có thể hiểu được, chúng ta dùng máy móc khoa học kỹ thuật có thể trắc lường được những sóng ánh sáng mà mắt chúng ta chẳng nhìn thấy. Mọi người đều quen thuộc, ánh sáng “tử ngoại” (ultra violet light) chúng ta không nhìn thấy, quang tuyến X (X-ray) chúng ta cũng nhìn không thấy, dựa vào máy móc chúng ta biết nó tồn tại. Khoa học gia biết, rất nhiều sóng ánh sáng chẳng giống nhau, mắt thịt của chúng ta chẳng nhìn thấy. Thế nên sóng ánh sáng tồn tại đồng thời, nếu bạn đều nhìn thấy hết cả thì đạo tràng này sẽ rất khác thường. Đạo tràng này bao lớn? Gian phòng này bao lớn? Tận hư không trọn khắp pháp giới, chẳng thể nghĩ bàn. Tại sao lại lớn đến tận hư không, trọn khắp pháp giới? Nếu nhãn quang của bạn đã khai, hết thấy chướng ngại đều không còn nữa, hết thấy sóng ánh sáng bạn đều nhìn thấy cả, những làn sóng ánh sáng này lan rộng khắp hư không pháp giới. Những cây cột này, tường này đều trong suốt, chẳng có chướng ngại. Bạn ngồi ở đây nhìn lên trên, nhìn thấy hư không pháp giới vô lượng ở trên; nhìn xuống phía dưới, bên trái, bên phải, mười phương thế giới vô lượng vô biên đều ở trước mặt, bạn sẽ chẳng bị giới hạn bởi một phạm vi nhỏ như vậy, đây là lời nói chân thật. Nếu bạn dùng phương pháp khoa học hiện nay để khảo chứng thì khảo không ra, chúng cũng không ra, cũng phải nói năng lực khoa học kỹ thuật còn chưa phát triển đến mức này; khoa học kỹ thuật nói thật ra vẫn tương đối ấu trĩ nếu so sánh với Phật pháp. Có một phần trong lời của Phật nói đã được chứng minh, chỉ là một phần rất nhỏ, phần lớn thì khoa học kỹ thuật còn chưa đạt đến, thế nên chúng ta phải tin tưởng lời Phật nói.

“*Diêm Phù Đề, Đông phương hữu sơn*”, có núi Thiết Vi, mắt thịt chúng ta chẳng nhìn thấy, máy móc khoa học cũng chẳng tìm thấy. Lúc tôi còn ở Đài Loan, có người đến hỏi tôi: “Hiện nay tiềm thủy đỉnh hạch nhân đã đến đáy biển, chẳng phát hiện ra Long Cung, rốt cuộc là Long cung có thật hay không?” Long cung ở đáy biển, tiềm thủy đỉnh lặn xuống cũng chẳng tìm thấy. Trên mặt trăng có Nguyệt Quang Bồ Tát, phi hành gia đặt chân lên mặt trăng chẳng nhìn thấy, có hay không? Có! Người chẳng nhìn thấy Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Những chuyện này nói thật ra thì những người hiểu biết đôi chút Phật pháp đáng lẽ đều biết. Đời Đường khi pháp sư Pháp Chiếu triều bái Ngũ Đài Sơn nhìn thấy Đại

Thánh Trúc Lâm Tự, đây là việc Ngài đích thân trải qua, chúng ta tin tưởng Ngài chẳng vọng ngữ. Gặp được Văn Thù, Phổ Hiền đang giảng kinh thuyết pháp, thính chúng hơn một vạn người, Ngài nghe hết một buổi, còn thỉnh giáo Văn Thù Bồ Tát: “Đời Mạt Pháp căn tánh chúng sanh thấp kém, nên học pháp môn gì mới tốt?” Văn Thù Bồ Tát khuyên Ngài tu pháp môn niệm Phật. Niệm Phật như thế nào, còn dạy Ngài niệm vài tiếng, “Ngũ hội niệm Phật pháp môn” là do Văn Thù Bồ Tát truyền cho Ngài Pháp Chiếu. Ngài rời khỏi Ngũ Đài Sơn, vừa đi vừa làm dấu để lần sau đến dễ tìm, sau khi làm dấu được vài chỗ xong quay đầu nhìn lại, [Trúc Lâm Tự] chẳng còn nữa, chỉ nhìn thấy một đồi núi hoang vu. Chư vị hãy nghĩ xem dùng khoa học làm sao có thể tìm được? Đạo tràng của Văn Thù Bồ Tát thanh tịnh trang nghiêm, người có duyên mới nhìn thấy. Các bạn đọc Tam Muội Thủy Sâm, quốc sư Ngô Đạt nhìn thấy đạo tràng của tôn giả Ca Nặc Ca ở Tứ Xuyên cũng là ở một vùng núi hoang vu, máy móc khoa học làm sao tìm thấy nổi? Ngài đến đó đích thật đã chữa lành bệnh của Ngài. Do đó không thể tin tưởng chính mình, đích thân nhìn thấy, nghe thấy cũng chẳng đáng tin, hoàn cảnh này rất phức tạp, rốt cuộc bạn có thể nhìn thấy được bao nhiêu?

Thế nên chúng ta chẳng biết chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sinh, cứ cho rằng mình đã nhìn thấy rất rõ ràng, nghe rất rõ ràng, tin vào tri kiến của mình, đâu biết rằng đó đều là sai lầm? Do đó trong kinh đức Phật dạy chúng ta rất rõ ràng: *“Khi chưa chứng đến A La Hán thì đừng tin ý tưởng của mình”*, [điều này] rất có đạo lý. A La Hán thì như thế nào? A La Hán đã thông rồi, chẳng còn chướng ngại nữa, A La Hán đã chứng được Lưu Tận Thông. Thế nên lục căn của Ngài tiếp xúc với sáu thứ cảnh giới bên ngoài chẳng giống chúng ta, Ngài đột phá hết thấy giới hạn của sóng ánh sáng, sóng âm thanh, sóng từ trường, Ngài nhìn thấy chân tướng, chúng ta nhìn thấy vọng tướng. Tại sao A La Hán có được năng lực này? Rất đơn giản, Kiến Tư phiền não đã đoạn dứt, tức là sáu thứ chướng ngại tôi nói lúc nãy đã đoạn dứt. A La Hán đoạn dứt chẳng phải gì khác, tức là đoạn dứt tham-sân-si, mạn, nghi, ác kiến; ác kiến là Ngũ Lợi Sử, cũng tức là như danh từ chúng ta thường gọi: Kiến Tư phiền não. Đoạn dứt phiền não này rồi nên chướng ngại của các Ngài chẳng còn nữa, mới nhìn thấy được chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Phải nói những lời này trước tiên, nếu không thì những việc này trong kinh Địa Tạng rất khó hiểu, bạn sẽ cho những thứ này là gì? Cho là mê tín, bạn sẽ cho rằng những chuyện này chẳng hợp khoa học, một phen một hào lợi ích của kinh này bạn cũng chẳng đạt được. Không những

chẳng đạt được, lại còn tạo ra tội báng pháp, không đạt được lợi ích nhưng họa hại lại đến, đây chẳng phải là ý của Phật. Thế nên chúng ta giảng những kinh thuộc loại này, nhất định phải giải thích đạo lý này rõ ràng, giải thích minh bạch.

Lúc trước, đầu tháng này tôi đã giảng hết sáu buổi ở Hương Cảng, chúc mừng một năm ngày Hương Cảng được trả về [Trung Quốc], chúng tôi giảng về đại ý kinh Vô Lượng Thọ. Trong nhóm thính chúng có một vị đồng tu, lúc trước làm trong giới phim kịch điện ảnh, ông kể cho tôi vài chuyện thật, người thật. Vì lúc quay phim điện ảnh có khi phải quay vào ban đêm, quay cảnh ngoài trời ban đêm, ở những vùng hoang dã có các phần mộ, thật là có quỷ. Ông có một bạn đồng nghiệp quay phim ngoại cảnh vào ban đêm, ông này đầu óc không tinh táo, lái xe đi ngang một khu phố náo nhiệt. Trong tâm ông nghĩ con đường này từ trước đến giờ ông chưa từng đi qua, tại sao ở chỗ này lại có một khu phố náo nhiệt như vậy? Do vì thấy đường phố rất náo nhiệt, rất nhiều người, nên ông xuống xe đi dạo vài vòng xem thử. Ông thấy có bán đồ ăn, lúc đó là hai giờ khuya, ông cũng hơi đói bụng nên vào một tiệm nhỏ ăn mì. Ăn xong cảm thấy buồn ngủ nên lái xe đi về. Trên đường về cảm thấy thân thể chẳng khỏe, càng nghĩ càng cảm thấy khu phố này có cái gì rất mờ ám trong ấy. Đến ngày hôm sau lái xe đi ngược lại đoạn đường đi hồi hôm thì thấy đó là một nghĩa địa, mới biết tối hôm trước đã gặp quỷ, là đi ngang qua một đường phố của quỷ. Những gì ông ăn hồi tối ọc hết ra, ọc ra toàn là những con giun đất, bùn, cỏ, các thứ như vậy; ông sanh bệnh nặng hầu như gần chết. Sau đó đầu óc bất bình thường, phải nghỉ việc hai, ba năm cũng không đi làm được. Thân người ốm như cây tre. Sau mấy năm thì ông cũng trở lại làm nghề này, chẳng bao lâu lại gặp một chuyện tương tự như trên, sau đó chết mất, ông đó là người làm chung với người kể chuyện này. Những người làm trong ngành đóng phim ảnh này tin những câu chuyện như vậy vì họ đích thân từng trải qua.

Thế nên những chỗ này quỷ thần và con người chúng ta cùng nhau cư trú, trạng huống [sinh hoạt] của quỷ rất giống với con người chúng ta, quỷ cũng có đô thị, chúng ta chẳng nhìn thấy, xen kẽ với chúng ta, ở hai môi trường khác nhau, hai cõi có ba độ (cường độ của làn sóng) khác nhau, xen kẽ với nhau. Thế nên khi chúng ta nói nhìn thấy tận mắt, nghe thấy tận tai, làm sao có thể làm chủ được? Đích thân bạn trải qua, phải đề cao cảnh giác, phải hiểu rõ. Khổng Lão Phu Tử dạy chúng ta “kính

quỷ thần nhưng lánh xa”⁷⁹, quỷ thần có thật không? Có, nhất định phải tôn trọng, phải tôn kính. Lánh xa nghĩa là sao? Nghĩa là đừng học theo họ, cùng một ý nghĩa như nguyên lễ kính chư Phật trong Phổ Hiền thập đại nguyện vương. Khổng Tử đối với quỷ thần, tà môn ngoại đạo, tâm cung kính chẳng giảm bớt, đúng là lễ kính chư Phật, Khổng Tử đã làm được. Chúng ta đối với họ phải cung kính, đối đãi với quỷ thần nhất định phải đúng như pháp. Trong kinh đức Phật đã nói với chúng ta rất nhiều, chúng ta phải hiểu rõ. Chúng ta phải coi trọng tế lễ của nhà Nho, quỷ thần có thể yên ổn, đối với sự trị loạn trên thế gian chúng ta có liên quan mật thiết. Nếu làm cho những quỷ thần này không thể yên ổn, một khi họ làm loạn lên thì sẽ ảnh hưởng đến xã hội chúng ta, có rất nhiều tai biến vô duyên, vô cớ sẽ sanh khởi, chúng ta nói vô duyên, vô cớ [nhưng thật ra là do] quỷ thần làm loạn, không thể không hiểu đạo lý này.

Những người xuất gia trong nhà Phật trú ở trên núi muốn dựng một chòi tranh đương nhiên phải tìm vật liệu ở gần đó, phải đốn cây. Phật nói những cây cao bằng thân người hoặc cao hơn một thân người đều có thần cây (thọ thần) trú ở đó. Thần cây là gì? Quỷ thần nương nhờ, trú ở trên cây, họ chẳng có chỗ để trú, họ nhờ chỗ đó để che mưa đỡ nắng. Quỷ thần trú trên cây nên xưng họ là thần cây. Chúng ta muốn đốn cây này, nói cách khác tức là chiếm đoạt chỗ ở của họ, họ bằng lòng hay không? Nếu họ không bằng lòng, khởi lên ác niệm thì họ sẽ đến phá rối, báo thù, gây rắc rối cho bạn, bạn ở trong chòi tranh đó cũng không yên ổn. Nếu phước báo của bạn lớn thì họ chẳng có biện pháp chi, không dám xâm phạm bạn, đợi đến lúc vận của bạn suy thoái thì họ sẽ đến gây rắc rối, họ rất nhẫn nại chờ đợi. Lúc vận may của bạn còn thì họ không dám phá bạn, phước báo của bạn lớn nên họ không phá, đợi tới lúc vận của bạn xuống dốc, họ sẽ đến phá. Thế nên Phật dạy chúng ta muốn đốn cây thì ba ngày trước đó phải tế lễ, tụng kinh, nói với họ tôi bắt buộc dĩ phải kiếm chỗ trú, nói với họ dọn nhà, khuyên họ dọn nhà. Không thể vừa tìm được cây nào vừa ý thì đốn cây ấy liền, ba ngày trước khi đốn phải cúng tế.

Ngay cả những chỗ này, những chi tiết nhỏ này cũng coi trọng. Hiện nay mọi người đều chẳng tin những chuyện ấy, lúc trước những khu đất làm phần mộ ở sườn núi, hiện nay nhiều người cứ tùy tiện dời những phần mộ ở đó, đoạt những khu đất ấy để xây nhà lầu, may là những người cư trú ở đó còn một chút phước báo có thể duy trì được vài

⁷⁹ Kính quỷ thần nhi viễn chi.

năm. Đến lúc phước báo hết rồi thì những quỷ thần này sẽ lại phá rối, làm cho thân tâm những người cư trú ở đó chẳng an, làm xã hội động loạn. Bạn làm cho họ không được yên ổn thì họ cũng biết báo thù, cũng sẽ làm cho bạn không được yên. Thiên tai nhân họa do đó mà xảy ra, thập pháp giới là một thể, không thể không biết. Thánh nhân thể gian và xuất thế gian đều dạy chúng ta “*suy bụng ta ra bụng người*”⁸⁰, Phật pháp chẳng nói chỉ riêng người, Phật pháp nói đến vật, vật tức là thiên địa, quỷ thần đều bao gồm trong ấy. Chúng ta muốn sinh sống hạnh phúc, mỹ mãn, bạn phải nghĩ quỷ thần cũng muốn sống mỹ mãn, súc sanh cũng hy vọng đời sống mỹ mãn, làm sao có thể ăn thịt chúng sanh được? Việc này trong kinh nói rất rõ ràng, ăn thịt chúng sanh, sát hại chúng sanh sẽ bị những quả báo gì. Chúng ta có chịu xẻ thịt cho người khác ăn không? Cùng một đạo lý ấy, chúng ta không muốn người ta đến ăn thịt chúng ta, động vật cũng như vậy, nó đâu chịu cho người ta ăn thịt nó? Chúng ta giết, ăn thịt nó, nó hoan hỷ không? Người có cùng một tâm ấy, tâm có cùng lý ấy. Thế nên ăn thịt chúng sanh, những oán hận này, những oán hận của hết thảy chúng sanh sẽ không tiêu mất, khi gặp cơ hội thì chúng sẽ trả thù. Phật pháp nói: “*Ăn nửa cân thịt của nó, thì phải trả tám lượng*”, nhiều đời nhiều kiếp ăn nuốt lẫn nhau, dây dưa chẳng dứt.

Thân này của chúng ta có được là thân nghiệp báo, chẳng có cách chi hết, nếu không có dinh dưỡng thì sẽ chẳng duy trì được sanh mạng, vì phải duy trì sanh mạng nên bắt buộc phải ăn uống. Vì bắt buộc phải ăn uống, bạn phải biết nên ít kết oán thù với chúng sanh, ít tạo nghiệp. Động vật có sanh mạng, thực vật cũng có sanh mạng, chúng ta ăn động vật là sai lầm, ăn thực vật cũng sai lầm, nhưng so sánh hai thứ này, tình thức của động vật rõ ràng hơn của thực vật. Nói cách khác ý niệm báo thù của động vật không biết lớn hơn thực vật bao nhiêu lần, cũng nghĩa là chúng ta xả bỏ những vật có linh tánh lớn, không giết hại nó, linh tánh của thực vật rất yếu [so với động vật], bắt buộc phải ăn nó. Giới kinh nói: “*Tỳ-kheo thanh tịnh không đạp lên cỏ tươi*”, chân chánh hiển thị lòng từ bi. Khi có đường lộ có thể bước đi, tại sao không bước đi trên lối đi mà lại đạp lên cỏ? Trừ phi là không có đường lộ, nhất định phải đi qua, đó cũng là bắt buộc dĩ, bắt buộc dĩ thì có thể tha thứ được. Nếu có đường lộ, bạn nhất định phải đi theo đường lộ, không được bước lên cỏ. Thế nên phải thương tiếc sanh mạng, thực vật cũng phải thương mến,

⁸⁰ Suy kỹ cập nhân.

phải có một trái tim yêu thương đối với người, đối sự, đối vật, tâm yêu thương chân thành, thanh tịnh, bắt buộc dĩ phải ăn [những thực vật này].

Thế nên đức Phật dạy chúng ta năm pháp quán lúc ăn, thường có tâm báo ân. Con người có ân đức lẫn nhau, con người cùng hết thảy vạn vật cũng có ân đức. Chúng ta mỗi ngày tu hành, niệm Phật tụng kinh, dứt ác tu thiện, hồi hướng công đức đến hết thảy chúng sanh là báo ân. Cái tâm này thành khẩn biết bao, ý này hậu biết bao, như vậy mới tương ứng với tâm tánh. Nếu chúng ta không quán tưởng như vậy, chẳng có tấm lòng thành này thì mỗi ngày đều tạo tội nghiệp. Bạn hiểu được đạo lý này, thường quán như vậy, những thực vật cung cấp dinh dưỡng cho bạn cũng có công đức, nó thực sự cúng dường cho bạn, bạn đáp trả cho nó, có đáp trả tức là không có cướp đoạt, không kết oán thù với nó, chỉ kết ân đức với nó. Chúng ta xem tiếp đoạn kinh phía sau:

Hữu đại địa ngục hiệu Cực Vô Gian, hựu hữu địa ngục danh Đại A Tỳ.

有大地獄號極無間。又有地獄名大阿鼻。

(Có địa ngục lớn tên là Cực Vô Gian, lại có địa ngục tên là Đại A Tỳ.)

Đây là Địa Tạng Bồ Tát trước tiên giới thiệu và báo cáo cho chúng ta. Chữ “*hữu*” [nói địa ngục] đích thật là có, chẳng phải là không có. Cõi ngạ quỷ và cõi địa ngục không giống nhau, chẳng phải là một cảnh giới. Trong cõi ác quỷ không có ánh sáng của mặt trời và mặt trăng, giống như đoạn trước có nói họ cư trú trong hôn ám, chúng ta gọi cõi ngạ quỷ là âm gian, đích thật là có người đi qua. Rất nhiều bút ký, tiểu thuyết ở Trung Quốc có ghi chép, đó chẳng phải tùy tiện nói, những gì nói trong Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký, trong Liêu Trai Chí Dị, trong Kiền Di Chí, nói cho chư vị biết đều là thật, chẳng phải giả.

Tôi học Phật nhiều năm nay, lúc chưa học Phật, tôi chưa gặp quỷ nhưng tôi đã gặp hồ ly tinh, đây là thật, chẳng giả [không những tôi] nhìn thấy tận mắt mà nhiều người khác cũng nhìn thấy. Hồ ly tinh tôi nhìn thấy là một người đàn ông, không phải đàn bà, mặc áo dài và áo khoác màu xanh. Trong thời kỳ kháng chiến rất nhiều người nhìn thấy, nhưng chẳng có ai nhìn rõ mặt của kẻ ấy, chẳng ai nhìn thấy, mặt rất mờ hồ. Hồ ly muốn biến thành người phải trải qua năm trăm năm, có lẽ là kẻ ấy chưa đến năm trăm năm, còn thiếu một chút, có hình dáng của con người còn mặt thì chưa biến thành rõ ràng được. Lúc đó tôi mười mấy

tuổi, lúc mười sáu, mười bảy tuổi mỗi ngày đều săn bắn, tôi rất muốn bắn kẻ ấy, mẹ tôi ngăn cản, muôn vàn không thể làm như vậy, nếu lỡ làm thì sau này rất phiền phức. Tôi bị mẹ tôi ngăn cấm, chứ tôi rất muốn bắn kẻ ấy. Hồ ly tinh ấy ở trên lầu nhà tôi, thời kháng chiến chúng tôi trú ở một nhà dân, ông ta ở trên lầu. Lầu nhà này đã mấy mươi năm chưa có ai lên đến nên có một ổ hồ ly trong đó, [ai này] đều biết. Có người thấy buổi sáng hồ ly lạy mặt trời trên nóc nhà. Mọi người ở đó cũng muốn yên ổn, vô sự, hồ ly cũng chẳng nhiễu loạn người khác, người ta cũng chẳng dám phá chúng. Lúc đó tôi còn nhỏ, nhưng rất gan dạ, cứ muốn đi lên lầu coi thử, nhưng người lớn không cho phép, không có thang lầu. Thật vậy, chẳng phải giả, thật là biến thành hình người. Có khi đi ra ngoài tản bộ thấy được. Thế nên tôi rất tin những chuyện quỷ, hồ ly viết trong cuốn Liêu Trai Chí Dị, tôi tin là thật, chẳng phải giả, tuyệt đối chẳng phải là đặt chuyện.

Lúc kháng chiến thắng lợi, quê tôi xảy ra một chuyện lạ, tôi biết chuyện này rất rõ ràng, quê tôi sản xuất gạo, phần lớn gạo được xuất khẩu từ Vu Hồ, đều được chở đến Vu Hồ để bán, đó là một chợ. Tôi có một người bà con, năm ấy ông ta trúng mùa, chở đầy một ghe gạo, là một loại ghe buồm nhỏ. Lúc đó dùng bao gai, dùng bao gai để chứa gạo chở đi Nam Kinh bán. Lúc vác lên ghe có người nhìn thấy một vật giống như con chồn lông vàng (hoàng thử lang), từ tấm ván cầu nhảy lên ghe. Nhìn thấy xong rất nhiều người lên ghe kiểm, kiểm không thấy, thật là kiểm không được, chắc là người thấy [con vật nhảy lên ghe] bị mờ mắt. Ghe này chở gạo đi Nam Kinh, lúc đến Nam Kinh thì gạo trên ghe bị mất hết, những bao gai vẫn còn hình dáng như vậy nhưng phía trong chẳng còn hạt gạo nào cả. Thế nên mọi người mới biết chẳng phải người đó bị mờ mắt, chắc là vật ấy tác quái. Họ nhìn thấy con chồn đó, chắc là nó tác quái, không biết làm sao mà đã mắc tội với nó, cả ghe gạo bị nó lấy mất. Người bà con đó của tôi họ Trần, ông ta chẳng biết làm sao, chẳng có cách gì hết, ghé ở Nam Kinh vài ngày xong bèn trở về nhà. Về đến nhà thì thấy gạo của ông ở trong kho, chẳng có dời đi đâu hết, ông bị phá một trận như vậy. Dùng cách gì để chở gạo trở về? Không ai biết. Đây chắc là làm việc gì đụng chạm đến nó nên nó trả đũa, trừng phạt, chọc phá ông ta như vậy. Thật vậy, chẳng phải giả. Những chuyện thiên địa quỷ thần này đích thân tôi từng trải qua, chuyện này xảy ra ở huyện Lô Giang năm chục năm trước, chúng tôi đối với việc này rất tin, chẳng hoài nghi tí nào.

Ở đây nói “*có đại địa ngục*”, địa ngục này ở phía dưới núi Thiết

Vi, chúng ta không có cách chi chứng thật, chúng ta cũng nhìn chẳng thấy. Đích thật là có, bạn tạo ra nghiệp này thì cảnh giới này sẽ hiện ra, bạn phải thọ nhận những quả báo này. Trong chú giải, pháp sư Thanh Liên cho chúng ta biết: Danh xưng Vô Gián và A Tỳ trong kinh Phật đều nhắc đến, rốt cuộc là một hay là hai, từ xưa đến nay chẳng có biện pháp gì để xác định. Cũng có cổ đại đức nói Vô Gián tức là A Tỳ, A Tỳ tức là Vô Gián, cũng có người nói Vô Gián và A Tỳ là hai cái địa ngục. Nhưng nói chung, hai địa ngục này đều là chỗ thọ báo của tội cực nặng, đây là điều chắc chắn. Trong kinh cũng nêu ra cách nói trong kinh điển, kinh A Hàm và kinh Quán Phật Tam Muội nói là một cái, Vô Gián và A Tỳ là một cái, nhưng kinh này và kinh Lăng Nghiêm lại nói là hai cái. “*Có địa ngục tên là Cực Vô Gián, lại có địa ngục tên là Đại A Tỳ*”, đây chẳng phải là hai cái sao? Thế nên nói là một cái, là hai cái đều là y cứ vào kinh điển, các Tổ sư đại đức xưa nay đều chẳng có biện pháp khẳng định là một hay là hai cái. Chúng ta đọc kinh này, y theo cách nói của kinh này, kinh này nói hai cái nên chúng ta xem nó là hai cái. Trong hai cái này chắc chắn những sự thọ báo trong ấy đều vô cùng nghiêm trọng, khổ độ vô cùng.

Ý tứ trong đoạn này chưa nói hết, nhưng thời gian hôm nay đã hết, ngày mai chúng ta nói tiếp.

Tập 16 (Số 14-12-16)

Xin mở Khoa Chú, quyển trung, trang số bốn, kinh văn hàng thứ hai:

Hữu đại địa ngục hiệu Cực Vô Gián, hựu hữu địa ngục danh Đại A Tỳ.

有大地獄號極無間。又有地獄名大阿鼻。

(Có đại địa ngục hiệu là Cực Vô Gián, lại có địa ngục tên là Đại A Tỳ.)

Hôm qua đã giới thiệu đến chỗ này, ý tứ ở trong ấy rất sâu, rất rộng, nói rõ thì thật ra nói chẳng hết. Nhưng chúng ta cần phải hiểu những chỗ quan trọng, nguyên nhân tạo thành địa ngục là gì, tại sao phải thọ những quả khổ trong ấy? Điểm này vô cùng quan trọng, trong kinh Địa Tạng Thập Luân nói tội Ngũ Nghịch là cực ác, phía sau sẽ nói tường tận về tội Ngũ Nghịch.

“*Giết cha, giết mẹ*”, ơn đức cha mẹ quá lớn, sanh mạng của ta có được là nhờ cha mẹ. Nếu chúng ta có thể quán sát kỹ càng, cha mẹ chăm sóc cho con thơ cẩn thận đến cùng cực, từ lúc sơ sanh đến ba tuổi, đưa con chẳng thể rời khỏi mẹ, được sự quan tâm, bảo bọc của mẹ từng giờ, từng phút nên mới có thể không tổn thương tánh mạng. Còn người cha, hiện nay trách nhiệm của người làm cha chẳng bằng người thời xưa. Thời cổ người làm cha chẳng những phải dạy lúc trẻ còn nhỏ, lúc còn bông ẵm, lúc mẹ mang thai là phải dạy rồi, đó là thai giáo, như vậy mới làm tròn trách nhiệm của người cha. Thế nên ân đức to lớn của cha mẹ, trong thế pháp chẳng có gì sánh nổi. Chẳng biết ân đức thì chẳng biết báo ân, vậy mà còn sát hại, tội này cực nặng, đọa Cực Vô Giác, đọa Đại A Tỳ.

Tội nghiệp thứ hai là “*giết A La Hán*”, A La Hán là thánh nhân tu hành chứng quả, làm thầy cho trời và người, làm phước điền chân chánh cho thế gian, nơi Ngài trụ là nơi để cho hết thảy chúng sanh trồng phước. Nếu bạn giết A La Hán tức là hủy diệt phước điền của chúng sanh, những người ở vùng đó sẽ chẳng có phước báo, bởi vậy nên tội này rất nặng. Giết A La Hán chẳng kết tội với một vị A La Hán, mà kết tội với những chúng sanh ở địa phương đó, cho nên tội này rất nặng. Thế gian hiện nay chẳng có A La Hán? Chúng ta tin chắc chắn cũng phải có A La Hán ứng chân. Hóa thân của Phật, Bồ Tát trong thế gian cũng rất nhiều, đâu thể nói không có A La Hán? Nhưng phàm phu chúng ta nhận chẳng ra, bạn muốn tìm A La Hán để giết cũng chẳng tìm ra. Tuy vậy có tội tương đương, tương đương nghĩa là tội ngang bằng với tội giết A La Hán, tội ngang bằng này là tội giết ai? Thiện tri thức. Người có đức hạnh, có học vấn, và từ bi giáo hóa chúng sanh ở địa phương đó, giết hại hạng người như vậy thì cũng tương đương với giết hại A La Hán, tội này rất nặng. Không những không được giết hại, ngay cả tội hủy báng cũng chẳng nhẹ, đây là việc chúng ta nhất định phải biết rõ. Thế gian có nhiều người vô tri, cố ý hoặc vô ý hủy báng những vị thiện tri thức. Vô ý là chẳng biết, cố ý tức là có dụng tâm, cốt ý, trong đó đồ kỳ chiếm phần lớn. Hiện nay còn có một số người có sách lược làm thế nào nâng cao thân phận của mình trong xã hội, nâng cao mức nổi danh của mình, nâng cao danh vọng của mình, dùng phương pháp gì? Họ phê phán, bài bác người có tiếng tăm, được nhiều người kính ngưỡng ở địa phương đó, do vậy nên họ được nổi danh. Đây là cố ý, tạo các tội nghiệp trong địa ngục Vô Giác, A Tỳ. Đây là tâm tà ác cùng cực, họ chẳng sợ nhân quả báo ứng, chỉ vì một chút danh lợi, ích lợi trước mắt mà dám tạo ra tội nghiệp

cực nặng này, đây là nghiệp nhân của địa ngục Vô Gián.

Tội nghiệp thứ ba là “*làm cho thân Phật ra máu*”. Hiện nay Phật chẳng còn tại thế, nhưng cũng có tội tương đương, đó tức là dùng ác tâm phá hoại hình tượng của Phật, bất luận là tượng đúc bằng xi măng, khắc bằng gỗ, hoặc làm bằng kim loại, hoặc là tranh vẽ nên hình tượng của Phật, Bồ Tát, là dùng tâm sân hận phá hoại, tội này chính là tội Ngũ Nghịch. Nếu là vô ý làm tổn hoại thì là lỗi lầm, chẳng phải là tội, vậy thì còn nhẹ. Nếu là vô ý thì sám hối cũng được! Có thể sám hối. Nếu là ác ý thì không thể sám hối.

Tội chót “*phá hòa hợp Tăng*”, tức là phá hoại Tăng đoàn. Tăng đoàn hòa hợp thật ra rất khó gặp được, ở đây cũng có tội tương đương. Phá hoại tín ngưỡng của người khác, phá hoại tâm nguyện của người khác, phá hoại sự tu học của người khác cũng bằng với tội phá hòa hợp Tăng; tội này cũng rất nặng, chúng ta không thể không biết. Trong ấy cũng có vô ý và cố ý, phải biết chỗ khác nhau. Cố ý là ác ý, vô ý là chẳng hiểu rõ những lý luận, chân tướng sự thật này. Thí dụ như trong kinh thường nói đến “*tự tán hủy tha*”, tự mình tán thán pháp môn tu học của mình, cứ mặc tình hủy báng những pháp môn khác, cũng là tội nghiệp loại này. Hiện nay ở nhiều nơi trong thế gian chúng ta nghe nói những người tạo tội nghiệp, tạo những tội nghiệp này. Chúng ta nhất định phải hiểu: Phật, Bồ Tát thuyết pháp là ứng cơ mà thuyết, cho nên Phật pháp không có định pháp. Kinh Bát Nhã nói rất rõ ràng: *Không những Phật chẳng có định pháp có thể nói, Ngài cũng chẳng có pháp để nói*. Thậm chí nói đến rốt ráo, nếu có người nói Phật thuyết pháp tức là báng Phật.

Nói đến đây, chúng ta phải thâm nhập, thấu hiểu kỹ càng những lời khai thị này của Phật, từ đó bạn mới không tạo tội báng pháp nữa. Vì đó là ứng cơ ban cho sự giáo huấn. Căn tánh của tôi và căn tánh của bạn chẳng hoàn toàn tương đồng, nghĩa là cùng tu pháp môn Tịnh Độ, cùng niệm A Di Đà Phật nhưng cũng chẳng giống nhau hoàn toàn. Nghĩa là như thế nào? Tôi thích truy đánh⁸¹ niệm Phật: A Di Đà Phật, A Di Đà

⁸¹ Niệm truy đánh: Khi dùng cách này, nên niệm nho nhỏ tiếng, mỗi chữ mỗi câu đều kế tiếp nhau liên tỏa chặt chẽ, thành hình thể chữ sau đuôi theo chữ trước, câu nọ gối đầu câu kia nên gọi là Truy Đánh. Áp dụng phương thức như thế, nhờ sự kín đáo bền chặt, trung gian không xen hở, nên tạp niệm không có chỗ len vào. Dùng đến pháp này, thì tình ý khấn trương, tâm miệng dũng tiến, oai lực của chánh niệm bao trùm tất cả, khiến cho nghiệp tướng vô minh tạm thời chìm lắng, ánh màu Tam Muội bộc phát chiếu xa. Từ xưa người tu Tịnh nghiệp trong lúc tình tướng mênh mang rối

Phật, A Di Đà Phật..., niệm từng câu tiếp theo nhau thật nhanh. Người kia thích niệm chậm chậm, A .. Di .. Đà .. Phật ..., hai người này sẽ chẳng giống nhau, cả hai đều có thể vãng sanh. Người này nói cách niệm của mình chính xác, cách kia của bạn chắc chắn là sai, vậy thì chẳng phải là cãi lộn rồi sao? Chẳng giống nhau! Thế nên phải hiểu rõ đạo lý này. Cùng bệnh cảm, khi thầy thuốc ra toa đương nhiên phần lớn toa thuốc sẽ giống nhau nhưng có chút sai khác, sẽ có chỗ chẳng giống nhau. Bạn uống thuốc của bạn lành bệnh rồi, khi nhìn thấy toa thuốc [của người kia] có một vài vị khác, bạn bèn phê bình họ, sai rồi, thể chất của họ khác với thể chất của bạn. Cùng một toa thuốc, cùng một thầy thuốc, nhưng phân lượng cho tôi khác với lượng của bạn. Cho tôi dùng ba tiền⁸², cho bạn thì bốn tiền, như vậy mà hai người phải đánh nhau sao? Rốt cuộc là ai đúng, ai sai? Vì thể chất chẳng giống nhau [nên mới có sự sai khác như thế]. Phật giảng kinh thuyết pháp độ chúng sanh cũng giống như vậy, do đó nếu bạn nói cái này đúng, cái kia sai thì bạn đã báng Phật, báng Pháp, báng Tăng. Tại sao? Hết thầy kinh đều do Phật nói ra, vậy là bạn báng Phật; bạn tùy tiện phê bình kinh điển, lấy bộ kinh này phê bình bộ kinh kia, lấy kinh kia phê bình kinh này, vậy là báng Pháp; người y chiếu kinh luận tu hành chứng quả là Tăng. Bạn tùy ý phê bình, hủy báng Tam Bảo tạo nên tội nghiệp Vô Gian, tạo tội này, đây đều là ngu mê, vô tri. Chúng ta phải hiểu rõ.

Các vị Tổ Sư đại đức, chúng ta thấy trong chú sớ của họ có phê bình, chúng ta dám học theo không? Chẳng dám, họ phê bình là có đối tượng, ứng theo căn cơ mà nói. Quý vị đã nghe các công án trong Tông Môn, Ngài Nam Tuyên chém mèo, bạn dám làm không? Bạn gặp mèo liền giết nó, gặp chó liền giết nó, bạn dám làm không? Ngài Đan Hà có thể chẻ tượng Phật bằng gỗ ra để làm củi, bạn có thể làm như vậy không? Tại sao Ngài làm như vậy? Vì Ngài có người đương cơ, hành động này của Ngài có thể làm cho người đó khai ngộ, làm Phật, thế nên Ngài chẳng phạm tội. Nếu chúng ta chẻ tượng Phật ra để làm củi thì chúng ta sẽ phạm tội nặng “*làm cho thân Phật ra máu*”, Ngài [Đan Hà] chẳng phạm tội. Ngài là nhân vật như thế nào, chúng ta làm sao dám làm những chuyện như vậy? Do đó nhất định phải hiểu rõ việc này. Lúc

loạn, thường dùng cách thức này. (Trích Niệm Phật Thập Yếu, Hòa Thượng Thích Thiện Tâm)

⁸² Tiền là một đơn vị đo lường bằng 5 gram ở Đại Lục hay 3.7 gram ở Đài Loan và Hương Cảng.

trước học Phật có đạo thầy trò, cũng như chúng ta học Phật có bảo đảm, giống như con nít hai ba tuổi có cha mẹ chăm sóc. Hiện nay học Phật chẳng có người chăm sóc, con nít hai ba tuổi làm chuyện gì, sống chết gì nó cũng chẳng biết, khi gặp nguy hiểm đến nỗi mất tánh mạng nó cũng chẳng biết. Hiện nay người học Phật chúng ta cũng giống như vậy, bạn nói có đáng sợ hay không!

Đức Phật hiểu rõ tình trạng của chúng sanh trong thời Mạt Pháp, biết sự khổ nạn của chúng sanh đời Mạt Pháp cho nên từ bi đến cùng cực, đặc biệt dạy bảo chúng sanh đời Mạt Pháp. Kinh Đại Tập dạy chúng ta *“Chúng sanh thời Mạt Pháp thì Tịnh Độ thành tựu”*, đây là một lời khai thị chính yếu, quan trọng. Chúng ta sanh vào thời Mạt Pháp, chúng ta học Phật nên lựa chọn pháp môn nào, Phật nói *“Tịnh thành tựu”*, chúng ta chọn pháp môn Tịnh Độ, đây là tuân theo lời di giáo của đức Phật. Phật còn dạy Tứ Y Pháp cho người đời sau, để chúng ta chẳng đến nỗi đi sai đường, chẳng có bạn lành chăm sóc, chúng ta tuân giữ Tứ Y Pháp thì tuyệt sẽ chẳng đi sai đường. Thứ nhất là *“y Pháp chẳng y Nhân”*, pháp là kinh điển, nhất định phải dùng kinh điển làm y cứ, kinh là do Phật nói ra.

Thứ hai là dạy chúng ta *“y Nghĩa chẳng y Ngữ”*, câu này vô cùng quan trọng! Tại sao? Tránh cho người đời sau tranh luận vì kinh điển. Phật biết kinh điển sẽ được lưu thông toàn thế giới, nhất định phải nhờ phiên dịch, cùng một bộ kinh, cùng một nguyên bản chữ Phạn, người dịch chẳng giống nhau, văn tự, câu văn, ý tứ trong đó đương nhiên sẽ có sai khác. Thí dụ ngày nay chúng ta coi dịch bản của kinh Kim Cang, trong Đại Tạng Kinh có đến sáu bản dịch khác nhau cho kinh Kim Cang, bản hiện nay mọi người chọn là bản của ngài Cưu Ma La Thập phiên dịch. Nếu chư vị đối chiếu sáu bản dịch này, văn tự trong ấy chẳng giống nhau, ý tứ thì phần lớn giống nhau, có chút ít sai khác. Rốt cuộc là bản nào dịch đúng, chỗ nào dịch sai? Đây không phải là phiền phức hay sao. Thế nên Phật dạy chúng ta y nghĩa không y lời nói (ngữ), như vậy mới được, ý tứ đúng là được rồi, lời nói thêm vài câu, ít đi vài câu chẳng sao. Phiên dịch dùng chữ này, dùng chữ kia cũng chẳng sao, chỉ cần ý nghĩa đúng là được, tránh khỏi rất nhiều tranh luận.

Đặc biệt là kinh Vô Lượng Thọ, hiện nay có chín bản: Năm bản dịch gốc, ba bản hội tập, và một bản tiết hiệu (chọn lọc và tóm tắt) của Bành Tế Thanh. Nếu chúng ta hiểu được phải y theo nghĩa chứ không y theo ngữ thì sẽ chẳng xảy ra tranh luận, chẳng cần phải bám sát một bản nào. Sự tu học của chúng ta có thể kiên trì dùng một bản, nhưng đối với

những bản khác nhất định cũng phải tôn trọng, tuyệt đối chẳng phê bình; chúng ta chẳng có tư cách để phê bình, chẳng có khả năng phê bình. Thế nên Tứ Y Pháp của Phật dạy quan trọng ghê lắm!

Thứ ba, đức Phật dạy chúng ta “*y Liễu Nghĩa, chẳng y Bất Liễu Nghĩa*”. Liễu nghĩa là gì? Đời này nhất định có thể thành Phật, đây là liễu nghĩa rất ráo. Mức thấp nhất cũng phải trong đời này siêu việt lục đạo luân hồi thì mới tính là liễu nghĩa. Nếu sự tu học của bạn trong đời này chẳng thể siêu việt tam giới lục đạo, vẫn phải luân hồi trong lục đạo, môn học của bạn chẳng liễu nghĩa. Bất luận tu được giỏi đến đâu, bạn chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, nói cách khác bạn chắc chắn không tránh khỏi quả báo tam đồ, đây là đạo lý nhất định, thế nên sẽ không có thành tựu. Muốn thoát ly lục đạo luân hồi, kinh luận Đại Thừa và Tiểu Thừa đều cùng một đạo lý, đều phải đoạn Kiến Tư phiền não. Bạn có thể đoạn nổi không? Kiến Tư phiền não truy đến cội rễ thì phải theo một nguyên tắc: Phá ngã chấp; đối với pháp thể và xuất thể gian nếu bạn còn chấp trước như vậy thì phá nổi không? Không nổi! Đây là điều chư vị đều rõ ràng cả rồi. Phá chấp trước thì bạn sẽ thoát khỏi tam giới; phá phân biệt thì bạn sẽ thoát khỏi thập pháp giới; đoạn sạch vọng tưởng thì bạn sẽ cứu cánh viên mãn thành Phật. Trong kinh điển Đại Thừa đức Phật đã nói quá nhiều về đại đạo lý này. Phật nói bệnh căn của chúng ta là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chư vị thử nghĩ coi chúng ta có những thứ này không? Việc này không thể không hiểu rõ, nhất định phải y theo kinh liễu nghĩa.

Ngày nay nói về liễu nghĩa, không những là liễu nghĩa mà phải là liễu nghĩa rất ráo. Kinh Vãng Sanh hiện nay tức là năm kinh, một luận của Tịnh Tông. Trong sáu bộ kinh luận này, cứ noi theo bộ nào cũng có thể thành công, đều có thể siêu việt tam giới, siêu việt thập pháp giới, vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ, thật là chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng bạn y theo bất cứ bộ kinh nào đều phải dừng hoài nghi, hiện nay có người y theo kinh Vô Lượng Thọ, hoài nghi bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, người này thật thà niệm Phật có thể vãng sanh không? Có thể vãng sanh, sanh đến Biên Địa Nghi Thành. Đây là việc nói trong kinh. Bạn phải chân niệm, chân chánh tin tưởng A Di Đà Phật, thực sự tin tưởng Tịnh Độ, bạn còn hoài nghi bản hội tập của kinh này, thì bạn sẽ sanh đến Nghi Thành. Tại sao chúng ta lại làm chuyện như vậy? Bạn hoài nghi bản kinh này thì bạn đừng y theo là được rồi, bạn y theo một trong chín bản kinh cũng được. Thậm chí có thể nói không y theo kinh Vô Lượng Thọ, bạn y theo kinh A Di Đà cũng được, kinh bản nhiều như vậy, y theo

bất kỳ một bản nào cũng có thể vãng sanh. Nhưng đối với những kinh khác nhất định đừng hoài nghi để tránh khỏi phải đọa vào Biên Địa Nghi Thành, việc này có lợi ích to lớn đối với mình. Thế nhưng trong tâm người thông minh, có trí huệ, có phước đức hiểu rõ pháp môn niệm Phật của Tịnh Tông trong những năm gần đây tại sao có thể hoằng dương rộng rãi đến khắp thế giới, làm cho rất nhiều người sanh khởi lòng tin, phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đó là do nhân duyên gì tạo thành vậy? Là do bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư tạo thành đấy, đây là sự thật.

Nếu chúng ta hiểu được sự thật này, nếu bạn hủy báng bản hội tập thì tội nghiệp mà bạn đã tạo chắc chắn sẽ là A Tỳ địa ngục, có thể tránh khỏi không? Niệm Phật có thể vãng sanh không? Không thể. Tại sao không thể? Nghiệp chướng, tập khí quá nặng. Tuy niệm A Di Đà Phật nhưng vọng tưởng, phân biệt, chấp trước một tơ hào cũng chẳng đoạn, lại còn phạm lỗi lầm nghiêm trọng là hủy báng Tam Bảo. Vậy thì phải đọa địa ngục trước, tội báo địa ngục chịu hết rồi thì khi ra khỏi địa ngục, gặp được duyên, trong A Lại Da thức vẫn còn hạt giống A Di Đà Phật, lại bắt đầu niệm tiếp tục. Chuyện này nói ra chẳng kỳ lạ gì cả, trong đời quá khứ chúng ta đã từng làm qua, chúng ta đã từng đọa địa ngục, chịu tai nạn trong vô lượng kiếp, tội báo đó chịu hết rồi, đến đời này mới được thân người, gặp được pháp môn này. Nghĩ đến chuyện làm khờ dại lúc trước, chịu đựng những khổ nạn, trong lòng quá sợ. Bây giờ chúng ta đã [tỉnh ngộ] quay trở về, hiểu rõ rồi, sẽ không làm những chuyện khờ dại này nữa.

Do đó bất luận những người hủy báng tôi, sỉ nhục tôi, hãm hại tôi, thậm chí sát hại tôi, tôi cũng đều chấp tay tán thán, cảm ân mến đức, chẳng có một chút oán hận nào cả, tại sao vậy? Vì tôi hiểu được Tây Phương Cực Lạc thế giới là nơi những người tốt lành nhất tụ hội, tôi phải tập thành tiêu chuẩn tốt lành nhất thì mới đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới, được đại chúng hoan nghinh. Chẳng có một tí ác ý nào cả. Đối với hết thầy người, hết thầy sự, hết thầy vật chỉ có một tâm cảm ân mến đức. Nếu bạn hỏi những người hãm hại mình, thậm chí sát hại mình có ân đức gì đối với mình mà phải cảm ân họ, báo đáp họ. Có ân đức đấy. Họ hủy báng, sỉ nhục, hãm hại cũng giống như thầy giáo ra bài thi vậy, họ ra bài cho mình thi, cửa ải này thông qua rồi, làm sao không có ân đức cho được? Nếu không có bài thi này, mình chẳng biết công phu của mình rốt cuộc đã đến giai đoạn nào? Chẳng thể biết được. Nếu hủy diệt mình, mình càng cảm tạ họ. Tại sao? Sớm một ngày đến Cực

Lạc thế giới, họ đã đưa mình đi. Thế gian này quá khổ rồi, phước báo trí huệ của bạn quá lớn, đừng ở đây chịu khổ nữa, hãy đi mau. Vậy thì làm sao không có ân đức cho được? Chết sớm thì vãng sanh sớm, chết sớm thì hưởng phước sớm, ân đức đó quá lớn! Tội, phước, thiện, ác đều ở tại một niệm. Thế nên bạn có một niệm giác ngộ, đến đâu tu phước, có chỗ nào chẳng phải là nơi tu phước? Lúc nào không phải là lúc tu phước? Chuyện nào không phải là chuyện tu phước? Vấn đề là bạn giác ngộ hay không giác ngộ? Thế nên chư Phật, Bồ Tát, Duyên Giác đối với hết thảy chúng sanh chỉ có một tâm cảm ơn. Những Đấng Địa đại Bồ Tát đều tri ân báo ân, cùng với quan niệm và tư tưởng của phàm phu chúng ta đích thật là chẳng giống nhau.

Ngoài tội Ngũ Nghịch như trong các kinh đã nói ra, kinh Thập Luân cũng như kinh [Địa Tạng] này đều có nói [bốn tội địa ngục nữa]. Phật còn bảo Tăng Hộ⁸³, Ngài nói có chín hạng người thường đọa A Tỳ đại địa ngục, ngoài ngũ nghịch còn thêm bốn loại. Thêm bốn loại, thứ nhất là “*ăn đồ của Tăng*” (Thực Tăng Vật), ăn đồ của người xuất gia. Chúng tôi nghe xong rất sợ, rất nhiều cư sĩ tại gia đến đạo tràng và ăn đồ của người xuất gia, như vậy thì phải làm sao? May là Tịnh Tông Học Hội và Cư Sĩ Lâm đều là đạo tràng của người tại gia, chúng tôi là người xuất gia đến ăn đồ của người tại gia. Đây là nói về thập phương thường trụ, cách ăn như thế nào. Ăn với cái tâm trộm cắp, tâm tham, vậy thì sẽ có tội. Nếu bạn đến chùa rồi người chủ trì mời bạn ăn, như vậy thì không có tội. Chư vị đều biết trong tự viện, tông lâm trước kia có rất nhiều cư sĩ đến cư trú (quái đơn). Nếu chư vị coi những tự viện tông lâm lớn ở Trung Quốc đại lục có phân ra Nội Viện và Ngoại Viện, Nội Viện là nơi người xuất gia trú, còn Ngoại Viện là nơi cư sĩ ở. Vì chế độ xã hội thời xưa chẳng giống thời nay, hồi xưa là thời đại nông nghiệp, thời gian nhàn rỗi trong xã hội nông nghiệp rất dài, trong thời gian chẳng làm lụng, canh tác, mọi người có thời gian rảnh rỗi, rất nhiều người vào chùa ở cả mấy tháng. Vô chùa làm gì? Nghe kinh, niệm Phật, tham thiền.

Vô chùa để thảo đơn, tức là xin phép được quái đơn (ở lại) trong chùa, chùa sẽ giao một phần công việc cho người này làm, nếu vậy thì ăn trong chùa sẽ không có vấn đề gì cả, như vậy chẳng phải là ăn miễn phí.

⁸³ Tăng Hộ (Sangharaksita) là đệ tử của ngài Xá Lợi Phất. Theo Nhân Duyên Tăng Hộ Kinh, Tăng Hộ từng cùng năm trăm thương nhân đi thuyền vào biển cả, trên đường về lạc mất đồng bạn, phải đi một mình, thấy ở ven biển có năm mươi ba địa ngục, vô lượng chúng sanh chịu khổ thảm khốc trong ấy. Về đến nơi, ông bạch hỏi đức Phật, Phật bèn đáp tường tận nguyên nhân thọ khổ của từng địa ngục.

Phần lớn những người đọc sách (học trò) được giao công việc chép kinh, hồi xưa chẳng có ấn loát, chỉ có thể chép tay. Những người đọc sách đến chùa ở, chùa hoan nghinh bạn, bạn giúp chùa chép kinh thì tạng kinh trong lầu Tàng kinh sẽ phong phú hơn. Vốn chỉ có một bộ kinh, nếu bạn chép một bộ thì sẽ thêm được một bộ, chép hai bộ thì tạng kinh thêm được hai bộ. Do đó công việc của phần đông những người đọc sách quả đơn trong chùa nhất định sẽ là chép kinh. Nếu không phải là chép kinh thì sẽ được phân phối một số công việc nặng nhọc hơn, thí dụ như quét dọn, giúp việc trong nhà bếp, nhà xay giã gạo. Vì thời xưa chúng trụ trong chùa rất nhiều, đời sống cũng khó khăn, trong nhà bếp nấu nướng bằng củi chum, củi chum phải có người đốn củi, đốn xong đem về phải chẻ ra, đây là những công việc nặng nhọc. Gạo đều là gạo lứt, gạo gặt về là thóc, phải xay thành gạo, [đó là] gạo lứt, lại phải giã cho trắng, đều cần nhân công. Do đó xin quả đơn trong chùa hơn phân nửa là phải làm những công việc này. Thế nên đi vào chùa ở thật là phước huệ song tu, như vậy thì không có vấn đề gì cả. Nếu bạn vào chùa ăn không (miễn phí) thì tội này nặng lắm. Chuyện “*thực Tăng vật*” phải giảng cho rõ, nếu không giảng rõ thì mọi người sẽ sợ và chẳng dám đến chùa nữa.

Thứ hai là “*Phật vật*”, tùy tiện dùng những phẩm vật cúng Phật, tội này rất nặng. Thế nên hết thầy phẩm vật đều cúng Phật, cúng Tăng trước, sau đó chúng ta mới thọ dụng. Thứ ba là “*giết cha*”, thứ tư “*giết mẹ*”, thứ năm “*giết A La Hán*”, thứ sáu “*phá hòa hợp Tăng*”, đây là những tội trong tội Ngũ Nghịch, thứ bảy là “*phá tỳ-kheo tịnh giới*”, xúi giục, sai khiến tỳ-kheo phạm giới sẽ đọa địa ngục A Tỳ. Thứ tám là “*phạm tịnh hạnh ni*”, nếu xâm phạm tỳ-kheo-ni thanh tịnh sẽ phải đọa địa ngục A Tỳ. Thứ chín là “*làm Nhất Xiển Đề*”. Nhất Xiển Đề là Phạn ngữ, nghĩa là người chẳng có thiện căn. Chúng ta thường gọi là trong tâm tràn đầy tà ác, mỗi niệm đều tương ứng với tà tri, tà kiến, mười nghiệp ác, do đó nói họ chẳng có thiện căn. Phật nói chín hạng người này thường thường ở trong địa ngục. Chư vị phải biết sau khi ra khỏi địa ngục, họ còn tập khí ác, cho dù đời trước tu có phước báo nên được thân người, nhưng tập khí này vẫn còn. Dường như họ không làm ác thì rất khó chịu vậy, rất khó sống qua ngày. Đây là tâm ác, ý ác, lời ác, hành động ác tạo thành một thứ tập quán, như vậy dễ sợ vô cùng. Cho nên thời gian sanh đến cõi người, cõi trời chẳng lâu dài, họ lại tạo tội nghiệp, mất đi thân người rồi thì họ phải vào địa ngục trở lại. Kinh này nói rất tường tận về chuyện này, làm mệt nhọc Địa Tạng Bồ Tát, Ngài thật là vô cùng từ bi.

Kinh Chánh Pháp Niệm nói cái khổ ở địa ngục A Tỳ vượt trội gấp mười ngàn lần địa ngục lớn. Trong kinh chúng ta thường nói đến tám địa ngục lạnh, tám địa ngục nóng, mười tám tầng địa ngục, [so ra thì] cái khổ ở địa ngục A Tỳ, địa ngục Vô Gián vượt hơn không phải chỉ cả ngàn lần thôi đâu. Thọ mạng ngắn thì là một kiếp, nói cho chư vị biết, một kiếp này là đại kiếp chứ không phải tiểu kiếp. Tạo những nghiệp nhân địa ngục rất dễ dàng, sau khi đọa địa ngục muốn thoát ra quá khó, quá khó! Thế nên chúng ta phải hiểu, phải rõ ràng, phải ghi nhớ những nghiệp nhân quả báo này, những chuyện này muốn vãn không nên làm, tuyệt chẳng nên tham một chút lợi lộc trước mắt mà tạo ra những tội nặng như vậy.

Đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên nâng cao cảnh giác của mình, cảnh giác cao độ. Do đó nói thật ra phải thường đọc kinh này, chúng ta phải đọc như đọc Giới kinh. Giới kinh: Nửa tháng phải tụng giới, mỗi nửa tháng phải niệm một lần. Căn tánh người hiện nay chẳng giống với người thời xưa, nửa tháng chẳng còn hiệu quả nữa, một ngày âm mười ngày lạnh. Thế nên tôi yêu cầu các đồng tu niệm Phật, mỗi ngày sau khi tụng kinh buổi tối xong, phải đọc Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, Văn Xương Đế Quân Âm Chấn Văn một lần, gộp nó chung vào khóa tối. Số chữ trong hai bài này không nhiều, gộp hai bài lại cỡ chừng hai ngàn chữ, không nhiều lắm. Đọc nó coi như đọc Giới Luật, mỗi ngày đều tự nhắc nhở mình, từng giờ từng phút phản tỉnh thì mới giữ cho thân người khỏi đọa ác đạo. Xin xem tiếp:

Phục hữu địa ngục danh viết Tứ Giác. Phục hữu địa ngục danh viết Phi Dao. Phục hữu địa ngục danh viết Hỏa Tiễn. Phục hữu địa ngục danh viết Giáp Sơn. Phục hữu địa ngục danh viết Thông Thương. Phục hữu địa ngục danh viết Thiết Xa. Phục hữu địa ngục danh viết Thiết Sàng. Phục hữu địa ngục danh viết Thiết Ngưu. Phục hữu địa ngục danh viết Thiết Y. Phục hữu địa ngục danh viết Thiên Nhân. Phục hữu địa ngục danh viết Thiết Lư. Phục hữu địa ngục danh viết Dương Đồng. Phục hữu địa ngục danh viết Bảo Trụ. Phục hữu địa ngục danh viết Lưu Hỏa. Phục hữu địa ngục danh viết Canh Thiết. Phục hữu địa ngục danh vi Tỏa Thủ. Phục hữu địa ngục danh viết Thiêu Cước. Phục hữu địa ngục danh viết Đạm Nhân. Phục hữu địa ngục danh viết Thiết Hoàn. Phục hữu địa ngục danh viết Tranh Luận. Phục hữu địa ngục danh viết Thiết Phu. Phục hữu địa ngục danh viết Đa Sân.

復有地獄名曰四角。復有地獄名曰飛刀。復有地獄名曰火箭。復有地獄名曰夾山。復有地獄名曰通槍。復有地獄名曰鐵車。復有地獄名曰鐵床。復有地獄名曰鐵牛。復有地獄名曰鐵衣。復有地獄名曰千刃。復有地獄名曰鐵驢。復有地獄名曰烊銅。復有地獄名曰抱柱。復有地獄名曰流火。復有地獄名曰耕舌。復有地獄名為剉首。復有地獄名曰燒脚。復有地獄名曰啗眼。復有地獄名曰鐵丸。復有地獄名曰諍論。復有地獄名曰鐵鉢。復有地獄名曰多瞋。

(Lại có địa ngục tên là Tứ Giác⁸⁴. Lại có địa ngục tên là Phi Dao. Lại có địa ngục tên là Hỏa Tiễn. Lại có địa ngục tên là Giáp Sơn. Lại có địa ngục tên là Thông Thương. Lại có địa ngục tên là Thiết Xa. Lại có địa ngục tên là Thiết Sàng. Lại có địa ngục tên là Thiết Ngưu. Lại có địa ngục tên là Thiết Y. Lại có địa ngục tên là Thiên Nhân. Lại có địa ngục tên là Thiết Lư. Lại có địa ngục tên là Dương Đồng. Lại có địa ngục tên là Bảo Trụ. Lại có địa ngục tên là Lưu Hỏa. Lại có địa ngục tên là Canh Thiết. Lại có địa ngục tên là Tỏa Thủ. Lại có địa ngục tên là Thiêu Cước. Lại có địa ngục tên là Đạm Nhân. Lại có địa ngục tên là Thiết Hoàn. Lại có địa ngục tên là Tranh Luận. Lại có địa ngục tên là Thiết Phu. Lại có địa ngục tên là Đa Sân.)

Địa Tạng Bồ Tát giảng danh hiệu của địa ngục, nói cho chúng ta hai mươi hai loại, đây là nói sơ lược, nếu nói kỹ thì nói chẳng hết. Ngài nói “*lại có*” tức là nói rõ những địa ngục phụ thuộc của địa ngục A Tỳ, địa ngục Vô Gian, chủng loại quá nhiều, chỉ nói sơ lược mà thôi. Thứ nhất gọi là Tứ Giác (Bốn Cạnh), kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói nghiệp nhân quả báo của địa ngục này. Ngài nói có người thực sự chẳng phải là người tu hành, ở Trung Quốc thì Sa Môn là danh từ người xuất gia chuyên dùng, nhưng ở cổ Ấn Độ thì khác. Thời cổ Ấn Độ người tại gia hay xuất gia gì đều xưng là Sa Môn, thế nên xưng là Sa Môn không nhất

⁸⁴ Tứ Giác: Bốn Cạnh; Phi Dao: Dao Bay; Hỏa Tiễn: Mũi Tên Lửa; Giáp Sơn: Núi Kẹp; Thông Thương: Thương Đâm; Thiết Xa: Xe Sắt; Thiết Sàng: Giường Sắt; Thiết Ngưu: Trâu Sắt; Thiết Y: Áo Sắt; Thiên Nhân: Ngàn Mũi Dao; Thiết Lư: Lửa Sắt; Dương Đồng: Nước Đồng Sôi; Bảo Trụ: Ôm Cột Đồng; Lưu Hỏa: Lửa Châm; Canh Thiết: Cày Lưỡi; Tỏa Thủ: Chém Đầu; Thiêu Cước: Thiêu Chân; Đạm Nhân: Ăn Mất; Thiết Hoàn: Viên Sắt; Tranh Luận: Cãi Cọ; Thiết Phu: Búa Sắt; Đa Sân: Hay Cáu Giận.

định là người xuất gia. Định nghĩa của Sa Môn là “cần túc”, nghĩa là siêng tu Giới Định Huệ, diệt trừ Tham Sân Si. Người như vậy thì được gọi là Sa Môn, thế nên tại gia, xuất gia đều có thể dùng. Nhưng sau khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, Sa Môn biến thành danh từ người xuất gia chuyên xưng, người tại gia chẳng gọi là Sa Môn. Người ấy chẳng phải là người xuất gia, tự mình xưng là xuất gia thì tội này rất nặng, đây là mạo danh người xuất gia. Điều này chúng ta thực sự phải đề cao cảnh giác, cảnh giác cao độ. Ngày nay chúng ta đã xuất gia rồi, có thực sự phải là người xuất gia hay không? Ngày nay chúng ta đã thọ giới rồi, có thực sự là đã thọ giới chăng? Chẳng có. Điểm này nếu chúng ta tự xưng là Tỳ Kheo thì tội sẽ nặng, tội nghiệp cực nặng.

Trong các vị tổ sư Tịnh Tông, đại sư Ngẫu Ích triều Minh thật rất phi thường! Đại sư Ngẫu Ích là hạng người gì? Chẳng ai biết. Nhưng đại sư Ấn Quang thì chúng ta biết, Ngài là Đại Thế Chí Bồ Tát hóa thân tái lai. Di Đà Kinh Yếu Giải là do Ngài Ngẫu Ích soạn, đại sư Ấn Quang tán thán cuốn Yếu Giải này, Ngài nói: *“Cuốn Di Đà Kinh Yếu Giải này dù cho cổ Phật tái lai làm thêm chú giải cho kinh Di Đà cũng chẳng thể vượt trội hơn cuốn này được”*, tán thán đến cùng cực vậy. Năm xưa lúc tôi ở đây, pháp sư Diễm Bồi hỏi tôi, Ngài nói: Lời này của đại sư Ấn Quang có phải đã nói quá lố hay không? Làm sao có thể tán thán như vậy? Tôi thật thà trả lời Ngài, tôi nói: Chẳng quá đáng đâu. Tôi đã đọc Yếu Giải, cũng đã giảng hết mấy lần, đích thật là vô cùng hiếm có, tôi khẳng định cách nói của đại sư Ấn Quang. Đại sư Ngẫu Ích là ai? Nếu chẳng phải A Di Đà Phật tái lai thì nhất định phải là hạng như Quán Thế Âm Bồ Tát. Phật, Bồ Tát tái lai, Ngài đến thị hiện ở đời Mạt Pháp, thị hiện xuất gia, thọ giới, Ngài hiểu Giới Luật, đương thời cũng có người xưng Ngài là luật sư. Ngài kết luận cho chúng ta rằng ở Trung Quốc từ Nam Tống trở về sau chẳng còn tỳ-kheo nữa. Chúng ta muốn thọ giới, Giới Kinh giảng về giới tỳ-kheo, tối thiểu phải có năm tỳ-kheo chân chánh truyền giới thì bạn mới đắc giới. Nam Tống trở về sau đã không có tỳ-kheo rồi, thì chúng ta làm sao đắc giới được? Thế nên đại sư Ngẫu Ích tự thọ giới xong, Ngài ở trước Phật, Bồ Tát trả lại giới, chẳng đắc được, trước hình tượng của Phật, Bồ Tát cầu thọ giới Sa Di. Cả đời Ngài tự xưng là Bồ Tát giới Sa Di, đây là thân phận của Ngài. Thế nên phong phạm của đại sư Ngẫu Ích thị hiện làm gương mẫu cho chúng ta, chúng ta phải biết học theo.

Học trò của Ngài, đồ đệ của Ngài là pháp sư Thành Thời, sau khi đại sư Ngẫu Ích viên tịch, tất cả trước tác đều do pháp sư Thành Thời

chỉnh lý, khắc bản in lưu thông, đây là đại công thần của đại sư Ngẫu Ích. Thầy đã tự xưng là Sa Di nên học trò chẳng dám xưng là Sa Di, Ngài Thành Thời tự xưng là xuất gia Ưu Bà Tắc, đây là Danh phù hợp với Thật, chẳng phạm lỗi lầm. Ngày nay chúng ta là thân phận gì, thực sự làm trọn vẹn xuất gia Ưu Bà Tắc là tốt lắm rồi, có thể làm trọn ngũ giới thập thiện, thì chúng ta tức là đệ tử của Di Đà. Đệ tử tại gia tu tập ngũ giới thập thiện, chúng ta cũng tu ngũ giới thập thiện, chúng ta là thân phận xuất gia tu ngũ giới thập thiện, phải hiểu rõ địa vị chân chánh của chúng ta là xuất gia Ưu Bà Tắc. Trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo có nói thời Mạt Pháp chẳng có tỳ-kheo truyền giới, từ nơi đâu đắc [giới]? Trên luân tướng⁸⁵ đắc được, Chiêm Sát luân tướng, đại sư Ngẫu Ích dùng Chiêm Sát luân tướng để cầu Bồ Tát giới Sa Di. Người xưa cẩn thận, nghiêm cách như vậy là có đạo lý.

Đến những năm đầu Dân Quốc, đại sư Hoằng Nhất là vị mọi người đều tôn kính, Ngài tu Tịnh Độ, đối với giới luật cũng rất có nghiên cứu. Ngài có diễn giảng ở Mân Nam Phật Học Viện, suru tập trong Hoằng Nhất Đại Sư Giảng Diễn Lục, chư vị có thể xem được. Ngài khuyên người xuất gia chúng ta không thể không thọ giới, thọ một hình thức, nhưng tự mình nhất định phải biết là chẳng đắc giới. Tại sao phải thọ giới trên hình thức này? Để khỏi bị người thế gian hiềm nghi bạn chẳng thọ giới, chúng ta thọ giới này (tức Cụ Túc Giới) trên hình thức. Tự mình phải hiểu rõ rằng mình chẳng đắc giới, chẳng phải là thọ xong giới tỳ-kheo thì thành tỳ-kheo, thọ xong Bồ Tát giới thì thành Bồ Tát,

⁸⁵ Giải thích về luân tướng rất phức tạp, tạm trích dịch đoạn kinh Chiêm Sát mô tả một luân như sau: “Này thiện nam tử! Muốn học về tướng trạng của một luân thì trước hết nên khắc gỗ [thành từng khối] to chừng ngón tay út, sao cho kích thước chừng một tấc, khúc giữa khắc thành bốn mặt vuông vắn, còn từ hai đầu thì vạt xéo cho nhỏ dần đi. Ngửa tay gieo sang bên cạnh để dịch chuyển. Do vì nghĩa này nên gọi là luân (tức là có do có thể di chuyển được nên gọi là luân). Lại do tướng này có thể phá hoại lưới nghi tà kiến của chúng sanh, chuyên hướng theo chánh đạo đến chỗ an ổn nên gọi là Luân. Luân tướng có ba thứ sai biệt. Những gì là ba? Một là luân tướng biểu thị những thiện nghiệp đã làm trong đời quá khứ, loại luân này gồm mười khối. Luân tướng thứ hai biểu thị những nghiệp đã tạo được tích góp trong đời quá khứ lâu, gần, mạnh, yếu, lớn, nhỏ. Loại luân này gồm ba khối. Loại luân tướng thứ ba biểu thị sự thọ báo sai biệt trong ba đời. Loại luân này gồm sáu khối. Nếu muốn xem xét thiện nghiệp, ác nghiệp sai biệt đã tạo trong đời quá khứ thì khắc gỗ thành mười luân. Dựa theo mười luân này mà ghi tên Thập Thiện. Mỗi một điều thiện ghi trên một luân, ghi nơi một mặt. Kế đến, ghi Thập Ác tương ứng với Thập Thiện (ở mặt kia của mỗi luân)...”

đâu có chuyện đơn giản như vậy? Thế nên trong Lục Tức của tông Thiên Thai chúng ta là tỳ-kheo gì? Là Danh Tự Tỳ Kheo, có danh vô thật, phải hiểu thân phận này. Đại sư Hoằng Nhất cả đời cũng tự xưng là xuất gia Ưu Bà Tắc, danh phù hợp với thật, như vậy mới đúng. Tự mình chẳng đắc giới, tự mình chẳng trì giới, mà tự xưng là tỳ-kheo thì là vọng ngữ, đại vọng ngữ, Tứ Giác địa ngục có thể sẽ có phần mình.

Ngoài ra còn một nguyên nhân nữa, chúng ta gọi nghiệp nhân là nghiệp duyên, [đó là] nghe, xem ca vũ. Người thế gian gọi là giải trí, chỗ vui chơi, chúng ta không đi đến những chỗ đó. [Y phục của] người xuất gia Trung Quốc có một việc tốt, người xuất gia mặc y phục này mà đi coi ca múa trong rạp hát, người ta sẽ mắng bạn, tự mình bạn cũng xấu hổ chẳng dám đi. Còn hòa thượng, người xuất gia Nhật Bản đi [đến những chỗ ấy] thì bạn nhìn không thấy, họ mặc âu phục, giày tây. Còn ca-sa họ để ở đâu? Để trong túi áo. Ca-sa của họ có lẽ chỉ lớn cỡ ba tấc, lúc làm Phật sự thì lấy ra đeo lên cổ, lúc không cần dùng thì cuộn lại, bỏ vào túi áo. Họ mang giày tây, bạn chẳng nhìn ra, họ đến những chỗ ấy thì người khác nhìn không ra. Chúng ta thì không được, một khi chúng ta vừa vào chỗ đó, mọi người sẽ chẳng coi ca múa nữa, mà sẽ lại coi chúng ta, [sẽ hỏi] tại sao thầy lại đến đây? Thế nên y phục này không thể sửa đổi, có tác dụng rất lớn. Ở Đài Loan có người đã từng đề xướng sửa đổi y phục này, rất may là có một số lão hòa thượng kiên trì, nhất quyết không chịu đổi. Thế nhưng bạn không đi xem, trong máy truyền hình (TV) có rất nhiều chương trình này, hiện nay rất nhiều đạo tràng có TV, đây đều là việc phiền phức. Bạn nhìn thấy những biểu diễn ca vũ, nếu bạn chẳng khéo quán sát, sanh tâm ái nhiễm, thì sẽọa địa ngục này. Người khéo quán sát sẽ coi như thế nào? Mộng huyễn, bọt, bóng, như sương cũng như chớp, càng đề cao cảnh giác. Từ trên màn ảnh có thể thấu hiểu được, có thể quán sát cả đời người, cả vũ trụ chỉ là một màn hát, đều là giả, chẳng phải thật. Khéo quán sát thì ngay nơi ấy bạn có chỗ [giác] ngộ; nếu chẳng khéo quán sát, sanh khởi nhiễm tâm tham ái thì phiền phức lớn lắm.

Tứ Giác địa ngục, trong kinh nói cho chúng ta, xung quanh là tường sắt bao bọc, sắt đều đốt đỏ rực, địa ngục là một biển lửa. Lửa từ bốn góc phun ra, con người trong ấy bị lửa đốt, bị lửa nung nấu, địa ngục cũng giống như một nồi lớn, đã thiêu cháy đỏ rực rồi còn tiếp tục phun lửa, ngày đêm chẳng gián đoạn. Trong chú giải của pháp sư Thanh Liên, Ngài nêu lời giảng của bộ Lập Thế A Tỳ Đàm Luận [về địa ngục Tứ Giác này], ngoài ra còn [nêu thêm] một nghiệp nhân [của địa ngục ấy].

Đời quá khứ lúc còn ở loài người, có khi tự mình làm, có khi kêu người khác sát sanh, phần đông người ta nói dùng dao để chặt, để bằm, bằm chém tay, chân, đầu của những loài súc sanh, tạo tội nghiệp này cũng sẽ đọa vào Tứ Giác địa ngục để thọ báo. Thí dụ giết gà, gà đã giết rồi, đã chết xong rồi chặt thân nó ra, nó có đau khổ không? Thần thức còn chưa lìa khỏi, vẫn còn cảm giác. Nếu gặp một loại gọi là quỷ giữ thi thể, thể nào gọi là quỷ giữ thi thể? Chấp trước cứng chắc vào thân phận của nó, chẳng chịu lìa khỏi, thể thì phiền phức sẽ rất lớn. Sau khi nấu chín, khi bạn ăn nó, nó cũng cảm thấy đau khổ. Đó là một loại chúng sanh chấp trước cứng chắc vào thân của nó, làm sao nó không cảm hận cho được? Tội nghiệp của bạn tạo bao lớn? Những chuyện này thật ra đức Phật chẳng nhẫn tâm nói, tuyệt đối chẳng phải dọa người. Chỉ có kẻ thiện căn sâu dày, nghe lời Phật dạy xong bèn có thể tin tưởng, mới thực sự chọn ăn chay, trong đời này tuyệt chẳng ăn thịt chúng sanh, tuyệt chẳng sát hại chúng sanh. Những gì đã làm lúc trước thì thật lòng sám hối. [Đã làm] sai rồi! Siêng tu phước huệ, hồi hướng cho các oán gia, chủ nợ, hy vọng mình thành Phật đạo, những oán gia chủ nợ này sẽ cùng mình thành Phật. Phải phát chân tâm, chân nguyện, chân thật tu hành! Vậy thì những oán gia chủ nợ này sẽ chẳng tạo phiền phức cho bạn, sẽ chẳng gây chướng ngại cho bạn. Tại sao vậy? Khi bạn thành tựu thì họ sẽ được hưởng lây, nếu họ gây chướng ngại cho bạn thì họ sẽ hại họ. Nếu chúng ta làm giả dối, chẳng chân thật, những oán gia chủ nợ này dứt khoát sẽ chẳng tha cho bạn, trừ phi chẳng tìm được cơ hội thì thôi, một khi đã nắm chắc cơ hội thì họ sẽ đến báo thù.

Thứ hai là Phi Dao (Đao Bay) địa ngục, tức là Đao Luân địa ngục, bốn bên đều là núi đao, trên không trung còn có đao luân (bánh xe có đao). Đao luân này chẳng phải chỉ có một cái, mà là vô lượng vô số cũng giống như mưa vậy, từ không trung rót xuống, người trong địa ngục này sẽ bị thân thể bằm nát, tan xương nát thịt. Nghiệp nhân này là đời quá khứ trong cõi người sát sanh buông tuồng, đều là quả báo của sát nghiệp, bạn sát hại nhiều chúng sanh thì bạn phải thọ khổ ở địa ngục này. Thứ ba là Hỏa Tiễn địa ngục, tiễn, thời xưa cung tên có lửa, từng mũi tên lửa này bắn vào thân tội nhân, trong kinh nói “*một ngày một đêm có sáu trăm ức lần chết đi sống lại*”. Hình phạt trong địa ngục nếu thọ xong bèn chết thì tốt lắm! Đó là chuyện vui lớn nhất, vì chết xong bèn lìa khỏi địa ngục. [Thật ra thì] họ sẽ chẳng chết, chết xong trong địa ngục bị gió thổi một cái liền sống lại, sống lại để thọ báo tiếp tục. Thế nên trong địa ngục thật là cầu sanh chẳng được, cầu chết cũng không xong, phải thọ chịu

những tội báo này. Trong kinh nói nghiệp nhân của họ là lúc còn ở thế gian ngu si, tham dục nặng nề, chẳng hiểu thuận cha mẹ, chẳng tôn kính sư trưởng, chẳng thể tùy thuận thiện giáo, sát hại hết thấy chúng sanh, cho nên bị quả báo này.

Thứ tư là địa ngục Giáp Sơn (Núi Kẹp), người đi giữa hai hòn núi, núi khép vào nhau [ép dẹp những tội nhân này], chịu hình phạt như vậy. Cũng có kinh gọi là Chúng Hiệp địa ngục, nhiều núi hợp vào nhau [ép tội nhân]. Kinh nói tội nhân trong địa ngục sợ ngục tốt, đầu trâu mặt ngựa cầm những “lang nha bổng”⁸⁶ đuổi theo các tội nhân, tội nhân sợ hãi nên chạy vào núi trốn, núi này ép lại, không ai chạy thoát. Trong kinh diễn tả hai hòn núi khép lại, người ở chính giữa bị ép dẹp, xương thịt bấy nhầy, máu chảy thành sông. Chúng ta coi quả báo này thì phải nghĩ đến nghiệp nhân, họ tạo nghiệp nhân gì? Nghiệp nhân này vô cùng phức tạp, rất nhiều ác nghiệp cảm thành quả báo như vậy. Con người không chỉ trong một đời mà là trong vô lượng kiếp đã tạo quá nhiều ác nghiệp, cho nên đọa vào địa ngục là quả báo chung, hết thấy những tội nghiệp của bạn ở đó nhận chịu quả báo cho đến hết. Nói theo lý thì sau khi ra khỏi địa ngục thì sẽ thành người tốt, nghiệp chướng đã tiêu hết. Không sai, nghiệp chướng đã hết, nhưng tập khí vẫn còn, phiền phức ở chỗ này, tập khí vẫn còn sót lại. Nếu bên trong có phiền não tập khí, bên ngoài lại chịu không nổi sự dằn dũa của ác duyên ngũ dục lục trần, vậy thì rắc rối lớn lắm, lại bắt đầu tạo nghiệp nữa. Ra khỏi rồi lại tạo tội tiếp tục, bạn nói như vậy thì chịu sao nổi! Nhân quả tuần hoàn, dây dưa chẳng dứt.

Địa ngục Thông Thương (Thương Đâm) còn gọi là địa ngục Kiếm Diệp (Lá Kiếm), “thương” là một loại “đao thương”⁸⁷ thời xưa. Nghiệp nhân vẫn là sát sanh, trong đó bao gồm hết thấy chiến tranh, đặc biệt là những nghiệp báo mặc tình giết người, sát hại hết thấy chúng sanh trong chiến tranh. Địa ngục Thiết Xa (Xe Sắt), kinh Lăng Nghiêm nói “*Tư báo*

⁸⁶ lang nha bổng là một loại binh khí, có hình giống như cái gậy, đầu to, đầu nhỏ, phía đầu to có những mấu nhọn hơi cong, giống hình răng sói, nên có tên này. Loại vũ khí này chủ yếu dùng để phá các loại vũ khí có hình móc như ngô câu kiếm chẳng hạn.

⁸⁷ Tùy theo hình dáng của mũi nhọn gắn trên đầu cán dài mà chia thành thương, sáo, qua, mâu, kích; giáo thường là nhọn như mũi lao. Nói chung thương và kích vừa đâm vừa chém được, sáo và mâu chủ yếu để đâm, qua chủ yếu là chém, kích là loại có tánh sát thương rất mạnh. Dao thương chỉ là loại thương có lưỡi to bản hơn loại thương thường.

kết vào hơi thở thì thành xe lửa”⁸⁸, cũng còn gọi là địa ngục Hỏa Xa (Xe lửa). Xe bằng sắt, đốt đỏ rực lên, tội nhân dùng gân của mình, rút gân của mình để làm dây kéo chiếc xe này, phía sau có các quỷ tốt đốc thúc, xua đuổi. Kinh Hiền Ngu có nói đức Phật Thích Ca Mâu Ni vào thời quá khứ đọa vào địa ngục này, vài người kéo chiếc xe sắt, lúc nhìn thấy một người bị rút gân vô cùng đáng thương, đau khổ, đức Phật Thích Ca phát tâm từ bi, hỏi quỷ tốt có thể rút thêm một sợi gân cho người ấy không? Quỷ tốt thấy Phật Thích Ca như vậy bèn lấy “lang nha bổng” đánh chết Ngài, đánh chết xong Ngài bèn thoát ly địa ngục. Trong địa ngục khi khởi một tâm niệm thiện bèn vượt thoát ra ngoài, lúc khởi tâm thiện ấy, ngục tốt nhìn thấy ghét nên đánh cho bạn chết, bạn bèn vượt thoát địa ngục.

Thế nên bạn phải hiểu đạo lý này, chúng ta là người niệm Phật A Di Đà, mỗi tâm niệm đều tương ứng với Phật, nếu có người đánh chết chúng ta, chúng ta bèn siêu sanh, tức là đến Cực Lạc thế giới, siêu việt lục đạo luân hồi, bạn làm sao có thể oán hận họ được? Cám ơn còn không kịp, đây là thật chẳng phải giả. Niệm niệm đều tương ứng với Tây Phương Tịnh Độ, niệm niệm đều tương ứng với các điều thiện, Tây Phương Cực Lạc thế giới là nơi “*những người thượng thiện tự hợp*”, mỗi niệm tâm địa đều thuần thiện, chẳng có một tí ác ý gì cả, chúng ta mới nắm chắc việc vãng sanh, một tí gì cũng chẳng hoài nghi. Tâm thiện, lời nói thiện, hành vi thiện, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đâu có đạo lý nào chẳng sanh được! Người như vậy không sanh Tịnh Độ thì người như thế nào mới sanh Tịnh Độ được? Thế nên chúng ta phải nắm chắc lấy sự vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ, cách làm như vậy không sai. Đối với hết thảy người, sự, vật ở thế gian đều vui vẻ, đều cảm ân, chẳng có một tơ hào oán hận, ý niệm đối địch, như vậy mới tốt.

Thứ bảy là địa ngục Thiết Sàng (Giường Sắt), cái giường này cũng bị lửa đốt, người thọ hình phạt nằm trên giường, giống như hiện nay chúng ta nói thiêu trên bồng sắt, còn nghiêm trọng hơn thiêu bồng sắt rất nhiều. Thiêu trên bồng sắt còn thiêu chưa đỏ, còn giường này thì thiêu đến đỏ rực. Trong kinh Phật nói hình phạt loại này hơn phân nửa đều là quả báo tà dâm, dâm dật. Thứ tám là địa ngục Thiết Ngu (Trâu Sắt), kinh văn phía sau có nói đến. Thứ chín là địa ngục Thiết Y (Áo Sắt), là y phục dệt bằng sắt, cũng là thiêu đỏ rực cho tội nhân mặc, tội nhân mặc áo này toàn thân đều bị đốt khét lẹt. Trong kinh nói với chúng

⁸⁸ (*Tư báo kết tức, tắc vi hỏa xa*). “Tư báo” là quả báo do Tư hoặc gây ra. “Xe lửa” là xe có lửa bốc cháy bùng bùng trên ấy, chứ không phải là tàu hỏa.

ta nghiệp nhân này là trong đời quá khứ trong cõi người dùng roi vọt làm tổn thương chúng sanh hữu tình, tạo tội báo này. Ngoài ra là xuất gia phá giới, hưởng thụ lòng tin của tín đồ cúng dường y phục, thọ quả báo này. Cổ đức có hai câu nói rất hay: “*Nay thấy ca-sa rời thân, tương lai áo đơn*⁸⁹ *sắt trói thân*” là nói về quả báo của địa ngục này. Cho nên dưới chiếc ca-sa mất thân người, chúng ta đắp chiếc ca-sa này tạo tội nghiệp. Ca-sa là dấu hiệu của Phật pháp, đắp lên ca-sa là có sứ mạng, trách nhiệm tiếp nối huệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh. Chúng ta lấy dấu hiệu của Phật nhưng chẳng làm công tác này, như vậy thì dưới lớp ca-sa đánh mất thân người, tương lai sẽ thọ quả báo trong địa ngục Thiết Y.

Thứ mười là Thiên Nhẫn (Ngàn Mũi Nhọn), nhẫn là dao nhọn, mũi dao nhọn bén. Kinh Quán Phật Tam Muội có nói đây là một số chúng sanh chẳng thuận theo lời dạy của thầy, phản sư bội đạo, chẳng biết ân đức. Trộm cắp, hãm hại thầy giáo, sỉ nhục, chọc phá thầy giáo, thậm chí hủy báng đánh giết, tạo những ác nghiệp này sẽ đọa địa ngục Thiên Nhẫn. Ngoài nghiệp nhân này, hoặc là Sa Môn, Bà La Môn làm chuyện phi pháp, làm chẳng đúng như pháp, chẳng xấu hổ. Dùng ác tâm phá hoại Tam Bảo, thí dụ như phá hoại đạo tràng, tượng Phật, tháp miếu, đoạt giựt pháp vật. Sát hại chú ruột, cha mẹ, anh em, chị em, người tạo tội nghiệp trên khi mạng chung đều đọa địa ngục này. Thiên Nhẫn, trong mũi dao đều nảy ra lửa, Dao Nhẫn này cũng giống như Dao Luân nói phía trên, từ không trung rơi xuống như hạt mưa, người [bị rơi trúng] đều tan xương nát thịt. Thứ mười một là địa ngục Thiết Lư (Lửa Sắt), thứ mười hai là địa ngục Dương Đồng (Nước Đồng Sôi), Dương Đồng là tội báo của khẩu nghiệp, hay là quả báo của việc ăn uống, đây thuộc về khẩu nghiệp. Dương đồng ác khẩu, đây là đồng thiêu lỏng rồi cho tội nhân uống, sau khi đồng chảy vào miệng xong, ngũ tạng lục phủ gì cũng bị thiêu đốt hết.

Thứ mười ba là địa ngục Bão Trụ (Ôm Trụ), đây cũng là địa ngục Bào Lạc. Cây trụ, trụ sắt đốt cháy đỏ rực xong để cho tội nhân ôm, trong kinh đức Phật nói đây là chúng sanh ngu si trong thế gian nhiễm ái tà dâm, đọa vào địa ngục này, địa ngục này vô cùng tàn khốc. Đầu năm Dân Quốc, cư sĩ Chương Thái Viêm làm phán quan cho đại đế Đông Nhạc, ông đọc kinh [khá nhiều] và cảm thấy địa ngục Bão Trụ này quá tàn nhẫn, đã từng thỉnh cầu đại đế Đông Nhạc xin phế bỏ hình phạt này.

⁸⁹ “Hiện kiến cà-sa ly thể, tương lai thiết điệp triền thân”. Áo đơn là áo ngắn mỏng, thường mặc lót bên trong khi mặc áo dài, khác với áo lót, thường chỉ mặc trong nhà.

Đại đế Đông Nhạc bèn phái hai tên tiểu quỷ dẫn ông đến chỗ đó coi, coi xong về rồi nói tiếp. Tiểu quỷ dẫn ông đến địa ngục này nhưng ông chẳng nhìn thấy gì cả, lúc đó ông mới vỡ lẽ. Ông mới hiểu đây là do nghiệp lực của mình biến hiện ra, nếu ông không có nghiệp lực này thì không nhìn thấy. Mới biết tự làm tự chịu, chẳng phải do vua Diêm La lập ra hình phạt cho tội nhân thọ chịu, thế nên vua Diêm La cũng chẳng thể làm gì được.

Cảnh giới địa ngục là do tự mình biến hiện mà ra, do nghiệp lực hiện ra, chẳng liên quan gì đến những quỷ vương này. Những kẻ đầu trâu mặt ngựa trong địa ngục, quỷ tốt từ đâu đến? Cũng từ nghiệp lực của mình biến hiện ra. Giống như một người nằm mộng vậy, là cảnh giới như vậy, thế nên mới hiểu rõ đạo lý này. Cảnh giới địa ngục trong đoạn kinh phía trước đã nói rõ, chỉ có hai hạng người có thể nhìn thấy: Một là người thọ tội, hai là Bồ Tát vào địa ngục để độ chúng sanh. Bồ Tát có định lực, có công phu có thể đột phá cảnh giới này, họ có thể nhìn thấy. Nếu chẳng phải hai hạng người này thì dù địa ngục ở ngay trước mặt cũng nhìn không thấy. Đây là quả báo của tà tâm. Trong kinh nói một ngày một đêm có chín trăm ức lần sanh tử, sanh tử quả thật là ở trong từng sát-na.

Địa ngục Lưu Hỏa (Lửa Tuôn), lửa từ trên không cuộn cuộn tấp xuống, trong Tam Pháp Độ Luận gọi là địa ngục Đại Khốc (Khốc To). Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Trong hai tướng quả báo của vị, thì tướng thứ hai là phun ra khí, lửa mạnh tung bay, đốt nứt tan xương tủy”*⁹⁰, đoạn này trong kinh Lăng Nghiêm cũng là địa ngục Lưu Hỏa. Trong địa ngục này nơi đâu cũng là lửa mạnh thiêu đốt, chẳng có đường thoát thân. Quỷ tốt trong đó chẳng có một chút tâm từ bi nào cả, cứ chạy theo phía sau, chẳng có cách chi thoát khỏi, trạng huống khốn khổ rất khó hình dung nổi.

Thứ mười lăm là địa ngục Canh Thiệt (Cày Lưỡi), đây là kẻ tạo khẩu nghiệp, vọng ngữ, nói lưỡi hai chiều, ác khẩu, ý ngữ, những người tạo khẩu nghiệp này. Đó là địa ngục Kéo Lưỡi, kéo ra xong còn dùng lưỡi cày để cày. Có lẽ chúng ta sẽ nghĩ cái lưỡi nhỏ như vậy, còn lưỡi cày lớn như vậy làm sao cày được? Địa ngục là hóa thân, địa ngục bao lớn thì thân hình sẽ lớn như vậy, thế nên khổ báo này chúng ta chẳng thể tư duy, tưởng tượng được. Địa ngục Tỏa Thủ (Chém Đầu), trong Tam Pháp Độ Luận gọi là địa ngục Hoạt (Sống). Trong địa ngục này, những

⁹⁰ Đoạn kinh này giảng về quả báo của sự tham đắm lục trần, nguyên văn: “Vị báo nhị tướng trung, nhị giả thổ khí, phi vi mãnh hỏa, tiêu lạn cốt tủy”.

quỷ tốt cầm dao, búa, những binh khí sắc bén chém đầu tội nhân, xẻ thân thể tội nhân. Nghiệp nhân này là gì chúng ta cũng rất dễ tưởng tượng ra, là quả báo sát sanh. Sát sanh ăn thịt, bạn sát hại chúng sanh như thế nào thì khi đến địa ngục này, quỷ tốt cũng sẽ đối xử với bạn như vậy. Nghiệp nhân quả báo tơ hào chẳng sai.

Địa ngục Thiêu Cước (Đốt Chân) còn gọi là Nhiệt Hôi (Tro Nóng). Tro, bạn nhìn thấy dường như tro, thật ra trong đó là lửa, đều đang đốt cháy. Tội nhân từ chỗ này bước qua thì chân, đầu gối, bắp đùi đều bị thiêu đốt. Tội nghiệp này có rất nhiều loại, loại thứ nhất là đời quá khư trong cõi người đem chúng sanh hữu tình, chúng sanh có sanh mạng đút vào lửa thiêu, đút vào tro nóng để nấu, hoặc trong cát nóng, làm những chuyện này. Hiện nay chúng ta thấy có một số đi du lịch, ở những chỗ gần núi lửa, suối nước nóng, nước và cát đều rất nóng, họ làm chuyện gì? Nấu trứng gà, hai ba phút thì trứng gà chín, trong trứng cũng có sanh mạng vậy. Hiện nay có một số trứng chẳng có cò, nhưng hồi trước trứng toàn là có sanh mạng trong ấy, sát hại chúng sanh thì bạn sẽ thọ chịu những quả báo này. Nghiệp nhân của quả báo này bao gồm tà dâm, phá giới, đều thọ những quả báo này.

Thứ mười tám là Đạm Nhãn (Ăn Mắt), trong kinh nói rất nhiều nghiệp nhân bất thiện biến hiện ra quả báo này. Bạn thấy trong địa ngục có một số chim sắt, điều hâu sắt chuyên môn ăn mắt của tội nhân, chẳng có cách chi phòng ngừa. Đoạt mất hai mắt của tội nhân, sau đó gió vừa thổi thì người đó sống lại, mắt mọc trở lại, chim đó bay lại ăn nữa. Trong kinh Phật nói nghiệp báo này có liên quan đến nghiệp uống rượu, thích uống rượu, ăn thịt, tạo nên quả báo này. Địa ngục Thiết Hoàn (Viên Sắt), đói thì nuốt viên sắt. Khát thì uống đồng chảy, đói thì nuốt viên sắt, những thứ này đều liên quan đến ăn uống chẳng điều độ.

Hai mươi một là Thiết Phu (Rìu sắt). Kinh Trường A Hàm nói trong địa ngục này tội nhân hoảng hốt, bối rối, không có chỗ tránh né. Do nhân gì tạo thành? Oan gia chủ nợ đời trước liên lụy, tuy oan gia chủ nợ chẳng hiện ra, tự nhiên biến hiện ra cảnh giới này. Cảnh giới này có thể [hiện ra] không? Chúng ta tưởng tượng rất có thể, lúc chúng ta tạo tội nghiệp rất nặng, oan gia chủ nợ tuy chẳng tìm đến, tối ngủ nằm mộng thấy những oan gia chủ nợ này tìm đến, sợ toát mồ hôi lạnh, kinh hoàng hoảng hốt, giấc mộng ấy chẳng phải cảnh giới do tự mình biến hiện ra sao? Trong mộng có thể biến ra những cảnh giới ấy, chết rồi ở địa ngục cũng giống như trong mộng vậy, do đó cảnh giới này rất có thể sẽ xảy ra. Chữ Phu (rìu) giống chữ Phũ (rìu), cùng một nghĩa, phần nhiều là thuộc

về khẩu nghiệp. Người xưa nói: “Rìu trong miệng, cho nên chém thân là do lời ác độc ấy”, phao tin đồn kiểm chuyện, bươi móc thị phi, hủy báng kẻ thiện, tán thán người ác, phải chịu quả báo này. Rìu sắt, rìu lớn này nặng hơn những dao thường rất nhiều, rìu cũng có lửa, hết thấy những đồ vật bằng sắt, bằng đồng trong địa ngục đều có lửa, một biển lửa. Họ phải đọa vào địa ngục này thọ báo.

Thứ hai mươi Tranh Luận, thứ hai mươi hai Đa Sân (Nhiều sân hận), tánh chất của hai [địa ngục] này tương tự với nhau, có thể gộp chung để nói, cho nên phía sau chúng ta không y theo thứ tự của chúng. Trong chú giải của pháp sư Thanh Liên cũng nói Tranh Luận, Đa Sân tuy là hai địa ngục, nhưng nghiệp nhân của chúng chỉ là một. Tranh luận phát sanh từ tham dục, đồ kỵ, vì tâm tham, tâm đồ kỵ nên tạo nghiệp sân khuê, cảm đến quả báo này. Bạn ưa thích tranh luận, đọa vào địa ngục sẽ tranh luận chẳng ngừng nghỉ, ngày tháng như vậy rất khổ! Đa sân, sân khuê chẳng dứt, đọa vào địa ngục này. Tam Pháp Độ Luận nói: *“Lại vì tội ác, tay tự nhiên sanh vuốt sắt, bén nhọn như lưỡi dao, hình giống nửa mặt trăng. Ai nấy sanh ý oán kết, anh ghét tôi, chèn ép tôi, tôi nay đàn áp lại anh. Do đó sanh tâm sân giận, vô chạp xâu xé nhau”*. Câu này nói rõ tội báo chẳng đến từ bên ngoài, đích thật là từ nghiệp lực của chính mình biến hiện ra. Tay tội nhân tự nhiên biến thành dao nhọn bén, trong đó tự mình giết mình, chẳng phải người khác giết hại bạn, lại báo thù bạn.

Trong chú giải, pháp sư Thanh Liên tổng kết cho chúng ta hay vô cùng: *“Phải biết hết thấy chư pháp đều là hư dối”*⁹¹. Kinh Kim Cang nói: *“Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*, *“Hết thấy pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng”*, Vô Giá, A Tỳ cũng chẳng ngoại lệ. Nhưng người đọa lạc vào trong ấy chẳng giác ngộ, họ xem hư vọng thành chân thật, cũng giống như chúng ta trong thế gian hiện nay vậy. Thế nên bạn phải biết địa ngục là phàm những gì có tướng đều là hư vọng, [còn cảnh giới] hiện tiền của chúng ta thì sao? Hiện tiền cũng là phàm những gì có tướng đều là hư huyễn. Một không thì hết thấy đều không, một vọng thì hết thấy đều vọng, một chân thì hết thấy đều chân, chẳng có đối lập, nếu bạn có đối lập thì sai rồi. Nói vọng thì hết thấy đều là hư huyễn, nói chân thì hết thấy đều là chân thật, vậy mới đúng, mới không trái nghịch nhân quả, chẳng trái nghịch với chân tướng sự thật.

Từ đó mới biết tuy là một cảnh giới hư vọng chẳng thật, giống

⁹¹ Tu tri nhất thiết chư pháp giai thị hư vọng.

như cuộc đời hư huyền chẳng thật hiện tiền của chúng ta, trong đó chúng ta thực sự có cảm thọ khổ, vui, lo, mừng hay không? Địa ngục là nơi khổ cùng cực, bạn đến đó phải thọ khổ hay không? Phải thọ. Chỉ có người chân chánh hiểu rõ trạng huống chân thật của lục đạo, thập pháp giới thì không thọ mà thôi. Họ ở trong lục đạo thập pháp giới không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, đó gọi là siêu phàm nhập thánh. Chưa tới cảnh giới này thì bạn vẫn phải thọ, nói cách khác, bạn vẫn còn cho rằng có Ta, có Người, bạn vẫn phải thọ chịu lục đạo luân hồi. Tới khi nào bạn chẳng còn Ta, chẳng còn Người nữa, kinh Kim Cang nói người này “*chẳng có ngã tướng, chẳng có nhân tướng, chẳng có chúng sanh tướng*”, bạn là Bồ Tát rồi. Bạn ở địa ngục A Tỳ, địa ngục Vô gián chẳng thọ cái khổ ấy. Có thể đến địa ngục Vô Gián để thị hiện, độ hóa chúng sanh, cũng giống như sự thị hiện của đức Phật Thích Ca trong địa ngục Hỏa Xa vậy.

Người thọ tội, lúc người chịu sự khổ đau cùng cực thì họ chẳng biết hồi tâm chuyển ý, niệm niệm đều rất khổ, họ sẽ chẳng nghĩ đến chuyện khác được. Bồ Tát thị hiện ở nơi đó: Tôi rút thêm một sợi gân cho người đó, giảm bớt sự đau khổ của người đó. Lay tỉnh chúng sanh địa ngục [làm cho họ thấy] kẻ khác còn có thể xả mình vì người. Khi chúng sanh trong địa ngục vừa có một ý niệm này thì họ bèn thoát ra, vừa có một tâm niệm thiện bèn siêu việt địa ngục, sự thọ khổ của họ liền giảm nhẹ, thời gian thọ khổ liền rút ngắn. Một tâm niệm thiện, tuy chỉ là một niệm thiện rất nhỏ, đối với họ cũng được lợi ích lớn lao. Thế nên Bồ Tát trong địa ngục thị hiện như vậy. Trong đó chẳng có giáo huấn, họ chẳng có thời gian nghe giáo huấn, và cũng chẳng có tâm tình gì để nghe nên chỉ có thị hiện những thứ như vậy, làm cho họ nhìn thấy giác ngộ. Chư Phật, Bồ Tát ở tất cả chỗ của chúng sanh hữu tình, địa ngục cũng là một chỗ trong ấy, cách thức phương pháp giúp đỡ chúng sanh chẳng giống nhau, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Thế nên Bồ Tát răn dạy chúng sanh, chúng sanh phải nên lìa khỏi hết thảy đấu tranh, phải thực sự làm đến mức chẳng tranh với người, chẳng cầu với đời. Tại sao? Thân tâm thế giới đều chẳng thể được thì bạn tranh cái gì? Cầu cái gì? Thực sự làm được “*không tranh giành, không mong cầu*”, tâm chúng ta sẽ định, tâm sẽ thanh tịnh, như vậy mới đạt được lợi ích thù thắng chân thật của Phật pháp.

Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây thôi.

Tập 17 (Số 14-12-17)

Chư vị đồng tu, xin mở cuốn Khoa Chú quyển trung, trang mười một. Xin xem kinh văn:

Địa Tạng bạch ngôn: “Nhân Giả, Thiết Vi chi nội hữu như thị đẳng địa ngục kỳ số vô hạn.

地藏白言。仁者。鐵圍之內有如是等地獄其數無限。

(Ngài Địa Tạng nói rằng: “Thưa Nhân Giả, trong núi Thiết Vi có những địa ngục như thế, số nhiều vô hạn.”)

Chữ như thị trong “*như thị đẳng*” chỉ địa ngục Vô Gian, A Tỳ nói ở phía trên, và hai mươi hai loại địa ngục. Danh xưng của địa ngục quá nhiều, nói chẳng hết, chẳng qua ở đây Địa Tạng Bồ Tát chỉ nói sơ lược mà thôi. Số lượng của mỗi loại địa ngục cũng nhiều vô cùng, vì nguyên nhân gì vậy? Chúng ta có thể tưởng tượng, chính là vì chúng sanh tạo tác tội nghiệp địa ngục ở thế gian này quá nhiều. Thế nên ở đây chúng ta đặc biệt phải hiểu rõ nghiệp nhân quả báo của địa ngục, chúng ta phải hiểu rõ nghiệp nhân của những quả báo nói trong kinh điển, nói nghiệp nhân thì chúng ta phải biết quả báo tương lai là gì. Những việc này đều là chân tướng sự thật, tuyệt đối chẳng phải do Phật, Bồ Tát giả thiết những chuyện này để giáo hóa chúng sanh, khuyên chúng sanh đoạn ác, tu thiện, nếu chúng ta nghĩ như vậy thì là hoàn toàn sai lầm, sẽ trái ngược với chân tướng sự thật. Thế nên chúng ta phải ghi nhớ, Phật dạy nguyên lý của vũ trụ nhân sinh cho chúng ta, đây là đạo lý căn bản. Đạo lý căn bản, kinh Hoa Nghiêm nói “*Duy tâm hiện, duy thức biến*”, đây là đạo lý căn bản. Lại nói với chúng ta “*Hết thấy pháp từ tâm tướng sanh*”, do đó trong tâm bạn tưởng cái gì thì nó sẽ biến hiện thành cảnh giới đó, hết thấy tướng trong cảnh giới đều chẳng chân thật. Tại sao nói chẳng chân thật? Nó chuyển biến trong từng sát-na, từng sát-na, vậy thì làm sao chân thật được? Tuy chẳng chân thật, nếu bạn mê trong cảnh giới ấy thì bạn sẽ có cảm thọ khổ, vui, lo, mừng, cứ tưởng đó là thật, cứ tưởng chẳng phải giả.

Sau khi giác ngộ thì những cảm thọ này chẳng còn nữa, họ thực sự hiểu rõ trở lại. Nghiệp nhân quả báo có hay không? Có chứ, nghiệp nhân quả báo vẫn có, cảm thọ khổ, vui, lo, mừng chẳng còn nữa, nhà Phật nói đoạn phiền não là có ý như vậy. Chẳng phải là tướng của phiền não chẳng có, chẳng phải là nghiệp của phiền não chẳng có, mà là cảm thọ

của phiền não chẳng có, bạn đã quán không rồi. Tâm kinh nói Quán Tự Tại Bồ Tát, đó là trí huệ cao độ, “*hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời*”, tức là dùng trí huệ cao độ, “*chiếu kiến ngũ uẩn giai không*”. Ngũ uẩn có hay không? Ngũ uẩn là thế giới hiện thực của chúng ta, có hay không? Có. Tuy có, Hữu tức là Không, thế nên trong kinh nói “*sắc tức thị không, không tức thị sắc. Sắc bất dị không, không bất dị sắc*”, sắc tức là Hữu, Không và Hữu tồn tại đồng thời, Không và Hữu là một việc, chẳng phải hai việc, thế nên nói “*Tướng thì có mà Thể thì không*”. Có thọ dụng, tình chấp chẳng sanh, như vậy thì sẽ được đại tự tại. Chẳng phải là không có thọ dụng, vẫn có thọ dụng, tức là nói trong ấy nhất định chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chẳng có những thứ này thì thọ dụng của bạn sẽ tự tại. Nếu bạn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, trong lúc bạn thọ dụng ắt sẽ có những cảm thọ khổ, vui, lo, mừng, đã tạo nghiệp thì lẽ nào không thọ quả báo cho được! Chúng ta hiểu rõ những chân tướng sự thật này thì từ đây về sau sẽ chẳng tạo nghiệp nữa.

Thế nên bước vào Niệm Phật Đường, thân tâm thế giới thấy đều buông xuống, một câu Phật hiệu niệm đến cùng, chỉ cầu vãng sanh Cực Lạc thế giới. Cổ đức nói: “*Chỉ cần thấy Di Đà, còn lo gì chẳng khai ngộ?*”. Thế gian, xuất thế gian chỉ có việc này là chân thật, những thứ khác đều là hư vọng, chẳng đáng so đo, chẳng đáng áp ủ trong lòng. Nếu đem những thứ khác chất chứa trong lòng, vẫn so đo như cũ, nghiệp bạn tạo là nghiệp luân hồi, vì tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi, những thứ khổ báo trong lục đạo luân hồi bạn vẫn phải hứng chịu. Việc này nói ra thì sẽ chẳng bao giờ dứt, con người hà tất phải làm những chuyện ngu ngốc này, đây là việc chúng ta nhất định phải biết. Tiếp theo, Địa Tạng Bồ Tát lại nói về hai mươi hai thứ địa ngục. Xin xem kinh văn:

Cánh hữu Khiếu Hoán địa ngục.

更有叫喚地獄。

(Lại có địa ngục Khiếu Hoán.)

Khiếu Hoán (Kêu Gào) là thọ khổ đến cùng cực, kêu réo chẳng ngừng.

Bạt Thiệt địa ngục, Phần Niệm địa ngục, Đồng Tỏa địa ngục, Hỏa Tượng địa ngục, Hỏa Cầu địa ngục, Hỏa Mã địa ngục, Hỏa Ngưu địa ngục, Hỏa Sơn địa ngục, Hỏa Thạch địa ngục, Hỏa Sàng địa ngục, Hỏa Lương địa ngục, Hỏa Ứng địa ngục, Cừ Nha địa ngục,

Bác Bì địa ngục, Âm Huyết địa ngục, Thiêu Thủ địa ngục, Thiêu Cước địa ngục, Đảo Thích địa ngục, Hỏa Ốc địa ngục, Thiết Ốc địa ngục, Hỏa Lang địa ngục.

拔舌地獄。糞尿地獄。銅鎖地獄。火象地獄。火狗地獄。火馬地獄。火牛地獄。火山地獄。火石地獄。火床地獄。火梁地獄。火鷹地獄。鋸牙地獄。剝皮地獄。飲血地獄。燒手地獄。燒腳地獄。倒刺地獄。火屋地獄。鐵屋地獄。火狼地獄。

(*Địa ngục Bạt Thiệt, địa ngục Phán Niệu, địa ngục Đồng Tỏa, địa ngục Hỏa Tượng, địa ngục Hỏa Cầu, địa ngục Hỏa Mã, địa ngục Hỏa Ngưu, địa ngục Hỏa Sơn, địa ngục Hỏa Thạch, địa ngục Hỏa Sàng, địa ngục Hỏa Lương, địa ngục Hỏa Ứng, địa ngục Cự Nha, địa ngục Bác Bì, địa ngục Âm Huyết, địa ngục Thiêu Thủ, địa ngục Thiêu Cước, địa ngục Đảo Thích, địa ngục Hỏa Ốc, địa ngục Thiết Ốc, địa ngục Hỏa Lang*).⁹²

Địa Tạng Bồ Tát tùy tiện nói bèn nói ra hai mươi hai thứ. Khiếu Hoán địa ngục là tám đại địa ngục nóng nói trong kinh Trường A Hàm. [Địa ngục] thứ tư, thứ năm đều gọi là Khiếu Hoán. Trong kinh nói với chúng ta nghiệp nhân gì đọa vào địa ngục này? Sân khuê, tà ác, giữ tâm lòng như vậy, tạo tác nhiều thứ ác nghiệp, đọa vào địa ngục này. Lại nói vì tập khí tà ác quá nặng, vừa gặp một duyên nhỏ bèn khởi lên, cũng tức là vừa có một chút gì chẳng vừa ý thì nó liền phát khởi, tạo tác các thứ hình phạt ác, đọa vào địa ngục đại Khiếu Hoán. Địa ngục Bạt Thiệt (Rút Lưỡi), địa ngục Phán Niệu (Phân, Nước Tiểu) đều là do tạo khẩu nghiệp. Khẩu nghiệp gồm có bốn thứ: Nói dối, nói lời thô ác, nói lưỡi hai chiều, nói lời thêu dệt (ỷ ngữ), tạo những khẩu nghiệp này thì đọa địa ngục Bạt Thiệt. Địa ngục Phán Niệu, lúc trước lão cư sĩ Lý Bình Nam giảng kinh nói đến địa ngục, Ngài rất cảm khái mà nói lúc Ngài còn trẻ rất nghĩa hiệp, làm những hành vi hào hiệp trọng nghĩa đều chẳng màng, đọa địa ngục cũng chẳng sao. Về sau nhìn thấy có địa ngục Phán Niệu thì Ngài nói cái này không được, chẳng chịu nổi. Phán Niệu chẳng giống như

⁹² Bạt Thiệt: Lôi lưỡi; Phán Niệu: Phân tiểu; Đồng Tỏa: Khóa đồng; Hỏa Tượng: Voi lửa; Hỏa Cầu: Chó lửa; Hỏa Mã: Ngựa lửa; Hỏa Ngưu: Trâu lửa; Hỏa Sơn: Núi lửa; Hỏa Thạch: Đá lửa; Hỏa Sàng: Giường lửa; Hỏa Lương: Kèo lửa; Hỏa Ứng: Chim ưng lửa; Cự Nha: Cửa răng; Bác Bì: Lột da, Âm Huyết: Uống máu; Thiêu Thủ: Đốt tay; Thiêu Cước: Đốt chân; Đảo Thích: Đâm ngược; Hỏa Ốc: Nhà lửa; Thiết Ốc: Nhà sắt; Hỏa Lang: Chó sói lửa.

nước [lạnh] mà là giống như nước bị lửa đun sôi lên, bắt bạn chịu đựng trong đó, như vậy thì khó chịu lắm! Ngài nói núi đao, rừng kiếm gì cũng chẳng sao, Ngài xem đến địa ngục này bèn sợ hãi.

Địa ngục Đồng Tỏa (Khóa Đồng) trong kinh Quán Phật Tam Muội cũng còn gọi là địa ngục Hắc Thằng. Chú giải của pháp sư Thanh Liên cũng nói rất rõ, đọa địa ngục này những sự khổ sở phải trải qua trong một ngày một đêm chẳng thể tính đếm nổi. Nghiệp nhân này là do chúng sanh ngu si, chữ chúng sanh này bao gồm đệ tử Phật, nghĩa là cũng bao gồm chúng ta. Giới thiệu Phật pháp cho người khác nhưng nói sai ý nghĩa, [chánh] pháp lại nói là phi pháp, phi pháp lại nói là [chánh] pháp, phạm giới tuy không nặng nhưng chẳng biết sám hối, đọa địa ngục này.

Địa ngục Hỏa Tượng (Voi Lửa), trong kinh nói đây là voi lớn, hết thấy những động vật này trong địa ngục đều là tánh thức biến hiện ra, toàn thân mình voi đều là lửa. Nếu voi phát điên lên rồi tấn công người ta, sức của nó rất mạnh, chẳng có cách chi có thể chống cự. Do đó lúc voi điên cuồng nó sẽ giết người. Kinh nói đây là nghiệp nhân gì? Con người trong thế gian thích uống rượu, mỗi lần uống đến say mềm, say rồi thì loạn tính, tạo những nghiệp sát, đạo, dâm, vọng, có thể hại chúng sanh, cho nên sau khi chết đọa địa ngục này.

Địa ngục Hỏa Cầu (Chó Lửa), phía sau nói đến Hỏa Mã, Hỏa Ngưu (Ngựa Lửa, Trâu Lửa) rất giống nhau, nghiệp nhân khác nhau. Kinh này nói có một số người trong thế gian nuôi tầm, ươm kén sát hại sanh mạng rất nhiều. Thế nên người xuất gia vì muốn nuôi dưỡng tâm từ bi nên mới không ăn thịt chúng sanh, chẳng nhần tâm ăn thịt chúng sanh. Mặc áo cũng vậy, nếu bạn mặc áo da thì cũng chẳng khác gì ăn thịt, mặc da của chúng sanh, làm sao nhần tâm được? Mùa hè mặc áo tơ lụa, tơ lụa là do tầm nhả tơ [dệt thành], một chiếc áo này của bạn, bao nhiêu con tầm phải mất mạng mới làm thành chiếc áo này cho bạn mặc? Thế nên bốn chúng đệ tử trong nhà Phật, xuất gia, tại gia đều không nhần tâm, áo vải đủ để giữ ấm thì tại sao phải dùng tơ lụa? Tại sao phải dùng da và lông? Đức Phật giáo hóa chúng sanh thông đạt tình lý, chẳng phải không nói đạo lý. Người có thân thể suy nhược, rất sợ lạnh, nếu không mặc áo da thì chẳng đủ ấm, như vậy có khai duyên⁹³, có thể mặc. Phần nhiều

⁹³ Khai duyên nghĩa là dưới một điều kiện nào đó thì có thể khai giới, khai giới chứ không phá giới. Dưới một điều kiện hợp tình hợp lý nào đó, quý vị phá giới ấy thì chẳng gọi là “phá giới” mà là “khai giới”. Trong kinh Phật Thuyết Vị Tăng Hữu Nhân Duyên có nêu một thí dụ. Đương thời có một ông vua rất nóng nảy, hầu như

trong giới kinh nói thứ nhất là người sanh bệnh, sức khỏe rất suy yếu; ngoài ra là người già, sức đề kháng suy kém. Trên bảy mươi tuổi sức đề kháng suy yếu thì có khai duyên, có thể mặc áo da. Chúng ta thân thể còn rất khỏe mạnh, cường tráng, còn sức đề kháng nếu cứ mặc những áo da này thì cùng với ăn thịt chẳng có gì sai khác. Lúc thường ngày tạo những nghiệp nhân này đều cảm thấy rất bình thường, chẳng màng lắm, đâu biết rằng quả báo lại nặng nề như vậy? Nếu không đọc kinh thì không biết, đọc xong mới hiểu được.

Hỏa Mã, Hỏa Ngưu đồng loại với địa ngục này. Toàn thân đều là lửa, chịu dày vò bởi những con thú có lửa này, bị chúng nó công kích, ở đó người ta bị chó cắn, bị ngựa đá, bị trâu húc, toàn thân đều là lửa. Thứ chín là Hỏa Sơn (Núi Lửa), thứ mười Hỏa Thạch (Đá lửa), trong Khởi Thế Kinh⁹⁴ gọi là địa ngục Chúng Hiệp. Phía trước chúng ta thấy có Giáp Sơn, cũng giống như nghĩa này. Thứ mười một địa ngục Hỏa Sàng (Giường Lửa) cũng giống như Thiết Sàng phía trước, đều là quả báo của dâm dật, tà dâm. Thứ mười hai địa ngục Hỏa Lương (Rường Lửa), lương tức là cây xà bằng sắt, cây trụ sắt, để cho người ta ôm ở trên, hoàn toàn giống như trụ sắt trong hình phạt Bào Lạc nói phía trước. Địa ngục Hỏa Ung (Chim Ung Sắt) giống như địa ngục Thiết Ung phía trước, mỏ của chim ưng sắt vô cùng bén nhọn, chuyên dùng để móc mắt tội nhân. Toàn thân đều là lửa. Người ta sanh trong thế gian thọ mạng rất ngắn ngủi, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đừng tưởng là chẳng có quả báo,

đầu bếp nấu thức ăn không ngon, vua ăn vào không vừa ý, toan giết gã đầu bếp. Ngày hôm ấy, nhằm lúc Phu Nhân đang trị Bát Quan Trai Giới, thấy tình hình đó, vì muốn cứu gã đầu bếp, bà liền đặc biệt trang điểm thật lộng lẫy, khuyên quốc vương ca hát nhảy múa, hy vọng quốc vương thay đổi ý niệm, quên đi chuyện đó. Do vậy, Bát Quan Trai Giới của bà trong ngày ấy hoàn toàn bị phá sạch. Đây có phải là phá giới hay không? Bà vì muốn cứu mạng một gã đầu bếp, vì để cứu một người, nên hành động ấy thuộc về khai giới, chẳng những phá sạch giới không bị tội, lại còn có công đức lớn. (Trích Sa Di Luật Nghi Yếu Lược)

⁹⁴ Đây là một bộ kinh do ngài Xà Na Quật Đa dịch vào đời Tùy, thuộc hệ thống A Hàm, được xếp vào quyển 1 của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng kinh. Nội dung kinh thuyết minh cấu trúc, tình trạng, cội nguồn và quá trình thành hoại của thế giới, giảng rõ về tam thiên đại thiên, bốn đại bộ châu, cũng như giới thiệu về lục đạo như thiên long bát bộ, Chuyển Luân Thánh Vương, Tứ Thiên Vương, Tam Thập Tam Thiên, tình trạng thọ khổ trong địa ngục v.v... Kinh này thoát đầu có đến sáu bản dịch, nhưng hiện chỉ còn giữ lại được bốn bản dịch, tức là Khởi Thế Kinh, Khởi Thế Nhân Duyên Bốn Kinh (do ngài Đạt Ma Cấp Đa dịch), Đại Lâu Thán kinh (do ngài Pháp Lập, Pháp Cự cùng dịch), và Trường A Hàm (từ quyển 18 đến quyển 22, do ngài Phật Đà Đa Xá và Trúc Pháp Niệm cùng dịch).

nếu bạn nghĩ như vậy thì sai rồi. Khởi tâm động niệm cũng cảm quả báo, huống chi là ngôn ngữ, hành vi tạo tác? Thứ mười bốn địa ngục Cú Nha (Cura Răng), đây cũng là quả báo của ác khẩu, [địa ngục] Rút Lưỡi, Cura Răng đều là tội báo của khẩu nghiệp.

Thứ mười lăm là địa ngục Bác Bì (Lột Da), cũng có kinh gọi địa ngục này là Đại Quyền, lột da chúng sanh, cuộn lại. Nghiệp nhân này hơn phân nửa là sát hại chúng sanh, lột da chúng sanh, đoạt mạng chúng sanh, cảm thọ quả báo này. Nói cách khác chúng ta làm gì thì tương lai sẽ thọ quả báo ấy. Cổ đức thường khuyên người: *“Những gì mình không thích thì đừng làm cho người khác”*⁹⁵, thường nghĩ đến câu này, mình không muốn hứng chịu [việc đó] nhất định chẳng thể làm cho chúng sanh. Không những là đối với người, hết thảy động vật cũng không thể. Thật ra, các loài động vật chẳng khác gì con người, nghiệp chướng của chúng nặng nên đọa vào cõi súc sanh, chúng ta tốt hơn chúng nên được thân người. Nếu chúng ta tạo ra những tội nghiệp nặng nề, tương lai cũng đọa thành súc sanh, súc sanh và người có khác gì đâu? Con người mền tiếc sanh mạng của chính mình, súc sanh cũng mền tiếc sanh mạng của chúng. Kẻ khác làm hại chúng ta, chúng ta có tâm oán hận, muốn báo thù; súc sanh cũng vậy, bạn hiệp đáp chúng, gây tổn hại cho chúng, chúng cũng có tâm oán hận, báo thù, [hiểu vậy thì] kết oán thù với chúng sanh làm chi? Hiểu được đạo lý này thì tự nhiên sẽ chẳng khởi tâm ác, tự nhiên chẳng dám khởi ác niệm, chẳng dám tạo ác nghiệp.

Nhưng một người sống trong thế gian, tập khí ác từ vô thủy kiếp đến nay rất nặng, tự mình chẳng có cách chi không chế nổi, lại cộng thêm ác duyên bên ngoài, từng giờ từng phút dụ dỗ bạn. Bên ngoài có dụ dỗ, bên trong có phiền não thì làm sao không tạo nghiệp cho được? Do đó Thế Tôn dạy chúng ta *“dùng Giới Định Huệ hàng phục ma oán”*, câu này trọng yếu phi thường! Huệ là gì? Đối với nghiệp nhân quả báo nhìn thấy rõ ràng, minh bạch, đây là trí huệ. Khi cảnh giới hiện tiền, tâm địa thanh tịnh, như như chẳng động, đây là công phu. Khi bạn có công phu định lực thì bạn có trí huệ, bạn mới có thể không chế nổi phiền não, tập khí của mình, chẳng cho nó phát khởi. Chỉ riêng việc không chế thì cũng tương đối khó rồi, nhất định phải chuyển tâm niệm ngược lại, cực lực tu thiện, súc chú ý thay đổi, việc này dễ dàng, một lòng một dạ hướng về thiện đạo, thành tựu cho chúng sanh. Thế nên chúng ta nhất định phải suy tư, thường thường nghĩ chư Phật, Bồ Tát làm như thế nào? Các Ngài

⁹⁵ Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân.

làm một tấm gương tốt cho chúng ta coi. Phát tâm học Phật cũng có bi nguyện, phải rộng độ chúng sanh, nguyện này rất tốt! Xây đạo tràng, dựng pháp tràng, độ chúng sanh, lập sự nghiệp. Nhưng sự nghiệp này nhất định phải nhân duyên trong ngoài chín muồi, nếu duyên chưa chín muồi, tự mình làm sự nghiệp này có một tơ hào miễn cưỡng thì sai rồi. Trong kinh đức Phật nói với chúng ta: *"Nếu cúng dường số thánh nhân nhiều như cát sông Hằng cũng chẳng bằng kiên trì dùng mãi cầu Chánh Giác"*⁹⁶, câu này là gì? Duyên độ chúng sanh chưa chín muồi thì chúng ta phải tự độ trước; khi duyên chín muồi rồi thì có thể xả mình vì người.

Chư Phật Như Lai biểu diễn cho chúng ta xem, Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật đang ở nơi đó xây đạo tràng, dựng pháp tràng, phổ độ hết thảy chúng sanh trong hư không pháp giới bình đẳng thành Phật, thật là khó được. Mười phương chư Phật Như Lai có trí huệ của A Di Đà Phật không? Có bi nguyện của A Di Đà Phật không? Có thần thông năng lực của A Di Đà Phật không? Đều có! Mỗi đức Phật đều bình đẳng, Phật Phật đạo đồng. Tại sao hết thảy chư Phật chẳng tự mình xây dựng thế giới Cực Lạc? Đức Phật A Di Đà xây dựng thế giới Cực Lạc, tại sao đức Phật Thích Ca Mâu Ni không xây thế giới Cực Lạc? Đức Phật Thích Ca chẳng kém hơn đức Phật A Di Đà, chẳng thua, chẳng kém hơn. Chúng ta có suy nghĩ, có thấu hiểu ý nghĩa này chăng? Mười phương chư Phật Như Lai đều chẳng xây, đức Phật A Di Đà đã xây rồi, hết thảy chúng sanh đều về đó thân cận Ngài. Một tức là tất cả, tất cả là một, đây là chân lý, là chân tướng sự thật. Nếu mỗi đức Phật đều xây một thế giới Cực Lạc, ai nấy đều đánh lộn, đấu tranh lẫn nhau, nhất định sẽ tự khen mình và chê bai kẻ khác, sẽ xuất hiện căn bệnh này. Chỉ có một đạo tràng, tận hư không trọn khắp pháp giới chỉ có một đạo tràng, mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai đều cho đệ tử của mình, khuyên họ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Việc này đã có người làm rồi, chúng ta không cần làm nữa, Phật thị hiện cho chúng ta coi, chúng ta ở đây phải thấu hiểu được.

Ở Trung Quốc cổ đại, có nhiều đạo tràng lớn nhỏ được xây dựng trong xã hội, nguyên nhân là gì? Vì giao thông chẳng phát triển, tu học chẳng thuận tiện, vì đem lại lợi ích cho chúng sanh ở một địa phương nên xây một đạo tràng ở đó; chẳng có phương tiện giao thông nên phải xây dựng đạo tràng ở khắp nơi thì mới rộng độ chúng sanh. Ngày nay có

⁹⁶ Giả linh cúng dường Hằng sa thánh, bất như kiên dùng cầu Chánh Giác (kinh Vô Lượng Thọ).

cần làm vậy không? Chẳng cần. Thế nên mấy năm trước, lần đầu tiên tôi đến Bắc Kinh thăm viếng cụ Triệu Phác Sơ, tôi bàn với cụ hiện nay trên toàn thế giới chỉ cần xây một đạo tràng. Tôi đề nghị với cụ, mười tông phái Đại Thừa, Tiểu Thừa ở Trung Quốc, mỗi tông phái xây một đạo tràng, chẳng cần xây nhiều, nhân lực, tài lực, vật lực đều tập trung, xây một đạo tràng bèn có thể độ hết thấy chúng sanh trên toàn thế giới. Ngày nay đi du lịch khắp hoàn cầu phải cần hơn hai ngày, người muốn học Tịnh Độ thì đến đạo tràng Tịnh Độ để tu học, người muốn học Thiền Tông thì có đạo tràng Thiền Tông để tu học, hết thấy những đại đức Thiền Tông trên toàn thế giới đều tập trung ở một chỗ, thì bạn [đến đó học] thân cận [quý Ngài] rất thuận tiện, chẳng giống như thời xưa không thuận tiện. Đặc biệt là ngày nay nói đến việc hoằng pháp lợi sanh, chúng ta lợi dụng công cụ khoa học, truyền hình vệ tinh, mạng lưới điện toán, ở một nơi có thể truyền đi khắp thế giới, mỗi người ở nhà đều có thể tiếp nhận được. Chư vị nghĩ coi xây dựng đạo tràng nhiều như vậy làm gì? Hao nhọc tiền tài của dân. Tại sao không tập trung lực lượng vào một nơi? Bạn muốn làm người lãnh đạo, được lắm! Chúng ta sẽ ủng hộ bạn làm lãnh đạo, ai làm lãnh đạo cũng được, tất cả chúng ta đều đánh lễ, đều ủng hộ bạn, mời bạn đến lãnh đạo. Người lãnh đạo phải hy sinh, cống hiến nên rất cực khổ, chúng ta là người giúp việc thì rất nhàn hạ, chẳng có trách nhiệm, toàn tâm toàn lực đi theo để giúp đỡ. Ngày nay rất nhiều người nói đến thôn địa cầu, địa cầu là một thôn làng, một thôn có một đạo tràng đủ rồi, có hai đạo tràng thì là quá nhiều.

Thế nên phải biết hiện nay là thời đại như thế nào, chúng ta hoằng pháp lợi sanh thì phải làm như thế nào. Nếu chúng ta thực sự có thể tập trung nhân lực, thí dụ chúng ta ở đây là Tịnh Độ Tông, những người tu học tông Tịnh Độ đều tu tập với nhau, mỗi ngày mọi người cùng nhau thảo luận kinh giáo, trau dồi dùi mài, hết lòng tu học, không ngừng nâng cao cảnh giới của mình. Giảng kinh thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh, lợi dụng kỹ thuật đem giáo học đến tận gia đình của mỗi người, thế giới này chỉ cần một đạo tràng là đủ rồi. Nhân lực phân tán thì chắc chắn không làm nổi chuyện này. Tập trung nhân lực, tài lực, vật lực thì sẽ dễ làm. Xả mình vì người, chẳng có tự kỷ thì đời này chúng ta mới được độ. Khởi tâm động niệm [đều nghĩ về] mình, khởi tâm động niệm [đều nghĩ] đạo tràng của mình, khu vực của mình, thì bạn vĩnh viễn chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, tại sao vậy? Chấp trước lục đạo là của mình, chấp trước địa ngục A Tỳ là của mình, bạn làm sao không đọa địa ngục cho được? Thế nào gọi là chấp trước địa ngục A Tỳ? Chấp trước tham-

sân-si-mạn tức là [chấp trước] địa ngục A Tỳ, bạn tạo tội nghiệp. Người như thế nào mới có thể vãng sanh? Xả bỏ thế giới Sa Bà, hết thấy đều buông bỏ, chẳng muốn nữa, người như vậy mới có thể thoát ly, mong mỗi hướng về Tịnh Độ nhất định sẽ được sanh về Tịnh Độ, đây là đạo lý nhất định, là chân tướng sự thật. Chúng ta đọc kinh Địa Tạng, hiểu sự khổ trong tam đồ lục đạo, hiểu được khởi tâm động niệm, tạo tác ác nghiệp sẽ phải thọ quả báo gì. Quả báo này trong kinh nói thời gian ở mỗi địa ngục đều là vô số kiếp, lúc chúng ta tạo [tội] thật dễ dàng, thời gian rất ngắn, quả báo tương lai sẽ dài đằng đẳng.

Mỗi câu tôi khuyên mọi người đều là lời chân thật, tôi nói với quý vị, công đức niệm Phật một ngày trong Niệm Phật Đường là vô lượng vô biên. Lý ở trong đó rất sâu, muốn nói rõ về những sự tướng, đạo lý ấy thì một năm, hai năm cũng chẳng cách chi nói hết. Trong kinh Phật thường nói cho dù chư Phật Như Lai cùng nói, nói tới một kiếp cũng chẳng nói hết. Thế nên chúng ta muốn vãn xin đừng coi thường những cụ già mỗi ngày làm việc thiện nguyện, quét dọn, lau bàn ở Cư Sĩ Lâm, chẳng có ai trên thế gian có thể sánh nổi phước đức của họ đâu. Chúng ta cứ vênh vào ta đây rất giỏi, chẳng coi trọng họ, khinh thường họ, người ta là Bồ Tát, là Phật đấy.

Nếu các bạn không tin, các bạn đọc trong truyện ký, Phong Can, Hàn Sơn, Thập Đắc ở chùa Quốc Thanh thời xưa, có ai coi trọng các Ngài? [Các Ngài] ăn mặc lôi thôi, điên điên cuồng cuồng, làm những việc nặng nhọc nhất. Phong Can giã gạo, đổ rác, Hàn Sơn, Thập Đắc nấu nướng trong nhà bếp, chẻ củi đốt lửa. Ai biết được? Phong Can là A Di Đà Phật tái lai, Hàn Sơn là Văn Thù, Thập Đắc là Phổ Hiền; Văn Thù, Phổ Hiền tái lai. Bạn đừng coi thường những người làm công việc nặng nhọc này, có nhiều Phật, Bồ Tát tái lai trong đó, bạn làm sao biết được? Dùng mắt thịt phạm phu khinh thường họ là bạn đang tạo tội nghiệp đấy. Bạn đợi đến bao giờ họ vãng sanh có tướng lành hy hữu [thì mới biết] lời tôi nói trên giảng đài này chẳng phải là lời giả dối. Sau khi Niệm Phật Đường này mở ra, nhất định sẽ có người đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, chẳng sanh bệnh, đoán trước ngày giờ mất, chẳng phải là những người thường có thể sánh kịp, họ thật đều là Phật, Bồ Tát cả.

Chúng ta vừa có một chút phước báo nhỏ nhỏ bèn cống cao ngã mạn, cứ cho mình là đúng. Mở kinh Địa Tạng ra, có một tội nghiệp nào chẳng tạo? Hiện nay vẫn tiếp tục tạo không ngừng, vẫn chẳng biết sửa lỗi, vẫn chưa biết quay về. Bạn niệm Phật suốt ngày ở Niệm Phật Đường, cảm thấy vô cùng mệt mỏi, đó là gì? Nghiệp chướng hiện tiền,

Niệm Phật Đường thực sự đang tiêu nghiệp chướng cho bạn. Vài ngày đầu nghiệp chướng khởi lên, nếu bạn có thể nhẫn nại, có thể dũng mãnh tinh tấn thì nghiệp chướng sẽ bị hàng phục. Niệm được ba tháng, nửa năm thì nghiệp chướng tiêu tan, bạn sẽ được thanh tịnh, tự tại, thân tâm an ổn, pháp hỷ sung mãn. Niệm Phật Đường chúng ta vừa mở chẳng bao lâu, có ai được pháp hỷ sung mãn không? Có chứ, chẳng ít. Những người nào? Đều là những bà cụ, họ được pháp hỷ sung mãn. Gặp cư sĩ Lý Mộc Nguyên họ bèn hỏi ông: “Chùng nào tổ chức (cử hành) khóa cộng tu nữa?”. Ông Lý nói: “Mỗi tuần cử hành một lần”. Họ nói: “Sao lâu quá vậy!”, thế nên các bạn nghĩ xem đây là đạo tràng gì? Chẳng phải do con người tạo dựng, là do Phật, Bồ Tát tạo dựng đấy. Nếu chúng ta ở đây tranh giành công lao, nói là do chúng ta tạo dựng, vậy thì sai lầm quá rồi. Lấy công đức của Phật, Bồ Tát cho là của mình, vậy thì dễ sợ lắm! Chúng ta chỉ bắt quá là người làm công cho Phật, Bồ Tát mà thôi, đi theo xách dép mà thôi. Tự mình nhất định phải biết mình ở nơi đây là thân phận gì thì chúng ta mới thực sự được Phật, Bồ Tát gia trì, được hộ pháp long thiên ủng hộ; ủng hộ là hộ đạo tràng, là hộ những người niệm Phật này, chúng ta chỉ hưởng ké thôi. Nếu nói hộ chúng ta thì hoàn toàn sai lầm, chúng ta làm gì có trí huệ lớn như vậy? Làm gì có phước báo lớn như vậy? Thế nên đạo tràng thành lập là thiện căn, phước đức, nhân duyên của chúng sanh ở nơi đó chín muồi, chúng ta thật rất may mắn, gặp được vận may này, hưởng ké một chút, [những lời nói này] câu nào cũng là lời chân thật.

Thứ mười sáu là địa ngục Âm Huyết (Uống Máu), nghiệp nhân này là trộm cắp tà hạnh, hoặc là ở trong tự viện, đạo tràng, hoặc là gần tự viện đạo tràng, tạo tác ác nghiệp, trong đó cũng bao gồm nói láo. Trong mười đại địa ngục có một cái gọi là địa ngục Uống Máu. Máu này rất khó uống, dơ dáy, hôi hám, là một con sông toàn máu, người ta đọa trong ấy. Thứ mười bảy, mười tám là Thiêu Thủ (Đốt Tay), Thiêu Cước (Đốt Chân), loại này cũng thuộc tám địa ngục nóng. Trong kinh nói nghiệp nhân này là lúc còn ở nhân gian chặt chém súc sanh, khi bạn ăn thịt chúng sanh, bạn dùng dao chặt đứt tay, đứt chân của chúng, rồi bỏ chúng vào nồi để thiêu, nấu, người ngoại quốc gọi là thiêu nướng, tương lai đọa địa ngục cũng bị quỷ tốt trong địa ngục thiêu nướng.

Thứ mười chín địa ngục Đảo Thích (Đâm Ngược), Đảo Thích, nghiệp nhân hơn nửa là phản bội, phản bội tức là chẳng thuận, sẽ hứng chịu địa ngục này. Nghiệp nhân ở trong đó rất rộng, phản bội cha mẹ, phản nghịch sư trưởng, còn gọi là bội sư phản đạo, tạo ra các hành vi

phản nghịch, ác nghiệp như vậy phải thọ quả báo ở địa ngục này. Hỏa Ốc (Nhà Lửa), Thiết Ốc (Nhà Sắt), hai địa ngục này giống nhau, lúc tạo nghiệp nhân nặng nhẹ khác nhau cho nên hai thứ khổ báo địa ngục này cũng có nặng nhẹ khác nhau. Nhà Lửa nhẹ, còn quả báo Nhà Sắt thì nặng, Nhà Sắt cũng là một biển lửa. Sau cùng là địa ngục Hỏa Lang (Chó sói Lửa). Kinh Khởi Thế nói dùng những nghiệp nhân chẳng thiện, trong đó quan trọng nhất là tâm tham. Tâm tham của sói nặng, sói là một loại thuộc về mãnh thú trong các loài dã thú. Người thế gian thường gọi tâm sói, tâm sói rất hận độc. Tâm của chúng ta hận độc lúc còn ở nhân gian, chẳng chừa thủ đoạn, tham lấy hết thấy, quả báo ở trong địa ngục này. Xem đoạn kinh tiếp theo:

Như thị đẳng địa ngục, kỳ trung các các phục hữu chư tiểu địa ngục.

如是等地獄。其中各各復有諸小地獄。

(Các địa ngục như trên, trong mỗi thứ lại có các địa ngục nhỏ.)

Vô Gián, A Tỳ là địa ngục căn bản, địa ngục của những tội cực nặng. Ngoài Vô Gián, A Tỳ ra là những đại địa ngục nói ở phía trước, mỗi địa ngục lớn lại có rất nhiều địa ngục nhỏ.

Hoặc nhất hoặc nhị hoặc tam hoặc tứ nãi chí bách thiên, kỳ trung danh hiệu các các bất đồng.

或一或二或三或四乃至百千。其中名號各各不同。

(Hoặc một hoặc hai, hoặc ba hoặc bốn cho đến trăm ngàn, tên trong số đó đều khác nhau.)

Câu này [ngụ ý Bồ Tát chỉ nói] lướt qua [về danh hiệu, tình trạng địa ngục], Ngài lược bớt, nếu nói rõ thì nói chẳng hết.

Địa Tạng Bồ Tát cáo Phổ Hiền Bồ Tát ngôn: “Nhân Giả, thử giả giai thị Nam Diêm Phù Đề hành ác chúng sanh, nghiệp hoặc như thị”.

地藏菩薩告普賢菩薩言。仁者。此者皆是南閻浮提行惡眾生。業感如是。

(Địa Tạng Bồ Tát nói với Phổ Hiền Bồ Tát: “Thưa Nhân Giả, đây đều do chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề làm ác mà tùy nghiệp

Nghiệp địa ngục từ đâu đến? Nghiệp cảm ứng hiện tiền. Thế nên hết thấy cảnh giới tướng, chẳng do người khác tạo ra cho bạn hứng chịu, nói cách khác thiên đường cũng chẳng phải do Thượng Đế tạo ra để cho bạn đến hưởng phước, địa ngục chẳng phải do Diêm La vương tạo thành để cho bạn đến thọ tội, chẳng phải vậy, toàn là do nghiệp cảm. Bạn tạo thiện nghiệp thì bạn cảm được thiên đường; bạn tạo ác nghiệp, nó biến hiện ra thành địa ngục. Cảnh giới đó biến hóa từng sát-na, đây là lời chúng ta thường nói, đều căn cứ lời Phật nói “*vạn pháp đều không, nhân quả chẳng không*”. Nhân quả chẳng không phải nói từ chỗ nào? Chuyển biến chẳng không, cảnh giới tướng bên ngoài chuyển biến từng sát-na, từng sát-na. Biến như thế nào? Tùy tâm mà biến, tâm tức là niệm đầu (một niệm), niệm đầu là năng biến, cảnh giới là sở biến. Tâm mọi người thiện thì hoàn cảnh sẽ thiện, mọi người tạo ác thì hoàn cảnh sẽ xấu ác. Hiện nay hoàn cảnh thế gian chúng ta rất xấu ác, nhiều thiên tai nhân họa; khi chúng ta mở báo, mở TV [coi tin tức thường cảm thấy] thân tâm chẳng an, lo lắng trùng trùng, nguyên nhân là gì? Mọi người đều tạo ác nghiệp, như vậy làm sao chịu nổi! Chúng ta hiểu được đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật này thì phải nên dốc toàn tâm toàn lực làm các công tác khuyến hóa, làm vậy cũng chỉ là tận tâm, tận phận mà thôi. Người ta nghe hay không, nghe có hiểu không, chịu quay về hay không là chuyện của họ. Tự tâm chúng ta phải thiện, lời nói thiện, hành vi thiện; trong cộng nghiệp có biệt báo (quả báo riêng biệt), đạo lý này không thể không hiểu, chẳng thể chẳng cảnh giác.

Làm sao trong hoàn cảnh tai biến trùng trùng này cứu chính mình, giúp đỡ người nhà, quyến thuộc, thân thích, bạn bè, chỉ cần họ chịu nghe, có thể tin, có thể tiếp nhận, chẳng có một ai không được cứu. Cho dù đã tạo tội nghiệp địa ngục, [chỉ cần] bây giờ bạn còn một hơi thở thì bạn cũng còn được cứu. Chết đi đọa lạc trong địa ngục thì chẳng còn cách gì nữa, Phật, Bồ Tát cũng chẳng giúp được gì. Chỉ cần bạn chưa đọa địa ngục thì bạn có thể được cứu, làm thế nào cứu? Chư Phật Như Lai có diệu pháp, dạy bạn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, niệm Phật là pháp sám hối chân thật. Buông xuống hết thấy pháp thế gian, xuất thế gian, buông xuống tức là chẳng tiếp tục tạo tác. Chỉ cần không tạo thì là quay về, chẳng thêm tăng thượng duyên cho những hạt giống trong A Lại Da Thức, tuy có hạt giống ác nghiệp nhưng nó chẳng khởi lên được; chẳng khởi lên tức là nói rõ chẳng thọ quả báo. Lời Phật dạy chúng ta

thực sự là có đạo lý, chẳng phải là không có đạo lý. Muốn Nhân biến thành Quả, trong đó phải có Duyên, Nhân và Quả chẳng có phương pháp gì để khống chế, nhưng Duyên có phương pháp khống chế được. Thí dụ hạt giống trái dưa là Nhân của trái dưa, nhưng Duyên của hạt dưa chính là đất đai, ánh sáng mặt trời, nước, phân bón, có đầy đủ điều kiện thì hạt giống mới có thể lớn lên thành dưa, mới ra trái dưa, nó cần có Duyên. Nếu chúng ta cắt đứt Duyên của nó, bỏ hạt giống vô tách trà, để đó một trăm năm nó cũng chẳng kết thành dưa, tại sao? Duyên đã bị cắt đứt.

Phật dạy chúng ta tự độ mình chính là đạo lý này, nghiệp nhân hạt giống trong A Lại Da thức vô lượng vô biên, bây giờ cắt đứt tất cả duyên, tuy có hạt giống nhưng nó sẽ chẳng khởi lên. Hiện nay chỉ thêm vào một duyên, duyên niệm Phật, trong A Lại Da thức của chúng ta có hạt giống A Di Đà Phật, có hạt giống Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ cần chăm sóc hạt giống này cho đang hoàng, những duyên khác hoàn toàn cắt đứt. [Niệm Phật] trong Niệm Phật Đường chính là làm công việc này, đoạn dứt hết tất cả duyên phận của các hạt giống [khác], thói quen [khác], toàn lực gia tăng, tất cả đều tập trung để tăng cường duyên niệm Phật, thế nên duyên niệm Phật này sẽ thành thực rất nhanh, ba năm, năm năm nhất định sẽ thành tựu. Lời trong kinh Phật nói chẳng giả dối, “*Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật*”, một khi thấy Phật thì việc gì cũng sẽ viên mãn. Ngày nay chúng ta muốn làm công tác hoằng pháp lợi sanh, bạn làm như thế nào? Bạn làm sao mới được viên mãn, mới được vừa lòng? Làm chẳng nổi, chẳng có trí huệ, chẳng có phước đức. Chỉ có biện pháp duy nhất là gặp A Di Đà Phật trước, thấy được A Di Đà Phật thì phước huệ của bạn sẽ đầy đủ, bạn có trí huệ, có đại phước đức, bất luận bạn làm việc gì “*trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”, bạn còn chướng ngại gì nữa? Còn khó khăn gì nữa? Huống chi sau khi thấy Phật, không gian sinh hoạt của chúng ta được mở rộng ra. Ngày nay chúng ta là phàm phu sanh tử, chúng ta sinh sống trong thế gian này, không gian sinh hoạt của chúng ta là địa cầu, chẳng có cách chi ra khỏi địa cầu, đi đâu cũng chỉ đi trên mặt địa cầu, hiện nay vẫn không thể đi đến tinh cầu khác.

Chúng ta cũng thường nghe nói có người ngoài không gian, người hành tinh khác đến thăm viếng trái đất, những người ấy đến địa cầu đích thật [là chúng sanh] thuộc về nhân đạo, chẳng phải là thiên đạo. Tại sao? Thiên đạo chẳng cần lái đĩa bay, chẳng cần công cụ phi hành, chẳng cần, chỉ có cõi người mới cần. Người cõi trời đi đâu chẳng cần những công cụ này. Những người này còn phải dùng công cụ phi hành, kỹ thuật khoa

học của họ phát triển hơn chúng ta, cho nên họ vẫn thuộc nhân đạo, chắc chắn không phải thiên đạo. Ngay cả Tứ Thiên Vương họ cũng chẳng thể sánh bằng, Tứ Thiên Vương đi lại trong vũ trụ chẳng cần máy móc. Các báo cáo về không gian hiện nay rất nhiều, những sách loại này rất nhiều, chúng tôi thấy đều là người, chẳng phải là người trên địa cầu chúng ta.

Phạm vi nhân đạo trong thế giới Sa Bà rất lớn, chẳng phải chỉ có địa cầu này thôi, rất nhiều tinh cầu khác đều có người. Trí huệ và năng lực của con người chẳng giống nhau, phước báo chẳng giống nhau, sanh đến địa cầu ấy, sinh hoạt trên tinh cầu ấy, nghiệp báo của mỗi người khác nhau, đều là quả báo. Nam Diêm Phù Đề được Phật, Bồ Tát đặc biệt nhắc đến trong kinh này chính là quả địa cầu của chúng ta. Phía trước có nói “*Chúng sanh Diêm Phù Đề, chí tánh vô định, theo tập khí mà tạo ác nghiệp*”, tập là tập khí, chẳng hay chẳng biết họ bèn tạo ác, nên cảm đến khổ báo ở địa ngục. Bốn câu sau quan trọng phi thường! Chúng ta phải ghi nhớ, chẳng nhớ nổi cả bộ kinh, nhưng phải nhớ mấy câu này. Từ “*Nam Diêm Phù Đề hành ác chúng sanh, nghiệp hoặc như thị*”, ba câu này phải ghi nhớ, từng giờ từng phút nhắc nhở chính mình. Tiếp theo lại nói:

Nghiệp lực thậm đại, năng địch Tu Di, năng thâm cự hải, năng chướng thánh đạo.

業力甚大。能敵須彌。能深巨海。能障聖道。

(*Nghiệp lực rất lớn, có thể sánh với núi Tu Di, có thể sâu như biển cả, có thể chướng ngăn thánh đạo.*)

Nghiệp lực rất lớn, lớn đến cỡ nào? Sau đó nêu ra ba việc. Tu Di là tên núi lớn, nghiệp lực có thể dời núi, dời biển, núi lớn biển sâu chẳng chống nổi nghiệp lực. Nghiệp lực có thể chướng ngăn thánh đạo, làm cho đạo nghiệp của bạn trong đời này chẳng thể thành tựu. Bất luận bạn tu hành đồng mãnh tinh tấn cách mấy, bạn cũng chẳng thoát ly lực đạo luân hồi nổi, nguyên nhân là gì? Nghiệp lực. Thế nên Phật pháp giáo hóa hết thảy chúng sanh, trọng điểm là ở tại tâm, tâm lý. Thiên Tông dạy tu hành phải tu từ căn bản, căn bản là niệm đầu (một niệm, móng ý) trong tâm. Tông Môn như vậy, Giáo Hạ sao không như vậy được? Vẫn như vậy. Nói cách khác, tu hành phải thay đổi, sửa đổi tư tưởng, sửa đổi quan niệm; trước kia tâm lý, tư tưởng, quan niệm của chúng ta mỗi niệm đều vì chính mình, lấy mình là bản vị, đó chính là tạo nghiệp luân hồi, đó là tâm luân hồi. Phật dạy chúng ta chuyển đổi tâm niệm này, chuyển thành

cái gì? Chúng ta niệm niệm vì chúng sanh, chúng ta khởi tâm động niệm, tư tưởng kiến giải, ngôn ngữ tạo tác toàn vì chúng sanh, chẳng vì mình nữa, như vậy thì tốt!

Phật dạy chúng ta lục đạo vì sao mà có? Vì chấp trước nên mới có lục đạo; cả ba thứ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều có thì sẽ hiện thành lục đạo; nếu chỉ có vọng tưởng và phân biệt, chẳng có chấp trước thì lục đạo sẽ chẳng còn nữa, trong mười pháp giới [chỉ còn] Tứ Thánh pháp giới: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, [mười pháp giới] biến thành Tứ Thánh pháp giới. Nếu phân biệt chẳng còn nữa thì Tứ Thánh pháp giới chẳng còn, thập pháp giới cũng chẳng còn nữa, hiện ra Nhất Chân pháp giới. Trong Nhất Chân pháp giới, kinh Hoa Nghiêm nói có bốn mươi một cấp bậc, Bồ Tát có bốn mươi một cấp bậc: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác. Cấp bậc này từ đâu đến? Do chưa đoạn vọng tưởng, là từ vọng tưởng mà ra. Sau khi vọng tưởng đoạn dứt thì cấp bậc chẳng còn nữa, đó là Phật quả cứu cánh. Thực sự bình đẳng, Phật Phật đạo đồng, chẳng còn cấp bậc nữa. Đây là nói rõ Nhất Chân pháp giới, Thập pháp giới, tam đồ lục đạo hình thành như thế nào. Chỉ cần khởi tâm động niệm có Ta, đây là sở hữu của Ta, bạn có đủ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bạn có thể thoát ly lục đạo luân hồi ư? Từ chỗ này thực sự khế nhập, thấu hiểu thì quý vị đã thực sự giác ngộ, chẳng giác ngộ giả. Giác ngộ xong bèn siêu phàm nhập thánh, thánh tức là giác, phàm tức là mê, phàm phu tức là còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chẳng nói đến vọng tưởng, [khi có] phân biệt, chấp trước thì là phàm phu, xả bỏ phân biệt, chấp trước thì thành thánh nhân, tức là Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát và phàm phu chỉ khác nhau ở một niệm mà thôi, bạn chuyển đổi tâm niệm trở lại bèn siêu phàm nhập thánh.

Ai có thể chuyển đổi trở lại? Ở nơi chính mình, mình có chịu chuyển không? Bạn chịu chuyển đổi trở lại thì lập tức liền biến đổi. Tôi hiểu được đạo lý này nên tôi chuyển rồi, cư sĩ Lý Mộc Nguyên hiểu đạo lý này nên ông ta đã chuyển. Sau khi chuyển trở lại, chúng tôi phục vụ cho hết thấy chúng sanh, hết thấy chúng sanh là chủ nhân của chúng tôi, là ông chủ của chúng tôi, chúng tôi là người làm công phục vụ cho họ, vô ngã. Chúng tôi mới thực sự được thọ dụng của Phật pháp, chuyển nghiệp lực thành trí huệ, chuyển nghiệp lực thành năng lực, nhà Phật nói về thân thông đạo lực, tức là chuyển ngay nơi niệm đầu, nghiệp lực bèn chuyển trở lại. Thông thường chúng tôi nói nguyện lực, chuyển nghiệp lực thành nguyện lực, nghiệp lực quá lớn có thể chướng ngại thánh đạo, nguyện lực rất lớn có thể thành tựu thánh đạo, tại sao không chịu

chuyển? Nếu không chuyển, nếu không chuyển thì vô lượng kiếp vẫn phải làm chuyện luân hồi sanh tử, dây dưa chẳng dứt. Hà tất phải rở vô chuyển phiền phức này? Kinh văn tiếp theo còn vài câu quan trọng:

Thị cố chúng sanh mạc khinh tiểu ác dĩ vi vô tội. Tử hậu hữu báo纖毫受之. báo tiêm hào thọ chi.

是故眾生莫輕小惡以為無罪。死後有報纖毫受之。

(Vì thế chúng sanh đừng khinh điều ác nhỏ mà cho là không tội, sau khi chết đều có quả báo dù nhỏ bé đều phải nhận lãnh.)

Mấy câu này phải ghi nhớ, thường thường nhắc nhở mình, đừng cho rằng không có báo ứng, đó là sự sai lầm của bạn. Một niệm ác dù nhỏ nhoi cách mấy cũng sẽ cảm thọ quả báo, đúng như câu “*chẳng phải là không báo, mà là thời giờ chưa đến?*” Thời giờ gì? Duyên chưa đầy đủ, thời giờ là nói về duyên, khi duyên đầy đủ thì quả báo lập tức hiện tiền. Nếu chư vị bình tĩnh, bình tâm tịnh ý để quan sát thế giới này, hiện tại quả báo này gọi là hiện thế báo, quả báo xảy ra rất nhanh, ngay trước mắt. Nếu chúng ta muốn thực sự cứu mình, chư vị nhất định phải biết sanh mạng chẳng quan trọng, chẳng đáng tiếc, chúng ta ở thế gian có thể sống được mấy năm? Trăm năm sương gió chỉ thoáng qua trong vòng khảy ngón tay mà thôi. Năm tôi chín tuổi rời khỏi nhà, [nhà tôi] rất gần Cửa Hoa Sơn, những hình ảnh nơi đó lúc ra đi trong ký ức tôi vẫn còn nhớ rất rõ, giống như ngày hôm qua vậy. Những bậc trưởng thượng ở làng quê hồi đó, bạn bè thân thích, bảy tám phần đều chẳng còn nữa, những bạn bè thuở nhỏ đều chẳng còn nữa. Đời người là một con số không, chỉ là một giấc mộng, phải tỉnh giấc mộng này, tỉnh ngộ cũng như quay đầu là bến bờ, phải hạ thủ công phu ở lúc khởi tâm động niệm, chẳng khởi một ác niệm, niệm niệm đều vì phước báo của chúng sanh, chúng ta dốc toàn tâm toàn lực để tạo phước cho chúng sanh hưởng phước, như vậy mới tốt, tự mình đừng hưởng phước. Người như vậy nhất định sẽ thành tựu, người như vậy sẽ được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần bảo hộ, đồng mãnh tinh tấn, chuyên cần phấn chấn chẳng lười để tạo phước, giúp đỡ xã hội, giúp đỡ đại chúng. Cuộc sống của mình thì thanh bản, không lãng phí, biết cần kiệm, mỗi khi dùng một phân tiền đều phải nghĩ đến hết thảy chúng sanh đang chịu khổ nạn, mình có thể nhín một phần thì họ sẽ có thêm một phần thọ dụng, thường thường giữ quan niệm này.

Trong kinh đức Phật nói tại sao hết thảy những người tu hành trên

thể gian tu hành chẳng đạt được kết quả? Điều vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước quá nhiều, niệm này khởi lên tiếp theo niệm trước. Kinh nói với chúng ta một khảy ngón tay có sáu mươi sát-na, một sát-na có chín trăm sanh diệt, đó là nói về niệm đầu (một niệm) nhỏ. Còn những niệm đầu thô cũng đã dễ sợ lắm rồi, từ sáng tới tối có bao nhiêu niệm sanh diệt? Tự chúng ta có thể cảm giác được. Niệm trước vừa diệt, niệm sau liền tiếp tục sanh lên, trong ấy đều có nhân quả, một niệm thiện sẽ là quả báo thiện, một niệm ác sẽ là quả báo ác. Hãy khoan nói tới ngôn ngữ tạo tác, quả báo đó còn nghiêm trọng hơn nữa, khởi tâm động niệm gì cũng có quả báo. Cho nên Bồ Tát ở đây khuyên chúng ta, khích lệ chúng ta, cảnh tỉnh chúng ta “*Đừng coi thường việc ác nhỏ mà cho là không có tội*”, đến lúc bạn thọ báo thì có hối hận cũng không kịp nữa. Những câu sau đây nói vô cùng rõ ràng:

Phụ tử chí thân kỳ lộ các biệt, túng nhiên tương phùng vô khảng đại thọ.

父子至親岐路各別。縱然相逢無肯代受。

(Chí thân như cha và con, mỗi người đi mỗi ngã khác nhau, dù cho gặp gỡ cũng chẳng bằng lòng chịu khổ thay cho nhau.)

Quả báo tự làm tự chịu, ai cũng chẳng có cách gì thay thế, chư Phật Như Lai đại từ đại bi cũng chẳng có cách gì thọ báo thế bạn. Nếu có thể thay thế thì Phật, Bồ Tát đã thay rồi, chẳng có cách chi thay thế, đây là tự làm tự chịu, cảnh giới đều do chính mình biến hiện thành. Giống như cư sĩ Chương Thái Viêm đã nói, tôi nghe lão cư sĩ Châu Kính Trụ kể, cụ Châu viết những chuyện này vào sách, ông ta có viết vài tác phẩm. Chương Thái Viêm là cha vợ của cụ, đây chẳng phải là lời giả dối, lúc còn trẻ cụ vốn là người học khoa học, chẳng tin Phật pháp, cha vợ của cụ có học Phật, kể cho cụ những chuyện này, cụ nghe xong cứ tưởng là mê tín, ngu ngôn. Lúc quá trung niên, trong thời kỳ kháng chiến cụ cư ngụ tại Trùng Khánh, ban đêm đi đường gặp quỷ nên cụ mới tin, nếu cụ chẳng đích thân nhìn thấy thì người khác nói gì cụ cũng chẳng tin. Cụ cùng quỷ đi bộ trên một con đường suốt nửa giờ đồng hồ, thời gian cũng khá dài. Đi hơn nửa giờ cụ mới bỗng nhiên nghĩ tại sao người đàn bà ấy đi một mình lẻ loi trong đêm vắng? Vừa nghĩ đến đó thì lông tóc dựng đứng, nhìn kỹ lại bà đó chỉ có nửa thân phía trên, chẳng có nửa thân dưới, cụ bèn hoảng hồn. Lúc đó thân hình phía trước biến mất, cụ tin Phật từ đó. Nếu chẳng phải đích thân nhìn thấy, đích thân trải qua thì

những người này sẽ chẳng tin. Cho nên sau này khi nghĩ đến câu chuyện của cha vợ, cụ nghĩ đây là thật, chẳng giả.

Chương Thái Viêm nói những nỗi khổ trong địa ngục, ông cảm thấy rất tàn nhẫn, chẳng nhân đạo, rất nhiều địa ngục đáng bị phá hủy. Vua Diêm La nghe đến những đề nghị này chẳng nói gì cả, chỉ phái hai chủ tiêu quỹ dẫn ông đi đến chỗ có địa ngục. Tiêu quỹ dẫn ông đi, đi rất xa mới đến chỗ ấy, chỉ cho ông nhưng ông chẳng nhìn thấy gì cả. Lúc đó ông mới vỡ lẽ, trong kinh Phật nói chẳng sai, là do nghiệp lực biến hiện, nếu bạn chẳng có nghiệp lực ấy thì sẽ chẳng nhìn thấy. Trong kinh nói địa ngục chỉ có hai hạng người có thể nhìn thấy: Một là người tạo tội nghiệp, họ thọ báo biến thành những cảnh giới này; ngoài ra là Bồ Tát, Bồ Tát có năng lực vào địa ngục để độ chúng sanh nên Ngài có thể nhìn thấy. Nếu chẳng phải hai loại duyên: Độ chúng sanh trong địa ngục, hoặc là thọ tội tại địa ngục thì dù địa ngục ở ngay trước mặt cũng chẳng nhìn thấy. Từ đây mới biết chẳng phải là Diêm Vương tạo địa ngục cho những người này thọ tội, mà là cảnh giới do nghiệp lực của mình biến hiện ra. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này rồi mới biết cha con chí thân cũng chẳng có cách gỡ thay thế cho nhau, chính mệnh phải hứng chịu. Xem tiếp kinh văn:

Ngã kim thừa Phật oai lực, lược thuyết địa ngục tội báo chi sự, duy nguyện Nhân Giả tạm thính thị ngôn.

我今承佛威力。略說地獄罪報之事。唯願仁者暫聽是言。

(Nay tôi nương oai lực của đức Phật mà lược nói những sự tội báo trong địa ngục, mong Nhân Giả tạm nghe lời đó.)

Địa Tạng Bồ Tát rất khiêm nhường, nhưng trên thực tế Địa Tạng Bồ Tát rất vĩ đại! Bạn coi khi pháp hội bắt đầu, mười phương chư Phật Như Lai đều đến tham dự, còn thù thắng hơn pháp hội Hoa Nghiêm. Trong pháp hội Hoa Nghiêm chúng ta thấy, đương nhiên hết thầy chư Phật đều đến, các Ngài chẳng dùng thân Phật mà hiện ra rất nhiều thân phận khác nhau đến tham dự. Còn trong pháp hội Địa Tạng thì Phật dùng thân Phật đến thị hiện, hết thầy chư Phật đều tham dự pháp hội này. Địa Tạng Bồ Tát là thầy của chư Phật, Ngài ở đây rất khiêm tốn “Tôi nương nhờ oai lực của Phật, lược nói những sự tội báo trong địa ngục”. Chẳng dám nói tôi biết những chuyện này. Tôi biết những chuyện này quá rõ ràng, tôi nói cho bạn nghe thì được rồi, người hiện đại

chắc chắn sẽ có thái độ như vậy. Đích thật Ngài biết rất rõ ràng, cách nói này của Ngài dạy chúng ta bất luận lúc nào cũng phải khiêm nhường, phải cung kính, phải nhẫn nhịn, đây là tánh đức. Trong mỗi niệm đều phải hàng phục phiền não tập khí của mình, tham-sân-si-mạn đều là phiền não, là tạo tội. Cho nên chúng ta thấy trong kinh, ngôn ngữ, thái độ, dụng ý của các Ngài vô cùng sâu xa. Phổ Hiền Bồ Tát là hạng người như thế nào, đều là Như Lai quay chiếc bè Từ thị hiện. “*Duy nguyện Nhân Giả tạm nghe lời này*”, câu này khiêm nhường, cung kính biết bao, đây là dạy chúng ta phải luôn khiêm nhường cung kính khi xử sự, đối người, tiếp vật.

Phổ Hiền đáp ngôn: “Ngô dĩ cứu tri tam ác đạo báo, vọng Nhân Giả thuyết lệnh hậu thế Mạt pháp nhất thiết ác hạnh chúng sanh, văn Nhân Giả thuyết sử lệnh quy Phật”.

普賢答言。吾以久知三惡道報。望仁者說令後世末法一切惡行眾生。聞仁者說使令歸佛。

(Ngài Phổ Hiền đáp rằng: “Tôi từ lâu đã biết tội báo nơi tam ác đạo, mong Nhân Giả nói ra để cho tất cả chúng sanh ác hạnh trong đời Mạt pháp sau này, nghe được lời dạy của Nhân Giả mà quay về với Phật”.)

Hai vị Bồ Tát này, một người hỏi, một người đáp, mục đích là dạy chúng ta [và] những chúng sanh đang tạo tội nghiệp, quay đầu là bến bờ, chân chánh quy y Tam Bảo. Quy nghĩa là quay về, thực sự quay về, nương vào lời dạy của Phật mà sinh hoạt, nương vào lời dạy của Phật để làm việc, như vậy gọi là quy y. Chúng ta nên làm theo những lời dạy trong kinh này, chúng ta hết lòng nỗ lực để làm. Những sự việc nào [đức Phật dạy] chẳng được làm thì chúng ta nhất định phải dứt trừ, như vậy mới gọi là quy y Phật.

Địa Tạng bạch ngôn: “Nhân Giả địa ngục tội báo kỳ sự như thị”.

地藏白言。仁者。地獄罪報其事如是。

(Ngài Địa Tạng nói rằng: “Thưa Nhân Giả, tội báo ở địa ngục, việc ấy như vậy:”)

Tiếp theo lại lược nói cho chúng ta mười bốn loại.

Hoặc hữu địa ngục thủ tội nhân thiệt sử ngưu canh chi.

或有地獄取罪人舌使牛耕之。

(Hoặc có địa ngục kéo lưỡi của tội nhân ra cho trâu cày lên.)

Đây tức là địa ngục Kéo Lưỡi.

Hoặc hữu địa ngục thủ tội nhân tâm Dạ Xoa thực chi. Hoặc hữu địa ngục hoạch thang thanh phát chữ tội nhân thân.

或有地獄取罪人心夜叉食之。或有地獄鑊湯盛沸煮罪人身。

(Hoặc có địa ngục moi tim tội nhân cho quỷ Dạ Xoa ăn. Hoặc có địa ngục vạc nước sôi sùng sục nấu thân tội nhân.)

Tục gọi là Du Đỉnh, xuống vạc dầu.

Hoặc hữu địa ngục xích thiêu đồng trụ sử tội nhân bảo. Hoặc hữu địa ngục sử chư hỏa thiêu sấn cập tội nhân. Hoặc hữu địa ngục nhất hướng hàn băng. Hoặc hữu địa ngục vô hạn phần niệu. Hoặc hữu địa ngục thuần phi tạt lê. Hoặc hữu địa ngục đa toàn hỏa thương. Hoặc hữu địa ngục duy chàng hung bối. Hoặc hữu địa ngục dân thiêu thủ túc. Hoặc hữu địa ngục bàn kiêu thiết xà. Hoặc hữu địa ngục khu trục thiết cầu. Hoặc hữu địa ngục tận giá thiết loa.

或有地獄赤燒銅柱使罪人抱。或有地獄使諸火燒趁及罪人。或有地獄一向寒冰。或有地獄無限糞尿。或有地獄純飛[金*疾]鏐。或有地獄多攢火槍。或有地獄唯撞胸背。或有地獄但燒手足。或有地獄盤繳鐵蛇。或有地獄驅逐鐵狗。或有地獄盡駕鐵驃。

(Hoặc có địa ngục đốt trụ đồng nóng đỏ lên rồi bắt tội nhân ôm lấy. Hoặc có địa ngục các bưng lửa đuổi theo tội nhân. Hoặc có địa ngục toàn là băng giá. Hoặc có địa ngục nhiều vô hạn phân tiểu. Hoặc có địa ngục toàn là loại tạt lê bay. Hoặc có địa ngục có nhiều giáo lửa. Hoặc có địa ngục chỉ đập ngực lưng. Hoặc có địa ngục chỉ đốt tay chân. Hoặc có địa ngục rắn sắt quấn cắn. Hoặc có địa ngục xua đuổi chó sắt. Hoặc có địa ngục toàn kéo la sắt.)

Danh hiệu của địa ngục phía trước có nói qua, ở đây là nói về

những tội nhân thọ quả báo này, trạng huống họ thọ quả báo trong địa ngục. Câu thứ nhất, quả báo này là nói lưỡi đôi chiều, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt, tạo những tội nghiệp này, hủy báng Tam Bảo, phá hoại lòng tin của người ta đối với Phật pháp, sau khi chết đọa vào địa ngục này. Gọi là rút lưỡi, ngưi canh (trâu cày), đồng sôi đổ vào miệng, lá sắt trói buộc thân, trong các địa ngục này cầu sống không được, cầu chết cũng không xong. Trong địa ngục chẳng phải thọ tội xong bèn chết đi, nếu chết đi thì là siêu sanh rồi, họ chẳng chết nổi. Trong địa ngục có gió nghiệp, gió này vừa thổi thì họ bèn sống lại, sống lại để thọ tội tiếp, một ngày một đêm vạn lần chết đi, vạn lần sống lại. Cứ như vậy mãi cho đến khi tội báo của họ thọ hết, thời gian đều là dùng kiếp để tính, vô số kiếp, thọ những khổ báo này. Tội báo chưa thọ hết thì vĩnh viễn chẳng thể thoát khỏi địa ngục.

Nhưng tội báo là một việc rất phiền phức, thí dụ nói lời hủy báng Tam Bảo, đoạn mất lòng tin của người ta, đến khi nào thì nghiệp này mới tiêu hết? Khi nào sức ảnh hưởng của lời bạn nói hoàn toàn mất hết thì bạn mới có thể thoát ra khỏi địa ngục. Nếu sức ảnh hưởng này còn tồn tại thì bạn sẽ chẳng có cách chi thoát ra khỏi địa ngục. Sức ảnh hưởng này thường kéo dài đến nhiều đời, hạt giống của ác duyên khởi tác dụng trong A Lại Da thức của họ, khi gặp Tam Bảo thì họ liền hoài nghi, họ chẳng thể sanh khởi lòng tin, sức ảnh hưởng này bao lớn. Như hiện nay nói chuyện, nói xong còn thâm âm, còn đem băng thâm âm đi khắp nơi, hoặc bán, hoặc tặng kết duyên. Nếu nội dung của lời nói của bạn phá hoại Tam Bảo, chỉ cần có một cuộn băng còn lưu lại trên thế gian này thì bạn chẳng có cách chi thoát khỏi địa ngục. Khi bạn viết thành văn, nếu thế gian còn một cuốn sách này thì bạn cũng chẳng thể thoát khỏi địa ngục. Thế mới biết chuyện này rất đáng sợ, chúng ta phải chịu trách nhiệm cho lời nói và văn tự của mình, như đã nói phía trước *“đừng khinh lời nhỏ mà cho là không có tội”*.

Câu thứ hai, *“Moi tim của tội nhân cho quỷ Dạ Xoa ăn”*. Nghiệp nhân loại này, pháp sư Thanh Liên trong chú giải nói với chúng ta: Con người lúc còn tại thế lấy trộm đồ vật của cha mẹ, sư trưởng, tạo ác duyên nên phải hứng chịu quả báo này. Tâm ăn trộm là tâm ác, chur vị nghĩ coi ngay cả đồ vật của cha mẹ, sư trưởng họ vẫn trộm lấy thì còn đồ vật của ai họ chẳng dám trộm? Tâm này chẳng tốt, đọa vào địa ngục, Dạ Xoa ăn tim của họ. Thứ ba, đây là vạc dầu, địa ngục Hoạch Thang, *“hoạch”* là chảo, *“đỉnh”* cũng là chảo, hiện nay ở Phước Kiến người ta còn gọi chảo bằng danh từ đỉnh. Thời cổ xưa, tảo (bếp lò) còn chưa được phát minh,

dùng cái gì để nấu đồ ăn? Dùng cái đỉnh, đỉnh có ba chân, phía dưới đốt lửa, nấu một món ăn thì dùng một cái đỉnh. Trong sách cổ có nói bày đỉnh để ăn, tức là có rất nhiều thức ăn, rất phong phú. Giống như những quầy buffet trong những nhà hàng lớn hiện nay. Món ăn tự trợ (buffet), những cái đỉnh hiện nay rất đẹp, dùng kim loại không sét rỉ làm thành, có bốn chân, ở dưới đốt lửa để giữ thức ăn nóng hoài, không nguội. Thời xưa cái đỉnh chỉ có ba chân, sau khi bếp lò được phát minh thì không dùng đỉnh nữa, đỉnh bỏ chân bèn trở thành chảo, chảo và đỉnh đều là một. Nghiệp nhân trong ấy là phá giới, sát sanh tế tự, hoặc ăn thịt, thiêu đốt rừng núi, thiêu nướng chúng sanh nên bị quả báo này.

Thứ tư, “*Hoặc có địa ngục đốt trụ đồng nóng đỏ lên rồi bắt tội nhân ôm lấy*”. Đây cũng giống như hình phạt Bào Lạc nói trong tiểu thuyết. Lúc trước, cư sĩ Chương Thái Viêm cầu xin đại đế Đông Nhạc phế trừ hình phạt này, sau đó mới biết cảnh giới địa ngục là do nghiệp lực biến hiện thành, chẳng do người tạo ra. Câu tiếp theo “*hoặc có địa ngục có các bực lửa đuổi theo tội nhân*”. Đây là một màn lửa to lớn, chẳng có chỗ nào để trốn thoát, phải bị lửa thiêu chết. Nhưng gió vừa thổi một cái bèn sống lại, bị thiêu đốt trở lại, vĩnh viễn chẳng có cách chi thoát ly. Trong kinh nói đây là quả báo của rất nhiều nghiệp bất thiện. Câu thứ sáu “*toàn là băng giá*”, địa ngục hàn băng cũng là quả báo của những nghiệp bất thiện. Câu thứ bảy “*vô hạn phân tiếu*”, phía trước có nói qua với chư vị, nghiệp nhân là đời trước phá trai, phát nguyện trì Bát Quan Trai Giới, phá trai giới và những ác nghiệp chẳng thanh tịnh cảm nên. “*Hoặc có địa ngục toàn là những loại tạt lê bay*”, tạt lê là một loại vũ khí thời cổ, hiện nay rất ít thấy, chắc trong bảo tàng viện có thể thấy được. Tức là mũi tên rất nhỏ, phần đông gọi là ám khí. Lúc người ta chẳng phòng ngừa, phòng bị, họ bèn phóng những mũi tên này ra. Hiện nay chẳng có cái này, hiện nay đổi thành súng, đều là những vật thuộc loại này. Do đó có thể biết, quả báo này là do [người dùng] các loại ám khí kết thành oán thù, sát hại chúng sanh. Đặc biệt là săn bắn, viên đạn của súng săn bắn chẳng giống với súng thường. Vì lúc bạn săn bắn, đạn của súng thường không nhất định bắn trúng như vậy, đạn của súng săn bắn có nhiều viên đạn nhỏ, dùng viên sắt nhỏ làm thành, sau khi bắn ra những viên đạn nhỏ này [sẽ bung ra] bao phủ một diện tích, những động vật nằm trong vòng diện tích này sẽ chẳng thể nào thoát khỏi. Thọ quả báo như vậy.

Hỏa thương (Thương lửa) cũng giống như Thông thương (Thương đâm), chỉ thêm lửa vào, “*chỉ đập vào ngực, lưng*” đây là như trong kinh

Lăng Nghiêm có nói về cảm ứng của Xúc Báo, cảm nên quả báo này. Vì bạn đánh đập người khác, đặc biệt là chúng ta ngày nay nói về ngược đãi động vật, thường thấy [người ta] dùng những hành động này ngược đãi động vật, đâu biết rằng sẽ bị quả báo như vậy? Câu thứ mười một “*chỉ đốt tay chân*”, đây gọi là biệt nghiệp biệt báo, tay bạn tạo nghiệp thì đốt tay, chân bạn tạo nghiệp thì đốt chân. “*Rắn sắt, chó sắt*” phía trước đã nói qua. “*Toàn kéo la sắt*”, “la” là một loài ngựa, toàn thân đều là lửa. Trong kinh Phật có nói một công án, pháp sư Thanh Liên cũng dẫn chứng trong chú giải. Nói tỳ kheo Tăng Hộ nhìn thấy một con lừa, toàn thân con lừa này đều đang bị thiêu đốt. Phật nói với tỳ kheo Tăng Hộ, đó chẳng phải là lừa, thuở trước đó là một người xuất gia thời đức Phật Ca Diếp. Người xuất gia lúc chia đồ ăn đều dành cho mình nhiều một chút, tạo ác nghiệp này nên cảm thọ khổ báo như vậy. Trong kinh này nói “*toàn kéo la sắt*” đại khái là những tội nhân này cỡi trên la sắt, toàn thân la sắt đều là lửa, tội nhân chịu khổ báo như vậy. Hình phạt, khổ báo trong địa ngục thật ra nói chẳng cùng tận. Xin xem tiếp kinh văn:

Nhân Giả, như thị đẳng báo, các các ngục trung hữu bách thiên chủng, nghiệp đạo chi khí.

仁者。如是等報。各各獄中有百千種。業道之器。

(*Nhân Giả, những quả báo như thế, trong mỗi ngục có trăm ngàn thứ khí cụ nghiệp đạo.*)

“*Nghiệp đạo chi khí*”, ngày nay chúng ta gọi là hình cụ (dụng cụ tra tấn).

Vô phi thị đồng, thị thiết, thị thạch, thị hỏa. Thử tứ chủng vật chúng nghiệp hành cảm.

無非是銅。是鐵。是石。是火。此四種物眾業行感。

(*Đều là bằng đồng, bằng sắt, bằng đá, bằng lửa. Bốn thứ này là do các hành nghiệp cảm thành.*)

Hình cụ (dụng cụ tra tấn) trong ấy đều làm bằng đồng, sắt, đá, toàn là một biển lửa, bạn cảm thọ những thứ như vậy. Chúng ta thường nói “tâm người ấy rất độc, là ruột gan sắt đá” nên ở địa ngục biến hiện ra các hình cụ đều là những thứ này. Tâm địa thanh tịnh, nhu nhuyến thì nhất định sẽ chẳng nhìn thấy những hiện tượng này. Thế nên nhất định phải hiểu, cái tâm này tức là như câu nói “tâm tàn nhẫn, thủ đoạn ác

độc”⁹⁷, oai phong này của bạn có thể kéo dài được mấy ngày? Sau mấy ngày oai phong này biểu hiện xong, sau đó thì sao? Có suy nghĩ đến không? Hậu quả chẳng thể tưởng tượng nổi, chúng ta nhất định phải hiểu.

Duy Thức Luận nói, những địa ngục nói trong kinh, có vua Diêm La trong địa ngục không? Có những lính quỷ trong địa ngục không? Thực sự là chẳng có, đều là do tánh thức biến hiện ra. Cũng giống như nằm mộng vậy, phải đến khi mộng tỉnh dậy mới biết là giả, đều là Không. Nhưng lúc bạn đang nằm mộng, bạn cứ cho rằng đó là thật. Địa ngục, tam đồ đều là mộng cảnh, cùng một đạo lý, con người chúng ta ở trên thế gian mấy mươi năm ấm lạnh không lẽ chẳng phải là một giấc mộng hay sao? Nói thêm đến thập pháp giới cũng là mộng cảnh. Kinh Kim Cang nói chẳng sai: “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, hết thấy pháp hữu vi tức là bao gồm thập pháp giới. Thập pháp giới đều là pháp hữu vi, Nhất Chân pháp giới mới là pháp vô vi. Thế nên Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật trong Quyển Giáo đều chẳng lìa khỏi pháp hữu vi. Nói cách khác y báo và chánh báo của họ đều là mộng, huyễn, bọt, bóng. Tướng có nhưng Thể không, Sự có nhưng Lý không, đó mới là chân tướng sự thật, đều do nghiệp cảm biến hiện ra. Chúng ta xem câu cuối:

Nhược quảng thuyết địa ngục tội báo đẳng sự.

若廣說地獄罪報等事。

(Nếu rộng nói những chuyện tội báo ở địa ngục.)

Nếu nói kỹ vô chi tiết, mỗi chuyện đều nói rõ ra.

Nhất nhất ngục trung cánh hữu bách thiên chủng khổ sở.

一一獄中更有百千種苦楚。

(Trong mỗi ngục còn có cả trăm ngàn thứ khổ sở.)

Mỗi địa ngục có tới trăm ngàn thứ khổ sở.

Hà huống đa ngục.

何況多獄。

(Huống chi là nhiều ngục.)

⁹⁷ Tâm ngân thủ lật.

Địa ngục nói chẳng cùng tận.

Ngã kim thừa Phật oai thần cập Nhân Giả vấn, lược thuyết như thị. Nhược quảng giải thuyết cùng kiếp bất tận.

我今承佛威神及仁者問。略說如是。若廣解說窮劫不盡。

(Nay tôi nương sức oai thần của đức Phật và vì Nhân Giả hỏi đến mà nói sơ lược như thế; nếu nói rộng ra thì tận cùng kiếp cũng nói chẳng hết.)

Lời Bồ Tát nói đều là chân thật, nếu giải thích cặn kẽ cho bạn thì “cùng kiếp” cũng nói chẳng hết, lời này là thật, chẳng giả. Thế nên chúng ta ở đây làm một kết luận chung: Địa ngục dứt khoát chẳng thể vào! Muốn chẳng vào địa ngục thì nhất định phải đừng tạo tội nghiệp, tội nghiệp nhỏ tí xiu cũng chẳng được tạo. Nguyên nhân là gì? Vì trong A Lại Da thức của chúng ta có rất nhiều hạt giống địa ngục và những tập khí đã tạo trong vô lượng kiếp. Tội nghiệp nhỏ là gì? Tức là duyên. Trong A Lại Da thức của bạn có hạt giống tội nghiệp địa ngục, bạn tạo thêm duyên cho nó, chẳng đoạn dứt duyên của nó, thì rất có thể sẽ tạo ra quả báo này, đây là chuyện chúng ta phải cảnh giác.

Thế nên nhất quyết không được coi thường, xem nhẹ những tội nghiệp nhỏ, cho rằng đều chẳng quan trọng, nếu vậy thì bạn sai lầm quá rồi! Tội nghiệp nhỏ là duyên, trong A Lại Da thức có nghiệp nhân của tội nghiệp địa ngục, nhân gặp duyên thì sẽ hiện nên cảnh giới này, cảnh giới hiện ra vô cùng dễ sợ! Muốn thoát khỏi rất khó, quá khó! Thế nên chân chánh hiểu rõ, chân chánh giác ngộ thì phải buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ, đây là phương pháp yên ổn nhất, nhanh chóng nhất, và cũng là ổn thỏa tốt đẹp nhất, vĩnh viễn thoát ra khỏi tam đồ, lục đạo.

Được rồi, hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây thôi.

Tập 18 (Số 14-12-18)

PHẨM THỨ SÁU: NHƯ LAI TÁN THÁN

如來讚歎品第六

Xin mở cuốn Khoa Chú, quyển trung, trang hai mươi lăm, xin

xem kinh văn:

Nhĩ thời Thế Tôn cử thân phóng đại quang minh, biến chiếu bách thiên vạn ức Hằng hà sa đẵng chư Phật thế giới, xuất đại âm thanh phổ cáo chư Phật thế giới nhất thiết chư Bồ Tát Ma Ha Tát, cập thiên long quỷ thần nhân phi nhân đẵng. Thính ngô kim nhật xưng dương tán thán Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, u thập phương thế giới hiện đại bất khả tư nghị oai thần từ bi chí lực, cứu hộ nhất thiết tội khổ chi sự.

爾時世尊舉身放大光明。遍照百千萬億恒河沙等諸佛世界。出大音聲普告諸佛世界一切諸菩薩摩訶薩。及天龍鬼神人非人等。聽吾今日稱揚讚歎地藏菩薩摩訶薩。於十方世界現大不可思議威神慈悲之力。救護一切罪苦之事。

(Lúc đó toàn thân Thế Tôn phóng đại quang minh, chiếu khắp trăm ngàn vạn ức số cát sông Hằng thế giới chư Phật, phát ra âm thanh lớn bảo hết thấy chư Bồ Tát Ma Ha Tát và thiên long quỷ thần, nhân, phi nhân, v. v. ở khắp các thế giới chư Phật. Hãy lắng nghe hôm nay Ta xưng dương tán thán Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ở mười phương thế giới hiện sức từ bi oai thần to lớn không thể nghĩ bàn, cứu giúp hết thấy những sự tội khổ.)

Đến đây là một đoạn. Đoạn kinh phía trước giới thiệu Địa Tạng Bồ Tát cho chúng ta, Địa Tạng Bồ Tát là vị giáo chủ có thể giáo hóa, ngày nay chúng ta gọi là đạo sư, Ngài là vị đạo sư có khả năng, có trí huệ hướng dẫn chúng ta thoát ly khổ nạn. Cũng thuyết minh đôi tượng Bồ Tát giáo hóa độ thoát, vô cùng khó được là Ngài có thể độ chúng sanh trong địa ngục, điểm này chúng ta phải thấu hiểu kỹ càng. Trong hết thấy chúng sanh, căn tánh thấp nhất, tạo tội nghiệp sâu nặng nhất chính là chúng sanh trong địa ngục. Ngài có năng lực độ thoát chúng sanh trong địa ngục, thì những chúng sanh khác khỏi phải nói, đều dễ độ hơn vì khó độ nhất Ngài cũng có thể độ. Do đó có thể biết, vị Bồ Tát này đích thật chẳng thể nghĩ bàn. Từ đoạn kinh văn phía trước chúng ta có thể hiểu, Ngài đích thật có năng lực phổ độ hết thấy chúng sanh trong chín pháp giới, cùng trí huệ đức năng của quả địa Như Lai không hai không khác. Cho nên giới thiệu xong Thế Tôn đặc biệt tán thán Ngài. Dụng ý của sự tán thán này rất sâu, rất rộng, mục đích là muốn chư đại Bồ Tát trong mười phương thế giới phải ủng hộ Địa Tạng Bồ Tát, toàn

tâm toàn lực giúp đỡ Ngài độ thoát chúng sanh đang chịu khổ nạn. Ý nghĩa tức là nhất định phải tuyên dương kinh này, tán thán công đức của Bồ Tát, phổ độ hết thảy chúng sanh, mục đích là như vậy.

Kinh văn vừa mở đầu: *“Toàn thân phóng đại quang minh, chiếu khắp trăm ngàn vạn ức số cát sông Hằng thế giới chư Phật”*, câu này nói rõ Thế Tôn phóng hào quang chiếu soi tận hư không, trọn khắp pháp giới, chẳng sót chỗ nào, bất cứ nơi nào cũng chiếu đến. Cảnh giới này cùng cảnh nói trong kinh Hoa Nghiêm hoàn toàn giống nhau. Toàn thân đặc biệt chú trọng chữ thân, thân là sắc tướng, quang từ thân tướng này phóng ra. Quang này là quang minh của tâm tánh, tự tánh vốn sẵn có quang minh của Bát Nhã. Phía trước đã nói với chư vị, làn sóng ánh sáng này vô cùng đặc biệt, vì cường độ của nó là bình đẳng, trong một sát-na liền tỏa khắp hư không pháp giới, chẳng giống như ánh sáng của mặt trăng, mặt trời mà mắt thịt chúng ta nhìn thấy, tốc độ của ánh sáng này rất chậm. Khoa học gia nói ánh sáng phát ra từ nhiều ngôi sao truyền đến địa cầu phải mất nhiều năm, mấy trăm năm ánh sáng (quang niên), mấy ngàn năm ánh sáng, mấy vạn năm ánh sáng, phải trải qua thời gian dài như vậy mới đến. Hào quang của Phật vừa phóng ra liền đến tận hư không, trọn khắp pháp giới cho nên hoàn toàn khác với những ánh sáng thường.

Toàn thân là mỗi chỗ trên thân thể đều phóng quang, tiêu biểu cho *“vàng mây sáng Đại Viên Mãn”*, trong Viên Mãn Quang bao gồm vô lượng pháp môn mà Bồ Tát đã tu trong nhân địa, viên mãn công đức mà chư Phật Như Lai chứng được trên quả địa đều tỏ lộ trong tướng hào quang này chẳng sót, cho nên đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Tỏ lộ Phật thân bao trùm pháp giới, tỏ lộ ba thân: Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân là một thể, một tức là ba, ba tức là một. Không những hiện ba thân là một, đồng thời cũng hiển thị y báo, chánh báo chẳng hai. Y báo là hoàn cảnh sinh hoạt, chánh báo là thân thể này. Y chính là chánh, chánh chính là y, y và chánh chẳng hai. Nếu chúng sanh có duyên gặp được Phật quang, cái gì gọi là duyên? Những người nào có duyên? Người nào vô duyên? Có duyên là tự mình không có chướng ngại, thì sẽ nhìn thấy quang này. Vô duyên là tự mình có chướng ngại, chẳng phải là Phật quang chẳng chiếu soi. Chư vị đồng tu phải biết Phật quang chiếu khắp, tại sao chúng ta chẳng nhìn thấy? Nguyên nhân nhìn không thấy là vì mình có chướng ngại.

Lúc tôi bắt đầu học Phật, đại sư Chương Gia dạy tôi, Ngài vô cùng khẳng định và nói: *“Trong nhà Phật, có cầu ắt ứng”*, chư vị phải ghi

nhớ chữ Phật trong câu trong nhà Phật là gì? Là Giác. Trong nhà Phật nghĩa là trong nhà Giác Ngộ, giác ngộ chẳng phải là mê hoặc, có cầu ắt ứng. Nếu bạn có cầu mà không có cảm ứng, đây là vì nguyên có gì? Đại sư nói là vì chúng ta có chướng ngại, nhất định phải tiêu trừ chướng ngại thì cảm ứng sẽ hiện tiền, đây là đạo lý nhất định. Làm sao tiêu trừ nghiệp chướng?

Tôi cũng hỏi câu này: “Nghiệp chướng khẳng định là có, làm sao tiêu trừ?”.

Đại sư trả lời: “Sám hối”, và nói: “Sám hối chẳng có nghĩa là kêu bạn đi bái sám, bạn đi lạy Đại Bi Sám, Lương Hoàng Sám, lạy sám gì đi nữa, chưa chắc có thể tiêu trừ nghiệp chướng”.

Tôi hỏi: “Vậy thì phải làm cách nào để sám hối?”.

Đại sư dạy: “Sám hối nghĩa là không làm lại việc ấy nữa, đó mới gọi là chân chánh sám hối. Tức là bạn biết được lỗi của mình, phải mau sửa đổi trở lại, đó gọi là chân chánh sám hối”.

Chúng tôi lại hỏi: “Những pháp hội sám hối trong chùa rốt cuộc có ý nghĩa gì?”.

Đại sư dạy: “Những pháp hội sám hối cử hành trong chùa chỉ là làm khuôn mẫu, nghi thức cho những người mới học Phật, người chẳng học Phật khi nhìn thấy những hình thức này bèn sanh khởi tâm hối hận (tàm quý), tâm sám hối, là có ý nghĩa như vậy”.

Chúng tôi mới hiểu đó chỉ là biểu diễn cho người ta coi. Tự mình tu hành chẳng coi trọng những hình thức này, coi trọng sự quay về chân thật, tự biết mình sai lầm, biết sai thì lập tức sửa đổi, sau đó không làm [lỗi đó] nữa, như vậy mới là sám hối thực sự, như vậy mới có thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, Bồ Tát.

Quang minh của Phật được nói trong kinh là bộ kinh này. Nói cách khác, chúng ta gặp được kinh này tức là gặp được “*quang minh chiếu khắp*” của Thế Tôn. Quang minh này của Phật là vĩnh hằng, chẳng gián đoạn, những nơi có kinh điển chính là chỗ Phật quang chiếu tới. Chúng ta mở kinh ra đọc tụng, thọ trì, hiện nay gọi là học tập, chính là tiếp thọ quang minh của Phật. Nếu có thể giác ngộ, có thể y giáo phụng hành, nhất định sẽ chứng được Vô Thượng Bồ Đề, những chuyện này chúng ta nhất định phải hiểu, phải trân trọng. “*Đại âm thanh*” là một trong ba mươi hai tướng tốt, trong ba mươi hai tướng tốt chẳng gọi là âm thanh mà gọi là phạm thanh, phạm thanh của Như Lai. Phạm có nghĩa là thanh tịnh, âm thanh của Phật có thể lay tỉnh mê tình của hết thảy chúng sanh. Trong Đại Luận (Đại Trí Độ Luận) có nói Đại Phạm Thiên Vương

có năm thứ âm thanh, cũng có nghĩa là âm thanh của Ngài có năm đức, năm đức tướng. Thứ nhất là âm thanh của Ngài rất thâm trầm, giống như tiếng sấm sét, có thể làm cho người ta tỉnh thức, cảnh giác. Đức tánh thứ hai là có thể truyền xa. Ở đây âm thanh của Phật cũng giống hào quang của Phật, tận hư không trọn khắp pháp giới đều có thể nghe được. Ngày nay chúng ta chẳng nghe được âm thanh thuyết pháp của chư Phật là vì căn tai của ta bị trục trặc, thật ra không phải vì căn tánh bị trục trặc, trục trặc là ở trong tâm, tâm không thanh tịnh, cho nên căn này sanh ra chướng ngại. Trong kinh thường nói “*y báo chuyển theo chánh báo*”, nói một cách nghiêm túc thì thân chúng ta là y báo gần nhất, thể nên nói tướng tùy tâm chuyển, thể chất cũng tùy tâm chuyển, sáu căn của chúng ta cũng chuyển theo tâm. Tâm địa thanh tịnh, tế bào trong sáu căn, tế bào nhỏ bé sẽ khởi chuyển hóa, biến thành hoàn toàn phù hợp với tiêu chuẩn tự nhiên, sẽ có thể tiếp nhận những tin tức trong hư không pháp giới. Mắt có thể tiếp nhận sắc tướng ở tận hư không, trọn khắp pháp giới; tai có thể nghe hết thấy âm thanh trong tận hư không, pháp giới. Trong kinh chúng ta thấy được người ở Cực Lạc thế giới đều như vậy. Tại sao họ có thể mà chúng ta không thể? Tâm họ tịnh, tâm tịnh thì cõi nước tịnh.

Chúng ta hiểu được đạo lý này, hiểu được những chân tướng sự thật này, muốn khôi phục lại đức tướng, trí huệ, năng lực vốn sẵn có của chúng ta, chẳng có cách nào khác ngoài Định Huệ. Trong Định Huệ thì Định là mấu chốt, Huệ chẳng cần tìm cầu, Định khởi tác dụng tức là Huệ, Định khởi tác dụng chính là Giới, Giới - Định - Huệ là một mà ba, ba là một, chẳng thể tách lìa nhau. Chúng ta gọi tác dụng của Định Huệ là “*Xảo*”, tương ứng với Giới là “*Thiện*”. Thiện xảo phương tiện của chư Phật, Bồ Tát chính là trong mỗi tâm niệm đều tương ứng với Tam Học: Giới - Định - Huệ, thiện xảo đến cùng cực, thể nên đích thật quang minh của các Ngài chiếu trọn khắp, phạm âm nghe cùng khắp. Nghe xong sẽ sanh tâm hoan hỷ, nhìn sắc tướng sanh tâm hoan hỷ, nghe âm thanh sanh tâm hoan hỷ. Không những sanh tâm hoan hỷ, thấu hiểu được ý nghĩa này thì tự nhiên sẽ sanh khởi tâm kính mến, đây là đức tướng thứ ba. Đức tướng thứ tư, Phật nói hết thấy pháp, pháp thậm thâm, bạn nghe xong chẳng khó hiểu. Rất dễ hiểu, rất dễ tiếp nhận, nhất định sẽ chẳng hiểu sai ý tứ trong ấy. Đức tướng thứ năm là làm cho người nghe xong vĩnh viễn chẳng chán, chẳng giống như chúng ta làm việc gì, làm lâu thì sẽ chán ngán. Nhìn thấy quang minh, sắc tướng của Phật, nghe âm thanh thuyết pháp của Phật vĩnh viễn nghe hoài không chán, người hiện nay gọi là hưởng thụ cao cấp, đây là thật chẳng giả.

Thế nên “xuất đại âm thanh” nói với chư Bồ Tát chính là vì công việc trọng đại lưu thông bộ kinh này. Nói thật ra trong Phật pháp, bộ kinh này cũng là căn bản pháp luân. Hoa Nghiêm gọi là căn bản, căn bản của cả Phật pháp, căn bản của hết thảy sự giáo học của chư Phật Như Lai. Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh là căn bản của chỗ chúng sanh khởi tu, bạn bắt đầu tu từ đâu? Phải bắt đầu tu từ kinh này thì bạn mới có thể nhập cảnh giới của quả địa Như Lai. Thế nên đức Phật ở đây dùng đại âm thanh nói với trọn hư không pháp giới, hết thảy Bồ Tát Ma Ha Tát trong hết thảy cõi nước chư Phật. Bồ Tát là người đã giác ngộ, phải nên gánh vác sứ mạng hoằng kinh, hộ kinh. Làm sao hộ? Y giáo phụng hành tức là hộ kinh, nếu chúng ta đến khắp nơi tuyên dương, giới thiệu kinh này cho đại chúng, tự mình chẳng làm, chẳng hết lòng tu thì đó là phước đức. Quả báo của việc này là phước báo hữu lậu thế gian, bạn chỉ tu phước. Nếu bạn y giáo phụng hành, rồi lần lượt dạy kẻ khác thì việc này là công đức. Trong công đức có phước đức, trong phước đức chẳng có công đức, việc này chúng ta đã nói qua rất nhiều lần rồi.

Ở đây Thế Tôn khuyên hết thảy Bồ Tát Ma Ha Tát, ngày nay chúng ta may mắn được thân người, được nghe Phật pháp, càng may mắn hơn là có thể xuất gia tu hành trong Phật pháp, làm đệ tử Phật, làm học trò của Phật. Phật có thừa nhận học trò này không? Việc này hoàn toàn phải coi chính mình. Nếu ba nghiệp thân, khẩu, và ý của chính chúng ta tương ứng với lời giáo huấn của Phật, thì Phật khẳng định sẽ thừa nhận chúng ta là học trò của Ngài. Nếu ba nghiệp thân, khẩu, và ý chẳng tương ứng với lời giáo huấn của đức Phật, tuy chúng ta nói là học trò của đức Phật, hình tượng hiện ra hôm nay cũng thế độ, mặc áo tràng, đắp y, và cũng thọ giới, nhưng Phật, Bồ Tát chẳng thừa nhận. Chẳng thừa nhận, thân phận này là do đại sư Thiên Thai nói ra, gọi là “Danh Tự tỳ-kheo”, có Danh chẳng có Thật. Tên là Sa Môn, là người xuất gia đều chẳng phải là thật. Rất đáng cho chúng ta phản tỉnh sâu xa, khi đã xuất gia rồi thì nhất định phải làm một Phật tử có Danh phù hợp với Thật, chúng ta có sứ mạng phải hoằng dương bộ kinh này.

Muốn hoằng dương kinh này thì nhất định phải tu học kinh này, rất nhiều bạn đồng tu học giảng kinh, ở đây hoặc ở chỗ khác tôi thường thường gặp một số pháp sư trẻ tuổi đến hỏi: “Làm thế nào mới giảng kinh giỏi?” Những người này cứ tưởng tôi giảng kinh mấy chục năm có một chút kinh nghiệm, họ đề ra vấn đề này rất là hy hữu. Nếu thực sự muốn giảng kinh giỏi và hay, nhất định phải tu hành y theo lời dạy; bạn chân tu (tu hành chân thật) mới có tâm đắc, chúng ta hiện nay gọi là tâm

đắc, trong Phật pháp gọi là chỗ ngộ (ngộ xứ). Nếu bạn chẳng chân tu thì chẳng có chỗ ngộ, duy chỉ có làm thực sự mới có chỗ ngộ. Bạn ngộ được càng sâu thì đương nhiên bạn sẽ giảng càng hào hứng. Nếu bạn chẳng ngộ, chỉ coi chú giải của người khác, đó là dựa vào nguyên bản, nói theo lớp lang, hoàn toàn là của người khác, chẳng liên quan gì với mình, thì bạn làm sao giảng hay được? Bạn có thể giảng chú giải cho thật thuộc, thật lưu loát, hoa trời rơi lá tả, có nội dung thực tế gì không? Chẳng có. Những gì đã giảng hoàn toàn là bề ngoài, trên hình tướng, một phần cũng chẳng thấu sâu vào. Bạn vào càng sâu, sức mạnh phát ra tự nhiên sẽ chẳng tương đồng. Thế nên quy kết đến cùng phải chân tu thì bạn mới thực sự giảng hay, kiến giải, tư tưởng, và tâm hạnh của bạn tương ứng cùng Phật, làm sao giảng không hay được! Năm đức trong âm thanh của Đại Phạm Thiên Vương bạn cũng có thể có đủ.

Lúc sơ học chúng ta chẳng giác ngộ, chẳng ngộ nhập, bắt đầu học thì phải học từ đâu? Từ chân thành. Có vậy mới có cảm ứng, có thể được Phật, Bồ tát gia trì, giúp đỡ bạn ngộ nhập. Nếu tâm bạn chẳng chân thành thì không có cách chi, chân thành chẳng có mấy may tướng hư nguy. Không những khi đọc kinh, giảng kinh mới chân thành, khi lên giảng đài thì chân thành, bước xuống thì hư nguy, như vậy được không? Không được. Chư vị phải biết một Chân thì hết thấy đều Chân, chúng ta chỉ có một tâm chân thành, đối với Phật, Bồ Tát là tâm này, đối với hết thấy chúng sanh cũng là tâm này, như vậy thì bạn mới ngộ nhập. Nếu bạn còn dùng hai tâm thì chắc chắn không thể ngộ nhập. Không những không thể ngộ nhập cảnh giới của Phật, nói thật ra bạn đối với những tình trạng trước mắt cũng chẳng thể hiểu rõ. Đây là điều các bạn đồng học phát tâm học giảng kinh, phát tâm tiếp nối huệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh không thể không biết.

Chư đại Bồ Tát đối với chân tướng của vũ trụ nhân sinh không những ngộ nhập, có thể nói họ triệt để ngộ nhập, trong Phật pháp gọi là triệt để nguồn pháp. Chúng ta biết trong ấy rất nhiều Bồ Tát Ma Ha Tát đều là mười phương chư Phật Như Lai thả chiếc bè Từ để thị hiện. Thân phận của Bồ Tát chẳng nhất định, chư vị phải biết, họ có thể thị hiện những thân phận khác nhau. Trong Phẩm Phổ Môn chúng ta thấy Quán Thế Âm Bồ Tát hiện ba mươi hai Ứng Thân, đây là nêu ra một thí dụ. Sự thị hiện của Ngài chẳng phải ý tứ của Ngài, hoàn toàn do sự Cảm của chúng sanh, Ngài mới có Ứng. Đó là nên dùng thân Phật để độ thì Ngài bèn hiện thân Phật, vị Phật đó cũng là Bồ Tát; nên dùng thân đồng nam, đồng nữ để độ thì Ngài bèn hiện thân đồng nam, đồng nữ, đồng nam

đồng nữ ấy cũng là Bồ Tát; nên dùng thân tỳ-kheo để độ thì Ngài hiện thân tỳ-kheo, đâu có nhất định! Thậm chí nói nên dùng thân kẻ ăn xin để độ thì Ngài bèn hiện thân kẻ ăn xin. Trong “Niên phổ của lão hòa thượng Hư Vân” chúng ta thấy khi lão hòa thượng Hư Vân triệu bá Ngũ Đài Sơn gặp một người xin ăn, người xin ăn ấy chính là Văn Thù Bồ Tát hóa thân. Do đó phải biết những Bồ Tát Ma Ha Tát này đang ở trong các ngành các nghề của xã hội chúng ta, bạn biết người nào là Bồ Tát hay chẳng? Không biết, chúng ta là phàm phu mắt thịt.

Những đại Bồ Tát, chư Phật Như Lai này tại sao làm như vậy? Dụng ý làm như vậy rất sâu. Làm cho chúng ta sanh khởi tâm cung kính tốt cùng đối với hết thảy chúng sanh. Người học Phật chúng ta nên có thái độ như thế nào? Bất luận là hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật, chúng ta phải xem họ như chư Phật Như Lai thị hiện, tâm cung kính của chúng ta mới khởi dậy được, như vậy mới có thể khế nhập vào hạnh Phổ Hiền. Hạnh môn thứ nhất của Phổ Hiền là lễ kính chư Phật, chúng ta đối đãi với bất cứ người, sự, vật nào đều phải lễ kính chân thành. Lễ là hình dáng bên ngoài, Kính là nội tâm. Cho nên tâm ý, mật ý của sự thị hiện là nhằm dẫn chúng ta đến hạnh Phổ Hiền. Chúng ta nhất định không thể khinh mạn bất cứ một chúng sanh nào, trong tâm của chúng ta họ đều là hóa thân của Như Lai. Rốt ráo họ có phải là hóa thân của Như Lai hay không? Nếu tâm ta đối đãi với họ: Họ là hóa thân của Như Lai, trong cảnh giới của mình thì người này chính là hóa thân của Như Lai. Bạn hỏi là đạo lý gì? Cảnh chuyển tùy theo tâm. Chuyển tùy theo tâm mình, trong tâm của mình họ là Như Lai, trong tâm của mình người ấy là phàm phu, bạn có hiểu đạo lý này hay chẳng? Trong tâm của mình người ấy là Như Lai, cảnh giới của mình bèn được nâng lên đến cảnh giới của Như Lai.

Trong mắt của Phật, hết thảy chúng sanh đều là chư Phật, phàm phu nhìn Phật, Bồ Tát đều là phàm phu, phàm phu chẳng thể thành Phật là vì họ nhìn hết thảy chúng sanh đều là phàm phu. Nếu bạn quả thật quay về, bạn nhìn hết thảy chúng sanh đều là chư Phật Như Lai thì bạn sẽ thành Phật rất nhanh. Tại sao Thiện Tài đồng tử thành Phật ngay trong đời này, đạo lý ở đâu? Nhờ vào điểm này. Đây chính là chỗ chúng ta thường nói dùng tâm chân thành đối đãi với hết thảy người, sự, vật, chân thành đến mức cùng cực, chuyển hết thảy cảnh giới thành cảnh giới của Phật. Trong các buổi giảng chúng tôi thường nói tướng tùy tâm chuyển, thể chất tùy tâm chuyển, cảnh giới tùy tâm chuyển, hằng ngày đều giảng, đều khuyên, đều nhắc nhở, tại sao bạn không thể chuyển? Chuyển ở tại

một niệm; chúng sanh và Phật nói thật ra chỉ là cách nhau ở một niệm, một niệm giác bèn thành Phật, một niệm mê bèn thành phàm phu. Hy vọng chư vị đồng tu phải hiểu sâu ý nghĩa này. Họ triệt để hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, hiểu vạn pháp đều không, hiểu hết thấy pháp chẳng có tự tánh; kinh Bát Nhã nói “*chư pháp duyên sanh, duyên sanh vô tánh, đương thể tức không, liễu bất khả đắc*”. Ngài còn đến để thị hiện, còn làm ra tấm gương để cho người ta coi, đây là lòng từ bi đến cùng cực. Vì Ngài hiểu rõ hạt giống Phật từ duyên sanh, duyên là gì? Hết thấy người là duyên, hết thấy sự là duyên, hết thấy vật cũng là duyên, những gì lục căn chúng ta đối diện đều là duyên. Trong duyên làm sao lại có hạt giống Phật? Lúc nãy tôi dạy cho bạn, bạn có thể coi hết thấy sự vật đều là chư Phật Như Lai thị hiện thì hạt giống Phật của bạn đã sanh rồi. Nếu bạn nhìn hết thấy người, sự, vật này đều là phàm phu, đều là nghiệp chướng sanh tử phàm phu thì hạt giống Phật của bạn chưa sanh, nghiệp chướng của bạn đã sanh rồi, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của bạn khởi lên rồi. Đều ở tại một niệm, vấn đề là bạn biết hay không? Tổ sư đại đức trong Tông Môn thường khám nghiệm học trò, trong lời nói thường hỏi: “Hiểu không?” (Hội ma?) Bạn hiểu không. Hiểu rồi thì nhập cảnh giới; chẳng hiểu thì vẫn là phàm phu. Cho nên ý nghĩa của câu “Hiểu không?” này cũng rất sâu xa, chúng ta phải thấu hiểu đến nghĩa thú của chỗ này.

Cho nên chúng sanh do nguyên nhân này có cảm, Bồ Tát cũng do đó mà có ứng, cảm ứng đạo giao. Chúng ta phải hiểu lý của cảm ứng đạo giao. Chúng ta cùng chư Phật, Bồ Tát cảm ứng đạo giao, chúng ta cùng hết thấy chúng sanh cũng cảm ứng đạo giao, thiện thì cảm ứng với thiện, ác thì cảm ứng với ác, lý rất sâu nhưng chẳng phải thấu hiểu không được. Chúng ta nêu ra một thí dụ rất cạn cợt, bạn thấy người học Phật thích ở chung với người học Phật, tôi học Phật thì tôi có cảm, hết thấy những người học Phật bèn ứng. Người học Phật tuyệt đối sẽ chẳng ở chung với người Cơ Đốc Giáo, đây không phải là một thí dụ sao? Thế pháp cũng vậy. Người đánh bài sẽ có một đám bạn đều thích đánh bài, người ấy cùng họ cảm ứng đạo giao; người thích khiêu vũ cảm ứng đạo giao cùng người thích khiêu vũ, vật cùng loại tụ với nhau, người phân chia thành từng tộc đoàn. Tại sao lại từng loại, từng nhóm cùng nhau? Lý của sự cảm ứng. Không những động vật có cảm ứng này, thực vật cũng có cảm ứng như vậy. Nếu bạn lưu ý khi đi du lịch ngoài trời, rừng núi, bạn hãy xem cây cối, cây cối cùng loại mọc chung với nhau, không thấy trong một khu rừng có rất nhiều chủng loại, rất ít, chưa từng thấy,

trừ phi con người cố ý trông như vậy. Nếu là rừng tự nhiên thì trong một đám rừng nhất định là cùng một chủng loại. Do đó bất luận là động vật, thực vật, khoáng vật đều là một loài, một nhóm cùng nhau, đạo lý này gọi là lý của sự cảm ứng. Thiện cảm ứng với thiện, ác cảm ứng với ác, tịnh cảm ứng với tịnh, bạn sẽ hiểu được Phật cảm ứng với Phật.

Phật, Bồ Tát dùng các thân phận, các sắc tướng thị hiện trong thế gian, từ bi đến cùng cực. Chúng sanh khổ nạn thì Ngài nhất định sẽ cứu tế họ. Đài Loan có một hội Từ Tế Công Đức, từ bi cứu tế đến mức cùng cực là phải giúp đỡ hết thầy chúng sanh phá mê khai ngộ, đó là chân chánh từ bi cứu tế. Dùng tài vật để cứu tế, người ta không có ăn thì tặng cho họ một chút lương thực, không có mặc thì tặng vài bộ quần áo cho họ, đó là cứu giúp nhất thời, chẳng phải kế sách lâu dài. Kế sách lâu dài là phải bắt đầu cứu độ từ căn bản, phải dạy họ phá mê khai ngộ, phải giúp họ khôi phục trí huệ đức năng, phước báo vô cùng tận vốn sẵn có trong tự tánh, đó là cứu tế chân thật, chẳng phải là cứu tế giả, đây là cứu tế đến cùng cực.

Kinh Địa Tạng đối với hết thầy chúng sanh, đặc biệt là đối với hết thầy chúng sanh đang chịu tội khổ là từ bi cứu tế bắt đầu từ căn bản. Vừa rồi tôi nói rất rõ ràng, nhất định tự mình phải y giáo phụng hành trước, tự mình phải thực sự làm được thì bạn mới có thể thấu hiểu ý tứ của từng câu từng chữ trong kinh này. Nếu làm không được, y chiếu theo giảng ký của người khác mà giảng, giảng được giỏi cách mấy cũng khó khế cơ. Nói theo cách thông thường thì đó chẳng có đạo vị chân chánh, đạo vị chân chánh là từ tâm tánh tuôn trào ra. Chú giải của cổ đức chỉ cung cấp cho chúng ta tham khảo mà thôi, đó là sự tu hành của họ, cảnh giới họ chứng được, tuôn ra từ tự tánh của họ, chẳng phải tuôn trào từ tự tánh của chúng ta. Nhất định phải tuôn ra từ tự tánh chính mình mới được, sau đó chúng ta đối chiếu với kinh, so sánh với những chú sớ của cổ đại đức, lãnh hội sâu vào. Xin xem đoạn kinh tiếp theo:

Ngô diệt độ hậu nhữ đẳng chư Bồ Tát đại sĩ, cập thiên long quỷ thần đẳng, quảng tác phương tiện vệ hộ thị kinh. Lịnh nhất thiết chúng sanh chứng Niết Bàn lạc.

吾滅度後汝等諸菩薩大士。及天龍鬼神等。廣作方便衛護是經。令一切眾生證涅槃樂。

(Sau khi Ta diệt độ thì hàng Bồ Tát, Đại Sĩ các ông cùng với Trời, Rồng, Quỷ, Thần, v.v... nên dùng nhiều phương tiện để giữ gìn bảo vệ kinh này, khiến tất cả chúng sanh đều chứng được cảnh vui Niết Bàn.)

Trong đoạn này, Thế Tôn nói ra nguyện vọng của Ngài đối với Bồ Tát Ma Ha Tát. Đặc biệt là sau khi Phật thị hiện diệt độ. Trong thời gian Phật chẳng trụ thế thì chúng sanh sẽ khổ, mê hoặc điên đảo, tạo hết thảy tội nghiệp, chẳng có người dạy họ. Do đó Phật phải phó chúc những Bồ Tát này “*hàng Bồ Tát, Đại Sĩ các ông*”, đại sĩ thông thường là chỉ Địa Thượng Bồ Tát, chỉ Đăng Giác Bồ Tát nhiều nhất. “*Thiên long quý thần*” trên thực tế đều là Phật, Bồ Tát ứng hóa, nếu chẳng phải là Bồ Tát ứng hóa, thật là thiên long quý thần thì họ đều là phàm phu, rất khó hiểu được lời dạy của Phật. Phật dạy họ phải “*dùng nhiều phương tiện, giữ gìn bảo vệ kinh này*”. Kinh Duy Ma nói rất hay “*nếu chẳng có phương tiện*”, phương là phương pháp, tiện là tiện nghi. Nếu bạn chẳng có phương tiện thì dù có trí huệ bạn cũng chẳng thể phát huy. Cũng như người thật có học vấn, có trí huệ, chẳng có khẩu tài, lên giảng đài chẳng giảng được, nhưng họ viết văn rất hay. Chúng tôi đã gặp những người như vậy, viết văn chương thật hay, lên giảng đài nói không được, dạy học không được, họ chẳng thể dùng ngôn ngữ biểu đạt ý tứ được.

Thuyết pháp cần có biện tài vô ngại, [muốn có] biện tài thì cũng mong cầu Phật, Bồ Tát gia trì, làm thế nào mới được Phật, Bồ Tát gia trì? Vẫn chỉ là sự cảm ứng của lòng chân thành: Tôi vì chúng sanh, chẳng vì mình thì sẽ được Phật, Bồ Tát gia trì. Một số người cầu Phật, tại sao cầu chẳng được cảm ứng? Khi cầu Phật, Bồ Tát, tuy vì chúng sanh nhưng vẫn còn vì mình, chín mươi chín phần trăm vì chúng sanh, nhưng còn một chút vì mình thì sẽ chẳng được cảm ứng. Huống chi hiện nay phần đông người hoằng pháp lợi sanh, nói đại khái chín chục phần trăm vì mình, mười phần trăm vì chúng sanh, chắc là tỷ lệ như vậy, phân nửa – phân nửa cũng rất hiếm, thì làm sao có cảm ứng được? Những sự thật này, hy vọng các vị đồng tu phải quan sát và thấu hiểu kỹ càng. Trong đời Mạt Pháp, nghiệp chướng của chúng ta rất nặng, nếu chẳng được Tam Bảo gia trì, nhất định sẽ chẳng có năng lực giảng kinh, đây là chuyện rất thực tế. Trong kinh nói ngay cả Địa Tạng Bồ Tát thuyết pháp cũng phải “*nuờn nhờ oai thần của Phật*” gia trì, huống chi là phàm phu chúng ta? Chúng ta phải hiểu đạo lý này, cho nên nếu không có phương tiện khéo léo thì chúng ta chẳng có năng lực biểu đạt và tỏ lộ ý nghĩa thâm thâm của kinh làm cho người sơ học nghe dễ hiểu.

Trong kinh Phật nói với chúng ta, nhất định chẳng thể dùng tâm có ái kiến. Ái là gì? Tôi thích. Kiến là gì? Chủ ý của tôi, kiến giải của tôi, cách suy nghĩ của tôi, cách làm của tôi. Nếu dùng tâm niệm và thái độ này để trang nghiêm tịnh độ, thành tựu chúng sanh thì bạn sẽ có trở

ngại, chướng ngại. Chướng ngại gì? Chướng ngại trí huệ chân thật của bạn, chướng ngại công đức của bạn. Nếu bạn hỏi tại sao? Phật nói với chúng ta chân tướng của vũ trụ nhân sinh là một, chẳng hai. Tự chúng ta có tâm ái kiến, tức là phân biệt, chấp trước. Phân biệt, chấp trước là mê hoặc, là phiền não, là chướng ngại, chướng ngại tâm tánh. Vô lượng trí huệ, vô lượng đức tướng, vô lượng công đức trong tâm tánh đều bị chướng ngại. Đây là một sự việc khó nhất, đây là chân tướng sự thật. Nếu chúng ta xa lìa ái kiến, hoặc là nói xa lìa phân biệt, chấp trước, ái kiến tức là phân biệt, chấp trước, tâm của chúng ta mới thực sự thanh tịnh. Trong đề kinh của kinh Vô Lượng Thọ nói đến Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác, từ năm chữ này chúng ta suy ra thành mười chữ để cho mọi người dễ hiểu: Chân Thành, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Chánh Giác, Từ Bi, mười chữ này là từ năm chữ trên mở rộng ra. Thường giữ tâm này, tâm này tức là trang nghiêm Phật độ, thành tựu chúng sanh. Thực hiện trên sự tướng, trong đời sống tức là Nhìn Thấu, Buông Xả, Tự Tại, Tùy Duyên, sau cùng là Niệm Phật, thành tựu công đức rốt ráo viên mãn. Nếu không niệm Phật, cao nhất là chúng ta chỉ đến cảnh giới Bồ Tát, niệm Phật thì sẽ đến cảnh giới của Phật, đại viên mãn, thực sự rốt ráo. Nếu thực sự dùng tâm này thì sự tu học, công việc của chúng ta nhất định sẽ không mệt, không chán. Mệt là mệt mỏi, chán là chán chường.

Hôm qua ở Cư Sĩ Lâm, pháp sư Ngô Toàn nói với tôi rằng ông sanh tâm xấu hổ. Ông nói chúng ta hai mươi bốn giờ niệm Phật, người trẻ tuổi sánh chẳng bằng những cụ già ở Cư Sĩ Lâm. Người trẻ tuổi niệm tới nửa đêm thì mệt rồi, toàn thân đều mệt rũ rượi, chẳng chịu đựng được nữa. Nhưng các cụ già còn ở đó nhiều Phật, vẫn ở đó niệm Phật, niệm đến trời sáng vẫn chẳng mệt. Trời sáng họ còn đi lau chùi, dọn dẹp xung quanh. Sau khi nhìn thấy, tâm ông rất ngưỡng [và nói] chúng tôi chẳng bằng các cụ. Tại sao ông chẳng bằng họ? Bạn có vọng tưởng, họ chẳng có vọng tưởng. Tâm bạn chẳng thanh tịnh, tâm họ thanh tịnh. Bạn niệm Phật lâu rồi tâm bèn sanh phiền não cho nên toàn thân đều khó chịu. Họ sanh pháp hỷ, họ vui sướng vô cùng, càng niệm càng hoan hỷ, càng niệm càng hăng hái, càng niệm càng có tinh thần, đó là thật. Cho nên con người thực sự đắc được thiền định, thì sẽ vĩnh viễn chẳng cảm thấy mệt mỏi, người đạt được thiền định có thể không cần ngủ nghỉ. Tài, sắc, danh, thực, thù (tiền tài, sắc dục, tiếng tăm, ăn uống, ngủ nghỉ) gọi là Ngũ Cái, năm thứ này che lấp chân tâm, bốn tánh của bạn; Cái tức là chướng ngại, chướng ngại mắt nên chẳng thể khởi tác dụng. Bởi vậy hôm qua tôi nói với ông, nhất định phải tu tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh

có thể đạt đến mục đích này. Trong kinh đức Phật dạy chúng ta “*đặt tâm ở một chỗ, chẳng có chuyện gì không làm được*”⁹⁸. Nếu tâm của bạn, đây là nói về phàm phu, chẳng phải thánh nhân, chẳng phải người học Phật, sự ưa thích, hứng thú của bạn có thể tập trung vào một chỗ, thì người ấy cũng chẳng mệt chẳng chán, trong ngành nghề nào cũng có. Người đọc sách ưa thích sách vở, họ đọc sách chẳng cảm thấy mệt, chẳng chán. Khoa học gia ở trong phòng thí nghiệm thường quên ăn quên ngủ, quên ăn cơm, quên ngủ nghỉ, đó là gì? Vì hứng thú của họ, nhờ đó có thể đạt được.

Chúng tôi cũng từng nghe, lúc trước ở Pháp, Nã Phá Luân (Napoleon) mỗi ngày ngủ hai tiếng mà thể lực vượt hơn những người thường. Thể lực đó do đâu mà có? Chuyên chú, ông ta rất ưa thích sự nghiệp, một lòng một dạ vì sự nghiệp, quên hết tất cả chuyện khác. Người thế gian còn làm được hướng chỉ là người tu hành! Thế nên người tu đạo lúc nhập định, nhập định chẳng phải ngủ nghỉ, nếu nói ngồi xếp bằng tĩnh tọa nhập định mà họ ngủ thì hình dáng ngủ như vậy rất khó coi, tại sao? Nhất định là đầu và chân co vào nhau, đó là đang ngủ. Nếu họ đang nhập định thì thân thể sẽ rất ngay ngắn, chẳng phải họ đang ngủ, ở trong định họ có cảnh giới trong định, chẳng phải ngủ, họ tỉnh táo. Nếu bạn muốn kêu họ xuất định, lấy dũa khảnh gõ nhẹ nhẹ ba lần vào tai của họ thì họ sẽ xuất định, đó là có người kêu họ, cho nên phải biết họ chẳng có ngủ. Tĩnh tọa mà ngủ thì có thể nhìn biết, ngáy khò khò, đầu và chân co vào nhau. Chúng ta phải khắc phục những chướng ngại này, phải khôi phục tinh thần và thể lực của chúng ta thì mới có thể hoằng pháp lợi sanh, mới có thể tiếp nhận lời phó chúc của Thế Tôn “*rộng làm các phương tiện, giữ gìn bảo vệ kinh này*”, vệ nghĩa là hộ vệ, hộ vệ nghĩa là giữ gìn.

Phật ở đây khuyên Bồ Tát, nói thật ra cũng là khuyên chúng ta, kinh này đối với xã hội hiện giờ, đối với chúng sanh đời Mạt Pháp vô cùng quan trọng! Trong mấy chục năm giảng kinh, tôi thường khuyên khích mọi người, trong sự tu học Phật pháp Đại Thừa, Địa Tạng là cơ sở, Địa là tâm địa, người hiện nay chúng ta gọi là xây dựng tâm lý, cho nên trong kinh này nói những gì? Xây dựng tâm lý, đây là căn bản. Từ bộ kinh này mới có thể sanh ra lòng yêu thương rộng lớn (đại ái), người hiện nay gọi là bác ái, hai chữ bác ái này lấy từ kinh Vô Lượng Thọ. Phật pháp nói về đại từ đại bi. Đại từ đại bi sanh khởi từ đâu? Từ trong kinh này sanh khởi, do đó kinh này là căn bản. Nội dung kinh này nói về

⁹⁸ Ché tâm nhất xứ, vô sự bất biện.

hiếu thân tôn sư, dùng hiếu đạo làm cơ sở, cho nên hết thấy pháp đều sanh từ hiếu đạo, nội dung của kinh này là đại hiếu. Từ hiếu sanh khởi từ bi, trong từ bi sanh ra trí huệ, từ bi là phước, phước chí tâm linh, từ trong trí huệ mới chân chánh phát khởi đại tâm phổ độ hết thấy chúng sanh.

Sau cùng nói “*làm cho hết thấy chúng sanh chúng được cảnh vui Niết Bàn*”, Niết Bàn là thật, chẳng giả, Niết Bàn là chẳng sanh chẳng diệt, ý nghĩa của Niết Bàn là cứu cánh viên mãn, chẳng có một tí gì khiếm khuyết. Cho nên đức Phật ở đây khuyên dạy mọi người nhất định phải rộng làm phước thiện, giữ gìn bảo vệ lưu thông, và lại phải chú trọng hiệu quả. Nhất định phải giúp đỡ mọi người hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, sau đó đoạn dứt hết thấy ác, tu hết thấy thiện, vĩnh viễn chẳng đọa tam ác đạo, thoát lìa khổ hải. Trong thời đại này muốn thực sự lìa khổ được vui, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển thì không cầu sanh Tịnh Độ không được. Nếu không cầu sanh Tịnh Độ, trong vị thứ của Bồ Tát còn bị thoái chuyển, thoái chuyển là một chuyện phiền phức rất lớn, đây là khuyên chúng ta niệm Phật, đạo lý là ở chỗ này. Xin xem kinh văn:

Thuyết thị ngữ dĩ hội trung hữu nhất Bồ Tát, danh viết Phổ Quảng, hiệp chưởng cung kính nhi bạch Phật ngôn: “Kim kiến Thế Tôn tán thán Địa Tạng Bồ Tát, hữu như thị bất khả tư nghị đại oai thần đức, duy nguyện Thế Tôn vị vị lai thế Mạt Pháp chúng sanh, nghị thuyết Địa Tạng Bồ Tát lợi ích nhân thiên nhân quả đẳng sự, sử chư thiên long bát bộ cập vị lai thế chúng sanh đình thọ Phật ngữ”.

說是語已會中有一菩薩。名曰普廣。合掌恭敬而白佛言。今見世尊讚歎地藏菩薩。有如是不可思議大威神德。唯願世尊為未來世末法眾生。宣說地藏菩薩利益人天因果等事。使諸天龍八部及未來世眾生頂受佛語。

(Nói lời ấy xong, trong pháp hội có một vị Bồ Tát tên là Phổ Quảng cung kính chấp tay bạch với đức Phật: “Nay con nghe Thế Tôn tán thán Địa Tạng Bồ Tát có đức oai thần rộng lớn bất khả tư nghị như thế, xin Thế Tôn vì chúng sanh trong thời Mạt Pháp ở đời sau mà nói về các sự nhân quả của Địa Tạng Bồ Tát làm lợi ích cho hàng Trời, Người, làm cho thiên long bát bộ và chúng sanh trong đời vị lai thấy đều kính vâng lời của Phật”.)

Đoạn này nói về người đương cơ khai thính. Người đương cơ là

một Bồ Tát, Phổ Quảng Bồ Tát, Phổ Quảng Bồ Tát đại diện cho những Bồ Tát trong hội, tiếp nhận lời phó chúc của Thế Tôn, phát nguyện lưu thông kinh này, hoằng dương pháp môn này, Ngài làm đại diện. Hàm ý trong tên của Bồ Tát và Phật phóng quang, dùng âm thanh to lớn để tuyên bố, ý tứ đều tương ứng. Ý nghĩa của Phổ là phổ biến, biến khắp gọi là phổ; Quảng là rộng lớn chẳng có biên giới. Cảm và Ứng đều tương hợp, ở đây đức Phật Thích Ca Mâu Ni khuyên dạy các Bồ Tát trong hội, Phật là cảm, các Bồ Tát nghe xong chịu tiếp nhận, đó là ứng. Do đó có thể biết cảm ứng là từ hai phương diện, cảm ứng lẫn nhau. Pháp sư Thanh Liên ở đây giải thích ý nghĩa danh hiệu của Bồ Tát: “*Từ tâm phát khởi trí huệ, trí huệ trọn khắp pháp giới*”⁹⁹ gọi là Phổ, giải thích rất hay. Không có trí huệ sẽ chẳng chịu tiếp nhận, hiện giờ trao trách nhiệm này cho ông, [nếu là bạn thì] bạn còn thoái thác, khách khí, chẳng dám gánh vác, còn những Bồ Tát trong hội lúc ấy thì chẳng như vậy. Họ từ trong chân tâm khởi lên trí huệ tự tánh Bát Nhã, trí huệ này phổ biến khắp pháp giới, đây là nghĩa của chữ Phổ. Có Trí mới có thể dẫn đạo cho Hành, cũng là nói Trí thực hiện trên sự tương tức là hành vi, tức là hành chỉ; Trí biến trọn pháp giới, Hạnh cũng bao trùm hư không, cũng trọn khắp pháp giới, nên gọi là Quảng. Chân tâm là Thể, Phổ Quảng là Dụng; Phổ là nói về trí huệ, Quảng là nói về sự tương. Cũng hiển rõ Tam Thân đều là một Thể, cũng hiển rõ Tam Đức là một Thể, ở đây Ngài nói Tâm tức là Pháp Thân, Phổ là Bát Nhã, Quảng là Giải Thoát. Giải thoát tức là phương tiện tự tại, chúng ta thường nói Tự Tại, Tùy Duyên tức là Giải Thoát. Ý tứ đoạn này cũng rất sâu, chúng ta nên học tập cho khéo.

Phật trong ấy nói về chân tướng, chân tướng nhất định không thể chấp trước thân là Ngã (Ta). Đem vật ngoài thân coi như là Ngã Sở (vật của Ta). Ta còn không có thì làm sao có vật của Ta? Được vậy bạn mới giác ngộ. Bạn có thể buông xả Ngã và Ngã Sở, buông xả chẳng dễ, tại sao bạn buông xả không nổi? Đạo lý và chân tướng sự thật này, bạn chẳng tìm hiểu rõ ràng minh bạch. Nếu thực sự rõ ràng minh bạch thì bạn sẽ rất hoan hỷ buông xuống, bạn không thể không buông xuống, đây là đạo lý nhất định. Hiểu rõ ràng, rành rẽ tức là nhìn thấu, cái gì gọi là nhìn thấu? Lý sự nhân quả đều rõ ràng, minh bạch, cho nên việc gì cũng có thể buông xuống. Sau khi buông xuống, đời sống, thọ dụng ấy đối với chính mình đều tự tại, đối với người khác thì tùy duyên, thế nên tự tại là

⁹⁹ “Tùng tâm phát trí, trí di pháp giới”

tự thọ dụng, tùy duyên là tha thọ dụng. Giúp đỡ hết thảy chúng sanh tùy duyên, trong tùy duyên chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Nếu có phân biệt, có chấp trước thì chẳng phải tùy duyên, mà là phan duyên, sự khác biệt giữa phan duyên và tùy duyên là ở chỗ này. Tâm tùy duyên là thanh tịnh, là bình đẳng, là giác ngộ; tâm phan duyên chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng, là mê chấp, mê hoặc, sự khác biệt trong ấy rất lớn.

Thế Tôn tán thán Địa Tạng Bồ Tát, tán thán những đại Bồ Tát trong hội, dụng ý ở đó rất sâu. Chư đại Bồ Tát biết hết thảy pháp rốt cuộc là Không, còn có thể thị hiện các thứ sắc tướng để giáo hóa chúng sanh, như vậy mới đáng được Như Lai tán thán. Người thế gian không hiểu Tánh của chư pháp là Không, thế nên mới tạo nghiệp, thọ báo, đó cũng là các thứ thị hiện, chẳng tự tại! Nhị Thừa, Quyền Giáo, đặc biệt là người Nhị Thừa biết chư pháp đều là Không, chẳng phát tâm giúp đỡ hết thảy chúng sanh, được gọi là rơi vào hố Niết Bàn, Phật chẳng tán thán. Đây tức là nói phạm phu chấp Có, người Nhị Thừa chấp Không, đều mắc kẹt vào hai bên. Phật tán thán Bồ Tát, Bồ Tát cả hai bên đều chẳng chấp trước, gọi là Hành Trung Đạo, đối với mình, với người đều có lợi ích chân thật, nên Phật mới tán thán. Dụng ý của sự tán thán là làm cho người sơ học chúng ta học theo Bồ Tát, chẳng học phạm phu, chẳng học Nhị Thừa; người học theo phạm phu thì sai, tạo lục đạo luân hồi, học người Nhị Thừa chấp vào Không cũng sai luôn,堕 vào Thiên Chân Niết Bàn, dụng ý của Phật là như vậy.

Phổ Quảng Bồ Tát đại diện chúng ta khái thỉnh, lời của Ngài, “*nay con nghe Thế Tôn tán thán Địa Tạng Bồ Tát có đức oai thần rộng lớn bất khả tư nghị như thế*”. Như đã nói ở phía trước, Địa Tạng Bồ Tát đã phát nguyện từ lũy kiếp, thành tựu cho vô lượng vô biên chúng sanh làm Phật, công đức ấy bao lớn. Vả lại còn không ngừng phổ độ hết thảy khổ nạn chúng sanh, Bồ Tát ở đó đặc biệt nêu ra “*xin Thế Tôn vì những chúng sanh trong thời Mạt Pháp ở đời sau*”, tức là chỉ chúng ta. Hiện nay chúng ta sinh sống trong thời Mạt Pháp của Thế Tôn, Phật trong kinh có nói pháp vận của Phật có ba thời kỳ. Thời kỳ thứ nhất là thời kỳ Chánh Pháp, cách Phật chẳng xa, ý nghĩa của Phật pháp lưu truyền trong thế gian rất chính xác, người có duyên nghe được Phật pháp rất dễ chứng quả, người tu học y theo lý luận phương pháp trong Phật pháp thành tựu rất nhiều, Phật nói thời kỳ này dài một ngàn năm. Do đó có thể thấy những gì ngày nay chúng ta gọi là sức ảnh hưởng, đức Phật giáo hóa chúng sanh có sức ảnh hưởng lớn, sâu như vậy, trong vòng một ngàn năm này [những người] có thể tiếp xúc đến Phật pháp đều có thể tu hành

chứng quả, sức ảnh hưởng ấy bao lớn.

Một ngàn năm sau đó thì sức ảnh hưởng ấy giảm đi, Phật pháp từ từ biến chất, đó gọi là thời Tượng Pháp, tượng tức là chẳng thuần chân, tượng tức là tương tự. Người tu hành chứng quả không còn nữa, ít đi rồi, người được thiền định rất ít. Người y chiếu phương pháp này được thiền định, khai trí huệ cũng có, đây là thời Tượng Pháp. Còn thời Mạt Pháp là hai ngàn năm sau khi Phật diệt độ và kéo dài một vạn năm. Thế nên pháp vận của đức Phật, cũng là sức ảnh hưởng của sự giáo hóa chúng sanh của đức Phật tổng cộng là mười hai ngàn năm. Một vạn năm sau cùng này được gọi là thời kỳ Mạt Pháp, sức ảnh hưởng này dần dần yếu đi, từ trong lịch sử chúng ta có thể nhìn thấy được. Cho nên sự tu học, hoằng dương Phật pháp, người thế gian thường nói từng đời chẳng bằng đời trước là có nguyên nhân của nó.

Tuy từng đời chẳng bằng đời trước, Phật pháp có lúc nào nổi bật trong thời Mạt Pháp không? Có chứ, có lúc nổi bật, và có lúc suy đồi, đây là vì nguyên nhân gì? Vì “*người có thể hoằng đạo, chẳng phải đạo hoằng người*”. Nếu trong thời đại này có đại tâm phàm phu chân chánh, họ giác ngộ rồi, hiểu rõ rồi, y giáo tu hành, tận tâm tận lực hoằng dương Phật pháp. Nếu chẳng có người y giáo tu hành thì thời đại ấy Phật pháp sẽ suy đồi. Do đó có thể thấy thịnh suy là do người, chẳng do pháp. Phật nói với chúng ta, trong một vạn năm này đích thật có lúc lên, lúc xuống. Lúc tôi mới bắt đầu học, đại sư Chương Gia nói với tôi, cổ võ tôi, dạy tôi đừng thoái chí, chẳng phải là Phật pháp cứ suy thoái mãi mãi, có lúc sẽ lên trở lại, do đó có thể thấy đó là do con người làm nên. Chúng ta hiểu đạo lý này xong, chúng tôi phát tâm kéo thời Mạt Pháp lên tới đỉnh cao, [việc này có] vô lượng công đức, chư Phật tán thán, chẳng phải không thể làm được. Trong thời quá khứ tôi cũng thường khích lệ đồng tu, chúng ta phải nghĩ lúc đức Phật Thích Ca Mâu Ni sáng lập đạo nghiệp với năm tỳ-kheo, tại vườn Lộc dã ban đầu có năm học trò, một vị thầy, khởi đầu sự nghiệp như vậy. Sáu người này có thể sáng tạo sự nghiệp, ngày nay nếu có sáu người chân chánh phát tâm thì làm sao không thể phục hưng cho được? Rất khó kiếm được sáu người, sáu người như thế nào? Sáu người minh bạch, sáu người giác ngộ, sáu người buông xả hết thân tâm thế giới, được vậy thì Phật giáo sẽ hưng thịnh trở lại. Chúng ta chịu làm không? Chịu xả bỏ sạch sành sanh, xả bỏ rốt ráo không?

Năm xưa ở Hong Kong lúc pháp sư Tây Trần còn tại thế, thầy đến Đài Loan thăm tôi, thầy cũng rất hộ trì Phật pháp, trò chuyện với tôi làm

thể nào chân hưng Phật pháp? Lúc đó tôi đang giảng kinh Kim Cang ở Đài Loan, giảng theo cuốn Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông, giảng rất kỹ. Cư sĩ Giang Vị Nông trong cuốn Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa có đề xướng, ông nói nếu muốn Phật pháp hưng vượng thì nhất định phải làm theo chế độ Trì Bát, tôi đồng ý cách nhìn của ông. Người xuất gia khôi phục thời đại Thế Tôn trở lại, ba chiếc y và một bình bát, ngoài ra thì vật gì cũng chẳng có, được vậy thì Phật pháp mới có thể chân hưng. Tôi đề nghị với pháp sư Tảo Trần, tôi nói thầy đi kiếm năm người, năm tỳ-kheo chúng ta. Hiện nay phước báo của chúng ta chẳng sánh bằng Thế Tôn thời xưa, tại sao? Thể lực của chúng ta chẳng làm nổi. Ngày nay kêu chúng ta ngủ dưới gốc cây, ngày ăn một bữa, chưa tới một tuần thì sẽ ngã bệnh ngay. Phước báo chẳng đủ, do đó hoàn cảnh sinh hoạt phải nâng cao hơn thời xưa một chút, chúng ta không thể ngủ dưới gốc cây, chúng ta trú trong lều. Lều của những học sinh đi cắm trại, lều nhỏ thì một người ở một lều, xếp lại rất nhỏ, có thể bỏ vào túi mang trên vai. Tôi nói chúng tôi kiếm năm người, ban ngày thì đi khát thực, giảng kinh thuyết pháp, hoằng hóa, ban đêm tìm những gốc cây lớn, năm người vây quanh một gốc cây, ngủ trong lều ở cạnh gốc cây thì được rồi. Chúng ta cũng chẳng cần ngủ ngôi, có thể nằm mà ngủ, giảm mức sinh hoạt đến mức thấp nhất, trong tâm chẳng có một tạp niệm, nhất tâm làm việc đạo. Lúc chẳng giảng kinh, chẳng thảo luận, chẳng hoằng pháp thì mọi người tụ lại niệm Phật. Tôi nói với thầy, nhờ thầy dẫn đầu, tôi sẽ là một trong năm người này, những người còn lại thì thầy đi tìm. Sau khi thầy trở về Hương Cảng thì tâm hơi bất tiếng, pháp sư Tảo Trần qua đời cũng đã lâu rồi. Người trẻ tuổi có đủ thể lực, chân chánh phát tâm có thể làm được, phải phát tâm nguyện rộng lớn xả mình vì người, vì mọi người trên địa cầu mà chân hưng Phật pháp trở lại. Người lớn tuổi thể lực suy yếu thì không được, chẳng làm nổi, việc thế gian và xuất thế gian gì cũng phải nhờ người trẻ tuổi.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện mười chín tuổi ngộ đạo, ba mươi tuổi hoằng pháp lợi sanh, thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội, phải trẻ tuổi thì mới được. Ở Trung Quốc, các bạn coi Thiên Tông Lục Tổ đại sư Huệ Năng, hai mươi bốn tuổi tiếp nhận y bát, Ngũ Tổ truyền đạo cho Ngài, lúc đó Ngài hai mươi bốn tuổi, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, lớn tuổi rồi thì làm sao được? Xưa nay những người này, [kinh nghiệm] trải qua của họ, những sự thị hiện của họ cho chúng ta tham khảo, cho chúng ta khải thị rất lớn. Hy vọng những kẻ hậu học như chúng ta có thể noi gương họ, học theo họ, Phật

pháp mới có thể trụ lâu dài ở thế gian, mới có thể đem lại lợi ích cho hết thảy chúng sanh. Tinh thần của Địa Tạng Bồ Tát đặc biệt đáng để chúng ta noi theo, nguyện tâm của Ngài chưa từng thoái chuyển, hành trì của Ngài vĩnh viễn luôn luôn dừng mãi, tinh tấn, đều làm được “*nhân quả làm lợi ích cho hàng Trời, Người*”. Phổ Quảng Bồ Tát khái thỉnh, các Ngài nương theo lời dạy của Phật, gánh vác sứ mạng hoằng dương kinh này. Nhưng làm thế nào có thể làm việc này cho có hiệu quả “*chúng sanh trong đời vị lai thấy đều kính vâng lời của Phật*”, đây là nói về hiệu quả, việc này cần Phật gia trì. Tuy Bồ Tát đang làm, có thể thấu được hiệu quả hay không, họ cũng chẳng dám nói. Cầu Phật gia trì, ở đây thỉnh Phật khai thị tức là cầu Phật gia trì.

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Phổ Quảng Bồ Tát cập tứ chúng đẳng.

爾時世尊告普廣菩薩及四眾等。

(Lúc đó Thế Tôn bảo Phổ Quảng Bồ Tát và tứ chúng.)

Phổ Quảng ở đây là người đương cơ, “*đẳng*” là những người trong hội, chẳng phải chỉ là người trong hội. Kinh văn phía trên có nói đây là “*phổ cáo hết thảy Bồ Tát Ma Ha Tát ở các thế giới chư Phật*”, đẳng nghĩa là như vậy, chẳng nhất định phải ở trong hội ấy, đây là hết thảy Bồ Tát Ma Ha Tát ở cõi nước của mười phương chư Phật, nghĩa của đẳng rất rộng. “*Cập tứ chúng đẳng*” bao gồm thiên long đại chúng.

Đế thính, đế thính.

諦聽。諦聽。

(Lắng nghe, lắng nghe.)

Đế thính, đế là đúng sự thật, chắc thật. Chúng ta dùng ngôn ngữ hiện nay để nói, nghe kỹ, chăm chú nghe, có nghĩa như vậy.

Ngô đương vị nhữ lược thuyết Địa Tạng Bồ Tát lợi ích nhân thiên phước đức chi sự.

吾當為汝略說地藏菩薩利益人天福德之事。

(Ta sẽ vì các vị lược nói về những sự phước đức của Địa Tạng Bồ Tát làm lợi ích cho hàng Trời, Người.)

Người thế gian, đặc biệt là lục đạo phàm phu, ít có ai giác ngộ,

niệm niệm còn lưu luyện phước đức nhân thiên, chẳng chịu xả bỏ phước đức nhân thiên nên họ chẳng thoát nổi lục đạo luân hồi. Nhưng Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh nhất định phải tùy thuận căn tánh của họ, tùy thuận sở thích của họ, hướng dẫn họ dần dần. Chúng sanh coi trọng phước, có một ai chẳng cầu phước? Người chẳng tin Phật cũng cầu, chẳng có một ai không cầu phước. Có ai không cầu phước? Bạn đi dạo trên mỗi đường phố ở Tân Gia Ba [sẽ thấy] người ta dán chữ Phước, dán đảo ngược lại, dán ngược lại tức là phước đảo (phước đến), họ đều đang cầu phước. Phước có thực sự đến hay không? Rất khó nói. Do đó mới biết tâm cầu phước chẳng có một người nào chẳng vậy. Tại sao gọi là Phước Đức? Nói thật ra họ cũng chẳng hiểu, họ cho rằng thăng quan phát tài tức là phước đức. Nhà Nho dùng Khổng Lão Phu Tử làm đại diện, trong Luận Ngữ có nói về năm đức hạnh của Phu Tử: “Ôn Hòa, Lương Thiện, Cung Kính, Tiết Kiệm, Khiêm Nhượng”¹⁰⁰, nói thật ra đây là căn bản để làm người, cơ sở của cõi người. Ôn hậu, tâm địa đôn hậu, biểu hiện bên ngoài là ôn hòa, hiền lương, cung thận. Cung là cung kính, thận là cẩn thận. Tiết kiệm, nhường nhịn. Ngũ Đức của Phu Tử cảm được phước báo, người Trung Quốc cổ xưa gọi là Ngũ Phước, Ngũ Phước đến cửa nhà.

Trong Ngũ Phước, trong ấy thứ nhất là “*Phước Thọ*”, ngày nay chúng ta gọi là khỏe mạnh, sống lâu, đây là phước thứ nhất. Thứ hai là “*Phú Quý*”, phú là tiền tài, quý là có địa vị, trong xã hội bạn có địa vị, có tiền tài. Thứ ba là “*Khang Ninh*”, khang là kiện khang (khỏe mạnh). An ninh, thân tâm yên ổn, thân tâm vui sướng. Tâm chẳng có âu lo, thân chẳng có khổ nạn, thân hưởng lạc, trong tâm hỷ duyệt (vui sướng), khang ninh nghĩa là như vậy. Thứ tư là “*Hảo Đức*”. Thứ năm là “*Khảo Chung*”, nghĩa là chết an lành. Trong năm đức Phước Thọ, Phú Quý, Khang Ninh, Hảo Đức, Khảo Chung đều là quả, đều là những điều bạn hưởng thụ. Hảo Đức là nhân, tu nhân, bạn phải tu nhân, bạn làm sao có thể có được quả báo này? Hảo Đức tức là Ôn, Lương, Cung, Kiệm, Nhượng, bạn có tu đức thì bạn mới có thể được phước. Lúc hưởng phước còn phải tu đức thì phước báo của bạn mới có thể kéo dài, mới chẳng đến nỗi hưởng hết. Tu học trong Phật pháp còn thù thắng hơn việc này. Nhưng chúng ta phải biết năm chữ Ôn, Lương, Cung, Kiệm, Nhượng này đích thật là căn bản, chúng ta tu học cũng lấy những thứ này làm căn bản, “*đường Ngũ Đức, tu Lục Hòa*”.

¹⁰⁰ “Ôn, Lương, Cung, Kiệm, Nhượng”.

Hôm nay chúng ta tu học pháp môn Tịnh Độ, chúng ta xây dựng cơ sở trên Tam Phước dạy trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là cơ sở của chúng ta. Tam Phước là gì? Tam Phước chính là Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh. Phước thứ nhất trong Tam Phước là *“Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng sát hại sanh vật, tu thập thiện nghiệp”*, phước thứ hai là *“Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi”*, phước thứ ba là *“Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả”*. Chư vị nghĩ xem tổng cộng mười một câu, có phải mười một câu này nói về kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên không? Thế nên bộ kinh này chỉ nói tường tận về mười một câu này mà thôi. Phật đã nói ba điều này là *“Tam thế chư Phật tịnh nghiệp chánh nhân”* (Tịnh nghiệp chánh nhân của ba đời chư Phật), tám chữ này vô cùng quan trọng! Thế Tôn nói rõ cho chúng ta, mười phương ba đời hết thấy chư Phật từ lúc mới phát tâm tu hành đến khi chúng quả đều y theo cơ sở này. Bởi vậy mới biết mười một câu này chẳng phải chỉ là cơ sở của chúng ta tu hành Tịnh Tông mà thôi, tám vạn pháp tướng, bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, bất cứ một pháp môn nào đều phải xây dựng trên cơ sở này. Cơ sở này chính là kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên. Do đó nếu chẳng đặt nền móng, cơ sở trên bộ kinh này thì tu học pháp môn nào cũng chẳng thể thành tựu. Cho nên tôi nói đây là pháp căn bản trong Hành Môn của chúng ta, vô cùng quan trọng!

Pháp sư Thanh Liên trong chú giải nói với chúng ta về sáu ngày trai, về ngũ giới thập thiện, Ngài đặc biệt chỉ ra chuyện này, tức là *“Sự lợi ích phước đức nhân thiên”*. Trong cơ sở lại nhấn mạnh chỗ căn bản của cơ sở, nhất định phải tu ngũ giới, nhất định phải tu thập thiện. Không thể mỗi ngày tu hạnh thanh tịnh thì cũng phải tu sáu ngày mỗi tháng. Sáu ngày trai, hiện nay người dùng âm lịch rất ít, rất khó nhớ, sẽ gây phiền phức cho đời sống của bạn, vậy thì phải làm sao? Chúng ta dùng ngày Chủ Nhật hoặc ngày thứ Bảy, cũng giống nhau, mỗi tuần tu một lần. Giống như chúng ta hiện nay đề xướng mỗi tuần cử hành một ngày niệm Phật suốt hai mươi bốn giờ, khi bước vào Niệm Phật Đường niệm suốt hai mươi bốn giờ thì ngũ giới, thập thiện đều viên mãn. Trong ấy bạn chẳng khởi vọng tưởng, nhất tâm niệm Phật. Cho nên bước vào Niệm Phật Đường thì Tịnh Nghiệp Tam Phước đều tu trọn vẹn, Giới Định Huệ Tam Học cũng tu trọn, chứng trọn, giống như kinh Hoa Nghiêm có nói *“một là tất cả, tất cả là một”*. Chúng ta dùng pháp môn Niệm Phật này dung nhiếp rốt ráo hết thấy pháp môn, thế nên [mới nói] pháp môn Niệm

Phật rất tốt! Đáng được đề xướng. Chẳng câu nệ số người ít hay nhiều, tốt nhất là mỗi tuần niệm một lần, niệm suốt hai mươi bốn giờ không gián đoạn, chúng ta cực lực đề xướng pháp môn này.

Tương lai Làng Di Đà ở đây, Niệm Phật Đường sẽ làm được mỗi ngày niệm Phật hai mươi bốn giờ, suốt năm cũng không gián đoạn. Nói cách khác, Niệm Phật Đường này là một Niệm Phật Đường tinh tấn, chẳng phải Niệm Phật Đường thông thường. Năm xưa, Niệm Phật Đường ở núi Linh Nham của đại sư Ấn Quang mỗi năm cử hành tinh tấn Phật thất. Chỗ này của chúng ta ngày nào cũng là tinh tấn Phật thất, vô cùng hiếm có! Hy vọng các bạn đồng tu, đồng tu ở nước ngoài, hiện nay giao thông tiện lợi, nhanh chóng, có thể thường đến tham gia niệm Phật ở đây. Nếu có đồng tham đạo hữu có thể tổ chức các nhóm nhỏ đến Tân Gia Ba, [chúng tôi] ở đây vô cùng hoan nghinh, hoan nghinh nhiệt liệt. Đến đây bạn niệm một tháng cũng được, niệm bảy ngày cũng được, thường trú ở đây sẽ hoàn toàn cúng dường, tứ sự cúng dường, bạn chẳng cần mang theo một đồng xu, thành tựu cho mọi người làm Phật, đây là công đức thù thắng vô cùng.

Thôi được rồi, hôm nay chúng tôi giảng đến đây.

Tập 19 (Số 14-12-19)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển trung, trang ba mươi, xin xem kinh văn hàng thứ nhất:

Phổ Quảng bạch ngôn: “Duy nhiên Thế Tôn, nguyện nhạo dục văn”.

普廣白言。唯然世尊。願樂欲聞。

(Ngài Phổ Quảng bạch rằng: “Vâng, bạch đức Thế Tôn, [chúng con] vui mừng muốn được nghe”.)

Đoạn này có thể khởi nói, mọi người coi tới liền hiểu. Xem tiếp đoạn sau.

Phật cáo Phổ Quảng Bồ Tát: “Vị lai thế trung nhược hữu thiện nam tử thiện nữ nhân, văn thị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát danh giả, hoặc hiệp chưởng giả, tán thán giả, tác lễ giả, luyến mộ giả, thị nhân siêu việt tam thập kiếp tội”.

佛告普廣菩薩。未來世中若有善男子善女人。聞是地

藏菩薩摩訶薩名者。或合掌者。讚歎者。作禮者。戀慕者。
。是人超越三十劫罪。

(Đức Phật bảo Bồ Tát Phổ Quảng: “Trong đời vị lai nếu có thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào nghe được danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát hoặc là chấp tay, hoặc là tán thán, hoặc là đánh lễ, hoặc là luyến mộ, người đó sẽ vượt qua khỏi tội khổ trong ba mươi kiếp”.)

Đoạn kinh văn này, phần đông người ta xem xong đều rất khó tin, thật chẳng dễ tiếp nhận, tại sao? Làm gì có chuyện dễ dàng như vậy, chuyện tiện lợi như vậy. Một người nghe đến danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát hoặc chấp tay, tán thán, đánh lễ, ưa thích ngưỡng mộ, những sự việc bình thường như vậy bèn có thể siêu việt ba mươi kiếp tội báo, nói vậy hình như hơi quá đáng, làm gì có chuyện lợi ích to lớn như thế! Thật ra trong đoạn kinh văn này, chữ quan trọng mấu chốt là chữ “*Thiện*”, đây chẳng phải đã nói rất rõ rồi sao? “*Thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, chẳng phải là một người nam, người nữ bình thường; bạn nghe danh, chấp tay bèn có công đức lớn như vậy, chúng ta đọc kinh thường chẳng để ý nên bỏ sót hết. Tiêu chuẩn của chữ thiện này là tiêu chuẩn của kinh Đại Thừa, chúng ta y theo kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật để nói, dùng tiêu chuẩn này để nói Tịnh Nghiệp Tam Phước làm được hoàn toàn mới gọi là thiện. Bạn chỉ làm được “*Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết hại, tu thập thiện nghiệp*” thì đây là thiện ở cõi trời, cõi người. Kinh này là kinh Đại Thừa, bạn còn chưa đạt đến tiêu chuẩn này. Nếu thêm “*Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*” thì đây là thiện của Nhị Thừa. Thanh Văn, Duyên Giác, so với thiện này còn thua một bậc. Cái thiện này nhất định phải “*Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tán hành giả*”. Nói cách khác, cả mười một câu đều làm được hết, người này nghe đến danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát, chấp tay, tán thán, thì mới siêu việt ba mươi kiếp tội nghiệp, thế thì còn lời gì để nói nữa? Tự mình có gốc rễ này, thêm vào oai thần gia trì của Phật, Bồ Tát thì chúng ta mới tin tưởng được. Thế nên chữ thiện ở đây chẳng phải là tiểu thiện của phàm phu, đây là chữ mấu chốt. Rất nhiều người đọc kinh, nghe kinh xong bèn khởi nghi hoặc, chẳng tin là vì chẳng chú trọng đến chữ này, đây là một chữ quan trọng nhất trong đoạn này.

Tiêu chuẩn này chẳng phải là Đại Tâm Phàm Phu nói trong kinh Hoa Nghiêm hay sao? Chúng ta là phàm phu, sao lại nói là đại tâm phàm phu? Phàm phu nghĩa là phiền não của bạn chưa đoạn dứt, chẳng phải

Bồ Tát. Nếu là Bồ Tát thì đã đoạn dứt Kiến Tư phiền não và phá một phần vô minh, đó là thật chẳng giả. Họ thực sự đã làm được Tam Phước trong Quán Kinh, đó là Pháp Thân Đại Sĩ, chẳng phải người thường. Chúng ta chưa đoạn phiền não và cũng tu pháp của Bồ Tát, chúng ta cũng tu. Tuy tu nhưng chưa đoạn phiền não nên gọi là Đại Tâm Phàm Phu. Đại tâm nghĩa là pháp môn tu của bạn giống với Pháp Thân Đại Sĩ, nhưng Pháp Thân Đại Sĩ đã đoạn phiền não, chúng ta chưa đoạn phiền não, định nghĩa của thuật ngữ đại tâm phàm phu là như vậy. Chúng ta muốn đạt đến tiêu chuẩn của Bồ Tát chẳng dễ dàng, đừng nói Bồ Tát, ngay cả Nhị Thừa cho đến Tiểu Thừa sơ quả Tu Đà Hoàn, chúng ta trong đời này muốn nhập vào cảnh giới của họ cũng chẳng dễ, đều chẳng thể làm nổi. Cho nên chúng ta dùng thân phận phàm phu, tu pháp môn Tiểu Thừa, tu pháp môn Bồ Tát, cho đến tu Nhất Thừa đại pháp, đây chẳng phải là không thể. Đặc biệt là như cách nói trong kinh Hoa Nghiêm “*một là tất cả, tất cả là một*”, sơ phát tâm bèn có thể tu pháp môn của Đẳng Giác Bồ Tát. Giống như câu nói trong kinh “*Hành bố thí nhưng không trở ngại viên dung, viên dung nhưng không trở ngại bố thí*”¹⁰¹, hành bố là thứ đệ (cấp bậc, thứ lớp), viên dung là siêu việt thứ đệ, hiển rõ ra pháp giới vô chương ngại.

Và chính là nhắc nhở chúng ta có thể tu học pháp giới vô chương ngại, chẳng phải là không thể tu, chẳng phải nói nhất định phải đến một vị thứ nào mới tu, Phật pháp chẳng giống như trường học trong thế gian. Trong trường học thế gian, học sinh lớp một tuyệt đối chẳng thể học khóa trình của lớp bác sĩ. Nhưng trong Phật pháp thì được, người sơ học phát tâm bèn có thể tu pháp môn trên quả địa của Như Lai. Pháp trên quả địa Như Lai là pháp gì? Pháp bình đẳng. Thế nên cho dù Đẳng Giác Bồ Tát, trên quả địa Như Lai, Ngài cũng chẳng chê bỏ pháp môn tu của người sơ phát tâm. Người sơ phát tâm tu pháp môn gì? Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, Phật cũng chẳng bỏ. Đây gọi là một tức là tất

¹⁰¹ “Hành Bồ bất ngại viên dung, viên dung bất ngại hành bố”.

Do bố thí là Ba La Mật đầu tiên của Lục Độ, hành giả Đại Thừa hành Bồ Thí trước rồi tiến tu các Ba La Mật khác nên hòa thượng nói “hành bố” là “thứ đệ” (hành theo thứ lớp), còn viên dung là không còn thấy có thứ lớp, tự tại tu tập tất cả các Ba La Mật, đồng thời tu tập Ba La Mật, nhưng không thấy còn phải quán sát. Chẳng hạn như trong kinh Bát Nhã Ba La Mật dạy: Hành nhân tu Bồ Thí Ba La Mật thấy người cho, kẻ nhận, vật thí đều không, đó là tu Bát Nhã Ba La Mật. Cho mà không cầu phước báo đó là Thiền Định Ba La Mật v.v... Khi viên dung thì tuy tu bất cứ một Ba La Mật nào đều có thể trọn vẹn sáu Ba La Mật hay nói rộng hơn là trọn vẹn vô lượng Ba La Mật.

cả, chẳng giống như giáo học trong thế pháp. Do đó có thể biết trong Phật pháp chẳng có thứ lớp sâu cạn. Bạn nói cạn thì cạn tức là sâu, khi nói sâu thì sâu tức là cạn. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng rất cạn, là môn người mới bước vào cửa Phật tu học, Đẳng Giác Bồ Tát cũng tu [pháp này], Như Lai cũng tu, nhất định chẳng bỏ qua, do đó cạn tức là sâu. Pháp môn Như Lai thanh tịnh bình đẳng, đây là [pháp môn] rất sâu, người sơ học như chúng ta cũng có thể tu học theo, sâu tức là cạn, cạn sâu chẳng hai. Phật pháp được gọi là pháp môn bất nhị, đạo lý là ở chỗ này. Chúng ta coi bộ kinh này, hầu như những gì được nói đều thuộc về Sự tướng. Nhưng nếu từ trong những Sự này có thể thấu hiểu nghĩa thú, đạo lý sâu xa trong ấy, đó tức là điều được nói trong “Phóng Quang Bát Nhã”¹⁰², đạo lý thật sâu. Đây là chữ quan trọng mấu chốt, nói ra cho chư vị rồi. Nghe đến danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, Danh là Danh của Thật, Thật là Thật của Danh, có Danh là có Thật. Nghe đến danh hiệu này, bạn liền có thể nghĩ đến bộ kinh này. Danh hiệu là đề kinh, toàn bộ lý luận, phương pháp tu học, và công đức lợi ích nói trong kinh đều có thể từ trong tâm sanh khởi khi nghe đến Danh [hiệu này].

“*Chấp tay*” là cung kính, “*tán thán*” là hoằng dương, “*đảnh lễ, ưa thích ngưỡng mộ*” là tu hành, noi gương theo Địa Tạng Bồ Tát, học tập theo Địa Tạng Bồ Tát, như vậy mới đạt được oai thần chẳng thể nghĩ bàn của Địa Tạng Bồ Tát gia trì, mới có thể diệt tội, “*vượt qua khỏi tội khổ trong ba mươi kiếp*” tức là diệt tội. Chúng ta hiểu được ý tứ này sẽ chẳng hoài nghi, liền biết lời Phật nói là sự thật, tuyệt chẳng phải là lời nói dối, chẳng phải lời khoa trương, hoàn toàn là sự thật. Ở đây làm thế

¹⁰² Phóng Quang Bát Nhã (Pañcavimsāṣṭisāhasrikā prajñāpāramitā), 20 quyển, do các vị Vô La Xoa, Trúc Thực Lan v.v... cùng dịch vào đời Tây Tấn, được xếp vào Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, quyển thứ 8. Tên gọi đầy đủ là Phóng Quang Bát Nhã Ba La Mật Kinh. Nội dung kinh này giảng về Bát Nhã và công đức của nó, khuyên đại chúng nên tu học. Theo Xuất Tam Tạng Thống Ký, vào năm Cam Lộ thứ năm (260) đời Tào Ngụy, ông Châu Sĩ Hành người xứ Dĩnh Châu qua Vu Điền sao chép được chín mươi sáu chương kinh này gồm hơn 60 vạn chữ, sai đệ tử là Phát Như Đàn đưa về Lạc Dương, nhưng mãi đến Nguyên Khang nguyên niên (291) đời Tấn Huệ Đế, các vị Vô La Xoa, Trúc Thực Lan, Chúc Thái Huyền, Châu Huyền Minh mới vâng chiếu cùng tham gia dịch sang Hán văn. Hai ông Chúc và Châu làm nhiệm vụ bút thọ và nhuận văn. Kinh này chính là bản dịch khác của các kinh Quang Tán Bát Nhã (Trúc Pháp Hộ dịch) và kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Kinh (Đại Phẩm Bát Nhã) do Cưu Ma La Thập dịch, và tương ứng với hội thứ hai trong bộ Đại Bát Nhã Kinh do ngài Huyền Trang dịch.

nào mới có thể nâng cao chúng ta lên tới tiêu chuẩn “*Thiện*”, điểm này rất quan trọng. Trong Quán Kinh, đức Phật nói rất hay, kết luận của mười một câu trong Tam Phước tức là “*Tịnh Nghiệp Chánh Nhân của ba đời chư Phật*”, nói rất minh bạch, rõ ràng. Ba đời tức là đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai, ba đời chư Phật tu hành chứng quả từ cơ sở nào? Tức là từ Tam Phước. Cho nên Tam Phước tức là “*Thiện nam tử, thiện nữ nhân*” nói trong kinh, tiêu chuẩn của thiện. Thiện Tiểu Thừa là làm được hai điều, bảy câu đầu, là thiện nam tử, thiện nữ nhân nói trong kinh Tiểu Thừa. Tiêu chuẩn thiện của kinh Đại Thừa nhất định phải làm hết mười một câu. Tuy chẳng viên mãn, chẳng rốt ráo, nhưng chúng ta nhất định phải làm. Những ý tứ khác chư vị có thể tham khảo chú giải của pháp sư Thanh Liên, chú giải của Ngài rất hay. Chúng ta xem tiếp kinh văn phía sau:

Phổ Quảng, nhược hữu thiện nam tử thiện nữ nhân.

普廣。若有善男子善女人。

(Này Phổ Quảng, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân.)

Vấn chú trọng chữ Thiện.

Hoặc thái họa hình tượng, hoặc thổ thạch giao tất kim ngân đồng thiết, tác thử Bồ Tát nhất chiêm nhất lễ giả, thị nhân bách phần sanh ư tam thập tam thiên, vĩnh bấtọa ư ác đạo. Giả như thiên phước tận cố hạ sanh nhân gian, do vi quốc vương bất thất đại lợi.

或彩畫形像。或土石膠漆金銀銅鐵。作此菩薩一瞻一禮者。是人百返生於三十三天。永不墮於惡道。假如天福盡故下生人間。猶為國王不失大利。

(Hoặc tô vẽ hình tượng, hoặc dùng đất, đá, keo, sơn, vàng, bạc, đồng, sắt tạc tượng Bồ Tát, rồi cứ một lần chiêm ngưỡng một lần đánh lễ, thì người đó sẽ sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba một trăm lần, vĩnh viễn chẳngọa ác đạo. Giả sử phước trời đã hết, phải sanh xuống nhân gian cũng vẫn làm quốc vương, không mất sự lợi lớn.)

Lợi ích nói ở đây thật ra còn thù thắng hơn phía trước. Phía trước nói diệt tội, chẳng nói bạn được phước, diệt tội thì đương nhiên sẽ được phước, Thế Tôn chẳng cụ thể nói rõ cho chúng ta, còn ở đây nói cụ thể rất rõ. Ở đó tu phước chỉ nêu ra một thí dụ, nói thật ra tu phước có quá

nhiều phương thức, chẳng phải chỉ có một phương thức này thôi, chúng ta từ một thí dụ, như câu nói “nêu một thấy được ba, nghe một hiểu mười”¹⁰³, việc này vô cùng quan trọng! Đây là nói nắn tạo hình tượng Bồ Tát, việc này có một số người chẳng hiểu lý rốt ráo, cứ cho rằng Phật Giáo tạo nhiều hình tượng khác nhau như vậy nên nói chúng ta cúng tế ngẫu tượng? Và lại cúng tế rất nhiều ngẫu tượng, và trở thành Đa Thần Giáo, Đa Thần Giáo thuộc về tôn giáo hạng thấp. Tôn giáo cao cấp chỉ có một Thần, duy nhất một Chân Thần, còn trong Phật Giáo cái gì cũng cúng lạy. Thật ra họ chẳng biết đạo lý này, đạo lý này quá sâu, quá sâu, chẳng có ai nói cho họ biết, chúng ta không thể trách họ được. Chẳng có người nói cho họ nghe thì họ làm sao biết được?

Hồi trước ở Đài Loan tôi đã từng gặp một sĩ quan, vị sĩ quan này hình như trong quân đội làm ngành tuyên huấn (Tâm lý chiến). Ông đến chùa miếu của chúng tôi du ngoạn, rồi đề ra những câu hỏi liên quan đến tượng Phật. Ông nói: Có ý nghĩa gì ở đây chẳng? Tạo ra nhiều tượng Phật như vậy, phí nhiều tiền như vậy [có ý nghĩa gì hay không?]. Vì tôi biết ông ta làm về ngành tuyên huấn nên tôi hỏi ông, tôi nói: Quý vị làm công việc tuyên huấn, tại sao đi khắp nơi dán biểu ngữ? Ông dán cái này có ý nghĩa gì? Ông nói: Dán cái này là để nhắc nhở mọi người chú ý. Tôi nói: Nếu ông dán biểu ngữ này, thí dụ nói ở Đài Loan thường thấy “Tam Dân chủ nghĩa vạn tuế”, biểu ngữ này nhắc nhở mọi người. Nếu tạo một tượng Tôn Trung Sơn tiên sinh để ở đó, thì không phải còn thù thắng hơn biểu ngữ này hay sao? Ông nói: Đúng! Có đạo lý. Tôi nói: Tượng Phật của chúng tôi cũng có đạo lý như vậy, chúng tôi dán một câu “Nam Mô A Di Đà Phật”, khi bạn nhìn thấy liền nhắc nhở bạn niệm Phật. Vậy thì tạo một tượng Phật A Di Đà có phải còn thù thắng hơn hay không! Cùng một đạo lý. Bạn nói tại sao phải tạo ra nhiều tượng như vậy? Tại sao lại dán biểu ngữ của các bạn nhiều như vậy? Dán mấy chục tấm, mấy trăm tấm, không phải một tấm đã đủ rồi sao. Từ chỗ này ông ta mới hiểu được ý nghĩa ấy.

Trong Phật pháp, danh hiệu và hình tượng của Phật, Bồ Tát đều là để tượng trưng, tiêu biểu pháp, nói cách khác là để nhắc nhở chúng ta tu học. Phàm phu đích thật mê hoặc điên đảo, có ai luôn nhắc nhở cho bạn? Nếu thực sự có một người giờ phút nào cũng căn dặn, nhắc nhở bạn, thì bạn sẽ cảm thấy người ấy rất đáng ghét, nhiều chuyện! Cho nên dùng cách thức này, thực sự đã đạt đến mức thiện xảo phương tiện. Đem danh

¹⁰³ “cử nhất phản tam, văn nhất tri thập”

hiệu vẽ thành hình tượng, tạo hình tượng thành phẩm vật nghệ thuật cao độ, bạn có thể ngắm nhìn, thưởng thức, vĩnh viễn nhìn chẳng chán, bạn nhìn thấy liền sanh tâm hoan hỷ, lại còn hiểu được ý nghĩa của nó. Phàm là danh hiệu, hình tượng của Phật đều tiêu biểu Tánh Đức, trong tự tánh của chúng ta vốn sẵn đủ, tự tánh vốn như vậy. Phàm là danh hiệu, hình tượng của Bồ Tát đều tiêu biểu Tu Đức. Tánh đức của chúng ta đã mê mất, làm sao khôi phục lại? Nhất định phải tu hành, nương nhờ vào tu đức. Tu đức phải tương ứng với tánh đức thì đó mới là tu hành chân chánh, gọi là tánh tu bất nhị, bạn mới có thể khôi phục tự tánh, đạo lý là như vậy. Tánh đức và Tu đức đều sâu rộng vô lượng vô tận, thế nên dùng một danh hiệu, một hình tượng thì không cách chi biểu lộ, tỏ rõ, do đó danh hiệu của chư Phật, Bồ Tát rất nhiều, nhiều đến chẳng thể nghĩ bàn, tỏ rõ trí huệ, đức năng của bốn tánh vô lượng, vô biên, chẳng có cùng tận. Tánh đức như vậy, Tu đức đương nhiên cũng như vậy, cho nên danh hiệu và hình tượng của Phật, Bồ Tát cũng vô lượng vô biên.

Chư vị nên đọc kinh Hoa Nghiêm sẽ thấy được. Đại chúng tham dự pháp hội kinh Hoa Nghiêm, chẳng dùng từng cá nhân mà dùng đoàn thể để tính. Đoàn thể được quy nạp tổng cộng có đến một trăm bảy mươi mấy đoàn thể, hiển lộ vô tận, vô tận đức tướng tánh tu, chúng ta phải thấu hiểu sâu xa ý tứ này. Trong kinh đức Phật thường nói pháp thể và pháp xuất thể, y báo chánh báo trang nghiêm của Nhất Chân pháp giới và thập pháp giới đều là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, đây là lời Phật nói trong kinh. Có người đọc đến kinh này, nghe kinh này sanh hoài nghi, hiện nay tâm tôi tưởng biến, tại sao biến không ra? Lời Phật nói chẳng linh nghiệm đối với sự thực nghiệm của tôi. Thật ra họ chẳng hiểu cái gì gọi là tâm, họ đã hiểu lầm. Tâm là gì? Thức là gì? Lấy vọng tưởng làm Tâm, đem chấp trước làm Thức, thế thì làm sao biến được? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là Tác Dụng của Tâm Thức, chẳng phải là Lý Thể của Tâm Thức. Thí dụ chúng ta đi tìm người nào đó, bạn coi bác làm công trong nhà người ấy chính là người ấy vậy thì làm sao được! Làm sao có thể làm xong công việc! Người làm công chỉ nghe lời sai bảo của chủ nhân, bạn phải tìm cho ra chủ nhân thì mới giải quyết vấn đề được. Thiền Tông nói rất hay “*Nếu người biết được tâm, đại địa này chẳng có một tác đất*”¹⁰⁴, nếu bạn có thể thấy được Tâm Tánh, bạn sẽ chẳng còn là phàm phu nữa, bạn sẽ là Phật, Bồ Tát rồi.

Do đó nghiên cứu giáo lý, nghe kinh phải có tâm nhẫn nại, có nghi

¹⁰⁴ Nhược nhân thức đắc tâm, đại địa vô thốn thổ.

vấn thì có thể tồn nghi, cổ đức có nói: “Tiểu nghi có tiểu ngộ, đại nghi có đại ngộ”, đó gọi là nghi tình, chẳng phải là hoài nghi. Nếu đối với lời trong kinh bạn chẳng thể lý giải, khởi hoài nghi thì là sai lầm. Hoài nghi là gì? Bạn chẳng tin tưởng, bạn chẳng thể tiếp nhận. Nghi là chương ngại lớn nhất của Bồ Tát, Bồ Tát nói ở đây là Bồ Tát đạo, chương ngại lớn nhất cho sự tu hành của Bồ Tát. Vậy thì phải làm sao? Có nghi vẫn phải tin, tôi vẫn kiên thành tin tưởng. Phật nói Lý này quá sâu, chẳng phải là cảnh giới của tôi, chẳng phải trí huệ nông cạn hiện giờ của tôi có thể hiểu nổi. Tôi tin điều này, tin lời Phật dạy chẳng sai, hết lòng tiếp tục nỗ lực tu học chẳng gián đoạn, đợi đến một ngày nào đó khai trí huệ xong, vấn đề này sẽ được giải quyết. Nghi tình nhỏ, trí huệ mở mang được mấy phần thì vấn đề sẽ được giải đáp; nghi tình lớn, trí huệ cần phải mở đến một mức độ nào đó thì bạn mới có thể hiểu được. Đây tức là tiểu nghi có tiểu ngộ, đại nghi có đại ngộ. Nếu bạn hoài nghi, chẳng tin tưởng, chẳng tiếp nhận thì bạn vĩnh viễn sẽ chẳng có chỗ ngộ. Thế nên nghĩa thú sâu xa và cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn nói trong kinh thì có nghi tình là chính xác vậy, nhất định phải y chiếu lý luận, phương pháp của Phật dạy trong kinh mà hết lòng tu học. Phật pháp từ thi đến chung đều là dạy người ta khai trí huệ, đó gọi là phá mê khai ngộ. Làm sao khai trí huệ? Trí huệ khai thông từ trong thiên định. Trong Tịnh Độ Tông chúng ta, tuy chẳng dùng danh từ thiên định này, Tịnh Tông dùng “*nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo*”, tám chữ này chính là thiên định, mục đích của người niệm Phật tu tập là ở chỗ này.

Hiểu rõ đạo lý rồi, đây chỉ là nêu ra một thí dụ trong vô lượng phương pháp tu học: Tạo tượng, công đức của việc tạo tượng chẳng thể nghĩ bàn. Chúng loại tạo tượng rất nhiều, ở đây liệt kê ra “*thái họa*”, tô vẽ đều được, hoặc là đúc nặn bằng đất sét, điêu khắc trên đá, giao tất (mủ, sơn) hình tượng Phật, Bồ Tát loại này cũng rất nhiều. Hiện nay kỹ thuật khoa học phát đạt, tạo thành mô hình, tạo hình tượng Phật, Bồ Tát vừa đẹp vừa rẻ. [Phần kinh văn] phía sau [nói đến] tượng Phật đúc bằng kim loại, dùng vàng, bạc, đồng, sắt đúc thành, những tượng này có thể truyền lâu đời về sau. Đối với một người tu học thì hình tượng Phật, Bồ Tát là đề nhắc nhở, giờ phút nào cũng luôn cảnh tỉnh. Chúng ta tạo một tượng Địa Tạng Bồ Tát, công đức rất lớn, giờ phút nào cũng nhắc chúng ta phải hiếu dưỡng cha mẹ, tôn kính sư trưởng. Địa Tạng Bồ Tát tiêu biểu cho hiếu đạo, giờ phút nào cũng nhắc nhở tâm địa chúng ta chứa đựng vô lượng bảo tàng, đây là hàm nghĩa của danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát.

Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói trong tâm tánh của chúng ta có vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, tài nghệ, hết thảy đều viên mãn, đầy đủ, cùng với những lời nói trong đại kinh, y chánh trang nghiêm của quả địa Như Lai chẳng hai chẳng khác, đầy đủ là tự tánh vốn có đầy đủ. Kinh Hoa Nghiêm nói về Hoa Tạng thế giới của đức Phật Tỳ Lô Giá Na, kinh Tịnh Độ nói về Cực Lạc thế giới của đức Phật A Di Đà, thế giới này xuất hiện như thế nào? Trong tự tánh vốn sẵn có đủ cho nên mới nói “duy tâm tịnh độ”. Chúng ta mê mất tự tánh, ngày nay chúng ta trụ trong thế giới này, tai nạn nhiều như vậy, ngũ trược ác thế, ngũ trược ác thế từ đâu đến? Cũng là duy tâm ngũ trược, chẳng lìa khỏi tâm tánh. Giác ngộ xong thì tâm tánh này biến thành tịnh độ, mê mất thì tâm tánh này liền biến thành uế độ, tương biến thành tuy chẳng giống nhau, thể tánh của cái năng biến (chủ thể biến) chỉ là một, cho nên mới nói tịnh uế chẳng hai. Ai trụ trong “tịnh uế chẳng hai”? Người giác ngộ trụ. Còn [đối với] người mê, tịnh và uế sai biệt quá lớn. Việc này giải thích như thế nào? Người giác ngộ chẳng chấp tướng, họ trụ trong tịnh độ nhưng không chấp tướng tịnh độ, trụ trong uế độ cũng chẳng chấp tướng uế độ, cảm thọ của họ đều giống nhau. Người mê chấp tướng, trong tịnh độ thì chấp trước tướng tịnh, sanh tâm hoan hỷ; trong uế độ thì họ chấp trước tướng uế độ, họ sanh phiền não, là sự việc như vậy. Nếu bạn có thể thực sự không chấp tướng; vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hoàn toàn buông bỏ hết thì tịnh uế chẳng hai, cảm thọ của bạn chẳng hai, thọ dụng chẳng hai. Chẳng có nói tịnh độ và uế độ biến thành một thứ, chẳng phải vậy. Tịnh độ vẫn có tướng tịnh độ, uế độ vẫn là tướng uế độ, cảm thọ của họ chẳng hai, bình đẳng thọ.

Phật nói thọ của phàm phu có năm thứ “khổ, vui, buồn, mừng, xả”, năm thứ thọ, đây là phàm phu. Thánh nhân chẳng có năm thọ này, thọ của thánh nhân được gọi là chánh thọ. Trong kinh thường thấy chữ tam-muội, tam-muội dịch nghĩa là chánh thọ, tam-muội là tiếng Phạn dịch âm mà thành chánh thọ tức là năm thứ thọ “khổ, vui, buồn, mừng, xả” đều buông bỏ, hưởng thụ như vậy mới gọi là Chánh Thọ. Chánh thọ dựa trên trí huệ chân thật, còn thọ của phàm phu dựa trên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, do đó trong cảnh giới của họ có khổ - vui, có buồn - mừng. Tại sao cùng một tâm tánh lại biến hiện thành sắc tướng chẳng đồng? Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Tuy tâm tánh là một, chân tâm bản tánh thuần nhất, thanh tịnh, tướng được hiện ra gọi là Nhất Chân pháp giới. Nhưng trong thuần nhất, thanh tịnh, đương lúc nó khởi tác dụng hình như lại có tạp nhiễm. Pháp Tướng Duy Thức Học đối với hiện

tượng này có nghiên cứu rất thâm nhập, họ phân tách rất tinh tế, kinh luận của Pháp Tướng Duy Thức vô cùng phong phú. Thuyết minh tâm tánh khởi tác dụng, hiện tướng trạng các thứ chuyển biến, hư không pháp giới vô lượng vô số chúng sanh đều là Tình Thức biến hiện mà ra, lý trong ấy quá sâu. Tại sao nó lại biến? Tại sao biến thành nhiều như vậy? Tại sao biến ra rồi chẳng chinh tề? Đây là một sự học vấn to lớn.

Nếu nói vấn đề này bạn có nghi hoặc, bạn rất khó tiếp nhận, chúng tôi lại nói một thí dụ thô thiển để xem bạn có thể tiếp nhận được không? Ban đêm bạn ngủ có khi nào nằm mộng chẳng? Mọi người đều đã từng nằm mộng, tại sao trong mộng xuất hiện quá nhiều nhân vật như vậy? Nhiều chúng sanh như vậy? Cái có thể nằm mộng là tâm ý thức của bạn, tại sao tâm ý thức của bạn biến thành phức tạp như vậy? Trong mộng có người tốt, cũng có người xấu, có người bạn ưa thích, cũng có người bạn chán ghét, tại sao bạn không mộng toàn là người bạn ưa thích? Một người bạn ghét cũng không có, tại sao không được? Đạo lý này rất gần với [vấn đề] trên, rất giống, bạn hãy từ từ nghiên cứu. Bạn suy nghĩ, bạn nghiên cứu tại sao trong mộng lại xuất hiện người tốt, người xấu, vừa ưa thích, lại có chán ghét? Bạn đi nghiên cứu, thật ra nghiên cứu chẳng được, bạn hãy đọc thêm kinh sách của Pháp Tướng Tông.

Đó chính là “*duy thức sở biến*”, thức là A Lại Da thức, A Lại Da thức chứa đựng hạt giống nghiệp tập nên có thiện, có chẳng thiện. Lúc sức mạnh ý chí của bạn chẳng thể khống chế chính mình, những hạt giống này sẽ khởi lên. Khi khởi lên thì nó sẽ biến ra ảo tưởng, hiện tướng trong giấc mộng là ảo tưởng, cảnh giới hiện tiền của chúng ta trong kinh không phải đức Phật đã gọi là “*mộng huyễn bọt bóng*” sao, cũng chẳng phải thật. Chúng ta trên thế gian này mấy chục năm ngắn ngủi, hình như nhìn thấy được hiện tượng này, thật ra phải nói cái hiện tượng này đang chuyển biến từng sát-na, từng sát-na, chẳng phải là không biến đổi. Chúng ta bị tướng nối tiếp liên tục từng sát-na [làm cho] mê mất, cứ tưởng nó là thật, chẳng biết cái tướng này là giả. “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, bị liên tục hư vọng mê mất, cứ tưởng là thật. Thế nên ở trong đó lại khởi tâm động niệm, tạo ra những thứ nghiệp thiện và bất thiện. Nghiệp thiện và bất thiện có thể thay đổi hiện tượng này. Phật nói *hết thấy pháp từ tâm tướng sanh*, sự thay đổi này là chẳng hay chẳng biết đang [âm thầm] thay đổi. Chẳng phải bạn nghĩ: “Tôi muốn biến một con trâu”, tại sao bạn chẳng biến ra một con trâu được? Đó là bạn đang khởi vọng tưởng.

Một niệm thiện của bạn đích thật ảnh hưởng đến núi sông đại địa,

y báo chuyển biến tùy theo chánh báo, nói rõ thêm một chút bạn khởi một niệm thiện thì dung mạo của bạn sẽ thiện, bạn khởi một niệm ác thì dung mạo của bạn sẽ ác, tướng chuyển theo tâm. Không những tướng chuyển theo tâm, mà thân thể, thể chất cũng chuyển theo tâm. Phóng lớn ra đến núi sông đại địa bên ngoài cũng chuyển biến theo tâm, “y báo chuyển tùy theo chánh báo”, là đạo lý như vậy. Thế nên chúng ta tạo hình tượng của Phật, Bồ Tát, đây là một tăng thượng duyên cho tâm thiện, niệm thiện của chúng ta; chúng ta nhìn thấy tượng Phật, tượng Bồ Tát thì tâm thiện, niệm thiện sẽ khởi lên, công đức lợi ích là ở chỗ đó.

“Chiêm” tức là “quán tượng niệm Phật”, pháp môn niệm Phật có bốn cách niệm Phật. Nhìn tượng Phật, trong tâm sanh khởi vị Phật này, vị Bồ Tát này, hành trạng cả đời của Ngài. Cho nên nhìn Địa Tạng Bồ Tát bèn nghĩ đến đại nguyện của Bồ Tát đã phát trong nhiều kiếp, chúng ta phải bắt chước. Nghĩ đến Bồ Tát trong đời trước làm cô Bà La Môn, cô Quang Mục, nhìn thấy bà con quyến thuộc của mình tạo những tội nghiệp堕 vào ba đường ác, họ phát tâm như thế nào để cứu vớt người thân. Quay lại suy nghĩ thân quyến họ hàng của mình chẳng hiểu Phật pháp, cũng tạo rất nhiều tội nghiệp, cũng堕 vào ba đường ác, chúng ta có phát tâm cứu vớt họ hay không? Trong lúc chiêm lễ khởi tâm phát nguyện, nếu chẳng nhìn thấy tượng Phật thì quên mất chuyện này, do đó tượng Phật nên để chỗ mà giờ phút nào cũng nhắc nhở mình.

Nếu bạn thực sự hiểu được đạo lý, hiểu được chân tướng sự thật, chân tướng sự thật là gì? Hết thấy chúng sanh đều là cha mẹ, gia quyến họ hàng đời quá khứ. Chúng ta có đời quá khứ, quá khứ vô lượng kiếp, cha mẹ, gia quyến họ hàng trong vô lượng kiếp không biết là bao nhiêu, hiện nay rải khắp lục đạo, thập pháp giới. Trong tứ thánh pháp giới, trong cõi trời thì còn tốt, chẳng sao cả. Nếu ở khắp lục đạo, trong ba đường ác, khổ chẳng nói nổi. Chúng ta có sanh khởi cái tâm niệm muốn cứu độ họ hay không? Lời Phật nói trong kinh là thật, là sự thật. Phàm phu chúng ta chỉ nhận biết cha mẹ đời này, chẳng nhận ra cha mẹ đời trước. Cho nên Phật nói hết thấy chúng sanh là cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai. Chúng ta nhìn thấy hết thấy chúng sanh chịu khổ chịu nạn thì phải coi họ như cha mẹ mình, thân quyến của mình đang chịu khổ chịu nạn, thì tâm nguyện muốn cứu vớt họ sẽ tự nhiên sanh khởi. Người mê nhìn thấy người ta chịu khổ chịu nạn hình như chẳng ăn thua gì với mình, đó là vì họ chẳng biết thật tướng của chư pháp. Bồ Tát biết được, phàm phu chẳng biết, Địa Tạng Bồ Tát hiểu rõ ràng. Thế nên nhìn thấy những người chịu khổ chịu nạn thì cũng như chính mình đang chịu, tâm

từ bi mới có thể thực sự sanh khởi, nhất định chẳng thể ngồi nhìn mà chẳng cứu, chẳng có đạo lý này.

Trong các buổi giảng chúng tôi cũng đã báo cáo cùng chư vị, tâm nguyện chăm sóc, thương mến, cứu vớt nhất định là có. Nhưng sự thật thì có những chỗ chúng ta không đạt đến, tức là có chướng duyên, chướng ngại. Ngày nay chúng ta nhìn thấy cả thế giới có rất nhiều thiên tai, có chỗ bị nạn lụt, có chỗ bị hạn hán, bị động đất, bị nước biển dâng trào; còn thêm chiến tranh do con người gây ra, tàn sát, [quá nhiều] thiên tai và nhân họa. Người bị giết rất đáng thương, kẻ giết người cũng đáng thương. Giết người tạo tội nghiệp cực nặng, tội nghiệp của họ tương lai phải đọa tam ác đạo. Không những tương lai phải đọa tam ác đạo, mà còn phải trả nợ mạng, chẳng phải giết rồi thì hết chuyện. Đời này bạn giết họ, đời sau họ làm người rồi giết bạn trở lại, nhiều đời nhiều kiếp giết hại lẫn nhau, dây dưa chẳng dứt, bạn nói đáng thương biết mấy, bi thảm biết mấy! Phật, Bồ Tát biết rõ chân tướng sự thật này, đạo lý bên trong cũng chỉ có Phật, Bồ Tát minh bạch.

Chúng ta học Phật, nghe xong lời răn dạy của Phật, đọc qua lời giáo huấn của Phật nên chúng ta cũng dần dần tỉnh ngộ trở lại, dần dần cũng hiểu rõ chân tướng sự thật, bởi vậy cũng có thể giống như chư Phật, Bồ Tát, xả mình vì người, phục vụ cho xã hội, phục vụ nhân dân, phục vụ chúng sanh, thực sự làm được đại công vô tư, tận tâm tận lực. Bi nguyện đại từ bi, hành trì đại từ bi này được đắc lực bởi lời răn dạy của Phật. Nhưng chúng ta là phàm phu, phiền não tập khí quá nặng, thường quên mất lời dạy của Phật, trong tâm vẫn còn thị phi nhân ngã, tham, sân, si, mạn, bên ngoài có sự dụ dỗ của ngũ dục, lục trần, tiền tài, sắc đẹp, tiếng tăm, ăn uống, ngủ nghỉ, sức mạnh này quá lớn nên từng giờ, từng phút chúng ta quên mất những tâm thiện, nguyện thiện này. Tùy thuận ác duyên lại khởi ác niệm, khởi tâm niệm tham-sân-si, chạy theo dục hoặc bên ngoài, lại tạo tội nghiệp. Ai nhắc nhở chúng ta? Chỉ có thể nương nhờ hình tượng của Phật, Bồ Tát. Cho nên tại sao tổ sư đại đức khuyến khích người học Phật, nhà người học Phật nhất định phải cúng dường tượng Phật, mục đích cúng tượng Phật là gì? Đó là nhắc nhở chính mình từng giờ, từng phút, dụng ý là ở chỗ này. Chẳng phải xem tượng Phật như thần minh để cúng lạy, cầu Ngài phò hộ cho mình thăng quan, phát tài, như vậy là mê tín. Cúng Địa Tạng Bồ Tát, từng giờ từng phút nhắc nhở bạn phải hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, luôn luôn nhắc bạn phải cứu vớt hết thảy chúng sanh khổ nạn, là có ý như vậy. Thế nên cúng dường hình tượng ở nơi đó có vô lượng công

đức. Đây là [lợi ích của hình tượng] đối với một người học Phật.

Lợi ích đối với một người chẳng học Phật cũng rất lớn. Trong Phật pháp thường nói khi nghe danh hiệu của Phật, Bồ Tát thì một khi lọt vào tai, vĩnh viễn là hạt giống đạo. Bất luận là bạn có tâm hay không tâm, có ý hay vô ý nghe đến danh hiệu Phật, Bồ Tát, hạt giống kim cang đều được vun trồng trong A Lại Da thức. Tai nghe có lợi ích như vậy, mắt thấy cũng có lợi ích tương tự. Mắt bạn nhìn thấy hình tượng Phật, Bồ Tát, nhìn thấy sách ghi danh hiệu Phật, Bồ Tát, một khi lọt vào mắt cũng vĩnh viễn thành đạo chủng. Trong đời này chẳng được lợi ích ấy thì đời sau, hậu thế gặp lại duyên, hạt giống ấy sẽ khơi dậy, sẽ dùng được. Đối với người chẳng tin Phật pháp cũng có lợi ích thù thắng. Nếu bạn nói ngày nay toàn thế giới có ai không học Phật? Tôi thấy mỗi người đều học Phật, tôi thấy rất hoan hỷ. Tôi thấy gì? Cơ Đốc Giáo, Thiên Chúa Giáo đều học Phật cả; Y Tư Lan Giáo (Islam), Do Thái Giáo đều học Phật cả. Tại sao? Trong miệng của họ đều biết đến Phật. Đặc biệt là ngày nay Thiên Chúa Giáo dẫn đầu, hiện nay nghe nói mục sư Cơ Đốc Giáo cũng đọc Đại Tạng Kinh, bạn nói thiện căn này trồng xuống sâu dày biết mấy. Cho nên khi chúng tôi gặp những tín đồ tôn giáo này, Mục Sư, A Hoanh¹⁰⁵, tôi đều chấp tay xưng họ là Bồ Tát thật, chẳng phải Bồ Tát giả. Một khi họ nhìn thấy hình dáng của chúng ta thì tâm niệm nghĩ đến Phật của họ sẽ sanh khởi. Thế nên chư vị phải biết công đức người xuất gia rất lớn, dù phá giới nhưng công đức [của hình tượng xuất gia ấy] cũng chẳng lường được, bạn chẳng có cách gì so sánh. Hình tượng này của bạn [là người tại gia] ra đường, tâm niệm của Phật, Bồ Tát trong tâm người ta làm sao khởi lên được? Chẳng khởi lên được. Thế nhưng chúng tôi mặc chiếc áo này, cạo đầu trọc, khi đi đến đâu đều làm cho chúng sanh trong tâm khởi lên ý niệm về Phật, tâm niệm Bồ Tát, thế nên đi một vòng ở ngoài đường thì có bao nhiêu người trông được thiện căn? Tại sao xưng người xuất gia là một trong Tam Bảo, quý là ở chỗ này, ai có

¹⁰⁵ Chữ A Hoanh (阿訇 *ahong*) nghĩa là thầy tế Hồi giáo cũng có nguồn gốc từ chữ Akhoond. Akhoond (akhund hay akond) trong tiếng Iran nghĩa là một thầy cúng đạo Hồi, thường dùng ở Iran và Azerbaijan. Akhoond có nhiệm vụ hướng dẫn các buổi cúng tế, cầu nguyện trong nhà thờ Hồi giáo. Tuy nhiên trong vài thập niên gần đây, danh từ này trong tiếng Iran lại được dùng như một danh từ có nghĩa giảm danh dự, phẩm giá của người ta, có khi được dùng trong chữ mang ý nghĩa lăng mạ, sỉ nhục, chế nhạo (Theo Wikipedia).

thể so sánh nổi? Hãy khoan bàn về trì giới hay phá giới, chỉ riêng nói về việc làm cho hết thấy chúng sanh khởi lên ý niệm của Phật, Bồ Tát, thì công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn.

Nếu bạn quả nhiên hiểu rõ đạo lý này, ở đây chú ý “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”. Tâm nguyện tạo hình tượng Bồ Tát rộng lớn vô lượng vô biên, một hình tượng này độ hết thấy chúng sanh. Họ tu được công đức thù thắng như vậy “*thị nhân bách phần sanh ư tam thập tam thiên, vĩnh bất đọa ư ác đạo*”. Sanh đến cõi trời Ba Mươi Ba một trăm lần chẳng đọa ác đạo, lợi ích này chẳng kể là lớn lắm, so sánh với công đức của người ấy tu thì đương nhiên sẽ đạt được, chúng ta còn hoài nghi gì nữa? Cho nên hiểu rõ Lý thì nhìn Sự sẽ chẳng hoài nghi nữa. Phía trước có nói siêu việt tội trong ba mươi kiếp, ở đây nói sanh lên trời Ba Mươi Ba một trăm lần, trời Ba Mươi Ba là cõi trời Đao Lợi, hưởng phước trời, chẳng đọa tam ác đạo, đây là phước tạo hình tượng của Bồ Tát. Phía sau nói họ còn phước dư, “*giả như thiên phước tận cố*”, nếu như phước trời hưởng hết, phước một trăm lần hưởng hết, vẫn còn phước thừa. Phước thừa “*hạ sanh nhân gian, do vi quốc vương, bất thất đại lợi*”, đến nhân gian vẫn hưởng nhân thiên phước báo, thời xưa phước báo nhân thiên lớn nhất là làm vua. Ngày nay một số người chẳng chịu tìm hiểu lý luận trong ấy, mê vào dân chủ, mọi người tán thán dân chủ, hiện nay trào lưu là như vậy, chúng ta phản đối dân chủ thì làm sao được! Thật ra người có học vấn chân chánh, khi so sánh kỹ chế độ vua chúa thời xưa với dân chủ ngày nay, [sẽ thấy] chế độ vua chúa có nhiều điểm tốt, lợi ích của dân chủ chẳng bằng chế độ vua chúa. Nếu chư vị đọc lịch sử kỹ càng, quan sát kỹ lưỡng, tuy quân chủ có tệ đoan, nhưng dân chủ không có khuyết điểm hay sao? Mỗi thứ đều có lợi và hại.

Bạn phải dùng đầu óc rất bình tĩnh để suy nghĩ, quan sát, trên thế gian này muốn tìm một chế độ chỉ có lợi chẳng có hại thì không thể tìm được. Chế độ càng tốt, nhà Nho nói rất hay “Người còn thì triều chánh còn, người mất thì triều chánh mất”, đều do người tạo nên. Nhà Phật nói “*Người có thể hoằng đạo, chẳng phải đạo hoằng người*”, Phật pháp đích thật là cứu cánh viên mãn, nhưng hoằng dương Phật đạo cũng phải nhờ con người. Nếu người này chẳng có đức hạnh, cái đạo mà họ hoằng này cũng biến chất rồi. Bản chất của đạo vốn chẳng có lỗi lầm, đến tay của họ thì biến thành lỗi lầm. Những đạo lý này tuyệt đối không phải người ta nói mình cũng nói, chúng ta nghe người ta nói thì phải suy nghĩ cẩn kỹ. Vào thời cổ, tôi vô cùng hâm mộ chế độ thời cổ, điểm này cũng chịu ảnh hưởng của tiên sinh Phương Đông Mỹ. Phương tiên sinh khâm

phục chế độ Châu Lễ nhất, trước sau ông đã nói cho tôi nghe mười mấy lần, ông nói Châu Lễ là hiền pháp tốt nhất từ xưa đến nay, trong nước và ngoài nước, Châu Lễ là do Châu Công đính soạn. Nếu con cháu đời sau của nhà Châu vẫn y theo pháp này mà làm thì sẽ chẳng mất nước, chế độ này quá hoàn mỹ. Mục đích thầy Phương nói những lời này là hy vọng tôi đọc bộ sách này, nhưng tôi lật sách xong, lật mấy trang rồi không đọc nữa. Trong Tam Lễ, tôi chỉ đọc Lễ Ký, còn Châu Lễ và Nghi Lễ tôi chưa đọc. Vì sau này học Phật, chẳng còn hứng thú đối với chính trị nữa. Những gì nói trong Lễ Ký, có rất nhiều việc liên quan đến giới luật của chúng ta, đây là việc đáng tham khảo.

Đến năm đầu Dân Quốc, ông Tôn Trung Sơn nghĩ ra một cách cũng rất tốt, nhưng đáng tiếc là chẳng có người tiếp tục hoàng dương phát triển thêm, điều này rất đáng tiếc. Ông Tôn đọc sách nhiều, đích thật là học rộng nghe nhiều, đối với Quốc Học Trung Quốc ông có trình độ rất sâu, tri thức Tây phương tương đối phong phú, nên ông nghĩ ra phương pháp này, chọn ra ưu điểm của quân chủ và dân chủ, gạt bỏ khuyết điểm cả hai, đó là một lý tưởng như vậy. Phát minh ra Tam Dân chủ nghĩa¹⁰⁶, hiền pháp Ngũ Quyền, một đảng chuyên chánh. Trong tâm ông chẳng phải chính trị đa đảng, là chuyên chánh một đảng. Một đảng này từ đâu tới? Thay thế cho một gia tộc của vua chúa thời xưa. Thời xưa vua chúa thống trị quốc gia là một gia tộc thống trị. Ngày nay chúng ta dùng một đảng, tập trung những người có trí huệ, có tài năng trên toàn quốc vào một chỗ, cùng nhau thống trị quốc gia, một đảng chuyên chánh. Đây là có ưu điểm của quân chủ, gạt bỏ ưu điểm của quân chủ. Cách nghĩ của ông ta rất tốt, đáng tiếc là sau khi ông mất đi, có ai hiểu được Tam Dân Chủ Nghĩa? Tôi thường than tiếc cho ông. Nguyên nhân căn bản nói thật ra là cả đời ông bôn ba khổ nhọc, sau khi lật đổ Mãn Thanh được mấy năm thì ông mất, thọ mạng quá ngắn. Nếu ông có thể sống thêm hai chục năm, sức ảnh hưởng ấy sẽ rất lớn.

Vả nữa nguyên nhân quan trọng cũng ở tại Giáo Dục, khi cổ thánh tiên hiền Trung Quốc xây dựng một chánh quyền có thể kéo dài mấy trăm năm, nhân tố thành công của họ ở đâu? Ở tại giáo dục. Chánh quyền triều Hán do Hán Cao Tổ thành lập, nhưng đến đời thứ hai là Hán Võ Đế thì lập nên chánh sách giáo dục của quốc gia. Sau khi chánh sách

¹⁰⁶ Tam Dân Chủ Nghĩa là một triết lý chính trị do ông Tôn Trung Sơn đề xướng. Tam Dân chủ nghĩa gồm có ba phần: Dân Tộc, Dân Quyền, và Dân Sanh. Hiền pháp ngũ quyền: Hiền pháp ghi trong Tam Dân chủ nghĩa gồm có năm ngành: Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp, Điều Khiển, và Thẩm Tra.

giáo dục được xây dựng, trong hai ngàn năm Trung Quốc thay triều đổi vua, chánh quyền thay đổi nhưng tông chỉ giáo dục chẳng thay đổi, đây là điểm rất tuyệt diệu! Sau khi [chánh sách giáo dục được] Hán Võ Đế đặt ra mãi cho đến đời Mãn Thanh cũng chẳng thay đổi, đây cũng là việc rất khó nghĩ bàn. Chư vị thử nghĩ xem nếu tông chỉ giáo dục này không tốt lắm thì tại sao vua chúa các đời sau không thay đổi? Giáo dục này chính là giáo dục luân lý đạo đức, đề cao Khổng Mạnh, lấy tư tưởng của Khổng Mạnh làm chủ lưu, phối hợp thêm Bá Gia Chư Tử¹⁰⁷, dùng nhà Nho làm chủ. Thế nên giáo dục này dạy những gì? Dạy luân thường. Nói cách khác dạy bạn hiểu được quan hệ giữa người và người, giữa lãnh đạo và thuộc cấp tức là quan hệ quân thần, quan hệ bạn bè, được vậy bạn mới làm một người hoàn mỹ, mới biết cách làm người. Sau đó mới dạy bạn quan hệ giữa người và hết thảy vạn vật, dùng cách nói hiện nay bạn mới biết tôn trọng sinh thái tự nhiên, bảo vệ sinh thái tự nhiên, làm cho hoàn cảnh sinh sống của chúng ta càng thêm tốt đẹp. Cuối cùng dạy bạn quan hệ giữa người và thiên địa quỷ thần. Đây là tông chỉ, phương châm giáo dục của Trung Quốc suốt hai ngàn năm qua, thế nên giữa người với người có cảm tình sâu đậm, có đạo nghĩa.

Nếu ngày nay không nói đến giáo dục này, buông bỏ mất, lấy chủ nghĩa công lợi của Tây phương, việc này làm sao được! Thiên hạ sẽ đại loạn, chẳng thể có hòa bình, yên ổn, tại sao? Ai nấy đều tranh lợi, như vậy thì làm sao được? Tranh danh đoạt lợi, chẳng tiếc bất cứ thủ đoạn gì, thế gian này còn ngày tháng thái bình nữa sao? Ngày nay Tây phương đã cảm nhận xung kích rất lớn, gặp khó khăn rất lớn. Hiện nay họ đang suy nghĩ, nghiên cứu [học vấn] của Trung Quốc. Hầu như mỗi đại học ở Mỹ đều có trung tâm Hán Học, họ hết lòng nghiên cứu học vấn truyền thống Trung Quốc cổ xưa, nghiên cứu học vấn của Ấn Độ cổ xưa, hy vọng tìm được trong ấy một số lý luận, nguyên tắc có thể cứu vãn xã hội hiện nay.

¹⁰⁷ Bá gia chư tử là những học thuyết nảy sanh tại Trung Quốc từ sau thời Tây Châu cho đến trước khi Tần Thủy Hoàng thống nhất đất nước (sử thường gọi là thời đại Tiên Tần). Do trong thời ấy, chư hầu các nước đua nhau tranh giành thế lực, nên ra sức chiêu mộ nhân tài, mâu thuẫn xã hội và giai cấp rất cao nên rất nhiều triết gia (như Khổng Tử, Lão Tử, Tuân Tử, Mặc Tử, Hàn Phi Tử v.v...) đề xướng những học thuyết nhằm giải quyết những vấn nạn, khúc mắc trong xã hội. Chữ “bá gia” là một đại từ phiếm chỉ nhằm nói lên tư tưởng phong phú, phức tạp, chứ không có nghĩa là có đến một trăm học thuyết khác nhau. Dựa trên các bộ sử như Sử Ký của Tư Mã Thiên và Hán Thư của Ban Cố, thời Tiên Tần chỉ có các học phái như sau Nho Gia, Đạo Gia, Âm Dương Gia, Pháp Gia, Mặc Gia, Danh Gia, Tung Hoàn Gia, Tạp Gia, Nông Gia, Binh Gia, Tiểu Thuyết Gia, Y Gia, Phương Kỹ Gia, và Số Thuật Gia.

Hiện nay nếu bạn đối với những vấn đề này hiểu sơ lược một chút, bạn đến những đại học ở ngoại quốc để diễn giảng thì sẽ được hoan nghinh. Tôi biết được rất thô thiển, một chút ngoài da, nhưng tôi ở những trường học ngoại quốc này nói sơ sơ cũng được hoan nghinh phi thường. Họ nghe nói, [cảm thấy] rất hiếm có, kỳ lạ, chưa từng nghe qua, Trung Quốc có đồ tốt như vậy, tiếc rằng chẳng có người giới thiệu.

Đoạn kinh văn này, trong chú giải pháp sư Thanh Liên chỉ cho chúng ta các tư liệu tham khảo rất quan trọng, trong ấy quan trọng nhất là nặn tạo tượng Phật phải dùng tâm cung kính, phải dùng tịnh tài, tịnh vật tiêu biểu cho lòng kiên thành, cung kính, thì mới khởi lên cảm ứng, đạo giao. Bạn xem người thời xưa tô vẽ, chứ người hiện nay rất hiếm [ai làm như vậy] rồi, trước khi vẽ một tượng Phật, nhất định phải tịnh thân¹⁰⁸, rửa tay, rửa sạch sẽ, mặc y phục sạch sẽ, có khả năng thì nhất định thay quần áo mới, không có khả năng thì quần áo nhất định phải giặt sạch sẽ, tiêu biểu cung kính. Giấy và mực nhất định chẳng dùng cho việc khác. Bút vẽ tượng Phật thì dành riêng để vẽ tượng Phật, tuyệt chẳng dùng để viết chuyện khác, chuyên dùng cũng là tượng trưng cho lòng cung kính. Những tài vật cần thiết đều là tịnh tài, là tiền của mình đáng có được, tuyệt chẳng dùng tiền tài chẳng tịnh. Bất tịnh là những gì tôi chẳng nên có [mà có], chẳng phải tiền của tôi, tôi dùng thủ đoạn để gạt lấy, hoặc uy hiếp, ép buộc người ta chẳng thể không tặng cho, tiền tài như vậy gọi là bất tịnh tài. Phải dùng tâm thanh tịnh, vật thanh tịnh để tạo tượng. Chư vị hiện nay có cuốn này, ở trang ba mươi hai trong cuốn chú giải, đếm ngược hàng thứ hai, câu sau chót, tôi đọc cho quý vị nghe: *Lại không cho tạo tượng nửa người, thiện tướng chẳng khởi, đọa lạc sanh tử*¹⁰⁹, hy vọng mọi người phải chú trọng câu này. Hiện nay có nhiều địa phương cúng tượng Phật, Bồ Tát chỉ có nửa người, có chỗ cúng tượng Phật, Bồ Tát chỉ có cái đầu, cúng như vậy tạo tội nghiệp, quả báo này nhất định ở tại địa ngục. Cúng tượng Phật nửa người thì tội nghiệp đã chẳng nhẹ, đọa lạc sanh tử chẳng có công đức. Thế nên vẽ hình tượng Bồ Tát phải vẽ cho hoàn chỉnh, phải vẽ tượng toàn thân (cả người), không thể vẽ tượng nửa người, bất luận là tượng ngồi, hoặc đứng đều phải vẽ toàn thân, phải chú ý điểm này! Chúng ta tạo tượng người ta có

¹⁰⁸ Tịnh thân ngoài nghĩa là tắm rửa sạch sẽ, quần áo sạch sẽ, còn là thanh tịnh thân tâm, chẳng hạn không ăn uống rượu thịt, không ăn các thứ tỏi, hành, những chất cay nồng, không ăn nằm, không khởi lên ý niệm tà vạy, thậm chí có người còn thọ Bát Quan Trai Giới trong suốt thời gian tạc tượng.

¹⁰⁹ “Hựu bất hứa tạo bán thân tượng, thiện tướng bất khởi, đọa lạc sanh tử”.

thể tạo tượng nửa người, không thành vấn đề, còn tượng Phật, Bồ Tát thì tuyệt đối không thể. Tượng người có thể tạo nửa người, bạn nói có ai tạo tượng chỉ tạo cái đầu còn ngoài ra không có gì khác. Trong phong tục tập quán của chúng ta, đây là điều không cát tường, đầu bị người ta chém đứt rồi, sao lại làm như vậy? Không thể như vậy được. Ở đây Ngài có viết một câu như vậy, đặc biệt nhắc nhở chư vị đồng tu.

Trong chú giải Ngài dùng một đoạn trong Kinh Tạo Tượng Công Đức, trang ba mươi ba hàng thứ hai, câu cuối cùng Kinh Tạo Tượng Công Đức nói: *“Nếu ai lúc lâm chung, thốt lên lời nói [bảo người khác] tạo tượng, thậm chí [tượng được tạo] chỉ nhỏ như hạt lúa đại mạch”,* đây là đại mạch, tức là nói tạo tượng, tượng rất nhỏ, nhỏ như hạt lúa đại mạch, rất nhỏ, *“có thể trừ tội trong mười ức kiếp sanh tử suốt ba đời, có mười một công đức”*. Tạo tượng nhỏ như hạt lúa cũng có công đức to lớn như vậy, huống chi là tạo tượng Phật, Bồ Tát lớn? Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Có lẽ ngày nay có một số người đọc thấy lời này nên tranh nhau tạo tượng Phật lớn, tạo tượng Bồ Tát lớn, họ tạo tượng như vậy có thể có công đức lớn như vậy không? Như đoạn trước có nói, nếu là bất tịnh tài thì sẽ chẳng có công đức này. Thế nên tạo tượng nhất định phải cân nhắc khả năng của mình, miễn cưỡng tích tụ rất nhiều tiền tài bất tịnh thì tượng này tạo không đúng như pháp. Do đó tạo tượng thì mọi người đều có thể tạo, công đức có được lại không giống nhau. Là cái gì không giống? Nơi phát tâm tạo tượng của bạn, chỗ khởi tâm, tại sao khởi tâm niệm muốn tạo tượng này, động cơ của bạn ở đâu. Nếu tượng này đích thật sẽ làm cho mọi người trồng thiện căn, khởi phát tâm Hiếu của mọi người thì công đức này rất lớn. Nếu động cơ là vì muốn trang nghiêm đạo tràng của mình, tỏ rõ đạo tràng này thù thắng hơn nơi khác, trong ấy có tâm cao thấp, nhà Phật gọi là tâm cao hạ, giống như tranh đua vậy, tâm như vậy không tốt, tâm đó là tâm háo thắng. Tâm háo thắng tuy có công đức rất lớn, tương lai sẽ sanh vào cõi nào? Cõi A Tu La, đường Tu La, kinh Lăng Nghiêm dạy chúng ta phước báo lớn nhất là A Tu La ở cõi trời, kể đó là A Tu La cõi người, kể đó là A Tu La cõi súc sanh, cõi ngạ quỷ, bốn cõi này đều có A Tu La, chỉ có địa ngục là chẳng có A Tu La. Do đó A Tu La堕 vào cõi nào thì dùng cõi đó để xưng tên. Trong kinh Phật thường gọi là năm cõi (ngũ thú), năm cõi chẳng kể A Tu La, A Tu La ở cõi nào thì tính là cõi đó. Nói sáu cõi thì chỉ A Tu La [riêng rẽ]. Có thể thấy trong kinh Phật thường nói *“Nhân địa chẳng thật sẽ chiêu*

cảm được quả công qeọ”¹¹⁰, sơ phát tâm của chúng ta là gì? Vì sao lại làm như vậy? Cho nên chân chánh tạo tượng là vì phát triển hồng dương Phật pháp, đem lợi ích cho chúng sanh, công đức ấy sẽ lớn.

Phía sau Ngài nói mười một thứ công đức đều liệt kê ra trong đó, mỗi công đức đều có nghiệp nhân của nó, đều có nhân duyên, nhất định phải tương ứng với nhân duyên, duyên tương ứng, có nhân ắt có duyên, sau đó mới có quả báo.

- Thứ nhất là “*Thế thế nhĩn mục thanh khiết*” (Đời đời mắt trong sạch), tại sao mắt trong sạch? Thường thường nhìn hình tượng Phật, Bồ Tát nên có được quả báo này. Cho nên khi chúng ta hiểu được đạo lý này xong, trong nhà của các cư sĩ, quý vị sắp đặt phòng khách của quý vị, đừng treo đồ vật tầm lum, chẳng có ý nghĩa gì hết; cũng đừng treo những bức họa viết chữ của các người nổi danh, đều nhiễu loạn tâm tình. Nên treo gì? Treo hình tượng Phật, Bồ Tát. Bốn phía trong phòng khách đều có thể treo, bất luận ngồi ở đâu bạn cũng có thể thấy tượng Phật, nhất tâm niệm Phật. Nếu chuyên tu Tịnh Độ, nói thật ra, chọn ra một tượng Phật, bốn phía đều treo tượng giống nhau. Giống như Niệm Phật Đường trong Cư Sĩ Lâm hiện nay của chúng ta, toàn bộ đều treo tượng A Di Đà Phật, hình như đã treo hơn một trăm tấm, một trăm, hai trăm tấm bạn đều nhìn thấy. Bất luận đầu bạn xoay về hướng nào thì cũng đối diện A Di Đà Phật, ở nơi ấy tu hành, mắt nhất định đời đời thông minh, được quả báo mắt được thanh khiết, quý vị nghĩ coi phải là đạo lý này hay không?

- Thứ hai “*Sanh xứ vô ác*” (Nơi sanh chẳng có việc ác), sự việc trong đời này đều do nhân ta tạo đời trước, chúng ta thọ nhận quả báo, nhân đời này chúng ta tu rất thù thắng, thì đời sau, đời sau nữa nhất định sanh đến hoàn cảnh rất tốt, chẳng thấy những hình tượng ác, cũng chẳng nghe âm thanh ác, đây là phước báo.

- Thứ ba “*Thường sanh quý gia*” (Thường sanh vào nhà tôn quý). Quý là tôn quý, nhà tôn quý không nhất định là phú quý, chẳng nhất định là giàu có, có đức hạnh là tôn quý. Bạn sanh đến nhà này, người cha người mẹ, tổ tiên đều tích đức, háo thiện tích đức, bạn sanh vào nhà như vậy. Đây là gì? Cảm ứng đạo giao, tâm hạnh mình thiện thì nhất định là thiện cùng thiện cảm ứng. Tuy đức Phật trong kinh nói cha mẹ cùng con cái có bốn thứ duyên: Báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ, đây là một nguyên tắc. Trong đời quá khứ duyên đã kết quá nhiều quá nhiều, nói cách khác,

¹¹⁰ Nhân địa bất chân, quả chiêu vu khúc.

duyên có thể làm cha mẹ, làm con cái rất nhiều, rốt cuộc chọn duyên nào để làm cha mẹ? [Việc này] liên quan đến tập tánh thiện ác. Nếu thường thường ngắm nhìn tượng Phật, thường thường xưng danh hiệu Phật, duyên người ấy lựa chọn nhất định sẽ là thiện duyên.

- Thứ tư “*Thân như tử ma kim sắc*” (Thân có màu vàng tía), đây là hình dung thân tướng đẹp, lục căn đầy đủ, chẳng khuyết, thân tướng tốt.

- Thứ năm “*Phong nhiêu trân ngoạn*” (Nhiều vật đồ chơi quý báu) đây là nói phú quý, sinh hoạt của bạn giàu có, đầy đủ. Nếu đời sống chẳng giàu có thì không thể có những đồ chơi quý báu này. Trong các thứ đồ quý này, phạm vi được nói đến cũng rất rộng. Nhà hảo thiện hảo đức tuyệt chẳng sưu tập những thứ người thường xem, những thứ trân kỳ, hiếm có, những đồ quý này. Nhà người có đức hạnh, có học vấn sưu tập điển tịch, họ hưởng thụ những thứ này. Như hiện nay thì rất thuận tiện dễ dàng, hiện nay kỹ thuật ấn loát tiện lợi, thời xưa có nhà nào có thể có một bộ Đại Tạng Kinh? Không thể nào. Kinh điển thời xưa, đầu thời Dân Quốc vẫn còn ấn loát bằng cách khắc ván, ấn loát chẳng dùng mực dầu mà dùng muội tùng¹¹¹, có lẽ quý vị chưa từng thấy qua, muội của trái tùng. Hiện nay Kim Lăng Khắc Kinh Xứ đã dùng mực dầu, chẳng dùng muội cây tùng. Thời xưa những cuốn sách ấy, dùng tay sờ thì tay dính chất đen giống như bột vậy, dùng muội cây tùng chà lên [bản khắc ván] rồi ép lên giấy, in một cuốn như cuốn kinh Địa Tạng này, sợ rằng mỗi người phải tốn thời gian cả một ngày vì phải in từng trang một. Sau đó đóng thành sách, cắt cho ngay ngắn, thật chẳng dễ, do đó giá thành của sách sẽ rất cao, chẳng phải là người giàu có thì chẳng mua nổi, số lượng lại rất ít. Hiện nay thuận tiện rồi, là chụp hình làm bản [kẽm để in] có thể ấn loát, lưu thông số nhiều. Năm đầu Dân Quốc, lúc đó tôi biết ở quê tôi, tỉnh An Huy này, nghe nói hình như chỉ có hai bộ Đại Tạng Kinh, và một bộ chẳng đầy đủ. Hai bộ đầy đủ, một bộ thiếu, thật chẳng dễ. Những người thường muốn đọc kinh phải vô chùa, vào lầu chứa kinh mượn đọc, không thể mượn ra khỏi chùa, chỉ đọc tại lầu chứa kinh. Lầu chứa kinh giống như thư viện vậy, muốn đem về nhà đọc bạn phải tự chép tay, chép xong rồi trả lại, tạng kinh này không được ra khỏi cửa. Hiện nay kỹ thuật ấn loát phát đạt, chữ nhỏ nên một bộ Đại Tạng

¹¹¹ Muội tùng là chất muội (lọ nôi, lọ nghe) của quả thông, hay quả tùng (thậm chí không nhất thiết phải là quả, gỗ thông, tùng, bách v.v..) đốt lên, lấy muội đều chế biến được. Mực Tàu hiện thời vẫn dùng lối này để chế. Vì có nhiều chất dầu nên mực in sẽ ăn sâu vào giấy, lâu phai màu.

Kinh, như Long Tạng (Đại Tạng Kinh in thời vua Càn Long), hiện nay chúng ta in thành một trăm sáu mươi cuốn, giá rất thấp, trong nhà có thể thỉnh một bộ, đây là trân bảo! Tứ Khố Toàn Thư thì quá lớn, nhưng Tứ Khố Tập Yếu rất tiện lợi, thời xưa chỉ có nhà vua mới có thể cất giữ, hưởng thụ, hiện nay dân gian chúng ta cũng có thể. Đài Loan in lại bộ Tứ Khố Tập Yếu, một bộ giá năm mươi vạn đồng Đài Loan, giá tương đối rẻ, số lượng gồm có năm trăm cuốn sách bìa cứng đẹp, tương đương với hai, ba bộ Đại Tạng Kinh, đây là trân bảo! Đây là sách đáng để cất giữ, tự mình có thể thọ dụng, có thể dạy đời sau. Thế nên phong nhiều trân ngoạn chẳng phải một số đồ cổ bằng ngọc, những thứ ấy chẳng có lợi ích thực sự gì cả. Thực sự có lợi ích là những kinh sách kể trên, là những lời dạy của cổ thánh tiên hiền.

- Thứ sáu: “*Sanh hiền thiện gia*” (sinh vào nhà lành, hiền). Phía trước nói thường sanh quý gia, chú trọng ở chữ thường, quả báo này chẳng phải chỉ một đời, công đức lợi ích được kéo dài nhiều đời, như phía trước nói sanh một trăm lần lên trời Đao Lợi. [Công đức] thứ sáu sanh hiền thiện gia khác với phía trước là, phước báo đương nhiên từng đời thua kém đời trước một chút. Nếu mỗi đời họ đều chịu tu thì phước báo sẽ vĩnh viễn kéo dài không dứt, nhất định phải nhờ vào tu đức, sanh hiền thiện gia.

- Thứ bảy “*Sanh đắc vi vương*” (sinh được làm vua), đây là hưởng thụ phú quý nhân gian.

- Thứ tám “*Tác Kim Luân Vương*” (Làm Vua Kim Luân).

- Thứ chín “*Sanh Phạm thiên*”, tầng lớp này càng ngày càng cao, hoàn toàn coi bạn tu phước lớn hay nhỏ, tu phước lớn nhỏ chẳng ở chỗ tạo tượng lớn hay nhỏ, phải hiểu đạo lý này. [Lớn nhỏ] ở nơi tâm tu phước của bạn lớn hay nhỏ, tâm lượng bạn lớn, tạo tượng nhỏ thì công đức cũng lớn; tâm lượng nhỏ, tạo tượng lớn thì phước cũng nhỏ. Do đó lớn nhỏ chẳng dựa trên tượng lớn hay nhỏ, mà ở tại tâm lớn hay nhỏ, ở tại tâm địa nhiệm hay tịnh, nhất định phải hiểu đạo lý này. Phật pháp thực sự là pháp bình đẳng, nếu nói tôi tạo tượng lớn thì phước sẽ lớn, tượng nhỏ thì phước nhỏ, vậy thì chỉ có người có tiền, có thể lực mới tu được phước lớn, người nghèo chẳng thể tu phước báo, như vậy thì chẳng bình đẳng. Trong Phật pháp [tất cả] đều bình đẳng, có khi người nghèo tu phước còn vượt trội phước của người giàu tu gấp nhiều lần, [lớn nhỏ] là ở tại tâm thanh tịnh, phải hiểu đạo lý này.

- Thứ mười “*Bất đạo ác đạo*”.

- Thứ mười một “*Hậu sanh hoàn năng kính trọng Tam Bảo*” (Đời

sau còn có thể kính trọng Tam Bảo), điều này rất quan trọng! Mười điều trước đều nói về quả báo, điều này là nhân. Đây là việc Phật pháp nói quả sẽ chẳng bỏ sót nhân, nói nhân thì nhất định sẽ nói đến quả báo, cách nói như vậy mới viên mãn. Đời sau vẫn còn kính trọng Tam Bảo, có thể thấy phước đức này của họ có thể kéo dài, chẳng phải một đời liền hưởng hết. Hiện nay chúng ta quan sát những người có phước báo trong thế gian này, bạn quan sát cận kề, phước báo của họ hầu như rất mau hết, thọ mạng đời này còn chưa hết thì phước báo của họ đã hết rồi. Ở nước ngoài chúng ta thấy rất nhiều công ty sụp đổ, phá sản, tuổi họ cũng chẳng lớn lắm, đó là lúc hưởng phước chẳng biết tu phước. Người thế gian thực sự rất ít kẻ có thể kéo dài phước báo tới hai đời, ba đời. Hiện tại là một đời bản thân chính mình có thể hưởng phước một đời, người như vậy đã là rất ít rồi. Thường thường là thời gian hưởng phước rất ngắn, lúc hưởng phước chẳng biết tu phước, lúc hưởng phước chẳng biết làm lợi ích cho xã hội chúng sanh, cho nên thời gian họ hưởng phước rất ngắn ngủi. Điều này rất quan trọng, lúc hưởng phước nhất định phải biết tu phước, phải biết phước này từ đâu tới.

Trong kinh đức Phật nói, có thể nói hoàn toàn là cảnh giới của phạm phu. Tiền tài, có một ai không mong cầu tiền tài? Trong tâm cầu tiền tài, tham tiền tài, như vậy là sai, chẳng biết tiền tài có được là do bố thí tài vật. Chân chánh hiểu rõ đạo lý này, có tiền tài thì dốc toàn tâm toàn lực để bố thí, bố thí một cách vô điều kiện, thực sự chẳng phải cân nhắc hiệu quả của sự bố thí, chẳng cần suy nghĩ về việc này. Tôi bố thí là việc tốt, cứu giúp người ta, đương nhiên chúng ta chẳng phải trực tiếp đi cứu giúp, nhất định là có một số người giúp đỡ, chúng ta giao cho người ta làm việc này. Nếu người ta đem tiền này đi làm việc khác, hoặc lấy đi hưởng thụ, thì đó là nhân quả của họ, chẳng liên quan gì với mình. Tâm tôi phát là thuần chánh, phước tôi được sẽ viên mãn. Nếu bạn còn cân nhắc, sợ tiền cứu trợ bị người ta lấy mất, chẳng dám làm, nói cách khác duyên để bạn tu phước đã bị đoạn dứt, trở thành người chẳng có phước. Trong tâm cứ thường lo âu, cứ nghĩ đến những chuyện được, chuyện mất, tương lai cảm quả báo ngu si, chẳng có trí huệ.

Cho nên chúng ta dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm từ bi để tu phước, đương nhiên chúng ta cũng phải xem xét người mình nhờ đi làm chuyện phước thiện này, nếu không lựa chọn, không xem xét thì mình không có tội, nhưng có lỗi lầm. Nếu người mình nhờ [làm phước này] đáng tin cậy, rất ôn hòa thì phước báo sẽ viên mãn; nếu người mình nhờ chẳng đáng tin cậy, bạn vẫn có phước báo, nhýng phước này

không viên mãn, chẳng phải là không có phước báo. Nhân quả trong ấy rất phức tạp, chẳng dễ giảng cho rõ được, chư vị phải học nhiều, đọc kinh điển nhiều, suy nghĩ thêm, dần dần bạn sẽ khai ngộ, bạn sẽ hiểu được, biết mình nên làm thế nào để tu phước. Làm cho mình đời nào kiếp nào cũng thực sự được hạnh phúc mỹ mãn, đời sống vật chất chẳng thiếu thốn, không thiếu tức là có phước báo, không cần nhiều quá; thông minh trí huệ, khỏe mạnh sống lâu, đời sau có thể có hoàn cảnh sinh sống tốt hơn. Tây Phương Cực Lạc thế giới thực sự là hoàn cảnh sinh hoạt rất rạo viên mãn. Chúng ta hiểu rồi, biết rồi thì trong đời này nhất định phải dốc hết tâm, hết sức để làm việc này cho bằng được. [Ngoài việc] cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới ra, những việc khác đều có thể buông bỏ, trong đời này chúng ta tu học, nhân duyên quả báo mới có thể đạt đến viên mãn.

Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây thôi.

Tập 20 (Số 14-12-20)

Xin mở kinh, quyển trung, trang ba mươi ba, xem kinh văn bắt đầu từ hàng cuối:

Nhược hữu nữ nhân yếm nữ nhân thân, tận tâm cúng dường Địa Tạng Bồ Tát họa tượng, cập thổ thạch giao tất đồng thiết đẳng tượng. Như thị nhật nhật bất thoái, thường dĩ hoa hương, ẩm thực, y phục, tăng thải, tràng phan, tiền, bảo vật đẳng cúng dường.

若有女人厭女人身。盡心供養地藏菩薩畫像。及土石膠漆銅鐵等像。如是日日不退。常以華香。飲食。衣服。繒綵。幢幡。錢。寶物等供養。

(Nếu có người nữ nào nhàm chán thân người nữ, hết lòng cúng dường tượng vẽ của Địa Tạng Bồ Tát, cùng những tượng bằng đất, đá, keo, sơn, đồng, sắt, v.v., ngày ngày như thế không thoái chuyển; lại thường đem hoa, hương, đồ ăn, thức uống, quần áo, gấm lụa, tràng phan, tiền bạc, báu vật, v.v.. cúng dường.)

Chúng ta đọc tiếp cũng được.

Thị thiện nữ nhân tận thử nhất báo nữ thân, bách thiên vạn kiếp cánh bất sanh hữu nữ nhân thế giới, hà hưởng phục thọ.

是善女人盡此一報女身。百千萬劫更不生有女人世界。
。何況復受。

(Thì người thiện nữ đó sau khi mãn một báo thân nữ hiện tại, trải qua trăm ngàn muôn kiếp còn không sanh vào thế giới có người nữ, huống chi là thọ lại [nữ thân].)

Đoạn này nói về việc chuyển thân nữ. Việc này xã hội hiện nay khác với xã hội thời xưa, xã hội cổ xưa ở Trung Quốc, ở Ấn Độ, có thể ở những nước khác cũng giống như vậy, địa vị của phụ nữ trong xã hội tương đối thấp, đó gọi là nam nữ chẳng bình đẳng. Xã hội hiện nay khác với lúc trước. Thời quá khứ, trong kinh đức Phật nói thân người nữ có nhiều chướng ngại, phiền não nhiều hơn người nam, tình chấp nặng, thế nên đức Phật trong kinh Ngọc Da Nữ¹¹² nói người nữ có mười việc thường âu lo. Thứ nhất là lúc sanh ra, cha mẹ chẳng hoan hỷ, người mẹ sanh con trai thì rất vui, lúc sanh con gái thì tâm hoan hỷ giảm bớt rất nhiều. Thứ hai, đây là nói trong xã hội thời xưa, cha mẹ chăm sóc dạy dỗ con gái rất nghiêm khắc¹¹³, dù đã trưởng thành cũng không thể gặp mặt khách [đàn ông] bên ngoài, [tức là] khách không phải là họ hàng thân thuộc, cô ta phải phân biệt người trong họ và người ngoài, đây là [việc] thường tránh gặp người ngoài. Kế đến là lúc lấy chồng, cha mẹ lại lo

¹¹² Kinh Ngọc Da Nữ do ngài Trúc Đàm Vô Lan (Dharmarakṣa) dịch vào thời Đông Tấn, tên gọi đầy đủ là Trường Giả Nghệ Phật Thuyết Từ Phụ Vô Kính Kinh. Nội dung kinh là bài giảng của đức Phật dành cho Ngọc Da, con dâu của trưởng giả Cấp Cô Độc. Cô này y nhà giàu có, bản thân thông minh, lấn hiếp chồng, hỗn hào với cha mẹ chồng, thậm chí khinh thường Tam Bảo. Một buổi nọ, đức Phật nhận lời thỉnh đến thọ trai tại nhà ông Tu Đạt Đa, cô này giả vờ bệnh nằm lý trong phòng không thèm ra tiếp đãi, nhưng đức Phật đã dùng thần thông rót vào tai cô những giáo huấn về đức hạnh cần có của người phụ nữ. Cô ta tỉnh ngộ, xin sám hối và phát nguyện thọ Thập Giới. Ngoài bản dịch này còn có các bản dịch khác như Ngọc Da Nữ Kinh (cũng dịch vào đời Tấn, nhưng đã mất tên người dịch), A Thốt Đạt Kinh (do Cầu Na Bạt Đà La dịch vào đời Lưu Tống), bản thứ ba là Phi Thường Phẩm Đệ Cửu Kinh trong Tăng Nhất A Hàm (tương đương với kinh Sattabhariyā của tạng Pali).

¹¹³ Vấn đề tỵ hiềm trong xã hội Trung Hoa cổ xưa rất quan trọng. Do vậy, ngay cả bố ruột, anh em trai cũng không bước vào phòng con gái nếu không có người đi cùng. Trong họ hàng, ngay cả khi tiếp chuyện với anh em họ, cũng phải có người lớn tuổi như nữ mẫu hay a hoàn đứng cạnh để tránh bị người khác đôn đại. Do lẽ này, trong Văn Sao, tổ Ấn Quang có khuyên: Khi làm đám, phụ nữ trong nhà không nên ngồi sau tăng chúng niệm Phật, mà nên ngồi sau bức màn, ra vào theo lối riêng để tránh hiềm nghi.

lắng thêm, phải rời khỏi nhà cha mẹ, thân thuộc, trong Phật pháp gọi là ái biệt ly khổ. Gả đi lấy chồng hoàn toàn phải coi người chồng, coi sắc mặt của người ta, có rất nhiều chướng ngại, khó khăn. Lúc còn nhỏ thì bị cha mẹ quản thúc, gả đi rồi thì bị chồng quản thúc, đến già thì bị con cháu quản thúc, rất nhiều khổ sở, thế nên người ta không thích làm người nữ. Quan niệm hiện nay khác với thời xưa, chúng ta biết rõ những việc này. Nhưng trong đây có một việc quan trọng, là nói cho chúng ta biết nghiệp lực có thể thay đổi, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Ngay cả thân hình cũng có thể chuyển biến, hươu chi là dung mạo, thể chất, thân thể đương nhiên càng dễ đạt được, phải hiểu đạo lý này. Trong ấy chỉ là một nguyên lý: “*Cảnh chuyển theo tâm, tâm có thể chuyển cảnh*”, chúng ta hiểu được đạo lý này thì rất tốt.

Còn phương pháp chuyển biến, chỗ này nói: “*Nhược hữu nữ nhân yếm nữ nhân thân*” (nếu có người nữ chán ghét thân nữ), trong đoạn sau có nói: “*Thị thiện nữ nhân*”, do đó có thể biết người nữ nói phía trước phải là người nữ thiện, [đoạn trước] đã lược bớt một chữ [thiện]. Chữ này quan trọng phi thường! Chúng ta coi đoạn sau sẽ biết đoạn này, người nữ này phải là người thiện. Người nữ thiện nhất định phải phụng hành Tam Phước nói trong Quán Kinh, nhất định phải ghi nhớ điểm này. Kinh này là kinh Đại Thừa, có thể làm trọn hết mười một điều trong Tam Phước, làm được đến mức độ nào thì hãy khoan nói. Chỉ cần bạn làm được một phần, hai phần cũng được xưng là người nữ thiện, không làm thì không được, nhất định phải làm. Người ấy có cơ sở này, sau đó y theo phương pháp và lý luận này để tu học thì sẽ được quả báo. “*Tận tâm*”, chữ này là mấu chốt trong phương pháp tu hành, nhất định phải tận tâm. Tận tâm tức là dùng tâm thành kính cùng cực, chân thật cùng cực để tu cúng dường, cúng dường hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát. Chữ hình tượng này là hình vẽ cũng được, hình tượng nặn đắp cũng được, đúc bằng vàng, bạc, đồng, sắt cũng được. Ở đây nói chỉ cần cúng dường hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, kinh văn phía sau cũng là ý này. Cúng dường là “*ngày ngày chẳng thoái*”, có thể thấy đây là tâm [vững bền] lâu dài.

Nêu lên các thứ cúng cụ (vật dùng để cúng), dùng hoa cúng dường, dùng hương cúng dường, dùng thức ăn, thức uống, quần áo, gấm lụa, tràng phan, và tiền tài, báu vật, v.v.. để cúng dường, đây là nói về vật cúng dường. Vật cúng dường nhiều hay ít, sang hay hèn là tùy theo khả năng của mình, tuyệt đối chẳng miễn cưỡng. Trong các cúng cụ này [chúng ta] phải hiểu ý nghĩa tiêu biểu pháp của nó, phải đặc biệt ghi nhớ

điểm này. Nếu không biết ý nghĩa tiêu biểu pháp, chỉ dùng hình thức để cúng dường thì được lợi ích rất nhỏ, chuyển nghiệp lực chẳng nổi, nhất định phải hiểu ý nghĩa tiêu biểu pháp. Nói cách khác, hình tượng của Phật, Bồ Tát và hết thảy cúng cụ đều nhằm từng giờ từng phút nhắc mình, đề cao cảnh giác, bạn không ngừng nâng cao đức hạnh, bạn sẽ được tự tại. Tự tại giống như Phật, Bồ Tát vậy, nên dùng thân gì để được độ thì Ngài hiện thân ấy. Nói cách khác, chuyển nghiệp lực của mình thành nguyện lực, ý nghĩa quan trọng nhất trong đoạn kinh văn này là ở đây. Nguyện lực thọ thân sẽ tự tại, còn nghiệp lực thọ thân sẽ chẳng tự tại, cho nên phương pháp này là dạy chúng ta chuyển nghiệp lực thành nguyện lực.

Cúng Hoa, chúng ta nhìn thấy Hoa thì tưởng đến phải tu nhân, nhân hoa của lục độ vạn hạnh. Đặc biệt là trong kinh Hoa Nghiêm hiển thị, kinh điển nói với chúng ta, trong kinh Hoa Nghiêm có nói bất cứ người nào, bất luận sống cuộc sống như thế nào, thân phận gì, làm nghề gì đều chẳng có trở ngại, đều có thể tu Bồ Tát hạnh. Bồ Tát hạnh là gì? Tức là đời sống của họ, tức là công việc trong hành nghiệp của họ, thù tạc hằng ngày, làm sao đem những chuyện này biến thành Bồ Tát hạnh? Biến thành lục độ vạn hạnh? Mấu chốt ở tại Bồ Đề Tâm. Bồ Đề tâm là tâm giác ngộ, chân chánh giác ngộ. Giác ngộ cái gì? Giác ngộ chư pháp thật tướng. Kinh Bát Nhã nói “*tam tâm bất khả đắc*”, “*chư pháp vô sở hữu*”, đây là chân chánh giác ngộ, tâm hạnh của bạn tương ứng với tự tánh, và cũng là tương ứng với thật tướng của hết thảy pháp, được vậy thì bạn làm sao chẳng tự tại cho được? Sau khi chân chánh giác ngộ mới biết tận hư không, trọn khắp pháp giới đều là chính mình, bạn mới thực sự hiểu rõ, thế nên đối với hư không pháp giới hết thảy người, sự, vật sẽ tự nhiên sanh khởi tâm thương yêu chân chánh. Trong Phật pháp gọi tâm thương yêu này là đại từ, đại bi, vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, tận hư không, trọn khắp pháp giới và mình có cùng một Thể. Thể này là gì? Thể là Chân Tâm, Chân Tâm tức là Chân Như, tức là Bản Tánh, trong kinh Phật dùng rất nhiều danh tướng nhưng đều nói về một sự việc. Y báo, chánh báo trang nghiêm trong thập pháp giới đều do Chân Tâm này biến hiện ra, thế nên tình và vô tình cùng một thể. Chư Phật Như Lai nhìn thấy chúng sanh thọ khổ, thực sự như là chính mình thọ khổ, thấy chúng sanh được vui, thực sự như là chính mình được vui, chúng sanh và mình là một thể, đó mới là chân chánh giác ngộ.

Chúng sanh, đặc biệt là chúng sanh trong lục đạo rất khổ, mê mất tự tánh, mê mất tự tánh nhưng tự tánh vẫn khởi tác dụng, chẳng phải là

không khởi tác dụng, nếu không khởi tác dụng thì chẳng gọi là chân tánh, nó vẫn khởi tác dụng. Tuy khởi tác dụng, nhưng vì mê mất tự tánh, nên họ chẳng hay, chẳng biết bị nghiệp lực thao túng, đời sống của họ sẽ khổ. Chúng sanh đã giác ngộ, giác ngộ rồi thì xưng là Phật, Bồ Tát. Thanh Văn, Duyên Giác cũng giác ngộ, giác ngộ không rốt ráo, chẳng viên mãn, nhưng họ đã có thể thoát khỏi sự không chế của nghiệp lực. Trong kinh Phật nói Thanh Văn, Duyên Giác trong Tam Đức chỉ được Giải Thoát, là phân nửa giải thoát, chẳng viên mãn. Tại sao? Pháp thân, Bát Nhã chẳng chứng được, trong Tam Đức Bí Tạng chỉ chứng được phân nửa Giải Thoát, họ xả thân và thọ thân cũng tương đối tự tại. Do đó có thể biết trong toàn bộ giáo học Phật pháp, mấu chốt ở tại Giác Ngộ, sau khi giác ngộ thì chúng ta sẽ được tự tại, sẽ có thể tùy ý hóa thân, chẳng chỉ là chuyển thân nữ thành thân nam mà thôi. Ý nghĩa của việc dùng Hoa để cúng dường đem lại cho chúng ta khai thị lớn như vậy.

Sự tiêu biểu pháp của Hương là tín tâm, Hương tiêu biểu cho Tín Hương, đối với lời giáo huấn của Phật, Bồ Tát tuyệt đối chẳng có nghi hoặc, sanh khởi lòng tinh thanh tịnh, kiên định. Hương cũng tiêu biểu Giới, Định; trong bài Hương Tán chúng ta thường xưng Giới Định Chân Hương. Hương cũng tiêu biểu Ngũ Phần Pháp Thân Hương, biết được sự tiêu biểu của Hương thì chúng ta mới đạt được lợi ích chân thật, không thể không biết việc này. Cúng dường “*Ấm thực, y phục*” tiêu biểu cho lòng cung kính của mình; chúng ta cần ăn uống, chúng ta dùng đồ ăn thức uống cúng dường Phật, Bồ Tát, thật ra Phật, Bồ Tát chẳng cần. Chúng ta cần y phục, chúng ta dùng y phục cúng dường Phật, Bồ Tát. Dùng y phục cúng dường Phật, Bồ Tát trong chùa cũng có, chúng ta thấy có một số chùa, tượng Phật, Bồ Tát có người cúng dường y giống như cái áo khoác, đắp trên thân tượng, đó là cúng dường y. Cúng dường những cúng cụ này đều y cứ theo kinh điển, cúng dường đồ ăn thức uống rất bình thường, cúng trước [tượng] Phật, đây là ẩm thực cúng dường.

“*Gắm lụa, tràng phan*” là những đồ trang sức, tức là dùng những vật bằng tơ lụa để cúng dường Phật, Bồ Tát, làm trang nghiêm đạo tràng, ngày nay chúng ta gọi là treo đèn kết tụ. Quốc khánh Tân Gia Ba sắp đến, mỗi đường phố đều có treo đèn, là ý nghĩa như vậy. Tràng phan là cúng cụ thường thấy nhất. Trong chú giải trang ba mươi lăm, hàng thứ năm, chư vị coi từ đó, đây là pháp sư Thanh Liên cho chúng ta tham khảo. Phạm cách chế tạo phan, tạo phan cùng nghĩa với tạo tràng, nói

phan bao gồm tràng luôn¹¹⁴. “[Trên tràng và phan] không nên đề (tức thêu hay vẽ) hình hay danh hiệu của Phật, Bồ Tát.. v.v.. vì phan là vật đề cúng, [tức là] đề cúng cho đối tượng được cúng (tức Phật hay Bồ Tát). [Đã là vật cúng cho Phật, Bồ Tát] sao lại còn dùng hình hay danh hiệu [của Phật, Bồ Tát] đề cúng”. Hy vọng chúng ta ghi nhớ điểm này, hiện nay nhiều người không biết, cúng phan, trên phan lại ghi danh hiệu của Phật, Bồ Tát, làm sao lại dùng Phật, Bồ Tát đi cúng dường Phật, Bồ Tát. Chúng ta cúng A Di Đà Phật, trên phan lại ghi câu Nam mô A Di Đà Phật, dùng A Di Đà Phật đi cúng dường A Di Đà Phật, quý vị nghĩ xem có đúng như pháp hay không? Lời ghi trong Khoa Chú rất đúng. Trên tràng phan lại còn có gì nữa? Dùng tượng Phật, trên ấy thêu tượng Phật rồi đem cúng dường Phật, Bồ Tát, hoàn toàn sai lầm, đây là việc rất nhiều người chẳng để ý. Ngày nay Phật pháp suy thoái, tuy Phật giáo dường như rất hưng vượng, chúng sanh vẫn tạo những nghiệp này, vẫn chịu những khổ báo này, chúng ta cúng dường như vậy là sai rồi. Có khi còn phạm sai lầm lớn hơn nữa, chúng ta thấy có pháp sư, đại pháp sư đắp tổ y màu đỏ, trên tổ y lại thêu tượng Phật, như vậy là không được. Hết thầy chư Phật đều biến thành y phục của bạn rồi. Đã mắc lỗi ở trên tràng phan rồi, còn lấy hình tượng Phật, Bồ Tát để trên [quần áo] nữa, như vậy là không được.

Nói trở lại, ngày nay chúng ta in danh hiệu của Phật, Bồ Tát trên quần áo được không? Được. Tại sao lại được? Đây là chúng ta vì muốn độ hóa chúng sanh, hy vọng hết thầy chúng sanh một phen lọt vào tai thì vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo, dụng ý của chúng ta ở chỗ này. Giả sử bạn thêu hình tượng của Phật, Bồ Tát trên y phục, mặc ra đường để độ

¹¹⁴ Tràng (dhvaja) dịch âm là Đà Phược Nhạ, hoặc Thoát Xà, đôi khi còn được gọi là Kế Đô (ketu), dịch nghĩa là bảo tràng, thiên tràng hay pháp tràng, còn Phan có tên tiếng Phạn là patākā. Cả hai đều là những loại cờ hiệu, nhằm mục đích trang nghiêm đạo tràng nhà Phật. Tràng có hình tròn như cái ống, còn phan thì dài và hẹp, thường có hình chữ nhật, chung quanh có viền tua, hay có đuôi dài. Tràng và phan thường được thêu thùa công phu, có màu sắc rực rỡ, nhưng không ngoài năm sắc chính tượng trưng cho Ngũ Bộ Phật (xanh dương, trắng, vàng, đỏ, xanh lá cây). Theo Đại Nhật Kinh Sớ, tác dụng tràng và phan giống như quân kỳ, nhằm biểu thị sự trang nghiêm chiến thắng dũng mãnh của Phật pháp, đức Phật dùng trí huệ làm tràng đề hướng dẫn chúng sanh chiến thắng hết thầy ma quân phiền não đánh thắng hết thầy. Do vậy, tràng có ý nghĩa đánh dẹp, chiến thắng, nên tràng thường được dùng để trang nghiêm nhằm biểu thị ý tán dương Phật, Bồ Tát. Ngoài ra còn một loại tràng nữa là hình trụ tròn hoặc lục lăng, bát giác, chung quanh khắc kinh chú, thường gọi là kinh tràng.

chúng sanh, tốt lắm! Như vậy thì được. Vấn đề là coi bạn dụng tâm gì? Tâm của bạn là thiện, là thuần, thì có vô lượng công đức. Nếu tâm bạn chẳng phải để đem lại lợi ích cho chúng sanh, chẳng phải để tuyên truyền Phật pháp, vậy thì bạn đã tạo nghiệp. Nhưng tràng phan được dùng trong đạo tràng, trong đạo tràng có cúng dường tượng Phật, [thêu tượng Phật trên tràng phan] thì không được. Nếu tràng phan được treo trên cột cờ thì được! Tại sao? Để cho đại chúng nhìn thấy, rất nhiều người chẳng tin Phật, để họ nhìn thấy danh hiệu của Phật trên tràng phan, hoặc là ghi tên của kinh điển, đều tốt cả. Đây là gì? Mục đích của chúng ta chẳng ngoài việc làm cho chúng sanh có dịp tiếp xúc đến Tam Bảo, đều cốt ý làm như vậy, do đó quan hệ của sự dụng tâm rất lớn. Hiện nay chúng ta thấy quan tòa phán xử, trước hết phải hỏi động cơ (sự thúc đẩy) của bạn là gì. Nếu động cơ là thiện lành thì việc làm sai trái cũng có thể tha thứ, nếu động cơ là chẳng thiện thì làm việc tốt lành cũng có tội, do đó tầm quan trọng của động cơ rất lớn. Ở đây nói “*tận tâm*”, tận tâm tức là nói động cơ.

Lúc trước một số lão hòa thượng kể chuyện cho chúng tôi nghe, có lẽ những chuyện này đều là sự thật. Nói có một người xuất gia thấy có một tượng Phật cúng ở bên đường, lúc đó nắng rất gắt, ông ấy nhìn thấy rất bức rức, [tượng] Phật ở đó phơi nắng chẳng có gì che, tự mình ông cũng chẳng có cách gì, không có gì cả. Ông nghĩ trên chân còn một đôi giày bện bằng cỏ, nghĩ vậy bèn đem đôi giày đó cúng Phật, để đôi giày cỏ ở trên đánh đầu Phật để cho tượng Phật khỏi bị phơi nắng, còn mình đi chân không; đó là tâm tốt, ông ấy sẽ được quả báo thiện. Sau khi ông đi khỏi chẳng lâu lại có một người xuất gia đi ngang chỗ đó, nhìn thấy trên đầu Phật có một chiếc giày bện bằng cỏ, [tự hỏi] ai mà tạo ra tội nghiệp như vậy? Mau mau lấy chiếc giày xuống, chùi đánh đầu tượng Phật sạch sẽ, cả hai người đều có tâm tốt, cả hai đều có tâm cung kính, đều được phước báo, tại sao? Động cơ đều rất tốt. Do đó chúng ta phải hiểu rõ, làm việc thiện là một tâm thiện, một niệm chân thành, việc làm của cả hai người kể trên đều chẳng có lỗi, phải hiểu ý tứ này.

Tràng phan trong chánh điện ở chùa tốt nhất là đừng có hình tượng Phật, Bồ Tát, chẳng ghi danh hiệu Phật. Dùng cái gì tốt nhất? Hiện nay chúng ta dùng câu “Học vi nhân sư, hành vi thế phạm”, dùng câu này ghi trên phan để cúng dường, tốt lắm! Hiện nay những gì chúng ta tu học, thực sự là tông chỉ, phương hướng, mục tiêu của chúng ta, ghi [hai mươi chữ] “Chân Thành, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Chánh Giác, Từ Bi; Nhìn Thấu, Buông Xuống, Tự Tại, Tùy Duyên, Niệm Phật” trên

tràng phan rất tốt! Chúng ta dùng tràng phan như vậy cúng Phật. Trong Phật pháp gọi đó là pháp cúng dường, điều thứ nhất trong pháp cúng dường là “*y giáo tu hành cúng dường*”. Trong vật cúng dường này của chúng ta, từng giờ từng phút nhắc nhở chúng ta y theo lời dạy tu hành cúng dường, như vậy là đúng, đáng được chúng ta đề xướng. Nhưng hiện nay phần đông đều dùng danh hiệu Phật, Bồ Tát, ai nghĩ ra đạo lý này? Đây là đặc biệt nêu ra, hy vọng mọi người chú ý đến vấn đề này.

Tiền tài, vật báu, đây là xả tài, xả tài là gì? Xả tham, tiêu biểu cho “*Xả tham cúng dường*”, vì phần đông người ta rất coi trọng tiền tài, báu vật. Phần sau cùng của chú giải ghi “*Có thể xả mạng tài, tâm chẳng tiếc nuôi, bên trong dập tắt xan tham, được phước vô lượng*”. Những lời này, tứ chúng đồng tu chúng ta thấy trong kinh điển rất nhiều, cũng nghe đến rất nhiều, nhưng chẳng ai tin tưởng. Tại sao không tin? Chẳng thấy qua, chẳng có chứng cứ. Cho nên tuy đọc kinh, nghe kinh hiểu được việc này, tự mình cũng tu phước, khi buông xả tiền tài đều xả một chút, tôi có một vạn đồng thì xả một đồng là được rồi, làm việc tốt, cho nên phước báo người ấy có hạn, người ấy chẳng thể xả hoàn toàn. Trong thế gian này người giàu buông xả chẳng bằng người nghèo, người nghèo có thì cũng bao nhiêu đó, không có thì cũng bao nhiêu đó, ngày tháng cực khổ từ sáng đến tối cũng ráng chịu đựng, vượt qua nên họ dám buông xả, xả một phần lớn tiền tài của họ.

Trong kinh điển đức Phật có kể câu chuyện người ăn xin, người ở ngoài đường ăn xin, người ta cho ông ta một xu. [Có một vị] La Hán, Bích Chi Phật nhìn thấy: “Ông không có phước! Chịu quả báo bần cùng, nhiều đời quá khứ chẳng tu phước [nên Ngài giúp] ông trông phước”. Làm sao trông phước? Xin tiền ông ăn xin: “Người ta cho ông đồng xu đó, ông lấy ra cúng dường tôi, thì ông sẽ được phước”. Người ăn xin nghe xong thì sao? Ông nghĩ: “[Mình] khổ quá [rồi, bây giờ có dịp] cúng dường A La Hán, cúng dường Bích Chi Phật phước báo rất lớn” nên ông bèn lấy đồng xu ấy ra cúng dường A La Hán, Bích Chi Phật. Một đồng xu là toàn thể gia tài của ông, ông chỉ có bấy nhiêu thôi, đem ra cúng hết. Ông được quả báo chẳng thể nghĩ bàn, mấy mươi kiếp đều chẳng chịu khổ báo nghèo hèn. Bồ thí nói ở đây là tận tâm bồ thí, tận lực bồ thí, phước báo đó rốt ráo viên mãn. Những chuyện đức Phật độ các người nghèo hèn, hạ tiện, ăn xin rất nhiều. Những người này chẳng bao lâu sau khi mạng chung đều sanh lên trời, người thế gian chúng ta chẳng thấy họ sanh lên trời, chẳng thấy họ hưởng phước trên trời. Sau khi bồ thí chẳng lâu thì họ chết đi, người thế gian nhìn thấy là hiện tượng như

vậy, cho nên chẳng thể khởi lên lòng tin. Chúng ta tuy chẳng nhìn thấy, nhưng chúng ta hiểu rõ đạo lý này, khẳng định sanh mạng nhất định chẳng phải chỉ có đời này mà thôi, chúng ta có đời quá khứ, còn có đời tương lai. Thực sự tin có đời sau, bạn có thể tin được những Lý Sự nói trong kinh, [đích thật] có đời sau. Đời này khổ một chút không sao cả, đây là vì đời quá khứ chẳng có tu nhân thiện nên đời này phải tu cho đáng hoàng, đời sau mới có quả báo thù thắng, quả báo của sự tận tâm bỏ thí chẳng thể nghĩ bàn!

Chúng ta cúng dường một vị Phật, một vị Bồ Tát, khó lắm! Tìm chẳng ra, chỉ có thể cúng dường hình tượng Phật, Bồ Tát. Nếu thế gian có Phật thật, Bồ Tát thật, cúng dường các Ngài sẽ có phước lớn. Phật thật, Bồ Tát thật ở đâu? Người tu hành chân chánh. Nhưng vẫn đề lại khởi lên, người chân tu đời sống sinh hoạt đều vô cùng thanh bản khổ cực, bạn cúng dường họ, họ chẳng tiếp nhận, họ chẳng muốn. Do đó có thể biết ruộng phước rất khó kiếm; bạn muốn trồng phước, ruộng phước ở đâu? Đích thật tương đối chẳng dễ. Phước điền chân chánh là đạo tràng tu hành chân chánh, chúng ta đến đạo tràng này để trồng phước điền. Đạo tràng này thiếu cái gì, chúng ta cúng dường cái đó. Thí dụ người trụ ở đó quá đông, cần mở rộng thiết bị thì chúng ta cúng dường cho họ. Bạn ở đó hết lòng quan sát, cúng dường nhiều nhưng họ tu hành chẳng thoái chuyển một chút nào, đó mới là phước điền chân chánh. Sự cúng dường này [mới được] phước vô lượng vô biên, cúng dường một ngày được phước báo chẳng thể nghĩ bàn, huống chi là [cúng dường] hằng ngày chẳng suy thoái, phước báo đó bao lớn! Ngày nay đạo tràng Cư Sĩ Lâm ở Tân Gia Ba là một đạo tràng do cư sĩ xây dựng, những cư sĩ này thông Tông thông Giáo, hộ trì chánh pháp. Không những hộ trì, chủ trì chánh pháp, xây dựng Niệm Phật Đường, cung ứng cho đồng tu niệm Phật trên toàn thế giới đến đó tinh tấn niệm Phật, mỗi ngày hai mươi bốn giờ không gián đoạn. Người chân chánh niệm Phật phát tâm đến đó niệm Phật một ngày một đêm, đều là thiện nhân cho bạn tương lai thành Phật, là điều kiện quan trọng cho bạn tương lai thành Phật. Bạn có thể phát tâm mỗi ngày ở nơi đó niệm Phật, công đức ấy rất to lớn! Do đó đạo tràng này chẳng phải là một đạo tràng thông thường, mọi người đến đó là để làm Phật. Cúng dường đạo tràng này thì phước đức ấy trừ đức Phật ra chẳng ai có thể nói hết, đây là công đức chân thật. Chúng ta đều phải hiểu Lý Sự này, phải thấu hiểu triệt để, hy vọng những quốc gia, địa phương khác cũng có thể xây dựng đạo tràng giống như vậy. Xây dựng đạo tràng như vậy nhất định sẽ được chư Phật hộ niệm, long

thiên thiện thân thủ hộ, hộ trì, công đức lợi ích hiện tiền đã chẳng thể nghĩ bàn, người cúng dường được phước báo to lớn, người tu hành được đại thiện lợi. Thế nên cúng dường phải đúng như pháp, bố thí cúng dường đều phải đúng như pháp.

Đoạn phía dưới là nói về quả báo, chuyển quả báo (thay đổi quả báo). Quả chuyển báo ở đây chúng ta có thể coi đó như là có cầu ắt ứng, nghiệp báo không phải là không thể chuyển biến. Trong chú giải hai câu phía trước vô cùng quan trọng! “*Sự chuyển báo khó, duy tại tinh thành*”, tám chữ này rất quan trọng! Nếu bạn thực sự làm được đến mức tinh thành, chuyển báo sẽ chẳng khó. Cô này, “*người thiện nữ đó sau khi mãn một báo thân nữ hiện tại, trải qua trăm ngàn muôn kiếp còn không sanh vào thế giới có người nữ, huống chi là thọ lại nữ thân*”, thế giới chẳng có người nữ, trong chú giải còn nói tức là chỉ Tây Phương Cực Lạc, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có người nữ, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân tướng hoàn toàn giống như A Di Đà Phật. Cho nên hiện nay chúng ta thờ Tây Phương Tam Thánh, chúng ta thờ ba tượng A Di Đà Phật, ở chính giữa là A Di Đà Phật, còn một bên là Quán Thế Âm Bồ Tát, một bên là Đại Thế Chí Bồ Tát. Tại sao lại giống nhau? [Người ở] Tây Phương thế giới đích thật đều giống nhau, cách cúng của đạo tràng chúng ta hoàn toàn phù hợp với cách nói trong kinh, giống hoàn toàn. Chúng ta vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì thân tướng giống y hệt như A Di Đà Phật, “*thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp*”, không phải chỉ là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp mà thôi. Hết thấy tượng thờ trong Niệm Phật Đường chúng ta đều giống nhau, đó là gì? Liên Trì hải hội. Những tượng đó chỉ có một vị là A Di Đà Phật, ngoài ra đều là tượng của mọi người chúng ta, tượng của mọi người đều giống như A Di Đà Phật, làm cho chúng ta ở trong Niệm Phật Đường có cảm xúc sâu đậm này. Đây tức là chuyển thân nghiệp báo của chính mình thành thân tướng thù thắng nhất của Như Lai. Xem tiếp kinh văn:

Trừ phi từ nguyện lực cố yếu thọ nữ thân độ thoát chúng sanh.

除非慈願力故要受女身度脫眾生。

(Trừ phi vì nguyện lực từ bi muốn thọ nữ thân để độ thoát chúng sanh.)

Đây là nói chịu dùng nữ thân để độ thoát chúng sanh thì cũng có thể tùy ý mãn nguyện. Trong chú giải có ghi Ma Gia phu nhân, mẹ của

đức Phật Thích Ca cũng là chư Phật tái lai, chẳng phải người thường. Nên dùng thân nữ để độ thì Ngài hiện thân người nữ. Nguyên của Ngài chẳng giống với kẻ khác, nguyên của Ma Gia phu nhân là vĩnh viễn làm mẹ của ngàn vị Phật, Ngài phát nguyện này, phát nguyện làm mẹ của Phật. Phía sau chú rất hay: “*Đó là pháp môn Thuận Ái độ chúng sanh*”, tình ái của chúng sanh rất sâu, thuận theo tình ái của bạn để độ bạn. Đây là “*niếp đồng sự*” trong Tứ Nhiếp Pháp, Phật và Pháp Thân Đại Sĩ có khả năng này, thực sự làm được hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Phía dưới lại nêu một thí dụ, trong kinh Hoa Nghiêm, Bà Tu Mật Đa Nữ¹¹⁵, trong Tứ Thập Hoa Nghiêm gọi là Phật Tô Mật Đa Nữ, đây là vì dịch âm chẳng giống nhau. Bà Tu Mật Đa thị hiện thân phận gì? Ngài thị hiện thân phận ngày nay xã hội chúng ta gọi là kỹ nữ, quảng độ chúng sanh, phàm những kẻ tiếp xúc với Ngài đều được Ngài độ thoát. Thế nên bạn nói có pháp nào chẳng phải là Phật pháp? Có thân phận nào chẳng phải là Bồ Tát? Bồ Tát trong ngành nghề nào cũng có hóa thân, nam nữ già trẻ, các ngành các nghề đều có Bồ Tát, Phật ở trong ấy, phàm phu như chúng ta chẳng nhận ra.

Sau cùng Ngài kết luận “*lại dùng Từ Ái Tam Muội*”, lúc hiện tướng, tác dụng là từ ái. Trong tâm thanh tịnh vô nhiễm, giống như Tông Môn có nói: Trăm hoa dầu có xuyên qua, lá kia một chiếc chẳng hề vương thân¹¹⁶. Tâm địa của Ngài thanh tịnh, bình đẳng, giác, bên ngoài thị hiện từ ái, đây gọi là Từ Ái Tam Muội, Ngài dùng nguyện lực này thị hiện nữ thân. Phía sau nói: “*Trước dùng Dục lôi kéo, sau dẫn vào trí Phật*”¹¹⁷, trong ấy có tham ái hay không? Không có. Ngài độ những chúng sanh có tình chấp sâu nặng này, giúp họ thành Phật, lìa khỏi tham-sân-si, giúp họ giác ngộ, Ngài có công phu định lực, có trí huệ, có phương tiện khéo léo. Nếu công phu định lực, trí huệ, phương tiện chưa đến mức độ ấy mà học theo họ, vậy thì thôi rồi, chắc chắn sẽ vào địa ngục, tức là công phu chưa đến thì nhất định không thể học theo. Thế

¹¹⁵ Vasumitra

¹¹⁶ “Bá hoa tùng trung quá, phiến diệp bất triêm thân”.

¹¹⁷ Kinh điển nhà Phật nói rõ nhân quả cúng dường Phật, Bồ Tát sẽ được những phước báo thù thắng, hoặc tụng chú, niệm danh hiệu Bồ Tát sẽ được quả báo tốt đẹp trong hiện thời, cũng như trong phẩm 12 của kinh Địa Tạng có nói thờ tượng Địa Tạng sẽ được 23 điều lợi như đất cát tốt màu, những chuyện bất như ý chẳng lọt vào tai v.v.. Đây là dùng những quả báo, ích lợi trước mắt để khơi gợi lòng ham muốn cầu lợi của chúng sanh, nhằm hướng dẫn họ tu hành thiện nghiệp, qua quá trình tu tập thiện nghiệp, Bồ Tát sẽ dùng phương tiện khéo léo dẫn dắt họ thâm nhập trí huệ của Phật.

nên Tứ Nhiếp Pháp của Bồ Tát, tôi thường khuyên các vị đồng tu, ba thứ đầu có thể học, còn điều thứ tư này thì phải coi khả năng của mình. Điều thứ tư là “đồng sự”, ba điều đầu là “bố thí, ái ngữ, lợi hành” thì chẳng có vấn đề, sẽ chẳng gây ra tác dụng phụ gì hết. Điều sau cùng này nhất định phải coi trí huệ, công phu định lực của mình tới đâu mới được, không thể tùy tiện học theo.

Thừa tu cúng dường Địa Tạng lực cố cập công đức lực, bách thiên vạn kiếp bất thọ nữ thân.

承斯供養地藏力故及功德力。百千萬劫不受女身。

(Còn thì nương nơi sức cúng dường Ngài Địa Tạng cùng sức công đức, trong trăm ngàn vạn kiếp chẳng thọ thân nữ nữa.)

Trong việc cúng dường tuy là nói về Sự, nói Sự bạn nhất định phải hiểu Lý, nói Lý bạn nhất định phải hiểu Sự mới đạt được lợi ích chân thật, tuyệt đối chẳng thể lệch về một bên, nghiêng về một bên là sai lầm, bạn sẽ hoàn toàn vắn cong ý tứ của Phật hết. Lúc trước lão cư sĩ Lý Bình Nam dạy chúng tôi giảng kinh, thầy thường nói, những kinh nói về Sự rất khó giảng, thí dụ như kinh nào? Kinh Địa Tạng, Kinh A Di Đà, đều nói về Sự, có thể giảng những Sự này đến mức làm cho người ta tin không? Thế nên giảng những kinh này rất khó, rất khó. Kinh nào dễ giảng? Kinh Kim Cang dễ giảng, giảng Lý giảng đến bạn gật đầu, bạn chẳng thể không tin. Kinh nói về Lý thì dễ giảng hơn, kinh Lăng Nghiêm dễ giảng, kinh nói về Sự thì khó giảng. Cho nên giảng về Sự nhất định phải giảng Lý cho thật thấu triệt, vậy thì nói Sự người ta mới có thể tin tưởng. Giảng kinh nói về Lý thì nhất định phải giảng Sự rõ ràng, thế thì Lý mới có thể thực hiện trên Sự, mới có thể được thọ dụng, nếu không thì sẽ biến thành nói viển vông, tuy nói Lý rất hay nhưng trên Sự chẳng làm nổi. Cúng dường Địa Tạng nhất định phải hiểu lý luận của sự cúng dường, pháp tu cúng dường chân chánh, từ trong Sự mà hiển Lý, chúng ta biết sự tướng đều dùng để tiêu biểu pháp. Nếu hoàn toàn hiểu rõ Lý, Sự trong ấy, đến lúc nào cúng dường cái gì? Phía trước nói “*tận tâm cúng dường*”. Tận tâm đến mức độ nào? Thân tâm đều cúng dường hết, công đức ấy đương nhiên sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Cả thân tâm đều cúng dường hết, lời này là như thế nào? Tức là như Phật trong kinh thường nói “*thọ trì đọc tụng, vì người diễn nói*”. Thân thể này của chúng ta, đời này kiếp này dùng để biểu diễn cho xã hội đại chúng coi. Làm cho xã hội đại chúng nhìn thấy rồi giác ngộ, vậy thì không phải bạn đã dùng toàn

thân cúng dường hay sao? Trong đời sống từng ly từng tí đều làm tấm gương tốt cho hết thảy chúng sanh, viên mãn rốt ráo hiển thị chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi giáo hóa chúng sanh. Trên Sự thì dạy người nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên, đây tức là cúng dường.

Địa Tạng tiêu biểu cho cái gì? Địa Tạng tiêu biểu hiếu dưỡng cha mẹ, tôn kính sư trưởng, thực hiện trên cơ sở của hiếu đạo, thực hiện trên sự đạo, thì bạn thực sự tận tâm cúng dường Địa Tạng Bồ Tát. Thế nên chư vị phải biết nếu chỉ có những hình thức cúng dường hương, hoa, đồ ăn thức uống, y phục mà chẳng hiểu ý tứ, trong tâm chính mình vẫn còn tham-sân-si-mạn, vẫn còn thị phi, nhân ngã, thì sự cúng dường này là mê tín, làm gì có công đức mà nói? Cho nên từ cúng dường trên Sự đạt đến tận tâm cúng dường, thì Sự ấy là tiêu biểu cho tâm, đó mới là cúng dường chân thật. Trong Phổ Hiền Hạnh Nguyên nói đến Pháp Cúng Dường, Pháp Cúng Dường nói đến bảy câu¹¹⁸, quan trọng nhất là Y Giáo Tu Hành Cúng Dường, nói cách khác những gì trong kinh Phật dạy chúng ta làm, chúng ta đều làm được hết. Phật dạy chúng ta làm thì chúng ta làm, Phật dạy chúng ta không thể làm thì chúng ta nhất định không làm. Kinh điển ví như kịch bản, tứ chúng đệ tử chúng ta ví như diễn viên, nhất định phải noi theo kịch bản này mà biểu diễn, làm cho chúng sanh mê hoặc trong lục đạo có thể giác ngộ. Mục đích chúng ta biểu diễn là giúp cho họ giác ngộ, cho nên phải diễn giống như thật, hoàn toàn biểu diễn y theo kịch bản. Nói cách khác hết thảy kinh điển tức là đời sống của chúng ta, tư tưởng của chúng ta, tức là kiến giải, hành vi của chúng ta, đây tức là tận tâm cúng dường. Nếu bạn làm được thì nói thật ra bạn đã thành Phật rồi, bạn hoàn toàn làm được [như lời dạy trong] Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên kinh thì bạn chính là Địa Tạng Bồ Tát. Bạn hoàn toàn làm được [như lời dạy trong kinh] Vô Lượng Thọ thì bạn là Vô Lượng Thọ Phật. Nếu chưa làm được thì phải hết lòng nỗ lực mà làm, như vậy mới gọi là “*sức cúng dường Ngài Địa Tạng, cùng sức công đức*”, sức công đức tức là thiện tâm, nguyện tâm vĩnh viễn

¹¹⁸ Bảy câu này là:

Cúng dường bằng cách tu hành đúng theo lời dạy,
Cúng dường bằng cách làm lợi chúng sanh,
Cúng dường bằng cách nhiếp thọ chúng sanh,
Cúng dường bằng cách chịu khổ thế cho chúng sanh,
Cúng dường bằng cách siêng tu thiện căn,
Cúng dường bằng cách chẳng xả nghiệp Bồ Tát,
Cúng dường bằng cách chẳng lìa Bồ Đề tâm.

chẳng đoạn dứt, như vậy mới có thể thành tựu quả đức viên mãn thù thắng. Xin xem đoạn kế tiếp: Đây là đoạn thứ nhì “*Chán xấu bệnh, lễ tượng được phước*”, đây cũng là lễ thường tình của con người.

Phục thứ Phổ Quảng, nhược hữu nữ nhân yếm thị xú lậu đa tật bệnh giả.

復次普廣。若有女人厭是醜陋多疾病者。

(Lại nữa này Phổ Quảng, nếu có người nữ chán thân xấu xí và nhiều bệnh tật.)

Đây là nói thân tướng của mình chẳng tốt, nhiều bệnh tật.

Đản ư Địa Tạng tượng tiền chí tâm chiêm lễ, thực khoảnh chi gian, thị nhân thiên vạn kiếp trung sở thọ sanh thân tướng mạo viên mãn.

但於地藏像前志心瞻禮。食頃之間。是人千萬劫中所受生身相貌圓滿。

(Đến trước tượng của Ngài Địa Tạng chí tâm chiêm lễ, trong chừng một bữa ăn, người đó trong ngàn muôn kiếp thọ sanh được thân hình, tướng mạo viên mãn.)

Chúng ta coi trước đoạn này. Dung mạo là do nghiệp lực biến hiện thành, nghiệp lực tức là tâm, người thể gian coi tướng, đoán mạng đều nói tướng tùy tâm chuyển, chúng tôi cũng thường nhắc nhở đồng tu, tướng tùy tâm chuyển, thể chất thân thể cũng tùy tâm chuyển. Không những thân tướng tùy tâm chuyển, hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta cũng tùy tâm chuyển. Đức Phật trong các kinh luận giáo huấn chúng sanh, đây là một khóa trình quan trọng, và cũng thiết yếu phi thường. Có ai không muốn lìa khổ được vui? Ai không muốn đời sống của mình hạnh phúc mỹ mãn? Cổ kim trung ngoại hết thấy chúng sanh đều ở chỗ này mong cầu, đều có nguyện vọng này, tại sao sự việc [xảy ra thường] trái nghịch với nguyện vọng? Sự thật cứ trái nghịch với nguyện vọng của mình. Vì hết thấy chúng sanh không biết sự thật này hình thành như thế nào, làm sao mà có. Đây là nói đến thiện và ác, căn nguyên của quả báo. Những gì chúng ta ngày nay cảm nhận từ trên sự tướng mà nói là quả báo, có quả thì nhất định phải có nhân, nhân thiện thì quả sẽ thiện, nhân chẳng thiện thì quả chẳng thiện, thế nên trồng thiện nhân sẽ được thiện

quả, tạo ác nhân nhất định bị ác báo. Đức Phật trong Kinh Nghiệp Báo Sai Biệt nói rõ mười thứ nghiệp chẳng thiện sẽ có quả báo xấu xí, nếu ngày nay chúng ta có quả báo này, hãy nghĩ coi mình còn tập khí này không? Vì đời quá khứ tạo những ác nghiệp ấy mới có quả báo hiện nay, vẫn còn tập khí sót lại, nếu tập khí còn dư này vẫn còn, không sửa đổi thì chuyển nghiệp sẽ khó khăn. Mười nghiệp chẳng thiện, pháp sư Thanh Liên trích ra và ghi trong chú giải ở trang ba mươi bảy, hàng thứ nhì:

-Thứ nhất là hay tức giận. Hay tức giận nhất định chẳng phải là chuyện tốt, không những lúc bạn tức giận tướng mạo chẳng đẹp, tức giận còn làm tổn hại thân thể và đem đến bệnh tật, thân thể bạn nhiều bệnh, bạn nghĩ xem tướng mạo lúc tức giận đẹp hay không? Thế mới biết nguyên do của xấu xí, bệnh tật.

-Thứ nhì là hiềm hận (hiềm nghi và ghét hận). Trong tâm thường hiềm ghét người khác, oán hận, oán trời trách người, tâm tình như vậy cũng tổn thương thân thể. Cho nên nếu bạn muốn thân thể khỏe mạnh, mười thứ này dùng cách nói hiện nay tức là bệnh độc, bệnh độc trong tâm lý. Tại sao có người tướng mạo đẹp đẽ? Vì thường sanh tâm hoan hỷ, lúc hoan hỷ thì tướng mạo đẹp, dễ coi, tức giận thì tướng mạo xấu xí. Chuyển nghiệp là chuyển từ chỗ này, lời Phật nói thật là hợp tình hợp lý. Chúng ta bình tĩnh suy nghĩ kỹ càng, đức Phật nói rất có đạo lý.

-Thứ ba là lừa gạt người khác, mê hoặc kẻ khác. Đây là nghiệp chẳng thiện.

-Thứ tư là thích làm cho chúng sanh khởi phiền não. Nhiều loạn kẻ khác, làm cho người ta thân tâm chẳng yên.

-Thứ năm là không hiếu thuận cha mẹ.

-Thứ sáu là chẳng tôn kính thánh hiền. Thánh hiền đối với xã hội có lợi ích to lớn; đạo đức, học vấn, hành trì của những người này trong xã hội đều là gương tốt cho đại chúng ở địa phương đó, đích thật họ có thể giáo hóa cả vùng ấy, có tác dụng âm thầm thay đổi phong tục nhân tình của vùng đó. Thánh hiền tuyệt chẳng yêu cầu người khác tôn kính họ, không bao giờ. Nếu có hy vọng kẻ khác tôn kính, cúng dường thì đó là tà đạo, tuyệt chẳng phải thánh hiền, đó là lừa gạt người ta. Tại sao chúng ta phải tôn kính họ? Mục đích tôn kính họ là để khuyên xã hội đại chúng học theo họ, là ý nghĩa như vậy. Chúng ta học Phật tại sao phải tôn kính đức Phật? Phật tuyệt chẳng có nói: “Quý vị nhất định phải tôn kính Ta”, bạn tìm ở kinh nào thấy có cách nói nhý vậy chăng? Chúng ta kính đức Phật là giúp đỡ Phật hoằng pháp lợi sanh, giúp đức Phật tiếp dẫn đại chúng. Xã hội đại chúng chẳng biết ích lợi của [sự học] Phật,

công đức của Phật, nhưng họ thấy chúng ta tôn kính Phật. Trong xã hội bản thân chúng ta biểu hiện làm người thiện, tâm thiện; người thiện, tâm thiện tôn kính người nào thì người đó nhất định là người tốt; mọi người thích thân cận người tốt, học theo người tốt, mục đích chúng ta tôn kính là như vậy. Thế nên khi gặp tượng Phật chúng ta đánh lễ, người chẳng biết Phật pháp nhất định sẽ hỏi tại sao bạn đối với tượng Phật cung kính như vậy? Tại sao phải lễ bái tượng Phật? Thì bạn đem những đạo lý này nói cho họ nghe, như vậy họ mới hiểu được. Do đó mới biết [làm vậy] là biểu diễn, biểu diễn cho những chúng sanh chưa giác ngộ này coi, làm cho họ giác ngộ.

Phật pháp là sư đạo, sư đạo được xây dựng trên cơ sở của chữ Kính, cho nên Ấn Quang pháp sư dạy rất hay: *“Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”*. Chúng ta học Phật đạt được lợi ích ít ỏi, nói thật ra chẳng ở tại bên ngoài, mà ở tại lòng thành kính của mình. Bạn có mấy phần thành kính thì sẽ được bấy nhiêu phần lợi ích; bạn chẳng có tâm thành kính, mỗi ngày ở kề bên Phật cũng chẳng được lợi ích, đây là thật. Năm xưa lúc đức Phật còn tại thế, Đề Bà Đạt Đa thường ở bên Phật, Lục Quân Tử Kheo cũng thường ở bên Phật, tại sao chẳng được lợi ích? Vì chẳng có tâm tôn kính. Trong mắt họ thấy Phật cũng như người thường, chẳng khác gì mình cho lắm, nên ở bên mình Phật mà chẳng được lợi ích. Nếu có tâm chân thành, chẳng ở bên mình Phật cũng được lợi ích, tại sao? Y giáo phụng hành, những gì Phật dạy, họ đều làm được hết. Sự thì quá vụn vặt, quá phức tạp, [chỉ cần] nắm vững cương lĩnh, Sự không trái nghịch cương lĩnh thì nhập được cảnh giới Phật. Tổng cương lĩnh tức là Tâm Bồ Đề, chư vị phải ghi nhớ Bồ Đề Tâm y theo cách nói trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là: Chí Thành Tâm, Thâm Tâm, Hồi Hướng Phát Nguyên Tâm. Trên sự tương cang phiên, càng nhiều hơn nữa, chỉ cần tương ứng với tâm này, thì hết thấy sự tương đều gọi là Bồ Tát Hạnh, đều quy nạp trong lục độ vạn hạnh. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói *“Quên mất tâm Bồ Đề, hết thấy tạo tác đều là nghiệp ma”*¹¹⁹. Ma nghiệp là gì? Hết thấy những nghiệp bạn đã tạo ra, thiện nghiệp thì sanh ba cõi thiện, ác nghiệp thì sanh ba đường ác, chẳng ra khỏi lục đạo luân hồi thì gọi là ma nghiệp. Tương ứng với Bồ Đề Tâm thì những gì bạn tạo đều là Bồ Đề nghiệp, Bồ Đề nghiệp gọi là tịnh nghiệp, nhất định có thể liễu sanh tử, xuất tam giới, như vậy thì khác. Thế nên chúng ta phải thực

¹¹⁹ Vong thất Bồ Đề tâm, nhất thiết tạo tác giai thị ma nghiệp.

sự hiểu rõ cả đời này trên thế gian hoàn toàn là biểu diễn, được vậy thì bạn là đệ tử Phật. Phật biểu diễn, Bồ Tát biểu diễn, hết thầy chúng ta là đệ tử Phật đều tham gia gánh hát này, chúng ta đến biểu diễn. Biểu diễn cái gì? Chẳng có tự kỷ (chính mình), vô ngã, hoàn toàn vì người khác, hoàn toàn y theo kịch bản mà diễn kịch, như vậy thì người ấy làm sao không tự tại? Là tự tại tùy duyên. Ngày tháng như vậy sinh sống rất vui vẻ, rất hạnh phúc. Đừng cho là thật, vừa cho là thật thì là phàm phu, thì bạn sẽ rơi vào lục đạo, chỉ là biểu diễn mà thôi. Thế nên đối với thánh giáo phải sanh tâm cung kính.

-Thứ bảy là xâm đoạt hiên thánh tư sanh điền nghiệp. Nói đơn giản là xâm phạm, cướp giựt đồ cần dùng cho đời sống của những người thánh, người hiền, tội nghiệp này rất nặng. Không những không cúng dường mà còn cướp giựt, còn chiếm đoạt, gây chướng ngại cho họ hoằng pháp lợi sanh.

-Thứ tám là dập tắt đèn đuốc trong tháp miếu Phật. Ý này rất dài. Trên Sự thì tháp miếu đều có tháp đèn, bạn tắt đèn này, đây là nói trên Sự. Trên Lý thì tháp miếu là đạo tràng, đạo tràng này làm việc hoằng pháp lợi sanh, đó là phóng quang minh. Mỗi ngày giảng kinh, phóng quang minh; mỗi ngày niệm Phật, phóng quang minh; mỗi ngày tham thiền, phóng quang minh. Chỉ cần có người ở nơi đó chân chánh tu hành thì là phóng đại quang minh. Chúng ta nhất định phải ghi nhớ nếu có người thấy được thì người ấy được lợi ích, không có người nhìn thấy thì quỷ thần nhìn thấy. Thế nên nhà Nho nói “thận độc”¹²⁰, tức là khi bạn có một mình cũng không được phóng dật, không thể nói không có người nhìn thấy thì có thể tùy tiện một chút, không thể được. Chẳng có người hữu hình nhìn thấy thì cũng có người vô hình nhìn thấy, [chúng sanh] vô hình còn nhiều hơn hữu hình chẳng biết là gấp bao nhiêu lần. Chúng ta độ người và cũng độ quỷ thần, chúng ta làm gương cho người, và cũng làm gương cho quỷ thần, làm sao có thể phóng dật được? Tu như vậy thì lòng thành kính của chúng ta mới khơi dậy nổi; lúc ở trước mặt người ta thì như vậy, khi người ta quay lưng thì làm cách khác, chẳng có thành kính. Đây là [nguyên nhân] rất nhiều đồng tu, tu hành chẳng có cảm ứng, tu hành chẳng đạt được quả đức thù thắng, mấu chốt là ở chỗ này, chẳng dùng tâm chân thành. Do đó có thể biết đạo phong (đường lối tu hành) và học phong (phong cách học tập) của đạo tràng vô cùng quan trọng, nếu chẳng có đạo phong, chẳng có học phong cũng giống như đèn nên

¹²⁰ “thận độc” nghĩa là: Phải răn cấm, cẩn thận lúc một mình.

trong chùa tháp bị thổi tắt, dập tắt. Cùng một đạo lý, nếu đạo tràng này đích thật có đạo phong, có học phong, trên sự tướng người đến đạo tràng này đốt đèn cũng nhiều, người thắp hương cũng nhiều, đây là nói người đến đó tu học nhiều. Nghiệp nhân chẳng thiện.

-Thứ chín là khinh thường những người bạn cùng, hạ tiện. Đối với họ sanh khởi lòng ngạo mạn, còn hủy nhục thêm, đây là sai lầm quá đỗi. Người học Phật chúng ta khi gặp những người nghèo hèn, hạ tiện này, trong tâm chúng ta cũng phải coi họ như Phật, Bồ Tát thị hiện, họ thị hiện cho chúng ta coi, nói nếu không tu phước huệ thì sẽ có quả báo như vậy, cũng là biểu diễn trên sân khấu. Thế nên đối với những người này chúng ta phải khởi tâm tôn kính, thương xót, tự mình phải biết tu học như vậy.

-Thứ mười là làm các hạnh ác. Phạm vi rất rộng, tạo ra các hành vi bất thiện.

Đức Phật nói mười thứ nghiệp này sẽ bị quả báo xấu xí, đời trước làm những nghiệp bất thiện trên, đời này bị quả báo. Quả báo đời này có thể thay đổi hay không? Nói cho chư vị biết: Có thể thay đổi. Chỉ cần bạn thay đổi những tập khí, tật xấu này trở thành tốt thì tướng mạo dần dần sẽ thay đổi, [đó là vì] tướng tùy tâm chuyển. Chân chánh có quyết tâm, có nghị lực sửa sai đổi mới, nói thật ra ba tháng đến nửa năm thì sẽ có hiệu quả. Nếu ba tháng, nửa năm chưa gặp mặt thì khi bạn bè gặp mặt, sự thay đổi của bạn so với lúc trước sẽ rất rõ ràng. Mỗi ngày đều gặp gỡ thì sẽ chẳng nhận thấy, nếu không thường gặp mặt, vừa gặp mặt thì [sẽ thấy] tướng mạo thay đổi hẳn. Có thể làm trong ba năm thì sự thay đổi sẽ rất rõ ràng, gia đình thân quyến của bạn mỗi ngày đều ở chung cũng sẽ cảm thấy bạn thay đổi, bạn chẳng giống lúc trước. Tướng mạo thay đổi rồi thì thể chất đương nhiên cũng thay đổi. Trong kinh này đức Phật cũng nói mười thứ nghiệp sẽ bị quả báo nhiều bệnh, chúng ta phải ghi nhớ hai chục điều chép trong chú giải này, bạn có thể giúp đỡ rất nhiều người, thay đổi những tập quán xấu của họ, thay đổi quả báo ác này của họ.

- Thứ nhất là thích đánh đập chúng sanh “*ưa thích đánh đập hết thấy chúng sanh*”, đặc biệt là những động vật nhỏ, khi nhìn thấy cũng chẳng đến nỗi là thấy ghét, nhưng thích đập cho nó chết: Nhìn thấy muỗi mòng, kiến, ruồi thì liền đánh cho nó chết, phải biết tương lai sẽ bị quả báo nhiều bệnh. Ấn Quang đại sư rất đáng cho chúng ta học hỏi, Ngài làm ra gương mẫu cho chúng ta coi. Trong Phật pháp khi gặp những con vật này thì không được đánh chúng nó chết, chỉ đuổi chúng đi. Nhưng

Ấn Quang đại sư chẳng đuổi chúng đi, truyện ký của lão pháp sư có chép khi thị giả của Ngài [nói] có người thấy trong phòng lão pháp sư có bọ chết, muỗi, có người giúp Ngài đuổi chúng đi, lão pháp sư chẳng cho phép, lão pháp sư nói đừng đuổi chúng đi. Người ta hỏi tại sao? Lão hòa thượng đáp: *“Đức hạnh của tôi chẳng đủ, có chúng nó ở đây, tốt lắm! Thường thường cảnh tỉnh chính mình, đức hạnh của tôi còn chưa cảm hóa được chúng, chúng đang cảnh tỉnh tôi, cảnh sách tôi”*. Lão pháp sư chẳng đuổi chúng đi. Nghe nói sau khi Ấn Quang đại sư bảy mươi tuổi, những con vật này chẳng còn [trong phòng Ngài] nữa. Lúc trước trong phòng có muỗi, bọ chết, ruồi, có những con vật này, [nhưng] khi lão pháp sư vào phòng đó ở, những con vật này đều dọn nhà đi khỏi hết. Từ đây có thể biết tu dưỡng đức hạnh của mình rất quan trọng, có chúng nó nhiều loạn thì là đạo đức của mình chẳng đủ, chẳng có đạo đức thì chúng nó mới nhiều loạn. Chân thật tu hành, dũng mãnh tinh tấn, đạo đức của bạn có thành tựu không? Hãy coi những con vật nhỏ này còn ở đó không? Nếu chẳng còn thì chúng minh bạn tu hành có công phu. Nếu vẫn còn những con vật này ở đó nhiều loạn thì công phu của bạn chưa đủ. Bạn xem người chân chánh tu hành chẳng trách móc ngoại cảnh, hết thấy đều quy về nội tâm, trở về chính mình. Mình bất thiện thì chúng nó dám khuấy nhiễu, xâm phạm là đúng rồi, chẳng đáng phiền trách. Cho nên đây là việc phải nên giới trừ.

- Ác nghiệp thứ hai *“khuyến người khác đánh”*, tự mình tuy không đánh đập nhưng xúi giục người khác đánh.

- Thứ ba *“tán thán cách đánh”*, khen ngợi cách đánh [những sinh vật] của kẻ khác, [thí dụ như nói] *“Hay quá! Đánh hay quá”*, nhìn người ta đánh mà vui. Trong mười điều này có bốn điều nói về việc đánh đập chúng sanh, chúng ta ai cũng có tập khí này.

- Thứ tư *“thấy sự đánh đập mà vui mừng”*, nhìn thấy con nít đập ruồi, *“Hay quá! Đập hay quá”*, đều khen như vậy. Nào biết được làm vậy sẽ bị quả báo nhiều bệnh tật, tạo nghiệp nhân này phải bị quả báo này.

- Thứ năm *“nào loạn cha mẹ”*, làm cho cha mẹ phiền não, làm cho cha mẹ thân tâm chẳng yên ổn.

- Thứ sáu *“đối với thánh hiền, làm người hiền sanh khởi phiền não”* làm cho họ chẳng yên ổn.

- Thứ bảy *“nhìn thấy kẻ oán bệnh khổ, tâm vui mừng”*, nhìn thấy người có xích mích với mình, người mình ghét bị bệnh bèn sanh tâm vui mừng.

- Thứ tám *“thấy kẻ oán hết bệnh, sanh tâm chẳng vui”*, kẻ thù,

người mình ghét hết bệnh rồi, trong tâm mình lại không vui. Ở đây chú trọng kẻ oán thù, người mình ghét, mình không ưa thích.

- Thứ chín “*đối với bệnh của kẻ thù, cho thuốc không đúng bệnh*”, kẻ thù sanh bệnh, bạn đem thuốc cho họ uống, thuốc này không phải là để trị bệnh của người ấy, mà làm cho bệnh của họ nặng thêm. Nói cách khác, bạn hại người ấy, chẳng phải giúp họ [chữa lành bệnh, bạn] làm sự việc này.

- Thứ mười “*vừa mới ăn xong chưa tiêu, liền ăn thêm nữa*”, bạn ăn no lắm rồi, còn chưa tiêu hóa, nhìn thấy đồ ăn ngon liền muốn ăn nữa, đây là bệnh từ miệng vào. Trong mười điều, chín điều đầu là ác nghiệp của bạn tạo, điều chót này là chuyện ăn uống, chẳng hiểu ăn uống vệ sinh nên chiêu cảm quả báo bệnh tật. Mười điều gây ra quả báo xấu xí, mười điều gây ra quả báo nhiều bệnh, chúng ta nhất định phải biết.

Phương pháp sám hối của Ngài: “*đối trước tượng Ngài Địa Tạng, chí tâm chiêm lễ, trong chừng một bữa ăn*”. Trong chừng một bữa ăn là một thời gian ngắn, thời gian ngắn tạm, thì nghiệp báo này có thể chuyển trở lại. “*Chí tâm chiêm lễ*” là phương pháp tu học, mấu chốt quan trọng ở hai chữ chí tâm, chí tâm là chân tâm. Trong lúc chiêm lễ sửa sai đổi mới, tu học pháp môn Địa Tạng. Địa Tạng Bồ Tát trong hết thấy Bồ Tát từ bi cùng cực, tuyệt đối chẳng thua kém đại từ đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát, phải biết điều này. Địa Tạng tiêu biểu cho từ bi căn bản, Quán Âm [tiêu biểu] từ bi phát triển rộng ra. Ở đây nói chí tâm chiêm lễ chẳng phải rất cung kính đến mức nào đó, mỗi ngày lễ bái nghiệp chướng bèn tiêu trừ. Lễ bái đương nhiên là sự tu học trên sự tướng, hình tượng. Quan trọng nhất là phải học theo Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện, học theo cái tâm của Địa Tạng Bồ Tát, học cách làm người của Địa Tạng Bồ Tát, học cách xử sự, đối người, tiếp vật của Địa Tạng Bồ Tát, đó mới là chân chánh chí tâm chiêm lễ. Nếu bạn có thể phát tâm nguyện to lớn này, tâm nguyện này thanh tịnh, khẩn thiết, có quyết tâm, có nghị lực để làm, thì bạn sẽ chuyển nghiệp lực rất nhanh.

“*Người đó trong ngàn muôn kiếp thọ sanh được thân hình tướng mạo viên mãn*”. Tuy chú giải chẳng nhiều, nhưng hai câu phía trước rất quan trọng đó hiển lộ tạm thời, tạm thời phát tâm “*công đức của sự chiêm lễ chẳng thể nghĩ bàn*”. Sau khi phát tâm tạm thời, có phải cái tâm ấy đã mất đi ? Ở đây có hai tầng ý nghĩa. Tạm thời phát tâm “*trong ngàn muôn kiếp thọ sanh được thân hình, tướng mạo viên mãn*”, chúng ta có thể tin tưởng, đích thật trong khoảng chừng một bữa ăn. Nhưng nghiệp báo hiện tiền chẳng thể thay đổi, quả báo của ác nghiệp hiện tại hết thì

quả báo của sự chí tâm chiêm lễ sẽ hiện ra, không biết là đời nào, kiếp nào nữa. Cũng như kinh Pháp Hoa nói: “*Một lần xưng Nam Mô Phật thì đều đã thành Phật đạo*”, tức là ý nghĩa này. Đây là [chuyện] lúc Phật còn tại thế thân nhận một người xuất gia, những người xuất gia theo Phật đều có đại thiện căn, nếu chẳng có thiện căn làm sao xuất gia được? Phật thấy người này đến cầu xin xuất gia bèn đề Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, các vị A La Hán coi người này có thiện căn hay không? Những vị này đều có thần thông, thần thông của A La Hán có [thể thấy] năm trăm đời, thiên nhãn thông, túc mạng thông, những vị này thấy trong năm trăm đời trước người này chẳng có thiện căn, nên thưa với Phật rằng ông này không thể xuất gia, ông làm sao có thể xuất gia được?

Phật nhận cho ông ấy [xuất gia], và nói với các đệ tử rằng người này vô lượng kiếp về trước, đương nhiên A La Hán chẳng có khả năng này. Vô lượng kiếp trước ông là một tiểu phu đón củi, gặp một con cọp trên núi, cọp muốn ăn thịt ông, ông [sợ quá, leo] lên cây và kêu một câu Nam Mô Phật, nhờ thiện căn này, ngày nay đã chín muồi, nên đến đây được Phật cho ông cạo đầu xuất gia, ý nghĩa cũng giống như câu chuyện ở trên. Một câu xưng niệm Nam Mô Phật, thời gian nói một tiếng Nam Mô Phật rất ngắn. Khoảng chừng một bữa ăn, thời gian một bữa ăn, chí tâm chiêm lễ Địa Tạng Bồ Tát đương nhiên có thể được quả báo này. Nếu ông ta có thể niệm niệm tương tục, lúc này nói noi theo hạnh nguyện của Địa Tạng Bồ Tát, thì hiện tại đời này sẽ thay đổi, không cần đến đời sau, đời này liền chuyển, chuyển nhanh vô cùng. Sửa đổi hoàn toàn hai mươi ác hạnh nói trong kinh, thay đổi triệt để thì sẽ chuyển đổi rất nhanh. Xem tiếp đoạn kể:

Thị xú lậu nữ nhân như bất yếm nữ thân, tức bách thiên vạn ức sanh trung, thường vi vương nữ. Nãi cập vương phi, tể phụ đại tánh, đại trưởng giả nữ, đoan chánh thọ sanh, chư tướng viên mãn.

是醜陋女人如不厭女身。即百千萬億生中。常為王女。乃及王妃。宰輔大姓。大長者女。端正受生。諸相圓滿

(Người nữ xấu xí đó nếu không nhàm chán thân nữ thì trong trăm ngàn vạn ức đời thường là vương nữ, đến vương phi, con gái dòng dõi, tể phụ, đại quan, đại trưởng giả, đoan chánh thọ sanh, các tướng viên mãn.)

Đây là nói nếu người ấy chẳng chán thân nữ, thân tướng của người ấy sẽ vô cùng viên mãn. Vả lại sanh vào nhà tôn quý, tức là như

ngày nay chúng ta nói, sanh trong quý tộc, kỳ tộc, được phước báo nhân thiên, sau cùng kết luận:

Do chí tâm cố chiêm lễ Địa Tạng Bồ Tát hoạch phước như thị.

由志心故瞻禮地藏菩薩獲福如是。

(Do chí tâm chiêm lễ Địa Tạng Bồ Tát mà được phước như vậy.)

Trong chú giải của pháp sư Thanh Liên cũng đặc biệt nói với chúng ta “*Hai chữ chí tâm, nghĩa sâu ý nặng, thông suốt trước sau, chớ nên coi thường. Để chuyển được quả báo của con người, lòng thành chẳng phải là chuyện dễ [thực hiện được]*”, chuyển nghiệp báo của mình chẳng phải việc dễ dàng. “*Nay được phước ấy là do chí tâm, chí tâm là tâm [thành] đến mức cùng cực vậy*”, những câu này vô cùng quan trọng. Lễ Phật cũng phải Lý Sự viên dung, thì chúng ta mới có thể đạt đến lợi ích chân thật. Mấu chốt quan trọng ở chỗ chí tâm, chí tâm là chân tâm, dùng tâm chân thành để học tập. Do đó cái tâm này triệt tiền

tiền hậu, chẳng phải nói đoạn này, cách nói sâu xa quán triệt toàn kinh.

Ở phía trước chúng ta thấy Địa Tạng Bồ Tát lúc còn tu nhân là vị đại trưởng giả, làm cô gái Bà La Môn, làm cô Quang Mục, nhiều đời nhiều kiếp chẳng buông bỏ bốn nguyên. Không những là không xả, thường phát lại cái nguyên ấy, phát nguyên thực sự. Chúng ta cũng đang học theo, đáng tiếc là không hết lòng, mỗi buổi tụng sáng tối hằng ngày đều phát nguyên. Nguyên đã phát rồi, chỉ phát trong miệng, thực sự thì chẳng thực hiện, sau khi niệm xong liền quên mất, nên nguyên ấy chẳng khởi tác dụng. Vì nguyên nhân gì? Chẳng phải chí tâm. Mấu chốt quan trọng ở tại chí tâm, chẳng phải chân tâm phát nguyên, giống như chúng ta lúc bình thường có miệng chẳng có tâm, như vậy không được. Tự mình chúng ta phải phản tỉnh, phải sửa đổi, giúp đỡ người khác giảng Lý Sự này rõ ràng, minh bạch, nhắc nhở họ. Họ có thể quay đầu thì họ được phước; họ chẳng quay đầu, trong A Lại Da thức cũng đã trồng thiện căn. Chúng ta tự mình phát nguyên “*Tiếp nối huệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh*”, đời này chúng ta chọn nghề nghiệp này, nhất định phải làm tròn bốn phận, công việc của mình, đó tức là niệm niệm chẳng xả chúng sanh, niệm niệm giúp đỡ hết thảy chúng sanh có được chánh tín, chánh giải, chánh hạnh, [được vậy khi] chúng ta chọn nghề này thì mới chẳng cô phụ [đức Phật]. Hạnh nghiệp này là sự nghiệp của Phật, gia nghiệp của Như Lai, chúng ta chọn ngành này, trong hết thảy thế gian và

xuất thế gian, hạnh nghiệp này thù thắng vô cùng. Nếu chẳng dùng chí tâm thì làm sao có thể làm được? Chúng ta có thể tin tưởng quả đức nói trong kinh, tại sao? Nhân thù thắng, thì sẽ chẳng hoài nghi quả báo này. Đoạn thứ tư tiếp theo là “*Kỹ nhạc tán cúng phước*”, xin xem kinh văn:

Phục thứ Phổ Quảng, nhược hữu thiện nam tử thiện nữ nhân, năng đối Bồ Tát tượng tiền, tác chư kỹ nhạc, cập ca vịnh tán thán, hương hoa cúng dường, nãi chí khuyến ư nhất nhân, đa nhân. Như thị đẳng bối, hiện tại thế trung. Cập vị lai thế, thường đắc bách thiên quý thân nhật dạ vệ hộ, bất lĩnh ác sự triếp văn kỳ nhĩ, hà hướng thân thọ chư hoạnh.

復次普廣。若有善男子善女人。能對菩薩像前。作諸伎樂。及歌詠讚歎。香華供養。乃至勸於一人。多人。如是等輩。現在世中。及未來世。常得百千鬼神日夜衛護。不令惡事輒聞其耳。何況親受諸橫。

(Lại nữa này Phổ Quảng, nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân có thể đối trước tượng Bồ Tát mà trời các thứ kỹ nhạc, cùng ca vịnh, tán thán, cúng dường hương hoa, cho đến khuyến được một người hay nhiều người. Những người đó trong đời hiện tại cùng vị lai thường được trăm ngàn quý thân ngày đêm hộ vệ, không để những việc ác đến tai, hướng chi đích thân chịu các tai vạ bất ngờ.)

Đoạn này trong chú giải nói: Văn chia thành hai tiết, trước hết nói về người năng cúng, sau đó mới nói phước báo người ấy được. Cúng dường này là gì? Là kỹ nhạc, ca vũ. Trong Phật pháp chúng ta biết trong pháp Đại Thừa có, còn Tiểu Thừa thì không có. Phật nói pháp Đại Thừa, chư thiên cúng dường, thiên nữ rải hoa, thiên nhân ca vũ, âm nhạc cúng dường. Đặc biệt rõ ràng như trên những bích họa (tranh vẽ trên tường) tại động Đôn Hoàng hay động Vân Cương¹²¹, những biến tướng đồ¹²²

¹²¹ Vân Cương gọi đủ là Vân Cương Thạch Quật, tức một loại chùa hang, tức chùa được đục vào vách núi Vũ Châu thuộc thành phố Thủy Đồng, tỉnh Sơn Tây theo lệnh của Ngụy Hiếu Văn Đế vào năm 450.

¹²² Biến Tướng Đồ còn gọi là Biến Tượng, Biến Hội hay chỉ gọi tắt là Biến, chính là những tranh ảnh hay phù điêu mô tả những sự kiện trong cuộc đời đức Phật, sự trang nghiêm của các Tịnh Độ, hay cảnh tượng trong địa ngục, được vẽ theo sự ghi chép trong kinh điển với mục đích chuyển tải giáo nghĩa. Biến có nghĩa là biến động, chuyển biến, tức là những trạng thái thay đổi của chân tướng. Như vậy, Biến Tượng

này, Thế Tôn giảng kinh thuyết pháp có những thứ cúng dường như vậy. Trong dân gian diễn biến thành cái gì? Diễn biến thành ca kịch cúng dường Phật, Bồ Tát, ở trước chùa miếu Phật, Bồ Tát. Rất nhiều chùa trước đại điện cúng Phật, Bồ Tát có sân khấu, đó là chuyên để cho một số người phát tâm, làm các kỹ nhạc, ca vũ, tán thán cúng dường Phật, Bồ Tát, [hoặc là] diễn kịch, nói thật ra đây là hiểu sai ý tứ. Diễn kịch chẳng cần phải diễn cho Phật, Bồ Tát coi, diễn kịch là diễn cho đại chúng coi, chẳng cần phải diễn trước Phật, Bồ Tát. Nói thật ra trong đạo tràng có thể dùng phương pháp này để tiếp dẫn hết thầy chúng sanh. Nhưng hiện nay có những hý kịch, ca vũ không thể cúng dường Phật, Bồ Tát, cúng dường như vậy là có tội. Trong những vở kịch hồi xưa có một số có thể cúng dường Phật, Bồ Tát, tại sao? Ca kịch hồi xưa ở Trung Quốc đều là dạy người, nội dung là bốn chữ “trung, hiếu, tiết, nghĩa”, đều là khuyên chúng sanh. Thời cổ giáo dục chẳng phổ cập, dùng phương pháp gì để giáo hóa xã hội đại chúng? Dùng ca kịch. Thời trước là xã hội nông nghiệp, sau khi bận rộn công việc trồng trọt xong, thời gian rảnh rỗi rất nhiều, dùng những phương thức biểu diễn nghệ thuật này để khuyên người trung, hiếu, tiết, nghĩa, biểu diễn toàn là nhân duyên quả báo. Người thiện sau cùng được quả báo thiện, người ác nhất định bị ác báo, biểu diễn những thứ này. Cho nên quảng đại quần chúng chẳng từng đọc sách, chẳng được thọ nhận giáo dục tốt đẹp, nhưng họ hiểu được những nguyên lý, nguyên tắc làm người, làm việc. Họ học từ đâu? Hơn phân nửa là nghe người ta đọc sách, coi hát, học từ chỗ này. Do đó lúc trước, những trò giải trí (ca kịch) là giáo dục, chẳng đơn thuần chỉ là giải trí, trọng điểm ở tại giáo dục.

Trong Phật pháp cũng dùng phương thức này, đạt đến mục tiêu giáo dục của đức Phật, cho nên trong Phật pháp chú trọng sự tiêu biểu pháp của nghệ thuật. Hiện nay Phật pháp suy thoái, chẳng phải là không có nguyên nhân. Lúc trước Phật pháp hưng thịnh, nói thật ra, nhân tài hạng nhất trong thế gian đều ở trong Phật pháp, đều xuất gia, làm pháp sư. Pháp sư là nhân tài hạng nhất trong thế gian, cho nên người xuất gia làm thầy của vua, không phải là ai cũng có thể xuất gia. Thời nhà Tùy, Đường người xuất gia phải trải qua các kỳ thi cử, hạng mục thi cử là thi về thế gian pháp trước, tiêu chuẩn của thế gian pháp tương đương với tiến sĩ. Nói cách khác, học vấn thế gian bạn phải đạt đến tiêu chuẩn này,

Đồ là hình vẽ về những trạng thái thay đổi của chân tướng. Thường gặp nhất là Địa Ngục Biến Tướng Đồ, Đâu Suất Thiên Di Lặc Tịnh Độ, Liên Trì Hải Hội Biến Tướng Đồ v.v... (theo Từ điển Phật Quang Sơn).

sau đó mới thi về Phật pháp. Thi đậu xong hoàng đế mới phát chứng chỉ¹²³ cho bạn, chứng chỉ đó gọi là “độ điệp”. Bạn lấy được chứng chỉ này, bạn đi tìm đạo tràng có duyên, pháp sư có duyên với bạn đề xuất gia. Nếu không có chứng chỉ ấy, họ chấp thuận cho bạn xuất gia thì họ phạm pháp. [Muốn được] họ nhận, bạn nhất định phải có độ điệp do hoàng đế cấp. Độ điệp của hoàng đế cấp là thừa nhận bạn có học vấn, đức hạnh, trong pháp thế gian và xuất thế gian có thể làm thầy cho vua, bạn nói thân phận của người xuất gia cao biết mấy? Một khi họ cạo đầu xuất gia, quan viên địa phương phải đặc biệt cung kính họ, [vì họ là] thầy của vua. Cho nên nội dung của sự giáo hóa vô cùng sâu rộng, hấp dẫn. Bạn coi những văn tự, kệ tụng này hay đẹp biết mấy, chẳng phải người thường có thể làm được.

Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây.

Tập 21 (Số 14-12-21)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyền trung, trang ba mươi chín, xem kinh văn:

Phục thứ Phổ Quảng, nhược hữu hữu thiện nam tử thiện nữ nhân, năng đối Bồ Tát tượng tiền, tác chư kỹ nhạc, cập ca vịnh tán thán, hương hoa cúng dường, nãi chí khuyến ư nhất nhân, đa nhân. Như thị đẳng bối, hiện tại thế trung. Cập vị lai thế, thường đắc bách thiên quỷ thần nhật dạ vệ hộ, bất lĩnh ác sự triếp văn kỳ nhĩ, hà hướng thân thọ chư hoạn.

復次普廣。若有善男子善女人。能對菩薩像前。作諸伎樂。及歌詠讚歎。香華供養。乃至勸於一人。多人。如是等輩。現在世中。及未來世。常得百千鬼神日夜衛護。不令惡事輒聞其耳。何況親受諸橫。

(Lại nữa này Phổ Quảng, nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân có thể đối trước tượng Bồ Tát mà tấu các thứ kỹ nhạc, cùng ca vịnh, tán thán, cúng dường hương hoa, cho đến khuyến được một người hay nhiều người. Những người đó trong đời hiện tại cùng vị lai thường được trăm ngàn quỷ thần ngày đêm hộ vệ, không để những việc ác đến tai, hướng chỉ đích thân chịu các tai và bất ngờ.)

¹²³ hoặc chứng từ, giấy chứng nhận, certificate

Coi đoạn này của kinh Địa Tạng, chúng ta thấy có rất nhiều phương thức cúng Phật, ở đây là dùng “*kỹ nhạc*”, “*kỹ*” tức là ngày nay chúng ta gọi là ca vũ, âm nhạc. Trong Phật pháp Đại Thừa, từ rất nhiều bức Hoàng Pháp Biện Tướng Đồ (tranh vẽ cảnh hoàng pháp) thời cổ, chúng ta thấy lúc Thế Tôn giảng kinh thuyết pháp, chư thiên ca hát, múa vũ đề cúng dường. Những thứ này tuyệt đối chẳng có trong Phật pháp Tiểu Thừa. Như trong Bát Quan Trai Giới, Sa Di Giới, Tỳ Kheo Giới tuyệt đối cấm [đi đến] những chỗ ca vũ. Nhưng Đại Thừa Bồ Tát thì khác, có thể thấy rất rõ ràng, pháp Tiểu Thừa là phương tiện khéo léo của Phật lập ra cho xã hội bảo thủ, người bảo thủ; Đại Thừa Phật pháp là cho xã hội phóng khoáng, một số chúng sanh phóng khoáng. Như vậy nói rõ Phật đích thật chẳng có định pháp, [tức là] chẳng có pháp nhất định¹²⁴, Phật giáo hóa chúng sanh đều là “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”. [Khi giảng] kinh Hoa Nghiêm chúng tôi đặc biệt nói rõ những chỗ này, đích thật là ứng cơ.

Đương nhiên đức Phật có trí huệ, có đức năng, nhìn một chúng sanh có thể nhìn thấy nhân duyên vô lượng kiếp về trước, chúng ta chẳng có khả năng này, do đó đức Phật nhiếp thọ chúng sanh dùng Tứ Nhiếp Pháp rất viên mãn. Pháp cuối cùng trong Tứ Nhiếp Pháp là Lợi Hành, Đồng Sự, đồng sự thì phải phóng khoáng, nếu chẳng phóng khoáng thì làm sao đồng sự với chúng sanh? Đây là trí huệ cao độ, thiền định thâm sâu. Ngài có thể thuận theo chúng sanh, từ trong đó dẫn dắt chúng sanh, làm cho họ giác ngộ, quay về, bỏ tà quy chánh, đoạn ác tu thiện, đức Phật có khả năng này. Nếu tự mình chẳng có trí huệ, chẳng có công phu mà muốn học làm theo như vậy thì rất khó chống chọi sự dụ hoặc của cảnh giới bên ngoài. Định Huệ của rất nhiều người chẳng đủ, bị cảnh giới bên ngoài dụ hoặc nên thoái chuyển, đến nỗi đánh mất đạo tâm, đều là như vậy. Từ thời đức Phật Thích Ca đến nay, mỗi thời đại đều có. Người xuất gia đọa lạc, hoàn tục, thật ra hoàn tục còn tốt hơn là đọa lạc, họ xả bỏ hình tướng của người xuất gia, hoàn tục làm người tu hành tại gia cũng tốt, cũng có thể thành tựu. Do đó, trong cửa Phật, xuất gia hoàn tục là một hiện tượng rất bình thường. Đây cũng là một hiện tượng tốt, chúng ta chớ nên nhìn bằng ánh mắt khác lạ. [Nếu nhìn bằng ánh mắt khác lạ] như vậy, chúng ta sẽ có tội. Nhưng ngày nay những quốc gia Tiểu Thừa có cho xuất gia trong thời gian ngắn, ở Thái ngay cả

¹²⁴ Nói chẳng có pháp nhất định không có nghĩa là nói ba phải, nói sao cũng đúng mà là không chấp chết cứng vào một khuôn khổ nhất định, tùy duyên uyển chuyển sao cho thích nghi.

vua cũng phải xuất gia ba tháng, sau ba tháng thì hoàn tục, đây là tiếp nhận sự giáo dục của Phật giáo, sống đời sống Phật giáo, tuyệt đối hữu ích, giúp cho xã hội [được tốt đẹp hơn].

Đoạn này thuyết minh phước báo có được khi dùng ca vũ, âm nhạc để cúng dường Bồ Tát. Đoạn trước nói về cúng dường, đoạn sau nói về kẻ ấy được phước. Từ đoạn kinh này chúng ta cũng có thể thấu hiểu cách dùng phương thức nghệ thuật để hoằng pháp lợi sanh. Tôi thấy trong trong Đại Tạng Kinh, bản Gia Hưng Tạng¹²⁵. Gia Hưng Tạng được biên tập dưới triều Minh, mỗi cuốn trong tạng kinh rất dày. Hiện nay in bìa cứng, đẹp đẽ, đại khái là trong đó có hai tập dày như vậy, có nội dung là gì? Toàn là lời ca (ca từ), những khúc nhạc ghi trong ấy có thể diễn xướng. Do đó có thể biết, thời xưa thường dùng cách này để khuyến hóa chúng sanh vì chúng sanh thích tiếp nhận theo cách thức như vậy. Biên tập thành kịch bản để biểu diễn thì còn ít, tại sao? Điều kiện ấy phải cần nhiều người, chẳng phải một người, hai người có thể làm nổi. Một, hai người dùng ca hát, dùng cách biểu diễn như vậy rất thường thấy trong nghệ thuật dân gian thời xưa.

Đặc biệt là biểu diễn trong pháp hội, vì có nhiều người trong pháp hội dùng cách này để tuyên dương Phật pháp, để khuyến hóa chúng sanh, đây là một cách thuyết pháp tốt vô cùng. Nếu chúng ta đem chuyện của cô Quang Mục, cô Bà La Môn trong kinh Địa Tạng và biểu diễn dưới hình thức ca vũ, kịch thì hiệu quả lớn hơn chúng tôi giảng trên giảng đài rất nhiều. Hy vọng chư vị đồng tu ghi nhớ quan niệm này, ngày nay chúng ta tâm có thừa nhưng sức lực chẳng đủ. Nếu có đầy đủ điều kiện, nên đem Đại Thừa Phật pháp lên sân khấu; nếu có thể diễn thành phim bộ chiếu trên truyền hình, bạn nghĩ xem có thể dạy được bao nhiêu chúng sanh? Phổ biến tiếp nhận được đại chúng hoan nghinh. Đây

¹²⁵ Gọi là Tạng này hay tạng kia là dựa theo thời gian hay nơi ấn hành, chẳng hạn Càn Long Đại Tạng là vì được hoàn tất dưới thời Càn Long, Tần Già Tạng vì do Tần Già Tĩnh Xá ấn hành. Đại Tạng Kinh được các triều đại khắc rất nhiều, cách sắp xếp phân loại hơi khác biệt, cũng như mỗi lần in đều được giáo chánh kỹ hơn những lần trước. Những tạng được in càng về sau càng hoàn chỉnh hơn. Gia Hưng Tạng còn có tên là Kính Sơn Tạng, được khởi công san định từ cuối thời Gia Tĩnh nhà Minh, mãi cho đến năm Vạn Lịch thứ bảy mới hoàn tất bản thảo, mãi đến năm Vạn Lịch thứ bảy mới hoàn tất mọi bước giáo duyệt. Khởi đầu bản này được in tại Ngũ Đài, nhưng do khí hậu quá khắc nghiệt, mỗi năm chỉ in được 500 cuốn, nên đưa về Kính Sơn, thuộc Hàng Châu để tiếp tục in. Do được chia làm nhiều nơi để in cho dễ nên Tạng này có hai tên là Kính Sơn Tạng hoặc Gia Hưng Tạng (gọi theo xưởng in ở huyện Gia Hưng). Mãi đến năm Khang Hy 15 (1676) mới hoàn tất việc ấn loát.

là việc chúng ta phải nên nghĩ đến.

Trong các kịch bản thời cổ, cổ đức cũng có biên tập, tôi đã xem một kịch bản hát bội¹²⁶ gọi là Quy Nguyên Kính. Trong đó có ba câu chuyện của Tịnh Độ Tông chúng ta, đoạn thứ nhất là chuyện của đại sư Huệ Viễn, đoạn thứ hai là chuyện của đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ, thứ ba là chuyện của đại sư Liên Trì, biên tập rất hay! Dùng cách hát tuồng biểu diễn trên sân khấu. Các diễn viên chính là Bồ Tát, đều giảng kinh thuyết pháp. Lần trước cư sĩ Du Bồn Xương đến thăm Tân Gia Ba, đến thăm tôi, có nói rằng ông muốn dùng phương pháp nghệ thuật để giúp Phật giáo. Tôi nói sai rồi, chẳng phải giúp Phật giáo, chẳng phải giúp pháp sư, ông chính là đại pháp sư, ông hãy dùng phương thức này để hoằng pháp lợi sanh, như vậy mới đúng. Ông ta thảo kế hoạch lần này, sau khi làm xong tập thứ hai, tập thứ ba ông sẽ diễn Tể Công thuyết pháp, chính thức làm đại pháp sư. Chúng tôi rất hy vọng những điều mong ước của ông có thể biến thành sự thật, cũng hoan nghênh ông đóng vai Địa Tạng Bồ Tát. Lúc trước tôi nghe có người đóng Quán Âm Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát trong phim điện ảnh, nhưng chẳng biểu diễn chiếu theo ý nghĩa trong kinh, đóng theo ý nghĩa trong kinh mới đem lại lợi ích cho đại chúng.

Chữ quan trọng mấu chốt trong đoạn kinh này vẫn là chữ thiện, *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”*, vẫn ở chữ thiện. Do đó có thể thấy mục đích của sự biểu diễn ca vũ là để khuyến hóa chúng sanh chứ chẳng phải để kiếm lời, hiện tại mọi thứ ca nhạc giúp vui đều nhằm mục đích kiếm lời. Nếu lợi nhuận không lý tưởng thì họ sẽ chẳng làm nữa, biểu diễn nhất định phải bán hết vé. Còn cách dụng tâm của thiện nam tử, thiện nữ nhân sẽ chẳng giống vậy, mục đích của họ là để giáo hóa xã hội, là tuyên dương Phật pháp, đem lại lợi ích cho chúng sanh. Quan trọng là ở chỗ này. *“Có thể đối trước tượng Bồ Tát mà thổi các thứ kỹ nhạc, cùng ca vịnh, tán thán, cúng dường hương hoa”*, phía sau *“cho đến khuyến được một người hay nhiều người”*, tốt nhất là lợi dụng những dịp có pháp hội, thời cô thường dùng, những ngày lễ Phật, Bồ Tát đều có diễn kịch. Diễn kịch là có căn cứ, trong kinh này đều có. Nhưng phải coi bạn diễn kịch gì? Phải dựa trên nội dung, mục đích của tuồng kịch này. Nếu mục đích của tuồng kịch là để thu hút tín đồ thì đó là sai lầm. Mục đích nhất định phải dùng cách thức này để giảng kinh, thuyết pháp, phổ độ chúng sanh, như vậy mới là thiện. Mấu chốt quan trọng ở chỗ này.

¹²⁶ Nguyên văn là Bình kịch: một loại hát tuồng ở Trung Quốc giống hát bội.

Chúng ta hãy thảo luận xem họ rốt ráo đạt được công đức gì? Ích lợi của họ đạt được từ đâu tới? Hiện nay một số người trong thế gian cho rằng những hành vi trong Phật pháp là mê tín, do đó trong quan niệm của họ tu phước phải tu ở đâu? Phải làm sự nghiệp từ thiện, giúp đỡ những người nghèo khổ, già cả, tàn tật, nhiều bệnh trong xã hội. Làm những việc từ thiện này, chánh phủ quốc gia khích lệ, xã hội đại chúng tán thán, pháp hội Phật giáo chúng ta ở đó diễn một vở kịch chẳng có ai coi trọng. Trong ánh mắt của họ, vở kịch đó làm sao sánh bằng việc từ thiện xã hội? [Họ nghĩ] chúng ta làm như vậy là mê tín, chúng ta đang tiêu tốn tiền tài, đem lại ấn tượng không tốt cho xã hội. Những chuyện này chúng ta không dám nói là không có, nhưng hết thấy những thiết bị trưng bày trong Phật pháp chân chánh đều có mục tiêu giáo học, kết hợp nghệ thuật và giáo học thành giáo học nghệ thuật, đây là một cách giáo huấn cao minh nhất, đạt đến đỉnh cao tốt cùng. Thế Tôn luôn luôn đề xướng, trong hết thấy kinh điển, bộ kinh nào cũng lập lại nhiều lần, đức Phật dạy chúng ta “*thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói*”, diễn tức là biểu diễn, chúng ta phải hiểu ý nghĩa của Thế Tôn.

Hôm qua chúng ta trong hội [giảng kinh] Hoa Nghiêm nói đến Chủ Dược Thần, luôn tiện nói đến việc tu phước, vì Chủ Dược Thần trị bệnh cho người ta. Thế gian có ba hạng người không sanh bệnh, phải biết thầy thuốc cao minh nhất có thể làm cho người ta không sanh bệnh, thầy thuốc như vậy mới tài giỏi; khi có bệnh [đi tìm thầy thuốc] trị bệnh, [thầy thuốc ấy] chẳng kể là cao minh. Làm thế nào có thể làm cho hết thầy chúng sanh không sanh bệnh? Đức Phật là đại y vương, Ngài có khả năng này. Ba hạng người này là: Thứ nhất là người có phước, cho nên bạn phải biết tu phước, người có phước sẽ không sanh bệnh; thứ hai là người có công phu định lực sẽ không sanh bệnh; thứ ba là người có trí huệ sẽ không sanh bệnh. Huệ này không phải là thông minh trí huệ của thế gian chúng ta, đó là “*minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ*” trong nhà Phật. Tại sao nói ba hạng người này không sanh bệnh? Họ có thể ngăn chặn nhân tố sanh bệnh. Người có phước báo thì ít nhân tố sanh bệnh; người có công phu thiền định có thể khống chế, chặn đứng nhân tố sanh bệnh, làm cho những nhân tố này không sanh khởi tác dụng, nên họ không sanh bệnh; người khai ngộ, minh tâm kiến tánh thì khởi nói nữa, [họ có thể] tìm hết những nhân tố bệnh tật, như ngành hóa học hiện nay vậy, [họ có thể] hóa giải nó thành trí huệ, biến thành công đức, do đó họ sẽ không sanh bệnh. Chỉ có đức Phật hiểu được đạo lý, chân tướng sự thật này, đức Phật dạy chúng ta, chúng ta phải tin. Thế nên Phật pháp là

nền giáo dục viên mãn, chí thiện của chín pháp giới chúng sanh, lý luận viên mãn, phương pháp khéo léo, nói trong kinh Phật khéo léo đến mức cùng cực.

Tiếc rằng đồng tu học Phật chúng ta ngu muội, vô tri, chẳng thấu hiểu được tâm ý của Phật, chẳng hiểu rõ phương thức giáo hóa chúng sanh của Phật, tuy là học Phật, vẫn chẳng đạt được lợi ích của Phật pháp y như cũ. Nói không được lợi ích của Phật pháp là nói hiện nay, nhưng lợi ích chân thật, lợi ích sâu xa đều đã đạt được. Quả báo chẳng ở đời này, cõi này, nên người thế gian cũng chẳng thể tin tưởng, đối với việc cúng Phật này họ cũng coi thường, bỏ bê hết. Đồng tu học Phật chúng ta thường nghe, cổ đức thường nói: *Một phen lọt vào tai, vĩnh viễn là hạt giống đạo*, một phen lọt vào nhãn căn cũng vĩnh viễn là hạt giống đạo. Căn là lục căn, dùng nhãn căn trong lục căn để tượng trưng, nói nhãn căn thì gồm hết sáu căn, chúng ta phải hiểu ý nghĩa này. Nếu nói một căn, bạn bèn chấp trước vào căn đó thì bạn rất khó được dạy, giáo học thế pháp còn yêu cầu “nêu một thấy được ba, nghe một hiểu mười”¹²⁷. Trong hội kinh Lăng Nghiêm nói đến lục căn, Phật cũng giảng một căn, giảng về tánh Thấy, mười phen hiển thị về tánh thấy (thập phiên hiển kiến). Bạn hiểu được “*thập phiên hiển kiến*”, cùng đạo lý ấy cũng “*hiển văn, hiển giác, hiển tri*” tất cả đều được. Do đó nói “*một phen lọt vào tai, vĩnh viễn thành hạt giống đạo*”, chúng ta đều hiểu rõ hết, mắt thấy cũng là hạt giống đạo, thân đụng chạm cũng là hạt giống đạo, lưỡi liếm cũng là hạt giống đạo, mũi ngửi cũng là hạt giống đạo. Như vậy bạn mới biết sự tạo tượng trong Phật pháp, công đức tạo tượng Phật rất lớn, trong Đại Tạng Kinh có kinh Tạo Tượng Công Đức, quả báo chẳng thể nghĩ bàn. Bạn sẽ hỏi tại sao? Tượng đức có thể tồn tại lâu dài, tượng vẽ làm cho người ta nhìn thấy bèn gieo hạt giống thành Phật. Họ nhìn thấy tượng Phật, Bồ Tát, đem những hạt giống của thập pháp giới chứa trong A Lại Da thức của họ, khởi lên hạt giống của Phật pháp giới, của Bồ Tát pháp giới. Công đức, phước đức thế gian và xuất thế gian có thứ nào lớn hơn công đức, phước đức này? Trong A Lại Da thức của mỗi chúng sanh chứa đầy hạt giống của mười pháp giới, trong mười pháp giới ấy chúng ta thọ sanh pháp giới nào, sinh sống trong pháp giới nào thì phải coi một niệm (niệm đầu) cuối cùng lúc lâm chung là niệm gì. Nếu một niệm lúc lâm chung là niệm Phật thì họ sẽ sanh vào pháp giới Phật, một niệm cuối cùng lúc lâm chung là niệm Bồ Tát thì họ sẽ sanh vào pháp giới Bồ Tát,

¹²⁷ cử nhất phản tam, văn nhất tri thập.

hiểu rõ được đạo lý này thì mới biết việc tu phước trong nhà Phật là chẳng thể nghĩ bàn. Công đức tạo tượng đâu phải là mê tín! Không những không mê tín, đó còn là trí huệ chân thật, phước báo vô lượng. Bức tượng này không những làm cho mình được phước, phàm những người có duyên nhìn thấy, đều khơi dậy hạt giống Phật, Bồ Tát trong tám thức điền của họ, nhìn một lần cũng giống như xẹt điện một lần, phóng quang một lần. Phải biết lần phóng quang này vô cùng hy hữu, khó gặp, vì nếu họ không được thân người, chẳng gặp Phật pháp, họ chẳng có duyên này, cơ hội này; tuy trong tám thức điền có hạt giống Phật nhưng chẳng có duyên dẫn dắt hạt giống ấy ra.

Người tạo phước, phía trước có nói nặn đức, tạo tượng Phật, Bồ Tát, vẽ hình tượng Phật, Bồ Tát, có thể dẫn dắt rất nhiều chúng sanh, ánh quang minh quý báu nhất trong A Lại Da thức, phải thường dẫn khởi ánh quang minh này, khoảng cách tu hành chứng quả của kẻ ấy sẽ rút ngắn. Họ thành Phật, thành Bồ Tát, chư vị nghĩ coi họ sẽ độ biết bao nhiêu chúng sanh? Những chúng sanh được họ độ, trong nhân địa chúng ta giúp họ tu một chút phước này, thì chúng ta cũng được thơm lây, có duyên với Phật, Bồ Tát. Huống chi tự mình tu hành, tự mình trước hình tượng Phật, Bồ Tát cung kính hành lễ, cúng dường hương hoa, biểu diễn cho kẻ khác coi. Đặc biệt là những người không tin tưởng, họ nhìn chúng ta, chúng ta chẳng mê tín, chẳng ngu si, cũng chẳng ngờ nghệch, tại sao khi gặp hình tượng của Phật, Bồ Tát lại kính lạy như vậy? Khi họ nhìn thấy, đôi khi họ cũng sẽ thắc mắc, hỏi tại sao mình lại làm vậy? Đây tức là cơ hội giáo dục, bạn có thể giải thích công đức lợi ích của việc này, đó chính là cơ hội giáo dục. Phật giáo ở Trung Quốc, những chùa chiền ở các huyện, các thị trấn, thậm chí những đạo tràng ở trong hương trấn có lịch sử, những đạo tràng có giá trị nghệ thuật, hiện nay được chánh phủ mở rộng cho khách du lịch tham quan, bạn phải biết công đức này bao lớn! Rất nhiều khách du lịch ngoại quốc, cả đời chưa từng tiếp xúc đến Phật pháp, chưa từng thấy hình tượng Phật, Bồ Tát, họ du lịch đến nơi đó thấy được, trong A Lại Da thức đã được trồng hạt giống Phật, Bồ Tát, được lợi ích thù thắng, chúng ta chẳng có cách chi nói hết, nhưng người thế gian chẳng biết. Trên đây là nói về “*nhìn tượng, nghe danh*”.

Nếu có Phật tử thông hiểu Phật pháp, bất luận là tại gia, xuất gia, có thể mượn cơ hội này giới thiệu rõ ràng sự tiêu biểu pháp của hình tượng Phật, Bồ Tát thì họ được lợi ích ngay trong hiện tại, chẳng phải đời sau, đời sau nữa, hiện tại liền được lợi ích. Cũng như nói đến đó du

lich tham quan là đến đó đi học, bạn lên lớp giảng cho họ. Họ trả tiền đi du lịch cũng như trả học phí, học phí này chẳng lãng phí, chúng ta nhận học phí rất thấp, họ đạt được lợi ích thật to lớn. Đây là tại sao trong những trường hợp này chúng ta phải làm thật đúng như pháp, chúng ta đang diễn kịch, biểu diễn cho những người chưa học Phật coi, làm cho họ sanh tâm cung kính, cho họ khởi lên nghi vấn, sau đó chúng ta giải đáp cho họ. Chúng ta giải đáp cho một người, rất nhiều khách du lịch ở đó có thể sẽ xúm lại nghe. Trong trường hợp này phải biết biểu diễn, nếu chẳng có người hỏi thì tìm một người biết rành [về Phật pháp] hẹn trước ở đó, [nói với người ấy] tôi biểu diễn, bạn lại đó nêu câu hỏi; hát tuồng cho người ta coi, cho người ta nghe. Cách hỏi này trong kinh gọi là *“Hỏi làm lợi ích hữu tình”*; họ không hiểu, họ có thể hỏi thì tốt! Nếu không có người hỏi thì một người trong nhóm chúng ta nêu câu hỏi, hỏi để đem lại lợi ích cho kẻ khác. Cho nên những chùa chiền, đạo tràng này ở Trung Quốc là lớp học cho toàn thể giới, đây là sự công hiến của Phật pháp Đại Thừa cho nhân dân trên toàn thế giới. Chúng ta phải hiểu ý nghĩa này, sau đó bạn mới hiểu được công đức lợi ích thù thắng, những nhà từ thiện thế gian tuyệt chẳng thể sánh nổi, nhà từ thiện giúp đỡ người ta chỉ trong một đời, Phật pháp giúp cho người ta nhiều đời, nhiều kiếp, lợi ích ấy làm sao sánh nổi, do đó quả báo đương nhiên cũng chẳng giống nhau.

Phần sau nói về phước báo của họ. *“Nur thị đặng bồi”* tức là những người tu phước này. *“Trong đời hiện tại và đời vị lai”*, câu sau này rất quan trọng, chẳng phải một đời, họ còn phước báo đời sau. *“Thường được trăm ngàn quý thần, ngày đêm hộ vệ”*, thần hộ pháp bảo hộ bạn, tại sao họ lại bảo hộ bạn? Vì bạn hoằng pháp lợi sanh, vì bạn hoằng dương Phật pháp, những thần hộ pháp này đều là đệ tử Phật. Thậm chí trong những quý thần này đích thật cũng có chư Phật Như Lai, Pháp Thân Đại Sĩ thị hiện trong ấy, mặc dù quý thần ngu muội chẳng biết, họ ở trong đó dẫn dắt dạy dỗ, ở đó biểu diễn, đây là khuyến thiện. Làm một chút thiện này, được lợi ích lớn lao thì ai chẳng chịu làm chuyện thiện? Ai không chịu làm việc tốt? Đây là một phương thức để khuyến thiện. *“Không để những việc ác đến tai, hướng chi đích thân chịu các tai vạ bất ngờ”*, đây tức là việc ngày nay chúng ta gọi là tiêu tai miễn nạn, hết thấy tất cả tai nạn không những bạn chẳng gặp, âm thanh của tai nạn bạn cũng chẳng nghe, tin tức cũng chẳng nghe đến, có thể được phước báo lớn như vậy. Chúng ta phải khẳng định, tin tưởng, câu nào đức Phật nói trong kinh đều là chân thật, chẳng có một chữ nào dối trá, Như Lai đích thật là người nói lời chân, lời thật, lời đúng như vậy,

chẳng lừa dối, câu nào cũng thành thật. Hy vọng đồng tu coi chú giải kỹ lưỡng, đoạn chú giải này của pháp sư Thanh Liên rất rõ ràng, dùng điển tích thời xưa để thuyết minh “*nhạc giáo*”, [tức là] công năng của sự giáo hóa bằng âm nhạc. Chúng ta xem tiếp kinh văn:

Phục thứ Phổ Quảng, vị lai thế trung nhược hữu ác nhân cập ác thần ác quỷ, kiến hữu thiện nam tử thiện nữ nhân, quy kính cúng dường, tán thán chiêm lễ Địa Tạng Bồ Tát hình tượng, hoặc vọng sanh cơ hủy, báng vô công đức cập lợi ích sự.

復次普廣。未來世中若有惡人及惡神惡鬼。見有善男子善女人。歸敬供養。讚歎瞻禮地藏菩薩形像。或妄生譏毀。謗無功德及利益事。

(Lại nữa này Phổ Quảng, trong đời sau nếu có ác nhân cùng ác thần, ác quỷ thấy kẻ thiện nam, thiện nữ quy kính cúng dường, tán thán, chiêm lễ hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát mà vọng sanh khinh chê cho là không có công đức cùng sự lợi ích.)

Cũng tức là nói chẳng có công đức, chẳng có lợi ích, nói bậy mê tín.

Hoặc lộ xỉ tiếu, hoặc diện bối phi.

或露齒笑。或面背非。

(Hoặc nhe răng ra cười, hoặc chê sau lưng.)

Diện là đối diện, bối là sau lưng.

Hoặc khuyến nhân cộng phi, hoặc nhất nhân phi, hoặc đa nhân phi, nãi chí nhất niệm sanh cơ hủy giả.

或勸人共非。或一人非。或多人非。乃至一念生譏毀者。

(Hoặc khuyên người khác cùng chê, hoặc một người chê, hoặc nhiều người chê, cho đến sanh lòng chê bai trong chùng một niệm.)

Đây là nói việc tạo nghiệp. Hiện nay đích thật có người tạo ác nghiệp này, chúng ta thường nghe nói đến, có khi cũng nhìn thấy. Đặc biệt là thời đại chúng ta, kinh Lăng Nghiêm nói thời đại này “*tà sư*

thuyết pháp như cát sông Hằng”. Tà sư đó là ai? Là yêu ma quỷ quái. Trong quyển bốn kinh Lăng Nghiêm, đức Phật dạy “*Bốn điều răn thanh tịnh*”, đoạn kinh này trọng yếu phi thường! Giảng rõ cho chúng ta biết trong thế gian này loại nào là yêu, loại nào là ma, loại nào là quỷ, loại nào là quái. Chúng ta thấy đều là người, mặt mũi là người, tâm của họ chẳng phải là tâm người, mà là tâm của yêu ma quỷ quái. Cho nên trong kinh Diệt Pháp, đức Phật nói trước, người ngày nay gọi là tiên đoán, tương lai kinh bị tiêu diệt đầu tiên là kinh Lăng Nghiêm, kinh cuối cùng bị tiêu diệt là kinh Vô Lượng Thọ. Tại sao kinh Lăng Nghiêm bị diệt trước hết? Tôi đọc đoạn kinh ấy tôi bèn biết kinh này nhất định sẽ bị tiêu diệt trước hết. Khi kinh này chẳng còn nữa, yêu ma quỷ quái trong thế gian sẽ chẳng có ai nhận biết, bạn không những không nhận biết họ là yêu ma quỷ quái, bạn còn coi họ như Phật, Bồ Tát, họ giả dạng rất giống, rất giống Phật, Bồ Tát, họ chẳng phải là Phật, Bồ Tát thiệt. Lúc trước tôi giảng kinh Lăng Nghiêm, đoạn kinh “*Lời răn thanh tịnh*”, đoạn này được gọi là kính chiếu yêu, yêu ma quỷ quái rất nhức đầu với kinh này, luôn tìm cách tiêu hủy, chẳng cho bạn lưu thông, để cho nó phá rối.

Trong Tả Truyện của nhà Nho có một câu danh ngôn dạy chúng ta làm cách nào để phân biệt yêu quái là gì, Tả Khuru Minh nói: “Con người vứt bỏ luân thường thì yêu quái hưng vượng”¹²⁸, câu này khái thị chúng ta rất lớn. Thường là gì? Nhà Nho nói Ngũ Thường: Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín, người ta buông bỏ những thứ này, chẳng coi trọng nữa; nói cách khác những gì họ làm đều là chẳng nhân, chẳng nghĩa, chẳng trọng lễ, chẳng coi trọng tín dụng, người như vậy chính là yêu quái. Bất luận địa vị trong xã hội của người ấy cao tới đâu, có tài sản bao lớn, họ chẳng phải là người. Nhà Nho nhận định, khẳng định tiêu chuẩn của con người, nhất định phải có nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, cũng tức là nói năm điều kiện căn bản để làm người. Từ xưa đến nay trong Phật pháp, các Tổ sư đại đức đem Ngũ Thường phối hợp với Ngũ Giới, không sát sanh là Nhân, không trộm cắp là Nghĩa, không tà dâm là Lễ, không nói dối là Tín, không uống rượu là Trí. Từ đó có thể biết có đầy đủ năm giới là người, phá hủy, vi phạm năm giới hoàn toàn thì đó là yêu, yêu ma, chẳng phải là người. Hiện nay tuy được thân người, họ tạo nghiệp yêu ma quỷ quái, tương lai nhất định đọa ba đường ác, đây là điều mà hết thảy kinh điển Đại, Tiểu Thừa đều nói rất rõ ràng. Phật pháp được đại chúng công nhận là nhãn mục của trời, người, là chỉ dẫn quang minh, người ta tu học

¹²⁸ (Nhân khí thường, tắc quái hưng).

tán thán, nếu bạn gây chướng ngại, hủy báng, thì tội sẽ rất nặng.

Ba hạng chúng sanh nói ở đây, người ác hơn phân nửa là người ngu si, ngu si mới dễ bị yêu ma quỷ quái lợi dụng, nghe và tin lời giả dối của họ, hoài nghi chánh pháp. Yêu ma quỷ quái cũng có biện tài, tả huệ, phần sau trong kinh Lăng Nghiêm nói về năm mươi chủng ám ma, chữ “*chúng*” là chủng loại, chia những loại ma này thành năm mươi loại. Trong mỗi loại, chúng ta thấy trong kinh, nếu người thực sự không thông đạt Phật pháp Đại Thừa, đích thật cũng sẽ coi họ như Phật, Bồ Tát. Họ ở thế gian này có phước báo, phước báo rất lớn, có tín đồ, rất nhiều tín đồ, có thể lực, họ cũng có thần hộ pháp, thân của họ cũng màu vàng, có ánh sáng, phàm phu làm sao sánh bằng họ? Trong kinh đức Phật nói với chúng ta: Hào quang của Phật, Bồ Tát nhu hòa, khi bạn tiếp xúc sẽ cảm thấy rất dễ chịu. Quang minh của ma rất mạnh, khi tiếp xúc sẽ cảm thấy rất sợ sệt, quang minh của họ [làm cho người ta] rất nhức mắt. Giống như ánh sáng mặt trời vậy, chúng ta chẳng có cách gì mở to mắt ra nhìn lâu được, nhìn lâu thì trong ánh sáng ấy có tia tử ngoại tuyến, có thể làm mù mắt, do đó tuyệt chẳng thể nhìn lâu vào ánh sáng mặt trời. Ánh sáng của ma cũng thuộc loại này. Còn Phật quang nhu hòa, tại sao lại có hiện tượng này? Phật quang là từ tâm từ bi trong tự tánh tuôn chảy ra. Quang của ma từ tham-sân-si, do đó tuy quang rất lớn, tánh chất chẳng giống nhau, đây là việc chúng ta phải hiểu. Ma lợi dụng người nên ma đạo, ma pháp xuất hiện ở thế gian này, có thể làm cho hết thảy chúng sanh mê hoặc điên đảo, bỏ thiện hướng ác, tạo tội nghiệp, chẳng chịu tu thiện, xả bỏ chánh pháp. Chúng ta thường cảm xúc đến, rất nhiều người tin Tà chứ chẳng tin Chân, nghe Gạt chứ không nghe lời Khuyên, đây chính là “*người đáng thương xót*”, họ còn cho rằng mình thông minh, cứ cho rằng mình đúng.

Khi họ thấy người thiện nam, thiện nữ quy y, cung kính, cúng dường, tán thán, chiêm lễ hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, đây là việc phàm đông chúng ta gọi là lạy Phật, lạy Bồ Tát, nhìn thấy có người lạy Phật, lạy Bồ Tát. Chư vị nhất định phải biết phàm khi nhìn thấy người lạy Phật, lạy Bồ Tát, họ chánh tín thì tốt, mê tín cũng tốt! Chỉ cần chịu lạy là tốt. Chánh tín thì người ấy hiện nay được lợi ích, mê tín thì đời sau được lợi ích, không có gì chẳng được lợi ích. Kinh Pháp Hoa nói “*Dù chỉ xưng Nam mô Phật một lần cũng đều gieo duyên thành Phật*”¹²⁹, chữ

¹²⁹ Nhất xưng Nam Mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo. Ở đây, đức Phật nói những người gieo duyên với Phật pháp nhỏ nhất như xưng nam mô Phật chỉ một lần thôi, nay đã đều do nhân duyên ấy thành Phật hết rồi.

“giai dĩ thành Phật đạo” chẳng phải là bây giờ, có thể ở vô lượng kiếp về sau. Tức là ngày nay họ mê tín, nhìn thấy Phật, Bồ Tát họ cung kính, cúng dường lễ bái, chỉ tu phước một lần như vậy, vô lượng kiếp sau nếu gặp lúc có Phật ra đời, có thể nhờ nhân duyên ấy mà theo Phật xuất gia, tu hành, chứng quả, trong kinh chúng ta thấy rất nhiều [những chuyện như vậy]. Tuy họ chẳng hiểu rõ, cũng chẳng hiểu đạo lý cho lắm, trong lúc gặp tai nạn cấp bách, lúc khẩn cấp niệm một câu Quán Thế Âm Bồ Tát, niệm một câu A Di Đà Phật, công đức ấy cũng chẳng thể nghĩ bàn. Huống chi chúng ta hiểu rõ những đạo lý này, một tiếng Phật hiệu một tiếng [từ trong] tâm, cung kính hành lễ, tán thán cúng dường đều là từ tánh đức lưu lộ. Minh tâm kiến tánh, tánh ở đâu? Tánh là ở chỗ này tỏ lộ.

Đối với kẻ tu tập tích lũy công đức chân thật, phước đức chân thật, họ “*vọng sanh cơ hủy*”. Vọng, họ chẳng hiểu rõ đạo lý trong ấy, chẳng hiểu chân tướng sự thật, tùy thuận tri kiến vọng tưởng của mình, từ vọng tưởng của họ sanh khởi cơ phong hủy báng, nói đó là mê tín. Lời này nếu muốn đi sâu vào thảo luận, ý tứ rất sâu, Phật giáo chẳng phải mê tín, do đó người mê tín Phật giáo cũng chẳng phải mê tín. Quý vị nghĩ xem lời của tôi đúng không? Bản thân Phật giáo chẳng mê tín, bạn mê tín nhưng Phật giáo chẳng mê tín. Ông Âu Dương Cán Vô nói “*Tôn giáo là mê tín, dùng chánh tri để tin nó cũng vẫn mê tín*”, bản chất của nó là mê, bản chất Phật giáo chẳng mê, bạn phải hiểu đạo lý này. Cho nên bạn từ mê đi vào Phật giáo, sau đó sẽ khai ngộ; nếu bản chất của nó thực sự là mê tín, khi hiểu biết đi vào cũng bị nó mê mất, đạo lý này rất sâu, rất đáng nghiền ngẫm. Sau đó bạn mới có thể khai đạo cho hết thầy đại chúng, tuyệt chẳng thể châm thọc, hủy báng, đó là tạo nghiệp rất nặng. Bạn nói nó chẳng có công đức, chẳng có lợi ích, nói thật ra công đức lợi ích đó vô biên. Bạn “*nhe răng cười*” là cười mỉa mai, “*ché sau lưng*” là phê bình họ, phê bình trước mặt, phê bình sau lưng, hoặc bạn còn khuyên nhiều người cùng nhau phê bình họ. Kết luận sau chót “*hoặc một người chê, nhiều người chê*”, phê bình chẳng đúng tư cách, chẳng đúng lý. “*Cho đến sanh lòng chê bai trong chừng một niệm*”, đây là nói ít nhất, khởi lên một niệm. Phía sau nói về quả báo của người đó:

Như thị chi nhân, hiền kiếp thiên Phật diệt độ, cơ hủy chi báo, thượng tại A Tỳ địa ngục thọ cực trọng tội.

如是之人。賢劫千佛滅度。譏毀之報。尚在阿鼻地獄受極重罪。

(Những kẻ như thế, sau khi một ngàn đức Phật trong Hiền Kiếp¹³⁰ diệt độ cả, vì tội báo khinh chê nên vẫn còn ở trong địa ngục A Tỳ chịu tội cực nặng.)

Quả báo còn chưa hết, phía sau còn rất dài. Những người này cứ tưởng mình thông minh. Trong nhà Phật, bất luận họ là trí tín, hay mê tín, chúng ta nhìn thấy đều hoan hỷ tán thán. Tại sao? Bản chất là chánh giác, người mê tín cũng được phước, chẳng khác gì lời nói trong kinh, công đức lợi ích thực sự là vô lượng vô biên, chẳng có cùng tận. Tội báo hủy báng, phê bình cũng chẳng thể nghĩ bàn, cũng chẳng có cùng tận.

Hôm nay đã hết giờ. chúng tôi giảng đến đây thôi.

Tập 22 (Số 14-12-22)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển trung, trang bốn mươi hai, xin xem kinh văn:

Như thị chi nhân, hiền kiếp thiên Phật diệt độ, cơ hủy chi báo, thượng tại A Tỳ địa ngục thọ cực trọng tội.

如是之人。賢劫千佛滅度。譏毀之報。尚在阿鼻地獄受極重罪。

(Những kẻ như thế, sau khi một ngàn đức Phật trong Hiền Kiếp diệt độ cả, vì tội báo khinh chê nên vẫn còn ở trong địa ngục A Tỳ chịu tội cực nặng.)

Chúng ta nhất định phải hiểu rõ, phải rành rẽ vấn đề này, tại sao đối với việc này lại kết tội nặng như vậy? Chúng ta coi xã hội hiện nay những người tạo tội nghiệp này, chúng ta thường có thể nghe đến, có khi cũng thấy được. Mọi người đều coi thường chuyện này, cho rằng đây là

¹³⁰ Hiền Kiếp (Bhadrakalpa): Hiền Kiếp là kiếp hiện tại, trong kiếp này có một ngàn đức Phật xuất thế nên gọi là Hiền Kiếp. Kinh Bi Hoa giảng: “Trong đại kiếp này có nhiều chúng sanh tham dục, sân khuê, ngu si, kiêu mạn, có một ngàn đức Thế Tôn thành tựu đại bi xuất hiện trong cõi đời”. Theo Thiên Phật Nhân Duyên Kinh và Hiền Kiếp Thiên Phật Danh Kinh, đức Phật đầu tiên trong Hiền Kiếp là đức Câu Lưu Tôn Phật, kế đến là Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, Ca Diếp Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật, Di Lặc Phật... Đức Phật cuối cùng trong Hiền Kiếp là Lô Lô Chí Phật. Sau Hiền Kiếp là Tinh Tú Kiếp.

mê tín, cho rằng nên phá trừ những chuyện mê tín này, đâu biết rằng chịu quả báo nặng nề như vậy? Hủy báng Tam Bảo, bất luận bạn cố ý, vô ý đều là tội nặng, trong các ác nghiệp chẳng có thứ nào nặng hơn chuyện này. Nguyên nhân là như Phật nói trong kinh, Tam Bảo là nhân mục của trời, người, Tam Bảo là nhân duyên chúng sanh được độ, bạn đoạn mất cơ hội được độ của hết thảy chúng sanh, tội đó sẽ rất nặng. Bạn giết hại một người, giết hại sanh mạng, trong kinh nói bốn mươi chín ngày thì người đó đi đầu thai trở lại, do đó tội sát sanh nhỏ, tội đoạn dứt huệ mạng của chúng sanh mới lớn. Khi kẻ ấy được thân người, nếu phước báo cõi người của họ chưa hưởng hết, vẫn còn dư phước cõi người, trời; khi bạn giết kẻ ấy, chẳng bao lâu họ được thân người trở lại, vì phước báo của họ chưa hết, họ phải hưởng phước tiếp. Phước báo lớn thì rất nhanh sẽ được thân người, mấy ngày thì họ sẽ đầu thai trở lại. Phước báo kém một chút thì cũng chẳng qua bốn mươi chín ngày như nói trong kinh, họ sẽ sanh tới cõi người trở lại, đây là nói rõ tại sao tội giết sanh mạng chẳng nặng. Nhưng cơ hội gặp được Phật pháp khó lắm, kê khai kinh nói: “*Trăm ngàn muôn kiếp khó gặp gỡ*”, lời này là thật, chẳng giả. Khi bạn được thân người, chưa chắc bạn có cơ hội nghe đến Phật pháp, hưởng chỉ được thân người thì cũng tương đối không dễ. Thời gian đức Phật xuất hiện tại thế gian chẳng dài, thời gian chẳng có Phật pháp quá dài, quá dài đi thôi, làm sao bạn sanh ra nhằm lúc có Phật ra đời được!

Trong kinh đức Phật nói với chúng ta một người tu hành cần phải phải trải qua ba A Tăng Kỳ kiếp, thời gian này quá dài, quá dài. Tại sao cần có thời gian dài như vậy? Vì trong quá trình tu học, thời gian có cơ duyên gặp được Phật pháp rất ngắn, thời gian chẳng có cơ duyên rất dài, khi chẳng có cơ duyên thì bạn sẽ thoái chuyển, sẽ đọa lạc. Gặp được Phật pháp thì tiếp tục bắt đầu trở lại. Cứ dứt đoạn, ngưng xong rồi tiếp tục lại, thời gian tu hành ngắn, thời gian ngưng [chẳng tu] thì dài, thế nên mới cần ba A Tăng Kỳ kiếp, thời gian dài như vậy. Nếu tu hành cứ tiếp tục chẳng ngưng giữa chừng thì đâu cần thời gian dài như vậy? Chẳng cần. Tam Bảo là một cơ duyên chúng sanh nghe pháp tu học được độ, công đức của người sáng tạo cơ duyên này vô lượng vô biên, sáng tạo cơ duyên là nhằm đem lại lợi ích cho chúng sanh, chẳng vì lợi ích cá nhân mình. Nói thật ra vì chúng sanh thì tự mình mới thực sự được lợi ích; vì mình thì lợi ích của bạn sẽ rất nhỏ. Xây Niệm Phật Đường ở đây, những đồng tu lãnh chúng (hướng dẫn), những pháp sư, tối hôm qua tôi nói với họ, có phải Niệm Phật Đường là của địa phương ấy không?

Chẳng phải. Niệm Phật Đường này là của Tịnh Tông toàn thế giới, trên địa cầu này của chúng ta, các đồng tu phát tâm niệm Phật cầu vãng sanh đều có thể đến Niệm Phật Đường này để niệm Phật, lại để nhìn và bắt chước, để học tập, do đó Niệm Phật Đường thuộc về cả thế giới. Tâm lượng của bạn phải mở rộng, nhãn quan phải lớn, rộng, sau đó mới biết sứ mạng này rất nặng nề, nhất định phải làm việc này cho hoàn hảo. Như thế nào mới làm được thiện mỹ đến cùng cực? Tôi nhắc nhở mọi người mỗi ngày phải cải tiến, không thể làm theo ý tứ của mình. Mỗi ngày phải dùi mài lẫn nhau, phải thỉnh giáo mọi người. Vì tự mình rất khó phát hiện khuyết điểm của mình, phải dùng tâm chân thành thỉnh giáo người khác. Những đồng tu đến Niệm Phật Đường, có chỗ nào cảm thấy không thuận tiện thì xin họ nói ra, chúng ta lập tức cải thiện. Mỗi ngày đều hỏi, mỗi ngày đều cải tiến, một ngày không cải tiến thì là một ngày không có tiến bộ. Nếu bạn hỏi cải tiến tới lúc nào mới viên mãn? Tới lúc mọi người đều thành Phật. Khi mọi người chưa thành Phật, còn ở ngôi vị Đẳng Giác thì vẫn phải mong cầu cải tiến, cầu người ta phê bình, xin người ta chỉ giáo, được vậy thì việc này mới làm được thiện mỹ rốt ráo. Cổ chấp thành kiến của chính mình, chẳng chịu người khác phê bình thì đạo tràng này làm sao có tiến bộ? Làm sao đúng như pháp?

Nếu hỏi tinh thần của Niệm Phật Đường Tân Gia Ba ở tại đâu? Tinh thần ấy tức là chấp nhận, vui vẻ tiếp nhận phê bình, mạnh mẽ sửa sai đổi mới, như vậy là tốt lắm! Bất kỳ người nào đến đây niệm Phật đều có thể nêu ra ý kiến. Điều tốt nhất của thường trú ở đây chính là có thể tiếp nhận ý kiến, hết lòng để cải chánh. Đây là tinh thần Bồ Tát, tinh thần của người giác ngộ, người chẳng giác ngộ chẳng làm nổi, người chân chánh giác ngộ mới làm nổi. Chúng ta vì phục vụ chúng sanh, phục vụ hết thảy người niệm Phật, nhất định phải làm cho họ ở đây niệm Phật rất thoải mái, rất tự tại, rất hoan hỷ, niệm được thọ dụng chân chánh; thọ dụng này chính là đạt được tâm thanh tịnh, được Niệm Phật Tam Muội, thành tựu công đức chân thật. Đạo tràng này tán thán, lễ kính, cúng dường được vô lượng phước, nếu bạn hủy báng, tạo chướng ngại, thì lỗi đó cũng như đã nói trong kinh sẽ đọa địa ngục A Tỳ chịu tội cực nặng. Thế nên chúng ta phải rõ ràng, phải minh bạch cả Sự lẫn Lý, không được tùy tiện phê bình, đừng mặc tình khinh thường, làm tổn phước của mình. Trong chú giải, pháp sư Thanh Liên nói rất hay, vừa mở đầu: “Nóng nảy, ương bướng thành tánh, so đo, khinh bạc sẵn thói”¹³¹, đây là nói một tập

¹³¹ Quyển ngoan thành tánh, cổ đậu vi tình.

khí khinh thường, khinh người khác, nói thật ra vẫn có thói quen cống cao ngã mạn, cứ cho rằng mình đúng. Đối với hết thấy các pháp trong thế gian đều chẳng cầu giải sâu, cứ dựa vào cái nhìn thô thiển của mình, chẳng biết Phật đạo thực sự rộng sâu, dùng lời thiển cận, khinh bạc của thế gian, muốn khởi tâm đồ kỵ, đây là đồ kỵ, hủy báng đạo căn. Hạng người này bị quả báo như vậy. Sau cùng Ngài dẫn chứng vài câu trong kinh Hưng Khởi Hạnh “*người báng pháp, tội cực nặng, đọa ba đường ác, khó thoát ra*”, chẳng có tội nào nặng hơn tội này. Chư vị suy nghĩ coi, nghĩ ngược lại, trong Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên nói “*Trong hết thấy cúng dường, pháp cúng dường là quý nhất*”, công đức lớn nhất là pháp cúng dường, tội báng pháp thì đương nhiên sẽ cực nặng, đây là đạo lý nhất định. Đây là đạo tràng chánh pháp, cúng dường chút ít cũng được phước báo to lớn, chúng ta phải biết đạo lý, sự thật này. Xin xem tiếp kinh văn:

Quá thị kiếp dĩ phương thọ ngạ quỷ.

過是劫已方受餓鬼。

(Qua khỏi kiếp này xong mới thọ thân ngạ quỷ.)

Thọ hết tội báo ở địa ngục xong, thời gian thọ tội ở địa ngục là dùng kiếp để tính. Phía trước chúng ta đã coi qua [đọa vào] địa ngục đều là vô số kiếp, chẳng tính bằng năm. Kiếp dài như vậy tội báo hết rồi mới thọ thân ngạ quỷ, quỷ cũng rất khổ.

Hựu kinh thiên kiếp phục thọ súc sanh, hựu kinh thiên kiếp phương đắc nhân thân.

又經千劫復受畜生。又經千劫方得人身。

(Rồi mãi đến một ngàn kiếp sau mới thọ thân súc sanh; lại phải trải qua một ngàn kiếp nữa mới được thân người.)

Trong cõi ngạ quỷ, làm quỷ bao lâu? Một ngàn kiếp. Xong rồi đọa súc sanh. Trong cõi súc sanh trải qua ngàn kiếp mới được thân người. Chúng ta phải suy nghĩ cẩn kỹ về việc này, khi phạm sai lầm thọ quả báo, tương lai được thân người trở lại, bạn coi phải mất bao lâu? Được thân người chưa chắc gặp được Phật pháp, cho dù gặp được Phật pháp rồi tu tập lại, bạn nghĩ coi thành Phật có cần phải tốn ba A Tăng Kỳ kiếp hay không? Đạo lý là ở chỗ này. Nếu đời nào cũng gặp Phật pháp, đời nào cũng tu hành thì thành Phật rất nhanh. Vấn đề là bạn rất khó không

phạm sai lầm, khi làm sai thì bạn phải thọ quả báo. Ở đây Phật, Bồ Tát nói lời nào cũng là lời chân thật, tuyệt chẳng phải dọa người, tuyệt đối chẳng lừa gạt bạn. Phía trước tôi đã nói với chư vị, cho dù là mê tín thì họ cũng được phước. Tại sao? Vì pháp là chánh pháp. Nếu pháp là tà pháp, khi bạn mê tín thì đương nhiên chẳng có phước; tà pháp tuy là có chánh tín cũng chẳng được phước. Cho nên bạn nhất định phải hiểu bản chất của pháp, thuần chánh chẳng tà vậy có thể làm cho hết thấy chúng sanh thành vô thượng đạo.

Hết thấy pháp còn như vậy, huống chi là pháp môn Tịnh Tông. Pháp môn Tịnh Tông thù thắng nhất trong hết thấy pháp, tại sao lại thù thắng nhất? Vì nó có thể làm cho hết thấy chúng sanh bình đẳng thành Phật, thật là quá sức tưởng tượng! Trong bất kỳ pháp môn nào cũng không có cách chi giúp cho hết thấy chúng sanh bình đẳng thành Phật, chỉ có Tịnh Tông mới làm được. Hủy báng Tịnh Tông, chướng ngại Tịnh Tông, tội lỗi không biết lớn hơn [tội hủy báng] nói trên gấp bao nhiêu lần? Đây là đạo lý nhất định, việc này chẳng khó hiểu. Do đó hủy báng Tịnh Tông, chướng ngại người niệm Phật, chướng ngại người cầu sanh Tịnh Độ, so với tội này thì chẳng biết phải thêm bao nhiêu ngàn lần, vạn lần? Chẳng phải một lần, hai lần, mà là ngàn vạn lần. Đây là nói họ từ lúc tạo tội đến lúc được thân người trở lại.

Túng thọ nhân thân, bản cùng hạ tiện, chư căn bất cụ, đa bị ác nghiệp lai kết kỳ tâm, bất cứu chi gian phục đọa ác thú.

**縱受人身。貧窮下賤。諸根不具。多被惡業來結其心。
。不久之間復墮惡道。**

(Dầu thọ thân người, [lại] bản cùng hạ tiện, các căn không đầy đủ, thường hay bị nghiệp ác kết buộc vào tâm, chẳng bao lâu lại phải đọa ác đạo.)

Thế mới biết đọa vào ác đạo, muốn thoát ra khỏi ác đạo quá khó, quá khó! Không phải là không thể thoát ra, nhưng thời gian quá dài, mỗi lần giảm tập khí ác đạo một chút, nhất định phải giảm đến mức độ nhất định mới được thân người, có cơ hội gặp Phật pháp, thì họ mới sanh tâm hoan hỷ. Trong kinh nói về những chuyện này, mỗi vị đồng tu chúng ta đều từng trải qua, chẳng biết đã làm bao nhiêu lần. Do đó trong kinh Vô Lượng Thọ chúng ta thấy nhóm người theo A Xà Vương Tử, Phật nói “trong đời quá khứ đã cúng dường bốn trăm ức Phật”. Bạn phải biết họ cúng dường bốn trăm ức Phật, họ đã đọa địa ngục hết bao nhiêu lần?

Nếu họ chẳng từng làm qua những tội báo này, những việc này, cúng dường bốn trăm ức Phật, nói với chư vị chỉ cúng dường bốn vị Phật thì họ chắc chắn thành Phật rồi, [bởi vậy] mới biết chúng ta khởi ác niệm, tạo ác nghiệp quá dễ dàng. Tại sao lại làm những chuyện này? Trong A Lại Da thức chứa đựng hạt giống nghiệp tập từ vô lượng kiếp qua, bên ngoài gặp một việc có chút xú gì không vừa ý, một niệm ác bèn khởi lên, họ sẽ làm chuyện hủy báng này nữa. Tạo những tội nặng này thì có lý nào không đọa địa ngục cho được?

Nếu muốn không đọa địa ngục cũng được! Hãy mau sám hối, thừa dịp này bạn vẫn còn một hơi thở chưa dứt thì cũng còn kịp. Sám hối chỉ có cầu A Di Đà Phật, tu pháp sám hối vãng sanh, lập tức sửa sai đổi mới, lúc trước hủy báng, bây giờ dốc hết sức lực tán thán, được vậy mới có thể quay về. Lúc trước chướng ngại người khác tu học, hiện nay tìm mọi cách khuyên người ta tu học. Lúc trước chướng ngại họ, hiện nay tìm họ để cầu sám hối: “Lúc trước tôi sai rồi”. Hiện nay gấp rút hết lòng nỗ lực tu học, như vậy mới được, bạn mới có thể cứu vãn. Nếu chướng ngại người ta quá lớn thì chuyện phiền phức sẽ lớn. Do đó đoạn kinh văn này chúng ta muôn vàn không thể lơ là, không để ý, phải thường thường ghi nhớ trong tâm, tuyệt đối không thể gây ra nhân duyên chướng đạo. Xem tiếp kinh văn:

Thị cố Phổ Quảng, cơ hủy tha nhân cúng dường, thượng hoạch thử báo, hà huống biệt sanh ác kiến hủy diệt.

是故普廣。譏毀他人供養尚獲此報。何況別生惡見毀滅。

(Cho nên, Phổ Quảng, khinh chê sự cúng dường của người khác còn mắc phải tội báo như thế, huống chi tự sanh ác kiến hủy diệt.)

Đây là nói mức nhẹ, chỉ là chướng ngại người khác tu cúng dường còn bị quả báo nặng như vậy. Nếu thêm ác ý, tâm sân khuể, tâm ác để hủy diệt Phật pháp, tội đó còn nặng nữa. Đoạn này nói về quả báo của việc cơ hủy Tam Bảo. Xem tiếp đoạn sau, đoạn này nói về việc sanh bệnh. Bệnh kéo dài lây lất hoài là một sự đau khổ, chúng ta thấy rất nhiều trong xã hội.

Phục thứ Phổ Quảng, nhược vị lai thế hữu nam tử nữ nhân, cứu xứ sàng chẩn, cầu sanh cầu tử liễu bất khả đắc.

復次普廣。若未來世有男子女人。久處床枕。求生求死了不可得。

(Lại nữa, này Phổ Quảng, nếu trong đời sau có người nam hay người nữ nằm liệt mãi trên giường gối, cầu sống hay cầu chết đều không được.)

Đây là một việc.

Hoặc dạ mộng ác quỷ nữi cập gia thân.

或夜夢惡鬼乃及家親。

(Hoặc đêm mộng thấy ác quỷ cho đến kẻ thân thích trong nhà.)

Đây là việc thứ nhì. Ban đêm thường bị ác mộng, đây chẳng phải là chuyện tốt, cũng rất đau khổ.

Hoặc du hiểm đạo, hoặc đa yểm mị, cộng quỷ thần du.

或遊險道。或多魘寐。共鬼神遊。

(Hoặc đi trên đường hiểm, hoặc nhiều lần bị bóng đè, hoặc cùng quỷ thần dạo chơi.)

Đây là việc thứ ba, những câu sau đây là tổng kết.

Nhật nguyệt tuế thâm, chuyển phục uông sái, miên trung khiêu khổ, thảm thê bất lạc giả.

日月歲深。轉復尪瘵。眠中叫苦。慘悽不樂者。

(Trải qua nhiều ngày nhiều tháng nhiều năm, trở nên gầy mòn, lao sái; trong giấc ngủ kêu gào khổ sở, thê thảm không vui.)

Đây là trạng huống bệnh lâu ngày. Loại thứ nhất ngày nay chúng ta gọi là bệnh già, danh từ ngày nay gọi là bệnh mất trí nhớ vì tuổi già, nếu nghiêm trọng thì người ta gọi là người thực vật. Kẻ ấy còn thở thoi thóp, đích thật là cầu sống không được, cầu chết cũng không xong, chúng tôi đã gặp rất nhiều. Nằm trên giường bảy, tám năm, mười mấy năm, người cả nhà phải chăm sóc. Phần nhiều người bị bệnh này đều tương đối giàu có, đến tuổi già bị bệnh này. Tiền thuốc men phải tốn kém rất nhiều, ngày đêm ba ca y tá chăm sóc, [đây là] bệnh phú quý. Tôi đã từng gặp đồng tu, người nhà của họ bị bệnh này hết bảy, tám năm, đã

đến mức chẳng hay biết gì cả, gia quyến con cháu trong nhà đều chẳng nhận ra. Hỏi người ấy: “Cha biết con là ai không?”. “Con là ai?”, ông ấy đều chẳng nhận ra. Người nhà lại hỏi tôi: “Bệnh giống như vậy cầu Phật, Bồ Tát được không?”. “Được, có lợi ích, nhưng phải hỏi bạn chịu tin hay không?”. Tại sao người ấy không chịu ra đi? Ngạn ngữ thường nói: “Lộc hết người mất”¹³², người ấy là người mất nhưng lộc chưa hết. Nói cách khác, phước báo của kẻ ấy chưa hưởng hết; hoặc là thọ mạng đã đến nhưng phước báo chưa hưởng hết. Vậy thì phải làm sao? Chỉ còn cách nằm trên giường hưởng.

Nếu hiểu được đạo lý này, một năm người ấy phải tốn bao nhiêu tiền thuốc men, bạn đem số tiền ấy đi làm phước, quyên tặng tiền ấy để làm phước. Nếu kẻ ấy còn thọ mạng thì sẽ từ từ khôi phục sức khỏe, hết bệnh; nếu thọ mạng đã đến thì sẽ qua đời. Kẻ ấy qua đời xong sẽ sanh đến cõi lành, vì tích phước lớn. Nếu bạn không tin, bạn sợ người ta gạt tiền của bạn, thì thôi bạn cứ mướn y tá từ từ tiêu hết số tiền ấy. Chúng tôi nhìn thấy rất rõ ràng, hiểu được đạo lý này. Nếu bạn muốn khỏe mạnh sống lâu, muốn giảm bớt bệnh tật, bạn nên nghĩ coi bạn sanh bệnh đại khái phải xài hết bao nhiêu tiền, bạn đem hết món tiền ấy đi làm phước, đem tặng cho những người bị bệnh khổ, tặng làm tiền thuốc men cho những người nghèo ấy thì bạn sẽ chẳng sanh bệnh. Tiền thuốc men chữa trị cho bạn đã chẳng còn nữa, đã tặng cho người khác, người ta sanh bệnh thay bạn nên bạn sẽ chẳng sanh bệnh. Có rất nhiều người đều để dành một số tiền, chuẩn bị đến già trị bệnh nên họ làm sao chẳng sanh bệnh cho được? Họ đã dành dụm sẵn một số tiền, tiền thuốc men càng nhiều, thời gian bị bệnh càng dài, bệnh càng nặng, chẳng phải là đạo lý như vậy hay sao? Cho nên tôi thường khuyên người ta, mỗi năm nên đem tiền thuốc men đi làm phước.

Lúc trước trong các buổi giảng tôi khuyên người tu phước nên làm ba việc: In kinh, nhất định sẽ là chuyện tốt, chẳng có tác dụng phụ, chẳng bị tệ hại; thứ hai là giúp kẻ bị bệnh khổ; thứ ba là phóng sanh, đây là việc tôi cực lực đề xướng. Ăn chay, phóng sanh, tôi cũng tu sám hối, lúc trẻ tuổi ham thích săn bắn, sát sanh quá nặng, nghiệp sát sanh quá nặng, sau khi học Phật mới biết rõ, đặc biệt là đọc kinh Địa Tạng, biết quả báo của nghiệp sát sanh quá nặng, cho nên đọc kinh này xong liền chẳng dám ăn thịt nữa. Không những chọn ăn chay mà còn dốc hết sức, hết lòng để phóng sanh, tu pháp sám hối. Ba việc này tuyệt đối là việc

¹³² Lộc tận nhân vong.

tốt, nhất định sẽ chẳng có ảnh hưởng xấu ác. Nếu nói chúng ta xây một ngôi chùa không nhất định là việc tốt; nếu chùa xây xong, những người trụ trong ấy, tại gia, xuất gia, tứ chúng đệ tử đều tu hành đúng như pháp, chân chánh là một đạo tràng tốt, thì công đức ấy vô lượng. Nếu đạo tràng xây xong, tứ chúng đệ tử mỗi ngày đều đánh lộn, tranh danh đoạt lợi, bạn xây đạo tràng như vậy là tạo tội nghiệp. Bạn dẫn những người ấy đọa địa ngục, đâu có lý nào bạn chẳng đọa địa ngục cho được? Nên chuyện đó chưa chắc là phước, cả đời tôi chẳng dám đề xướng. Nếu gặp đạo tràng chánh pháp, phước đức cúng dường sẽ vô lượng vô biên. Trong đời tôi rất ít gặp đạo tràng chánh pháp.

Lúc trước tôi chỉ thấy núi Đại Dục, chùa Bảo Liên trên núi Đại Dục, ở Hương Cảng, đạo tràng của pháp sư Thánh Nhất. Năm 1977 thầy mời tôi đến thăm, thiền đường mỗi ngày tọa hương¹³³ theo quy củ, lúc đó có bốn mươi mấy người, vẫn có thể duy trì đạo phong ấy, rất khó được! Cả đời tôi gặp được một chỗ, làm thực sự, làm mỗi ngày. Ngày nay chúng ta ở đây, Cư Sĩ Lâm là một đạo tràng chánh pháp, thật chẳng nghĩ tới. Tôi ở Đài Loan nhiều năm, xây dựng Thư Viện, tôi chẳng dám nói Thư Viện là đạo tràng chánh pháp, chẳng dám nói. Thư Viện làm sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh, đích thật chúng tôi tận tâm tận lực đi làm. Nhưng nói đến tu đạo, chúng tôi chẳng làm chân chánh, trong ấy có nhiều chương duyên, chúng tôi thực sự muốn làm, lúc làm thì có chương ngại, duyên chẳng thành thực. Còn chúng sanh tại địa phương này, thời tiết nhân duyên thành thực, chân chánh được chư Phật hộ niệm, Bồ Tát lãnh đạo, nên mới có thể thành tựu đạo tràng chánh pháp, thật chẳng dễ! Trong kinh nói “*Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ*”, thời đại này có được một đạo tràng như vậy, thực sự là vô cùng hiếm hoi, hy hữu! Ngày nay chúng ta trồng phước, đương nhiên đây là ruộng phước thực sự. Do đó hết thầy đại chúng cúng dường cho tôi, tôi đem hết số ấy gởi qua bên đó, phước điền thù thắng hiếm có, bạn cúng dường tôi, tôi thay thế bạn trồng phước điền. Bạn cúng dường tôi chẳng có phước, bạn cúng dường đạo tràng này thì phước báo chẳng cùng tận, một đồng, một cắc đều có công đức chân thật, phước báo vô biên.

Đạo tràng phải coi trong ấy có Đạo hay không, thực sự có đạo phong, học phong (phong cách tu học) thì đó là đạo tràng chân chánh, chúng ta phải dốc toàn tâm toàn lực để hộ trì, cúng dường, đời sau chúng ta được đại phước báo, phước điền này chẳng trồng sai chỗ. Nếu đạo

¹³³ tọa hương là ngồi thiền, do trong các tông lâm khi trước, mỗi khóa ngồi thiền phải ngồi hết một cây hương (tức là khoảng 45 phút) nên gọi là tọa hương.

tràng ấy là nơi đấu tranh, chúng ta ra tiền, ra sức ở đó là tạo tội, chẳng phải trồng phước. Hồi xưa tôi ở Đài Loan giảng kinh tại một đạo tràng, ở đó giảng chẳng bao lâu, đại khái là hơn một tháng, người xuất gia trong ấy mỗi ngày đều cãi lộn. Vì sao cãi lộn? Tranh chức Chấp Sự. Đạo tràng ấy mới xây chẳng bao lâu, cỡ một hai năm, vị lão sư phụ cho đệ tử đi khắp nơi ở Đài Loan để quyên góp về xây đạo tràng. Sau khi xây xong, đương nhiên chẳng có ai giành địa vị của lão sư phụ, đệ tử của Ngài chẳng dám tranh. Họ lại tranh chức Đương Gia, Tri Khách, Giám Viện; họ nói tôi quyên được bao nhiêu tiền, tôi đáng làm chức đó, kẻ kia nói họ quyên được bao nhiêu tiền, đáng phải làm chức gì, mỗi ngày đều tranh cãi chẳng dứt, chẳng yên. Họ còn mời tôi đi giảng kinh, tôi về Đài Trung liền kể chuyện này cho thầy Lý, thầy Lý nói: “Thôi đi! Về đi, đừng đi nữa”. Tôi nói: “Kinh đó giảng mới nửa chừng thì sao?”. “Không sao!”, tôi bèn nghe lời thầy, kinh chưa giảng xong, đại khái giảng chừng một phần ba rồi ngưng. Thầy nói chẳng nên tới những chỗ thị phi như vậy. Những kẻ ra tiền, ra sức [xây dựng đạo tràng đó] chẳng trồng được phước điền, thực sự gọi là tạo nghiệp. Có lúc thầy Lý giảng kinh cũng nhắc chúng tôi, thầy nói mọi người đồng tâm đồng sức cùng nhau đi khắp nơi quyên tiền xây đạo tràng thì lúc đó là Bồ Tát, khuyên người ta tu phước, đạo tràng xây xong thì biến thành La Sát, tranh quyền đoạt lợi.

Chúng tôi đã gặp hiện tượng này quá nhiều, cho nên nghĩ đến đại sư Ấn Quang cả đời chẳng xây đạo tràng, cả đời chẳng nhận đệ tử xuất gia, chẳng truyền giới, tôi nghĩ rất có đạo lý. Lúc đó tôi chưa xuất gia, đọc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, được sự giáo huấn của thầy Lý nên tôi rất muốn học theo đại sư Ấn Quang. Cả đời tôi chẳng xây đạo tràng, nghĩ mình chẳng có phước, chẳng muốn tạo nghiệp, chẳng muốn thọ quả báo này, rất đáng sợ! Cả đời chẳng thọ nhận đệ tử xuất gia, quý vị hiện nay xuất gia chẳng phải theo tôi, mà theo Quán Trưởng xuất gia, Quán Trưởng thọ nhận, tôi chẳng thọ. Hàn Quán Trưởng thật là Y Chỉ Hòa Thượng của quý vị, cụ dùng danh nghĩa của tôi để xây đạo tràng, sau khi cụ vãng sanh, đương nhiên tôi không thể không chăm sóc sự tu học của quý vị, trên đạo nghĩa nhất định phải lo lắng, nhất định phải hiểu. Tôi chỉ truyền thọ Tam Quy, Ngũ Giới, những thứ khác tôi chẳng dám truyền thọ, sợ làm chẳng đúng như pháp thì phải thọ quả báo. Những Lý, Sự này chúng ta đều phải rõ ràng, minh bạch, nhất định phải hết lòng nỗ lực tu học, đời này quyết định cầu sanh Tịnh Độ. Chúng ta sẽ gặp những quả báo này. Bệnh người già si khờ, bạn có thể bảo đảm bạn sẽ chẳng bị không? Người xuất gia, lão hòa thượng lúc già bị bệnh si khờ, chúng ta

cũng thấy. Lần này tôi đến Hương Cảng, tôi hỏi lúc trước có một vị lão đồng tham là pháp sư Năng Từ, mỗi lần tôi đến Hương Cảng, thầy đều tiếp đãi tôi. Lần này đi tôi hỏi pháp sư Trí huệ (Trụ Trì chùa Bảo Liên), vì lúc trước pháp sư Năng Từ có trú tại liêu phòng chùa Bảo Liên. Tôi nói: “Lão pháp sư này còn ở đó không?”, nếu còn thì đã tám, chín chục tuổi rồi. Thầy ấy nói: “Vẫn còn, bây giờ thầy ấy bị chứng người già si khờ”. Thân thể cứng đờ, chẳng biết ăn cơm, phải có người đút, hiện nay trú tại một viện dưỡng lão, thật đáng thương! Thầy ấy trung niên xuất gia, bốn mươi mấy tuổi mới xuất gia. Hồi trước theo pháp sư Đàm Hư, lúc pháp sư Đàm Hư giảng kinh ở Hương Cảng, rất nhiều bài vở đều do thầy ấy ghi chép lại. Thông đạt kinh giáo, đến già cũng thật thà niệm Phật, tại sao lại bị bệnh này? Vọng tưởng quá nhiều. Thầy ấy là người tỉnh An Huy, kể ra là đồng hương với tôi, nên mỗi lần tôi đến đó thầy đều kiếm tôi. Tìm tôi làm gì? Để nói chuyện, nói những chuyện đời xưa, nói hoài chẳng hết. Tâm chẳng thanh tịnh, tôi khuyên thầy, thầy đều biết chẳng cần tôi khuyên, vừa nhắc là thầy biết liền, thầy làm sao không biết được? Chẳng buông xuống nổi, tập khí quá nặng, quá sâu. Những vị lão pháp sư bị bệnh này thật chẳng ít, tôi đã gặp qua, cũng rất hợp với tôi, nhưng lời nói dư thừa quá nhiều, bạn coi đâu có cách chi nữa? Thích nói, tại sao không đi giảng kinh? Không phải thầy ấy không thể giảng, có thể giảng có thể viết, nhưng chẳng chịu giảng, chẳng phát tâm giảng, nghiệp chướng chẳng tiêu nổi.

Nghiệp chướng của tôi cũng rất sâu nặng, nhưng nhờ giảng kinh nên được tiêu mất. Lúc tôi chẳng giảng kinh thì tôi rất ít nói, tôi chẳng biết nói chuyện, đặc biệt là những lời khách sáo, thù tạc tôi hoàn toàn chẳng biết. Đây chắc vì tôi từng trải đơn thuần, họ từng trải trong xã hội khá phong phú, tiếp xúc người, sự việc quá nhiều, còn tôi thì rất đơn thuần. Sau khi tốt nghiệp, công việc tôi làm là công việc văn phòng, mỗi ngày đều phải viết lách. Ngoài công việc ra tôi thích đọc sách, tôi cũng chẳng đi chơi, những chỗ vui chơi hầu như tôi chẳng bao giờ đi đến, do đó những chỗ tôi đến cũng rất đơn thuần, tôi thường đến một thư viện, một tiệm sách, ngoài ra rất ít đi những chỗ khác. Một số người tôi tiếp xúc đều là những giáo sư già có học vấn, có đức hạnh, tôi thích thân cận họ, đời sống của tôi rất đơn thuần. Sau khi xuất gia, có thể nói vừa xuất gia liền giảng kinh, dạy trong Phật học viện. Tôi xuất gia chưa được mấy ngày, Bá Thánh pháp sư liền mời tôi đi dạy ở Phật học viện. Lúc đi dạy phải chuẩn bị tài liệu giảng dạy, giống như các bạn bây giờ, đâu có thời giờ để suy nghĩ lung tung. Giảng kinh dạy học cả đời nên rất đơn thuần,

những chuyện thù tạc chẳng có nhiều như kẻ khác nên vọng tưởng ít, vọng niệm ít, nói chuyện tầm phào cũng ít, như vậy mới chuyển được nghiệp chướng của mình.

“Hoặc đêm mộng thấy ác quỷ cho đến kẻ thân thích trong nhà, hoặc đi trên đường hiểm, hoặc nhiều lần bị bóng đè, hoặc cùng quỷ thần dạo chơi”, [việc nói trong] đoạn này tôi cũng từng trải qua, lúc trước thường có. Đặc biệt là gặp yểm quỷ, bị bóng đè tức là gặp yểm quỷ, yểm quỷ cũng là một trong bát bộ quỷ thần, chúng ta thấy trong kinh. Khi bị bóng đè trong tâm rất rõ ràng, toàn thân chẳng thể nhúc nhích, lúc trước thường bị. Đặc biệt là nhà mình ở, phần đông người ta gọi là chẳng sạch sẽ, trong nhà có quỷ. Gặp những chuyện này, hơn phân nửa là vì vận của mình kém một chút, người gặp vận may thì những quỷ thần này chẳng dám phá kẻ ấy, quỷ thần lánh xa; khi vận bạn sa sút thì quỷ thần sẽ hiệp đáp bạn. Khi bị bóng đè liền biết, biết vận mình chẳng tốt, bị họ hiệp đáp. Sau khi học Phật thì những chuyện này từ từ giảm bớt, đại khái mười năm đầu học Phật vẫn còn, sau mười năm đầu thì chẳng còn nữa. Cho nên tu học đích thật có hiệu quả, muốn biết bạn có tiến bộ không, công phu đặc lực không, hãy so sánh với lúc bạn chưa học Phật, hoặc lúc vừa mới học Phật liền biết được. Lúc trước có nhiều ác mộng, lúc nằm mộng thì rất tán loạn, sau này tuy có nằm mộng nhưng mộng rất tỉnh táo, trong mộng cũng giống như sinh hoạt thường ngày, vậy là có tiến bộ rất nhiều. Nếu thường mộng thấy Phật, Bồ Tát, chúng tôi giảng kinh thuyết pháp thường mộng thấy giảng kinh thuyết pháp, đây là chuyện tốt, có thể nhìn thấy tự mình tu học công phu được đặc lực.

Phần cuối là nói về bệnh khổ. Đoạn này trong chú giải pháp sư Thanh Liên cũng nói rất cặn kẽ, Ngài nói trong Phật Thuyết Y Kinh có nói bốn bệnh của con người là địa, thủy, hỏa, phong, chúng ta thường nói là tứ đại chẳng điều hòa. Nói đến chỗ này, con người ăn ngũ cốc, đủ loại lương thực, làm sao không sanh bệnh cho được? Phía trước tôi đã báo cáo với các vị đồng tu, nguồn gốc thứ nhất của bệnh tật là ăn uống. Ăn uống là sinh hoạt vật chất của chúng ta, sơ ý, không để ý bị nhiễm những tật bệnh này, đây là loại thứ nhất. Thứ nhì là oan gia trái chủ, như trong kinh này nói mộng thấy ác quỷ, người nhà thân quyến; thân quyến là những người đã mất. Hoặc mộng thấy chỗ nguy hiểm, mộng thấy bị bóng đè, những thứ này đều liên quan đến oán thân chủ nợ. Phạm có hiện tượng này, chúng ta phải hết lòng nỗ lực, đoạn dứt ác tu thiện, sửa sai đổi mới, thật thà niệm Phật, tại sao? Gặp những chuyện này là vận khí của chúng ta suy thoái, không hưng vượng, nếu bạn có vận may, khí

vượng, thì những ác quỷ, ác thần này cũng tránh xa. Dù lúc trước có chuyện xích mích, lúc đó họ cũng chẳng dám đến gây phiền phức cho bạn, họ sẽ lánh xa, đợi đến lúc vận của bạn suy thoái thì họ sẽ đến. Cho nên khi gặp những chuyện này phải biết lúc đó khí vận của mình rất suy thoái, nhất định phải nỗ lực tu học cho đàng hoàng. Thứ ba là bệnh nghiệp chướng, phía trước có nói: Nằm liệt mãi trên giường gối, cầu sống, cầu chết cũng chẳng thể được, đây là bệnh nghiệp chướng. Chẳng có cách gì hết, thuốc men bác sĩ cũng chẳng giúp gì được, siêu độ, tiêu tai miễn nạn cũng chẳng được, tiêu chẳng nổi. Nhờ sức lực của người khác tiêu không nổi, nhờ tự mình sám hối, sức mạnh của sự sám hối này rất lớn, rất lớn! Chúng sanh tạo ác nghiệp, đây là nguồn gốc thực sự của bệnh tật. Phật, Bồ Tát, A La Hán chẳng tạo ác nghiệp, đây là lý do các Ngài chẳng sanh bệnh, đạo lý là như vậy. Lúc Phật, Bồ Tát sanh bệnh chỉ là thị hiện, đó là hoằng pháp, giống như cư sĩ Duy Ma thị hiện bị bệnh, đó chỉ vì hoằng pháp lợi sanh, thực sự Ngài chẳng bị bệnh. Ngài chẳng thể sanh bệnh, Ngài chẳng có lý do gì để sanh bệnh. Hết thấy chúng sanh khởi tâm động niệm, những ý niệm nhỏ bé thì tự mình chẳng biết, sau khi chúng ta học Phật, đọc kinh mới biết chuyện này. Một niệm càng nhỏ, càng yếu ớt, nếu một niệm ấy chẳng thiện thì sẽ ảnh hưởng đến sinh hoạt vật lý trong thân thể, nếu là một niệm cực ác sẽ thay đổi thể chất. Hiện nay nhà khoa học, các bác sĩ hiện đại cũng dần dần hiểu được đạo lý này, cho nên người có tâm lý khỏe mạnh, tâm tình ổn định, tâm tình vui đẹp, dù bị bệnh rất nặng thân thể người ấy cũng rất dễ khôi phục. Một số người cho rằng đây là kỳ tích, thật ra đó đâu phải là kỳ tích, là có đạo lý đấy.

Mọi người đều biết cư sĩ Lý Mộc Nguyên, đây là một thí dụ rất đúng [với đạo lý này]. Mười năm trước ông bị ung thư, hiện nay những hồ sơ bệnh lý vẫn còn. Hình như ông chụp hết ba mươi mấy tấm quang tuyến X, ông có cho tôi xem qua. Chỗ nào trong ngũ tạng lục phủ cũng có tế bào ung thư, bác sĩ nói thọ mạng ông chỉ còn có ba tháng, tối đa là sáu tháng, thật chẳng còn cách gì chữa khỏi. Ông có thể buông xuống vận duyên, dặn dò hậu sự xong xuôi, nhất tâm niệm Phật, chẳng đi khám bác sĩ, cũng chẳng uống thuốc, chỉ đợi vãng sanh. Tâm lý của ông khỏe mạnh, tâm tình ổn định, dùng sức mạnh này để tiêu diệt tế bào ung thư, dùng sức mạnh này khôi phục thân thể bình thường. Bác sĩ nói đây là một kỳ tích, chúng tôi chẳng coi là kỳ tích, rất bình thường, một niệm có thể thay đổi sinh hoạt vật lý của một người. Nói thật ra, người bị bệnh ung thư không đến nỗi chết, vì sao họ chết? Vì sợ quá mới chết. Tôi nói

như vậy cũng rất có đạo lý, bạn biết đây chẳng phải là lời nói dối, họ đều sợ đến chết, bạn nói như vậy oan uổng hay không? Thế nên tật bệnh chẳng thể làm chết người, người chết đều là do sợ quá nên mới chết. Tự mình cảm thấy rất sợ hãi, mỗi ngày đều sợ sệt, mỗi ngày đều sợ chết, mỗi ngày cứ nghĩ tới cái chết thì làm sao không chết cho được? Đương nhiên họ sẽ chết.

Chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý, biết làm thế nào có thể khắc phục bệnh khổ, bệnh chắc chắn là nghiệp chướng, khi nghiệp chướng khởi lên thì phải biết làm cách nào tiêu trừ nghiệp chướng. Phương pháp tốt nhất để tiêu trừ nghiệp chướng là đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức, nhất tâm hướng về Phật. Phật là chí thiện, hết thảy thiện pháp thế gian và xuất thế gian chẳng có gì thiện hơn Phật, niệm Phật là việc thiện lành hạng nhất. Niệm Phật đích thật có thể giải quyết hết thảy vấn đề, tại sao không niệm? Nếu nói niệm Phật là mê tín, phía trước nói bạn tạo nghiệp rất nặng. Mê tín niệm Phật cũng sẽ được phước, huống chi bạn có thể chánh tín, hiểu rõ, biết rõ lợi ích của sự niệm Phật, ngay bây giờ bạn sẽ được. Mê tín, thực sự đã chấp mê rồi, kẻ ấy hiện tại cũng được phước. Vì họ có thể y giáo phụng hành, họ cũng có thể đoạn ác tu thiện, họ chẳng hiểu đạo lý này, nhưng họ chịu làm, chịu làm thì sẽ được phước. Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Phía sau giải thích:

Thử giai thị nghiệp đạo luận đối vị định khinh trọng, hoặc nan xả thọ, hoặc bất đắc dĩ. Nam nữ tục nhân bất biện thị sự.

此皆是業道論對未定輕重。或難捨壽。或不得愈。男女俗眼不辨是事。

(Đây đều là do nơi nghiệp đạo còn đang luận đối, chưa quyết định là khinh hay trọng, nên hoặc là khó chết, hoặc là khó lành. Mắt phàm tục của kẻ nam, người nữ không thể biện rõ việc đó.)

Ở đây đức Phật nói với chúng ta, đây là nói rõ loại bệnh nghiệp chướng thứ nhất. Nằm liệt trên giường gối, cầu sống chẳng được cầu chết cũng không xong, là do nguyên nhân gì? Có tới mấy loại nguyên nhân. Một loại là oán gia chủ nợ của họ lúc đó thừa kiện với Diêm La Vương, họ đến đó biện luận, sự việc này còn chưa định án, nên bệnh này của họ chẳng thấy khỏe hơn, đây là một loại, đích thật có. Loại thứ nhì “*hoặc khó chết*”, tức là việc tôi vừa nói kẻ ấy còn phước báo, chưa hưởng hết, phước báo của họ chẳng chịu xả, nếu họ chịu xả thì vấn đề sẽ được giải quyết nhưng họ chẳng chịu xả. Vẫn còn muốn hưởng phước

tiếp nên chỉ còn cách nằm trên giường bệnh mà hưởng, họ chẳng chịu xả, chẳng buông xuống nổi, đây là một loại. Loại thứ ba là “*hoặc là khó lành*”, trong loại này nhất định có một số nguyên nhân sai khác, bệnh của họ chẳng lành nhưng cũng chẳng chết được. Người thế gian chúng ta thấy hiện tượng này nhưng không hiểu rõ nguyên nhân thực sự là gì, đây cũng là nghiệp báo và oán gia trái chủ đòi nợ, trả nợ, chiêu cảm những duyên nghiệp này nên mới có những chuyện như trên phát sanh. Người thế gian chẳng có thiên nhãn, chẳng có túc mạng thông, chẳng biết chân tướng sự thật, nhưng có một nguyên tắc: Chỉ cần bạn tu phước là được. Tuy hết thấy những nguyên nhân gây bệnh này chẳng giống nhau, bạn tu phước chắc chắn sẽ có lợi ích. Phía sau là lời dạy chúng ta:

Đản đương đối chư Phật Bồ Tát tượng tiền, cao thanh chuyển độc thử kinh nhất biến.

但當對諸佛菩薩像前。高聲轉讀此經一遍。

(Chỉ nên đối trước tượng của chư Phật, Bồ Tát lớn tiếng đọc tụng kinh này một biến.)

Đây là dạy cho chúng ta phương pháp, trong Khoa Chú gọi là “*Tu phước thoát tội*”. Đọc kinh có hiệu quả không? Chúng tôi đã gặp việc này, người nhà quyền thuộc của ông nợ lớn tiếng đọc kinh này trước [hình tượng] Phật, Bồ Tát coi có hiệu quả gì không? Kết quả là chẳng hiệu quả. Đừng nói đọc một lần, đọc mười lần, đọc một trăm lần, đọc một ngàn lần đều chẳng có hiệu quả. Mấu chốt quan trọng ở chỗ nào? Mấu chốt ở phương pháp đọc kinh, dùng tâm chân thành cung kính mà đọc, khi đọc kinh mà vẫn còn khởi vọng tưởng thì không được, chẳng có hiệu quả. Lần trước tôi kể cho quý vị chuyện của Thích Kế Quang không phải là rất rõ rồi sao. [Ông Quang] đọc kinh Kim Cang, kinh này rất ngắn, chỉ có năm ngàn mấy chữ, trong lúc đọc kinh có một chút xen tạp bèn chẳng có hiệu quả. Kinh dài như vậy, đọc một bộ nhưng có khởi lên một vọng niệm thì chẳng có hiệu quả nữa. Cho nên mở kinh ra đọc từ câu “*Như thị ngã văn*” cho đến “*tín thọ phụng hành*” đọc một lượt chẳng có một vọng tưởng nào cả thì mới có hiệu quả. Người thế gian vẽ bùa, ở Trung Quốc rất thịnh hành, bùa vẽ xong rất linh. Niệm chú, chú cũng rất linh. Linh ở chỗ nào? Linh ở chỗ Thành. Tâm chân thành vẽ bùa ấy, người vẽ bùa biết, khi đặt bút vẽ một lá bùa thì chẳng sanh một niệm nào cả, tuyệt chẳng sanh một niệm thì lá bùa ấy sẽ linh. Lúc thường phải luyện tập, [tập] vẽ thật rành, đến lúc vẽ thực sự thì chẳng thể khởi lên

một niệm, nếu khởi một niệm lên thì bùa ấy sẽ chẳng linh. Niệm chú cũng vậy, lúc niệm Chú Đại Bi có thể trị hết thầy bệnh, tại sao? Lúc niệm chú thì một niệm chẳng sanh. Đọc kinh cũng vậy, bộ kinh này đọc lên thì chẳng khởi lên một vọng niệm nào hết, đọc kinh như vậy sẽ linh, có ích lợi. Vừa đọc kinh, vừa khởi vọng tưởng thì làm sao được? Vậy thì chẳng linh, mấu chốt quan trọng ở chỗ này.

Nếu bạn hỏi tại sao người ta đọc bộ kinh này cho người ấy thì người ấy được lợi ích? Bạn suy nghĩ về trường hợp của cô Bà La Môn, cô Quang Mục đã được nói trong phần trước thì bạn sẽ hiểu. Người ấy được một phần bảy lợi ích, còn người đọc kinh sẽ được sáu phần bảy. Nếu chẳng vì người sanh bệnh thì kẻ ấy sẽ chẳng đọc kinh, sẽ chẳng chuyên tâm mà đọc, đạo lý là như vậy. Do vì nhân duyên người ấy sanh bệnh nên thành tựu cho công đức đọc kinh của bạn, họ được một phần, bạn đọc hai bộ thì họ được hai phần. Cho nên gặp con cái có hiếu thuận, gia thân quyến thuộc có hiếu, thì có thể tu hành theo phương pháp này, đạt được công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn, đây là công đức lợi ích thù thắng nhất, đoạn kinh tiếp theo nói đến những công đức thua kém hơn. Một người trong một đời này có thể có mấy lúc chuyên tâm để đọc kinh, hy hữu khó gặp, đọc kinh như vậy là tự tánh quang minh hiển lộ. Thí dụ chúng ta trong vô minh đen tối, thời gian quá dài quá lâu rồi, niệm bộ kinh này giống như xẹt điện phóng ra một lần ánh sáng, trong vòng trăm ngàn năm hiếm có được một lần phóng ánh sáng, lần này được xẹt một luồng ánh sáng. Ánh quang minh lần này thật hiếm có, có một lần này thì sẽ có lần thứ nhì, có lần nhì thì sẽ có lần thứ ba.

Giống như Niệm Phật Đường hiện nay của chúng ta, mọi người đến đây niệm Phật một ngày, hoặc niệm một giờ, hai giờ, bạn sẽ cảm thấy khí phận ở Niệm Phật Đường rất đặc biệt, ở đó bạn dễ nhiếp tâm hơn. Cả đời bạn hiếm khi gặp được một, hai lần, bạn đích thân cảm nhận, tự mình thể nghiệm. Lúc thường chúng tôi giảng cho bạn nghe rất khó, bạn chẳng dễ thấu hiểu được. Bạn đích thân đến đây niệm vài ngày thì sẽ hiểu, sẽ cảm nhận được, đây là lợi ích chân thật. Bạn cảm nhận được thì bạn sẽ muốn thường đến niệm Phật, sẽ khơi dậy tâm niệm Phật của bạn, khởi lên hứng thú niệm Phật của bạn. Do đó công đức của Niệm Phật Đường sẽ rất lớn, đạo lý là như vậy, nói toạc ra thì cũng chỉ có một đạo lý mà thôi. Niệm Phật nhất định cũng phải dùng tâm chân thành mà niệm, chúng tôi thường nói: Không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, nhất định niệm đến khi tâm thanh tịnh của bạn khơi dậy, tâm thanh tịnh là chân tâm, vọng niệm mất hết, chân tâm hiện tiền, công đức ở chỗ

này. Trong kinh đức Phật nói: Giữ tâm một chỗ, chẳng có chuyện gì không làm được¹³⁴. Đây là khi bạn niệm bộ kinh này, niệm cả bộ kinh thì cũng phải một tiếng rưỡi đến hai tiếng đồng hồ, trong thời gian này bạn giữ tâm một chỗ nên có thể sanh lên hiệu quả lớn như vậy, đây là công đức hạng nhất. Đây là chính, phía dưới là phụ, là trợ duyên.

Hoặc thủ bệnh nhân khả ái chi vật, hoặc y phục bảo bối, trang viên xá trạch.

或取病人可愛之物。或衣服寶貝。莊園舍宅。

(Hoặc lấy những vật ưa thích của người bệnh, hoặc y phục, đồ quý báu, vườn tược nhà cửa.)

Đây là những vật của người bệnh, chẳng kể là nhiều hay ít, nhất định phải dùng để tu phước.

Đối bệnh nhân tiền cao thanh xướng ngôn.

對病人前高聲唱言。

(Đối trước người bệnh mà lớn tiếng xướng lên.)

Tu phước giùm phải cho người ấy biết. Đặc biệt là lúc người đang lúc lâm chung, nếu đầu óc họ còn tỉnh táo thì phải nhắc họ trong đời họ đã làm được bao nhiêu chuyện tốt. Lúc đó làm cho họ sanh tâm hoan hỷ, nhắc cho họ nhớ họ đã tu nhiều phước, sau khi mất đi họ sẽ sanh đến cõi tốt lành. Lời nhắc nhở này, phần nhiều gọi là khai thị, vô cùng quan trọng! Đừng nhắc đến những tội lỗi họ đã làm trong đời, nhắc những chuyện lỗi lầm trong giờ phút ấy thì họ sẽ sanh vào ác đạo, phải nhắc họ đã làm những chuyện tốt gì, những công đức gì. Cho nên lúc này nếu họ chưa tu phước, người thân trong nhà nên thay họ tu phước, phải nói cho họ biết.

Ngã mỗ giáp đẳng vị thị bệnh nhân, đối kinh tượng tiền xả chư đẳng vật, hoặc cúng dường kinh tượng, hoặc tạo Phật Bồ Tát hình tượng, hoặc tạo tháp tự, hoặc nhiên đu đăng, hoặc thí thường trụ.

我某甲等為是病人。對經像前捨諸等物。或供養經像。或造佛菩薩形像。或造塔寺。或然油燈。或施常住。

¹³⁴ Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện

(Chúng con, tên đó họ đó, xin vì người bệnh này mà đối trước kinh, tượng, thí xả những vật này để cúng dường kinh tượng, hoặc tạo hình tượng Phật, Bồ Tát, hoặc xây dựng chùa tháp, hoặc cúng dầu thắp đèn, hoặc cúng vào Thường Trụ.)

Coi tài vật của họ bao nhiêu, coi nhân duyên lúc đó, những chuyện này đều có thể làm, đều tu phước trong Tam Bảo, đây chẳng phải mê tín. Tu phước đức này, đây là việc người thế gian chẳng biết, người thế gian cứ cho rằng lấy tiền đi làm việc từ thiện cứu tế, giúp những người nghèo khổ, công đức đó lớn, chẳng biết tu phước trong Tam Bảo rất thù thắng. Nói thật ra, ngày nay chúng ta, [thường nghe nói] người xuất gia, các hòa thượng quý vị đều gạt người, họ chẳng tin tưởng, cho nên việc này rất khó, rất khó. Nói lời thật họ chẳng tin, nói lời giả dối thì họ tin. Đây là lúc khẩn cấp, cả đời này chẳng có lúc nào quan trọng bằng lúc này, lúc này nếu đem tiền tài của họ đi làm việc cứu tế, làm những việc từ thiện thì được phước ít, đó là thật chẳng giả, phước báo nhỏ nhoi, chẳng thể chuyển nghiệp của họ. Tu phước trong Tam Bảo, hiển một đóa hoa, đốt một ngọn đèn, thực sự tiêu nghiệp chướng, thực sự được vô lượng phước. Tại sao hiện nay tu phước trong Tam Bảo chẳng rõ ràng? Chẳng có cảm ứng rõ ràng như được ghi chép lại hồi xưa. Chẳng phải là không có đạo lý, đạo tràng đời xưa thực sự có người tu hành trong ấy, nên có cảm ứng rất rõ ràng. Hiện nay có rất nhiều đạo tràng chẳng đúng như pháp, những người trú trong đạo tràng tu học chẳng đúng như pháp, họ còn tạo thị phi, nhân ngã hằng ngày, vẫn tạo tham-sân-si-mạn, cho nên tu phước ở chỗ đó không phải là không có phước, phước chẳng rõ ràng, chẳng hiện ra, nói cách khác, đời này chẳng được phước, đạo lý là như vậy. Nếu đạo tràng này chân chánh có người tu đạo, tu đạo tiện lợi nhất là có người niệm Phật chân chánh. Người niệm Phật này là người như thế nào? Hết thấy thân tâm thế giới đều thực sự buông xuống, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Có một người như vậy, bạn tu phước ở đạo tràng đó thì công đức sẽ thù thắng vô cùng. Vì người này tương lai nhất định sẽ vãng sanh, vãng sanh sẽ thành Phật, bạn ở đó thắp một cây nhang, đốt một ngọn đèn đều có công đức chân thật, bạn thực sự cúng Phật. Do đó việc tu phước hiện nay, chúng ta phải nhận rõ ruộng phước, ruộng phước chân chánh sẽ được phước vô cùng rõ ràng, chúng ta hiểu được đạo lý này thì tốt lắm.

Ở đây nêu lên vài việc. Duyên tu phước trong Tam Bảo rất nhiều, rất rộng, nêu những thí dụ này là thường thấy nhất, mọi người đều hiểu

được. “*Cúng dường kinh tượng*”, kinh là kinh điển Phật, tượng là hình tượng Phật, Bồ Tát. Cúng dường kinh tượng, cúng dường như thế nào? Tài cúng dường và pháp cúng dường chẳng khác nhau, do đó tài cúng dường chính là pháp cúng dường. Giống chúng ta hiện nay in kinh, thời đại hiện nay ngoài việc in kinh ra, ngoài việc dùng kinh điển để hoằng pháp, chúng ta còn có băng âm, âm hình, CD, nhiều cách thức hơn thời xưa rất nhiều. Tiền bạc của chúng ta dùng trên những chuyện này, đều là cúng dường kinh tượng, kinh điển tượng Phật tùy theo khoa học kỹ thuật mà lưu thông. Như VCD hiện nay có hình ảnh, mạng lưới điện toán quốc tế sau này cũng có hình ảnh; người ta vừa mở màn ảnh lên thì thấy tượng Phật trước, sau đó mới coi đến bài giảng, nghe kinh, mạng lưới điện toán ấy có đầy đủ Tam Bảo. Khi bạn mở lên, nhìn thấy tượng bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật trước tiên, chúng ta tu Tịnh Độ thì sau đó nhìn thấy Tây Phương Tam Thánh, Liên Trì hải hội, chúng ta có ba bức hình, sau khi xem xong rồi mới bắt đầu giảng kinh. Như vậy tức là cúng dường kinh tượng.

“*Hoặc tạo hình tượng Phật, Bồ Tát*”. Chúng ta xây Niệm Phật Đường, trong ấy có cúng dường hình tượng Phật, Bồ Tát, cúng dường Tây Phương Tam Thánh. Có khả năng thì tự mình tạo một bức, phía trước đã nói, nặn đúc, khắc gỗ, bằng vàng, bạc, đồng, sắt đều được, dựa trên khả năng tiền bạc của mình. Nếu nhiều tiền, tạo tượng vàng, bạc, đồng, sắt sẽ có thể giữ được lâu dài. Còn tượng nặn đúc bằng đất sét, khắc gỗ chẳng giữ được lâu bằng tượng kim loại. Bạn truyền được càng lâu xa, sức ảnh hưởng càng lớn, công đức càng lớn, được phước là từ chỗ này mà nói. Tượng Phật trong thế gian là phẩm vật nghệ thuật cao độ, vàng bạc đồng sắt hợp lại thành hợp kim, thời xưa dùng cách này đúc tượng rất nhiều, là tượng tạo bằng hợp kim, thường là đồng nhiều nhất, trong đó cũng có bạc, vàng. Tạo tượng, phía trước đã nói bất luận hình tượng Bồ Tát lớn nhỏ, công đức đều giống nhau. Nếu đạo tràng này, trong đạo tràng quan trọng là mỗi ngày đều có giảng kinh thuyết pháp, làm cho những tín đồ đến đó đều hiểu được ý nghĩa tiêu biểu pháp của hình tượng Phật, Bồ Tát, họ được lợi ích nhiều nhất. Giống chúng ta cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát tiêu biểu cho hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng, nhìn thấy tượng này liền nghĩ đến mình phải hiếu thuận cha mẹ, nhắc nhở hiếu thuận cha mẹ, tôn sư trọng đạo, bạn nói công đức này bao lớn! Nếu chẳng có hình tượng này thì quên mất. Quán Thế Âm Bồ Tát tiêu biểu cho đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn; khi thấy chúng sanh khổ, bạn dùng tâm từ bi để giúp đỡ họ, hình tượng Phật,

Bồ Tát nhắc nhở bạn từng giờ, từng phút, công đức của hình tượng là như vậy. Nếu không hiểu ý nghĩa tiêu biểu pháp thì đó là mê tín. Mê tín cũng được, một khi lọt vào nhãn căn, vĩnh viễn là hạt giống đạo, trong A Lại Da thức có hình tượng của Phật, Bồ Tát, nhưng công đức lợi ích chân thật sẽ chẳng ở đời này. Lúc nào hiểu rõ thì công đức lợi ích ấy sẽ khởi lên, nếu họ không hiểu thì công đức lợi ích này sẽ vĩnh viễn chứa đựng trong A Lại Da thức, chủng tử ấy rất quý.

“*Tháp tự*”, khả năng tiền tài còn lớn hơn nữa. Tháp là nơi giữ xá lợi, chứa xá lợi Phật; Tự là nơi hoàng dương Phật pháp. Ý nghĩa của Tự chúng ta cũng phải hiểu rõ. Thời xưa chỗ làm việc của vua chúa gọi là Tự, dùng danh xưng này, do đó Tự là nơi làm việc. Ý nghĩa là gì? Ý nghĩa là tiếp nối chẳng gián đoạn, đời đời có thể truyền mãi về sau, Tự có ý nghĩa như vậy. Nói cách khác cơ quan này là một cơ cấu vĩnh cửu, chẳng phải lâm thời, phải truyền tông tiếp nối, đời đời truyền mãi về sau, cơ cấu vĩnh viễn, gọi là Tự. Cho nên Tự là nơi làm việc, hoàn toàn khác với Miếu, Miếu là để tế thần, tế quỷ thần, Tự là nơi làm việc. Hiện nay mọi người không hiểu ý nghĩa này, coi Tự như Miếu, hiện nay đọc đến, nhìn đến chữ này đều nghĩ sai hết, chẳng có cách gì cả, chúng ta không thể không sửa đổi. Do đó ngày nay đạo tràng chúng ta dùng danh từ Học Hội, dùng danh từ hiện đại, làm cho người ta nhìn thấy chẳng đến nỗi mê hoặc. Ngày nay chúng ta cũng dùng danh từ Tự, người ta vừa nhìn thì nghĩ đây là tôn giáo, vậy là mê tín. Chẳng hiểu ý nghĩa vốn có, do đó nhất định phải giảng kinh thuyết pháp, giảng kinh thuyết pháp thì nhất định phải lên lớp.

“*Hoặc đốt đèn dầu*”, đèn dầu tiêu biểu cho quang minh, nhất định phải hiểu ý nghĩa. Nhìn thấy đèn thì phải nghĩ tâm địa của mình phải quang minh, không những tâm địa phải quang minh, mà còn phải xả mình vì người. Đèn dầu là thiêu đốt chính mình soi sáng kẻ khác, đèn dầu tiêu biểu việc này. Cúng Phật cúng đèn dầu, chẳng phải Phật muốn có đèn, đèn là tiêu biểu pháp. Đèn dầu, đèn cây tiêu biểu pháp vô cùng rõ ràng, thiêu đốt chính mình, soi sáng kẻ khác. Vì xã hội, vì chúng sanh, xả mình vì người, chúng ta phải phục vụ, tận tâm tận lực đi làm, tuyệt chẳng cầu báo đáp. Nếu nói báo đáp thì bạn chẳng phải học Phật, bạn chẳng phải phục vụ chúng sanh, bạn mua bán giao dịch. Đây là Phật dạy chúng ta, nếu mỗi người đều có tâm nguyện này, đều có ý thức chung này, thì đương nhiên thế giới sẽ yên ổn lâu dài, tự nhiên sẽ hưng vượng phồn vinh, mọi người đều sinh sống hạnh phúc. Nếu ai nấy đều chẳng vì mình, đều vì đại chúng, vì xã hội, thế giới mới hòa bình, đẹp đẽ. Ai đi

làm? Phật, Bồ Tát dẫn đầu, chúng ta là đệ tử Phật làm theo. Do đó trong Phật pháp chẳng cho có ý tứ về Ta, đạo lý là gì? Ý tứ về Ta là ý tứ của lục đạo luân hồi, có ý tứ về Ta thì có ngã chấp, ngã chấp biến hiện ra cảnh giới lục đạo luân hồi. Vô ngã thì lục đạo luân hồi sẽ chẳng còn; có ngã (có Ta) thì có lục đạo luân hồi. Phật giáo là pháp chân thật, chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay mê đắm trong sanh tử lục đạo, Phật lay tỉnh chúng ta, dạy chúng ta phải giác ngộ. Chân chánh giác ngộ thì Ngã chẳng còn nữa, bạn mới có thể thoát lìa tam giới, lục đạo, chẳng còn Ta nữa.

Cho nên tôi khuyên mọi người, đừng có Ta, chúng ta sống trên thế giới này để làm gì? Để diễn kịch. Diễn cách nào? Kinh điển chính là kịch bản, y theo kịch bản mà diễn thì sẽ chẳng có ý niệm về Ta. Chiếu theo kịch bản, kịch bản dạy chúng ta làm như thế nào, hoàn toàn y theo kịch bản để diễn kịch. Hết thầy kinh do Phật nói đều là kịch bản, Phật diễn theo bản kinh ấy, Bồ Tát diễn theo bản kinh ấy, do đó họ trên thế gian này gọi là du hý thần thông. Nếu bạn hỏi các Ngài có ý tứ về tự kỷ (về Ta, về mình) không? Chẳng có. Kinh do Phật nói ra, đó có phải là ý tứ của Phật không? Không phải. Trong kinh Bát Nhã, đức Phật đã phủ nhận, Phật chẳng giảng kinh, chẳng có ý tứ của riêng mình. Vậy kinh điển rốt cuộc là gì? Kinh điển là trong tự tánh vốn sẵn như vậy. Thế nên chúng ta sinh sống như vậy là sống đời sống của tự tánh vốn có, đời sống vốn có của tự tánh tức là đời sống của Phật, Bồ Tát, làm gì có ý tứ về mình. Vĩnh Gia đáp Lục Tổ rất hay *“Phân biệt cũng chẳng có Ý”*, chấp trước cũng chẳng có ý; phân biệt, chấp trước chẳng phải ý tứ của mình, ý tứ gì? Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Chúng sanh phân biệt như thế nào, thì tôi noi theo phân biệt như vậy; chúng sanh chấp trước như thế nào thì tôi noi theo chấp trước như vậy; tự tôi chẳng có phân biệt và cũng chẳng có chấp trước, do đó phân biệt, chấp trước đều chẳng có ý, như vậy tự tại biết bao! Vô ngã, vô ngã thì sẽ chẳng có sanh tử, tất cả đều là biểu diễn, là diễn kịch. Phải hiểu đạo lý này, đây mới là chân tướng sự thật của nhà Phật, và cũng là chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sinh. Nếu bạn chẳng chịu diễn kịch thì sẽ phải trôi lăn trong lục đạo luân hồi. Phật, Bồ Tát du hý thần thông, chúng ta học Phật cũng phải học du hý thần thông theo. Do đó hiểu được nghĩa thú của từng chữ, từng câu tiêu biểu pháp, chúng ta trong đoạn kinh văn này, câu kinh văn này phải nên học tập như thế nào, làm sao áp dụng trong đời sống, đạt được thọ dụng chân chánh.

“Hoặc thí thường trụ”, thường trụ dùng cách nói hiện nay tức là

ngân quỹ (chi phí) trong đạo tràng, trong đạo tràng thường thường có những phí tổn này. Nhu cầu cần thiết cho đời sống của người tu đạo, tứ chúng đồng tu, đây thuộc về thường trụ, đây là công đức chân thật. Xã hội đại chúng hiện nay còn chưa rõ ràng, cái này có thể chậm được, chúng ta là những đồng tu đã học Phật, người trong tứ chúng đệ tử không thể không biết, không giảng rõ ràng, không giảng rành rẽ. Chỉ khi bạn rõ ràng, rành rẽ rồi, chúng ta mới có thể dẫn đầu đi làm, mới chịu đi làm, tín tâm nghị lực kiên định, nhất định không bị lay động. Chú giải của Ngài rất hay, tạo tượng, thì trích dẫn Tào Tượng Phước Báo Kinh; trong Tạng Bảo Tạng Kinh nói đến công đức xây chùa; trong Thí Đẳng Kinh nói đến công đức đốt đèn, chư vị có thể tự coi lấy. Xin xem phần kinh văn tiếp theo:

Như thị tam bạch bệnh nhân, khiển lệnh văn tri.

如是三白病人。遣令聞知。

(Xướng lên như vậy ba lần để cho người bệnh được nghe biết.)

Đây là lúc bệnh nhân còn tỉnh táo, còn hiểu được, phải nói với họ ba lần, đây là thêm cho mạnh, cho họ nhớ thêm sâu đậm. Nếu lúc người bệnh thực sự bệnh nặng, phải làm sao? Phải nói cho họ nghe vài lần mỗi ngày, để cho họ có ấn tượng rất sâu đậm, việc này rất quan trọng! Làm cho họ biết mình đã làm một số chuyện tốt, công đức lợi ích, sẽ giúp rất nhiều đối với cõi họ sanh đến sau khi mất. Đây là lúc kẻ ấy còn tỉnh táo. Phía dưới nói:

Giả linh chư thức phân tán, chí khí tận giả.

假令諸識分散。至氣盡者。

(Giả sử các thức [của người bệnh] đã phân tán, đến hơi thở đã dứt.)

“Chư thức phân tán” nghĩa là bất tỉnh nhân sự, lúc đó nếu bạn nói với họ, họ chẳng có phản ứng. Phía trước nói lúc ý thức của họ chưa phân tán, khi bạn nói với họ, họ gật đầu, họ biết. Nếu lúc tinh thần càng tốt hơn nữa, họ cũng hiểu, cũng sẽ nói họ hoan hỷ. Đến khi thể lực vô cùng suy yếu, chẳng thể nói chuyện, nếu họ hiểu thì sẽ gật đầu, ra ám thị cho bạn. Đến lúc các thức đều phân tán, thì họ chẳng có tri giác, không có tri giác vẫn phải nói, đến khi tắt thở.

Nãi chí nhất nhật, nhị nhật, tam nhật, tứ nhật, chí thất nhật dĩ lai.

乃至一日。二日。三日。四日。至七日已來。

(Trong vòng một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, cho đến bảy ngày.)

Tức là bảy ngày sau khi người đó tắt thở, vẫn phải thường thường nói với người đó, tại sao? Sợ A Lại Da thức của người đó chưa lìa khỏi, như vậy chỉ có lợi ích, chẳng có thiệt hại.

Đản cao thanh bạch, cao thanh độc kinh.

但高聲白。高聲讀經。

(Cứ lớn tiếng xưng bạch và lớn tiếng tụng kinh này.)

Mỗi ngày đọc kinh, đọc một biến, hoặc hai biến. Lúc đọc kinh nhất định ghi nhớ phải dùng tâm chân thành, tâm cung kính, nhất định phải chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn. Chẳng gián đoạn là một lần phải đọc trọn bộ kinh, đừng chia ra nhiều đoạn. Phân chia ra nhiều đoạn thì sẽ xen tạp, hiệu quả sẽ thấp, thì sẽ kém rất nhiều. Lúc đọc kinh nhất định phải đừng bị bất cứ chuyện gì khuấy nhiễu, điểm này rất quan trọng. Nếu đọc kinh ở nhà, việc dễ khuấy nhiễu nhất là điện thoại, lúc đọc kinh thì tốt nhất nên tháo dây điện thoại ra, đừng để bất kỳ người nào khuấy nhiễu bạn, lúc đọc cứ bị gián đoạn hoài, cách đọc kinh như vậy là giúp bạn làm quen, làm cho chúng ta đọc kinh từ từ trở nên quen thuộc, trong thời gian luyện tập, chẳng có tác dụng gì lớn lắm.

Đọc kinh cần phải không xen tạp, không gián đoạn, cũng giống như giao chiến, chẳng phải là luyện tập, nhất định yêu cầu phải được công đức, hiệu quả chân thật. Do đó phải biết lúc bình thường tập luyện lại là một chuyện khác. Bình thường đọc nhiều là để tập cho quen, lúc đó gián đoạn thì không sao, có chuyện phải làm, lúc rảnh rỗi thì đọc một đoạn, thường đọc thì sẽ quen thuộc hơn. Sau khi quen thuộc, tới khi tu hành chân chánh thì lúc đọc kinh mỗi ngày nhất định không thể bị khuấy nhiễu.

Đọc kinh, lúc trước tôi đã từng nói với chư vị nhiều lần, Giới Định Huệ Tam Học hoàn thành cùng lúc; việc đọc kinh này cũng là Giới Định Huệ Tam Học hoàn thành cùng lúc, do đó việc này thuộc về công phu tu hành, công đức tu học, chẳng giống với đọc kinh lúc bình thường. Do đó có thể biết lợi ích của sự đọc kinh này còn lớn hơn công đức giảng kinh.

Giảng kinh nói thật ra là tu phước, chẳng phải công đức; đọc kinh là công đức, giảng kinh là phước đức. Trong công đức có phước đức, đó là một cảnh giới khác, cổ đức thường nói tùy văn nhập quán, đó là công đức. Bạn giảng đoạn kinh văn này, thực sự nhập vô cảnh giới, đó là công đức; nếu chẳng nhập vào cảnh giới này thì là phước đức. Do đó có thể biết, [công đức hay phước đức là] ở tại cá nhân mỗi người.

Thị nhân mạng chung chi hậu túc vương trọng tội, chí ư ngũ vô gián tội vĩnh đắc giải thoát, sở thọ sanh xứ thường tri túc mạng.

是人命終之後宿殃重罪。至于五無間罪永得解脫。所受生處常知宿命。

(Sau khi người ấy mạng chung, dù từ trước có tội nặng, thậm chí năm tội Vô Gián, cũng được thoát khỏi hẳn, thọ sanh nơi nào cũng thường nhớ biết việc đời trước.)

Lợi ích này quá lớn, quá lớn! Chân chánh chẳng thể nghĩ bàn, rất nhiều người đọc kinh Địa Tạng, nói lợi ích lớn như vậy của kinh, tạo tội nghiệp cực nặng, hình như niệm một bộ kinh bèn có thể làm cho họ thoát khỏi tội nghiệp Ngũ Vô Gián, quá dễ nên chẳng có người tin. Bạn chẳng tin, lúc bạn đọc kinh này vẫn còn hoài nghi, vẫn còn vọng tưởng khởi lên, lại còn xen tạp cho nên chẳng được hiệu quả, càng tin tưởng kiên giải này của mình là chẳng sai. Đều cho rằng công đức lợi ích nói trong kinh Phật quá khoa trương, hình như nhằm khuyên người ta đọc, trên thực tế chẳng đạt được lợi ích này. Đây là tâm phàm phu, phàm phu vọng tưởng đo lường tri kiến của Phật, Bồ Tát nên sanh ra lỗi lầm rất lớn. Chúng ta phải biết tội, phước đều ở tại một niệm, một niệm bạn chuyển đổi trở lại thì từ địa ngục chuyển đến cảnh giới của Phật, pháp môn Tịnh Độ bình đẳng thành Phật chính là đạo lý này.

Chúng sanh ở địa ngục A Tỳ chỉ xưng một câu “Nam mô A Di Đà Phật” đều có thể thành Phật, mấu chốt ở chỗ cái tâm ấy phải chuyển trở lại. Tâm cực ác chuyển thành tâm thanh tịnh cùng cực, nếu bạn hỏi có thể chuyển trở lại hay không? Có thể. Trên lý luận là nhất định có thể, tại sao? Vọng niệm là giả, vọng tưởng là giả. Mã Minh Bồ Tát nói rất hay: “*Chẳng giác vốn không, Bốn giác vốn có*”, vậy thì làm sao chuyển trở lại không được? Chẳng giác tức là vọng niệm, A Tỳ địa ngục là chẳng giác, chẳng giác vốn không, chỉ cần bạn thực sự giác ngộ triệt để, “vốn là không” phút chốc bèn xả bỏ sạch sẽ, phút chốc bèn đoạn dứt hết, cái “vốn có” lập tức liền khôi phục. Cho nên từ A Tỳ địa ngục siêu sanh đến

Phật quả viên mãn, đều ở trong một niệm, vấn đề là bạn có thể trong một niệm chuyển trở lại hay không? Việc này có lý luận căn cứ, chẳng phải là tùy tiện nói. Đọc bộ kinh này chân chánh làm được không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, một hơi niệm cho hết, trong một niệm này bèn chuyển thành Phật đạo. Do đó trong một niệm ấy có giới, định, huệ viên mãn, dùng công đức này để siêu độ người nghiệp chướng sâu nặng thì họ có được lợi ích thực sự.

Những việc nói ở đây “*sở thọ sanh xứ thường tri túc mạng*”, công đức của người đọc kinh quá lớn, chẳng chỉ có như nói ở đây sở thọ sanh xứ, hoặc sanh đến nhân gian, hoặc sanh đến cõi trời, những sự siêu độ này, cao nhất chỉ có thể sanh đến trời Đao Lợi, tại sao? Dựa vào phước của người khác, hưởng phước của người khác, chỉ có thể sanh đến trời Đao Lợi; nếu tự mình tu hành thì không chỉ như vậy thôi. Cho nên những gì chúng ta từ xưa đến nay nhìn thấy, Bảo Chí Công siêu độ cho phi tử của Lương Võ Đế đến trời Đao Lợi, Bảo Chí Công là Quán Âm Bồ Tát tái lai. Mọi người hiện nay tụng Lương Hoàng Sám, sám nghĩa của Lương Hoàng Sám là Bảo Chí Công siêu độ phi tử của Lương Võ Đế, sanh lên trời Đao Lợi. Chúng ta ở đó thấy cô Quang Mục, cô Bà La Môn siêu độ người nhà của họ thì cũng sanh lên trời Đao Lợi, phước báo lớn nhất cũng chỉ có thể sanh đến trời Đao Lợi.

Phía trên trời Đao Lợi phải nhờ công phu tu hành của chính mình, nếu tự mình chẳng có công phu tu hành mà nhờ vào phước báo của người khác thì không được, phước chỉ có thể sanh đến trời Đao Lợi, trời Tứ Vương, trời Đao Lợi. “*Sở thọ sanh xứ thường tri túc mạng*”, biết túc mạng (biết việc đời trước) có ích lợi, ích lợi rất lớn, biết được chân tướng sự thật của nhân duyên quả báo. Người biết túc mạng nhất định sẽ chẳng dám tạo ác nghiệp vì họ biết làm ác có ác báo, làm thiện có thiện báo, họ sẽ đoạn ác tu thiện, họ biết hết lòng đi làm những chuyện tích công lũy đức, cho nên biết túc mạng có lợi điểm như vậy. Do đó có thể biết tu hành phải thừa lúc mình còn khỏe mạnh, lúc còn sức lực, hết lòng đi làm, thực sự tu công đức viên mãn của mình, mà chẳng phải được một phần bảy; đây là việc người khác tu [giùm cho mình] thì mình chỉ được một phần bảy.

Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây thôi.

Tập 23 (Số 14-12-23)

Xin mở Khoa Chú quyển trung, trang bốn mươi chín, xin xem

kinh văn:

Hà huống thiện nam tử thiện nữ nhân, tự thư thử kinh, hoặc giáo nhân thư, hoặc tự tổ họa Bồ Tát hình tượng, nãi chí giáo nhân tổ họa, sở thọ quả báo tất hoạch đại lợi.

何況善男子善女人。自書此經。或教人書。或自塑畫菩薩形像。乃至教人塑畫。所受果報必獲大利。

(Huống chi là người thiện nam, người thiện nữ tự biên chép kinh này, hoặc bảo người biên chép, hoặc tự mình đắp vẽ hình tượng của Bồ Tát, cho đến bảo người khác đắp vẽ, thì quả báo mà người đó được ắt sẽ có lợi ích lớn.)

Phía trước nói về người thân, quyến thuộc, bạn bè trước lúc họ lâm chung, dùng tài vật của họ, thay họ tu phước, họ sẽ được phước báo vô cùng thù thắng. Nếu lúc mình còn khỏe mạnh có thể tu phước báo cho chính mình, vậy thì quả báo đương nhiên càng thù thắng, đây nói về Lý này. “*Huống chi người thiện nam, người thiện nữ*”, “*thư*” là viết, chép, thời xưa kỹ thuật ấn loát còn chưa phát minh, hơn phân nửa kinh sách và hình tượng Phật, Bồ Tát đều được chép và vẽ. Chép một bộ kinh, thì thế gian có thêm một bộ kinh điển, có thể vì chúng sanh làm tăng thượng duyên cho Phật pháp, cho nên công đức này rất lớn. Đức Phật chẳng còn tại thế, Phật pháp có thể trụ thế lâu dài thì nhất định phải nhờ kinh điển, kinh điển phải có người hộ trì, lưu thông; công đức lưu thông kinh điển, hộ trì Phật pháp trong thế gian và xuất thế gian đích thật là hạng nhất.

Vì chỉ có Phật pháp mới có thể làm cho chúng sanh giác ngộ, có thể làm cho chúng sanh phá mê, phá mê khai ngộ mới có thể được vô lượng phước báo. Đức Phật thành thật nói với chúng ta, phước báo chân thật của hết thảy chúng sanh vốn đã có sẵn trong tự tánh, nhưng nếu bạn không giác ngộ thì tự tánh bạn bị che lấp. Tuy có phước báo, cũng giống như kho tàng vậy, ẩn kín trong núi sâu, chôn vùi dưới lòng đất, tuy có nhưng bạn chẳng dùng được. Nhà của bạn xây trên mỏ vàng, phía dưới là mỏ vàng vô tận, nhưng bạn chẳng lấy dùng mà vẫn phải chịu quả báo nghèo khổ, bạn chẳng thọ dụng được. Cho nên Phật pháp dạy bạn khai trí huệ, khai phát kho tàng trong tự tánh của bạn, phước báo ấy chẳng cùng tận.

Phật pháp dạy bạn tu phước, duyên do của việc tu phước là gì? Do bạn còn chưa kiến tánh. Khi chưa kiến tánh, nếu muốn hưởng phước báo

thì phải làm sao? Phải nhờ tu. Phước nhờ tu có được chẳng phải của tự tánh, [phước trong] tự tánh mới chẳng cùng tận. Như chúng ta thấy cõi Cực Lạc nói trong kinh Tịnh Độ, đó là phước báo của tự tánh. Kinh Hoa Nghiêm nói đến Hoa Tạng thế giới của đức Phật Tỳ Lô Giá Na cũng là phước báo của tự tánh. Chư vị phải biết nếu chúng ta phá mê khai ngộ, minh tâm kiến tánh, y báo chánh báo trang nghiêm giống như thế giới Cực Lạc và thế giới Hoa Tạng sẽ hiện ra. Đương nhiên nói thì dễ, thực sự làm được rất khó, lúc chúng ta chưa kiến tánh mà muốn được phước, phương pháp duy nhất là phải tu, bạn tu nhiều thì phước báo của bạn sẽ lớn, bạn tu ít thì phước báo của bạn sẽ nhỏ. Tu phước trong nhà Phật là thù thắng nhất nhưng chúng ta phải có trí huệ, biết rõ. Trong kinh Lăng Nghiêm, Thế Tôn nói thời Mạt Pháp chúng ta, tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng, đây là để nhắc nhở chúng ta, trong thời kỳ này có Phật pháp giả, có Phật pháp giả mạo.

Trồng phước trong Phật pháp giả thì khá khó khăn. Không phải là nói không có, trên lý luận thì vẫn có! Nhưng bạn chẳng thọ dụng được. Chỉ gieo trồng hạt giống trong A Lại Da thức, đến lúc nào mới có thể hưởng thụ được, quá khó. Trong kinh có thí dụ, vô lượng kiếp sau mới có thể hưởng thụ được. Nếu chúng ta trồng phước, ngay hiện giờ liền có thể hưởng thụ, bất luận là chúng xuất gia, tại gia, tu hành chân chánh, cúng dường [họ thì chúng ta] liền có phước. Cho nên mọi người cũng đừng có thành kiến, nhất định đối với chúng xuất gia thì chúng ta mới cung kính, còn chúng tại gia thì thua một bậc, thế gian thường có phân biệt sai lầm như vậy. Nhất định phải hiểu, trong nhóm đồng tu tại gia cũng có người tu hành rất nghiêm túc, chư Phật, Bồ Tát thì hiện thân phận tại gia cũng rất nhiều, nhất định phải hiểu đạo lý này. Phàm những người tốt, người thiện, người hiền có sức ảnh hưởng nhất định đối với xã hội, địa phương, phong tục, giáo hóa, chúng ta đều nên cúng dường, nên học theo họ, như vậy mới đúng.

Tự mình chịu chép kinh, hiện nay chẳng cần chép kinh, hiện nay kỹ thuật ấn loát phát triển, khoa học kỹ thuật phát triển thì in kinh là được rồi. Chúng ta lựa bản in nào tốt, bản chú giải tốt, rồi ấn loát lưu thông với số lượng nhiều, nên hiện nay tu phước đích thật tiện lợi hơn người xưa rất nhiều. Người hiện nay tu phước chẳng được quả báo bằng người xưa, đó là vì nguyên nhân khác. Nguyên nhân đó là gì? Tâm địa chẳng kiên thành, chẳng cung kính, chẳng khẩn thiết, làm thì làm nhiều hơn người đời xưa, phước thì được ít hơn người xưa, đây chính là lời dạy của Ấn Quang đại sư: “*Có một phần thành kính thì được một phần*

lợi ích, mười phần thành kính thì được mười phần lợi ích”. Chuyện của người hiện nay chúng ta làm vượt trội hơn người xưa không chỉ gấp trăm lần, ngàn lần, nhưng chẳng được phước bằng người xưa. Đó là vì người xưa có một trăm phần thành kính, hiện nay chúng ta chỉ có một, hai phần thành kính, do đó phải hiểu đạo lý này. Nếu chúng ta có tâm thành kính giống như người đời xưa, hiện nay tu phước chắc chắn sẽ vượt trội người xưa trăm lần, ngàn lần, sẽ được phước báo gấp trăm lần, ngàn lần, điều này không thể không biết. Cho nên [chúng ta] có rất nhiều cơ hội trước mặt mà bỏ lỡ, thật là đáng tiếc! Đây là nói về việc lưu thông kinh điển.

Kế đó là việc đúc tạo tượng Phật; hiện nay đúc hình tượng Phật, Bồ Tát rất thuận tiện, hiện nay có thể làm khuôn, làm khuôn xong có thể đúc mấy ngàn tượng, mấy vạn tượng Phật với chi phí thấp. Hiện nay [mọi việc đều] cơ giới hóa, thời xưa phải dùng tay nghề khéo léo. Còn việc vẽ tranh, ấn loát cũng rất thuận tiện. Thế nên chúng ta phải biết làm sao có thể theo kịp những đại đức thời xưa, phải có tâm chân thành cung kính, tâm khẩn thiết đem lại lợi ích cho chúng sanh, thì bạn sẽ được ích lợi to lớn, *“sở thọ quả báo, tất hoạch đại lợi”*. Chúng ta tự làm, dạy người khác làm, nếu tự mình chẳng có nhân duyên, điều kiện chẳng đủ thì chúng ta khuyên người khác làm cũng được lợi ích rất lớn.

Chúng ta coi Chú Giải trang năm mươi, hàng thứ nhất, pháp sư Thanh Liên dẫn chứng một đoạn trong kinh Niết Bàn, đoạn này rất quan trọng! Tôi đọc một lần, mọi người hãy nghe. Kinh Niết Bàn nói: *“U ác thế trung, thư tả kinh quyển”* (Trong đời ác, biên chép kinh), chúng ta hiện nay nói chuyện in kinh, *“diệc khuyến tha nhân lĩnh đắc thư tả, cụ túc năng giải, tận kỳ nghĩa vị”* (cũng khuyến kẻ khác biên chép, đầy đủ có thể hiểu rõ tận cùng nghĩa vị), không những tự mình lưu thông kinh sách, đối với ý tứ nói trong kinh sách cũng có thể thông đạt, có thể hiểu rõ, đó là chép kinh. *“Tổ họa hình tượng”*, phía sau nói về tạo tượng, tạo tượng bằng cách nặn cũng được, bằng cách vẽ cũng được. Trong kinh Tạo Tượng dạy *“Tạo hình tượng Phật, Bồ Tát, phước ấy vô lượng, vô cùng tận, chẳng thể tính đếm”*. Hai đoạn nhỏ này đều là đoạn trích trong kinh, quả báo, phước đức thực sự là vô lượng vô biên. Trong kinh nói *“cụ túc năng giải, tận kỳ nghĩa vị”*, hai câu này rất quan trọng, khi bạn thực sự hiểu rõ đạo lý này, hiểu rõ sự thật quả báo thì bạn mới chịu làm hết lòng, dùng tâm chân thành cung kính mà làm, chẳng hoài nghi.

Phật pháp trong xã hội hiện nay đích thật đã suy thoái, tại sao lại suy thoái? Chẳng có thiện tri thức rắn dạy, tuy kinh điển lưu thông rất nhiều, chẳng có người giảng giải. Bạn chỉ đọc tụng, chẳng hiểu rõ, họ

cũng hiểu được tạo tượng rất tốt, cũng phát tâm tạo tượng, nhưng khi gặp một số ác tri thức nói: “Bạn làm như vậy là mê tín, làm như vậy chẳng có công đức”, nghe xong thì người ấy rất dễ thoái tâm. Nếu ác duyên này rất rộng lớn, gặp được một người nói như vậy, gặp hai người cũng nói như vậy, gặp bốn năm người cũng nói như vậy thì lòng tin của người đó sẽ bị lay chuyển. Có thể nào gặp nhiều người cùng nói giống như vậy không? Rất có thể. Đức Phật nói [đời Mạt Pháp] “*tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng*”, bạn gặp mười người, tám người cũng đâu có gì lạ. Gặp được một trăm, một ngàn người đều nói như vậy thì bạn phải làm sao? Đến lúc ấy rốt cuộc chúng ta tin lời đức Phật nói hay tin lời mọi người? Nhất định phải hiểu nghĩa kinh, việc này rất quan trọng! Cho nên chúng ta hiểu rồi, chúng ta có nghĩa vụ tuyên dương, có nghĩa vụ đem ý nghĩa chân thật trong kinh Phật, chẳng sợ phiền toái mà giảng giải cho người ta nghe. Giúp người giác ngộ, củng cố lòng tin, tâm nguyện của họ, thành tựu cho phước đức lợi ích của họ, đây là vì muốn cho họ tốt.

Trong Phật pháp hết thấy đều vì chúng sanh, quyết chẳng vì mình. Chư Phật, Bồ Tát tuyệt chẳng có thành kiến, tuyệt chẳng có ý tứ về mình, đức Phật giảng hết thấy kinh có ý tứ của mình trong đó không? Chẳng có. Đức Phật Thích Ca thuyết pháp bốn mươi chín năm, chẳng có câu nào, chữ nào là ý tứ của riêng mình. Nếu biết là ý tứ của riêng mình thì đó là phạm phu, phạm phu mới có riêng mình, riêng mình là ngã chấp cứng chắc. Ngã chấp chẳng phá được thì vẫn là phạm phu lục đạo luân hồi, họ làm sao có thể thuyết pháp? Đức Phật đoạn dứt hết cả hai Ngã Chấp và Pháp Chấp, Ngài làm gì có Ta, làm gì có ý về Ta. Đã chẳng có Ta, chẳng có ý tứ của Ta, kinh Phật được nói như thế nào? Nói thật ra, vừa mở cuốn kinh câu thứ nhất liền nói với bạn “*Như thị ngã văn*”, ý của bốn chữ này là tự tánh tỏ lộ ra, vậy mới gọi là như thị. Như thị là từ chân như tự tánh tuôn trào ra, chân như tự tánh chúng sanh và Phật bình đẳng. Kinh Phật từ tự tánh tuôn trào ra, nói cách khác, cũng tuôn trào từ tự tánh của chúng ta, là sự việc như vậy. Do đó nó chân thật, chẳng hư dối, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Tương lai khi chúng ta minh tâm kiến tánh, Phật pháp thường nói chứng, trong tín, giải, hành, chứng, bạn chứng cái gì? Chứng minh hết thấy kinh Phật nói đều từ tự tánh của mình tuôn trào ra, vậy gọi là chứng quả. Tự tánh của Phật và tự tánh của mình chẳng khác, là một chẳng phải hai, chứng minh việc này. Sanh Phật bất nhị, chúng sanh và Phật chẳng hai, đều là một.

Đức Phật đã kiến tánh, chúng ta hiện nay chưa kiến tánh, chúng ta

nghe lời Phật dạy tức là thuận theo tự tánh, tuyệt chẳng phải bị đức Phật Thích Ca xỏ mũi dẫn đi. Bạn y giáo phụng hành là tánh đức của tự tánh hiển lộ, lời răn dạy của đức Phật mới đạt đến mức cao minh chân chánh, thực sự đạt đến chí thiện, viên mãn. Trong quá trình học tập, nhất định phải hiểu “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”, đây là lời Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta, đây là tổng cương lĩnh, nguyên tắc chung của sự tu hành. Làm sao có thể làm việc này đến chí thiện, viên mãn. Chí thiện tuyệt đối chẳng trái nghịch tánh đức, chẳng trái nghịch Lý gọi là khế lý, như vậy là chí thiện. Viên mãn là khế cơ, cơ là đại chúng hiện tiền. Hôm qua tôi triệu tập hết thầy những pháp sư lãnh chúng, tôi nói những đạo lý này, làm thế nào làm cho Niệm Phật Đường đạt đến mức chí thiện rốt ráo, nhất định phải biết khế lý, khế cơ; khế lý nghĩa là chẳng trái nghịch kinh giáo, noi theo nguyên lý, nguyên tắc, phương pháp trong kinh giáo để tu học; khế cơ là nhất định phải làm cho đại chúng trong Niệm Phật Đường niệm đến mức sanh tâm hoan hỷ, niệm được đúng như pháp. Nhất định để cho họ có thể đè nén phiền não, chúng ta chẳng nói diệt, khi ở trong Niệm Phật Đường nhất định phải chế ngự được phiền não, phải tương ứng với nhất tâm. Nếu chẳng đạt được cảnh giới nhất tâm thì tối thiểu cũng phải được công phu thành phiền. Thời gian trong Niệm Phật Đường chẳng có vọng niệm, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, “*Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật*”.

Cho nên phải chăm lo cho mỗi người trong đại chúng niệm Phật, phải thường chăm sóc họ, nên thường hỏi họ: “Bạn có ý kiến gì đối với Niệm Phật Đường không? Có cảm thấy chỗ nào chẳng hợp lý không?” Xin mọi người cho ý kiến, chúng ta hết lòng cải tiến. Mỗi ngày phải tìm ra khuyết điểm của mình, phải sửa đổi lỗi lầm, một ngày không cải tiến là một ngày không tiến bộ. Thường thường thì chúng ta chẳng nhìn thấy lỗi lầm của mình, nhưng người khác nhìn thấy. Người khác thấy nhưng chẳng nói ra thì phải làm sao? Mình phải đi hỏi. Chúng ta phải hoan hỷ nghe lỗi lầm, mạnh dạn sửa lỗi, đây là nguyên tắc tu hành đức Phật dạy cho chúng ta, là nguyên tắc quan trọng, đây gọi là pháp môn sám hối, pháp môn tinh tấn. Biết lỗi phải sửa, ưa thích người ta cho ý kiến, nghe lời đề nghị, phê bình của kẻ khác chúng ta phải hết lòng phản tỉnh, sửa sai đổi mới, đạo tràng như vậy mới có tiền đồ, đạo tràng này mới trở thành đạo tràng mô phạm, điển hình cho thế gian, trong đó chúng ta mới có thành tựu chân chánh. Điểm này quan trọng phi thường! Chẳng có người nào thực sự thành công trong thế gian, xuất thế gian mà chẳng tu

học như vậy. Cho dù họ có thành tựu nhưng chẳng nghe lời đề nghị của kẻ khác, cố chấp thành kiến của mình thì sự nghiệp của họ làm lớn đến đâu cũng chẳng kéo dài được. Chỉ có tôn trọng ý kiến của đại chúng, sự nghiệp của họ mới có thể kéo dài, mới vĩnh viễn chẳng thất bại. Thánh nhân thế gian và xuất thế gian đều dạy chúng ta đạo lý này, chúng ta phải ghi nhớ, tiếp nhận. Xem tiếp kinh văn:

Thị cố Phổ Quảng, nhược kiến hữu nhân độc tụng thị kinh, nãi chí nhất niệm tán thán thị kinh hoặc cung kính giả, nhữ tu bách thiên phương tiện, khuyến thị đẳng nhân cần tâm mạc thoái, năng đắc vị lai hiện tại thiên vạn ức bất khả tư nghị công đức.

是故普廣。若見有人讀誦是經。乃至一念讚歎是經或恭敬者。汝須百千方便。勸是等人勤心莫退。能得未來現在千萬億不可思議功德。

(Vì thế, Phổ Quảng, nếu thấy có người đọc tụng kinh này, cho đến có một niệm tán thán kinh này hoặc tỏ lòng cung kính, thì ông phải dùng trăm ngàn phương tiện khuyến người đó nên phát tâm siêng năng, đừng thoái thất, thì sẽ được ngàn vạn ức công đức không thể nghĩ bàn ở hiện tại và vị lai.)

Đây là khuyến tu. Khi thấy người tụng kinh, thấy người cung kính Tam Bảo, nhất định phải khuyến khích họ, khen ngợi họ. Sự khuyến khích, khen ngợi này không những có lợi ích rất lớn cho họ, trên thực tế cũng là răn dạy một số người vô tri. Họ thấy người này khen ngợi việc đọc kinh, khuyến khích đọc kinh, có thể khai phát lòng tin của họ. Cho nên khuyến một người tức là khuyến rất nhiều người, quả báo thù thắng chẳng thể nghĩ bàn, nên họ mới “*được ngàn vạn ức công đức chẳng thể nghĩ bàn*”. Đây là như chúng ta thường nói “*Một phen lọt vào tai, vĩnh viễn thành hạt giống đạo*”, công đức chẳng thể nghĩ bàn là nói từ chỗ này. Nếu ba thứ thiện căn, phước đức, nhân duyên của người ấy, cả ba đều đầy đủ thì đời này người ấy sẽ thành tựu, đây là chuyện tương đối chẳng dễ. Nhưng không phải là chẳng có, trong đời Mạt Pháp ngũ trược cũng có. Người có thiện căn kém tuy hiện thời chẳng thể được lợi ích, nhưng hạt giống Kim Cang đã được trồng trong A Lại Da thức, người hiện nay gọi là ghim vào ấn tượng của bạn, ấn tượng của bạn rất sâu đậm, vĩnh viễn sẽ chẳng diệt mất. Tương lai khi gặp duyên, tức là gặp được một số điều kiện [thuận lợi] thì hạt giống ấy sẽ khởi tác dụng, sẽ có

thể giúp bạn tu hành chứng quả.

Hiện nay chúng ta sợ người ta nói mình mê tín, nói thật ra chẳng phải chúng ta mê tín, họ mới mê tín. Như thế nào là mê tín? Chưa tìm hiểu rõ ràng chân tướng sự thật bèn tin tưởng, vậy gọi là mê tín. Chúng ta là những người học Phật, chưa tìm hiểu rõ chân tướng sự thật bèn tin Phật pháp, bèn niệm kinh lạy Phật, thì đó là mê tín, chẳng sai gì cả! Người ấy nói chúng ta mê tín thì người ấy cũng mê tín, tại sao? Người ấy đối với Phật pháp cũng chưa tìm hiểu rõ ràng, mình bạch, bèn nói đó là mê tín, do đó họ cũng mê tín. Cái mê tín của chúng ta có ích lợi, còn mê tín của họ thì có hại, chẳng có lợi, nên cả hai đều là mê tín. Khi bạn đã tìm hiểu Phật pháp rõ ràng rành rẽ, xong rồi bạn nói chúng ta tin hay mê tín, nếu vậy thì điều bạn nói mới đúng. Chưa tìm hiểu rõ ràng bèn nói chúng ta mê tín, tôi cảm thấy họ mê tín còn nhiều hơn, mê tín trên mê tín, chúng ta thì mê tín một tầng, họ thì mê tín hai tầng. Cho nên muốn phê bình đúng đắn thì bạn nhất định phải tìm hiểu rõ ràng, nếu bạn chẳng hiểu rõ mà cứ tùy tiện nói thì sẽ rất dễ làm mích lòng, rất dễ tạo ác báo như trong kinh đã nói. Ác báo hình thành như thế nào? Do ngu si. Ngu si như thế nào? Chưa tìm hiểu rõ ràng bèn nói bừa, tùy tiện phê bình, vậy là không nên, thái độ học vấn như vậy là sai lầm, chẳng đúng đắn. Nghe người ta nói thì cũng không được, người ta nói có đáng tin không? Khi nghe người ta nói, chúng ta phải đi sâu vào, nghiên cứu để tìm chứng minh. Giống như chúng ta học Phật vậy, chúng ta đọc kinh điển của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chẳng phải nhất loạt thuận theo, nghe theo Ngài, chúng ta ở trong ấy tu học, cầu chứng, chứng minh lời Phật nói là chân thật, chẳng phải giả. Đây là điểm thù thắng của nền giáo học Phật Đà, đức Phật nói cho bạn, giảng cho bạn hiểu rõ, tín, giải, hành, chứng. Bạn phải tin trước, sau khi bạn tin xong thì tìm cầu giải, chỉ tin thôi không được, nhất định phải giải (hiểu rõ). Giải xong, bạn phải cầu chứng, chứng minh điều bạn tin, điều bạn giải, đích thật là vốn có trong tự tánh, chẳng phải đến từ bên ngoài, Phật pháp gọi là Nội Học, ý nghĩa là như vậy.

“*Cần tâm mạc thoái*”, bốn chữ này là chữ quan trọng mấu chốt trong đoạn này. Chúng ta khuyến khích, khuyên một người, mục đích là ở chỗ này, hy vọng kẻ ấy dũng mãnh tinh tấn, đừng thoái chuyển, được vậy thì người ấy nhất định sẽ thành tựu ngay trong đời này. Trong Chú Giải có một đoạn trích dẫn kinh văn, trong Chú Giải trang năm mươi một, hàng thứ ba, câu cuối cùng. Trong kinh Kiên Ý có một đoạn: “*Phật cáo A Nan, kỳ hữu hảo tâm thiện ý chi nhân, văn Phật minh pháp, nhất*

tâm nhi thính, năng nhất nhật khả” (Phật bảo A Nan, người có tâm tốt, thiện ý ấy, nghe hiểu pháp của Phật, lắng nghe chăm chú trong một ngày cũng được), người ấy có thể nghe một ngày cũng tốt! “*Bất năng nhất nhật, bán nhật khả*” (Không thể [nghe] một ngày, [thì nghe] nửa ngày cũng được). Đây là lúc Phật còn tại thế, lúc ấy nhất thời bằng bốn giờ đồng hồ hiện nay. Ấn Độ thời xưa chia ban ngày thành ba thời, ban đêm ba thời, ngày đêm thành sáu thời. Ở đây nói một thời tức là bốn giờ hiện nay. “*Bất năng nhất thời, bán thời khả*”, bán thời tức là hai tiếng đồng hồ hiện nay. “*Bất năng bán thời, tu du khả*”, tu du tức là một thời gian rất ngắn, nghe mười phút, năm phút cũng được. “*Kỳ phước bất khả lượng*” (Phước ấy chẳng thể tính đếm được), phước báo của họ chẳng thể tính đếm.

Cuối cùng Ngài kết luận “*tạm thính thượng nhĩ, hướng cung kính hồ*” (tạm nghe còn được hướng chỉ cung kính nghe), tạm nghe cũng được phước lớn như vậy, tại sao phước này lớn như vậy? Vì một người trong lục đạo luân hồi được thân người rất khó, thân người rất khó được. Được thân người mà được nghe Phật pháp lại càng khó, có thể là trong vô số kiếp bạn mới có cơ hội nghe được vài câu Phật pháp, vài câu Phật pháp này lọt vào A Lại Da thức, tương lai sẽ là nhân duyên được độ, cho nên phước báo chẳng thể tính đếm nổi. Ngày nay chúng ta tạo nhân duyên cho người khác có được hạt giống Phật, bạn phải biết quả báo thù thắng cỡ nào! Trong bất kỳ trường hợp nào, [ví như] trường hợp có nhiều người, chúng ta cúi đầu, chấp tay, niệm một câu A Di Đà Phật thì có biết bao nhiêu người nhìn thấy, nghe được; người thấy, người nghe đã được gieo hạt giống trong A Lại Da thức, đó chỉ là trong phút chốc, chúng ta đang biểu diễn. Mục đích chúng ta biểu diễn là gieo trồng hạt giống Kim Cang cho chúng sanh, đó gọi là phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo. Bất luận người thấy, người nghe tin hay không thì hạt giống đã được gieo rồi, như Phật đã nói phước ấy chẳng thể tính đếm nổi. Chúng ta thường thường tu phước, tạo phước, nhưng mỗi ngày cũng tạo tội nghiệp. Chúng ta phải so sánh tội và phước, mỗi ngày tạo phước nhiều hay tội nhiều? Tạo tội nghiệp sẽ bị quả báo cũng chẳng thể tính đếm nổi, đây là một việc phiền phức to lớn.

Làm sao chân chánh giác ngộ, chẳng tạo tội nghiệp, chuyên tạo phước báo thì tiền đồ chúng ta sẽ tươi sáng. Nhất định phải giác ngộ đời người vô cùng ngắn ngủi, đời người rất khổ, khổ thì chúng ta phải cẩn rắng thật chặt, phải chịu đựng cho rồi. Chịu khổ cũng không tạo nghiệp, tuyệt chẳng vì muốn cải thiện hoàn cảnh sinh hoạt trước mắt mà tạo nên

các thứ tội nghiệp, trước mắt nếm được một chút vị ngọt, hậu quả chẳng thể lường nổi, người thông minh chẳng làm chuyện khờ dại này. Khổ báo trước mắt là do đời quá khứ, đời này mình chẳng tu phước nên phải thọ những quả báo này. Phật pháp dạy rất rõ ràng “*Muốn biết nhân đời trước, những gì mình thọ đời này chính là nó*”, những gì đời này mình thọ là do mình tạo đời trước. Đời trước tu phước, đời này hưởng phước, đời trước chẳng tu phước thì đời này lấy phước ở đâu mà hưởng? [Hiểu vậy thì sẽ] chẳng oán trời, chẳng trách người. “*Muốn biết quả đời sau, những gì mình làm đời này chính là nó*”, những hành vi mình làm đời này là nhân, đời sau sẽ có quả báo. Nếu việc mình làm đời này vun trồng phước lớn, tạo nhân thù thắng, ngay đời này liền thay đổi hoàn cảnh sinh sống của mình. Liễu Phàm Tứ Huấn là thí dụ rất rõ ràng, những người có thành tựu bằng với Viên Liễu Phàm trong Phật pháp chẳng biết có bao nhiêu mà kể, chẳng có ghi chép nên không biết được, quá nhiều, quá nhiều. Muốn có thể thay đổi hoàn cảnh sinh hoạt hiện tiền của chúng ta, chỉ cần bạn hết lòng nỗ lực, đoạn ác tu thiện, phước này là thật, hơn nữa còn lâu dài, là phước báo chân thật. Nếu dùng thủ đoạn bất chánh để cướp đoạt của cải bất nghĩa mà được phước, thì phước ấy là giả, rất ngắn ngủi. Phước hưởng hết rồi thì ác báo liền hiện ra, đáng sợ vô cùng.

Bởi vậy nên [chúng ta] nhất định phải tìm hiểu rõ ràng những Lý, Sự này. Đời người rất ngắn ngủi, trong thời gian ngắn tạm này tạo tội nghiệp làm chi! Chẳng đáng tí nào. Thường thường đọc kinh Địa Tạng sẽ có ích lợi, mỗi lần đọc là nhắc mình đề cao cảnh giác, mỗi câu trong ấy đều là lời chân thật, chẳng có câu nào là dọa dẫm người, đe dọa người. Lời Phật dạy câu nào câu nấy đều chân thật, mạng người vô thường, quốc độ mong manh, tại sao không tu phước? Tại sao không nghĩ đến đời sau? Đời sau thời gian dài, đời này thời gian ngắn. Người thông minh phải suy tính cho lâu dài, đừng lo lắng cho thời khắc ngắn tạm trước mắt, bất luận vinh hoa phú quý gì hiện nay đều như hoa đàm thoáng hiện, đều chẳng đáng ngưỡng mộ, chẳng đáng truy cầu. Sinh sống thanh bạch, cực khổ một chút mới tốt, thường thường đề cao cảnh giác, thường khởi lên tâm muốn thoát ly, hy vọng thoát ly lục đạo luân hồi. Đoạn này giới thiệu đến đây thôi.

Xem tiếp đoạn sau “*mộng mị kiến quỷ*”, đây cũng là chuyện thường xảy ra. Thiên địa quỷ thần có thật, rất nhiều người đích thân từng trải qua, lúc tôi còn trẻ cũng từng trải qua, làm sao không tin được! Chuyện gặp quỷ ở ngoại quốc cũng rất nhiều, thành phố nào cũng có rất nhiều nhà ma, cho nên chuyện này là thật chẳng giả. Ở tiểu bang

California có một vị đồng tu, mấy năm trước đã qua đời. Hai vợ chồng già mua một căn nhà ở California, sau khi dọn vô mới biết nhà này có quỷ, con quỷ ấy rất dữ dần, là người Mỹ. Người này chắc là chủ nhà trước đó, sau khi chết chẳng xả căn nhà ấy, chẳng chịu xa lìa, thành quỷ rồi vẫn ở trong căn nhà đó. Đương nhiên khi có người khác dọn vào nhà nên ông (quỷ) chẳng vui, mỗi đêm quỷ xuất hiện, trong nhà có tiếng đồ đạc di động, cửa phòng tự động mở ra, người sống ở đó khủng hoảng, sợ hãi, nhưng chẳng làm gì được. Có một lần ông cụ đang tắm, cụ khoảng sáu mươi mấy tuổi, lúc đó là buổi chiều, không phải buổi tối. Cụ đang tắm bỗng nhiên cửa phòng tắm tự động mở ra, toàn thân cụ đều lông tóc dựng đứng, cụ bèn hỏi đại: “Này bạn, ông tên là gì?”. Quỷ ấy cũng nói tên ra. Nghe nói xong cụ sợ hết hồn nên mau mau xông ra ngoài, chưa kịp mặc quần áo gì hết bèn chạy ra ngoài, chuyện xảy ra như vậy. Quỷ ấy thực sự đã nói tên của hắn ra, sau này cụ kể lại cho chúng tôi nghe. Những nhà có quỷ như vậy ở Mỹ quá nhiều, có những căn nhà ma nổi tiếng chẳng ai dám ở, nhà đó bán không được, ai cũng biết nhà đó có ma. Bởi vậy quỷ có thật, chứ chẳng phải giả đâu. Xin xem kinh:

Phục thứ Phổ Quảng, nhược vị lai thế chư chúng sanh đẳng, hoặc mộng hoặc寐, kiến chư quỷ thần nãi cập chư hình;

**復次普廣。若未來世諸眾生等。或夢或寐。見諸鬼神
乃及諸形。**

(Lại nữa, này Phổ Quảng, nếu những chúng sanh ở đời vị lai, hoặc trong mộng寐, trông thấy các quỷ thần cùng các hình bóng khác;)

Đủ mọi thứ hình tượng.

Hoặc bi hoặc 啼, hoặc sầu hoặc 慙, hoặc 怖 hoặc 怖;

或悲或啼。或愁或歎。或恐或怖。

(Hoặc buồn bã, hoặc khóc lóc, hoặc rầu rĩ, hoặc than thở, hoặc hãi hùng, hoặc sợ sệt;)

Nói bạn nằm mộng nhìn thấy những hình tượng này. Theo cách đức Phật nói, chúng ta có thể thấy nếu những chúng sanh ở đời vị lai, lúc đó đức Phật nói đời vị lai tức là đời chúng ta hiện nay. Chúng ta hiện nay, rất nhiều chúng sanh trong mộng寐 trông thấy quỷ thần. Mộng là mơ hồ, chẳng rõ ràng, Mị là ngủ. Phàm lúc mơ hồ, chẳng rõ ràng, lúc có,

lúc không, cảnh giới ấy đều gọi là cảnh mộng. Trong lúc ngủ, mộng cảnh thường thường xuất hiện, hầu như mỗi người đều có kinh nghiệm này. Nhìn thấy một số quỷ thần, đặc biệt là nhìn thấy người nhà thân quyến đã mất, hoặc mộng thấy những quỷ thần chẳng quen biết, thấy hình dáng của họ rất đáng thương, phía sau nói buồn, khóc, sầu, than, hãi hùng, sợ sệt trông thấy những hình tướng này. Người chẳng học Phật nhìn thấy cảnh giới hãi hùng, sợ sệt nhiều. Sau khi chúng ta học Phật, cảnh giới hãi hùng sợ sệt trong mộng dần dần ít đi, những thứ này thuộc về ác mộng, mộng [có cảnh tượng] khủng khiếp, dễ sợ ít đi, nhưng mộng thấy một số quỷ thần buồn, khóc, sầu, than nhiều, thường thường gặp cảnh giới này khởi lên. Gặp những chuyện này là vì nguyên nhân gì? Đức Phật trong kinh nói với chúng ta. Xin xem tiếp kinh văn:

Thử giai thị nhất sanh, thập sanh, bách sanh, thiên sanh, quá khứ phụ mẫu, nam nữ, đệ muội, phu thê quyến thuộc, tại u ác thú vị đắc xuất ly, vô xứ hy vọng phước lực cứu bạt. Đương cáo túc thế cốt nhục, sử tác phương tiện nguyện ly ác đạo.

此皆是一生。十生。百生。千生。過去父母。男女。弟妹。夫妻眷屬。在於惡趣未得出離。無處希望福力救拔。當告宿世骨肉。使作方便願離惡道。

(Đây đều là cha mẹ, con cái, anh chị em, vợ chồng, quyến thuộc từ một đời, mười đời, trăm đời, hay ngàn đời trong quá khứ, còn đang đọa lạc trong ác đạo, chưa được thoát ra, lại không trông mong vào phước lực nơi nào để cứu vớt, nên mới nói với kẻ có tình cốt nhục trong đời trước để họ tạo phương tiện hòng thoát khỏi ác đạo.)

Phải ghi nhớ họ đến cầu xin bạn giúp đỡ. Nếu bạn chẳng học Phật thì họ chẳng đến cầu bạn, tại sao? Vì bạn chẳng có khả năng giúp đỡ họ. Hiện nay bạn học Phật, họ biết bạn có khả năng giúp đỡ họ nên họ tới xin bạn. Do đó phàm mộng thấy những cảnh giới này, chúng ta nên niệm Phật hồi hướng cho họ, niệm kinh hồi hướng cho họ. Bạn niệm kinh Địa Tạng cũng rất tốt, niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát cũng rất tốt. Niệm kinh Vô Lượng Thọ, niệm kinh A Di Đà, niệm danh hiệu A Di Đà Phật cũng tốt, đây là pháp môn chính của chúng ta, sức mạnh của pháp môn chính thù thắng phi thường. Tại sao vậy? Mỗi ngày tụng, mỗi ngày niệm, chúng ta đặc biệt hồi hướng cho họ. Họ đến xin giúp đỡ, cầu cứu.

Trong Ảnh Trần Hồi Ưc Lục chúng ta thấy có một câu chuyện do

pháp sư Đàm Hư kể, gọi là Tám Năm Đóng Cửa Đọc Lăng Nghiêm, bạn hãy coi đoạn này. Lúc đó họ đều là cư sĩ tại gia, tiếp xúc đến Phật pháp, biết Phật pháp hay, vô cùng hâm mộ kinh Lăng Nghiêm, vài người chí đồng đạo hiệp hợp lại mỗi ngày cùng nhau nghiên cứu, mỗi ngày đọc tụng. Cũng vì cơ duyên chẳng thành thực, phương bắc rất ít người giảng kinh, cho nên chỉ có thể kiếm vài người cùng nhau nghiên cứu, y theo phương pháp này tu học. Nhưng họ cũng rất chịu khó, mấy người tụ lại cùng nhau thảo luận nghiên cứu học tập, và có thể duy trì được tám năm, rất hiếm có! Trải qua một thời gian dài như vậy, ít nhiều cũng có một ít công phu; một chút công phu này vô cùng khó được, rất hy hữu, thế nên cảm động quỷ thần đến cầu siêu độ. Cụ Đàm không kể chuyện của chính mình mà kể chuyện của một người bạn của cụ; họ hùn vốn mở một tiệm thuốc nhỏ để duy trì đời sống. Buổi trưa lúc ít khách, họ ngủ gục ở quầy. Một người bạn của cụ ngủ gục và nhìn thấy hai người đi vào, đây là chuyện ông đó kể lại cho lão pháp sư Đàm Hư nghe sau khi tỉnh dậy. Ông ấy nói hai người đi vào là oán thân chủ nợ đời trước, vì xích mích tiền bạc nên phải thừa kiện; [kết quả là] ông thắng kiện nên hai người kia thất cổ tự tử. Vì chuyện này nên ông ấy cũng thường cảm thấy buồn bực và hối hận; lúc đòi nợ đã làm cho hai người này phải chết, khi thấy hai người này đi vào tiệm ông cứ tưởng là họ đến kiếm chuyện, sợ họ lại để trả thù. Thấy vẻ mặt hai người này rất hòa hoãn, ông cũng hơi yên bụng và hỏi: “Quý vị đến đây làm gì?”. Họ nói: “Đến cầu xin siêu độ”. Lúc đó ông mới yên tâm, biết họ chẳng phải đến gây phiền phức mà đến xin siêu độ. Ông nói: “Được, làm sao siêu độ?”. Họ nói: “Chỉ cần ông đồng ý là được”. “Vậy thì được, tôi đồng ý”. Bèn thấy hai linh quỷ này đập lên đầu gối, lên vai ông rồi bay lên trời, chỉ cần đồng ý siêu độ là được. Bạn nghĩ xem dựa vào sức mạnh gì? Dựa vào việc đóng cửa tám năm đọc Lăng Nghiêm. Hai người này đi khỏi chẳng bao lâu lại có hai người khác đến, là một phụ nữ và một đứa trẻ, nhìn lại thì ra đó là vợ và con đã qua đời của ông. Ông hỏi: “Đến làm gì?”. [Họ đáp] “Đề xin siêu độ”. Cũng giống như khi nãy: “Được, tôi sẽ siêu độ”. Sau đó hai linh quỷ đó đập lên đầu gối, lên vai rồi bay lên trời, chẳng cần nghi thức gì cả. Người siêu độ phải có công phu thực sự mới được, nếu không có công phu, dù làm nghi thức gì cũng chẳng có tác dụng, nhất định phải có công phu tu hành chân chánh. Nói cách khác, ban đêm mộng thấy những quỷ thần này đến xin bạn siêu độ, đó là chứng minh bạn cũng có một chút công phu, nếu bạn chẳng có công phu thì họ chẳng đến.

Do đó lúc chúng ta tụng kinh, niệm Phật, lễ Phật, thậm chí khi

giảng kinh trên giảng đài, khi gần xong chúng ta đều hồi hướng, hồi hướng nhất định phải dùng tâm chân thành “*trên đền bốn ân nặng, dưới độ ba đường khổ*”. Làm thế nào cho công đức hồi hướng được viên mãn? Phải làm đến có hiệu quả thực sự? Cũng là do một tâm chân thành. Lúc thường ngày chúng ta tu học, từng ly từng tí công phu đều vì chúng sanh, chẳng vì mình thì công đức hồi hướng sẽ viên mãn. Hôm nay tôi mở cuốn kinh ra, tụng kinh này là vì ai? Vì hết thấy chúng sanh. Ngày hôm nay tôi bước vào Niệm Phật Đường niệm câu A Di Đà Phật này, như nói trong kinh, niệm vài phút cũng được, vài giờ cũng vậy, niệm nửa ngày, một ngày, hai ngày hai đêm, tôi niệm vì ai? Vì hết thấy chúng sanh mà niệm, công đức hồi hướng ấy sẽ viên mãn. Ngày nay chúng ta học Kinh Giáo, phát tâm giảng kinh thuyết pháp là vì ai? Vì hết thấy chúng sanh. Nếu nói phát tâm là vì mình thì lợi ích rất nhỏ, công đức chẳng lớn; vì hết thấy chúng sanh, vì Phật pháp trụ thế lâu dài, công đức sẽ chẳng thể nghĩ bàn! Trong kinh đều dạy những công đức như vậy.

Quý vị nhất định phải biết vì chính mình thì công đức rất nhỏ, cùng làm một việc nếu vì chúng sanh, vì Phật pháp thì công đức lợi ích vô lượng vô biên. Bởi lẽ chúng sanh vô biên, Phật pháp vô biên nên công đức lợi ích của bạn sẽ vô biên. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật này thì tại sao lại vẽ cái vòng¹³⁵ đó nhỏ như vậy, chỉ vì mình, vì nhà mình, vì đoàn thể của mình. Cùng làm một việc như nhau nhưng được phước nhỏ, công đức nhỏ, lợi ích nhỏ. Người ta cũng làm việc như vậy, tại sao lại được vô lượng vô biên công đức, lợi ích? [Khác nhau] chỉ trong vòng một niệm. Phật pháp nói một niệm tương ứng, niệm này có tương ứng hay không? Tương ứng với tự tánh, tương ứng với chân tâm; tự tánh tức là pháp giới, chân tâm tức là pháp giới. Đức Phật đã nói rất nhiều rồi, chúng ta nhất định phải thấu hiểu, phải ghi nhớ, y giáo phụng hành. Sau này gặp trường hợp giống như vậy, có một số tín đồ đến gặp chúng ta, nói với chúng ta những chuyện này. Hãy kể lại cho họ biết [những chuyện] kinh Địa Tạng có nói đến, [khuyến họ] về nhà tụng kinh, niệm Phật hồi hướng cho [những quỷ thần ấy].

Còn có những người chẳng tin Phật, hoặc vừa mới tiếp xúc đến Phật pháp cũng nằm mộng thấy quỷ thần đến tìm họ. Lúc trước tôi có một người bạn, vợ ông liên tục nằm mộng ba lần trong một tuần nên bà ấy rất thắc mắc. Bà mộng thấy gì? Mộng thấy một bà hàng xóm vừa qua đời khoảng nửa năm. Nằm mộng [thấy bà hàng xóm] ba lần xin tiền, nhờ giúp đỡ, nói đời sống bà rất khổ. Trong mộng cũng chẳng nghĩ là

¹³⁵ vẽ cái vòng ở đây nghĩa là vạch ra giới hạn, hạn cuộc.

bà hàng xóm này đã qua đời. Bà cảm thấy kỳ lạ và nói: “Bà khổ thì cũng đâu cần tìm tôi, bà hãy hỏi chồng bà xem sao”. Bà hàng xóm nói: “Chồng tôi không có tiền, xin bà giúp cho”. Trong vòng một tuần nằm mộng thấy ba lần, bà ấy đến tìm tôi, tôi cũng quen thân với bà. Tôi suy nghĩ và nói: “Ồ! Họ là người Cơ Đốc Giáo, chẳng có tiền”. Tín đồ Cơ Đốc Giáo không đốt giấy tiền (tiền âm phủ, đồ mã); tôi nói tiếp: “Không sao đâu, bà hãy đốt một số giấy tiền cho bà ấy đi”. Bà ta [sực nhớ và] hiểu được, sau khi đốt một số giấy tiền thì chẳng nằm mộng [thấy bà hàng xóm nữa]. Tín đồ Cơ Đốc Giáo chẳng đốt giấy tiền, bà hàng xóm đang ở cõi quỷ, đốt giấy tiền cũng có thể dùng ở cõi quỷ. Cho nên việc đốt giấy tiền này, lão pháp sư Ấn Quang có nói trong Văn Sao, đối với việc này Ngài chẳng tán thành nhưng cũng chẳng phản đối, tại sao không tán thành? Trong Phật pháp chẳng có việc này. Trong Phật pháp nói đến siêu độ chỉ là niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát, tụng kinh hồi hướng cho họ. Nhưng cũng không phản đối, người mất luân hồi đi vào sáu nẻo, chỉ có cõi quỷ mới dùng giấy tiền được, những cõi khác chẳng dùng được. Nếu kẻ ấy sanh vào cõi quỷ, họ cần có giấy tiền, bạn không cho họ đốt thì không phải đã cắt đứt nguồn tiền tài của họ rồi sao? Việc này cũng phiền phức lắm vì họ sẽ hận bạn, thế nên Ngài chẳng phản đối. Chúng ta học thái độ này của lão pháp sư cũng tốt, không đề xướng nhưng cũng không phản đối. Đây là phong tục tập quán trong dân gian, chẳng liên quan gì đến Phật pháp, nếu thực sự học Phật thì chẳng cần những thứ này.

Thế nên biết được cảnh trong mộng, mộng thấy những quỷ thần này có quan hệ đến mình. Nếu họ [có duyên với mình] trong đời quá khứ, mười đời, trăm đời, ngàn đời thì đương nhiên chúng ta chẳng nhận biết được. Tuy chẳng nhận biết, các vị quỷ thần này biết họ có duyên phận với chúng ta, do nhân duyên đời trước họ sẽ tìm bạn để xin giúp đỡ. Thọ mạng của quỷ dài, thọ mạng con người ngắn, trong kinh đức Phật nói một ngày trong cõi quỷ bằng một tháng ở cõi người. Cho nên người ta tế lễ quỷ thần ngày mùng một, mười lăm đúng lúc họ ăn bữa trưa, bữa chiều, một ngày của họ bằng một tháng của chúng ta, phải hiểu đạo lý này. Vả lại thọ mạng cõi ngạ quỷ đại khái cũng trên một ngàn tuổi, thọ mạng rất dài. Nếu cũng tính ba trăm sáu mươi ngày là một năm, vậy thì một ngàn tuổi, bạn phải biết một ngày của họ bằng một tháng của cõi người, cho nên lúc ông Chương Thái Viêm làm phán quan cho đại đế Đông Nhạc, [ông Viêm] đã gặp các ông Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên trong cõi quỷ, ngay cả những người mất thời triều Hán, ông cũng gặp họ trong cõi quỷ. Từ triều Hán đến nay ít nhất là hai ngàn năm, thọ mạng

của quỹ dài hơn con người quá nhiều, thật vậy, trong lục đạo thì thọ mạng con người ngắn. Có lúc thì thọ mạng của con người cũng dài, chúng ta sanh nhằm lúc thọ mạng con người ngắn, trong kinh Phật nói thọ mạng con người dài nhất là tám vạn bốn ngàn tuổi. Chúng ta đang trong kiếp giảm, phước báo rất nhỏ, thọ mạng dài thì phước báo lớn, thọ mạng ngắn thì phước báo nhỏ. Tuy phước nhỏ nhưng nếu chịu tu, cũng rất dễ chẳng khó, duyên tu phước lại thù thắng hơn. Dùng thời gian ngắn để tu phước báo to lớn, đây là người thông minh, có trí huệ. Thế nên chúng ta phải ghi nhớ đoạn kinh văn này, đây đều là cha mẹ, thân bằng quyến thuộc đời quá khứ có nhân duyên đến nhờ chúng ta giúp đỡ. Phía sau là phương pháp giúp đỡ:

Phổ Quảng, nhưĩ dĩ thần lực khiến thị quyến thuộc, lệnh đôi chư Phật Bồ Tát tượng tiền, chí tâm tụng đọc kinh hoặc thỉnh nhân đọc, kỳ số tam biến hoặc thất biến.

普廣。汝以神力遣是眷屬。令對諸佛菩薩像前。志心自讀此經或請人讀。其數三遍或七遍。

(Này Phổ Quảng, ông nên dùng thần lực khiến cho những quyến thuộc đó đối trước tượng của chư Phật, Bồ Tát, chí tâm tụng đọc kinh này, hoặc thỉnh người khác đọc, đủ số ba biến hoặc bảy biến.)

Đây là Phật sự siêu độ, cho nên Phật sự siêu độ là từ kinh Địa Tạng mà có. Tự mình có thể đọc thì tốt nhất, vì tâm mình thành khẩn, đọc kinh vì người nhà, quyến thuộc của mình, tâm ấy rất kiên thành. Nếu tự mình không thể đọc, thì mời người khác đọc, hiện nay phần đông đều thỉnh người xuất gia. Vì trong kinh có nói, người khác đọc cho họ, họ chỉ được một phần bảy lợi ích. Do đó thường thường người ta thỉnh bảy người đọc thì họ mới được một phần, là đạo lý như vậy. Đọc ba lần, bảy lần cũng được. Chúng ta phải hiểu lý luận và phương pháp của việc siêu độ thì mới là không mê tín, bạn phải nói cho người ta tin, đó là sự thật.

Như thị ác đạo quyến thuộc, kinh thanh tất thị biến số đương đắc giải thoát, nãi chí mộng mị chi trung vĩnh bất phục kiến.

如是惡道眷屬。經聲畢是遍數當得解脫。乃至夢寐之中永不復見。

(Như vậy, kẻ quyến thuộc đang ở trong ác đạo kia, khi tiếng tụng kinh đủ số biến đó xong, sẽ được giải thoát, cho đến trong mộng trong

mị không thấy hiện về nữa.)

Bạn không còn mộng thấy họ nữa. Mộng chẳng thấy là người ấy đã thoát khỏi quỷ đạo, đã được lợi ích, thoát khỏi cõi quỷ, hơn phân nửa là đầu thai đến làm người, hoặc được phước đức lợi ích lớn thì có thể sanh lên trời. Sanh lên cõi trời đều ở cõi trời Đao Lợi trở xuống, sanh đến Tứ Vương thiên, Đao Lợi thiên. Trong kinh nói phần đông đều là nói sơ lược, nếu nói kỹ, giữa cõi trời Tứ Vương và Đao Lợi, phước báo và cấp bậc cũng khác nhau. Cho dù sanh đến trời Đao Lợi, phước báo mỗi người cũng chẳng giống nhau. Cũng như chúng ta đều sanh đến cõi người, nhưng thọ dụng của mỗi người trong đời chẳng giống nhau, có người giàu sang phú quý, có người nghèo khổ thấp hèn, đều cùng được thân người nhưng phước báo khác nhau. Do đó có thể biết cùng được thân cõi trời, phước báo cũng khác nhau. Những người trên trời chẳng có phước, hoặc phước rất ít, hoàn cảnh sinh hoạt vật chất có khi còn chẳng bằng người có đại phước báo ở cõi người, nhưng thân của họ là thân trời. Đạo lý này thật ra chẳng khó hiểu, bạn hãy nghĩ con người chúng ta, được thân người trong cõi người, cõi súc sanh chẳng bằng cõi người, có những sự hưởng thụ của súc sanh, những người nghèo khổ chúng ta chẳng bằng nó, sánh chẳng bằng súc sanh, đây chẳng phải là cùng một đạo lý sao? Thế nên bạn quan sát kỹ lưỡng một chút thì dần dần bạn sẽ thấu hiểu trạng huống trong lục đạo luân hồi.

Người giàu có nuôi những con vật trong nhà, người nghèo khổ thực sự sánh chẳng bằng [những con vật ấy], thua xa. Sự ăn uống, nơi cư trú của nó được bao nhiêu người chăm sóc, lúc sanh bệnh còn có viện thú y, được xe đưa rước vào bệnh viện, người nghèo làm sao có phước như vậy? Cho nên thân của nó là thân súc sanh, súc sanh có phước báo, phước báo đó lớn hơn người nghèo chúng ta quá nhiều. Cùng một đạo lý ấy, người cõi trời mà không có phước báo còn chẳng bằng đời sống con người, đây là đạo lý chung, cho nên tuy sanh lên trời nhưng cũng phải có phước báo mới được. Sanh lên trời cần có điều kiện gì? Tu hoàn hảo Ngũ Giới Thập Thiện thì được sanh lên trời. Nếu không tu bố thí, chẳng chịu giúp đỡ người khác, sanh lên trời cũng chẳng có phước báo, thế mới biết tu phước quan trọng lắm. Khi bạn thực sự có phước báo, bất luận sanh đến cõi nào cũng hưởng phước, cho nên phước báo có thể đem theo được, chẳng mất. Công đức cũng có thể mang theo được, nhưng công đức rất dễ mất, trong kinh thường nói: *“Lửa [sân hận] thiêu trụi rìng công đức”*, công đức chẳng dễ giữ gìn. Phước đức thì không sao, có thể

giữ gìn, công đức rất khó gìn giữ. Công đức, nói cho chư vị biết tâm thanh tịnh, Định-Huệ là công đức, vừa khởi tâm tham, tâm sân giận lên thì tâm thanh tịnh của bạn mất tiêu, lập tức bạn sẽ mê mất, định-huệ chẳng còn nữa, định-huệ là công đức, khác với phước đức. Xem tiếp đoạn sau, đoạn này [có tiểu đề trong cuốn Chú Giải] là “*Hạ tiện cầu hối*”, tức là phương pháp sám hối.

Phục thứ Phổ Quảng, nhược vị lai thế hữu chư hạ tiện đẳng nhân, hoặc nô hoặc tỳ, nãi chí chư bất tự do chi nhân, giác tri túc nghiệp yếu sám hối giả.

復次普廣。若未來世有諸下賤等人。或奴或婢。乃至諸不自由之人。覺知宿業要懺悔者。

(Lại nữa, này Phổ Quảng, nếu đời sau có những người hạ tiện, hoặc tớ trai, hoặc tớ gái, cho đến những kẻ không được tự do, biết rõ là do túc nghiệp, cần phải sám hối.)

Đây là nêu ra một nhóm chúng sanh sám hối trước. Bần tiện (nghèo hèn) là sự khổ ở nhân gian, bần là chẳng có của cải, tiện là chẳng có địa vị, trái ngược với phú quý. Phú là có của cải, quý là có địa vị, quý - tiện và bần - phú sai khác rất lớn. Sự sai khác này là do những nghiệp chúng ta đã làm, đã tạo ở đời trước. Nếu muốn trách xã hội này giàu nghèo chẳng quân bình, giàu nghèo tuyệt đối sẽ chẳng quân bình, đây là đạo lý nhất định. Tại sao? Vì nghiệp của mỗi cá nhân tạo thành khác nhau, thì làm sao tạo thành quả báo giống nhau cho được? Đây là việc chẳng thể xảy ra. Do đó [y theo] lời dạy của thánh hiền, hy vọng mọi người đều hiểu rõ sự thật của nhân quả báo ứng, mọi người sẽ chẳng trách móc nữa. Người giàu có nghĩa vụ giúp đỡ người nghèo, người nghèo hèn biết được mình phải tu phước, biết phải sám hối, làm phước thì xã hội này mới có thể hòa hài, an định, phồn vinh, tôn trọng lẫn nhau. Ngày nay họ giàu là do đời trước họ tu giỏi, tôi nghèo là vì tôi chẳng tu, tôi làm sao có thể trách kẻ khác được? Trồng dưa thì được dưa, trồng đậu thì được đậu, hiểu đạo lý này thì sẽ chẳng oán trời trách người, biết mình chẳng tu. Chẳng tu thì không sao cả, hiện nay tu cũng còn kịp, ngày nay tôi chịu tu thì đời sau sẽ tốt đẹp. Nếu người giàu chẳng chịu tu, chỉ hưởng phước mà không tu phước thì đời sau sẽ biến thành nghèo hèn, đó mới là đạo lý chân chánh. Trong đoạn này pháp sư Thanh Liên trích dẫn kinh Biện Ý, đây là lời Phật dạy: Năm việc thường sanh đê tiện, làm nô tỳ cho người, làm nô tỳ thì chẳng có địa vị trong xã hội,

chẳng có địa vị thì gọi là tiện. Phật nói có năm nghiệp nhân tạo thành quả báo này:

-Thứ nhất “*Kiêu mạn bất kính nhị thân*” (Kiêu ngạo chẳng kính cha mẹ), nhị thân là cha mẹ, thái độ đối với cha mẹ kiêu mạn, chẳng tôn kính cha mẹ, chẳng hiếu thuận, đời sau kẻ ấy phải chịu quả báo này.

-Thứ hai “*Cang cường vô khác tâm*” (Ưong ngạnh chẳng cung kính), khác là cung khác, tức là cung kính, hạng người này cũng có quả báo như vậy; cứ tưởng mình giỏi, bất cứ ở đâu cũng chẳng nhường kẻ khác. Trong kinh này đức Phật cũng thường cảm thán *Chúng sanh ở Diêm Phù Đề ương ngạnh, khó dạy*, tại sao Phật nói chúng sanh khó dạy? Tập khí quá nặng, chúng ta thường gọi là cá tánh quá mạnh, chẳng dễ tiếp nhận lời khuyên của kẻ khác.

-Thứ ba “*Phóng dật bất lễ tam tôn*” (Phóng dật chẳng lễ Tam Bảo) tam tôn là Tam Bảo, khinh mạn Tam Bảo. Điều thứ nhất là chẳng kính cha mẹ, còn điều này là chẳng kính thầy giáo. Đại đạo trong thế gian, xuất thế gian là hiếu thân, tôn sư, chẳng hiếu thuận cha mẹ, chẳng tôn kính thầy giáo, Tam Bảo là gương mẫu hạng nhất trong sư đạo. Phật pháp là sư đạo, là mô phạm, điển hình cho thầy giáo, bạn làm sao có thể đối với họ tùy tiện, chẳng có một chút cung kính được!.

-Thứ tư là “*Đạo thiết dĩ vi sanh nghiệp*” (Trộm cắp làm nghề nghiệp), cả đời làm việc trộm cắp để duy trì cuộc sống. Thủ đoạn trộm cắp rất nhiều, nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa chân chánh của nó, trong Phật pháp gọi là không cho mà lấy, đó đều gọi là trộm cắp, cũng như người Trung Quốc chúng ta thường gọi là tài vật bất nghĩa. Bạn chẳng nên có được, bạn chiếm lấy nó, đoạt lấy, đây cũng là nghiệp nhân của sự hạ tiện.

-Thứ năm “*Phụ trái đào tị bất thường*” (Thiếu nợ tránh né không trả), thiếu nợ chẳng chịu trả nợ, đời này không chịu trả, đời sau gặp lại cũng phải trả, chẳng thể tránh được. Điểm này chúng ta nhất định phải biết. Thiếu nợ thì nhất định phải trả, thiếu nợ mạng phải đền mạng, nhà Phật nói nhân quả thông suốt ba đời, chẳng phải chỉ có đời này mà thôi. Đời này bạn tránh được, còn đời sau thì sao? Còn đời sau nữa, bất kỳ đời nào gặp lại cũng phải trả, thiếu mạng phải đền mạng, thiếu tiền phải trả tiền. Trừ phi đối phương giác ngộ, chỉ có học Phật mới giác ngộ; đối phương giác ngộ rồi [và nói với bạn]: Những gì bạn thiếu tôi thì thôi, chẳng cần bạn trả, bạn thiếu nợ mạng cũng chẳng cần bạn trả, dứt hết rồi, vậy mới được. Nếu không gặp người giác ngộ, họ cứ ghi nhớ trong lòng, đến đời nợ, đời mạng, vậy thì không có cách chi khác. Sách chép

chuyện trong nhà Phật có ghi đại sư An Thế Cao triều Hán. Truyện Ký An Thế Cao trong Cao Tăng Truyện, quyển một, [có chép] Ngài đến Trung Quốc hai lần để đền mạng. Trong đời trước Ngài đã ngộ sát (giết lầm) hai người, đời này đến để đền mạng hai người ấy. Hai lần này đều là giết lầm, Ngài giết lầm người ta, người ta cũng giết lầm Ngài.

Đây là Bồ Tát thị hiện để nói cho chúng ta khi thành Phật, thành Bồ Tát cũng chẳng có cách gì khác, vẫn phải đền mạng, thiếu tiền cũng phải trả tiền, thiếu nợ mạng phải đền mạng. Chẳng thể nói bạn thành Phật, thành Bồ Tát thì có thể không trả, chẳng có đạo lý này, [nếu vậy thì] luật nhân quả sẽ bị lật đổ. Thành Phật, thành Bồ Tát cũng không tránh khỏi, huống chi là phàm phu chúng ta. Phàm phu khi trả nợ, đền mạng chẳng cam chịu, chẳng cam tâm thì phiền phức sẽ lớn, trả tới trả lui dây dưa chẳng dứt, thì sẽ rắc rối lớn lắm. [Cứ luân phiên] đòi nợ, trả nợ, đòi mạng, đền mạng chẳng dứt, nhiều đời nhiều kiếp đều làm việc này, khổ chẳng nói nổi. Phật, Bồ Tát tốt hơn ở chỗ nào? Họ đều rõ ràng, rành rẽ vì họ có Túc Mạng Thông, Tha Tâm Thông, Thiên Nhân Thông, họ thấy rõ nhân duyên đời trước rõ ràng, cho nên họ trả từng món nợ, trả sạch hết, sau này không còn nữa. Họ tình nguyện, đồng ý trả, bị người ta giết cũng cam tâm tình nguyện, tuyệt chẳng có tâm trả thù, nợ nần đến đây chấm dứt. Phàm phu thì [chẳng chịu trả nợ nên] món nợ này chẳng chấm dứt, chẳng cam tâm, chẳng chịu, vẫn còn tâm niệm trả thù, kết oán đời đời kiếp kiếp không bao giờ dứt, đáng sợ vô cùng.

Nếu các bạn thấu hiểu những sự tướng này một cách cặn kẽ, thì sau đó bạn mới biết tại sao phải tôn kính Tam Bảo, tại sao công đức lợi ích của Tam Bảo lớn như vậy, bạn mới có thể hiểu được đôi chút. Chỉ có Tam Bảo mới có thể thực sự giải quyết vấn đề, những vấn đề vương mắc nhiều đời nhiều kiếp khi gặp được Tam Bảo đều có thể giải quyết, đây là việc bất kỳ pháp môn nào khác trong thế gian đều chẳng làm nổi.

Chúng ta biết mình chịu bần cùng hạ tiện, ở trong địa vị này, biết đây là quả báo do ác nghiệp mình tạo đời trước. Hiểu được đạo lý này, hiểu được sự thật thì sẽ có phương pháp để cứu vãn, phương pháp cứu vãn là sám hối. “*Giác tri túc nghiệp*” (Biết được nghiệp đời trước), đây tức là bạn hiểu rõ. [Muốn] Giác tri túc nghiệp nếu không nhờ Phật pháp thì không thể được. Trong pháp thế gian cũng có, tuy có nhưng không rốt ráo. Người có học vấn, có đức hạnh trong thế gian, như một số nhà tôn giáo, họ cũng biết một vài Sự, Lý của nhân quả báo ứng, cũng biết tu pháp sám hối, nhưng tri kiến của họ chẳng viên mãn, chẳng rốt ráo, do đó cách sám hối của họ hơn phân nửa thuộc về Sự, có thể giúp đỡ chút ít

chứ chẳng thể giải quyết vấn đề một cách triệt để. Muốn giải quyết vấn đề triệt để phải giúp con người thoát khỏi tam giới, như vậy mới là triệt để. Chẳng thể thoát ra khỏi lục đạo luân hồi thường là phiền phức sẽ ở đằng sau, trước mắt thì hòa hoãn đôi chút, nhưng sự việc chẳng chấm dứt, thế mới biết Phật pháp thù thắng vô cùng. Phía sau là phương pháp đức Phật dạy cho chúng ta:

Chí tâm chiêm lễ Địa Tạng Bồ Tát hình tượng.

志心瞻禮地藏菩薩形像。

(Chí tâm chiêm lễ hình tượng Địa Tạng Bồ Tát.)

Quan trọng ở tại chí tâm, dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm chân thành thanh tịnh tức là pháp sám hối. Do đó có thể biết, hình tượng Địa Tạng Bồ Tát là một tăng thượng duyên cho chúng ta sám hối. Tại sao bạn có thể tiêu trừ hết nghiệp chướng? Vì bạn chí tâm. Lúc bình thường bạn dùng vọng tâm, bây giờ đối trước hình tượng Phật, Bồ Tát là dùng tâm chân thành.

Nãi chí nhất thất nhật trung niệm Bồ Tát danh khả mãn vạn biến.

乃至一七日中念菩薩名可滿萬遍。

(Rồi trong bảy ngày niệm danh hiệu của Bồ Tát đủ một vạn biến.)

“*Nhất thất*”, bảy là một con số viên mãn. Bạn tìm thời gian tu tập đàn tràng trong bảy ngày, trong bảy ngày chấp trì danh hiệu Bồ Tát, đây gọi là đả Địa Tạng thất, hoặc đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên, niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát bảy ngày, trong một thất (bảy ngày). Thực sự kết thất niệm Phật, thật ra phải là bảy ngày bảy đêm chẳng gián đoạn, công đức lợi ích vô cùng thù thắng. Bảy ngày bảy đêm chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, người căn tánh lành lợi bèn được nhất tâm, được nhất tâm bèn siêu phàm nhập thánh. Đoạn trước chúng ta thấy cô Quang Mục, cô Bà La Môn, họ đều dùng phương pháp niệm Phật nên chẳng phải là người phàm, nên họ có thể đi đến địa ngục. [Gặp] Quỷ vương trong địa ngục, cô hỏi quỷ vương nơi đó là nơi nào? Quỷ vương đáp: Đây là địa ngục. Tôi làm sao đến được? Quỷ vương đáp Có hai hạng người có thể vào địa ngục, thứ nhất là Bồ Tát, thứ nhì là tội nhân. Do đó có thể biết cô niệm Phật một ngày một đêm, niệm đến nhất tâm bất loạn nên mới có thể vào địa ngục. Đây là như

kinh Di Đà nói: Nếu một ngày... cho đến bảy ngày. Người lợi căn thì một ngày, một đêm bèn được nhất tâm, người căn tánh thấp hơn thì bảy ngày, bảy ngày bảy đêm có thể được nhất tâm. Hiện nay các đồng tu niệm Phật trong Niệm Phật Đường chúng ta, đừng nói một thất, niệm liên tiếp bảy cái thất cũng chẳng được nhất tâm, nguyên nhân là gì? Niệm Phật chẳng đúng như pháp. Chuyện phiền phức nhất là xen tạp, lúc niệm Phật vẫn còn vọng niệm xen tạp trong đó, như vậy thì không đúng như pháp. Nếu không có vọng niệm, thực sự đạt đến tiêu chuẩn này, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn thì bảy ngày bảy đêm có thể thành công.

Chúng ta xem Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, xem Vãng Sanh Truyện, trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có truyện pháp sư Oánh Kha đời Tống. Ngài là một người xuất gia phá giới, tập khí rất nặng, Ngài tự biết rõ tương lai nhất định sẽ堕 địa ngục. Tạo tội nghiệp quá nhiều, tự mình chẳng có cách kiểm chế mình, tâm chuyển theo cảnh, vậy thì đâu có cách nào khác? Ngài tự biết rõ giác tri tức nghiệp, chỗ hay của Ngài là bốn chữ này, Ngài biết tương lai nhất định sẽ堕 địa ngục, nghĩ đến堕 địa ngục bèn sợ hãi, Ngài rất lo sợ. Ngài hỏi các bạn đồng tham làm sao có thể không堕 địa ngục? Những bạn đồng tham này bèn đưa cho Ngài một cuốn Vãng Sanh Truyện. Ngài coi Vãng Sanh Truyện, mỗi khi đọc một chuyện đều cảm động đến khóc. Coi xong Ngài phát tâm nhất định cầu vãng sanh, đóng cửa phòng lại để niệm A Di Đà Phật, ba ngày ba đêm chẳng ăn cơm, cũng chẳng uống nước.

Ba ngày ba đêm chí tâm chiêm lễ, tâm chân thành cảm động A Di Đà Phật, A Di Đà Phật bèn đến. Ngài niệm suốt ba ngày ba đêm đến lúc chịu không nổi nữa rồi ngã gục xuống, trong lúc hôn trầm, trong giấc ngủ mộng thấy A Di Đà Phật tới, đây là trong giấc mộng. Ngài xin đức Phật A Di Đà cầu vãng sanh, A Di Đà Phật nói với Ngài thọ mạng của ông còn mười năm, ông hãy gắng dụng công, mười năm sau lúc ông mạng chung, ta sẽ đến tiếp dẫn ông. Ngài tự biết rõ về mình, Ngài nói: Tập khí của con quá nặng, thời gian mười năm dài như vậy, chẳng chống nổi sự dục hoặc bên ngoài, chẳng biết sẽ tạo bao nhiêu tội nghiệp, vậy thì làm sao được! Con chẳng muốn sống mười năm nữa, con xin theo Phật đi ngay bây giờ. A Di Đà Phật nghe xong cũng gật đầu: Thôi thì như vậy, ba ngày sau ta đến tiếp dẫn ông. Pháp sư Oánh Kha rất vui mừng bèn tỉnh dậy, chuyện này chẳng giả, Ngài nói với đại chúng ba ngày sau sẽ vãng sanh. Cảnh giới hoàn toàn giống với cô Quang Mục, cô Bà La Môn, ba ngày ba đêm. Do đó trong kinh Di Đà nói Nếu một ngày, ...

đến bảy ngày [là thật] chẳng giả, vấn đề là bạn có thể chí tâm hay không? Bạn có thể không xen tạp không?

Ngày nay công phu niệm Phật của chúng ta không thể đắc lực, nói thật ra hiện nay thì ít hoài nghi, nhưng không thể nói là không có, sự hoài nghi đó ngay cả bạn cũng chẳng biết. Nguyên nhân là gì? Đối với đạo lý và chân tướng sự thật của việc niệm Phật vãng sanh bạn cũng chẳng hiểu rõ triệt để, cho nên tâm hoài nghi của bạn chưa dứt. Thực sự hiểu rõ triệt để, chẳng hoài nghi, không hoài nghi thì nhất định sẽ chẳng lưu luyến thế gian này, do đó nếu còn lưu luyến thế gian này chứng tỏ bạn còn hoài nghi. Mục đích của sự giảng kinh thuyết pháp là ở chỗ này, thực sự giúp đỡ đại chúng đoạn nghi sanh tín. Sau đó công phu sẽ chẳng xen tạp, nếu làm đến mức chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, chẳng có một ai không thành công hết. Cho nên đứng mà vãng sanh, ngồi mà vãng sanh, chẳng sanh bệnh. Pháp sư Oánh Kha chẳng sanh bệnh, niệm Phật rõ ràng mà vãng sanh; thời đại gần đây cũng có nhiều người làm được việc này.

Chúng ta làm sao có thể nói không tin được? Tại sao họ có thể làm được? Không sanh bệnh là do sám trừ hết nghiệp chướng, chí tâm thì có thể sám trừ nghiệp chướng. Chúng ta còn sanh bệnh là còn nghiệp chướng, bạn chẳng chịu hết lòng sám trừ nghiệp chướng, cho nên còn bị ma bệnh trói buộc. Chân tâm sám hối thì sẽ tiêu trừ hết nghiệp chướng. Bệnh nghiệp chướng, sám hối có thể trị dứt, công đức bạn sám hối thực sự, oán gia trái chủ sẽ xa lìa, họ cũng được hưởng ké, được lợi ích. Cho nên pháp sám hối nói thật ra, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều thuộc về pháp môn sám hối, hai chữ sám hối bao gồm hết tất cả pháp môn tu hành của Bồ Tát, chẳng có pháp nào không phải là pháp sám hối. Phía sau nói về quả báo có được:

Như thị đẳng nhân tận thử báo hậu, thiên vạn sanh trung thường sanh tôn quý, cánh bất kinh tam ác đạo khổ.

如是等人盡此報後。千萬生中常生尊貴。更不經三惡道苦。

(Những người như thế sau khi mãn báo thân này, trong ngàn vạn đời về sau thường sanh vào nhà tôn quý, không phải trải qua nỗi khổ nơi ba đường ác nữa.)

Đây là quả báo. Cho nên hiện nay bản cùng, hạ tiện thì phải biết nghiệp nhân của mình, biết nghiệp nhân rồi quay lại tu Bồ Tát đạo. Nếu

nói, đây là nói thời quá khứ làm nô tỳ cho kẻ khác, bạn phải chịu chủ nhân kiểm chế, tự mình chẳng thể tự do, chẳng có bảy ngày bảy đêm để tu hành, thì lúc bình thường tu hành cũng được. Và nữa trong các cách tu hành chẳng pháp môn nào thù thắng hơn pháp môn niệm Phật, pháp môn niệm Phật chẳng chướng ngại, mọi lúc mọi nơi trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, nhớ Phật niệm Phật cũng chẳng gây trở ngại cho công việc của bạn. Bạn làm việc gì thì cũng làm như thường, bạn còn làm được tốt hơn, làm viên mãn hơn. Trong tâm hết thấy đều buông xuống, nhất tâm niệm Phật. Có khả năng thì có thể đọc kinh, chẳng có khả năng đọc kinh thì một câu A Di Đà Phật này cũng đủ rồi. Trong thời cận đại chúng ta gặp không ít người chỉ thọ trì một câu A Di Đà Phật, lúc vắng sanh tướng lành thù thắng phi thường, chúng ta nhìn thấy công đức lợi ích tận mắt.

Cho nên nhất định phải niệm Phật, niệm Phật là công đức hạng nhất, niệm Phật là phước đức thù thắng vô biên. Nghiệp chướng tiêu trừ rồi thì phước báo tự nhiên hiện ra, nghiệp chướng chưa tiêu hết cũng chẳng màng, hết lòng nỗ lực tu học, đời sau nhất định có quả báo thù thắng. Không những không dọa ba đường ác, mà còn siêu việt lục đạo luân hồi, còn có thể độ rất nhiều chúng sanh, thực sự là tự hành hóa tha. Chuyển thân tội báo thành thân Bồ Tát, đó không phải là cùng Bồ Tát ứng hóa hay sao, nên dùng thân nô tỳ để độ thì hiện thân nô tỳ để độ, như vậy chẳng phải là cùng một chuyện hay sao? Vấn đề là bạn đã thực sự giác ngộ hay chưa, thực sự giác ngộ thì dùng thân này để tu, dùng thân này để chứng quả, dùng thân này để độ hóa hết thấy chúng sanh. Bạn niệm Phật thành tựu, vắng sanh tự tại, nếu bạn có thể đứng mà vắng sanh, ngồi mà vắng sanh, thì cả nhà của bạn sẽ được độ.

Lúc trước ở Hương Cảng, bà chủ Đông Liên Giác Uyển là phu nhân Hà Đông, cụ niệm Phật vắng sanh nên độ được cả nhà. Cả nhà cụ đều theo đạo Cơ Đốc, chỉ có cụ niệm Phật, nhưng con cái cụ rất hiếu thuận, và rất thông minh, tuy tín ngưỡng khác nhau, người nhà họ đều rất tự do và tôn trọng lẫn nhau. Cụ ăn chay niệm Phật, con trai, con gái, con dâu cụ đều là tín đồ Cơ Đốc, họ đều tôn trọng lẫn nhau. Lúc cụ vắng sanh, cụ nói với các con: Cả đời chúng ta đều rất tôn trọng và chẳng can thiệp vào tín ngưỡng của kẻ khác, cụ nói: Hôm nay mẹ vắng sanh, mẹ chỉ có một yêu cầu là muốn các con niệm Phật tiễn đưa mẹ ra đi. Con và con dâu cũng rất thông hiểu nhân tình và nói: Dạ, tụi con sẽ niệm Phật tiễn mẹ đi. Cụ thực sự ngồi mà vắng sanh, người nhà niệm Phật tiễn cụ đi. Chúng kiến cảnh tượng ấy mới biết Phật giáo chẳng phải giả, [sau đó]

các con của cụ đều niệm Phật, đều quay trở về. Bạn hãy xem cụ rất kiên nhẫn độ người nhà của cụ, đến phút cuối cùng mới biểu diễn cho các con thấy; lúc thường ngày cụ chẳng khuyên họ, một câu cũng chẳng nói, rất tôn trọng các con, cuối cùng biểu diễn một phen cho họ coi, coi Cơ Đốc Giáo có thể ngồi mà vắng sanh không? Có thể biết trước ngày giờ ra đi không? Dùng phương pháp ấy mà độ cả nhà của cụ. Không những độ cả nhà mà còn ảnh hưởng đến cả xã hội. Đây chẳng phải là một nhà bình thường, ký giả đến phỏng vấn, đăng lên báo, bạn xem ảnh hưởng đến bao nhiêu người? Như vậy mới thật là có trí huệ. Phương pháp độ người nhà rất nhiều, bạn phải thực sự hiểu rõ, bạn phải biểu diễn cho họ thấy. Người hiện đại dùng miệng nói, họ chẳng tin thì biểu diễn cho họ coi, họ không thể không tin.

Trong chú giải trang năm mươi sáu, quý vị hãy coi, ở đây trích dẫn lời nói trong kinh Biện Ý, hàng thứ nhất trang năm mươi sáu. “*Phật cáo Biện Ý: Hữu ngũ sự đắc vi tôn quý, chúng nhân sở kính*” (Phật bảo Biện Ý: Có năm sự việc được tôn quý, mọi người kính trọng). Đây là nghiệp nhân, chỉ cần bạn chịu tu thì bạn sẽ được phước báo:

-Thứ nhất là “*Thí Huệ phổ quảng*” (Bố thí rộng rãi), tức là bố thí nhiều, tu bố thí, dùng tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh tu bố thí, bạn sẽ được thân tôn quý.

-Thứ nhì “*Lễ kính Tam Bảo cập chúng trưởng giả*” (Lễ kính Tam Bảo và những người đức hạnh đáng tôn kính), đây tức là hộ trì Phật pháp, tôn kính sư trưởng.

-Thứ ba là “*Nhẫn nhục vô hữu sân khuể*” (Nhẫn nhục, chẳng nổi giận).

-Thứ tư “*Nhu hòa khiêm hạ*” (Mềm mỏng, hiền hòa, khiêm tốn, nhún nhường), đây là thái độ phải có khi xử sự, đối người, tiếp vật.

-Thứ năm “*Bác văn kinh giới*” (Nghe rộng kinh giới), thông đạt kinh điển, đối với giới luật họ cũng hiểu rõ, có thể tuân giữ, làm được.

Đây là lời Phật dạy trong kinh: Năm việc được người tôn kính, nghiệp nhân để được quả báo tôn quý, có địa vị trong xã hội. Do đó nếu bạn không tu nhân thì làm sao có quả báo được? Bạn muốn có quả báo thù thắng thì phải biết làm thế nào tu nghiệp nhân thù thắng, nghiệp nhân quả báo tột vời chẳng sai.

Hôm nay đã đến giờ, chúng tôi giảng đến đây thôi.

Tập 24 (Số 14-12-24)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển trung, trang năm mươi sáu:

Phục thứ Phổ Quảng, nhược vị lai thế trung Diêm Phù Đề nội, Sát Lợi Bà La Môn trưởng giả cư sĩ nhất thiết nhân đẳng, cập dị tánh chủng tộc hữu tân sản giả, hoặc nam hoặc nữ thất nhật chi trung, tảo u độc tụng thử bất tư nghị kinh điển, cánh vì niệm Bồ Tát danh khả mãn vạn biến, thị tân sanh tử hoặc nam hoặc nữ, tức hữu ương báo tiện đắc giải thoát, an lạc dị dưỡng thọ mạng tăng trưởng, nhược thị thừa phước sanh giả chuyển tăng an lạc cập dữ thọ mạng.

復次普廣。若未來世中閻浮提內。剎利婆羅門長者居士一切人等。及異姓種族有新產者。或男或女七日之中。早與讀誦此不思議經典。更為念菩薩名可滿萬遍。是新生子或男或女。宿有殃報便得解脫。安樂易養壽命增長。若是承福生者轉增安樂及與壽命。

(Lại nữa, này Phổ Quảng, nếu trong đời vị lai, nơi cõi Diêm Phù Đề, trong hàng Sát Lợi, Bà La Môn, trưởng giả, cư sĩ, hết thấy các người và những chủng tộc dòng họ khác, có người mới sinh được con trai hoặc con gái, trong vng bảy ngày, sớm ớ đưa trẻ đó mà tụng kinh điển không thể nghĩ bàn này, lại vì đứa trẻ mà niệm danh hiệu của Bồ Tát đủ một vạn biến, thì đứa trẻ mới sinh đó, hoặc trai hoặc gái, nếu đời trước có ương báo thì đều được giải trừ, lại thêm yên ổn, vui vẻ, dễ nuôi, thọ mạng tăng trưởng, còn nếu nương nơi phước lực mà thọ sanh, thì nó càng được an vui hơn và sống lâu hơn.)

Đây là dạy lúc sanh sản nên làm thế nào để tu phước. Sự việc này, vệ sinh, thuốc men hiện nay phát triển hơn lúc trước, tình huống tốt hơn lúc trước rất nhiều. Thời xưa, đặc biệt là những vùng nông thôn lạc hậu, sanh con là một việc lớn liên quan đến tánh mạng. Do đó đức Phật ở đây đặc biệt nêu ra, dạy chúng ta cách làm thế nào tu học, làm sao cho mẹ con được bình yên. Đức Phật trong kinh dạy chúng ta, quan hệ giữa người trong nhà vô cùng mật thiết, chắc chắn là có nhân duyên sâu xa, chẳng phải ngẫu nhiên mà tụ hợp. Nhân duyên vô cùng phức tạp, Phật quy nạp những nhân duyên phức tạp này thành bốn loại lớn, đó là như trong kinh thường nói: “Báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ”, cho nên mới tụ lại thành người một nhà. Cha con, anh em, chị em đều chẳng rời những quan hệ này, do nhân duyên đời trước nên mới thành người một nhà, ngôn ngữ thường nói: “Chẳng phải oan gia thì chẳng đụng đầu”,

lời này rất có đạo lý. Nhưng sau khi giác ngộ, người trong nhà của bạn biến thành quyến thuộc trong Pháp, như vậy rất tốt, rất thù thắng. Chẳng giác ngộ thì người trong nhà [tụ lại để] ân oán báo đền lẫn nhau, đó gọi là khổ chẳng nói nổi. Rốt cuộc thì báo ân rất ít, báo oán lại nhiều, trả nợ thì ít, đòi nợ thì nhiều, cho nên cả đời người thế gian xảy ra những chuyện chẳng như ý nhiều như cơm bữa, đây là sự thật mà chúng ta đã từng trải qua, đích thân nhìn thấy. Cho nên con cái sanh ra, nhất định phải hiểu nhân duyên đời trước của nó.

Quả báo đều là bình đẳng, bất luận giàu sang, nghèo hèn, trong kinh nói tới “*Sát Lợi*”, trước kia ở Ấn Độ là hoàng tộc, Bà La Môn là những nhà tôn giáo có địa vị cao trong xã hội, trưởng giả, cư sĩ đều có phước báo. Phía sau nói “*hết thấy các người và những chủng tộc dòng họ khác*”, phạm vi bao gồm rất rộng, bao gồm hết bốn dòng họ, giai cấp ở Ấn Độ, người Trung Quốc chúng ta gọi là nghèo, giàu, sang, hèn. Bất luận là thân phận nào, địa vị nào, sanh sản tuyệt chẳng thể tránh khỏi, hơn nữa sự đau khổ trong khi sanh sản đều bình đẳng, người giàu sang thì chăm sóc chu đáo một chút, người nghèo hèn thì chăm sóc tẻ một chút. Nói tóm lại, nỗi khổ này chẳng thể nào tránh khỏi. Phật dạy chúng ta phương pháp “*trong vòng bảy ngày sớm vì đứa trẻ đó mà đọc tụng kinh điển không thể nghĩ bàn này*”, phải sớm đọc. Tốt nhất là nếu người trong nhà có tín ngưỡng Phật pháp, có thể tiếp nhận giáo huấn của đức Phật, nên đọc vào lúc nào? Ngay lúc mang thai bèn đọc. Mỗi ngày đọc một bộ Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh, hoặc niệm một ngàn danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, phải dùng tâm chân thành, cung kính để tụng niệm thì phước báo sẽ rất lớn. Cho dù đứa con trong thai đến để báo oán, là oán gia chủ nợ đến, nếu bạn có thể chăm sóc nó như vậy thì oán kết ấy sẽ được hóa giải. Bạn có ân đối với nó thì nó sẽ chẳng báo oán, nó sẽ đến cảm ơn, chuyển biến phải bắt đầu từ lúc ban đầu. Ở đây nói ít nhất phải là bảy ngày trước khi sanh, đương nhiên càng sớm thì càng tốt. Cho nên khi chúng ta hiểu đạo lý này, biết phương pháp này, tốt nhất là khi mang thai bèn đọc, bèn tu tập theo phương pháp này. Người làm mẹ, tâm bình khí hòa, chân thành cung kính, thanh tịnh bình đẳng, khởi tâm động niệm gì cũng tuyệt đối sẽ ảnh hưởng đến đứa bé trong thai. Dùng lý luận khoa học hiện nay để nói thì mọi người dễ hiểu hơn, đây thuộc về hiện tượng ba động (làn sóng).

Nói theo Phật pháp, giống như hết thấy vạn pháp ở Tây Phương Cực Lạc thế giới đều phát ánh sáng, không những thân người phát ánh sáng, vạn vật cũng phát quang. Thật ra Cực Lạc thế giới quang minh

chiếu khắp, thế gian này của chúng ta chẳng phóng quang hay sao? Nếu tất cả hết thấy người, vật ở thế gian này của chúng ta chẳng quang minh chiếu khắp như Tây Phương Cực Lạc thế giới thì Nhất Chân pháp giới sẽ chẳng đứng vững nữa. Đâu có lý nào chỗ này quang minh cực lớn, còn chỗ kia chẳng có quang minh, vậy thì chẳng có lý? Nhất định phải biết Nhất Chân pháp giới bao gồm thế giới này của chúng ta, chẳng phải nói rời khỏi thế giới này của chúng ta lại có một Nhất Chân pháp giới riêng rẽ, chẳng có đạo lý ấy! Trong kinh nói về một việc gì? Ở chỗ đó quang minh chiếu khắp, mọi người đều có thể đích thân cảm giác được, còn quang minh chiếu khắp ở thế gian này của chúng ta, chúng ta chẳng cảm giác được, là đạo lý như vậy chứ không phải là quang minh không có chiếu. Tại sao chúng ta chẳng có cảm giác? Vì tâm chúng ta không thanh tịnh, tâm quá loạn rồi, vọng niệm quá nhiều, nên bạn chẳng nhìn thấy cảnh giới ấy; chẳng phải là không có, cùng Cực Lạc thế giới và Hoa Tạng thế giới không hai không khác. Dùng cách nói của vật lý hiện đại thì rất dễ hiểu, quang là gì? Quang là hiện tượng làn sóng (ba động). Chỉ cần có động thì sẽ có sóng, hiện nay khoa học gia gọi là ba động, nhà Phật chúng ta gọi là quang, quang chính là ba động. Hết thấy tất cả vật chất hiện nay đều biết, vật chất cấu tạo hình thành như thế nào? Phân tách đến cuối cùng biến thành nguyên tử, điện tử, lap tử¹³⁶. Những vật chất cơ bản này ở dưới trạng thái gì? Đều chuyển động. Đức Phật chẳng cần các dụng cụ khoa học, Ngài nhìn thấy rất rõ ràng, hiện nay dụng cụ tân tiến nhất còn chưa quan sát tới, Phật đã nhìn thấy rõ ràng. Đức Phật nói những hiện tượng này cho chúng ta, lời của Ngài nói rất khéo léo, rất uyển chuyển, nói ra chân tướng này, chẳng có ai tin tưởng, chẳng ai tiếp nhận. Thế nên cách nói như vậy rất vi diệu, rất cao minh, chúng ta gọi là thiện xảo phương tiện.

Phật nói hiện tượng vật chất, nói cho chúng ta bốn nguyên tắc: Địa - thủy - hỏa - phong (đất, nước, lửa, gió). Địa - thủy - hỏa - phong nói về cái gì? Nói về vật chất căn bản, hiện nay gọi là lap tử cơ bản, nhất định có bốn hiện tượng này. Địa là gì? Là một dạng vật chất có thể nhìn thấy được, thì gọi là địa. Địa tượng trưng cho vật chất, mắt thịt chúng ta chẳng thể nhìn thấy, dưới kính siêu hiển vi có thể phát hiện, thấy được nó. Phật chẳng cần những dụng cụ này, mắt Phật gọi là Ngũ Nhãn Viên Minh, Ngài có thể nhìn thấy, phàm phu chúng ta chẳng thể nhìn thấy.

¹³⁶ Lap tử là thuật ngữ khoa học để gọi những hạt cơ bản nhỏ hơn nguyên tử. Lap tử gồm nhiều loại như: Khoa khắc (quark), khinh tử (lepton), dẫn lực tử (graviton), quang tử (photon), giao tử (gluon), phản lap tử (antiparticle)...

Thế nên mắt của Ngài sắc bén hơn chúng ta, Ngài nhìn thấy hiện tượng này. Vật chất căn bản hình thành như thế nào? Nó có mang điện. Cho nên “*hỏa đại*” tức là điện dương, “*thủy đại*” tức là điện âm, ngày nay chúng ta nói nó có ôn độ (độ âm), có thấp độ (độ ướt). “*Phong đại*” là gì? Là trạng thái di động, chẳng phải chỉ tĩnh (ở yên một chỗ), đây là nói về vật chất căn bản. Hết thấy tất cả hiện tượng vật chất bao gồm cả những tổ chức tế bào của con người đều có hiện tượng này. Bạn nghĩ xem nó làm sao không có động được? Lạp tử căn bản cũng chuyển động ở đó. Động thì sẽ sanh ra “ba” (sóng [năng lượng]), ba động có phạm vi bao lớn? Nói cho chư vị lý luận và phương pháp đều giống nhau, làn sóng này biến tận hư không pháp giới. Sau đó bạn nghĩ thử xem, vạn vật trời đất bao nhiêu chúng sanh khởi tâm động niệm, thì “ba” (sóng) càng hiện rõ, phúc độ ba động (cường độ dao động) càng lớn. Ba động của vật chất tương đối vi tế, tương đối nhỏ, từ đó bạn mới biết làn sóng trong không gian sinh hoạt của chúng ta phức tạp đến mức nào. Trong kinh Phật nói thiện niệm, thiện tâm thì làn sóng sẽ ôn hòa, ổn định, bình lặng, sau khi tiếp xúc bạn sanh tâm hoan hỷ, tiếp xúc có cảm giác rất sung sướng. Ác niệm ác tâm thì làn sóng sẽ rất mãnh liệt, bạn cảm xúc đến cả thân người chẳng thoải mái. Hiện nay có người gọi hiện tượng này là từ trường, gọi là từ trường cũng được. Ở nội địa Trung Quốc, người luyện khí công gọi là khí, cũng được, đều là một việc này. Bạn gọi là khí cũng được, trong Phật pháp gọi là quang, gọi là ba động, gọi là từ trường đều cùng một đạo lý.

Do đó có thể biết khi thần thức đến đầu thai, nó có niệm đầu (một niệm), nó có làn sóng, thế nên khi người mẹ khởi tâm động niệm, hết thấy cử chỉ đều ảnh hưởng đến bào thai, vì vậy người Trung Quốc thời xưa chú trọng thai giáo, đạo lý là như vậy. Chúng ta hiểu được “*thai giáo*” ghi trong sách xưa, trong đó có nói một số nguyên lý, nhưng nói chẳng rõ ràng, thấu triệt, đọc xong chúng ta nửa tin nửa ngờ, chẳng biết mức nghiêm trọng của ảnh hưởng [thai giáo], chẳng biết được! Ngày nay chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật của ba động thì biết khởi tâm động niệm ảnh hưởng đến thai nhi rất nhiều, rất lớn, do đó người làm mẹ trong thời gian mang thai, khởi tâm động niệm đều là thiện, đều thanh tịnh, thì đứa bé trong thai nhận được lợi ích rất lớn, quá lớn! Người ta ai cũng hy vọng con cái của mình tốt lành, con hiếu cháu hiền. Làm sao dạy nó? Lúc mang thai, tự mình chúng ta phải hiếu thảo, phải tận hiếu, ba động của sự hiếu thảo ảnh hưởng tới đứa trẻ. Chúng ta tu tịnh, tu thanh tịnh, tu phước, vậy mới thực sự dạy nó gieo trồng hạt giống [thanh tịnh, phước

đức]. Việc này chẳng phải là không có đạo lý, nhất định chẳng có mê tín.

Tại sao đức Phật dạy chúng ta đọc bộ kinh này? Kinh này là Hiếu Kinh, tinh thần nói trong kinh này quy nạp vào bốn chữ “hiếu thân tôn sư”, hiếu thuận cha mẹ tôn kính sư trưởng là căn bản của sự giáo học thế gian và xuất thế gian. Chúng ta tu học Phật pháp Đại Thừa bắt đầu học từ đâu? Từ kinh Địa Tạng, Địa là tâm địa, Tạng là kho tàng. Bảo tàng trong tâm địa là gì? Vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng; đức là phước đức, năng là năng lực kỹ thuật; vô lượng tài nghệ là kho báu vốn có trong tự tánh chúng ta, đó gọi là Địa Tạng. Kho báu chôn dưới đất, giống như ngày nay chúng ta gọi là kho vàng bạc, nếu không khai thác mà cứ chôn vùi dưới đất, tuy có nhưng chúng ta chẳng được thọ dụng. Bạn phải biết khai thác, dùng phương pháp gì để khai thác? Khai thác kho báu trong tự tánh nhất định phải dùng tánh đức, phải dùng công cụ này, tương ứng với nó thì mới khai phá được. Trong tánh đức, tánh thù thắng nhất chính là hiếu kính, thế nên hiếu kính mới có thể khai phá kho báu tự tánh. Tu học Phật pháp Đại Thừa phải bắt đầu học từ đâu? Phải học Địa Tạng trước nhất, hạ thủ từ chỗ này. Học Hiếu Đạo trước, từ Hiếu Đạo xây dựng Sư Đạo, Phật pháp là Sư Đạo, Sư Đạo xây dựng trên cơ sở của Hiếu Đạo.

Thuở trước tôi thấy một số pháp sư đi Mỹ hoằng pháp, khi tiễn đưa họ, tôi khuyên họ đến Mỹ dựng xây chùa miếu, tôi khuyên họ xây từ đường, đề xướng Hiếu Đạo. Tại sao? Nếu không có Hiếu Đạo thì Phật pháp nhất định sẽ không bám rễ, sẽ chẳng xây dựng được đạo tràng Phật pháp, vì chẳng có cơ sở, Phật pháp là Sư Đạo. Xây từ đường tốt hơn, xây từ đường hoằng dương Phật pháp, hiệu quả lớn hơn xây chùa nhiều. Vì bạn xây chùa xong, người ta vừa nhìn thì thấy là Phật giáo, người chẳng tin Phật sẽ chẳng bước vô, cái duyên ấy bèn tuyệt mất. Tôi xây từ đường mỗi năm cúng tế tổ tiên, người Trung Quốc chẳng kể là tin theo tôn giáo nào, ai cũng chẳng quên tổ tiên, họ phải tới tham gia lễ cúng tổ tiên. Trong lúc cúng tế có thể giảng giải Phật pháp, có thể giảng giải giáo học truyền thống của Trung Quốc, được vậy thì dần dần có thể cảm hóa hết thảy đại chúng. Do đó dùng từ đường làm đạo tràng tốt hơn chùa miếu nhiều lắm. Nhưng những pháp sư này chẳng nhận lời đề nghị của tôi. Người Nhật, người Trung Quốc xây đạo tràng ở Mỹ rất nhiều, trên thực tế đều là độ cho kiều dân Trung Quốc, rất ít người [Mỹ] ở địa phương ấy bước vô, nguyên nhân là ở chỗ này, chúng ta đã lộn ngược đầu đuôi rồi. Cho nên tuy đã xây dựng hơn một trăm năm, dùng thí dụ như ở Mỹ, Phật pháp được truyền đến Mỹ đã trên một trăm năm, ngày nay chẳng có biện

pháp bám rễ, chẳng có biện pháp hoằng dương, rất nhiều người không biết nguyên nhân ở chỗ nào.

Khi giảng kinh khắp nơi ở Mỹ, tôi thường nhắc nhở mọi người, chúng ta chẳng có phước báo, sức lực rất yếu kém, tôi đề xướng hiện đại hóa và bản địa hóa. Bạn xây đạo tràng ở Mỹ, hình thức của đạo tràng nhất định phải dùng kiến trúc của Mỹ, nhất định không thể xây theo lối kiến trúc cung điện của Trung Quốc ở Mỹ, người Mỹ vừa nhìn thấy liền nghĩ đây là từ ngoài đến, văn hóa nước ngoài, lập tức sanh khởi tâm bài xích, sẽ không chịu bước vào. Do đó tôi khuyên mọi người xây đạo tràng ở Mỹ phải xây như thế nào? Xây giống như tòa Bạch Cung, xây giống [tòa nhà] Quốc Hội của Mỹ. Hình tượng Phật, Bồ Tát ở trong ấy nhất định phải tạo giống gương mặt của người Mỹ, người Mỹ vừa nhìn liền nghĩ! À, đây là người nhà mình, như vậy mới độ được họ. Chúng ta phải biết, hai ngàn năm trước Phật pháp truyền đến Trung Quốc, những cao tăng Ấn Độ thông minh, họ tạo tượng Phật có gương mặt của người Trung Quốc, xây đạo tràng có hình thức của người Trung Quốc. Người Trung Quốc tôn kính nhà vua nhất, vua cư trú trong cung điện, họ phỏng theo phương thức ấy mà xây đạo tràng, người dân nhìn thấy rất ưa thích. Ai có đủ phước trong đời này có thể đi vào hoàng cung tham quan một phen bao giờ? [Một người dân thường] chẳng có cơ duyên này, chẳng có phước ấy thì đi vào chùa cũng như vào hoàng cung vậy, do đó họ nhất định sẽ vào chùa. Phải hiểu đạo lý này, đây là cơ sở vật chất.

Nội dung ở trong [đạo tràng] nhất định phải dạy Hiếu, phải dạy Kính, phải bắt đầu từ Hiếu Kính, người đời xưa biết được. Phật giáo truyền đến Trung Quốc, tại sao lại được triều đình nhiệt liệt hoan nghênh? Lý tưởng và quan niệm cơ bản của giáo học Phật giáo cùng với giáo huấn của cô thánh tiên hiền Trung Quốc chẳng hên mà giống nhau, giáo học của nhà Nho cũng xây dựng trên cơ sở của Hiếu Đạo, Phật pháp cũng vậy. Và nữa, Phật pháp giảng tường tận hơn nhà Nho, giảng rõ ràng, rành rẽ hơn, thế nên truyền đến Trung Quốc bèn được triều đình tiếp nhận nồng nhiệt, đạo lý là như vậy. Phật pháp đối với xã hội, đối với quốc gia, với nhân dân, đích thật có lợi ích, tuyệt chẳng phải là mê tín. Trong lịch sử Trung Quốc những người tu học Phật pháp là người nào? Đầu là giai cấp sĩ đại phu, thời xưa gọi là giai cấp sĩ đại phu, ngày nay gọi là phần tử trí thức, chẳng phải người thường. Người thực sự có học vấn, có đạo đức lại tu học Phật pháp, tiếp nhận Phật pháp, tin theo Phật pháp, y giáo phụng hành, như vậy mới thực sự đạt được hiệu quả thay đổi phong tục, khơi động trào lưu trong nhân gian, phong khí ấy là

phong khí lành mạnh.

Hiện nay chùa chiền đã biến chất, chẳng còn dạy học, lúc trước chùa chiền là trường học, là nơi dạy học. Hiện nay thay đổi rồi, biến thành chỗ siêu độ người chết, vậy là hoàn toàn biến chất, biến đổi quá lớn. Chuyện siêu độ này vốn chẳng có trong Phật giáo, tại sao lại biến đổi thành hiện tượng này? Lúc tôi mới bắt đầu học Phật, tôi thân cận pháp sư Đạo An, lúc đó chúng tôi cùng nhau lập Đại Chuyên Phật Học Giảng Tọa, tôi hỏi lão pháp sư: Phật sự [siêu độ] bắt đầu từ nguyên nhân gì? Tại sao lại biến thành như vậy? Ngài nói với tôi một hồi, tôi nghĩ cũng rất có lý. Ngài nói chuyện này có lẽ bắt đầu từ thời nhà Đường, năm Khai Nguyên, thời đại của Đường Minh Hoàng, vì những năm cuối, nhà vua sủng ái Dương Quý Phi, dẫn đến dị nghị trong triều, [sau đó] An Lộc Sơn tạo phản, gần bị mất nước. May nhờ Quách Tử Nghi dẹp loạn này, số dân quân bị tử thương rất nhiều. Cho nên dẹp xong cuộc loạn này, triều đình bèn xây một chùa ở mỗi chiền trường, các chùa này đều gọi là Khai Nguyên Tự, là vì vậy mà chùa Khai Nguyên được xây dựng. Xây những đạo tràng này là nhằm truy điệu những người dân, người lính bị tử nạn, mời pháp sư tụng kinh để siêu độ, đó gọi là pháp hội truy điệu, là bắt đầu như vậy. Triều đình, quốc gia đề xướng truy điệu vong hồn tử nạn, trong dân gian bèn bắt chước làm theo, nên khi người già mất đi cũng mời pháp sư đến để siêu độ, lúc đó việc siêu độ cũng là một việc phụ. Trong đạo tràng cũng vẫn giảng kinh, thuyết pháp, hướng dẫn đại chúng tu hành, [siêu độ chỉ] là chuyện phụ thêm. Hiện nay siêu độ lại trở thành việc chính, còn việc chính yếu thực sự lại biến mất, chẳng còn nữa, đổi việc phụ thành việc chính, là điên đảo hết rồi, như vậy nên biến thành mê tín. Chúng ta phải biết những sự thật này đã diễn biến, hình thành như thế nào.

Nói thật ra những lý luận phương pháp, nguyên lý, nguyên tắc của việc siêu độ đều nằm trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên. Người [thực hành việc] siêu độ làm thế nào thực sự làm cho người mất có thể rời khỏi ác đạo, có thể sanh lên trời hưởng phước trời. Trong kinh đã giảng rất rõ ràng, bản thân người siêu độ phải chứng quả thì mới được; nếu bản thân không thể nâng cao cảnh giới của mình, chẳng thể chứng quả thì người được siêu độ (người mất) được lợi ích rất có hạn. Giống như thí dụ trong kinh, như cô Quang Mục là một người con có hiếu, biết mẹ mình lúc còn sống tạo rất nhiều tội nghiệp. Cô hiếu biết Phật pháp, nếu làm những hạnh nghiệp như mẹ cô đã làm cả đời, tương lai nhất định phải đọa địa ngục, đọa địa ngục thì sẽ rất khổ, địa ngục dễ vào nhưng rất

khó thoát ra. Cô muốn cứu mẹ nên chỉ còn cách cầu Phật. Phật dạy cô phương pháp gì? Dùng phương pháp niệm Phật, [đức Phật] chẳng dạy cô cách gì khác. Cô gái Bà La Môn cũng dùng phương pháp niệm Phật, cô Quang Mục cũng dùng phương pháp niệm Phật, họ chẳng dùng cách khác, chỉ niệm Phật.

Cô Bà La Môn niệm một ngày một đêm, ngày nay chúng ta gọi là tinh tấn niệm Phật, cô là phàm phu nhưng vì muốn cứu mẹ nên trong vòng một ngày một đêm cô niệm rất chân thành, rất khẩn thiết, rất đúng như pháp, niệm một ngày một đêm bèn được nhất tâm bất loạn; kinh Di Đà nói “nếu một ngày, nếu hai ngày, ..., đến bảy ngày”. Được nhất tâm bất loạn, cô bèn chứng quả, nên trong Định cô có thể đến địa ngục, quỷ vương trong địa ngục thấy cô tới, chấp tay xưng cô là Bồ Tát. Từ phàm phu cô tu hành trong một ngày một đêm liền siêu phàm nhập thánh, đạo lý là ở chỗ này. Quỷ vương hỏi cô: Bồ Tát, cô đến đây làm gì? Cô hỏi quỷ vương: Đây là chỗ nào? Quỷ vương trả lời: Đây là địa ngục, chỉ có hai hạng người có thể đến địa ngục, một là người tạo nghiệp thọ báo; hai là Bồ Tát, nếu chẳng phải hai hạng người này thì nhìn chẳng thấy địa ngục. Cô hỏi tiếp, hỏi thăm tung tích của mẹ cô, quỷ vương đáp: Ba ngày trước mẹ cô đã sanh lên cõi trời Đao Lợi, không những mẹ cô được sanh, những người cùng chịu tội với mẹ cô đều được sanh lên trời Đao Lợi. Nghe nói bà có một người con hiếu thuận tu phước cho bà, cúng dường Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, có phước báo này nên bà được sanh lên trời.

Bà làm sao có phước báo này? Nếu mẹ cô chẳng tạo tội đọa địa ngục, có thể cả đời cô Bà La Môn cũng chẳng đạt đến cảnh giới này, lúc bình thường niệm Phật rất giải đãi, lơ là thì làm sao niệm đến nhất tâm được? Đây là vì cứu mẹ nên phải liều mạng! Một ngày một đêm cảnh giới bèn chuyển biến, bèn nâng cao. Cô có thể chuyển phàm thành thánh là nhờ sức mạnh gì? Nhờ duyên của mẹ cô giúp cô, mẹ cô được sanh lên trời là do đạo lý này. Nếu cô chỉ siêu độ trên hình thức thì không ăn nhằm gì cả, tự mình chẳng được phước, người được siêu độ cũng chẳng được phước. Pháp giới của ác đạo cùng pháp giới của con người chẳng khác nhau. Nếu nói gia đình của bạn, con cái bạn được giáo dục rất tốt, được mọi người trong xã hội tôn trọng; bạn làm tổng thống, làm bộ trưởng, cha mẹ của bạn đi đến chỗ nào cũng được người ta tôn kính, đạo lý cũng giống như vậy. Nếu bản thân bạn chẳng có thành tựu, cha mẹ bạn làm sao được quý thần cung kính? Cho nên trong kinh nói về siêu độ, bảy phần công đức tự mình được sáu phần, người được siêu độ chỉ

được một phần. Tự mình niệm Phật một ngày một đêm, niệm đến nhất tâm bất loạn, đó là công đức chính cô đạt được, mẹ cô được hưởng lây, hưởng phước của cô nên bà được sanh lên trời Đao Lợi, đây là một phần bảy công đức. Nếu tự mình không thành tựu, thì đối phương sẽ chẳng được phước lớn như vậy.

Thông thường thì bố thí chỉ là mời họ đến dùng cơm, như Phóng Diệm Khẩu là mời khách, mời dùng cơm, [làm cho] họ được no ấm mà thôi, chẳng giúp họ rời khỏi ác đạo. Muốn thực sự rời khỏi ác đạo, trong pháp sự siêu độ, những pháp sư ấy tùy văn nhập quán, sau buổi pháp sự ấy họ thực sự thành Bồ Tát, cảnh giới của họ nâng cao thì hiệu quả của việc siêu độ mới lớn, hết thấy những người được siêu độ nhất định sẽ được sanh lên trời. Nếu bạn hỏi tại sao được sanh lên trời? Vì trong Phật sự siêu độ, các pháp sư ấy hết lòng nỗ lực, dùng tâm thanh tịnh, bình đẳng để tu học, chính họ siêu phàm nhập thánh, từ địa vị phàm phu nâng cao đến Bồ Tát, là đạo lý như vậy. Nếu làm xong Phật sự mà bạn vẫn còn là phàm phu thì bạn chẳng có sức mạnh như vậy. Thế nên chúng ta phải hiểu đạo lý, làm Phật sự siêu độ phải hết lòng, niệm những kinh văn ấy, niệm những kệ tụng ấy nhất định phải khế nhập cảnh giới, sau khi nhập cảnh giới phải không thoái chuyển, thì công đức đó vô lượng vô biên, phước họ được sẽ không biết là bao lớn! Không thể nói làm qua loa, sơ sài cho hết trách nhiệm, không thể như vậy. Việc siêu độ làm sao có thể trả giá được? [Nếu làm việc siêu độ như] làm ăn buôn bán thì công đức gì cũng không có, hoàn toàn rơi vào hình thức, vậy thì sai rồi. Không những chỉ siêu độ vong linh, mà thực sự cũng siêu độ cho mình, tự mình siêu độ rồi thì vong linh sẽ được siêu độ theo, nếu tự mình chẳng có biện pháp siêu độ thì chắc chắn sẽ không siêu độ vong linh nổi. Phật pháp thường nói tự mình chưa độ mà muốn độ người khác, chẳng bao giờ có chuyện ấy, chẳng có đạo lý như vậy! Trong kinh này chúng ta thấy, cô Bà La Môn thực sự chính mình đã được độ, chính mình được độ xong mới có thể độ người ta, những vong linh này nương nhờ phước lực của cô để siêu sanh. Siêu sanh cao nhất cũng chỉ đến trời Đao Lợi, lên những cõi cao hơn nữa phải tự mình có công phu tu hành, người ta muốn giúp cũng chẳng giúp nổi.

Làm Phật sự siêu độ, ở Trung Quốc quy mô lớn nhất là vào đời Lương Võ Đế, Lương Võ Đế siêu độ phi tử của ông, người chủ trì pháp hội siêu độ này là vị cao tăng đương thời: Bảo Chí Công. Sau này chúng ta biết Bảo Chí Công là Quán Thế Âm Bồ Tát hóa thân tái lai. Quán Thế Âm Bồ Tát đích thân chủ trì pháp hội siêu độ, sau đó Lương Hoàng Sám

được truyền [cho đến nay]. Quán Thế Âm Bồ Tát chủ trì pháp hội này, siêu độ phi tử của Lương Võ Đế cũng chỉ lên đến trời Đao Lợi, chư Phật Như Lai có chủ trì thì cũng được vậy mà thôi. Nương nhờ vào phước báo của người khác chỉ có thể đạt đến cảnh giới này, muốn lên trên nữa phải dựa vào sự tu hành của chính mình, chính mình chẳng có công phu tu hành thì không được! Nương phước báo của người khác thì cao nhất chỉ có thể đến trời Đao Lợi. Chúng ta phải hiểu rõ ràng, rành rẽ đạo lý và chân tướng sự thật này. Cho nên khi chính mình tu hành thực sự chuyển được cảnh giới, thực sự có công phu, thì Phật sự siêu độ có thể chẳng cần hình thức. Chúng ta đọc Ảnh Trần Hồi Úc Lục thấy trong lời của pháp sư Đàm Hư kể lại, lúc đó Ngài cùng ba, bốn người bạn cùng nhau nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm, trong đó có một đoạn “đóng cửa tám năm đọc Lăng Nghiêm”. Đây là những cư sĩ tại gia, mỗi ngày còn phải làm việc, bôn ba công việc, chẳng thể chuyên tâm. Nhưng dùng tám năm để học một bộ kinh, ít nhiều thì họ cũng có công phu định lực, nếu tám năm học mười bộ, tám bộ thì sẽ chẳng có hiệu quả. Tám năm dồn sức vào một bộ kinh, tâm định trên bộ kinh này, oán thân trái chủ tìm họ nhờ siêu độ. Ông thoát nhìn thấy linh quỷ đến bèn sợ hãi, họ đều là oan gia đời trước, sợ họ đến kiểm chuyện phá rối. Những oan gia chủ nợ này đến quỳ trước mặt ông, cầu xin ông siêu độ cho họ, tâm của ông mới hết sợ, biết họ chẳng phải tới kiểm chuyện. Làm thế nào siêu độ? Chỉ cần ông nhận lời là được. Được! tôi đồng ý. Ông thấy oan hồn ấy đập lên đầu gối, đập lên vai ông rồi bay lên trời, nghi thức gì cũng chẳng cần làm. Khi chính bạn đạt đến cảnh giới này, có công phu này thì họ sẽ nhờ phước báo của bạn, chỉ cần bạn đồng ý là được. Cho nên bạn phải biết việc siêu độ vong linh hoàn toàn dựa vào đức hạnh và công phu tu hành của chính mình.

Ngày nay trong pháp hội siêu độ ở Cư Sĩ Lâm, chúng ta kết hợp giảng đường với niệm Phật đường của chúng ta, sức mạnh này rất lớn! Phía dưới [noi theo] hình thức làm Phật sự siêu độ, nội dung thực sự trong đó nương vào Niệm Phật Đường, do đó sự siêu độ này rất thù thắng. Chắc chắn những sự siêu độ hồi trước chẳng sánh bằng, đích thật có chư Phật, Bồ Tát trong đạo tràng, có thiện thân hộ pháp trong đạo tràng. Những pháp sư, đồng tu làm việc siêu độ này dùng tâm chân thành, thanh tịnh nên cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn, thực sự tu vô lượng vô biên phước báo. Chúng ta hiểu đạo lý này, hiểu cảm ứng của tâm điện, nói thật ra [tâm điện] tức là những làn sóng tư tưởng, khởi tâm động niệm, tất cả đều là thiện, thuần thiện. Sức mạnh của những làn

sóng này mạnh, có thể nhiều loạn những làn sóng ác niệm của hết thầy chúng sanh, kể cả những quỷ thần trên thế gian, chúng ta quân bình những làn sóng ác, làm vậy tạo nên hiệu quả rất lớn. Trong ấy đích thật có đạo lý.

Đoạn này nói niệm kinh Địa Tạng lúc sanh sản có lợi ích. Khi niệm kinh nếu có thể hiểu rõ lý luận, phương pháp, cảnh giới nói trong kinh thì sức mạnh càng thù thắng. Do vì bạn hiểu được, khi bạn đọc thì tùy văn nhập quán, lúc bình thường chúng ta không thể chuyển cảnh giới, ít nhất thì lúc đọc tụng có thể chuyển cảnh giới được một chút; bạn có thể chuyển một phần, hai phần cũng có hiệu quả, hiệu quả được tỏ lộ qua các làn sóng. Nếu thấu hiểu sâu hơn, lúc thường ngày có thể y giáo tu hành thì sức mạnh ấy chẳng thể nghĩ bàn. Phía sau nói về quả báo “*thị tân sanh tử*”, đứa bé mới vừa sanh, hoặc trai hoặc gái, “*túc hữu ương báo, cánh đắc giải thoát*”, nếu đời trước nó tạo tội nghiệp, đời này đến đề thọ báo thì tội nghiệp ấy bị tiêu mất. Đích thật là tiêu trừ nghiệp chướng cho đứa bé, tiêu trừ nghiệp chướng vào lúc này thì dễ hơn. Khi đứa bé trưởng thành, mỗi ngày từ sáng đến tối nó suy nghĩ lung tung, tới lúc đó bạn muốn tiêu trừ nghiệp chướng sẽ chẳng được. Lúc bây giờ [còn nhỏ] nó hoàn toàn nghe lời nên tiêu trừ nghiệp chướng đều phải làm ngay bây giờ. Do đó chúng ta mới thấu hiểu việc cổ thánh tiên hiền nói về thai giáo quan trọng dường nào, đây là thai giáo [nói] trong nhà Phật. Sau đó nói “*an lạc dị dưỡng, thọ mạng tăng trưởng*”, đứa bé này nghiệp chướng tiêu trừ, tai nạn cũng tiêu trừ, rất dễ nuôi, thọ mạng tăng trưởng. Nếu đứa bé này thừa phước mà sanh, đời quá khứ nó có tu phước, tức là chúng ta có nói nó đến đề báo ân, đời quá khứ chịu ân đức với cha mẹ, tự mình cũng tu phước. “*Chuyển tăng an lạc, cập dữ thọ mạng*”, bạn có thể dạy nó, giúp nó, thì phước báo của nó càng lớn, thọ mạng càng dài. Chú giải chú rất hay, chúng ta có thể tham khảo, không cần nói thêm.

Xem đoạn kinh tiếp theo, quyển trung, trang năm mươi chín:

Phục thứ Phổ Quảng, nhược vị lai thế chúng sanh, ư nguyệt nhất nhật, bát nhật, thập tứ nhật, thập ngũ nhật, thập bát nhật, nhị thập tam, nhị thập tứ, nhị thập bát, nhị thập cửu nhật, nãi chí tam thập nhật, thị chư nhật đẳng, chư tội kết tập định kỳ khinh trọng.

復次普廣。若未來世眾生。於月一日。八日。十四日。
。十五日。十八日。二十三。二十四。二十八。二十九日。
。乃至三十日。是諸日等。諸罪結集定其輕重。

(Lại nữa, này Phổ Quảng, trong mỗi tháng, ngày mùng một, mùng tám, mùng bốn, mùng năm, mùng tám, mùng ba, mùng bốn, mùng tám, mùng chín và ba mươi là những ngày kết tập các nghiệp tội, thẩm định nặng nhẹ.)

Chúng ta xem trước đoạn này. Đoạn này trong Khoa Chú gọi là Trai tụng cảm báo, trong kinh nói về ngày Thập Trai, có kinh nói về Lục Trai, đều tính bằng âm lịch, hiện nay càng ngày càng ít dùng âm lịch, cả thế giới hiện nay đều dùng dương lịch. Ở đây nói sáu ngày trai, “*u nguyệt*” [nghĩa là] mỗi tháng, mùng một, mùng tám, mùng bốn, mùng năm, tháng thiếu có hăm chín, tháng đủ có ba mươi. Đức Phật nói những ngày này đều là ngày các vị thiên địa quỷ thần đi tuần tra trong thế gian, cho nên chúng sanh khởi tâm động niệm, ngôn ngữ hành động có khi làm lành, có khi làm ác, các quỷ thần đều ghi chép, họ ở nơi đó điều tra, đây là “*chư tội kết tập, định kỳ khinh trọng*”. Nói thật ra, những việc này dùng cách nói hiện nay đều liệt vào hồ sơ, đến lúc lâm chung nếu không có phước đức, khi gặp vua Diêm La bèn lấy hồ sơ này ra để định đoạt quả báo nặng nhẹ. Những chuyện này rốt cuộc có hay không, có phải là mê tín hay không? Nói cho chư vị biết, [những chuyện này đều] có thật! Tại sao? Thế gian chúng ta cũng như vậy. Bạn coi mỗi ngày cảnh sát đi tuần, lúc bạn phạm tội thì cảnh sát hình sự đến điều tra bạn, phải tìm kiếm chứng cứ phạm tội của bạn, sau đó mới phán xử. Người thế gian chúng ta định tội một người, tìm một chứng cứ rất khó, không dễ, [nhưng] quỷ thần tìm chứng cứ của bạn, bạn chẳng có biện pháp ẩn dấu, chúng ta có thể lừa gạt người nhưng không thể lừa gạt quỷ thần. Hiện nay dùng khoa học để biện án, dùng khoa học để trắc nghiệm lời nói dối, đâu biết rằng những quỷ thần ấy chẳng dùng các công cụ khoa học này, họ trực tiếp dựa trên tư liệu của làn sóng điện để kết án, khởi tâm động niệm gì họ cũng biết, đúng như câu nói “*trên đầu ba thước có thần minh*”, con người có thể tự gạt mình, gạt người khác, nhưng chẳng gạt nổi quỷ thần.

Đặc biệt là chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, trong kinh đức Phật nói nhân số ở Tây Phương Cực Lạc thế giới quá lớn, chẳng có cách chi tính đếm. Những người đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là người tu pháp môn niệm Phật từ mười phương thế giới của chư Phật vãng sanh đến, chẳng phải chỉ có thế giới này của chúng ta mà thôi; mười phương hết thấy thế giới chư Phật, mỗi ngày số người vãng sanh không biết là bao nhiêu mà kể. Sanh đến thế giới Cực Lạc, họ có thần thông đạo lực,

hầu như bằng với đức Phật A Di Đà, chúng ta đọc thấy trong kinh. Thiên nhân, thiên nhĩ của những người này, dùng cách nói hiện nay của chúng ta là bén nhạy nhất, tận hư không, trọn khắp pháp giới, họ đều nhìn thấy, sự khởi tâm động niệm của hết thảy chúng sanh họ đều biết, họ có tha tâm thông. Năng lực thần thông của quỷ thần rất có hạn, năng lực của quỷ thần chắc chắn không bằng A La Hán, năng lực của A La Hán có thể biết năm trăm đời, trong vòng năm trăm đời của một người, tình huống trong mỗi đời, mỗi kiếp, A La Hán đều biết. Quỷ thần chẳng có năng lực này, đại khái những gì bạn làm gần đây, họ biết được. Chuyện một năm, hai năm, mấy tháng, họ biết rất rõ ràng, họ có năng lực này. Năng lực của người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới rất mạnh, quá mạnh! Chúng ta ở đây khởi tâm động niệm gì họ đều biết rõ, chúng ta muốn vãng sanh về Cực Lạc thế giới, nếu tâm niệm của bạn chẳng thiện, hành vi chẳng thiện, cả ngày niệm A Di Đà Phật, một ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu chẳng gián đoạn, tương lai cũng không thể vãng sanh nổi. Tại sao niệm Phật không thể vãng sanh? Mỗi ngày bạn chấp trì danh hiệu là khẩu thiện, nhưng tâm bạn chẳng thiện, hành vi chẳng thiện. Điều kiện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là ba nghiệp thanh tịnh, trong ba nghiệp quan trọng nhất là tâm, tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, tâm thiện thì ngôn hạnh nhất định sẽ thiện, như vậy mới có thể vãng sanh, chúng ta nhất định phải hiểu rõ đạo lý này.

Cho nên bạn coi kinh Vô Lượng Thọ nói về điều kiện vãng sanh, bất luận là bậc thượng, bậc trung, bậc hạ, điều kiện quan trọng nhất là *“phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”*. Nếu chúng ta chỉ làm được nhất hướng chuyên niệm, chẳng phát Bồ Đề tâm thì không thể vãng sanh. Nói thêm một lời thành thật, khi thực sự phát Bồ Đề tâm, chẳng niệm Phật cũng có thể vãng sanh. Trong kinh nói về một niệm lúc lâm chung, mười niệm đều có thể vãng sanh, tại sao? Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm là tâm thiện, tâm thiện, hạnh thiện một đời chẳng niệm Phật, đến lúc lâm chung niệm một tiếng, mười tiếng đều chắc chắn vãng sanh. Nếu không phát Bồ Đề tâm, tâm chẳng thiện, hạnh chẳng thiện, mỗi ngày đều niệm A Di Đà Phật, người xưa nói: *“Hết bể cỏ hòng cũng uống công!”* Tây Phương Cực Lạc thế giới là nơi các người thiện tụ hội một chỗ, chúng ta không thiện thì không hợp với họ, chẳng có cách chi sống chung, họ đều là thượng thiện, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Tại sao mỗi ngày gắng sức niệm Phật? Vì sợ lúc lâm chung quên mất. Mỗi ngày niệm Phật cũng như huấn luyện vậy, cũng như câu *“luyện binh ngàn ngày, chỉ dùng trong một buổi”*. Mỗi ngày huấn luyện không ngừng, mỗi

giờ mỗi phút đều đề khởi câu Phật hiệu, đề khởi câu Phật hiệu này có dụng ý rất sâu, rất rộng; không những là không để Phật hiệu quên mất, không thể quên mất tâm của Phật, nguyện của Phật, hạnh của Phật, tâm của ta phải giống y như tâm Phật. Cho nên nghe đến Phật hiệu, nhìn thấy tượng Phật, thì phải nghĩ đến tâm mình phải giống như vậy, nguyện của mình cũng phải giống như vậy, hạnh của mình cũng phải giống như vậy, làm vậy thì bạn nhất định sẽ được sanh. Tâm, nguyện, hạnh tương ứng tức là phát Bồ Đề tâm, đây là điều kiện nhất định phải có để vãng sanh, thực sự có thể làm được tâm, nguyện, giải, hạnh tương ứng với đức Phật A Di Đà, đó chính là Bồ Đề tâm viên mãn.

Do đó đương nhiên sẽ buông bỏ danh văn lợi dưỡng và ngũ dục lục trần trong thế gian, nhất định phải tu đức, vinh hoa phú quý chẳng thể thường còn, phải nhìn xa, phải nhìn rộng. Trong một đời này của chúng ta, sanh mạng rất ngắn ngủi, thế gian rất khổ, chúng ta nhìn xa, nhìn rộng thì tiền đồ vô cùng sáng lạn. Ngày nay không gian sinh hoạt của chúng ta hạn cuộc ở trên địa cầu này, khoa học kỹ thuật tuy phát triển, giao thông tiện lợi nhanh chóng, chúng ta vẫn chẳng rời khỏi địa cầu. Nếu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, không gian sinh hoạt của chúng ta sẽ rất lớn, tận hư không, trọn pháp giới là không gian sinh hoạt của chúng ta, bạn nói như vậy thì tự tại biết mấy, đó mới gọi là hạnh phúc thực sự! Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì trí huệ, năng lực đều khôi phục, như chư Phật, Bồ Tát tùy loại hóa thân. Giống như kinh Phạm Võng có nói “*trăm ngàn ức hóa thân*”, kẻ ấy có năng lực này, cùng lúc có thể đến hết thủy cối nước chư Phật nghe Phật giảng kinh thuyết pháp, có khả năng phân thân, trên cúng dường chư Phật, dưới hóa độ chúng sanh, thực sự có khả năng này. Trong kinh này đức Phật đề xướng nhất định phải đoạn ác tu thiện [ít nhất là] sáu ngày, mười ngày trong một tháng. Chẳng phải nói thường ngày không cần, những ngày này quý thần đến khảo sát nên đặc biệt làm một chút chuyện tốt cho họ coi, đây là bắt buộc. Nếu mỗi ngày đều làm như vậy thì đương nhiên càng tốt, càng thù thắng.

Sợ bạn làm chẳng nổi, mỗi tháng dạy bạn tu mười ngày, ít hơn thì sáu ngày, có tu vẫn tốt hơn không tu. Nếu có thể tu hằng ngày thì phước báo của bạn quá thù thắng rồi. Ngày nay trong các phương pháp tu của chúng ta thì niệm Phật tốt nhất. Niệm Phật, trường trai! Ý nghĩa của chữ Trai vốn là tu tâm thanh tịnh, tâm Trai là cầu tâm thanh tịnh. Về sau biến thành trì ngọ, không ăn quá ngọ, ngọ là hai giờ từ mười một giờ đến một giờ, đều là giờ ngọ. Nói nghiêm khắc theo Phật pháp thì là quá trung

(giữa ngày), chẳng ăn quá giữa ngày mới gọi là trì trai. Thời điểm “giữa ngày” thay đổi hằng ngày, hơn nữa mỗi địa phương còn có giờ sai khác. Hiện nay nếu thường đi du lịch thì chuyện này càng phiền phức, mỗi nơi mấy giờ, mấy phút, mấy giây mới là giữa ngày, bạn phải biết thật rõ ràng, chuyện này tương đối phiền phức. Lúc trước cả đời trụ ở một đạo tràng thì dễ dàng hơn, thời điểm giữa ngày ở nơi đó, thời xưa dùng “nhất quỷ”¹³⁷ để đo lường, ngày trời không mưa có thể đo lường thời điểm giữa ngày, mỗi ngày sai khác bốn giây, nhất định phải hiểu việc này. Ngày nay có thể dùng lịch thiên văn, chỉ cần bạn biết kinh độ, kinh độ ở địa phương đó, dùng lịch thiên văn thì chẳng sai. Do đó chấp trước việc này cũng chẳng thuận tiện, rất phiền phức, đối với đời sống nói thật ra cũng tạo nên áp lực, vậy cũng chẳng bằng chúng ta mỗi ngày đứng như pháp thì tốt nhất. Hiểu rõ những chân tướng sự thật này, tự hành hóa tha nhất định phải có phương tiện khéo léo.

Tôi thân cận thầy Lý ở Đài Trung, lúc chưa đến Đài Trung tôi cũng trì ngọ, không ăn quá giữa ngày. Lúc đó tôi dùng lịch thiên văn, từ nhỏ tôi rất ưa thích thiên văn, cho nên đến nơi nào, tôi nhất định sẽ liên lạc với đài thiên văn, tôi rất thích quan sát hiện tượng thiên văn. Do đó mỗi năm đài thiên văn nhất định sẽ gửi tặng lịch thiên văn cho tôi. Tôi đến Đài Trung thân cận thầy Lý, thầy Lý thấy tôi chấp trước như vậy nên một ngày nọ thầy răn dạy tôi, thầy nói: Con một mình tu như vậy thì được, nhưng chẳng thể độ chúng sanh. Tôi nói: Tại sao vậy? Vì con quá chấp trước. Thầy nói khi bạn đến một địa phương nào đó hoằng pháp, những tín đồ nơi ấy, đặc biệt là thời đại công nghiệp ngày nay, họ cung kính mời bạn đi ăn cơm, có thể là sau mười hai giờ trưa, nhất định là sẽ quá ngọ (giữa ngày), hoặc là mời bạn dùng cơm tối. Nếu bạn không đồng ý, nhất định cố chấp cách trì ngọ này của bạn, người ta sẽ khởi lên tâm lý gì? Vị pháp sư này khó khăn quá, chúng tôi muốn cúng dường cầu phước cũng không được, như vậy sẽ làm cho người ta lui sụt, làm cho người ta hủy báng. Thầy nói đây là cách làm của người Tiểu Thừa, tuyệt đối chẳng phải là hạnh Bồ Tát. Tôi nói: Vậy thì phải làm sao? Thầy nói: Tùy duyên. Bản thân thầy Lý cũng trì “*nhật trung nhất thực*”, mỗi ngày ăn một bữa. Nhưng khi có tín đồ mời thầy dùng cơm, cơm tối thầy cũng ăn, mọi người đều vui vẻ, đều hoan hỷ. Khi tôi ở Đài Trung có cơ hội thì thầy nhất định sẽ dẫn tôi đi theo, kết duyên với mọi người. Những người này nghe nói thầy Lý trì ngọ, mỗi ngày ăn một bữa, [khi được

¹³⁷ dụng cụ đo bóng mặt trời để tính thời giờ.

mời] thì buổi tối cũng vui vẻ dùng cơm với họ, họ càng tăng thêm lòng cảm kích, mới biết thầy thật là từ bi, nhiếp thọ chúng sanh.

Bồ Tát làm hết thầy sự việc đều vì chúng sanh, Địa Tạng Bồ Tát nói: “*Chỉ cần chúng sanh được độ thì vào địa ngục tôi cũng cam tâm*”, đây là tinh thần của Địa Tạng Bồ Tát. Chẳng chấp trước cứng chắc vào những chi tiết nhỏ nhoi này, làm vậy thì đúng như pháp. Trong Phật pháp, giới luật có quan trọng đến đâu cũng có khai duyên, đó gọi là khai giới, khai trai, chẳng phải phá trai, chẳng phải phá giới. Nếu tự bạn có tâm tham, bạn tìm một tín đồ nói: Tôi thật ngại, quý vị hãy thường mời tôi dùng cơm, vậy thì bạn đã phá giới, làm sai rồi. Tuyệt đối chẳng phải tự mình cố ý làm như vậy “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”. Trong pháp Đại Thừa “*phương tiện có nhiều cửa, đường về nguồn chẳng hai*”¹³⁸, khác với tư tưởng, kiến giải, hành trì của Tiểu Thừa. Đại Thừa đích thật rất phóng khoáng, nắm vững được nguyên lý, nguyên tắc, hết thầy vì lợi ích của chúng sanh, lợi ích chúng sanh thực sự là lợi ích chính mình.

Giống như hiện nay [nếu y theo lời dạy] trong kinh, âm lịch đối với chúng ta chẳng thuận tiện, nhưng phải hiểu ý nghĩa của nó. Hiện nay phân đông đều tính hằng tuần, nếu mỗi tuần chúng ta có thể tu trai giới một ngày, hai ngày, thì công đức sẽ rất thù thắng. Tuy nhiên chẳng nhất định phải là những ngày này, vì thời gian một tháng chẳng dài, những quỷ thần khảo sát này chắc chắn có thể nhìn thấy. Người hiện đại phải sống theo cuộc sống hiện đại, chúng ta không cần phải câu nệ vào lời trong kinh điển, nhưng nhất định phải tương ứng với tinh thần nói trong kinh, như vậy thì được. Nhất định phải biết thông đạt quyền biến, [nhằm đem lại] lợi ích cho sinh hoạt người hiện đại, làm cho họ không có áp lực trong đời sống, như vậy mới tốt.

Xin xem đoạn kinh văn kế tiếp, trang sáu mươi một:

Nam Diêm Phù Đề chúng sanh cử chỉ động niệm, vô bất thị nghiệp, vô bất thị tội, hà huống tứ tình sát hại, thiết đạo, tà dâm, vọng ngữ, bách thiên tội trạng.

南閻浮提眾生舉止動念。無不是業。無不是罪。何況恣情殺害。竊盜。邪淫。妄語。百千罪狀。

(Mọi cử chỉ, động niệm của chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề không chỉ là không nghiệp, không chỉ là không tội, huống hồ là

¹³⁸ Phương tiện hữu đa môn, quy nguyên vô nhị lộ.

buông lung giết hại, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, trăm ngàn tội trạng.)

Những câu này vô cùng quan trọng! Không nhớ hết cả bộ kinh, những câu kinh quan trọng nhất định phải ghi nhớ, nhất định phải học thuộc lòng, từng giờ, từng phút luôn luôn nhắc nhở chính mình. “*Nam Diêm Phù Đề*” chỉ địa cầu của chúng ta. Chúng sanh trên địa cầu này, đích thật từng “*cử chỉ, động niệm*” đều là đang tạo nghiệp, tạo tội, khởi tâm động niệm đều chẳng thiện, khởi tâm động niệm đều là tự tư, tự lợi, đó tức là nghiệp, là tội. Họ chấp trước cứng chắc, người thế gian không hiểu, hình như là vì lợi ích của chính mình, vì bảo vệ lợi ích của mình, mọi người đều cho rằng vậy là chính đáng, chính xác, đâu có sai lầm? Vậy là vọng tưởng, chấp trước của người thế gian. Đức Phật nói đây là sai lầm, hơn nữa là sai lầm quá đỗi. Lục đạo luân hồi hình thành như thế nào? Chính là do tự tư, tự lợi, ngã chấp biến thành. Nếu bạn không thể phá trừ, không thể buông bỏ vọng tưởng, chấp trước thì bạn vĩnh viễn kẹt trong lục đạo luân hồi. Trong lục đạo, đức Phật đã nói quá nhiều rồi, chắc chắn là thời gian trong tam ác đạo dài, trong tam thiện đạo ngắn. Tam thiện đạo ví như đi nghỉ hè, du lịch ngắm cảnh; tam ác đạo ví như nhà mình, đi ra ngoài vài ngày lại trở về nhà. Trong kinh Địa Tạng chúng ta thấy việc này quá rõ ràng, quá rành rẽ rồi, đức Phật nói [khởi tâm động niệm đều tự tư, tự lợi] như vậy là sai lầm to lớn. Như thế nào mới đúng? Khởi tâm động niệm đều vì hết thấy chúng sanh, không vì mình, thì bạn sẽ vĩnh viễn thoát ly lục đạo luân hồi, siêu việt tam giới, như vậy mới đúng.

Lời Phật dạy chúng ta là chân thật, thực sự phá mê khai ngộ, là khổ hưởng vui; niềm vui này không phải là niềm vui trong tam giới, trong tam giới chẳng có vui sướng. Siêu việt tam giới mới thực sự hưởng được vui sướng. Phật nói tam giới đều khổ. Trên trời cũng có khổ, khổ ít một chút thôi, nhưng vẫn là khổ. Chúng ta phải hiểu rõ ràng rành rẽ đạo lý và chân tướng sự thật này, sau đó thực sự mới cảm ân đội đức đối với giáo huấn của đức Phật. Chúng ta thật rất hân hạnh, người thế gian nói vận mạng thật tốt mới gặp được Phật pháp, đức Phật là thiện tri thức chân chánh của chúng ta, chúng ta gặp được thì đời này thực sự được giải thoát. Nếu chẳng gặp Phật pháp, như trong kinh đã nói, chúng ta khởi tâm động niệm đều tạo nghiệp, đều tạo tội. Sau khi hiểu rồi thì hãy vì Phật pháp, vì chúng sanh, vì Phật pháp thì hy vọng Phật pháp được lưu truyền rộng rãi, hy vọng Phật pháp trụ lâu dài trên thế gian, có thể làm cho hết thấy chúng sanh được lợi ích của Phật pháp, phải phát cái

tâm này. Niệm niệm phải nghĩ đến hết thấy chúng sanh, không những nhân loại trên toàn thế giới, còn súc sanh, ngạ quỷ, chư thiên, hết thấy chúng sanh đều được lợi ích thù thắng của Phật pháp, vậy thì chúng ta mới mở rộng tâm lượng. Bồ Tát tức là phục vụ cho hết thấy chúng sanh, thù thắng nhất chẳng gì hơn xây dựng Phật pháp, xây dựng Phật pháp tức là y giáo phụng hành. Xây dựng trong đời sống hằng ngày của chúng ta, xây dựng trong ngành nghề của chúng ta, xây dựng trong công việc của chúng ta, xây dựng trong cách xử sự, đối người, tiếp vật của chúng ta, làm cho cả xã hội, đời sống của mọi người, trong từng ngành nghề đều xây dựng Phật pháp. Xây dựng Phật pháp tức là mọi người đều biết phục vụ xã hội, phục vụ đại chúng. Cách nói của người hiện nay là hy sinh, dâng hiến, đó tức là Bồ Tát, làm được như vậy được phước chẳng cùng tận. Phước báo hiện tiền, Phật dạy chúng ta phải xả, đừng hưởng; vừa hưởng phước bèn mê, bèn hồ đồ, Phật dạy chúng ta “xả đắc” (xả được). Buông xả là nhân, được là quả, buông xả tiền tài thì được của cải, buông xả phước thì được phước, buông xả cái gì thì được cái đó, sau khi được thì phải xả tiếp tục. Cho nên ý nghĩa tầng thứ hai của xả - được còn sâu thêm, đem những gì bạn đạt được rồi xả tiếp, vậy thì những gì bạn đạt được càng thêm thù thắng, càng viên mãn, tự mình vĩnh viễn không hưởng thụ, có phước báo, phước báo này cho chúng sanh hưởng, đây là Phật, Bồ Tát chân chánh ứng hóa tại thế gian. Trong thế gian này có [Phật, Bồ Tát] hay không? Có chứ. Người hiểu được Phật pháp, thực sự hiểu được thì họ sẽ y giáo phụng hành, thì họ sẽ làm như vậy, làm được hoàn toàn tương ứng, đó tức là Bồ Tát thị hiện.

Đây là nói hết thấy chúng sanh chẳng có người dạy dỗ, hướng dẫn, là hiện tượng này. Cho nên giáo học quan trọng hơn hết, thế gian và xuất thế gian đều được xây dựng trên giáo học. Những đế vương Trung Quốc cổ đại đều là người thông minh, họ cai trị quốc gia, hy vọng cùng cố chánh quyền, quốc gia tồn tại lâu dài, họ phải bắt đầu từ đâu? Giáo học trước hết, trước nhất phải làm giáo dục cho tốt. Trong giáo dục quan trọng nhất là khuyên Hiếu, làm cho nhân dân biết hiếu đạo, dạy nhân dân biết tôn sư trọng đạo. Mỗi người đều tu dưỡng đức hạnh của mình thì xã hội sẽ an định, thiên hạ sẽ thái bình. Cho nên họ chú trọng giáo dục, sắp giáo dục vào chính sách hàng đầu của quốc gia. Chế độ của quốc gia thời xưa, dưới Thừa Tướng có sáu Bộ, thời xưa phân công không rõ ràng như ngày nay, chỉ phân thành sáu bộ phận. Trong sáu Bộ ấy, xếp hàng đầu là Bộ Giáo Dục, hồi xưa gọi là Bộ Lễ; trong sáu Bộ thì Lễ Bộ Thượng Thư là hạng nhất, xếp Giáo Dục hạng nhất, coi sự việc này quan trọng dường

ấy. Còn giáo dục Phật giáo lại lập ra một cơ cấu riêng, càng tôn trọng hơn, do hoàng đế cai quản, điều động. Cơ cấu giáo dục này gọi là Tự, cho nên danh từ Tự là như thế nào? Tự là danh từ của cơ quan làm việc dưới quyền hoàng đế. Tại sao lấy danh xưng này? Danh xưng này là xây dựng, kiến lập vĩnh viễn, sẽ không thay đổi, từng đời, từng đời truyền mãi về sau. Cơ cấu này, cơ quan thiết lập vĩnh viễn mới gọi là Tự, tuyệt đối chẳng thể thay đổi, tuyệt đối không được phế bỏ, dùng danh xưng này. Hoàng đế hy vọng triều đại của mình vĩnh viễn truyền về sau, chẳng bị người ta lật đổ, hy vọng từng đời truyền mãi về sau, do đó cơ quan này được xây dựng vĩnh viễn.

Dưới hoàng đế có chín Tự, người đứng đầu Tự gọi là Khanh, [có] chín Khanh, [tức] tam Công, cửu Khanh¹³⁹; tam Công là cố vấn của hoàng đế, ngày nay gọi là người cố vấn cho chánh sách quốc gia, nhà vua có vấn đề khó khăn gì thì đi hỏi những cố vấn này. Chữ Tự nói theo cách bây giờ tức là đơn vị nhất cấp, trực thuộc nhà vua quản trị. Cơ cấu Phật giáo cũng gọi là Tự, do nhà vua trực tiếp quản trị, nhà vua trực tiếp điều hành giáo dục Phật giáo. Trung Quốc từ triều Hán trở về sau, giáo dục có hai hệ thống, một là giáo dục nhà Phật, hai là giáo dục nhà Nho.

¹³⁹ Tam Công là những quan chức cao cấp nhất chuyên phụ tá nhà vua để xử lý việc nước. Đời Tây Châu, Tam Công là chức Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo, sau đời Bắc Ngụy, Tam Công đổi thành Tam Sư. Đời Tây Hán, Tam Công là chức Thừa Tướng (sau đổi thành Đại Tư Đồ), Thái Úy (sau đổi thành Đại Tư Mã), Ngự Sử Đại Phu (sau đổi thành Đại Tư Không). Đời Đông Hán thì Tam Công là chức Thái Úy, Tư Đồ, Tư Không.

Cửu Khanh là chín quan chức chủ yếu trong chính phủ trung ương vào đời Tần Hán, thông thường cũng dùng để gọi chung cả triều đình, gồm có Phụng Thường, Lang Trung Lĩnh, Vệ Úy, Thái Phó, Đình Úy, Diễn Khách, Tông Chánh, Trị Túc Nội Sử, Thiếu Phủ. Từ đời Ngụy Tấn trở đi, vai trò của chức Cửu Khanh nhẹ đi, quyền xử lý triều chánh giao cho các ty sở thuộc Thượng Thư Đài. Từ thời Tùy Đường cho đến đời Tống, chức Cửu Khanh ngạch trật rất cao nhưng không có thực quyền, chỉ có chức Tông Chánh là giữ nguyên quyền hạn, không thay đổi. Triều Minh thì Lục Bộ Thượng Thư, Đô Sát Viện Đô Ngự Sử, Đại Lý Tự Khanh, Thông Chánh Sử Ty hợp thành “Đại Cửu Khanh”; Thái Thường Tự Khanh, Thái Phó Tự Khanh, Quang Lộc Tự Khanh, Chiêm Sự, Hàn Lâm Học Sĩ, Hồng Lô Tự Khanh, Quốc Tử Giám Tế Tửu, Uyển Mã Tự Khanh, Thượng Bảo Ty Khanh là “Tiểu Cửu Khanh”. Triều Thanh, Cửu Khanh chỉ chung những chức những trưởng quan độc lập ngoài Lục Bộ Thượng Thư, nhưng chẳng có phạm vi rõ ràng. Ngoài ra, còn gọi Tông Nhân Phủ Phủ Thừa, Chiêm Sự, Thái Thường Tự Khanh, Thái Phó Tự Khanh, Quang Lộc Tự Khanh, Hồng Lô Tự Khanh, Quốc Tử Giám Tế Tửu, Thuận Thiên Phủ Phủ Doãn, Tả Hữu Xuân Phường Thứ Tử là “Tiểu Cửu Khanh”.

Giáo dục nhà Nho do thừa tướng phụ trách, điều khiển, giáo dục nhà Phật do nhà vua đích thân chủ trì, hướng dẫn, điều khiển, cho nên giáo dục nhà Phật phát triển rộng hơn giáo dục nhà Nho. Đây là vì thời xưa người dân tôn kính nhà vua, dùng quyền lực của nhà vua đem giáo dục này đến mỗi tỉnh, mỗi huyện, mỗi làng, đều có xây Phật Tự. Còn giáo dục nhà Nho cao nhất là mỗi huyện có một trường, chẳng được đầy mạnh rộng rãi như nhà Phật, đạo lý là như vậy, coi trọng giáo dục. Còn việc Phật pháp biến chất trở thành tôn giáo, đổi thành sự phục vụ cho người chết, chỉ mới bắt đầu trong thời gian gần đây, đại khái Trung Diệp (khoảng giữa) đời Thanh trở về sau mới trở nên như vậy, lúc đầu đời nhà Thanh chẳng có, vẫn còn là giáo dục. Chúng ta xem vào thời Khang Hy, Ung Chánh, Càn Long, Phật pháp vẫn còn là giáo dục, là giáo học như cũ, cho nên trong cung đình cũng tụng kinh.

Những đế vương triều nhà Thanh rất thông minh, họ làm như thế nào? Họ là dân tộc thiểu số vào trung nguyên làm chủ, dân tộc thiểu số thống trị dân tộc đa số có thể làm cho người dân cả nước đều phục tùng, kéo dài vương triều hơn hai trăm sáu mươi năm là có đạo lý của họ. Họ dùng phương pháp gì để cai trị? Họ dùng kinh Vô Lượng Thọ, chiêu này rất cao minh. Hoàng đế nói chẳng phải quý vị nghe lời tôi, hết thấy chúng ta đều nghe lời đức Phật, tôi cũng nghe lời đức Phật, quý vị mọi người đều nghe lời đức Phật, phương pháp này rất cao minh. Chẳng phải tôi thống trị quý vị, mà là đức Phật thống trị chúng ta, vậy thì còn gì để nói nữa? Cho nên người trong cung đình đọc kinh Vô Lượng Thọ, cũng thỉnh pháp sư giảng kinh Vô Lượng Thọ, mọi người y giáo phụng hành. Người phê trừ việc đọc kinh trong triều Mãn Thanh chính là Từ Hy thái hậu, có lẽ Từ Hy thái hậu nghe những gì nói trong kinh Vô Lượng Thọ đều là tật xấu của bà, chắc nghe xong không thoải mái, không vui lắm nên không đọc nữa. Sau đó bà lại buông lung, làm càng làm bậy, làm đất nước suy yếu. Giả sử bà vẫn noi theo phép tắc của tổ tông, chẳng thay đổi phương pháp cũ, vẫn y giáo phụng hành, có lẽ ngày nay vương triều nhà Thanh vẫn còn, sẽ không thay triều đổi chủ, người dân sẽ không làm loạn. Đáng tiếc là những phép tắc, giáo huấn của tổ tông đã bị phế bỏ, tự mình làm càng làm bậy, làm mất lòng dân, cho nên quân cách mạng khởi lên, mới bị người ta lật đổ. Đây là tội bà đã tạo trong đời. Chúng tôi từng nghe nói lúc Từ Hy chết, bà rất hối hận, biết mình đã làm sai, hình như có nói một câu: Hy vọng người nữ vĩnh viễn chẳng nắm chánh [quyền], lúc lâm chung mới biết người nữ nắm việc triều chánh, tạo nên tai họa lớn lao như vậy, nhưng hối hận đã trễ.

Ngày nay chúng ta đọc đoạn kinh này “*hà huống tứ tình sát hại, thâm đạo, tà dâm, vọng ngữ, bách thiên tội trạng*” thì cũng giống như nói về xã hội hiện đại của chúng ta. Thời xưa người ta đọc kinh, đọc đến những hiện tượng này nhưng chẳng nhìn thấy, bây giờ các hiện tượng này đã quá phổ biến trên thế giới. Chúng ta thấy những hiện tượng này chẳng thể không sợ hãi, chúng sanh tạo những tội nghiệp này làm sao nói không có quả báo cho được? Ngày nay những tai biến trên toàn thế giới [xảy ra], người hiện nay đều gán vào tai họa tự nhiên, đều cho rằng chẳng do sức người tạo nên, suy nghĩ như vậy là sai lầm. Tai họa tự nhiên hình thành như thế nào? Đều do tâm con người tạo thành. Nếu chúng ta suy nghĩ kỹ càng, hết thấy vạn vật, phía trước đã nói tất cả đều đang động, chỉ cần là một hình tượng vật chất, thì nguyên tử, điện tử của nó đều đang dao động, và khi ấy sẽ có sóng. Khi tâm con người khởi tâm động niệm, giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối, những làn sóng cực ác này, hơn nữa hết thấy chúng sanh đều tạo các làn sóng này, bạn nghĩ coi sóng ác này lớn dường nào. Làn sóng lớn mạnh này thay đổi vật chất, ảnh hưởng vật chất, cải biến vật chất, làm cho kết cấu bình thường của vật chất bị phá hoại mất. Đây tức là câu chúng ta thường nói trong Phật pháp: “*Y báo chuyển theo chánh báo*”, y báo là núi sông đại địa, biến chuyển theo tâm con người, tâm người thiện thì hoàn cảnh sẽ tốt, mưa thuận gió hòa; tâm người chẳng thiện thì sẽ sanh lên các thứ tai họa.

Đáng tiếc là hiện nay phần đông người ta không tin [việc này], cứ cho cách nói này là mê tín. Đợi đến một ngày nào đó họ hiểu rõ ràng, hiểu rành rẽ thì chẳng còn kịp nữa, thế giới đã bị hủy diệt rồi. Chẳng tin tưởng lời dạy chân thật của Phật thì bạn phải nhận chịu quả báo này. Những sóng này vô cùng xấu ác, hiện nay gọi là từ trường, trong Phật pháp gọi là quang, người Trung Quốc nội địa gọi là khí; [quang này] xấu cùng cực, ác cùng cực, khi bạn tiếp xúc đến thì thân tâm chẳng yên ổn, hầu như mọi người trên toàn thế giới chúng ta đều có cảm nhận này, có nơi nào đời sống con người được yên ổn? [Mọi người] đều lo lắng, âu sầu, chẳng biết nơi nào yên ổn. Mọi người đều biết tai họa gần xảy ra, nhưng chẳng biết tai họa hình thành như thế nào? Những thứ này đều là ảnh hưởng của sóng. Tại sao thế giới của chư Phật, Bồ Tát tốt đẹp như vậy? Tâm của mỗi cá nhân ở đó đều thanh tịnh, hiền lành, cho nên hoàn cảnh, y báo nơi cư trú đều rất thù thắng. Phàm những người vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là thượng thiện, tâm bạn không thiện thì sẽ không sanh đến được. Trong Phật pháp nói Tây Phương Cực Lạc thế giới là một thế giới rất mới mẻ, đức Phật A Di Đà xây dựng tới

nay chỉ mười kiếp mà thôi, mười kiếp so với thời gian vô hạn là một thời gian rất ngắn, cho nên nói đó là một thế giới mới mẻ. Người ở đó chẳng phải là người bản xứ, trong đó chẳng có người bản xứ, đều là người từ nơi khác di dân đến. Còn điều kiện di dân, đức Phật A Di Đà rất thông minh, di dân cần điều kiện gì? Tâm địa hiền lương, tâm địa thanh tịnh, Ngài tuyển chọn những người như vậy; người tâm địa chẳng hiền lương thì không được vào, cho nên thế giới ấy tốt đẹp như vậy.

Chẳng như thế giới Sa Bà của chúng ta có người bản xứ, chẳng có cách chi, những người này tâm địa chẳng thiện nên gọi là đời ác ngũ trược. Chúng sanh tạo tội nghiệp nhiều như vậy, chư Phật, Bồ Tát tới khuyên răn, hướng dẫn, khuyên họ chưa chắc đã nghe, chưa chắc có thể y giáo phụng hành. Nhưng Phật, Bồ Tát từ bi đến cùng cực, chúng sanh không nghe, các Ngài cũng tới khuyên, sự khuyên cáo này vĩnh viễn sẽ chẳng gián đoạn, chẳng chấm dứt, vẫn hy vọng có một ngày bạn giác ngộ, quay trở về. Nên người thực sự hiểu được, giác ngộ rằng hoàn cảnh ở đây chẳng dễ tu hành, đức Phật khuyên chúng ta di dân đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta [phương pháp] di dân. Khi chúng ta hiểu rõ đạo lý, biết được phương pháp, chúng ta sẽ có lòng tin rất sâu, biết mình chắc chắn có thể di dân đến Tây Phương Cực Lạc thế giới ngay trong đời này được, chúng ta thay đổi hoàn cảnh sinh sống, thay đổi hoàn cảnh tu hành. Chúng ta cũng biết tận hư không, trọn khắp pháp giới đều là một thể, nên di dân đến Cực Lạc thế giới xong thì phải giúp đỡ những chúng sanh trong lục đạo, đều từ bi, có trí huệ giống chư Phật, Bồ Tát, họ đến răn dạy, hướng dẫn những chúng sanh này. Trong đoạn sau, đức Phật dạy chúng ta phương pháp tu hành:

Năng ư thị thập trai nhật, đối Phật Bồ Tát chư hiền thánh tượng tiền, đọc thị kinh nhất biến. Đông Tây Nam Bắc, bách do-tuần nội vô chư tai nạn, đương thử cư gia nhược trưởng nhược ấu, hiện tại vị lai bách thiên tuế trung vĩnh ly ác thú.

能於是十齋日。對佛菩薩諸賢聖像前。讀是經一遍。
東西南北百由旬內無諸災難。當此居家若長若幼。現在未來百千歲中永離惡趣。

(Nếu trong mười ngày trai này đối trước hình tượng của Phật, Bồ Tát, cùng chư Hiền Thánh mà đọc tụng kinh này một biến, thì [chung quanh chỗ người đó ở, bốn hướng] Đông Tây Nam Bắc, trong khoảng

một trăm do-tuần, sẽ không có các tai nạn. Còn trong nhà của người đó, hoặc già hoặc trẻ, trong trăm ngàn năm hiện tại và vị lai được vĩnh viễn xa lìa ác đạo.)

Quả báo này quá thù thắng, nên nhiều người thấy trong kinh này nói như vậy bèn nghi ngờ. Họ cho rằng kinh này quá khoa trương, chẳng phù hợp với chân tướng sự thật. Cách nói này thật ra là sai lầm, họ chẳng hiểu rõ nghĩa thú nói trong kinh Phật. Kệ khai kinh nói: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”, câu này rất quan trọng, bạn đã giải sai ý nghĩa của Phật rồi, đây là kinh Đại Thừa, chẳng phải là kinh Tiểu Thừa. Kinh Đại Thừa là cho Bồ Tát tu học, phàm phu có thể tu Bồ Tát hạnh được không? Có thể, kinh Hoa Nghiêm thù thắng nhất, người đương cơ trong ấy gọi là Đại Tâm Phàm Phu, phàm phu có thể tu học, phàm phu có thể học Bồ Tát pháp, có thể học pháp môn của quả địa Như Lai, như vậy thì Phật pháp này mới viên dung vô ngại. Nhưng bạn nhất định phải phát đại tâm (tâm rộng lớn), đại tâm tức là chẳng vì mình, mà vì hết thảy chúng sanh, như vậy là đại tâm, có đại tâm thì có thể tu học pháp của Đại Thừa Bồ Tát.

Do đó có thể biết, trong kinh nói “*đọc kinh này một biến*”, chữ đọc nhất định chẳng có nghĩa là chúng ta nhìn kinh này, đọc một lần, thế thì quả báo này chắc chắn sẽ không đạt được. Phải đọc như thế nào? Đọc xong phải có thể giải (hiểu) ý nghĩa trong đó, giải xong phải có thể y giáo phụng hành. Bạn coi câu cuối của mỗi bộ kinh đều ghi “*tín thọ phụng hành*”, nếu làm chẳng nổi bốn chữ này, mỗi ngày bạn đọc một trăm lần thì cũng chẳng được; [như việc] niệm Phật, cô đức châm biếm người ta, nói “*hét bể cỏ hòng cũng uống công*”, đọc kinh cũng vậy, “*hét bể cỏ hòng cũng uống công*”. Đọc kinh phải y giáo phụng hành, niệm Phật cũng phải y giáo phụng hành. Nghe câu Phật hiệu, nhìn thấy tượng Phật thì phải nghĩ đến lời răn dạy của Phật trong kinh điển, là mượn [Phật hiệu và tượng Phật] này để nhắc nhở chính mình, đừng quên lời giáo huấn của đức Phật, chúng ta phải thực hiện những lời giáo huấn này trong đời sống hằng ngày. Không những mình phải làm như vậy, còn phải khuyên người ta làm với mình, như vậy mới gọi là đọc kinh. Nghĩa là nói một tháng bạn đọc mười lần, bạn sẽ chẳng quên.

Phật dạy người xuất gia chúng ta trì giới, mỗi nửa tháng phải đọc Giới Kinh một lần, tại sao vậy? Vì sợ quên mất. Nửa tháng tụng một lần để ôn lại, phải y giáo phụng hành, chẳng phải niệm cho Phật, Bồ Tát nghe. Hàn Sơn, Thập Đắc châm biếm [chuyện] tụng giới nửa tháng, ý

châm biếm là gì? Nửa tháng chỉ đọc một lần, lúc thường ngày thì một điều cũng chẳng làm nổi, vậy thì đâu có ích gì! Phải nên tuân giữ từng điều [trong Giới Kinh], phải làm cho bằng được từng điều mới đúng. Đọc kinh cũng như vậy, kinh Địa Tạng dạy chúng ta những lý luận, nguyên tắc, phương pháp này, [chúng ta] phải làm! Việc này¹⁴⁰ còn tốt hơn việc tụng giới mỗi nửa tháng. Một tháng tụng Giới Kinh hai lần, ở đây dạy bạn mỗi tháng đọc mười lần. Hiện nay chúng ta không niệm kinh Địa Tạng, chúng ta niệm kinh Vô Lượng Thọ được không? Được chứ. Kinh Vô Lượng Thọ bao gồm kinh Địa Tạng, nói thật ra chẳng có kinh nào mà kinh Vô Lượng Thọ chẳng bao gồm, toàn bộ Phật pháp đều rút gọn trong kinh Vô Lượng Thọ.

Có một năm tôi giảng Đại Ý kinh Địa Tạng ở Mỹ, tại những thành phố miền đông nước Mỹ, có vị đồng tu hỏi tôi:

Thưa pháp sư, không phải thầy chỉ giảng kinh Tịnh Độ thôi sao, tại sao thầy lại giảng kinh Địa Tạng? Có phải thầy đã xen tạp không?

Tôi nói: Không có, tôi cũng đang giảng kinh Vô Lượng Thọ, giảng pháp môn Tịnh Độ.

Vị ấy nói: Làm sao kinh Địa Tạng là pháp môn Tịnh Độ được?

Tôi nói: Pháp môn Tịnh Độ được xây dựng trên cơ sở của Tam Phước, bạn thừa nhận hay không?

Ông ấy nói: Thừa nhận.

Tôi nói: Tam Phước là [lời dạy trong] kinh Quán Vô Lượng Thọ, câu đầu tiên trong Tam Phước: “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp*”, đúng không?

Ông nói: Đúng.

Tôi nói: Kinh Địa Tạng giảng bốn câu này, kinh này tức là chú giải cho bốn câu đó.

[Nghe xong] ông mới hiểu. Cho nên chúng ta giảng bộ kinh này là pháp căn bản của Tịnh Độ, mười sáu chữ trong kinh Tịnh Độ được bao gồm trong bộ kinh này, bộ kinh này nói về mười sáu chữ này. Nếu bạn không hiểu kinh Địa Tạng thì bạn không hiểu phước thứ nhất trong Tam Phước, bạn cũng chẳng biết cách tu làm sao. Thế nên tôi giảng kinh Địa Tạng chính là giảng kinh Tịnh Độ, là giảng kinh Vãng Sanh, tôi chẳng rời khỏi Tịnh Tông, chẳng rời khỏi A Di Đà Phật.

Câu “*Đọc kinh này một lần*”, [chúng ta] nhất định phải hiểu ý nghĩa trong câu này. Nếu khi đọc có thể hiểu ý nghĩa, lý luận, có thể làm

¹⁴⁰ (tụng kinh Địa Tạng mười lần trong tháng).

theo như câu cuối trong kinh “*tín thọ phụng hành*”, vậy mới thực sự gọi là đọc kinh. Bạn thực sự làm, thật làm được thì sẽ có hiệu quả [như kinh nói]. “*Đông tây nam bắc, trong vòng một trăm do-tuần*”, do-tuần ở đây là tiểu do-tuần. Thời xưa tiểu do-tuần bằng bốn mươi dặm Trung Quốc, đơn vị đo lường thời xưa ngắn hơn ngày nay. Trong kinh chúng ta thấy, người xưa thân cao một trượng hai thước, thật ra ngày nay có người cao một trượng hai không? Rất nhiều, quá nhiều. Chúng ta coi trong cuốn Châu Xích Khảo của đại sư Hoằng Nhất, trong đoạn nói về ba mươi một loại giới luật, chư vị hãy xem. Một thước (xích) thời xưa khoảng chừng hơn năm tấc (thốn) một chút, chưa tới sáu tấc, cứ như vậy mà tính, một trượng¹⁴¹ hai chỉ bằng ngày nay bảy, tám bộ (feet), người cao tám bộ quá nhiều. Thế nên phải biết đơn vị đo lường chiều dài thời xưa chẳng giống ngày nay. Nếu tính ra một do-tuần ít nhất cũng là mười dặm, chắc có lẽ không xê xích nhiều lắm. “*Trăm do-tuần*” rất lớn, ít nhất cũng bằng một vùng một trăm dặm, hoặc khoảng một vùng bốn trăm dặm, khu vực lớn như vậy không có tai nạn, đây là một người có phước báo. Nếu nói mọi người đều tu phước thì sức mạnh ấy còn lớn hơn nữa.

Phước của một người tu rất yếu ớt, ngày nay Cư Sĩ Lâm xây Niệm Phật Đường, mọi người cùng nhau tu tập, chư vị có thể thấy được. Tôi nghĩ quý vị học Phật chắc cũng đã đi tới nhiều nơi, cũng gặp không ít đạo tràng, ngày nay người Trung Quốc gọi là khí, khí phận này rất hưng thịnh, có thể trong đời bạn thấy Cư Sĩ Lâm là hạng nhất. Tại sao? Có nhiều người như vậy ở đó thật thà niệm Phật, khi rời khỏi Niệm Phật Đường thì không tính. Khi bước vào Niệm Phật Đường thì họ thật thà niệm, thế nên từ trường ấy rất thù thắng, người vào đạo tràng này có thể sanh tâm thanh tịnh, tâm hoan hỷ, cái sức mạnh ấy sẽ bảo hộ cả vùng đó. Người trong vùng ấy, từ trường lớn ấy phát ra các làn sóng ảnh hưởng đến khu vực này. Thế nên Niệm Phật Đường này, trong sự tương tượng của tôi nửa năm sau sẽ ảnh hưởng đến khí phận cả vùng Tân Gia Ba, làm cho cư dân Tân Gia Ba ai nấy cũng sanh tâm hoan hỷ. Những

¹⁴¹ Một trượng là mười xích, như vậy một trượng hai là mười hai xích. Xích vào đời Châu chỉ có 15,8cm, do vậy một trượng hai khoảng độ một thước bảy, một thước tám hiện thời. Chứ nếu tính theo đời Thanh thì một xích là 32cm đến 35cm. Người trượng hai sẽ cao gần 4m! Điều dễ hiểu lầm là phần trước dùng chữ Xích với ý nghĩa chữ Xích đời Châu (tức 15,8cm), nhưng trong phần sau, khi Hòa Thượng ước tính “một trượng hai bằng bảy, tám xích hiện thời” thì chữ Xích này lại được hiểu theo nghĩa hiện thời, tức là Xích là dịch nghĩa của chữ foot. Như vậy, một trượng hai tương đương với 7,8 ft.

người cư trú trong khu vực này, trong tâm sẽ rất an tịnh, rất sung sướng, rất vui vẻ. Nhờ sức mạnh gì? Làn sóng điện ở đây phát ra quá lớn, vượt hơn sự suy nghĩ lung tung của con người, làn sóng lớn này sẽ quân bình những làn sóng khác, sanh ra hiệu quả lớn đường ấy. Ngày nay người thế gian nói về làn sóng tư tưởng, tư tưởng này của chúng ta là tư tưởng của Phật, tư tưởng của Bồ Tát, làn sóng lớn như vậy, lúc tôi giảng kinh có nói, tần số của chúng ta giống với tần số của đức Phật A Di Đà nên có thể nối liền, do đó sóng này có thể gộp vào sóng của Phật, Bồ Tát và sanh ra hiệu quả rất lớn, hiệu quả, cảm ứng này rất lớn. Ở đây tuy có ba, bốn triệu người nhưng không sao cả, từ trường này có thể bao gồm hết, có thể làm cho sóng của họ biến đổi thật nhiều, làm cho tâm tình họ bình lặng, yên tịnh, tâm tình yên ổn hòa hài, thực sự có thể sanh hoan hỷ, cảm giác khu vực này yên ổn, thái bình. Lợi ích của Phật pháp thù thắng như vậy nhưng tiếc là chẳng có người biết, chẳng có người thực sự làm!

Cho nên chúng ta phải cảm kích cư sĩ Lý Mộc Nguyên, nếu chẳng có sự ủng hộ mạnh mẽ của ông thì tôi nói làm sao, khuyên như thế nào đi nữa cũng khó đạt được hiệu quả, vì nói ra người ta không tin. Ở đây cư sĩ Lý Mộc Nguyên tin tưởng, ông chăm lo đầy đủ hết thấy mọi việc, phát tâm hết lòng làm việc này. Chúng tôi nghĩ có thể làm chừng nửa năm, một năm sau, xã hội đại chúng nhìn thấy hiện tượng này tự nhiên sẽ khẳng định, tự nhiên sẽ hoan hỷ. Hiện nay chúng ta thấy người đến Cư Sĩ Lâm ngày càng nhiều, hôm qua cư sĩ Lý nói với tôi, người tham dự buổi lễ siêu độ kỳ này vượt trội hơn năm ngoái rất nhiều, người niệm Phật cũng nhiều thêm. Nghe nói có một số người, vốn là tham gia các pháp hội khác, [nhưng sau đó] họ đều đến đây, đây là hiện tượng tốt, cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn! Sự thị hiện này đích thật có hiệu quả như vậy, ngày nay chúng ta thấy tận mắt nên càng có thể đoạn dứt nghi hoặc, sanh khởi lòng tin. “*Còn ở nhà người đó, hoặc già hoặc trẻ, hiện tại hoặc vị lai*”, hiện tại là lợi ích hiện tiền, vị lai “*trong trăm ngàn năm được vĩnh viễn xa lìa ác đạo*”, đây là nói rõ ảnh hưởng sâu rộng.

Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây thôi.

Tập 25 (Số 14-12-25)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển trung, trang sáu mươi hai, chúng ta đọc kinh văn một lần:

Năng u thị thập trai nhật, đối Phật Bồ Tát chư hiền thánh

tượng tiền, đọc tụng kinh nhất biến. Đông Tây Nam Bắc bách do-tuần nội vô chư tai nạn, đương thử cư gia nhược trưởng nhược ấu, hiện tại vị lai bách thiên tuế trung vĩnh ly ác thú.

能於是十齋日。對佛菩薩諸賢聖像前。讀是經一遍。
東西南北百由旬內無諸災難。當此居家若長若幼。現在未來百千歲中永離惡趣。

(Nếu trong mười ngày trai này, đối trước hình tượng của Phật, Bồ Tát, cùng chư Hiền Thánh mà đọc tụng kinh này một biến, thì [chung quanh chỗ người đó ở, bốn hướng] Đông Tây Nam Bắc, trong khoảng một trăm do-tuần, sẽ không có các tai nạn. Còn nhà của người đó, hoặc già hoặc trẻ, trong trăm ngàn năm hiện tại và vị lai được vĩnh viễn xa lìa ác đạo.)

Đoạn kinh văn này nói về ích lợi của việc đọc kinh, phía trước chúng ta đã nói rất nhiều, nhưng ý nghĩa này thật ra chẳng cùng tận, chúng ta phải thấu hiểu sâu vào, muôn vàn xin đừng coi đó là mê tín, nếu nghĩ vậy thì lợi ích đời này thậm chí đời sau đều phải bỏ lỡ, như vậy thì vô cùng đáng tiếc, thực sự là chẳng có cách chi bù đắp nổi. Chúng ta là phàm phu, tâm của chư Phật, Bồ Tát thanh tịnh hơn tâm chúng ta, trí huệ của các Ngài cao hơn chúng ta, bất luận các Ngài xem người, xem sự, xem vật đều thấu triệt hơn chúng ta, thấy được sâu xa hơn chúng ta. Đối với lời nói, giáo huấn của những thánh hiền này chúng ta không thể tin sâu, chẳng thể tiếp nhận, phụng hành, cứ thường làm theo vọng tưởng của chính mình, đâu có lý nào không phạm lỗi cho được? Do đó đức Phật ở đây nói: “*Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm không có gì chẳng là nghiệp, không có gì chẳng là tội*”, câu nào câu nấy cũng là lời chân thật. Trong kinh tới đoạn này khuyên chúng ta mỗi tháng ôn lại kinh điển mười lần, ý nghĩa chân chánh của nó là dạy chúng ta đừng quên lời răn dạy của Phật, Bồ Tát, từng giờ từng phút luôn nghĩ phải y giáo phụng hành, mục đích chân chánh là như vậy.

Chúng ta cũng tin sâu chẳng nghi hiệu quả có được [từ sự tu tập], người ở nơi đây phát tâm chân chánh tu hành, giống như cổ nhân Trung Quốc có nói: “*Một người có phước thì mọi người đều thơm lây*”, phước của người này càng lớn, thì công đức và sức ảnh hưởng của họ càng rộng. Chỗ này có nghĩa là chân chánh được oai thần chư Phật, Bồ Tát gia trì, người tu hành ở địa phương này trong vòng một trăm do-tuần, theo cách nói của cổ Ấn Độ, phạm vi một trăm do-tuần rất lớn, một do-tuần là

bốn mươi dặm, một trăm do-tuần là bốn ngàn dặm, phạm vi này lớn dường nào. [Một người] tu hành ở Tân Gia Ba, hầu như cả Trung Quốc Đại Lục đều bao gồm trong phạm vi bốn ngàn dặm này, có sức mạnh lớn như vậy. Chư vị phải biết tu hành chân thật mới có sức mạnh như vậy; nếu không phải tu thật, phạm vi bốn chục thước cũng chẳng đạt được chứ đừng nói đến trăm do- tuần. Đây là sự thật, nhất định phải hiểu đạo lý này. Nói thật ra người hiện nay có thể hiểu đạo lý này dễ hơn người thời trước, người thời trước đọc kinh này mà có thể hiểu, có thể tin, chúng ta thật không thể không khâm phục, thiện căn phước đức của họ rất sâu dày. Vì lời giải thích thời xưa không được tường tận, và cũng không tìm ra chứng cứ. Ngày nay chúng ta có khoa học kỹ thuật tiến bộ, dùng phương pháp khoa học để chứng minh nên dễ hiểu hơn thời xưa rất nhiều. Đạo lý này đã được giải thích phía trước, hy vọng mọi người suy nghĩ kỹ càng.

Đạo lý này chính là hiện tượng làn sóng (ba động) mà ngày nay khoa học gia thường đề cập tới. Phía trước đã nói với chư vị phàm là vật chất, đều sanh ra hiện tượng ba động, tất cả sóng của vật chất, các hiện tượng đều bình hòa. Sóng của tất cả vật chất, chúng ta gọi là thực vật, động vật, rất ôn hòa, rất ổn định, cường độ của làn sóng chấn động sẽ không lớn lắm, ở trong một phạm vi nhất định. Vì nó vĩnh viễn giữ trạng thái đó, tuy trạng thái này biến hóa, sự biến hóa này rất yếu, đây là nói rõ hiện tượng sóng của nó là một hiện tượng bình thường. Khoa học gia cận đại đã nhận thức rõ ràng về bản chất là chẳng có vật chất tồn tại. Vật chất là gì? Vật chất đích thật là hiện tượng sóng. Nhận thức này rất phi thường, rất giống với những gì nói trong Phật pháp. Phật pháp nói vũ trụ, chúng sanh sanh khởi như thế nào? Y báo, chánh báo trang nghiêm trong thập pháp giới từ đâu đến? Từ Vô Minh đến. *Vô minh không giác sanh ra tam tế, cảnh giới do duyên tạo nên lục thô*.¹⁴² . Có thể thấy vô minh

¹⁴² Vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới vi duyên trường lục thô.

“Tam tế lục thô” là từ ngữ xuất phát từ Đại Thừa Khởi Tín Luận. Tam tế và lục thô chính là chín trạng huống (thường được gọi là cử tướng – chín tướng) của các pháp huyền vọng được sanh khởi khi vô minh dấy lên, che lấp Chân Như. Tế là nhỏ nhất, khó thể nhận biết, còn Thô là dễ nhận thấy. Tam Tế gồm:

1. Vô Minh Nghiệp Tướng (nghiệp tướng): Chính là tướng trạng huyền vọng sanh khởi trước hết khi vô minh dấy động, còn chưa phân biệt được đâu là chủ và khách (tức là do vô minh dấy động, chân như bị che lấp, còn chưa phân biệt đâu là chủ thể để thấy biết và đối tượng bị thấy biết).

2. Năng Kiến Tướng (còn gọi là kiến tướng, chuyển tướng): Tướng trạng khi nghiệp thức vừa dấy động, biến thành cái tướng làm chủ thể để nhận biết, tức là sanh khởi

chính là hiện tượng sóng, đây thực sự là đã tìm ra nguồn gốc của thập pháp giới y báo, chánh báo trang nghiêm, làm gì có sự thật tồn tại? Chúng ta cảm giác đến sự thật tồn tại, đó là tướng tiếp nối của sóng. Kinh Kim Cang nói “*như sương, cũng như tia chớp*”, sương là tướng liên tục nối tiếp, tia chớp (tia sét) là tướng sanh diệt từng sát-na. Sát-na sanh diệt nói thật ra chính là không sanh không diệt, sanh diệt đồng thời, hiện tượng sóng sanh diệt đồng thời nên Phật nói chẳng sanh chẳng diệt. Chúng ta phải thấu hiểu không sanh không diệt chẳng phải là thực sự không sanh không diệt, nếu thực sự là không sanh không diệt thì nói không sanh không diệt chẳng có ý nghĩa gì cả. Nó đích thật có sanh diệt, có sanh diệt thì tại sao lại nói nó không sanh không diệt? Vì sanh diệt đồng thời. Trong kinh đức Phật dùng tia chớp làm thí dụ, nói tốc độ của nó quá nhanh, sau này chúng ta sẽ nói rõ hơn về vấn đề này khi giảng kinh Hoa Nghiêm.

Nhưng làn sóng của chúng sanh hữu tình siêu việt hơn làn sóng phát sanh từ vật chất không biết mạnh hơn gấp bao nhiêu lần. Trong kinh chúng ta thấy Phật nói “*Y Báo chuyển theo Chánh Báo*”, câu này rất khó hiểu. Y báo là hoàn cảnh vật chất của chúng ta, hoàn cảnh sinh

cái tâm nhận biết đối tượng mang tính chủ quan. Do cái tâm này hư huyền không thật nên gọi là Tướng.

3. Cảnh Giới Tướng (còn gọi là hiện tướng, cảnh tướng): Tức huyền vọng được biến hiện do cái tâm năng kiến vừa nói ở phần trên, tức đối tượng được nhận biết do cái tâm phân biệt chủ quan vừa nói ở trên đây.

Do quá trình từ vô minh nghiệp tướng biến chuyển thành năng kiến tướng và cảnh giới tướng rất nhanh, rất nhỏ nhiệm, hầu như không dễ gì nhận biết được nên gọi là Tế.

Lục Thô là:

1. Trí tướng: Dựa trên cảnh giới tướng bèn khởi phân biệt huyền vọng nhiễm - tịnh, yêu - ghét.

2. Tương Tục tướng: Do trí tướng phân biệt nên đối với cảnh giới yêu thích bèn sanh lòng sung sướng, đối với cảnh giới khó ưa bèn sanh khổ não. Cái tâm cảm nhận ấy tiếp nối mãi không ngừng nên gọi là Tương Tục tướng.

3. Chấp Thủ Tướng: Do Tương Tục tướng trên, ý niệm luôn chấp theo những cảnh giới khổ - vui, tạo nghiệp sanh tử nên gọi là Chấp Thủ Tướng.

4. Kế Danh Tự Tướng: Do Chấp Thủ tướng bèn phân biệt, đặt tên sự vật, phân chia khái niệm, do vậy gọi là Kế Danh Tự Tướng.

5. Khởi Nghiệp Tướng: Y theo Kế Danh Tự Tướng và chấp trước, tạo đủ mọi nghiệp nên gọi là Khởi Nghiệp Tướng.

6. Nghiệp Hệ Khổ Tướng: Do nghiệp có thiện ác nên chịu nỗi khổ sanh tử bức bách, chẳng được tự tại nên gọi là Nghiệp Hệ Khổ Tướng.

hoạt của chúng ta, Phật nói hoàn cảnh sinh hoạt chuyển tùy theo tâm của bạn, chuyển theo từng tâm niệm của bạn, [cách nói này] rất khó hiểu. Kinh Lăng Nghiêm lại nói “*Nếu có thể chuyển cảnh giới thì giống như Như Lai*”, chuyển cảnh là hoàn cảnh vật chất có thể [biến đổi] tùy tâm, Phật nói [bạn chuyển được cảnh] như vậy thì cảnh giới của bạn giống như cảnh giới của chư Phật Như Lai. Chúng ta đọc những lời trong kinh như vậy đích thật rất khó hiểu, thật ra chúng ta dùng khoa học để chứng minh thì dễ hiểu hơn. Nói theo kiểu bây giờ, chúng ta dùng sóng điện để thí dụ, [tức là nói đến] sự nhiễu động của sóng điện. Sóng phát ra từ tất cả vật chất thì yếu và êm ả, còn sóng phát ra từ tư tưởng của chúng ta thì mạnh mẽ, cường độ dao động lớn. Loại sóng này gây nhiễu những thứ sóng khác. Là sóng [tư tưởng] của chúng ta phát ra mạnh nên sẽ bao trùm các loại sóng vật chất, do đó sẽ thay đổi kết cấu của vật chất. Kết cấu vật lý là từ làn sóng sanh ra, chỉ cần bạn thay đổi làn sóng của chúng thì kết cấu của vật chất, thậm chí kết cấu của tinh cầu cũng sẽ thay đổi, quỹ đạo của tinh cầu quay trong không gian cũng có thể thay đổi, có thể sanh ra làn sóng lớn như vậy.

Hết thủy sóng của chúng sanh hữu tình được chia thành ba loại: Thiện, Ác, Vô ký¹⁴³. Sóng thuộc loại vô ký rất bình hòa, có thể hợp chung lại với sóng của hết thủy vật chất, đây là Nhất Chân pháp giới của chư Phật Như Lai. Trong thập pháp giới, sóng của hết thủy chúng sanh có thiện, có ác nên tạo thành hiện tượng vật chất có biến hóa cực lớn. Thực sự vì đạo lý này, vì chân tướng sự thật này nên cổ thánh tiên hiền đặc biệt nhấn mạnh sự giáo dục cho hết thủy chúng sanh; nền giáo dục của nhà Phật triệt để nhất, nói về quan hệ giữa người với người, quan hệ giữa người và hết thủy chúng sanh hữu tình, quan hệ giữa người và hết thủy động vật, quan hệ với thực vật, với khoáng vật, với thiên nhiên, sau cùng siêu việt quan hệ với thiên địa quỷ thần, quan hệ với Nhất Chân pháp giới. Giáo lý của Phật dạy chính là nói về những việc này. Khi bạn hiểu rõ, thông suốt hết rồi thì mới biết hư không pháp giới hết thủy chúng sanh và mình là cùng một thể, là một chứ chẳng phải hai. Đã là một thể thì lẽ nào chẳng quan hệ với nhau? Bất cứ một tế bào nào trên thân thể chúng ta trực trặc đều làm cho toàn thân cảm giác không thoải mái, chẳng hạn cuộc ở tại một chỗ nào cả. Một cây kim rất nhỏ đâm vào, đâm vào bất kỳ một chỗ nào trên da chúng ta thì toàn thân đều cảm giác được. Cùng một đạo lý ấy, khi chúng ta khởi tâm động niệm thì tận hư

¹⁴³ Vô ký là không thiện không ác.

không trọn khắp pháp giới đều có thể cảm nhận được. Tại sao chúng ta cảm nhận không được? Hiện nay thân thể chúng ta chai đá, tê cứng mất rồi, đừng nói kim đâm vào bạn chẳng biết, dao cắt bạn cũng chẳng biết vì đã tê cứng mất rồi. Tê cứng tức là mê, mê chứ chẳng giác. Thân thể chư Phật, Bồ Tát khỏe mạnh bình thường, các Ngài ở trong trạng thái tỉnh giác, cho nên một chút đau nhức các Ngài đều biết. Do đó chư Phật, Bồ Tát là người khỏe mạnh, ổn định; chúng ta là người chẳng bình thường, bị chai đá, tê cứng hết rồi. Chúng tôi dùng thí dụ như vậy thì quý bạn dễ hiểu hơn.

Sau đó bạn có thể khẳng định rằng khi thực sự y giáo tu hành thì làn sóng này có sức mạnh rất lớn. Tức là trong một khoảng cách như vậy, sóng lớn mạnh của bạn có thể bao trùm những sóng bất bình thường trong phạm vi này, sóng của bạn trùm lên nó, có thể gây nhiều sóng của nó, nó không thể gây nhiều sóng của bạn. Sóng của bạn thiện, tốt, nên dù chỗ đó có ác, có sóng ác thì sẽ chiêu cảm tai nạn, sóng thiện lành của bạn mạnh hơn sóng ác đó, có thể hóa giải tai nạn của nó, làm cho tai nạn ấy không khởi lên, là đạo lý như vậy. Thế nên tu hành phải hết lòng, phải dùng tâm chân thành, sức ấy mới mạnh. Người thế gian dùng vọng tâm, chúng ta dùng chân tâm, dùng chân tâm rất quý báu. Khi bạn dùng chân tâm thì sức mạnh rất lớn! Vì hết thấy chư Phật, Bồ Tát dùng chân tâm, tâm của bạn giống tâm của các Ngài; nói cách khác, tần số dao động giống nhau nên tiếp xúc, cảm thông được với các Ngài. Tiếp xúc, cảm thông trong nhà Phật gọi là gia trì, người thế gian gọi là bảo hộ, tần số của bạn giống với các Ngài mới có thể cảm thông, mới được gia trì, được bảo hộ. Nếu tần số của chúng ta khác với tần số của các Ngài, làm thế nào cũng không thể khởi cảm ứng, nếu có khởi cảm ứng thì cũng là đứng ngoài rìa, chỉ có một chút ảnh hưởng chứ chẳng cảm thông trực tiếp. Dùng sóng điện để giải thích những chuyện này thì chư vị dễ hiểu hơn.

Chân tâm tuyệt đối không có vọng tưởng, trong kinh luận Đại Thừa, Tiểu Thừa, đức Phật khổ lòng mỗi miệng dùng ngàn lời vạn tiếng, đã từng vô số lần khuyên chúng ta phải đoạn trừ vọng tưởng, nhất định phải bắt đầu từ việc đoạn phiền não. Trong các vọng tưởng, ngã chấp là vọng tưởng căn bản nhất, chấp trước thân này là Ta, đây là cội rễ của vọng tưởng. Vậy thì phải tu cái gì? Thân này chẳng phải là Ta, cái gì mới là Ta? Ta có chứ chẳng phải không có. Tận hư không trọn khắp pháp giới là một cái Ta, đức Phật nói lời này người ta không tin. Không những phần đông người ta nghe xong không tin, ngay cả người xuất gia

học Phật cả đời, học đến chết cũng không tin. Nếu họ tin thì họ đã thành Phật rồi. Tại sao họ không thành Phật được? Vì họ không tin. Tại sao nói nếu họ tin thì họ sẽ thành Phật? Tin tưởng thì họ sẽ chứng được pháp thân thanh tịnh, tận hư không, khắp pháp giới là một thân, thân này gọi là Thể, một thể. Chư vị thường nghe trong Phật pháp có nói “*Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi*”, đồng thể nghĩa là như thế nào? Hư không pháp giới và mình cùng một thể, tức là chính mình. Trong Thiên Tông gọi là “*mặt mũi vốn sẵn có khi cha mẹ chưa sanh*”, mặt mũi vốn có là gì? Tức là pháp thân thanh tịnh. Pháp thân đâu có sanh diệt? Pháp thân chẳng có tướng, nhưng có thể hiện hết thấy tướng. Chư Phật, Bồ Tát chẳng có thân, nhưng có thể hiện hết thấy thân. Chúng ta hiểu rõ thì phải làm thực sự, đây mới thực sự là chính mình.

Thế nên học Phật pháp rốt cuộc là sự việc như thế nào? Chỉ là khôi phục mặt mũi vốn sẵn có mà thôi, trừ việc này ra thì chẳng có được cái gì hết, thật giống như câu nói trong hội giảng kinh Lăng Nghiêm: “*Viên mãn Bồ Đề, quay về chỗ chẳng thể được*”¹⁴⁴, chẳng qua là khôi phục bộ mặt vốn sẵn có của bạn mà thôi, đây là thật chẳng giả. Thế nên khế nhập vào cảnh giới này, bạn nhìn thấy chúng sanh được vui thì chính mình được vui, chúng sanh thọ khổ thì chính mình thọ khổ, tâm từ bi ấy chẳng phải miễn cưỡng, mà là tự nhiên sanh khởi. Tại sao vậy? Hư không pháp giới và mình cùng một thể, tuyệt chẳng có sai khác. Trong đoạn kinh này tôi bổ sung một chút ý nghĩa này, hy vọng chư vị đồng tu lắng lòng để cân nhắc, đắn đo, thể nghiệm. Đời này có thể nhập cảnh giới của Phật là một vận may to tát! Đây cũng là điều mà chư Phật, Bồ Tát kỳ vọng nơi chúng ta. Cho nên chúng ta phải có lòng tin đối với kinh điển, khi có thể tin có thể hiểu, thực sự hiểu rõ, sau đó phải thực hành, phải biến kinh điển thành tư tưởng, kiến giải, hành vi của mình, kinh điển chính là mình, mình chính là kinh điển, như vậy gọi là tu hành chứng quả. Xin xem tiếp kinh văn:

Năng ư thập trai nhật mỗi chuyển nhất biến. Hiện thể kim thử cư gia vô chư hoạnh bệnh, y thực phong ích.

能於十齋日每轉一遍。現世令此居家無諸橫病。衣食豐溢。

(Nếu trong mười ngày trai này có thể mỗi ngày đều tụng một biến thì ngay đời hiện tại, những người trong nhà không bị tai ương hoặc

¹⁴⁴ Viên mãn Bồ Đề, quy vô sở đắc.

bệnh tật, đồ ăn đồ mặc lại được dư dật.)

Đề mục nhỏ [trong Chú Giải của đoạn này] là “*Thích hiện thế phước lợi*”, thích là giải thích, bạn được phước, lợi ích ngay bây giờ. Chúng ta thấy ở đây khác với đoạn trước chỉ có một chữ, đoạn trước nói “*độc thị kinh*” (độc kinh này), ở đây nói “*chuyển nhất biến*”, đoạn trước dùng chữ độc, ở đây dùng chữ chuyển. Đoạn này không dùng chữ độc, không có nói “*năng ư thập trai nhật mỗi độc nhất biến*”. Cái gì gọi là chuyển? Chuyển khác với độc ở chỗ nào? Độc là nói trên nhân, chuyển là nói trên quả. Sau khi đọc xong, tâm niệm của bạn chuyển biến, hành vi chuyển biến, vừa chuyển thì tai nạn sẽ biến thành phước đức. Nếu bạn học Phật chẳng thể chuyển trở lại, vậy thì tai nạn của bạn cũng không thể thay đổi, bạn vẫn phải chịu tai nạn, chữ này là chữ mấu chốt ở đây. Chuyển phải chuyển từ tâm, chuyển trên hành vi, ý nghĩa này rất sâu.

Thế nên đọc tụng nhất định phải hiểu nghĩa, tại sao phải giảng kinh? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lúc còn tại thế giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, phải giảng rõ ràng, giảng rành rẽ, để cho người nghe giác ngộ, hiểu rõ. Sau khi hiểu rõ, tư tưởng, quan niệm, hành vi của họ sẽ chuyển trở lại, chuyển ác thành thiện, chuyển ô nhiễm thành thanh tịnh, trên nhân vừa chuyển thì quả đương nhiên sẽ chuyển, đây tức là “*Nếu có thể chuyển cảnh, thì cũng giống như Như Lai*”¹⁴⁵. Cảnh chuyển từ đâu? Chuyển từ tâm, nói theo bây giờ là chuyển trên làn sóng tư tưởng của mình. Lúc trước tư tưởng đều là tự tư, tự lợi, tham-sân-si-mạn, tổn hại người, lợi mình, đều là những làn sóng như vậy. Hiện nay những làn sóng này thay đổi rồi, chúng ta khởi tâm động niệm đều vì lợi ích chúng sanh, xả mình vì người, sóng phát ra đều là đại từ đại bi, thanh tịnh vô nhiễm, sóng như vậy làm sao không chuyển hoàn cảnh cho được? Cảnh giới vốn chẳng có thiện ác, vốn là thanh tịnh, nói thật ra, vốn là một tịnh độ. Tại sao tịnh độ lại biến thành đời ác ngũ trược? Vì tâm niệm ác của chúng ta thay đổi hoàn cảnh này, đây là lời đức Phật giải thích cho chúng ta. Chúng ta càng nghĩ lời Phật dạy càng thấy có lý, chúng ta tự thí nghiệm thì quả thật đúng như vậy, thế nên nhất định phải phụng hành thì mới được lợi ích. Ngài Thanh Lương giảng giải kinh Hoa Nghiêm, Ngài dùng bốn cương lĩnh Tín, Giải, Hành, Chứng để giới thiệu cho chúng ta. Chúng ta phải làm bốn chữ này cùng lúc, không thể có trước sau, có trước sau thì hiệu quả sẽ rất chậm. Hiện nay tai nạn đã

¹⁴⁵ Nhược năng chuyển cảnh tắc đồng Như Lai.

đến, cách thức chậm này không kịp nữa, cho nên phải làm cùng một lúc.

Ngày nay Cư Sĩ Lâm, chúng ta dùng phương pháp này. Giảng đường chúng ta mỗi ngày giảng kinh hai giờ, một năm ba trăm sáu mươi ngày không gián đoạn, đây là Tín, Giải; Niệm Phật Đường mỗi ngày niệm Phật không gián đoạn, đó là Hành, Chứng. Chúng ta tiến hành Tín, Giải, Hành, Chứng cùng lúc, Giải Môn giúp Hành Môn, Hành Môn giúp Giải Môn, Giải Hành bổ khuyết thành tựu lẫn nhau, hiệu quả sẽ rất lớn. Quả thật có thể y giáo phụng hành, công đức lợi ích sẽ không thể nghĩ bàn. Chúng ta phải tin sâu, kinh là kinh trong tâm chúng ta. Thế Tôn từ chân tâm tuôn trào ra, chân tâm của Thế Tôn tức là chân tâm của chúng ta, tâm là tâm hiện nay, hai mà không hai, cho nên công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Chữ “*hiện thế*” ở đây tức là chỗ ở hiện nay của chúng ta bình yên, hạnh phúc, chẳng có tai nạn, có cơm no áo ấm, có thể đạt đến hiệu quả này. Hiệu quả này rất nhỏ, đâu có lý nào không đạt được! Xin xem tiếp kinh văn:

Thị cố Phổ Quảng, đương tri Địa Tạng Bồ Tát hữu như thị đẳng bất khả thuyết bách thiên vạn ức đại oai thần lực lợi ích chi sự.

是故普廣。當知地藏菩薩有如是等不可說百千萬億大威神力利益之事。

(Vì thế Phổ Quảng, nên biết rằng Địa Tạng Bồ Tát có trăm ngàn vạn ức đại oai thần lực lợi ích chẳng thể nói hết như thế.)

Đây là lời tổng kết. Địa Tạng Bồ Tát, ba chữ “*như thị đẳng*” tổng kết những lợi ích của sự tín thọ phụng hành nói phía trước, quy kết về oai thần của Địa Tạng Bồ Tát gia trì. Địa Tạng Bồ Tát là tiêu biểu pháp, là tượng trưng, nội dung chân chánh của Ngài là kho tàng vốn sẵn có trong tự tánh của chúng ta. Kho tàng này, trong kinh thường nói tự tánh vốn đầy đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng; đức là đức tướng, y báo chánh báo trang nghiêm trong Nhất Chân pháp giới là đức tướng; năng là năng lực, tức là “*đại oai thần lực*” nói ở đây, những thứ này vốn đầy đủ trong tự tánh chúng ta. Không những kinh này, hết thảy tất cả những kinh Phật dạy đều là đức năng vốn sẵn có trong tự tánh, nếu tách khỏi tự tánh thì chẳng có một pháp nào có thể được. Do đó có thể biết, đọc kinh đối diện chư Phật, Bồ Tát, dùng tâm chân thành cung kính bèn có thể khai phát tự tánh, làm cho tánh đức của chính mình cũng có thể khởi lên. Hiện tượng làn sóng của chúng ta bèn nối liền với [làn sóng] của chư Phật, Bồ Tát vì tần số đều giống nhau. Lúc bấy giờ hết thảy những nghi

ngờ, lo âu của chúng ta mới có thể đoạn dứt, đoạn dứt nghi hoặc mới có thể sanh khởi lòng tin chân chánh, lòng tin thành tựu Phật sự, tức là sự nghiệp tự lợi lợi tha, lòng tin là cội rễ, kinh Hoa Nghiêm nói “*Lòng tin là cội nguồn của đạo, mẹ của công đức*”¹⁴⁶, đạo tức là đạo thành Phật, chuyển phàm thành thánh; thánh đạt đến cứu cánh viên mãn là thành Phật, lòng tin là cội rễ. Công đức là tự lợi, lợi tha; tự lợi, lợi tha đạt đến cứu cánh viên mãn cũng được xây dựng từ lòng tin.

Ngày nay chúng ta làm không đủ, chẳng viên mãn, nguyên nhân ở tại chỗ nào? Nguyên nhân ở chỗ chẳng xây dựng lòng tin, lòng tin chẳng đủ. Lòng tin chẳng đủ là vì chẳng thấu triệt, hiểu rõ chân tướng sự thật. Do đó Giải có thể trợ giúp cho Tín, Tín có thể trợ giúp Giải, Hành có thể trợ giúp Tín, Tín có thể giúp Hành, tuy nói bốn chữ Tín, Giải, Hành, Chứng, thật ra chỉ là một sự việc. Mỗi chữ đều phải bao gồm ba chữ kia, nếu không bao gồm ba chữ kia thì không thể gọi là Tín. Trong Tín không có Giải, không có Hành, không có Chứng thì không gọi là Tín; nếu trong Giải không có Tín, không có Hành, không có Chứng thì chẳng gọi là Giải. Phật pháp là viên dung, viên tu viên chứng, tiến bộ phát triển sẽ rất nhanh chóng. Đoạn tiếp theo sau nói:

Diêm Phù chúng sanh ư thử đại sĩ hữu đại nhân duyên.

閻浮眾生於此大士有大因緣。

(Chúng sanh trong cõi Diêm Phù có đại nhân duyên với vị đại sĩ này.)

“*Diêm Phù chúng sanh*”, Diêm Phù là nói thế giới, địa cầu của chúng ta. Chúng sanh trên quả địa cầu này có đại nhân duyên với Địa Tạng Bồ Tát, có duyên gặp nhau sẽ hoan hỷ, không có duyên sẽ khó tiếp nhận. Chuyện này trong đời sống của chúng ta cũng có thể nhận biết được. Khi chúng ta đi tới một chỗ xa lạ, đặc biệt như lúc đi du lịch, lần đầu tiên đến đó du lịch, chúng ta gặp rất nhiều người, có người vừa nhìn liền rất thuận thảo, nhìn thấy rất hoan hỷ, có người vừa nhìn liền chán ghét [mặc dù] trước đó chưa từng qua lại với họ. Tại sao lại có hiện tượng như vậy? Hiện tượng này chính là do duyên phận đời trước. Khi gặp liền hoan hỷ, mình gặp họ cũng hoan hỷ, họ gặp mình cũng vui mừng, đây là thiện duyên đời trước. Còn khi chúng ta gặp nhau liền cảm thấy không thuận mắt, họ gặp mình cũng chẳng vừa lòng thì đây là ác

¹⁴⁶ Tín vi đạo nguyên công đức mẫu.

duyên đời trước. Có thể chúng ta trong đời này, chỉ trong vòng mấy giây, mấy phút, cả đời chỉ gặp mặt một lần như vậy, muốn gặp thêm lần thứ nhì sẽ rất khó khăn, những chuyện như vậy quá nhiều. Tuy có duyên, duyên rất mỏng, duyên chỉ gặp một lần trong cả đời, thời gian vô cùng ngắn ngủi, [dựa trên những việc này] chúng ta có thể hiểu được nhân duyên đời trước.

Còn một chuyện cũng có thể chứng minh được chúng ta chắc chắn có đời quá khứ. Khi chúng ta đi du lịch tới một địa phương nào đó, chưa từng tới đó bao giờ, cả đời đích thật là lần đầu tiên tới đó nhưng đột nhiên cảm thấy hoàn cảnh nơi đó rất quen thuộc, hình như đã gặp qua rồi, đó là do nguyên nhân gì? Đời quá khứ bạn đã cư trú ở nơi đó rồi, nếu không thì bạn làm sao cảm thấy rất quen thuộc được? Từ trước tới giờ chưa hề có ai giới thiệu thì bạn làm sao cảm thấy quen thuộc? Điều này chứng minh con người nhất định có đời trước. Lúc tôi ở Mỹ, tiểu bang Texas, có một vị đồng tu, cý sĩ Thái Văn Hùng, ông kể lại nhân duyên giúp ông học Phật, ông biết đýợc, thấu hiểu có đời quá khứ thực sự. Có một lần ngẫu nhiên lái xe tại vùng phụ cận ở Cựu Kim Sơn (San Francisco) bị lạc đýờng, khi chạy đến một thành phố nhỏ, từ trước tới giờ chýa hề đến đó, ông đột nhiên cảm thấy thành phố đó rất quen thuộc, ông biết đýờng đó phải đi nhý thế nào, ông lái xe đi theo quả nhiên không sai. Sau đó càng nghĩ càng cảm thấy kỳ lạ, nếu không phải đời trước đã từng ở nơi đó thì làm sao quen thuộc như vậy? Làm sao có ấn tượng sâu sắc như vậy? Chắc chắn đã cư trú ở đó nhiều năm nên ấn tượng mới sâu đậm như vậy, đây là lời ông đích thân kể lại. Chắc đời trước chẳng có làm chuyện xấu gì nên đời này lại đầu thai làm người. Thế nên con người đích thật có đời quá khứ, có quá khứ tức là có tương lai, đây là nói về chân tướng sự thật của nhân quả luân hồi, rất nhiều người đã từng trải qua. Chúng ta cũng đã từng trải qua nhưng chẳng rõ ràng như ông Thái, chẳng sâu đậm như vậy. Xin xem tiếp kinh văn:

Thị chư chúng sanh văn Bồ Tát danh kiến Bồ Tát tượng, nữ chi văn thị kinh tam tự ngữ tự hoặc nhất kệ nhất cú giả. Hiện tại thù diệu an lạc, vị lai chi thế bách thiên vạn sanh, thường đắc đoan chánh sanh tôn quý gia.

是諸眾生聞菩薩名見菩薩像。乃至聞是經三字五字或一偈一句者。現在殊妙安樂。未來之世百千萬生。常得端正生尊貴家。

(Nếu những chúng sanh đó được nghe danh hiệu của Bồ Tát, thấy tượng của Bồ Tát, cho đến được nghe chừng ba chữ hoặc năm chữ trong kinh này, hoặc một bài kệ hay một câu, thì hiện tại được sự an vui thù thắng vì diêu, và trăm ngàn vạn đời vị lai thường được đoan chánh, sanh vào nhà tôn quý.)

Đây là lời tán thán cùng cực, nói rõ sự lợi ích của sự nghe đến danh hiệu, thấy hình tượng, lời văn trong kinh điển đơn giản, nhưng hàm nghĩa sâu rộng. “*Văn Bồ Tát danh, kiến Bồ Tát tượng*” cho đến tiếp xúc bộ kinh này, lợi ích của mỗi người có sâu cạn khác nhau. Có người hoàn toàn chẳng có dịp tiếp xúc Phật pháp, giống như những người đi tham quan du lịch, đặc biệt là đi du lịch Trung Quốc, tham quan chùa chiền ở Trung Quốc là trọng điểm của các đoàn du lịch, người ngoại quốc rất thích [đến những nơi này]. Hơn phân nữa là tín đồ Cơ Đốc Giáo, Thiên Chúa Giáo, và những tôn giáo khác, họ chẳng biết gì về Phật pháp. Nhờ chuyến đi du lịch nên nhìn thấy các tượng Phật, tượng Bồ Tát, đương nhiên họ sẽ chẳng có lòng tin, thậm chí họ còn coi những thứ này là mê tín. Mức độ cao hơn một chút thì họ sẽ coi đó như là tác phẩm nghệ thuật, thưởng thức những tượng này như là tác phẩm nghệ thuật. Có lợi ích hay không? Có chứ. Giống như câu nói trong nhà Phật “*Một khi lọt vào tai, vĩnh viễn thành hạt giống đạo*”. Một khi lọt vào tai, và một khi lọt vào mắt có cùng ý nghĩa. Nhĩ căn nghe đến âm thanh niệm Phật, tụng kinh, đó là nhĩ căn; nhìn thấy hình tượng Phật, Bồ Tát là nhãn căn, vĩnh viễn là hạt giống đạo trong A Lại Da thức. Bất luận là cố ý, vô ý, bất luận là tán thán, hủy báng, đều trở thành hạt giống kim cang, chỉ sợ là cả đời họ chẳng có duyên được tiếp xúc, vậy thì vô cùng đáng tiếc. [Nếu họ] hủy báng cũng chẳng sao cả, khi họ tiếp xúc đến, nếu họ hủy báng thì họ sẽ chịu quả báo của sự hủy báng, sau khi chịu quả báo xong, tương lai có duyên gặp lại thì họ sẽ tin, họ sẽ có thể được độ.

Từ đó có thể biết, kết pháp duyên với chúng sanh là một chuyện tốt, trong thế pháp, xuất thế pháp đều là chuyện tốt hạng nhất. Lúc rộng kết pháp duyên không nên có hủ kỵ gì cả, đừng cho là họ sẽ khinh nhờn, khuấy nhiễu hình tượng Phật, Bồ Tát và tạo nhiều nghiệp tội, vậy thì bạn sẽ chẳng dám đụng, bạn làm sao có thể kết duyên với chúng sanh? Khởi tâm tôn trọng, kính ngưỡng đối với Phật, Bồ Tát đó là chuyện đã vào cửa Phật rồi, chúng ta phải tôn trọng, cung kính hình tượng Phật, Bồ Tát. Nhưng khi chúng ta giới thiệu cho người khác thì không cần phải có những lo lắng này. Giới thiệu cho người khác là gieo

hạt giống Phật trong A Lại Da thức của người ta, cho dù hủy báng, sỉ nhục cũng không sao, lẽ nào Phật, Bồ Tát lại hiềm trách bạn? [Những kẻ] hiềm trách đều là phạm phu, chẳng phải thánh nhân, [Phật, Bồ Tát] tuyệt sẽ chẳng hiềm trách. Cho nên hiện nay chúng ta có khi nhìn thấy, trên giấy gói đồ có in hình tượng Phật, Bồ Tát, báo chí cũng thường in danh hiệu và cũng có hình tượng Phật, Bồ Tát. Có một số đồng tu gặp những chuyện này đến hỏi tôi phải làm sao? Giấy báo này có thể đem bỏ không? Phải xử lý như thế nào? Họ rất hoang mang. Như vậy là khởi phân biệt, chấp trước, phải biết in [hình Phật, Bồ Tát] trên báo là để kết pháp duyên, trồng thiện duyên với rất nhiều chúng sanh. Chúng ta gặp thì phải xử lý như thế nào? Phải coi [hoàn cảnh] của bạn. Nếu nhà bạn có chỗ cất giữ, bạn có thể cất hình, danh hiệu Phật, Bồ Tát trên báo, hoặc dán lên sách, làm kỷ niệm cũng tốt. Nếu không làm như vậy thì cứ xử lý như những báo chí thường cũng được, chẳng cần phải chấp trước, chẳng cần phải tính toán. Đặc biệt là người tạo ác trên thế gian này nhiều, tạo danh hiệu và hình tượng Phật, Bồ Tát càng nhiều càng tốt. Sự phát tâm khác nhau, tâm này là nhằm đem lại lợi ích cho hết thảy chúng sanh, hy vọng chúng sanh trồng hạt giống Phật, Bồ Tát, đây là chuyện tốt. Đừng nghĩ như vậy là không cung kính, đoạn mất duyên này, vậy thì rất đáng tiếc.

Chỗ này nói việc lợi ích vô cùng rõ ràng. Người có được lợi ích [nhiều hay ít là] tùy theo tâm của họ, tùy theo nguyện của họ, nếu họ có thể giải, có thể hành, thì lợi ích ấy càng thù thắng, lợi ích càng lớn. Họ nghe danh hiệu, thấy tượng, không hiểu thì cũng không thể hành, lợi ích này ẩn chứa trong A Lại Da thức của họ, bây giờ không thể đạt được lợi ích. Họ chẳng đạt được sự “*Hiện tại thù diệu an lạc*” nói ở đây. Đến khi nào họ mới đạt được lợi ích? Đòi sau khi họ có cơ duyên gặp được, lúc gặp được, nếu duyên thù thắng gặp được thiện tri thức, bạn đồng tham, đạo hữu tốt giúp họ có thể giải có thể hành thì lợi ích an lạc thù thắng của họ mới hiện tiền. Do đó trong ấy chẳng có mê tín, nhân duyên sai khác trong ấy vô lượng vô biên. Chúng ta phải hiểu đạo lý này, hiểu chân tướng sự thật này, khi có người đến hỏi, chúng ta có thể trả lời, giúp họ đoạn dứt nghi hoặc và sanh lòng tin. Phạm những người đến hỏi đều là người trong đời quá khứ có hạt giống này, đã từng có duyên nghe pháp, nghe danh hiệu, thấy hình tượng. Chúng ta hãy suy nghĩ kỹ càng trong đời quá khứ, thậm chí trong kiếp lâu xa về trước chúng ta đã trồng nhân, đến đời này chúng ta mới gặp được duyên, duyên mới chín muồi. Cho nên gặp được bộ kinh này liền có thể sanh tâm hoan hỷ, càng đọc

càng hoan hỷ, hiểu được thì hoan hỷ, không hiểu cũng hoan hỷ, [vì đã gieo trồng] duyên rất sâu đậm! Duyên này chắc chắn là đã được gieo trồng đời trước, không thể nào đời này vừa tiếp xúc liền sanh tâm hoan hỷ, không có lý như vậy.

Hiện nay có rất nhiều người nhìn thấy [hình tượng] không thể sanh tâm hoan hỷ, không phải cũng giống như chúng ta trong đời quá khứ hay sao, chúng ta là người từng trải qua nên hiểu được, đã trải qua nhiều đời nhiều kiếp mới thành tựu. Hiện nay chúng ta giúp họ trồng nhân, chúng ta cũng rất rõ phải đợi đến đời sau, kiếp sau khi duyên chín muồi thì họ mới được độ. Trong tâm người thế gian nghĩ đoạn thời gian này quá dài, nhưng trong chân tướng sự thật thì thời gian là giả, [thực sự là] chẳng có thời gian. Thời gian và không gian đều là một khái niệm trừu tượng, tuyệt chẳng phải sự thật. Kinh Hoa Nghiêm nói “*niệm kiếp viên dung*”, một niệm có thể kéo dài đến vô lượng kiếp, vô lượng kiếp có thể rút ngắn thành một niệm. Trong kinh Đại Thừa thường nói “*mười đời xưa nay chẳng lìa một niệm*”¹⁴⁷, chính là đạo lý này. Chúng ta chẳng nhìn thấy chân tướng, giống như chúng ta coi phim vậy, chúng ta chỉ thấy hình bóng hiện trên màn ảnh, chẳng nhìn thấy tấm phim trong máy chiếu phim, chiếu trên màn ảnh [thì nhìn thấy] có trước có sau, nếu nhìn thấy các tấm phim trong máy chiếu hình, lấy ra cả một cuộn phim thì chẳng có trước sau. Do đó có thể biết, chúng ta thấy có thời gian, có quá khứ, có tương lai là do cảm giác sai lầm nên nhìn thấy ảo tượng này. Nếu bạn hiểu chân tướng sự thật thì bạn cũng như đang trong máy chiếu phim, nhìn thấy mỗi tấm phim chẳng có trước sau gì cả.

Cho nên chuyện chúng ta nên làm là giúp đỡ hết thảy chúng sanh trồng thiện căn, tu Bồ Tát hạnh, thành Bồ Tát đạo. Hơn nữa phải tích cực làm, giúp đỡ mọi người vô điều kiện, trong ấy không có phân biệt, không có chấp trước, dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng mà làm, như vậy thì công đức tự nhiên sẽ viên mãn. Trong kinh nói lợi ích “*trăm ngàn vạn đời thường được đọa an chánh, sanh nhà tôn quý*”, đây là điều mọi người trong thế gian mong cầu, chỉ nêu ra một thí dụ mà thôi, công đức lợi ích thực sự thì thù thắng hơn việc này nhiều. Pháp sư Thanh Liên chú giải đoạn này rất hay, Ngài dùng những gì nói trong kinh điển tương đối sâu một chút, nhưng chúng ta trong các buổi giảng đã nói rất nhiều, nếu chư vị có thể hiểu ý nghĩa này thì coi chú giải của Ngài chẳng khó. Xin xem tiếp kinh văn, trang sáu mươi sáu:

¹⁴⁷ Thập thế cổ kim bất ly nhất niệm.

Nhĩ thời Phổ Quảng Bồ Tát văn Phật Như Lai xưng dương tán thán Địa Tạng Bồ Tát dĩ, hồ quy hiệp chưởng phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn, ngã cửu tri thị đại sĩ hữu như thử bất khả tư nghị thần lực cập đại thệ nguyện lực, vị vị lai chúng sanh khiến tri lợi ích cố vấn Như Lai duy nhiên đĩnh thọ”.

爾時普廣菩薩聞佛如來稱揚讚歎地藏菩薩已。胡跪合掌復白佛言。世尊。我久知是大士有如此不可思議神力及大誓願力。為未來眾生遣知利益故問如來唯然頂受。

(Lúc đó, Bồ Tát Phổ Quảng nghe Đức Phật Như Lai xưng dương tán thán Bồ Tát Địa Tạng xong, liền quỳ xuống chắp tay và bạch đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Từ lâu con đã biết vị đại sĩ này có thần lực chẳng thể nghĩ bàn và sức mạnh của thệ nguyện lớn như vậy, song vì muốn cho chúng sanh đời sau biết rõ sự lợi ích, nên con mới thỉnh vấn đức Như Lai. Con xin cung kính lãnh thọ”.)

Đây là Bồ Tát thay chúng ta hỏi Thế Tôn, Thế Tôn dạy nhiều như vậy, phải đặt tựa đề kinh này là gì? Đến chỗ này hỏi tên kinh, tương lai lúc kết tập nên dùng tên gì? Giống như người thế gian làm văn vậy, từ xưa đến nay rất nhiều người viết văn, viết văn chương xong rồi đặt tựa đề, đây là một cách làm thông thường. Khi chúng ta còn là học trò, thầy giáo ra tựa đề cho chúng ta làm văn, chúng ta phải y theo tựa đề này mà làm, như vậy khá khó, đó là tập luyện. Thực sự viết văn là sau khi viết xong, xem lại nội dung rồi đặt tựa đề. Giống như chúng ta hiện nay mỗi buổi sáng, ăn cơm xong nói chuyện với mọi người, nói tùy tiện, các bạn thân âm rồi viết thành văn, sau đó coi nội dung và đặt một tựa đề làm cho người ta đọc đến tựa đề này liền biết nội dung của buổi nói chuyện ngày hôm đó. Đức Phật giảng kinh lúc ban đầu cũng chẳng đặt ra một tựa đề rồi mới nói, đều là ứng cơ thuyết pháp, khi kết tập mới đặt tựa đề. Nhưng kinh Phật phần nhiều đều là sau khi đại chúng nghe xong, hoặc nghe được phân nửa, có người đến thỉnh giáo, thỉnh Phật khai thị. Trong kinh chúng ta thấy những trường hợp này rất nhiều. Có khi không có người hỏi, đức Phật cũng chẳng nói, sau khi kết tập, người kết tập mới đặt ra một tựa đề. Nhưng trường hợp này rất ít, phần nhiều đều do đức Phật đặt tựa đề. Ở đây Phổ Quảng Bồ Tát hỏi đề kinh, tên kinh này thay chúng ta.

“Nhĩ thời” là lúc đức Thế Tôn dạy cho chúng ta về các sự tu hành, giáo huấn, các sự tích, công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Sau khi nói xong, Phổ Quảng Bồ Tát “hồ quy hiệp chưởng”. Quy lúc trước là lễ tiết long

trọng nhất, người Trung Quốc hành lễ quỳ lạy khác với người ngoại quốc, “*hồ quỳ*” là lễ tiết của ngoại quốc, chẳng phải lễ của Trung Quốc. Người Trung Quốc quỳ thì hai đầu gối đều chạm đất, thời cổ Ấn Độ thì gối bên phải chạm đất, chỉ quỳ trên một gối, chẳng giống như người Trung Quốc. Cách quỳ này có dụng ý, tiện cho thầy sai bảo, thầy có sai bảo gì, động tác lanh lẹ, [quỳ như vậy thì] đứng dậy thật nhanh, thật dễ, phục vụ cho thầy. Niệm niệm chẳng quên phụng sự sư trưởng, là ý nghĩa này, do đó đây là một thái độ rất cung kính. “*Hiệp chưởng*” tượng trưng nhất tâm, đều là tiêu biểu pháp. Mười đầu ngón tay tượng trưng tâm tán loạn của chúng ta, suy nghĩ lung tung, chấp tay tức là thu tóm tâm lại, hết thấy tất cả vọng niệm lúc này đều phải buông xuống, nhất tâm chuyên chú, chấp tay tiêu biểu cho ý nghĩa này. Hợp lại thành một, tiêu biểu ý nghĩa này, tiêu biểu cung kính. “*Bạch Phật ngôn*”, bạch là từ ngữ biểu thị cung kính, kẻ dưới thưa hỏi người trên. Từ ngôn ngữ của Ngài chúng ta biết Phổ Quảng cũng là Đẳng Giác Bồ Tát, chẳng phải là người thường, cũng là chư Phật Như Lai thị hiện, đúng như câu nói “*Một Phật ra đời, ngàn Phật ủng hộ*”. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đóng vai chánh trong tuồng hát, chư Phật Như Lai đóng vai phụ, cùng nhau đóng vở kịch này cho hay, hy vọng chúng sanh xem kịch xong có thể giác ngộ, thế nên Phật pháp đích thật là diễn tuồng [để giáo hóa chúng sanh].

Trong tay tôi còn có một kịch bản, đó là tuồng Mục Liên Cứu Mẹ, rất hợp với tháng bảy này. Bản này thực sự là bản kịch [có quy mô] to lớn, đáng tiếc là chẳng ai biểu diễn, có kịch bản nhưng không ai trình diễn. Thời xưa trong nhà Phật có rất nhiều kịch bản như vậy, chúng ta không lưu ý để sưu tập, nếu lưu ý sưu tập thì sẽ thấy rất nhiều. Hiện nay nếu có thể dùng phương pháp hiện đại để đóng kịch này, làm thành phim bộ, dùng phương pháp này để hoằng pháp lợi sanh, hiệu quả sẽ rất lớn. Nhà Phật thường nói phương tiện có nhiều cửa, chẳng câu nệ một hình thức nào cả. Nếu chúng ta thực sự có nhân tài, có tu dưỡng về văn học, có lòng ưa thích, hiểu âm nhạc, biết diễn kịch, chúng ta sẽ viết ra những kịch bản này tặng cho giới [nghệ sĩ] làm phim, cho họ trình diễn trên đài truyền hình, được vậy thì lợi ích hoằng pháp lợi sanh sẽ rất lớn. Hiệu quả sẽ thù thắng hơn chúng ta giảng kinh thuyết pháp trên giảng đài không biết gấp bao nhiêu lần, [do đó chúng ta] nên phát triển theo đường hướng này. Đạo diễn, diễn viên cho những tuồng này nên nghe giảng trước, sau khi hiểu rõ xong mới viết kịch bản, diễn kịch, dùng phương pháp như vậy mới được. Hiện đại hóa, bản địa hóa, ngày nay chúng ta nói bản địa

là nói về cả địa cầu, hiện nay phương tiện truyền thông phát triển, giao thông thuận tiện, địa cầu [đường như được thu] nhỏ lại, ngày nay nói bản địa chẳng gò bó tại một địa phương nào, cả thế giới đều là bản địa, nhất định phải hiện đại hóa thì mới thấu nhận được hiệu quả.

Do đó những Bồ Tát này đều là hóa thân của Như Lai, “*ngã cửu tri thị đại sĩ*”, “*thị đại sĩ*” tức là Địa Tạng Bồ Tát; tôi đã biết Ngài rất lâu rồi, rất rõ ràng. “*Hữu như thử bất khả tư nghị thần lực, cập đại thế nguyện lực*”, đây là như đức Phật Thích Ca đã nói phía trước, Phổ Quảng Bồ Tát đã biết trước từ lâu rồi, đâu có lý nào không biết? Tại sao Ngài phải hỏi? “*Vị vị lai chúng sanh, khiến tri lợi ích cố vấn Như Lai*”. Câu hỏi này của Ngài thật ra là Ngài đã biết rõ rồi nhưng cũng hỏi, đó là như đóng kịch vậy, đóng [theo lối] Song Hoàng¹⁴⁸ [nghĩa là] một người hỏi một người đáp. Chúng sanh chẳng biết; chẳng biết nhưng chúng sanh cũng chẳng hỏi, nhất định phải là người trong ngành mới biết hỏi. Đọc kinh này chúng ta phải bắt chước. Bất kỳ trường hợp nào, thời gian nào [nếu có cơ hội thì nên làm như vậy] rất đáng tiếc chúng ta đều là chúng sanh mê hoặc điên đảo, chẳng giác ngộ, chẳng biết phương pháp độ chúng sanh. Nói thật ra, cũng chẳng có nguyện vọng khẩn thiết độ chúng sanh cho nên vẫn còn là phàm phu trong sanh tử. Nếu bạn học được phương pháp này, bạn cũng có một hoằng nguyện, lúc nào cũng giúp đỡ chúng sanh, đem lại lợi ích cho chúng sanh, chẳng gián đoạn. Trong lúc tán bộ trò chuyện, có nhiều người ở xung quanh, chúng ta biết rõ nhưng cũng cứ hỏi, một người hỏi một người đáp để cho người ta nghe. Chúng ta ở những nơi công cộng, trong tiệm ăn dùng cơm, ở xung quanh đều có nhiều người, chưa từng có người hỏi: Thừa pháp sư, Phật nghĩa là gì? Bạn hiểu, tôi cũng hiểu, chúng ta một người hỏi, một người đáp, đóng kịch như vậy cho người ta nghe, cho những người chưa hiểu có dịp nghe. Khi chúng ta dùng cơm thì tiệm ăn đó liền biến thành đạo tràng, những người đến ăn cơm đều là thánh chúng, có mấy người biết làm như vậy?

Trong các chùa chiền ở Trung Quốc, các bạn đều trú trong tự viện, bạn coi mỗi ngày có bao nhiêu đoàn du lịch tới đó! Người hướng dẫn du lịch giới thiệu đạo tràng, lịch sử, văn vật cho những du khách này, chúng ta không biết cách nói xen vào trong đó sao. Một lần nọ ở chùa Ngọc

¹⁴⁸ Hoàng là cái lưỡi gà (reed), cái lẫy đồng trong những cây kèn Tàu (oboe, loại kèn này thường được gọi là tât lật 簫簰). Do vậy, Song Hoàng hiểu theo nghĩa hẹp là hai cây kèn thổi đôi, phối hợp thành hai bè với nhau. Từ đó, khi song tấu bất cứ nhạc khí hay diễn xuất theo lối xướng họa đều gọi là Song Hoàng.

Phật ở Thượng Hải, lúc tôi đi đến điện Thiên Vương, đúng lúc đó có hai đoàn khách du lịch vừa đến, tôi thấy họ đều là người ngoại quốc, có người phiên dịch cho họ. Tôi cũng kéo một vị tri khách của chùa Ngọc Phật đi kể bên, tôi giảng giải cho thầy ấy nghe ý nghĩa tiêu biểu pháp của Tứ Đại Thiên Vương nổi đó. Tôi nói chuyện với thầy ấy, cả hai đoàn du lịch đó đều im lặng, đều vây quanh để nghe, [đó là] cơ hội giáo dục, chúng ta giảng một bài học [ngắn] cho những khách du lịch ấy. Do đó nhất định phải hiểu cơ hội giáo dục, mọi nơi, mọi lúc chúng ta phải có tâm này, nguyện này. Cũng như Phổ Quảng Bồ Tát trong pháp hội Địa Tạng này vậy, một người hỏi, một người đáp, đâu phải là họ không biết? Họ đều biết, đã biết nhưng cứ hỏi, diễn tuồng biểu diễn cho người ta coi, làm cho họ thấy nghe xong có thể giác ngộ, có thể hiểu rõ. Do đó nên biết những chùa ở Đại Lục nếu có thể lợi dụng cơ hội giáo dục hướng dẫn cho chúng sanh trên toàn thế giới, khi họ đến đó du lịch thực sự sẽ đạt được lợi ích lúc ra về. Sau khi về họ sẽ tuyên dương những Phật pháp mà họ nghe được, hiểu được, giới thiệu cho bà con, bạn bè của họ. Sau khi những bạn bè, thân quyến này nghe xong lại đến Trung Quốc tham quan du lịch, đến [Trung Quốc] muốn học một ít. Họ đến đó du lịch phải tốn một số tiền, đó là học phí, họ sẽ học được một vài điều khi trở về, chúng ta chẳng phụ lòng họ, đây là một chuyện tốt.

Cho nên tôi chẳng có ở Trung Quốc thì không có cách chi, nếu tôi ở Trung Quốc thì nhất định sẽ đề nghị Hiệp Hội Phật Giáo Trung Quốc nên triệu tập những người xuất gia lại học một lớp huấn luyện, chỉ cho họ [biết về việc] cơ hội giáo dục, làm cho mỗi người ai nấy đều biết. Không cần nhiều, chỉ cần hiểu rõ những sự việc có tiêu biểu pháp, mỗi ngày giảng giải cho những đoàn thể du lịch, làm cho những người ngoại quốc đi du lịch đến Trung Quốc biết được không những lịch sử Trung Quốc lâu đời, trình độ nghệ thuật hy hữu trên thế giới, học thuật Trung Quốc tinh túy, sâu sắc làm cho họ khâm phục, đây là tuyên dương văn hóa cổ hữu, tuyên dương Phật pháp Đại Thừa. [Hiện nay] Phật pháp đích thật ở tại Trung Quốc chứ chẳng tồn tại ở Ấn Độ nữa, Ấn Độ chẳng còn nữa. Phật pháp cũng di dân, dời đến Trung Quốc, thế nên nếu cả thế giới muốn học Phật thì nhất định phải đến Trung Quốc. Chúng tôi đọc đoạn kinh văn này rất cảm khái, nhất định phải biết mình nên làm như thế nào để đem lại lợi ích cho chúng sanh. Đây chẳng phải là tạo thêm phiền phức, cho nên đừng sợ lão pháp sư quá cực nhọc, lão pháp sư quá mệt, chẳng sợ những chuyện này. Làm sao có thể đem lại lợi ích cho chúng sanh, đã biết nhưng phải hỏi. “*Cố vấn Như Lai duy nhiên đĩnh thọ*”, duy

nhiên đỉnh thọ bốn chữ này vô cùng cung kính, bao gồm ý nghĩa “*quyết định y giáo phụng hành*” ở trong ấy. Sau đó Ngài chánh thức hỏi:

Thế Tôn, đương hà danh thử kinh, sử ngã vân hà lưu bố?

世尊。當何名此經。使我云何流布。

(Bạch Thế Tôn, kinh này đặt tên là gì và con nên lưu bố như thế nào?)

Những lời Ngài giảng nên đặt tựa đề là gì để cho chúng con lưu thông rộng khắp, giới thiệu pháp môn này cho hết thấy chúng sanh, tiến cử cho hết thấy chúng sanh, ý nghĩa của chữ “*lưu bố*” là lưu thông, tuyên bố. Có rất nhiều cách thức để lưu bố, vô lượng vô biên, tuyệt đối chẳng phải chỉ có một cách. Chúng ta phải xem xét hoàn cảnh, hình thức, làm cách nào để có lợi ích nhiều nhất, chúng ta dùng phương pháp đó để làm. Chúng ta giảng kinh trong giảng đường, giảng đường rất nhỏ, thính chúng chẳng nhiều, làm thế nào khuếch trương hiệu quả của việc giảng kinh, đương nhiên lý tưởng nhất là dùng máy truyền hình, duyên của truyền hình chưa chín muồi, chẳng có quan hệ này. Đặc biệt là đài truyền hình, do chánh sách quốc gia hạn chế, [chúng ta] chưa đủ duyên. Chúng ta cũng chẳng có tài lực nên làm không nổi. Làm không được thì phải làm sao? Mỗi lần chúng ta giảng kinh, lưu lại băng thâu âm, chúng ta có thể làm việc này. Những đạo tràng và đồng tu quen biết nhưng chẳng có duyên trực tiếp đến nghe, chúng ta có thể làm thành nhiều băng tặng cho họ. Trong Phật pháp, đây là bố thí cúng dường, tuyệt đối chẳng có mua bán, thế nên những kinh sách, băng thâu âm, băng thâu hình, CD chúng tôi in và làm ra, từ trước đến giờ chưa từng đem bán, chỉ biếu tặng mà thôi. Hai năm gần đây nhân duyên dần dần chín muồi, sau khi đài số bốn ở Đài Loan mở ra, có rất nhiều người hỏi tôi xin băng thâu hình. Có người muốn xin thì đó là chuyện tốt, chúng tôi rất hoan hỷ, chúng tôi cung cấp [băng thâu hình] cho họ chiếu lên truyền hình.

Thế nên hiện nay Đài Loan mỗi ngày hầu như có ba, bốn giờ phát hình những băng thâu hình [giảng kinh] này. Ở Mỹ mỗi ngày có một giờ đồng hồ, gần đây đài truyền hình Hawaii cũng bắt đầu cho truyền hình, mỗi tuần hai lần, hình như mỗi tuần hai giờ đồng hồ. Phong khí dần dần mở ra, băng thâu hình của chúng ta có dịp được truyền hình. Chỉ cần họ xin chúng ta, chúng ta lưu giữ rất nhiều [băng thâu hình, thâu âm], tôi tin tưởng hai, ba năm họ cũng dùng không hết. Chúng ta lưu giữ nhiều băng như vậy, cho nên chúng ta phải sớm tìm cách lợi dụng phương pháp

khoa học kỹ thuật. Hiện nay mạng lưới điện toán phát triển, đối với chúng ta đây cũng là phương pháp tốt nhất để lưu thông rộng rãi, rất nhiều tài liệu này đều có trên mạng lưới điện toán. Chúng ta coi khuynh hướng của khoa học kỹ thuật, trong sự tưởng tượng của tôi thì mười năm sau là thời đại điện não (máy vi tính, computer), có thể những máy truyền hình này cũng sẽ bị đào thải hết, mỗi người mang một máy điện não nhỏ, cỡ bằng cuốn sách. Mười năm sau máy điện não có thể biến thành một hộp rất nhỏ, có thể bỏ vô túi, càng làm càng tiến bộ. Mỗi người mở máy điện não ra, bất cứ lúc nào cũng có thể xem chỉ cần có thời giờ rảnh rỗi, khi bạn muốn nghe kinh thì bạn liền có thể mở xem, rất thuận tiện!

Cho nên tương lai hoằng pháp lợi sanh trên toàn thế giới cần phải có một chỗ bao lớn? Chỗ này của chúng ta hiện nay đủ rồi, chỗ nhỏ thì ít việc, phí tổn ít chẳng cần phải cầu cạnh người ta, hết thấy những tài lực này đều dồn vào việc hoằng pháp, giúp đỡ những chúng sanh đang chịu khổ nạn. Chúng ta đủ ăn đủ mặc thì vui rồi, rất thoải mái, có bạn đạo có cùng chí hướng, có bảy tám người là đủ rồi, không nên có quá nhiều người. Chúng ta chuyên chí công phu trên Đại Thừa, mỗi ngày luyện tập trên giảng đài, lợi dụng phương pháp khoa học kỹ thuật truyền bá rộng khắp thế giới, chúng ta dùng phương pháp này để lưu thông rộng rãi, định tâm ở một chỗ để chuyên làm công việc này. Chúng ta cũng không cần treo một chiêu bài gì cả, đó là hình thức, không quan trọng lắm, quan trọng ở thực chất. Thực sự có vài người có cùng chí hướng sinh hoạt chung với nhau, học tập chung, làm việc chung với nhau, hy vọng làm sự nghiệp của Như Lai cho hoàn hảo, đời này sẽ rất sung mãn, rất có giá trị, rất có ý nghĩa.

Từ mấy chục năm học Phật đến nay tôi có nguyện vọng như trên, hy vọng có vài bạn đồng tu thực sự chí đồng đạo hợp, chúng ta cùng nhau làm sự nghiệp này. Rất khó tìm được người có đồng tâm, đồng nguyện, người xưa có nói: Ba người đồng tâm, sức bèn nhọn ấy có thể cắt đứt vàng¹⁴⁹, đó là một cách tỷ dụ, sức bèn nhọn ấy có thể cắt đứt sắt thép, có sức mạnh lớn như vậy. [Hiện nay] chẳng tìm được người đồng tâm, tại sao chẳng tìm thấy? Mọi người quá coi trọng danh lợi, vậy thì chẳng có cách chi cả. Nếu có thể xả bỏ rốt ráo các thứ tiếng tăm, lợi dưỡng, thị phi nhân ngã, chỉ có một niệm: Hoằng dương Phật pháp, lợi ích chúng sanh, người như vậy rất khó gặp, quá khó! Tôi tin tưởng sâu

¹⁴⁹ Tam nhân đồng tâm, kỳ lợi đoạn kim.

xa nếu có năm người [đồng tâm] thì có thể làm cho Phật pháp hưng vượng trở lại, chẳng khác gì với thời đại đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Năm xưa đức Thế Tôn tại vườn Lộc Dã cùng với năm tỳ-kheo có thể hưng khởi [Phật pháp], ngày nay nếu có năm vị tỳ-kheo thì nhất định có thể làm cho Phật pháp hưng vượng trở lại. Năm người này thực sự có đạo tâm, có thể chuyển đổi quan niệm, ngôn hạnh trở lại, cùng tâm, cùng nguyện, cùng giải, cùng hạnh với Phật thì sự nghiệp này mới làm được viên mãn. Xin xem tiếp kinh văn:

Phật cáo Phổ Quảng: “Thử kinh hữu tam danh, nhất danh Địa Tạng Bốn Nguyên, diệt danh Địa Tạng Bốn Hạnh, diệt danh Địa Tạng Bốn Thệ Lực Kinh.

佛告普廣。此經有三名。一名地藏本願。亦名地藏本行。亦名地藏本誓力經。

(Đức Phật bảo Ngài Phổ Quảng: “Kinh này có ba danh hiệu: Một là Địa Tạng Bốn Nguyên, cũng gọi là Địa Tạng Bốn Hạnh, cũng gọi là Địa Tạng Bốn Thệ Lực Kinh.)

Ngài Phổ Quảng hỏi tên kinh, đức Thế Tôn nói ra ba tên, ngày nay chúng ta thấy tên kinh này là một trong ba tên nói trên. Đây là lúc trước đại sư dịch kinh, lựa một tên trong ba tên do đức Thế Tôn đặt ra, chọn Địa Tạng Bốn Nguyên, cho nên kinh này gọi là Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh. Nguyên nhất định phải có Hạnh, hết thấy bốn hạnh bao gồm trong bốn nguyện. Hạnh nhất định có Thệ Lực. Thệ mọi người đều biết, thệ nguyện của Địa Tạng Bồ Tát rộng lớn, sâu xa, thực sự xả mình vì người. Ngày nay chúng ta gọi là hy sinh, phụng sự, hiến dâng, xả mình vì người, Địa Tạng Bồ Tát là mô phạm hạng nhất, “*Địa ngục chẳng không, thế chẳng thành Phật, độ tận chúng sanh mới thành Phật đạo*”. Chúng ta hỏi: Địa Tạng Bồ Tát có nguyện lớn như vậy, đáng được hết thấy chư Phật Như Lai tán thán, hết thấy chúng sanh kính ngưỡng, Quán Âm Bồ Tát có nguyện này không? Văn Thù Bồ Tát có nguyện này không? Phổ Quảng Bồ Tát trong kinh này có nguyện như vậy không? Từ nguyện này mà nói thì đều được gọi là Địa Tạng Bồ Tát, Phổ Quảng cũng được gọi là Địa Tạng Bồ Tát, Quán Âm cũng gọi là Địa Tạng Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền cũng gọi là Địa Tạng Bồ Tát, nói từ nguyện này. Nếu xét về đại từ đại bi thì Địa Tạng Bồ Tát cũng gọi là Quán Âm Bồ Tát, hết thấy đều gọi là Quán Âm Bồ Tát. Muôn vàn xin đừng coi một vị

Bồ Tát thành một người, nghĩ cứng ngắc như vậy thì bạn sai rồi! Tất cả hết thấy Bồ Tát đều là tiêu biểu pháp.

Cho nên bạn thành tựu cái gì? Tập hợp hết thấy thành tựu to lớn của Bồ Tát, hết thấy Bồ Tát tức là tôi, một người, như vậy mới đúng, tận hư không trọn khắp pháp giới là chính mình. Từ chuyện chúng ta hiểu thân tôn sư, từ nguyện hạnh này, tức là Địa Tạng Bồ Tát; xét về từ bi cứu đời thì bạn chính là Quán Thế Âm Bồ Tát; xét về cách dùng lý trí chẳng dùng cảm tình thì bạn chính là Văn Thù Bồ Tát; nói được làm được, lời nói và hành động đi đôi, đó chính là Phổ Hiền Bồ Tát. Tất cả hết thấy Bồ Tát là một người, chẳng phải rất nhiều người, phải hiểu đạo lý này. Ngày nay chúng ta học Phật, học đến già cũng chẳng thể bước vào ngưỡng cửa (nhập môn), vậy là sai ở chỗ nào? Sai ở chỗ chúng ta phân chia các Bồ Tát riêng rẽ ra, vị này chẳng phải là vị kia, vị kia chẳng phải vị này, vậy thì hỏng rồi! Thế nên bạn chẳng thể bước vào cửa. Khi bạn thực sự hiểu được, hết thấy chư Phật là một vị Phật, hết thấy Bồ Tát là một vị Bồ Tát, kinh Hoa Nghiêm cũng nói với chúng ta “*Một tức là nhiều, nhiều tức là một, một và nhiều chẳng phải hai*”¹⁵⁰, đều là nói rõ về đạo lý này, đều nói về sự thật này, làm sao có thể chia ra được? Vừa chia ra thì rơi vào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; nếu chẳng đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì bạn chẳng thể bước vào cửa. Nói thật ra, bạn coi kinh cũng không hiểu thì bạn làm sao đạt được sự lợi ích thù thắng của kinh giáo? Đây là nói về bốn thế nguyện của Địa Tạng Bồ Tát, từ thế nguyện sanh ra sức mạnh. Chữ lực (sức mạnh) này, ngày nay chúng ta gọi là động lực, dũng mãnh tinh tấn, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển. Sức mạnh gì đang thúc đẩy họ? Ngày nay chúng ta thấy người thế gian liều mạng đi làm việc, sức mạnh gì thúc đẩy họ làm việc? Chính là danh lợi. Nếu họ chẳng đạt được danh, chẳng đạt được lợi thì họ sẽ giải đãi, cái gì cũng chẳng muốn làm.

Báo hôm qua có đăng một bài luận ngắn, tôi coi xong cảm thấy rất thú vị. Nói về Tịch Cốc (Silicon Valley), tiểu bang California, đó là chỗ tôi ở hồi đó, tôi trú ở Nam Loan, nói về địa phương ấy. Chỗ đó có rất nhiều khoa học gia, hơn phân nửa đều làm trong ngành điện não, điện tử. Tôi giảng kinh ở Cựu Kim Sơn (San Francisco), những người này đều đến nghe, trong đó rất nhiều người có học vị Tiến Sĩ. Tôi nhớ lần đầu tiên tôi giảng kinh ở Cựu Kim Sơn, thỉnh chúng có khoảng tám mươi mấy người, hai phần ba có học vị Tiến Sĩ, có một đồng tu nói với tôi:

¹⁵⁰ Nhất tức thị đa, đa tức thị nhất, nhất đa bất nhị.

Pháp sư lại đây mở lớp Tiên Sĩ, những người này làm việc rất nỗ lực, mỗi ngày làm việc mười mấy giờ đồng hồ, vì cái gì? Kiếm tiền. Kiếm tiền xong chẳng có chỗ xài, không biết làm sao xài tiền, thật là như vậy. Liều mạng nỗ lực kiếm tiền, là vì chuyện này nên họ mới làm việc [siêng năng] như vậy. Nếu không kiếm được tiền, chẳng có lợi ích thì họ nhất định sẽ không làm nữa.

Động lực người thế gian, động lực lao động làm việc là vì danh lợi, trong Phật pháp thì xả bỏ hết danh lợi, động lực gì thúc đẩy họ? Bốn thế, lời thệ nguyện của họ thúc đẩy, tứ hoằng thệ nguyện. Tứ hoằng thệ nguyện thật ra tức là nguyện thứ nhất “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, nguyện lực này thúc đẩy họ. Nếu họ thực sự có nguyện này thì nhất định phải đoạn phiền não, nhất định phải học pháp môn, nhất định phải thành Phật đạo. Tại sao vậy? Họ không đoạn phiền não, không học pháp môn thì không có khả năng độ chúng sanh. Từ đây có thể biết do nguyện lực này thành tựu cho họ. Sau khi chính họ thành tựu, họ mới có thể thực hiện nguyện lực, mới có thể phổ độ chúng sanh. Cho nên chư Phật đã thành Phật, sau khi thành Phật, quyết định không trụ trên ngôi vị Phật, lui về ngôi vị Bồ Tát, hành Bồ Tát đạo. Bồ Tát là địa vị của học sinh, Phật là địa vị của thầy giáo, vì ở trên địa vị của thầy giáo thì phiền phức. Phật đạo là sư đạo, đề xướng tôn sư trọng đạo, chỉ có học sinh đến cầu thầy giáo, thầy giáo không thể tùy ý dạy học sinh, nếu thầy giáo tùy tiện dạy học sinh thì học sinh sẽ chẳng tôn kính thầy giáo. Trong sư đạo chỉ có nghe nói việc đến học chứ không có việc đi dạy, thời xưa ở Trung Quốc và Ấn Độ đều như vậy. Còn việc cầu học, bạn tới cầu học, chẳng có việc thầy giáo đến nhà bạn dạy bạn, chẳng có đạo lý này. Ai có thể đến nhà bạn dạy bạn? Bồ Tát. Bồ Tát là bạn đồng học, đồng học thì sẽ chẳng tôn nghiêm, đồng học có thể tùy tiện. Cho nên trong kinh nói “*làm người bạn không mời mà đến*”, bạn không đến kiếm tôi, tôi có thể đi kiếm bạn, đó là Bồ Tát, Bồ Tát thì tiện lợi hơn. Quan hệ chúng ta là quan hệ bạn học, chúng ta không phải là quan hệ thầy trò, bạn phải biết. Đức Phật Thích Ca biểu diễn làm một người thầy giáo, có rất nhiều chư Phật Như Lai biểu diễn làm bạn đồng học, thị hiện thân phận Bồ Tát, đến làm bạn đồng học với chúng ta, đến giúp đỡ chúng ta.

Nói thật ra những người này đã thành Phật từ lâu rồi, họ thực sự từ bi, giúp đức Phật giáo hóa chúng sanh, vì không phải là người trong ngành chẳng giúp được, chẳng thể quán sát căn cơ, không phải là người trong ngành thì chẳng thể nêu câu hỏi, chẳng thể hỏi. Do đó tôi thường nói, học Phật tức là diễn kịch, biểu diễn, kinh điển chính là kịch bản.

Bạn coi chư Phật, Bồ Tát ở đó biểu diễn hoạt bát đường nào. Đặc biệt là trong kinh Hoa Nghiêm, bạn thấy có bao nhiêu người trong pháp hội ấy! Nếu tính số đoàn thể tham dự từ đầu kinh đến cuối kinh, không thể tính số người, tổng cộng có hai trăm hai mươi tám loại đoàn thể tham dự, có nhiều như vậy. Chúng ta nói từ những đoàn thể này, số người trong mỗi đoàn thể là vô lượng vô biên, làm cho chúng ta lập tức thấu hiểu đến tận hư không, trọn khắp pháp giới chính là một sân khấu to lớn, nên số người mới vô lượng vô biên. Những người nào làm đạo diễn? Những người nào làm diễn viên? Đều là chư Phật Như Lai. Chúng ta thấy được trong kinh, các thân phận khác nhau toàn là chư Phật Như Lai biến hiện thành, nên dùng thân gì độ được bèn hiện thân ấy, tùy loại hóa thân, tùy cơ thuyết pháp.

Chúng ta phải học được những bản lĩnh này từ kinh điển, phải xây dựng lý tưởng, quan niệm như thế nào, chúng ta cũng tham dự pháp hội này vậy. Pháp hội này là pháp hội Hoa Nghiêm, pháp hội Hoa Nghiêm luôn luôn tồn tại, chẳng gián đoạn, cho nên trong kinh nói “*trần thuyết sát thuyết, vô gián thuyết*”, chẳng có gián đoạn. Pháp hội Hoa Nghiêm là pháp hội chung, các pháp hội khác là pháp hội nhỏ, trong pháp hội lớn chia thành các pháp hội nhỏ, Hoa Nghiêm là tổng hội. Có thể thấu hiểu được ý nghĩa này, khế nhập cảnh giới này thì chúng ta sẽ vào pháp hội Hoa Nghiêm. Hôm thứ bảy chúng ta gặp một đoạn kinh văn vừa đúng lúc giảng đến Hoa Nghiêm Tam Muội, ít nhiều thì cũng báo cáo với chư vị một chút. Sau khi hiểu rõ, đích thật thay đổi quan niệm của chúng ta, đời sống của chúng ta cũng thay đổi theo, chuyển biến nghiệp lực của chúng ta thành nguyện lực, đây là học Phật chân chánh đạt được lợi ích. Tiên sinh Phương Đông Mỹ gọi là “*sự hưởng thụ cao nhất của đời người*”, nếu bạn chuyển không được thì bạn đạt không được, sau khi chuyển được thì đó là sự hưởng thụ cao nhất của đời người. Đây là nói đến Địa Tạng Bồ Tát Thệ Lực Kinh. Đoạn kinh tiếp theo còn hai hàng, chúng ta đọc tiếp:

Duyên thử Bồ Tát cứu viễn kiếp lai, phát đại trọng nguyện lợi ích chúng sanh, thị cố như đẳng y nguyện lưu bố.

緣此菩薩久遠劫來。發大重願利益眾生。是故汝等依願流布。

(Do vì Bồ Tát này từ thuở kiếp lâu xa đến nay từng phát đại trọng nguyện làm lợi ích cho chúng sanh, cho nên các ông phải y theo tâm nguyện mà lưu bố”.)

Đây là lời Thê Tôn phó chúc. “*Duyên thử Bồ Tát*”, duyên là duyên phận này, thử Bồ Tát là Địa Tạng Bồ Tát. “*Cửu viễn kiếp lai, phát đại trọng nguyện*”, chữ trọng có hai cách đọc, đọc là trọng cũng được, đọc là trùng cũng được. Trọng nghĩa là nguyện của Ngài rất nặng, trùng nghĩa là lập lại, mỗi đời đều phát, do đó nói có hai âm, hai ý nghĩa đều đầy đủ; bạn đọc là trọng cũng không sai, cũng đúng, nó có hai ý nghĩa ở trong ấy, nguyện vọng của Ngài hoàn toàn là lợi ích chúng sanh. Ở đây chúng ta nhất định phải hiểu rõ, đây là bốn nguyện của Bồ Tát; nói cách khác, cũng là căn bản lớn lao của sự học Phật của chúng ta. Do đó Phật pháp Đại Thừa bắt đầu tu từ đâu? Nhất định phải bắt đầu tu từ Địa Tạng Bồ Tát, nếu bạn chẳng có tâm nguyện của Địa Tạng, bạn dứt khoát không phải người Đại Thừa. Trong pháp Đại Thừa bất luận là tu học pháp môn nào cũng đều dùng chỗ này làm cơ sở, tức là nhất định phải phổ độ chúng sanh, thực sự là chúng sanh chưa được độ thì tự mình không thể thành Phật. Bây giờ không thể thành Phật là không ở ngôi vị Phật, Địa Tạng Bồ Tát thực sự đã thành Phật từ kiếp lâu xa, học trò của Ngài đều đã thành Phật, làm sao Ngài chưa thành Phật được! Không trụ ở ngôi vị Phật nghĩa là nói không dùng thân phận của thầy giáo xuất hiện ở thế gian, vĩnh viễn dùng thân phận bạn đồng học để giúp đỡ hết thầy chúng sanh, là ý nghĩa như vậy. Không làm thầy, làm bạn đồng học của hết thầy chúng sanh, là học trưởng của mọi người, dùng thân phận học trưởng xuất hiện, không dùng thân phận thầy, ý nghĩa chân chánh là như vậy. Dù tu cách làm thầy, không dùng thân phận thầy, chúng ta nhất định phải học theo. Tức là chủ động giúp đỡ hết thầy chúng sanh, giúp mọi người phá mê khai ngộ, lia khổ được vui.

Phổ Quảng văn dĩ, hiệp chưởng cung kính tác lễ nhi thoái.

普廣聞已。合掌恭敬作禮而退。

(Ngài Phổ Quảng nghe xong liền cung kính chấp tay làm lễ mà lui ra.)

“*Nhi thoái*”, thoái nhất định là phải làm theo, không phải thoái lui ra thì xong, sau khi thoái lui nhất định phải y giáo phụng hành, phải hết lòng mà làm. Được rồi, [hôm nay] giới thiệu phẩm này tới đây là hết.

**Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh
Giảng Ký
(Quyển Thượng)**

MỤC LỤC

Đôi Lời Bày Tỏ.....	003
A. Duyên Khởi.....	005
TẬP 01	005
B. Giới Thiệu Đề Kinh.....	008
a. Biệt Đề.....	008
TẬP 02	025
b. Thông Đề.....	038
c. Nhân Đề.....	041
C. Phần Tựa.....	044
Phẩm Nhất: Thần thông Trên Cung Trời Đao Lợi.....	044
TẬP 03	045
Chứng Tín Tự.....	054
Phát Khởi Tự.....	055
TẬP 04	067
TẬP 05	090
TẬP 06	115
TẬP 07	143
D. Chánh Tông.....	167
Phẩm Nhì: Phân Thân Tập Hội.....	167
TẬP 08	174
Phẩm Ba: Quán Nghiệp Duyên Chúng Sanh.....	188
TẬP 09	201
TẬP 10	228
Phẩm Tư: Nghiệp Cảm Của Chúng Sanh ở Cõi Diêm Phù.....	228
TẬP 11	252
TẬP 12	282
TẬP 13	308
TẬP 14	335
TẬP 15	362
Phẩm Năm: Danh Hiệu Của Địa Ngục	362
TẬP 16	385
TẬP 17	406
TẬP 18	431
Phẩm Sáu: Như Lai Tán Thán.....	431
TẬP 19	452

TẬP 20..... 473
TẬP 21..... 497
TẬP 22..... 510
TẬP 23..... 534
TẬP 24..... 558
TẬP 25..... 584
Mục Lục..... 609